庄子論譯

南懷瑾 著述



Trang Tử Nam Hoa Kinh

庄子諵譁

Nam Hoài Cẩn (南懷瑾)

Kinh Dịch Tâm (kinhdichtam.com) — Thư viện kinh điển Đông phương

Lời giới thiệu

《庄子諵譁》 (*Trang Tử Nam Hoa*) là tác phẩm trong đó Nam Hoài Cẩn giảng giải bảy thiên Nội thiên quan trọng nhất của *Trang Tử*, gồm *Tiêu Dao Du, Tề Vật Luận, Dưỡng Sinh Chủ, Nhân Gian Thế, Đức Sung Phù, Đại Tông Sư* và *Ứng Đế Vương*.

Từ những câu chuyện tưởng như kỳ lạ và những nghịch lý đầy chất Trang Tử, Nam Hoài Cẩn khai mở những vấn đề rất gần với đời sống: tự do của con người, được và mất, tiến và lui, sinh và tử, cách ứng xử giữa người với người và cách giữ mình giữa những biến động của thế gian.

Không chỉ giải thích văn nghĩa, ông còn liên hệ tư tưởng Trang Tử với Nho gia, Phật giáo, Đạo gia, lịch sử và kinh nghiệm tu dưỡng. Vì vậy, cuốn sách không đơn thuần là một bản chú giải *Trang Tử*, mà giống như một cuộc trò chuyện rộng mở về **cách sống, cách nhìn người và cách nhìn chính mình**.

Nếu *Lão Tử Tha Thuyết* giúp người đọc hiểu sâu hơn về sự thuận theo, vô vi và quy luật tự nhiên, thì *Trang Tử Nam Hoa Kinh* đưa những tư tưởng ấy đi xa hơn vào thế giới của **tiêu dao, tự tại và giải phóng nội tâm**.

Vài nét về tác giả

Nam Hoài Cẩn (南懷瑾, 1918–2012) là học giả và nhà giảng giải văn hóa truyền thống Trung Hoa, nổi tiếng với việc kết nối tư tưởng Nho gia, Phật giáo và Đạo gia.

Ông là tác giả của nhiều tác phẩm về triết học và văn hóa phương Đông, trong đó có *Lão Tử Tha Thuyết*, *Luận Ngữ Biệt Tài*, *Kinh Dịch Tạp Thuyết*, *Kim Cang Kinh Thuyết Thập Ma* và *Như Hà Tu Chứng Phật Pháp*.

Phong cách của Nam Hoài Cẩn nổi bật ở lối giảng gần gũi, giàu điển tích và liên hệ rộng. Ông thường bắt đầu từ một câu trong kinh điển rồi mở rộng sang lịch sử, triết học và đời sống, khiến những tư tưởng cổ xưa trở nên dễ tiếp cận hơn với người đọc hiện đại.

Với *Trang Tử Nam Hoa Kinh*, cách giảng ấy đặc biệt phù hợp với Trang Tử — một tác phẩm vốn đầy những câu chuyện nghịch lý, hình ảnh kỳ thú và những câu hỏi về tự do, sinh tử và giới hạn của nhận thức.

Đọc Trang Tử qua Nam Hoài Cẩn vì thế không chỉ là tìm hiểu một triết gia hơn hai nghìn năm trước, mà còn là một dịp nhìn lại chính mình: ta đang bị điều gì trói buộc, đang tranh chấp điều gì, và liệu ta đã thực sự tự tại hay chưa.

Về bản dịch

Tài liệu này được dịch sang tiếng Việt bởi AI, sử dụng Claude Sonnet 5, Cursor Grok 4.6, GLM-5.3, GLM-5.3-Flash và Muse Spark 1.2. Tuy đã được hiệu đính bằng tay (human), nhưng không tránh khỏi sơ suất và thiếu sót, mong bạn đọc thông cảm.

Mục lục

庄子諵譁 — Nam Hoài Cẩn (南懷瑾)

Mở đầu

1. Lời biên tập
2. Lời nhà xuất bản
3. Khai trường bạch
    - Tranh biện vì người hay vì mình
    - Ôn nhu đôn hậu và thanh thoát nhẹ nhàng
    - Những con người ung dung thanh thoát
    - Sức ảnh hưởng của Ngoại thiên, Tạp thiên

Nội thiên (7/7 thiên)

1. Thiên 1: Tiêu Dao Du (逍遙遊)
    - Đời Tiêu Dao giải thoát
    - Kiến giải và ví von
    - Vật hóa, bị hóa, tự hóa
    - Đại Vũ trị thủy
    - Cá ở biển bắc
    - Gắng sức mà bay
    - Ghi chép thần kỳ quái dị
    - Chuyến bay tháng sáu
    - Sức mạnh của sinh mệnh
    - Trời xanh đến đâu, xa đến đâu
    - Tấm lòng rộng như biển cả
    - Gió lớn bay cao
    - Chim bằng lớn và chim nhỏ
    - Hành trình có chuẩn bị
    - Dài ngắn của sinh mệnh
    - Ao trời nơi biển bắc
    - Lớn và nhỏ
    - Chim bằng bay muôn dặm
    - Ngươi là thứ vật liệu gì
    - Kẻ tự nhìn nhận mình rất cao
    - Bậc cao nhân vượt khung
    - Loại người thứ năm
    - Trần Đoàn lão tổ
    - Loại người thứ sáu
    - Loại người thứ bảy
    - Chí nhân, Thần nhân, Thánh nhân
    - Câu chuyện ẩn sĩ
    - Nắng và mưa đúng mùa
    - Cảnh giới lớn, cảnh giới nhỏ
    - Giải thoát thế tục và giải thoát xuất thế
    - Thần tiên núi Miểu Cô Dạ
    - Sự điếc mù của tri thức

Tâm chuyển vật và thiền định
Thánh nhân và đế vương
Quả bầu lớn và bí phương gia truyền
Thuyền bầu
Cây lớn và con chồn hoang
Xứ sở không có gì cả
Tiêu dao chân chính

2. Thiên 2: Tề Vật Luận (齊物論)

Nam Quách và Nhan Thành
Vừa chạm đã đổi khác
Quên mình và tề vật
Hơi thở của địa cầu
Trải nghiệm của Kỷ Hiểu Lam
Gió nương cái khác mà dấy lên
Tiếng động rọn người
Linh phong, Phiêu phong, Lệ phong
Nhân lại, Địa lại, Thiên lại
Thổi ra muôn vẻ khác nhau
Chẳng phải chủ tể, chẳng phải tự nhiên
Thần, Khí, Trí Tuệ
Nỗi hoảng sợ của kiếp người đáng thương
Tâm thái và tình thái
Sinh mệnh tồn tại và dòng ý thức trôi chảy
Chủ tể là ai?
Mê ngộ bất nhị
Ai phải ai trái
Phải trái chân thật
Ngôn ngữ là gì
Đạo và ngôn ngữ
Đạo bị che khuất
Phải trái đúng sai
Sinh tử tử sinh
Thánh nhân thế nào, thế nào đắc đạo
Trời đất muôn vật một con ngựa
Cùng về một rốt ráo
Trí tuệ cao trong vẻ bình thường
Chiều bốn sáng ba chẳng quen
Người biết điều hòa
Trước và sau khi vũ trụ vạn hữu bắt đầu
Âm nhạc và đạo
Chuyên tâm thực chứng
Cảnh giới thánh nhân theo đuổi
Thái cực · vô cực · thái thái cực
Lớn nhỏ thọ yểu làm một
Sau số ba là gì
Đạo khả đạo, phi thường đạo
Xuân thu của Khổng Tử
Nhân nghĩa đạo đức là gì?
Kho tàng của đạo
Đạo nhân luân
Luận biện của Trang Tử
Cảnh giới chí nhân

Cầu đạo và thành đạo
Luận tâm vật nhất nguyên
Chữ viết và lời nói
Quy về đâu
Mộng và giác
Điếu quỷ · cơ phong
Ai là người công bình
Chủ tể sinh mệnh
Mộng hồ điệp
Tóm lược thiên Tề Vật Luận

3. Thiên 3: Dưỡng Sinh Chủ (養生主)

Biết ít, phiền ít
Viên Tử Tài và Trịnh Ban Kiều
Chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành
Thông Đốc Mạch
Ba cửa ải của Đốc Mạch
Vừa muốn danh lợi, vừa muốn thành tiên
Kỹ nghệ mổ trâu
Bào Đinh thuyết pháp
Mấu chốt và nhánh phụ của đời người
Người cẩn trọng
Sinh mệnh độc lập tự chủ
Cao quý ắt có lúc sa xuống
Ngọn lửa truyền vô tận

4. Thiên 4: Nhân Gian Thế (人間世)

Nhan Hồi muốn làm thầy của bậc vua
Nhan Hồi như phật đất qua sông
Nghề nghiệp và sự nghiệp
Đạo là đạo, đức là đức
Đạo đức tràn lan
Kẻ chẳng thông nhân tình thế sự
Những kẻ ghen ghét chung quanh
Người tốt khờ dại, kẻ xấu thông minh
Tu dưỡng của Nhan Hồi
Ngoài tròn trong vuông
Học người xưa có được không?
Đạo vua, đạo tôi, đạo thầy
Trai tâm là gì
Tám cơn gió thổi chẳng lay động
Tự lừa mình, lừa người, bị người lừa
Tu dưỡng nội thánh
Nỗi khổ của sứ thần
Tống Chân Tông và Khấu Chuẩn
Cảnh giới của Quách Tử Nghi
Hai việc lớn của thiên hạ
Trung với hiếu
Triết học ngoại giao chính trị
Dương mưu âm mưu
Họa từ miệng lưỡi mà ra
Có lòng lành, chẳng khắc khổ
Chẳng chuyển cơn giận, chẳng hai lần lỗi
Thầy của thái tử

Cảnh giới của Phùng Đạo
Giáo dục bậc lãnh tụ thế nào
Con bọ ngựa chẳng tự lượng sức
Tính hổ, tính ngựa, tính người
Cây lớn nước Tề
Thần cây thuyết pháp
Câu chuyện Hàn Phi Tử kể
Kỳ tài dị năng
Tốt chính là chẳng tốt
Chẳng lành chính là đại lành
Hành trình nước Sở của Khổng Tử
Tóm lược Nhân Gian Thế

5. Thiên 5: Đức Sung Phù (德充符)

Vương Đài là người thế nào
Núi chẳng phải núi, nước chẳng phải nước
Biết dừng rồi mới định
Có đầu có cuối
Người có đạo sống thế nào
Có tự cho mình là đúng chăng?
Kẻ an nhiên nhận lấy mệnh
Vẻ đẹp chú giải của Quách Tượng
Người đạo đức sung mãn
Kẻ thuyết giáo với Khổng Tử
Lão Đam nói thế nào
Lỗ Ai Công bị mê hoặc
Điều gì làm người ta mê?
Lại nói về tu dưỡng
Câu chuyện Lý Bí
Tài đức song toàn
Dùng thầy thì vương, dùng bạn thì bá, dùng đệ tử thì vong
Bên trong và bên ngoài
Phát huy bốn thứ quan niệm
Tình với vô tình
Tình là gì, tính là gì
Hữu tình, cảm tình, vọng tình, vô tình

6. Thiên 6: Đại Tông Sư (大宗師)

Thiên mệnh với tự nhiên
Vấn đề biết với chẳng biết
Bạn muốn sống thọ cùng trời đất sao?
Ai thật sự hiểu sinh mệnh?
Tri thức học vấn chẳng tuyệt đối
Phong cách hành sự của chân nhân
Hiện tượng sinh mệnh của chân nhân
Nguyên tắc dụng binh
Thành tựu nội thánh ngoại vương
Bàn về Xuân Thu, nói về Sử ký
Cao sĩ dưới mắt Trang Tử
Nghiêm Tử Lăng và Hán Quang Vũ
Cảnh giới của chân nhân
Hán Tuyên Đế với Bính Cát
Là Trang Tử chứ chẳng phải Lão Tử
Pháp gia với pháp trị

Đủ xuất thế, đủ nhập thế
Kẻ trung kẻ gian cùng sống chung
Lại nói về Hán Tuyên Đế
Lại nói về Bính Cát
Pháp gia và Đạo gia cùng trị
Nói chuyện một đời người
Thí dụ của Trang Tử
Quách Tượng giải thích biến hóa nhân sinh
Tu đạo truyền đạo
Thành tựu của cổ nhân có đạo
Nữ tiên truyền đạo
Là ngụ ngôn, là tu đạo
Sinh mệnh bị thân xác trói buộc chăng?
Trang Tử nói chẳng thắng nổi trời
Bạn có sợ chết không?
Thuận tự nhiên nghịch tự nhiên
Kẻ thách thức vô cực
Người ngoài khuôn phép, người trong khuôn phép
Thánh nhân nhìn sinh tử
Tử Cống, Khổng Tử đều mệnh khổ
Cá quên nước, người quên đạo
Thiên chi quân tử Nhân chi quân tử
Tang sự Tang lễ
Sinh mệnh là biến cũng là mộng
Đàm nhân nghĩa luận thị phi
Thành tựu tu hành của Nhan Hồi
Ai là Đại Tông Sư

7. Thiên 7: Ứng Đế Vương (應帝王)

Trước thời Nghiêu Thuấn
Vì sao đề xướng nhân nghĩa hiếu từ
Đời sống và đạo hạnh của người thượng cổ
Dân chủ tự do có phải là đạo đức chăng
Thiên hạ trị thế nào
Làm sao thành người lãnh đạo
Thông minh nỗ lực chưa chắc đã được
Cái trị chân chính của bậc minh vương
Thần vu xem tướng cho Hồ Tử
Cảnh giới của Hồ Tử
Hồ Tử nói về tu đạo
Liệt Tử đóng cửa tu hành
Nhập thế: Ứng Đế Vương
Hỗn Độn ôi Hỗn Độn

Lời biên tập

Những năm gần đây, tiên sinh Nam Hoài Cẩn nổi danh cả trong lẫn ngoài Trung Hoa, nhất là trong giới độc giả người Hoa, được xem là bậc đại sư văn hóa, bậc thầy quốc học. Tiên sinh xuất thân từ dòng dõi nhiều đời sách vở, thuở nhỏ đã đọc khắp thi thư, duyệt hết kinh sử tử tập, đặt nền tảng vững chắc cho sự nghiệp học vấn suốt đời; còn cuộc đời trải qua quân ngũ, dạy học, buôn bán, chu du, khảo sát, giảng học lại là một trải nghiệm đặc biệt không thể lặp lại, khiến tiên sinh nghiên cứu quốc học sâu sắc, thể nghiệm thấu đáo, tinh thông cả Nho, Đạo, Phật trong văn hóa truyền thống Trung Hoa, lại am tường chư tử bách gia, thơ từ khúc phú, thiên văn lịch pháp, y học dưỡng sinh…, đối với văn hóa phương Tây cũng có thể nghiệm sâu sắc, được giới văn hóa cả Đông lẫn Tây kính trọng, xứng đáng gọi là "bậc tông sư một đời". Sau quá nửa đời gươm sách phiêu bạt, tiên sinh cuối cùng tìm về cội nguồn, trở lại quê hương, lập học đường, tự mình giảng dạy truyền thụ, không quản công sức để phát huy, kế thừa và làm sống lại tinh hoa văn hóa dân tộc cùng tinh thần nhân văn, khiến người ta vừa cảm động vừa khâm phục.

Mùa thu năm 1981, tiên sinh Nam Hoài Cẩn bắt đầu giảng giải Trang Tử tại học viện Thập Phương ở Đài Bắc; sách này chính là được chỉnh lý từ bản ghi lời giảng đó.

Vị trí trọng yếu của Trang Tử trong chư tử bách gia thời Chiến Quốc, cùng ảnh hưởng sâu xa của sách đối với văn hóa Trung Hoa, ở đây không cần nhắc lại. Là một trong những bộ kinh điển vĩ đại và bất hủ nhất của văn hóa Trung Hoa, từ khi huyền học đời Ngụy Tấn thịnh hành, Trang Tử đã trở thành sách gối đầu giường của tầng lớp thượng lưu và kẻ sĩ đọc sách; đến niên hiệu Thiên Bảo đời Đường, Trang Chu được sắc phong là Nam Hoa chân nhân, Trang Tử theo đó được tôn xưng là *Nam Hoa chân kinh*. Từ xưa đến nay, người chú giải sách này nhiều không kể xiết. Dù vậy, khí thế mênh mang phóng túng, nội dung uyên bác tinh thâm và sức tưởng tượng kỳ dị lộng lẫy của sách vẫn khiến người đọc, dù kinh ngạc thán phục đến đâu, rốt cuộc khó lòng thấu suốt tận cùng.

Trang Tử chia làm Nội thiên, Ngoại thiên và Tạp thiên. Giới học thuật nhìn chung cho rằng Nội thiên do chính Trang Tử viết, tiêu biểu cho tinh túy tư tưởng của ông; còn Ngoại thiên, Tạp thiên là tác phẩm của môn nhân, hậu học. Sách này giảng bảy thiên của Nội thiên, nhưng Nam sư nhiều lần nhắc nhở mọi người: phần ảnh hưởng lớn nhất đến văn hóa Trung Hoa lại chính là Ngoại thiên và Tạp thiên.

Tiên sinh Nam Hoài Cẩn nghiên cứu khắp chư tử bách gia, lại nhiều năm đích thân tu chứng kinh tạng đạo pháp, nên đối với Trang Tử, tiên sinh có nhiều tâm đắc riêng. Nam sư giảng Trang Tử theo một phong cách riêng, nắm được khá nhiều tinh túy của sách: không câu nệ từng chữ dịch có chính xác hay không, mà vừa dẫn giải rộng rãi vừa chú trọng gợi mở cái thú vị và ý nghĩa tinh yếu của văn chương, phát huy nội hàm tinh thần và chủ ý của sách; văn tứ nhanh nhạy linh hoạt, lời lẽ sinh động, trình bày dễ hiểu, quả thực là cuốn sách tốt nhất để độc giả ngày nay tiếp cận Trang Tử.

Nhà xuất bản chúng tôi kết duyên với tiên sinh Nam Hoài Cẩn tại Đại học đường Thái Hồ. Xuất phát từ nhận thức chung về văn hóa truyền thống ưu tú của Trung Hoa, cùng trách nhiệm xã hội mạnh mẽ và cấp thiết trong việc truyền bá văn minh Trung Hoa, được tiên sinh Nam Hoài Cẩn cùng con cháu của tiên sinh tin cậy, thương mến, trao quyền độc quyền, nhà xuất bản chúng tôi tuân theo di nguyện của Nam sư, chỉnh lý và tu sửa lại các tác phẩm bản giản thể đã từng xuất bản ở Đại lục, lần lượt cho ra mắt, cố gắng bám sát nguyên bản lời giảng, khôi phục diện mạo vốn có của tác phẩm. Là bậc tông sư quốc học một thời, tiên sinh Nam Hoài Cẩn "thông suốt biến chuyển xưa nay, tự thành một nhà, lập nên học thuyết riêng", suốt đời dốc sức cho công cuộc chấn hưng dân tộc và cải thiện lòng người trong xã hội. Nhà

xuất bản chúng tôi cảm nhận sâu sắc tấm lòng thương yêu rộng lớn của tiên sinh Nam, xin tuân thủ nguyên tắc "trăm hoa đua nở, trăm nhà đua tiếng" trong học thuật văn hóa, luôn ghi nhớ lập trường và sứ mệnh của người làm xuất bản, cố gắng hết sức trình bày trung thực tư tưởng và trước tác của bậc thầy đến với độc giả. Còn được mất trong diệu pháp ấy, xin để độc giả tự mình lĩnh hội.

Nhà xuất bản Đông Phương

Tháng 2 năm 2014

Lời nhà xuất bản

(1)

Việc xuất bản cuốn sách này trải qua một quá trình khá gian nan phức tạp. Cách nay hơn hai mươi năm, vào mùa thu năm 1981, Nam sư Hoài Cẩn giảng giải Trang Tử tại học viện Thập Phương ở Đài Bắc. Vài năm sau, trong số thính giả có sư Viên Quán và sư Vĩnh Hội đem băng ghi âm chép lại thành chữ, người biên tập liền bắt tay chỉnh lý văn bản, nhưng vừa xong thiên đầu tiên thì vì lý do nào đó phải tạm dừng, mong có người khác gánh vác tiếp trọng trách này.

Đến sáu bảy năm trước, bỗng xuất hiện một bản giản thể ở Đại lục, tên sách là *Nam Hoài Cẩn tiên sinh giảng Trang Tử thính ký*. Nội dung văn tự cuốn sách ấy, có lẽ do hiệu quả thu âm và rào cản ngôn ngữ cùng nhiều nguyên nhân khác, khiến một số chỗ then chốt hoặc sai ý, hoặc lệch lạc. Thêm vào đó người chỉnh lý còn tổ chức lại, biên tập ghép nối nhiều chỗ; đọc tuy thấy gọn gàng, thuận tiện, nhưng ý gốc và tinh thần nguyên bản lại vô tình bị thất thoát.

Vì lẽ đó, công ty Lão Cổ liền chuẩn bị gấp rút chỉnh lý lại bản ghi giảng, để đính chính lại cho đúng. Trước hết là ni sư Hoằng Nhẫn tích cực tổ chức thúc đẩy, mời gọi nhiều đồng tu ở Đài Loan, Hồng Kông, Thượng Hải cùng Singapore, vào tháng 9 năm 2005 tụ họp tại "Tịnh Danh lan nhã nông khoa" ở Miếu Cảng, Tô Châu, cùng nhau phối hợp làm việc, mất ba tháng mới hoàn thành bước chỉnh lý văn bản sơ bộ. Điều quan trọng hơn cả là sau đó nhờ Nam sư chỉ dạy, nhiều chỗ còn được tu sửa thêm lần nữa.

(2)

Nam sư Hoài Cẩn giảng dạy đã mấy chục năm, điều tiên sinh coi trọng là phát huy và triển khai ý chỉ, chứ không so đo từng chi tiết vụn vặt. Vì lời giảng liên quan đến đủ loại học vấn, mênh mông rộng lớn, nên việc chỉnh lý văn bản vô cùng khó khăn. Các đồng tu tuy đã gắng sức làm, khó tránh khỏi kéo dài năm này qua năm khác, tốn nhiều thời gian; vì thế thường khiến độc giả không hài lòng, thậm chí còn xảy ra chuyện có người tự ý biên soạn, in ấn, phát hành, buôn bán trái phép.

Không lâu trước đây, sau khi *Hoa vũ mãn thiên Duy Ma thuyết pháp* xuất bản, liền có độc giả gửi fax than phiền rằng: "Những gì thầy Nam giảng từ hơn hai mươi năm trước, các vị bây giờ mới xuất bản, người muốn đọc cuốn sách này e đã nhập niết bàn từ lâu rồi…" Chính vì sự nhiệt tình và quan tâm của đông đảo độc giả, việc chỉnh lý bản ghi giảng lại càng phải thận trọng, nghiêm cẩn. Văn dùng để chở đạo, nếu để nội dung sai lệch lưu truyền, thì đối với cả độc giả lẫn văn hóa, đó lại trở thành ảnh hưởng tiêu cực.

Chỉ riêng việc một vài giới buôn sách tự ý chỉnh lý, in phát bản ghi giảng Trang Tử mà nói, động cơ của họ có thể là có ý tốt muốn chia sẻ cùng số đông, nhưng làm ẩu cho xong việc, coi thường quyền lợi người khác, chẳng hề tôn trọng người giảng gốc chút nào; những việc như vậy, thế pháp còn không dung, huống hồ là mối họa nhân quả!

Những chuyện tương tự như thế còn không ít, nhất là việc chưa được phép mà đã in phát bản Nam sư giảng *Tông cảnh lục* lại càng nghiêm trọng hơn, bởi nội dung nhiều chỗ lệch khỏi ý gốc, còn phải hiệu đính kỹ lưỡng, nên Nam sư đến nay vẫn chưa cho phép xuất bản tại Đài Loan. Vậy mà lại có người ở Đại lục tự xưng là học Phật, dám coi thường pháp lý, xem nhẹ nhân quả đến thế, thật đáng buồn đáng than!

(3)

Sách Trang Tử được *Tứ khố toàn thư* xếp vào phái Đạo gia, Đạo giáo cũng tôn sách này là *Nam Hoa Kinh*, chỗ nương tựa để tu trì; nhưng từ ngàn xưa đến nay, những người có kiến thức đều công nhận sách chiếm vị trí trọng yếu trong chư tử bách gia, nội dung bao trùm mọi quan niệm pháp tắc cả thế gian lẫn xuất thế gian, cùng đạo tu dưỡng thân tâm trên thực tế, nên được xem là một trong những trước tác vĩ đại, bất hủ nhất của văn hóa Trung Hoa. Lại có Ilya Prigogine, người Mỹ đoạt giải Nobel năm 1977, tự nhận lý thuyết hỗn độn lớn trong vật lý mà ông xây dựng từ thập niên 1970 lại trùng khớp với thuyết hỗn độn của Trang Tử. Lý thuyết hỗn độn mới nhất của khoa học phương Tây, về sau tiếp tục phát triển, sinh ra những đánh giá mới, góc nhìn mới đối với văn hóa Trung Hoa, nên mức độ được coi trọng của sách Trang Tử qua đó cũng thấy rõ một phần. Trang Tử tuy đã trải qua ngàn năm biến đổi thời không, những gì sách nói vẫn luôn đứng vững không lay chuyển.

Nhưng dù văn chương Trang Tử khí thế đẹp đẽ, cao nhã đến đâu, đối với người hiện đại, sách vẫn khó hiểu, thâm sâu khôn dò. Tham khảo nhiều nhà chú giải gần đây, hoặc dịch nghĩa, hoặc chú thích, phần lớn chỉ giảng theo mặt chữ hoặc gom góp chú giải của người khác mà thôi, khiến độc giả thường khó lòng thu được ích lợi thực sự.

Lại thêm các học giả văn triết chủ yếu giảng giải pháp tắc thế gian, khó giải được con đường xuất thế gian; còn giới chuyên gia ở mặt khác thì chú trọng nghiên cứu phần xuất thế, hiếm ai vẹn toàn cả hai.

(4)

Nay Nam sư Hoài Cẩn, từ thời trẻ đã nghiên cứu khắp chư tử bách gia, đến tuổi tam thập nhi lập lại đi sâu vào kinh tạng đạo pháp, trải qua nhiều năm đích thân thực hành, thực chứng, nên khi giảng giải Trang Tử, tiên sinh dạo khắp kinh sử tử tập, không kể xuất thế hay nhập thế, so sánh bình luận ý nghĩa tinh yếu, nói thuận nói nghịch, còn chỉ ra ý chỉ Trang Tử ra vào giữa Thiền và Đạo. Lại dùng lời lẽ thông tục, đem điều sâu xa nói ra thật giản dị, mở cửa cho độc giả thính giả bước vào; nếu nói lời Nam sư giảng mang một phong cách riêng biệt, e cũng không phải là lời khen quá đáng.

Lại nói đến đặc điểm lời giảng của Nam sư: vì không câu nệ tiểu tiết, không nặng về huấn hỗ chữ nghĩa, nên thường bị chê là học thuật thiếu chính xác. Bởi điều Nam sư chuyên chú chỉ là tông chỉ, đại nghĩa mà thôi; *Tây sương ký* cũng được, *Hồng lâu mộng* cũng được, Tôn Thúc Ngao cũng được, người khác cũng được, chỉ lấy nội dung lời giảng làm trọng, nên người hiểu biết cũng có câu nói rằng chút tì vết ấy không che lấp được ngọc quý.

Tất cả những chuyện như vậy, đối với Nam sư, gọi trâu gọi ngựa cũng chẳng bận tâm, nhưng xét từ công việc chỉnh lý văn bản, chúng tôi vẫn phải tự mình xét lại thật sâu để cải tiến, ngõ hầu không phụ lòng mong đợi của độc giả.

Còn có một điều đặc biệt cần nói rõ với độc giả: nội dung sách này có vài chỗ giảng giải dường như trước sau không thống nhất; tuy đã từng thỉnh giáo Nam sư, nhưng cuối cùng vẫn giữ nguyên ý ban đầu. Ở đây xin kính báo độc giả không cần chấp chặt vào một phía, ngày khác ắt sẽ có cách hiểu khác; bằng không, mỉm cười cho qua cũng được.

Lại nữa, cách giảng dạy của Nam sư là phân tích, giảng giải, ví von đủ điều, nhưng lại như phép giáo dục Thiền tông không đưa ra kết luận; để người nghe tự rút ra kết luận sau khi đã hiểu, mới thật là ngộ giải. Có độc giả hiểu lầm rằng Nam sư "cố tình giữ lại một chiêu", không nói thẳng cho độc giả biết; ở đây cũng xin kính báo riêng độc giả về điều này.

Còn về tựa đề sách này, từng có nhiều bên đề nghị, nhưng tính cách Nam sư suốt đời vốn không tự nhận mình là học giả, lại càng không thích đọc lại chính những gì mình đã giảng, hơn nữa trong mấy chục năm qua, mỗi khi lời giảng thành sách, tiên sinh luôn đặt tên khiêm nhường: giảng Luận Ngữ thì gọi là *biệt tài*, giảng *Mạnh Tử* thì gọi là

bàng thông, giảng Lão Tử thì gọi là *tha thuyết*, đều có ý tự nhận không thuộc dòng chính thống học thuật, chỉ là lời nói bên lề của kẻ ngoài nghề mà thôi. Vì vậy đối với sách này, cũng đặc biệt lấy tên là: *Trang Tử nam hoa* (庄子諵譁). Hỏi Nam sư ý gốc là gì, tiên sinh chỉ nói đó là **"hoa"** (譁 - ồn ào) hoa la hoa la, **"nam"** (諵 - lẩm bẩm) nam nam tự nói một mình mà thôi!

(5)

Trong số bạn bè tham gia hỗ trợ công việc lần này, trước hết phải kể đến sư Hoằng Nhẫn sửa văn bản trên máy tính, vất vả nhất; ông Trương Chấn Dung đảm nhận việc tra cứu tư liệu chủ yếu; ni sư Thân Chứng cùng bà Diêm Chương Yến nghe lại băng ghi âm gốc; ngoài ra còn có cư sĩ Lý Tố Mỹ tỉ mỉ hiệu đính lỗi, cùng các ông Hứa Giang, cô Nam Vinh Vinh, các đồng tu Mã Hoằng Đạt, Tạ Phúc Chi, Tạ Cẩm Dương, Âu Dương Triết…, người thì đánh máy, người thì tra tư liệu, người thì hiệu đính, thảy đều nhiệt tình tham gia; nhân dịp sách này được in ấn phát hành, xin đặc biệt gửi đến tất cả lời cảm tạ chân thành nhất.

Ngoài ra, các tiểu đề trong sách là do người biên tập thêm vào.

Lưu Vũ Hồng ghi

Tháng 2 năm 2006, Đài Bắc

Khai trường bạch

Hai bộ Lão Tử và Trang Tử chiếm một sức nặng cực kỳ lớn trong toàn bộ hệ thống văn hóa Trung Hoa; người quen hai sách ấy cũng không ít. Chú giải Trang Tử qua các đời nhiều đến mức kể không xuể, chỉ có điều quan điểm và cách giải thích mỗi nhà mỗi khác. Khi trở lại nghiên cứu hôm nay, việc đầu tiên là nêu rõ chỗ đứng và sức nặng của Trang Tử trên dòng lịch sử văn hóa Trung Hoa.

Ai cũng biết, thời Chiến Quốc, học thuật tư tưởng của chư tử bách gia nở rộ hết sức; có hai gương mặt tiêu biểu: cuối Xuân Thu là Khổng Tử, sang Chiến Quốc là Mạnh Tử. Trung Hoa lúc ấy thiên hạ đại loạn, Xuân Thu rồi Chiến Quốc trước sau loạn liền ba bốn trăm năm: loạn nhất trong sử, vậy mà về học thuật tư tưởng lại thịnh nhất. Song có một điều các bạn trẻ cần phân biệt cho rõ: học thuật tư tưởng thịnh nhất không có nghĩa là học thuật tư tưởng tự do nhất. Thời ấy chẳng ai bàn tự do hay không tự do; chỉ là mọi tư tưởng được dịp bung ra, tự do nảy nở.

Thời Xuân Thu Chiến Quốc, văn hóa và văn tự chưa hoàn toàn thống nhất; nhất là thể chế chính trị khiến chư hầu mỗi nơi xưng bá một phương, tạo ra sự khác biệt trong học thuật tư tưởng. Nhưng không thể phủ nhận, tất cả vẫn thuộc về một hệ thống văn hóa Trung Hoa duy nhất.

Tranh biện vì người hay vì mình

Đọc Trang Tử ắt nghĩ tới *Mạnh Tử*. Trong sách *Mạnh Tử*, không hề thấy đả kích Trang Tử; Mạnh Tử chỉ nặng lời với Mặc Tử và Dương Tử, hai người thuộc hàng Đạo gia. Mặc Tử chủ trương từ đỉnh đầu đến gót chân đều hy sinh vì thiên hạ, tức là không còn cái tôi, chỉ còn cứu đời cứu người; từ đỉnh đầu đến lòng bàn chân đều có thể hy sinh, miễn lợi cho thiên hạ. Đó là chính trị của bậc hiền mà Mặc Tử chủ trương. Dương Tử thì ngược hẳn: ông là người theo chủ nghĩa tự do cá nhân triệt để, cho rằng nhổ một sợi lông để lợi thiên hạ cũng không làm. Vì sao không làm? Vì ai cũng phải tự trọng: tôi không nhổ một sợi lông cho anh được lợi, nhưng cũng chẳng muốn lấy một sợi lông trên người anh cho tôi được lợi; mỗi người tự lo phận mình.

Tư tưởng của hai người này, một bên là tuyệt đối vô ngã vì việc chung, quên mình vì người; một bên là chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa tự do tuyệt đối vì mình. Đây thuộc về vấn đề lớn của triết học. Trên thực tế, không một ai giữa trời đất có thể làm được cái công tuyệt đối. Ví như hiện giờ chúng ta đang ở tầng mười một này, điều chúng ta lo liệu chỉ là những người trên tầng này; tầng dưới người ta làm gì, chúng ta không quản, cũng chẳng có cách nào lo liệu được. Nên cái công ấy chỉ giới hạn trong phạm vi tầng lầu này. Nếu mở rộng thêm một chút, chúng ta lo được cho Đài Bắc, nhưng không lo được cho cả Đài Loan; lo được cho cả Đài Loan, cũng không lo được cho cả thế giới. Nên cái gọi là công, đều chỉ là tương đối; nói tuyệt đối vì công, chỉ là một lý niệm, chứ ít khi có được trên thực tế.

Ngược lại, nếu đi theo đường lối Dương Tử, tuyệt đối vì mình có tốt không? Cũng không thể được. Vì thiên hạ cũng không một ai có thể tuyệt đối vì riêng mình. Đồ của tôi anh đừng đụng vào, đồ của anh tôi cũng không lấy, làm vậy không nổi. Còn nếu nói đồ của tôi anh không được đụng, nhưng đồ của anh lại là của tôi, thì không ít người sẵn lòng làm thế. Nên tuyệt đối làm được cái vì riêng mình, cũng là chuyện không thể. Hai vị mà Mạnh Tử đả kích chính là nói về hai điểm này.

Cái vì công mà Mạnh Tử đại diện cho tư tưởng Nho gia là điều dễ hiểu: đó là giữ lại vừa phải một chút cái tôi, một chút riêng tư của cá nhân, đi theo đường lối ở giữa, tức là đạo trung dung; cho rằng chỉ như vậy xã hội mới ổn định được. Trong trước tác của mình, Mạnh Tử phê phán Mặc Tử, Dương Tử, nhưng không hề phê phán Trang Tử. Vì thế

có người cho rằng Trang Tử sống sau Mặc Tử, hoặc Mạnh Tử sống trước Trang Tử. Đây thuộc phạm vi khảo chứng sử học, chúng ta không đi sâu vào. Nhưng có một điều có thể khẳng định: tư tưởng văn hóa của Khổng, Mạnh đại diện cho văn hóa nhà Chu, thuộc hệ thống Tề Lỗ. Nói đúng hơn phải là hệ thống nước Lỗ, tức tư tưởng văn hóa hệ thống phương Bắc.

Ôn nhu đôn hậu và thanh thoát nhẹ nhàng

Người Trung Hoa ai cũng từng đọc *Tứ thư*; muốn viết văn hay, phải thuộc lòng *Mạnh Tử*, lại càng phải thuộc lòng Trang Tử. Tô Đông Pha từng nói, muốn viết văn hay, ba bộ sách *Mạnh Tử*, Trang Tử và *Sử ký* của Tư Mã Thiên nhất định phải thuộc nằm lòng, mới có thể làm ra văn chương lớn. Văn chương của *Tứ thư* và cảnh giới văn học của nó, so với Lão Tử, Trang Tử là hai chuyện khác nhau; văn của Khổng, sách của Mạnh, đôn hậu nghiêm cẩn, cũng rất phong lưu. Chữ phong lưu này đừng hiểu lầm, không phải là lãng mạn! Lão Tử, Trang Tử đại diện tư tưởng phương Nam, là văn hóa nước Sở, cảnh giới văn học của nó nhẹ nhàng thanh thoát, phóng khoáng tự do; đời sau cho rằng đó cũng chính là đại diện của Đạo gia. Tư tưởng Đạo gia mà người Trung Hoa vẫn nói tới, so với tư tưởng Nho gia, cũng khác biệt hoàn toàn.

Sau Lão Trang, vùng Sở ở phương Nam nổi danh bậc nhất trong văn học Trung Hoa. Tác phẩm tiêu biểu có *Ly tao*, *Sở Từ* của Khuất Nguyên. Loại văn chương này cùng một hệ thống với Lão Trang, khí thế văn chương khác hẳn hệ thống phương Bắc. Nhìn bề ngoài như lời của người mất trí, câu này câu kia chẳng liền mạch, giống như chữ **"xuy"** (吹 - thổi) mà thiên *Tề Vật Luận* trong Trang Tử nói tới, chữ này chính Trang Tử là người dùng đầu tiên. Tuy nói là thổi, nhưng ông thổi ra rất có ý vị. Ngàn xưa đến nay, các đại văn hào, đại tư tưởng gia Trung Hoa, bề ngoài đều chê bai Lão Tử, Trang Tử, nhưng kỳ thực ai nấy đều âm thầm học theo văn chương của hai ông. Chỉ có Kim Thánh Thán, con người kỳ dị trong giới văn học tư tưởng đời Thanh, mới công khai đề cao, xếp Trang Tử vào *Lục tài tử thư* của ông, tức là Trang Tử, *Sử ký*, *Ly tao*, *Thủy hử truyện*, thơ luật Đỗ Phủ, *Tây sương ký*. Ông cho rằng đó là trước tác của sáu bậc đại tài tử Trung Hoa. Nếu hiểu được *Lục tài tử thư*, mọi kỹ xảo văn chương coi như học hết; cách nói này cũng rất có lý.

Bây giờ quay trở lại, văn chương tư tưởng của Trang Tử mênh mang bác đại như vậy, nhưng văn hóa được xem là chính thống thời ấy lại là văn hóa Tề Lỗ. Thế nhưng trong sách *Mạnh Tử* lại rất ít nhắc tới Khổng Tử, còn trong sách Trang Tử thì ngược lại có rất nhiều chỗ nhắc tới Khổng Tử. Nhìn bề ngoài tưởng như Trang Tử đang mắng Khổng Tử, nhưng kỳ thực rất mực đứng đắn, Trang Tử đều đang tán dương Khổng Tử, tán dương hết lời. Muốn hiểu được điều này, phải hiểu kỹ xảo văn chương mới được.

Sách Trang Tử, chúng ta biết nó đại diện cho Đạo gia, lại ảnh hưởng đến văn hóa và giới trí thức Trung Hoa suốt mấy nghìn năm. Cái phóng khoáng tự tại bên trong nó, cảnh giới nhân sinh mà nó bàn tới, đã tạo nên một cảnh giới văn hóa tư tưởng đặc biệt suốt ba bốn trăm năm từ Đông Hán đến Nam Bắc triều. Thú vị hơn nữa, cho đến nay chúng ta vẫn còn chịu ảnh hưởng rất lớn từ nó.

Những con người ung dung thanh thoát

Lấy ví dụ, thời Tam Quốc cuối đời Đông Hán, Gia Cát Lượng nước Thục văn võ song toàn, ra làm tướng vào làm tướng quốc. Nhưng dù sử sách miêu tả hay tuồng hát diễn xuất, ông chưa từng mặc quân phục, lúc nào cũng khoác một chiếc áo dài, đầu vấn một dải khăn Tiêu Dao, đó là hình ảnh danh sĩ, đại diện cho kẻ sĩ đọc sách. Tay ông cầm chiếc quạt lông ngỗng, ung dung tự tại; đây là một nhân vật mà lịch sử Trung Hoa tạo dựng nên, đẹp vô cùng. Lúc ra trận đánh giặc, Gia Cát Lượng ngồi trên chiếc xe một người đẩy. Ai từng đến Tứ Xuyên đều biết, loại xe ấy người Tứ

Xuyên gọi là xe gà trống, một bánh, đẩy đi thì kêu cót két. Gia Cát Lượng ngồi trên xe, một tay phe phẩy quạt, một tay chỉ huy quân đội tác chiến. Đỗ Phủ có câu thơ tả ông: **"vạn cổ vân tiêu nhất vũ mao"** (một cánh lông giữa tầng mây muôn thuở), phong độ cực kỳ thanh thoát, siêu quần. Nghiên cứu kỹ tình hình mấy trăm năm ấy, dù là chính trị, quân sự, xã hội hay giáo dục, đều mang phong khí này, đó chính là kết quả ảnh hưởng của tư tưởng Lão Trang.

Ngoài Gia Cát Lượng ra, thời Nam Bắc triều còn rất nhiều người có phong cách tương tự. Ví như danh tướng Dương Hỗ đời Tấn, người đã giúp Tư Mã Viêm thống nhất Trung Hoa. Vị Dương Hỗ này, khi làm đại nguyên soái ngoài mặt trận, nổi tiếng với dáng vẻ áo cừu nhẹ, đai lưng thả lỏng. Một vị thượng tướng quân như thế, lúc chỉ huy tác chiến ngoài trận tiền, lại mặc áo cừu nhẹ, tức là áo lông mùa đông, chứ không mặc quân phục. Còn đai lưng thả lỏng là chiếc đai lưng mà quan văn tướng võ thời xưa thắt ngang bụng: khi có việc thì thắt chặt lại một chút, bình thường đều để buông lỏng. Đó chính là chiếc đai lưng ta thấy trong Kinh kịch, đeo dưới bụng; ý nói áo cừu nhẹ, đai lưng thả lỏng là rất thư thái. Kinh kịch diễn tới Chu Du, Quan Công, một bên mặc tay áo hẹp, đó là tay áo của võ tướng, bên kia là áo bào rộng, vạt áo buông rất to; một người như vậy đại diện cho văn võ song toàn: nửa bên là đại diện văn nhân, áo cừu nhẹ đai lưng thả lỏng, nửa bên là đại diện võ tướng, tay áo hẹp là để sẵn sàng cầm đao ra trận. Trên sân khấu là vậy, y quan thời xưa cũng mặc theo cách ấy, vì thời xưa văn võ vốn hợp làm một. Cho nên rất nhiều kẻ sĩ đọc sách, bên ngoài mặc áo dài, khi gặp lúc tác chiến, cởi áo dài ra là bên trong đã sẵn võ trang, lại luôn mang kiếm theo người. Kiếm lộ ra một nửa, ý nói có thể ra trận đánh giặc; muốn đọc sách viết văn, tôi cũng làm được, ý vị chính là như vậy.

Đọc sử Nam Bắc triều rất thú vị, những nhân vật ấy ra trận đánh giặc đều mang chút phong vị ung dung tự tại. Một người nổi tiếng khác thời Nam Bắc triều là Tạ An; trong trận Phì Thủy, khi đánh bại tám mươi vạn đại quân Phù Kiên, lúc nhận được tin thắng trận từ tiền tuyến, ông đang đánh cờ, nhưng không hề nhúc nhích; kỳ thực trong lòng ông mừng rỡ vô cùng, chỉ bề ngoài cố tỏ ra vẻ Tiêu Dao nhẹ nhõm của Trang Tử. Đến khi ván cờ đánh xong, ông lập tức chạy về phòng, chạy vội đến mức gót giày cũng rơi mất. Đủ thấy vẻ ngoài ung dung Tiêu Dao của ông, nhưng trong lòng vẫn cực kỳ phấn khích.

Lại có một người cha thời xưa đi thi công danh, thi suốt mười mấy hai mươi năm vẫn không đỗ, về sau có lần cùng con trai đi thi. Khi yết bảng, người cha rất căng thẳng, liền chạy vào phòng tắm rửa. Con trai ở ngoài gọi vào: "Cha ơi! Con đỗ rồi!" Người cha đang tắm bên trong đáp lại: "Chút công danh nhỏ nhoi, đỗ được thì có gì to tát, căng thẳng làm gì!" Con trai lại nói tiếp: "Cha ơi, cha cũng đỗ rồi!" Người cha kêu lên một tiếng "Ối!", bật cửa ra, quên cả mặc quần áo, cứ thế trần truồng chạy ra ngoài.

Chúng ta thấy trong chuyện thi cử làm việc thời xưa, cái vẻ giả vờ ung dung ấy cũng là một hình ảnh mặt trái của nền văn hóa này; nhiều học giả, văn nhân, bất kể cái ung dung của họ là thật hay giả, đều chịu ảnh hưởng của Trang Tử.

Sức ảnh hưởng của Ngoại thiên, Tạp thiên

Sách Trang Tử chia làm Nội thiên, Ngoại thiên và Tạp thiên. Nội thiên chỉ có bảy thiên; có học giả khảo chứng cho rằng Nội thiên đúng là do chính Trang Tử viết ra, còn Ngoại thiên cùng Tạp thiên thì không đáng tin, cho là do người đời sau thêm vào. Nội thiên vốn rất nổi tiếng, nhưng mọi người lại quên mất rằng phần ảnh hưởng lớn nhất đến văn hóa Trung Hoa chính là Ngoại thiên và Tạp thiên, chứ không phải Nội thiên. Tất cả cái học đế vương của các bậc làm vua ở Trung Hoa, quân sự học, mưu lược học, mưu lược tác chiến, mưu lược xử thế, đều chịu ảnh hưởng của Ngoại thiên, Tạp thiên. Các đại chính trị gia, những người khai nghiệp qua các đời, thậm chí như Tào Tháo và một loạt nhân vật khác, đều thấy rõ chịu ảnh hưởng của Ngoại thiên. Ngoại thiên đã ảnh hưởng đến văn hóa Trung Hoa suốt mấy

nghìn năm, là ông tổ của mọi mưu lược học. Ngoài ra, sự gợi mở của nó đối với nhân sinh, đối với việc tu đạo của chúng ta cũng vô cùng to lớn, điểm này cần đặc biệt lưu ý.

Thiên 1: Tiêu Dao Du (逍遙遊)

Bắc minh hữu ngư, kỳ danh vi côn.

Biển bắc có loài cá, tên gọi là côn.

Côn chi đại bất tri kỳ kỷ thiên lý dã.

Côn lớn đến mức không biết mấy nghìn dặm.

Hóa nhi vi điểu, kỳ danh vi bằng.

Hóa thành chim, tên gọi là bằng.

Bằng chi bối bất tri kỳ kỷ thiên lý dã;

Lưng chim bằng không biết mấy nghìn dặm;

Nộ nhi phi, kỳ dực nhược thùy thiên chi vân.

Gắng sức mà bay, đôi cánh như đám mây rủ giữa trời.

Đời Tiêu Dao giải thoát

Bây giờ chúng ta bắt đầu nghiên cứu thiên thứ nhất, *Tiêu Dao Du*. Hai chữ **"Tiêu Dao"** (逍遥) không phải là cái hồ tắm Tiêu Dao Trì ở khu Tây Môn Đỉnh đâu. Tuy vậy, cái tên hồ tắm ấy cũng có phần mượn ý từ Nội thiên sách Trang Tử. Trong văn hóa Trung Hoa, hai chữ Tiêu Dao chính là do Trang Tử nêu ra trước tiên. Ngày nay ta hay nói người ta cần Tiêu Dao một chút; chữ Tiêu Dao ấy thường chỉ cái lý tưởng của người tu đạo, làm sao để được Tiêu Dao, cũng như người học Phật mong cầu được giải thoát vậy. Theo tôi thấy, nhiều người tu đạo chẳng những không Tiêu Dao, mà càng nhìn càng thấy họ khổ sở hơn. Những kẻ tu đạo ngồi thiền kia, vừa ăn chay vừa giữ giới, đủ thứ quy củ như vậy, gọi là đạo sao? Nhìn họ chẳng thấy chút Tiêu Dao nào. Người học Phật cũng chẳng thấy chút giải thoát nào, vậy thì khổ làm gì? Cho nên khi đọc tựa đề sách Trang Tử, ta cần đặc biệt lưu tâm.

Thiên đầu tiên của sách Trang Tử nêu ra đề mục *Tiêu Dao Du*. **"Tiêu Dao"** (逍遥 - tự do tự tại) là Tiêu Dao, **"du"** (游) là du; chính vì Tiêu Dao nên mới có thể du. Mượn quan niệm nhà Phật mà nói, đời người phải được giải thoát mới đạt tới cảnh du hí tam muội (dạo chơi tự tại), mới dám dạo chơi giữa cảnh giới nhân sinh. Nếu đời người không được giải thoát, thì bản thân cuộc sống vốn đã là một chuyện khổ, làm sao Tiêu Dao cho nổi? Xét theo quan niệm triết học, đời người là gì? Ta có thể đưa ra một câu trả lời: đời người chính là sự chất chồng của khổ đau. Vậy khổ đau giải trừ bằng cách nào? Chính là phải đạt được sự giải thoát Tiêu Dao, cũng tức là cái mà Trang Tử gọi là *Tiêu Dao Du*. Nội dung trọn thiên *Tiêu Dao Du*, trước hết là đời người cần có kiến giải cao xa, tức cái mà ta thường gọi là kiến địa, kiến giải, tầm nhìn, tư tưởng. Một người không có viễn kiến, không có kiến giải, mà muốn thành tựu sự nghiệp, hay hoàn thành một đời sống tốt đẹp, là chuyện không thể có. Về sau Thiền tông Trung Hoa cũng trước hết chú trọng việc thấy đạo, phải thấy đạo trước rồi mới tu đạo được; người tu đạo mà chưa thấy đạo, thì còn tu cái đạo gì nữa? Cũng như ta phải thấy được vàng, mới tính cách làm vàng thành đồ vật; nếu đến cả vàng cũng chưa từng thấy, chỉ ngồi đó tưởng tượng hão, thì có ích gì! Không riêng người tu đạo cần thấy đạo trước, ngay cả người thường cũng phải thực sự hiểu đời người, mới biết cách làm người cho đúng. Vì vậy Trang Tử trước hết nêu ra **"cụ kiến"** (具見 - kiến giải đầy đủ).

Kiến giải và ví von

Vậy thì cần có kiến giải về điều gì? Thiên *Tiêu Dao Du* bảo ta rằng: cần có kiến giải về sự giải thoát. Đời người không nên để thế giới vật chất, hoàn cảnh hiện thực trói buộc; nếu bị thế giới vật chất giới hạn, bị hoàn cảnh hiện thực

làm cho khốn đốn, thì kiến giải về đời người ấy vẫn chưa đủ. Vừa rồi ta nói đời người là sự chất chồng của khổ đau, đó là nói về người thường; nếu có thể có được kiến địa cao xa, không bị thế giới vật chất giới hạn, không bị hoàn cảnh khổ đau của đời người làm cho mê muội, thì con người có thể vượt lên, có thể thăng hoa.

Thiên này có hai trọng điểm lớn, tám chín chỗ dùng ví von, để nói cho ta nghe về đời người cũng như phương pháp tu dưỡng chân chính. Nói tới lối ví von của Trang Tử, ta biết rằng đạo lý cao sâu nhất trên đời, cũng như tình cảm con người, đều không cách nào diễn đạt trọn vẹn bằng lời nói chữ viết. Tôi vẫn hay nói người với người hiểu lầm nhau, chỉ vì lời nói chữ viết không tài nào bày tỏ cho đủ. Khi một người không cách nào bày tỏ được tình cảm của mình, chỉ còn cách khóc! Vì có khóc, người khác mới biết người ấy đa tình, đau lòng; không khóc thì ta chẳng thể nào biết được tình cảm của họ. Không thì cười vang lên, cười đến ngất đi, người khác mới biết họ vui, vui đến chết được! Đạo lý ấy cũng chính là triết học của đời người.

Ngoài ra còn có một cách cao minh nhất, là đem cái không thể diễn đạt trực tiếp, vòng qua một lối khác, dùng ví von mà nói ra. Vì vậy trên đời, mấy vị giáo chủ cao minh nhất, như Phật Thích Ca Mâu Ni hay Chúa Giê-su, đều giỏi dùng lối ví von. Trang Tử cũng thường dùng ví von, bởi có nhiều chỗ không ví von thì không cách nào nói rõ được. Ví như bảo một người rất đẹp, đẹp đến mức nào? Đẹp hơn cả Dương Quý Phi. Dương Quý Phi rốt cuộc đẹp đến đâu, ta cũng chưa từng thấy, nhưng mượn đó làm ví von thì nói rõ được mức độ đẹp ấy, người nghe liền hiểu ngay. Vì vậy thiên *Tiêu Dao Du* của Trang Tử có hai trọng điểm, dùng rất nhiều ví von: trọng điểm thứ nhất là kiến giải, trọng điểm thứ hai là vật hóa.

Vật hóa, bị hóa, tự hóa

Vật hóa là một đề mục lớn trong văn hóa Trung Hoa. Đạo gia cho rằng mọi sinh mệnh trong vũ trụ, hết thảy vạn vật, đều là sự biến hóa qua lại giữa vật với vật. Như con người chúng ta đây, cũng là vật hóa: từ một người nam và một người nữ mà biến hóa ra biết bao nhiêu người khác. Lại nữa, sinh mệnh ta sống được là nhờ thịt bò, cơm trắng, bánh mì, rau cải củ cải biến hóa mà thành. Chất thải của ta lại biến thành phân bón, phân bón lại biến thành vạn vật, hết thảy vạn vật cứ biến hóa qua lại lẫn nhau, mà lại không thể không biến, không có vật gì là không biến đổi cả, đó chính là vật hóa. Cho nên trong quan niệm Đạo gia, cả trời đất vũ trụ này là một cái lò lớn do thời gian không gian tạo thành biến hóa; ta ở trong cái lò biến hóa ấy, chẳng qua chỉ là một hạt phân tử nhỏ bé bị hóa, chịu hóa mà thôi. Ta chỉ là một mảy may vật bị hóa rơi rớt xuống trong muôn vàn biến hóa của vũ trụ. Lớn thì đến cả vũ trụ, nhỏ thì đến vi sinh vật, cái từ thuở khởi đầu đến vĩnh hằng vẫn khởi tác dụng biến hóa ấy là ai vậy? Phải nắm được cái năng hóa ấy, tóm được cái đó trong tay, thì mới đắc đạo, mới có thể Tiêu Dao được. Bằng không ta mãi mãi vẫn chỉ là kẻ bị hóa, không làm được chủ của biến hóa, không làm được chủ của tạo hóa; phải nắm được chủ của tạo hóa, mới có thể siêu nhiên ra ngoài vạn vật, tức là vượt ra ngoài phạm vi biến hóa của vạn vật.

Nhưng Trang Tử cũng bảo ta rằng, con người cũng là một trong vạn vật, con người có thể tự hóa. Trước khi đắc đạo, ta là kẻ bị hóa; nếu đã có kiến giải, tức đã thấy đạo, ta có thể tự hóa, có thể biến cái sinh mệnh hữu hạn này thành sinh mệnh vô hạn, cũng biến cái công năng hữu hạn của ta thành công năng vô hạn.

Đạo lý vật hóa, ta sẽ từ từ bàn thêm; đến thiên thứ hai sẽ nói rõ sự biến hóa chân thật là gì. Con người có thể thăng hoa mình thành bậc siêu nhân, nhưng làm sao biến thành siêu nhân? Siêu nhân chính là biến ra ngay trong cái bình phàm nhất; làm được điều này, mới thật sự đạt tới Tiêu Dao. Ta hãy nắm vững nguyên tắc này trước, rồi mới bàn tiếp. Quý vị tiên sinh, quý vị đồng học ngồi đây, có nhiều người từng nghiên cứu Trang Tử, tôi bây giờ chỉ là trình bày ý

kiến riêng của mình mà thôi. Bây giờ ta xem nguyên văn. Trang Tử có rất nhiều lời văn đẹp đẽ, cũng là cảnh giới văn học rất cao.

Đại Vũ trị thủy

Bắc minh hữu ngư, kỳ danh vi côn.

Biển bắc có loài cá, tên gọi là côn.

Côn chi đại bất tri kỳ kỷ thiên lý dã.

Côn lớn đến mức không biết mấy nghìn dặm.

Hóa nhi vi điểu, kỳ danh vi bằng.

Hóa thành chim, tên gọi là bằng.

Trong sách này, chữ **"minh"** (冥) trong bắc minh không có bộ thủy (氵) bên cạnh; các sách khác thì có bộ thủy, nhất là sách của Đạo gia đều có bộ thủy đi kèm. Đạo gia Trung Hoa có một bộ sách địa lý thế giới cổ xưa nhất, gọi là *Sơn Hải Kinh*; hiện nay rất thịnh hành ở Mỹ, có người ra sức nghiên cứu. Theo *Sơn Hải Kinh* kể lại, tổ tiên người Trung Hoa là Đại Vũ, khi trị thủy từng đến tận nước Mỹ; hiện nay ở Mỹ cũng có người tin điều đó, chính vì đã đọc *Sơn Hải Kinh*.

Theo ghi chép của *Sơn Hải Kinh*, Đại Vũ trị thủy ròng rã chín năm, không những đến nước Mỹ, còn đến cả châu Âu, đến vùng Trung Đông, Hồng Hải, Địa Trung Hải.

Nghiên cứu chuyện Đại Vũ trị thủy, từ sử sách hầu như chẳng thấy được diễn biến cụ thể ra sao. Thời ấy dân số cả nước có lẽ cũng chẳng đông hơn Đài Loan bây giờ là mấy. Vậy mà ông có thể trong chín năm khơi thông Trường Giang, Hoàng Hà, đưa nước lụt khắp nước chảy ra biển cả, đó thật chẳng phải chuyện dễ làm! Huống hồ trong truyện ký của *Sơn Hải Kinh*, các nước Đông Nam Á ông cũng từng đặt chân tới, rốt cuộc ông đi bằng cách nào? Thời ấy đâu có máy bay; theo lời Đạo gia kể, ông cưỡi trên lưng rồng mà bay đi khắp nơi, loại thần thoại kiểu này nhiều vô kể. Lại nói khi ông muốn khai thông Long Môn ở thượng nguồn Hoàng Hà, chỉ cần vẽ một lá bùa chú, trên trời liền có một vị cự linh thần hạ xuống. Vị cự linh thần ấy theo chỉ dẫn của Đại Vũ, một tay chống lên núi Hoa Sơn, hai chân đứng bên bờ đối diện Hoàng Hà, chẳng biết đẩy kiểu gì mà Long Môn liền mở toang. Chuyện ấy dĩ nhiên diễn ra rất nhanh, chỉ vài phút, nên trong chín năm ông mới có thể trị xong nước lụt khắp thiên hạ.

Nghe qua thấy khá lý thú, rốt cuộc là khoa học hay thần thoại? Ngẫm kỹ lại, trong đó có rất nhiều vấn đề. Thượng cổ đến máy móc còn chưa phát triển, đừng nói tới việc khai thông Long Môn, chỉ riêng việc huy động cả sức người trong nước đào một đoạn Trường Giang, cho ba mươi năm cũng chưa chắc xong, vậy vì sao chín năm trị thủy lại thành công? Những tư liệu kiểu này đều nằm trong *Đạo Tạng* của Trung Hoa, phải tìm trong truyện ký về Đại Vũ mới có.

Sơn Hải Kinh càng xem càng thấy kỳ quái, kể ra rằng trong loài người khắp thế giới có nước Xuyên Tâm (còn gọi Quán Hung), người sinh ra đã có một cái lỗ xuyên qua thân mình. Chỉ người quyền quý mới có lỗ ấy, kẻ thường dân thì không có, hoặc lỗ nhỏ hơn; cái lỗ ấy xuyên thẳng qua người, người quyền quý ăn cơm xong muốn đi đâu, kẻ hầu liền lấy một cây đòn xỏ qua, hai đầu ghé vào, hai người khiêng đi luôn. Ngoài nước Xuyên Tâm, còn đủ loại nước khác, đủ loại người khác nữa. Bây giờ không phải chúng ta đang bàn *Sơn Hải Kinh* cho vui đâu, mà chính người nước ngoài đang nghiên cứu; nghiên cứu tới nghiên cứu lui mới biết Đại Vũ quả từng đến nước Mỹ, gần đây còn có người công bố cả luận văn về việc này. Có một sinh viên người Mỹ hỏi tôi: thưa thầy, ở Đài Loan có mua được *Sơn Hải Kinh* không? Tôi bảo mua được chứ! Tôi chỉ chỗ cho anh ta, anh ta mua ngay một bộ, vội vàng đem về nghiên cứu.

Cá ở biển bắc

Chỗ gọi là bắc minh mà *Sơn Hải Kinh* nói tới, tương đương với cái ta gọi là Bắc Cực của địa cầu bây giờ. Điều này cần chú ý! Đủ thấy truyền thuyết Đạo gia thuở thượng cổ có quan niệm khoáng đạt hơn ta, cảnh giới học thuật tư tưởng cũng rộng lớn hơn ta nhiều; ngược lại đời sau chúng ta lại đem bắc minh thu hẹp thành cái gì đó như biển Bột Hải, làm phạm vi nhỏ đi. Trang Tử nói ở bắc minh có một con cá gọi là cá côn; con cá côn ấy lớn đến đâu? Không biết lớn đến mấy nghìn dặm.

Trang Tử nói con cá ấy, lạ thay, bỗng dưng một phen biến hóa, từ trong biển bay vọt lên trời, hóa thành chim, gọi là chim bằng lớn. Còn cái lưng nó thì sao? Chữ nghĩa Trang Tử dùng khoa học lắm chứ! Nói về lưng chim bằng, tả cái lưng con chim ấy lớn đến đâu, ông bảo không biết mấy nghìn dặm. Chỗ này thật lạ lùng, ta hãy bàn qua vấn đề này trước, đây chính là quan niệm khoa học của người Trung Hoa cổ đại. Các bạn trẻ nghe chắc sẽ cười, cho rằng chúng tôi đang thổi phồng khoa học một cách bừa bãi. Nhưng thực ra, nền văn hóa của tổ tiên người Trung Hoa từng đi trước thiên hạ trong lịch sử khoa học thế giới. Khi ta đã có khoa học rồi, văn hóa phương Tây còn chưa thấy bóng dáng đâu! Dĩ nhiên bây giờ ta lại tụt hậu mất mấy nghìn năm, toàn là không chịu cầu tiến, giờ đây không học theo người ta không được. Chúng ta còn có nhiều lý luận khoa học khác nữa, các bạn nghe chắc càng buồn cười hơn, nhưng thật hay giả thì còn chưa biết được, đừng vội cười. Ta biết con hươu có sừng trên đầu kia; tương truyền cá mập ngoài biển đến tuổi nhất định sẽ nhảy lên bãi cát, lăn một vòng, rồi chạy vào núi hóa thành hươu. Tin hay không tùy các bạn, kể hay không tùy tôi, tôi cũng chỉ đọc thấy trong sách người xưa mà thôi.

Nhưng có những thứ quả thật biến hóa thật sự. Ruồi, muỗi là từ giòi và lăng quăng biến ra; như con ngài là từ con tằm biến ra, đều là đạo lý của vật hóa cả. Con người chúng ta cũng là biến ra, là từ tinh trùng trứng noãn biến thành. Có một cuốn sách Đạo gia gọi là *Hóa Thư*, do vị thần tiên Đàm Tiễu cuối đời Đường đầu thời Ngũ Đại soạn ra, chuyên bàn về đạo lý vật hóa, cái gì biến thành cái gì, hết thảy đều đang biến hóa. Cho nên con người cũng đang biến! Tư tưởng, tuổi tác của mỗi người đều đang biến đổi. Đàn ông đến tuổi mãn dục, một người vốn hiền lành bỗng dưng biến thành cổ quái khó chịu, thần kinh bất ổn, vì tất cả đều đang biến cả! Theo tâm lý học mà nói, không phải người ấy biến xấu đi, mà là biến bệnh đấy! Có đúng không? Các bạn xem, chúng ta ngồi đây, ai cũng đang biến cả! Vốn dĩ mỗi người từng là đứa trẻ sơ sinh trong lòng mẹ, giờ đây biến thành cổ quái lạ lùng, như tôi đây, tóc cũng bạc trắng rồi, đều đang biến cả!

Cho nên ông nói, trong biển có một con cá, bỗng dưng một phen biến hóa, bay vọt lên trời, hóa thành một con chim bằng lớn. Chỗ này nêu ra hai việc, tức bốn chữ "trầm tiềm phi động": chìm xuống, lặn sâu trong biển cả, rồi bỗng một phen biến hóa mà bay xa vút cao. Chính là hai việc ấy.

Trang Tử ngay từ đầu đã nói cho ta biết đạo lý của đời người: khi một người gặp vận rủi, chẳng còn cách nào khác, thì hãy chìm lặn xuống đáy nước sâu, đừng động đậy gì cả. Trong nước sâu vốn có nhiều loài, sinh vật đáy biển nhiều vô kể! Sinh vật ở biển sâu đều rất to lớn, mà đáy biển sâu lại tối đen, không có ánh sáng. Sinh vật ở đó tự thân đều mang ánh sáng, mang điện, trên đầu hay trên cánh đều phát sáng. Cho nên kiến thức của Đạo gia rất uyên bác. Một người lúc trẻ tuổi, hay lúc tu đạo chưa thành, cần phải chìm lặn; tu đến một mức độ nào đó thì sẽ biến hóa, bay lên thăng hoa; Đạo gia nói cho ta ý nghĩa ấy, và Đạo gia cũng có cái thực tế ấy.

Có nhiều bạn trẻ thích tu đạo, hay hỏi bắc minh là gì? Nói theo thân thể ta, chỗ đan điền, phía dưới hải để, gọi là bắc minh. Đạo gia lại nói nam minh là gì? Là trên đỉnh đầu. Cho nên luyện tinh hóa khí, luyện khí hóa thần, luyện thần hoàn hư (tu luyện lần lượt hóa tinh thành khí, hóa khí thành thần, hóa thần trở về hư không), luyện tới đỉnh đầu, theo

nhà Phật mà nói, chính là đạo lý thiên bách ức hóa thân (trăm nghìn vạn ức hóa thân). Đạo gia, Phật gia giải thích Trang Tử theo hướng này, nhưng chúng ta không bàn sâu chuyện đó, chỉ giới thiệu kiến thức cho mọi người mà thôi.

Bằng chi bối bất tri kỳ kỷ thiên lý dã;
Lưng chim bằng không biết mấy nghìn dặm;

nộ nhi phi, kỳ dực nhược thùy thiên chi vân.
gắng sức mà bay, đôi cánh như đám mây rủ giữa trời.

Thị điểu dã, hải vận tắc tương tỉ ư nam minh.
Con chim ấy, khi hải vận nổi lên liền dời về biển nam.

Nam minh giả, thiên trì dã.
Biển nam ấy chính là ao trời.

Trang Tử nói con cá ấy hóa thành chim, lưng con chim, cũng như bản thân con cá trước khi chưa biến, cũng không biết lớn đến mấy nghìn dặm. Nhưng sau khi đã biến hóa rồi, nó còn dữ dội hơn cả lúc còn là cá: lưng chim đã mấy nghìn dặm, còn chưa tính đến đôi cánh. Đôi cánh ấy một khi xòe ra, như đám mây trên trời, che kín cả hai bên trời đất. Nói lớn đến đâu? Che kín luôn cả bán cầu đông lẫn bán cầu tây. Đây là lối văn của Trang Tử; muốn học cách nói khoác, muốn học viết văn, thì phải học Trang Tử. Tương truyền Đỗ Phủ, nhà thơ nổi tiếng đời Đường, khi làm thơ từng nói: **"ngữ bất kinh nhân, thệ bất hưu"** (lời chưa làm người kinh ngạc thì thề không thôi). Muốn nói ra lời khiến người kinh ngạc, phải học cái lối nói khoác lớn lao của Trang Tử. Các bạn trẻ có hứng thú viết lách, cần đặc biệt chú ý đến văn chương của Trang Tử, cũng như cảnh giới viết văn của ông.

Gắng sức mà bay

Vừa rồi nói tới lúc chim bằng lớn sắp cất cánh, Trang Tử có một câu để hình dung: **"nộ nhi phi, kỳ dực nhược thùy thiên chi vân"** (gắng sức mà bay, đôi cánh như đám mây rủ giữa trời).

Bay bằng cách nào? Bằng **"nộ nhi phi"** (gắng sức mà bay). Chữ "nộ" ở đây, tựa như đột nhiên nổi giận, khí liền dâng đầy lên. Trong *Kinh Dịch*, Khổng Tử cũng thường dùng chữ **"cổ"** (鼓 - cái trống) để hình dung sự tràn đầy: **"cổ vạn vật nhi bất dữ thánh nhân đồng ưu"** (làm cho vạn vật tràn đầy mà chẳng cùng lo với thánh nhân). Nếu nghiên cứu kỹ chữ Hán của mình, sẽ biết "cổ" chính là đầy. Cho nên khí đã tràn đầy thì gắng sức mà bay; một khi khí dồn lên tận cùng mới bay, không dồn lên thì không bay. Chữ "nộ" này không nhất thiết là nổi giận. Nộ ở đây là tính từ, giống như chữ "nỗ" trong nỗ lực vậy: sinh mệnh đến điểm tràn đầy cao nhất, nó liền cất cánh.

Cánh chim bằng lớn đến vậy, thân nó cất lên từ Bắc Cực, không biết đã mấy nghìn dặm, coi như đã chiếm hết nửa khoảng cách hai cực nam bắc. Rồi đôi cánh vừa xòe ra, cả bán cầu đông lẫn bán cầu tây lại bị nó trùm hết vào trong; cũng giống như trong kinh *Phật thuyết A Di Đà* tả cảnh chư Phật thuyết pháp: **"xuất quảng trường thiệt tướng, biến phú tam thiên đại thiên thế giới"** (hiện tướng lưỡi rộng dài, trùm khắp cõi tam thiên đại thiên thế giới). Bây giờ con chim bằng lớn này, lúc bay cũng y như thế.

"Thị điểu dã, hải vận tắc tương tỉ ư nam minh" (con chim ấy, khi hải vận nổi lên liền dời về biển nam). **"Hải vận"** (海運) đây không phải là hãng khai báo hải quan, cũng chẳng phải do Bộ Giao thông lập ra đâu. "Hải vận" chính là đại vận, "vận" nghĩa là động. Trang Tử không có cách nào khác, đành tự đặt ra cái tên "hải vận" ấy. Trong vũ trụ có

một động lực, sinh mệnh có một động năng, động năng ấy lớn như biển cả. "Vận" là xoay chuyển; động năng này một khi xoay chuyển, sinh mệnh ấy tất phải biến đổi.

Vốn dĩ là con cá trong biển sâu ở Bắc Cực, một phen biến hóa thành chim bằng lớn, gắng sức mà bay. Muốn bay phải có điều kiện; ta biết máy bay bây giờ khi cất cánh, nếu hướng gió không đúng, sức gió không đủ, sẽ bị cản trở không cất cánh được. Chim cũng vậy, con người cũng vậy, muốn bay phải có một thứ gì đó. Thứ đó là gì? Thứ đó đang xoay chuyển. Trong vũ trụ có một sức mạnh, theo nhà Phật là vòng xoay luân hồi; sức mạnh ấy đang chuyển động, nên mới đẩy nó cất cánh bay lên. Bay đến đâu? Bay đến biển nam, bay đến Nam Cực: **"hải vận tắc tương tỉ ư nam minh"** (hải vận nổi lên liền dời về biển nam). Trọng điểm cần chú ý là hai chữ "hải vận", mọi người thường hay đọc lướt qua mất.

Cho nên về sau Đạo gia giải thích việc tu đạo, Phật gia cùng phái Du già Ấn Độ giải thích khí mạch trong thân thể: khí phát động từ hải để, muốn thăng hoa lên tới đỉnh đầu là chuyện rất khó, ắt phải có một thứ trợ giúp; đợi khi khí mạch của bản thân tu luyện thành tựu, thì tự khắc có cái thứ trợ giúp ấy xuất hiện.

"Nam minh giả, thiên trì dã" (biển nam ấy chính là ao trời): nam minh khác với bắc minh, bắc minh là cội rễ của địa cầu, nam minh là nơi hư không nối liền với thái không, gọi là ao trời. Khoa học ngày nay đã phát triển, các nhà khoa học thế giới đều liên hợp nhau đi thám hiểm, nhưng việc thám hiểm Bắc Cực đến giờ cũng chỉ mới lờ mờ mà thôi, vì đến nay chưa ai hiểu rõ được: khi máy bay bay đến vùng trời trên Bắc Cực, kim la bàn liền mất tác dụng, bánh lái cũng chẳng còn tác dụng gì, vì nơi ấy đang xoay chuyển, đó chính là "hải vận". Cho nên máy bay đến vùng trời Bắc Cực thì mọi thứ đều vô dụng, chỉ lượn quanh mép rồi quay trở về. Các nhà văn khoa học viễn tưởng nói, nếu máy bay liều lĩnh hơn một chút bay thẳng vào Bắc Cực, sẽ bị sức hút từ trong lòng đất hút vào một cái lỗ. Cái lỗ ấy giống như miệng của cơ thể ta, hút vào rồi lại từ đầu kia thoát ra, đi tới tận Nam Cực. Tiểu thuyết khoa học viễn tưởng nói vậy, tiểu thuyết Trung Hoa từ xưa cũng đã từng nói y như thế: cũng như cơ thể ta, địa cầu thông suốt hai đầu. Rốt cuộc là tiểu thuyết hay là khoa học? Vẫn chưa ai biết được.

Nam Cực rốt cuộc ra sao? Bây giờ cũng chẳng ai dám nói chắc, khoa học hiện tại cũng chưa trả lời được, chỉ biết một vài tình huống bề ngoài mà thôi! Trang Tử cũng chỉ nói ra được đúng một câu **"nam minh giả, thiên trì dã"** (biển nam ấy chính là ao trời) mà thôi.

Ghi chép thần kỳ quái dị

Tề Hài giả, chí quái giả dã.

***Tề Hài* là sách chuyên chép chuyện quái dị.**

Hài chi ngôn viết:

Sách ấy nói rằng:

Bằng chi tỉ ư nam minh dã, thủy kích tam thiên lý,

Khi chim bằng dời về biển nam, nước bị vỗ tung ba nghìn dặm,

đoàn phù dao nhi thượng giả cửu vạn lý.

cưỡi gió xoáy mà bay lên cao chín vạn dặm.

Khứ dĩ lục nguyệt tức giả dã.

Ra đi vào tháng sáu, nhờ cái khí tức ấy vậy.

Có một cuốn sách tên *Tề Hài* (齊諧), là loại bút ký tiểu thuyết của người nước Tề. Người nước Tề là hậu duệ của Khương Thái Công, chữ **"hài"** (諧) chuyên kể những chuyện truyền kỳ nghe được. Cuốn sách này nay đã thất truyền, nhưng Trang Tử hẳn đã từng đọc qua, nó cũng tựa như cuốn *Sơn Hải Kinh* mà chúng ta đọc ngày nay. Chữ **"chí"** (志) nghĩa là ghi chép, chuyên ghi lại những chuyện thần kỳ quái dị thời cổ.

Trang Tử nói, các vị đừng tưởng ta khoác lác, đã có cuốn *Tề Hài* này làm chứng. Sách ấy chép rằng, khi con chim bằng lớn kia sắp bay tới Nam Cực, "nước bị vỗ tung ba nghìn dặm": đôi cánh vừa đập xuống, nước biển bị hất lên cao đến ba nghìn dặm! Ghê chưa! Nếu cánh nó lại nhấc lên cao sáu nghìn dặm nữa, cứ vỗ cánh ba mươi lần như vậy là đủ chín vạn dặm cao rồi, xem con chim ấy giỏi bay đến chừng nào! Nước bị vỗ tung ba nghìn dặm, rồi đôi cánh ấy vừa đập xuống, hất tung cả nước Đại Tây Dương lẫn Thái Bình Dương lên, hẳn chúng ta đã sớm phải phát báo động bão rồi. Còn con chim ấy thì sao? Nó cứ như máy bay mà tự mình bay vút lên.

Cách viết chữ **"đoàn"** (摶) trông tựa như đang vật lộn với gió. **"Phù dao"** (扶搖) là tên một trận cuồng phong; ngày nay người ta đặt tên cho từng cơn bão, người xưa cũng đặt tên cho gió lớn, trận cuồng phong ấy gọi là gió phù dao, chẳng biết lớn đến đâu. Chim bằng lớn kia hai cánh vừa đập, thân mình vừa cất lên, liền dấy nên một trận bão lớn gọi là gió phù dao, cuốn thẳng lên tận trời cao. Con chim ấy, ở độ cao chín vạn dặm, chúng ta chẳng còn trông thấy nữa; không phải vì mắt ta không thấy được chim, mà chỉ thấy trời đất đổi khác, không còn thấy mặt trời, ban ngày hóa tối, vì mặt trời đã bị nó che khuất.

Thôi được! Văn chương Trang Tử cứ nhảy đông nhảy tây như vậy, ông không tin sao? Ông trích hẳn một đoạn cổ thư ra cho nghe, ấy là tự nói tự nghe, khẳng định lời mình nói là thật, chẳng phải giả.

Chuyến bay tháng sáu

"Ra đi vào tháng sáu, nhờ cái khí tức ấy vậy": vấn đề đến đây rồi, con chim bằng lớn này sướng hơn chúng ta nhiều, tháng sáu, lúc chúng ta còn ngồi đây nghiên cứu sách Trang Tử, thì nó đã nghỉ hè, bay xuống phương nam hóng mát. Lời này người xưa nghe hẳn chẳng tin nổi, phương nam nóng chết đi được, sao chim bằng lại bay xuống phương nam? Người nay thì lại tin, vì biết Nam Cực lạnh tới âm bao nhiêu độ, rét thấu xương. Có lẽ chim bằng cảm thấy thế giới này đang lên cơn sốt, có khi băng ở Bắc Cực đã tan chảy, loài người làm loạn quá, nên nó phải bay tới tảng băng lớn ở Nam Cực mà hóng mát. Vấn đề là tại sao không phải tháng năm, không phải tháng tám, rằm tháng bảy cũng được vậy! Nhưng vì sao nó nhất định phải đi vào tháng sáu?

Đọc sách phải để ý! Vấn đề tháng sáu này, ai từng học *Kinh Dịch* ắt hiểu ngay. Đó chính là mười hai quẻ tích, hạ chí một hào âm sinh ra, kế đó là tháng sáu. Mười hai quẻ tích tượng trưng mười hai tháng trong năm, tức tượng trưng cho toàn bộ vòng xoay khí hậu của địa cầu. Vòng xoay của khí vận ấy phản ánh những biến đổi vật lý của địa cầu và vũ trụ.

Chữ **"tức"** (息) nghĩa là gì? Phải chú ý đến chữ Hán của mình. Tức không phải là hết đâu! Tức là sinh trưởng, cho nên hai chữ **"tiêu tức"** (消息 - tin tức) phải để ý. "Tiêu" là phóng ra, là tiêu hao, là hết. "Tức" là quay về mà sinh trưởng, là nạp điện, nạp xong rồi lại phóng ra! Cho nên nó đến đó vào tháng sáu là để bổ sung, để nạp điện. Hai lẽ "tức" và "tiêu" này cần phân biệt cho rõ.

Ta quay lại nhìn xem, điều Trang Tử nêu ra trước tiên là **"trầm tiềm phi động"** (chìm lặn, rồi bay vút), để nói rõ việc con cá lớn hóa thành chim bằng chính là khởi đầu của sự vật hóa, vạn vật đều đang biến đổi. Tiếp đó nói đến tháng sáu, tin tức đã đến, ông báo cho ta hay tin ấy.

Sức mạnh của sinh mệnh

Dã mã dã, trần ai dã.

Đó là ánh nắng chập chờn, đó là hạt bụi nhỏ.

Sinh vật chi dĩ tức tương xuy dã.

Muôn loài sống nhờ hơi thở mà thổi vào nhau.

"Dã mã" (野馬) là gì? Phải để ý, đây không phải một con ngựa hoang. "Dã mã" chính là cái mà kinh Phật gọi là dương diệm (ánh nắng chập chờn), một thứ ảo ảnh của ánh mặt trời, cũng chính là điều sách xưa gọi là ảo cảnh trên biển. Khi đi biển, ta bỗng thấy phía trước tựa như có một vùng đất nào đó, thấy cả phố xá, có người qua lại. Kỳ thực đó là giả, là ảo ảnh trên mặt biển; ở vùng sa mạc cũng có hiện tượng này. Những ai từng ngồi xe chạy trên đường cao tốc vào mùa hè hẳn đều biết, khi nắng gắt chiếu xuống, đoạn đường phía trước nhìn cứ như có nước. Nhưng khi thật sự đi tới đó, chẳng thấy một giọt nước nào, đó chính là dương diệm, là bóng phản chiếu của mặt trời. Cái bóng phản chiếu ấy trên đường, nếu chiếu trên mặt biển, thì gọi là ảo cảnh trên biển, cũng là một hiện tượng biến đổi vật lý. Dùng từ ngữ văn học ngày nay mà nói, đó chính là "phóng ảnh"; "dã mã" chính là chỉ thứ ấy.

"Trần ai" (塵埃) là nói đến hạt bụi nhỏ nhất của vật chất, kinh Phật thường dùng hai chữ **"vi trần"** (微塵). Trang Tử nói bụi khi đã nhỏ đến cùng cực, sẽ chẳng còn nhìn ra là bụi nữa. Đây là hai câu miêu tả, tả trọn mọi trạng thái vật lý.

Sinh mệnh trên đời, lớn thì như con cá lớn kia, hóa thành chim bằng to lớn dường ấy. Loài người chưa đủ để gọi là lớn, nhưng cũng không phải nhỏ nhất, vì nhỏ nhất phải như một hạt bụi bé xíu kia. Lại còn một loại sinh mệnh khác nữa, tựa như ảo ảnh vậy.

Những cái bóng ấy, những sinh mệnh ấy, sống trên đời này đều nương vào một sức mạnh mà tồn tại: "muôn loài sống nhờ hơi thở mà thổi vào nhau". Đến đây ông đã điểm ra chủ đề rồi: sức mạnh ấy gọi là tức, cũng chính là cái mà người tu đạo đời sau gọi là **"khí"** (炁); không có khí này thì chết. Nhưng luồng khí ấy, tuyệt nhiên không phải là khí của không khí. Cho nên "đó là ánh nắng chập chờn, đó là hạt bụi nhỏ, muôn loài sống nhờ hơi thở mà thổi vào nhau": chính là luồng khí sinh mệnh ấy, giống hệt đứa trẻ thổi kẹo cao su, thổi cho nó phồng to lên, sinh mệnh nhờ vậy mới sung mãn. Không có luồng khí ấy thì xẹp lại, xẹp rồi là lão hóa, lão hóa đến cùng chính là cái chết.

Luồng khí ấy thổi cho lớn lên rồi thì sao? Chính là "gắng sức mà bay", tức là đã phồng căng lên, có thể thăng hoa được rồi. Một tác dụng vật lý như thế, ai nấy đều phải để ý! Cái **"thổi"** (吹) trong **"xuy ngưu"** (吹牛 - thổi trâu, tức nói khoác) cũng chính do Trang Tử thổi ra, cái "thổi" trong **"thổi khí"** (吹气) cũng là thổi thật, sinh mệnh chính là một thứ như vậy đó.

Văn chương Trang Tử, câu này chỗ này câu kia chỗ khác, xem qua tưởng như chẳng liên quan gì, nhưng kỳ thực chỗ nào cũng liền mạch với nhau. Chỉ có điều, cách đọc của người nay đã mất hết ý vị. Phải đọc theo lối đọc cổ văn, ngâm nga như đọc văn tế ở nhà đám tang vậy, người xưa đọc sách đều theo cách ấy. Phải ngâm lên như thế mới nhận ra văn ông một mạch viết liền, giữa chừng không hề đứt đoạn.

Trời xanh đến đâu, xa đến đâu

Thiên chi thương thương, kỳ chính sắc da?

Trời xanh thăm thẳm kia, phải là màu thật của nó chăng?

Kỳ viễn nhi vô sở chí cực da?

Hay vì xa đến mức không cùng cực?

Kỳ thị hạ dã, diệc nhược thị tắc dĩ hĩ.

Khi từ trên nhìn xuống, cũng chỉ như vậy mà thôi.

Ông đặt ra ba câu hỏi cho ta. Ông bảo, khi ta ngẩng đầu nhìn trời, thấy trời quang mây tạnh, không một gợn mây, xanh biếc, cái màu xanh biếc ấy gọi là **"thương thương"** (蒼蒼), ta cho đó là trời xanh. Ông nói, ta hỏi ngươi, trời thật sự màu xanh sao? Ngươi đã từng trèo lên trời mà nhìn xuống chưa? Ông bảo, cái màu xanh ấy gọi là trời, vậy thì màu đen của đêm nay chẳng phải trời sao? Cũng là trời đấy chứ! Sáng mai mặt trời lên, cái ánh trắng trắng thấy trên trời, cũng là trời đấy chứ! Xem đó, Trang Tử khoa học biết bao, lô-gic biết bao!

Câu hỏi thứ nhất ông đặt ra cho ta: ngươi cho rằng cái trời xanh biếc kia chính là màu thật của trời sao? Chữ **"da"** (邪) ở đây là dấu hỏi mang giọng cảm thán. Nói cách khác, rốt cuộc trời màu gì, ngươi chẳng có cách nào xác quyết được! Vì trời luôn biến đổi, vì nó vốn là hư không, chẳng có một màu cố định nào cả. Cho nên đọc Trang Tử phải chú ý những câu hỏi ông đặt ra, sau mỗi câu hỏi còn ẩn chứa vô số câu hỏi khác nữa.

Câu hỏi thứ hai: "hay vì xa đến mức không cùng cực?" Ngươi cho rằng vũ trụ này lớn vô hạn chăng? Xa đến mức không thể xa hơn được nữa chăng? Với câu hỏi này, ông không đưa ra đáp án. Cho nên đời sau có người nói, Thiền tông Trung Hoa hoàn toàn chịu ảnh hưởng của Trang Tử, lối dạy của Thiền tông xưa nay chẳng bao giờ cho sẵn đáp án, mà bắt người học tự mình trả lời lấy. Ông nói: ngươi cho rằng vũ trụ xa đến mức không đáy chăng? Nếu ngươi nói phải, ông liền bảo, vậy thì chỗ ta đang đứng đây cũng có thể coi là một điểm khởi đầu của vũ trụ rồi, ta còn sờ được nó đấy! Vũ trụ ở ngay đây, sao ngươi còn bảo nó không đáy được? Đây đã là vấn đề lô-gic rồi. Cho nên "ngựa trắng chẳng phải ngựa", "ngựa trắng chẳng phải trắng", cứ tranh biện như thế thì chẳng bao giờ dứt.

Câu hỏi thứ ba: "khi từ trên nhìn xuống, cũng chỉ như vậy mà thôi." Ông nói, khi đứng trên tầng cao nhìn xuống chúng ta ở phía dưới, cũng như thế giới bên trên nhìn xuống thế giới bên dưới ta vậy, liệu có giống như từ dưới nhìn lên hay không? Đó lại là một vấn đề. Ngày nay nhiều người từng đi máy bay, khi bay lên độ cao vài nghìn mét, nhìn xuống dưới, nhìn Đài Loan, cả hòn đảo hiện ra như bức tranh vẽ của trẻ con, trông khá thú vị. Nhìn những tòa nhà cao tầng kia, chỉ bé như hộp diêm, tuyệt chẳng phải những tòa nhà cao mà ta đứng dưới đất nhìn lên. Vị trí đứng khác nhau thì góc nhìn đã khác hẳn rồi. Hai câu hỏi này của ông chẳng bác bỏ ai cả, nhưng đã lật nhào, đã phủ định trọn cảnh giới hiểu biết của chúng ta. Chớ tưởng kiến thức của mình đã đủ, quan niệm của ngươi có khi sai lầm, chưa chắc đúng mà cũng chưa chắc sai. Ngươi cho rằng con cá kia chẳng hóa thành chim bằng được sao? Có đấy. Ngươi cho rằng vũ trụ là như vậy sao? Chẳng phải như vậy đâu. Nhưng ông không nói thẳng ra như thế, nói thẳng ra thì đâu còn là Trang Tử nữa; ông chỉ nêu vài câu hỏi, mà một khi suy xét kỹ mấy câu hỏi ấy, toàn bộ quan niệm của ngươi sẽ bị lật nhào hết. Cho nên, người ta không thể cố chấp vào thành kiến, cứ tưởng mình luôn đúng.

Tấm lòng rộng như biển cả

Thả phù thủy chi tích dã bất hậu, tắc phụ đại chu dã vô lực.

Vả lại nước chứa mà không sâu dày, thì chẳng đủ sức chở nổi thuyền lớn.

Phúc bôi thủy ư ao đường chi thượng, tắc giới vi chi chu;

Đổ chén nước xuống chỗ trũng trên sân nhà, thì cọng cỏ nổi được làm thuyền;

trí bôi yên tắc giao, thủy thiển nhi chu đại dã.

đặt cái chén lên đó thì mắc cạn, vì nước cạn mà thuyền lại lớn.

Ông lại kể thêm một câu chuyện, mang một đạo lý khác. Ông nói, nước trong biển cả nếu không đầy ắp, không sâu dày đến thế, thì chẳng có cách nào cho thuyền lớn đi lại được. Con thuyền nặng biết bao vạn tấn, muốn nổi lên mà đi trên biển, giả như không có lớp nước sâu dày ấy, liệu có được chăng? Ông đưa ra một ví dụ: giả sử ta rót đầy một cốc thủy tinh nước, "phúc bôi thủy" tức là đổ cốc nước ấy ra, lấy móng tay khoét một cái hố nhỏ trên đất, đổ cốc nước ấy vào cái hố nhỏ kia, thì nước trong hố nhỏ ấy có chở nổi con thuyền mấy vạn tấn chăng? Chỉ khi trẻ con chơi đùa, coi hạt cải như chiếc tàu viễn dương lớn của Anh, mới có thể thả nó nổi lềnh bềnh trong vũng nước nhỏ ấy.

Ông nói, nếu đổ một cốc nước vào cái hố to bằng đúng cái cốc ấy, rồi đặt cái cốc tròn kia lên trên, coi nó như thuyền, tất nhiên cũng chẳng nổi lên được! Nhích không nổi, mắc cạn tại chỗ, vì nước cạn mà cốc lại lớn. Xem đó mới thấy Trang Tử khéo ăn nói biết bao, đọc thấu Trang Tử rồi thì cũng thông cả thiền vậy; chỉ một việc như thế mà đã có mấy tầng ý nghĩa. Trước hết, ông nói thẳng cho ngươi biết: nước phải sâu dày như biển cả, mới có thể chứa nổi cá lớn, thuyền lớn đi lại trong đó. Nếu không có sức chứa sâu rộng như biển cả, thì cái hố nhỏ kia đựng một cốc nước, nổi được một hạt cải, đó chỉ là cái vĩ đại trong mắt trẻ con mà thôi; nếu đặt cái cốc kia lên trên nữa, thì nhích cũng không nổi. Tất cả đều là vấn đề sức chứa lớn hay nhỏ.

Đây chính là đang nói về kiến giải, tầm nhìn, tư tưởng, kiến địa của đời người; khí độ, học vấn, tầm vóc, tấm lòng của mỗi người đều khác nhau. Ngươi muốn nên nghiệp lớn, lập công lớn, thì phải tu dưỡng khí độ của mình cho rộng như biển cả; phải bồi đắp học vấn năng lực của mình cho sâu như biển cả. Ngươi muốn tu đạo, muốn đủ tư chất để tu đạo, trước hết phải biến mình thành mênh mông như biển cả. Cho nên kinh Phật mới tả đôi mắt Phật A Di Đà **"cám mục trừng thanh tứ đại hải"** (mắt biếc trong vắt như bốn biển lớn), vừa xanh vừa lớn, như cả bốn đại dương gộp lại. Còn mắt chúng ta thì quá bé nhỏ, có khi ngay cả lòng trắng mắt cũng chẳng thấy đâu! Tự nhiên tầm nhìn và khí phách đều chẳng ra gì. Mấy câu này hé lộ vô vàn ý nghĩa, rồi ông lại quay về nói tiếp điều kiện để chim bằng lớn kia có thể cất cánh bay lên.

Gió lớn bay cao

Phong chi tích dã bất hậu,
Gió chứa mà không dày,

tắc kỳ phụ đại dực dã vô lực.
thì không đủ sức cõng đôi cánh lớn.

Cố cửu vạn lý, tắc phong tư tại hạ hĩ.
Cho nên bay lên chín vạn dặm, gió mới ở phía dưới thân nó.

Nhi hậu nãi kim bồi phong;
Từ đó về sau mới cưỡi được gió;

bối phụ thanh thiên nhi mạc chi yểu át giả,
lưng đội trời xanh mà chẳng gì ngăn trở được,

nhi hậu nãi kim tương đồ nam.
từ đó về sau mới tính chuyện bay về phương nam.

Chữ **"kim"** (今 - nay), có người chủ trương cứ đọc theo nguyên văn là kim; sách xưa lại chủ trương thêm một chấm, biến thành chữ lệnh (令 - mệnh lệnh), nên tôi nói rõ cho mọi người biết, cả hai cách hiểu đều có thể chấp nhận được. Ông nói con chim bằng lớn kia muốn bay, nhất định phải có gió, nếu sức gió không đủ, đôi cánh không cách nào giương ra được, thì chẳng thể cất mình lên nổi. Chim bằng bay lên đến độ cao chín vạn dặm, cả tầng khí quyển đều nằm dưới thân nó. Trang Tử rất khoa học; ai từng học về hàng không đều hiểu, máy bay muốn cất cánh, hướng gió không thuận thì không cất cánh được; giữa vùng loạn lưu cũng không thể cất cánh, máy bay trực thăng gặp phải sẽ bị rơi ngay trong đó. Máy bay gặp loạn lưu, phải vội bay vọt lên cao, vượt khỏi vùng loạn lưu ấy. Chim muốn cất cánh, bên dưới phải nhờ vào sức gió, gió càng mạnh thì cất cánh càng dễ, đôi cánh chỉ cần vỗ nhanh một cái là bay lên ngay. Giả sử sau này ta tu đạo mà thành công, muốn cất mình bay lên cũng vậy, cũng phải mượn một chút sức gió mới bay lên được, đó cùng là một đạo lý.

Lấy đạo lý này ví với đời người: ngươi muốn sự nghiệp thành công, thì phải có vốn liếng, mà vốn liếng chính là gió của ngươi. Có biết bao thanh niên, đòi thế này, đòi thế nọ, nói mãi rồi hỏi ngươi có vốn không? Một đồng cũng không có, tức là ngươi chẳng có gió, tất nhiên chẳng bay lên nổi. Vậy thì cứ ngoan ngoãn ở nhà mà ngồi thiền đi! Không bay cũng tốt thôi! Muốn bay thì phải bồi đắp sức gió ấy, gió càng mạnh thì bay càng cao. Cho nên, người trẻ tuổi muốn làm nên sự nghiệp, thì học vấn, năng lực, tài trí của mình đều phải tu dưỡng cho đầy, đó chính là gió của ngươi. Gió càng mạnh thì càng bay được lên cao chín vạn dặm, nhìn xuống phía dưới, ấy là cái gọi là tung hoành thiên hạ, muôn vật trong thiên hạ đều nằm dưới chân mình, nhỏ bé vô cùng. Đến lúc ấy, ngươi đã chẳng còn thấy mình vĩ đại nữa, chẳng còn gì để nói là vĩ đại nữa.

Từ trên cao nhìn xuống, nếu có một bậc anh hùng đứng đó, mặc áo dài, tay cầm đại đao, thì từ trên cao nhìn xuống ngươi còn tưởng đó là đứa trẻ con nào đang nghịch cái gì. Hãy thử nghĩ xem cảnh giới ấy, cái cảnh giới đời người ấy có ý nghĩa gì đâu! Nếu từ trên cao nhìn xuống, thấy hai người dưới kia đang cãi nhau, thì cũng chẳng khác gì nhìn hai con kiến đánh nhau, biết đâu chỉ cần lấy ngón tay bấm một cái là giải quyết xong cả hai. Thử nghĩ xem cảnh giới đời người ấy! Trong đó còn biết bao tầng đạo lý nữa! Đều là những công án của Thiền tông cả.

Kế đó ông nói tiếp: vì sức gió lớn đến thế, nên con chim bằng lớn kia mới bay lên được, lưng đội trời xanh. Trời xanh xa đến đâu? "Mà chẳng gì ngăn trở được", chẳng biết xa đến đâu! Vô lượng vô biên! Chỉ trong một cảnh giới trống rỗng thênh thang như thế, nó mới "tính chuyện bay về phương nam", mới có thể đến được cực nam. Đạo gia cho rằng cực nam là biểu tượng của cõi trường sinh bất lão, nên gọi sao Thọ là Nam Cực tiên ông. Cảnh giới mà con chim bằng lớn ấy bay qua, phải trống rỗng thênh thang đến thế, mới có được thành tựu như vậy. Nếu tư tưởng, khí độ của một con người không trống rỗng thênh thang, thì coi như xong, chẳng khác gì cái chén nước trong vũng nhỏ dùng làm thuyền, mãi mãi không nhích đi đâu được. Phải có cảnh giới cao xa, trống rỗng thênh thang, mới có thể tự do tự tại mà bay lượn giữa cõi nhân gian, giữa vũ trụ này, mới đạt được cái gọi là Tiêu Dao; bằng không thì chữ **"tiêu"** (消) ấy hóa ra tiêu hao, chữ **"dao"** (摇) ấy hóa ra run rẩy, tiêu hao hết rồi thì chỉ còn nước run rẩy mà thôi. Cái Tiêu Dao mà Trang Tử nói tới, là Tiêu Dao thật sự; đọc xong cuốn sách Trang Tử này, tấm lòng của chính mình cũng sẽ vút bay lên mà mở rộng ra.

Nhớ khoảng mười mấy hai mươi năm trước, có một người, địa vị cũng khá cao, từ Nam Đầu đến thăm tôi. Ông ta nói chuyện toàn "hừ" "hử", nên chúng tôi gọi ông là "Hừ Hử nhị tướng". Ông bảo dạo này phiền não lắm, ngồi thiền cũng chẳng giải quyết được gì, phải làm sao? Tôi bèn khuyên ông đọc Trang Tử, sau đó ông kể lại với tôi, đọc xong Trang Tử thấy dễ chịu vô cùng, có cảm giác được giải thoát, giờ cũng chẳng "hừ" cũng chẳng "hử" nữa.

Chim bằng lớn và chim nhỏ

Điều dữ học cưu tiếu chi viết:

Ve sầu và chim cưu nhỏ cười nó rằng:

Ngã quyết khởi nhi phi, thương du phường,

Ta vụt bay lên, đâm vào cây du cây phường,

thời tắc bất chí nhi khống ư địa nhi dĩ hĩ.

có lúc bay không tới nơi, rơi xuống đất là cùng.

Hề dĩ chi cửu vạn lý nhi nam vi?

Cần gì phải bay chín vạn dặm mà xuống phương nam?

"Điều" chính là một loài côn trùng, loài gì vậy? Là con ve sầu. Trang Tử nói tới mỗi sự vật, đều nhắc tới sự biến hóa của vạn vật; trong đông y có một vị thuốc gọi là thiền thoái (xác ve), con ve sầu ấy mùa hè kêu trong bóng cây nghe rất hay, đến mùa thu thì lột xác biến hình mà chui ra, để lại cái vỏ rỗng, người ta gọi đó là thiền thoái, dùng làm thuốc. Ai bị khản cổ, thiền thoái có thể hạ hỏa, giúp cất được tiếng như con ve vậy. Lại còn học cưu, là một loài chim nhỏ; con sâu nhỏ và con chim nhỏ ấy đều chưa từng thấy chim bằng lớn bao giờ, chỉ nghe người ta kể lại chuyện ấy mà thôi. Chim nhỏ và sâu nhỏ nghe chuyện chim bằng lớn thì cười, bảo con chim bằng ấy thật lắm chuyện, việc gì phải bay xa đến thế, đến tận cực nam làm gì? Như ta đây này, "vụt bay lên" là xong.

Hãy để ý cách hành văn của Trang Tử: chim bằng lớn bay thì gọi là "gắng sức mà bay", bay rất cao; chim nhỏ bay thì gọi là "vụt bay lên", tức là "phực" một tiếng bay qua, "phực" một tiếng lại nhảy về. Ta vẫn hay hình dung một kẻ nào đó "phực" một cái là qua, tiếng ấy chính là để tả việc bay chẳng được xa, phải không? Nếu đem tả chim bằng lớn mà nói "phực" một cái tới tận cực nam, thì không đúng rồi. Cho nên, từ ngữ miêu tả rất có quan hệ; "gắng sức mà bay" khác hẳn với bay kiểu "phực". "Vụt bay lên" chính là bay kiểu "phực", mà con chim nhỏ ấy còn khoái chí với cái sự bay "phực" của mình lắm. "Đâm vào cây du cây phường" là bay từ cái cây nhỏ này sang đám cỏ kia, thế cũng đã xa lắm rồi! Từ trên lầu này bay ra phía sau, một cái là bay tới nơi ngay, cũng khoái chí ra phết. "Có lúc bay không tới nơi", chẳng may bay không tới, rơi xuống, thì "rơi xuống đất là cùng". Chẳng qua chỉ là rơi xuống đất mà thôi, cũng chẳng chết được, đó chính là cách bay của chim nhỏ.

Một con gà mái già, khi bị ta đuổi gấp quá, cũng sẽ "cục cục cục" mà "phực" một cái bay lên, bay được hai ba bước là tới phía trước rồi. Nó cũng tự thấy mình ghê gớm lắm, tự thấy mình vĩ đại lắm. Cảnh giới đời người khác nhau nhiều đến thế, cho nên chim nhỏ mới cười con chim bằng lớn kia, bảo lão huynh ấy thật là thừa thãi! "Cần gì phải bay chín vạn dặm mà xuống phương nam?" Bay chín vạn dặm đến tận cực nam để làm gì cơ chứ?

Trang Tử chỉ kể đến đấy thôi, không nói thêm nữa, chẳng còn gì nữa, chỉ cho ta biết: con chim nhỏ ấy cười con chim bằng lớn. Mọi người hãy để ý! Đừng ai làm con chim nhỏ ấy cả. Trên đời có những người tài giỏi, khi họ chưa ngóc đầu lên được, luôn có kẻ này cười, kẻ kia chê, đó chính là cái tấm lòng của con chim nhỏ, sử sách còn ghi lại rất nhiều chuyện như vậy. Cuối đời Đường, kẻ cướp ngôi soán quốc, mở ra thời Tàn Đường Ngũ Đại, xưng là hoàng đế nhà Lương, tức Chu Ôn, khi chưa làm hoàng đế thì khốn khổ vô cùng, mẹ dẫn ba anh em ông đi ở đợ cho người ta, bản thân ông cũng phải làm thuê làm mướn. Ông chủ ấy ngày nào cũng mắng ông: cái thằng này, người thì to lớn, làm việc thì lười biếng, chỉ giỏi khoác lác. Chu Ôn bị mắng tức quá, đáp lại: các người chỉ là bọn nhà quê, dân quê mùa, chỉ biết xây nhà tậu của, đâu hiểu được cái chí của bậc trượng phu chúng ta! Ông chủ ấy liền định đánh ông. Mẹ ông chủ thấy vậy nói: chớ đánh nó, thằng này tiền đồ khôn lường, phải đối xử cho tử tế. Ông chủ ấy quả đúng là một con chim nhỏ. Bà cụ liền hỏi Chu Ôn: việc này ngươi không chịu làm, việc kia ngươi cũng không chịu làm, vậy rốt cuộc ngươi muốn

làm gì? Ông đáp: bà cho tôi mượn ít khí giới đi săn, tôi vào núi săn thú cho bà, kiếm chút thịt rừng ngon cho bà ăn! Bà cụ nói: được! Ngươi cần gì, ta đều giúp cho hết. Về sau Chu Ôn lên ngôi hoàng đế, đã đón bà cụ ấy về cùng với mẹ mình, chính là để tạ ơn bà. Còn với ông chủ kia thì căm ghét đến mức chỉ muốn giết đi, vì cái thói con người ấy nhãn quan hẹp hòi, khinh người. Cho nên mọi người nhìn người khác, hãy mở rộng tầm mắt ra một chút, đừng biến mình thành con chim nhỏ ấy. Đoạn này Trang Tử không kể tỉ mỉ, tôi đem chuyện sử sách ra mà kể vậy thôi.

Hành trình có chuẩn bị

Thích mãng thương giả, tam xan nhi phản, phúc do quả nhiên;
Người sáng đi tối về, ăn đủ ba bữa là quay lại, bụng vẫn còn no;

thích bách lý giả, túc thung lương;
người đi trăm dặm, phải giã gạo để dành lương ăn qua đêm;

thích thiên lý giả, tam nguyệt tụ lương.
người đi ngàn dặm, phải gom góp lương thực ba tháng.

Chi nhị trùng hựu hà tri?
Hai con vật nhỏ kia lại biết được gì?

Tiểu tri bất cập đại tri, tiểu niên bất cập đại niên.
Cái biết nhỏ không bằng cái biết lớn, tuổi thọ ngắn không bằng tuổi thọ dài.

Hề dĩ tri kỳ nhiên dã?
Do đâu mà biết được như thế?

"Thích" nghĩa là gì? Chính là đi đường từ chỗ này sang chỗ kia. Sắc trời buổi sớm, cổ văn gọi là "mãng"; sắc trời buổi tối gọi là "thương". Thời Nam Bắc triều có một bài thơ: "Trời xanh thăm thẳm, đồng nội mênh mông, gió thổi cỏ rạp, hiện đàn bò dê." Đó là cảnh trời tối ở vùng Tây Bắc. Ở Đài Loan thì cảnh "mãng" ấy là lúc trời vừa hửng sáng, mặt trời vừa nhô lên núi; vì khí hậu khác nhau nên mới có hai cách hình dung khác nhau như thế. Ông nói, một người chuẩn bị sáng ra khỏi nhà, chiều tối về, "ăn ba bữa rồi về", nghĩa là ăn sáng xong mới ra đi, trưa ăn một bữa ở nhà bạn, tối thì đã tính về nhà ăn cơm chiều rồi. "Bụng vẫn còn no", ông nói cái bụng ấy vẫn còn no căng. Giả sử chuẩn bị đi một trăm dặm thì sao? Lại khác rồi, phải mang theo chút lương khô. Đường xa hơn một chút, có khi hai ba ngày mới về; còn nếu đi một ngàn dặm, thì sự chuẩn bị lại càng khác, phải mang lương thực đủ dùng hai ba tháng.

Trang Tử tựa hồ rất sành việc đi xa, chỉ cho ta biết ra đường phải chuẩn bị thế nào; nói cách khác, chính là chỉ cho ta thấy cảnh giới của đời người. Kẻ có tiền đồ xa rộng, thì phải có kế hoạch xa rộng; người có tầm nhìn nông cạn, chỉ nhìn vào cái trước mắt, nắm được hôm nay là đủ, chẳng cần biết đến ngày mai. Có người tầm nhìn rộng hơn một chút, chỉ nắm lấy ngày mai, mà không biết còn có ngày kia. Lại có người, hôm nay, ngày mai, ngày kia đều chẳng cần, họ muốn nắm lấy cái vĩnh viễn. Bởi thế mới nói tiếp: "Hai con vật nhỏ kia lại biết được gì?" Kết luận đến rồi đấy, hai con vật bé nhỏ ấy hiểu được cái gì! Cái phạm vi hiểu biết của chúng ra sao! Chúng cũng từng bay, như con gà mái già kia bay được ba bước vậy thôi! Cho nên mới nói "cái biết nhỏ không bằng cái biết lớn".

"Tri" (cái biết) đây là kiến địa, là phạm vi của một loại tri thức, bao gồm cả học vấn, tầm nhìn, khí độ. Một người sinh ra không có tầm nhìn, chỉ thấy được cái trước mắt, có nhìn xa hơn một chút thì cũng vẫn hữu hạn; một người có viễn kiến, có kiến giải cao xa, mới lập nên được nghiệp lớn muôn đời, mới có được sự vĩ đại lâu bền. Cho nên "cái biết nhỏ không bằng cái biết lớn", trí tuệ lớn nhỏ đều có phạm vi riêng của nó. "Tuổi thọ ngắn không bằng tuổi thọ dài",

đời người có dài có ngắn, có kẻ tự mình không nắm được sinh mệnh, sống được vài chục năm, cùng lắm tám chín chục năm, đầy một trăm năm rồi cũng chết. Không biết nắm giữ sinh mệnh, thì cũng không thể nắm giữ thời gian, đó chính là "tuổi thọ ngắn không bằng tuổi thọ dài".

Phần trước đã nói tới điểm then chốt của thiên *Tiêu Dao Du*, phần đầu tiên nêu ra là vật hóa. Cái tác dụng của vật hóa, điểm then chốt thứ nhất chính là **"trầm tiềm phi động"** (chìm lặn, rồi bay vút). Đây là quan niệm khoa học về sinh vật, hóa học của Trung Hoa cổ đại, chỉ thuộc về khoa học thời cổ mà thôi, chớ đem quan niệm khoa học hiện đại ra mà so sánh. Còn đúng hay không đúng, để đó chờ khảo chứng thêm. Ý của Trang Tử là bàn về đạo lý biến hóa, và lấy việc cá côn biến thành chim bằng lớn ra làm ví dụ.

Điểm then chốt thứ hai, là nói rằng mọi sinh vật, mọi sinh mệnh trong vạn hữu, sở dĩ biến hóa được, là vì ở giữa có một thứ gì đó khiến chúng biến hóa. Trang Tử đặt cho thứ ấy một cái tên, gọi là **"tức"** (息). "Tức" đây chính là tiêu tức, tức là cái tiêu tức nói trong *Kinh Dịch*. Đạo gia đời sau gọi nó là **"khí"** (氣), cho rằng vạn vật đều do khí mà hóa ra. Cách hành văn của Trang Tử, cái đạo lý ông nói, là đem tất cả học vấn, tri thức của cõi nhân gian quy về cảnh giới "tỷ lượng" theo thuật ngữ Phật học, chứ không phải cảnh giới "hiện lượng".

Cái gọi là "hiện lượng", chính là cái thực tại hiển hiện ra ngay trước mắt. Ta nay mượn thuật ngữ Phật học để hiểu cái đạo lý mà Trang Tử nói tới. Ông cho rằng kiến giải và tri thức của loài người, kinh nghiệm sống của con người, thảy đều là "tỷ lượng", không phải là cái thực. Bởi vậy, cùng một khí hậu, cùng một không gian, cùng một thời gian, cùng một sắc màu, cùng một món ăn, mà mỗi người cảm nhận lại chẳng giống nhau. Tất cả đều mang tính so sánh, đều thuộc về "tỷ lượng". Cái đã so sánh thì không tuyệt đối, không phải là chân thật. Trang Tử cho rằng có tỷ lượng về nặng nhẹ, tỷ lượng về trí tuệ, tỷ lượng về lớn nhỏ. Mỗi con người, tùy theo phạm vi tri thức của mình, nhìn sự vật đều khác nhau, đều chỉ là sự so sánh mà thôi.

Văn chương Trang Tử đẹp quá đỗi, thoạt nhìn cứ như nói câu này câu nọ chẳng đâu vào đâu, nhưng nếu gỡ rõ được cái mạch lô-gic của toàn bài, thì thấy nó rất có trật tự mạch lạc; ông vòng vo mà đánh trúng, cười cợt mà mắng nhiếc, nói cả mặt phải lẫn mặt trái; chính vì tuổi thọ dài ngắn khác nhau, nên trí tuệ, cảnh giới, mức độ hiểu biết của con người cũng khác nhau.

"Do đâu mà biết được như thế?" "Hề dĩ" là lối viết trong cổ văn, từ đời Tần Hán cho tới đời Thanh, người ta đều dùng lối viết này, tức là "hà dĩ" ngày nay, dịch sang bạch thoại là "vậy thì, làm sao mà biết được". "Do đâu mà biết được như thế?" nghĩa là làm sao biết được cái đạo lý ấy đây? Dưới đây ông nêu ra một ví dụ.

Dài ngắn của sinh mệnh

Triêu khuẩn bất tri hối sóc,

Nấm sớm nở tối tàn chẳng biết được đầu tháng cuối tháng,

huệ cô bất tri xuân thu, thử tiểu niên dã.

ve huệ cô chẳng biết được xuân thu, đó là tuổi thọ ngắn.

Sở chi nam hữu Minh Linh giả,

Phía nam nước Sở có loài rùa tên Minh Linh,

dĩ ngũ bách tuế vi xuân, ngũ bách tuế vi thu.

lấy năm trăm năm làm một mùa xuân, năm trăm năm làm một mùa thu.

Thượng cổ hữu Đại Xuân giả,

Thời thượng cổ có loài cây tên Đại Xuân,

dĩ bát thiên tuế vi xuân, bát thiên tuế vi thu.

lấy tám nghìn năm làm một mùa xuân, tám nghìn năm làm một mùa thu.

Nhi Bành Tổ nãi kim dĩ cửu đặc văn,

Còn Bành Tổ đến nay vẫn nổi danh riêng vì sống lâu,

chúng nhân thất chi, bất diệc bi hồ!

mà người đời lại đem mình ra sánh với ông ấy, chẳng cũng đáng buồn sao!

"Nấm sớm chẳng biết đầu tháng cuối tháng", ông lấy loại nấm hương này ra làm ví dụ: sau một trận mưa lớn, ở những nơi ẩm thấp tối tăm, sáng hôm sau nơi gốc cây đã mọc lên mấy cụm nấm trắng, đó là sự hóa sinh của loài nấm thực vật. Loại vật này "chẳng biết đầu tháng cuối tháng". Hối là ngày cuối cùng của mỗi tháng, sóc là ngày mồng một đầu tháng. Nói cách khác, loại sinh vật này tuổi thọ chưa đầy một tháng; giả sử nó sinh ra vào đầu tháng, thì nó chẳng bao giờ thấy được cuối tháng, nên nó chẳng biết trên đời có cái gọi là một tháng.

Lại có một loài côn trùng khác gọi là huệ cô, biến hóa giống như ve sầu vậy. Ve sầu là loài sinh vật sống vào mùa hè, qua mùa thu là chết. Sau mùa thu trời lạnh thì nó không kêu được nữa, người xưa gọi nó là **"hàn thiền"** (ve mùa lạnh); văn học Trung Hoa có câu "câm như ve mùa lạnh", để ví một người bị hoàn cảnh dọa cho sợ hãi, chẳng dám hé răng nửa lời, giống hệt con ve gặp trời lạnh vậy. Những sinh vật này chỉ sống được một mùa, chẳng biết trong một năm còn có mùa xuân mùa thu, nên nói "ve huệ cô chẳng biết xuân thu, đó là tuổi thọ ngắn". Lại còn có những vi khuẩn nhỏ hơn nữa, chỉ có tuổi thọ vài phút, hoặc chỉ vài giây. Ta thấy chúng thật đáng thương, vì ta sống được bảy tám chục năm, tự cho mình là ghê gớm lắm. Kỳ thực những sinh vật chỉ có vài giây sinh mệnh ấy cũng đã sống trọn một đời, cũng vui sướng lắm chứ. Cái cảnh giới cảm nhận này, mỗi người mỗi khác, mỗi sinh mệnh đều khác nhau. Cái nhỏ thì ta dễ hiểu, nhưng cái lớn thì lại chẳng dễ tin được.

"Phía nam nước Sở có loài rùa tên Minh Linh, lấy năm trăm năm làm một mùa xuân, năm trăm năm làm một mùa thu." Cái loài Minh Linh sống được một ngàn năm ấy là thứ gì vậy? Kỳ thực đó là một loài rùa, rùa lớn. Khi ta tặng quà chúc thọ người ta, chẳng phải là biểu tượng con rùa thì cũng là biểu tượng con hạc trắng. Hai loài sinh vật này đều sống rất lâu. Rùa ngàn năm có thể không chết, vì chúng có thể ăn khí, thi thoảng chỉ ăn chút sinh vật nhỏ và vi khuẩn mà thôi.

Đem một con rùa đè dưới góc tường, nó có thể mấy chục năm, một trăm năm không ăn gì mà cũng chẳng chết. Nhưng nó vẫn phải thở, thò đầu ra, gặp con sâu nhỏ nào đến trước mặt là nuốt luôn, nuốt được một con sâu bay nhỏ là đủ rồi, chẳng khác gì ta vào nhà hàng ăn một bữa thịnh soạn. Khi nó đói, thò đầu ra hít một hơi, rồi lại thụt vào, nín thở thật lâu, nên mới có thể sống được rất lâu như thế.

Có sách giải thích rằng Minh Linh là một loài thực vật, cách hiểu ấy không thật thỏa đáng. Minh Linh chính là một loài rùa; rùa có rất nhiều loại, loài rùa lớn này giống như đồi mồi ngoài biển, thường thấy nhiều ở phía nam sông Trường Giang, nên mới nói "phía nam nước Sở có loài Minh Linh"; chúng có thể sống được một ngàn năm, năm trăm năm tính là mùa xuân, năm trăm năm tính là mùa thu.

"Thời thượng cổ có loài cây tên Đại Xuân, lấy tám nghìn năm làm một mùa xuân, tám nghìn năm làm một mùa thu." Lấy tuổi thọ của chúng ta mà xét, một ngàn năm đã ghê gớm lắm rồi, nhưng sự thật còn chưa dừng ở đó; thời

thượng cổ có một loài cây gọi là Đại Xuân, lấy tám nghìn năm làm một mùa xuân, tám nghìn năm làm một mùa thu, tính ra sinh mệnh của nó dài đến một vạn sáu nghìn năm. Cây Đại Xuân này, dưới mắt Đạo gia thì chẳng có gì lạ cả, vì Đạo gia cho rằng con người có thể luyện tinh hóa khí, nếu công phu dưỡng khí tu luyện thành công, thì có thể cùng trời đất nghỉ ngơi, cùng nhật nguyệt trường tồn; tuổi thọ có thể đạt đến lâu dài như vũ trụ, dài lâu như mặt trời mặt trăng vậy.

Có một số học giả Trung Hoa không dám tin vào chuyện cây Đại Xuân, họ cho rằng đó chỉ là điều Trang Tử bịa ra để nói. Nhưng bất luận Trang Tử nói thật hay nói giả, thì dù sao tuổi thọ của sinh vật có khi lên tới mấy nghìn năm cũng là sự thật; cây thần trên núi A Lý Sơn chính là một ví dụ.

"Còn Bành Tổ đến nay vẫn nổi danh riêng vì sống lâu", Bành Tổ là người nổi tiếng sống thọ nhất Trung Hoa, ai cũng biết ông sống được tám trăm tuổi. Bành Tổ là người thời vua Nghiêu, họ Tiễn, tên Khanh, được vua Nghiêu phong đất ở Bành Thành, nên cũng gọi là Bành Tổ, là người nước Sở ở phương nam. Tuy nói sống được tám trăm tuổi, nhưng tính từ thời thượng cổ mà nói, cái tuổi thọ ấy đem so với Lão Tử thì cũng chẳng thấm vào đâu. Trong truyện ký của Đạo gia, chẳng ai biết Lão Tử sống được bao nhiêu tuổi, vì đời nào ông cũng xuất hiện, đời nào ông cũng đổi một họ khác. Cái tên Lão Tử mà ta vẫn nói tới ngày nay, là cái tên vào thời nhà Chu. Còn tuổi thọ thật sự của ông, thì chẳng ai biết được.

Bành Tổ sống được tám trăm tuổi, là điều sử sách có ghi chép làm chứng, nên Trang Tử mới nêu ra rằng: tuổi thọ như Bành Tổ đã là dài nhất rồi, "nổi danh riêng vì sống lâu", là nổi tiếng đặc biệt vì sống lâu nhất. "Mà người đời lại đem mình ra sánh với ông ấy, chẳng cũng đáng buồn sao!" Lấy tuổi của Bành Tổ mà nói, sống được tám trăm năm, đem so với chúng ta những người bình thường thì thật quá nhỏ bé; sống được vài chục năm đã được gọi là cụ ông cụ bà, thật vừa đáng thương vừa đáng buồn. Ngày xưa có một chuyện cười kể rằng: trong tiệc mừng thọ, khách chúc cụ ông thọ tinh sống lâu bằng Bành Tổ, cụ ông đáp: "Các người coi thường ta rồi, Bành Tổ mới sống có tám trăm tuổi, ta còn muốn sống một ngàn tuổi cơ." Khách nói: tôi tìm không ra ghi chép nào như thế cả! Cụ ông đáp: "Các người đọc sách ít quá, chẳng từng nghe câu này sao? Người tốt chẳng sống lâu, kẻ gây họa lại sống cả ngàn năm đấy!"

Đoạn này của Trang Tử, vẫn đang nói về con chim bằng lớn, chỉ là ở giữa xen thêm rất nhiều câu chuyện khác, dùng cách ví von để nói rõ rằng vì phạm vi tri thức của con người có hạn, nên cái tỷ lượng về cảnh giới, trí tuệ của mỗi người mới khác nhau. Tuổi thọ dài ngắn, cũng là căn cứ vào cái tỷ lượng tri thức của con người mà ra cả. Người xưa khen văn chương Trang Tử mênh mông cuồn cuộn, tức là cái nghĩa bác đại, giống như sóng trong biển cả, chẳng biết có bao nhiêu là con sóng, nhưng gộp lại thì vẫn chỉ là một biển cả mà thôi. Văn chương Trang Tử, đọc đến sau lại quên mất đoạn trước, nhưng kỳ thực tự nó có lô-gic, có quy luật riêng. Đối với chuyện vật hóa, ông lại đưa ra thêm một cách thuyết minh khác từ mặt trái, dẫn lại một kinh nghiệm trong lịch sử cổ đại.

Ao trời nơi biển bắc

Thang chi vấn Cức dã thị dĩ.

Việc Thang hỏi Cức, chính là chuyện ấy vậy.

Cùng phát chi bắc hữu minh hải giả, thiên trì dã.

Phía bắc vùng Cùng Phát có biển tối, đó chính là ao trời.

Hữu ngư yên, kỳ quảng số thiên lý,

Ở đó có cá, bề rộng đến mấy nghìn dặm,

vị hữu tri kỳ tu giả, kỳ danh vi côn.

chưa ai biết được chiều dài của nó, tên gọi là côn.

"Việc Thang hỏi Cức, chính là chuyện ấy vậy": Thương Thang khi đó hỏi một người cao minh, có học vấn, có đạo đức tu dưỡng, người ấy tên là Cức. Từ chuyện này có thể chứng minh, chuyện Trang Tử kể về loài cá ở biển bắc, bỗng hóa thành chim bằng lớn bay về cực nam, là chuyện có thật, không phải chuyện bịa.

Nhà đại văn học đời Tống là Tô Đông Pha, mọi người vẫn đùa gọi ông là Tô Đông Bì, văn chương của ông cũng cười đùa mắng chửi đủ cả, đều là học theo Trang Tử, cũng là nói câu đông câu tây. Ở đây cụm **"cùng phát chi bắc"** (穷发之北) mà Trang Tử nói, là chỗ nào vậy? Trước hết nói xem **"cùng phát"** (穷发 - tóc trên mặt đất, tức là cỏ) là gì. Ở dân tộc phương bắc, nơi cực bắc, đến cả cỏ cũng không mọc được, đó gọi là cùng phát, tức là chỉ vùng từ nước Nga trở lên Bắc Cực; vì vậy mới gọi người Nga là dân cùng phát. Điểm này phải nghiên cứu *Sơn Hải Kinh* cùng lịch sử thượng cổ Trung Hoa mới hiểu được. Đoạn văn này chứng minh rằng biển bắc mà Trang Tử nói chính là Bắc Cực, ở phía bắc nước Nga, đến tận vùng cực bắc. Vậy nên cùng phát chính là tên vùng đất ấy, thời cổ cũng là tên một dân tộc. Phía bắc của cùng phát là nơi cực bắc nhất, "có biển tối" tức là có một vùng biển tối, chính là biển bắc mà Trang Tử đã nhắc đến từ đầu.

"Đó chính là ao trời." Ở trên Trang Tử từng nhắc, chim bằng lớn bay về nam, bay đến biển nam, đó là ao trời; nay lại quay ngược lại, vì sao lại nói Bắc Cực cũng là ao trời?

Về điểm này, nghiên cứu khoa học, vật lý thượng cổ Trung Hoa thì sẽ hiểu được. Đi đến Bắc Cực rồi cứ tiếp tục đi thẳng, chính là đến Nam Cực. Nam Cực và Bắc Cực nối liền với nhau, vì trái đất giống như một quả bóng da, hình tròn; đi đến Bắc Cực rồi, đi tiếp là đến Nam Cực, đi đến Nam Cực rồi, đi tiếp lại là đến Bắc Cực. Nhưng mà, nếu thật sự đến được chỗ Bắc Cực Nam Cực ấy, thì ngươi ra không được nữa, vì tâm trái đất có một sức hút, hút ngươi vào trong. Nghe nói bên trong trái đất còn náo nhiệt lắm, còn có một thế giới khác, còn tốt đẹp hơn cả chỗ chúng ta, vào được trong đó rồi thì trường sinh bất tử, sống không chỉ một vạn sáu nghìn năm, chỉ có điều rất khó mà vào được.

Nghe nói ở Cam Túc Trung Quốc, phía sau mộ phần của tổ tiên người Trung Hoa là Hoàng Đế, có một cái hang, từ đó có thể đi vào sâu trong lòng đất. Ngoài ra ở cao nguyên Tây Tạng, cùng những nơi như Tứ Xuyên và núi Hoa Sơn ở Thiểm Tây, đều có mấy cái hang, có thể đi thẳng đến tâm trái đất. Rốt cuộc thực hư ra sao? Chúng ta đành tạm gác những chuyện thần thoại này sang một bên.

Đoạn chuyện này, vì sao Trang Tử lại nhắc lại lần nữa? Ông chỉ muốn nói rằng tri thức con người có hạn, nên kẻ ở cảnh giới nhỏ không thể biết được cảnh giới lớn; tuổi thọ, kinh nghiệm con người có hạn, nên không có cơ hội thấy được cảnh giới lớn. Nói vòng vo một hồi rồi, ông lại đưa ra kinh nghiệm khảo cổ của mình, nêu chứng cứ lịch sử. Trong văn hóa thượng cổ Trung Hoa, Thương Thang năm xưa cũng từng hỏi câu hỏi tương tự, đủ thấy vấn đề này đã lưu truyền từ thượng cổ. Ông nói biển bắc có một con cá, bề rộng của nó không biết mấy nghìn dặm, "chưa ai biết được chiều dài của nó". **"Tu"** (脩) tức là dài, không biết con cá này dài bao nhiêu. Trong văn học ngày nay hình dung một người thân hình cao ráo thon dài, chữ **"tu"** (脩) với chữ **"tu"** (修) dùng thông nhau. Con cá lớn này tên gọi là côn.

Lớn và nhỏ

Hữu điểu yên, kỳ danh vi bằng,

Có một loài chim, tên gọi là bằng,

bối nhược Thái Sơn, dực nhược thùy thiên chi vân,

lưng nó như núi Thái Sơn, cánh nó như đám mây rủ giữa trời,

đoàn phù dao dương giác nhi thượng giả cửu vạn lý,

cuốn theo gió phù dao, gió dương giác mà bay lên chín vạn dặm,

tuyệt vân khí, phụ thanh thiên,

vượt qua tầng mây, cõng trời xanh trên lưng,

nhiên hậu đồ nam, thả thích nam minh dã.

rồi mới nhắm hướng nam, bay đến biển nam.

Xích yến tiếu chi viết: bỉ thả hề thích dã?

Chim xích yến cười nó mà rằng: "Nó định bay đi đâu vậy?

Ngã đằng dược nhi thượng, bất quá số nhận nhi hạ,

Ta nhảy vọt lên, chẳng qua vài nhận rồi lại rơi xuống,

ngao tường bồng hao chi gian, thử diệc phi chi chí dã.

bay lượn giữa đám cỏ hoang, đó cũng là tột cùng của việc bay rồi.

Nhi bỉ thả hề thích dã?

Còn nó thì định bay đi đâu chứ?"

Thử tiểu đại chi biện dã.

Đó chính là sự khác biệt giữa nhỏ và lớn vậy.

Ở đây Trang Tử lại nhắc lại câu chuyện này lần nữa. "Phù dao" là tên một cơn gió, chúng ta đã nói đến ở phần trước. **"Dương giác"** (羊角 - sừng dê) cũng là một loại gió, vậy gió dương giác là gì? Không phải là chứng động kinh, thứ bệnh khiến người ta ngã lăn ra đất, méo miệng, run rẩy, sùi bọt mép, mà tiếng Trung cũng gọi là **"dương giác phong"** (羊角风). "Dương giác" ở đây chính là loại gió giống như lốc xoáy, từ mặt đất cuộn lên, xoáy tròn như sừng dê vậy.

Gió phù dao là gió khởi lên từ đáy biển, thổi lên từ mặt biển, tức là loại gió mà ngày nay gọi là bão, nên hai loại gió này là khác nhau. Gió thời thượng cổ đều có tên riêng, giống như bão ngày nay đều có tên vậy. Chữ **"đoàn"** (抟/摶 - cuốn lấy) này rất hay, không phải chữ **"bác"** (搏 - đánh nhau) trong "bác đấu", nhưng cũng mang ý tranh đấu, là tranh giành với gió, cuộn gió lại làm một; đôi cánh chim bằng lớn bao trùm lấy cả trận cuồng phong, nên mới bay lên được tới chín vạn dặm trên không.

"Tuyệt vân khí" (vượt qua tầng mây), đến chỗ cao nhất, tầng khí quyển ở phía dưới nó rồi, nên gọi là tuyệt vân khí. Trên không cao không còn mây nữa, tức là đã đến rìa của không gian vũ trụ. **"Phụ thanh thiên"** (cõng trời xanh trên lưng), ở tầng cao nhất không những không có mây, mà đến cả không khí cũng không còn, nhưng phía trên không gian vũ trụ vẫn còn cái đó, văn học Trung Hoa gọi là thanh thiên (trời xanh), có khi cũng gọi là thanh minh.

Nói đến đây, ta hãy bàn thêm về mối liên hệ giữa văn học Trung Hoa với văn hóa thượng cổ, thật là kỳ diệu. Kỳ diệu ở đâu? Cái gọi là **"minh"** (冥 - tối, mờ mịt), tức là bầu trời thanh minh nơi không gian vũ trụ, phía trên chẳng có vật gì, nhìn không thấy được. Nay khoa học của chúng ta đã đến được mặt trăng, ngoài phạm vi trái đất còn có một khoảng tối đen, kỳ thực đó chính là cái thanh minh mà người thượng cổ Trung Hoa đã hiểu được từ xưa. Nơi ấy tối

đen, chẳng có gì cả, cái khoảng trống rỗng ấy nằm giữa trái đất chúng ta với các tinh cầu khác, nên vừa gọi là thanh thiên, vừa gọi là thanh minh. Đoạn này chính là để giải thích câu **"nhiên hậu đồ nam"** (rồi mới nhắm hướng nam), có ý định bay về phương nam, bay về Nam Cực, **"thả thích nam minh dã"** (bay đến biển nam), tức là đã đến Nam Cực.

"Xích yến cười nó mà rằng: nó định bay đi đâu vậy?" **"Xích yến"** (斥鴳) chính là một loài chim sẻ nhỏ, còn **"hề thích"** (奚适) tức là nói việc gì phải đến tận nơi ấy làm chi. Chim sẻ nhỏ cười chim bằng lớn, việc gì phải bay đến tận Nam Cực làm chi? "Ta nhảy vọt lên, chẳng qua vài nhận rồi lại rơi xuống, bay lượn giữa đám cỏ hoang, đó cũng là tột cùng của việc bay rồi." Chim nhỏ nói, việc gì phải bay vất vả đến thế? Như ta đây, nhảy một cái cao vài thước, bay một cái cao vài trượng, cũng đã tốt lắm rồi. Bay xuống đứng một lúc giữa đám cỏ hoang, chẳng phải cũng là bay đó sao? Bay cũng sướng lắm chứ! Việc gì cứ phải bay cao bay xa đến thế? "Còn nó thì định bay đi đâu chứ?" Chim bằng lớn việc gì phải bay xa đến tận nơi ấy làm chi! Cuối đoạn này Trang Tử nói "đó chính là sự khác biệt giữa nhỏ và lớn vậy". Đây chính là lời kết luận.

Nếu ta dùng lô-gic để xem bài văn này, Trang Tử bắt đầu từ câu đầu tiên "biển bắc có cá", đến đây thì đưa ra một kết luận: ông nói người thường không tin vào chuyện vật hóa, vì sao lại không tin? "Đó chính là sự khác biệt giữa nhỏ và lớn", vì trí tuệ, cảnh giới của mỗi người lớn nhỏ khác nhau, nên mới không tin được đạo lý này.

Ở trước chúng ta từng nhắc đến, con người có thể thoát khỏi sự trói buộc của thế giới vật lý vũ trụ, mà tìm được cái tự tại, tự do thật sự của sinh mệnh mình. Đồng thời cũng nói rõ rằng, ở đời dù làm người làm việc, cho đến việc tu đạo, trước hết phải có kiến giải cao xa, có tầm nhìn xa mới có thể thành tựu; kiến giải không cao, phạm vi tri thức không rộng, thì thành tựu cũng có hạn. Cái thành tựu có hạn ấy, có thể cũng giống như con chim nhỏ kia, nhảy một cái, bay cao vài trượng, rồi nghỉ lại, đứng trên đám cỏ rối, theo gió mà đung đưa, cũng ung dung tự tại lắm. Khi có người đến bắt, "phực" một cái nhảy lên, là đã bay đến đậu trên cành cây kia rồi. Cái cảnh giới nhân sinh này, cũng sống trọn một đời, cũng sống rất vui vẻ.

Việc này cũng giống như trẻ con chơi đùa với nước vậy, thả một chiếc lá nhỏ vào trong chén trà, hoặc lấy một cái vỏ đậu nành, cho nổi trên mặt nước, hai đứa trẻ có thể chơi cả ngày; này, xem chiếc thuyền của tớ đã đến New York rồi kìa! Xem này, cập bến rồi! Lấy miệng thổi phù phù, gió lớn nổi lên rồi! Hai đứa trẻ, chơi vui biết bao. Cái cảnh giới ấy của chúng, với cái cảnh giới của chúng ta bây giờ đi làm ăn, kiếm được mười triệu đô la, thì cũng sung sướng như nhau cả thôi! Cảnh giới cũng là như nhau. Người thích ăn ớt cay, cay đến toát mồ hôi đầy đầu, với người thích ăn ngọt, cái cảnh giới sung sướng ấy cũng như nhau cả, chỉ khác nhau ở chỗ cay khác, ngọt khác mà thôi.

Chim bằng bay muôn dặm

Câu chuyện Trang Tử kể đây, ở những chỗ nhỏ nhặt trong đời sống, đã ảnh hưởng đến Trung Hoa không biết bao nhiêu năm, bao nhiêu người, đến cả việc đặt tên cũng không tách rời được nó. Nhạc Phi, hiệu là Bằng Cử, chính là lấy từ thiên này, lấy ý chim bằng lớn. Cũng có người đặt tên là Đồ Nam. Thần tiên đời Tống là Trần Đoàn, nhà tôi có treo một đôi câu đối **"khai trương thiên ngạn mã, kỳ dị nhân trung long"** (mở ra ngựa nơi bờ trời, kỳ lạ thay rồng trong đám người), chính là do ông viết. Cái tên Trần Đoàn của ông, chính là lấy từ câu "đoàn phù dao dương giác nhi thượng giả cửu vạn lý". Trần Đoàn có tự là Đồ Nam, tự hiệu là Phù Dao Tử, cũng chính là những chữ trong thiên này của Trang Tử. Xưa nay không biết có bao nhiêu người mang tên Đồ Nam, tên Bằng. Lại như khi chúc mừng người ra đi học hành xa, thường nói "chim bằng bay muôn dặm", sức ảnh hưởng của Trang Tử lớn lao đến mức khó lòng diễn tả hết.

Xin nêu thêm một ví dụ nữa: thời Nam Đường có một nhà văn học tên là Cao Việt, khi người này còn chưa gặp thời, thì cảnh giới văn học của ông đã rất cao rồi. Nam Đường là thời Ngũ Đại Thập Quốc, lúc ấy thiên hạ rất loạn, quân phiệt chuyên quyền, mỗi kẻ hùng cứ một phương, trên cùng một mảnh đất Trung Hoa mà có đến tám chín nước, ai nấy đều xưng vương xưng đế. Cao Việt sau khi quy thuận Nam Đường, ban đầu đến nương nhờ vị nguyên soái trấn đất Ngạc tên là Trương Tuyên, nhưng mãi lâu vẫn không được trọng dụng, Cao Việt bèn viết một bài thơ, mượn điển tích này của Trang Tử:

Tuyết trảo tinh mâu thế sở hy, ma thiên chuyên đãi chấn mao y. (móng như tuyết, mắt như sao, đời hiếm có; chỉ chờ ngày cọ trời, giũ tung bộ lông cánh)

Ngu nhân mạc mạn trương la võng, vị khẳng bình nguyên thiển thảo phi. (quan coi rừng chớ uổng công giăng lưới bắt, ta chẳng thèm bay lượn nơi đồng bằng cỏ thấp)

Ông tự ví mình như một con chim bằng lớn, móng vuốt chim bằng trắng như tuyết. **"tinh mâu"** (星眸 - mắt sao) là đôi mắt chim bằng sáng như những vì sao trên trời vậy. Đôi cánh, chính là điều Trang Tử đã nói, bay lên chín vạn dặm, vượt qua tầng mây, cõng trời xanh trên lưng. Cách bay như vậy trong cảnh giới văn học gọi là **"ma thiên nhi phi"** (摩天而飞 - cọ trời mà bay), cọ sát với bầu trời. Nên mới nói "chấn mao y", tức là xòe lông vũ ra mà bay lên cao đến thế. "Ngu nhân mạc mạn trương la võng", "ngu nhân" (虞人) là một chức quan thời cổ Trung Hoa, coi sóc muông thú trong núi rừng, tương đương với bộ trưởng bộ nông lâm ngày nay, hoặc chức giám đốc vườn thú hoang dã; ý nói ngươi đừng có hòng giăng lưới ra mà bắt ta, con chim bằng lớn này. "Vị khẳng bình nguyên thiển thảo phi", nói thẳng cho ngươi biết, chỗ này của ngươi nhỏ quá, còn chẳng đủ cho ta vỗ cánh một cái nữa là! Chỗ nhỏ thì bay không nổi, ta chẳng thèm bay ở đây. Bài thơ này, thể hiện chí khí phi thường, có lận đận một chút cũng chẳng sao, rồi đây thế nào cũng phải "vượt qua tầng mây, cõng trời xanh trên lưng". Lỡ có rơi xuống, thì nay đã có tàu con thoi vũ trụ giữ lấy ngươi rồi, người trẻ tuổi nhất định phải có cái chí khí này mới được.

Văn học Trung Hoa phần lớn đều được rút ra từ Trang Tử; có một bức tranh cổ nhân, chỉ vẽ một con chim đứng trên cành cây, mỏ ngậm chặt chẳng động đậy, chỉ có mỗi một con chim như thế. Cảnh giới tranh vẽ Trung Hoa, nhất định phải kết hợp với văn học, tự mình biết đề thơ viết chữ mới hay. Người này cầm bút đề một câu, khiến bức tranh trở nên tuyệt tác, cũng là mượn chuyện con chim mà ví von: **"thế vị thường lai hồn thị lạp, mạc giao khai khẩu hướng nhân đề"** (mùi vị ở đời nếm vào toàn như sáp ong, chớ để mở miệng mà than khóc với người). Mùi vị ở đời, chẳng có chút ý vị gì cả, giống như nhai sáp trắng vậy. Nhưng dù con người có gian nan khốn khổ đến đâu, cũng đừng đem than thở với bạn bè, càng đừng đi oán trách người khác; phải ngậm chặt miệng lại, giống như con chim này vậy. Đó là sự thật đấy! Ngươi đói bụng ba ngày không có gì ăn, đem chuyện ấy nói với người ta, người ta chưa chắc đã thương cảm cho ngươi, có khi còn cười ngươi nữa. Chỉ có tự mình tìm cách, đi kiếm lấy bánh mì mà ăn thôi, không có bánh mì thì tìm vụn bánh mà ăn, đó cũng chính là "chẳng thèm bay lượn nơi đồng bằng cỏ thấp" vậy.

Những câu chuyện thuộc loại này, đều xuất phát từ Trang Tử, trong chư tử bách gia, nhất là ở Phật gia, Đạo gia, loại chuyện như thế rất nhiều. Nếu ngươi đọc sách nhiều, sẽ phát hiện văn hóa Trung Hoa, ở rất nhiều chỗ đều có liên hệ mật thiết với thiên *Tiêu Dao Du* của Trang Tử, nhất là hình tượng chim bằng lớn, mối liên hệ ấy lại càng mật thiết hơn nữa.

Ngươi là thứ vật liệu gì

Cố phù tri hiệu nhất quan, hành tỷ nhất hương, đức hợp nhất quân, nhi chinh nhất quốc giả,

Vậy nên kẻ trí đủ giữ một chức quan, hành vi trội hơn cả một làng, phẩm đức hợp với một vị vua, tài năng đủ trị được một nước,

kỳ tự thị dã diệc nhược thử hĩ.

thì cách họ tự nhìn nhận mình cũng giống như thế đó.

Nhi Tống Vinh Tử do nhiên tiếu chi.

Vậy mà Tống Vinh Tử vẫn còn mỉm cười trước những kẻ ấy.

Thả cử thế nhi dự chi nhi bất gia khuyến,

Bởi lẽ dù cả thiên hạ đều khen ngợi ông, ông cũng chẳng vì thế mà thêm gắng sức;

cử thế nhi phi chi nhi bất gia trở,

dù cả thiên hạ đều chê trách ông, ông cũng chẳng vì thế mà nản lòng.

định hồ nội ngoại chi phân, biện hồ vinh nhục chi cánh, tư dĩ hĩ!

Ông định rõ đâu là phần trong, đâu là phần ngoài, phân biệt rạch ròi vinh nhục, thế là đủ rồi!

Bỉ kỳ ư thế vị sác sác nhiên dã.

Ông đối với đời chưa từng vội vã cầu cạnh điều gì.

Tuy nhiên, do hữu vị thụ dã.

Tuy vậy, ông vẫn còn chỗ chưa lập được trọn vẹn.

Thiên *Tiêu Dao Du* này của Trang Tử, bắt đầu từ việc nói về sự biến hóa của vạn vật, nay đến đoạn thứ hai, là bàn về sự biến hóa của con người, tức là từ "vật hóa" chuyển sang "nhân hóa". Nói cách khác, phần trước đã nói đến là sự biến hóa tự thân của vạn vật trong thế giới vật lý, phần dưới đây nói đến sự biến hóa của tâm trong thế giới tinh thần.

Nói đến sự biến hóa của tâm, trong lĩnh vực tri thức con người, có sự khác nhau về cảnh giới, trí tuệ, mức độ tỷ lượng. Thế hệ thanh niên học trò chúng ta, phải có khả năng gánh vác trách nhiệm nối tiếp người trước mở đường người sau, gánh vác trọng trách văn hóa, nên phải đặc biệt lưu tâm đến chữ nghĩa. Từ năm nay, tôi đặc biệt yêu cầu các bạn học chú ý việc học chữ nghĩa, vì trình độ mọi người kém quá, kém đến mức không còn cách nào mà làm cách mạng văn học được nữa, vì đã chẳng còn cái mạng nào để mà cách nữa. Nên nay phải trồng lại cái gốc rễ sinh mệnh của văn hóa từ đầu.

Kỳ thực đoạn này rất dễ hiểu, mỗi câu, mỗi chữ đều phải để ý, tôi xin nói trước về mặt quốc văn. **"Cố phù"** (故夫), theo bạch thoại ngày nay thì là "vậy nên", hai chữ này chẳng có ý nghĩa gì đặc biệt cả, là chữ hư. Nhưng vì sao nhất định phải dùng chữ hư? Văn chương Trang Tử, cũng như cổ văn khác, đều phải đọc lên, khi đọc thì như hát vậy, bằng trắc âm vận, vang lên sang sảng rõ ràng. Muốn hát cho trôi chảy, giữa chừng phải lấy hơi, lúc lấy hơi mà không thêm vào một chút "ô hô!", "cố phù!" thì đọc không trôi được, sẽ nghe như đang cãi nhau, âm điệu không đúng. Cảnh giới của chữ nghĩa vốn mềm mại, như một khúc nhạc rất hay, nên nó mới kéo dài âm điệu ra như thế.

"Tri hiệu nhất quan" (trí đủ giữ một chức quan), phải để ý chữ **"hiệu"** (效) này. Có người tri thức của họ có chỗ dùng được, chỗ dùng được ấy chính là thành hiệu, hiệu quả. Phạm vi học vấn tri thức của họ, cái tài năng trời sinh của họ, nếu là để làm quan, là thứ vật liệu để làm công chức, để họ làm quan thì rất có hiệu quả; bảo họ làm việc khác thì lại không được. Ví như nhiều người trong chúng ta làm văn học, viết văn chương, bảo họ viết văn luận đạo lý thì đều rất giỏi; nhưng ống nước hỏng, bảo họ đi sửa, họ sẽ làm gãy luôn cái ống nước mất. Nói cách khác, cái sở trường của

họ là viết văn, chứ không có cách nào sửa ống nước. "Tri hiệu nhất quan" tức là có đủ tri thức năng lực để làm một chức quan.

"Hành tỷ nhất hương" (hành vi trội hơn cả một làng), khi ngươi viết cổ văn, cũng như viết bạch thoại vậy, mỗi chữ đều phải theo lô-gic. Suy nghĩ phải rõ ràng, định nghĩa đặt ra phải xác đáng, trừ phi viết bài báo tin tức, vì máy đang chạy rồi, phút sau là phải in ra, nói kiểu gì cũng được, đưa tin ra, đọc hiểu được là xong, dù sao tuổi thọ của nó cũng chỉ năm phút, đọc xong tờ báo là vứt. Nếu muốn giữ được lâu hơn một chút, thì bài văn ấy không thể cẩu thả được. Đây là lời nói ngoài đề.

Có người, hành vi của họ có thể xem là "hành tỷ nhất hương", tức là trong cái làng ấy thì nổi trội hơn cả. Chuyện này Trung Quốc hay nước ngoài đều giống nhau, đi đến một vùng thôn quê nào đó, ngươi hỏi thăm xem, người nào nổi tiếng nhất, bất kể là bậc thân sĩ hay là kẻ lưu manh, hành vi của người đó, so với người khác trong làng, kể là xuất sắc hơn cả, có thể có chút vai trò lãnh đạo; dù không được bầu làm nghị viên, cũng có thể làm một đại biểu dân làng, điều đó cũng không dễ dàng gì, vì người ấy là kẻ cầm đầu trong làng, là nhân vật đỉnh cao.

Nhưng người được xem là đứng đầu trong một làng, đem ra so với cả nước thì lại không ăn thua gì, vì nhân tài cả nước thì nhiều lắm. Có người tri thức đủ hiệu năng để làm quan, mà làm quan có thể làm đến tể tướng, nhưng lại không thể làm hoàng đế, nên nhất định họ phải ở dưới một người. Trong lịch sử có rất nhiều tể tướng tài giỏi, nếu để họ làm hoàng đế, thì hỏng việc ngay. Lại có người có thể làm quan, nhưng chỉ làm được quan nhỏ thôi, nếu đưa họ lên làm quan lớn, thì họ sẽ hỏng mất, bị đè chết ngay.

Điều thứ nhất là "tri hiệu", điều thứ hai là "hành tỷ", điều thứ ba dưới đây là "đức hợp". **"đức"** (德) ở đây không chỉ nói đến đạo đức tốt, mà là chỉ toàn bộ tư tưởng hành vi, làm người làm việc đều tốt cả. "Đức hợp nhất quân" là hợp với vị hoàng đế ấy, hoặc ông chủ ấy, hai người phối hợp với nhau vừa khớp. Ngươi xem những nhân vật trong lịch sử xưa nay, Trung Quốc nước ngoài, có Hán Cao Tổ thì có Tiêu Hà, Tiêu Hà nếu không gặp được Hán Cao Tổ, thì nhà Hán có thành công hay không cũng chẳng biết được. Nhưng hai người ấy vốn không hợp tính nhau, tuy không hợp tính, nhưng lại giống như một cặp vợ chồng, ngày nào cũng cãi nhau, nhưng cãi nhau rất có nghệ thuật; không có cái sự cãi qua cãi lại như thế, thì cũng chẳng sống trọn được một đời với nhau. Có những cặp vợ chồng cãi nhau mãi, bỗng một người mất đi, người còn lại cũng chẳng sống được bao lâu nữa, vì không còn ai để mà cãi nhau cùng. Tìm một người khác đến, cũng chẳng còn thấy vị gì nữa, đánh nhau cũng chẳng còn thấy vị gì, đó chính là cái đạo lý của sự hợp. Nên mới nói, "đức hợp nhất quân", có người đức tính vừa khớp với vị hoàng đế ấy, hay ông chủ ấy, hai người ở cùng nhau, có thể làm nên sự nghiệp lớn. Bảo họ xuống, đổi một người khác lên, dùng thế nào cũng không ổn, đó là kinh nghiệm lịch sử của đời người. Làm ăn buôn bán cũng vậy, ông chủ này có một người phụ tá làm tổng giám đốc, còn mình làm chủ tịch hội đồng quản trị, thì phối hợp rất ăn ý; đổi một người khác thì lại không làm được việc.

"Nhi chinh nhất quốc giả" (tài năng đủ trị được cả một nước), **"chinh"** (征) ở đây là kinh nghiệm, có người thông minh trí tuệ tài năng, có thể trị lý cả một nước, hoặc làm lãnh tụ, hoặc làm người đứng thứ hai, dưới một người mà trên vạn người. Nếu bảo họ xuống mở một cửa hàng nhỏ, họ chắc chắn sẽ lỗ vốn, chẳng biết làm ăn chút nào; họ chỉ giỏi việc lớn, chẳng giỏi việc nhỏ. Đó chính là "nhân hóa", cái tỷ lượng trí tuệ, tài năng của con người, mỗi người mỗi khác. Nên phía dưới Trang Tử thêm một câu: "cách họ tự nhìn nhận mình cũng như thế đó".

Kẻ tự nhìn nhận mình rất cao

Mỗi người có một cảnh giới khác nhau, cảnh giới tri thức khác nhau, tỷ lượng khác nhau, cách nhìn cũng khác nhau; nhưng hễ tự mình nhìn lại mình, thì ai cũng giống như con chim sẻ nhỏ kia, tự thấy mình khá lắm, "phực" một

tiếng nhảy lên cành cây ấy, thế thì có gì đáng kể đâu! Ai cũng nghĩ như vậy cả. Ta hay nói ai đó tự thị quá cao, tự nhìn mình rất cao, ấy là do tự mình nhìn đấy thôi! Càng tự nhìn mình, càng thấy mình vĩ đại. Cứ cầm gương lên soi thử xem, ai cũng thấy mình càng soi càng đẹp, càng soi càng ra dáng, nhìn người khác đều chẳng bằng mình, tự thấy mình thật đáng yêu, chẳng có ai ghét bỏ chính mình cả. Vậy nên, từ đây có thể hiểu được nhân tính: con người nhìn lại mình đều thấy đáng yêu, càng nghĩ càng thấy vĩ đại, thỉnh thoảng làm sai việc gì, đỏ mặt một lát, ba tiếng đồng hồ sau nghĩ lại, vẫn thấy mình đúng; là người khác sai. Trang Tử từ cái lý lẽ của thế giới sinh vật, chuyển sang bàn về con người: "cách họ tự nhìn nhận mình cũng giống như thế đó", cũng như con chim sẻ nhỏ kia, đều là tự thị quá cao cả.

Mấy câu này nhắc đến mấy hạng người: "tri hiệu một quan", "hành tỷ một hương", "đức hợp một vua", "tài trị một nước", cộng lại là bốn hạng nhân tài. Bốn hạng này đều là nhân tài, mà lại đều là nhân tài lãnh đạo. Thế nào gọi là lãnh đạo? Là nổi bật hơn người, cao tay hơn người một bậc. Có người làm ông chủ nhỏ, mở tiệm cơm, cũng khá lắm. Như tôi có mấy người bạn đồng hương, mở tiệm cơm phát tài lớn, dần dần lập cả công ty lớn, cuối cùng chưa đầy ba năm đã tan tành, lỗ vốn, chẳng còn gì cả. Lại có một người trúng vé số Ái Quốc được hai mươi vạn, tôi bảo anh phải cẩn thận đấy; anh ta trúng hai mươi vạn, lập tức làm ăn lớn, chưa đầy tám tháng, hai mươi vạn tiêu sạch, cuối cùng còn phải vào tù. Đành nói số mệnh anh ta chỉ đến hai mươi vạn là hết. Cho nên bốn hạng người này, phạm vi của họ chỉ đến thế. Nhưng những người ấy đều tự thị quá cao, "cách họ tự nhìn nhận mình cũng giống như thế đó".

Bậc cao nhân vượt khung

"Nhi Tống Vinh Tử do nhiên tiếu chi" (vậy mà Tống Vinh Tử vẫn còn mỉm cười trước những kẻ ấy), Trang Tử biết còn có một bậc cao nhân khác nữa, người ấy tên là Tống Vinh Tử. Hạng cao nhân này, người xưa gọi là cao nhân vượt khung, tức là kẻ đã vượt ra ngoài phạm vi nhân cách thông thường, không còn tính là người bình thường nữa, vì họ không có một khuôn khổ cố định, nghĩa là không có phạm vi nào khuôn được họ, phải kể họ là siêu nhân, tức là kẻ xuất thế. "Do nhiên tiếu chi", Tống Vinh Tử liền cười bốn hạng người kia, xem thường họ. Cái đạo lý này chính là một thứ tư tưởng ẩn sĩ đặc biệt mà Trang Tử sắp tôn sùng ở dưới đây, cũng chính là tư tưởng Đạo gia đã ảnh hưởng đến lịch sử Trung Hoa. Vào những thời đại quốc gia dân tộc gian nan khốn khó nhất, hạng người này, ở phía sau hậu trường đều có vai trò to lớn, đó chính là cái gọi là ẩn sĩ, cao sĩ. Những bậc ẩn sĩ ấy, ngay cả Khổng Tử cũng phải e dè.

Khổng Tử trong *Luận Ngữ* có nhắc đến, khi gặp những bậc ẩn sĩ ấy, như Sở Cuồng Tiếp Dư chẳng hạn, họ mắng cho từng người một, mắng Khổng Tử đến choáng váng cả đầu óc, cuối cùng Khổng Tử chỉ còn cách khen ngợi một phen. Khổng Tử nói: "chẳng thể cùng bầy với chim muông", theo quan niệm Nho gia thì cho rằng Khổng Tử mắng những ẩn sĩ ấy là cầm thú, không muốn ở chung với họ. Quan niệm ấy chẳng khác nào đọc sách sai bét cả, thực ra Khổng Tử cũng rất khâm phục những ẩn sĩ ấy. Thế nào là chẳng thể cùng bầy với chim muông? Chim thì biết bay, nó bay đi mất; thú thì biết chạy, bốn chân chạy rất nhanh, nó chạy vào núi rồi. Chúng ta là người, đuổi theo chúng chẳng kịp! Khổng Tử đi theo con đường nhân đạo, những bậc cao nhân ấy, đáng bay thì đã bay, đáng vào núi thì đã vào núi, còn chúng ta thì sao? Vẫn cứ đàng hoàng làm một con người, nên mới nói chẳng thể cùng bầy với chim muông. Đây vốn là lời Khổng Tử ca ngợi ẩn sĩ, thế mà đời đời đều giải thích thành lời Khổng Tử mắng ẩn sĩ, cho rằng Khổng Tử coi ẩn sĩ như cầm thú. Khổng Tử chỉ nói chẳng thể cùng bầy với chim muông, ông đâu có nói những người ấy là cầm thú! Đó là ý người đời sau bịa thêm vào! Đấy gọi là đọc sách không thật thà; làm học vấn phải thật thà mới được.

Như tư tưởng ẩn sĩ thuộc loại Tống Vinh Tử này, lại càng vĩ đại hơn nữa; dưới đây Trang Tử sẽ trình bày kỹ về nhân cách của họ, cùng với quá trình họ tự học tu dưỡng mà trở thành bậc cao nhân.

Loại người thứ năm

Trang Tử lại nêu ra một hạng nhân cách khác, hạng nhân cách này thì khó lắm, xưa nay đông tây trong lịch sử cũng khó mà tìm thấy được. Hạng người này quả thật lợi hại, **"cử thế nhi dự chi nhi bất gia khuyến"** (dù cả thiên hạ đều khen ngợi ông, ông cũng chẳng vì thế mà thêm gắng sức); cả thiên hạ đều tâng bốc ông là tài giỏi, hô vạn tuế, cả thiên hạ quỳ xuống tôn sùng ông, cho rằng ông tài giỏi, ông chẳng thèm để ý đến. Vì ông cũng chẳng muốn tài giỏi làm gì, nghe những lời tâng bốc ấy, cũng chẳng khác gì nghe tiếng máy lạnh chạy, chẳng can hệ gì cả. **"Cử thế nhi phi chi nhi bất gia trở"** (dù cả thiên hạ đều chê trách ông, ông cũng chẳng vì thế mà nản lòng); cả thiên hạ phản đối ông, mắng chửi ông, ông cũng tuyệt không đổi hướng đi của mình. Điều này khó lắm thay.

Các bạn có học qua *Kinh Dịch* rồi đấy! Khổng Tử ở ngay trong hào từ **"tiềm long vật dụng"** (rồng ẩn chớ dùng) ấy, đã nhắc đến rồng ẩn chính là nhân cách độc lập siêu thoát, chẳng chịu ảnh hưởng bởi bất cứ thời thế hoàn cảnh nào, đó chính là tiềm long vật dụng. Có thể thấy tư tưởng Nho gia và Đạo gia vốn cùng một đạo lý, cùng một tiêu chuẩn tu dưỡng nhân cách; đặc biệt là Trang Tử, dùng ngòi bút tuyệt diệu của mình, viết văn chương lại càng đẹp hơn. Văn chương Lão Trang phiêu dật tiêu sái, mênh mông hùng vĩ, còn Khổng Tử thì chỉ nói vỏn vẹn một câu "chẳng thể cùng bầy với chim muông"; đó chính là lối văn chương đất Tề Lỗ, ngay ngắn chất phác.

Như hạng người "dù cả thiên hạ đều khen ngợi ông, ông cũng chẳng vì thế mà thêm gắng sức; dù cả thiên hạ đều chê trách ông, ông cũng chẳng vì thế mà nản lòng" ấy! Trí tuệ của họ, học vấn của họ, đã xác định vững chắc nhân sinh quan của họ rồi. "Định hồ nội ngoại chi phân", chữ **"phân"** (分) ở đây không phải là phân chia, mà là phân lượng, mức độ. Cái gì là ta, cái gì là người, cái gì là vật, cái gì là tâm, cái gì thuộc về toàn bộ thế giới bên ngoài, cái gì là việc bản thân mình nên làm. Trí tuệ, đạo lý, cùng với đạo lý làm người, họ đều nhìn rất rõ ràng.

"Biện hồ vinh nhục chi cánh" (phân biệt rạch ròi vinh nhục), ông đối với hai loại hiện tượng ở đời cũng nhìn rất rõ ràng, một là vinh quang, một là xui xẻo; xui xẻo tức là nhục nhã. Ông đối với thế nào là vinh quang thật sự, thế nào là nhục nhã thật sự, đều nhìn rất rõ ràng, tuyệt chẳng chịu ảnh hưởng bởi xã hội hiện thực. Đương nhiên, có nhiều tiền thì vinh quang, xui xẻo thì bị người ta khinh, ông chẳng màng, hoàn toàn chẳng màng. Vì đó chỉ là hiện tượng, hiện tượng ấy chẳng dính dáng gì đến nhân cách độc lập tự thân của ông, nên ông mới phân biệt được, phân biệt rất rõ ràng. Trang Tử nói đến đây bảo **"tư dĩ hĩ"** (thế là đủ rồi), ông bảo hạng người này thật phi thường! Làm người mà làm được đến mức ấy thì phi thường biết bao! Bậc thánh nhân, hiền nhân, quân tử mà Nho gia ta vẫn đề cao, Trang Tử cũng hết sức khâm phục; người mà làm được đến vậy, kể là đã đạt đến cực điểm rồi.

"Bỉ kỳ ư thế vị sác sác nhiên dã" (ông đối với đời chưa từng vội vã cầu cạnh điều gì), câu này hay lắm; câu này của Trang Tử có thể giải theo hai cách. Cách giải thứ nhất là: hạng người này mấy trăm năm mới xuất hiện một người, rất khó gặp được, "vị sác sác nhiên dã" tức là không phải lúc nào cũng gặp được. Bậc cao nhân, ẩn sĩ trong lịch sử không phải lúc nào cũng có, rất hiếm gặp, có thể giải như vậy. Nhưng câu này nguyên ý là gì? Thì chỉ có hỏi Trang Tử mới biết được. Tuy nhiên, còn cách giải thứ hai, "bỉ kỳ ư thế vị sác sác nhiên dã", dù là như thế, nhưng đối với thế giới này, họ vẫn còn có những chỗ không đồng tình. **"Sác sác"** (数数) nghĩa là không thường xuyên tán thành; nói cách khác, đối với mọi sự trên đời, đối với rất nhiều tình huống trong thế giới hiện thực, ông đều không tán đồng.

Cho nên tư tưởng ẩn sĩ, chính là cái gọi là phiếu bảo lưu, quyền không đồng ý, trong tư tưởng chính trị văn hóa phương Tây. Đây hoàn toàn không phải là phiếu phản đối, ông không hề phản đối, nhưng cũng chẳng hề đồng ý. Đó là cách giải thứ hai của câu này. Cũng có thể nói, ông có rất nhiều chỗ không giống với thế giới hiện thực.

Trần Đoàn lão tổ

Nói về tư tưởng ẩn sĩ, ở đây ta xen thêm một đoạn chuyện phiếm. Vừa rồi có nhắc đến đôi câu đối treo ở đây, là của Trần Đoàn, về sau Đạo gia gọi ông là Trần Đoàn lão tổ. Vị lão tổ này đối với cái học tượng số của *Kinh Dịch* thì thâm sâu khôn lường, biết trước việc chưa xảy ra. Ông tu đạo trên Hoa Sơn, đến cuối thời Ngũ Đại, mấy vị hoàng đế đều đã từng tìm đến ông, người tìm đến ông sau cùng là hoàng đế Hậu Chu thời Ngũ Đại, sử sách gọi ông ấy là Chu chúa (Thế Tông), vì chưa đủ tư cách gọi là hoàng đế thật sự. Qua nhà Chu là đến nhà Tống, Triệu Khuông Dận xuất hiện.

Vị Chu chúa này rất tinh minh, rất tài giỏi, lúc bấy giờ ông gần như đã có thể thống nhất Trung Quốc. Ông giống như Đường Thái Tông thời trẻ vậy, phải nói là gần giống, đáng tiếc mới ba mươi chín tuổi đã chết. Lúc bấy giờ vị Chu chúa này đã từng tìm đến Trần Đoàn, mời ông ra giúp việc, nhưng ông nói thế nào cũng không chịu ra. Sau khi gặp mặt, Trần Đoàn nói với Chu chúa: ngài làm đã tốt lắm rồi, cần gì đến ta nữa, như ta đây thì chẳng có ích gì, mong ngài giúp ta, để ta về Hoa Sơn nằm khểnh cho xong!

Trần Đoàn suốt ngày chỉ ngủ, nên ta hay nghe trẻ con đọc rằng: "Bành Tổ tuổi cao tám trăm năm, Trần Đoàn một giấc ngàn năm liền." Một giấc ngủ là ngủ liền một ngàn năm, ngủ dậy ông hỏi: "Ông bạn già Bành Tổ của ta đâu rồi?" Người ta bảo ông Bành Tổ chết lâu rồi, ông liền nói: đồ chết yểu! Mới sống có tám trăm tuổi đã chết rồi, đó chính là Trần Đoàn. Đôi câu đối treo ở đây chính là do ông viết đấy! Chữ ông viết ra đều mang phong vị thần tiên. Về sau vị Chu Thế Tông ấy hạ một đạo lệnh cho huyện trưởng Hoa Sơn cùng chủ tịch tỉnh Thiểm Tây, rằng phàm những gì tiên sinh họ Trần cần dùng trên núi, cần gì cấp nấy, hết sức chăm lo chu đáo. Đó chính là bậc ẩn sĩ, ông là một trong những người nổi tiếng; về sau ông trở lại Hoa Sơn, đề một bài thơ:

Thập niên mai tích đạp hồng trần, vị ức thanh sơn nhập mộng tần. (mười năm dấu chân giẫm bụi hồng, chỉ vì nhớ non xanh mà giấc mộng cứ trở về hoài)

Tử mạch túng vinh tranh cập thụy, chu môn tuy quý bất như bần. (đường tía dù vinh hoa đến mấy cũng sao bằng giấc ngủ say, cửa son dù phú quý đến mấy cũng chẳng bằng cảnh nghèo)

Sầu văn kiếm kích phù nguy chủ, muộn thính sinh ca quát túy nhân. (buồn nghe tiếng gươm giáo phò tá vị vua lâm nguy, chán nghe tiếng đàn sáo ồn ào làm điếc tai kẻ say)

Huề thủ cựu thư quy cựu ẩn, dã hoa đề điểu nhất ban xuân. (mang sách cũ trở về nơi ẩn cư ngày trước, hoa nội chim kêu vẫn một mùa xuân như cũ)

Ông cũng mong quốc gia thiên hạ được thái bình, nhưng ông lại không chịu nổi cái thời đại ấy, đúng như cái dáng vẻ mà Trang Tử đã nói tới. **"Tử mạch túng vinh tranh cập thụy"** (đường tía dù vinh hoa đến mấy cũng sao bằng giấc ngủ say), **"tử mạch"** (紫陌) chính là con đường dẫn vào kinh thành, nên về sau Tống Thái Tông mời ông làm tể tướng, làm quân sư, ông cũng đều chẳng chịu làm. Thời xưa làm quan lớn thì mặc áo bào tía, gọi là cẩm bào ngọc đái. Cái đai da mà diễn Kinh kịch hay đeo ấy, to gần bằng cái thùng nước, quấn ngang lưng, chẳng phải để buộc áo lại đâu, đó chỉ là món trang sức biểu thị đẳng cấp mà thôi. **"Chu môn tuy quý bất như bần"** (cửa son dù phú quý đến mấy cũng chẳng bằng cảnh nghèo), phát tài lớn giàu có, cửa nhà đều sơn màu đỏ đẹp nhất. Điều đó tuy tốt thật, nhưng cái sướng nhất trên đời lại chính là nghèo. Vì sao vậy? Vì chẳng vướng bận gì cả.

"Sầu văn kiếm kích phù nguy chủ" (buồn nghe tiếng gươm giáo phò tá vị vua lâm nguy), ông biết Chu Thế Tông sống chẳng được lâu; võ công rất giỏi, gần như đã thống nhất được Trung Quốc, nhưng Trần Đoàn đã biết trước ông ấy sống chẳng được bao lâu. Lại thấy trên phố những vũ trường, hộp đêm, ông ghét nhất những thứ ấy. **"Muộn thính sinh ca quát túy nhân"** (chán nghe tiếng đàn sáo ồn ào làm điếc tai kẻ say), ông bảo những cảnh ấy ồn ào chết được,

chẳng có ý nghĩa gì, nghe mãi thấy chán, nên chẳng bằng "mang sách cũ trở về nơi ẩn cư ngày trước, hoa nội chim kêu vẫn một mùa xuân như cũ". Đây là bài thơ nổi tiếng của Trần Đoàn, là tác phẩm tiêu biểu của tư tưởng ẩn sĩ. Loại tư tưởng này, kỳ thực nằm giữa ranh giới Đạo gia và Nho gia. Về sau đại nho đời Tống là Thiệu Khang Tiết, chính là hàng đồ tôn của ông; cái học *Kinh Dịch* cũng do Thiệu Khang Tiết kế thừa.

Có một lần khi ông gặp Triệu Khuông Dận, liền cười ha hả, cười đến ngã lăn từ trên lưng lừa xuống. Về sau Triệu Khuông Dận được khoác hoàng bào lên ngôi, ông cười lớn nói rằng từ nay thiên hạ thái bình, Trung Quốc sẽ được yên ổn hai ba trăm năm; điều khiến ông vui mừng chính là việc ấy. Muôn việc đều có thể biết trước được, hạng người này chính là điều Trang Tử nói tới: **"bỉ kỳ ư thế vị sác sác nhiên dã"** (ông đối với đời chưa từng vội vã cầu cạnh điều gì). Biết được những chuyện lịch sử này rồi, đọc lại câu này của Trang Tử mới thấy có ý vị.

Đoạn này Trang Tử nêu ra cái gọi là "nhân hóa", lấy cách ví von của Phật học mà nói, thì chính là tỷ lượng của cảnh giới nhân thế, phạm vi tư tưởng của con người, toàn bộ phạm vi quan niệm của con người. Tư tưởng Đạo gia và tư tưởng Phật gia có chỗ thông nhau, đây thuộc về tục đế, không phải chân đế, là phạm vi thế tục.

"Tuy nhiên, do hữu vị thụ dã." (tuy vậy, ông vẫn còn chỗ chưa lập được trọn vẹn) Đến đây văn chương Trang Tử lại chuyển thêm một khí thế nữa: hạng người này vẫn chưa tìm ra giá trị chân thật của sinh mệnh đời người, họ vẫn chưa có chỗ kiến lập, vẫn chưa dựng nên được điều gì; nói cách khác, vẫn chưa đắc đạo đâu!

Loại người thứ sáu

Phù Liệt Tử ngự phong nhi hành, linh nhiên thiện dã,
Liệt Tử cưỡi gió mà đi, nhẹ nhàng thư thái biết bao,

tuần hữu ngũ nhật nhi hậu phản.
mười lăm ngày sau mới quay về.

Bỉ ư trí phúc giả, vị sác sác nhiên dã,
Ông đối với việc cầu phúc, chưa từng vội vã mong cầu,

thử tuy miễn hồ hành, do hữu sở đãi giả dã.
việc này tuy đã khỏi phải đi bộ, nhưng vẫn còn chỗ phải nương nhờ.

Đây là loại người thứ sáu, hạng người này thật ghê gớm. Đạo gia cho rằng Liệt Tử là thầy của Trang Tử, nhưng cũng có những cách nói khác nhau; bất kể là Khổng Tử cũng được, Lão Tử cũng được, cho dù là "cháu ngài" hay "lão đây" cũng mặc, Trang Tử đều gộp hết bọn họ vào trong loại người này. Sử sách kể rằng Liệt Tử cưỡi gió mà đi, tự mình có thể bay lên, thành tiên rồi, đạt đến bậc địa tiên.

Thần tiên chia làm năm bậc: Đại La Kim Tiên, Thiên Tiên, Địa Tiên, Nhân Tiên, Quỷ Tiên. Địa tiên tức là không cần đi bộ nữa, có thể bay trên mặt đất. Cho nên Liệt Tử là người biết bay, cũng giống như chim bằng lớn vậy, chỉ có điều không bay cao bằng chim bằng. Liệt Tử **"ngự phong nhi hành"** (cưỡi gió mà đi), **"linh nhiên thiện dã"** (nhẹ nhàng thư thái biết bao); chữ **"linh"** (泠) có ba chấm thủy, không được đọc thành chữ **"lãnh"** (冷) trong "máy lạnh". Chữ **"lãnh"** (冷) chỉ có hai chấm, thêm một chấm nữa thì đọc là **"linh"** (泠). Vậy chữ linh này là gì? Người bay trên tầng cao, giống như tiên nữ bay trong tranh vẽ, vì có công phu nên không sợ lạnh, gió thổi đến chỉ thấy mát mẻ. Kỳ thực cũng chẳng phải mát mẻ, mà là cái cảm giác lúc máy lạnh vừa mới bật, bật lâu rồi mới thành lạnh! Lúc vừa mới bật, cái cảm giác linh linh nhiên ấy rất dễ chịu. Ở Hàng Châu có một nơi gọi là "Tây Linh ấn xã", chính là dùng chữ

"linh" (泠) này. Nếu không hiểu mà đọc thành "Tây Lãnh", thì các cụ già ngày xưa chỉ việc vuốt râu, nhìn kẻ trẻ tuổi ấy mà bảo: thằng này trong bụng chẳng có tí chữ nghĩa nào, mắng cho một trận như thế. Bây giờ thì không sao cả, đọc **"lãnh"** (泠) cũng được, **"linh"** (泠) cũng được, dù sao chữ này cũng chỉ là tính từ.

Liệt Tử bay giữa không trung, cơn gió **"linh"** (泠) ấy giữa không trung thổi đến ông, **"linh nhiên"** (nhẹ nhàng thư thái), thật dễ chịu biết bao! "thiện dã" tức là dễ chịu lắm. Ông bay giữa không trung bao lâu? Bay mất mười lăm ngày; **"tuần"** (旬) tức là mười ngày, một tuần cộng thêm năm ngày là nửa tháng. Nếu chúng ta viết văn, chỉ cần nói bay mất nửa tháng là xong! Nhưng nói như thế thì chẳng có ý vị gì cả. Văn chương Trang Tử biến nó thành cảnh giới của thơ, cố tình không viết như vậy, mà viết thành **"tuần hữu ngũ nhật"** (mười ngày lại thêm năm ngày), chẳng phải trúc trắc lắm sao? Mười ngày lại cộng thêm năm ngày, rõ ràng là nửa tháng; đó chính là văn nghệ, là chữ nghĩa cộng thêm kỹ xảo viết văn, hiểu chưa! Cho nên các anh hiểu được điều này rồi, thì cũng nên biết viết văn được rồi đấy. Liệt Tử bay, bay mãi! **"tuần hữu ngũ nhật nhi hậu phản"** (mười lăm ngày sau mới quay về), ông bay mất nửa tháng rồi lại bay về. Cái hương vị ấy hay biết bao! Người tu đến bậc địa tiên này, sống cũng khá thú vị rồi đấy.

Trang Tử lại nói: **"bỉ ư trí phúc giả, vị sắc sắc nhiên dã"** (ông đối với việc cầu phúc, chưa từng vội vã mong cầu). Các anh, những người bình thường, ngày nào cũng phải ăn chay! Cúng bái cầu phúc! Cầu Thượng Đế phù hộ cho con! Cầu Bồ Tát phù hộ cho con! Ngày ngày cầu phúc báo, vậy các anh có cầu được đến cảnh giới ấy không? Chắc chắn các anh chẳng cầu được cho mình bay lên đâu! Không tin thì cứ đi lạy một vạn năm xem thử, xem có lạy đến mức bay lên được hay không. Nhưng Trang Tử liền đưa ra kết luận ngay sau đó: biết bay, cũng chẳng có gì đáng kể.

"thử tuy miễn hồ hành, do hữu sở đãi giả dã" (việc này tuy đã khỏi phải đi bộ, nhưng vẫn còn chỗ phải nương nhờ). Cái gọi là bay lên được, chẳng qua chỉ là khỏi phải đi bộ thôi! Nhưng vẫn còn phải nương vào một thứ khác. Không có gió thì không bay lên được, không có không khí thì không bay lên được, cũng như chim, cũng như máy bay lượn, không có gió là có vấn đề ngay. Cho nên, ông bảo Liệt Tử đấy! Tuy **"miễn hồ hành"** (khỏi phải đi bộ), thoát được việc đi bộ, nhưng vẫn phải bay, vẫn cần một thứ khác giúp cho mình, cần gió giúp sức, cần không khí giúp sức. Đây chính là cảnh giới Tiểu thừa mà Đạo gia, Phật gia thường nói tới; tuy nhìn có vẻ như đã đắc đạo, tu đến mức thần thông đầy đủ mà bay được, nhưng vẫn chỉ là cảnh giới Tiểu thừa, không phải Đại thừa, chẳng có gì đáng kể. Cảnh giới Tiểu thừa ấy bị Trang Tử nhìn thấu, lập tức kéo tuột xuống ngay, ông bảo: ngươi có gì mà đáng kể đâu! Đây vẫn còn là có điều kiện.

Có người bảo, ngồi thiền mà đạt được cái không thì mới có được cảnh giới như thế, còn nếu không đạt được cái không ấy thì sao? Ngồi đó chỉ thấy năm tâm bứt rứt mà thôi. Thường nói ngồi xếp bằng tọa thiền là "ngũ tâm triều thiên": hai lòng bàn tay, hai lòng bàn chân, cộng thêm một cái tâm, đều hướng lên trời cả. Nhưng thực ra, khi không đạt được cái không ấy thì chỉ là năm chỗ ấy bứt rứt mà thôi. Cho nên nói, chuyện này cũng chẳng có gì, loại người thứ sáu này cũng chẳng đáng kể gì lắm. Bây giờ loại người thứ bảy xuất hiện.

Loại người thứ bảy

Nhược phù thừa thiên địa chi chính, nhi ngự lục khí chi biện,

Còn như kẻ cưỡi lấy cái chính của trời đất, chế ngự sự biến hóa của sáu khí,

dĩ du vô cùng giả, bỉ thả ô hồ đãi tai!

mà rong chơi nơi vô cùng, thì người ấy còn phải nương tựa vào đâu nữa!

Chà! Loại người này chưa từng thấy qua! Nhưng khắp nơi đầy dẫy cả. Ông nói loại người này là gì? Con đường họ đi là Đại thừa, cưỡi cái gì? Cưỡi chính khí của trời đất. Chữ **"khí"** (气) này là do chúng ta thêm vào đấy thôi! Trang Tử không hề nói đến chữ khí này.

"Thừa thiên địa chi chính" (cưỡi lấy cái chính của trời đất), thế nào là cái **"chính"** (正) của trời đất? Theo cách nói của Thiền tông thì phải tham cứu mới ra, thế nào gọi là chính? Chúng ta ngồi đây cũng rất ngay ngắn đấy chứ! Có nghiêng lệch gì đâu! Vậy chúng ta cũng tính là "thừa thiên địa chi chính" sao? Cái chính này rốt cuộc là thứ gì? Miễn cưỡng mượn lời Mạnh Tử mà nói, thì gọi là hạo nhiên chi khí (khí hạo nhiên), có thể coi đó là chính khí của trời đất. Ông bảo loại người này cũng chẳng cần bay, cũng chẳng làm gì khác thường, chỉ bình thường cưỡi lấy cái chính khí của trời đất ấy thôi. **"Nhi ngự lục khí chi biện"** (mà chế ngự sự biến hóa của sáu khí), sáu loại khí này có hai cách nói. Một cách là theo y học Trung Quốc: phong, hàn, nhiệt, thấp, táo, hỏa. Như cái thời tiết Đài Loan chúng ta đây, vẫn thường dặn các bạn học phải cẩn thận đấy! Đội nắng mà về, hoặc có người mũi nhạy cảm, dễ cảm mạo (cảm mạo mùa hè là cảm nóng), phải đeo khẩu trang, ai đi xe máy đều phải cẩn thận!

Cách nói khác thì liên quan đến mười hai quẻ tích của *Kinh Dịch*. Một năm mười hai tháng, sáu tháng âm, sáu tháng dương, đều do hai quẻ Càn, Khôn biến hóa mà ra. Một năm mười hai tháng, năm ngày là một hậu, ba hậu là một khí, sáu hậu là một tiết, cho nên một năm có hai mươi bốn tiết khí. Sự biến đổi của tiết khí đều khác nhau, ảnh hưởng đến sinh mệnh của chúng ta.

Chúng ta đều sống trên đời này, chịu ảnh hưởng của không khí, đất đai, hoàn cảnh trời đất. Trời có sáu khí: âm, dương, phong, vũ, hối, minh, nên người có sinh, lão, bệnh, tử. Nếu có một người tu dưỡng, hiểu được đạo lý tu hành, có thể đạt đến một cảnh giới không còn bị thế giới vật lý chi phối nữa, ngược lại còn nắm được thế giới vật lý trong tay. Cho nên "ngự lục khí chi biện" có nghĩa là có thể thích ứng với sự biến hóa của sáu khí trong trời đất, khí hậu biến đổi lúc nào ông đều nhìn thấy rất rõ, thế giới vật lý này có biến động gì, thân tâm ông đều đã chuẩn bị sẵn, vì ông có cả một công phu tu dưỡng, không bị thế giới vật lý xâm hại. Nhưng trước hết, tự bản thân phải nuôi dưỡng được chính khí đã, ông bảo loại người này "thừa thiên địa chi chính, nhi ngự lục khí chi biện". **"Ngự"** (御 - chế ngự) tức là không bị thế giới vật lý chi phối, ngược lại còn nắm được thế giới vật lý trong tay, sinh mệnh của ông vĩ đại đến như vậy đấy!

"dĩ du vô cùng giả" (mà rong chơi nơi vô cùng), ông sống trên đời này rất thú vị, mọi sự đều nằm trong tam muội của cuộc chơi, cái gì cũng thấy hay, cái gì cũng là chơi cả, ung dung thong thả, đó mới thật sự là **"du"** (游 - rong chơi). Rong chơi cái gì? Rong chơi đến chỗ vô cùng. Vì không gian thời gian vô lượng vô biên chẳng thể khống chế được ông nữa, ông đã vượt ra khỏi thế giới vật chất rồi.

"bỉ thả ô hồ đãi tai" (thì người ấy còn phải nương tựa vào đâu nữa)! Đời người đến được cảnh giới như vậy, sinh mệnh ấy, đã tự mình thăng hoa đến một cảnh giới như thế, mới thật là tuyệt đối siêu nhiên mà độc lập. "Ô hồ! Đãi tai!" không còn gì tương đối cả. Điều này chẳng khác gì hai câu mà giáo chủ Phật gia là Thích Ca Mâu Ni đã nói lúc vừa sinh ra: **"thiên thượng thiên hạ, duy ngã độc tôn"** (trên trời dưới đất, chỉ ta là tôn quý nhất), đây là cái tuyệt đối. Thích Ca đâu có nói đến cái "ta" tầm thường này! Điều ông nói chính là cái ta siêu nhiên độc lập trong sinh mệnh chúng ta, cái ta đã vượt ra khỏi thế giới vật chất.

Còn Trang Tử thì sao? Lại có một cách nói khác, "ô hồ đãi tai" là tuyệt đối, không cần đến cái tương đối nữa. Chúng ta sống trên đời này, trong cái thế giới vật chất, trong cái vũ trụ này, mọi sự đều là tương đối cả, con người phải vượt ra khỏi vũ trụ này, mới thật sự đạt đến cái tuyệt đối chân chính ấy. Vậy phải làm thế nào mới đạt được? Đoạn văn

dưới đây Trang Tử sẽ điểm ngay vào trọng tâm. Văn chương đến đây, chúng ta có thể tạm đặt cho nó một cái tên, gọi đó là cảnh giới Đại thừa mà Trang Tử nói tới.

Cảnh giới Đại thừa là đạo lý gì? Là **"chân tục bất nhị"** (真俗不二). Mượn thuật ngữ Phật học mà nói, **"chân"** (真) tức là xuất thế, **"tục"** (俗) là thế gian, chân tục chính là cái gọi là chân đế và tục đế. **"Bất nhị"** (不二) là pháp môn bất nhị, bất nhị tức là không có hai đường khác nhau, nhưng cũng không phải là một, vì đã có một thì ắt có hai. Vậy phải làm thế nào mới đạt được?

Chí nhân, Thần nhân, Thánh nhân

Cố viết: chí nhân vô kỷ,

Cho nên nói: bậc chí nhân thì không còn cái ta,

thần nhân vô công,

bậc thần nhân thì không cậy công,

thánh nhân vô danh.

bậc thánh nhân thì không cần danh.

Ba câu này chính là điểm vào trọng tâm đấy! Đó cũng chính là cái vô vi chân chính mà Lão Tử đã nói tới. Chỉ có điều, Lão Tử nói về nguyên tắc, nguyên lý, còn Trang Tử thì dựng nên cái chân tục bất nhị; ấy là một người phàm tục bình thường thăng hoa lên, trở thành một con người phi phàm.

Ở đây Trang Tử nêu ra mấy danh từ. Danh từ thứ nhất là chí nhân; **"chí"** (至) là đến, người ta đã đến nơi rồi; nói cách khác, đã đạt đến cái tiêu chuẩn gọi là một con người. Nếu chúng ta chưa đạt đến cảnh giới ấy, thì chưa tính là người, ít nhất cũng chưa tính là chí nhân. Người phải làm chủ được sinh mệnh của chính mình, mới gọi là chí nhân, làm người làm đến tận cùng. "Chí nhân vô kỷ", đạt đến cảnh giới chí nhân thì là vô ngã, không còn cái ta của mình nữa, điều này khó lắm; đời người đạt đến vô ngã, chẳng dễ dàng chút nào. Chúng ta ngồi đây, ai làm được vô ngã? Chỉ có lúc ngủ mới vô ngã, nhưng đó là mê man chứ không phải vô ngã. Còn những người bạn đã vào nằm bên cạnh miếu Quan Đế đường Dân Quyền Đông kia, họ mới thật vô ngã, nhưng họ đã chết mất rồi. Phải sống mà làm được vô ngã mới tính. Cái vô ngã này không phải lý thuyết, mà là công phu. Công phu gì? Là có thể **"thừa thiên địa chi chính, nhi ngự lục khí chi biện, dĩ du vô cùng giả, bỉ thả ô hồ đãi tai"** (cưỡi lấy cái chính của trời đất, chế ngự sự biến hóa của sáu khí, mà rong chơi nơi vô cùng, thì còn nương tựa vào đâu nữa), như vậy mới làm được "chí nhân vô kỷ".

Chí nhân cũng còn có mức độ khác nhau, cũng như đời sau Đạo gia nói thần tiên có năm bậc: Quỷ Tiên, Nhân Tiên, Địa Tiên, Thiên Tiên, Đại La Kim Tiên, quan niệm ấy cũng thoát thai từ tư tưởng Lão Trang. Chí nhân là bậc cao nhất, còn có một loại người khác ở giữa, là siêu nhân, là thần nhân. Mặc Tử cũng từng nhắc đến danh xưng thần nhân này. Thế nào gọi là "thần nhân vô công"? May sao về sau có Phật học Ấn Độ truyền sang, chúng ta mới có được một chỗ để tham chiếu.

Phật học nói, một người tu đến ngôi vị Bồ Tát từ Đệ bát địa trở lên, gọi là vô công dụng địa, mọi sự đều không cần dụng công nữa, đó chính là cái vô vi mà Lão Tử đã nói tới. Nói cách khác, loại thần nhân này, dù là Thượng Đế hay Bồ Tát cũng vậy, họ cứu thế giới, cứu loài người trên thế giới, loài người chẳng nhìn thấy công lao của họ, họ cũng chẳng cần loài người quỳ xuống cầu nguyện, cúng bái, cảm tạ họ đâu! Đó là ngươi tự cảm tạ chính mình thôi, chẳng dính dáng gì đến họ cả. Thật sự đến được cảnh giới thần, Bồ Tát, thì họ là vô công; cái công của vô công ấy mới là đại công. Họ giống như trời đất vậy, giống như mặt trời vậy, vĩnh viễn ban cho ngươi ánh sáng, chẳng cần ngươi phải cảm

tạ họ, cho nên "thần nhân vô công". Loại người này, cũng có thể miễn cưỡng đặt cho họ một danh xưng, gọi họ là thánh nhân. "Thánh nhân vô danh", gọi họ là thánh nhân chỉ là cái tên giả, cái mã hiệu thay thế mà thôi; nói người này là thánh nhân, người kia là thánh nhân, như tôi đây cũng là thánh nhân vậy! Thánh nhân cái gì! Tính sổ ra thì cũng chỉ là cái **"thặng"** (剩) dư thừa mà thôi. **"Thặng nhân"** (người dư thừa) là kẻ thừa thãi, sống chẳng đóng góp gì cho xã hội, chết cũng chẳng mất mát gì; chữ **"thặng"** (剩) đọc cùng âm với chữ **"thánh"** (圣) trong tiếng Hoa hiện đại nhưng khác chữ. Thánh nhân chân chính thì vô danh, họ chẳng cần đến danh. Cho nên trên đời này thánh nhân, Bồ Tát, thần nhân nhiều lắm chứ! Tôi thường phát hiện rất nhiều người trong xã hội, những người rất bình thường, họ làm việc tốt, làm những chuyện rất đáng kể, mà chẳng ai hay biết. Cho nên tôi thường nhìn thấy thánh nhân, những người ấy mới thật sự là thánh nhân chân chính.

Ở chỗ này Trang Tử nêu ra tấm gương chân chính của loại siêu nhân thứ bảy, còn cao hơn cả những vị thần tiên kia. Nhưng tìm ở đâu? Ông bảo cho ngươi biết: ở ngay trong chỗ bình thường nhất; càng là hạng người như thế, càng bình thường. Vậy thần tiên, thần nhân, những bậc phi thường tìm ở đâu ra? Chính là tìm ngay trong thế giới hiện thực này, trong cái thế giới bình thường nhất. Vì "thánh nhân vô danh"! Họ là Bồ Tát, là thần nhân, tuyệt đối chẳng bao giờ treo một tấm bảng hiệu nào cả; nếu có treo bảng hiệu, thì đó là việc của công ty quảng cáo, chẳng dính dáng gì đến họ.

Nếu chúng ta muốn nghiên cứu học thuật tư tưởng Trung Quốc, ai cũng biết vào giai đoạn Xuân Thu Chiến Quốc, đều gọi đó là thời kỳ trăm nhà đua tiếng. Ví như Mạnh Tử, người sống cùng thời trước sau với Trang Tử, cũng có một đoạn nói về cái gọi là thánh nhân và thần nhân, gần như cùng một khuôn mẫu. Mạnh Tử đối với vấn đề này, định ra sáu bước, ông nói: **"khả dục chi vị thiện (một), hữu chư kỷ chi vị tín (hai), sung thực chi vị mỹ (ba), sung thực nhi hữu quang huy chi vị đại (bốn), đại nhi hóa chi chi vị thánh (năm), thánh nhi bất khả tri chi chi vị thần (sáu)"** (đáng ham muốn gọi là thiện, có sẵn nơi mình gọi là tín, đầy đủ trọn vẹn gọi là mỹ, đầy đủ mà lại rạng rỡ gọi là đại, lớn mà hóa được gọi là thánh, thánh mà không thể biết được gọi là thần). Hiểu rõ đạo lý này, mới biết văn hóa Trung Quốc trước đời Tần Hán, Nho và Đạo vốn không hề tách rời nhau, đều gộp chung vào cái nội hàm của một chữ **"đạo"** (道).

Thiên *Tiêu Dao Du* này, phần trước đã nói qua vật hóa, nhân hóa, khí hóa, bây giờ đang giảng đến trọng điểm thứ tư, chính là thần hóa. Về thần hóa, ông nêu ra ba nguyên tắc, chính là "chí nhân vô kỷ, thần nhân vô công, thánh nhân vô danh". Ở quan niệm "thánh nhân vô danh" này, chúng ta thấy được chỗ hợp lưu của tư tưởng học thuật Lão Tử và Trang Tử, từ đó chúng ta cũng hiểu được ý nghĩa chân thật của câu Lão Tử nói: **"thánh nhân bất tử, đại đạo bất chỉ"** (聖人不死，大盜不止 - thánh nhân chưa chết ngày nào, bọn trộm cướp lớn chẳng dứt ngày đó). Người thô suất thường đọc lướt qua câu này, đều cho rằng Lão Tử đang mắng thánh nhân. Đúng vậy, Lão Tử đang mắng thánh nhân thật, nhưng là mắng những kẻ thánh nhân giả, những kẻ tự dán nhãn mình là thánh nhân. Thánh nhân chân chính thì rất bình thường, tự mình cũng chẳng thừa nhận mình là thánh nhân; nếu tự cho rằng mình đã có đạo, là một bậc thánh nhân, thì đã không còn là thánh nhân nữa rồi. Cho nên Lão Tử mắng những kẻ thánh nhân giả ấy, những thánh nhân chỉ có biểu ngữ, khẩu hiệu suông, những thánh nhân ấy chỉ là giả định, chẳng có tác dụng gì cả.

Nay câu "thánh nhân vô danh" này của Trang Tử, chính là lời giải thích cho tư tưởng của Lão Tử; thánh nhân đã vô danh rồi thì càng chẳng còn nói gì đến chuyện thánh nhân hay không phải thánh nhân nữa. Nói cách khác, người vĩ đại nhất chính là ở trong cái bình thường nhất; có thể làm được cái bình thường chân chính, đó chính là vô kỷ, vô ngã, vô công. Cho dù công lao đã trùm khắp thiên hạ, tự mình vẫn thấy rất bình thường; cho dù đạo đức đã đạt đến cảnh giới thánh nhân, tự mình vẫn thấy rất đỗi bình thường. Dưới đây ông nêu ra một sự việc, đó là một chuyện truyền lại trong lịch sử thượng cổ Trung Quốc.

Câu chuyện ẩn sĩ

Nghiêu nhượng thiên hạ ư Hứa Do, viết:

Nghiêu nhường thiên hạ cho Hứa Do, nói rằng:

nhật nguyệt xuất hĩ, nhi tước hỏa bất tức,

mặt trời mặt trăng đã mọc lên rồi, mà đuốc lửa vẫn chưa tắt,

kỳ ư quang dã, bất diệc nan hồ!

ánh sáng của đuốc ấy, chẳng phải là khó coi lắm sao!

Thời vũ giáng hĩ, nhi do tẩm quán,

Mưa đúng mùa đã đổ xuống rồi, mà vẫn còn gánh nước giếng đi tưới,

kỳ ư trạch dã, bất diệc lao hồ!

công tưới tắm ấy, chẳng phải là uổng công lắm sao!

Phu tử lập nhi thiên hạ trị, nhi ngã do thi chi,

Tiên sinh đứng ra thì thiên hạ ắt được trị yên, mà tôi vẫn còn giữ ngôi vị này,

ngô tự thị khuyết nhiên, thỉnh trí thiên hạ.

tôi tự thấy mình còn nhiều thiếu sót, xin dâng lại thiên hạ.

Hứa Do viết:

Hứa Do đáp rằng:

Tử trị thiên hạ, thiên hạ ký dĩ trị dã,

Ngài trị thiên hạ, thiên hạ đã được trị yên rồi,

nhi ngã do đại tử, ngô tương vi danh hồ?

mà tôi lại còn thay ngài, thì tôi làm vậy để cầu danh chăng?

Danh giả, thực chi tân dã.

Danh, chỉ là phần phụ thuộc của thực chất mà thôi.

Ngô tương vi tân hồ?

Tôi lại muốn làm cái phần phụ thuộc ấy sao?

Trước tiên chúng ta hãy kể một câu chuyện lịch sử. Chuyện này không được ghi trong chính sử do các sử gia biên chép, nhưng lại được nhiều tư liệu tản mác coi trọng, nhắc đi nhắc lại. Nghiêu, Thuấn, Vũ, ba vị đều từng nhường ngôi thiên hạ cho người khác, cho nên thời ấy dân tộc Trung Hoa theo lối thiên hạ là của chung, thiên hạ không thuộc về riêng một nhà nào. Sau nhà Hạ, từ Tam Đại trở đi, mới biến thành thiên hạ là của một nhà. Khi Nghiêu tuổi đã cao, ngoài trăm tuổi, ông thấy nên nhường ngôi, bèn tìm người kế vị. Ông nghe nói có hai người tài giỏi khác thường; thực ra người tài giỏi lúc bấy giờ không chỉ hai người. Người nổi tiếng nhất tên là Hứa Do, còn có một người bạn thân của Hứa Do tên là Sào Phủ; ngoài ra còn vài vị nữa, đều là những bậc ẩn sĩ.

Nghiêu nghe tiếng Hứa Do, liền muốn mời ông ra làm vua, tìm đến tận trong núi gặp ông. Hứa Do liền hỏi: "Ngài đến tìm tôi làm gì vậy?" Nghiêu đáp: "Ta tuổi đã cao, ngươi là bậc thánh nhân, thiên hạ quốc gia này muốn mời ngươi ra nối ngôi làm vua." Hứa Do nghe xong tất nhiên từ chối, lời từ chối mỗi sách ghi mỗi khác, nhưng dù sao cũng đã từ

chối. Sau khi tiễn Nghiêu xuống núi, trong lòng Hứa Do rất bực bội, ông cảm thấy đôi tai vừa nghe câu ấy đã bị vấy bẩn, mời ta làm vua thì bẩn biết bao! Ông liền chạy ra suối rửa tai. Vừa khéo bạn ông là Sào Phủ dắt một con trâu đi qua thấy vậy, hỏi: "Huynh làm sao thế, hôm nay sao lại ngồi rửa tai ở đây?" Hứa Do đáp: "Ôi! Huynh không biết đâu, vừa rồi tôi nghe phải một lời bẩn thỉu, nên phải rửa sạch tai đi." Sào Phủ hỏi lời gì vậy. Hứa Do đáp: "Cái ông Nghiêu ấy! Tuổi đã cao rồi, ông ta muốn mời tôi ra nối ngôi làm vua, huynh bảo có bẩn không?" Sào Phủ đáp: "Huynh thật đáng ghét, thật là ích kỷ. Huynh rửa tai dưới nước, nước bị huynh làm bẩn rồi, con trâu của tôi biết uống gì bây giờ? Thôi, con trâu này tôi không cho uống ở đây nữa." Vừa nói vừa dắt trâu bỏ đi. Đây là câu chuyện nổi tiếng trong lịch sử.

Nhưng chúng ta cần hiểu, vì sao dân tộc và quốc gia Trung Hoa lại tôn sùng các bậc ẩn sĩ thời cổ đến thế? Điều này có nguyên do rất quan trọng về mặt văn hóa. Hạng người này, tức những kẻ gọi là ẩn sĩ, cao sĩ, đến đời Thanh còn gọi là xử sĩ, họ chiếm một địa vị hết sức quan trọng trong lịch sử dân tộc quốc gia Trung Hoa, tất cả đều thuộc về Đạo gia, cái nhà bao trùm hết thảy. Trong lịch sử Trung Hoa, mỗi khi gặp loạn lạc biến động, đều là hạng người này đứng ra dẹp loạn lập lại trật tự; nói cách khác, trong lịch sử, những kẻ từ hậu trường bước ra dẹp loạn lập lại trật tự, đều thuộc hạng ẩn sĩ này. Đợi đến khi thiên hạ yên ổn rồi, thì lại chẳng tìm thấy họ đâu nữa, họ đều lặng lẽ rút lui, nên mới gọi là cao sĩ ẩn sĩ. Đó cũng chính là điều Trang Tử nêu ra "chí nhân vô kỷ, thần nhân vô công, thánh nhân vô danh", hạng người này đều mang tác phong như vậy. Sau khi biết được câu chuyện này rồi, bây giờ hãy xem lại chính văn Trang Tử, cũng có nhắc đến đoạn này.

Nắng và mưa đúng mùa

Trang Tử nói: khi Nghiêu nhường thiên hạ cho Hứa Do, ông có một đoạn lời nói rằng "nhật nguyệt xuất hĩ, nhi tước hỏa bất tức"; đoạn này nếu dịch ra bạch thoại, ý là Nghiêu nói với Hứa Do: tiên sinh nên biết, mặt trời mặt trăng đã mọc lên rồi, mà dưới ánh mặt trời mặt trăng ấy vẫn còn thắp đuốc, thì **"kỳ ư quang dã, bất diệc nan hồ"** (ánh sáng ấy, chẳng phải là khó coi lắm sao)! Cái ánh sáng của ngọn đuốc kia chẳng phải quá nhỏ nhoi hay sao? Mặt trời vốn đã là ánh sáng lớn lao đến thế, dưới ánh mặt trời còn thắp đuốc thì có ích gì? Đó là việc đáng buồn, đáng chán. Nghiêu ví mình như ngọn đuốc, tôn xưng Hứa Do vĩ đại như mặt trời, mặt trăng.

Ví dụ tiếp theo, **"thời vũ giáng hĩ"** (mưa đúng mùa đã đổ xuống rồi), giống như mấy hôm nay nóng bức khủng khiếp, đúng lúc trời đổ trận mưa lớn, đó chính là mưa đúng mùa. Trận mưa lớn ấy đổ xuống, ngoài đường ngập đầy nước, "nhi do tẩm quán" , rốt cuộc mọi người vẫn còn múc nước giếng lên để tưới ruộng. **"Kỳ ư trạch dã, bất diệc lao hồ"** (công tưới tắm ấy, chẳng phải là uổng công lắm sao)! Chút nước giếng nhỏ nhoi ấy thì đáng là bao? Đó chẳng phải là công sức thừa thãi, chỉ tổ mệt người hay sao?

Hai lời ví von này của ông rất có lý: một là ví một người tài giỏi phi thường như ánh sáng mặt trời mặt trăng; hai là nói rằng người có công đức, ở giữa cõi đời xã hội này, thì cũng như trận mưa lớn từ trời đổ xuống vậy. Trong lịch sử Trung Hoa (cả trong tiểu thuyết cũng vậy), người ta thường dùng cách này để tâng bốc các bậc đế vương. Các bạn để ý mà xem, trong *Thủy hử* mỗi biệt hiệu đều mang một ý nghĩa triết lý. Đầu lĩnh Lương Sơn Bạc là Tống Giang, biệt hiệu chính là Cập Thời Vũ, tức mưa đúng lúc. Cái Cập Thời Vũ ấy, mưa đổ xuống đúng lúc trời oi bức mùa hè, tốt biết bao! Nhưng rốt cuộc thế nào? Cái gã Tống Giang này lại bị tống xuống sông, thế là trận mưa ấy hết còn tác dụng. Cho nên các biệt hiệu trong *Thủy hử*, khi ghép với tên thật, đều mang ý mỉa mai cả. Quân sư của Lương Sơn Bạc là Trí Đa Tinh, Trí Đa Tinh nghe hay biết bao! Trí tuệ cao đến thế, mưu kế lại nhiều, tựa như vì sao trên trời; nhưng tên thật của ông ta lại là Ngô Dụng, tức là vô dụng, Trí Đa Tinh mà lại vô dụng. Mỗi biệt hiệu ghép với tên thật của người ấy, đọc lên là bật cười. Lại thêm những miêu tả trong sử sách, tiểu thuyết về tính cách, phẩm cách từng người, thật thú vị vô cùng.

Vậy nên, điều này cho thấy, trong văn hóa lịch sử, dù là chính sử hay tiểu thuyết, đều lấy trận mưa đúng lúc ấy để ví với việc ban ơn huệ cho loài người.

Sau khi đưa ra hai lời ví von ấy, Nghiêu nói về chính mình: **"phu tử lập nhi thiên hạ trị"** (tiên sinh đứng ra thì thiên hạ ắt được trị yên); thời cổ tôn xưng người khác là "phu tử", tức như cách gọi "tiên sinh" ngày nay. Ý ông nói: tiên sinh ở giữa cõi đời này, chỉ cần ngồi đó hay đứng đó thôi, chẳng cần nói năng, chẳng cần hành động gì cả, thì thiên hạ đã thái bình rồi. Nhưng tiên sinh không chịu ra, rốt cuộc tôi phải làm vua, **"ngã do thi chi"** (mà tôi vẫn còn giữ ngôi vị ấy). Thế nào gọi là "thi chi"? Trong văn hóa Trung Hoa thường dùng thành ngữ bốn chữ **"thi vị tố xan"** (尸位素餐 - giữ ngôi ăn không); **"thi"** (尸) chính là tượng gỗ dùng để tượng trưng trong lễ tế, nói cách khác, chữ này chỉ hình nộm, con rối. Tôi đây ư! Cũng chỉ là thi vị tố xan mà thôi. Ý ông nói tôi cũng như bị người ta tôn lên làm con rối, ngồi trên ngôi vua, kỳ thực chỉ là ăn không ngồi rồi của thiên hạ, chiếm giữ cái vị trí ấy như một pho tượng gỗ. Tôi tự xét lại mình, **"ngô tự thị khuyết nhiên"** (tôi tự thấy mình còn nhiều thiếu sót), khuyết điểm quá nhiều, **"thỉnh trí thiên hạ"** (xin dâng lại thiên hạ), nên muốn nhường thiên hạ cho ngài, mời ngài ra làm vua.

Lời này Nghiêu nói rất khiêm nhường, lễ độ; còn Hứa Do, lúc chưa đi rửa tai, đã đáp lại rằng:

> ***"Tử trị thiên hạ, thiên hạ ký dĩ trị dã"*** *(ngài trị thiên hạ, thiên hạ đã được trị yên rồi), ngài trị quốc gia thiên hạ, trị rất tốt đấy chứ! Quốc gia này đã được trị rất thái bình rồi.* ***"Nhi ngã do đại tử"*** *(mà tôi lại còn thay ngài), nay ngài bảo tôi lên tiếp quản, thay thế ngài, xin hỏi ngài,* ***"ngô tương vi danh hồ"*** *(tôi làm vậy để cầu danh chăng)? Tôi làm thế để được tiếng tăm sao?* ***"Danh giả, thực chi tân dã"*** *(danh, chỉ là phần phụ thuộc của thực chất mà thôi); ý ông nói cái danh của một người chỉ là phần phụ thuộc vào thành quả hành vi thực tế, công lao thực tế mới là cái gốc, có công lao mới có danh lớn. Ví như một người thật sự có đạo đức, nhờ đó mà có danh tiếng được người đời khen ngợi, thì cái danh ấy với cái thực chính là một, là như nhau. Nếu không có cái thực ấy mà chỉ có cái danh suông, thứ danh ấy trong văn học ta gọi là hư danh, là giả, không phải thật. Ý ông nói: ngài đã trị thiên hạ rất tốt rồi, còn bảo tôi ra trị, tôi chẳng cần thiết phải làm vậy đâu! Tôi làm để làm gì? Để cầu danh sao? "Danh giả, thực chi tân dã", cái danh chân chính phải có thực chất, phải có công lao, như vậy danh vang khắp thiên hạ mới là đúng đắn. Giả sử tôi ra làm, thiên hạ ngài đã trị xong rồi, tôi ra làm vua chỉ mang một cái hư danh,* ***"ngô tương vi tân hồ"*** *(tôi lại muốn làm cái phần phụ thuộc ấy sao)? Tôi chẳng phải chỉ vì một cái hư danh mà thôi hay sao!*

Cái lý lẽ này là lập luận của Hứa Do, một đạo lý mang tính lô-gic, cũng chính là đạo lý triết học, cho rằng bản thân mình không nên ra làm. Thiên hạ ngài đã trị tốt rồi, gọi tôi ra làm gì? Nếu ngài chưa trị tốt, tôi ra khiêng kiệu giúp ngài, thì tôi còn có chút công lao, còn đáng ra làm; nay ngài đã trị yên thiên hạ rồi, kiệu cũng chẳng cần ai khiêng nữa, tôi ra làm gì? Đây là một lý luận, một nguyên tắc triết học. Điều chúng ta cần chú ý là câu "danh giả, thực chi tân dã". Con người không nên cầu hư danh, mà phải cầu thực chất, phải làm được việc thật mới đúng. Cái danh lớn chân chính của thiên hạ, phải có thực chất đạo đức chân thật mới là thật, đó là nguyên tắc chỉ dạy chúng ta. Trên đây là bàn về lý luận, dưới đây sẽ nói đến một sự việc thực tế.

Cảnh giới lớn, cảnh giới nhỏ

Tiêu liêu sào ư thâm lâm, bất quá nhất chi,

Chim tiêu liêu làm tổ trong rừng sâu, cũng chỉ cần một cành cây,

yển thử ẩm hà, bất quá mãn phúc.

chuột đồng uống nước sông, cũng chỉ uống đầy bụng mà thôi.

Quy hưu hồ quân!

Ngài hãy về nghỉ đi thôi!

Dư vô sở dụng thiên hạ vi!

Ta chẳng có việc gì phải dùng đến thiên hạ cả!

Bào nhân tuy bất trị bào,

Người đầu bếp dù không coi bếp nữa,

thi chúc bất việt tôn trở nhi đại chi hĩ.

thì kẻ chủ tế cũng chẳng thể vượt qua mâm cỗ mà thay thế làm bếp được.

"Tiêu liêu sào ư thâm lâm, bất quá nhất chi" (chim tiêu liêu làm tổ trong rừng sâu, cũng chỉ cần một cành cây); tiêu liêu là một loài chim nhỏ, còn nói cụ thể là loài chim gì thì khảo cứu ra rất phiền phức, ở đây ta không cần bận tâm, dù sao cũng chỉ là một con chim nhỏ. Con chim nhỏ ấy nương náu trong rừng, chỉ cần có một cành cây cho nó đậu chân là đã vui mừng lắm rồi. Nó đứng trên cành, gió thổi qua, đung đưa, đung đưa, con chim ở đó vừa hót vừa náo nhiệt, đôi mắt long lanh đảo khắp bốn phương, trong cảnh giới ấy, nó cảm thấy cả trời đất đều thuộc về nó, tự tại vô cùng. Tôi nghĩ các bạn trẻ cũng thường có cảnh giới như vậy, nhất là sau kỳ thi tuyển sinh đại học, vừa ra khỏi phòng thi liền chạy vào rừng cây, tìm một tảng đá ngồi xuống hoặc nằm xuống, lúc ấy, các bạn cảm thấy trời đất thuộc về mình, cảm thấy mình vĩ đại vô cùng. Điều đang nói ở đây, chính là cảnh giới ấy.

"Yển thử ẩm hà, bất quá mãn phúc" (chuột đồng uống nước sông, cũng chỉ uống đầy bụng mà thôi); yển thử là loài chuột ngoài đồng, chuột đồng khát nước, chạy ra sông uống, nó chỉ cần uống một chút nước là đã no, bụng đã căng đầy. Hai câu này lấy hai hiện tượng trong giới sinh vật để ví von, một loài bay trên trời, một loài chui rúc dưới đất; dù là chui rúc dưới đất hay bay lượn trên không, những nhân vật nhỏ bé, cảnh giới nhỏ bé, chỉ cần tự mình cảm thấy thỏa mãn là đủ rồi. Nhất định phải nói môi trường nào đẹp, hoàn cảnh nào thỏa mãn hơn, thì không thể nào định nghĩa một cách tuyệt đối được. Tôi nghĩ các bạn trẻ ngày nay thấy cảnh giới chưa nhiều; ngày xưa khi chúng tôi còn ở đại lục, đi du sơn ngoạn thủy, có những ngọn núi cao đi không nổi, ví như leo núi Nga Mi chẳng hạn! Hai bên là vách đá dựng đứng cao vạn trượng, nhìn còn không dám nhìn, lúc ấy đừng nói đến huyết áp cao, đến huyết áp thấp cũng chẳng còn nữa. Rốt cuộc là không đi nổi, đành phải tìm người cõng ở địa phương. Người cõng là một người đeo cái gùi tre trên vai, chúng tôi quay lưng lại ngồi lên đó, nhìn về phía sau, thế là họ cõng mình lên.

Ngồi trên đó, tôi chỉ có thể mượn một câu trong Phật học để hình dung: hổ thẹn! Vô cùng hổ thẹn! Còn phải nhờ các cô cõng gùi ấy cõng mình lên. Chúng tôi ngồi ở phía sau lưng người cõng, khiến người ta nhớ đến Thân Công Báo trong *Phong Thần Bảng*, gáy ông ta quay ra trước, mặt lại quay về sau. Lúc ấy chúng tôi cảm thấy mình biến thành Thân Công Báo, chỉ chuyên nhìn con đường đã đi qua, hai bên chẳng dám nhìn, nhìn xuống là chóng mặt ngay. Có người lại thấy như thế mới thật thoải mái! Cảnh giới ấy, giữa lưng chừng trời, nhìn xuống dưới toàn là mây, mây đen. Trong đám mây đen ấy có chút ánh sáng lóe lên, chạy tới chạy lui, chỉ nghe dưới đó vang lên tiếng ầm ầm, ầm ầm, chỉ là một thứ âm thanh như vậy. Kỳ thực bên dưới đang có sấm sét lớn, còn chúng tôi thì đang ở trên tầng sấm ấy, ánh nắng chiếu xuống, phong cảnh rất đẹp, rất dễ chịu.

Đợi đến một chỗ nào đó, những người phụ nữ cõng gùi ấy cũng đã thấm mệt, cần nghỉ một lát; còn chúng tôi ngồi cũng đã mỏi, cũng cần xuống nghỉ ngơi. Tất nhiên khi xuống, ngồi bên tảng đá, ngồi bên gốc cây, ngắm phong cảnh thật dễ chịu. Còn họ, cũng rất thoải mái. Họ không hay ngồi hẳn xuống, mà dựa vào một thanh gỗ chống hình chữ

thập, rồi châm một điếu thuốc lá cuốn kiểu xì gà, một hào mua được mấy điếu, rít một hơi nhả một hơi khói; tôi nhìn thần thái của họ lúc ấy, mà dù có Nghiêu đích thân đến mời họ ra làm hoàng thái hậu, họ cũng chẳng thèm làm. Thoải mái vô cùng! Tuy nói là vất vả, nhưng chỉ cần lát nữa đến miếu, có tiền công cầm trong tay, mua vài cái bánh màn thầu ăn, no bụng, rồi làm ngụm nước lạnh, cái cảnh giới ấy, so với việc làm vua, phát tài lớn, cũng thoải mái ngang nhau. Cho nên, cảnh giới đời người mỗi người mỗi khác, chẳng cần biết người khác phải thế nào mới cho là ghê gớm; tôi đây, chỉ cần cái cảnh giới thoải mái hiện tại của mình là đủ.

Hứa Do cuối cùng nói: **"quy hưu hồ quân"** (ngài hãy về nghỉ đi thôi)! Đọc mấy chữ này, ta liền hình dung ra dáng vẻ của Hứa Do, tựa như giọng hát Kinh kịch, phất tay áo một cái, nói: chậc! Ngài về đi! **"Dư vô sở dụng thiên hạ vi"** (ta chẳng có việc gì phải dùng đến thiên hạ cả)! Bậc chân chính có đạo, cần gì phải ra làm việc thiên hạ! Ngài về đi thôi! Chỉ là một câu như vậy mà thôi.

Nói xong câu ấy rồi, Hứa Do lại nói thêm một câu: **"bào nhân tuy bất trị bào, thi chúc bất việt tôn trở nhi đại chi hĩ"** (người đầu bếp dù không coi bếp nữa, thì kẻ chủ tế cũng chẳng thể vượt qua mâm cỗ mà thay thế làm bếp được). Câu văn này rất có ý vị, đọc kỹ mới thấy, Trang Tử dẫn mỗi điển tích, mỗi câu bông đùa, đều có đạo lý cả, không nên đọc lướt qua. Ai cũng biết, bào nhân chính là đầu bếp, còn **"thi chúc"** (尸祝) là gì? Thời cổ đó là thầy pháp, thầy cúng; nói theo cách nay có thể gọi là người làm công tác tôn giáo, đạo Thiên Chúa gọi là linh mục, đạo Tin Lành gọi là mục sư, Phật giáo gọi là pháp sư, đạo Hồi gọi là **"a hồng"** (阿訇 - thầy cả, giáo trưởng); thời cổ gọi những người ấy là thi chúc. **"Chúc"** (祝) tức là cầu khấn. Ý ông nói: người đầu bếp trong nhà bếp, dù có không nấu ăn nữa, không coi bếp nữa, nhưng người làm linh mục, pháp sư thì tuyệt không thể xông vào bếp chiếm chỗ của họ, nấu ăn thay họ được! Làm như vậy là không được.

Trong đó có ba tầng quan niệm, thậm chí không chỉ ba tầng, mà đến bốn năm tầng. Tầng thứ nhất, vì sao Trang Tử lại dẫn chuyện đầu bếp? Có lẽ vì người Trung Hoa từ xưa đến nay rất chú trọng chuyện ăn uống, mà lịch sử Trung Quốc lại có mấy vị đầu bếp nổi danh. Người đầu bếp giỏi đầu tiên là Y Doãn, tức tể tướng của vua Thang nhà Thương. Trước khi làm tể tướng, để được diện kiến hoàng đế, ông cố ý xin làm đầu bếp, vì nấu ăn rất giỏi. Muốn nấu ăn ngon phải có mấy điều kiện: ăn vào vừa miệng, dinh dưỡng tốt, có ích cho sức khỏe; đương nhiên muốn béo thì sẽ béo lên, muốn gầy thì ăn vào sẽ gầy đi. Cũng giống như người bán kẹo lê cao ngày trước rao lớn: "bà lão ăn kẹo lê cao thì trường sinh bất lão; thanh niên ăn kẹo lê cao thì cao lớn ngay; sĩ tử thi cử ăn kẹo lê cao thì thi đỗ ngay; ai muốn thi trượt, ăn kẹo lê cao vào, một chữ cũng viết không nổi." Kẹo lê cao ấy lại có công hiệu lớn đến thế. Đầu bếp giỏi cũng có công hiệu lớn như vậy. Dịch Nha cũng là một đầu bếp, nhưng là một đầu bếp xấu, về sau cũng làm tể tướng, khiến người ta mất nước. Nhưng làm đầu bếp quả thật rất khó, muốn khiến mọi người ăn vào đều vừa lòng, trong bếp phải khổ sở lắm, mồ hôi ướt đẫm áo, đến khi món ngon nấu xong rồi thì bản thân lại chẳng còn ăn nổi nữa, cho nên đầu bếp nổi tiếng thường chỉ thích ăn chút dưa muối với cơm.

Người thường ai cũng biết cần có nền chính trị tốt, nhưng người thường ăn no rồi lại chẳng biết cơm canh ấy người đầu bếp phải vất vả thế nào mới làm ra được. Chính trị tốt, xã hội yên ổn, người ta chẳng biết vị lãnh đạo như người đầu bếp kia đã phải nhọc nhằn đến đâu mới làm nên được điều ấy. Cho nên người xưa có câu thơ rằng: **"Lạc Dương tam nguyệt hoa tự cẩm, đa thiểu công phu chức đắc thành"** (Lạc Dương tháng ba hoa như gấm, biết mấy công phu mới dệt nên). Kinh đô nhà Tống từng một thời đặt ở Lạc Dương, tháng ba ở Lạc Dương trăm hoa như gấm, cả thành biến thành đô thành của hoa; nhưng phải mất bao nhiêu công phu mới tổ chức nên được cảnh ấy! Chúng ta đi ngắm một khu vườn hoa, ngắm một nơi chốn nào đó, chỉ biết thưởng thức cái thành quả đẹp đẽ của nó, còn cái công cuộc gây dựng, cái khiến ta được hưởng thụ ấy, lại gian nan biết bao! Cho nên Trang Tử mượn chuyện đầu bếp để ví von.

Người đầu bếp ở đây, chính là chỉ vua Nghiêu, làm cơm nấu nước mấy chục năm trời, chỉ để nấu ra những món ngon cho thiên hạ được no đủ, còn bản thân mình thì khổ cực chết đi được, mệt nhọc chết đi được. Nay ông muốn thôi không làm nữa, Hứa Do nói: còn tôi ư? Xin lỗi, tôi không biết nấu cơm đâu, tôi chỉ biết tụng kinh, làm thầy cúng, chỉ biết niệm nam mô, nam mô, hay cầu nguyện Thượng Đế, Thánh Mẫu Maria mà thôi! Chuyện nấu nướng, tôi không biết làm đâu! Tôi chẳng có cách nào để coi bếp cả. Cho nên mới nói **"thi chúc bất việt tôn trở nhi đại chi hĩ"** (kẻ chủ tế chẳng thể vượt qua mâm cỗ mà thay thế làm bếp được). Việc này để tôi làm, ắt sẽ không xong, mỗi người có một sở trường riêng. Chỉ vài đạo lý như vậy thôi, mà hàm chứa ý nghĩa rất sâu sắc.

Giải thoát thế tục và giải thoát xuất thế

Vì sao Trang Tử lại nói đến đoạn này? Ở giữa dẫn ra câu chuyện Hứa Do, chính là để nói rằng muốn làm một người siêu việt, tất phải thoát khỏi cái gông xiềng của thế tục; cái gông ấy chính là thứ khiến người ta chịu tội, cái gông cùm trên lưng kia. Không thoát được cái gông thế tục ấy, thì sẽ bị danh trói buộc. Ngoài danh ra, lợi đương nhiên cũng làm khốn khổ con người; mà vì cái lợi ấy quan trọng, nên đương nhiên khó mà giải thoát, đó là một sự thật. Ví như nhiều người nói, họ buông bỏ được hết mọi thứ, chỉ có điều là còn phải sống thôi, biết làm sao được! Mới nghe qua tưởng như chân lý, vì để sống thì biết làm sao được! Tưởng như chân lý, nhưng chưa chắc đã là chân lý. Kỳ thực đời người chúng ta, sống cả một đời, chưa từng ai sống cho riêng mình cả, đều đang làm đầu bếp, đều nấu cho người khác ăn. Làm cha mẹ là nấu cho con cái ăn; làm con cái, cũng là nấu cho người khác ăn, đều là đầu bếp cả. Cho nên tất phải thoát khỏi cái gông xiềng thế tục, mới có thể không bị danh trói buộc, rồi mới có thể làm được "thánh nhân vô danh".

Ông vừa nói về sự giải thoát khỏi thế tục; câu chuyện Hứa Do này, xem ra đã cao lắm rồi, một người đến làm vua cũng không thèm làm, cao đến thế là cùng! Nhưng theo quan niệm của Trang Tử, ông bảo cho ta biết: sự siêu việt, thăng hoa của con người ấy cũng chỉ mới là sự giải thoát khỏi thế tục mà thôi, còn chưa đạt đến sự giải thoát xuất thế. Đoạn dưới đây sẽ dẫn ra chuyện giải thoát xuất thế.

Kiên Ngô vấn ư Liên Thúc viết:
Kiên Ngô hỏi Liên Thúc rằng:

Ngô văn ngôn ư Tiếp Dư,
Tôi nghe được lời của Tiếp Dư nói,

đại nhi vô đáng, vãng nhi bất phản.
lớn lao mà không thiết thực, một mạch nói mãi mà không hề quay lại.

Ngô kinh bố kỳ ngôn,
Tôi kinh hãi trước lời ấy,

do Hà Hán nhi vô cực dã,
như dải Ngân Hà chẳng có bờ bến,

đại hữu kính đình, bất cận nhân tình yên.
khác xa lẽ thường, chẳng gần với tình người chút nào.

Liên Thúc viết: kỳ ngôn vị hà tai?
Liên Thúc hỏi: lời ấy nói những gì vậy?

Viết: Miểu Cô Dạ chi sơn, hữu thần nhân cư yên,

Đáp: núi Miểu Cô Dạ, có vị thần nhân cư ngụ ở đó,

cơ phu nhược băng tuyết, náo ước nhược xử tử.

da thịt trắng như băng tuyết, dáng vẻ thon thả như thiếu nữ chưa chồng.

Bất thực ngũ cốc, hấp phong ẩm lộ.

Không ăn ngũ cốc, chỉ hít gió uống sương.

Thừa vân khí, ngự phi long,

Cưỡi mây khí, cầm cương rồng bay,

nhi du hồ tứ hải chi ngoại.

mà rong chơi ngoài bốn biển.

Kỳ thần ngưng, sử vật bất tì lệ nhi niên cốc thục.

Thần khí người ấy ngưng tụ, khiến muôn vật không bệnh tật mà mùa màng chín tốt.

Ngô dĩ thị cuồng nhi bất tín dã.

Tôi vì thế cho là lời cuồng vọng, không tin được.

Đoạn văn này, xét về chương pháp cổ văn thì rất đẹp. "Kiên Ngô" là tên một người; cũng có người nói, sách *Thần tiên truyện* chép ông họ Thi, tên là Thi Kiên Ngô, là một vị thần tiên thời thượng cổ. "Liên Thúc" sau này cũng thành thần tiên. Có lẽ khi Trang Tử viết về ông, ông vẫn còn đang tu đạo, vẫn còn là người phàm. Một hôm Kiên Ngô nói với Liên Thúc, tôi nghe một người, một gã điên, nói năng lung tung, tên là Tiếp Dư. *Thần tiên truyện* chép ông họ Lục, Lục Tiếp Dư. Người này gặp ở đâu? Trong *Luận Ngữ*, Khổng Tử từng bị ông mắng, gọi ông là Sở Cuồng Tiếp Dư. Đây là một kẻ cuồng của nước Sở, nổi tiếng bán điên bán khùng, giống như hòa thượng Tế Điên vậy, một kẻ cuồng. Rốt cuộc có đúng như vậy hay không, chúng ta không tra được trong gia phả họ Lục, thôi thì cũng không cần bận tâm.

Kiên Ngô kể với Liên Thúc rằng, tôi vừa nghe lời của gã điên Lục Tiếp Dư kia nói với tôi, lời ông ta "đại nhi vô đáng", lớn lao mà chẳng thiết thực; cái con trâu ấy! **"Xuy ngưu"** (吹牛 - thổi trâu, tức nói khoác) mà thổi to đến mức chẳng còn thấy bóng dáng đâu nữa. **"Vãng nhi bất phản"** (một mạch nói mãi mà không hề quay lại), ý nói lời ông ta nói ra chẳng ứng nghiệm, nói xong là quên sạch, chẳng còn dấu vết gì. Cho nên chúng ta mắng người ta là **"xuy ngưu, đại nhi vô đáng"** (吹牛大而无当 - thổi trâu, lớn lao mà chẳng thiết thực), chính là bắt nguồn từ chỗ này.

"Ngô kinh bố kỳ ngôn" (tôi kinh hãi trước lời ấy), tôi nghe lời khoác lác của ông ta, thấy vừa buồn cười vừa nghe đến mụ cả người. Kinh bố ở đây không phải là sợ hãi, chỉ như ta nói, nghe ông ta khoác lác mà đầu óc quay cuồng. Ông nói kinh bố cái gì? **"Do Hà Hán nhi vô cực dã"** (như dải Ngân Hà chẳng có bờ bến); Hà Hán không phải Hoàng Hà, Hán Thủy, mà nếu giải theo đúng đạo thư thì đó là chỉ dải Ngân Hà trên trời. Ngân Hà thì không có bờ, không có điểm tận cùng. Còn nếu theo mặt đất Trung Quốc cổ mà nói, như Trường Giang, Hoàng Hà vậy, như Hán Thủy vậy, chẳng biết nguồn gốc từ đâu chảy tới; lời ông ta nói, đến bản thân ông ta cũng chẳng mò được đến đâu là bờ bến, "do Hà Hán nhi vô cực dã".

"Đại hữu kính đình" (khác xa lẽ thường); **"kính"** (径) chính là con đường ngoài cổng, **"đình"** (庭) là gian khách sảnh khi cổng đã đóng lại; khách sảnh với bên ngoài đương nhiên khác nhau, nên hai chữ **"kính đình"** (径庭) mang nghĩa trong ngoài khác biệt. Ý nói: tôi nghe lời ông ta nói, so với quan niệm của chúng ta thì trong ngoài hoàn toàn khác biệt; tóm lại, cái gã ấy chẳng gần tình người, một kẻ điên, chẳng hiểu chuyện đời. Kiên Ngô cứ thế mắng Tiếp Dư

một trận. Liên Thúc nghe ông mắng xong, liền hỏi: **"kỳ ngôn vị hà tai"** (lời ấy nói những gì vậy)? Ông ta nói gì với anh vậy? Mà khiến anh cho là sai trái đến thế!

Thần tiên núi Miểu Cô Dạ

"Viết: Miểu Cô Dạ chi sơn, hữu thần nhân cư yên" (Đáp: núi Miểu Cô Dạ, có vị thần nhân cư ngụ ở đó); Tiếp Dư nói, núi Miểu Cô Dạ có thần tiên cư ngụ. Ngọn núi này, các bản chú giải xưa nay đều cho là ở đất Sơn Tây, nhưng rốt cuộc ở chỗ nào trong Sơn Tây thì cũng chẳng ai nói rõ được. Dù sao Sơn Tây có một ngọn núi như vậy, núi gì cũng chẳng cần bận tâm, chỉ cần biết là có ngọn núi ấy. **"Miểu"** (藐) nghĩa là ở nơi rất xa xôi.

Có một chuyện rất lạ lùng: dù là thần thoại Trung Hoa hay thần thoại Ấn Độ, hễ nói đến cõi ở của thần tiên thì bất kể ngươi đứng ở góc nào của địa cầu, con đường đều hướng về phương Tây. Đây là một vấn đề lớn, cũng là một điều rất kỳ diệu. Các bậc thần tiên của Đạo gia Trung Hoa thời cổ đều ngự ở phương Tây; qua khỏi núi Côn Lôn đi mãi về Tây, có Tây Vương Mẫu ngự ở đó; lên đến đỉnh Côn Lôn rồi lại tiếp tục đi về Tây nữa, thì chẳng ai biết sẽ đến nơi nào.

Ông nói trên ngọn núi ấy có một vị thần nhân; vị thần nhân này, cũng vốn do người phàm ta tu thành đấy thôi! Người ấy tu luyện thành công, hóa thần rồi, nên gọi là thần nhân. Người ấy **"cơ phu nhược băng tuyết"** (da thịt trắng như băng tuyết), làn da vừa mịn màng vừa xinh đẹp, vừa trắng vừa mềm mại, nói chung còn đẹp hơn cả kem lạnh, hơn cả băng giá nữa. **"Náo ước nhược xử tử"** (dáng vẻ thon thả như thiếu nữ chưa chồng), thân hình thon thả xinh đẹp ấy, tựa như một cô gái mười ba mười bốn tuổi tràn đầy sức sống, như một đồng nam đồng nữ còn trinh trắng vậy.

Chỉ chừng ấy đã đủ khiến người ta kinh ngạc rồi, nhưng diệu kỳ hơn nữa là vị thần nhân này chẳng ăn cơm, **"bất thực ngũ cốc"** (không ăn ngũ cốc): lúa mạch này, gạo này, gạo tẻ, tiểu mạch, đậu nành, cao lương, thứ gì cũng chẳng đụng đến. Vậy ông ăn gì? Ăn gió Tây Bắc, tức là **"hấp phong"** (hít gió). Còn uống gì? Chẳng uống trà, chỉ uống sương trời, tức là **"ẩm lộ"** (uống sương). Ông là một người như thế, cứ ngự trên ngọn núi ấy; vậy ông đi chơi bằng cách nào? Lúc hứng lên, chỉ khẽ vẫy tay, mây trắng trên trời liền kéo đến, mây đen cũng được luôn, đó chính là **"thừa vân khí"** (cưỡi mây khí), đây chỉ là dạo chơi qua loa thôi. Còn muốn đi xa hơn một chút thì sao? Ông dùng đến chiếc xe máy của mình: vẫy tay một cái, rồng trên trời liền bay tới, rồng chính là chiếc xe máy của ông. Cưỡi lên lưng rồng, muốn đến đâu, rồng liền bay đến đó.

"Thừa vân khí, ngự phi long, nhi du hồ tứ hải chi ngoại" (cưỡi mây khí, cầm cương rồng bay, mà rong chơi ngoài bốn biển). Người xưa cũng đã biết, ranh giới của vùng đất này là bốn biển lớn, nên mới đi ra ngoài bốn biển ấy mà dạo chơi. Nếu lấy quan niệm ngày nay mà nhấn mạnh, thì đó là vượt khỏi địa cầu, ra ngoài không gian vũ trụ mà dạo chơi, tức **"du hồ tứ hải chi ngoại"** (rong chơi ngoài bốn biển), ý nói cuộc sống của ông rất nhàn nhã dễ chịu. Vậy còn con người ấy thì sao? **"Kỳ thần ngưng"** (thần khí người ấy ngưng tụ); ngươi nhìn thấy người ấy mà xem! Chẳng giống người thường, cái thần khí kia của ông lúc nào cũng lắng đọng, chẳng tán loạn, thoạt nhìn đã biết ngay là một vị Bồ Tát, một vị thần tiên. Dù sao cũng chẳng giống chúng ta đây, ngươi nhìn ai đó thêm một cái là mắt họ liền chớp chớp, không thì nét mặt liền biến đổi ngay.

Cái thần khí lắng đọng ấy của ông, chỉ cần đứng vào một nơi nào, nơi đó liền trở nên thái bình. **"Sử vật bất tì lệ nhi niên cốc thục"** (khiến muôn vật không bệnh tật mà mùa màng chín tốt); hết thảy vạn vật chỉ cần chạm vào phạm vi của ông là chẳng còn bệnh tật gì nữa. **"Tì"** (疵 - bệnh nhỏ) và **"lệ"** (疠 - bệnh lớn) là hai nghĩa khác nhau trong câu kinh trên. Người ấy chỉ cần đứng vào một chỗ, nơi ấy bất luận là vật chất, là ruộng lúa, là mưa xuống, hay nắng gắt, thảy đều lắng lại yên ổn. Chẳng những người ta dễ chịu, mà hết thảy vật chất, chỉ cần chạm vào thần quang của ông, bệnh nhỏ bệnh lớn đều tiêu tan. Nói cách khác, ai được nhìn thấy ông, thì sinh lão bệnh tử đều có thể thoát khỏi, đó

chính là một con người như vậy. Ông chỉ cần đứng ở đó, người ta chẳng cần lao tác, lúa cũng tự mọc lên, thóc cũng tự chín. Điều ông miêu tả đây, giống như một cõi giới khác mà kinh Phật nói tới, gọi là Bắc Câu Lô Châu, nơi ấy, con người nghĩ đến áo liền có áo mặc, nghĩ đến ăn liền có ăn.

"Ngô dĩ thị cuồng nhi bất tín dã" (Tôi vì thế cho là lời cuồng vọng, không tin được). Kiên Ngô nói, cái gã Lục Tiếp Dư này, ông ta nói những lời điên rồ ấy cho tôi nghe, vậy tôi biết tin làm sao được? Trên đời làm gì có người như thế. Liên Thúc nghe xong lại nói, lời ông ta nói đúng đấy chứ! Đúng ở chỗ nào?

Sự điếc mù của tri thức

Liên Thúc viết: Nhiên.

Liên Thúc đáp: Đúng vậy.

Cổ giả vô dĩ dữ hồ văn chương chi quan,

Kẻ mù không thể nào cùng chiêm ngưỡng cái đẹp của văn chương,

lung giả vô dĩ dữ hồ chung cổ chi thanh,

kẻ điếc không thể nào cùng nghe được tiếng chuông trống,

khởi duy hình hài hữu lung manh tai!

nào chỉ hình hài mới có kẻ điếc kẻ mù đâu!

Phù tri diệc hữu chi.

Tri thức cũng có kẻ điếc kẻ mù như vậy.

Đây là tiết thứ sáu. Liên Thúc nghe xong, nói: **"Nhiên"** (Đúng vậy). Kiên Ngô cứ tưởng Liên Thúc đồng ý với mình, cũng cho rằng Tiếp Dư là một kẻ điên. Nhưng không phải vậy, Liên Thúc liền bắt đầu trách mắng ngay sau đó; ông nói lời Tiếp Dư nói là đúng đấy chứ! Đúng thật đấy, **"cổ giả vô dĩ dữ hồ văn chương chi quan"** (kẻ mù không thể nào cùng chiêm ngưỡng cái đẹp của văn chương): một kẻ mù thì chẳng có cách nào nhìn thấy vẻ đẹp, nghệ thuật trên đời này. Ngươi bảo hôm nay nắng đẹp quá, mặt trời tỏa sáng quá, cái cây kia xanh biếc quá, thì kẻ mù nào có thấy được đâu.

"Văn chương" ở đây không phải nói đến bài viết, mà là chỉ vẻ văn thái, vẻ đẹp của tự nhiên chính là văn thái; vẻ đẹp tự nhiên kết thành một hình mẫu, gọi là **"chương"** (章). **"Văn"** (文) chính là văn thái, vẻ rực rỡ đẹp đẽ. Về sau người ta mới đem chữ nghĩa tổ chức lại mà gọi là văn chương. Ý niệm này cần phải hiểu cho rõ.

"Lung giả vô dĩ dữ hồ chung cổ chi thanh" (kẻ điếc không thể nào cùng nghe được tiếng chuông trống). Còn kẻ điếc thì sao? Đánh chuông, đánh trống, sấm nổ, cũng chẳng có cách nào nghe được, âm nhạc hay đến mấy cũng chẳng lọt vào tai. **"Cổ giả vô dĩ dữ hồ văn chương chi quan, lung giả vô dĩ dữ hồ chung cổ chi thanh"** (kẻ mù không thể nào cùng chiêm ngưỡng cái đẹp của văn chương, kẻ điếc không thể nào cùng nghe được tiếng chuông trống), đó chỉ mới là cái điếc, cái mù trên thân thể mà thôi. Ông nói tiếp, **"khởi duy hình hài hữu lung manh tai! Phù tri diệc hữu chi"** (nào chỉ hình hài mới có kẻ điếc kẻ mù đâu! Tri thức cũng có kẻ điếc kẻ mù như vậy). Điều đáng buồn nhất trên đời, chính là kẻ điếc về tri thức, kẻ mù về tri thức.

Ngươi xem, cái nghệ thuật mắng người của các bậc thần tiên này cao siêu biết bao, mắng người mà vòng vo đến ba khúc quanh. Kiên Ngô vừa trình bày xong, Liên Thúc còn nói **"Nhiên"** (Đúng vậy), khiến Kiên Ngô cứ tưởng ông cùng chung ý nghĩ với mình. Rốt cuộc ông lại nói trên đời chẳng riêng gì ngũ quan mới có kẻ điếc kẻ mù, mà phần

nhiều là kẻ điếc mù về tri thức. Ông mắng người mà chẳng buông một lời tục tĩu, cũng chẳng hề mắng thẳng vào đối phương, nhưng đã vặn bẻ đối phương đến cùng.

Tâm chuyển vật và thiền định

Cuộc trò chuyện giữa Kiên Ngô và Liên Thúc, chính là bàn về vị thần nhân trong câu "thần nhân vô công". Thiên này có một trọng điểm, nhấn mạnh đúng một việc, đúng một con người: ấy là người phàm đều có thể thành thần nhân, ai ai cũng có thể làm được; sở dĩ người ta không làm được, là bởi cái điếc, cái mù trong tri thức học vấn của mình. Dưới đây tiếp tục nói ra một đạo lý, một lý luận.

Thị kỳ ngôn dã, do thời nhữ dã,
Lời ấy, cũng như đang nói về ngươi lúc này vậy,

chi nhân dã, chi đức dã,
người ấy, đức ấy,

tương bàng bạc vạn vật dĩ vi nhất, thế kỳ hồ loạn,
sẽ dung hòa muôn vật làm một, khiến thế gian đang loạn lạc được an định,

thục tệ tệ yên dĩ thiên hạ vi sự!
ai còn khổ nhọc mà lấy việc trị thiên hạ làm việc của riêng mình nữa!

Chi nhân dã, vật mạc chi thương,
Người ấy, vạn vật không thể nào làm tổn hại,

đại tẩm kê thiên nhi bất nịch,
nước lớn ngập đến tận trời mà chẳng chìm,

đại hạn kim thạch lưu, thổ sơn tiêu nhi bất nhiệt.
đại hạn khiến vàng đá tan chảy, núi đất cháy thành tro mà cũng chẳng thấy nóng.

Lúc bấy giờ Lục Tiếp Dư nói với ngươi câu ấy, bảo rằng trên đời có một người như thế, **"do thời nhữ dã"** (cũng như đang nói về ngươi lúc này vậy). Nói thật ra, câu ấy chính là nói với ngươi lúc đó; nói cách khác, kiến thức của ngươi quá thấp kém, mà lời ông ta nói lại còn quá khách khí, câu chuyện lúc ấy vẫn chưa nói hết. **"Chi nhân dã, chi đức dã"** (người ấy, đức ấy); **"đức"** (德) ở đây có nghĩa là thành tựu, chứ không phải cái đức trong đạo đức mà đời sau vẫn nói. Ông hỏi, thành tựu của người ấy đến mức nào? **"Tương bàng bạc vạn vật dĩ vi nhất, thế kỳ hồ loạn"** (sẽ dung hòa muôn vật làm một, khiến thế gian đang loạn lạc được an định); **"bàng bạc"** (旁礴) là một tính từ, tức cái mà ngày nay ta gọi là hòa tan, hòa tan cả muôn vật vào nhau. Người ấy, ngươi bảo ông là người cũng được, là vật cũng được, là tâm cũng được, ông có thể dung hòa cùng muôn vật làm một thể, chứ không phải muôn vật hòa tan ông vào chúng. Nói cách khác, đó chính là tâm chuyển được vật, tâm đã biến chuyển vật. **"Kỳ"** (蘄) có nghĩa là an định; ông chỉ cần đứng vào một chỗ, thế gian này liền an định lại, đó chính là thần. Vậy nên! Một người như thế, **"thục tệ tệ yên dĩ thiên hạ vi sự"** (ai còn khổ nhọc mà lấy việc trị thiên hạ làm việc của riêng mình nữa)! **"Tệ tệ"** (弊弊) có nghĩa là xem nhẹ, coi thường; ai còn muốn nhọc lòng đứng ra trị lý quốc gia thiên hạ nữa! Kỳ thực trị lý quốc gia chỉ là chuyện nhỏ, ông còn khiến cả nhân loại toàn thế giới an định lại, ấy còn chưa kể gì, huống hồ còn có thể dung hòa cả muôn vật.

"Chi nhân dã, vật mạc chi thương" (người ấy, vạn vật không thể nào làm tổn hại), Liên Thúc nói tiếp, người mà Tiếp Dư nói cho ngươi nghe đó, bất cứ vật gì trong thế giới vật lý cũng chẳng có cách nào làm tổn hại được ông. Thế nào gọi là "đại tẩm kê thiên"? Giả sử băng sơn ở cực Bắc địa cầu tan chảy hết, nước lớn dâng lên, cả địa cầu chìm trong hồng thủy ngập trời, **"nhi bất nịch"** (mà chẳng chìm), ông cũng chẳng hề chết chìm, chẳng qua chỉ cảm thấy như vòi nước vừa mở ra, đúng lúc để tắm gội một phen. **"Đại hạn kim thạch lưu, thổ sơn tiêu nhi bất nhiệt"** (đại hạn khiến vàng đá tan chảy, núi đất cháy thành tro mà cũng chẳng thấy nóng); nếu gặp phải đại hạn của thế gian này, núi non trên địa cầu đều tan chảy hết, khoáng vật đều hóa thành chất lỏng, núi đất đều cháy thành tro, biến thành than đá, lúc ấy ông chỉ cảm thấy như lò sưởi vừa được bật lên, ngồi đó sưởi ấm, ấm áp biết bao, còn cho đó là điều dễ chịu nhất. Đây chính là miêu tả con người ấy, thế giới vật lý đã chẳng còn có thể làm tổn hại được ông nữa. Đây chính là cảnh giới thần nhân đạt đến cực điểm của sự thần hóa mà Trang Tử nói tới.

Còn một điều thần kỳ khác nữa, chính là điều kinh Phật gọi là thiền định. Thế nào gọi là thiền định? Nếu theo cách nói của Trang Tử mà bàn, thì chỉ gói trong ba chữ **"kỳ thần ngưng"** (thần khí người ấy ngưng tụ). Chữ **"ngưng"** (凝) ấy chính là định. Cho nên rất nhiều người trong chúng ta học yoga, học đạo, tu định, mà chưa làm được "kỳ thần ngưng" thì đều chưa thể gọi là định được. Kinh Phật cũng bảo cho ngươi biết, cái sự ngưng thần trong thiền định ấy có trình tự: sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền. Cho nên bàn về vũ trụ, về thế giới, thì Phật học nói rõ ràng nhất. Địa cầu này rồi sẽ có ngày hủy diệt, khi toàn cõi đại địa hủy diệt thì có ba tai kiếp, đại tam tai, chính là đại kiếp nạn của địa cầu.

Kiếp thứ nhất là hỏa kiếp; khi hỏa kiếp đến, mặt trời chẳng còn chỉ một cái nữa, sức nóng mặt trời tăng gấp mười lần, chẳng khác nào mười mặt trời cùng lúc hiện ra, cả địa cầu núi lửa bùng nổ khắp nơi, địa cầu tự nó bốc cháy, sự thiêu đốt ấy lan đến giữa cõi Sơ thiền thiên và Nhị thiền thiên. Người ở cõi Nhị thiền thiên, khi hỏa tai đến thì chẳng sợ, nhưng khi thủy tai đến thì lại chẳng có cách nào chống đỡ nổi. Chúng ta ngồi thiền tu đạo cũng vậy, phải trải qua hỏa kiếp của thân thể, có lúc nóng đến mức khiến người ta chịu không nổi, tưởng chừng như sắp phát nổ đến nơi.

Kiếp thứ hai là thủy kiếp. Khi thủy kiếp đến, băng sơn ở cực Bắc tan chảy, cả địa cầu chìm ngập trong nước. Nhưng nước ấy ngập đến đâu? Ngập đến khoảng giữa Nhị thiền thiên và Tam thiền thiên. Nếu ai chỉ đắc được Nhị thiền định, khi thủy tai đến vẫn còn sợ hãi, vẫn có thể bị chết chìm như thường, dù có ngồi thiền nhập định ở đó cũng vô ích. Cho nên khi ngồi thiền, có lúc đổ mồ hôi, trên thân sinh mụn nhọt, cảm xúc dấy động, dục niệm trào dâng, hoóc-môn tiết ra, đó đều là thứ thủy tai của cõi dục giới trên thân thể con người.

Kiếp thứ ba là phong kiếp. Khi phong kiếp đến, cả địa cầu tựa hồ hóa thành luồng khí lưu, ngay cả Tam thiền thiên cũng còn sợ phong kiếp. Phải cao hơn Tam thiền thiên nữa, đến được Tứ thiền, thì tam tai bát nạn đều chẳng còn sợ nữa.

Vào thời đại của Trang Tử, Phật học còn chưa truyền đến Trung Hoa, văn hóa Trung Hoa và Ấn Độ chưa hề giao lưu, vậy mà Trang Tử lại nói đến cảnh giới của Tứ thiền, đó quả là điều kỳ diệu. Ông nói hỏa tai chẳng hại được ông (ứng với Nhị thiền thiên), thủy tai chẳng hại được ông (ứng với Tam thiền thiên). Vị thần nhân này còn có thể cưỡi mây khí, cầm cương rồng bay, cho thấy gió lớn cũng chẳng ảnh hưởng gì đến ông (ứng với Tứ thiền thiên). Nếu ta mở rộng nghiên cứu đạo lý này hơn nữa, thì thấy trên thế giới có mấy nền văn minh cổ xưa, như văn hóa Ai Cập chẳng hạn, cách nói của họ về các bậc thần nhân thượng cổ cũng gần giống như vậy; thậm chí huyền học phương Tây cũng có cách nói tương tự. Có thể thấy loài người chúng ta tuy có khác nhau về chủng tộc, khu vực, nhưng tổ tiên thuở ban đầu, trước lần đại kiếp trước của địa cầu, có lẽ vốn cùng một nền văn hóa.

Cảnh giới của sinh mệnh quả thật có thể cao đến mức ấy, chỉ xem chính ngươi có làm được hay không mà thôi. Cho nên Trang Tử ở chỗ này mượn lời người khác mà nói, **"chi nhân dã vật mạc chi thương"** (người ấy, vạn vật không thể nào làm tổn hại), thế giới vật lý chẳng thể làm tổn hại được ông, bởi vì tâm ông có thể chuyển hóa được vật. Hỏa tai, thủy tai, địa cầu hủy hoại, thảy đều chẳng còn liên quan gì đến ông nữa. Loại tu dưỡng ấy khiến sinh mệnh con người được thăng hoa giá trị, thoát khỏi sự trói buộc của thế giới vật lý, đạt đến một thành tựu siêu việt.

Thánh nhân và đế vương

Thị kỳ trần cấu bỉ khang,
Cái bụi bặm, cám tấm ấy của ông,

tương do đào chú Nghiêu Thuấn giả dã,
cũng đủ để đúc nặn nên một bậc Nghiêu, Thuấn,

thục khẳng dĩ vật vi sự!
ai còn thèm lấy vật tầm thường mà bận lòng!

"Trần cấu bỉ khang" (尘垢秕糠 - bụi bặm cám tấm) tức là cặn bã, phế phẩm. Như hạt thóc ta ăn, lớp vỏ ngoài chính là cám gạo, vỏ lúa mì chính là cám mì. Lấy một ví dụ: các vị đều từng đọc truyện Tế Công hòa thượng, Tế Công suốt ngày chẳng bao giờ tắm rửa; có người mắc bệnh, ông liền lấy tay xoa xoa mồ hôi cáu bẩn trên người mình, vo thành viên đưa cho người ta uống. Người ta hỏi đó là thuốc gì, ông đáp đó là "thuốc duỗi chân trợn mắt", uống vào là hai chân duỗi thẳng, mắt trợn ngược mà chết, có gan thì cứ uống. Kết quả người ta uống vào, bệnh lại khỏi hẳn. Đó chính là **"trần cấu bỉ khang"** (bụi bặm cám tấm), lấy thứ dơ bẩn trên người ông ra mà dùng, **"tương do đào chú Nghiêu Thuấn giả dã"** (cũng đủ để đúc nặn nên một bậc Nghiêu, Thuấn), đều có thể tạo nên một bậc thánh nhân nhập thế. Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Văn, Võ, Chu Công, Khổng Tử, theo quan niệm này, đều được gọi là thánh nhân nhập thế. Ông nói, tu dưỡng đến mức ấy, hóa thành thần rồi, thì mồ hôi cáu bẩn chảy ra trên người ông, vo thành viên thuốc, cho ngươi uống một viên, ngươi cũng có thể trở thành một bậc thánh nhân nhập thế, một vị đế vương trị thế. Vậy nên! Ngươi thử nghĩ mà xem, giá trị sinh mệnh được nâng lên đến cảnh giới ấy, thì **"thục khẳng dĩ vật vi sự"** (ai còn thèm lấy vật tầm thường mà bận lòng)! Ông làm sao còn để mắt đến những thứ thuộc thế giới vật chất nữa.

Kiên Ngô vốn kể lại cho Liên Thúc nghe, những mong tìm được sự đồng cảm của ông, mắng Lục Tiếp Dư nước Sở là kẻ điên, kẻ khùng, ăn nói khoác lác bừa bãi, bảo trên đời làm gì có người như thế. Kết quả lại bị Liên Thúc mắng cho một trận, rằng vốn dĩ có người như thế thật, chỉ là ngươi không biết mà thôi, ngươi chính là kẻ điếc về tri thức, kẻ mù về tri thức. Mắng xong, ông lại nói thêm một đạo lý nữa. Ông nói:

Tống nhân tư chương phủ nhi thích chư Việt,
Người nước Tống mang theo mũ lễ chương phủ đến các xứ Việt,

Việt nhân đoạn phát văn thân, vô sở dụng chi.
mà người Việt lại cắt tóc ngắn, xăm mình, nên món ấy chẳng dùng vào đâu được.

Nghiêu trị thiên hạ chi dân, bình hải nội chi chính,
Vua Nghiêu đã trị yên dân thiên hạ, chính sự trong bốn biển đã thái bình,

vãng kiến tứ tử, Miểu Cô Dạ chi sơn, Phần thủy chi dương,
bèn đến thăm bốn vị ấy nơi núi Miểu Cô Dạ, phía bắc sông Phần,

yểu nhiên táng kỳ thiên hạ yên.

mà ngơ ngác quên mất cả thiên hạ của mình.

Đây là Liên Thúc bổ sung thêm cho lý luận của mình. Ông nói người nước Tống đến vùng man di để buôn bán. Vì sao lại nhắc đến nước Tống? Đó là vào thời Chiến Quốc, không nhắc nước Lỗ, cũng chẳng nhắc nước Tề, mà lại cứ nhắc đến nước Tống, bởi người Tống là hậu duệ nhà Ân Thương, được phong đất ở Tống, nước Tống đại diện cho văn hóa Ân Thương. Khổng Tử cũng là hậu duệ người nước Tống, văn hóa nước Tống là cao nhất. **"Tư chương phủ nhi thích chư Việt"** (mang theo mũ lễ chương phủ đến các xứ Việt), người nước Tống muốn buôn bán, bèn mang theo lễ phục, mũ lễ đến nước Việt. Nước Việt tức là vùng đất Giang Tô, Chiết Giang, Phúc Kiến ngày nay. Thời ấy đảo Đài Loan có người hay không, là những ai, vẫn chưa rõ, chỉ biết nó thuộc vùng ngoài biên của nước Việt. **"Việt nhân đoạn phát văn thân"** (người Việt cắt tóc ngắn, xăm mình), chúng ta ngày nay chính là bản sắc của người nước Việt xưa ấy, tóc cắt ngắn chẳng búi lên, còn người Trung Hoa cổ thì búi tóc lên cả. Thân thể tóc da đều nhận từ cha mẹ, mấy vị ngồi đây để tóc dài, ấy mới hợp với văn hóa Trung Hoa. Còn như chúng ta bây giờ theo văn hóa phương Tây, văn hóa man di, cắt tóc ngắn. "Văn thân" tức là xăm hình lên khắp thân thể. Kết quả người Tống mang lễ phục, mũ lễ đến vùng đất chưa có văn hóa ấy, chẳng bán được lấy một món. **"Vô sở dụng chi"** (chẳng dùng vào đâu được), thứ ấy có ích gì đâu! Vật phẩm của nền văn minh cao, mang đến nơi hoang sơ nguyên thủy nhất, thì chẳng có tác dụng gì cả.

"Nghiêu trị thiên hạ chi dân" (vua Nghiêu trị dân thiên hạ), mấy chục năm trôi qua, thiên hạ thái bình, đã **"bình hải nội chi chính"** (chính sự trong bốn biển đã thái bình), ấy chính là bậc đế vương thời thịnh trị, tiếng tăm lưu truyền muôn đời, còn gì hơn thế nữa, đó chính là vị hoàng đế thánh nhân rồi! Vậy mà kết quả thế nào? **"Vãng kiến tứ tử"** (đi đến gặp bốn vị), vua Nghiêu bèn tìm đến gặp bốn người, bốn người nào? Chẳng ai rõ. Nhưng về sau, khi các nhà chú giải Trang Tử, thường lấy bốn kẻ kỳ dị mà Trang Tử từng nhắc đến, gộp lại cho đủ số. Nếu tùy tiện gộp bốn vị ấy lại, thì ông gặp Hứa Do là một, bên cạnh Hứa Do còn có bạn ông là Sào Phủ đứng đó, chắc ông cũng thấy luôn, thế là hai người rồi; muốn tìm thêm hai người nữa cũng dễ thôi, chỉ là văn tự không chỉ rõ ra ai. Rồi ông lại ngắm nhìn ngọn núi Miểu Cô Dạ kia, **"Phần thủy chi dương"** (phía bắc sông Phần), đi về hướng Tây, ngắm nhìn vùng Sơn Tây, rồi lại ngắm ngọn Thúy Hoa sơn, những người như vậy đâu chỉ một, hai, ba, bốn người. **"Yểu nhiên táng kỳ thiên hạ yên"** (ngơ ngác quên mất cả thiên hạ của mình). Ông vốn tự cho mình là bậc đế vương của thiên hạ, là người đứng đầu thiên hạ, muôn dân trong thiên hạ đều là con dân của ông, trị yên được muôn dân kể cũng đã vĩ đại lắm rồi; nhưng khi nhìn thấy các bậc thần nhân này, ông mới nhận ra mình nhỏ bé biết bao, trị yên được thiên hạ thì có nghĩa lý gì đâu? Nhỏ bé quá đỗi.

Đọc đến tiết này, ta liền hiểu rằng Trang Tử giảng đến đây, trước tiên đã chỉ thẳng ra giá trị của sinh mệnh, ấy chính là thần hóa; có thể nói tinh thần vốn sẵn có nơi mỗi người, thông qua tự tu dưỡng mà biến hóa đi, đó chính là thần hóa. Nói cách khác, cái công năng của tâm, tức tinh, khí, thần, có thể tự khiến công năng sinh mệnh của chính mình trở nên siêu thần nhập hóa. Thần hóa rồi, có thể làm bậc thánh nhân nhập thế, tề gia, trị quốc mà bình thiên hạ. Sau đó thì sao? Thì phải xuất thế. Chỉ cần để ý đến lịch sử Trung Hoa, ta sẽ thấy đây chẳng phải chuyện thần thoại đâu.

Nói đến văn hóa Trung Hoa, mọi người cần đặc biệt lưu ý! Văn hóa Trung Hoa ngay từ thuở ban đầu đã đề cao điều ấy rồi, là ai vậy? Chính là vị tổ tiên xa xưa của người Trung Hoa, Hoàng Đế. Hoàng Đế trị quốc bình thiên hạ, an định xong muôn dân rồi, liền cưỡi rồng bay lên trời, đi ra ngoài thế tục. Lúc Hoàng Đế cưỡi rồng bay lên, mang theo tất cả cận thần đại thần của mình. Vì số người bám vào mình rồng quá đông, có mấy vị tiểu thần không sao leo lên được, đành phải nắm chặt lấy chòm râu rồng, rốt cuộc từ giữa không trung rơi xuống. Mấy người rơi xuống ấy, mãi đến đời

Hán, đời Tống vẫn còn sống ở trần gian, qua khỏi đời Tống thì chẳng ai rõ tung tích nữa. Cho nên điển tích "bám rồng níu phượng" chính là từ đó mà ra.

Nhưng ta cần chú ý điều này! Xuyên qua câu chuyện thần thoại trong sử xa xưa của Trung Hoa ấy, chính là minh chứng cho trung tâm văn hóa Trung Hoa, vốn luôn nâng giá trị sinh mệnh con người lên hai tầng bậc: một là bậc thánh nhân nhập thế; hai là sau khi nhập thế thành công rồi, công thành danh toại thì lui về ẩn dật, trở thành bậc thánh nhân xuất thế. Đây chính là kết luận của văn hóa Trung Hoa; đoạn này, Trang Tử đã vạch rõ trọng điểm của sự thần hóa, mỗi một sinh mệnh đều có công năng thần hóa cả, chỉ tiếc rằng trí tuệ của chính chúng ta chưa đủ, nên đã đánh mất công năng ấy.

Quả bầu lớn và bí phương gia truyền

Huệ Tử vị Trang Tử viết:
Huệ Tử nói với Trang Tử rằng:

Ngụy vương di ngã đại hồ chi chủng,
Vua Ngụy tặng tôi hạt giống bầu lớn,

ngã thụ chi thành nhi thực ngũ thạch,
tôi trồng nó lớn lên, quả to đến năm thạch,

dĩ thịnh thủy tương, kỳ kiên bất năng tự cử dã.
đem đựng nước thì nó chẳng đủ cứng chắc để tự nâng nổi mình;

phẫu chi dĩ vi biều, tắc hộ lạc vô sở dung.
bổ ra làm gáo thì lại kềnh càng quá, chẳng đâu chứa cho vừa.

Phi bất hiêu nhiên đại dã,
Chẳng phải nó không to lớn đâu,

ngô vị kỳ vô dụng nhi bồi chi.
chỉ vì thấy nó vô dụng nên tôi đập vỡ nó đi.

Trang Tử viết: phu tử cố chuyết ư dụng đại hĩ.
Trang Tử đáp: tiên sinh quả thật vụng về trong việc dùng cái lớn vậy.

Bây giờ Trang Tử nêu ra một nhân vật, chính là Huệ Tử, người cùng thời với ông. Huệ Tử thuộc phái Danh gia đương thời. Văn hóa cổ đại gọi là "danh", tức là lô-gic học, nói cách khác, bất cứ một tư tưởng nào, đặt ra một danh xưng, nói ra một khái niệm, đều phải hợp với lý lẽ mạch lạc. Có mạch lạc, tức là điều mà phương Tây đời sau gọi là lô-gic. Huệ Tử chính là bậc danh gia bàn luận biện thuyết theo lô-gic thời bấy giờ. Huệ Tử với Trang Tử rất thân thiết với nhau; Huệ Tử người nước Tống, làm tể tướng nước Lương. Một hôm ông kể với Trang Tử rằng: vua Ngụy tặng tôi một hạt giống bầu lớn, vì là vua ban cho, tôi bèn đem trồng, kết quả trồng ra một quả bầu lớn đến năm thạch.

Năm thạch là lớn lắm, còn to gấp ba bốn lần cái bục giảng này của chúng ta. Nếu đem nó làm món bầu mà ăn, chắc cả phòng này ăn cũng đủ no. Ngày xưa ở thôn quê, người ta thường bổ đôi quả bầu, phơi khô, làm gáo múc nước.

Huệ Tử nói: nếu bổ đôi phơi khô làm gáo múc nước, thì nó lại to quá cầm không nổi, huống hồ chum nước cũng chẳng có cái nào to đến thế. Cho nên ông bảo, thứ này to thì to thật, to đến sướng mắt, nhưng lại chẳng dùng được vào

việc gì.

Trang Tử đáp: Ngươi à! **"Phu tử cố chuyết ư dụng đại hĩ"** (tiên sinh quả thật vụng về trong việc dùng cái lớn vậy), cái gã ngươi đây, chuyên gia lô-gic, đương nhiên uyên bác hơn cả tiến sĩ, giỏi lý sự hơn cả giáo sư, ngươi tài giỏi thật đấy, nhưng ngươi à! Chỉ giỏi nói lý luận suông, chứ chẳng biết đem ra ứng dụng thực tế. Trang Tử bèn kể cho ông một câu chuyện.

Tống nhân hữu thiện vi bất quân thủ chi dược giả,
Nước Tống có kẻ giỏi chế thuốc không nứt tay,

thế thế dĩ bình tích khoáng vi sự.
đời đời lấy nghề giặt vải trong nước làm sinh kế.

Khách văn chi, thỉnh mãi kỳ phương bách kim.
Có người khách nghe biết chuyện ấy, xin mua lại bí phương ấy với trăm lạng vàng.

Tụ tộc nhi mưu viết:
Cả nhà họp lại bàn rằng:

ngã thế thế vi bình tích khoáng, bất quá số kim,
nhà ta đời đời làm nghề giặt vải, thu về chẳng qua vài lạng vàng;

kim nhất triêu nhi dục kỹ bách kim, thỉnh dữ chi.
nay một sớm bán nghề được trăm lạng vàng, xin bán cho người ấy đi.

Nước Tống có một người, trong nhà có bí phương gia truyền gọi là **"bất quân thủ"** (không nứt tay). Đài Loan mùa đông không lạnh lắm, nhưng ở lục địa khi trời lạnh, tay ai cũng dễ nứt nẻ. Hồi nhỏ chúng tôi chẳng biết "bất quân thủ" là thuốc gì, ở thôn quê chỉ biết đến mỡ dê, mỡ heo. Người nhà quê tìm chút mỡ, xoa lên chỗ tay bị nứt, để khỏi nứt thêm. Miền Bắc lạnh hơn nhiều, từ ngoài trời bước vào nhà sưởi lửa, tuyệt đối chớ sờ tay lên mũi trước, vì mũi đã đông cứng cả rồi, sờ vào là rụng luôn, cũng chẳng đau, một lúc sau ấm lại, ứa máu ra mới thấy đau. Cho nên có người bị rụng mất mũi, rụng mất tai, đều là chuyện có thật cả.

Ông kể rằng nước Tống có một người, có bí phương gia truyền có thể khiến tay không nứt nẻ, vậy nhà này đời đời làm nghề gì? Giặt vải. Người thời nay ít ai từng thấy cảnh giặt vải, chứ hồi nhỏ chúng tôi đều thấy cả: vải nhà mình dệt xong, đem nhuộm trước, rồi phải giặt. Giặt vải phải đứng ngay trong dòng nước chảy mà giặt, cởi trần đứng trong dòng nước cả ngày trời. Mùa đông đến, đứng trong nước lạnh buốt vô cùng, vậy nên tốt nhất là có thứ thuốc ấy xoa lên người, thì chẳng còn sợ gì nữa. Còn ở miền Nam ta thì sao! Không phải thuốc xoa ngoài da, mà là một thứ thuốc uống trong, uống thứ thuốc ấy vào rồi, cởi trần nhảy xuống biển sâu, chẳng thấy lạnh chút nào. Nếu đã uống thứ thuốc ấy, gặp ngày mùa đông tuyết rơi lạnh giá mà không nhảy xuống biển sâu, thì người ấy sẽ nóng đến chết mất. Nhảy xuống biển sâu mấy tiếng đồng hồ cũng chẳng thấy lạnh, qua mấy tiếng rồi lên bờ, mặc áo vào là vừa khéo.

Ông kể rằng nhà này có bí phương "bất quân thủ" như thế, bị người khác nghe được, liền ra giá muốn mua lại bí phương gia truyền ấy. Cả nhà họp một cuộc họp gia đình lớn, bàn bạc xong, cho rằng tuy có bí phương gia truyền, nhưng đời đời chỉ làm cái nghề giặt vải cực khổ kiếm ăn, một tháng cũng chẳng qua được vài nghìn đồng; nay có người trả giá, chẳng khác nào cả trăm vạn đô la thời nay, cả họ nhà ta từ nay có thể lên Đài Bắc mở một khách sạn du lịch, hay một xưởng máy, có thể phát tài được, khỏi phải làm cái nghề giặt vải cực nhọc nữa, thế là bèn bán đi bí phương ấy.

Khách đắc chi, dĩ thuyết Ngô vương.

Người khách có được bí phương ấy, đem du thuyết vua Ngô.

Việt hữu nạn, Ngô vương sử chi tướng,

Khi nước Việt gây hấn, vua Ngô sai ông làm tướng,

đông dữ Việt nhân thủy chiến, đại bại Việt nhân,

mùa đông cùng quân Việt giao chiến trên sông nước, đại phá quân Việt,

liệt địa nhi phong chi.

vua bèn chia đất phong cho ông.

Năng bất quân thủ, nhất dã;

Cùng là thuốc chống nứt tay, vốn chỉ là một;

hoặc dĩ phong, hoặc bất miễn ư bình tích khoáng,

mà có kẻ nhờ đó được phong đất, có kẻ vẫn chẳng thoát khỏi nghề giặt vải cả đời,

tắc sở dụng chi dị dã.

ấy là bởi cách dùng khác nhau vậy.

Người này mua được bí phương rồi, đi xuống phương Nam yết kiến vua Ngô, đúng lúc ấy là cuộc chiến Ngô Việt, mùa đông phải xuất quân đánh trận. Ông bèn hiến kế cho vua Ngô huấn luyện thủy quân, đánh tràn qua mặt hồ Chiết Giang; ông có tài khiến mỗi người lính thủy xuống nước đều chẳng sợ lạnh, chẳng ai bị nứt tay cả. Vua Ngô nghe theo kế ấy, đánh được một trận đại thắng, vua Ngô bèn **"liệt địa nhi phong chi"** (chia đất phong cho ông). Thời cổ, đối với người có công lao, thường phong cho một vùng đất, để họ thu thuế nơi ấy, gọi là chia đất phong hầu. Ông nói, cùng một bí phương nhỏ bé như nhau, người có trí tuệ chỉ dùng cái cách nhỏ ấy mà xưng vương xưng đế được; có kẻ học vấn tài giỏi lắm, lại nghèo suốt đời, thậm chí chết đói. Ý nói tri thức kỹ năng chẳng phân lớn nhỏ, tất cả đều do trí tuệ ứng dụng của chính mình mà thôi. Cũng như Nhạc Phi từng bàn về việc dùng binh vậy: **"ứng dụng chi diệu, tồn hồ nhất tâm"** (cái diệu của sự vận dụng, nằm cả ở nơi một tâm). Trang Tử kể xong câu chuyện này, liền quay sang phê bình Huệ Tử.

Thuyền bầu

Kim tử hữu ngũ thạch chi hồ,

Nay ngươi có quả bầu năm thạch,

hà bất lự dĩ vi đại tôn nhi phù hồ giang hồ,

sao chẳng nghĩ làm cái phao lớn mà thả nổi trên sông hồ,

nhi ưu kỳ hộ lạc vô sở dung?

lại còn lo nó kềnh càng chẳng đâu chứa cho vừa?

Tắc phu tử do hữu bồng chi tâm dã phù!

Thế thì tiên sinh vẫn còn cái tâm đầy những cỏ bồng rối rắm vậy thay!

Ngươi nay trong nhà có một quả bầu to đến thế, tốt quá còn gì, sao ngươi lại lo nó chẳng dùng được vào việc gì! Ngươi phải biết, giao thông thời cổ đâu có tiện lợi như bây giờ, muốn sắm được một chiếc thuyền khó lắm đấy! Ngươi

cứ đem quả bầu ấy phơi khô đi, khoét rỗng ruột ra, rồi ngồi vào trong đó, như ngồi thuyền lớn vậy, cứ thế mà trôi nổi bồng bềnh! Sướng biết bao! Muốn đi đâu tùy ý, chẳng tốn tiền, chẳng cần mua vé tàu, đi chơi khắp nơi cũng được. Vậy mà ngươi cứ lo cái này, sợ cái kia, sợ nó to quá chẳng biết dùng vào đâu. **"Tắc phu tử do hữu bồng chi tâm dã phù"** (thế thì tiên sinh vẫn còn cái tâm đầy cỏ bồng vậy thay)! Câu này của Trang Tử, chẳng những mắng Huệ Tử, mà còn mắng luôn cả thiên hạ xưa nay, đông tây kim cổ. Cái tâm của ngươi, cái đầu óc của ngươi, toàn là cỏ bồng rối rắm cả, là một cái bị cỏ khô to tướng, một kẻ đại ngốc; nên đời sau mắng người ta, trong văn chương gọi là **"bồng tâm"** (蓬心 - tâm đầy cỏ bồng), điển tích ấy chính từ đây mà ra.

Tiết này ta mượn quan điểm Phật học mà đưa ra một kết luận nhỏ, ấy là bàn về sự khác biệt giữa trí lượng và cảnh dụng. Chuyện trên đời vốn chẳng có gì gọi là lớn hay nhỏ, cùng một vật như nhau cũng chẳng có gì gọi là tốt hay xấu, khác biệt là ở chỗ nó được dùng ra sao. Một việc nhỏ nhặt, một con người chẳng liên quan gì, nếu gặp được kẻ có trí lượng lớn, kiến giải và cảnh giới ứng dụng cao, thì có thể đem nó ứng dụng vào việc tề gia, trị quốc, bình thiên hạ. Tu đạo cũng cùng một đạo lý ấy, kẻ có kiến giải, trí lượng cao, thì một phương pháp chẳng liên quan gì cũng có thể khiến họ đạt đến cảnh giới siêu việt. Ngược lại, nếu trí lượng, cảnh giới, kiến giải ứng dụng của người ấy chưa đủ, thì dù là thứ cao minh tuyệt vời nhất, đối với họ cũng chẳng có tác dụng gì.

Lấy chính Trang Tử mà nói, bản thân ông rất cao minh, viết ra một bộ sách, kết quả thì sao? Học giả đời sau chúng ta chỉ đem nó ra làm luận văn để lấy học vị mà thôi. Thế là đem cái dùng của Trang Tử thu nhỏ lại, cũng biến Trang Tử thành quả bầu của Huệ Tử vậy, thật đáng than thở!

Cây lớn và con chồn hoang

Huệ Tử vị Trang Tử viết: ngô hữu đại thụ,
Huệ Tử nói với Trang Tử rằng: tôi có một cây lớn,

nhân vị chi xư.
người ta gọi nó là cây xư.

Kỳ đại bản ủng thũng nhi bất trúng thằng mặc,
Gốc nó sần sùi u bướu, chẳng hợp dây mực,

kỳ tiểu chi quyển khúc nhi bất trúng quy củ.
cành nhỏ của nó cong queo, chẳng hợp khuôn thước.

Lập chi đồ, tượng giả bất cố.
Đứng ngay bên đường, thợ mộc cũng chẳng thèm ngoái nhìn.

Kim tử chi ngôn, đại nhi vô dụng, chúng sở đồng khứ dã.
Nay lời của tiên sinh, to lớn mà vô dụng, ai nấy đều tránh xa như nhau vậy.

Huệ Tử nói: nhà tôi có một cây lớn. Ta cũng có thể tưởng tượng, bài văn này của Trang Tử được viết như một kịch bản ghi lại cuộc trò chuyện của ông. Trang Tử với Huệ Tử vốn là đôi bạn thân, lại là đối thủ cãi vã ăn ý, hễ gặp nhau là cãi cọ. Huệ Tử vừa nói xong về quả bầu nhà mình to quá, vô dụng; Trang Tử liền bảo, ngươi có quả bầu to mà chẳng biết dùng, ngươi quả là một kẻ đại ngốc, đầu óc lú lẫn, một cái bị cỏ khô.

Huệ Tử bị mắng như vậy, chẳng hề nổi giận, ngược lại còn mắng lại Trang Tử rằng: "Tôi bảo cho ngươi biết! Tôi còn có nhiều hơn cái quả bầu ngốc nghếch ấy nữa cơ! Nhà tôi còn có một cây lớn, cây ấy gọi là cây xư." Loại cây này

là tạp mộc, phương Nam đâu cũng có, Phúc Kiến rất nhiều, còn dễ trồng hơn cả cây đa; Phúc Châu nhiều cây đa lắm, vì cây đa rất dễ trồng, cứ trồng bừa cũng lớn được. Huệ Tử nói: cây xư này to lắm, **"kỳ đại bản ủng thũng"** (gốc nó sần sùi u bướu), rễ nó chỗ nào cũng sần sùi mềm nhũn, **"bất trúng thằng mặc"** (chẳng hợp dây mực).

Thằng mặc là gì? Đó là quy chuẩn của thợ mộc thời xưa vài chục năm trước, chính là tiêu chuẩn đo đạc. Thợ mộc bây giờ chẳng dùng đến nữa; thợ mộc ngày xưa dùng một sợi dây, một cái ống mực, kéo sợi dây đen ấy ra khỏi ống mực, căng làm thước đo, lấy ngón tay kéo dây rồi bật một cái, kẻ thành một đường đen thẳng tắp, đó gọi là thằng mặc. Còn quy củ là compa tròn, thước vuông. Huệ Tử ở đây nói cây lớn nhà mình, rễ cây cành cây quanh co uốn éo, chẳng thể dùng dây mực mà đo được; nói cách khác, đo kiểu gì cũng chẳng hợp quy củ. Vậy nên cây này mọc bên đường, **"tượng giả bất cố"** (thợ mộc cũng chẳng thèm ngoái nhìn), bất kể là ông chủ lớn tiệm gỗ, hay người thợ mộc, nhìn cũng chẳng thèm nhìn. Hơn nữa loại tạp mộc này mùi lại chẳng thơm tho gì, nên người ta đều chẳng muốn. Huệ Tử mắng người đây cũng chẳng cần buông lời tục tĩu, vì bị Trang Tử mắng trước, nên ông cũng mắng lại. Ông lại nói: này bạn ơi! Lời ngươi nói **"đại nhi vô dụng"** (to lớn mà vô dụng), ngươi cũng chỉ giỏi khoác lác mà thôi, chẳng khác gì cái cây kia, **"chúng sở đồng khứ"** (ai nấy đều tránh xa như nhau). Tôi nhìn ngươi mà xem, đáng ghét, hôi hám cũng chẳng khác gì cái cây ấy, ai nhìn thấy ngươi cũng phải ngoảnh mặt bỏ đi. Hai người cứ thế mà mắng qua mắng lại.

Trang Tử viết: tử độc bất kiến ly sinh hồ,
Trang Tử đáp: ngươi chẳng từng thấy con chồn hoang đó sao,

ti thân nhi phục, dĩ hậu ngao giả;
hạ mình nép phục, để rình mồi qua lại;

đông tây khiêu lương, bất tị cao hạ;
nhảy nhót đông tây, chẳng ngại cao thấp;

trúng ư kỳ tịch, tử ư võng cổ.
rốt cuộc mắc phải bẫy cạm, chết trong lưới bủa.

"Tử độc bất kiến ly sinh hồ" (ngươi chẳng từng thấy con chồn hoang đó sao), Trang Tử nói, có gì lạ đâu! Ngươi có từng thấy con chồn nhỏ chưa! Sinh (狌) là sinh, ly (狸) là ly, hai loài này gần giống con chồn cáo. Loại ta thường thấy ở phương Nam, phần nhiều là sinh, không phải chồn cáo thật sự, coi như chồn cáo giả. Sinh còn có tên khác gọi là dã can; cho nên nghiên cứu Trang Tử phiền phức lắm, cả tiêu bản thực vật động vật cũng phải xem qua, nhưng ở đây ta chỉ bàn đạo lý, không bàn về mặt chữ ấy. Ông bảo hai loài này nổi tiếng xảo quyệt; vì sao lại nói ly sinh mà không nói đến chó sói? Ly sinh là loài vật đa nghi, tính tình hồ nghi bất định. Người ta hay đa nghi, đầu óc hay ngờ vực, chính là cái tính của con chồn cáo, nên trong văn chương mới hình dung là hồ nghi, hồ nghi bất định. Chồn cáo vừa xảo quyệt vừa đa nghi, **"ti thân nhi phục"** (hạ mình nép phục), nó bước đi khom lưng thấp thấp, lén lút, chậm rãi tiến đến, người ta chẳng nhìn thấy. Nó tự cho mình khôn ngoan, việc đã làm, lời đã nói, cứ tưởng kẻ khác không hay biết, kết quả thì sao! **"Dĩ hậu ngao giả"** (để rình mồi qua lại), kẻ đi săn cao tay đều biết rõ cái tật ấy của nó, lợi dụng điểm yếu mà bắt gọn nó. Ly sinh, chồn cáo những loài này, cứ tự đắc với cái khôn vặt của mình, có lúc còn tự thấy mình vĩ đại lắm. **"Đông tây khiêu lương, bất tị cao hạ"** (nhảy nhót đông tây, chẳng ngại cao thấp), nhảy qua nhảy lại trên cây, nhảy tới nhảy lui trên mái nhà, nó tự cho là mình nhảy cao lắm, tài giỏi lắm, cũng chẳng sợ gì, cứ tưởng chẳng ai nhìn thấy. Kết quả người ta dĩ nhiên nhìn thấy cả, người khôn ngoan đặt sẵn cạm bẫy ở đó, đợi nó vừa nhảy tới, "bịch" một cái, rơi tòm vào ngay. **"Trúng ư kỳ tịch, tử ư võng cổ"** (mắc phải bẫy cạm, chết trong lưới bủa), rốt cuộc cạm bẫy gài bắt nó, lưới bủa vây nó, đều đã sắp đặt sẵn cả, cuối cùng vẫn bị người ta bắt mất.

Trang Tử tuy chẳng hề buông lời tục tĩu, nhưng chính là đang mắng thẳng vào mặt Huệ Tử, bảo rằng ngươi cũng như con chồn cáo kia, cũng như con khỉ nhỏ kia, ngươi tưởng mình tài giỏi lắm sao? Trang Tử mắng người theo lối ấy, chẳng như chúng ta mắng nhau thô tục, chắc chắn khó nghe lắm, cuối cùng có khi còn đánh nhau. Còn Trang Tử với Huệ Tử, hai người vừa uống rượu vừa trò chuyện, vừa mắng qua mắng lại, trông có vẻ khoan khoái lắm.

Xứ sở không có gì cả

Kim phù ly ngưu, kỳ đại nhược thùy thiên chi vân,

Nay như con trâu ly kia, to lớn như đám mây rủ giữa trời,

thử năng vi đại hĩ, nhi bất năng chấp thử.

nó quả là to lớn thật, nhưng lại chẳng bắt nổi một con chuột.

Kim tử hữu đại thụ, hoạn kỳ vô dụng,

Nay ngươi có cây lớn, lại lo nó vô dụng,

hà bất thụ chi ư vô hà hữu chi hương, quảng mạc chi dã,

sao chẳng đem trồng nó nơi xứ sở chẳng có gì cả, trên cánh đồng mênh mông vô tận,

bàng hoàng hồ vô vi kỳ trắc, tiêu dao hồ tẩm ngọa kỳ hạ.

thong dong vô vi bên cạnh nó, tiêu dao nằm ngủ dưới bóng nó.

Bất yểu cân phủ, vật vô hại giả,

Chẳng bị rìu búa đốn chết yểu, chẳng vật gì làm hại được nó;

vô sở khả dụng, an sở khốn khổ tai!

chính vì chẳng có chỗ nào dùng được nó, nên nào có gì mà khốn khổ đâu!

Trang Tử nói: ngươi à! Đúng là một gã nhà quê nhỏ mọn! Ngươi cứ tưởng mình giỏi lô-gic là kiến thức cao siêu lắm sao! Ngươi xem con trâu ly (犛牛) kia, con trâu lớn của Trung Hoa.

Trâu có nhiều tên gọi khác nhau: cái tên trâu ly xuất phát từ vùng Tây Bắc Trung Hoa, vùng Sơn Tây, Thiểm Tây, gần với Tây Khang, Thanh Hải; con trâu lớn ở đó gọi là trâu ly, thuộc về miền biên tái phía Tây. Có nơi còn gọi là 氂牛, 旄牛, 髦牛 (mao ngưu). Tên gọi con trâu thời cổ tích lũy lại, tổng cộng có đến hơn chục tên khác nhau. Ông bảo con trâu ấy to đến mức, **"kỳ đại nhược thùy thiên chi vân"** (to lớn như đám mây rủ giữa trời), tức là hình dung nó to lớn đến độ che kín cả bầu trời. Trâu tuy to thật, nhưng to để làm gì, vì nó còn chẳng bắt nổi một con chuột.

Trang Tử trước tiên mắng ông nhỏ nhen, xảo quyệt như con chồn cáo, nhưng lại vô dụng. Ngươi tưởng mình khôn khéo tài giỏi, kết quả vẫn bị người ta bắt gọn. Ngươi tưởng mình vĩ đại, vĩ đại như một con trâu ly, ấy vậy mà chuột cũng chẳng bắt nổi. Nhà ngươi chẳng phải có một cây lớn đó sao? Cây lớn thì có gì không tốt? Có cây, có quả bầu to, tốt biết bao! Ngươi quả thật là một kẻ đại ngốc, ngươi hãy đem cây ấy trồng ở nơi kia, ở **"vô hà hữu chi hương"** (无何有之乡), nơi chẳng có bất cứ thứ gì.

Chỗ này, Trang Tử càng phóng đại thêm nữa: ngươi hãy đem cây lớn ấy trồng ở nơi chẳng có gì cả, nơi tuyệt nhiên chẳng thể nắm bắt được, nơi vốn dĩ chẳng một vật, hoàn toàn trống không. **"Quảng mạc chi dã"** (cánh đồng mênh mông vô tận), một nơi vô lượng vô biên, ngươi hãy trồng cây lớn ấy ở đó. Rồi nơi ấy, vô lượng vô biên, muôn vật đều

chẳng nhìn thấy, tuyệt nhiên chẳng thể nắm bắt! Còn ngươi thì sao! Cứ trồng cây ấy lên, rồi suốt ngày ở đó thong dong nhàn nhã, tiêu dao tự tại. Chỉ ở nơi ấy mới thật là tiêu dao.

Ngươi trồng một cây lớn ở nơi ấy, trời nắng thì làm nón che nắng, trời mưa thì làm dù che mưa, chẳng thứ gì quản được ngươi cả. Rồi ngươi cứ ngủ dưới gốc cây, chẳng ai đến nhìn ngó ngươi, muôn vật cũng chẳng đến quấy nhiễu ngươi, đến cả kiến cũng sợ mùi hôi của nó mà chẳng làm tổ trên cây. Chẳng ai để ý đến ngươi cả, rồi ngươi ở nơi vô hà hữu chi hương ấy, mới thật sự được tự tại, thật sự được tiêu dao.

Tiêu dao chân chính

Vậy nên! Chim bằng lớn bay suốt cả nửa ngày trời, cái tiêu dao ấy chẳng phải tiêu dao thật sự đâu! Tiêu dao mà Trang Tử nói đến, phải đạt đến thần hóa mới được. Thần hóa đến đâu? Đến một cõi cực lạc. Cõi cực lạc ấy ở đâu? Ở nơi ngươi chẳng nhìn thấy, chẳng sờ chạm được, nơi chẳng có bất cứ thứ gì cả. Nhưng nơi ấy quả thật có một điều gì đó; ngươi đạt đến cái cảnh giới tuyệt nhiên chẳng thể nắm bắt ấy, mới thật sự được tiêu dao. Đây chính là điều Trang Tử giảng đến thần hóa mới vạch rõ ra: tiêu dao là tiêu dao ngay tại đó, chứ không phải chim bằng lớn cất cánh bay lên mới là tiêu dao, hiểu như vậy là sai lầm rồi. Đây chính là kết luận của Trang Tử về tiêu dao.

Ta có thể mượn quan điểm Phật học mà giải thích kết luận của Trang Tử. Bất luận thế gian pháp hay xuất thế gian pháp đều như nhau cả, một người muốn đạt được đại cơ đại dụng, ắt phải có được chân tri chân kiến, nên Thiền tông mới cần đến kiến giải đầy đủ. Thấy điều gì vậy? Thấy trí. Đó là thuật ngữ Phật học, chính là cái trí tuệ mà chân tri chân kiến nhìn thấy. Vậy nên, chân tri chân kiến là cái mà trí kiến nhìn thấy, chứ chẳng phải điều tâm tư suy nghĩ ra, đây không phải điều mà tâm thường, ý thức thường có thể hiểu thấu được. Điều ông giảng đây là thần hóa, cái thần của tinh thần, biến hóa đạt đến vô hà hữu chi hương, mới thật sự được tiêu dao tự tại. Đó cũng chính là chân giải thoát mà nhà Phật nói đến. Ở đây mới chỉ nói đến giải thoát, chưa nói đến khởi dụng sau khi giải thoát; đến chương sau, *Tề Vật Luận*, ông mới nói đến khí hóa, tức là khởi dụng sau giải thoát. Kỳ thực bảy thiên trong Nội thiên của Trang Tử đều liền mạch với nhau, cũng như bộ *Luận Ngữ biệt tài* của tôi giảng hai mươi thiên cũng liền mạch với nhau vậy.

Trong thiên *Tiêu Dao Du*, bắt đầu từ câu chuyện cá côn ở biển bắc hóa thành chim bằng lớn, bay về cực Nam, đến cuối cùng đã chỉ rõ sự giải thoát chân chính, chứng đến bản thể, chứng đến cái đạo ấy, quy về vô hà hữu chi hương. Điều này cũng giống như câu Thiền tông về sau vẫn nói: **"liễu bất khả đắc"** (tuyệt nhiên chẳng thể nắm bắt), **"bản lai vô nhất vật, hà xứ nhạ trần ai"** (xưa nay vốn chẳng một vật, bụi trần bám vào đâu được), cùng một đạo lý cả. Khi đạt đến cái vô hà hữu chân thật, đến lúc chẳng còn một vật gì để nắm bắt nữa, mới thật sự đạt được tiêu dao. Đây là nói đến sự giải thoát chân chính, ắt phải hiểu rõ bản thể, thuật ngữ Phật học gọi là pháp thân. Tiêu dao chân chính, ắt phải đạt đến cảnh giới pháp thân ấy. Cái gọi là pháp thân, cũng chẳng phải nói đến một cái thân nào cả, chỉ là một danh xưng giả định, một danh từ thay thế mà thôi.

Thiên 2: Tề Vật Luận (齊物論)

Tích giả Trang Chu mộng vi hồ điệp,

Ngày xưa, Trang Chu nằm mộng hóa thành bươm bướm,

hủ hủ nhiên hồ điệp dã,

phất phơ bay lượn, quả là một con bướm thật,

tự dụ thích chí dư! Bất tri Chu dã.

tự thấy khoan khoái thỏa lòng, chẳng còn biết mình là Chu nữa.

Nga nhiên giác, tắc cừ cừ nhiên Chu dã.

Chợt giật mình tỉnh giấc, thì rõ ràng lại là Chu.

Bất tri Chu chi mộng vi hồ điệp dư,

Chẳng biết là Chu nằm mộng hóa bướm,

hồ điệp chi mộng vi Chu dư?

hay là bướm nằm mộng hóa Chu?

Bây giờ đến thiên này, tức thiên *Tề Vật Luận*. Xưa nay nghiên cứu Trang Tử, chỗ khiến người ta đau đầu nhất, vấn đề phức tạp nhất, chính là thiên này. Còn văn tứ của Trang Tử, chỗ **"uông dương bác đại, thảng hoảng mê ly"** (mênh mông bát ngát, mơ hồ khó nắm bắt) nhất, cũng chính là thiên này. Tám chữ ấy là lời người xưa phê bình Trang Tử; kỳ thực chẳng mơ hồ chút nào, mạch lạc rất rõ ràng.

Trước hết, hãy bàn về đề mục thiên này: *Tề Vật Luận*. Muôn vật trong vũ trụ vốn dĩ không đều nhau, không bình đẳng; mọi hiện tượng đều muôn hình vạn trạng, mỗi thứ mỗi khác; vậy mà Trang Tử lại nêu ra thuyết tề vật, tức là muôn vật đều bình đẳng. *Tề Vật Luận* bàn về việc muôn vật đều ngang nhau, đều không có sai biệt.

Điều thiên *Tề Vật Luận* này bàn đến, là con người ta làm sao thoát khỏi sự trói buộc của thế giới vật lý, để đạt đến cái đạo thể vô sai biệt, bình đẳng chân thật ấy. Mở đầu, thiên này nói về cách chứng nghiệm cái đạo lý vô sai biệt đó; đến cuối, lại nói rõ cái đạo lý sai biệt vốn ẩn trong cái vô sai biệt, cùng với sai biệt ấy rốt cuộc từ đâu mà có.

Nam Quách và Nhan Thành

Nam Quách Tử Kỳ ẩn kỷ nhi tọa,

Nam Quách Tử Kỳ tựa kỷ mà ngồi,

ngưỡng thiên nhi hư,

ngửa mặt lên trời mà hà một hơi dài,

đáp yên tự táng kỳ ngẫu.

rũ xuống dường như đã mất đi cái đối ứng của mình.

Nhan Thành Tử Du lập thị hồ tiền,

Nhan Thành Tử Du đứng hầu phía trước,

viết: hà cư hồ?

hỏi rằng: là sao vậy?

Hình cố khả sử như cảo mộc,

Hình hài quả có thể khiến như cây khô,

nhi tâm cố khả sử như tử hôi hồ?

mà tâm quả có thể khiến như tro tàn ư?

Kim chi ẩn kỷ giả,

Kẻ tựa kỷ hôm nay,

phi tích chi ẩn kỷ giả dã.

chẳng phải kẻ tựa kỷ khi trước vậy.

Nam Quách Tử Kỳ là tên một người, do Trang Tử nhắc đến; đời sau cũng đem người này liệt vào sách *Thần tiên truyện*, *Ẩn sĩ truyện* của Đạo gia. Nam Quách là họ kép, Tử Kỳ là tên. Giờ ta cứ tưởng tượng như đang xem phim hay xem truyền hình, hiện ra một cảnh, có một người tên gọi Nam Quách Tử Kỳ, chẳng cần biết ông là một cụ già hay một người trung niên, chẳng cần biết là ai, ông chỉ là một con người mà thôi.

Thế nào gọi là "ẩn kỷ nhi tọa"? Ta phải để ý đây! Vào thời Trang Tử, chẳng có ghế đẩu, chẳng có ghế tựa, không như bây giờ. Ta từng thấy người Nhật ngồi trên chiếu tatami, phía trên đặt một cái kỷ trà thấp, mọi người xếp bằng ngồi trên chiếu; đó chính là lối sống của người Trung Hoa thời cổ, hồi ấy là như vậy. **"Ẩn kỷ"** (隐机 - tựa vào kỷ) không phải là nằm sấp xuống kiểu đó, mà là cả người mềm nhũn xuống, người cứ thế trượt xuống mà mềm ra, dường như cả cái kỷ trà cũng che khuất mất người ấy, đó gọi là ẩn kỷ. Như các trò làm bài trong lớp mệt quá, gục xuống bàn mà ngủ, đó gọi là **"phục kỷ nhi tọa"** (nằm sấp trên kỷ mà ngồi), không phải ẩn kỷ. Nam Quách Tử Kỳ ngồi trên chiếu, người cứ trượt dần xuống, tựa như ngồi mà chẳng phải ngồi, mềm nhũn xuống, thần khí lười biếng đến cực điểm, rồi ngẩng đầu lên, **"ngưỡng thiên nhi hư"** (ngửa mặt lên trời mà hà một hơi dài).

Trong đó có đạo lý cả đấy! Trong miệng hà ra một hơi. Phải để ý chữ **"hư"** (噓) này; đến thời Ngụy Tấn, người ta không gọi là hư nữa, hết thảy *Thần tiên truyện*, *Ẩn sĩ truyện* đều gọi cái sự hà hơi ấy là **"ngưỡng thiên trường khiếu"** (ngửa mặt lên trời mà rống dài). Thời Ngụy Tấn có một vị ẩn sĩ tên Tôn Đăng, giỏi **"khiếu"** (啸 - rống, huýt dài). Rốt cuộc khiếu là làm sao? Hổ gầm gọi là khiếu, chẳng lẽ một người ngồi đó học tiếng hổ gầm sao? Không phải vậy. Cái mà người xưa gọi là khiếu, cũng chính là việc ngửa mặt lên trời mà hà hơi của Trang Tử, tức là huýt sáo, huýt một tiếng sáo thật dài. Có nhiều trò huýt sáo rất hay, ở khu Tây Môn Đinh, đường Trung Sơn Bắc, trước cửa rạp chiếu bóng, đám thanh niên huýt sáo hay lắm, đó chính là trường khiếu.

"Đáp" (荅) trong "đáp yên", chữ đáp này không phải chữ đáp trong đáp lời, mà là đầu cúi xuống, người trượt xuống dưới kỷ trà, rồi đầu lại ngẩng lên, huýt một tiếng sáo thật dài. Cứ thế thổi hơi ra, mọi thứ chất chứa trong lòng đều theo đó mà thổi ra hết. Đầu cúi xuống, **"tự táng kỳ ngẫu"** (dường như đã mất đi cái đối ứng của mình), cứ như đã đánh mất một vật gì đó. Chữ **"ngẫu"** (耦 - cái đối ứng) này không phải chữ ngẫu trong phối ngẫu vợ chồng (偶), chữ ngẫu này chỉ hết thảy ngoại cảnh, những thứ đối đãi tương đối. Khi mọi ngoại cảnh đều tan biến, người ta liền mềm nhũn ra, rồi trượt xuống. Bảo ông ấy chết thì cũng chẳng giống chết, bảo sống thì cũng chẳng giống sống, tóm lại là uể oải rã rời, lười đến mức như không còn một cái xương nào cả.

Thiên đầu tiên của Trang Tử, thiên *Tiêu Dao Du*, mở đầu bằng chuyện cá côn hóa thành chim bằng lớn, bay chín vạn dặm về phương Nam, rồi cuối cùng đến chốn vô hà hữu chi hương, tuyệt nhiên chẳng thể nắm bắt, chẳng còn gì

cả, đó chính là *Tiêu Dao Du*. Thiên thứ hai, *Tề Vật Luận*, mở đầu lại không giống *Tiêu Dao Du*. Ngay từ đầu ở đây, kể về Nam Quách Tử Kỳ, ông cũng chẳng phải nản lòng, cũng chẳng phải đã chết, chỉ là lười biếng đến cực điểm, chẳng còn gì cả. Rồi cảnh thứ hai hiện ra: học trò của Nam Quách Tử Kỳ là Nhan Thành Tử Du, đứng bên cạnh ông; Nhan Thành cũng là họ kép, Tử Du là tên. **"Nhan Thành Tử Du lập thị hồ tiền"** (Nhan Thành Tử Du đứng hầu phía trước). Ta để ý, thời ấy chẳng có bàn ghế, chỉ có kỷ trà, chiếu tatami; vậy nên đối với bậc trưởng bối, không phải đứng, mà hễ có việc là quỳ xuống mà làm. Sách sử xưa thường thấy câu chữ **"tất hành nhi tiền"** (quỳ gối mà tiến lên phía trước), tức là khi có việc gấp, bậc trưởng bối gọi, thì cứ dùng đầu gối mà đi, nằm rạp xuống mà tiến lên, gọi là tất hành (đi bằng đầu gối). Ai từng đến Nhật thì biết, thường ngày đều quỳ hai gối trên chiếu tatami, còn khi cung kính nhất thì đứng đợi, sợ bậc trưởng bối sai bảo việc gì.

Bấy giờ Tử Du **"lập thị hồ tiền"** (đứng hầu phía trước), đứng trước mặt thầy, thấy thầy mình rơi vào cảnh tượng như vậy, liền hỏi: **"hà cư hồ? Hình cố khả sử như cảo mộc, nhi tâm cố khả sử như tử hôi hồ?"** (là sao vậy? Hình hài quả có thể khiến như cây khô, mà tâm quả có thể khiến như tro tàn ư?). Lời ấy dịch ra tiếng thường thì là: "Thưa thầy! Thầy ơi! Thầy làm sao vậy! Cái dáng vẻ này của thầy làm người ta sợ chết khiếp. Kỳ lạ quá! Hôm nay con nhìn thầy, cả hình dáng bên ngoài đều đổi khác, cả người biến thành như một khúc gỗ khô, chẳng còn chút sinh khí nào, trong lòng thì như tro nguội vậy." Than đốt thành xỉ, xỉ vẫn còn có thể nhóm lại mà đốt tiếp; nhưng nếu đã cháy thành tro rồi, thì chẳng còn chút lửa nào cả, lạnh tanh lạnh ngắt. Sao thân tâm con người lại có thể đến mức ấy được, "thưa thầy! Hôm nay thầy làm sao vậy?" Tiếp đó cậu lại nói thêm hai câu nữa.

Vừa chạm đã đổi khác

"Kim chi ẩn kỷ giả, phi tích chi ẩn kỷ giả dã" (kẻ tựa kỷ hôm nay, chẳng phải kẻ tựa kỷ khi trước vậy). Ta phải đặc biệt chú ý hai câu này: **"kim chi ẩn kỷ giả"** (kẻ tựa kỷ hôm nay): thưa thầy, trước đây thầy cũng từng tựa vào kỷ trà mà nghỉ ngơi lười biếng như vậy, nhưng hôm nay thầy đặc biệt khác lạ; hôm nay thầy tựa vào kỷ trà nghỉ ngơi, cái trạng thái ấy **"phi tích chi ẩn kỷ giả dã"** (chẳng phải kẻ tựa kỷ khi trước vậy), hoàn toàn khác hẳn với mỗi lần thầy tựa vào kỷ trà nghỉ ngơi khi trước. Cứ theo câu chữ mà giải thích thì là như vậy.

Nếu chỉ theo lối giải thích câu chữ như vậy mà đọc Trang Tử, ắt sẽ oan uổng cho Trang Tử lắm. Trong câu này, Trang Tử đã điểm đề rồi. Theo lối cổ văn mà nói, gọi đó là điểm đề, tức vạch ra ngay cái chủ đề. Thời Ngụy Tấn có danh họa Trương Tăng Do, vẽ rồng thường chẳng bao giờ điểm mắt; hễ ông vừa chấm con ngươi cho rồng, thì con rồng vẽ ra ấy lập tức hóa thành rồng thật mà bay đi mất. Đó chính là điển tích vẽ rồng điểm mắt, phá vách mà bay.

Văn của Trang Tử, ngay chỗ này đang vẽ rồng điểm mắt vậy. "Kim chi ẩn kỷ giả, phi tích chi ẩn kỷ giả": muốn hiểu *Tề Vật Luận*, trước hết phải hiểu chỗ này. Khi ngươi vừa ngồi xuống ở giây thứ nhất, thì đến giây thứ hai ngươi vẫn còn ngồi đó, nhưng đã chẳng còn là cái ngươi của giây thứ nhất nữa. Vì vậy về sau Trang Tử mới nhắc đến bốn chữ mà Khổng Tử từng dặn Nhan Hồi: **"giao tí phi cố"** (交臂非故 - tay vừa chạm nhau đã chẳng còn là cũ). Hai người đi ngược chiều nhau, ngươi tiến tới, ta lùi qua, hai cánh tay vừa mới chạm nhau, ngươi rẽ hướng này, ta rẽ hướng kia, vừa chạm tay rồi lướt qua nhau, thì đã chẳng còn là ngươi với ta ban đầu nữa. Bất luận thời gian nào, nơi chốn nào, hết thảy mọi sự, chỉ trong khoảnh khắc đã biến đổi rồi, chẳng có gì tồn tại vĩnh hằng cả. Ta ngồi trên chiếc ghế này ở giây thứ nhất, thì đến giây thứ hai đã chẳng còn là ngươi của giây thứ nhất, đến giây thứ ba lại càng chẳng phải là ngươi của giây thứ hai. Từng phút từng giây, muôn sự muôn vật trong vũ trụ đều đang biến đổi. Hai cánh tay vừa chạm nhau, ta nắm tay nhau, rồi buông ra, nếu nắm lại lần nữa, thì đã chẳng còn là hai ta ban đầu nữa. Vậy nên câu giao tí phi cố ấy chính là "kim chi ẩn kỷ giả, phi tích chi ẩn kỷ giả dã".

Ngay lúc ta vừa tựa vào chỗ ngồi mà an vị, thì khoảnh khắc ấy đã trôi qua rồi; mượn một câu của Phật học mà nói, đó là sát na vô thường. **"Sát na"** (刹那 - khoảnh khắc cực ngắn) vốn là danh xưng phiên âm từ tiếng Phạn, dịch sang chữ Hán thành hai chữ ấy. Trong một cái búng tay đã chứa đến sáu mươi sát na. Sát na trôi rất nhanh, chỉ trong một khoảnh khắc đã qua đi mất, đó chính là vô thường, chẳng có gì tồn tại mãi mãi.

Trang Tử mượn miệng Nhan Thành Tử Du mà nói ra cái ý *Tề Vật Luận*: không còn phân biệt, muôn vật đều bình đẳng cả. Bình đẳng cũng chỉ là một danh từ mà thôi. Quên hết ngoại cảnh, trong ngoài đều bước vào chốn vô hà hữu chi hương mà thiên *Tiêu Dao Du* đã nói đến ở cuối, tuyệt nhiên chẳng thể nắm bắt. Còn làm sao để bước vào được cảnh giới ấy, chính là điều đoạn này miêu tả. Thầy ông, Nam Quách Tử Kỳ, đáp lời rằng:

Quên mình và tề vật

Tử Kỳ viết: Yển, bất diệc thiện hồ, nhi vấn chi dã!

Tử Kỳ nói rằng: Yển à, chẳng phải hay lắm sao, câu hỏi của ngươi ấy!

Kim giả ngô táng ngã, nhữ tri chi hồ?

Nay ta đã mất ta rồi, ngươi có biết chăng?

Nhữ văn nhân lại nhi vị văn địa lại,

Ngươi nghe được tiếng người mà chưa nghe được tiếng đất,

nhữ văn địa lại nhi vị văn thiên lại phù!

ngươi nghe được tiếng đất mà chưa nghe được tiếng trời đó thôi!

Nam Quách Tử Kỳ liền nói, đúng vậy, ngươi hỏi hay lắm! **"Bất diệc thiện hồ"** (chẳng phải hay lắm sao), ngươi thấy ta như vậy là không tốt sao? Nói cách khác, ta như vậy là rất tốt đấy! **"Nhi vấn chi dã"** (câu hỏi của ngươi ấy), có gì nghi hoặc chăng? **"Kim giả ngô táng ngã"** (nay ta đã mất ta rồi), ta bảo cho ngươi hay, ngay lúc này đây, ta đã không còn ta nữa, đã quên mình rồi. **"Nhữ tri chi hồ?"** (ngươi có biết chăng?); ngươi có biết không? Thế là đã đáp xong câu hỏi.

Nói cách khác, chỗ này càng điểm rõ chủ đề hơn: một người muốn thật sự thoát khỏi sự trói buộc của thế giới vật lý, thật sự thoát khỏi mọi phiền não, mà đạt đến cái tiêu dao chân chính, chỉ có cách táng ngã, vong ngã mà thôi. Nếu chưa đạt đến táng ngã, vong ngã, thì chẳng thể hiểu được rằng giữa muôn vật không đều nhau ấy, vẫn có một cảnh giới vượt lên trên hình nhi hạ, đạt đến tề vật của hình nhi thượng. Vì vậy Trang Tử trong thiên *Tề Vật Luận* này, mở đầu liền đi chứng nghiệm cái tề vật ấy: trên cái muôn vật không đều nhau, vẫn có một cảnh giới, đó là tuyệt nhiên chẳng còn một vật gì, chốn vô hà hữu chi hương, tuyệt nhiên chẳng thể nắm bắt; bản tướng của cảnh giới ấy là tề nhất, là tuyệt đối. Còn muôn vật không đều nhau, có sai biệt, thì lại chỉ là tương đối mà thôi.

Vậy làm sao để chứng đắc được điều ấy? Ngay từ đầu đã vạch rõ: phải thật sự đạt đến vong ngã, mới có thể bàn đến *Tề Vật Luận*. Kỳ thực, chỉ vài câu ấy đã giảng trọn hết *Tề Vật Luận* rồi, những gì phía sau đều chỉ là lời suông, là phần suy diễn mở rộng thêm mà thôi. Nếu đem công án Thiền tông ra mà nói, thì nhiều vị tổ sư Thiền tông giảng đến đây là thôi, chỉ hỏi ngươi có hiểu hay không. Thấy ngươi trợn mắt ngơ ngác, còn đứng đó, liền cho một gậy: cút đi, chẳng có đầu óc gì cả, không hiểu thì thôi, chẳng giảng nữa. Nam Quách Tử Kỳ không theo lối ấy; sau khi Nhan Thành Tử Du hỏi xong, ông liền bảo cho Tử Du hay, rằng ta đã vào cảnh giới vô ngã rồi, "nhữ tri chi hồ?" Ngươi có hiểu không? Nếu phải thêm một câu hình dung, thì chính là Nhan Thành Tử Du ngờ nghệch đứng ngây ra đó, chẳng hiểu, dĩ nhiên là chẳng hiểu rồi.

Nam Quách Tử Kỳ lại nói tiếp: **"nhữ văn nhân lại nhi vị văn địa lại, nhữ văn địa lại nhi vị văn thiên lại phù!"** (ngươi nghe được tiếng người mà chưa nghe được tiếng đất, ngươi nghe được tiếng đất mà chưa nghe được tiếng trời đó thôi!). Trang Tử đặc biệt nêu ra ba cảnh giới, về sau trong văn học Trung Hoa được dùng rất nhiều, đó là nhân lại, địa lại, thiên lại. Chữ **"lại"** (籟 - âm thanh phát ra từ lỗ trống) này, chính là chữ lại trong **"vô lại"** (无赖), chỉ khác là phía trên có thêm bộ trúc, dường như hàm ý có âm thanh. Nhân lại là cảnh giới của người, âm thanh của cõi người. Nam Quách nói, ngươi đã nghe được âm thanh của cõi người, nhưng ngươi chưa nghe được âm thanh của cõi đất. Dưới đất náo nhiệt lắm, người xưa có cách để nghe được. Cái gối người Trung Hoa xưa dùng để ngủ, làm bằng gỗ, hoặc làm bằng tre, bên trong rỗng, nên khi nằm ngủ, âm thanh dưới đất nghe rất rõ, ít nhất âm thanh trên mặt đất cũng nghe rất rõ. Cái địa lại này, chỉ có nằm rạp xuống đất mới nghe được. Ông nói, giả sử ngươi hiểu được địa lại, cũng chẳng có cách nào hiểu được thiên lại, tức âm thanh của tự nhiên. Chữ **"phù"** (夫 - trợ từ kéo dài dấu hỏi) ở cuối câu, ngụ ý rằng ngươi vốn dĩ chẳng hiểu gì cả.

Ở đây ta phải để ý! *Tề Vật Luận* bao hàm hai trọng điểm. Trước hết, thiên này bảo cho ta hay rằng muôn sự muôn vật luôn luôn biến đổi từng khắc, là vô thường, chẳng tồn tại vĩnh viễn. Đó chính là "kim chi ẩn kỷ giả, phi tích chi ẩn kỷ giả". Nói cách khác, kẻ đang nghe hôm nay, chẳng phải là kẻ nghe của một giây trước đó. Nhìn thấy ta dường như đang ngồi đây, nhưng ta đã không còn ngồi ở đây nữa. Vì vậy, ai nấy dụng công tu tập, cầu vong ngã; nhưng ngươi chẳng cần cầu vong ngã, vì nó vốn dĩ đã quên ngươi rồi. Ngươi muốn cầu cho được vong ngã, ấy chính là tự mình gây rối mà thôi; cái ngã của ngươi vốn dĩ chẳng hề tồn tại, nó cứ mỗi giây lại tự quên ngươi đi, trôi qua mất, đạo lý này phải nắm cho vững. Rồi ông nói, ngươi muốn hiểu đạo lý ấy, trước hết phải đạt đến cảnh giới vong ngã. Đã chưa thể vong ngã, thì vẫn còn ở tầng hình nhi hạ. Cõi hiện tượng muôn vật của hình nhi hạ ấy, chia làm ba tầng lớp, tức ba tầng trời, đất, người. Có điều ông dùng âm thanh, dùng cảnh giới âm nhạc mà miêu tả.

Có một điều đáng chú ý: bất luận Trung Hoa hay nước ngoài, rất nhiều nền triết học, nhất là triết học tôn giáo, đều ưa dùng âm thanh để diễn tả từ hình nhi hạ đến hình nhi thượng. Âm thanh và ánh sáng trong vũ trụ là sức dẫn dắt có phạm vi rộng nhất trong tự nhiên, dễ khiến người ta bước vào một thế giới khác nhất, vì vậy ông mới nêu ra ba loại âm thanh: trời, đất, người.

Hơi thở của địa cầu

Tử Du viết: cảm vấn kỳ phương.
Tử Du hỏi: dám xin hỏi đó là hướng nào?

Tử Kỳ viết: phù đại khối ái khí, kỳ danh vi phong.
Tử Kỳ đáp: khối lớn kia thở ra hơi, tên gọi ấy là gió.

Thị duy vô tác, tác tắc vạn khiếu nộ hào.
Gió này vốn chẳng nổi lên thì thôi, hễ nổi lên thì muôn lỗ hổng đều gào thét dữ dội.

"Cảm vấn kỳ phương" (dám xin hỏi đó là hướng nào), **"phương"** (方) tức là phương hướng; "cảm vấn" là lời khiêm cung lễ độ của kẻ dưới thưa với bậc trên. Cảm vấn kỳ phương, tức là xin hỏi về mối quan hệ giữa ba loại âm thanh trời, đất, người ấy, đồng thời xin thầy chỉ cho một phương hướng, cho con một đầu mối để nắm bắt.

Ở đây trước hết nêu ra vấn đề về khí; cái đầu tiên phát sinh tác dụng ở tầng hình nhi hạ, chính là cái mà tư tưởng Đạo gia Trung Hoa gọi là khí hóa. Trong đó có một vấn đề, người học triết học phải đặc biệt lưu tâm. Ta biết rằng về nguồn gốc vũ trụ vạn hữu, triết học Đông Tây đều có vài thuyết khác nhau: triết học Hy Lạp, triết học Ai Cập, triết học

Ấn Độ, mỗi nơi mỗi thuyết. Các nhà tôn giáo cũng đều có một lối giải thích riêng: nào là thần sáng tạo ra thế giới này, nào là thần lấy bùn đất hòa với nước, nặn nên loài người, vân vân. Những thuyết đủ kiểu như vậy, nếu cứ truy đến cùng, hỏi rằng cái thần ấy do ai tạo ra, thì chẳng thể hỏi tiếp được nữa. Nhà tôn giáo đến đây liền từ chối cho hỏi thêm, dừng lại ở đó, không được hỏi nữa; tin thì được cứu rỗi, không tin thì mặc kệ ngươi, đó là tôn giáo.

Về sau các triết gia mới nói, ngươi bảo ta tin thì được thôi, nhưng ngươi phải nói rõ lý do cho ta biết. Tức là, dù Thượng Đế tạo ra, hay thần tạo ra, hay Bồ Tát tạo ra, thì thứ đầu tiên được tạo ra là gì? Từ đó bắt đầu dò tìm, mà sinh ra triết học. Các thuyết tuy có vài loại, nhưng phần lớn đều cho rằng vũ trụ bắt đầu tạo thành từ nước. Có nước trước, rồi mới sinh trưởng ra muôn vật. Văn hóa Ấn Độ và Ai Cập thì cho rằng có bốn nguyên tố: đất, nước, lửa, gió, tức là nhiệt năng, nước, khí, đất bùn, hòa trộn với nhau. Đó là triết học, và loại triết học này thuộc về duy vật luận. Về thuyết khởi nguyên của vũ trụ, từ chỗ truy vấn của tôn giáo, dần dần trở thành sự nghiên cứu mang tính triết học về cái căn bản của vũ trụ nhân sinh; thế là triết học tách rời khỏi tôn giáo.

Còn ở Trung Hoa thì sao? Tư tưởng Đạo gia Trung Hoa cho rằng cái đầu tiên hình thành là khí, muôn vật đều là khí hóa mà ra; cái khí này không phải là gió, Trang Tử nêu ra và gọi đó là khí. Chữ **"khí"** (气) mà ta thấy trong sách ngày nay, trong bản Trang Tử cổ nhất thuở đầu, chữ khí ấy không viết như vậy, mà viết theo lối gọi là "không có lửa", tức chữ **"khí"** (氣 - khí không lửa, khí tiên thiên); vì chữ ấy viết ra không mấy dễ hiểu, rất khó giải thích. Lấy quan niệm ngày nay mà nói, đó chính là một dạng năng lượng, năng lượng của vũ trụ; người Trung Hoa xưa không có tên nào khác để gọi, bèn dùng chữ ấy mà gọi nó. Còn đại khối là gì? Điều này chỉ có nói tiếng Dương Châu, hay tiếng Nam Kinh mới dễ hiểu. Đại khối tức là cái khối to lớn này; đại khối đây không nhất thiết chỉ địa cầu đâu! Có điều bài *Lan Đình tập tự* của Vương Hy Chi lại đem đại khối ra để chỉ địa cầu. Đại khối mà Trang Tử nói đến, không phải đại khối mà *Lan Đình tập tự* nói đến; đại khối ở đây chỉ là một danh từ giả định. Cái vũ trụ này, khối to lớn này thở hắt ra hơi, gọi là **"ái khí"** (噫气). Sao gọi là ái khí? Không phải thở dài, không phải nấc lên mà bật ra một hơi; hơi nấc cụt là do dạ dày ruột không thông, hoặc ít nhất là ống thực quản không thông, mà ợ ra một hơi.

Sau khi hơi ái khí ấy thoát ra, thở hắt ra ngoài thì biến thành gió. Phải để ý đấy! Đây là hai tầng khác nhau, chớ nên tưởng rằng đại khối ái khí tức là gió luôn; ở đây có sự phân tầng khác biệt. **"Đại khối ái khí, kỳ danh vi phong"** (khối lớn kia thở ra hơi, tên gọi ấy là gió), từ đó mà sinh ra tư tưởng địa cầu vật lý học của Đạo gia Trung Hoa đời sau.

Tư tưởng vật lý học nguyên thủy của Trung Hoa tuy khác với đường lối khoa học ngày nay, nhưng cũng không thể không thừa nhận đó là khoa học thời cổ. Cách nhìn khoa học về địa cầu vật lý của Trung Hoa xưa, dĩ nhiên không phải do Trang Tử tạo ra, nhưng ngay trong cùng thời đại với Trang Tử, tư tưởng khoa học của Đạo gia Trung Hoa đã rất phát đạt rồi. Thời ấy, nước Yên, nước Tề ở phương Bắc, cùng một phần đất Sơn Đông, tràn ngập một lớp phương sĩ, đời sau gọi họ là Đạo gia. Nói theo bây giờ thì đó chính là các nhà khoa học, những nhà khoa học bàn về phương thuật kỹ nghệ. Lớp người này luyện đan, tu đạo, thực hành những kỹ thuật vượt qua sự trói buộc vật lý của sinh mệnh. Vì vậy Trang Tử cũng chịu ảnh hưởng của họ. Nhìn từ văn hóa truyền thống Trung Hoa, ngay cả Mạnh Tử cũng chịu ảnh hưởng của các nhà khoa học phương sĩ, nên việc Mạnh Tử bàn học thuyết dưỡng khí, cũng chính là chuyện của thời ấy.

Theo cách nhìn chung của các phương sĩ Đạo gia Trung Hoa, dưỡng khí luyện khí là điều có giá trị rất cao. Nền văn hóa Trung Hoa xem địa cầu là một vật sống, là một sinh mệnh trọn vẹn, còn loài người ta sống trên địa cầu này, chẳng qua chỉ là những vi khuẩn trên địa cầu mà thôi. Cũng như ta mắc bệnh ngoài da, có những vi khuẩn sống trên lớp biểu bì của ta vậy. Bởi Đạo gia cho rằng địa cầu là một sinh mệnh trọn vẹn, nó có sức sống, thì nó cũng có ái khí, bởi nó cũng có hô hấp.

Chẳng hạn sông ngòi biển cả, chính là ruột và dạ dày, mạch máu của địa cầu. Theo tư tưởng Đạo gia, cho rằng trung tâm địa cầu hoàn toàn thông suốt với nhau, cũng như huyết mạch trong thân người đều thông với nhau vậy. Nếu con người có cơ hội vào được bên trong lòng địa cầu, có thể chẳng chết, chẳng biết bao nhiêu vạn năm cũng không chết, cứ ở trong đó nhàn du tự tại, có ăn có chơi. Tiểu thuyết khoa học viễn tưởng phương Tây ngày nay, đang đi theo hướng này, cho rằng địa cầu có luồng khí thông suốt; điều này đều có sách làm chứng cả, chỉ có điều tên những cuốn sách ấy ít ai từng nghe đến. Đã là địa cầu có ái khí, thì hơi thở của địa cầu dĩ nhiên quan trọng nhất là ở phía Tây Bắc.

Trải nghiệm của Kỷ Hiểu Lam

Nhà Thanh có một vị văn hào là Kỷ Hiểu Lam, người chẳng mấy tin dị đoan, trái lại rất đề cao chủ nghĩa thực chứng. Chính ông là người đứng đầu biên soạn bộ *Tứ khố toàn thư*, thế nhưng ông cũng ưa ghi chép những chuyện kỳ dị ấy. Ông vốn lại là kẻ theo chủ nghĩa hoài nghi, chỉ đặt niềm tin nơi kinh nghiệm thực tế. Trong bộ *Duyệt vi thảo đường bút ký*, ông chép rằng có một lần bị giáng chức, đày ra Thổ Lỗ Phan thuộc Tân Cương. Ông may mắn thay, phát hiện ở đó một hang gió: dân bản xứ đều cho rằng đó chính là đại khối ái khí, là trái đất sắp mở miệng thở dài; hằng năm cứ đến thời điểm nhất định, người và thú đều phải lánh khỏi nơi ấy, mà còn phải trốn cho thật xa.

Ngay lúc trái đất sắp thở dài, thì nghe trong bụng địa cầu những tiếng hô hô, ha ha... rồi hơi khí ấy bật ra, dường như chính là điều Trang Tử nói: **"đại khối ái khí, kỳ danh vi phong"** (khối lớn thở hắt ra, cái tên của nó là gió). Hơi khí ấy một khi bật ra thì thật chẳng đùa được: bất kể người, trâu ngựa hay lạc đà, cứ chạm phải là bị thổi bay chẳng còn dấu vết. Hơi ấy cứ thế phun ra, bảo là đi về phía Xibêri, chứ đi đến đâu thì chẳng ai biết. Vài ngày sau, nó lại quay về đúng lối cũ, mà con đường ấy ai nấy đều phải né tránh. Về đến miệng hang, như người ta hít vào vậy, nó hút ngược trở lại, nuốt trọn xuống, rồi mọi sự lại yên ắng như thường. Cảnh tượng ấy, Kỷ Hiểu Lam đã tận mắt chứng kiến mà ghi chép lại.

Đoạn ghi chép ấy của Kỷ Hiểu Lam, đúng là bằng chứng cho học thuyết của Đạo gia truyền thống Trung Hoa: địa cầu là một sinh mệnh sống. Bởi vậy vật lý của địa cầu thì không được phép tàn phá; tàn phá quá mức, địa cầu sẽ sinh tật bệnh, mà còn có thể hủy diệt nữa. Đó là cách nói của người Trung Hoa cổ đại. Chỗ Trang Tử nêu ra đây, **"đại khối ái khí, kỳ danh vi phong"** (khối lớn thở hắt ra, cái tên của nó là gió), thì còn chưa phải tình hình Kỷ Hiểu Lam tận mắt thấy như ta vừa trích dẫn; Trang Tử nói rằng bản thân địa cầu có sinh mệnh của nó, địa cầu đang thở ra, hơi ấy thoát ra rồi, một biến hóa, liền hình thành nên gió.

Câu nói này của Trang Tử, giới thanh niên hiện đại ta thử nghĩ xem, đúng hay không? Khí trên địa cầu thì có giới hạn; ngoài một tầng cao nhất định, không khí hoàn toàn loãng ra, đó đã chẳng còn là khí của địa cầu nữa. Khí địa cầu chỉ đạt được đến một độ cao nào đó; lên đến khoảng không vũ trụ thì chẳng còn là khí của địa cầu nữa, khoảng không ngoài ấy trống rỗng.

Xét sự biến hóa của đất, nước, lửa, gió, hư không; chẳng hạn như mưa: khí đất bốc lên, lên đến tầng cao gặp khí lạnh, lạnh nóng vừa chạm nhau thì mưa trút xuống. Mưa rơi rồi, hơi nóng ấy lại bốc lên trên; đó chính là khí của địa cầu, là ái khí. Còn khí lạnh ở trên tầng cao thuộc về lớp bề mặt của khí địa cầu; vượt qua lớp khí ấy mà lên nữa thì không còn không khí, thứ đó lại càng chẳng thuộc về khí của địa cầu. Vậy nên điều Trang Tử nói có đạo lý khoa học, đáng nghiên cứu. **"Đại khối ái khí, kỳ danh vi phong"** (khối lớn thở hắt ra, cái tên của nó là gió), đó là thứ thuộc về khí của địa cầu.

Hơi thở của loài người ta cũng có một phạm vi nhất định. Phàm nơi hơi thở đạt tới được, thì quầng sáng ngoài thân cũng đạt tới chỗ ấy; hiện nay khoa học đã có thể dùng máy ảnh chụp ra quầng sáng đó. Nói chung, quầng sáng của

thân người chỉ to bằng cái vòng vẽ ra khi dang rộng hai cánh tay, cũng chỉ bấy nhiêu thôi. Nói cách khác, phạm vi hơi thở tỏa ra cũng cỡ ấy mà thôi. Trừ khi ngươi đã qua tu trì, hoặc qua tọa thiền mà đắc đạo, như Nam Quách Tử Kỳ, đạt đến cảnh giới quên mình, thì quầng sáng cùng hơi khí tỏa ra ấy mới khác đi được.

Gió nương cái khác mà dấy lên

Hơi khí tỏa ra từ thân người mà đến được bên ngoài, cái tác dụng ấy gọi là gió. Đoạn này hơi rắc rối, hơi tốn sức một chút, trước hết phải làm cho rõ. Trong đó có ba tầng bậc, chẳng dính dáng gì đến cảnh giới tọa thiền quên mình của Nam Quách Tử Kỳ. Cứ để Nam Quách Tử Kỳ **"ẩn kỷ nhi tọa"** (tựa kỷ mà ngồi), cứ để ông ấy quên mình; bây giờ ta nói trước về vấn đề khí. Đến lúc quên mình rồi, thì chẳng còn bàn chuyện khí hay chẳng khí nữa; đó là cảnh giới giải thoát, liên quan trực tiếp với chốn vô hà hữu chi hương ở cuối thiên *Tiêu Dao Du*.

Bây giờ thiên thứ hai, *Tề Vật Luận*, bắt đầu; từ chỗ Nam Quách Tử Kỳ quên mình trở đi, đoạn gần với hình nhi thượng, với sự giải thoát vốn có ấy, ta cứ tạm gác một bên. Giờ chuyển ngược lại, bắt đầu từ cảnh giới còn có ta. Trong cảnh giới còn có ta, trước hết là ý vừa động thì có khí, khí động rồi thì hình thành gió.

"Thị duy vô tác, tác tắc vạn khiếu nộ hào" (trừ khi chẳng dấy lên, cứ dấy lên là muôn lỗ gầm lên). Trang Tử bắt đầu hình dung: ông nói sau khi hơi khí ấy biến thành gió, trừ khi nó chẳng khởi tác dụng; còn hễ nó động đậy, khởi lên tác dụng, thì lợi hại lắm. Lợi hại đến mức nào? **"Vạn khiếu nộ hào"** (muôn lỗ đều gầm lên). Khiếu chính là lỗ; chỗ nào có lỗ thì vang lên, phát ra âm thanh; nơi không có lỗ rỗng thì chẳng thể bộc lộ âm thanh của gió.

Các bạn trẻ chú ý nhé! Ngươi bảo gió có hình thể chăng? Gió chẳng có hình thể. Ta cảm thấy gió thổi vào mặt, đó là phản ứng của ta. Gió chẳng có tiếng; tiếng gió ta nghe được là tiếng do gió đụng phải vật, ma sát mà phát ra, chẳng phải tiếng của bản thân gió. Còn như hình thái của gió, gió cũng chẳng có hình thái; gió lớn hay gió nhỏ là hình thái do chính ta cảm nhận mà ra. Vậy nên đọc Trang Tử cũng phải để ý: **"thị duy vô tác"** (trừ khi chẳng dấy lên), hễ **"tác tắc vạn khiếu nộ hào"** (dấy lên là muôn lỗ gầm lên), khi khởi tác dụng, đụng phải vật chất, bèn phát ra đủ mọi âm thanh.

Nhiều người nghiên cứu Phật học đã lâu năm, cần đặc biệt chú ý hai câu này. Ngươi xem, lúc Trang Tử nói về bản thể hình nhi thượng: chốn vô hà hữu chi hương, tuyệt nhiên chẳng còn gì, tuyệt nhiên chẳng nắm được; nhưng đến hình nhi hạ khởi dụng, thì chỉ nói đến đây mà thôi, đó là ý gì? Là nương vào cái khác mà dấy lên, chính là điều Phật học gọi là **"y tha khởi"** (依他起 - nương cái khác mà dấy lên). Nếu chẳng nhờ ngoại vật, chẳng y tha, công năng của bản thể chẳng thể hiện ra. Mọi thứ đều nhờ ngoại vật, nhờ tác dụng, nhờ hiện tượng, công năng của bản thể mới hiển hiện được. Cái dụng của muôn hữu đều là cái dụng của bản thể, hiện tượng của muôn hữu chính là hiện tượng của bản thể, đều y tha khởi cả. **"Thị duy vô tác, tác tắc vạn khiếu nộ hào"** (trừ khi chẳng dấy lên, cứ dấy lên là muôn lỗ gầm lên), chính là hai câu này, nói rõ con đường từ hình nhi thượng đến hình nhi hạ.

Tiếng động rợn người

Nhi độc bất văn liêu liêu hồ?
Thế mà ngươi chẳng từng nghe tiếng gió liêu liêu ư?

Sơn lâm chi uý chuy,
Nơi rừng núi gập ghềnh quanh quẹt,

đại mộc bách vi chi khiếu huyệt,
trên thân cây lớn đến trăm vòng ôm những lỗ hốc,

tự tỵ, tự khẩu, tự nhĩ, tự kê, tự khuyên, tự cữu,

kẻ như lỗ mũi, kẻ như cái miệng, kẻ như lỗ tai, kẻ như thanh gỗ ngang, kẻ như cái vòng, kẻ như cối giã,

tự oa giả, tự ô giả.

kẻ như hố sâu, kẻ như vũng lầy.

Tất cả những chỗ này đều là cảnh giới văn chương của Trang Tử, mà cũng là thật, tựa như một bức tranh. Giờ ông nói về vật gọi là gió: lúc tĩnh, chẳng nhìn ra được điều gì; hễ vừa động, thì hiện tượng gì cũng tràn ra hết. Đây là nói gió, nói cái khí ấy, đồng thời cũng hình dung cảnh giới của con người ta. Khi trạng thái tâm lý ta an tĩnh, chẳng có hiện tượng gì cả; ý niệm vừa động, đủ thứ hiện tượng kỳ quái đều kéo đến, mừng giận buồn vui, cũng y như Trang Tử tả gió vậy, bắt đầu từ **"nhi độc bất văn chi liêu liêu hồ"** (thế mà ngươi chẳng từng nghe tiếng liêu liêu ư)!

Khi ta đứng trên đỉnh núi A Lý, gió nơi núi cao thổi vào tai, quả y như có tiếng, liêu liêu nhiên, khoan khoái biết bao! Lúc ấy con người rất an tĩnh. Dần dần, đến hình dung thứ hai, **"sơn lâm chi uý chuy"** (nơi rừng núi gập ghềnh quanh quẹt); **"uý chuy"** (畏佳) là chỉ những chỗ núi non khúc khuỷu: chỗ quành, thung lũng lõm xuống, hoặc gờ nhô ra. Ta đến giữa rừng núi, nơi có núi cao vách đá ấy, thì Trang Tử không nói tiếp nữa. "Sơn lâm chi uý chuy": trên núi cao, nơi rừng núi quành lại, thung lũng lõm xuống, gió mới to lắm! Đủ thứ tiếng kêu quái đản đều có, nghe tới rợn người; chỗ gồ nhô ra, âm thanh cũng khiến người ta kinh sợ. Nhất là đến đêm, thêm chút mưa, lại chẳng có đèn pin, ngồi ngơ ra đó, thật rợn cả người. Gió trên núi to, "sơn lâm chi uý chuy", chẳng phải tiếng gì dễ nghe, chẳng phải gió trời liêu liêu nhiên; phải để ý đấy! **"Nhi độc bất văn chi liêu liêu hồ"** (thế mà ngươi chẳng từng nghe tiếng liêu liêu ư) là tiếng rất dễ nghe, lại trong trẻo nhã nhặn.

"Đại mộc bách vi chi khiếu huyệt" (trên thân cây lớn đến trăm vòng ôm những lỗ hốc); hãy đến rừng nguyên sinh mà nghe âm thanh ấy: những cây cổ thụ trong rừng nguyên sinh, cây to đến trăm vòng ôm, thân cây chỗ lỗ chỗ hốc, đều là khiếu huyệt cả; gió thổi qua, xì... như ma la hét. Trang Tử hình dung những hang lỗ ấy lúc thì như lỗ mũi người, lúc như cái miệng hé mở, lúc như lỗ tai, lúc như **"kê"** (枅 - thanh gỗ ngang), lúc như một cái vòng tròn, lúc như cối giã gạo, có chỗ lõm thật sâu xuống. Cái này phải mượn tranh vẽ mà tả, làm thành mô hình mới dễ hiểu. Bao nhiêu ấy hang lỗ, Trang Tử vẫn chưa hình dung hết đâu; Trang Tử thật nghệ thuật phải không!

Nếu ta lên núi tìm một gốc cây lớn, gốc ấy đông một lỗ, tây một lỗ. Mỗi cái lỗ nhỏ, y như Trang Tử tả: có cái như miệng, có cái như tai, có cái như thanh gỗ ngang, có cái như hố lõm, có cái như hang. Những thứ ấy, hễ không khí thổi tới, là trăm tiếng nhất loạt cất lên, đúng là trăm nhà đua tiếng. Nếu đem cái gốc cây lỗ chỗ ấy đặt vào căn phòng tối, lấy ngọn gió lớn thổi vào, điện cũng tắt, ngoài trời lại mưa to, ngươi ngồi trong đó ắt sợ chết đi được, vì đủ thứ tiếng kêu quái dị cùng nổi lên gào rú.

Đó là kỹ xảo văn chương mà Trang Tử vận dụng, hình dung hiện tượng thế giới vật lý bị gió thổi. Chỉ là giữa chừng có một chỗ mấu chốt, ta hãy xem trước văn tự của ông.

Linh phong, Phiêu phong, Lệ phong

Kích giả, hác giả, sất giả, hấp giả, khiếu giả, hào giả, yểu giả, giảo giả,

kẻ như tiếng xô dội, kẻ như tiếng rít, kẻ như tiếng quát, kẻ như tiếng hít, kẻ như tiếng la, kẻ như tiếng gào, kẻ như tiếng vọng hang sâu, kẻ như tiếng nức nở,

tiền giả xướng ư nhi tùy giả xướng ngung.

cái trước cất tiếng "ư", cái sau họa tiếng "ngung".

Linh phong tắc tiểu hòa, phiêu phong tắc đại hòa,

gió nhẹ thì hòa nhỏ, gió lốc thì hòa lớn,

lệ phong tế tắc chúng khiếu vi hư.

gió dữ đã qua rồi thì muôn lỗ đều lặng trống.

Nhi độc bất kiến chi điều điều, chi điêu điêu hồ?

Ngươi chẳng từng thấy cây cỏ rung rinh điều điều, ngọn lá khẽ phất điêu điêu ư?

"Kích giả, hác giả, sất giả, hấp giả, khiếu giả, hào giả, yểu giả, giảo giả", tất cả đều là hình dung tiếng phát ra từ muôn hang trăm lỗ khi gió thổi qua. **"Tiền giả xướng ư nhi tùy giả xướng ngung"** (cái trước cất tiếng "ư", cái sau họa tiếng "ngung"): **"ư"** (于) là thanh âm cất lên khi mím môi nhọn lại; kẻ sau hát họa **"ngung"** (喁), là tiếng phát ra từ cổ họng.

"Linh phong tắc tiểu hòa, phiêu phong tắc đại hòa" (gió nhẹ thì hòa nhỏ, gió lốc thì hòa lớn); chữ **"hòa"** (和) này không phải nghĩa hòa bình, mà là âm hợp do đủ thứ thanh âm lẫn vào nhau. Cái gọi là linh phong chẳng phải chữ lạnh của thời tiết lạnh; là gió ở trong tầng cao, chữ **"linh"** (泠 - ba chấm nước) này cùng âm với chữ linh trong linh tinh lẻ tẻ (零). Tiếng ở trong tầng cao gọi là linh phong, **"tắc tiểu hòa"** (thì hòa nhẹ), âm thanh hòa vào nhau khá thanh thoát nhã nhặn. **"Phiêu phong"** (飄风) là gió to, thì hòa to. Âm hòa rất phức tạp; hai thứ gió to gió nhỏ ngày thường đều có. Lúc thì gió lớn thổi, lúc thì gió nhỏ thổi, ta ngày nào cũng ở trong cảnh giới ấy. Thêm nữa, bão lớn kéo đến, tức gió quái; **"lệ phong tế"** (gió dữ qua đi): quả thật gặp lúc gió lớn đến, thứ lệ phong quái phong ấy thổi một cái, mọi hang lỗ đều bị thổi thì **"chúng khiếu vi hư"** (muôn lỗ đều lặng trống); gió to quá, như bị bịt nghẹt lại, trái lại chẳng còn một tiếng gì cả.

Nói ra đạo lý này, lại là một hiện tượng vật lý. Ta thường nghe hai câu thơ của người xưa: **"Sơn vũ dục lai phong mãn lâu"** (mưa núi sắp đến, gió kín cả lầu), **"Vạn mộc vô thanh tri vũ lai"** (muôn cây lặng tiếng, biết mưa sắp về); đây là hiện tượng dễ thấy trong mùa hè. Hè nóng cực điểm, trời tiết nóng bức đến mức, hơi thở của ta như chẳng thở ra được. Ngươi xem lá cây chẳng nhích động lấy một chút, một ngọn cỏ cũng chẳng lay, **"vạn mộc vô thanh"** (muôn cây lặng tiếng), chẳng một tiếng động nhỏ. **"Tri vũ lai"** (biết mưa sắp về): tức bức một hồi rồi trời sẽ mưa rất to, hơi nóng bốc lên tận cùng, lên đến tầng cao gặp khí lạnh, mưa lớn liền trút xuống. Vậy nên, sơn vũ dục lai phong mãn lâu, vạn mộc vô thanh tri vũ lai, cảnh giới văn chương nghe rất dễ chịu, rất hay; còn cảnh giới khoa học, thì như cái xửng hấp ấy, bức chết người được. Vậy nên cảnh giới văn chương với cảnh giới khoa học, mỗi thứ mỗi khác.

Nói đến đây, chính là để giải thích cho câu **"lệ phong tế tắc chúng khiếu vi hư"** (gió dữ qua rồi thì muôn lỗ đều lặng trống): ngọn gió sức lực quá lớn thổi tới, bịt kín những hang lỗ nhỏ ấy lại, **"chúng khiếu vi hư"** (muôn lỗ đều lặng trống), trái lại chẳng còn gió nữa. Chẳng trách những bậc như Tô Đông Pha đều học văn chương của Trang Tử; chính những chỗ thế này mới là bí quyết. Ngươi xem ông hình dung một sự vật, hình dung những ngọn gió ấy, câu đầu tiên: **"tác tắc vạn khiếu nộ hào, nhi độc bất văn chi liêu liêu hồ"** (cứ dấy lên là muôn lỗ gầm lên, thế mà ngươi chẳng từng nghe tiếng liêu liêu ư), hình dung gió thổi đến liêu liêu nhiên. Nhất là ở nơi tầng cao, ta đứng trên nóc nhà cao tầng ấy, đến đêm hè, mặt trời đã lặn, gió trời liêu liêu nhiên, thật dễ chịu.

Cuối cùng ông hình dung: đủ loại hang lỗ có đủ loại tiếng gió; mỗi một lỗ, kẻ dẹt, kẻ dài, kẻ sâu, kẻ cạn, tiếng phát ra đều khác nhau. Thổi một hồi rồi lại hòa điệu âm thanh ấy xuống. **"Tiền giả xướng ư nhi tùy giả xướng ngung, linh phong tắc tiểu hòa, phiêu phong tắc đại hòa"** (cái trước cất tiếng "ư", cái sau họa tiếng "ngung"; gió nhẹ thì hòa nhỏ, gió lốc thì hòa lớn), hình dung cảnh giới của gió cho cùng tận. **"Lệ phong tế tắc chúng khiếu vi hư"** (gió dữ qua

rồi thì muôn lỗ đều lặng trống): một cơn gió mạnh nhất kéo đến, thì vạn lại vô thanh, chẳng còn tiếng nữa, làm ngươi ngộp nghẹt một hồi. Cái lặng ấy vừa qua, như một khúc nhạc vậy, tiếng gió lại nổi lên. **"Nhi độc bất kiến chi điều điều, chi điêu điêu hồ?"** (ngươi chẳng từng thấy cây cỏ rung rinh điều điều, ngọn lá khẽ phất điêu điêu ư?)

Các vị chú ý nhé! Câu ở phía trước, **"nhi độc bất văn chi liêu liêu hồ"** (thế mà ngươi chẳng từng nghe tiếng liêu liêu ư), là cái nghe được bằng tai. Còn **"nhi độc bất kiến chi điều điều, chi điêu điêu hồ?"** (ngươi chẳng từng thấy cây cỏ rung rinh điều điều, ngọn lá khẽ phất điêu điêu ư?) thì lại là cái nhìn thấy bằng mắt. Gió nhỏ gió lớn qua rồi, một luồng gió hòa thổi tới, mặt nước chẳng gợn sóng, chỉ một chút gió nhỏ thôi, mà ngọn cỏ kia! Lá cây kia! Cứ chầm chậm mà phất, mà phất, mà lay, mà lay, thảy đều là cái mắt nhìn thấy cả. Ông giảng đến đây là giảng xong.

Vậy nên Trang Tử trọn vẹn là Thiền tông; lối thuyết pháp của Thiền tông đời sau chính là học ở ông, rồi thì tuôn cho ngươi một tràng khoác lác, mà quả thật là khoác lác. Như nghệ nhân kể chuyện rong, miệng lưỡi nhanh thoăn thoắt, hừ nào! Ha nào! Cứ một mạch thổi đến chỗ này, rồi khe khẽ, phất à phất, lay à lay, thôi được, kể xong rồi, còn phần sau nữa thì sao? Chẳng có gì nữa.

Nhân lại, Địa lại, Thiên lại

Tử Du viết: Địa lại tắc chúng khiếu thị dĩ,
Tử Du nói: Địa lại chính là tiếng muôn lỗ hổng ấy thôi,

nhân lại tắc tỷ trúc thị dĩ.
nhân lại chính là tiếng ống trúc xếp hàng ấy thôi.

Cảm vấn thiên lại.
Dám hỏi, thế nào là thiên lại?

Dưới đây là chỗ điểm đề. Người học trò của ông, Nhan Thành Tử Du, nghe Nam Quách Tử Kỳ nằm đó nửa mê nửa tỉnh, miệng lải nhải, nói đến đây thì Tử Du liền cất lời: **"địa lại tắc chúng khiếu thị dĩ, nhân lại tắc tỷ trúc thị dĩ"** (địa lại chính là tiếng muôn lỗ hổng ấy thôi, nhân lại chính là tiếng ống trúc xếp hàng ấy thôi). Ông nói: Thưa thầy! Thầy giảng nãy giờ, con đã hiểu rồi, vừa rồi thầy nói tiếng gió thổi chính là địa lại, là hiện tượng của mặt đất. Cái tam tài trời đất người này, gió là tác dụng của đất; còn người thì sao? Tử Du cũng chẳng cần thầy giảng nữa, nhân lại là gì, ông tự đáp luôn: **"tỷ trúc thị dĩ"** (tiếng ống trúc xếp hàng ấy thôi).

Nhân lại chính là tình cảm của con người! Mừng giận buồn vui, làm sao thấy được? Phải nhờ thổi tiêu hay gảy đàn mà bộc lộ ra. Nhiều loại nhạc khí thời cổ đều làm bằng trúc, trên ống trúc có thể diễn tả tình cảm con người, nên gọi là **"tỷ trúc"** (比竹 - ống trúc xếp hàng). Chữ **"tỷ"** (比 - so sánh, ví như) ở đây dùng rất khéo; nói cách khác, cảnh giới của nhân lại, tức muôn vàn biến chuyển tâm lý tình cảm con người, sinh ra phải trái thiện ác giữa cõi nhân gian, cũng như gió vậy, đều là thứ thổi loạn lên từ trong bụng mà ra.

Mượn thuật ngữ Duy thức học nhà Phật mà nói, thì tất cả đều chẳng phải tuyệt đối, mà thuộc cảnh giới tỷ lượng, là do so sánh mà ra. Tiếng ấy hay hay dở, đều mang tính so sánh; nói cách khác, đều là y tha khởi, đều là cảnh giới tỷ lượng. Cho nên nói nhân lại chẳng cần bàn thêm. Giảng đến đây, Nhan Thành Tử Du lại hiểu ra.

Ông nói: Thưa thầy! Địa lại, con đã hiểu rồi, vừa rồi thầy tả nãy giờ, chính là hiện tượng của địa cầu; nhân lại, thầy cũng chẳng cần nói nữa, chính là tỷ trúc đó thôi. Tình cảm con người biến chuyển, nếu nổi giận đánh trống lên thì

tiếng nghe rất khó nghe; lúc người ta nổi nóng, tiếng mắng chửi nghe chẳng khác gì sói tru, những cái ấy đều là nhân lại, con cũng hiểu rồi, chỉ riêng thiên lại là con chưa hiểu.

Bây giờ, ta hãy tạm gác chuyện thiên lại này lại, trước hết nghiên cứu xem vì sao sách Trang Tử lại được Đạo gia và người tu đạo coi trọng đến thế. Đạo gia có ba bộ kinh: Lão Tử là *Đạo Đức Kinh*, Trang Tử là *Nam Hoa Kinh*, Liệt Tử là *Xung Hư Kinh*. *Đạo Đức Kinh* là đại kinh, *Nam Hoa Kinh* cùng *Xung Hư Kinh* là tiểu kinh. Về sau, những người tu hành theo Đạo gia đều lấy Lão Trang làm sách gối đầu giường bắt buộc phải đọc. Nhưng xem đi xem lại, trong sách Trang Tử vốn chẳng hề truyền cho ngươi công phu tu luyện nào cả; song có một điểm, nếu ngươi đọc đến thiên *Tề Vật Luận*, đến đoạn Trang Tử nói **"đại khối ái khí, kỳ danh vi phong"** (khối lớn thở hắt ra hơi, gọi tên là gió), thì phải để ý đấy.

Trong số các bạn ngồi đây, có rất nhiều người ngồi thiền, học Phật, học yoga, học Mật tông, học Đạo; các bạn phải để ý, cái thân thể này của ta chính là một quả địa cầu; khi ngồi thiền, cái gọi là trên thì ợ hơi, dưới thì đánh rắm, đều là "đại khối ái khí, kỳ danh vi phong" cả. Thậm chí trong bụng ùng ục chuyển động, hay chuyện hai mạch Nhâm Đốc thông suốt gì gì đó, cũng đều thuộc phạm vi đoạn này.

Nhưng ngươi cũng phải nhận cho rõ, những cái đó đều chỉ là hiện tượng, đều do khí chưa điều hòa được mà sinh ra; khí thật sự đạt đến cảnh giới điều hòa rồi, thì **"linh phong tắc tiểu hòa, phiêu phong tắc đại hòa"** (gió nhẹ thì hòa nhỏ, gió lốc thì hòa lớn), lúc ấy khí đã tràn đầy, đến khi **"lệ phong tế tắc chúng khiếu vi hư"** (gió dữ qua rồi thì muôn lỗ đều lặng trống), thì khí trong thân thể không còn động nữa. Cho nên nhà Phật nói công phu ngồi thiền tu định, đến cảnh giới cao nhất của thiền định, chính là bốn chữ **"khí trụ mạch đình"** (khí ngừng, mạch lặng), cũng tức là "chúng khiếu vi hư" vậy. Lúc ấy, thân thể cảm thấy nhẹ nhàng linh hoạt, không còn ợ hơi đánh rắm nữa, trong ruột cũng chẳng còn ùng ục chuyển động, tai cũng không còn nghe thấy tiếng kêu nào nữa.

Nói đến đây, nhiều người ngồi thiền mà ngồi thành bệnh thần kinh, tai nghe thấy tiếng kêu vo ve..., tựa như nghe tiếng rao bán **"diện trà"** (面茶 - món bột kê khuấy nóng) ban đêm ở khu Vạn Hoa, xì..., ngồi thiền thường hay xảy ra tình trạng ấy. Đó đều là khí động bên trong thân thể, chẳng cần bận tâm, chỉ là hiện tượng thôi. Đợi đến khi "lệ phong tế tắc chúng khiếu vi hư" tràn đầy rồi, tự mình thấy được **"kiến chi điều điều, chi điêu điêu hồ"** (thấy cây cỏ rung rinh điều điều, ngọn lá khẽ phất điêu điêu), khí cơ trong thân đi rất trơn tru, rất tự nhiên, đến lúc ấy, có thể nói từ nhân lại lấy con người làm gốc đã đạt đến cảnh giới địa lại. Sau khi những luồng khí ấy đã thông suốt, tình cảm dần dần biến chuyển, cái gốc tư tưởng dần dần thăng hoa, nhưng vẫn chưa thể gọi là đạo. Tiến thêm một bước nữa, bước thứ ba, từ nhân lại, địa lại, mới đạt đến thiên lại.

Thổi ra muôn vẻ khác nhau

Tử Kỳ viết: Phù xuy vạn bất đồng,
Tử Kỳ nói: Ôi, thổi ra muôn vẻ khác nhau,

nhi sử kỳ tự kỷ dã, hàm kỳ tự thủ,
mà khiến mỗi vật tự làm nên chính nó, thảy đều tự mình lấy cả,

nộ giả kỳ thùy da!
vậy kẻ nổi giận đó, là ai đây?

Để ý nhé! Điểm mấu chốt này của thiên *Tề Vật Luận* cao minh lắm, Trang Tử đã chỉ ra hết cả rồi. Thế nào gọi là thiên lại? Thiên lại là danh từ do Trang Tử đặt ra. Cái sinh mệnh này của chúng ta, muôn vật trong vũ trụ, cái gốc của

sinh mệnh, Trang Tử đặt cho nó một cái tên, gọi là **"xuy vạn"** (吹万 - thổi ra muôn vẻ). Người đời nay gọi chuyện nói khoác là **"xuy ngưu"** (吹牛 - thổi trâu), chữ **"xuy"** (吹 - thổi) ấy chính là từ sách Trang Tử mà ra.

Nói đến đây, tôi nhớ lại hồi trẻ ở núi Thanh Thành, Tứ Xuyên, trên núi toàn là miếu của Đạo gia, có một ngôi miếu gọi là Thượng Thanh Cung. Đạo quán ấy rất lớn, tường rất cao, trên tường có một bức tranh, chúng tôi đứng đó xem một hồi lâu, ai nấy đều cười không nhịn được. Bức tranh ấy vẽ một con trâu, lại vẽ rất nhiều người: kẻ nắm đuôi trâu mà thổi, kẻ nắm tai trâu mà thổi, kẻ nắm mặt trâu mà thổi... chính là đem hai chữ **"xuy ngưu"** (吹牛 - thổi trâu, tức nói khoác) vẽ thành một bức tranh. Có người nắm chân trâu mà thổi, con trâu vừa duỗi chân là đá văng người ấy đi, bức tranh ấy vẽ thật là khéo.

Trang Tử không nói **"xuy ngưu"** (thổi trâu), mà nói **"xuy vạn"** (thổi muôn vật); xuy ngưu với xuy vạn cũng như nhau cả. Thế nào gọi là **"xuy vạn bất đồng"** (thổi ra muôn vẻ khác nhau)? Cái sinh mệnh của muôn vật trong vũ trụ này, chính là một luồng khí thổi ra mà thành. Ngày trước, hồi còn nhỏ, chúng ta hay xem người ta thổi kẹo mạch nha nặn hình: một người ngậm một cục kẹo, lấy miệng thổi lên, muốn nặn hình gì thì nặn hình ấy, chỉ một hơi thổi ra là xong.

Sinh mệnh của muôn vật trong vũ trụ, cũng chính là Thượng đế thổi một hơi mà thổi chúng ta ra đời. Trang Tử gọi đó là xuy vạn. Cái sinh mệnh về mặt hình nhi hạ này từ đâu mà đến? Do khí của đất sinh ra, là một luồng khí mà thành. Chớ nên coi nó là gió! Cũng chớ coi nó là khí của không khí, chữ khí này chỉ là một danh từ thay thế mà thôi. Một luồng khí thổi ra, hiện tượng muôn vật khác nhau, đó chính là "xuy vạn bất đồng". Cho nên bao nhiêu người ngồi đây, mỗi người khỏe mạnh hay không khỏe mạnh, nam nữ già trẻ, béo gầy cao thấp, hình dạng mỗi người mỗi khác, chính là xuy vạn bất đồng.

Nhưng thiên lại là khởi đầu của muôn vật trong vũ trụ, là tác dụng đầu tiên về mặt hình nhi hạ của vũ trụ, chẳng phải về mặt hình nhi thượng. Hình nhi thượng thì vô ngã, là chốn vô hà hữu chi hương, xưa nay chẳng một vật, nơi nào vướng bụi trần. Hình nhi hạ chính là luồng sức mạnh này thổi ra, "xuy vạn bất đồng", thổi ra muôn hiện tượng khác nhau; **"nhi sử kỳ tự kỷ dã"** (mà khiến mỗi vật tự làm nên chính nó), vừa thổi ra hiện tượng khác nhau, thì muôn vật liền không còn đồng đều nữa.

Mỗi người có được một sinh mệnh, nhưng biến chuyển của mỗi người lại mỗi khác; còn chỗ nguyên thủy giống nhau, chính là một hơi thổi ra ấy. Thổi ra rồi, mỗi hơi ấy lại phân tán thành muôn luồng khí; biến thành muôn luồng khí rồi, ngươi có cái tính khí như chó của ngươi, ta có cái tính khí như trâu của ta, người khác lại có cái tính khí như hổ như sư tử của họ, mỗi người mỗi khác, bởi vì xuy vạn bất đồng.

Trang Tử nói, **"hàm kỳ tự thủ"** (thảy đều tự mình lấy cả), nào có chủ tể gì đâu! Chẳng một ai làm nổi chủ tể cả, Thượng đế cũng chẳng làm nổi chủ tể, thần linh cũng chẳng làm nổi chủ tể, Bồ Tát cũng chẳng làm nổi chủ tể. Bởi vì "hàm kỳ tự thủ", tất cả đều là tự mình, chẳng có ai khác. Thiên đường địa ngục, mừng giận buồn vui, thiện ác phải trái, đều chẳng có sẵn; đều do chính ngươi tạo ra, đều do chính ngươi thổi ra cả, xuy vạn bất đồng, hàm kỳ tự thủ.

"Nộ giả kỳ thùy da" (vậy kẻ nổi giận đó, là ai đây)! Chữ nộ này chẳng phải nói nổi nóng, chữ nộ đây là tính từ, chỉ dáng vẻ mặt mũi phồng lên lúc thổi, cho nên ta mới gọi là **"cổ xuy"** (鼓吹 - trống thổi, tức cổ động). Ngươi xem, nhai kẹo cao su xong rồi thổi bong bóng, quả bóng càng thổi càng to thì mặt ngươi càng đỏ càng phồng lên, hai bên má đều căng phồng, tựa như đang nổi giận vậy. "Nộ giả kỳ thùy da", kẻ thổi hơi ấy là ai vậy? Là Thượng đế chăng? Là bà ngoại của Thượng đế chăng? Đều không phải, vẫn là chính ngươi thôi. Đây chính là điểm mấu chốt của thiên *Tề Vật Luận*, đã chỉ ra hết cả rồi.

Mấy câu này, **"xuy vạn bất đồng, nhi sử kỳ tự kỷ dã"** (thổi ra muôn vẻ khác nhau, khiến mỗi vật tự làm nên chính nó), tạo nên cái tự ngã riêng của mỗi người. Kỳ thực chẳng có cái ta nào cả, một luồng khí thổi ra, biến thành sinh mệnh này rồi, chính ngươi nắm lấy nó, liền biến thành muôn luồng khí khác nhau, muôn người mỗi người mỗi khác. Sinh mệnh này mà có được, **"hàm kỳ tự thủ"** (thảy đều tự mình lấy cả), đều là chuyện của riêng mình.

Cái khí này chẳng khác gì nước biển cả, sức chứa của ngươi lớn thì múc được nhiều nước hơn, sức chứa nhỏ thì múc được ít hơn. Cho nên có người nắm được nhiều hơn thì khí cũng nhiều hơn, có người khí phách lại nhỏ hơn. Có người nhỏ nhen, có người tà khí, có người chính khí, có người mang thứ khí âm dương chẳng chính, có người mang thứ khí nửa âm nửa dương, đủ loại đủ kiểu, đó chính là cái gọi là muôn khí mỗi khí mỗi khác.

Còn như hỏi ai làm chủ tể? Chẳng có chủ tể nào cả! Vậy là tự nhiên mà đến ư? Cũng chẳng phải tự nhiên! Mà là "hàm kỳ tự thủ". Cho nên đạo lý này của Trang Tử, cũng giống hệt như lời Phật giảng trong kinh *Lăng Nghiêm*.

Chẳng phải chủ tể, chẳng phải tự nhiên

Lời trong kinh *Lăng Nghiêm*: **"thanh tịnh bản nhiên, chu biến pháp giới, tùy chúng sinh tâm, ứng sở tri lượng, tuần nghiệp phát hiện"** (vốn thanh tịnh tự nhiên, trùm khắp pháp giới; tùy theo tâm chúng sinh mà cảm ứng với mức hiểu biết của họ, tùy nghiệp lực mà hiển hiện ra). Chẳng có chủ tể, chẳng phải tự nhiên, mà là thanh tịnh bản nhiên, trùm khắp pháp giới; tùy tâm chúng sinh mà ứng với mức hiểu biết của họ; **"ứng"** (应) tức là cảm ứng, phạm vi hiểu biết của ngươi, mức độ lớn nhỏ ra sao, thì hơi khí nó thổi ra cũng lớn nhỏ như vậy. Tùy theo nghiệp lực của chính ngươi mà hiển hiện, đã chẳng có chủ tể, cũng chẳng phải tự nhiên.

Lúc Phật giảng kinh *Lăng Nghiêm*, là ở Ấn Độ; rốt cuộc là trước hay sau thời Trang Tử, chẳng thể khảo chứng được. Tuy là hai lối nói khác nhau, nhưng đạo lý vẫn là một, chỉ khác nhau ở cách diễn đạt mà thôi. Cho nên về sau Thiền tông mới đưa ra phương pháp tham thoại đầu, tham cứu xem "niệm Phật là ai?", "ta là ai?"; kỳ thực Trang Tử đã nói cho ngươi biết từ lâu rồi.

Sinh mệnh này trước hết có khí, tức "xuy vạn"; nếu một hơi không đến nữa, chẳng thổi nữa, thì cái hình thể này không còn thuộc về ta nữa. Hình thể này vốn chẳng phải của ta, mà là y tha khởi; đương nhiên đến lúc chẳng còn cái để nương tựa nữa, thì cái thứ kia của ngươi chạy đi đâu? Cái thứ ấy chẳng thuộc về khí. Có một hơi khí nương tựa vào hình thể này, ta mới có được sinh mệnh này. Đoạn này trong thiên *Tề Vật Luận* của Trang Tử, giảng đến chỗ mấu chốt nhất, phần dưới sẽ cho ta biết cần phải hiểu rõ trên phương diện tri kiến.

Thần, Khí, Trí Tuệ

Đại tri nhàn nhàn (閑閑), tiểu tri nhàn nhàn (閒閒);
Trí lớn thì mạch lạc rõ ràng, có giới hạn phân minh; trí nhỏ thì vụn vặt, tự đắc với chút khôn lanh;

đại ngôn viêm viêm, tiểu ngôn chiêm chiêm.
lời lớn thì rực rỡ sáng ngời, lời nhỏ thì lải nhải dông dài.

Kỳ mị dã hồn giao, kỳ giác dã hình khai.
Lúc ngủ thì hồn giao hòa, lúc tỉnh thì hình thể mở ra.

Đây chính là lối văn chương của Trang Tử, chẳng phải là nói suông đó sao! "Đại tri nhàn nhàn, tiểu tri nhàn nhàn". Chữ đầu tựa như muối ở ruộng muối Đài Nam, chữ sau tựa như muối hóa học (NDLR: Nam tiên sinh chơi chữ. Hai chữ **"nhàn"** (閑) và **"nhàn"** (閒) trong tiếng Hán đều đọc là "xián", nghe như chữ **"hàm"** (咸 - mặn), nên với người

nghe tiếng Hán thì cả hai đều hóa ra muối) (mọi người cười). Chữ **"nhàn"** (閑) phía trước, trong chữ môn có cái hàng rào gỗ, mang nghĩa ngăn chặn, phòng ngừa; chữ **"nhàn"** (閒) phía sau, trong chữ môn có mặt trăng, là chữ nhàn trong **"du nhàn"** (悠閒 - thong dong nhàn nhã). Hai chữ tuy đọc giống nhau, nhưng xét kỹ thì vốn có khác biệt. Về sau tuy dùng lẫn lộn, nhưng trong chữ Hán nguyên thủy, hai chữ này chẳng hề dùng lẫn nhau.

Bởi vì người xưa cất nhà chẳng có cửa, nhà nguyên thủy dựng lên chẳng khác gì cái đồn lũy, bên dưới mở cửa, tầng dưới nuôi trâu nuôi heo, tầng trên ở người. Cảnh này đến vùng biên cương Tây Nam, Tây Bắc vẫn còn thấy được. Vùng biên cương Tây Nam giữ lại hình thái ấy nhiều hơn cả. Ở những vùng lạc hậu, văn hóa chưa phát triển, ban đêm trâu dê vào chuồng rồi, thường lấy một cái giá bằng gỗ chặn ngang cửa lớn lại, cho nên trong chữ môn có một cái giá gỗ. Thời cổ gọi đó là **"lộc giác"** (鹿角), giống như cái sừng trên đầu con hươu; nay gọi là **"mộc mã"** (木马), lấy ngựa gỗ mà chặn thì chặn được. Cho nên chữ nhàn (閑) mang nghĩa phòng ngừa, ngăn chặn.

Còn chữ nhàn (閒) phía sau thì sao? Ăn cơm tối xong chẳng có việc gì, ngồi trong nhà ngắm trăng. Ánh trăng qua khe cửa chiếu vào, ung dung tự tại, đây đương nhiên là chữ nhàn trong thanh nhàn rồi. Cho nên hai chữ này tuy đọc như nhau nhưng mang ý nghĩa khác nhau: chữ trên nhàn (閑) là nhàn trong phòng nhàn (ngăn ngừa), chữ dưới nhàn (閒) là nhàn trong thanh nhàn (nhàn rỗi thư thái). Trang Tử ở đây dùng hai chữ này là có dụng ý cả, chẳng phải dùng bừa.

"Đại tri nhàn nhàn", người thật sự có trí tuệ lớn thì có giới hạn, có chuẩn mực đạo đức. Nói cách khác, **"nhàn nhàn"** (閑閑) hình dung tư tưởng mạch lạc rõ ràng; trí tuệ thật sự thì cái gì cũng rành rẽ, ranh giới phân minh, truy tận cội nguồn, việc gì cũng nắm rõ. "Tiểu tri nhàn nhàn", kẻ khôn vặt thì **"nhàn nhàn"** (閒閒), chơi chút khôn lỏi, hiểu được một chút đã tự cho mình là ghê gớm lắm. Đó rốt cuộc chỉ là công ty trách nhiệm hữu hạn thôi, chẳng ra gì, đó là tiểu trí.

"Đại ngôn viêm viêm", lời của người nói lời lớn; chữ **"viêm viêm"** (炎炎) này chớ hiểu theo nghĩa viêm nhiễm. **"Viêm"** (炎) là ánh lửa, lửa cháy rất lớn, ánh sáng rất mạnh, nên cũng là ánh lửa rực rỡ. Nói lời lớn đạo lý lớn, chẳng khác gì tỏa hào quang chấn động cả đất trời. "Tiểu ngôn chiêm chiêm", đạo lý nhỏ thì **"chiêm chiêm"** (詹詹 - lải nhải dông dài), xem ra tựa như có xây dựng được điều gì đó, nhưng thật ra chẳng đi đến đâu.

"Kỳ mị dã hồn giao, kỳ giác dã hình khai" (lúc ngủ thì hồn giao hòa, lúc tỉnh thì hình thể mở ra); **"mị"** (寐) là ngủ, nhiều người già ngủ không được, theo đạo lý dưỡng sinh của y học Trung Hoa, người già ngủ không được là vì hỏa thủy chẳng giao hòa. Vì sao hỏa thủy chẳng giao hòa? Vì tâm thận chẳng giao nhau. Tâm hỏa, tức cái lửa của tư tưởng tình cảm, chẳng chìm xuống được, thận thủy chẳng dâng lên được. Thận thủy chính là hoóc-môn cùng các loại vitamin; nếu thiếu, thận thủy chẳng dâng lên được, sinh ra tâm thận bất giao, thế là mất ngủ.

Đạo dưỡng sinh trước hết phải bồi dưỡng tỳ vị, khiến tâm thần ngưng định lại, tự nhiên sẽ ngủ được. Cho nên người già thích ngủ, đó là tướng trường thọ. Hỏa thủy chẳng giao hòa, tức tâm thận chẳng giao nhau, xét về lý luận thì chính là hồn phách đã tách rời. Hồn là linh hồn, tức tư tưởng ý chí. Phách thuộc về sinh lý, gồm khí này, huyết này, cơ bắp này, hoóc-môn này, dinh dưỡng này, vitamin này, protein... cộng lại mà thành, gọi là phách.

Có người thân thể suy nhược, biến thành hình dạng bộ xương khô, thấy người khác thì ú ớ mà chẳng ra tiếng, đó là hồn với phách đã tách rời. Lúc còn trẻ, hồn với phách vẫn còn ở chung với nhau. Cho nên người Trung Hoa bàn về đạo lý sinh mệnh, cho rằng lúc ngủ, hồn chẳng rời khỏi thân thể, vẫn còn trên người, quy về một bộ phận nào đó. Hồn quy về não sau thì nằm mơ, hồn đến não trước thì tỉnh dậy, nếu ẩn trong khoảng giữa tâm cơ thì ngủ rất yên ổn; hồn một

khi rời khỏi thân thể, đó chính là nằm mơ lớn. Theo cách nói cổ xưa của Trung Hoa, cho rằng lúc con người nằm mơ, hồn chính từ đỉnh đầu mà thoát ra.

Cái gọi là "hồn giao", chính là hồn giao hòa với khí. Khí chính là phách, nên ta mới gọi là khí phách. "Kỳ mị dã hồn giao", thật sự ngủ say rồi, thần với khí giao hòa với nhau, nên hôm sau tinh thần sung mãn; nếu ngủ không ngon, thần khí chẳng giao hòa được, thì chẳng ổn chút nào. "Kỳ giác dã hình khai", tỉnh dậy tựa như đóa hoa nở, thần cùng khí đều sung túc, vì cả hai đã giao hòa với nhau suốt một đêm. Ngủ đủ giấc rồi, bụp, bật dậy, tràn đầy khí với thần, xòe nở như đóa hoa vậy.

"Đại tri nhàn nhàn, tiểu tri nhàn nhàn; đại ngôn viêm viêm, tiểu ngôn chiêm chiêm; kỳ mị dã hồn giao, kỳ giác dã hình khai." Hai câu đầu nói về cảnh giới trí tuệ, cảnh giới kiến thức; hai câu giữa nói về cảnh giới lời nói; hai câu cuối nói về cảnh giới lúc ngủ và lúc tỉnh; sáu câu này thoạt nghe tựa như chẳng liên quan gì với nhau, nhưng giờ giải thích ra rồi ngươi sẽ hiểu. Sáu câu ấy kỳ thực đều liên quan với nhau cả: người thần khí đầy đủ thì trí tuệ cao, tinh thần sung mãn thì có đại trí, chẳng sung mãn thì chỉ có tiểu trí. Người thần khí đầy đủ thì nói lời lớn, chẳng đầy đủ thì chỉ nói lời nhỏ. Tất cả đều do hai thứ thần và khí mà ra. Cho nên tư tưởng dùng quá độ, viết văn nhiều quá, hồn với phách chẳng giao hòa được thì mất ngủ. Nếu luyện khí nhiều, dưỡng khí, khí đầy đủ rồi ắt sẽ ngủ được. Khí thu hồn trở về, người liền ngủ được. Đoạn dưới đây hình dung một người dùng tư tưởng quá nhiều, dùng tâm quá độ, khiến hồn phách phân ly.

Dữ tiếp vi cấu, nhật dĩ tâm đấu.

Vừa tiếp xúc với ngoại cảnh đã dựng nên bao mưu tính, ngày ngày lấy tâm mà đấu tranh với nhau.

Man giả, giáo giả, mật giả.

Kẻ thì bưng bít giấu giếm, kẻ thì đào hầm tính toán, kẻ thì kín miệng giữ bí mật.

Đoạn này hình dung trạng thái tâm lý; nói rằng một người bình thường, chẳng hiểu đạo lý thần khí giao hòa, nên sau khi ngủ dậy, vừa tiếp xúc với hoàn cảnh bên ngoài thì **"vi cấu"** (dựng nên bao mưu tính), liền suốt ngày dùng tâm cơ, tính toán so đo. **"Nhật dĩ tâm đấu"** (ngày ngày lấy tâm mà đấu tranh), suốt ngày suốt buổi, tự trong lòng mình đấu tranh, tự mình gây khó cho chính mình. Đấu đến mức độ nào? Trang Tử hình dung rất khéo, hình dung con người ai cũng đang tự lừa dối chính mình. **"Man giả"** (縵者 - kẻ bưng bít), tựa như đem đồ vật bọc kín lại, bên ngoài quét sơn phủ lên, tự lừa dối chính mình. Tự mình ngồi đó càng nghĩ càng đắc ý, ta định hôm nay ra thị trường chứng khoán, bỏ vào một ngàn đồng, ba ngày sau lời thành ba vạn, tự mình ngồi đó suy nghĩ vẩn vơ. **"Giáo giả"** (窖者 - kẻ đào hầm tính toán), kiếm được tiền rồi thì làm sao? Ôi chao! Gửi ngân hàng thì không yên tâm, thôi thì gửi vào công ty nào đó, lãi bốn phân. Hừ! Vẫn không yên tâm, thôi cất vào tủ sắt vậy... trong lòng cứ mãi toan tính. **"Mật giả"** (密者 - kẻ giữ kín), có lúc tự mình nghĩ ra điều gì đó rồi cười một mình, hỏi người ấy cười gì? Ơ... chẳng có gì cả, người ấy đang giữ bí mật đấy thôi. Man, giáo, mật giả, Trang Tử chỉ một câu "nhật dĩ tâm đấu" mà tóm hết: tự mình giở trò trong lòng, tự mình gây ra đấu tranh nội tâm.

Nỗi hoảng sợ của kiếp người đáng thương

Tiểu khủng chuế chuế, đại khủng man man.

Sợ nhỏ thì thấp thỏm không yên, sợ lớn thì mê man hoảng loạn.

Kỳ phát nhược cơ quát, kỳ ty thị phi chi vị dã;

Lúc phát khởi tựa như máy cung bật ra, đó là nói cái chủ về phải trái;

kỳ lưu như trớ minh, kỳ thủ thắng chi vị dã;

lúc dừng lại như lời thề nguyền, đó là nói cái giữ phần thắng;

kỳ sát nhược thu đông, dĩ ngôn kỳ nhật tiêu dã;

nó suy tàn như cảnh thu đông, ấy là nói nó ngày một hao mòn;

kỳ nịch chi sở vi chi, bất khả sử phục chi dã;

nó đắm chìm vào việc mình đã làm, chẳng thể khiến quay trở lại được nữa;

kỳ yếm dã như giam, dĩ ngôn kỳ lão hức dã;

nó chán chường như bị niêm phong, ấy là nói nó đã già cỗi suy kiệt;

cận tử chi tâm, mạc sử phục dương dã.

cái tâm gần kề cái chết ấy, chẳng thể nào khiến hồi dương trở lại được nữa.

"Tiểu khủng chuế chuế, đại khủng man man" (sợ nhỏ thì thấp thỏm không yên, sợ lớn thì mê man hoảng loạn). Đời người suốt ngày suốt buổi đều sống trong một cảnh giới sợ hãi, kinh hoàng. Nhà Phật cũng từng dùng danh từ "khủng bố", điều *Tâm Kinh* nhắc đến chính là cái này. Một người sống trên đời, ngày ngày sống trong sợ hãi: sợ mất tiền, sợ bị bệnh, sợ chẳng có việc làm, sợ chẳng có cơm ăn, suốt ngày lo nghĩ khổ tâm. Trang Tử hình dung như vậy, sống trên đời chẳng có ngày nào là thực sự sảng khoái cả.

"Kỳ phát nhược cơ quát, kỳ ty thị phi chi vị dã" (lúc phát khởi tựa như máy cung bật ra, đó là nói cái chủ về phải trái); lúc khởi lên một niệm, chỉ vừa động thôi, đã như ngón tay bấm vào công tắc vậy. Cái máy móc ấy, chỉ hơi động một chút trong một vấn đề nhỏ nhặt nào đó, liền gây ra phiền não lớn, tiếp theo biến thành cả một đống thị phi lợi hại. Nếu công tắc ấy không bật ra ngoài thì sao? **"Kỳ lưu như trớ minh, kỳ thủ thắng chi vị dã"** (lúc dừng lại như lời thề nguyền, đó là nói cái giữ phần thắng); cái còn giữ lại bên trong tựa như **"trớ minh"** (詛盟 - lời thề độc), tự mình giở trò trong đó, trong lòng tự mắng chửi, tự đánh nhau, tự kiện tụng với chính mình.

"Thủ thắng chi vị dã", thủ thắng đây là gì? Đạo gia giải thích là **"yểm thắng"** (厭勝 - trấn áp bằng bùa chú để cầu thắng, chữ 厭 ở đây đọc là "yểm" như trong "trấn yểm", khác với "yếm" trong "yếm thế"). Ví như hôm nay vận rủi, bèn đến miếu Quan Đế ở đường Dân Quyền Đông, mua vài quả chuối, mấy nén hương, mấy cái bánh màn thầu, đi cúng bái, đó cũng thuộc về yểm thắng. Hoặc nhờ người vẽ một lá bùa treo trong nhà, hoặc đến nơi nào đó thắp một ngọn đèn! Ở các miếu vùng quê chuyện này rất nhiều. Người vùng quê đến miếu Thành Hoàng ở đường Thành Đô, thường hay làm chuyện này, gói một gói tro hương đem về, đó đều gọi là yểm thắng. Đạo lý của yểm thắng là mong trừ bỏ mặt xấu đi, suốt ngày cứ những mong đời người đạt được thắng lợi thật sự, mong đạt tới mục đích thành công.

"Kỳ sát nhược thu đông, dĩ ngôn kỳ nhật tiêu dã" (nó suy tàn như cảnh thu đông, ấy là nói nó ngày một hao mòn); đời người cứ sống trong trạng thái tâm lý ấy mà qua ngày, thật đáng thương thay! Chẳng biết rằng cảnh ấy đều là trò tự sát, thúc đẩy chính mình chết sớm, như mùa thu mùa đông, muôn vật tàn tạ rất nhanh. Sinh mệnh của ta vốn dĩ rất dài, vì sao lại tàn úa nhanh như lá rụng mùa thu? Chẳng khác gì cảnh mùa đông **"thiên sơn điểu phi tuyệt, vạn kính nhân tung diệt"** (ngàn non chim tuyệt bóng, muôn nẻo dấu người tan)! Ấy chính vì tự mình đấu tranh nội tâm mà gây ra sự hao mòn sinh mệnh. Đến khi sinh mệnh hao mòn gần hết, người cũng đã già rồi.

"Kỳ nịch chi sở vi chi, bất khả sử phục chi dã" (nó đắm chìm vào việc mình đã làm, chẳng thể khiến quay trở lại được nữa); những gì đã tiêu hao đi, đã mất đi, không thể nào khôi phục lại được nữa. **"Kỳ yếm dã như giam, dĩ ngôn kỳ lão hức dã"** (nó chán chường như bị niêm phong, ấy là nói nó đã già cỗi suy kiệt); hồn phách tinh thần đều chẳng

còn, nên đối với muôn việc trên đời đều chán ghét, nản lòng đến cực điểm, miệng cũng khép kín lại, hỏi gì cũng lười đáp, chỉ lắc đầu, chẳng còn hứng thú gì nữa.

"Cận tử chi tâm, mạc sử phục dương dã" (cái tâm gần kề cái chết ấy, chẳng thể nào khiến hồi dương trở lại được nữa); cái tâm sắp chết ấy, chẳng còn lấy một chút dương khí nào. Đoạn này, Trang Tử hình dung con người ta tiêu hao thần và khí của chính mình như thế nào, để rồi đi đến cái cảnh giới đáng thương ấy.

Tâm thái và tình thái

Hỷ nộ ai lạc,
Vui, giận, buồn, sướng,

lự thán biến chấp,
lo nghĩ, than thở, biến đổi, chấp trước,

diêu dật khải thái;
buông thả, biếng nhác, hiện thành các dáng vẻ;

nhạc xuất hư,
(âm) nhạc phát ra từ chỗ trống rỗng,

chưng thành khuẩn.
hơi hấp mà sinh ra nấm mốc.

Mấy chữ này, bốn chữ một câu, chính là lối viết văn của phương Nam thời Xuân Thu Chiến Quốc mà người ta thường nói, cũng có thể gọi là lối viết văn của Đạo gia. Lão Tử, Trang Tử, rồi sau này *Sở Từ*, *Ly tao*, đều theo lối viết này. Chúng ta nhắc đi nhắc lại để mọi người chú ý: lối này khác hẳn văn chương của Khổng Mạnh thuộc văn học Tề Lỗ. Câu này nêu ra bốn điểm mấu chốt, tức bốn chữ mở đầu hỷ, nộ, ai, lạc, rất đáng để ta nghiên cứu. Một cuốn sách của Nho gia Trung Hoa là *Trung Dung* cũng nhắc đến bốn chữ này. Đời sau đều lấy bốn chữ này mà làm học vấn, bàn đạo lý triết học, bàn trạng thái tâm lý: **"hỷ nộ ai lạc chi vị phát vị chi trung, phát nhi giai trúng tiết vị chi hòa"** (hỷ nộ ai lạc chưa phát ra gọi là trung, phát ra mà đều đúng tiết độ thì gọi là hòa). Lúc tôi giảng *Trung Dung*, các vị cũng từng nghe qua rồi, chữ "trung" trong *Trung Dung* này không phải chữ trung trong trung ương, mà phải đọc theo giọng phương Bắc là "trúng" mới đúng, cũng như cách đọc trong "trúng thưởng", "bắn trúng". Nếu cứ nhất định giải *Trung Dung* theo nghĩa trung ương thì cũng được thôi; nhưng thực ra, "hỷ nộ ai lạc chi vị phát vị chi trung (đọc trúng)" mới là đúng.

Vào thời Tử Tư viết *Trung Dung*, cũng chính là khoảng thời kỳ trước sau của Trang Tử, không cách nhau bao xa. Trong vài chục năm ấy, từ Xuân Thu sang Chiến Quốc, tư tưởng triết học bước vào phạm vi khoa học, tức đòi hỏi phải thực chứng. Để truy cầu cái thực, bèn sinh ra một phương pháp tu dưỡng, kết quả cũng sinh ra Đạo gia đời sau.

Nhưng, hỷ nộ ai lạc mà *Trung Dung* nói tới, đời sau lại giải thích thành tâm thái, dùng danh từ mới ngày nay mà nói, tức là hình thái tư tưởng tâm lý, hình thái ý thức. Cách giải thích ngàn xưa này vẫn có chỗ chưa ổn, bởi hỷ nộ ai lạc không phải tâm thái, mà là tình thái; là do tình cảm của con người phát ra, còn tâm thái thì không thuộc về hỷ nộ ai lạc.

Lễ ký nói đến thất tình lục dục, thất tình chính là hỷ, nộ, ai, lạc, ái, ố, dục; lục dục là điều đời sau thêm vào, nhưng *Trung Dung* và Trang Tử chỉ có bốn chữ đầu, ba chữ dưới không có, vì ái, ố, dục ba thứ ấy thuần túy thuộc về tâm thái.

Điều này cũng cho thấy hỷ, nộ, ai, lạc thuộc phạm vi tình thái, là tác dụng của tình cảm.

Vậy tình cảm là gì? Tình cảm phần nhiều chịu ảnh hưởng của sinh lý, nói cách khác, chính là tác dụng của khí. Ví như hỷ, tức vui mừng; nộ, tức nổi giận; ai, lúc trong lòng đau buồn, nhìn gì cũng muốn rơi lệ, rất bi thương; lạc, lúc vui lên thì sung sướng vô cùng. Bốn trạng thái này, không phải lý trí có thể khống chế được. Tuy ta cho rằng không nên dễ dàng nổi giận, cũng không nên cười ngây ngô, nhưng sự biến đổi tình cảm của bản thân, cùng những liên đới sinh ra từ tác dụng của khí, lý tính không thể ngăn cấm được, bởi nó phát ra một cách tự nhiên.

Cho nên hỷ nộ ai lạc trong *Trung Dung*, nếu hoàn toàn coi đó là tâm thái mà giảng, thì sự hiểu biết của ta về *Trung Dung* đã sai rồi. Thực ra, điểm này lại đúng khớp với chỗ đang nói ở đây trong Trang Tử. Ở đây Trang Tử nói hỷ nộ ai lạc là nói về tình thái, bốn kiểu điển hình này, mỗi ngày chúng ta đều bộc lộ ra.

"Lự" (虑) là tư lự, suy nghĩ; **"thán"** (叹 - than thở) là cảm khái sinh ra từ tư tưởng, do cảm thán mà phát ra tiếng, nên từ lự mà đến thán; rồi từ sự biến đổi tâm lý mà tiến đến **"chấp"** (慹), chính là điều Phật học gọi là chấp trước, nắm giữ rất chặt. Do chấp trước bên trong mà biểu hiện ra ngoài thành hình thái, chính là **"diêu dật khải thái"** (buông thả, biếng nhác, hiện thành các dáng vẻ). **"Diêu"** (姚) tức là phóng túng, cũng chính là điều ta nay gọi là lãng mạn, phóng khoáng, tùy tiện; **"dật"** (佚) là lười nhác; **"khải thái"** (启态) là biến thành các hình thái khác nhau của đời sống.

"Hỷ nộ ai lạc, lự thán biến chấp, diêu dật khải thái" (vui giận buồn sướng; lo nghĩ, than thở, biến đổi, chấp trước; buông thả, biếng nhác, hiện thành các dáng vẻ), mười hai chữ này, miêu tả các dáng vẻ của con người. Giả sử có một họa sĩ giỏi, có thể vẽ ra đến mấy chục bức tranh, từ sự biến đổi của tâm thái và tình cảm, biểu đạt ra thành các hình thái bên ngoài khác nhau. Hỷ nộ ai lạc trên gương mặt, động tác của tứ chi thân thể, mỗi cái mỗi khác. Giữa sự biến đổi tâm lý này và trạng thái hoạt động sinh lý cơ thể hình thành nên nó, có một điều mà sách không nói ra, mọi người đừng để nó qua mặt mình, đó chỉ vỏn vẹn sáu chữ **"nhạc xuất hư, chưng thành khuẩn"** (nhạc phát ra từ chỗ trống rỗng, hơi hấp mà sinh ra nấm mốc).

Có lúc đọc văn của Trang Tử, tuy nói là mênh mang mờ mịt, khí thế như nước tuôn từ bình bạc, khó mà nắm được trọng tâm của nó, nhưng thực ra, lô-gic của nó lại hết sức chặt chẽ. Sau câu **"cận tử chi tâm, mạc sử phục dương dã"** (cái tâm gần kề cái chết ấy, chẳng thể nào khiến hồi dương trở lại được nữa), tiếp đó lại dấy lên một cao trào khác, miêu tả tâm thái cùng trạng thái sống. Ông nêu ra một nguyên lý, **"nhạc xuất hư, chưng thành khuẩn"** (nhạc phát ra từ chỗ trống rỗng, hơi hấp mà sinh ra nấm mốc), hai tác dụng trái ngược nhau. Chữ **"nhạc"** (樂) trong nhạc xuất hư, đời sau có hai cách đọc: có thể đọc là **"nhạc"** (âm nhạc), có thể đọc là **"lạc"** (vui sướng). Nhạc xuất hư là một trạng thái vật lý, nối tiếp theo ý xuy vạn ở phần trước.

Ở đoạn trước tả gió lớn nổi lên, va chạm vào các hiện tượng vật lý, chỗ này một cái hang, chỗ kia một chỗ lõm, liền phát ra những tiếng ù... hu... đủ loại âm thanh. Tiếng nhạc cũng cần có một nhạc khí mới phát ra được, nhạc khí là rỗng, cũng tức là hư. Nhất là lúc ta thổi tiêu thổi sáo, gảy đàn tấu nhạc, tâm linh cũng cần rất thanh hư, trống rỗng, không tạp niệm, rồi mới phát ra được âm nhạc tuyệt vời. Đây chính là đạo lý của nhạc xuất hư, là một quan niệm. Phần lớn các đời giải thích Trang Tử đều theo hướng này mà giải thích.

Cách giải thích của Đạo gia lại khác, cho rằng đó là lạc (vui) xuất hư; lúc một người trong lòng vui mừng quá độ, khí tán ra mà trống rỗng; vui đến cực điểm, hoặc buồn đến cực điểm, đều có thể khiến người ta chết. Cả hai cách nói đều đứng vững, trọng điểm ở chỗ, dù là nhạc (âm nhạc) xuất hư hay lạc (vui sướng) xuất hư, chỉ cần tâm lý và tác dụng sinh lý của con người càng phát triển ra ngoài mạnh mẽ bao nhiêu, thì càng trống rỗng bấy nhiêu. Nhất là niềm

vui, càng vui thì khí càng hư, tâm cảnh cũng càng hư; còn nếu co rút vào bên trong, ủ kín ở trong lòng, thì **"chưng thành khuẩn"** (hấp hơi mà sinh nấm mốc). Sau một trận mưa lớn, những chỗ ẩm thấp tối tăm, nấm mốc dễ sinh trưởng nhất. Ví như chúng ta thích ăn mộc nhĩ trắng, nơi nuôi mộc nhĩ trắng phải ủ cho thật nóng ẩm, suốt ngày ẩm ướt không thông gió, mới nuôi thành công được, đó chính là đạo lý của chưng thành khuẩn.

Hai câu này, vì sao lại xen vào giữa sự biến đổi của tình thái và tâm thái? Bởi vì tác dụng của tâm lý khiến sinh lý sinh ra biến đổi. Tâm cảnh của ta uất ức lâu ngày, về sinh lý sẽ dễ sinh ra nhiều bệnh tật. Hai câu này, Đạo gia rất coi trọng, cho là điểm mấu chốt của tu đạo, nên người tu đạo cần giữ niệm đầu thanh tịnh, cần hư không, chính vì cái lẽ nhạc xuất hư. Cảnh giới hư không này khiến người ta dễ tiến vào trạng thái thanh hư ấy, dễ gần với đạo hình nhi thượng. Nếu suốt ngày cứ hữu vi, có một thứ gì đó cứ xoay vòng trong lòng, dần dần thật sự sẽ biến thành một vật. Câu "nhạc xuất hư" là nói việc từ "có" biến thành "không", cũng chính là lời giải thích cho tâm năng chuyển vật. Câu "chưng thành khuẩn" là lấy trạng thái vật lý mà giải thích, từ "không" có thể sinh ra "có".

Sinh mệnh tồn tại và dòng ý thức trôi chảy

Nhật dạ tương đại hồ tiền,

Ngày đêm thay nhau hiện ra trước mắt,

nhi mạc tri kỳ sở manh.

mà chẳng ai biết nó nảy mầm từ đâu.

Dĩ hồ, dĩ hồ!

Thôi vậy, thôi vậy!

Đán mộ đắc thử,

Sớm tối có được điều này,

kỳ sở do dĩ sinh hồ!

ấy chính là do đâu mà sinh ra vậy!

Phi bỉ vô ngã,

Không có kia thì không có ta,

phi ngã vô sở thủ.

không có ta thì chẳng biết lấy gì.

Thị diệc cận hĩ,

Như vậy cũng gần đúng rồi,

nhi bất tri kỳ sở vi sử.

nhưng vẫn chẳng biết cái gì đã sai khiến nó.

Ông nói sinh mệnh của chúng ta chính là từ không mà biến thành có. Ví như lúc ta vui mừng, vui đến cực điểm, vui cùng cực ắt sinh buồn. Cười quá trớn, không đau bụng vì cười thì cũng chảy nước mắt vì cười. Có khi cười cong cả người mà ngã, ngã đau lại phải khâu mấy mũi. Trạng thái tâm lý cũng vậy, nên mỗi khi một tâm thái tình cảm đạt đến cực đoan, sẽ sinh ra một hiện tượng khác. Tâm lý và sinh lý của ta biến đổi qua lại lẫn nhau, ngày đêm thay nhau. Sau một vận động lớn, mệt mỏi quá độ thì cần nghỉ ngơi, nghỉ ngơi thay thế cho động năng. Nhưng nghỉ lâu quá lại chịu

không nổi, phải đứng dậy hoạt động, mọi tâm thái và trạng thái sinh lý cứ như vậy ngày đêm thay nhau luân phiên. Chữ **"đại"** (代) này tương đương với sự qua lại giao lưu lẫn nhau.

"Nhi mạc tri kỳ sở manh" (mà chẳng ai biết nó nảy mầm từ đâu); nhưng con người chúng ta thật đáng thương, tự mình không tìm ra được ai là kẻ làm chủ cho sự biến đổi tâm lý. Cái gì khiến ta khởi lên tư tưởng? Cái gì khiến thân thể ta già yếu? Cái gì khiến ta có sinh mệnh? Hết thảy những điều này nảy mầm ra sao? Tự mình mãi mãi không tìm ra được gốc nguồn của nó. **"Dĩ hồ, dĩ hồ!"** (thôi vậy, thôi vậy!), ông nói thôi bỏ đi, thôi bỏ đi! Tìm không ra thì thôi! Thật đáng thương, thôi bỏ đi! **"Đán mộ đắc thử, kỳ sở do dĩ sinh hồ!"** (sớm tối có được điều này, ấy chính là do đâu mà sinh ra vậy!); đã tìm không ra gốc nguồn của sinh mệnh, cũng không biết ý nghĩ đầu tiên lúc sáng thức dậy từ đâu mà đến, sống suốt từ sáng đến tối, càng không tìm ra được cái làm chủ tư tưởng, vận động, tác dụng ấy là gì, đành coi hiện tượng sẵn có của việc sống ngày đêm ấy, xem như đời người vốn dĩ là như thế. Đây là điều Trang Tử nói.

"Phi bỉ vô ngã" (không có kia thì không có ta); **"bỉ"** (彼 - cái kia, đối tượng khác) chính là nó. Không có nó thì không có ta. **"Phi ngã vô sở thủ"** (không có ta thì chẳng biết lấy gì); không có ta thì chẳng nắm bắt được điều gì. **"Thị diệc cận hĩ"** (như vậy cũng gần đúng rồi); nghĩa đại khái là như thế! Câu này nói cái gì vậy? Nếu dịch ra bạch thoại, chỉ có thể dịch như vậy thôi. Ba câu này nghe cứ như lời trai gái yêu nhau viết thư tình cho nhau. Rốt cuộc Trang Tử đang nói điều gì?

Trang Tử bảo ta rằng tâm và vật, cả hai chỉ là một tác dụng. Bỉ (彼) chính là vật; sinh mệnh đang tồn tại của ta hiện nay, chính là thân thể sinh lý; không có bỉ (không có thân thể ấy), thì tác dụng của ta chẳng hiện ra được. Vậy ta lại là gì? Con người tuy có một hình thể mà sống, nhưng nếu không có **"ngã"** (我 - ở đây tức linh hồn) này ở trong thân thể, thì thân thể ấy chỉ là một giá thịt, chẳng có chút tác dụng nào cả. **"Phi ngã vô sở thủ"** (không có ta thì chẳng nắm bắt được gì), nếu ngươi có thể hiểu theo cách này, thì **"thị diệc cận hĩ"** (như vậy cũng gần đúng rồi), là gần đúng vậy.

Nếu đứng trên lập trường triết học tôn giáo mà so sánh giải thích, thì mấy câu **"nhật dạ tương đại hồ tiền, nhi mạc tri kỳ sở manh. Dĩ hồ! Dĩ hồ! Đán mộ đắc thử, kỳ sở do dĩ sinh hồ!"** (ngày đêm thay nhau hiện ra trước mắt mà chẳng ai biết nó nảy mầm từ đâu; thôi vậy, thôi vậy; sớm tối có được điều này, ấy chính là do đâu mà sinh ra vậy) chính là điều Phật học gọi là: sự tồn tại của sinh mệnh là dòng ý thức trôi chảy; dòng ý thức trôi chảy chính là ý thức, tư tưởng của ta, chảy không ngừng như một dòng sông. Từ ý niệm đầu tiên lúc sáng thức dậy, cũng như đợt sóng trong dòng nước, nhảy đông nhảy tây, chẳng biết nhảy đến đâu. Nhìn bề ngoài, dường như luôn có một cái ta tồn tại ở đây; nhưng thực ra, cái ta ấy là giả, tư tưởng tình cảm của ta chẳng qua chỉ là dòng ý thức trôi chảy mà thôi. Còn cái ta thật sự ấy, lại chẳng thể nào tìm ra được.

Nhưng dòng ý thức trôi chảy này, cũng phải nương vào vật lý mới được; không có sinh lý và vật lý thì không thể biểu hiện ra được. Ngoài sinh mệnh con người trôi chảy không ngừng ra, sinh mệnh của vũ trụ cũng là dòng ý thức trôi chảy, mà hình thành nên vạn tượng. Về điểm này, Trang Tử nói rất nhiều ở phần sau, ở đây ta chỉ tìm hiểu sơ lược. Còn về câu ông nhắc tới, **"phi bỉ vô ngã, phi ngã vô sở thủ. Thị diệc cận hĩ"** (không có kia thì không có ta, không có ta thì chẳng biết lấy gì; như vậy cũng gần đúng rồi), chính là thuyết khách chủ của tông Lâm Tế trong thiền môn đời sau. Dùng quan điểm triết học phương Tây mà nói, khách chủ tức là chủ quan và khách quan. Chủ quan và khách quan là tương đối nhau, không có cái chủ quan của ta thì cũng chẳng còn nói gì đến hoàn cảnh khách quan nữa. Ông nói, ngươi có thể hiểu theo cách này thì cũng gần đúng rồi; vẫn chưa hoàn toàn đúng, chỉ là gần đúng mà thôi.

"Nhi bất tri kỳ sở vi sử" (nhưng vẫn chẳng biết cái gì đã sai khiến nó); ông nói vì sao lại bảo là gần đúng? Rốt cuộc còn thiếu chỗ nào? Bởi vì ngươi vẫn chưa tìm ra được kẻ làm chủ sinh mệnh, bởi ngươi không biết **"kỳ sở vi sử"**

(cái gì đã sai khiến nó): cái gì khiến tư tưởng ta khởi lên được, cái gì khiến thân thể ta có cảm giác được, cái gạt cần máy, chỉ huy ngươi động đậy ấy là gì. Nên chỉ có thể nói là gần đúng mà thôi.

Chủ tể là ai?

Nhược hữu chân tể,

Giả như có một chân tể,

nhi đặc bất đắc kỳ trẫm.

nhưng lại không tìm ra được dấu vết của nó.

Khả hành kỷ tín,

Nó có thể vận hành khiến ta tự tin là có,

nhi bất kiến kỳ hình,

nhưng lại chẳng thấy được hình dạng của nó,

hữu tình nhi vô hình.

có thực tình mà không có hình.

Bách hài, cửu khiếu, lục tạng,

Trăm đốt xương, chín khiếu, sáu tạng,

cai nhi tồn yên,

hợp đủ cả mà cùng tồn tại,

ngô thùy dữ vi thân?

ta thân thiết với cái nào hơn?

Nhữ giai duyệt chi hồ?

Ngươi đều ưa thích hết cả sao?

Kỳ hữu tư yên?

Hay có riêng thiên vị chỗ nào?

Như thị giai hữu vi thần thiếp hồ?

Như vậy phải chăng đều là bề tôi thị nữ của ta cả?

Kỳ thần thiếp bất túc dĩ tương trị hồ?

Hay bọn thần thiếp ấy chẳng đủ sức cai trị lẫn nhau?

Kỳ đệ tương vi quân thần hồ?

Hay chúng thay phiên nhau làm vua tôi?

Kỳ hữu chân quân tồn yên?

Có một chân quân nào tồn tại ở đó chăng?

Như cầu đắc kỳ tình dữ bất đắc,

Dù tìm ra được thực tình của nó hay không,

vô ích tổn hồ kỳ chân.

cũng chẳng thêm bớt gì cho cái chân thật ấy.

Nhất thụ kỳ thành hình,

Một khi đã nhận lấy hình hài thành tựu,

bất vong dĩ đãi tận.

thì chưa chết mà đã như chờ đến lúc tận cùng.

"Nhược hữu chân tể, nhi đặc bất đắc kỳ trẫm" (giả như có một chân tể, nhưng lại không tìm ra được dấu vết của nó); giả sử có người nói, trong sinh mệnh này có một kẻ làm chủ, chính là Thượng đế, thần, Bồ Tát mà các nhà tôn giáo hay nói tới, cách nói này ta không dám khinh suất tin theo. Nếu ta có cầu xin Thượng đế Bồ Tát, xin cho tình cảm của ta ngừng lại một tiếng đồng hồ, để ta được thư thái đôi chút, họ chắc chắn sẽ không chấp thuận, cái máy móc ấy vẫn cứ hoạt động y như cũ, khiến ta không thể nào ngừng lại được. Cho nên nói, Thượng đế, thần, Bồ Tát không phải là chủ tể ấy.

Đã không phải Thượng đế, vậy rốt cuộc kẻ làm chủ ấy là ai? Là chính ta chăng? Vậy ta lại là thứ gì? Nên mới nói, **"nhi bất tri kỳ sở vi sử"** (mà chẳng biết cái gì đã sai khiến nó). Cái gì đã khởi đầu chỉ dẫn cho ta đến đây? Tức là sinh mệnh khởi đầu ra sao, cái gì đã khiến ta đến đầu thai? Nếu bảo có một kẻ làm chủ tể, ta hãy thử tìm xem, **"nhi đặc bất đắc kỳ trẫm"** (nhưng lại không tìm ra được dấu vết của nó). **"Trẫm"** (朕) là không tìm thấy lấy một chút bóng dáng nào, không tìm ra được một cái ta thật sự. Trẫm cũng đại diện cho ta, không tìm ra được một cái ta chân thật đang ở nơi đâu.

"Khả hành kỷ tín" (nó có thể vận hành khiến ta tự tin là có); ngươi bảo tìm không ra chủ tể thật sự của sinh mệnh, vậy chủ tể ấy lại là vật gì? Chỉ trong đời sống hằng ngày của ta, dường như có một tư tưởng, có một hành động đang động đậy. **"Kỷ tín"** (tự tin là có) tức là dường như cảm thấy chính ta đang động đậy đây! Cái ấy tựa hồ chính là ta. **"Nhi bất kiến kỳ hình"** (nhưng lại chẳng thấy được hình dạng của nó); nhưng lại chẳng tìm ra được hình dạng của nó. Chân tể tìm không ra, vậy linh hồn lại có hình dạng gì? Tâm có hình dạng gì? Tâm không phải là trái tim đâu! Trái tim đổi một cái khác vẫn có thể sống được. Nếu bảo là não, khoa học ngày nay tiến bộ, phẫu thuật vào não vẫn có thể tư duy được, cho thấy cũng không phải là não, chủ tể này vốn chẳng thấy được hình dạng của nó.

"Hữu tình nhi vô hình" (có thực tình mà không có hình); sinh mệnh của con người thật kỳ lạ, ta rất yêu thân thể này của mình, tình cảm sâu đậm nhất của ta là dành cho thân thể này. Ví như tình yêu ta dành cho cha mẹ cũng vậy, tình yêu nam nữ cũng vậy, miệng nói yêu người khác, đều chẳng đáng tin, ta vẫn yêu bản thân mình là quan trọng nhất. Nhưng có thật sự là yêu bản thân mình không? Lại chưa chắc! Bác sĩ bảo ngươi phải cắt bỏ chỗ này thì mới sống được, vậy thì thôi không cần nữa, cắt bỏ chỗ ấy đi, cũng chẳng còn yêu nó nữa. Rốt cuộc điều ta yêu là gì? Vẫn tìm không ra, nên mới nói, tuy có thực tình nhưng lại không có hình.

"Bách hài" (trăm đốt xương); ông nói thân thể trăm đốt xương này là do rất nhiều khúc xương góp lại mà thành. **"Cửu khiếu"** (chín khiếu); trên người có chín cái lỗ: hai lỗ mũi, hai mắt, hai tai, một miệng, bảy cái ở phần đầu, thân thể phía dưới có hai cái, cộng lại thành chín khiếu. **"Lục tạng"** (sáu tạng); bên trong thân thể có năm tạng: tâm, can, tỳ, phế, thận; sáu phủ: đại tràng, tiểu tràng, vị, đảm, bàng quang, tam tiêu. **"Cai nhi tồn yên"** (hợp đủ cả mà cùng tồn tại); đem những thứ ấy gộp lại, biến thành một cỗ máy gọi là con người. Cách nói này của Trang Tử giống hệt cách nói của Phật học truyền đến đời sau. Kinh Phật nói, thân người do ba mươi sáu thứ hợp lại mà thành, chia làm ba loại. Ngoại tướng có mười hai: tóc, lông, móng, răng, ghèn, nước mắt, nước dãi, nước bọt, phân, nước tiểu, cáu bẩn, mồ

hôi. Thân khí có mười hai: da, biểu bì, máu, thịt, gân, mạch, xương, tủy, mỡ, dầu mỡ, óc, màng. Nội hàm có mười hai: gan, mật, ruột, dạ dày, tỳ, thận, tim, phổi, tạng sống (đại tràng), tạng chín (tiểu tràng), đàm đỏ, đàm trắng.

"Ngô thùy dữ vi thân?" (ta thân thiết với cái nào hơn?); vừa nói qua rồi, cái nào là thứ mà bản thân ta yêu quý nhất? Nếu bảo là mắt, được thôi, vậy cắt tai ngươi đi, ngươi nhất định không chịu. Bây giờ mọi người ngồi trên ghế, nghe giảng mà nghĩ vẩn vơ, hai chân ngồi đây chẳng dùng vào việc gì, bảo cắt bỏ đi, các vị cũng không chịu. Lúc này tôi đang giảng bài, quan trọng nhất là cái miệng, không có miệng thì không nói được, nhưng bảo tôi cắt bỏ tai đi, tôi cũng không chịu. Rốt cuộc cái nào mới là thứ ta yêu quý nhất?

"Nhữ giai duyệt chi hồ? Kỳ hữu tư yên?" (ngươi đều ưa thích hết cả sao? Hay có riêng thiên vị chỗ nào?); hay là nói, dù chỉ một sợi tóc, một cái móng tay trong sinh mệnh đang tồn tại này, ta cũng đều yêu thích toàn bộ. **"Duyệt"** (说 - đọc thông với chữ 悦, nghĩa là vui thích) trong "giai duyệt chi hồ" chính là chữ ấy. **"Kỳ hữu tư yên?"** (hay có riêng thiên vị chỗ nào?); hay là nói, đặc biệt yêu mắt? Đặc biệt yêu miệng? Ta hãy tự nghĩ xem, **"như thị giai hữu vi thần thiếp hồ?"** (như vậy phải chăng đều là bề tôi thị nữ của ta cả?); nghiên cứu kỹ như thế, thì chẳng có thứ nào ta thích, mà thứ nào ta cũng thích, bởi tất cả đều thuộc về ta, đều là sinh mệnh của ta. Điều này cũng như một vị hoàng đế, muôn thần dân đều thuộc về ông, đều là con cái quyến thuộc của ông.

Nói cách khác, thân thể này chỉ là chỗ tạm thuộc về của sinh mệnh đang tồn tại, cũng như quyền sở hữu nhà cửa và tài sản là thuộc về ta, nhưng rốt cuộc nó không phải là sở hữu thật sự của ta, sinh mệnh kết thúc rồi thì nó cũng không còn thuộc về ta nữa. Nên mới nói thân thể này, sự tồn tại của sinh mệnh này, **"như thị giai hữu vi thần thiếp hồ?"** (như vậy phải chăng đều là bề tôi thị nữ của ta cả?); hay là nói, **"kỳ thần thiếp bất túc dĩ tương trị hồ?"** (hay bọn thần thiếp ấy chẳng đủ sức cai trị lẫn nhau?). Câu này hình dung thật khéo léo, đây chính là nguyên lý chính trị. Một người lãnh đạo muôn dân, bên dưới đều là thần tử, thần thiếp, con dân của ông. Xét về lý thuyết, những con dân ấy đứa nào cũng đáng yêu, nhưng giữa chúng với nhau, **"bất túc dĩ tương trị hồ?"** (chẳng đủ sức cai trị lẫn nhau?); lẫn nhau đều chẳng phục, lẫn nhau đều chẳng thân ái. Khi ta dùng tay lấy đồ vật, lúc chân không đi được, thì chân rất ghét tay. Khi ta phạm tội, bị lôi đi đánh đòn, thì mông rất ghét đầu óc: kẻ phạm tội là ngươi đấy! Sao lại hại ta bị đánh? Nên giữa bọn thần thiếp ấy, chẳng đủ sức cai trị lẫn nhau, chúng lẫn nhau đều chẳng hòa ái, điều này giải thích cho sự mất cân bằng của sinh mệnh. Hôm nay đau đầu, mai lại đau răng, vừa trị khỏi đau đầu thì lại đi tả, trị khỏi đi tả thì lại táo bón, lẫn nhau chẳng thể thống trị nổi nhau, chẳng tương xứng với nhau.

"Kỳ đệ tương vi quân thần hồ?" (hay chúng thay phiên nhau làm vua tôi?); câu này nói rằng bên trong thân thể thay nhau làm chủ, mang tính dân chủ. Hôm nay ngươi làm chủ tịch, ta nghe theo ngươi; mai ta làm chủ tịch, ngươi nghe theo ta. Lúc đọc sách, mắt làm chủ tịch, những bộ phận khác đều không xen vào. Lúc gảy đàn, ngón tay đang làm chủ tịch, những bộ phận khác không thể xen vào, nên mới nói **"đệ tương vi quân thần"** (thay phiên nhau làm vua tôi), tức là khách và chủ.

Nói dài dòng như vậy, ta xem đoạn này của Trang Tử, cũng giống như xem nửa đầu của kinh *Lăng Nghiêm* vậy, đều là đi tìm tâm ở đâu, linh hồn ở đâu; tìm mãi tìm mãi, hóa ra trên thân thể đều không phải. **"Kỳ hữu chân quân tồn yên?"** (có một chân quân nào tồn tại ở đó chăng?); hãy tìm trong thân thể ngươi xem, bên trong có tồn tại một thứ thật sự làm chủ hay không? **"Như cầu đắc kỳ tình dữ bất đắc, vô ích tổn hồ kỳ chân"** (dù tìm ra được thực tình của nó hay không, cũng chẳng thêm bớt gì cho cái chân thật ấy). Trang Tử cũng giống Thiền tông, chỗ nào cũng là thoại đầu, giảng đến một chỗ nào đó, đưa ra cho ngươi một câu hỏi, ông không đưa đáp án. Vậy ông có đáp án hay không? Nghe ra dường như lại có đáp án.

Mê ngộ bất nhị

Ông tiếp tục nói: ngươi thử tìm xem, trong sự tồn tại của sinh mệnh chúng ta đây, có hay không một chủ tể chân thật? Hãy tìm xem. **"Như cầu đắc kỳ tình dữ bất đắc"** (dù tìm ra được thực tình của nó hay không); giả sử ngươi tìm ra rồi, dường như tìm được, có một chút bóng hình, hoặc là tìm không ra chủ tể của sinh mệnh, thì **"vô ích tổn hồ kỳ chân"** (cũng chẳng thêm bớt gì cho cái chân thật ấy). Ông bảo đều không sao cả: tìm được thì đối với sinh mệnh hiện có chẳng thêm ra gì; tìm không được thì đối với sinh mệnh hiện có cũng chẳng bớt đi gì, vẫn sống như cũ. Đối với chủ tể chân thật của sinh mệnh ấy mà nói, dù ngươi tìm được hay không tìm được nó, với nó cũng chẳng thêm bớt gì.

Mấy câu này ngang với điều đời sau Thiền tông gọi là **"mê ngộ bất nhị"** (迷悟不二 - mê và ngộ chẳng hai). Đã khai ngộ rồi và chưa khai ngộ, bề ngoài nhìn vào vẫn như nhau; mê ngộ bất nhị, **"bất nhị"** (不二) nghĩa là không có hai vẻ khác nhau. Nói cách khác, chân tể của sinh mệnh này thì bất cấu bất tịnh (chẳng nhơ chẳng sạch), bất sinh bất diệt (chẳng sinh chẳng diệt), bất mê bất ngộ (chẳng mê chẳng ngộ), chẳng nhiều chẳng ít, chẳng chết cũng chẳng sinh, đời đời vẫn như thế. Dù ngươi hiểu hay không hiểu nó, nó vẫn vậy. Nghe lời Trang Tử như vậy, ta lấy làm an ủi lắm, nhưng lại mắc bẫy rồi: đã là mê ngộ bất nhị, thì cần gì phải ngộ đạo? Mê đi cũng thế thôi! Tìm chân tể này làm gì? Cớ sao lại muốn hiểu nó? Những lý do ấy nằm ở chỗ nào?

Bên dưới ông bảo ngươi: nếu tìm không ra, thì **"nhất thụ kỳ thành hình, bất vong dĩ đãi tận"** (một khi đã nhận lấy hình hài thành tựu, thì chưa chết mà đã như chờ đến lúc tận cùng). Một khi đã có cha mẹ trao cho thân thể này, đã có sinh mệnh này, ngươi cảm thấy mình đang sống; kỳ thực đang sống để chờ chết. Ngươi chết vào trăm tuổi thì chẳng qua đã chờ một trăm năm; chết vào tám mươi thì đã chờ tám mươi năm. Ngươi chưa chết, sống để làm gì? Sống để chờ chết! "Bất vong dĩ đãi tận." Đó là lời Trang Tử; đúng hay sai, ta không biết, có lẽ ngươi biết.

Vừa rồi ta nói đến chỗ Trang Tử thuật quan hệ tâm lý và sinh lý của sự tồn tại sinh mệnh; ông nói một câu quan trọng: "nhất thụ kỳ thành hình, bất vong dĩ đãi tận." Tiếp theo ông bảo:

Dữ vật tương nhẫn tương ma,
Với vật thì như lưỡi dao cắt nhau, lại như mài vào nhau,

kỳ hành tận như trì,
bước đi đến chỗ tận cùng thì nhanh như ngựa phi,

nhi mạc chi năng chỉ,
mà chẳng gì ngăn lại được,

bất diệc bi hồ!
há chẳng buồn sao!

Đoạn này ông nói: sinh mệnh chúng ta hiện nay, nhìn vào thì như đang tồn tại; kỳ thực, nói trắng ra thì đang sống để chờ chết. Nếu không nói thế, thì Phật học gọi là **"lưu chú sinh, lưu chú trụ"** (dòng chảy khởi sinh, dòng chảy trụ lại). Lưu chú: sinh mệnh như dòng nước, nối tiếp không ngừng. Tên gọi này trong Duy thức học nghe rất êm tai, không lộ liễu như câu "bất vong dĩ đãi tận" của Trang Tử. Nếu ta nhìn thấu một câu ấy, sống sẽ hơi thương cảm. Nhưng bên dưới ông lại nói một hiện tượng: sinh mệnh này đang sống thì **"dữ vật tương nhẫn tương ma"** (với vật thì như lưỡi dao cắt nhau, lại như mài vào nhau). Với muôn vật bên ngoài, với hết thảy thế giới vật chất, hai bên như một lưỡi dao, tranh đấu lẫn nhau, khắc chế lẫn nhau, cũng lừa dối lẫn nhau, cũng xâm hại lẫn nhau. Trong lúc xâm hại, hai bên lại cảm thấy rất hưởng thụ, nên mới gọi là tương nhẫn tương ma.

Đạo lý này, phái âm dương trong văn hóa Trung Hoa cho rằng đó là sinh khắc biến hóa, tương sinh tương khắc; cũng chính là điều Đạo gia đời sau nói: **"thiên địa thị vạn vật chi đạo, nhân thị thiên địa chi đạo"** (trời đất là kẻ cướp của vạn vật, người là kẻ cướp của trời đất; chữ đạo ở đây là 盗). **"Đạo"** (道 - đạo để tu) đây thông với **"đạo"** (盗 - kẻ cướp): người gọi là tu đạo chẳng qua cũng là kẻ cướp, là kẻ trộm, là thổ phỉ. Ngồi thiền luyện công, luyện khí công, luyện thái cực quyền, luyện đan: đều là lấy trộm tinh hoa của trời đất; nhờ cha mẹ giúp, cộng thêm một cái ta, ba bên liên kết, lấy trộm tinh hoa trời đất, rồi mới có sinh mệnh hiện nay của chúng ta. Ta cảm thấy hiện nay đang tồn tại ư? Ông bảo: với vạn vật thì tương nhẫn, như một lưỡi dao, chém giết tranh đấu lẫn nhau. Bề ngoài nhìn vào thì tương ma, hòa hợp rất tốt; kỳ thực sinh mệnh này **"kỳ hành tận như trì"** (bước đi đến chỗ tận cùng thì nhanh như ngựa phi): **"hành tận"** (行尽) là ngày ngày tiến về phía trước, hướng tới chỗ tận cùng ấy; **"như trì"** (如驰) là nhanh như ngựa chạy. Ngươi muốn giữ sinh mệnh dừng lại ở giai đoạn trẻ trung, đừng chạy về phía trước, thì làm không được. Sinh mệnh đời đời như ngựa đang phi, **"nhi mạc chi năng chỉ"** (mà chẳng gì ngăn lại được): dừng không nổi, không cách nào giữ sinh mệnh mãi mãi đọng lại trên thế giới hiện thực này. "Bất diệc bi hồ!" Đáng buồn biết bao! Đó là nhìn từ phía tiêu cực. Nhưng ngươi đừng nghe ông lừa: ông chẳng hề nhìn đời người bi thảm đến thế.

Chung thân dịch dịch nhi bất kiến kỳ thành công,
Suốt đời lao dịch mà chẳng thấy thành công của mình,

niết nhiên bì dịch nhi bất tri kỳ sở quy,
mệt mỏi rã rời vì lao dịch mà chẳng biết chỗ về của mình,

khả bất ai da!
há chẳng đáng thương ư!

Nhân vị chi bất tử, hề ích!
Người bảo là chẳng chết, ích gì!

Kỳ hình hóa, kỳ tâm dữ chi nhiên,
Hình hài biến đổi, tâm cũng theo đó mà biến,

khả bất vị đại ai hồ?
há chẳng gọi là đại bi sao?

Đoạn này đã miêu tả hết đời người rồi. Suốt đời bận rộn tất bật, làm gì đây? **"Dịch dịch"** (役役 - lao dịch như nô lệ): làm nô lệ cho người khác, làm nô lệ cho vật chất, làm nô lệ cho thân thể mình. Mỗi ngày ba bữa xuống bếp, làm bò bít tết, bánh mì, cơm, cực khổ hết sức, chỉ vì thân thể này. Bụng vừa no, rồi lại đói; rồi cũng làm nô lệ cho người khác, vì con vì cháu, suốt đời đều trong cảnh lao dịch. Kết quả ở đâu? **"Nhi bất kiến kỳ thành công"** (mà chẳng thấy thành công của mình): cuối cùng, chẳng thành tựu gì cả rồi bỏ đi. Cho nên *Kinh Dịch*, quẻ Khôn, có câu **"vô thành hữu chung"** (không thành công mà vẫn có kết thúc). Không thành công, cả đời chẳng thấy thành công; nhưng có kết quả hay không? Có kết quả: con cái kể lại, năm ấy cha tôi, mẹ tôi thế này thế nọ, cũng kể như có một chút kết quả. Vậy thì *Kinh Dịch* còn nói về mặt tốt: tuy không thành công mà vẫn có kết quả. Còn chỗ này của Trang Tử thì dứt khoát kéo hết bức màn bí mật ra cho ngươi xem: "chung thân dịch dịch nhi bất kiến kỳ thành công".

"Niết nhiên bì dịch nhi bất tri kỳ sở quy, khả bất ai da!" **"Niết nhiên"** (茶然 - mệt mỏi rã rời; chữ 茶 hình dạng hơi gần chữ trà 茶) là chữ hình dung trạng thái ấy. **"Bì dịch"** (疲役): vì sinh mệnh mà mệt nhọc đến cực điểm, cả đời làm nô dịch đều trong trạng thái mệt mỏi. **"Nhi bất tri kỳ sở quy"** (mà chẳng biết chỗ về của mình): kết cục, chỗ quy túc (归宿) chân thật của chúng ta ở đâu? Tìm không ra. "Khả bất ai da!" Phía trên vừa có một câu "há chẳng buồn sao",

chỗ này lại một câu "há chẳng đáng thương ư". Nghe đến đây khiến người ta đôi hàng lệ tuôn; giá trị của sinh mệnh bị đoạn này bác bỏ đến nát bét. Thế vẫn chưa hết.

"Nhân vị chi bất tử, hề ích!" Giả sử người tu đạo tu đến trường sinh bất tử, thì lại có ích gì? Sống thêm một vạn năm chẳng qua là chờ thêm một vạn năm, vẫn là bất vong dĩ đãi tận. Sống thêm mười triệu năm chẳng qua chờ thêm mười triệu năm. Sinh mệnh của hình hài này rốt cuộc chẳng phải cứu cánh, chẳng phải chân đạo. Nên mới nói "nhân vị chi bất tử, hề ích": một người sống đến trăm tuổi vạn tuổi, sống có ích gì!

"Kỳ hình hóa, kỳ tâm dữ chi nhiên, khả bất vị đại ai hồ?" Ông bảo: khi ngươi sống đến trăm tuổi, tâm tình ấy hoàn toàn khác tâm tình của đứa trẻ. Tâm tình của ta ngày mai với tâm tình hôm nay cũng đều khác. Cho nên tối nay lúc ăn cơm, mấy ông bạn già ngồi với nhau, ta mới nói: già rồi thì không xong, làm việc thì tâm có thừa mà sức không đủ, không chịu nổi sự phiền toái. Cái không chịu nổi ấy chính vì thể năng không đủ; lúc trẻ, việc càng phiền càng có hứng thú, "cứ phải đụng nó một phát" mới chịu; già rồi đụng không nổi nữa, đành thôi. Đó chính là điều Trang Tử nói "kỳ hình hóa", hình thể biến đổi, **"kỳ tâm dữ chi nhiên"** (tâm cũng theo đó mà biến), tâm lý theo ảnh hưởng của thể năng cũng biến đổi. Bây giờ ta ngắm hoa, uống rượu, nhảy múa nghe ca, tuyệt đối chẳng còn như lúc mười chín tuổi nghe ca nhảy múa; mười chín tuổi nghe ca nhảy múa thì hát hay hay dở cũng chẳng cần biết, cứ thế hát nhảy là được rồi. Già đi thì khác, trung niên lại khác, hôm nay với ngày mai lại khác. Nên mới nói "kỳ hình hóa, kỳ tâm dữ chi nhiên, khả bất vị đại ai hồ?" Vậy sống lâu thêm lại có ích gì? Trường sinh bất lão, tu thành thần tiên, lại đáng giá mấy xu? Đó mới là nỗi đại bi chân thật. Tiếp theo ông nói:

Nhân chi sinh dã, cố nhược thị mang hồ?
Đời người vốn đã mờ mịt như thế ư?

Kỳ ngã độc mang?
Hay chỉ riêng ta mờ mịt?

Nhi nhân diệc hữu bất mang giả hồ?
Hay trong loài người cũng có kẻ chẳng mờ mịt?

Vậy thì nói đến người ta quá bi thương rồi. Đoạn dưới đây chính là điều Thiền tông gọi là **"chuyển ngữ"** (轉語 - lời xoay chuyển thoại đầu). Trang Tử giảng đến đây, tự mình xoay lại. Ông bảo: đời người ư, quả đã mờ mịt khó hiểu, mang mang nhiên như thế sao? "Nhân chi sinh dã, cố nhược thị mang hồ? Kỳ ngã độc mang?" Hay chỉ riêng ta chưa rõ, chưa ngộ đạo, nên mới mang mang nhiên khó hiểu. **"Mang"** (芒 - mờ mịt) đây cũng chính là cái mờ mịt mang mang ấy. "Nhi nhân diệc hữu bất mang giả hồ?" Trong loài người cũng có người tìm ra được gốc của sinh mệnh, chẳng mang mang nhiên nữa chăng? Người như thế mới sống có ý nghĩa! Vì người ấy đã tìm ra chân đế của sinh mệnh.

Ai tìm ra được chân đế của sinh mệnh? Điều này ngang với một thoại đầu của Thiền tông, ngươi hãy tham đi! Bên dưới thoại đầu ông lại xoay: có người tự cho mình đã khai ngộ, đã tìm ra rồi; có người tự cho mình đã hiểu chân lý; trên đời các tôn giáo, triết học mỗi nhà mỗi khác; bên dưới là lời phê bình của Trang Tử.

Ai phải ai trái

Phù tùy kỳ thành tâm nhi sư chi,
Phàm ai theo cái thành tâm của mình mà lấy làm thầy,

thùy độc thả vô sư hồ?

thì ai riêng lại không có thầy?

Một người nếu theo trạng thái tâm lý của mình mà dựng nên một quan niệm, mỗi người mỗi lập trường, mỗi người mỗi chủ quan, rồi **"nhi sư chi"** (mà lấy làm thầy): cho rằng cái của mình là đúng, là cao minh nhất, rồi lấy quan niệm cao minh ấy của mình mà giải thích hết thảy. Ví như mỗi tôn giáo, mỗi triết gia, khi giải thích gốc rễ của sinh mệnh, đều có lý thuyết riêng. Cho đến Phật pháp, tiểu thừa đại thừa, các tông các phái, cũng đều có cách giải thích riêng. Những lý thuyết ấy đều là **"tùy kỳ thành tâm nhi sư chi"** (theo cái thành tâm của mình mà lấy làm thầy): đem tâm lý của mình dựng thành một trạng thái tâm lý. Lấy quan niệm triết học mới ngày nay mà nói, tức là dựng thành hình thái ý thức tư tưởng của riêng mình, rồi lấy hình thái ý thức ấy mà phán đoán hết thảy, cảm nhận hết thảy. Nếu cho rằng như thế là chân lý phi thường, cho rằng mình chính là đại sư, thì "thùy độc thả vô sư hồ?" Trong lòng ai mà chẳng có một ông thầy! Nên ai cũng coi thường người khác, vì ai cũng tự nhận mình có chỗ cao minh! Và chỗ cao minh của ta thì không truyền cho ngươi đâu.

Hề tất tri đại nhi tâm tự thủ giả hữu chi?
Há tất phải nhờ trí thay thế rồi tâm tự chọn lấy mới có?

Ngu giả dữ hữu yên.
Kẻ ngu cũng có đủ cả.

Mỗi người đều cho rằng mình có một bộ chân lý, có một bộ lý thuyết, đều tự nhận rất cao minh, đã ngộ đạo rồi. Trạng thái tâm lý ấy, **"hề tất tri đại nhi tâm tự thủ giả hữu chi?"** (há tất phải nhờ trí thay thế rồi tâm tự chọn lấy mới có?): đạo lý của người ấy chẳng cần đem thêm một phương pháp lô-gic hay tư biện nào khác đến để nghiên cứu thay thế. Tóm lại, gộp lại, đều là tác dụng tâm lý của chính ngươi, **"nhi tâm tự thủ giả"** (mà tâm tự chọn lấy). Đó là sự tự chọn trên quan điểm, dựng nên một bộ lý thuyết, một bộ triết học. Câu bên dưới cho điểm số cả khối về không. **"Ngu giả dữ hữu yên"** (kẻ ngu cũng có đủ cả): càng ngu dốt bao nhiêu, càng cho rằng lý thuyết của mình cao minh, càng cho rằng mình đúng.

Vị thành hồ tâm nhi hữu thị phi,
Chưa thành trong tâm mà đã có phải trái,

thị kim nhật thích Việt nhi tích chí dã.
ấy là hôm nay đi nước Việt mà bảo hôm qua đã tới.

Thị dĩ vô hữu vi hữu,
Thế nên lấy cái không có mà làm thành có,

vô hữu vi hữu,
lấy không có làm có,

tuy hữu thần Vũ,
dù có thần Vũ,

thả bất năng tri,
cũng chẳng thể biết nổi,

ngô độc thả nại hà tai!
riêng ta biết làm sao đây!

"Vị thành hồ tâm": giả sử một người trong lòng không có quan niệm chủ quan, không có **"thành tâm"** (成心 - thành kiến sẵn trong lòng), mà **"nhi hữu thị phi"** (lại có phải trái), mượn quan niệm triết học phương Tây, lấy thái độ tuyệt đối khách quan mà nhìn hết thảy sự vật, hết thảy hiện tượng, Trang Tử bèn nói một câu danh ngôn: **"kim nhật thích Việt nhi tích chí dã"** (hôm nay đi nước Việt mà bảo hôm qua đã tới). Giả sử bài văn này của Trang Tử viết ở nước Sở, khoảng Hồ Bắc tới Hà Nam, muốn đi xuống nước Việt phương Nam thuộc Chiết Giang, nghĩa là hôm nay lên đường sang Việt, không thể bảo hôm nay đã tới, mà bảo từ trước đã tới rồi. Đây nói cái gì vậy? Nói cách khác: hôm nay ngươi đi Mỹ, vừa xuống máy bay ở Mỹ, người ta hỏi ngươi đến lúc nào, ngươi lại bảo ta chẳng hề động đậy, từ trước đã tới đây rồi. Ngươi bảo cách nói của Trang Tử thông hay không? "Thị kim nhật thích Việt nhi tích chí dã": ta từ một vạn năm trước đã ở đây, chẳng hề động đậy.

Đời sau trong nhà Phật có một nhân vật lỗi lạc, pháp sư Tăng Triệu, đệ tử của pháp sư Cưu Ma La Thập; danh tác *Triệu luận* của ông, trên lịch sử triết học Trung Hoa, sức nặng bậc nhất. Trong đó có một luận văn rất có uy tín, gọi là *Vật bất thiên luận*, nói rõ vũ trụ vạn hữu không có sự dời chuyển. Trong ấy có những câu danh ngôn: **"toàn lam yển nhạc nhi thường tĩnh, giang hà cạnh chú nhi bất lưu"** (cuồng phong lật núi mà vẫn thường tĩnh, sông Giang sông Hà đua chảy mà chẳng trôi). **"Toàn lam"** (旋岚 - tên trận cuồng phong lớn): gió xoáy ấy nổi lên, núi cũng bị thổi sập, nên gọi là gió toàn lam. **"Yển nhạc"** (偃岳 - gió lớn làm đổ núi): gió lớn đến, núi A Lý, ngũ nhạc đều bị thổi đổ; giống như đại địa chấn đến, địa cầu cũng bị rung sập. Pháp sư Tăng Triệu bảo: lúc ấy vẫn thường tĩnh, chẳng hề động đậy. **"Giang hà cạnh chú nhi bất lưu"** (sông Giang sông Hà đua chảy mà chẳng trôi): ông bảo dòng nước ấy, nước Trường Giang Hoàng Hà ngày đêm chảy dài; nếu ngươi đã hiểu, đã ngộ đạo lý vật lý vạn biến bất ly kỳ tông, thì nước ấy chẳng hề chảy. Bài luận nói vật bất thiên, trọng điểm giữa bài cũng nhắc đến lý do và sự phát huy của câu "kim nhật thích Việt nhi tích chí dã".

Đời sau đến đời Minh, Thiền tông Hám Sơn đại sư, ông ở am tranh trên núi mấy năm. Ông ngộ đạo, ngộ vào lúc nào? Một hôm ngồi thiền dậy đi tiểu, chợt nhìn thấy nước tiểu của mình, **"giang hà cạnh chú nhi bất lưu"** (sông Giang sông Hà đua chảy mà chẳng trôi), ha, khai ngộ rồi! Cái ngộ của Thiền tông thật khó hiểu! Người xưa đọc sách đều thuộc lòng; Hám Sơn đại sư thuộc rất kỹ những danh văn của pháp sư Tăng Triệu, nên lúc ấy một phen khơi mở, liền khai ngộ.

"Kim nhật thích Việt nhi tích chí dã", nay lấy quan niệm vật lý mới, không giải thích theo quan niệm triết học: ví như tối nay mười giờ linh một phút, ở ga Đài Bắc mua một tấm vé đi Cao Hùng, hoặc xe nhanh năm giờ, xe chậm bảy giờ, ngày mai tới Cao Hùng. Ta có thể bảo: đêm qua mười giờ lên xe, sáng nay tới Cao Hùng; nhưng ta chẳng hề động đậy, vẫn còn ở Đài Bắc. Vì ta lên xe ở Đài Bắc, tàu hỏa đang chạy, nhưng địa cầu này đang quay, đang động, quay một hồi vẫn quay về chỗ cũ, nên chẳng hề động đậy, hết thảy đều chẳng động. Ta nhìn trên mặt đất thấy tàu chạy tới Cao Hùng; kỳ thực địa cầu quay rất nhanh, vẫn ở vị trí Đài Bắc ấy, ngươi đời đời chẳng hề động đậy. Lấy đạo lý khoa học, ta đại khái có thể hiểu; nhưng ông nêu lên "vị thành hồ tâm nhi hữu thị phi, thị kim nhật thích Việt nhi tích chí dã", lại sinh ra một vấn đề: trong đời người, cái gì là chân lý? Cái gì là "thị"? Cái gì là "phi"? Cái gì đúng? Cái gì không đúng? Đúng với không đúng, đều là sự **"sư tâm tự dụng"** (師心自用 - lấy lòng mình làm thầy mà tự dùng) của con người. Nghĩa là một người có thành kiến, có quan niệm chủ quan, tự cho như thế là đúng thì bảo là đúng, đều gọi là sư tâm tự dụng. Có nhiều học trò viết báo cáo, viết nhật ký gửi ta, viết thành "tư tâm tự dụng", viết sai rồi, phải là chữ **"sư"** (師) này.

Nhưng trong trời đất có hay không sự tồn tại của phải trái? Đây lại là một quan niệm lô-gic. Cũng có thể nói là có phải trái. Phải trái ấy giống cái gì? Giống như hôm nay ngươi bắt đầu động, lúc đi Mỹ, kỳ thực chẳng phải hôm nay mới động, mà từ trước đã tới rồi. Nghĩa là hết thảy phải trái đều do quan niệm không gian thời gian mà sinh ra. Đây là

phải trái của hình nhi hạ, là không gian thời gian cộng thêm tình cảm và tư tưởng của con người mà sinh ra quan niệm phải trái. Còn chân lý chân thật của hình nhi thượng, phải trái ấy, chính là muôn tượng đều đang động mà nó từ đầu đến cuối chẳng hề động đậy. Có hay không sự tồn tại của phải trái? Có phải trái. Phải trái ấy là đã xóa sạch phải trái rồi mới gọi là phải trái, là cái phải trái nhìn vào như chẳng có phải trái. Đây đã là quan điểm cao nhất của triết học rồi. Vì thế bên dưới ông nói tiếp:

Phải trái chân thật

"Thị dĩ vô hữu vi hữu, vô hữu vi hữu, tuy hữu thần Vũ, thả bất năng tri, ngô độc thả nại hà tai!" Ngươi đã hiểu đạo lý này rồi: cái phải trái cao nhất ấy chẳng phải do sư tâm tự dụng mà có; nó là chân lý dựng lên sau khi đã quét sạch hết thảy phải trái hình nhi hạ. Trong chân lý ấy, tự nhiên vẫn có phải trái của nó; đó chính là thuyết then chốt "nhân quả bất diệt". Còn cái phải trái thông thường tồn tại, chỉ là phải trái hình nhi hạ, chẳng phải phải trái chân thật; phải trái hình nhi hạ chẳng đáng tin, đều do sư tâm tự dụng. Còn chân lý tuyệt đối hình nhi thượng, ngoài việc quét sạch phải trái hình nhi hạ, lại có một thứ phải trái riêng; gọi là phải trái thiện ác cũng được, không gọi là phải trái thiện ác cũng được. Vì vậy ông nói "thị dĩ", tức là vì thế, "vô hữu vi hữu": trên bản thể hình nhi thượng ấy, về phía chân lý chẳng còn gì cả, tuyệt nhiên chẳng nắm được, chính là chốn vô hà hữu chi hương của thiên *Tiêu Dao Du*, cũng chính là điều Nam Quách Tử Kỳ nói ở đầu thiên *Tề Vật Luận*: "vong ngã"; lúc ấy, cái vô hữu vốn là không. Nhưng thật sự là không ư? Muôn hữu trong vũ trụ từ đâu mà đến? Sinh ra từ chân không, từ trong chân không mà đến, cái vô hữu biến thành hữu, là từ không mà sinh có. Vũ trụ này đến như vậy, sinh mệnh cũng đến như vậy. Nhưng đó chẳng phải cái "vô hữu" trong tư tưởng duy vật; cái "vô hữu" ấy là đoạn kiến. "Vô hữu vi hữu, tuy hữu thần Vũ, thả bất năng tri": trong chân không làm sao lại sinh ra diệu hữu? Ta bảo ngươi: dù là vua Đại Vũ trí tuệ cao nhất đi nữa, ông ấy cũng chẳng thể hiểu nổi.

Cớ sao chỗ này lại có "thần Vũ"? Trong lịch sử văn hóa Trung Hoa, vua Đại Vũ là một nhà khoa học lớn; khoa học của ông là thần hóa, khoa học của thần nhân. Điều ấy phải nghiên cứu lịch sử thần thoại thượng cổ mới rõ. Đại Vũ trị được nạn hồng thủy; sử sách chỉ ghi là chín năm thì xong. Ta từng nhắc đến tư liệu Đạo gia thượng cổ còn giữ lại: cho rằng Đại Vũ có thần thông, có đủ loại pháp thuật, nên văn hóa Trung Hoa thượng cổ gọi ông là thần Vũ. Ông có thần thông vô song, trí tuệ cao vượt xa người thường. Nhưng Trang Tử nêu ra: dù có trí tuệ và thần thông như Đại Vũ, ông cũng chẳng hiểu nổi chân không biến thành diệu hữu, "ngô độc thả nại hà tai!" Vậy thì bảo chúng ta người thường lấy gì mà hiểu nổi!

Đoạn này dẫn ra điều gì? Giờ vẫn còn là sóng văn, là quá trình trong văn Trang Tử; phía sau còn một chủ đề đang đặt đó, mục tiêu vẫn ở phía trước, chẳng hề rối loạn. Ngang với việc trong một chủ đề, ví dụ dài rồi ví dụ ngắn, từ trên trời ví xuống dưới đất, cứ xoay vòng ở đó, nhưng chẳng xoay loạn. Chính chúng ta mới tự xoay loạn; nhìn văn ông, tưởng như chẳng có lô-gic, kỳ thực lô-gic rất chặt. Ông đang nói về trí tuệ nhân gian: vì hiểu đạo bản thể hình nhi thượng chẳng thấu đáo, nên trên đời mới sinh ra học thuyết các nhà, biện luận phải trái. Giờ tiếp theo biện luận học lý hình nhi thượng, cùng phải trái các nhà do đó mà sinh ra.

Ngôn ngữ là gì

Phù ngôn phi xuy dã,
Lời nói chẳng phải tiếng thổi,

ngôn giả hữu ngôn,
kẻ nói thì có lời,

kỳ sở ngôn giả đặc vị định dã.

nhưng điều họ nói ra đặc biệt chưa định.

Quả hữu ngôn da?

Quả thật có lời ư?

Kỳ vị thường hữu ngôn da?

Hay chưa từng có lời ư?

Kỳ dĩ vi dị ư khẩu âm,

Họ cho rằng khác tiếng chim non trong trứng,

diệc hữu biện hồ, kỳ vô biện hồ?

cũng còn phân biệt được chăng, hay chẳng phân biệt được chăng?

Đạo ô hồ ẩn nhi hữu chân ngụy!

Đạo ẩn ở đâu mà thành có chân có ngụy!

Ngôn ô hồ ẩn nhi hữu thị phi!

Lời ẩn ở đâu mà thành có phải có trái!

Đạo ô hồ vãng nhi bất tồn!

Đạo đi đâu mà chẳng còn tồn tại!

Ngôn ô hồ tồn nhi bất khả!

Lời còn ở đâu mà chẳng thể chấp nhận!

Đạo ẩn ư tiểu thành,

Đạo ẩn trong thành tựu nhỏ,

ngôn ẩn ư vinh hoa.

lời ẩn trong vẻ hoa mỹ.

"Phù ngôn phi xuy dã, ngôn giả hữu ngôn", để ý nhé! Cớ sao nói "ngôn phi xuy"? Nếu dịch thành "chúng ta nói chuyện chẳng phải là xuy ngưu (thổi trâu, tức nói khoác)", thì sai rồi. Danh từ của Trang Tử, "xuy vạn bất đồng", có đủ loại thanh âm thổi ra; kỳ thực ngay từ đầu Trang Tử đã đang mắng người, mắng học thuyết các nhà từ thời Xuân Thu Chiến Quốc, trăm nhà đua tiếng, đều chỉ hiểu được một điểm đạo lý; hiểu lớn thì thổi lớn, hiểu nhỏ thì thổi nhỏ, ai cũng đang thổi, đều là xuy vạn bất đồng. Cũng như ta đây, đang ngồi thổi; quý vị nghe xong, trong lòng cũng đang thổi. Chỉ khác là ta thổi ra ngoài, còn mọi người thì thổi nhỏ dần trong lòng, tự mình nghe thấy. Nhưng lời nói chẳng phải thổi, chẳng giống gió lớn thổi vào hang mà phát ra thanh âm; lời nói chẳng phải thanh âm. "Ngôn giả hữu ngôn": câu này dịch thế nào? Đem sách cổ dịch ra lời thường, ý là bảo ngươi: bản thân lời nói chẳng giống vật lý chỉ phát ra thanh âm, vì phía sau lời nói còn có ngữ nghĩa. Vì vậy trên đời nay có một môn học mới gọi là ngữ nghĩa học. Bản thân lời nói, mỗi thanh âm, đều chứa ý bên trong. Nên nói ngôn giả hữu ngôn, phi xuy dã: chẳng phải tiếng gió lớn thổi, kêu loạn lên.

"Kỳ sở ngôn giả đặc vị định dã": mỗi lời mỗi người phát ra, tuyệt đối có một tính xác định; nhưng mỗi câu nói ra, quả có một chân lý lô-gic chẳng đổi được chăng? Ông bảo: chẳng nhất định. Nên người ta suốt ngày no bụng rồi chẳng việc gì làm, chuyện biện luận liền nhiều lên. Ngươi xem lúc người ta bàn phải trái, mỗi nhà một lý, ông nói ông có lý, bà nói bà có lý, nhưng đều chẳng có đạo lý xác định. Giờ ông nêu lên luận điểm triết học của ngữ nghĩa học.

"Quả hữu ngôn da? Kỳ vị thường hữu ngôn da?" Ông lại lật đổ chỗ vừa nói lời nói chẳng phải thôi! Vì mỗi câu nói ra đều có tính chân thực của ngữ nghĩa tồn tại. Rồi lại nói, "quả hữu ngôn da?": thế nào? Thật ư? Mỗi câu đều có tính chân thực của ngữ nghĩa tồn tại chăng? Chẳng nhất định! "Kỳ vị thường hữu ngôn da?": vì tính chân thực mà mỗi câu đại diện, nói rồi thì thôi, đều chẳng đáng tin. Vì bản thân lời nói là thứ trống rỗng, nói xong thì chẳng còn; trong đó có đạo lý.

"Kỳ dĩ vi dị ư khấu âm": còn chúng ta, nhất là các học giả chuyên lô-gic, tự cho rằng lý luận mình nói ra là chân lý, là chân lý tuyệt đối. Trang Tử bảo: nghe thì như chân lý, nhưng với tiếng chim kêu trong vỏ trứng cũng chẳng khác gì.

"Diệc hữu biện hồ, kỳ vô biện hồ?": đạo lý này, ông hỏi ngươi có hiểu không? Ngươi hãy biện luận thêm lần nữa, dùng lô-gic suy luận thêm lần nữa, còn sinh ra được một lô-gic nữa chăng? Hay tính chân thực tồn tại của lời nói này, đến đây là hết, hay đó đã là chân lý cao nhất? Ông chêm vào đoạn ấy. Nên nghiên cứu Trang Tử, chẳng thể chỉ dựa chú giải các nhà; ít ra tài của ta chẳng đủ, học vấn chẳng đủ. Ta cho rằng chỉ đem Phật học đời sau ra giải thích thì dễ hiểu hơn, nhưng phải thật sự hiểu Phật học mới được.

"Phù ngôn phi xuy dã, ngôn giả hữu ngôn, kỳ sở ngôn giả đặc vị định dã." Ngang với điều Phật học gọi là **"toàn đà la ni"** (旋陀羅尼 - pháp môn tổng trì). Thanh âm lời nói là một pháp môn tổng trì. Danh từ Phật học gọi là toàn đà la ni; hết thảy chú ngữ đều gọi là toàn đà la ni, nên chú ngữ chẳng thể giải thích. Ví như niệm om a om a om a, cứ niệm đi; sa ha thì ha thế nào cũng được. Toàn đà la ni là đạo lý gì? Ngang với người Trung Hoa gặp nhau, "này!", ngươi liền cười; chữ "này" ấy ta chẳng nhất định đang gọi ngươi! Nhưng một tiếng "này", ngươi đã hiểu, đó chính là toàn đà la ni. Thanh âm phát ra chẳng có nghĩa, nhưng ai cũng hiểu. Ví như với loài vật ta có một thanh âm, vừa phát ra nó đã hiểu, cũng là toàn đà la ni. Thanh âm có tác dụng của nó, nên ngôn phi xuy dã. Nhưng thanh âm ấy có phải là cứu cánh chăng? Ngang với kẻ học mật tông thông thường, đem việc niệm một câu chú coi như chuyện lớn lao, tưởng câu chú ấy chính là Phật pháp, là mật không truyền. Nhưng Phật trên nhân minh đã bảo ngươi: thanh thị vô thường (tiếng là vô thường). Ôi! Xong rồi, câu chú ấy lại bị lật đổ hết, toàn đà la ni cũng xoay ra hết. Trang Tử cũng nhắc đến thanh thị vô thường.

"Quả hữu ngôn da? Kỳ vị thường hữu ngôn da? Kỳ dĩ vi dị ư khấu âm, diệc hữu biện hồ, kỳ vô biện hồ?" Hiểu được Trang Tử, liền hiểu thanh thị vô thường; phía trước hiểu toàn đà la ni, cuối cùng lại lật đổ: thanh thị vô thường, mọi thanh âm nói xong thì qua, chẳng còn tồn tại. Vậy ông nói đoạn này ý gì? Là bảo: văn tự ngôn ngữ chỉ là cái chỉ đường cho ngươi hiểu đạo hình nhi thượng; ngươi chẳng được chấp trước văn tự ngôn ngữ; nếu chấp trước văn tự ngôn ngữ, ngươi hỏng rồi. Nên bên dưới ông nói:

Đạo và ngôn ngữ

"Đạo ô hồ ẩn nhi hữu chân ngụy, ngôn ô hồ ẩn nhi hữu thị phi!" Trước hết nêu hai nguyên tắc ấy; tiền đề là đạo chẳng chỗ nào không có; **"ô hồ"** (惡乎 - nơi nào) trong câu "ô hồ ẩn": chẳng chỗ nào bị che khuất; kỳ thực đạo phổ biến tồn tại, lẽ ra ai cũng hiểu, chân lý mãi mãi chẳng đổi, ngươi nắm được cũng là chân lý, ta nắm được cũng là chân lý. "Đạo ô hồ ẩn": vì nó là công đạo thiên hạ, chẳng có bí mật. Cớ sao người đời lại bảo: cái của ta là chính đạo, cái của người khác là tà đạo; cái này là chân đạo, cái kia là ngoại đạo, lệch đạo; cớ sao lại có phải trái ấy sinh ra? "Ngôn ô hồ ẩn nhi hữu thị phi!": ông lại bảo, lời nói ra vốn để cho ngươi hiểu, nhưng loài người thật đáng thương: bất luận chữ Trung, chữ Nhật, chữ Anh, ngôn ngữ chữ viết nào cũng chẳng cách nào diễn hết tư tưởng loài người, nên giữa người với người đời đời có hiểu lầm. Nếu ta bảo ngươi đẹp thật, ngươi hiểu nhầm liền giận, nghĩ thằng này đang chế nhạo ta; có lúc rất thân thiết cố ý mắng một câu, thằng này thật đáng ghét, mà nó không hiểu, giận đến muốn giết người. Nên

lời nói chẳng cách nào diễn trọn tư tưởng và tình cảm loài người. Bản thân lời nói lẽ ra chẳng giữ lại gì, khiến người hiểu; nhưng người vì nghe lời nói, ngược lại chẳng hiểu, biến thành có phải có trái.

Trên đời đã có một đạo, thế là các nhà đều bàn đạo; bên dưới ông mắng: Khổng Tử có đạo của Khổng Tử, Mặc Tử có đạo của Mặc Tử, kẻ làm cường đạo cũng bảo có đạo, ai cũng bảo có đạo, mỗi nhà mỗi đạo, đạo nào là chân đạo? Ông bảo: "Đạo ô hồ vãng nhi bất tồn! Ngôn ô hồ tồn nhi bất khả!" Hai câu này đặc biệt để ý. Ô hồ (恶乎) tức là "nơi nào"; "ô hồ vãng": đạo đi đâu? Đi đâu tìm một đạo, đạo cũng chẳng đi chỗ khác! "Ô hồ vãng nhi bất tồn!": nó vốn đã ở đây rồi! Ta đọc văn Trang Tử, thấy câu chữ rất đẹp, nhưng khó hiểu, vì văn ông có lô-gic của ông, có vẻ đẹp văn chương của ông. Vậy hiểu câu ấy thế nào? Ngươi đọc *Kim Cang kinh*: **"như lai giả, vô sở tòng lai, diệc vô sở khứ, thị danh như lai"** (như lai chẳng từ đâu đến, cũng chẳng đi đâu, nên gọi là như lai), liền hiểu. "Đạo ô hồ vãng nhi bất tồn", ý tức là chẳng từ đâu đến, cũng chẳng đi đâu, đời đời ở đây, nên gọi là như lai. Nếu muốn hiểu ba câu ấy của *Kim Cang kinh*, lấy đúng một câu của Trang Tử mà giải, cũng hiểu rồi! Đạo ô hồ vãng nhi bất tồn, phải không!

"Ngôn ô hồ tồn nhi bất khả": lời nói tồn tại ở đâu? Vừa rồi đã nói, Phật trên nhân minh bảo: thanh thị vô thường, lời nói xong thì chẳng còn, liền không. Nên kinh Phật nói như cốc hưởng (như tiếng vọng trong hang). "Ô hồ tồn": lời ấy nói xong đã qua rồi. Tâm quá khứ chẳng nắm được, tâm hiện tại chẳng nắm được, tâm vị lai chẳng nắm được, hà tất nhất định bảo lời ngươi sai, chỉ lời ta mới là chân lý! Ngu quá. Nhưng phải trái và chân lý trên đời, nhất là với cái đạo này, ai chẳng thích tranh chân giả! Trang Tử có hai câu, đạo lý nói rõ nhất: "đạo ẩn ư tiểu thành, ngôn ẩn ư vinh hoa".

Đạo bị che khuất

Đạo vốn là công đạo thiên hạ, chẳng chỗ nào không có, tồn tại khắp nơi, chẳng cổ kim, chẳng trong ngoài, chẳng đến đi, chẳng sinh diệt, chẳng nhơ chẳng sạch, chẳng thêm chẳng bớt. Nhưng đạo đã tồn tại như vậy, cớ sao ta chẳng ngộ đạo được? Vì **"tiểu thành"** (小成 - thành tựu nhỏ) che khuất đạo. Người thường trí tuệ nhỏ, độ lượng cũng nhỏ, nghĩ thầm: đạo ấy ắt phải ngồi thiền lên, đỉnh đầu như bóng đèn điện phóng quang, hoặc thân sẽ lắc lư, không thì nhảy dựng, không thì có thiên nhãn thông; những thứ ấy đều là trò nhỏ của tiểu thành; trò nhỏ đến rồi, đại đạo ngược lại bị che. Đạo ẩn trong tiểu thành, nên ngươi đời đời chẳng hiểu nổi đại đạo. **"Vinh hoa"** (荣华 - vẻ hoa mỹ của lời): văn tự ngôn ngữ vốn đại diện chân lý; kết quả thì sao? Mọi người bị vẻ đẹp của văn tự ngôn ngữ che khuất, chân lý phía sau văn tự ngôn ngữ ngược lại tìm chẳng ra. Lời *Kim Cang kinh*: **"nhất thiết hữu vi pháp, như mộng huyễn bào ảnh, như lộ diệc như điện, ứng tác như thị quán"** (hết thảy pháp hữu vi, như mộng ảo bọt bóng, như sương cũng như chớp, nên quán như vậy). Ai cũng thuộc lòng, hiểu chưa? Không hiểu, để bốn câu kệ ấy che mất, bị văn tự ngôn ngữ hoa mỹ che khuất. Nên nói "ngôn ẩn ư vinh hoa". Vì vậy Trang Tử mắng người rằng:

Cố hữu Nho Mặc chi thị phi,
Vì thế mới có phải trái giữa Nho và Mặc,

dĩ thị kỳ sở phi nhi phi kỳ sở thị.
lấy cái phải chủ quan của mình mà xem hết thảy của người đều là trái, rồi phủ nhận hết thảy cái phải của người.

Dục thị kỳ sở phi nhi phi kỳ sở thị,
Muốn khẳng định cái mà người kia cho là trái, phủ nhận cái mà người kia cho là phải,

tắc mạc nhược dĩ minh.
thì chẳng gì bằng dùng cái sáng suốt.

Vật vô phi bỉ,

Vật chẳng gì không phải cái kia,

vật vô phi thị.

vật chẳng gì không phải cái này.

Tự bỉ tắc bất kiến,

Từ phía kia thì chẳng thấy,

tự tri tắc tri chi.

tự biết thì biết được.

Cố viết bỉ xuất ư thị,

Nên nói cái kia sinh từ cái này,

thị diệc nhân bỉ.

cái này cũng nhân cái kia.

Bỉ thị phương sinh chi thuyết dã,

Đó là thuyết cái kia và cái này vừa mới cùng sinh.

Tuy nhiên, phương sinh phương tử,

Dù vậy, vừa sinh vừa chết,

phương tử phương sinh;

vừa chết vừa sinh;

phương khả phương bất khả,

vừa được vừa chẳng được,

phương bất khả phương khả;

vừa chẳng được vừa được;

nhân thị nhân phi,

nhân phải mà có trái,

nhân phi nhân thị.

nhân trái mà có phải.

"Cố hữu Nho Mặc chi thị phi": vì vậy, loạn cả lên, trên đời có bao nhiêu học thuật bàn cái đạo này; Nho gia có đạo của Khổng Tử, Mặc gia có đạo của Mặc Tử, chư tử bách gia mỗi nhà mỗi đạo, tranh đi tranh lại. "Dĩ thị kỳ sở phi": lấy cái phải chủ quan của mình, nhìn hết thảy của ngươi đều là trái. "Nhi phi kỳ sở thị": phủ nhận hết thảy cái không phải của ngươi, dựng lên cái đúng chủ quan của mình. Phê phán hết thảy của các người xong, chỉ còn cái của ta mới đúng. "Dục thị kỳ sở phi nhi phi kỳ sở thị, tắc mạc nhược dĩ minh": ông bảo nếu ngươi thật muốn làm rõ, rốt cuộc cái nào đúng, cái nào không đúng, cái nào thật là đạo, cái nào chẳng phải đạo, tốt nhất ngươi hãy làm sáng đạo trước đã, minh tâm kiến tính, khai ngộ rồi, lúc ấy ngươi mới thật sự hiểu đạo là gì.

Toàn hệ thống thiên *Tề Vật Luận* dựa theo thiên thứ nhất *Tiêu Dao Du* mà đến, rồi bàn hiện tượng muôn hữu trong vũ trụ không đều nhau; trong cái không đều ấy, có hay không một cái tuyệt đối, muôn vật quy về một, bình đẳng gọi là

tề vật? Trang Tử trước hết nêu một quan niệm: tuy chẳng nói rõ, nhưng bảo nếu ai muốn cầu chứng, trước hết phải đạt cảnh giới vong ngã. Rồi nêu: muôn vật sở dĩ đời đời không đều nhau, vì đó là hiện tượng và tác dụng mà đạo trình hiện, thuộc hình nhi hạ. Về điểm ấy, ông lấy khí và gió của thế giới vật lý làm ví dụ: gió là một hiện tượng của khí, khí vừa thổi thì thành gió, nhưng tiếp xúc các lỗ trống khác nhau thì thanh âm phát ra khác nhau. Cùng dưới một tác dụng của gió, tiếng gió phát ra có trăm nghìn vạn ức biến hóa khác nhau. Điều ấy nói rõ trạng thái tâm lý, quan niệm tư tưởng của chúng ta cũng cùng một đạo lý. Trong đó còn một đạo lý nữa: **"nộ giả kỳ thùy"** (kẻ nổi giận đó là ai)? **"Hàm kỳ tự thủ"** (thảy đều tự mình lấy cả), hết thảy đều do mỗi người tự quấy rối. Ngang với kinh *Lăng Nghiêm* trong Phật học: **"tùy chúng sinh tâm, ứng sở tri lượng, tuần nghiệp phát hiện"** (theo tâm chúng sinh, cảm ứng theo lượng chỗ biết, thuận nghiệp mà hiện ra). Tiếp theo ông nói: mỗi người vì quan điểm tự ngã khác nhau, nên hiểu khác nhau, lời bàn khác nhau. Nên thời Xuân Thu Chiến Quốc, học thuyết các nhà, trăm nhà đua tiếng, bàn từ hình nhi hạ đến đạo thể hình nhi thượng, có đủ loại phải trái đúng sai. Mặc gia và Nho gia, hai nhà lớn lúc ấy tranh rất dữ, nên mới có phải trái của họ; ai cũng đứng trên quan điểm mình, nhìn người khác đều sai. Muốn gạt bỏ hết thảy phải trái, Trang Tử bảo chỉ có một cách: thật sự minh đạo, mới gạt bỏ được muôn cái không đều, mà quy về đạo thể tề nhất.

"Vật vô phi bỉ, vật vô phi thị." Câu thứ nhất, "vật vô phi bỉ": nếu cứ theo chữ mà dịch, "vật" là cái này, cái này chẳng có thứ nào không phải nó. Ngươi bảo ông nói gì vậy? Câu thứ hai: "vật vô phi thị", cùng một vật ấy, chẳng có thứ nào không phải. Nếu hai câu dịch vậy, ta lấy bốn chữ cổ văn mà phê: bất tri sở vân, chẳng biết ông nói gì. Kỳ thực Trang Tử là văn học nước Sở phương Nam; trên kỹ xảo viết cổ văn, trình độ văn nghệ của ông rất cao. Các bạn trẻ phải để ý! Cao ở chỗ nào? Một thứ khoa học tự nhiên, hoặc một thứ thuần lý luận, thuần lô-gic, muốn biến thành văn chương hóa thì rất khó. Ví như sách giáo khoa trong trường nay, giả sử vật lý, hóa học, điện cơ máy móc, muốn văn chương hóa, làm sao biến? Trừ khi đầu óc người ấy nghiêng về khoa học, về cơ khí, thì mặt ấy dễ gần. Nếu đứa trẻ tính thích văn chương, với toán số một loại thì chẳng cách nào gần được; đó chính là danh từ mới trong học vấn ngày nay, phải nghiên cứu **"tính hướng"** (性向 - khuynh hướng tính cách) của trẻ; tức xu hướng của tính. Kỳ thực khoa học, kỹ thuật hiện đại muốn biến thành văn chương hóa, chẳng phải rất khó. Trước đây ta cũng từng thử: có vài vị bạn học, tốt nghiệp đại học ra trung học dạy, ta cũng yêu cầu họ làm vậy, kết quả họ làm rất thành công: dùng cảnh giới văn chương, giảng một bài thơ, hoặc một bài từ, rồi bước vào một công thức hóa học. Nhưng họ cũng khổ sở, bảo việc này rất khó; song trên giáo dục, họ thật sự thành công, khiến gần tám chín phần mười học trò đều có hứng thú cao, hiểu khoa học sâu hơn. Nên điều ấy chẳng phải làm không được.

Phải trái đúng sai

Giờ văn Trang Tử đang bàn một vấn đề thuần lô-gic. **"Vật vô phi bỉ"** (vật chẳng gì không phải cái kia): nghĩa là mỗi chất liệu, mỗi thứ, đều có đặc tính tồn tại riêng của nó; nước chính là nước, nước chẳng phải lửa; lửa chính là lửa, lửa chẳng phải gió. Nói cách khác, ta nhìn muôn vật, nhận cái này là đèn, cái kia là bảng đen: đúng như Duy thức pháp tướng học trong Phật học nói, đó là quan niệm trong tâm ta; hết thảy đều y tha khởi. Vì có một hiện tượng ở ngoại cảnh, trong tâm ta liền sinh ra một thứ, có một quan niệm. Nên câu thứ hai: **"vật vô phi thị"** (vật chẳng gì không phải cái này): chẳng có thứ nào không thuộc về ta. Thuộc về ta cái gì? Tâm; hết thảy đều duy tâm. Đây là đạo lý tâm vật nhất nguyên ở chỗ cao nhất bên hình nhi thượng. Nhưng bên hình nhi hạ thì sao? Vật vẫn là vật, vật chất vẫn là vật chất, tâm linh vẫn là tâm linh, hai bên tách rời. Nhưng quy về gốc tận cùng thì vẫn là một. Nên nói "vật vô phi bỉ": mỗi thứ đều có một hiện tượng tồn tại riêng của nó, chẳng phải tự tính của chính nó. Mỗi thứ đều vô tự tính, chỉ là góp lại mà thành. Câu thứ hai, "vật vô phi thị", là gì? Hết thảy đều là quan niệm của chính ta, do tâm sinh ra, chẳng phải duy vật.

"Tự bỉ tắc bất kiến, tự tri tắc tri chi" (từ phía kia thì chẳng thấy, tự biết thì biết được). Người ta chịu ảnh hưởng của ngoại vật, theo môi trường ngoại vật mà xoay, chỉ trên mặt vật lý mà đuổi theo đạo thể hình nhi thượng: đời đời chẳng tìm ra. Nghiên cứu đạo thể hình nhi thượng ấy, tức tu đạo, hoặc cầu chứng, chẳng giống khoa học tự nhiên cầu chứng ở ngoại vật, mà phải quay lại, hướng vào trong mà đuổi theo chính mình. Ta muốn biết đạo ấy là gì, phải quay lại tự biết, mới tìm ra được. Nên nói "tự bỉ tắc bất kiến, tự tri tắc tri chi": từ bên ngoài chẳng tìm được, phải từ nội tâm mình mà tìm mới biết.

"Cố viết bỉ xuất ư thị, thị diệc nhân bỉ" (nên nói cái kia sinh từ cái này, cái này cũng nhân cái kia). Nó: vì quan niệm chủ quan của chính ta đã nhận định, sự việc ấy liền được định ra. Ví như đồng hồ đeo tay: vì loài người phát minh, rồi dịch từ ngoại văn sang chữ Hán, mới gọi là **"thủ biểu"** (手表 - đồng hồ đeo tay); giả sử lúc đầu đem thứ ấy gọi là thùng nước, thì đồng hồ đeo tay của ta nay đã gọi là thùng nước rồi. "Bỉ xuất ư thị": những thứ ấy do tri thức loài người tự nhận định. Nhưng nhận định chủ quan của ta từ đâu tới? Y tha khởi, "thị diệc nhân bỉ": nên ta chủ quan nhận định cái này chính là như vậy, thì nó thành như vậy; đó chính là y tha khởi, nương môi trường vật chất bên ngoài mà dấy lên.

Những đạo lý ấy nghe ra khá giản dị, nhưng cớ sao thế giới hôm nay còn chiến tranh: chính là tư tưởng duy vật với tư tưởng duy tâm đang đánh nhau. Tư tưởng duy tâm dường như bị tư tưởng duy vật đánh gục; về phía triết học duy tâm mới, thời đại này nộp giấy trắng, gần như đứng chẳng vững. Nhưng quay lại tìm văn hóa của chính mình, trong Trang Tử đã nói rất rõ tâm vật nhất nguyên; đạo lý biện luận của ông cho rằng hết thảy đều do chủ quan cá nhân, do ý thức hệ tạo thành. Người theo tư tưởng duy vật thích dùng một danh từ, "ý thức hệ", để bác bỏ người khác. Nhưng tư tưởng của ngươi, quan niệm của ngươi, phải trái của ngươi: Trang Tử bảo, đều do ý thức hệ của ngươi tạo thành. Người khác thường bị họ nói át đi. Kỳ thực, họ bảo cái của người khác là ý thức hệ, thì chính họ cũng là một ý thức hệ; cũng chính từ "bỉ xuất ư thị, thị diệc nhân bỉ" mà đến. Giờ Trang Tử lại phê bình tiếp.

Sinh tử tử sinh

"Bỉ thị phương sinh chi thuyết dã, tuy nhiên, phương sinh phương tử, phương tử phương sinh; phương khả phương bất khả, phương bất khả phương khả; nhân thị nhân phi, nhân phi nhân thị." Đoạn này hoàn toàn là biện luận lô-gic. Cớ sao Trang Tử viết đoạn văn ấy? Thời Chiến Quốc, trong văn hóa Trung Hoa có học danh lý, tức cái mà ngày nay dịch từ phương Tây thành lô-gic, biện luận. Lô-gic phát sinh thế nào? Ta phải hiểu một cách giản lược. Văn hóa ban đầu của nhân loại đều đến từ tôn giáo; nghệ thuật cũng vậy, các mặt khác cũng vậy. Vì người ta sinh ra đều là nhà triết học: ai cũng từng nghi ngờ mình sinh ra thế nào. Người đầu tiên giữa trời đất từ đâu tới? Sinh mệnh ta trước khi chưa sinh lại như thế nào? Chết rồi ta đi đâu? Những câu hỏi ấy, bất kỳ ai cũng từng nghĩ. Chẳng chỉ chúng ta vậy; hết thảy chúng sinh, theo ta nghĩ, cùng một quan niệm ấy, ngay cả loài vật cũng có thể từng mơ hồ, từng nghĩ tới; điểm này ta chẳng dám kết luận, vì ta chẳng phải loài vật, thì biết sao loài vật có tư tưởng hay không? Đó chính là vấn đề biện luận.

Nên hết thảy học vấn trên đời đều đến từ tôn giáo, về sau diễn thành triết học. Vì tôn giáo có những vấn đề vốn mang tính uy quyền trực tiếp: chỉ cần tin là được. Nhưng trí tuệ loài người chẳng chịu thỏa mãn; bảo ta tin thì được, nhưng phải nói lý do đã, ít ra hãy mở cửa cho ta nhìn. Song tôn giáo loài người từ xưa vẫn đóng đại môn: đến đây dừng bước, đừng hỏi thêm. Nhà triết học chẳng chịu, bèn đục một lỗ ngoài cửa mà nhìn: rốt cuộc nguồn gốc sinh mệnh bên trong ra sao? Nên về sau triết học mới sinh ra bản thể luận, tức nguồn gốc sinh mệnh vũ trụ. Học thuyết ấy vài nghìn năm trước, ở Hy Lạp, Ai Cập, Ấn Độ, cùng lúc tồn tại; đại thể chia hai phái: một phái thuyết duy vật, vài nghìn năm tranh với phái duy tâm kia. Lý luận duy vật cho rằng vũ trụ lúc đầu chỉ một nguyên tố, là nước; có người cho vũ

trụ bắt đầu từ gió; có người cho là địa, thủy, hỏa, phong. Thượng cổ ta cũng có thuyết: kim, mộc, thủy, hỏa, thổ năm hành. Lòng vòng mãi, thứ triết học ấy liền kết luận duy vật về đạo hình nhi thượng.

Về sau tri thức người ta càng mở rộng, nhà triết học cho rằng chưa đủ: ngươi làm sao dám nhận định vậy? Vũ trụ rốt cuộc làm bằng gì? Dù vũ trụ do Thượng đế tạo hay chẳng phải Thượng đế tạo, ngươi biết sao? Vì ngươi có trí tuệ, điều ấy đến từ tư tưởng của ngươi; nhưng trước hết hãy hỏi: tư tưởng ta có đáng tin không? Bản thân tư tưởng là thứ gì? Ta phải biện luận trước đã. Vậy nên luận lý học mới sinh ra. Về chính trí tuệ ấy, lại sinh ra cái gọi là tri thức luận. Nhưng bản thân tri thức có đáng tin không? Nếu chẳng đáng tin, thì việc ngươi dùng tri thức mà nhận định có thể đã sai. Nếu công cụ của ngươi đến từ tư tưởng, thì tư tưởng ấy phải đem nghiên cứu kỹ, biện luận cho rõ; nên từ tri thức luận dần diễn thành phương pháp lô-gic.

Ở Ấn Độ, lô-gic cổ gọi là **"Nhân minh"** (因明 - luận lý học Phật giáo Ấn Độ); trong Phật học có; nên học Phật, trước hết phải học Nhân minh. Đại thừa Bồ-tát đạo nếu chẳng hiểu Nhân minh thì chẳng học được Bồ-tát đạo. Vì vậy học vấn trên đời lại có hai phái: một phái cho rằng Nhân minh trong Phật học Ấn Độ chịu ảnh hưởng lô-gic Hy Lạp rồi mới sinh ra; phái kia nói ngược lại, cho rằng nhà triết học lô-gic Hy Lạp chịu ảnh hưởng Nhân minh Ấn Độ rồi mới sinh ra. Trong đó lại là lô-gic nữa, đời đời biện luận, khảo chứng, đến nay cũng chẳng làm rõ được.

Thời Chiến Quốc, triết học phương Tây phát triển sinh ra hai phái: một phái tri thức luận, học vấn đến nơi là được; một phái cho rằng chỉ dựa lý tưởng của tri thức, không thực chứng cầu chứng thì chẳng đáng tin, phải thực chứng mới được. Phái thực chứng ấy gọi là kinh nghiệm luận. Ta đã hiểu phương Tây, quay lại nhìn đoạn này trong văn hóa Trang Tử của mình: biện luận cũng như phương Tây; chỉ khác văn hóa Trung Hoa thích giản hóa, đơn giản mà thôi.

Trang Tử nêu lên một câu: **"bỉ thị phương sinh chi thuyết dã"** (đó là thuyết cái kia và cái này vừa mới cùng sinh). Bỉ (彼) ở trên ta đã nói, đại diện hết thảy muôn vật ngoại cảnh; thị (是) là cái ta nhận định, chủ quan. Dù là nhận định chủ quan của ta, hay vì ngoại vật, y tha khởi mà sinh ra tư tưởng của ta, đều thuộc **"phương sinh"** (方生 - vừa mới sinh khởi) chi thuyết. Đây là một danh từ Trang Tử nêu ra; theo mặt chữ thì là vừa mới sinh khởi. Cái gọi là phải trái, tâm vật, đều chẳng phải do quan hệ ngoại vật; lấy quan niệm Thiền tông mà nói, chính là một niệm sở sinh; quan niệm vừa sinh ra chính là thuyết phương sinh. Nhưng ngay bên dưới ông liền lật đổ chính mình: "tuy nhiên" dù vậy, nhưng "phương sinh phương tử, phương tử phương sinh": một thứ vừa mới sinh ra thì đã chẳng còn, đã chết rồi.

Nên người thường nói tu đạo, nhất là Thiền tông nói liễu sinh thoát tử (dứt sinh thoát tử, chẳng còn vòng sinh tử), nay nhìn lời Trang Tử thì rất dễ thấu. Trang Tử cho rằng: ngày đầu ta vừa mới sinh ra, chẳng gọi là tồn tại, vì ngày đầu đã qua thì sinh mệnh ngày đầu đã hết; ngày thứ hai là sinh mệnh ngày thứ hai, nên vừa sinh thì vừa chết. Sinh tử ấy là hiện tượng ở hai đầu; cái năng sinh năng tử chẳng nằm trên mặt sinh tử; hai đầu ấy chỉ là hiện tượng thôi, chẳng dính dáng. Ngang với đêm vừa tối thì là bắt đầu của ngày mai; vừa sáng thì là bắt đầu của đêm; đây là vấn đề tư tưởng lô-gic. Nên chính ta bị hiện tượng đánh lừa: cho trời sáng rồi gọi là ban ngày, đêm ngủ rồi gọi là ban đêm. Sự tồn tại của sinh mệnh cũng vậy, vừa sinh vừa chết; khi một thứ vừa sinh ra, chính là khởi đầu của cái chết; lúc ta cho rằng nó chết, lại chính là khởi đầu của một sinh mệnh khác. Văn Trang Tử chẳng nghiêng về một bên: vừa nói "phương sinh phương tử", liền nói "phương tử phương sinh", hai đầu đều nói hết, như hạt châu lăn trong đĩa, chẳng bám mép nào.

Tiếp theo lại bàn vấn đề quan niệm của người. "Phương khả phương bất khả": khi ta cho rằng việc này được, vừa nói "được", câu ấy đã chẳng còn, đã qua rồi; vừa được vừa chẳng được. Khi ngươi chủ quan khẳng định, thì chính niệm ấy đã tự phủ nhận. "Phương bất khả phương khả": ngươi cho rằng đã phủ nhận, kỳ thực ngươi chỉ sinh ra một quan niệm mới, một sự khẳng định khác mà thôi. Nên chẳng có cái gọi là chủ quan, khách quan chân thật. Hết thảy

phải trái thiên hạ: vì ta chủ quan nhận định "phải", nên cái nhìn khác với ta được gọi là "trái", "nhân thị nhân phi". Vậy cái đúng của ta từ đâu tới? Tương đối: vì thấy người khác sai, nên cho rằng mình đúng; vẫn đến từ một niệm chủ quan của tự ngã. Nên phải trái, thiện ác, nhân duyên, đều hỗ tương nhân quả, đều chẳng đáng tin.

Ta xem đoạn này, để lại một vấn đề: thời Trang Tử, Phật học Ấn Độ tuyệt nhiên chưa sang; vài trăm năm sau Phật học Ấn Độ mới truyền tới, mới có thuyết duyên sinh. Phật học Ấn Độ cũng đi cùng một đường: muôn vật chẳng tự sinh, chẳng phải tự mình đến; sinh mệnh chẳng tự sinh; trồng dưa được dưa, trồng đậu được đậu; chẳng tha sinh, chẳng phải chủ tể tạo ra được; cũng chẳng cộng sinh. Nên chẳng tự sinh, chẳng tha sinh, chẳng cộng sinh, chẳng vô nhân sinh, cũng chẳng phải đến mà không có nguyên nhân; gọi tên là **"duyên sinh"** (缘生 - do các duyên hợp lại mà sinh). Quan niệm ấy chính là Trung quán trong Phật học, với Trang Tử đương thời có chỗ thông nhau; thuyết phương sinh cũng chính là đạo lý duyên sinh tính không (do duyên mà sinh, tự tính vốn không).

Thánh nhân thế nào, thế nào đắc đạo

Thị dĩ thánh nhân bất do,

Vì thế thánh nhân chẳng theo lối ấy,

nhi chiếu chi ư thiên,

mà soi chiếu bằng trời,

diệc nhân thị dã.

cũng vẫn nhân cái này vậy.

Thị diệc bỉ dã, bỉ diệc thị dã.

Cái này cũng là cái kia, cái kia cũng là cái này.

Bỉ diệc nhất thị phi, thử diệc nhất thị phi.

Cái kia cũng một phải trái, cái này cũng một phải trái.

Quả thả hữu bỉ thị hồ tai?

Quả thật có cái kia cái này chăng?

Quả thả vô bỉ thị hồ tai?

Quả thật chẳng có cái kia cái này chăng?

Bỉ thị mạc đắc kỳ ngẫu, vị chi đạo xu.

Khi cái kia cái này không còn tìm thấy cái đối của mình, gọi đó là then chốt của đạo.

Xu thủy đắc kỳ hoàn trung,

Then chốt mới nắm được chỗ giữa vòng,

dĩ ứng vô cùng.

để ứng với cái vô cùng.

Thị diệc nhất vô cùng, phi diệc nhất vô cùng dã.

Cái phải cũng một vô cùng, cái trái cũng một vô cùng.

Cố viết mạc nhược dĩ minh.

Nên nói chẳng gì bằng dùng cái sáng suốt.

"Thị dĩ thánh nhân bất do, nhi chiếu chi ư thiên, diệc nhân thị dã." Tiến thêm một bước, ông lại phủ nhận hết thảy: đó chính là lô-gic của Trang Tử. Nên nói thánh nhân, người đắc đạo, chẳng do mình làm chủ mà cũng chẳng lập chủ trương hậu thiên; mà rất tự nhiên soi chiếu bằng trời. Trời đây đại diện đạo hình nhi thượng, lấy thiên thể thiên đạo tự nhiên mà soi một cái. Nhưng dù cho rằng giờ đây phải trái đều chẳng động, chẳng quản đúng, chẳng quản sai, cũng chẳng rơi vào không, cũng chẳng rơi vào có, đã đắc đạo rồi: hãy cẩn thận! Trang Tử bảo "diệc nhân thị dã": nếu cho rằng cái ấy chính là đạo, vẫn còn một chủ quan, vẫn do chính ngươi nhận định. "Thị diệc bỉ dã": nhận định chủ quan ấy của ngươi vẫn thuộc y tha khởi. Cái bỉ ấy là bên ngoài; vì bên ngoài cho rằng ngươi sai, ta mới đúng. "Bỉ diệc thị dã": cái đúng của người ấy cũng vì cái sai của ngươi mà người ấy mới đúng. Nên khách quan chủ quan là tương đối.

Ta thường nghe người nói: "Ta rất khách quan bảo ngươi"; vừa nói vậy đã là chủ quan rồi; tự cho là khách quan, chính là chủ quan, "thị diệc bỉ dã, bỉ diệc thị dã". Nên Trang Tử bảo: "bỉ diệc nhất thị phi, thử diệc nhất thị phi". Nên tư tưởng, quan niệm trên đời, mỗi người mỗi bộ đúng sai. "Quả thả hữu bỉ thị hồ tai? Quả thả vô bỉ thị hồ tai?": rốt cuộc cái nào thật đúng? Cái nào thật chẳng đúng? Đoạn bên dưới là ông phê bình tư tưởng học thuật đương thời.

"Bỉ thị mạc đắc kỳ ngẫu, vị chi đạo xu. Xu thủy đắc kỳ hoàn trung, dĩ ứng vô cùng." **"ngẫu"** (偶) tức là tương đối. Ông bảo đạo chân thật chẳng phải tương đối mà là tuyệt đối. Đã chẳng phải không cũng chẳng phải có, đã chẳng phải phải cũng chẳng phải trái, đã chẳng phải ác cũng chẳng phải thiện. Rời hết thảy tương đối rồi, có thể nói đã được **"đạo xu"** (道枢), tức nắm được then chốt trung tâm của đạo; nếu cho rằng thế tức đã đắc Trung quán, thì lại lệch. Nói cách khác, lấy đạo lý Trang Tử mà nói, đó chẳng qua chỉ là đạo xu, điểm trung tâm của một cái máy mà thôi. Nhưng được đạo xu ấy có một chỗ hay: "xu thủy đắc kỳ hoàn trung". **"hoàn"** (环) là một vòng tròn; điểm giữa vòng; **"hoàn trung"** (环中) chính là xu.

Ngang với vài năm trước mọi người chơi cái **"hô la quyển"** (呼拉圈 - vòng lắc eo): người đứng giữa làm điểm then, lắc cái vòng ấy. Vũ trụ cũng vậy; sinh mệnh, muôn vật đều vô thủy vô chung như một vòng tròn, nhưng vòng tròn có điểm trung tâm, ngươi phải nắm. Nắm được điểm trung tâm ấy thì xuất thế nhập thế có thể "dĩ ứng vô cùng", vì vô thủy vô chung. Quan niệm vô cùng đừng hiểu lệch: vừa thấy vô cùng, trong quan niệm ta liền cố mở rộng hết mức, lại quên rằng mép biên đang ở ngay đây! Nên vô cùng cũng là vô khởi đầu; đừng quên, điểm khởi ấy chính là vô thủy vô chung. Nên văn Trang Tử nói rất khéo: "xu thủy đắc kỳ hoàn trung, dĩ ứng vô cùng". Ta biết người học Phật cầm chuỗi niệm, một trăm linh tám hạt; còn Đạo gia thì một vòng liên hoàn, làm bằng gỗ, hai vòng móc vào nhau, cầm trong tay chơi đi chơi lại; thứ ấy chính là hoàn trung. Trước kia trên đại lục thấy nhiều đạo sĩ thích đeo một vòng phong đẳng, thực vật tự nhiên, hai vòng mọc liền nhau; có phải khắc hay không thì chẳng rõ. Trong *Phong thần bảng* gọi là Càn Khôn quyển; thứ ấy chính là công dụng hoàn trung. Kỳ thực thân người cũng chính hai hoàn trung ấy: nửa vòng trên (ngực) là một vòng, nửa vòng dưới (bụng) cũng một vòng.

Nên có người truyền đạo, điểm một cái cho người ta: ừ! Đạo ở đó, đối nơi trung cung, giữ lấy hoàn trung, tức là đạo vậy. Có đạo lý không? Có đạo lý của nó; mật tông cũng dùng chỗ ấy. Giờ ta nói ra vậy, vì ta cho rằng chẳng có gì cả, chẳng phải bí mật gì; chỉ là trò trẻ con, chẳng có gì ghê gớm; nhưng Đạo gia và mật tông lại cho là việc lớn. Ta vốn thích nêu công khai, vì đó chẳng phải đạo; cùng lắm chỉ dùng một phương pháp ấy để ngươi có thể dùi mài theo hướng ấy mà thôi. Trung cung là gì? Trong đó là dạ dày, có hai dây thần kinh là hết. Có đạo lý gì? Họ muốn ta đạt đến tâm vật tương vong: người thật sự tu dưỡng đến mức tâm và vật quên nhau, ngoại cảnh với tự ngã đều quên nhau, mới quy về được cảnh giới hoàn trung ấy.

"Thị diệc nhất vô cùng, phi diệc nhất vô cùng dã. Cố viết mạc nhược dĩ minh." Đây bàn đến quan niệm học thuật, cũng ngang với quan niệm đời người, gồm triết học chính trị, triết học xã hội, triết học kinh tế, hết thảy đều trong đó.

Mọi quan niệm lý luận, chính là hai câu lời cũ cao nhất trong triết học Trung Hoa: "ông nói ông có lý, bà nói bà có lý, có lý mãi cũng chẳng nói đến cùng." Chữ Trang Tử chính là "thị diệc nhất vô cùng, phi diệc nhất vô cùng dã": đều vô cùng vô tận.

"Cố viết mạc nhược dĩ minh." Nên nói tốt nhất là minh đạo; minh đạo rồi thì phải trái đều sáng. Vì vậy người xưa có hai câu thơ: **"tự tòng tam túc không tang hậu, bất kiến nhân gian hữu thị phi"** (từ khi ba đêm dưới gốc dâu rồi, chẳng thấy cõi người còn phải trái). Bất tam túc không tang là giới luật Phật giáo: người xuất gia tu hạnh đầu đà, chẳng ở chùa, suốt ngày rong ruổi bên ngoài, ngay trong nhà cũng chẳng ở; đêm ngồi thiền thì ngồi dưới gốc dâu. Dưới cùng một gốc dâu chẳng được ngồi quá ba đêm, vì ngồi lâu hơn sẽ sinh tình với cây ấy, sẽ lưu tình; người tu hành phải rời hết thảy tình, bỏ hết thảy dục vọng, khiến chính mình chẳng bị sinh mệnh kéo lôi: **"ly tình khí dục, sở dĩ tuyệt lụy dã"** (rời tình bỏ dục, nên dứt được ràng buộc). Nên hai câu ấy với quan niệm Trang Tử có chỗ giống nhau: ly tình khí dục, bỏ hết quan niệm phải trái, không có, v.v., mới minh được đạo này.

Trời đất muôn vật một con ngựa

Dĩ chỉ dụ chỉ chi phi chỉ,
Lấy ngón tay mà ví rằng ngón tay chẳng phải ngón tay,

bất nhược dĩ phi chỉ dụ chỉ chi phi chỉ dã;
chẳng bằng lấy cái chẳng phải ngón tay mà ví rằng ngón tay chẳng phải ngón tay;

dĩ mã dụ mã chi phi mã,
lấy ngựa mà ví rằng ngựa chẳng phải ngựa,

bất nhược dĩ phi mã dụ mã chi phi mã dã.
chẳng bằng lấy cái chẳng phải ngựa mà ví rằng ngựa chẳng phải ngựa.

Thiên địa nhất chỉ dã, vạn vật nhất mã dã.
Trời đất là một ngón chỉ; muôn vật là một con ngựa.

Đây là hai câu danh ngôn của Trang Tử; đời sau vì hai câu ấy mà ngộ đạo cũng nhiều. "Thiên địa nhất chỉ dã, vạn vật nhất mã dã": đoạn văn này trong tư tưởng văn hóa Trung Hoa, trong văn học, triết học, mấy nghìn năm đều có sức nặng rất lớn. Kỳ thực đó là cách viết văn của Trang Tử: nhìn chữ thì rất dài dòng, lặp đi lặp lại. Bạn học văn học có giản lược được không? Dĩ nhiên được.

Nói đến giản lược, phải nhắc tới Âu Dương Tu đời Tống, chủ trì biên tu sử Đường. Bên cạnh ông giúp việc lúc ấy đều là Hàn lâm đại học sĩ, học vấn rất cao. Đã quyết ngày mai bắt đầu việc tu sử, hôm nay mọi người nghỉ, ra ngoại thành dạo chơi. Lúc dạo chơi, đúng lúc một con ngựa điên chạy loạn, cắn đứt dây cương lao tới; trên đường có một con chó, ngựa điên một chân giẫm chết chó. Âu Dương Tu bảo mọi người ghi lại cảnh ấy; kỳ thực ông chủ biên đang khảo mấy vị biên tập. Kết quả một người viết hơn hai mươi chữ, nói ngựa điên rồi, cắn đứt dây, chạy tới giẫm chết chó. Một người tiết kiệm hơn, viết mười mấy chữ; sử sách đều có ghi. Âu Dương Tu thở dài: theo lối các ông viết văn vậy, một bộ Đường sử chẳng biết cần nhà lớn đến mức nào mới chất nổi! Mọi người hỏi ông nên viết thế nào; ông nói: **"mã dật bệ khuyển ư đồ"** (ngựa sổng ra, giẫm chết chó trên đường), sáu chữ là xong. Sáu chữ ấy của Âu Dương Tu, người trẻ hôm nay ắt rất chẳng vừa lòng; nhưng ai hiểu cổ văn, đọc một cái là hiểu ý. **"Dật"** (逸): ngựa phóng chạy loạn; "bệ khuyển ư đồ" thì đã nói rõ. Nên một bộ sử vài trăm năm, chất trên án chỉ còn một cuốn mỏng. Người xưa viết sử rất khó; mấy nghìn năm lịch sử Trung Hoa, nếu viết bằng bạch thoại ngày nay thì thật chẳng xuể. Nhưng viết theo

lối văn Trang Tử cũng chẳng xuể: dụ chỉ lại phi chỉ, phi chỉ lại dụ chỉ, dụ mã lại phi mã, phi mã lại dụ mã; rối nửa ngày, rốt cuộc ngươi chỉ ngựa hay ngựa chỉ ngươi? Chẳng làm rõ. Cũng có người chuyên bàn luận; về câu "dụ chỉ phi chỉ" ấy, ta đã xem rất nhiều bài; mà học giả hiện đại cũng bàn, cho rằng chữ **"chỉ"** (指 - ngón tay) đây chẳng phải ngón tay, mà là **"chỉ"** (旨 - tôn chỉ, ý chỉ), lấy ngón chỉ mà ví chỉ tôn chỉ, rồi viện dẫn kinh điển. Vì viết luận văn ngày nay chính là lối ấy: Socrates nói thế nào, Khổng Tử nói thế nào, sách nọ nói thế nào; hễ liên quan ngón tay, thấy trên sách nửa ngón một ngón đều chép hết, rồi dẫn chứng ta đã xem những sách gì, dường như học vấn rất uyên bác. Kỳ thực, ý của chính ngươi thì sao? Ta chẳng có ý; kết luận thì sao? Để người khác làm vậy! Nhiều bài viết ngày nay đều học thành kiểu ấy.

Chữ chỉ (指) của Trang Tử rất giản dị: chính là ngón tay. Đoạn này nói gì? Nói lô-gic, nói luận biện. Về luận biện, ta biết ắt có năm thứ; lấy Nhân minh mà nói thì có cái gọi là tông, nhân, dụ, thêm nữa chính hợp, phản hợp. Trong "dĩ chỉ dụ chỉ", chữ **"dụ"** (喻) là ví dụ; Nhân minh Ấn Độ rất coi trọng ví dụ, còn lô-gic phương Tây thì chẳng bàn. Vì ngôn ngữ chữ viết loài người chẳng thể thật sự diễn đạt tư tưởng, ý thức hệ của người, nên phải dùng ví dụ. Ví như ta biết vẽ, muốn vẽ ý thức của mình ra; bức vẽ ấy đã chẳng còn là ý thức của ngươi, mà là ý thức sau ba bốn tầng rồi. Để diễn đạt ý thức loài người, nên lô-gic Nhân minh trong Phật học rất coi trọng thí dụ. Vậy trên đời ai khéo dùng thí dụ? Hết thảy giáo chủ tôn giáo đều rất khéo dùng thí dụ. Khéo nhất là Thích Ca Mâu Ni Phật; kế đến *Kinh Thánh* của Cơ Đốc giáo, nhiều chỗ đều dùng thí dụ. Cớ sao giáo chủ tôn giáo thích dùng thí dụ? Vì đạo lý hình nhi thượng cao nhất khó nói ra, đành nói một thí dụ. Nên giả sử hỏi ai đó trông như thế nào, nghe trả lời "mặt thằng ấy như ngựa", ta cười một cái: đại khái mặt dài vậy, ấy chính là thí dụ. Người ta thường thích dùng thí dụ; nên trên luận biện, thí dụ là phương pháp diễn đạt tình thức hay nhất. Các nhà danh lý học đương thời của Trang Tử, như Huệ Tử, Công Tôn Long, những kẻ thích luận biện ấy, đều nêu lên nói: thí dụ này của Trang Tử chẳng hay, gọi là **"dẫn dụ thất nghĩa"** (dùng thí dụ rồi mất nghĩa thật); ngươi dùng thí dụ xong, ngược lại khiến người ta chẳng hiểu nghĩa chân thật.

Ta thường nói *Xuất sư biểu* của Gia Cát Lượng; học trò trẻ đều đã học, trong đó có một câu khuyên hoàng đế A Đẩu của ông: chớ dẫn dụ thất nghĩa. Ta xem bài ấy của Gia Cát Lượng thì hiểu: con trai Lưu Bị là A Đẩu vốn rất thông minh, rất khéo luận biện; làm sai việc rồi, ông ta che đậy rất khéo. Nói cách khác, rất khéo nói bừa. Vì năm ấy cha ông ta dặn phải xem Gia Cát Lượng như nghĩa phụ, nên trong *Xuất sư biểu* Gia Cát Lượng dạy A Đẩu, bảo ông ta thường dẫn dụ thất nghĩa: thí dụ dùng đi rồi mất hết nghĩa chân thật.

Nay câu của Trang Tử, "dĩ chỉ dụ chỉ chi phi chỉ", có chút dẫn dụ thất nghĩa. Nhưng ông chẳng dùng ngón tay làm thí dụ theo nghĩa thường; đạo lý ấy chẳng phải đạo lý của cái ngón tay. Nên về sau các đại sư Thiền tông và bản dịch kinh *Lăng Nghiêm* cũng dùng chữ chỉ (指), là **"dĩ chỉ chỉ nguyệt"** (lấy ngón tay chỉ mặt trăng), cao hơn lối dùng của Trang Tử. Thiền tông về sau có một bộ sách gọi *Chỉ nguyệt lục*, lấy ngón tay chỉ mặt trăng, bảo ngươi nhìn trăng, chẳng phải nhìn ngón tay, đừng lấy ngón tay làm mặt trăng. Nay người nghiên cứu Thiền học rất nhiều, đều nắm lấy ngón tay làm mặt trăng; lấy lời Trang Tử mà phê bình: "dĩ chỉ dụ chỉ chi phi chỉ, bất nhược dĩ phi chỉ dụ chỉ chi phi chỉ dã". Nếu ngươi nghiên cứu công án Thiền tông rồi giảng Thiền, chẳng bằng ngươi tuyệt khẩu chẳng bàn Thiền, hoặc còn có thể vào được Thiền.

"Thiên địa nhất chỉ dã, vạn vật nhất mã dã": đó là danh ngôn của Trang Tử; nhiều người nhờ đó mà ngộ đạo. Câu ấy của Trang Tử diễn đạt đạo lý tâm vật nhất nguyên. Tâm vật nhất nguyên ấy vừa chẳng phải duy vật, cũng chẳng phải duy tâm; nhưng cũng có thể nói là duy tâm thuần túy; chỉ có điều duy tâm thuần túy ấy chẳng phải duy tâm của duy tâm luận phương Tây.

Có sao Trang Tử lại dùng thí dụ như vậy? Vì đương thời những người giảng học lô-gic luận biện quen dùng một số thí dụ, nên ông lấy ra phê bình một phen, ảnh hưởng đời sau rất lớn. Phật pháp sang Trung Hoa rồi, sinh ra đại thừa Phật học; thời Đường cộng có mười tông. Thời Võ Tắc Thiên đời Đường, Hoa Nghiêm tông thịnh đạt; tổ sư đời thứ ba gọi Hiền Thủ đại sư, pháp danh Pháp Tạng. Ông có một bài văn nổi tiếng ảnh hưởng tư tưởng triết học Trung Hoa, tức *Kim Sư Tử chương*. Hiền Thủ đại sư lúc ấy giảng ở trong cung; trước sân cung bày một con sư tử vàng; ông lấy con sư tử ấy làm thí dụ. Hiền Thủ đại sư dùng sư tử vàng, nói "thiên địa nhất chỉ, vạn vật nhất sư tử". Vũ trụ muôn vật ngang với một con sư tử; cả thân sư tử có đầu có đuôi có chân, có vô số lông; mỗi sợi lông đều đại diện con sư tử ấy, nhưng mỗi sợi lông cũng chẳng phải con sư tử ấy; răng cũng vậy: giảng rõ đạo lý thập huyền môn cảnh giới Hoa Nghiêm, cái gọi là **"đế võng trùng trùng vô tận"** (lưới Đế Thích chồng lớp vô tận). Quan niệm ấy với lối Trang Tử lấy ngựa làm thí dụ thì cùng một loại.

Nên Trang Tử quy kết: "thiên địa nhất chỉ dã": trời đất đây là một ngón chỉ, chẳng phải ngón tay này, mà là cái mà ngón tay ấy chỉ tới. "Vạn vật nhất mã dã": vũ trụ muôn vật chẳng khác một con ngựa. Chẳng phải con ngựa này, mà cùng một công dụng với con ngựa ấy: đó là thí dụ. Vì vậy Hám Sơn đại sư đời Minh có hai câu thơ nổi tiếng: **"thân thế điều song dực, càn khôn mã nhất mao"** (thân thế như đôi cánh ve sầu, càn khôn như một sợi lông ngựa). Quan niệm ấy cũng từ "thiên địa nhất chỉ dã, vạn vật nhất mã dã" của Trang Tử mà ra. Tiếp theo Trang Tử từ đạo lý lô-gic tiếp tục phê bình quan niệm phải trái.

Cùng về một rốt ráo

Khả hồ khả, bất khả hồ bất khả.

Có thể thì bảo có thể; không thể thì bảo không thể.

Đạo hành chi nhi thành, vật vị chi nhi nhiên.

Đạo nhờ thực hành mà thành; vật nhờ gọi tên mà nên như thế.

Ô hồ nhiên? Nhiên ư nhiên. Ô hồ bất nhiên? Bất nhiên ư bất nhiên.

Chỗ nào mà bảo đúng? Đúng vì mình cho là đúng. Chỗ nào mà bảo không đúng? Không đúng vì mình cho là không đúng.

Vật cố hữu sở nhiên, vật cố hữu sở khả.

Vật vốn có chỗ sở dĩ như thế; vật vốn có chỗ sở dĩ nên được.

Vô vật bất nhiên, vô vật bất khả.

Không vật nào chẳng như thế; không vật nào chẳng nên được.

Cố vi thị cử đình dữ doanh, lệ dữ Tây Thi, khôi quỷ quyệt quái, đạo thông vi nhất.

Vì vậy nêu cọng cỏ với cột lớn, kẻ xấu với Tây Thi, rộng hẹp gian quái: đạo thông suốt làm một.

Ông nói quan niệm phải trái khiến ta sinh ra sự nhận định: nhận định nên hay không nên. "Khả hồ khả, bất khả hồ bất khả": cái có thể hay không thể ấy đều từ chủ quan của ta mà ra; do niệm tưởng ta cho là được thì được, không được thì không được. Trong vũ trụ chẳng có quan niệm phải trái nào lìa khỏi tâm. Kết luận của ông bảo ta: "đạo hành chi nhi thành, vật vị chi nhi nhiên". Muốn thành đạo ấy, muốn trở về trong đạo hình nhi thượng, chỉ còn thực hành. Chỗ này ta thấy Trang Tử nói thực nghiệm, nghiêng về thuyết kinh nghiệm: chỉ thật sự hành đạo mới thành đạo; muốn tới đạo hình nhi thượng chẳng thể dựa vào lý thuyết rỗng. Nếu lấy luận biện tư tưởng mà coi là đạo, thì hoàn toàn sai. Cũng như ngày nay giảng đạo, giảng Phật học, đều biến thành một thứ tư tưởng học vấn: thế thì không đúng. "Vật vị chi nhi

nhiên": vũ trụ muôn vật, ta nhận định đúng thì đúng, không đúng thì không đúng; nhận định vật này gọi tên gì thì gọi tên ấy; hết thảy đều là tác dụng duy tâm. Nên đạo hình nhi thượng "hành chi nhi thành": phải tu hành mới làm được; muôn vật hình nhi hạ là do con người đặt ra, nghĩ thế nào thì thế ấy, tức "vật vị chi nhi nhiên". Đoạn văn Trang Tử phía dưới, sóng trào cuồn cuộn.

"Ô hồ nhiên? Nhiên ư nhiên. Ô hồ bất nhiên? Bất nhiên ư bất nhiên." Ông hỏi: "ô hồ nhiên?" thế nào mới gọi là đúng? "Nhiên ư nhiên": quan niệm của bạn cho là đúng thì nó đúng, vẫn là tác dụng duy tâm; dịch ra bạch thoại rất giản dị, nhưng Trang Tử một khi viết ra, ta đã hoa mắt. "Ô hồ bất nhiên?" thế nào mà cho là không đúng? "Bất nhiên ư bất nhiên": cái không đúng ấy là quan niệm của bạn cho là không đúng thì không đúng. Dù nói vậy, đừng để chữ nghĩa Trang Tử lừa: phía trên ông bày một phen hoa kiểu, như đánh quyền hoa: quyền đông một cái, tây một cái; kỳ thực vừa vào trung tâm thì sát ra ngay. Làm văn cũng thế: "ô hồ nhiên? nhiên ư nhiên, ô hồ bất nhiên? bất nhiên ư bất nhiên", đều chẳng liên can gì tới điểm chính.

"Vật cố hữu sở nhiên, vật cố hữu sở khả." Trời đất muôn vật đều có sở dĩ như thế của nó. Đã hình thành vũ trụ muôn vật, điện thì là điện; thành đèn điện thì phát sáng; đi qua chỗ phát tiếng thì thành máy ghi âm, máy thu thanh. "Vật cố hữu sở nhiên": vật thể đều có tính năng riêng sở dĩ như thế; "vật cố hữu sở khả": nên muôn vật đều có bản vị và lập trường đáng có của nó.

Nói về giới hiện tượng: khi đạo hình nhi thượng đã hình thành muôn vật, mỗi thứ có tính chất riêng; nước với lửa khác nhau; cả hai đều là vật, nhưng nước lửa chẳng dung nhau. "Vật cố hữu sở khả": nước có công dụng của nước, lửa có công dụng của lửa; hình nhi hạ là vậy. Nhưng từ hình nhi thượng mà nói: "vô vật bất nhiên, vô vật bất khả". Quy về thể đạo, nước lửa đều trở lại năng lượng nguyên sơ ấy, chỉ còn một năng lượng. Vì vậy ông nêu một đạo lý: "cố vi thị cử đình dữ doanh, lệ dữ Tây Thi, khôi quỷ quyệt quái, đạo thông vi nhất."

Thế nên, vì đạo lý hình nhi hạ và hình nhi thượng khác nhau, ở đây sinh ra một hiện tượng. Nói về hiện tượng: **"đình"** (莛) là một cọng cỏ tranh, như một cọng trên đầu chổi. Cỏ tranh ấy rất mỏng, rất giòn, rất nhẹ; **"doanh"** (楹) là một cột lớn trong đại điện, gỗ lớn, rất thô rất lớn, rất quý. Đó là hai thứ đối lập. "Lệ dữ Tây Thi": **"lệ"** (厉) là một kẻ xấu xí hết mức; Tây Thi là mỹ nhân bậc nhất đời xưa, đẹp nhất, cũng là hai thứ đối lập. Còn hiện trạng, tính cách, tâm lý người thì khác nhau; ông chỉ nói bốn loại lớn: **"khôi"** (恢) là lòng dạ khoáng đạt, rất rộng rãi, việc gì cũng chẳng để tâm; **"quỷ"** (恑) là lòng dạ rất hẹp hòi; **"quyệt"** (憰) là gian xảo; **"quái"** (怪) là quái dị. Bốn loại ấy là hiện trạng bên ngoài, mỗi loại một vẻ. Đạo lý đây là gì? Tức nói "vật cố hữu sở nhiên": xấu là xấu, đẹp là đẹp, mỏng là mỏng, thô là thô, lòng dạ rộng thì rộng, hẹp thì hẹp, gian xảo thì gian xảo, cổ quái thì cổ quái; mỗi cái khác nhau, hiện tượng khác, công dụng cũng khác: tức "vật cố hữu sở nhiên, vật cố hữu sở khả".

Nhưng "đạo thông vi nhất": nói về hình nhi thượng thì là một thứ. Ví như người, kẻ đẹp với kẻ không đẹp, chết rồi đều hóa xương trắng; xương trắng hóa tro, đẹp hay không đẹp đều như nhau, đều là không: cái ấy là "một". Cọng cỏ tranh với cột lớn, hóa thành tro cũng như nhau: cũng là "một". Nên khôi, quỷ, quyệt, quái, đến cuối cùng vẫn "đạo thông vi nhất". Trong đó lại sinh ra đạo lý hình nhi thượng và hình nhi hạ.

Kỳ phân dã, thành dã; kỳ thành dã, hủy dã.
Cái phân chia ấy, cũng là thành; cái thành ấy, cũng là hủy.

Phàm vật vô thành dữ hủy, phục thông vi nhất.
Phàm vật chẳng có thành với hủy riêng; lại thông suốt làm một.

Duy đạt giả tri thông vi nhất, vi thị bất dụng nhi ngụ chư dung.

Chỉ người đạt đạo biết thông suốt làm một; vì thế chẳng dùng mà gửi vào dung.

Dung dã giả, dụng dã; dụng dã giả, thông dã; thông dã giả, đắc dã; thích đắc nhi cơ hĩ.

Dung tức là dùng; dùng tức là thông; thông tức là đắc; vừa đắc thì gần rồi.

Nhân thị dĩ. Dĩ nhi bất tri kỳ nhiên, vị chi đạo.

Nhờ vậy mà thôi. Thôi rồi mà chẳng biết vì sao như thế: gọi là đạo.

"Kỳ phân dã, thành dã; kỳ thành dã, hủy dã." Đó cũng là đạo lý vật lý. Một vật lúc phân hóa, cũng chính là lúc thành công. Ví như lúa cắt xuống, gia công nghiền thành bột, phân hóa ra, có thể chia làm nhiều món ngon: "kỳ phân dã thành dã", phân tán ra chính là khởi đầu một sinh mệnh khác. Cũng như vợ chồng kết hôn, sinh hơn mười đứa con: sự phân hóa của hai người ấy thành một đại gia đình. Nhưng "kỳ thành dã hủy dã", tức cái chết trong "phương sinh phương tử". Khi thành công, cũng chính là lúc bắt đầu hủy hoại. Ví như ngôi nhà này: ngày ta xây xong khai mạc, ngày ấy đã bắt đầu hủy hoại, dần dần hỏng; nhà ấy rốt cuộc rồi sẽ hỏng. Nên kết luận là "phàm vật vô thành dữ hủy, phục thông vi nhất". Trời đất muôn vật, chẳng có cái nào gọi là thành công vĩnh viễn, chẳng có cái nào tồn tại mãi, cũng chẳng có cái nào hủy hoại mãi. Cái không kéo dài đã lâu, tự nhiên sẽ hình thành có. Cái có ấy hình thành, cộng thêm nhiều nhân duyên cấu hợp, tự nhiên thành có: là cái có tự nhiên; cuối cùng vẫn quy về một. Tiếp theo phía dưới, một vấn đề trọng yếu của văn hóa Trung Hoa hiện ra.

Trí tuệ cao trong vẻ bình thường

"Duy đạt giả tri thông vi nhất, vi thị bất dụng nhi ngụ chư dung. Dung dã giả, dụng dã; dụng dã giả, thông dã; thông dã giả, đắc dã; thích đắc nhi cơ hĩ." Ta biết mấy nghìn năm nay, tư tưởng văn hóa Nho gia Trung Hoa chiếm khâu quan trọng nhất. Mà văn hóa Nho gia, từ đời Tống trở đi, cái gọi là *Tứ thư*, trong đó có *Đại học*, *Trung Dung*, ai cũng biết, ai cũng thuộc. Như chúng tôi ngày xưa đi học, trẻ con buộc phải thuộc, không thuộc thì bị đánh lòng bàn tay; lòng bàn tay đánh sưng đỏ, như mai cua chín, rất tội nghiệp. Về *Trung Dung*, có học giả lớn nêu ý kiến khảo cứ, cho rằng thời Tử Tư còn muộn hơn Trang Tử một chút. Tư tưởng Tử Tư dựa theo tư tưởng Trang Tử mà ra, nên mới soạn *Trung Dung*; vì chữ **"dung"** (庸) trong *Trung Dung*, chính Trang Tử nêu trước ở đây: nghe nói vậy. Học vấn khảo cứ thật khó: người mấy nghìn năm sau khảo việc mấy nghìn năm trước, bảo tài liệu ấy tuyệt đối chính xác, tôi chẳng mấy tin. Nay dựa một chút đồ cổ, một chút xương người chết, rồi đoán người mấy nghìn năm trước thế này thế kia: tôi chỉ có thể nói, "khả hồ khả, bất khả hồ bất khả, thị giả vi chi thị dã, phi giả vi chi phi dã", tức dẫn lời Trang Tử: thật khó nói.

Dù sao, chỗ này ông nêu công dụng của dung, nói việc trong trời đất: từ thể đạo hình nhi thượng mà bàn, chẳng có thành bại phải trái thiện ác. Còn hiện tượng muôn hữu hình nhi hạ thì chẳng đều, hình nhi thượng thì đều: "phục thông vi nhất". "Duy đạt giả": chỉ người thật đắc đạo, thông đạo, "tri thông vi nhất", quy về hình nhi thượng là một thể; cái một ấy cũng chẳng phải con số một, mà là tuyệt đối. Nên người đắc đạo, "vi thị bất dụng nhi ngụ chư dung", trước sau chẳng dùng. Vì vậy nhiều người học Trang Tử đều học hỏng. Mấy chục năm trước, tôi thấy bạn bè lớp trước, tuổi đều lớn hơn tôi vài chục tuổi, học vấn rất hay, cả đời uống rượu, thong dong tự tại. Họ trên thông thiên văn dưới biết địa lý; hỏi thế giới loạn thế, sao không ra làm một phen sự nghiệp? Họ bảo anh không biết: tôi học Trang Tử, **"vô dụng chi dụng thị vi đại dụng"** (cái dùng của cái vô dụng mới là cái dùng lớn). Thời trẻ tôi thường đùa với mấy ông bạn già ấy, đặt biệt hiệu cho họ chính là Trí Đa Tinh trong *Thủy hử*: Ngô (Vô) Dụng.

Cái gọi là "vi thị bất dụng nhi ngụ chư dung", đó chính là chữ dung của *Trung Dung*. Chữ dung ấy cũng là nghĩa "dùng". Trang Tử nói "dung dã giả, dụng dã", lại là dùng: giải thích thế nào? Đó là cổ văn, rất khó giải. Nếu ta thông

suốt cả bảy thiên Nội thiên Trang Tử, kỳ thực ông chẳng chủ trương hoàn toàn không dùng đời; tuy vẫn dùng, dùng mà đúng mức, dùng mà vừa phải. Phía dưới ông có giải chữ dung (庸). Nên dù *Đại học* hay *Trung Dung*, chữ dung thật ra đều xuất từ Trang Tử. Chỉ có thể nói thời ấy loạn đến cực điểm, tư tưởng thời ấy đều có chỗ thông nhau. Người đời loạn dễ hóa hương nguyện, trốn thực tại; người dù chẳng thoát khỏi thực tại, sợ thực tại, chỉ còn tìm cách khéo dùng thực tại. Dùng hay thì là chữ "dụng" Trang Tử nói đây; dùng dở thì hóa hương nguyện.

Hương nguyện là Khổng Tử nói: ông khinh nhất tác phong hương nguyện. Những người ấy bề ngoài nhìn, làm người chỗ nào cũng đúng, có đạo đức, lại chẳng đụng chạm ai, chỗ nào cũng tốt. Hỏi đồng ý không? Không phản đối. Hỏi phản đối không? Tôi cũng… đại khái vậy thôi! Có phải thế không? Cũng gần, chắc vậy! Rốt cuộc thế nào? Được thì được! Đó chính là thái độ hương nguyện. Nên Khổng Tử nói **"hương nguyện giả, đức chi tặc dã"** (kẻ hương nguyện là kẻ hại đức). Nhưng Trang Tử nói chẳng phải nghĩa ấy. Ông bảo: "dung dã giả, dụng dã; dụng dã giả, thông dã; thông dã giả, đắc dã": chỉ người thông đạo mới đắc cái dung ấy, công dụng của chữ dung trong trung dung. Vì sao? Chính ông giải ngay đây: "thích đắc nhi cơ hĩ". Đắc được cái ấy, cũng tức như trên đã nói, **"đắc kỳ hoàn trung, dĩ ứng vô cùng"** (được chỗ giữa vòng, để ứng vô cùng). Trung tâm vòng tròn là thẳng: đi đường thẳng, chẳng đi đường cong. "Thích đắc": đắc được đạo lý ấy. "Nhi cơ hĩ": **"cơ"** (几) nghĩa là gần được rồi. Đoạn này thuộc luận biện lô-gic, nói đến phải trái thành bại.

"Nhân thị dĩ, dĩ nhi bất tri kỳ nhiên, vị chi đạo." Thế nào là "bất dụng nhi ngụ chư dung"? Dung chẳng phải qua loa, chẳng phải đại khái, mà là đắc kỳ hoàn trung, vừa đúng chỗ. Nói cách khác, dung cũng chẳng phải chữ dung đời sau dùng cho kẻ dung dung lục lục, gọi kẻ ngu đần là dung nhân. Trí tuệ cao đến cực điểm, mà nhìn vào rất bình thường: đó mới là đạo lý của dung, ứng dụng của đắc kỳ hoàn trung. Lãnh tụ một nước, chỉ cần ngón tay ấn một cái, bom nguyên tử đã ra, địa cầu có thể hủy bao nhiêu: chỉ một điểm ấy, điểm khó nhất. Bạn hiểu điểm ấy rồi, "nhân thị dĩ, dĩ nhi bất tri kỳ nhiên, vị chi đạo". Cơ quan ở đây: trí tuệ cao, dùng ra thì cực giản dị, cực dễ. Nhưng trong đó chứa trí tuệ, toàn bộ trí tuệ, trí tuệ cao nhất. Vậy khi ta có đạo ấy, cuối cùng lúc dùng, chẳng thấy là đạo, cũng chẳng thấy mình là trí tuệ, mà dùng rất bình thường. Phía dưới ông lấy cái dùng của đạo mà nói cái dùng của người thường.

Chiều bốn sáng ba chẳng quen

Lao thần minh vi nhất nhi bất tri kỳ đồng dã, vị chi triều tam.

Nhọc tinh thần thông minh vào một điểm mà chẳng biết chỗ đồng của nó: gọi là triều tam.

Hà vị triều tam? Viết: Thư công phú dự, viết: Triều tam nhi mộ tứ. Chúng thư giai nộ.

Sao gọi triều tam? Rằng: ông nuôi khỉ phát hạt dẻ, bảo: sáng ba chiều bốn. Bầy khỉ đều giận.

Viết: Nhiên tắc triều tứ nhi mộ tam. Chúng thư giai duyệt.

Bảo: vậy thì sáng bốn chiều ba. Bầy khỉ đều vui.

Danh thực vị khuy nhi hỷ nộ vi dụng, diệc nhân thị dã.

Danh và thực chẳng thiếu, mà vui giận làm dụng: cũng vì lẽ ấy.

Thị dĩ thánh nhân hòa chi dĩ thị phi nhi hưu hồ thiên quân, thị chi vị lưỡng hành.

Nên thánh nhân hòa bằng phải trái rồi nghỉ ở cán cân trời: đó gọi là lưỡng hành.

Đoạn này mắng đời, cũng là lời cảnh tỉnh đời cao minh nhất. Vừa nói tới dung: người ta chẳng biết dùng cái dung ấy; kẻ tự cho mình thông minh đều thích đùa giỡn với sự thông minh của mình, nên thông minh trở lại hại thông minh. Người ngu thiệt ở đâu? Chẳng biết đùa với cái ngu của mình, nên càng ngu. Người thông minh đùa với sự thông minh

của mình, nên cũng ngu. Vậy những người ấy vì sao ngu? "Lao thần minh vi nhất nhi bất tri kỳ đồng dã": đều đem tinh thần và thông minh của mình khoan vào một điểm. Cái một ấy chẳng phải cái một của "đạo phục thông vi nhất"! Đừng nhầm: đó là khoan vào cái đầu nhọn sừng trâu. "Nhi bất tri kỳ đồng dã": chẳng biết khoan về phía đại đồng. Những người ấy gọi là gì? Gọi là **"triều tam mộ tứ"** (朝三暮四 - sáng ba chiều bốn). Văn hóa Trung Hoa thường mắng người **"triều tam mộ tứ"** (đổi ý liên tục), chính xuất từ Trang Tử. Sao gọi triều tam mộ tứ?

Xưa có một **"thư công"** (狙公), tức ông già nuôi khỉ, như giám đốc vườn thú, nuôi rất nhiều khỉ. Bầy khỉ thích ăn hạt dẻ; ông nuôi khỉ vốn sáng cho bốn, tối chỉ cho ba. Một hôm ông già bỗng muốn đùa, bảo bầy khỉ: từ ngày mai, sáng cho các ngươi ba, tối cho bốn. Ồ! Cả bầy khỉ ầm lên, không được, chịu không nổi, sẽ đói. Ông bảo: đừng ồn, đừng ồn, vẫn như cũ: sáng bốn, tối ba. Khỉ bèn ngoan ngoãn nói được, vậy thì được.

Chỗ này Trang Tử mắng người đời đều giống lũ khỉ bị bậc cao minh đùa ấy; tổng cộng vẫn bảy hạt dẻ cho ăn, chỉ sắp xếp thời gian khác, sắp xếp chỗ ngồi khác, các người chẳng biết vui đến mức nào! Mắng một tiếng đồ khốn, các người giận muốn chết; gọi một tiếng lão gia, ngài ơi ngài ơi, xin lỗi, ngài thiên hạ đệ nhất, vạn tuế: các người liền vui. Kỳ thực đều bị người ta đùa. Đó là đạo lý sáng ba chiều bốn, chiều bốn sáng ba. Nên câu kết cuối cùng của ông: "danh thực vị khuy", cũng như ông già cho khỉ ăn ấy: hạt dẻ một ngày vẫn cho bảy, chẳng đổi gì, chỉ đổi quan niệm một cái, mọi người đã chịu không nổi. Đừng coi đây chỉ là chuyện kể! Đây chính là xã hội học, kinh tế học, chính trị học: mọi thứ triết học đều nằm trong đó. Nên đạo lý chính trị cũng vậy: một thời đại chuyển biến, khi chính sách phải đổi, người lãnh đạo chính trị rất khó; rõ ràng cách mới lợi cho dân chúng xã hội, lúc đầu dân tuyệt đối phản đối, vì chẳng quen. Muốn bảo người bỏ thói xấu, họ cũng thấy chẳng quen. Nên đọc sử, ta rất cảm thán!

Trên sử có vài việc, đều là **"dân viết bất tiện"** (dân bảo chẳng tiện), dân chúng bất tiện, nổi lên làm loạn. Kỳ thực làm loạn nửa ngày, vẫn phải đổi: tức "thư công phú dự". Năm xưa tôi ở Tứ Xuyên, biết một chuyện Trùng Khánh sửa đường. Thời cổ đều là đường đá; mưa xuống, hai bên đường toàn bùn; mái hiên nhà rất thấp. Nhưng Trùng Khánh lúc ấy cũng như Thành Đô có thế lực địa phương, cái gọi là Ngũ Lão Thất Hiền, từ nhà Thanh sang Dân Quốc, địa vị cao, danh tiếng lớn, học vấn hay, sức mạnh xã hội lớn, sản nghiệp nhiều. Sửa đường gì? Họ đi bộ rất sướng: ngồi kiệu, có xe kéo, cớ sao phá nhà, mở đường rộng thế? Đường cái để ngựa đi, liên quan gì đến tôi? Kết quả có một vị tiên sinh, người sau này mất tại Đài Loan đây, đời sau gọi ông là quân phiệt: ông thật có cách. Một hôm ông mời Ngũ Lão Thất Hiền đến dự tiệc lớn, có thuốc phiện hút, có cờ bạc chơi, món ngon lại rất cung kính; vừa đãi ăn, vừa phái bộ đội phá nhà của họ. Đợi họ ăn xong về, nhà đã phá, đường đã mở. Sau bạn Tứ Xuyên kể tôi: người mù bảo, ôi! Hay quá, bác ấy mở đường rộng thế, nay đi chẳng cần gậy nữa. Nên từ chuyện ấy thấy: việc thiên hạ đôi khi muốn đổi rất khó; đôi khi phải trái ý đám đông, kiên trì chính sách đúng, phải có cái đảm ấy, phải để dân hiểu đó là vì công lợi lâu dài; cũng có lúc trên chấp pháp xung đột với tư dục mình, đành phải nhẫn đau hy sinh: điều ấy cũng khó mà đáng quý.

Một thời đại, một hoàn cảnh: ví như hoàn cảnh này, chỗ ngồi ta bố trí thế này; giả sử lần sau đến, chỗ ngồi đổi rồi, nhiều người ắt thấy "dân viết bất tiện". Chỗ tôi ngồi lúc ấy khá lắm, sao lại đẩy sang đây! Thế nên, chẳng thể động tới. Kỳ thực đều là tác dụng tâm lý; nên trên xã hội nhiều việc, chẳng riêng chính trị xã hội vậy, gia đình cũng vậy. Đứa trẻ ấy đã quen không chịu học, sau bạn muốn bảo nó đổi thành chịu học hơn một chút: "dân viết bất tiện", nó cũng chẳng chịu học cho bạn đâu: đều cùng một đạo lý. Nên chuyện này, ý nghĩa triết học chứa trong đó, đối với thực dụng đời người, có quá nhiều đạo lý. Đừng coi như chuyện cười nghe qua rồi bỏ: thế thì phụ Trang Tử, rất đáng tiếc.

Người biết điều hòa

"Thị dĩ thánh nhân hòa chi dĩ thị phi nhi hưu hồ thiên quân, thị chi vị lưỡng hành." Đạo hình nhi thượng chẳng có phải cũng chẳng có trái, chẳng có thiện cũng chẳng có ác; hình nhi hạ thì có phải trái, có thiện ác. Vậy thánh nhân đã đắc đạo, khi xử trong đạo hình nhi hạ, giữa người với người, xử thế nào? Một chữ: "hòa" bằng phải trái, phải trái thiện ác phải điều hòa. Chữ hòa (和) ấy chính là chữ dung (庸) của trung dung. Nên có người nêu ra: *Trung Dung* vốn dựa theo Trang Tử. *Trung Dung* lại nhắc tới chữ hòa trong trung hòa: **"trí trung hòa, thiên địa vị yên, vạn vật dục yên"** (đạt tới trung hòa thì trời đất đúng vị trí, muôn vật sinh trưởng). Nên thánh nhân đắc đạo biết rõ hình nhi hạ có phải trái, và càng lúc càng sắc cạnh, chỉ còn cách điều hòa nó, trung hòa phải trái. Trung hòa được rồi, trên đường người hình nhi hạ, mọi sự dễ chịu hơn nhiều.

Nhưng còn phải tiến thêm một bước: "nhi hưu hồ thiên quân". Đây là danh từ của Trang Tử. Thiên đại diện đạo hình nhi thượng; **"quân"** (钧) là sự cân bằng, công bằng như trời đất. Công bằng ấy điều hòa thế nào? Đó chính là học vấn của trí tuệ. Theo mắt ta nhìn, trời đất chẳng công bằng chút nào: lúc ta cần nóng, trời lại lạnh; lúc ta cần lạnh, trời lại nóng: bất công quá! Sao lại bảo công bằng như trời đất? Có ngày cho bạn náo động, còn đêm cho bạn nghỉ: lại rất công bằng. Sự điều hòa ở khoảng giữa ấy phải tham thấu tạo hóa giữa trời đất rồi mới "hưu hồ thiên quân"; Trang Tử gọi đó là "lưỡng hành".

Đạo lý lưỡng hành ấy, lấy quan niệm ngày nay, Trang Tử chủ trương đường đôi. Nhiều việc đều đi theo đường đôi; nhưng đường đôi thường sinh mâu thuẫn, sinh tranh đấu. Kỳ thực đạo lý lưỡng hành chẳng phải đường đôi, mà chính là câu *Trung Dung* nói: "đạo tịnh hành nhi bất bội", nghĩa là đạo song hành mà không trái nghịch nhau.

Nói tới đây, ta đừng để văn chương Trang Tử mê hoặc. Nói nửa ngày, đến giờ vẫn từ lô-gic mà khởi. Người xưa mỗi người nêu một lẽ: ông nói ông có lý, bà nói bà có lý; rồi ông phê bình phương pháp lô-gic mỗi người đều do chủ quan mà thành; giữa trời đất chẳng có phải trái thật sự; hình thượng, hình hạ đều bàn khắp rồi. Văn Trang Tử giống như ta nhìn đài phun nước: nước từ kính vạn hoa phun ra, đèn chiếu vào, năm sắc bảy màu, trong hồ sóng lên xuống: đúng một khung cảnh ấy. Đừng để ông lừa; ta vẫn phải nhìn nước, đừng nhìn hiện tượng; nhìn hiện tượng thì đã mắc kế Trang Tử rồi. Ông suốt đoạn vẫn chỉ nói một việc: đạo hình nhi thượng, chưa vào trung tâm, còn đang xoay. Phía dưới ông lại nhắc bóng dáng của đạo.

Trước và sau khi vũ trụ vạn hữu bắt đầu

Cổ chi nhân, kỳ tri hữu sở chí hĩ, ô hồ chí?

Người xưa, cái biết của họ có chỗ tới cùng; tới cùng chỗ nào?

Hữu dĩ vi vị thủy hữu vật giả, chí hĩ, tận hĩ, bất khả dĩ gia hĩ.

Có người cho rằng lúc chưa từng có vật: đó là cùng cực, cùng tận, chẳng còn gì thêm.

Kỳ thứ dĩ vi hữu vật hĩ, nhi vị thủy hữu phong dã.

Bậc kế cho rằng đã có vật rồi, nhưng chưa từng có ranh giới.

Kỳ thứ dĩ vi hữu phong yên, nhi vị thủy hữu thị phi dã.

Bậc kế nữa cho rằng đã có ranh giới, nhưng chưa từng có phải trái.

Thị phi chi chương dã, đạo chi sở dĩ khuy dã.

Phải trái hiện rõ: đó là chỗ đạo bị khuyết.

Đạo chi sở dĩ khuy, ái chi sở dĩ thành.

Đạo bị khuyết: đó là chỗ ái (thiên lệch) thành hình.

Quả thả hữu thành dữ khuy hồ tai? Quả thả vô thành dữ khuy hồ tai?

Quả thật có thành với khuyết chăng? Quả thật chẳng có thành với khuyết chăng?

Hữu thành dữ khuy, cố Chiêu thị chi cổ cầm dã; vô thành dữ khuy, cố Chiêu thị chi bất cổ cầm dã.

Có thành với khuyết, nên Chiêu thị mới gảy cầm; chẳng có thành với khuyết, nên Chiêu thị thôi gảy cầm.

Với các học giả đương thời đang nghiên cứu đạo, tranh luận hình nhi thượng với hình nhi hạ, Trang Tử nêu ra: "cổ chi nhân", văn hóa thượng cổ Trung Hoa từ sớm đã có người hiểu đạo hình nhi thượng. "Kỳ tri", trí tuệ của họ "hữu sở chí hĩ", cao đến cùng cực. "Ô hồ chí?" Cao đến mức nào? "Hữu dĩ vi vị thủy hữu vật giả, chí hĩ": có người cho rằng vũ trụ vạn hữu, "tận hĩ, bất khả dĩ gia hĩ". Trước khi muôn vật bắt đầu, chẳng có thế giới, chẳng có trời đất, chẳng có mặt trăng, cũng chẳng có địa cầu, hết thảy đều không: đó là đạo thể hình nhi thượng, cho rằng như thế là đến nơi đến chốn. Văn hóa Trung Hoa về sau gọi là vô cực; nhà Phật gọi là không; người xưa sớm biết đạo thể hình nhi thượng là không, là vô cực. Trang Tử lại nhắc: tổ tiên thượng cổ Trung Hoa đã biết đạo hình nhi thượng là không; sinh mệnh vũ trụ vạn hữu của ta do chân không biến thành diệu hữu mà ra.

Biến thế nào? Đó là vấn đề lớn. Rồi Trang Tử nói: "kỳ thứ dĩ vi hữu vật hĩ", bậc kế dưới thì đã có muôn vật; tổ tiên người Trung Hoa cũng biết vũ trụ muôn vật có lúc bắt đầu có vật. Nay đứng trên lập trường học vấn Trang Tử, đoạn quan niệm này có thể làm bình luận triết học thế giới: người thượng cổ đã biết trước khi muôn vật bắt đầu thì là không. Cái không ấy có thể gọi là duy tâm, hoặc tâm vật nhất nguyên. Kế nữa, có người biết sau khi muôn vật bắt đầu, sức mạnh vật chất rất lớn, tác dụng vật lý rất lớn. Hoặc trước có nước, từ chất lỏng thành nhiệt năng; hoặc từ khí thể thành gió; hoặc địa thủy hỏa phong, kim mộc thủy hỏa thổ, cùng khởi vận động: do vật mà biến. Nhưng vật ấy một khi biến ra, tạo thành thế giới này rồi, "vị thủy hữu phong dã", chưa từng có ranh giới. Tư tưởng triết học chính trị, tư tưởng xã hội học, tư tưởng kinh tế học Trung Hoa đều nhắc gốc rễ này. Trang Tử chỗ này đã nêu, Khổng Tử cũng nêu: ví như trước khi địa cầu hình thành, nhìn theo quan niệm xã hội, chẳng có gì gọi là chế độ tài sản. Chế độ tài sản ấy cũng chẳng nói cái này tư hữu, cái kia công hữu: những quan niệm ấy đều chưa có. Như một người ra đảo hoang khai hoang, chưa từng có ranh giới: chẳng bảo ranh này thuộc anh, ranh kia thuộc tôi. Đến khi dân số loài người dần đông, nhu cầu sống dấy lòng tư của người lên: tôi có phạm vi của tôi, anh có phạm vi của anh, có giới hạn, có ranh giới. Thời sớm nhất, dân số xã hội loài người còn ít, lòng tư còn chưa lớn, nên chưa có tranh đấu.

"Kỳ thứ dĩ vi hữu phong yên, nhi vị thủy hữu thị phi dã." Lúc ấy dân còn ít, dù bảo anh có giới hạn của anh, tôi có giới hạn của tôi, vẫn chưa vì tranh thêm một chút mà sinh phải trái tranh đấu; loài người còn nhường nhau, còn rất có lễ. Tôi thường bảo các học trò: người ta hay nói thời đại đang tiến bộ, nhưng nhìn từ quan điểm lô-gic triết học, thời đại rốt cuộc đang tiến hay đang thoái, rất khó nói. Ở phương Đông, văn hóa cố hữu của Trung Hoa vốn cho rằng văn minh loài người đang suy tàn: càng về đời sau càng loạn, càng đọa lạc, càng thoái bộ. Văn hóa nhà Phật cũng nghĩ vậy. Nên nếu nói triết học nghiêm ngặt, trên lô-gic có chỗ khác nhau; nay ta chỉ có thể nói: phát triển văn minh vật chất của loài người kể là tiến bộ; còn đạo đức tinh thần văn minh thì chẳng nhất định tiến, mà đang đọa lạc thoái hóa. Nay Trang Tử cũng cùng quan niệm ấy.

"Thị phi chi chương dã, đạo chi sở dĩ khuy dã, đạo chi sở dĩ khuy, ái chi sở dĩ thành." Có phải trái thì có tranh đấu; việc ấy một khi diễn biến phát triển, người với đạo càng lúc càng xa. Vì sao trong sách cổ thấy người xưa đắc đạo, hoặc thành tựu học vấn, nhiều biết bao, lại mau lại hay? Vì sao càng về sau càng kém? Hôm qua tôi còn nhận thư một học trò ở nước ngoài, chính hỏi vấn đề ấy. Anh cũng thấy mình rất dụng công, rất cố gắng, tu đạo đã lâu mà chẳng một bóng dáng; vì sao người xưa tu một cái là được? Thầy ơi, em hơi chẳng tin, có phải sách cổ lừa chúng ta không? Lá thư ấy hiện còn đè trên bàn, chưa đáp, vì đáp một lần phải viết bài dài, tôi thật chẳng có giờ. Kỳ thực người xưa chẳng

lừa ta đâu: văn minh vật chất càng phát đạt, xã hội loài người càng phức tạp, tư tưởng càng rối, quan niệm phải trái thiện ác càng phức tạp: những thứ ấy đều là nhân duyên chướng đạo. Huống chi giáo dục phổ cập, kiến thức mở mang, học vấn lại càng mất gốc. Kiến thức chẳng nhất định là học vấn; tôi đứng trên lập trường Trang Tử mà nói đạo lý ấy. Nên ông bảo: "thị phi chi chương dã, đạo chi sở dĩ khuy dã. Đạo chi sở dĩ khuy, ái chi sở dĩ thành." Chữ **"ái"** (爱) đây đại diện thiên ái của lòng tư; sở thích riêng tư càng nặng, lòng ích kỷ của người càng nặng.

Nay vẫn đang ở *Tề Vật Luận*. Ta nhắc lại tôn chỉ toàn thiên: kỳ thực bảy thiên Nội thiên là một mạch liền. Nhất là *Tề Vật Luận*, chỉ đạo thể: bản thể vũ trụ vạn hữu vốn tuyệt đối, đồng nhất, một thể. Khi thể ấy khởi dụng, hiện tượng muôn loài liền khác. Cái gọi là khác chỉ là hiện tượng, tác dụng khác; đạo thể vẫn một. Ví như nước: tính năng của nó là ướt; còn nước trong, nước đục, hoặc biến thành đủ vị mặn nhạt khác nhau, tính năng nước chẳng đổi, chỉ tác dụng và hiện tượng đổi. Nguyên tắc ấy ta phải nắm; đọc *Tề Vật Luận* phải biết nội dung nhất quán. Vì nội dung dẫn quá nhiều, quá náo nhiệt, ta dễ bị thí dụ hay lời giải của ông lừa, thấy rối như không đầu mối; kỳ thực rất liền mạch.

Ví như lần trước ta nói điển cố quen dùng trong văn hóa Trung Hoa: "thư công phú dự", sáng ba chiều bốn, chiều bốn sáng ba. Quan niệm với hiện tượng vừa đổi một cái, mọi người đã bị hiện tượng quan niệm ấy làm mê, sinh ra yêu ghét phải trái khác nhau trên tình cảm. Chuyện ấy vì thí dụ quá hay, lại khiến người quên mất đạo lý "đạo thể là một". Vì quan niệm mỗi nhà khác, nên Nho, Mặc, Đạo, mỗi nhà nói khác, phương pháp ứng dụng cũng khác; do đó hiện tượng mê hoặc người, quên mất cái vốn có. Trọng điểm của Trang Tử nằm ở đây.

Nắm được trọng điểm ấy rồi, nó cùng đạo lý kinh Phật dẫn "đám mù sờ voi, mỗi người nắm một phần" là một. Một con voi đứng đó, một bọn người mù đến sờ: kẻ sờ được vòi, kẻ sờ tai, miệng, chân, đuôi, mỗi người khác, nhưng đều cho phần mình sờ được chính là voi. Nên đám mù sờ voi: sờ được một phần của voi, chẳng thể bảo không phải voi, rốt cuộc cũng chẳng phải cả con voi. Kinh Phật còn một thí dụ nữa, Thiền tông thường dùng: "chia sông uống nước, mỗi bên dựng cửa riêng". Trên đời nước vốn một, vì biển với sông tính chất khác nên vị nước khác: mặn nhạt, đục trong, cứng mềm… Người thường uống nước sông gần nhà mình, lấy cái lệch mà khái quát toàn thể, bảo nước thiên hạ đều vậy. Hai thí dụ ấy trong Phật học cùng một đạo lý với điều Trang Tử nói; chỉ là cách Trang Tử diễn đạt rất đẹp mà thôi.

Phía trước ta nói tới đây: ông bảo tốt nhất buông cả hai bên, lấy trung đạo mà đi; nhưng ông chẳng dựng chữ **"trung"** (中) của trung đạo, Trang Tử nói một chữ dung (庸), chữ dung của *Trung Dung*. Ở kết luận trước, khi nói lưỡng hành cùng tồn, ta cũng đã dẫn *Trung Dung*: "đạo tịnh hành nhi bất bội". Ông mở rộng lẽ ấy, nói tới tri kiến hình nhi thượng của người đối với đạo thể: bắt đầu truy cầu nguồn gốc sinh mệnh nguyên thủy. Vì truy cầu nguồn gốc đầu tiên của đạo thể, tri thức lý luận càng tiến, tranh biện phải trái càng nhiều, lòng tư và thiên kiến cũng càng nhiều. Kết luận: "thị phi chi chương dã, đạo chi sở dĩ khuy dã. Đạo chi sở dĩ khuy, ái chi sở dĩ thành". Tiếp theo ông lại dẫn một chuyện để nói rõ một đạo lý.

"Quả thả hữu thành dữ khuy hồ tai? Quả thả vô thành dữ khuy hồ tai?" Đó chính là văn Trang Tử: như đời Tống có Tô Đông Pha nổi tiếng, cũng theo bút pháp Trang Tử. Rồi các văn sĩ đời Minh, nhất là những người liên quan Thiền, gồm Viên Trung Lang, Lý Trác Ngô, Phùng Mộng Long… cùng đời Thanh Kim Thánh Thán, Lý Lạp Ông loại ấy, đều đi đường văn học Trang Tử; lại thêm đường Phật học, Thiền học: đều là thể văn tổng hợp. Xem văn Trang Tử: chẳng câu nào nói chết cứng; ông chẳng buộc lời cho chết, đều nói sống động; nên đời sau có người bảo Trang Tử chính là một vị khai sơn tổ sư của Thiền tông. Văn chương các thiền sư, cùng lời các đại sư Thiền nói, phần nhiều đều kiểu ấy.

"Quả thả hữu thành dữ khuy hồ tai?" Trên đời, quả thật có cái gọi là thành công với thất bại chăng? "Quả thả vô thành dữ khuy hồ tai?" Quả thật chẳng có thành công với thất bại chăng? Kỳ thực chỉ một quan niệm, nhưng dùng lô-

gic mà nói thì bốn mặt. Nên Trang Tử chẳng những văn đẹp, lô-gic cũng rất rõ. Phía dưới nói một sự thật.

Âm nhạc và đạo

"Hữu thành dữ khuy, cố Chiêu thị chi cổ cầm dã, vô thành dữ khuy, cố Chiêu thị chi bất cổ cầm dã." Trước nêu chuyện một người. "Chiêu thị": Chiêu là họ cổ, tên là Văn, tương truyền là Lỗ Chiêu Văn, nhạc sĩ nước Lỗ. Nghệ thuật cầm của ông đã xuất thần nhập hóa, gần cảnh giới đạo. Cầm ông vừa gảy, người nghe quên mình, quên hết muôn vật. Người chỉ cần nghe ông gảy cầm là vào cảnh giới đạo, siêu thăng, hóa thành thần. "Hữu thành dữ khuy, cố Chiêu thị chi cổ cầm dã": nghĩa là khi Chiêu Văn gảy cầm, tiếng cầm diễn đạt trên đời có thịnh suy thành bại. Thế giới này hoa nở hoa rụng, xuân tới rồi xuân đi, người sinh ra rồi suy, rồi chết; giữa thành với khuyết, giữa sinh diệt biến hóa, khiến người dấy nhiều cảm khái. Diễn cảm tình cảm khái ấy, nên "Chiêu thị chi cổ cầm dã". Khi ông gảy đến tiếng cuối, tay vừa dừng, âm thanh cũng lặng, hết rồi, người cũng quên mình, chẳng còn gì: trời đất đều không, chẳng cần gảy cầm nữa, nên "Chiêu thị chi bất cổ cầm dã". Đó là tả Chiêu Văn gảy cầm: nghệ thuật cầm gần cảnh giới đạo; khi ông cảm về thành khuyết, thành bại thịnh suy của nhân sinh vũ trụ vạn hữu mà nhiều tình cảm dấy lên, ông mới gảy; đợi gảy xong, một tiếng chẳng còn, trời đất người vật đều không: lúc ấy hợp với thể của đạo. Vậy lúc ấy trên đời cũng chẳng còn cái gọi là thịnh suy thành bại, hết thảy đều không. Trang Tử nêu chuyện này trước, rồi đồng thời nêu thêm hai nhạc sĩ nữa.

Chiêu Văn chi cổ cầm dã, Sư Khoáng chi chi sách dã, Huệ Tử chi cứ ngô dã, tam tử chi tri cơ hồ!
Chiêu Văn gảy cầm, Sư Khoáng đánh chi sách, Huệ Tử gảy cứ ngô: cái biết của ba vị gần then chốt rồi!

Giai kỳ thịnh giả dã, cố tải chi mạt niên.
Đều ở lúc thịnh nhất của họ, nên được ghi lại mãi đến cuối đời.

Duy kỳ hảo chi dã, dĩ dị ư bỉ, kỳ hảo chi dã, dục dĩ minh chi.
Chỉ vì họ thích cái ấy, nên khác với người kia; vì thích, muốn lấy đó mà làm sáng tỏ.

Bỉ phi sở minh nhi minh chi, cố dĩ kiên bạch chi muội chung.
Cái kia chẳng phải chỗ nên làm sáng mà cứ làm sáng, nên cuối cùng tối tăm trong lẽ kiên bạch.

Nhi kỳ tử hựu dĩ Văn chi luân chung, chung thân vô thành.
Con ông lại lấy sợi tơ của Văn mà kết thúc, trọn đời chẳng thành.

Nhược thị nhi khả vị thành hồ? Tuy ngã diệc thành dã. Nhược thị nhi bất khả vị thành hồ? Vật dữ ngã vô thành dã.
Như thế mà gọi là thành chăng? Thì ta cũng thành. Như thế mà chẳng gọi là thành chăng? Vật với ta đều chẳng thành.

Thị cố hoạt nghi chi diệu, thánh nhân chi sở đồ dã.
Vì vậy ánh sáng lấp lửng nghi hoặc ấy, chính thánh nhân toan tính.

Vì thị bất dụng nhi ngụ chư dung, thử chi vị dĩ minh.
Vì thế chẳng dùng mà gửi vào dung: đó gọi là lấy sự sáng tỏ.

"Chiêu Văn chi cổ cầm dã, Sư Khoáng chi chi sách dã": **"chi sách"** (枝策) là một loại nhạc khí. Như Tào Quốc Cữu trong Bát Tiên, cầm hai thanh tre, tay bóp một cái là phát tiếng: chi sách chính là thứ ấy, cũng có thể gọi là phách. Sư Khoáng là danh nhạc sĩ nước Tấn; nhạc khí của ông là phách; trình độ âm nhạc cũng tới đỉnh cao nhất, cùng cảnh giới gảy cầm của Chiêu Văn. "Huệ Tử chi cứ ngô dã": Huệ Tử là nhà biện luận nổi tiếng, nói lô-gic, cùng thời Trang

Tử; Mạnh Tử cũng thường nhắc ông. **"cứ ngô"** (据梧) tức gảy cổ cầm, như giáo sư Tôn Dục Cần bậc thầy cổ cầm ngày nay: chuyên gia độc nhất vô nhị về cổ cầm bảy dây. Ta đổi Huệ Tử thành Tôn Tử chi cứ ngô cũng vậy. Khi ông gảy cầm, áo dài vừa mặc, tay chạm dây, chính ông quên râu mình mọc chỗ nào: nghĩa là cảnh giới ấy rất siêu việt. Trang Tử nêu ba người, trình độ âm nhạc đều tới cảnh giới cao ấy; nhưng ta phải đặc biệt chú ý: vì sao ông nêu cảnh giới âm nhạc? Vì âm nhạc, hội họa, hay thơ ca… hết thảy nghệ thuật đều là tình cảm con người phát huy. Giữa cảm khái, mừng giận buồn vui, dùng nghệ thuật ấy cho đến ca múa mà diễn ra: đều cùng một đạo lý. Biến đổi tình cảm, theo cách cổ quy nạp gọi hỷ nộ ai lạc; theo phân tích ngày nay thì nhiều hơn. Toàn bộ hỷ nộ ai lạc của người chính là bốn chữ thành bại thịnh suy; giữa thành bại thịnh suy mà dấy hỷ nộ ai lạc.

Ba bậc thầy âm nhạc ấy cảnh giới cực cao; âm nhạc của họ theo biến đổi tình cảm hỷ nộ ai lạc mà diễn ra trầm bổng nhấn nhá, nhẹ nặng mau chậm khác nhau: đó là chỗ bất tề trong tác dụng muôn vật. Còn khi khúc tàn người tan, **"giang thượng sổ phong thanh"** (trên sông vài ngọn núi xanh), trời đất muôn vật tịch liêu, cùng lúc chưa gảy cầm: thanh nhã thế, trống trải thế, cao xa thế, chẳng có thịnh suy thành bại, cũng chẳng có hỷ nộ ai lạc, lòng này rất bình lặng, như sự bình tề của đạo thể. Họ dùng cảnh giới âm nhạc mà biểu hiện hết thảy ấy. Đoạn này vì liên quan âm nhạc, nên đầu thiên đã nói gió lớn thổi, muôn lỗ hổng gầm thét. Phía dưới ông kết luận.

"Tam tử chi tri cơ hồ! Giai kỳ thịnh giả dã, cố tải chi mạt niên." Ông nói ba người ấy, danh nhạc sĩ trên sử, chẳng phải nhạc sĩ thường: họ đã từ cảnh giới âm nhạc vào cảnh giới đạo; **"thử khúc chỉ ứng thiên thượng hữu, nhân gian ná đắc kỷ hồi văn"** (khúc này chỉ đáng có trên trời, cõi người mấy lần được nghe), tới cảnh giới ấy, thành thần tiên rồi. Ông bảo ba người ấy, cảnh giới âm nhạc đạt tới, "tri cơ hồ"! Chữ cơ (几) đây là cơ (机) của cơ quan, then chốt. Ba người ấy ở cảnh giới "tri cơ". Cơ ấy ở đâu? Khi tình cảm tới, nắm lấy tình cảm ấy, lấy kỹ thuật cao minh mà diễn ra, quả như biến hóa trời đất. Họ nắm được cái cơ ấy; khi gió mây sấm mưa vừa qua, vũ trụ muôn tượng trong sáng, họ một tiếng chẳng phát, cũng trống linh như trời đất. Nên cái tri cơ ấy, nói theo cảnh giới nghệ thuật âm nhạc, người nay gọi là cảm hứng: phải nắm cảm hứng ấy. Đó là nói về phương diện nhỏ.

Về phương diện lớn thì sao? Phía dưới ông có câu kết: "giai kỳ thịnh giả dã, cố tải chi mạt niên". Đều khi tinh thần và trình độ kỹ thuật tới cảnh giới cao nhất, nắm lấy buổi trình diễn thành công. Nên lúc ấy thành công được, trên sử cũng lưu danh nghìn thuở. Nếu đợi tinh thần già cỗi, người sắp suy, dù có lý tưởng cao cũng chẳng làm ra việc, chẳng diễn được nữa. Ví như gảy cầm: óc nghĩ một thủ pháp phải gảy thế nào, một âm thanh phải hay lắm, nhưng thấp khớp rồi! Hai tay thần kinh chẳng ổn, run lên, gảy cũng chẳng xong. Nên ông có một câu kết luận: pháp thế gian với pháp xuất thế gian đều vậy, tu đạo với làm người đều vậy: người phải biết tri cơ, nắm trọng điểm sinh mệnh mình. Chẳng biết cơ thì chỉ tự đùa với mình, vô ích.

Đạo lý tri cơ thì sao? Trang Tử điểm đề rồi: "giai kỳ thịnh giả dã, cố tải chi mạt niên". Khi ông đang đỉnh thịnh, lên tới tuyệt đỉnh, chính là sát na thành công ấy, chẳng còn lần thứ hai, vì chẳng còn tinh thần ấy nữa; cái cơ vừa qua, hết thảy đều qua. Thành công của pháp đời với thành công của tu đạo đều vậy. Ông mở rộng đoạn này, chính là lẽ ông tự dẫn. Tiếp theo lại tiến thêm một bước.

"Duy kỳ hảo chi dã, dĩ dị ư bỉ": ông lấy ba người ấy mà nói, vì sao Chiêu Văn, Sư Khoáng, Huệ Tử trình độ âm nhạc tới cảnh giới thần tiên? Vì sở thích mỗi người khác, thiên ái khác. Mỗi người có điều mình thích: đó cũng là cơ! Phải nắm chỗ sở trường ấy, chuyên một việc ấy, chẳng việc gì chẳng thành. Nên bất kỳ học vấn nào, việc nào: kẻ yêu cái ấy chẳng bằng kẻ mê cái ấy; mê đến mức nào? Say đắm, mê đến như điên: ắt thành công; vì hết thảy thứ bên ngoài trên đời đều chẳng đáng kể, chẳng còn trong lòng: đó chính là đường người thành công.

Chuyên tâm thực chứng

"Kỳ hảo chi dã, dục dĩ minh chi." Chuyên gia lưu danh muôn đời, nhân vật lỗi lạc, đều vì với một việc nào đó có sở thích riêng, rồi bám riết dùi mài vào đó, nhất quyết phải làm vấn đề ấy thấu triệt sáng tỏ: đó chính là nguyên nhân thành tựu. Phía dưới ông lại phê bình: "bỉ phi sở minh nhi minh chi, cố dĩ kiên bạch chi muội chung". Ông nói: nhưng có kẻ, nhất là với bạn ông là Huệ Tử, vì Huệ Tử rất thích biện luận; thích biện luận tức thích nghiên cứu lô-gic và phương pháp tư tưởng, cũng tức là dùng phương pháp để tư duy. Vậy Trang Tử cho rằng những việc ấy đều phí thời gian. Giữa trời đất, tư tưởng là thứ rất kỳ diệu; chẳng nghiên cứu bản thân tư tưởng, chỉ nghiên cứu phương pháp tư tưởng: "bỉ phi sở minh nhi minh chi, cố dĩ kiên bạch chi muội chung". Kiên bạch là điều Huệ Tử họ biện: tức những vấn đề "đá cứng chẳng phải cứng, ngựa trắng chẳng phải ngựa", phía dưới Trang Tử sẽ nói tới. Những người ấy suốt đời tự trói mình trong lô-gic của mình; nói lô-gic nửa ngày, chính họ mới là kẻ kém lô-gic nhất. Trên đời nhiều việc về lý tuyệt đối nói thông được, nhưng trên thực tế chẳng làm được: chính là đạo lý ấy, nên bảo "dĩ kiên bạch chi muội chung".

"Nhi kỳ tử hựu dĩ Văn chi luân chung, chung thân vô thành." Đáng tiếc thay, bọn người ấy tự cho học vấn mình rất hay, kẻ nói lô-gic, họ sẽ "dĩ Văn chi luân chung". Trên lý luận lô-gic viết sách, đăng bài, đăng cả lô-gic của lô-gic, càng lúc càng chẳng biết lô-gic đã chạy đi đâu. Kết luận là "chung thân vô thành". Làm nửa ngày, tu đạo cũng vậy, làm việc đời cũng vậy, đều chẳng thành công.

"Nhược thị nhi khả vị thành hồ? Tuy ngã diệc thành dã. Nhược thị nhi bất khả vị thành hồ? Vật dữ ngã vô thành dã." Trang Tử nói hết cả hai phía! Tuyệt chẳng để lại cái đuôi nào cho bạn nắm. Đoạn này ông phê phán việc dùng tư tưởng lô-gic để suy đoán đạo là gì, đạo rốt cuộc thế nào: việc ấy đời đời chẳng làm rõ được. Ông đã mắng: dùng phương pháp lô-gic hay suy luận để cầu đạo, cho rằng tư tưởng chính là đạo, thì hoàn toàn sai. Ông lại nói: "nhược thị nhi khả vị thành hồ? Tuy ngã diệc thành dã". Giả sử cả ngày ngồi đó nói chuyện suông mà thành công được, thì ta đã thành công sớm rồi.

Câu ấy của Trang Tử giống Gia Cát Lượng trong *Tam Quốc diễn nghĩa*, ở Đông Ngô mắng một lũ đọc sách: **"tọa nghị lập đàm, thao thao bất tuyệt, lâm cơ ứng biến, bách vô nhất năng"** (ngồi bàn đứng nói thao thao bất tuyệt; gặp việc ứng biến, trăm việc chẳng được một). Các ông ấy, lỗi lạc thật! Nói học lý đều có một bộ. Gặp việc ứng biến thì trăm việc chẳng được một: thế thì có ích gì? Cách nói khẩu tài của Gia Cát Lượng hình như cũng từ Trang Tử mà ra. Trang Tử cũng nói: "nhược thị nhi khả vị thành hồ?" Nếu cho rằng ngồi bàn đứng nói chẳng ai kịp gọi là học vấn, cũng gọi là thành công, thì Trang Tử vừa hóm hỉnh, vừa ngạo nghễ, vừa khiêm tốn bảo: "tuy ngã diệc thành dã". Ông nói: thế thì ta đã thành công sớm rồi. "Nhược thị nhi bất khả vị thành hồ?" Thế trên đời cái gì gọi là hữu dụng? "Vật dữ ngã vô thành dã": trời đất muôn vật với ta vốn chẳng có một kết luận, đều chẳng gọi là thành công. Thượng Đế tạo vũ trụ, tạo nửa ngày, bao nhiêu năm sau lại thành một mớ hỗn loạn rồi hủy diệt: chẳng thừa thãi sao? Đó gọi là chung thân vô thành.

Người dựng nhà, nghìn trăm năm sau nhà vẫn hóa bụi; trời đất muôn vật cũng như ta, đều chẳng có kết luận; nhưng cũng đừng cho rằng học vấn luận biện chẳng có kết luận thì chẳng còn gì gọi là thành công. Bạn hỏi Trang Tử rốt cuộc đứng bên nào mà nói? Cứ nhìn ông: ông nói hết cả hai bên. Bạn cho thế này là đúng, lấy lệch khái quát toàn bộ, sai; bạn cho thế kia là đúng, cũng lấy lệch khái quát toàn bộ, đều sai; bạn bảo tôi lệch cũng chẳng lệch, khái cũng chẳng khái, toàn cũng chẳng toàn, đúng không? Bạn lại sai: đó chính là đạo của Trang Tử. Vậy phải làm sao mới chẳng sai? Trang Tử miễn cưỡng chỉ cho ta một đường.

Cảnh giới thánh nhân theo đuổi

"Thị cố hoạt nghi chi diệu, thánh nhân chi sở đồ dã." Trang Tử nêu danh từ này thật là hết thuốc chữa, gọi là "hoạt nghi chi diệu". **"Hoạt nghi"** (滑疑) là thứ gì? Vừa chữ **"hoạt"** (滑 - trơn tuột, quanh co như trong "hoạt đầu"), vừa chữ **"nghi"** (疑 - nghi hoặc): đời sau nhìn vào, một bên quanh co một bên nghi hoặc, ghép lại với nhau thành thứ vô dụng, rất đáng ghét; phía dưới lại thêm "chi diệu", phát ra ánh sáng: đó là thứ gì? Ông bảo "thánh nhân chi sở đồ dã": thánh nhân phải đi chính là cảnh giới ấy, đi đường thực chứng. Đi tới đâu? Tới cảnh giới "hoạt nghi chi diệu" thì đúng. Ông nói đạt cảnh giới ấy thì "vi thị bất dụng nhi ngụ chư dung": thế là rời khỏi chỗ ứng dụng thế tục thường, đạt tới dùng mà chẳng dùng, hết thảy vô vi mà vẫn làm: chính là cảnh giới đạo. "Thử chi vị dĩ minh": như thế gọi là sáng đạo, ngộ đạo. Những kẻ dùng lý luận suy luận để cầu đạo, đời đời chẳng phải; tư tưởng vọng niệm chẳng dứt, đều chẳng phải; mà phải cầu chứng nghiệm.

Hoạt nghi chi diệu là gì? Nay ta đều mượn thứ khác mà nói: cái gọi là hoạt nghi ấy dường có dường không, chẳng thật chẳng giả, là một cảnh giới lòng trong tự nhiên sáng lên. Chẳng mượn lời giải nhà khác, Trang Tử nói ra cái ấy, chính ông cũng chẳng cách nào nói rõ cảnh giới ấy là gì. Ông bèn tạo danh từ hoạt nghi (滑疑). Chữ hoạt (滑) ấy, nói nghiêm thì phải nghiên cứu thổ âm phía nam nước Sở thời Chiến Quốc. Nên tôi vẫn để ý tiếng nói vùng biên Hồ Bắc với Hà Nam: ắt có một câu rất thổ rất thổ, cùng âm với chữ ấy.

Nếu mượn lời giải nhà khác thì dễ hiểu, như kinh *Lăng Nghiêm* nhà Phật nói: **"thoát niêm nội phục, diệu phát minh tính"** (cởi hết dính mắc, ẩn phục bên trong, ánh sáng phát ra tính sáng). Lúc ấy hết thảy sáu căn sáu trần đều thoát. Nội phục chẳng phải trong thân thể; chữ nội ấy cũng chỉ là giả định: đã vào trong đạo thể ấy rồi, thì ánh sáng tự tính liền hiện. Đoạn Trang Tử phát huy đây nói rõ cảnh giới đạo chẳng phải do suy luận, mà phải thực chứng tới: chính là hai câu ấy trên kinh *Lăng Nghiêm*.

Nói tới đây lại sang chuyện khác: Trang Tử với Huệ Tử vốn là bạn thân, nhưng với kẻ như Huệ Tử thích lấy suy luận mà học đạo, lấy tư tưởng lô-gic mà nói đạo, ông rất ghét. Điểm khác ta thấy: thời Chiến Quốc các học phái đua tiếng, tư tưởng phát đạt. Nhưng tư tưởng phát đạt, luận biện quá nhiều, mọi người ngược lại mơ màng chẳng biết chỗ dựa. Trên lịch sử Trung Hoa có ba giai đoạn học thuật tư tưởng rất phát đạt, mà khi triết học phát triển cao nhất cũng chính là lúc thiên hạ đại loạn. Một là thời Chiến Quốc, cũng tức thời đại Trang Tử; một là Ngụy Tấn Nam Bắc triều, cái gọi là thanh đàm, thời đại của cái học tam huyền, kỳ thực cũng chẳng chỉ tam huyền; một nữa là thời Nam Bắc Tống. Với nhà Tống, tôi chẳng gọi là nhà Tống: đó là Nam Bắc triều thứ hai. Vì kỳ thực nhà Tống chỉ nửa Trung Hoa; nửa kia là Liêu, Kim, Nguyên, họ cũng có văn hóa cao; nhưng ta nghiên cứu sử lấy người Hán làm chủ, thường quên Liêu Kim Nguyên: điều ấy chẳng đúng. Thời Nam Bắc triều cũng là lúc lý học phát đạt nhất; học thuật một khi phát đạt, những gì để lại dấu trên sử đều rất bi ai, thiên hạ đều loạn: có thể nói xã hội bị tư tưởng khuấy rối. Nên Trang Tử lúc ấy rất ghét bọn chuyên luận biện, chuyên tư tưởng triết học.

Kim thả hữu ngôn ư thử, bất tri kỳ dữ thị loại hồ? Kỳ dữ thị bất loại hồ,

Nay hãy có lời ở đây: chẳng biết nó cùng với cái ấy có cùng loại chăng? Hay cùng với cái ấy chẳng cùng loại?

loại dữ bất loại, tương dữ vi loại? Tắc dữ bỉ vô dĩ dị hĩ.

Cùng loại với chẳng cùng loại, cùng hợp thành một loại? Thế thì với cái kia chẳng khác gì nữa.

Tuy nhiên, thỉnh thường ngôn chi.

Dù vậy, xin thử nói một phen.

Trang Tử phía trước nói tới một cảnh giới thực chứng, ông nêu một danh từ "hoạt nghi chi diệu", trước đặt ở đây: đó chính là thiền của Trang Tử. Về sau nhiều đại sư Thiền tông cũng vậy: nói tới chỗ quan trọng nhất, vừa điểm đề, vừa chạm một câu, ngang như ta chụp ảnh ngày nay: bạn chú ý, cười một cái, cười cười, tách một cái sáng, bạn đã bị ông chụp xong. Thủ pháp giáo dục của Trang Tử chính là vậy. Đèn flash vừa loé, bạn hiểu một chút cũng được, chẳng hiểu cũng vậy; phía dưới ông lại đẩy ra, trông như chẳng liên quan, nhưng vẫn nối liền.

"Kim thả hữu ngôn ư thử": ông bảo tôi xin tuyên bố trước, "bất tri kỳ dữ thị loại hồ?": chẳng biết điều tôi nói có cùng loại với các ông nói lô-gic hay không? Đó là một dị nghị. Văn ông rất sống, cũng có thể hiểu là: chẳng biết tôi nói đúng hay không? "Kỳ dữ thị bất loại hồ?": hoặc lời tôi nói có hợp lô-gic của bạn hay không: đó là cách giải khác, hoặc tôi nói chẳng khớp với bạn. Phía dưới kết luận của ông tới: "loại dữ bất loại, tương dữ vi loại": mặc kệ giống bạn hay giống ông kia, hoặc khác cả hai nhà, thì đó là của tôi, tôi cũng là một nhà. Trên luận biện, đó chính là phương pháp luận biện chính-phản-hợp. "Tắc dữ bỉ vi dĩ dị hĩ": câu ấy lại lật đổ chữ nghĩa do quan niệm lô-gic của chính mình dựng lên. Tóm lại: nay tôi muốn nói một câu, chẳng biết đúng hay không; quan niệm các ông cho hợp lô-gic hay không, đều chẳng quản. Nếu các ông đều phủ nhận tôi, tôi tự dựng một hệ thống. Dù vậy, cũng loạn như các ông. "Tắc dữ bỉ vô dĩ dị hĩ": tôi lại thừa thãi một việc.

Mấy câu chữ ấy rất giản dị; nhìn văn Trang Tử, nếu ta là thầy quốc văn, mấy câu ấy rất có thể lấy bút đỏ gạch bỏ, như thừa thãi. Nhưng kẻ thật hiểu lô-gic, cho đến kẻ biết viết văn lô-gic, một chữ cũng chẳng động được: ông nói rất rõ. Nói cách khác, người học được một thuật biện luận như thế thì rất cao minh. Nay tôi trước muốn nói với bạn một câu, chẳng biết nghe có êm tai hay không; mặc kệ êm hay chẳng êm, dù sao tôi đã nói, bạn ắt phải nghe; nghe rồi đúng hay không: dù sao cũng là lời tầm phào, nghe qua rồi thôi. Chính là câu ấy. Bạn hỏi ông có lý không? Chẳng có lý không? Ông rất có lý, lý đều đúng.

"Tuy nhiên, thỉnh thường ngôn chi." Hai chữ **"tuy nhiên"** (虽然) chính là "nhưng". Phía trên văn "tắc dữ bỉ vô dĩ dị hĩ": một câu kết luận lật đổ hết thảy. Dù chẳng nên nói, nhưng "thỉnh thường ngôn chi": tôi vẫn dài dòng thêm một chút; kết quả ông vẫn phải nói.

Thái cực · vô cực · thái thái cực

Hữu thủy dã giả, hữu vị thủy hữu thủy dã giả,
Có cái đã bắt đầu; có cái chưa từng có cái bắt đầu;

hữu vị thủy hữu phù vị thủy hữu thủy dã giả.
có cái chưa từng có cả cái chưa từng có cái bắt đầu.

Thế là dài dòng rồi. Trang Tử bảo: bạn muốn hỏi tới đạo, chính là điều nhà triết học, triết học Hy Lạp muốn nghiên cứu: trước có gà hay trước có trứng? Trước có nam hay trước có nữ? Vũ trụ rốt cuộc bắt đầu từ ngày nào? Cũng chính là điều triết học tôn giáo muốn nghiên cứu: Thượng Đế từ đâu tới? Bà ngoại Thượng Đế do ai sinh? Chính là những vấn đề ấy. Nên tôi bảo đó là triết học Tây phương. Còn nói triết học Trung Hoa, chẳng có một hệ thống riêng đứng một mình; nên mọi người học sử triết học Trung Hoa thì thật là chuyện buồn cười; vì triết học Trung Hoa với văn học, sử, chính trị bốn thứ liền một. Thứ nhất văn-triết chẳng tách: nhà văn đều là nhà triết; một nhà triết học Trung Hoa muốn hiểu triết, trước phải hiểu *Thi Kinh* với *Kinh Dịch*. Trong *Thi Kinh* đều là triết; văn với triết vốn chẳng tách, khác Tây phương nhà triết, nhà khoa học, nhà thơ mỗi người đứng riêng. Thứ hai văn-sử chẳng tách: nhà văn với sử gia chẳng tách. Thứ nữa văn-chính cũng chẳng tách: một đại văn hào thường cũng là đại chính trị gia, cũng là sử gia. Chính trị

đây chẳng phải chính trị chủ quan thường nói, mà chẳng tách khỏi việc thực tế làm người làm việc trong đời. Nên văn-triết, văn-chính, văn-sử đều chẳng tách, hết thảy liền nhau.

Kỳ thực triết học Trung Hoa đã có từ sớm; ví như ta tùy tiện nêu một câu nổi tiếng trong văn học, như bài thơ *Xuân giang hoa nguyệt dạ* giữa Tùy Đường: bài ca dài ấy đầy vấn đề triết học. Hai câu nổi nhất: **"giang thượng hà nhân sơ kiến nguyệt, giang nguyệt hà niên sơ chiếu nhân"** (trên sông ai là người đầu tiên thấy trăng; trăng sông năm nào bắt đầu soi người). Hay hơn nhiều cái chuyện trước có gà hay trước có trứng của các ông. Mặc gà với trứng: người Trung Hoa đem gà hầm lên, thêm chút nấm hương thì rất ngon, đâu có giờ hỏi các ông trước có gà hay trước có trứng! Nhưng gặp cảnh giới văn chương ấy: "giang thượng hà nhân sơ kiến nguyệt, giang nguyệt hà niên sơ chiếu nhân", cái vị ấy thú vị hơn nhiều chuyện trước có gà hay trước có trứng. Cho đến Tô Đông Pha ta thường nhắc: nay kể chuyện đùa về ông, Tô Đông Pha sớm đã muốn làm cục trưởng Cục Không gian; vì sao nói vậy? Lúc ấy còn đời Tống, xem bài từ ông làm: **"bất tri thiên thượng cung khuyết, kim tịch thị hà niên?"** (chẳng biết cung khuyết trên trời, đêm nay là năm nào?). Ông rất muốn ngồi tên lửa bay lên xem. Những điều ấy nói rõ tư tưởng triết học Trung Hoa đầy trong trước tác văn học. Nếu trong trước tác văn học người Trung Hoa: văn chương, thi từ, ca phú, câu đối, mà tìm ra phần triết học, thì thật kinh khủng, nhiều vô kể.

Trang Tử chỗ này nêu vấn đề ấy: tức giữa trời đất, trước khi chưa bắt đầu, khi còn chẳng có nam nữ, đến một quả trứng cũng chưa có, "hữu thủy dã giả": ắt phải có một thứ bắt đầu. Nếu bảo là không, theo nhà Phật nói thì đúng! Chẳng cần bàn thêm. Giả sử kẻ nói triết học lô-gic, họ sẽ hỏi: cái không ấy, ai khiến nó không lên? Cái không ấy tự nhiên không ra, hay có người tạo ra? Vấn đề ấy rất quan trọng. Giả sử tự nhiên không lên, cuối cùng ắt cũng về không; đã vậy không vốn tự nhiên, thì tôi cần gì phải tu đạo? Tôi đợi đến ngày tự nhiên, tự nhiên sẽ không, cần gì khổ sở tu uổng một phen! Bạn bảo chẳng phải tự nhiên, thì cái không ấy ai tạo? Bạn bảo chẳng ai tạo, cái không ấy lại từ đâu tới? Vấn đề ấy chẳng thể hỏi thêm; nếu hỏi tiếp, sẽ hỏi đến mức người điên. Nên kẻ học triết, vì hỏi chẳng ra chỗ cùng, nhiều người học đến mức nhảy sông. **"Vị thủy"** (未始) tức nói trước khi chưa bắt đầu; "hữu thủy dã giả": cái bắt đầu đầu tiên ấy là thứ gì? Là ai?

Chỗ này có bốn tầng giả thiết, tầng tầng truy về phía trước. "Hữu thủy dã giả, hữu vị thủy hữu thủy dã giả." Nếu lấy văn hóa Trung Hoa làm chú giải thì còn dễ, vì tên gọi nhiều. "Hữu thủy dã giả" tức cái bắt đầu, thì gọi **"thái cực"** (太极). Phía trước thái cực, người đời sau lại thêm một tên: "hữu vị thủy hữu thủy dã giả", gọi là vô cực. "Hữu vị thủy hữu phù vị thủy hữu thủy dã giả": phía trước vô cực lại tiến thêm một bước; tôi nghĩ chỉ còn cách đặt thêm một tên gọi **"thái thái cực"** (太太极). Lại có người chú giải thế này: "hữu thủy dã giả" là khởi đầu muôn vật; "hữu vị thủy hữu thủy dã giả" gọi là thái cực; "hữu vị thủy hữu phù vị thủy hữu thủy dã giả" gọi là vô cực. Vậy lấy văn hóa Trung Hoa chú giải thì đó là ba tầng. Nhìn văn Trang Tử, các bạn trẻ tự nghiên cứu kỹ xảo chữ nghĩa của ông: rất thú vị! Nhìn ông dài dòng thế, ta thì dài dòng chẳng ra nổi.

"Hữu thủy dã giả": có cái đã bắt đầu. "Hữu vị thủy hữu thủy dã giả": có một cái, trước khi chưa bắt đầu, mà đã có cái bắt đầu ấy. "Hữu vị thủy hữu phù vị thủy hữu thủy dã giả": có một cái chưa bắt đầu; dù chưa bắt đầu, dường như lại có chút bắt đầu. Ông nói đúng kiểu ấy; lời nói ấy nửa mang tính tinh thần, như lời nói thần kinh. Quy nạp theo nhà Phật: trước Thích Ca Mâu Ni Phật, Phật học Ấn Độ có trường phái luận biện cũng vậy; nên Thích Ca Mâu Ni Phật, giống Khổng Tử Trung Hoa, san định *Thi* và *Thư*, đặt ra lễ nhạc, phán định các học lý ấy. Trong đó có vấn đề **"năng"** (能) và **"sở"** (所); ví như tám thức nhà Phật nói, trước Thích Ca Mâu Ni Phật có trường phái nói tới mười thức, mười một thức, mười hai thức, phía sau còn suy rộng nhiều; Thích Ca Mâu Ni Phật quy nạp phán định thành tám thức: đó đều là sự dựng lập học thuật. Bộ luận của Trang Tử cũng vậy, đại diện cả một bộ tư tưởng thượng cổ Trung Hoa.

Hữu hữu dã giả, hữu vô dã giả,

Có cái có; có cái không;

hữu vị thủy hữu vô dã giả,

có cái chưa từng có cả có lẫn không;

hữu vị thủy hữu phù vị thủy hữu vô dã giả.

có cái chưa từng có cả cái chưa từng có có lẫn không.

"Hữu hữu dã giả": có một cái có. "Hữu vô dã giả": có một cái không. Vậy có với không là hai bên đối lập. "Hữu vị thủy hữu vô dã giả": có một cái cả có lẫn không đều chưa bắt đầu. "Hữu vị thủy hữu phù vị thủy hữu vô dã giả": có một cái trước khi "có" với "không" còn chưa bắt đầu: chính là hai chữ năng sở vừa nói. Đoạn này ta nói qua giản dị thôi; nếu nói kỹ còn cả đống thuyết, rất mất giờ. Ta đều mang đầu óc Trung Hoa, tính cách Trung Hoa: truyền thống tổ tiên chẳng thích dài dòng quá, đại khái hiểu là được.

Nga nhi hữu vô hĩ, nhi vị tri hữu vô chi quả thục hữu thục vô dã.

Chốc lát đã có có và không rồi, mà chưa biết trong có và không ấy quả cái nào thật có, cái nào thật không.

"Nga nhi hữu vô hĩ": ông bảo giữa trời đất, khi muôn vật còn chưa sinh, trống không, bỗng nhiên sinh ra một "có" một "không", một bên có một bên không. "Nhi vị tri hữu vô chi quả thục hữu thục vô dã." Nhưng ta vẫn chưa biết: cái có với cái không ấy, rốt cuộc thật có chăng? Hay thật không? Vấn đề ấy tới, khá khoa học thực tế. Ta nói không: cái không ấy là không trống rỗng như khoảng không gian, hay cái không ấy đại diện tuyệt đối chẳng có gì, là cái không gì cũng chẳng có? Đó là hai quan niệm! Ta bước vào một căn phòng trống: đó là không của không gian; đứng trên đỉnh núi cao tuyệt, thấy trời đất khoảng không ấy trống thế: đó là không của khoảng không lớn, đều là không của không gian. Còn một cái không khác: không trên lý niệm, hết rồi gọi là không, khác với không của không gian. Nên cái gọi là có với không "thục hữu thục vô": thế nào gọi là có? Thế nào gọi là không? Không là cái không nào?

Kim ngã tắc dĩ hữu vị hĩ, nhi vị tri ngô sở vị chi kỳ quả hữu vị hồ, kỳ quả vô vị hồ?

Nay ta đã có lời nói rồi, mà chưa biết điều ta gọi ấy quả thật có lời chăng, quả thật chẳng có lời chăng?

Trang Tử bảo: vì vậy nay tôi nêu một lý luận, cái gọi là vũ trụ bắt đầu, có cái có, có cái không; tôi nói thật với bạn, tôi cũng chẳng biết; điều tôi nói không, hoặc nói có, "quả hữu" hoặc "quả vô", rốt cuộc là có chăng? Hay chẳng có? Tôi làm chẳng rõ.

Vì sao ông nói đoạn này? Phía trên đã bàn những "loại dữ bất loại", vũ trụ vạn hữu có cái bắt đầu, có cái chưa bắt đầu; mặc kệ có bắt đầu hay không, hai quan niệm quy nạp lại chỉ còn một không một có. Mặc kệ không hay có, trước khi ta chưa cầu chứng tới cái không và cái có, chỉ có thể nói đó là chủ đề giả thiết trong tư tưởng bạn, vì bạn chưa thực chứng đạo ấy. Chủ đề giả thiết do duy tâm tạo ra, do tư tưởng bạn bày ra, nhưng bản thân tư tưởng thì hư huyền, chẳng đáng tin. Bạn nghiên cứu Trang Tử tới đây, cả thiên trước sau gom lại, sẽ rõ: ông vốn nói chính là điều ấy! Văn ông ấy, ôi! Thủ pháp cao minh thế: vừa lên là những đường quyền hoa mỹ, rồi công phu thật, đao thật thương thật ập tới, khiến người nhìn chẳng rõ; kỳ thực ông bảo bạn rất rõ.

Phía dưới ông nêu một trọng điểm: những lý luận tư tưởng ấy, với tu đạo đều vô dụng; nói cách khác, ta có thể quy nạp một câu: hết thảy học vấn giữa trời đất, mặc kệ tôn giáo, triết học, khoa học hay chư tử bách gia, có một đại nguyên tắc, tức hết thảy học vấn ấy, nếu chẳng liên quan thân tâm tính mệnh của ta, thì sẽ chẳng tồn tại. Bạn bảo tiên tri, bói quẻ, xem số, những thứ ấy với ta chẳng liên quan mấy chăng? Có liên quan đấy! Vì ta muốn biết sinh mệnh

mình rốt cuộc thế nào; chính vì chút liên quan ấy, nên nghìn năm nó vẫn còn. Có người bảo rằm tháng bảy có quỷ; mượn lời Trang Tử: **"quả kỳ hữu quỷ hà tai? Quả kỳ vô quỷ hà tai? Quả kỳ hữu quỷ chi dữ vô quỷ hựu hà tai?"** (quả thật có quỷ chăng? quả thật không có quỷ chăng? quả thật cái có quỷ với cái không quỷ lại là thế nào?) Bạn biết có quỷ hay chẳng có quỷ? Ai biết! Nhưng nó liên quan thân tâm tính mệnh con người! Khi bạn chẳng giải thích được, sẽ bảo đụng phải quỷ rồi. Nên nó có liên quan, vì vậy thuyết quỷ thần cũng tồn tại. Ngược lại, học vấn chẳng liên quan thân tâm tính mệnh sẽ chẳng tồn tại, sẽ tự bị đào thải. Cái gì liên quan thân tâm tính mệnh ấy? Trang Tử nay nêu ra.

Lớn nhỏ thọ yểu làm một

Thiên hạ mạc đại ư thu hào chi mạt, nhi Thái sơn vi tiểu;
Trong thiên hạ chẳng gì lớn hơn đầu lông thu, mà núi Thái lại nhỏ;

mạc thọ hồ thương tử, nhi Bành Tổ vi yểu.
chẳng ai thọ bằng đứa trẻ chết non, mà Bành Tổ lại yểu.

Thiên địa dữ ngã tịnh sinh, nhi vạn vật dữ ngã vi nhất.
Trời đất cùng ta cùng sinh; muôn vật cùng ta làm một.

Thiên *Tề Vật Luận* của Trang Tử lại điểm đề, cũng như mấy cao trào phía trước: đều điểm đề bảo ta. Từ một kết luận lớn **"thiên địa nhất chỉ dã, vạn vật nhất mã dã"** (trời đất một ngón chỉ; muôn vật một con ngựa), cao trào kết luận tới đây lại dồn lên: như bão, lại như nước biển đổ ngược về đây; nước chảy ra đồng bằng, nước cũng hết sạch, rồi lại một cao trào nữa. Cuối cùng bảo **"thiên địa dữ ngã tịnh tồn, vạn vật dữ ngã vi nhất"** (trời đất cùng ta cùng tồn tại; muôn vật cùng ta làm một). Đó đại diện cho cái đạo trong văn hóa Trung Hoa: lại một cao trào dâng tới đỉnh; đó chính là Trang Tử.

Vậy nguyên văn nói thế nào? Trong đó còn bàn lô-gic: ông bác bọn Huệ Tử nói lô-gic, đều rối tung, biện bác nửa ngày chẳng ích gì. Kỳ thực bản thân Trang Tử chính là đại lô-gic. Ông nói "thiên hạ mạc đại ư thu hào chi mạt": vật lớn nhất trong thiên hạ là lông thu. Tóc trên đầu ta chẳng gọi là lông tơ; lông trên thân mới gọi là lông tơ; trẻ mới sinh có lớp lông mịn, loại ấy gọi là hào. Lông thu càng mịn hơn: vì người tới mùa thu đông, có kẻ nấm chân lở, hoặc da quanh móng tay bong; người cũng như thú, hai mùa xuân thu phải thay một lớp da, nên nước tắm hai mùa ấy bẩn đặc biệt. Mùa thu da bong, lông cũng rụng; lông mới vừa mọc gọi là **"thu hào"** (秋毫 - lông thu), mảnh đến mức nhìn cũng chẳng thấy, nhỏ nhất; vậy mà Trang Tử bảo vật lớn nhất thiên hạ là thu hào, núi Thái chẳng kể lớn, kể là nhỏ. Bạn bảo ông nói chuyện gì vậy?

Lớn nhỏ chẳng có chuẩn tuyệt đối. Bạn bảo thế nào là lớn? Lớn thế này, lớn thế kia: lớn tới chỗ chẳng còn gì để nói mới là lớn nhất, lớn tới mức chẳng hiểu nổi mới kể là lớn; cái ấy cũng chính là nhỏ nhất, ngay trước mắt. Nhỏ tới mức chẳng thể nhỏ hơn nữa, nhìn chẳng thấy: cái ấy lại là lớn nhất, lớn ngang hư không. Nếu lấy lô-gic mà nói thì chẳng nói được; nên ông nói việc thực, cũng là việc thật. Vì vậy lớn nhỏ, phải trái, thiện ác đều do duy tâm sinh ra, chẳng có cái rốt ráo tuyệt đối: chính là đạo lý "thiên hạ mạc đại ư thu hào chi mạt, nhi Thái sơn vi tiểu".

"Mạc thọ hồ thương tử": người xưa gọi đứa trẻ sinh ra rồi chết là **"thương tử"** (殇子 - trẻ chết non); cũng có vài cách nói, đại khái trẻ chưa trưởng thành mà chết đều gọi thương tử. Trẻ sinh ra chẳng bao lâu đã chết, Trang Tử lại bảo thọ mệnh nó dài nhất; "nhi Bành Tổ vi yểu": Bành Tổ, tổ tiên xa của người Trung Hoa, sống tám trăm tuổi, lại kể là đoản mệnh. Dài ngắn của thọ mệnh, lớn nhỏ của không gian: hết thảy đều là quan niệm do người đặt ra, thuộc phạm vi duy tâm tạo tác, chẳng có chuẩn tuyệt đối. Chuẩn tuyệt đối ở đâu? Phải để ta đi cầu chứng.

Ông lại nói: "thiên địa dữ ngã tịnh sinh, nhi vạn vật dữ ngã vi nhất": đó chính là đạo. Hai câu ấy cũng chẳng cách nào giải thích thêm; ai đọc cũng hiểu, ai cũng đắc đạo rồi, vì đều hiểu rồi mà!

"Thiên địa dữ ngã tịnh sinh" chẳng phải bảo trời đất chính là ta, cũng chẳng phải bảo ta chính là trời đất; trời đất vẫn là trời đất; trời, đất, ta: tức trời đất người cùng tới một lúc. Muôn vật với ta vốn là hai, chẳng phải một; nhưng đều là một phần tử của cái ấy, nên bảo **"vi nhất"** (làm một).

Tôi xem nhiều chú giải, nhiều lần dẫn dụng, đều đem "thiên địa dữ ngã tịnh sinh" nói thành trời đất chính là ta; "vạn vật dữ ngã vi nhất" như làm bánh màn thầu, bỏ chút muối bỏ chút đường, nhào chung thành bánh màn thầu mặn ngọt: hoàn toàn sai. Chú ý! Thiên địa dữ ngã tịnh sinh là nghĩa cùng tồn tại. Muôn vật với ta có thể nói là đồng nhất về gốc, rốt cuộc chẳng phải một vật; vật là vật, ta là ta, trời vẫn trời, đất vẫn đất. Điểm trọng yếu ấy hiểu sai thì sai lớn: lệch một ly, lệch nghìn dặm. Nên hôm nay ta đặc biệt nêu ra bảo mọi người: nhớ kỹ hai câu văn ấy. Trời đất với ta cùng tồn tại; muôn vật với ta cùng từ một nguyên thể mà ra, nên ta cũng như muôn vật, đều kể là một phần tử. Đó là cao trào của đoạn văn.

Ký dĩ vi nhất hĩ, thả đắc hữu ngôn hồ?
Đã là một rồi, há còn lời để nói chăng?

Ký dĩ vị chi nhất hĩ, thả đắc vô ngôn hồ?
Đã gọi là một rồi, há lại chẳng có lời chăng?

"Ký dĩ vi nhất hĩ": đã là một thể, "thả đắc hữu ngôn hồ"? Thế thì chẳng còn gì để nói. Đó chính là đạo lý lô-gic. Người Trung Hoa học Thiền tông, thấy Thiền rất huyền diệu; tổ sư Thiền chính là bậc thầy lô-gic cao minh: chẳng một lời, chẳng một động tác nào trái lô-gic, đều rất hợp lý. Bạn xem Trang Tử mà hiểu rồi, bạn cũng hiểu Thiền. Đã là một, "thả đắc hữu ngôn hồ"? Đã là một thể, còn lời gì để nói? Đã là một thể, sao lại chẳng có lời? Đúng không! Ta đã sai rồi, bạn cần gì mắng ta? Đã sai rồi, mắng bạn một câu thì sao? Vậy ta đã sai rồi, mắng hay không mắng đều chẳng quan hệ; nên mắng bạn cũng được, không mắng cũng được: chính là đạo lý ấy.

Triết học Trung Hoa nay thích dẫn chứng văn hóa triết học Tây phương. Hơn trăm năm nay, về danh từ đạo, đều quen dùng bản dịch tư tưởng triết học Tây: gọi là **"bản thể"** (本体). Cái gọi là bản thể luận, nhận thức luận: những tên dịch ấy do văn hóa Tây phương đưa vào, thật có chỗ chẳng ổn. Nhưng nay danh từ **"kinh tế"** (经济) cũng dùng hơn trăm năm rồi; kỳ thực quan niệm kinh tế người Trung Hoa xưa nói lớn hơn nhiều. Văn học cổ có một câu đối: **"văn chương Tây Hán song Tư Mã, kinh tế Nam Dương nhất Ngọa Long"** (văn chương đời Tây Hán có cặp Tư Mã; kinh tế đất Nam Dương có một Ngọa Long); Gia Cát Lượng mới thật là đại gia kinh tế. Kinh tế là gì? Kinh luân thiên hạ, tài tế thế, cứu người cứu đời: học vấn ấy đời xưa gọi là học kinh tế. Về sau văn hóa Tây phương vào, kẻ túi rỗng đem đồ ra bán bán, biến thành tiền thì gọi là kinh tế. Thế là quan niệm kinh tế ấy của Trung Hoa hết sạch.

Âm Mân Nam đọc "triết học" nghe như **"thiết hạp"** (hộp sắt); tôi bảo còn có "đồng hạp" nữa! Bạn phải biết: những chữ triết học, kinh tế, bản thể luận, nhận thức luận đều do người Nhật dịch. Người Nhật vốn là người Trung Hoa, dùng chữ Hán của Trung Hoa; họ dịch sẵn bằng Hán văn, ta thấy họ dịch xong bèn lấy hàng cũ về dùng! Triết học, kinh tế đều từ đó mà ra. Nay ta cũng dùng hơn trăm năm, đã quen. Chữ đạo ấy cũng lấy chữ bản thể dịch từ Tây. Nhưng từ khi có danh từ ấy, nghiên cứu triết học vừa nói tới bản thể đã chẳng còn là cảnh giới đạo nữa; trong quan niệm tư tưởng đã có một vật, rồi nghiêng về duy vật. Cái gọi là bản thể vốn duy tâm, trừu tượng, càng khó nắm. Vì sao nói đoạn này? Vì có liên quan đoạn Trang Tử đây. Ông chẳng bảo "thiên địa dữ ngã tịnh sinh, nhi vạn vật dữ ngã vi

nhất" đó sao? Đã là một, đã cùng tồn tại, là một thứ, "thả đắc hữu ngôn hồ"? Cần gì nói? Đã là một, sao chẳng nói? Vậy thì nói vậy! Trang Tử bèn nói.

Sau số ba là gì

Nhất dữ ngôn vi nhị, nhị dữ nhất vi tam.

Một với lời thành hai; hai với một thành ba.

Tự thử dĩ vãng, xảo lịch bất năng đắc, nhi huống kỳ phàm hồ!

Từ đó trở đi, nhà lịch số khéo léo cũng chẳng nắm được, huống hồ kẻ phàm!

"Nhất dữ ngôn vi nhị": nói một chữ một, đã là hai rồi, đúng không? Đó là đạo lý lô-gic. Ngang như hỏi chỗ kia có mấy cái? Một; nhưng trong quan niệm ấy đã là hai. Mấu chốt là gì? Vấn đề chủ quan khách quan. Bảo bạn chỉ có một, bác cái hai của bạn: đừng cho là hai, chỉ có một; vậy một câu nói ra đã có ba, đúng không? Nói một là đối với hai mà nói; một đã đối với hai, ta lại nói câu ấy: chẳng phải ba sao? Nên cùng một câu, ba cái cùng tồn tại; vì vậy bảo thái cực hàm tam. Lâm Tế tông Thiền nói: "nhất ngữ trung tu cụ tam huyền môn, nhất huyền môn tu cụ tam yếu nghĩa": một lời có ba cửa huyền; một cửa huyền có ba nghĩa yếu; lý do, đạo lý đều là lô-gic. Nên Trang Tử cũng nêu: nhất dữ ngôn vi nhị; ngang như nay tôi khách quan bảo bạn, cái khách quan ấy chính là chủ quan của ông; nên "nhất dữ ngôn vi nhị, nhị dữ nhất vi tam": đó là tư tưởng Đạo gia của Lão Tử.

Đạo Đức Kinh của Lão Tử nói: **"đạo sinh nhất, nhất sinh nhị, nhị sinh tam, tam sinh vạn vật"** (đạo sinh một, một sinh hai, hai sinh ba, ba sinh muôn vật). Đó là ba tầng vũ trụ; đạo lý ba tầng phát sinh vũ trụ nếu nghiên cứu kỹ, có thể viết một luận án tiến sĩ. Dù đề nhỏ làm lớn hay đề lớn làm nhỏ, đều ắt thành công. Vậy cái một ấy đã có ba: trong Cơ Đốc giáo là Thánh Phụ, Thánh Tử, Thánh Linh ba ngôi một thể; nhà Phật là pháp, báo, hóa ba thân một thể; Đạo gia là Ngọc Thanh, Thái Thanh, Thượng Thanh, nhất khí hóa tam thanh, cũng đều ba ngôi một thể. Đại khái giữa trời đất muôn sự chẳng quá ba. Văn hóa Trung Hoa thì là ba ký hiệu trời, đất, người. Trang Tử từ sau số ba chẳng bàn nữa. Lão Tử nói "đạo sinh nhất, nhất sinh nhị, nhị sinh tam, tam sinh vạn vật". Trang Tử nói cũng là quan niệm của Lão Tử: sau số ba thành bao nhiêu? Con số ấy cả máy tính cũng đếm chẳng xuể.

"Tự thử dĩ vãng, xảo lịch bất năng đắc": **"xảo lịch"** (巧历) là gì? Chính là nhà toán học. Chú ý! Văn hóa Trung Hoa nói khoa học rất sớm, từ mấy nghìn năm trước, trước khi Tây phương phát triển. Khoa học Trung Hoa phát triển đầu tiên là thiên văn; muốn phát triển thiên văn ắt phải phát triển toán học, toán học cũng sớm nhất ở Trung Hoa. Văn hóa thượng cổ Trung Hoa chẳng gọi là toán học mà gọi **"lịch toán"** (历算). Lịch toán làm gì? Tính thiên văn. Nên Hoàng Đế, Nghiêu, Thuấn đã tính nhị thập bát tú, độ chạy của mặt trời mặt trăng năm sao và quan hệ của chúng với trái đất, từ đó lập một năm mười hai tháng, một tháng ba mươi ngày; một năm bảy mươi hai hậu, hai mươi bốn tiết khí: đó là dựng từ mấy nghìn năm trước. Thiên văn lịch toán ấy cũng gọi **"lịch số"** (历数 - số lịch thiên văn). Tương lai khoa học Tây phương phát triển, tôi dám mạnh miệng tiên đoán: toán học tiến tới chỗ cao nhất sẽ chẳng dùng con số nữa; hoặc sinh ra một loại bát quái mới, một loại ký hiệu mới nào đó. Lịch toán thượng cổ Trung Hoa chẳng có con số, chỉ một chữ làm ký hiệu; con số quá nhiều, phân tích quy nạp rồi chỉ còn một, nên gọi lịch số. Chỗ này Trang Tử nói "xảo lịch": tức nhà toán học khéo léo nhất, cao nhất, cũng đời đời chẳng làm rõ. Giữa trời đất, một sinh hai, hai sinh ba; qua con số ba ấy rồi, phát triển vô cùng tận, xảo lịch cũng chẳng nắm được, đều chẳng xuống được một kết luận. "Nhi huống kỳ phàm hồ!" Đầu óc hạng nhất, hiểu số thiên văn cũng chẳng hiểu nổi, huống hồ kẻ phàm phu thường!

Cố tự vô thích hữu dĩ chí ư tam, nhi huống tự hữu thích hữu hồ!

Vậy từ không tới có mà tới số ba, huống hồ từ có tới có nữa!

Vô thích yên, nhân thị dĩ.

Chẳng tới đâu được: nhân chỗ ấy mà thôi.

Chú ý nguồn gốc vũ trụ: trước khi muôn vật chưa bắt đầu, rốt cuộc có hay không, ta chẳng quản: đó là một vấn đề. Nếu bạn nghe câu ấy rồi thật cho rằng trước khi muôn vật bắt đầu là cái không, thì đã sai rồi. Nhưng nay vì muốn hiểu đạo thể, nguồn gốc vũ trụ: Phật học cũng vậy, khoa học, triết học, tôn giáo cũng vậy, đành cắt đứt trước: đoạn phía trước chữ **"vô"** (无 - không) ấy là **"hữu"** (有 - có)? Hay là không? Ta hãy chưa kết luận, tạm giữ lại đây. "Cố tự vô thích hữu": từ muôn hữu biến ra "dĩ chí ư tam", biến hóa theo tầng bậc, lấy ba làm nền tảng mạnh nhất.

Từ không biến sang có là ba giai đoạn; nên *Kinh Dịch* Trung Hoa vẽ hào, vẽ quẻ: bắt đầu ba hào thành quẻ, về sau vẽ thành sáu hào là người sau thêm vào. Ông bảo từ không tới có rất dễ tìm: là ba tầng; nhưng muốn từ có chuyển về không thì khó. "Nhi huống tự hữu thích hữu hồ!" Càng khó hơn: từ "có" tới "có", đời đời phát triển về phía trước, chẳng có đáy, chẳng có kết luận mà nói. Nhà Phật có một danh từ làm kết luận: vô lượng vô biên, vô cùng vô tận. Ai nghiên cứu Phật học hãy chú ý! Vô lượng vô biên, vô cùng vô tận là sự phát triển của "có", chẳng phải nói không. Nhưng người học Phật thường đem danh từ ấy thành quan niệm không, lại sai; Thiền tông bảo lại phải ăn gậy, vì giải thích sai. Nên *Kinh Dịch* từ trời đất mở đầu, quẻ cuối là **"vị tế"** (chưa xong), chẳng xuống được kết luận, nên đời đời cũng đừng kết luận. Bạn hỏi: thứ chẳng có kết luận thì sao? Chính cái ấy là kết luận. Đó là lời Trang Tử.

"Vô thích yên, nhân thị dĩ." **"Thích"** (适) nghĩa là tới, tới được chỗ ấy. "Vô thích yên": đã chẳng tới được đáy, "nhân thị dĩ": cắt đứt tới đây mà thôi. Tiếp theo ông chẳng còn nói lô-gic suông, chẳng thảo luận trống rỗng, mà dựa vào đạo là một, là tuyệt đối; nhưng vì ta thích dùng tư tưởng mà suy đoán, nên ông dùng lô-gic để bày tỏ.

Đạo khả đạo, phi thường đạo

Phù đạo vị thủy hữu phong, ngôn vị thủy hữu thường,

Đạo vốn chưa từng có ranh giới; lời vốn chưa từng có cái thường bất biến;

vi thị nhi hữu chẩn dã, thỉnh ngôn kỳ chẩn:

vì vậy mà có bờ thửa; xin nói về bờ thửa ấy:

hữu tả, hữu hữu, hữu luân, hữu nghĩa, hữu phân, hữu biện, hữu cạnh, hữu tranh,

có trái, có phải, có luân thường, có nghĩa lý, có phân chia, có biện biệt, có ganh đua, có tranh chấp:

thử chi vị bát đức.

đó gọi là tám đức.

Cái đạo ấy, ông nói chữ vị thủy đây chẳng phải nghĩa bắt đầu; đạo thật chẳng có một ranh giới nào: phong (封) chính là ranh giới. "Ngôn vị thủy hữu thường": lời người, tức lời ta nói, cũng đại diện hết thảy lý luận văn tự tư tưởng: chẳng có văn tự, tư tưởng nào tồn tại đời đời. Chẳng có việc nào tồn tại đời đời. "Vi thị nhi hữu chẩn dã": lời nói, văn tự đều chẳng xác định; nếu xác định được thì đời đời chẳng đổi. Kỳ thực lời người ta ba mươi năm một lần đổi; thêm sáu mươi năm nữa, có lẽ lời ta nói nay, người sau cũng chẳng hiểu, lại hóa cổ văn. Nên "ngôn vị thủy hữu thường, vi thị hữu chẩn dã": **"chẩn"** (畛) cũng là bờ, bờ thửa; bất đắc dĩ, dựng cho nhân văn một khu, dựng một bờ ruộng như bờ thửa phân khu.

"Thỉnh ngôn kỳ chẩn: hữu tả, hữu hữu, hữu luân, hữu nghĩa, hữu phân, hữu biện, hữu cạnh, hữu tranh, thử chi vị bát đức." Đó là **"bát đức"** (八德 - tám đức) Trang Tử nêu. Ta dùng *Kinh Dịch* quy nạp thành bốn chữ "quần phân loại

tụ": tức một đàn một loại. Trong *Kinh Dịch*, quan niệm Khổng Tử bảo ta: **"phương dĩ loại tụ, vật dĩ quần phân"** (theo phương mà tụ theo loại; theo vật mà chia theo đàn). Khổng Tử nêu trước chữ **"phương"** (方); có kẻ giải chữ, bảo phương là khỉ, nghĩa là vượn ban đầu: lý do ấy chẳng đứng vững, ta chẳng quản! Phương chính là phương vị: đông tây nam bắc bốn phương, bán cầu đông tây nam bắc, mỗi phương vị khác nhau. Loài người cũng vậy, loài vật cũng vậy; thực vật một loại, khoáng vật một loại, đều khác. "Phương dĩ loại tụ": chia từng loại từng loại. "Vật dĩ quần phân": muôn vật chia từng đàn từng đàn. Bát đức Trang Tử nói gì? Đặc biệt chú ý! Lô-gic của Trang Tử dùng đúng tám phương pháp, tám trình tự ấy, đem bọn danh gia lô-gic thời Chiến Quốc như Huệ Tử, Công Tôn Long biện tới mức rối bời, trước mặt Trang Tử chẳng đứng vững. Lô-gic Tây phương có phép biện ba đoạn; Nhân minh Ấn Độ có phép biện năm đoạn: đủ thứ phép biện. Nhưng có kẻ bảo *Kinh Dịch* Trung Hoa cũng là ba đoạn; tôi bảo đừng nói bậy: *Kinh Dịch* là phép biện mười đoạn, có căn cứ rõ, nay tạm chẳng bàn. Còn Trang Tử nêu là phép biện tám đoạn; kỳ thực cũng chẳng phải phép biện tám đoạn gì, mà là phép biện hình tròn. Thiền tông cũng đi đường ấy: như hạt châu lăn trên mâm, như hòn bi lăn trong mâm, chẳng có mép. Lô-gic biện luận tới mức ấy, chẳng còn mép cho bạn nắm, chẳng còn đuôi cho bạn túm.

Nhưng trên luận biện thường, Trang Tử nêu: "thỉnh ngôn kỳ chẩn: hữu tả, hữu hữu, hữu luân, hữu nghĩa": "hữu tả hữu hữu" là thứ tự thế giới vật lý; "hữu luân hữu nghĩa" là thứ tự thế giới nhân văn; "hữu phân hữu biện" là thứ tự thế giới lý niệm; "hữu cạnh hữu tranh" là thực tại xã hội loài người. Tám luận biện ấy quy nạp thành quần, phân, loại, biện. Ta biết Khổng Tử bị người châm chọc thảm nhất chính là đám Đạo gia! Vị thánh nhân ấy vừa gặp nhân vật Đạo gia, ai cũng hóm hỉnh ông vài câu. Nhưng trời đất chứng giám: mỗi người Đạo gia đều rất tâng bốc Khổng Tử; chỉ vì mọi người chẳng hiểu sự hóm hỉnh Đạo gia, chẳng hiểu cơ phong của họ, tưởng họ mắng Khổng Tử, đều hiểu sai. Mắng Khổng Tử nặng nhất là Trang Tử, nhưng tâng bốc Khổng Tử mạnh nhất cũng là Trang Tử; nên có thể nói Trang Tử là tri kỷ của Khổng Tử, là người tâng bốc Khổng Tử nhất. Nay lại bắt đầu tâng bốc một chút.

Lục hợp chi ngoại, thánh nhân tồn nhi bất luận;
Ngoài lục hợp, thánh nhân giữ đó mà chẳng bàn;

lục hợp chi nội, thánh nhân luận nhi bất nghị.
trong lục hợp, thánh nhân bàn mà chẳng nghị luận kết án.

Xuân thu kinh thế tiên vương chi chí, thánh nhân nghị nhi bất biện.
Chí hướng tiên vương trị đời trong kinh *Xuân Thu*: thánh nhân nghị luận mà chẳng tranh biện.

Nay mọi người khắp nơi kêu văn hóa Trung Hoa: văn hóa Trung Hoa là thứ gì? Nay chẳng xuống được một định nghĩa. Có phải đậu phụ xào ớt trong quán không? Cố Cung Bác Vật Viện lớn biết bao! Bảo đó là văn hóa Trung Hoa. Nhưng ấy là tổ tiên để lại. Tôi thường bảo học trò: lỗi lạc là tổ tiên người Trung Hoa đấy, chẳng phải bạn vẽ đâu, đúng không? Nên phải thẹn! Thẹn. Khi người hỏi văn hóa Trung Hoa, bạn bèn dẫn họ tới Cố Cung Bác Vật Viện: sao chẳng dẫn họ tới thư phòng bạn? Vì thư phòng bạn chẳng có gì, đành lôi tổ tiên ra giữ thể diện. Nên văn hóa Trung Hoa chẳng xuống được một định nghĩa. Nói vấn đề triết học văn hóa Trung Hoa, nguồn gốc sinh mệnh vũ trụ: gà trước hay trứng trước? **"Giang thượng hà nhân sơ kiến nguyệt?"** (trên sông ai là người đầu tiên thấy trăng?) Thượng Đế tạo thế giới thế nào? Đều là vấn đề văn hóa. Trang Tử bảo: "lục hợp chi ngoại, thánh nhân tồn nhi bất luận": mọi người chẳng nghiên cứu, vì làm việc ấy sẽ sa vào lô-gic, làm lô-gic sẽ phát điên, làm năm mươi năm cũng chẳng ra kết luận; đó là quẻ "vị tế", đời đời chẳng kết luận được. Nếu lấy thực tại mà bàn, tổ tiên người Trung Hoa khá thông minh: "lục hợp chi ngoại thánh nhân tồn nhi bất luận". **"Lục hợp"** (六合) là gì? Đông nam tây bắc trên dưới gọi lục hợp. Có văn học gọi bát phương: đông nam tây bắc cộng bốn góc, hợp thành bát phương. Tới khi Phật giáo vào Trung Hoa gọi thập

phương: bát phương cộng thêm trên dưới. Thập phương là quan niệm về vũ trụ trời đất trong văn hóa Trung Hoa sau khi Phật học vào. Bát phương là quan niệm muộn hơn lục hợp một chút.

Văn hóa thượng cổ sớm nhất, lục hợp Trang Tử nêu, chính là danh từ thay thế cho cách nhìn vũ trụ của tổ tiên. "Lục hợp chi ngoại": ngoài trời đất còn có thế giới nữa không? Loài người rốt cuộc có phải từ tinh cầu ngoài tới không? Đó là việc văn hóa Trung Hoa cùng kinh Phật bàn mạnh nhất, có căn cứ rõ. Loài người từ tinh cầu nào tới, trong Phật học đều chỉ rõ: tới thế nào, ngồi thứ gì tới, tới rồi vì sao lưu lạc trên địa cầu, thành tổ tiên người Trung Hoa. Tổ tiên lưu lạc trên địa cầu này rất tội nghiệp: vì tham ăn muối (địa vị 地味, địa phì 地肥: vị đất, mỡ đất) mà hỏng, nên lưu lạc trên địa cầu này.

Việc ngoài lục hợp ấy, ông bảo văn hóa thượng cổ: "thánh nhân tồn nhi bất luận". Các bạn chú ý chữ **"tồn"** (存 - giữ lại): chẳng phải lỗ mãng bảo chẳng có vấn đề ấy; vấn đề ấy đời đời tồn tại, chỉ tạm chẳng truy hỏi, nên bảo "tồn nhi bất luận". Còn việc nhân sự trong vũ trụ? "Lục hợp chi nội, thánh nhân luận nhi bất nghị": chỉ thảo luận nghiên cứu, chẳng phê phán, chẳng xuống một kết luận nghiêm ngặt. Dưới hai nguyên tắc ấy, lịch sử Trung Hoa hiện ra sớm hơn, đầy đủ hơn bất kỳ quốc gia dân tộc nào. Nhiều nước, nhiều dân tộc chẳng có sử, đời sau mới lần lần truy lại. Ấn Độ chính vậy: tới sau thế kỷ XVII người Anh vào Ấn Độ mới tìm tài liệu cũ, do người Anh, người Đức viết sử Ấn Độ.

Kỳ thực phần lớn kinh Phật dịch sang Hán văn đều có tư liệu sử Ấn Độ, nhưng người Tây cố ý chẳng thừa nhận; hết thảy sử Ấn Độ trong *Đại Tạng Kinh* ta đều chẳng được dùng: rất đáng tiếc. Ấn Độ có vài thứ chẳng mấy quan tâm: chẳng có quan niệm sử, chẳng có quan niệm thời gian, cũng chẳng có quan niệm số. Văn hóa dân tộc họ chính vậy; rốt cuộc tốt không? Rất tốt, rất giải thoát! Người bị gánh sử, gánh thời gian, gánh số trói lại thì rất khổ! Nên tu đạo rất hay: thong thả tự tại, đói thì hái một quả chuối ăn, rồi ngồi thiền; chẳng có quần áo thì lấy một lá cây che che cũng ổn! Nhưng nói văn hóa nhân văn thì chẳng đúng.

Xuân thu của Khổng Tử

Chỉ có Trung Hoa! Từ xa xưa đã dựng quan niệm sử; cái sử ấy gọi là *Xuân Thu*. Thanh niên chú ý! Sử văn hóa Trung Hoa gọi *Xuân Thu*, chẳng gọi Đông Hạ: ấy có đạo lý của nó. Giữa trời đất chỉ có một hiện tượng: một lạnh, một nóng; ấy là quan hệ mặt trời, địa cầu với mặt trăng. Lạnh tới cực là mùa đông; nóng tới cực là mùa hè. Mùa thu là khoảng giữa hè sang đông, lúc dễ chịu nhất: chẳng lạnh chẳng nóng. Mùa xuân thì sao? Đúng lúc từ đông sang khí ấm, cũng chẳng lạnh chẳng nóng. Nên trên lịch tiết khí Trung Hoa, một năm có hai mươi bốn tiết khí. Hai ngày Xuân phân và Thu phân: ban ngày với ban đêm dài ngắn như nhau, chẳng lệch một ly. Hạ chí thì ngày dài nhất, đêm ngắn nhất; Đông chí thì đêm dài nhất, ngày ngắn nhất. Chỉ Xuân phân với Thu phân dài ngắn như nhau: mặt trời lặn, vừa đúng nửa mặt địa cầu, đêm cũng nửa; áo mặc chẳng lạnh chẳng nóng, vừa vặn. Nên Xuân Thu là lúc thế giới hòa bình nhất, công bằng nhất: ấy là giữ mức công bằng! Mà sử chính là công luận **"trì bình"** (持平), nên gọi Xuân Thu, chẳng gọi Đông Hạ: đạo lý Xuân Thu là vậy.

Khởi đầu văn hóa Trung Hoa là quan niệm sử. Vì sao Trung Hoa từ đầu đã coi trọng văn hóa sử đến thế? Sử để lại cho loài người kinh nghiệm đời người; kinh nghiệm ấy là học vấn kinh tế, chẳng phải kinh tế của khoa kinh tế ở trường. Cái kinh tế tôi đã báo cáo trước đây, gọi là đạo **"kinh thế"** (经世 - trị đời cứu đời): học vấn cứu đời cứu người. Tức đem kinh nghiệm thành bại thịnh suy, thiện ác phải trái của loài người thời trước, để lại làm gương cho người sau, khiến người sau hiểu văn hóa tổ tiên người Trung Hoa đối với hòa bình an lạc loài người như thế nào. Chỉ vì con cháu đời sau bất tiếu, đem xã hội thiên hạ loài người thành khổ đau như vậy: ấy chẳng phải chí hướng của tiên vương. Nên "*Xuân Thu*" là học kinh thế, là **"tiên vương chi chí"** (chí hướng tiên vương). Nhưng Khổng Tử soạn *Xuân*

Thu **"nghị nhi bất biện"** (bàn mà chẳng tranh biện): nên đạo lý *Xuân Thu* chỉ trách kẻ hiền, chẳng phê bình dân thường. *Xuân Thu* muốn phê phán là những người có trách nhiệm trong lịch sử; xã hội hỏng, ấy là trách nhiệm kẻ lãnh đạo, chẳng liên quan dân thường; vì dân là kẻ được giáo dục, người chịu trách nhiệm mới là kẻ dạy dân. Nên *Xuân Thu* trách kẻ hiền, chẳng trách người thường. Vì vậy Khổng Tử **"nhất tự bao biếm"** (một chữ khen chê): một chữ xuống là đã kết tội kẻ lãnh đạo muôn đời.

Trang Tử phía trước bàn đạo nhân luân văn hóa Trung Hoa: **"lục hợp chi ngoại, thánh nhân tồn nhi bất luận; lục hợp chi nội, thánh nhân luận nhi bất nghị. Xuân thu kinh thế tiên vương chi chí, thánh nhân nghị nhi bất biện."** (ngoài lục hợp, thánh nhân giữ đó mà chẳng bàn; trong lục hợp, thánh nhân bàn mà chẳng nghị; sử Xuân Thu là chí hướng kinh thế của tiên vương, thánh nhân bàn mà chẳng tranh biện.) Mấy câu ấy gần như thành luận bất dịch của văn hóa Trung Hoa, Nho Thích Đạo ba nhà mấy nghìn năm. Tức hết thảy quan điểm văn hóa đời sau về sử Đông phương, về triết học, đều lấy mấy câu ấy làm nền. Dù các phía đều dẫn dụng, nhất là Nho gia dẫn dụng rất nhiều, vậy mà mọi người quên: ấy xuất từ tư tưởng Trang Tử, cũng có thể nói thuộc tư tưởng Đạo gia.

Nói nửa ngày, đề gốc của Trang Tử nay vẫn đang bàn quan niệm lô-gic, vấn đề luận biện tư tưởng văn hóa: mỗi bên mỗi cách nhìn. Nay ông nêu ra cách nhìn về văn hóa truyền thống Trung Hoa, về đạo đức luân lý nhân luân, cùng cách nhìn triết học đời người, triết học chung, triết học sử; dưới đây là kết luận ông cho tiết này.

Cố phân dã giả, hữu bất phân dã;
Nên cái phân, có chỗ chẳng phân được;

biện dã giả, hữu bất biện dã.
cái biện, có chỗ chẳng biện được.

Hai chữ phân (分) này: chữ trên đọc theo nghĩa phân lượng; chữ dưới là **"phân"** (分 - phân biện) trong phân biện, chẳng thể hiểu theo nghĩa chia cắt. Nên nhìn theo từng phần, có chỗ chẳng thể chia cắt, phải nhìn toàn thể: đó là "phân dã giả, hữu bất phân dã". Tiếp đến "biện dã giả, hữu bất biện dã": đạo lý giữa trời đất nói chẳng hết; nếu lấy quan niệm lô-gic mà suy, cứ luận biện mãi chẳng cùng; biện tới cuối cùng thì sao? Ấy gọi là biện không lời: chẳng còn gì để nói. Lý chân thật cuối cùng: chẳng còn lời để nói, ấy mới là chân lý; một chữ cũng chẳng có, một điểm đạo lý cũng chẳng có. Nói cách khác, bản thể, đạo thể là không: ngang với điều Phật gia gọi là bất khả tư nghị; đến cả điều *Duy Ma Cật Kinh* nói cũng cùng quan niệm "bất biện" của Trang Tử đây: thuyết chẳng nói, luận chẳng bàn, đều tới chỗ cao nhất. Ví như Phật học có hai câu danh ngôn: **"ngôn ngữ đạo đoạn, tâm hành xứ diệt"** (đường ngôn ngữ dứt bặt, chỗ tâm hành diệt mất). Nhất là học Thiền: đạo lý tới chỗ cao nhất, lý hình nhi thượng, chẳng có văn tự, chẳng có ngôn ngữ, chẳng gì bàn nổi. Tới đó, hết thảy chìm như đá xuống biển; chính nó lại bao trùm hết thảy văn tự, hết thảy ngôn ngữ, hết thảy tư tưởng.

Khi Trang Tử nêu vấn đề ấy, Phật học chưa vào Trung Hoa: đủ thấy bậc cao nhân, thánh nhân, kẻ hữu đạo Đông Tây, kiến giải đều một mạch. Nên bảo "biện dã giả, hữu bất biện dã": chẳng cách nào biện. Vì vậy như vấn đáp Phật gia, chỗ cao nhất của luận biện chính là phép Thích Ca Mâu Ni: **"trí biện"** (置辯 - đặt biện sang một bên), **"trí đáp"** (置答 - đặt đáp sang một bên): chẳng gì để biện, chẳng gì để đáp. Ông bảo cái đạo ấy đã chẳng biện được, chẳng đáp được, ông nói:

Viết: Hà dã? Thánh nhân hoài chi,
Hỏi: vì sao? Thánh nhân ôm giữ trong lòng,

chúng nhân biện chi dĩ tương thị dã.

chúng nhân biện để phô ra cho nhau.

Cố viết biện dã giả, hữu bất kiến dã.

Nên bảo: kẻ biện, là kẻ có chỗ chẳng thấy.

Lý do gì vậy? "Hà dã? Thánh nhân hoài chi": thánh nhân đây đại diện người đắc đạo, người thật hiểu học vấn tới chỗ cao sâu, thật chứng đạo hình nhi thượng; **"hoài"** (怀 - ôm giữ trong lòng) chỉ tự biết trong lòng mình, cũng ngang quan niệm Phật học: **"như nhân ẩm thủy, lãnh noãn tự tri"** (như người uống nước, nóng lạnh tự biết). Chỉ tự mình biết tới mức ấy, cảnh giới ấy. "Chúng nhân biện chi": còn người thường thì chẳng vào thân tâm nội tại mà thể hội, chỉ ở trên tư tưởng, nhờ miệng mà luận biện, "dĩ tương thị dã": để phô kiến giải mình cao minh. Nên kết luận ông: "biện dã giả, hữu bất kiến dã". Ông bảo: những đạo lý ấy, cái gọi là đạo, nếu lấy suy luận, từ tư biện luân lý mà cầu, thì đạo càng biện càng tệ, càng xa đạo. "Cố viết biện dã giả, hữu bất kiến dã": càng biện càng chẳng thấy đạo, khoảng cách càng xa, tâm tư càng tán loạn.

Vì vậy ông liền bàn thêm một đoạn, từ "đạo" sang "đức". Thời Xuân Thu Chiến Quốc, hai chữ đạo đức phần lớn sách chẳng ghép dùng chung; ví như Lão Tử, nửa trên đều bàn đạo, nửa dưới bàn đức: nên chữ đức với chữ đạo mỗi chữ có một nội hàm riêng. Chữ đức đây bàn về dụng: hành vi, ngôn ngữ đời người, tác dụng đạo đức nhân luân. Nay ông từ đạo nói sang đạo lý chữ đức.

Nhân nghĩa đạo đức là gì?

Phù đại đạo bất xưng,

Đại đạo chẳng xưng danh,

đại biện bất ngôn,

đại biện chẳng nói,

đại nhân bất nhân,

đại nhân chẳng (cố) nhân,

đại liêm bất khiêm,

đại liêm chẳng khiêm nhường,

đại dũng bất kỵ.

đại dũng chẳng kỳ quái.

Đây là Trang Tử đối với những câu cửa miệng, khẩu hiệu đang lưu hành trong văn hóa đương thời, thuộc loại kẻ trí thức hô hào, mà nghiêm khắc phê bình, đồng thời chỉ ra một đường lối đúng đắn. Vì thời Xuân Thu Chiến Quốc, Lão Tử cũng từng phê bình: khắp nơi thấy người ta phô trương nhân nghĩa, đạo đức; mà thực tế thì sao? Cục diện thời ấy hỗn loạn cùng cực, có thể nói là bất nhân nhất, bất nghĩa nhất. Từ điểm ấy, ta phải tự phản tỉnh: văn hóa dân tộc Trung Hoa từ xưa tự xưng là nước lễ nghĩa, hành đạo trung hiếu nhân nghĩa; nhưng khi hiểu sâu nghiên cứu kỹ, đối với mấy câu ấy thì rất khó chịu, rất đau lòng.

Phải hiểu: Khổng Tử đề xướng hiếu, đủ thấy xã hội vốn chẳng hiếu, nên mới đề xướng hiếu; ví như xã hội đã bệnh, ông mới nhân bệnh mà cho thuốc; mọi người đều chẳng nhân, nên ông nêu ra chữ nhân. Ta phô trương trung hiếu nhân ái v.v., thực tế mấy nghìn năm văn hóa, chẳng điều nào làm được. Ví như vừa rồi Trang Tử đã nêu, **"Xuân thu kinh**

thế tiên vương chi chí" (*Xuân Thu* là học kinh thế, chí hướng tiên vương); lấy hơn bốn trăm hai mươi năm sử Khổng Tử soạn trong *Xuân Thu*, con giết cha mẹ, thuộc hạ phản loạn, chẳng biết bao nhiêu! Cái nước tự xưng lễ nghĩa ấy, hết sức chẳng lễ nghĩa, khiến người ta rất đau lòng. Thế mới hiểu đạo lý Lão Tử, Trang Tử nêu ra, chính nhằm phê bình những mục tiêu, khẩu hiệu ấy trên học thuật văn hóa, trên giáo dục: phô trương ấy có ích gì? Kết quả hành vi nhiều người trong xã hội đều hoàn toàn ngược lại.

Vì vậy ông ở đây cũng nêu: "phù đại đạo bất xưng": đạo chân thật chẳng có lý do, chẳng có danh xưng gì! Chẳng như xã hội Trung Hoa nói đạo mấy nghìn năm, mà trên đời đầy những đạo tôn giáo hẹp hòi; ngoài Phật giáo, Đạo giáo, Cơ Đốc giáo, Thiên Chúa giáo v.v., nay các giáo dân gian ít nhất cũng hơn trăm loại; cộng thêm đủ thứ mê tín, nhà nào cũng bảo mình có đạo. Tôn giáo toàn thế giới năm sáu trăm loại, kể cả nước ngoài, mỗi bên đều bảo mình có đạo, lại bảo mình đã chứng đạo. Nếu lấy quan niệm Trang Tử, "đại đạo bất xưng": người thật đắc đạo cũng chẳng tự phô trương đã đắc đạo, nên đại đạo chẳng có danh xưng.

"Đại biện bất ngôn": câu này nhắm vào những người như Huệ Tử đương thời, kẻ bàn lô-gic, bàn tư tưởng. Ông bảo đạo lý chân thật tới chỗ cao nhất thì chẳng còn lời. Ví như trên sử, đời Tống Triệu Khuông Dận mới lên ngôi hoàng đế, phương Nam chưa thống nhất; Lý Hậu Chủ Nam Đường văn học rất hay: **"xa như lưu thủy mã như long, hoa nguyệt chính xuân phong"** (xe như nước chảy, ngựa như rồng; hoa nguyệt đúng gió xuân), chính là từ của Lý Hậu Chủ. Nam Đường nhân tài nhiều, văn sĩ cũng nhiều; Triệu Khuông Dận lên ngôi rồi, Nam Đường cử sứ thần Từ Huyễn sang. Triệu Khuông Dận biết Từ Huyễn là đại văn hào lừng danh, học vấn rất cao: nhà Tống cử ai tiếp đãi đây? Đang lo. Ví như nay học giả nổi tiếng thế giới làm sứ thần, cử vị học vấn nào tiếp đãi đây? Triệu Khuông Dận bảo: đừng vội, ta đã có người. Kết quả tìm một vệ sĩ dung mạo đường đường, một chữ cũng chẳng biết, đi tiếp sứ thần Từ Huyễn. Vệ sĩ nhận lệnh, đành phải giả bộ, ngồi trên. Sứ thần nói chuyện triết học, kinh tế, khoa học với ông; nói nửa ngày, ông chỉ ừ ừ! Vâng vâng! Xin mời rượu! Tốt tốt! Ngài khỏe! Có lý. Ứng tiếp mấy ngày liền, Từ Huyễn chẳng lấy được một lời nào! Từ Huyễn nghĩ: Triệu Khuông Dận nhà Tống có bộ; cử người tiếp ta, ta nói mấy ngày, ông chẳng phê bình một câu, cũng chẳng tán thành, chẳng dò được đáy ông, học vấn cao tới đâu chẳng biết, tâm lý liền sụp.

Câu chuyện ấy minh họa "đại biện bất ngôn": một tay Triệu Khuông Dận rất lợi hại, một phát đánh gục đối phương. Học vấn ông giỏi đến mấy, cử một kẻ chẳng học vấn nào tiếp chuyện; dĩ nhiên người ấy cũng phải vững được; nếu chẳng học vấn mà lại thích nói, thì hỏng. Nên "đại biện bất ngôn" chính là đạo lý ấy. Phật gia cũng có câu: **"thị phi dĩ bất biện vi giải thoát"** (phải trái lấy chẳng biện làm giải thoát): đều rất có lý. Các thanh niên thích nói Thiền tông: Thiền tông coi trọng hành vi, chẳng phải chỉ chuyên ngồi thiền. Nên thanh quy tùng lâm của Bách Trượng thiền sư: **"tật bệnh dĩ giảm thực vi thang dược"** (bệnh lấy giảm ăn làm thang thuốc): người đã bệnh, tốt nhất là ăn ít đi, trước hết dọn sạch ruột. "Thị phi dĩ bất biện vi giải thoát": phải trái càng biện càng tệ, nên "đại biện bất ngôn".

Còn đạo lý "đại nhân bất nhân"? Câu ấy liền liên quan tư tưởng Đạo gia. Lão Tử có câu: **"thiên địa bất nhân, dĩ vạn vật vi sô cẩu"** (trời đất chẳng nhân, coi muôn vật như chó cỏ). Cách giải thông thường cho rằng Lão Tử bảo vũ trụ rất tàn nhẫn, trời chẳng có lòng nhân từ gì, coi muôn vật như **"sô cẩu"** (刍狗 - chó bằng cỏ). Sô cẩu là chó làm bằng cỏ, dùng xong thì đốt. Tổ tiên người Trung Hoa ăn thịt chó, nên người Quảng Đông ăn thịt chó, giữ truyền thống văn hóa Trung Hoa. Thượng cổ tế tổ tiên cũng có dùng chó; sau mới bỏ tục ăn thịt chó. Nhưng khi tế trời đất tổ tiên, lấy cỏ làm một chó giả, ngang như nay tế lễ lấy gạo nặn một đầu heo tượng trưng một con heo. Câu Lão Tử bề mặt nhìn như bảo trời đất chẳng nhân từ, coi muôn vật như chó cỏ mà đùa chơi; nhưng ông chẳng phải nghĩa ấy, mà cùng một mạch với lời Trang Tử: "đại nhân bất nhân". Trời đất vốn chẳng có quan niệm nhân với bất nhân: ấy chính là đạo lý "đại biện bất ngôn", "đại đạo bất xưng".

Trời đất sinh muôn vật: nói nhân từ thì rất nhân từ; tốt cũng sinh, xấu cũng sinh, lúa cũng sinh, thuốc độc cũng sinh, bao dung vạn tượng hết thảy, đều là chỗ nó từ ái. Nên trời đất chẳng như người, riêng có một quan niệm: ta muốn làm việc tốt nên chỉ sinh cái tốt: chẳng có chuyện ấy. Mưa cũng vậy: chỗ tốt cũng mưa, chỗ xấu cũng mưa, như ánh mặt trời. Nên trời đất nhìn muôn vật đều bình đẳng. Nếu coi người như chó cỏ thì muôn vật cũng là chó cỏ; nếu coi chó cỏ như người thì người cũng là chó cỏ: rốt cuộc trời đất vô tâm, tự nhiên mà tới. Nên "đại nhân bất nhân" của Trang Tử nói: cố ý hữu tâm làm thiện, hữu tâm cầu một chữ nhân, thì người ấy đã chẳng còn đại nhân, vì ấy là làm ra. Đại nhân chân thật thì phổ biến, tự nhiên, chẳng có nhân đặc biệt với một điểm nào.

"Đại liêm bất khiêm": chữ **"liêm"** (廉) đây chính là liêm khiết. Trong văn hóa Trung Hoa, phô trương đạo đức nhân luân phải rất liêm khiết; đòi hỏi công chức, kẻ làm quan nhất định phải là quan thanh liêm; thanh liêm thì liêm khiết; liêm tới mức nào? Trong sạch tới đáy, đến cháo cũng chẳng ăn nổi: ấy thì sai; liêm chân thật chẳng phải bề mặt, mà là trong sạch trên tâm địa.

Có lần đài truyền hình đang diễn Bao Công, một đơn vị kéo tôi đi diễn thuyết chuyên đề: bảo nói cái ấy thì nói sao? *Bao Công án* ai cũng xem rồi, vậy thì bàn lịch sử Bao Công vậy. Bao Công trên sử Tống, ai cũng biết là mặt sắt chẳng tư riêng; tiểu thuyết văn hóa Trung Hoa cũng vậy, sử cũng vậy, quan thanh liêm đều "mặt sắt chẳng tư riêng". Mặt sắt là gì? Đọc truyện ký lịch sử Bao Công thì biết: Bao Công cả ngày chẳng cười, thân thích bạn bè chẳng qua lại, khuôn mặt cứng như tấm sắt. Một khuôn mặt sắt như vậy: thật tình, học vấn Bao Công thì tốt, nhân phẩm cũng phi thường; nhưng nếu ông còn sống, tôi chẳng kết bạn với ông, vì chẳng có vị gì! Người khuôn mặt cứng như sắt, cả ngày xanh mét, đừng nói sắc hồng nhuận chẳng có, vàng cũng chẳng một tí: có lẽ bệnh gan chăng? Bệnh gì chẳng biết! Dĩ nhiên ông vô tư, thân thích bạn bè một mực chẳng qua lại, nhà rất nghèo; nghèo tới mức ấy thì dĩ nhiên rất liêm khiết. Thực tế, tiểu thuyết *Bao Công án* gom hết chuyện bao nhiêu quan thanh liêm trên sử, tập trung cả vào thân Bao Công.

Bao Công cố nhiên phi thường, nhưng còn phi thường hơn là ông chủ của Bao Công: Tống Nhân Tông, hậu duệ anh em Triệu Khuông Dận; vì có Tống Nhân Tông ủng hộ, dĩ nhiên ông làm được mặt sắt! Không có ông chủ ấy thì **"nhục diện"** (肉面) cũng chẳng xong, **"lương diện"** (凉面) cũng chẳng xong (NDLR: Nam tiên sinh chơi chữ. Chữ 面 vừa là **"diện"** (mặt), vừa là **"miến"** (mì): nối theo **"thiết diện"** (铁面 - mặt sắt) ở trên, ông kể tiếp hai món mì quen thuộc, 肉面 mì thịt và 凉面 mì nguội, thành ra "mặt thịt" với "mặt nguội"). Có ông chủ ủng hộ: ông cứ làm, ông làm thế nào tôi chịu trách nhiệm, tôi ủng hộ ông: dĩ nhiên ta cũng làm được mặt sắt! Không thì cũng thử mặt đồng một chút chứ! Đúng không? Phía sau có ông chủ tốt ủng hộ, mỗi công chức đều làm được mặt sắt chẳng tư riêng: chẳng phải làm chẳng nổi, mà môi trường thời đại có cho phép hay không.

Nói tiếp "đại liêm": người đại liêm chân thật, "bất khiêm" thì chẳng khiêm nhường; chữ **"khiêm"** (嗛) này thông với chữ khiêm trong khiêm tốn (谦). "Đại liêm bất khiêm": thế nào gọi là bất khiêm? Ví như kẻ liêm khiết chẳng thích tham tiền, tham tiền thì xấu. Về vấn đề ấy, ông bảo: giới trí thức thường phô trương làm quan thanh liêm, đến chữ tiền cũng chẳng dám nhắc; nên chữ tiền trong tiếng Trung Hoa còn một biệt hiệu khác, gọi là **"a đổ"** (阿堵), chuyện đời Nam Bắc triều. Thời ấy có người rất thanh cao; làm đại quan rồi, người đem tiền đem bao đỏ tới, một mực chẳng nhận; vợ cùng người nhà thì đời sống bức bách, muốn kiếm chút tiền. Sau nhà chẳng còn cách nào, đợi ông ngủ rồi, bày tiền trước giường; sáng hôm sau xuống giường, chắc ông phải bảo đem tiền đi chứ! Kết quả ông tỉnh dậy nhìn: ôi! Ông bảo đem mấy thứ "a đổ" ấy đi: đồ chắn đường ấy; vẫn chẳng nói chữ tiền, nên gọi là a đổ.

Nhưng tới Viên Tử Tài đời Thanh, một câu thơ nói hết đạo lý nghìn thu "đại liêm bất khiêm". Ông viết: **"bất đàm vị tất thị thanh cao"** (chẳng bàn chưa hẳn đã thanh cao): chữ tiền bàn cũng chẳng chịu bàn, chưa hẳn là thanh cao thật, vì trong lòng vẫn còn quan niệm chữ tiền, vẫn còn sợ với chẳng sợ. Thật tới chỗ cao nhất thì chẳng sao cả: bàn

tiền thì bẩn sao? Yêu tiền hay chẳng yêu tiền chẳng nằm ở chỗ ấy. Chữ liêm (廉) trong liêm khiết, dĩ nhiên là chẳng yêu tiền; há chỉ chẳng yêu tiền! Liêm khiết chân thật chính là đời người trong sạch như băng như ngọc: mọi hành vi làm được trong trắng rõ ràng, chẳng nhất định chỉ nghĩa là chẳng lấy tiền. Người thật tới mức trong sạch như băng như ngọc, ngược lại chẳng còn gì để khiêm; chữ khiêm (嗛) đây chẳng phải bảo ông chẳng khiêm tốn, mà bảo ông chẳng cần phô trương mình là liêm khiết nữa: nên là đại liêm bất khiêm.

Tôi thường kể một chuyện cười: đạo lý ấy lấy heo mà ví; thực tế, loài yêu sạch nhất trên đời chính là heo, nhà nghiên cứu sinh vật học đều biết. Nhìn con heo ấy, cả ngày lấy mõm ủi phân, ủi đất! Vì heo ghét bẩn, thấy bẩn thì ủi ra. Nên ai cũng tưởng heo bẩn, kỳ thực nó yêu sạch nhất, một tí bẩn cũng chẳng chịu nhìn; kết quả càng ủi càng bẩn. Từ sở thích tính tình một loài ấy, ta có thể hiểu: đời người thật tới mức trong sạch như băng như ngọc, một hạt bụi cũng chẳng dính, chưa hẳn đã là thanh liêm chân thật. Ngược lại, những kẻ lăn lộn trong đời đục ngầu, trong lòng chẳng dính một hình ảnh bên ngoài nào, mới có thể làm được đại liêm: ấy chính là đạo lý đại liêm bất khiêm mà Trang Tử nói.

"Đại dũng bất kỵ": lúc thật có dũng khí thì chẳng kỵ. Thế nào gọi là **"kỵ"** (忮)? Chính là kỳ quái đặc biệt. Ví như kẻ có sức, đi đâu cũng thích đánh nhau, thân thể khỏe, sức lớn, đứng đâu cũng phải bày một tư thế mới đã; thuở trẻ ta đều từng làm chuyện ấy: trên tay mang một con dao dẹt còn phải vỗ một cái, bảo anh biết tôi có dao dẹt trên người: ấy đã chẳng còn đại dũng. Người đại dũng nhìn như ôn hòa mềm yếu, chẳng có biểu hiện kỳ dị đặc biệt nào. Ấy là nguyên tắc ông nói ở trên, cũng chính là đạo nhân luân.

Ta chớ quên! Trang Tử nói nửa ngày vẫn còn **"xuy vạn bất đồng"** (thổi ra muôn vẻ chẳng đồng) đấy! *Tề Vật Luận* sao thổi sang mặt này rồi? Chú ý: ông nêu thiên lại, địa lại, nhân lại; đoạn này đều bàn nhân lại, nhân lại chính là nhân đạo. Vì bài văn ông dài, dẫn dụng mười phương tám mặt, mênh mông bao la; nếu bị văn ông mê hoặc, sẽ tưởng ông nói chẳng liên quan gì tới *Tề Vật Luận*!

Đạo chiêu nhi bất đạo,
Đạo sáng tỏ khắp mà chẳng phải đạo (được xưng),

ngôn biện nhi bất cập,
lời biện chẳng tới được,

nhân thường nhi bất thành,
nhân thường mà chẳng thành (cái khuôn),

liêm thanh nhi bất tín,
liêm trong sạch mà chẳng phô tín hiệu,

dũng kỵ nhi bất thành.
dũng kỳ quái thì chẳng thành.

Ngũ giả viên nhi cơ hướng phương hĩ,
Năm điều viên đủ thì gần hướng về phương đạo rồi,

cố tri chỉ kỳ sở bất tri, chí hĩ.
nên biết dừng ở chỗ chẳng biết, ấy là tới cùng.

"Đạo chiêu nhi bất đạo": chữ **"chiêu"** (昭) nghĩa là hiện khắp chẳng chỗ nào chẳng có; ông bảo đạo này rất rõ, ông chớ đi tìm; đạo ấy sáng tỏ linh hoạt hiện khắp, chẳng có một phương pháp cố định, nên "chiêu nhi bất đạo". Ông bảo Phật nói, Lão Tử nói, Trang Tử nói, Khổng Tử nói, Mạnh Tử nói, Giê-su nói, Muhammad nói: đều đúng, đều là đạo lý ấy, đều là một điểm cá thể của đạo toàn thể. Dưới đây phải chú ý! Đã là đạo hiện khắp chẳng chỗ nào chẳng có, bất cứ lúc nào chỗ nào cũng ở đó, cũng ở trong tâm linh mỗi người, rõ ràng sáng tỏ "nhi bất đạo"; mà ông lại bảo chỉ cái của ông mới gọi là đạo: ấy thì sai. Mỗi tôn giáo, mỗi kẻ tu đạo, đều cho chỉ cái của mình mới là đạo, cái của người khác thì chẳng phải đạo. Thực tế "đạo chiêu nhi bất đạo": đạo thì rõ ràng sáng tỏ, vô tư, nên tuyệt đối chẳng phải đạo (được xưng).

"Ngôn biện nhi bất cập": lý luận cao nhất giữa trời đất, tới chỗ cao nhất thì chẳng còn lời; nói ra đều chẳng phải. Ví như con người ta, nếu trên thân có đau có vui, ta bày tỏ ra: ối, đau quá! Ấy chưa kể là đau; đợi đau tới cực điểm, chẳng còn lời, đau chết đi: ấy mới là đau thật. Ông bảo ông vui không vui, tôi vui cực rồi: ấy còn hữu hạn; vui thật tới cực điểm sẽ khiến ông thích chết, cười chết. Người trên đời, tình cảm tới chỗ cao nhất thì chẳng còn lời: ấy chính là ngôn biện nhi bất cập.

"Nhân thường nhi bất thành": thế nào gọi là nhân chân thật? Nhân từ, từ bi, ấy rất bình thường; bảo ông lạnh, tôi còn một cái áo cho ông mặc thêm: rất bình thường; ông đói, tôi vừa có ổ bánh mì, ông ăn đi! Rất bình thường; nếu bảo ông đói, tôi đưa ổ bánh mì cho ông ăn, này! Ông ăn bánh mì của tôi, ông phải biết, vì tôi học Phật, ấy là tôi từ bi với ông: thế thì hỏng. Nên "nhân thường nhi bất thành". Giữa trời đất ai chẳng có lòng nhân? Người nào cũng có lòng yêu người; ngay cả mỗi loài sinh vật, dù với loài khác có kháng cự, có hại, tâm hại ấy là phòng vệ, nhưng với đồng loại đôi khi đều có một lòng nhân ái; nên đạo nhân là thường đạo, chẳng phải điều bất thường. Nhân thường nhi bất thành: nghĩa là chẳng có một thành quy nào nằm sẵn ở đó.

"Liêm thanh nhi bất tín": người liêm khiết chân thật, tự mình rất thanh cao; nhưng chữ **"tín"** (信) đây thì sao? Chẳng phải chẳng có tín dụng; liêm khiết chân thật, thanh cao chân thật thì bên ngoài chẳng có tín hiệu, chẳng phô trương, chẳng bày ra cho ông thấy: thanh cao thì thanh cao.

"Dũng kỵ nhi bất thành": kẻ đại dũng, chỗ nào cũng phô trương mình có sức, hoặc biết đánh người, biết cứu người: ấy đã chẳng còn dũng thật. Người dũng thật nhìn chẳng có vẻ dũng gì. Nên Trang Tử nhắc đi nhắc lại hai việc ấy.

"Ngũ giả viên nhi cơ hướng phương hĩ." Ngũ giả chính là đại đạo, đại biện, đại nhân, đại liêm, đại dũng: người đủ năm điều kiện ấy, "cơ hướng phương hĩ": gần như đã sờ tới hướng về đạo. Nên ta chú ý! Trang Tử từ chỗ bàn "xuy vạn bất đồng", thiên lại, địa lại, đoạn này bàn nhân lại, cuối cùng phía dưới còn thêm một kết luận nghiêm trọng.

"Cố tri chỉ kỳ sở bất tri, chí hĩ." Ấy là kết luận tổng của tiết này. Nên người thật hiểu đạo: hết thảy trí tuệ, kiến thức, tư tưởng đều chẳng có chỗ dùng; lấy kiến thức tư tưởng mà suy đoán đạo lý, ấy chẳng phải đạo, chẳng gần đạo. Đạo cuối cùng tới cảnh vô niệm, vô đạo khả đạo. Trí tuệ chân thật tới chỗ cao nhất là vô tri. Phật gia cũng có thuyết ấy: cao tăng đời Nam Bắc triều Tăng Triệu pháp sư, trong *Triệu luận* của ông, bài quan trọng nhất gọi là *Bát-nhã vô tri luận*. Ông bảo trí tuệ tới chỗ cao nhất, chẳng còn trí tuệ gì để bàn, ấy mới là trí tuệ chân thật, trí tuệ của đạo. Quan niệm ấy cùng một mạch với đạo lý Trang Tử nói: "cố tri chỉ kỳ sở bất tri", tới chỗ cao nhất mà chẳng biết.

Nên trên *Luận Ngữ* cũng thấy học trò Khổng Tử hỏi ông; ông bảo tôi chẳng biết gì cả, chẳng biết làm gì, vì vậy mới biết làm mọi thứ. Nếu một người ở một môn có chuyên trường, có một cảnh giới cao nhất, ấy sẽ chắn hết thảy. Nên đạo tới chỗ cao nhất, như Thiền tông thường phô trương: trí tuệ chân **"như châu tẩu bàn"** (như viên châu lăn

trên mâm), chẳng có phương sở, chẳng cố định, chẳng biết gì cả, vì vậy chẳng gì chẳng biết: chính là đạo lý ấy. Nên Trang Tử bảo: "cố tri chỉ kỳ sở bất tri, chí hĩ", ấy đã tới chỗ cao nhất.

Đoạn dưới đây vẫn còn bàn nhân lại, đạo nhân luân; phải giảng xong đạo nhân luân, mới nói từ địa lại tới nhân lại, cho tới đạo vượt khỏi cõi người. Vì vậy ông bảo đạo nhân luân: từ một người thường làm sao đi tu đạo, Trang Tử có một quan niệm:

Kho tàng của đạo

Hán Việt	Nghĩa
Thục tri bất ngôn chi biện, bất đạo chi đạo?	Ai biết biện chẳng lời, đạo chẳng nói?
Nhược hữu năng tri, thử chi vị thiên phủ.	Nếu có kẻ biết, ấy gọi là thiên phủ.
Chú yên nhi bất mãn, chước yên nhi bất kiệt,	Đổ vào mà chẳng đầy, múc ra mà chẳng cạn,
Nhi bất tri kỳ sở do lai, thử chi vị bảo quang.	Lại chẳng biết nó từ đâu mà có, ấy gọi là bảo quang.

Ông bảo giả sử trong tư tưởng hiểu biết của ngươi, ngươi hiểu đạo lý này: mọi lời nói tư tưởng tới chỗ cao nhất đều chẳng tới được, ấy là **"bất ngôn chi biện"** (biện chẳng lời), chẳng có lý luận, chẳng có chữ mà nói. "Bất đạo chi đạo": cái đạo hình nhi thượng ấy chẳng có pháp tắc, cũng chẳng có lý mà bàn. Đạo ở đâu? Ngay trong sự bình thường, rất bình thường, rất sẵn có. "Nhược hữu năng tri": giả sử có người biết cái này, hướng tu đạo đã rõ, "thử chi vị thiên phủ". **"Thiên phủ"** (天府) là danh Trang Tử đặt; chữ thiên đây chẳng phải trời hiện tượng thiên văn, mà là thiên của thế giới ý niệm; thiên phủ chính là cung điện, đại diện kho tàng của đạo, nguồn gốc của đạo.

"Chú yên nhi bất mãn, chước yên nhi bất kiệt, nhi bất tri kỳ sở do lai, thử chi vị bảo quang." Ngươi hiểu đạo này, tu dưỡng tới cảnh giới "bất ngôn chi biện" thì chẳng còn lời. Thật sự là nói về làm công phu: tu đạo, tu thiền, tu Phật đều vậy. Ví như thanh niên nay thích nhất là ngồi thiền yoga, ngồi thiền tu đạo, ngồi thiền tu Phật: ngồi lên làm gì? Ngồi đó tranh luận, tự tranh với mình: ồi, cái này chẳng đúng nhỉ! Cái này e chẳng phải đạo! Cái này e chẳng chính! Cái này chẳng phải công phu! Khí mạch chẳng thông nhỉ? Đều nhắm mắt ngồi đó tư biện. "Bất ngôn chi biện": tới trong lòng chẳng còn tranh, tức cảnh vô tranh; óc chẳng tư biện, tâm tuyệt đối thanh tịnh; phương pháp gì cũng chẳng bận, "bất đạo chi đạo": vậy thì bước đầu của đạo ngươi đã tới, chính là "thử chi vị thiên phủ" Trang Tử nói, đã gần kho tàng đạo, gần thiên rồi. Tu dưỡng tới cảnh giới ấy, "Chú yên nhi bất mãn": như dòng nước, cứ đổ vào mãi cũng chẳng đầy. Lão Tử cũng nói: lúc ấy mới gọi là **"hư hoài nhược cốc"** (lòng rộng như thung lũng). Lòng trống rỗng như thung lũng; nước cứ đổ, một vạn năm, một ức năm nước đổ vào cũng chẳng đầy, vì chẳng đáy. "Chước yên nhi bất kiệt": cũng như dòng nước, mỗi ngày gánh đi một gánh, một xe, mãi mãi cũng chẳng múc cạn: ấy là bất tăng bất giảm.

Vậy năng lượng trong lòng, năng lượng đạo, năng lượng thân tâm, từ đâu mà có? Vô sở lai, vô sở khứ, chẳng biết nguồn, chẳng biết điểm đến; "nhi bất tri kỳ sở do lai", trạng thái ấy gọi là **"bảo quang"** (葆光 - giữ ánh sáng). Các vị tu đạo, dù tu Đạo gia, Mật tông, Thiền, yoga, kẻ nói tu dưỡng, nói ngồi thiền: làm được thế này là đúng! "Thử chi vị bảo quang": ánh sáng sinh mệnh mãi huy hoàng, mãi hiện hữu. Trang Tử truyền đạo cho ta rất hay: chẳng cần ngồi thiền, chẳng cần niệm chú, khỏi học một câu chú mà mất năm nghìn đồng, không đáng. Trong đây chẳng có chú; lỡ cần chú thì niệm mấy câu "Chú yên nhi bất mãn, chước yên nhi bất kiệt, nhi bất tri kỳ sở do lai, thử chi vị bảo quang" là xong: ấy là chú của Trang Tử. Danh từ "thiên phủ", "bảo quang" của Trang Tử, về sau Đạo gia hay trích. Đây nói học nội dưỡng: tu dưỡng nội tại mỗi người, cũng chính là tu đạo. Dưới nói học ngoại dụng: tức đạo nhân.

Đạo nhân luân

Hán Việt	Nghĩa
Cố tích giả Nghiêu vấn ư Thuấn viết:	Xưa Nghiêu hỏi Thuấn rằng:
Ngã dục phạt Tông Khoái, Tư, Ngao,	ta muốn đánh Tông Khoái, Tư, Ngao,
nam diện nhi bất thích nhiên.	ngồi hướng nam mà chẳng yên lòng.
Kỳ cố hà dã?	Vì sao vậy?
Thuấn viết: Phù tam tử giả,	Thuấn đáp: Ba nước ấy
do tồn hồ bồng ngải chi gian.	còn sống giữa cỏ bồng ngải hoang dã.
Nhược bất thích nhiên, hà tai?	Nếu chẳng yên lòng, sao được?
Tích giả thập nhật tịnh xuất, vạn vật giai chiếu,	Xưa mười mặt trời cùng ló, muôn vật đều được soi,
nhi huống đức chi tiến hồ nhật giả hồ!	huống chi đức của ngài còn sáng hơn mặt trời!

Muốn nghiên cứu sử Trung Hoa trên ba đời, tư liệu Trang Tử ở đây chẳng lấy từ Khổng Tử, mà ông tự tìm. Ông bảo sử thượng cổ: đương Nghiêu làm hoàng đế, tức công thiên hạ; Nghiêu muốn bồi dưỡng người kế vị, chính là Thuấn. Thuấn theo ông làm chính trị, làm việc bên cạnh, từ tiểu lại lên làm phó hoàng, gần năm mươi năm. Nghiêu hơn một trăm tuổi mới nhường ngôi. Một hôm Nghiêu hỏi Thuấn: "Ngã dục phạt Tông Khoái, Tư, Ngao": vùng biên giới Tây Nam lạc hậu, còn ba nước nhỏ Tông Khoái, Tư, Ngao, chẳng nghe giáo hóa; ta muốn xuất binh đánh, vì giáo hóa văn chẳng được, phải giáo hóa võ, giáo hóa mạnh. Nghiêu là thánh nhân, lấy đạo đức làm chính trị, trong lòng vẫn còn ý xuất binh: thật chẳng còn cách, đạo đức giáo hóa chẳng nổi, đành xuất binh dạy bảo. Nên "nam diện nhi bất thích nhiên": đế vương Trung Hoa cổ thường ngồi bắc hướng nam; nam diện là hình dung cảnh giới đế vương; đọc sách cổ gặp nam diện xưng vương, tức tính từ vua chúa.

Phương hướng Trung Hoa cổ có quy định: mấy nghìn năm thời đế vương chuyên chế, nhà dân chẳng được hướng chính nam, phải lệch một chút. Hướng chính nam thì chết: ngươi muốn làm hoàng đế sao? Chỉ cơ quan nhà nước, chùa miếu, mới được ngồi bắc hướng nam; nhà dân hướng nam thì nghi vấn nam diện xưng vương, có người tố cáo thì ngươi chịu không nổi.

Nghiêu bảo Thuấn: ta muốn xuất binh đánh Tông Khoái, Tư, Ngao; khi ngồi hướng nam quyết định, trong lòng luôn khó chịu, "kỳ cố hà dã?" Vì sao vậy? Nếu đoạn sử này thật, ta cũng thấy tình hình nhường ngôi giữa Nghiêu Thuấn. Lời Nghiêu có hai nghĩa: lúc ấy thực quyền đã giao hết cho Thuấn, nhưng việc lớn vẫn báo Nghiêu một tiếng. Một mặt thử xem Thuấn kế vị có lòng nhân từ; một mặt cũng là lòng Nghiêu: dù tới cảnh giới thánh nhân, việc chẳng vừa ý vẫn khó yên. Nên "nam diện nhi bất thích nhiên. Kỳ cố hà dã"? Ngươi xem vì sao?

"Thuấn viết: Phù tam tử giả": về Tông Khoái, Tư, Ngao, sách cổ bảo là ba nước nhỏ, là tộc tông bị tổ tiên thượng cổ đuổi khỏi nhà, cũng là đồng bào ta, vì chẳng nghe lời bị đuổi ra, lưu lạc biên cương. Nay có thuyết khác bảo là Tây Tạng, biên giới Vân Nam, vùng Di: chẳng biết thật hay không.

Thuấn đáp: "Phù tam tử giả, do tồn hồ bồng ngải chi gian." Đồng bào ba nước nhỏ lưu lạc biên cương, rất đáng thương. Phàm là con người đều là đồng bào ta; họ ở biên cương, văn hóa lạc hậu, sống thô dã hoang dã, như chim thú. "Nhược bất thích nhiên, hà tai?" Thuấn bảo: lòng ngài chẳng yên, lòng ta cũng chẳng yên! "Tích giả thập nhật tịnh xuất, vạn vật giai chiếu": thượng cổ trên trời có mười mặt trời, ánh sáng chiếu khắp muôn vật; lòng ngài cũng như mặt trời, phàm là con người ngài đều yêu thương. Nay họ đáng thương thế, lòng ngài đương nhiên khó qua; nhưng họ chẳng nghe giáo hóa, nên ngài muốn xuất binh; lại chẳng muốn giết: ấy đương nhiên, ấy chính là nhân. "Nhi huống

đức chi tiến hồ nhật giả hồ!" Huống chi tâm đạo đức yêu thiên hạ vạn dân của ngài còn sáng hơn mặt trời: việc này lòng ngài đương nhiên chẳng buông được! Đoạn này nói đạo nhân luân.

Luận biện của Trang Tử

Nay ta nghiên cứu tới đoạn nhân lại trong *Tề Vật Luận* này: đây mượn danh từ Trang Tử tự đặt; ông trong thiên này nói đạo nhân luân, gần hết một đoạn, rồi nêu lên: con người vượt sinh mệnh thường nhật, tìm lại sinh mệnh chân thật của mình.

Hán Việt	Nghĩa
Niết Khuyết vấn hồ Vương Nghê viết:	Niết Khuyết hỏi Vương Nghê rằng:
Tử tri vật chi sở đồng thị hồ?	Ngươi biết vạn vật cùng một chỗ không?
Viết: Ngô ô hồ tri chi!	Đáp: Ta biết sao mà biết!
Tử tri tử chi sở bất tri da?	Ngươi biết chỗ ngươi chẳng biết không?
Viết: Ngô ô hồ tri chi!	Đáp: Ta biết sao mà biết!
Nhiên tắc vật vô tri da?	Vậy vạn vật vô tri sao?
Viết: Ngô ô hồ tri chi!	Đáp: Ta biết sao mà biết!
Tuy nhiên, thường thí ngôn chi.	Tuy vậy, thử nói xem.
Dung cự tri ngô sở vị tri chi phi bất tri da?	Ngươi biết sao cái ta gọi là biết chẳng phải là chẳng biết?
Dung cự tri ngô sở vị bất tri chi phi tri da?	Ngươi biết sao cái ta gọi là chẳng biết lại chẳng phải là biết?

Đoạn này rất thú vị. Niết Khuyết, Vương Nghê hai vị này thượng cổ đều được liệt vào *Cao sĩ truyện*, tức ẩn sĩ, trong Đạo gia đều tính là thần tiên. Thần tiên cổ, nhân vật trong *Cao sĩ truyện*, đều là người tu đạo thượng cổ.

Niết Khuyết hỏi Vương Nghê: "Tử tri vật chi sở đồng thị hồ?" Ngươi có biết muôn vật trên trời đất tới chỗ cao nhất về cơ bản đều giống nhau, tuyệt đối, cùng một thứ không? Vương Nghê đáp: "Ngô ô hồ tri chi!" Ta biết sao mà biết! Nói cách khác: ta chẳng biết. Niết Khuyết lại hỏi: "Tử tri tử chi sở bất tri da?" Ngươi có biết chỗ ngươi lúc ấy chẳng biết không? Vương Nghê bảo: "Ngô ô hồ tri chi!" Ta cũng chẳng biết! Niết Khuyết lại hỏi: "Nhiên tắc vật vô tri da?" Vậy vũ trụ chỗ cao nhất là vô tri sao? Vương Nghê bảo: "Ngô ô hồ tri chi!" Ta cũng chẳng biết. Ba thứ đều chẳng biết: về sau văn hóa Trung Hoa có thành ngữ **"nhất vấn tam bất tri"** (hỏi một câu, ba điều đều chẳng biết). Nói cách khác: ngươi hiểu đạo chăng? Ông bảo ta chẳng biết! Ngươi biết vì sao ngươi chẳng hiểu đạo chăng? Ông bảo ta cũng chẳng biết! Vậy trên đời chẳng có đạo? Cũng chẳng có trí tuệ? Ta cũng chẳng biết: ấy là nhất vấn tam bất tri.

Nói tới đây, Vương Nghê đáp rồi, bèn nói. Ôi! Ông bảo ngươi hỏi thế, tuy ta thật chẳng biết, nhưng này: "Thường thí ngôn chi", ta thử nói cho ngươi: "Dung cự tri ngô sở vị tri chi phi bất tri da?" **"dung cự tri"** (庸讵知) ba chữ này là văn pháp Trang Tử; nói bạch thoại tức ngươi biết sao? Đời sau nhiều đại văn hào trích văn pháp Trang Tử, nhất là văn Tô Đông Pha, hay xen một câu "dung cự tri". Thực ra ba chữ chẳng gì lạ: chính là ngươi biết sao.

Vương Nghê bảo: "Ngô sở vị tri chi": ta nếu bảo ngươi, cái này ta đều biết, đạo ta cũng biết; cái biết ấy, "phi bất tri da", chẳng phải chẳng biết. Nhưng biết càng nhiều thì càng vô trí, càng ngu si; hiểu càng nhiều thì ngu dốt càng nặng. Chính câu ấy: ta gọi là biết mà "phi bất tri", ấy mới là vô tri thật.

"Dung cự tri ngô sở vị bất tri chi phi tri da?" Ngươi biết sao: ta bảo hết thảy chẳng biết, cái ấy mới là biết thật. Ấy chính Trang Tử: nói nửa ngày, ấy cũng chính là Thiền; chẳng biết mới là biết thật, biết chưa hẳn là biết thật. Ta có thể kết luận cho ông gọi là **"trí biện"** (智辯 - luận biện bằng trí): luận biện phân biệt thị phi của một người **"tận ư tri chỉ"** (尽于知止 - dừng hết ở chỗ chẳng biết). Trí biện, trí tuệ cao nhất, học vấn cao nhất, luận biện ấy "tận ư tri chỉ": mọi thứ tới đó vô tri, trí biện tận ư tri chỉ. Ấy là một kết luận ta đặt cho ông. Nói cách khác, các vị ngồi đây học Phật học đạo chú ý! Tưởng mình hiểu Phật pháp, hiểu đạo, hiểu tu đạo, hiểu triết học Trung Hoa v.v., cái ngươi tưởng là biết: ấy chính là ngươi ngu nhất; nên đạo ngươi chẳng thành, vì đầu óc hiểu quá nhiều. Quá thông minh là việc ngu nhất; cái linh cảm tự nhiên bản năng của con người, trí tuệ chân thật ấy, chẳng từ học vấn tư tưởng thông minh mà ra; nên "trí biện tận ư tri chỉ": ấy là kết luận ta đặt cho ông; câu này cũng theo chương pháp văn cổ.

Nay, thêm một bước: ta biết đọc Trang Tử rồi, con người chẳng ngoài hai thứ: một tri giác, một cảm giác. Tri giác tư tưởng ta tới chỗ cao nhất, hoàn toàn an tịnh; trong cái vô sở bất tri, thực ra như vô tri: ấy là cảnh giới cao nhất. Nay ông nối tri giác với cảm giác, Trang Tử đưa một ví dụ rất thú, nhìn như ông đang biện bác quanh co.

Hán Việt	**Nghĩa**
Thả ngô thường thí vấn hồ nhữ:	Thử hỏi ngươi xem:
Dân thấp tẩm tắc yêu tật thiên tử,	Người ngủ ẩm thì đau eo chết nửa thân,
Thu nhiên hồ tai?	cá chạch có vậy chăng?
Mộc xử tắc chuế lật tuân cụ, viên hầu nhiên hồ tai?	Trên cây cao thì run sợ, khỉ có vậy chăng?
Tam giả thục tri chính xử?	Ba loài, ai biết chỗ ở đúng?
Dân thực sô hoạn, mi lộc thực tiến,	Người ăn thịt gia súc nuôi bằng cỏ, bằng thóc, hươu nai ăn cỏ,
Tất thả cam đới, si nha thị thử,	con sâu thấy rắn ngon, chim cú quạ thích chuột,
tứ giả thục tri chính vị?	bốn loài, ai biết vị đúng?

"Thả ngô thường thí vấn hồ nhữ": đáp xong đoạn trên, dưới là ông mượn miệng Vương Nghê bảo Niết Khuyết: ngươi hỏi tới đây, ta nói thêm, "Dân thấp tẩm tắc yêu tật thiên tử, thu nhiên hồ tai?" "Dân" tức ta loài người. "Thấp tẩm": ngủ trong nước, hoặc chỗ ngủ quá ẩm, hoặc ở phòng lạnh quá lâu. "Tắc yêu tật thiên tử": eo đau, vai đau, phong thấp tới, kết quả phong thấp có thể giết người. "Thu nhiên hồ tai?" Còn cá chạch với rắn trong nước? Cả ngày ngủ trong nước, chẳng đau eo chẳng phong thấp: thấy cảm thụ khác nhau.

"Mộc xử tắc chuế lật tuân cụ, viên hầu nhiên hồ tai?" Người mà trói trên cây cao: ồi! Sợ chết, tim đập, sợ rơi chết. Còn khỉ? Càng leo cao càng thích. Trang Tử biện luận rất khéo: người ngủ lâu trong bùn thì phong thấp; con cá chạch, con lươn? Lớn trong bùn cũng chẳng phong thấp! Người leo cao sợ rơi chết; khỉ thì càng nhảy cao càng hay. "Tam giả": người, cá chạch, khỉ ba thứ. "Thục tri chính xử?" Ngươi nói xem, cảm giác nào đúng? Con đường nào đúng? Tri giác cảm giác đều khác. Nói cách khác: sinh mệnh con người được ban, chức năng khác, thói quen khác, mọi cảm thụ tư tưởng đều khác.

"Dân thực sô hoạn, mi lộc thực tiến, tất thả cam đới, si nha thị thử, tứ giả thục tri chính vị?" "Dân thực sô hoạn": ta ăn rau, rau muống, cải thảo Sơn Đông, cơm, cũng ăn chút thịt, chay mặn gom lại. "Mi lộc thực tiến": mi giống hươu nhưng to hơn; tiến là cỏ; hươu núi ăn cỏ. "Tất thả cam đới": tất thả là một loại sâu, giống con rết lớn, thích ăn rắn; cam: ăn rất ngon; đới: tức rắn. "si nha thị thử": trên trời có loài chim hung dữ gọi lão si; lão si với quạ thích ăn chuột, nhất là chuột chết, càng thối càng ngon, như ta thích đậu phụ thối. Bốn loại: người thích cơm rau; trâu hươu thích cỏ;

có loài thích ăn rắn, ăn độc; có loài thích thối rữa, ta tưởng vi khuẩn kinh khủng, chúng ăn vào là dinh dưỡng. Bốn loại so với nhau, "thục tri chính vị", cái nào mới đúng? Ông trước nói cảm thụ khác, rồi ẩm thực khác. Thứ ba:

Hán Việt	***Nghĩa***
Viên biên thư dĩ vi thư,	*Khỉ vượn coi con khỉ làm vợ,*
Mi dữ lộc giao,	*hươu với nai giao phối,*
Thu dữ ngư du.	*cá chạch với cá bơi cùng.*
Mao Tường Lệ Cơ,	*Mao Tường, Lệ Cơ*
nhân chi sở mỹ dã;	*là đẹp trong mắt người;*
Ngư kiến chi thâm nhập,	*cá thấy thì lặn sâu,*
Điểu kiến chi cao phi,	*chim thấy thì bay cao,*
Mi lộc kiến chi quyết sậu.	*hươu nai thấy thì chạy đà.*
Tứ giả thục tri thiên hạ chi chính sắc tai?	*Bốn loài, ai biết sắc đẹp đúng của thiên hạ?*

Khỉ có nhiều loại: viên, biên thư, như trâu có mao ngưu, hoàng ngưu, thủy ngưu, phân loại khác nhau. Trong khỉ có đồng tính luyến ái. Biên thư hình viên nhưng đầu chó, thích giao phối với con viên cái. Ông bảo hươu với nai yêu nhau, giao phối, chẳng phân cha mẹ anh em chị em. Cá? Rắn trong nước với cá làm bạn, thậm chí giao phối: hiện tượng sinh vật. Trang Tử rất am hiểu sinh vật, hay trích những thứ này. "Mao Tường", "Lệ Cơ" là hai đại mỹ nhân thời cổ, những người đàn bà nổi danh trong lịch sử. "Nhân chi sở mỹ dã": ai cũng biết hai mỹ nhân này rất đẹp, như nay ở Mỹ Long Beach tuyển mỹ, tuyển ra mỹ nhân, số đo chuẩn, người đẹp, son đỏ đặc biệt, lông mày vẽ dài. Ông bảo mỹ nhân đẹp thế, cho cá dưới nước xem, cá lặn sâu chẳng dám nhìn! Bảo nàng ngửa đầu cho chim xem, chim bay mất! Cho vào núi cho thú hoặc sở thú cho hươu nai xem, hươu nai vó cẳng đùng đùng chạy. "Tứ giả thục tri thiên hạ chi chính sắc tai?" Ngươi nói xem, cái gì gọi đẹp? Cái gì gọi chẳng đẹp? Ngươi tưởng đẹp, loài khác tưởng chẳng đẹp, sợ chết.

Nhìn biện luận quanh co của Trang Tử: ông mắng người ta biện lô-gic quanh co, mà biện của ông còn lợi hại hơn. Những thứ này gọi là ví dụ chẳng loại nào giống loại nào. Nhưng lấy quan điểm ta hôm nay, đều có đạo lý khoa học sâu, chẳng đơn giản. Ta nói qua cho gọn; mỗi thứ nếu tra tư liệu chuyên môn, mời nhà sinh vật học, vật lý học nghiên cứu, sẽ thấy Trang Tử nói rất đúng. Tóm lại, ông ở đây ba đoạn: trước nêu cảm thụ khác; rồi ẩm thực khác; thứ ba yêu ghét khác.

Thực ra kinh Phật cũng có ví dụ kiểu này, nhưng khác lời Trang Tử, nói còn huyền hơn Trang Tử. Ví như nước: ta thấy là nước; kinh Phật bảo ngạ quỷ thấy chẳng phải nước mà là lửa, nên khát mà chẳng dám uống; dù nước vào miệng cũng hóa lửa, đốt cháy. Như ta chẳng biết uống rượu, uống một ngụm rượu cao lương, trong miệng cháy chết. Rượu cao lương cũng là nước! Chẳng thể bảo chẳng phải nước! Sao lại cháy? Phật còn nói: thức ăn ta tưởng ngon nhất, thiên nhân trên cõi dục giới thấy thối kinh khủng; khi ta ăn món ngon nhất, Phật bảo thiên nhân tới trước mặt ta phải bịt mũi, nhắm mắt lướt qua, chẳng dám nhìn, tưởng loài người sao ăn thứ bẩn thế. Ví dụ kinh Phật khác gì ví dụ Trang Tử? Ví dụ kinh Phật là **"sự xuất hữu nhân, tra vô thực cứ"** (chuyện thì có nguyên do, tra ra thì chẳng có bằng chứng thật): ta chẳng mời thiên nhân ra đối chứng, ngạ quỷ cũng chẳng ra chứng minh; nhưng Trang Tử trích những thứ này, nếu nghiên cứu sinh vật, đúng là có lý.

Ba đoạn ấy, đoạn thứ ba nói tính tình, yêu ghét giữa loài người khác nhau; nên kết quả biện luận của ông, là lật đổ học thuyết chư tử bách gia thời Xuân Thu Chiến Quốc. Ông bảo Nho gia, Mặc gia v.v., các ngươi nói sao cứu nước, sao cứu thế, sao cứu người, ví như người Mỹ ngày ngày nói nhân quyền, kết quả làm cả thế giới vừa chẳng nhân đạo vừa chẳng nhân quyền.

Hán Việt	Nghĩa
Tự ngã quan chi,	Ta nhìn theo ta thì
Nhân nghĩa chi đoan, thị phi chi đồ,	gốc nhân nghĩa, con đường thị phi,
Phàn nhiên hào loạn,	rối loạn tạp nhiễu,
ngô ô năng tri kỳ biện!	ta biết sao mà biết luận cái ấy!

Vì vậy hoàn cảnh khác, cảm thụ khác; hoàn cảnh giáo dục khác, sinh lý được ban khác, tư tưởng quan niệm khác. Người mù màu, so với mắt bình thường, chẳng biết bình thường của người ấy hay bình thường của ta! Ví như ta vào viện tâm thần nhìn, ta hay đứng đó ngẩn người: rốt cuộc ta thần kinh? Hay họ thần kinh? Khi bệnh nhân tâm thần từ bốn phía vây ta, như ta mới thần kinh, họ mới bình thường: phân không rõ.

Trang Tử bảo: ta nhìn theo ta, các ngươi ngày ngày nói **"Nhân nghĩa chi đoan, thị phi chi đồ"** (gốc nhân nghĩa, con đường thị phi), biện qua biện lại, **"Phàn nhiên hào loạn"** (rối loạn tạp nhiễu). Văn minh vật chất càng phát triển, tri thức càng phổ cập, trí tuệ loài người càng thấp, văn hóa càng suy. Nên ta "ô năng tri kỳ biện": ngươi bảo ta luận biện, ta nói không ra chân lý ở đâu, chân lý rốt cuộc ở đâu, ta chẳng biết, ta cũng chẳng muốn biện. Chú ý! Đoạn này Trang Tử nói, nhưng Trang Tử chẳng tự nói; ông mượn Niết Khuyết hỏi Vương Nghê, lời Vương Nghê đáp, dùng hai người biện luận làm kết luận.

Cảnh giới chí nhân

Hán Việt	Nghĩa
Niết Khuyết viết: Tử bất tri lợi hại, tắc chí nhân cố bất tri lợi hại hồ?	Niết Khuyết nói: Ngươi chẳng biết lợi hại, vậy chí nhân há chẳng biết lợi hại sao?
Vương Nghê viết: Chí nhân thần hĩ!	Vương Nghê đáp: Chí nhân thần hóa rồi!
Đại trạch phần nhi bất năng nhiệt, Hà Hán hộ nhi bất năng hàn.	Đại đầm cháy mà chẳng nóng, Hà Hán đóng băng mà chẳng lạnh.
Tật lôi phá sơn phong chấn hải nhi bất năng kinh.	Sét dữ làm vỡ núi, gió lay biển mà chẳng kinh.
Nhược nhiên giả, thừa vân khí, kỵ nhật nguyệt,	Nếu vậy, cưỡi mây khí, cưỡi nhật nguyệt,
nhi du hồ tứ hải chi ngoại.	mà du ngoài bốn biển.
Tử sinh vô biến ư kỷ, nhi huống lợi hại chi đoan hồ!	Sinh tử chẳng đổi đối với mình, huống chi chút lợi hại!

Niết Khuyết nói: "Tử bất tri lợi hại, tắc chí nhân cố bất tri lợi hại hồ?" Ngươi chẳng biết trên đời cái gì đúng cái gì sai; ngươi đã chẳng biết lợi hại, chí nhân cũng chẳng biết lợi hại sao? Chí nhân chính là kẻ đắc đạo.

Ta biết Trang Tử nêu ba danh từ, sau này văn hóa Trung Hoa, Đạo gia, Đạo giáo hay trích: thứ nhất ở *Tiêu Dao Du* nêu "thần nhân", thứ hai ở tiểu mục này nêu "chí nhân", phía sau còn nêu "chân nhân". Về giá trị con người, ông nêu ba tên này. Theo quan niệm Trang Tử, ta bây giờ chẳng còn là người: dù còn sống, đã chơi mất vốn làm người. Người

có vốn thật sự có thể thành thần nhân, siêu thần nhập hóa, vượt thế giới vật chất, thăng hoa tới thống nhất tinh thần và vật chất. Làm tới thế ấy gọi là chí nhân; chí nhân tiến thêm một bước là chân nhân. Ta sống trên đời, chưa làm trọn giá trị thật của người, chưa đạt chuẩn người; Đạo gia gọi mình là xác đi thịt còn chạy: ta là xác đi, trong rỗng tuột, chỉ vài chục cân thịt chạy trên phố. Có khi học trò đùa: thầy ngày càng gầy; tôi bảo đó mới đúng chuẩn **"hành thi"** (行尸 - cái xác biết đi), béo hơn chút gọi chuẩn **"tẩu nhục"** (走肉 - miếng thịt biết chạy). Người làm được không còn là xác đi thịt chạy, mới gọi là làm người. Được! Giờ nói xong nhân lại, dưới từ nhân lại tới thiên lại.

"Vương Nghê viết: Chí nhân thần hĩ!" Trong văn hóa Trung Hoa, giá trị sinh mệnh, Trang Tử nói hết ở đây. Người làm được thì trong Phật giáo Ấn Độ gọi là thành Phật, trong Trung Hoa gọi là thành thần nhân. Vương Nghê bảo: này! Huynh đệ đừng hỏi chuyện này; ta là phàm nhân, xác đi thịt chạy; còn chí nhân, thật tới cảnh giới đạo, có thể thần hóa. "Đại trạch phần nhi bất năng nhiệt": cả bốn đại dương núi lửa phun cháy, ông ta chẳng nóng chút nào; thiên *Tiêu Dao Du* đã nói, ông ta tưởng vào phòng xông hơi tắm một trận. "Hà Hán hộ nhi bất năng hàn": cả Bắc Cực băng tan, ông ta tưởng ăn kem, ngồi phòng lạnh cho mát. "Tật lôi phá sơn phong chấn hải nhi bất năng kinh": cả địa cầu nứt, núi sông lay, biển cạn, ông ta chẳng cảm giác, chẳng sợ, tưởng trẻ con nặn đất vỡ.

Vậy tu dưỡng chí nhân siêu thần nhập hóa tới mức ấy. Trang Tử viết thế, chính là tư tưởng thần tiên Đạo gia Trung Hoa sau này; *Phong thần bảng* v.v. đều xuất từ đây. "Nhược nhiên giả", người tới cảnh giới ấy, "thừa vân khí": chẳng cần máy bay hãng hàng không, vẫy tay mây trên trời tới, tựa như nằm trên chiếu Đài Loan bay đi, muốn đâu tới đó. "Kỵ nhật nguyệt": muốn mua xe máy thì khỏi mua, lấy mặt trời mặt trăng làm xe máy. "Nhi du hồ tứ hải chi ngoại": ra ngoài vũ trụ chơi. Người tu đạo tới đây "tử sinh vô biến ư kỷ": sinh tử chẳng liên quan gì ông ta, ông ta bất sinh bất diệt, chẳng dính biến hóa thế giới vật chất, "nhi huống lợi hại chi đoan hồ"! Huống chi thị phi lợi hại đời, trong mắt ông ta như trẻ con cãi nhau, chẳng liên quan. Như ta xem kiến đánh nhau, hay xem đám thú trong lồng tự náo loạn. Đoạn này nói giá trị người, từ nhân lại tới thiên lại.

Tề Vật Luận dài nhất, nói nửa ngày, lộn xộn một trận, cuối cùng vẫn nhắc đạo cao nhất. Đạo ở đâu? Ai cũng có đạo, nhưng ai cũng tự đánh mất. Dưới kể thêm một chuyện, nói chỗ dễ mắc nhất. Đọc Trang Tử phải cẩn thận: người tu thành công thật là thừa vân khí, kỵ nhật nguyệt, du ngoài tứ hải; trên là "thừa vân khí, ngự phi long", cưỡi rồng chơi. Giờ có một người, cũng là đạo sĩ cổ tu thành công.

Hán Việt	**Nghĩa**
Cù Thước Tử vấn hồ Trường Ngô Tử viết:	Cù Thước Tử hỏi Trường Ngô Tử rằng:
Ngô văn chư phu tử, thánh nhân bất tòng sự ư vụ,	Tôi nghe thầy nói, thánh nhân chẳng làm việc thế tục,
bất tựu lợi, bất vi hại, bất hỉ cầu, bất duyên đạo;	chẳng theo lợi, chẳng tránh hại, chẳng thích cầu, chẳng tự xưng tu đạo;
vô vị hữu vị, hữu vị vô vị,	vô vị mà hữu vị, hữu vị mà vô vị,
nhi du hồ trần cấu chi ngoại.	mà du ngoài bụi trần thế gian.
Phu tử dĩ vi mạnh lãng chi ngôn,	Thầy tôi cho là lời nói khoác,
Nhi ngã dĩ vi diệu đạo chi hành dã.	còn tôi cho là hành đạo diệu mỹ.
Ngô tử dĩ vi hề nhược?	Huynh nghĩ sao?

"Cù Thước Tử vấn hồ Trường Ngô Tử", hai vị đều tu đạo, ghi trong *Cao sĩ truyện*. Cù Thước Tử nêu câu hỏi: "Ngô văn chư phu tử, thánh nhân bất tòng sự ư vụ". Cù Thước Tử truyền là học trò Khổng Tử; phu tử ở đây cũng chỉ Khổng Tử. Cù Thước Tử hỏi Trường Ngô Tử: tôi nghe thầy nói "thánh nhân", kẻ thật đắc đạo, "bất tòng sự ư vụ", trên đời này như chẳng cần quản việc đời. Cũng chính tư tưởng người tu đạo thường gặp. Người học Phật tu đạo, học Mật tông, yoga, đủ thứ kỳ quái đều gọi tu đạo. Theo kinh nghiệm vài chục năm của tôi, ai vừa dính ý tu đạo thường có một bệnh: thành phế nhân, xong. Thứ nhất học được lười, tưởng việc gì cũng khỏi quản mới là đạo; ồi! cái này loạn đạo hạnh, cứ tu đạo khỏi quản gì hết. Thứ hai, rất lấy mình làm trung tâm, ích kỷ lợi mình, vì tu đạo vốn là chuyện ích kỷ: ta muốn thành đạo! cũng muốn cưỡi mặt trời làm xe đạp. Đúng sai các vị tự nghiên cứu; đó đều chẳng phải chân đạo. Trang Tử trích Cù Thước Tử hỏi Trường Ngô Tử cũng vậy. Cù Thước Tử nói: tôi nghe thầy nói, học đạo thì chẳng làm việc đời.

"Bất tựu lợi, bất vi hại", nghe ngoài rất hay: việc tốt có lợi chẳng dính, việc xấu có hại chẳng quản; tu dưỡng thật cao! chủ nghĩa cá nhân tuyệt đối; trong văn hóa Tây phương, tự do thật, chủ nghĩa tự do cá nhân phát huy tới cực điểm. Tiếc ta thường "bất vi hại" chẳng làm được: chỗ có hại ta cứ muốn tới, đó là văn hóa Trung Hoa. *Lễ ký* nói kẻ sĩ đại phu, người trí thức, gặp nguy thì nhận mệnh: nước lâm nạn thì đến kẻ thất phu cũng có phần trách nhiệm. Lúc ấy chẳng sợ họa; chỗ này ta chẳng làm được. "Bất tựu lợi": người tu đạo bề ngoài việc gì cũng khỏi quản, chỉ cần lợi cho tu đạo, miễn truyền ta một đạo, bắt quỳ lạy, bắt tôi hạ mình làm đứa hèn tôi cũng làm; đó chính là tựu lợi! Tuy trông rất thành tâm học đạo, thực ra lòng dạ "tựu lợi", đúng không? Bảo họ hy sinh chút tinh thần sinh mệnh, bố thí vì người như Phật giáo, tôn giáo, Cơ Đốc giáo hiến dâng cho người: hè! hè! cái này ta không, hại ta, đúng không?

"Bất hỉ cầu", chẳng thích cầu gì. Chú ý, người học đạo thường cầu rất nhiều! vừa muốn khỏe, vừa muốn thọ, vừa muốn phát tài, vừa muốn người ta coi trọng, vừa muốn… rất nhiều! Tóm lại, ba quả chuối lên chùa vái, vái xong cầu xong, còn mang về ăn: toàn là hỉ cầu. "Bất duyên đạo", cũng chẳng tự xưng đang tu đạo, chẳng giả bộ bộ dạng tu đạo.

"Vô vị hữu vị, hữu vị vô vị, nhi du hồ trần cấu chi ngoại." Ông nói, vô vị hữu vị. Ngươi bảo ông ta có ý gì không? Sống trên đời có mục đích gì không? Ông ta cũng vô vị; ngươi bảo ông ta vô vị, ông ta trên đời rất hăng. Nhưng xét kỹ, tuy thân ở đời, vẫn làm ăn, vẫn chạy xe máy, vẫn sáu giờ dậy, vội vã chạy, mười hai giờ mới ngủ, bận không xuể; "du hồ trần cấu chi ngoại", nhưng lòng đã thoát ra, lòng ở ngoài cặn bụi đời. "Phu tử dĩ vi mạnh lãng chi ngôn", Cù Thước Tử nói, tôi nghe thầy nói vậy, nhưng thầy bảo tôi quá **"mạnh lãng"** (孟浪 - nói khoác, hão huyền), cao vút quá xa, sao đủ tư cách hỏi câu này? Tôi bị thầy mắng một trận, lòng không phục!

"Nhi ngã dĩ vi diệu đạo chi hành dã", tôi cho cái này đúng! Kẻ thật đắc đạo chẳng có dạng cố định. "Ngô tử dĩ vi hề nhược", ông bảo: huynh nghĩ sao? Ông hỏi thầy, kẻ đắc đạo có phải thế không; thầy chẳng trả lời, còn mắng "mạnh lãng chi ngôn", nói khoác, ngươi chẳng đủ tư cách hỏi. Ông bảo: tôi cho câu hỏi mình đúng; huynh nói xem sao?

Cầu đạo và thành đạo

Hán Việt	**Nghĩa**
Trường Ngô Tử viết:	Trường Ngô Tử đáp:
Thị Hoàng Đế chi sở thính huỳnh dã,	Việc Hoàng Đế cũng giả vờ không hiểu,
Nhi Khâu dã hà túc dĩ tri chi!	còn Khâu sao đủ biết!
Thả nhữ diệc đại tảo kế,	Hơn nữa huynh tính toán quá sớm,
kiến noãn nhi cầu thì dạ,	thấy trứng đã mong gà gáy sáng,
kiến đạn nhi cầu hào chích.	thấy đạn đã mong vịt nướng.

Hán Việt	Nghĩa
Dư thường vi nhữ vọng ngôn chi, nhữ dĩ vọng thính chi, hề?	Tôi xin nói bậy cho huynh nghe, huynh cứ nghe bậy, được không?

Trường Ngô Tử bảo: huynh đệ! Câu huynh hỏi quá lớn. Trang Tử gọi là **"cái"** (盖 - khoác lác): khoác lác! Huynh khoác lác quá lớn; chẳng nói huynh, tổ tiên người Trung Hoa là Hoàng Đế, kẻ đắc đạo, "chi sở thính huỳnh dã", hỏi ông ta, ông ta cũng giả vờ không nghe, không phải không biết, mà giả không hiểu, chẳng trả lời. "Nhi Khâu dã hà túc dĩ tri chi!" Thầy huynh Khổng Tử, ông ta biết sao được! Trông như Trang Tử mắng Khổng Tử không biết, thực ra Khổng Tử lấy không biết tỏ không hiểu, ấy mới là thật hiểu. Ông bảo thầy huynh mắng mạnh lãng, mắng đúng! Sao đúng? Huynh đệ! "Thả nhữ diệc đại tảo kế", quá nóng vội, quá sớm, thổi phồng quá sớm!

Chú ý! Người học đạo thường học Phật y chang vậy! "Kiến noãn nhi cầu thì dạ", thấy trứng tưởng ồi! Đặt trứng bên cạnh, sáng mai khỏi chuông báo thức, gà sẽ gáy, ta sẽ dậy. Thấy trứng đã nghĩ tới gà, dễ thế sao! "Kiến đạn nhi cầu hào chích", thấy viên đạn săn, tưởng mai trưa nướng vịt rừng, mời huynh ăn! Thực ra huynh mới cầm đạn, chưa lên núi, bắn được chưa còn là vấn đề. Ông bảo, thầy huynh mắng mạnh lãng chẳng sai sao?

Đoạn này tả người xưa nay, mà người tu đạo nay gần như vậy: ngồi thiền ba ngày đã muốn thần thông, không thì khí mạch thông, không thì minh tâm kiến tính ngộ đạo! Ngồi bốn tuần chẳng ngộ, tới hỏi: thưa thầy! Con ngồi bốn tuần chẳng có gì! Tôi bảo: cái lầu này vốn chẳng có gì! Ai bảo con tới ngồi? Ai cũng thấy trứng là nghĩ tới gà trống, thấy đạn nghĩ tới món nướng. Ông bảo, huynh bị thầy mắng, đương nhiên.

"Dư thường vi nhữ vọng ngôn chi, nhữ dĩ vọng thính chi, hề?" Trường Ngô Tử vừa mắng, vừa nói: nhưng huynh hỏi bậy bạ rồi, xin lỗi, tôi cũng trả lời bậy bạ, sao? Văn hóa Trung Hoa sau có thành ngữ: **"cô vọng ngôn chi cô thính chi"** (ta cứ nói bừa, người cứ nghe bừa), xuất Trang Tử thiên này. Các vị trẻ phải biết, xưa đọc sách rất coi căn cứ; thầy hỏi điển tích ở đâu, trả không ra lòng bàn tay phải sưng. Đầu *Liêu Trai* chẳng phải có bài thơ nổi tiếng? Vương Ngư Dương đề cho tác giả *Liêu Trai* Bồ Tùng Linh. **"Cô vọng ngôn chi cô thính chi, đậu bằng qua giá vũ như ty"** (câu sau: dưới giàn đậu giàn dưa, mưa bay như tơ), câu đầu, "cô vọng ngôn chi cô thính chi", ai cũng biết dùng "cô thính chi". "Liệu ứng yếm tác nhân gian ngữ, ái thính thu phần quỷ xướng thi", tưởng chán lời đời, thích nghe quỷ trong mộ hát thơ; chửi người, nghĩa là trên đời chẳng còn người, toàn quỷ. Ông tưởng ngươi chán nhân gian, chán lời xã hội, nên viết *Liêu Trai*, toàn chuyện ma. Bồ Tùng Linh viết *Liêu Trai*, đem cho Vương Ngư Dương xem; Vương Ngư Dương trả mười vạn mua bản thảo, bảo đừng nổi danh, ghi tôi Vương Ngư Dương tác; Bồ Tùng Linh không chịu. Vương Ngư Dương biết sách ấy chắc lưu truyền lớn, nên viết lời tựa. Vương Ngư Dương sau bắt chước viết một bộ, không bằng *Liêu Trai*, bài thơ danh lại lưu truyền.

Hán Việt	Nghĩa
Bàng nhật nguyệt, hiệp vũ trụ,	Cạnh mặt trời mặt trăng, kẹp vũ trụ,
vi kỳ vẫn hợp, trí kỳ hoạt hôn,	làm chúng hòa hợp, đặt cái hoạt hôn ấy,
dĩ lệ tương tôn.	lấy tôn kính lẫn nhau.
Chúng nhân dịch dịch, thánh nhân ngu đồn,	Đám đông lao dịch, thánh nhân trông ngây ngô, ngu độn,
Tham vạn tuế nhi nhất thành thuần.	Gộp muôn năm lại mà thành một khối thuần nhất.
Vạn vật tận nhiên, nhi dĩ thị tương uẩn.	Muôn vật đều vậy, mà lẫn nhau ẩn chứa.

Đoạn này phiền nhất, nói cảnh giới thành đạo, đắc đạo. Kẻ thật đắc đạo, cảnh giới siêu nhân, là "bàng nhật nguyệt". **"Bàng"** (旁 - cạnh bên) tức gần mặt trời mặt trăng; ông ta lấy hai thứ làm bi đánh. "Hiệp vũ trụ", đôi khi cả vũ trụ, như hè lấy khăn lau mồ hôi, kẹp bên mình. Dưới rất phiền: "vi kỳ vẫn hợp, trí kỳ hoạt hôn, dĩ lệ tương tôn", bằng chữ giải rất khó chịu. Ta biết Trang Tử trên nêu "hoạt nghi". Lần trước "hoạt nghi chi diệu", đúng không? Sao không dùng lại hoạt nghi? Ở đây chữ trên giống, dưới đổi. Lần trước với "hoạt nghi", ta đã chú giải là "phi không phi hữu", dẫn câu **"thoát niêm nội phục, diệu phát minh tính"** (gỡ chỗ dính, thu vào bên trong; ánh sáng phát ra làm sáng tỏ tự tính) của kinh *Lăng Nghiêm* để thuyết minh. Còn lần này thì sao? Lần này **"hoạt hôn"** (滑涽), với hoạt nghi giống nhau, chỉ sâu hơn một tầng; chữ **"hôn"** (涽) chính chữ **"hỗn"** (混 - hỗn độn), vũ trụ hôn hôn, u minh u minh, trống rỗng, sâu hơn hoạt nghi. Mượn Phật giáo giải cưỡng: gần cảnh giới "tịch diệt". "Vi kỳ vẫn hợp" tu tới cảnh giới ấy, tâm vật nhất nguyên, tâm với vật tham hợp, hòa hợp làm một; "trí kỳ hoạt hôn", đã tới cảnh giới tịch diệt. "Dĩ lệ tương tôn", giải đơn giản: hoàn toàn bình đẳng, cũng là ý tính tương bình đẳng trong *Kim Cang kinh*, tới cảnh giới ấy.

Nếu chỉ lấy chữ Trung Hoa giải ba câu này, ít nhất vài nghìn, có khi vạn chữ, xem giải được không. Mượn Phật giáo giải thì rõ gọn: "vi kỳ vẫn hợp", tới tâm vật nhất nguyên; "trí kỳ hoạt hôn", đã chứng tịch diệt; "dĩ lệ tương tôn", vạn pháp bình đẳng, tính tương bình đẳng. Cảnh giới đắc đạo này chẳng phải rời nhân gian mà có đạo riêng, mà nhập thế. "Chúng nhân dịch dịch", tả người thường xã hội, sống cả đời, ngày ngày bận rộn, việc gì cũng làm nô lệ cho dục vọng, cho thân thể. Đó là chúng nhân, Phật gọi phàm phu. "Thánh nhân ngu đồn", kẻ đắc đạo trông ngu ngu, chẳng làm gì, ông ta trí tuệ cao nhất, ông ta bảo quang, chính bảo quang trong thiên phủ Trang Tử nói trước, nên ngoài trông ngu độn.

Tới lúc này, "Tham vạn tuế nhi nhất thành thuần", ông ta vượt quan niệm thời gian, chẳng còn thọ dài hay ngắn; vạn năm cũng chỉ một sát na, sống vạn năm cũng như sống một sát na; thọ ngắn dài tới "vạn" và "nhất", không gian lớn nhỏ, thời gian dài ngắn, đều hợp nhất. Hợp nhất tức bất nhị, chẳng khác. "Thành thuần" hoàn toàn một điểm thuần tịnh, chính hợp nhất trên. "Vạn vật tận nhiên, nhi dĩ thị tương uẩn", lúc này tâm vật nhất nguyên, thân tâm nhất thể, tâm với vật hợp nhất. "Nhi dĩ thị tương uẩn", "uẩn" (蕴 - ẩn chứa, hàm chứa). Đạo ở đâu? Ở tâm vật, ở thân tâm; nói cách khác, "nhi dĩ thị tương uẩn", giải hai chữ này lại phải mượn Phật giáo, rõ nhất: vô phân biệt. Tương uẩn tức chẳng phân biệt chút nào.

Luận tâm vật nhất nguyên

Trên đã nhắc Cù Thước Tử hỏi Trường Ngô Tử; giờ đang giảng lời Trường Ngô Tử đáp, lý **"cô vọng ngôn chi cô thính chi"** (nói bậy nghe bậy): chẳng dám nói quá chắc, tạm nói vậy. Ông bảo con người tu dưỡng có thể thành siêu nhân; *Tiêu Dao Du* đã nói: "bàng nhật nguyệt, hiệp vũ trụ, vi kỳ vẫn hợp, trí kỳ hoạt hôn, dĩ lệ tương tôn". Sinh mệnh thân thể tu tới cảnh giới ấy, gần mặt trời mặt trăng, nắm vũ trụ, hợp nhất tinh thần trời đất, hợp nhất với vũ trụ. Hai câu "trí kỳ hoạt hôn, dĩ lệ tương tôn" miêu tả cảnh giới ấy. Chỗ này nảy sinh vấn đề tư tưởng văn chương Trang Tử: thuật ngữ **"hoạt nghi"** (滑疑) ở trên; chữ hoạt (滑) nay mọi người đọc cho tiện, nghiêm khắc thì chữ ấy phải đọc **"cổ"** (古).

Hoạt hôn (滑涽), ta lấy câu kinh *Lăng Nghiêm* "diệu phát minh tính" làm ví. Chữ hoạt (滑) theo quan niệm nay tức không cố định, chẳng có hình dạng nhất định; chính câu Thiền hay dùng **"như châu tẩu bàn"** (như viên châu lăn trên mâm). Chữ hôn (涽) tức là mơ màng thâm u; vậy hoạt hôn chính trống rỗng, rất hư linh, chẳng cứng nhắc. "Dĩ lệ tương tôn", tới cảnh giới ấy, chính là câu kinh Phật "thiên thượng thiên hạ, duy ngã độc tôn". Theo kinh Phật, Thích Ca Mâu Ni vừa sinh ra đã đứng dậy đi bảy bước, một tay chỉ trời một tay chỉ đất, nói hai câu: "thiên thượng thiên hạ, duy ngã độc tôn". Nghe hai câu ấy, ta thấy khí phách anh hùng tôn giáo, thống trị, như lời tự cao của giáo chủ; ít nhất bề ngoài

chữ viết trông vậy. Nếu thấu nghĩa nội tại theo Phật học thì chẳng phải ý đó. Về chữ ngã (我), Phật học vốn tuyên bố nhân (人) vô ngã: thân này chỉ là nhà tạm mượn, chẳng phải sinh mệnh thật; sinh mệnh thật tạm ở trong thân này.

Ta ví: như điện năng do công ty điện lực phát ra, qua bóng đèn thì sáng; qua máy ghi âm thì phát tiếng. Âm, quang đều là điện phát ra, là hiện tượng tác dụng. Có thể nói bản thân nó chẳng phải điện, cũng có thể nói chính nó là điện, vì nó phát ra hiện tượng tác dụng. Năng lượng điện qua quang, nhiệt, lực, dùng xong thì tan, quy về chỗ vốn có. Nhân (人) cũng vô ngã: thân ta như ống bóng đèn, còn tốt thì sáng; ống hỏng thì năng lượng điện chẳng sinh chẳng diệt, chẳng chết, quy về chỗ sinh mệnh vốn có. Chỗ ấy gọi là chủ tể cũng được, gọi là thần cũng được; muôn vật vũ trụ đều do thứ ấy biến hóa, cũng chính bản thể triết học Tây phương nói tới.

Bản thể ấy chính "thiên thượng thiên hạ, duy ngã độc tôn": thể chung của mọi người, chân ngã công cộng, chẳng phải tiểu ngã ích kỷ chiếm hữu. Vì vậy Thích Ca nói hai câu "thiên thượng thiên hạ, duy ngã độc tôn", tức chính cái ngã (我) của mỗi người. Ngã là gì? Ngã chính là tâm này; tâm tức Phật. Phật ở đây chẳng mang tính tôn giáo, chẳng mê tín, càng chẳng thống trị. Câu Trang Tử "trí kỳ hoạt hôn, dĩ lệ tương tôn" cùng nghĩa với "thiên thượng thiên hạ, duy ngã độc tôn". Trường Ngô Tử đáp Cù Thước Tử: văn hóa Trung Hoa truyền từ xưa, tu dưỡng con người có thể tới cảnh giới thánh nhân đắc đạo; nhưng nói cho ngươi ngươi chẳng tin, nên tạm "vọng ngôn", ngươi cũng tạm "vọng thính chi".

Ông bảo tu tới cảnh giới ấy, tự nắm chân lý sinh mệnh trong tay, "bàng nhật nguyệt, hiệp vũ trụ, vi kỳ vẫn hợp", rồi "trí kỳ hoạt hôn, dĩ lệ tương tôn". Trường Ngô Tử sợ ngươi chẳng tin, nên trích thêm một đoạn lý do: "Chúng nhân dịch dịch, thánh nhân ngu đồn". Chúng nhân tức người thường chúng ta. Chữ Hoa, nhất là văn Trang Tử, hai chữ dịch dịch viết rất hay: chữ dịch trên là động từ, chữ dịch dưới là danh từ, tức chữ dịch trong "nô dịch". Vì sao gọi chúng nhân dịch dịch? Phàm phu sống trên đời, sinh mệnh này tự làm nô lệ cho vật chất, cả ngày trong đời sống nô dịch, cả đời bận rộn. Như bây giờ: trời lạnh vội mặc áo, nóng vội cởi, đói vội ăn, no vội đi vệ sinh, bận không xuể. Phần lớn tinh thần, sinh mệnh làm nô lệ cho thân thể; vì hoàn cảnh vật chất bên ngoài mà làm nô lệ.

Cảnh giới thánh nhân khác: bề ngoài trông rất ngu, "ngu nhi đồn", chữ đồn (芚) ở đây chẳng phải đần, mà theo Trang Tử mang sinh cơ bên trong; trông ngoài ngu ngu, bên trong sinh cơ tràn đầy, chính kẻ đắc đạo. "Tham vạn tuế nhi nhất thành thuần": tới cảnh giới thánh nhân, tức đắc đạo, phá vỡ quan niệm thời gian, chẳng còn quan niệm thọ mệnh; sống bao lâu? Vạn năm cũng chỉ một sát na. "Tham vạn tuế nhi nhất thành thuần": **"tham"** (参), là chữ tham trong "tham hợp", chẳng đọc "tam". Sống vạn năm, với ông ta như ngủ một giấc, chỉ một sát na; phá vỡ quan niệm thời gian. Bề ngoài chữ viết trông thế! Nếu bớt vài chữ, các bạn trẻ chú ý: đó chính cách viết chữ Hoa; "vạn tuế nhi nhất thành thuần" tức thống nhất quan niệm thời gian, sống rất lâu, sống vạn năm. Nhưng phía trước còn chữ tham: "tham vạn tuế nhi nhất thành thuần". Tham tức tham thông, quán thông, tổng hợp, dung hội, nhiều nghĩa như vậy; thêm chữ này, "tham vạn tuế nhi nhất thành thuần", dài ngắn thọ mệnh đều chẳng còn đặt ra. Có thể sống một giây, sinh mệnh ấy cũng như vạn năm; sống vạn năm cũng chỉ một giây, vì quan niệm thời gian do lòng người tạo ra.

Ví ta trong cảnh vui, một ngày thấy ngắn; gặp cảnh khổ, nửa tiếng như qua một năm. Quan niệm thời gian hoàn toàn do tâm lý tự tạo. Thông suốt lý ấy, quan niệm thời gian không gian, chính "tham vạn tuế nhi nhất thành thuần"; ta chỉ còn trích câu Thiền hay nói: **"nhất niệm vạn niên, vạn niên nhất niệm"** (một niệm là vạn năm, vạn năm là một niệm). Niệm tức tư tưởng, quan niệm; một tư tưởng, một quan niệm, nghĩ từ xưa tới nay vạn năm, hay năm nghìn năm lịch sử, đều trong một niệm. Một niệm ấy quán thông trên dưới xưa nay vạn vạn năm, đều do duy tâm tạo ra.

Tới cảnh giới ấy, quan niệm thời gian không gian tan hết, "vạn vật tận nhiên, nhi dĩ thị tương uẩn". Chín chữ này nghĩa sao? Tức tâm vật nhất nguyên. "Vạn vật tận nhiên", người với muôn vật cùng một bản thể, chẳng phân nhau. Nhưng "nhi dĩ thị tương uẩn": tu thành công, tới cảnh giới tâm vật nhất nguyên, người chẳng còn làm nô lệ vật chất. Cả thế giới vật chất muôn hữu đều nằm trong phạm vi này, ẩn chứa trong phạm vi này. Ông ta chẳng vì vật chất mà làm nô lệ; muôn vật thậm chí nghe ông ta điều khiển, tới cảnh giới "bàng nhật nguyệt, hiệp vũ trụ".

Đoạn này là Trường Ngô Tử đáp Cù Thước Tử: sinh mệnh con người có thể tới cảnh giới ấy; đó chính văn hóa Trung Hoa, nên đời sau Đạo gia tu trường sinh bất lão cũng xuất từ tư tưởng một mạch này. Dưới ông bổ sung thêm một lý do.

Chữ viết và lời nói

Hán Việt	Nghĩa
Dư ô hồ tri duyệt sinh chi phi hoặc da!	Ta biết sao mà cho rằng thích sống chẳng phải mê lầm!
Dư ô hồ tri ố tử chi phi nhược tang nhi bất tri quy giả da!	Ta biết sao mà cho rằng sợ chết chẳng phải kẻ nhút nhát lạc đường mà chẳng biết về nhà!

Chữ **"thuyết"** (说) ở đây đọc thành **"duyệt"** (悦); cổ văn hai chữ ấy dùng thông nhau. Đó chính văn chương Trang Tử; đời sau nhiều người học theo, trông có vẻ nhiều lời thừa, chữ rườm rà, bỏ bớt có thể gọn hơn; nhưng phải biết: bây giờ bạch văn có thể rút gọn, mà rút bằng bạch văn lại càng rắc rối, thậm chí nhiều hơn cổ văn. Cổ văn chẳng phải để đọc, mà để hát. Ta viết bạch văn, miệng nói thế nào thì ghi thành chữ. Lời nói cứ ba mươi năm đổi một lần; lời nói ghi bằng bạch văn, vài nghìn năm sau chẳng ai hiểu. Người Trung Hoa, ai chỉ cần biết hai nghìn năm trăm tới ba nghìn chữ, đã đủ kinh ngạc; viết gì cũng đủ dùng. Chữ Hoa từ *Khang Hy tự điển* tới nay cũng chỉ lên tới bốn năm vạn chữ, nhưng thường ngày ta chỉ dùng một hai nghìn. Tách chữ viết khỏi lời nói thì chẳng còn khoảng cách thời gian; người vài nghìn năm sau đọc sách vài nghìn năm trước vẫn như nhau; chỉ cần nửa năm một năm luyện chữ là được.

Nói tới thống nhất lời nói và chữ viết, tôi thường bảo sinh viên nước ngoài học văn hóa Trung Hoa đừng đi đường vòng: cách nhanh nhất là đọc trước bốn sách *Tam Tự kinh*, *Bách gia tính*, *Thiên gia thi*, *Thiên tự văn*. Ba tháng là có nền tảng cơ bản văn hóa Trung Hoa. *Tam Tự kinh* đã giới thiệu gọn văn hóa Trung Hoa, cả lịch sử, chính trị, văn học tới làm người làm việc, đều gói trong đó. Đặc biệt sau khi biết *Thiên tự văn*, khái niệm văn hóa Trung Hoa cơ bản đã có. Dù chỉ nghìn chữ, triết học, chính trị, kinh tế v.v. đều nói vào, mà chẳng lặp một chữ. Tác giả là đại thần thời Lương Vũ Đế, tên Chu Hưng Tự; vì phạm lỗi, Vũ Đế phạt một ngày một đêm viết nghìn chữ khác nhau thành một bài, kết quả viết *Thiên tự văn*. Mở đầu "thiên địa huyền hoàng, vũ trụ hồng hoang, nhật nguyệt doanh trắc, thần tú liệt trương…", văn vận bốn chữ một câu. Đừng tưởng *Thiên tự văn* đơn giản: từ thiên văn vũ trụ tới làm người làm việc, **"hàn lai thử vãng, thu thu đông tàng…"** (lạnh đến nóng đi, thu gặt đông cất) đều là đời sống. Người đời nay giảng hay bài này có lẽ chẳng nhiều. Bây giờ bảo tôi chép từ trí vài nghìn chữ, tôi cũng phải nghĩ chậm, mất vài ngày!

Còn một sách *Tăng quảng tích thời hiền văn*, loại cách ngôn dân gian, xưa là sách đọc thêm, ai cũng thuộc; trong đó cũng là lý làm người, có vài câu chẳng nên, như **"bế môn thôi xuất song tiền nguyệt, phân phó mai hoa tự chủ trương"** (đóng cửa đẩy vầng trăng trước song ra ngoài, phó mặc hoa mai tự lo liệu) v.v., nhưng phần lớn câu hay đều được thu. Trung Hoa từ Nam Bắc triều tới Thanh, lịch sử nhiều lần bị ngoại tộc xâm lược, vì sao dân tộc Trung Hoa vẫn đứng vững? Vì sức mạnh văn hóa; dân tộc xâm lược ngược bị văn hóa Trung Hoa đồng hóa. Có giáo sư Đại học Harvard hỏi tôi: nhiều nước trên đời mất là mất, mãi không trỗi dậy, chỉ Trung Hoa qua nhiều lần đại vong quốc vẫn đứng dậy, vì sao? Tôi đáp: then chốt ở hai chữ thống nhất (统一): thống nhất tư tưởng, văn hóa, chữ viết. Âu Châu bây

giờ giống thời Xuân Thu Chiến Quốc ta: giao thông chưa thống nhất, kinh tế chưa thống nhất, lời nói cũng chưa thống nhất. Thực ra Trung Hoa nay lời nói cũng chưa hoàn toàn thống nhất; Phúc Kiến, Quảng Đông mỗi tỉnh có phương ngữ. Nhưng từ Tần Hán thống nhất, chữ viết cả nước đã thống nhất; thậm chí các nước châu Á như Nhật v.v. đều dùng chữ Hoa.

Nói thêm ta dùng bạch văn: *Thủy hử*, *Hồng lâu mộng* thuở xưa đều là bạch văn; các bạn trẻ bây giờ nhìn đã thành cổ văn, chẳng hiểu, *Hồng lâu mộng* cũng ít người hiểu. Ta thuở xưa với bạch văn *Hồng lâu mộng*, nhiều người thuộc cả; bây giờ các bạn thấy thuộc chán, nói trong đó có câu chẳng thông, chẳng hiểu; viết bạch văn có bệnh này. Về chữ viết, ta chẳng bàn sâu nữa; quay lại bản văn.

Quy về đâu

Ông nói "dư ô hồ tri", ta biết sao, làm sao biết, "duyệt sinh chi phi hoặc da"! Phàm phu mê luyến sống trên đời, chưa hẳn đã thông minh. Nói thế nào? Tục ngữ Trung Hoa có câu **"hảo tử bất như ố sinh"** (chết lành chẳng bằng sống dở); chữ 恶 ở đây đọc thanh khứ là "ố", chẳng đọc "ác". Dù chết thế nào cũng chẳng muốn, còn thà sống tệ. Vì mê luyến thế giới này, vấn đề lớn nhất đời người chính sinh tử. Mỗi người nghiên cứu bản thân, tới cuối cùng, có nhiều sợ: sợ không tiền, sợ không cơm, sợ bệnh, sợ già, nhiều sợ lắm. Một vấn đề tổng thể là sợ chết; đó chính vấn đề sinh tử Phật học nêu. Thiền tông đặt vấn đề đầu tiên: trước hết liễu sinh tử; trước khi cha mẹ sinh ta, sinh mệnh này ở đâu? Ta có thật không? Có phải duy vật không? Giả sử bây giờ ta chết, chết rồi đi đâu? Có thiên đàng không? Có địa ngục không? Có cực lạc không? Hơn nữa ta chưa xin thị thực nhập cảnh, vào được không? Đều là đại vấn đề, tức vấn đề sinh tử.

Giờ Trang Tử nêu vấn đề sinh tử! Ông bảo, ta biết sao, "duyệt sinh chi phi hoặc da"! Vui sống chắc chắn thông minh sao! Sống có chắc đúng không? Trông Trang Tử như khuyên ta chết sớm! Ông còn nói "dư ô hồ tri ố tử chi phi nhược tang nhi bất tri quy giả da"! Ta biết sao: người thường sợ chết, **"nhược tang"** (弱丧), ông bảo thiếu can đảm, "nhi bất tri quy giả da"! cũng chẳng hiểu sống là ở khách sạn, chết là về nhà nghỉ. Đó là cách nói văn hóa Trung Hoa: tổ tiên thượng cổ, vua trị thủy Đại Vũ, một trong các thánh vương thời tam đại, có hai câu danh ngôn: "sinh giả ký dã, tử giả quy dã"! Sống là ở trọ khách sạn, chết là về nhà nghỉ ngơi. Cũng như ban ngày ta tỉnh ngồi đây nghiên cứu Trang Tử, cũng ở khách sạn; tối về giường ngủ, tức về nghỉ; sinh tử như ngày đêm. Các bạn trẻ hẳn đọc một bài văn cổ nổi tiếng *Xuân dạ yến đào lý viên tự*: "thiên địa giả vạn vật chi nghịch lữ, quang âm giả bách đại chi quá khách", cũng xuất từ đoạn này Trang Tử. Đạo gia nói: cả vũ trụ là khách sạn của muôn vật, cũng là đại khách sạn của ta; vài nghìn năm quang âm, khách qua từng đời, qua rồi thôi. Năm ngoái qua, năm nay chẳng còn là năm ngoái; năm ngoái qua mãi không trở lại; năm sau chẳng phải năm nay, càng chẳng phải năm ngoái; như nước chảy, sóng trước qua rồi không trở lại; nước đông chảy, một đi không về. Quang âm là khách qua từng đời, chỉ ở khách sạn trải qua một phen.

Bài văn rất nổi tiếng, do Lý Bạch viết, cũng tư tưởng Đạo gia; Đạo gia với Phật giáo cùng lý ấy. Vì vậy Trang Tử nói, "dư ô hồ tri ố tử chi phi nhược tang", người thường coi sinh mệnh mình rất trọng, sợ chết! "Nhi bất tri quy giả da"! mà chẳng biết chẳng qua về nhà. Nhưng trông thế chẳng phải Trang Tử khuyên ta chết sớm? Không! Ta biết trong sử Trung Hoa nhiều trung thần, ví dụ Văn Thiên Tường nổi tiếng, "thị tử như quy", coi chết như về nhà; bốn chữ nổi tiếng nhất văn hóa Trung Hoa, đều chịu ảnh hưởng Đạo gia, nên làm được trung thần, hiếu tử. Xem sử nhiều trung thần, thậm chí đánh thua, chết đầy vết đao vẫn đứng không ngã. Quân Thanh tràn vào cửa ải, vài tướng Minh thua trận, xác đứng không ngã; tướng Thanh phát hiện, bảo người thắp hương nến, kính trọng trung thần triều cũ; vì tướng Thanh cũng chịu văn hóa Trung Hoa, quỳ lạy một bái, xác mới ngã. Sử ghi nhiều như vậy. Nguyên triều cũng có danh tướng Đổng Đoàn Tiêu: thua trận, thân đầy thương tích, địch binh đâm dao vào, chẳng chảy máu mà bạch khí xung thiên,

thân cũng không ngã. Tướng địch vội tháo quân hàm, quỳ lạy, kính trọng trung thần; cũng kỳ lạ! Tu dưỡng ấy liên quan tư tưởng Trang Tử Đạo gia, chẳng phải nhờ Phật giáo truyền vào mới nhìn sinh tử theo mặt khác. Dưới Trang Tử kể một chuyện khôi hài, nhưng cũng là chân lý; ông nói:

Hán Việt	***Nghĩa***
Lệ chi cơ, Ngải phong nhân chi tử dã.	*Lệ chi cơ, con gái viên phong nhân ở Ngải.*
Tấn quốc chi thủy đắc chi dã, thế khấp chiêm khâm.	*Lúc nước Tấn mới được nàng, nước mắt nước mũi ướt vạt áo.*
Cập kỳ chí ư vương sở, dữ vương đồng khuông sàng, thực sô hoạn,	*Vào cung vua, cùng vua chung giường, ăn thịt gia súc nuôi bằng cỏ, bằng thóc,*
nhi hậu hối kỳ khấp dã.	*rồi hối hận lúc khóc lúc ấy.*
Dư ô hồ tri phù tử giả bất hối kỳ thủy chi kỳ sinh hồ!	*Ta biết sao được rằng kẻ chết chẳng hối vì lúc đầu đã cầu được sống!*

"Lệ chi cơ" tức Lệ Cơ, tên một mỹ nhân; Lệ cũng là địa danh nhỏ, vì nàng đẹp, sau thành tên nàng, như Tây Thi thời Xuân Thu. Lệ Cơ ở đâu? "Ngải phong nhân chi tử dã", con gái viên phong nhân ở Ngải. Phong nhân (封人) tức quan quản địa chính; cơ quan quản địa chính gọi phong nhân. Lệ Cơ là con gái phong nhân. Trung Hoa cổ, đàn ông gọi nam tử, đàn bà gọi nữ tử; anh em trai gái, em gái có thể gọi nữ đệ, chị gọi nữ huynh. Văn hóa Trung Hoa cổ nam nữ rất bình đẳng; nam nữ bất bình đẳng là việc sau Đường Tống.

"Tấn quốc chi thủy đắc chi dã, thế khấp chiêm khâm": vua nước Tấn chọn phi tần, chọn trúng nàng; xưa nhà có con gái, nghe hoàng đế, thái tử chọn phi, nhà nào cũng hoảng: con gái từ mười sáu tuổi trở lên vội gả, không thì vào cung chẳng gặp cha mẹ nữa. "Cố quốc tam thiên lý, thâm cung nhị thập niên": thâm cung hai mươi năm còn ít, có khi mười sáu tuổi vào cung tới bạc đầu, cả đời chẳng ra, hết. Vì vậy! Hoàng đế chọn trúng nàng, lúc rời nhà, khóc tức tưởi, nước mắt nước mũi ướt vạt áo; vạt áo tức mặt trước của áo, khóc tả tơi.

"Cập kỳ chí ư vương sở, dữ vương đồng khuông sàng, thực sô hoạn, nhi hậu hối kỳ khấp dã." Tới trước mặt vua, được vua ưa, thành phi hậu; nhà cũng thông đi lại, xem phú quý thế nào! thoải mái thế nào! Rồi nghĩ lại năm xưa rời nhà, sợ gả cho hoàng đế, ở nhà khóc tả tơi; nghĩ lại lúc ấy hèn, ngu, vô tri.

"Dư ô hồ tri phù tử giả bất hối kỳ thủy chi kỳ sinh hồ!" Trang Tử bảo: ai biết lúc chết khóc tức tưởi, nếu chết rồi bên kia rất tốt, thấy lúc hấp hối khóc lóc có thừa quá không! Ta chưa có kinh nghiệm; các vị tới khi có kinh nghiệm cũng chẳng liên lạc được, gọi điện cũng vô ích; dù sao Trang Tử nói thế.

Tôi có một người bạn, sắp bảy mươi, trước cũng chỉ huy quân đội; vài tháng trước tới thăm, bảo vừa phát minh một lý, lâu không gặp phải kể chút thành tích: người tới tuổi ta sợ bệnh viện Vinh Dân, sợ ung thư, sợ chi? Phải biết: Thượng đế đã ban cho ta một sinh mệnh, đã rất phi thường; nếu chẳng ban sinh mệnh, cơ hội chết cũng chẳng có; giờ ít nhất ban cơ hội chết, cơ hội ung thư, quý biết chừng nào! Ta còn có cơ hội chết, còn có cơ hội ung thư, tìm đâu ra! Vì vậy tôi phát minh lý này cống hiến cho huynh! Tôi bảo có lý, thật có can đảm.

Đoạn Trang Tử này, *Tề Vật Luận* sắp kết; ta đều biết vạn vật bất tề; sinh và tử là hai hiện tượng khó tề nhất, khác nhau nhất, là biến cố lớn của sinh mệnh đời người. Trang Tử nói thế, sinh tử như nhau, nên thấu sinh tử; nhất là chuyện tiểu thư xuất giá: trước khi gả sợ làm phi tần khóc tả tơi, sau thành đệ nhất phu nhân, mới nghĩ lúc ra cửa khóc một

trận rất mất mặt, hèn hạ, khóc chi! Biết vậy sớm nên cười to, lên xe đi thôi. Trang Tử bảo: giả sử ta chết rồi, thấy bên kia thoải mái hơn đây, chắc hối hận lắm. Ông nói sinh tử kỳ dị, kỳ dị sinh tử (sống chết mong khác nhau, mong khác nhau sống chết), tức bốn chữ ấy.

Mộng và giác

Hán Việt	Nghĩa
Mộng ẩm tửu giả, đán nhi khốc khấp; mộng khốc khấp giả, đán nhi điền liệp.	Kẻ mộng uống rượu, sáng ra lại khóc; kẻ mộng khóc, sáng ra lại đi săn.
Phương kỳ mộng dã, bất tri kỳ mộng dã.	Khi đang mộng, chẳng biết mình đang mộng.
Mộng chi trung hựu chiêm kỳ mộng yên, giác nhi hậu tri kỳ mộng dã.	Trong mộng lại chiêm bói mộng, tỉnh rồi mới biết là mộng.
Thả hữu đại giác nhi hậu tri thử kỳ đại mộng dã,	Chỉ khi có đại giác mới biết đây là đại mộng;
nhi ngu giả tự dĩ vi giác, thiết thiết nhiên tri chi.	còn kẻ ngu tưởng mình tỉnh, thầm thì cho là biết.
Quân hồ? Mục hồ? Cố tai!	Ngươi là chúa? Ngươi là trâu bị dắt? Cố chấp quá!
Khâu dã dữ nhữ, giai mộng dã;	Khâu và các ngươi, đều là mộng;
dư vị nhữ mộng, diệc mộng dã.	ta bảo các ngươi mộng, cũng là mộng.
Thị kỳ ngôn dã, kỳ danh vi điếu quỷ.	Lời ấy gọi là "điếu quỷ", lời nghịch thường quái lạ.
Vạn thế chi hậu nhi nhất ngộ đại thánh, tri kỳ giải giả, thị đán mộ ngộ chi dã.	Vạn đại sau gặp đại thánh hiểu, thì cũng như sớm tối vẫn gặp được ngay.

Đoạn văn này rất đẹp! Chỉ hai chữ mộng và giác, một chữ mộng thôi; mộng đi mộng lại, văn chương thật hay. Trong văn hóa Trung Hoa nghiên cứu mộng có nhiều tư liệu; y học cổ Trung Hoa nghiên cứu mộng cho rằng liên quan lớn tới tâm lý học. Đoạn Trang Tử này cũng nghiên cứu mộng. Ông nói: "mộng ẩm tửu giả, đán nhi khốc khấp", đêm mơ có người mời uống rượu rất vui, chưa hẳn điều hay; ban ngày có thể gặp chuyện xui, khóc một trận. Người Trung Hoa có câu cổ **"mộng tử đắc sinh"** (mộng chết được sống): đêm mơ mình chết, bị đóng quan tài, hay mơ điều xấu, ban ngày thường gặp điều hay; cũng chẳng hẳn vậy, đôi khi đêm mơ đau khổ, "mộng khốc khấp giả, đán nhi điền liệp", sáng dậy có người mời đi săn, tức mời nhảy múa, mời đi chơi. Ông bảo mộng ấy với đời ban ngày ta rõ ràng khác nhau, phải không?

Nhưng ông bảo ta chú ý! "Phương kỳ mộng dã, bất tri kỳ mộng dã." Lúc ta đang mơ, tuyệt không biết mình đang mơ, phải không? Có người bảo: ta biết mà! Biết là mơ thì đã tỉnh rồi! Vậy lúc mơ ta chẳng biết mình đang mơ! "Mộng chi trung hựu chiêm kỳ mộng yên", ai cũng có kinh nghiệm, tuổi trẻ nhiều hơn, tuổi già ít hơn. Tuổi trẻ hay mộng trong mộng: trong mơ tưởng mình đang mơ, trong mộng ấy lại mơ tiếp, tỉnh dậy ba tầng mộng tan hết, gọi tam trùng mộng. "Mộng chi trung hựu chiêm kỳ mộng yên, giác nhi hậu tri kỳ mộng dã." Ta biết mộng thế nào? Tỉnh rồi mới nói: trời ơi, hôm qua ta mơ một giấc; tỉnh rồi mới biết mình vừa mơ! Đoạn này ông trình bày rất rõ.

"Thả hữu đại giác nhi hậu tri thử kỳ đại mộng dã", câu thứ hai ông chẳng nói, văn để lại một nước cờ. Nói cách khác: giác nhi hậu tri kỳ mộng dã! Tỉnh rồi mới biết mình đang mơ. Nói thêm: ta bây giờ ban ngày cũng đang mơ. Mộng đêm thì thần kinh chưa nghỉ hẳn, tư tưởng vẫn hoạt động; mắt mở ra ta bảo: trời, ta vừa mơ. Mộng ta bây giờ mơ với mắt mở. Ông bảo nhân sinh chính là một đại mộng: tỉnh thì mộng ban ngày, ngủ thì mộng ban đêm; hai kiểu mộng khác hiện tượng, nhưng đều là mộng. Mộng đêm chỉ là mộng trong mộng ban ngày, vậy thôi! "Mộng chi trung

hựu chiêm kỳ mộng yên." Vậy khi nào ta thật sự chẳng mơ? Trừ khi đắc đạo, gọi là đại giác. "Thả hữu đại giác nhi hậu tri thử kỳ đại mộng dã", tới đại giác ngộ, đại tỉnh, mới biết nhân sinh là đại mộng.

Hai chữ **"đại giác"** (大觉 - giác ngộ lớn) do Trang Tử nêu; sau đời Đường dịch *Hoa Nghiêm kinh*, gọi Thích Ca Mâu Ni là **"đại giác kim tiên"** (bậc tiên vàng đại giác), nhiều thuật ngữ Phật học cũng mượn Trang Tử. Trong *Tam Quốc diễn nghĩa*, Lưu Bị đi gặp Gia Cát Lượng, Gia Cát Lượng giả ngủ, miệng đọc bài thơ: **"đại mộng thùy tiên giác, bình sinh ngã tự tri, thảo đường xuân thụy túc, song ngoại nhật trì trì"** (ai tỉnh trước trong đại mộng, suốt đời ta tự biết, trong am thảo xuân ngủ đủ, ngoài cửa mặt trời lững lờ). Bài thơ này các bạn trẻ thuộc được; thích ngủ mà cha mẹ thầy cô cấm, bảo ta học Gia Cát Lượng! Thảo đường xuân thụy túc mà! Đều là văn chương cảnh giới tư tưởng Đạo gia.

"Thả hữu đại giác nhi hậu tri thử kỳ đại mộng dã", người thật sự ngộ đạo, đại triệt đại ngộ, mới biết cả đời ta làm một trận đại mộng. Ông bảo chưa ngộ đạo thì chẳng biết, vì chẳng biết mình đang trong mộng.

"Nhi ngu giả tự dĩ vi giác, thiết thiết nhiên tri chi. Quân hồ? Mục hồ? Cố tai!" Ông bảo vì chưa ngộ đạo, chẳng biết ta đang mộng ban ngày, "ngu giả tự dĩ vi giác", kẻ ngu tưởng mình thông minh, cho mình tỉnh táo. **"Thiết thiết"** (窃窃), thiết tức như kẻ trộm, trong lòng thầm thì tự mừng. Ông hỏi: cái tự cho mình thông minh, tự vui, cái "thiết thiết nhiên tri chi" trong lòng, **"quân hồ"** (君乎) ai biết? Ai làm chủ? Quân tức chủ tể. **"Mục hồ"** (牧乎), mục tức trâu bị người ta chăn, mũi bị xỏ dây dắt đi. Thiền tông hay mắng: trời, đừng nhầm, mũi ngươi bị dắt rồi! Tổ sư Thiền mắng người rất nghệ, vòng vo đẹp, nói mũi bị dắt tức trâu; đứa trẻ chăn trâu gọi mục đồng, mũi ngươi nằm trong tay người ta. Thiền mắng người nghệ thuật thế! Nhưng trước khi ngộ đạo, sinh mệnh sống, mũi ta đều bị dắt. Ai dắt? Vô chủ tể, chẳng ai dắt, ta tự bị nó dắt. Ta chẳng biết mình có thể làm chủ tể sinh mệnh "quân hồ?" Đây là câu hỏi. "Mục hồ?" Ngươi bị dắt mà chẳng biết. "Cố tai!" Ông bảo ngươi cứng đầu quá! Chẳng hiểu nhân sinh mình. Đoạn này mượn đối thoại Cù Thước Tử với Trường Ngô Tử, phía dưới dẫn lời Khổng Tử.

"Khâu dã dữ nhữ, giai mộng dã", ông bảo Khổng Tử nói: ta với các học trò, với các ngươi, ngươi tưởng ta truyền đạo giảng học, hừ! Đều đang mơ! Ta với các ngươi đều mơ. "Dư vị nhữ mộng, diệc mộng dã", ta bảo các ngươi đang mơ, câu ấy chính ta nói mớ, ta cũng đang mơ.

Điếu quỷ · cơ phong

"Thị kỳ ngôn dã, kỳ danh vi điếu quỷ", ông bảo lý lẽ ta nói thế chẳng phải lô-gic chính-phản-hợp; đó chính lời nói của tổ sư Thiền, lô-gic Thiền đạo; chẳng phải lô-gic thường, cũng chẳng phải biện chứng pháp, cũng chẳng phải Nhân minh Ấn Độ; Đạo gia gọi **"điếu quỷ"** (吊诡 - lời nói kỳ quái, đảo ngược). Hai chữ điếu quỷ là danh Trang Tử đặt; mượn thuật ngữ Thiền thì gọi là cơ phong. Cơ phong là gì? Người Trung Hoa học võ có câu **"tiễn tại huyền thượng, bất đắc bất phát"** (cung kéo căng, tiễn trên dây, chẳng bắn không được): tiễn tự nhiên bay ra, đó gọi cơ. Cơ tới chỗ ấy, hai người đối diện, sắc bén nhanh, chẳng dùng tư tưởng, chẳng kịp tư tưởng mà phát lời cơ phong. Như hai người đấu súng, cùng bắn, lúc ấy cũng tiễn tại huyền thượng, ngươi tránh đạn thế nào cũng chẳng kịp nghĩ: sắc bén vô cùng, nhanh vô cùng, chính cơ phong.

Ý điếu quỷ Trang Tử nói chính thế. Không mượn Thiền Phật giải thì càng giải càng rối. Ông bảo lời ta nói với các ngươi bây giờ, ai cũng mơ; theo Khổng Tử, ta truyền đạo giảng học cũng chẳng phải truyền đạo giảng học, cũng nói mớ. Các ngươi nghe được, cô vọng ngôn chi, cô vọng thính chi, các ngươi cũng nghe mộng bừa, thực ra chẳng có việc thật. Lời lẽ ấy chẳng phải giáo dục thường, mà giáo dục cơ phong. Điếu quỷ, ai hiểu? Phàm phu chẳng ai hiểu.

"Vạn thế chi hậu nhi nhất ngộ đại thánh, tri kỳ giải giả", Trang Tử bảo bây giờ nói các ngươi nghe chẳng hiểu, chỉ đợi ngàn năm vạn năm sau sẽ có người hiểu, gặp đại trí tuệ, đại thánh nhân, hiểu lý ấy; "thị đán mộ ngộ chi dã", người ấy cũng như người sớm tối vẫn gặp mặt, chẳng có gì lạ. Xem Trang Tử viết văn hay biết mấy! Trang Tử chẳng mắng ai! Nói cách khác, mắng hết thảy thiên hạ. Các ngươi đều chẳng hiểu, chỉ ngàn năm vạn năm sau có kẻ cao minh hiểu lời ta. Như Tư Mã Thiên viết *Sử ký* xong, trong lời tựa có hai câu: **"tàng chi danh sơn, truyền chi kỳ nhân"** (giấu nơi danh sơn, truyền cho người xứng). Cũng lời mắng: *Sử ký* ta viết các ngươi chẳng bao giờ hiểu, nên chỉ giấu vào hang núi, "truyền chi kỳ nhân", ngàn thu vạn đại sau, như Trang Tử nói, sẽ có người thông minh hiểu lời ta.

Tôi thường bảo vài người bạn: mua thêm sách đi! Cất lại! Chẳng phải của cải, vì tôi thích sách, cả đời mua khắp nơi. Vài người bạn bảo: biết sách hay, nhưng chẳng hiểu! Nhà xây nhỏ, mua về chẳng chỗ để. Tôi bảo lý do thứ hai tạm chấp nhận; lý do thứ nhất chẳng thành lý. Cất sách lại, ngươi chẳng hiểu, cháu ngươi cũng chẳng hiểu sao? Coi cháu ngu vậy! Biết đâu con ngươi thông minh hơn ngươi, đọc hiểu luôn. Bảo chẳng hiểu rồi chẳng mua sách, việc ngu lắm.

Về đoạn Trang Tử nói "điếu quỷ", chẳng hợp lô-gic lắm! Đông một câu tây một câu: ban ngày mộng, ban đêm mộng, bây giờ mộng, ta nói câu này cũng mộng, cái mộng cũng mộng, ai cũng mộng; nói tới cùng bảo đừng nghe, "điếu quỷ", nghe cũng chẳng hiểu! Lô-gic gì thế? Nhưng bảo chẳng hợp lô-gic chăng? Hoàn toàn có lý; vì vậy ông quay sang, để nói "điếu quỷ", lại phê Huệ Tử bọn người nói lô-gic biện chứng.

Hán Việt	**Nghĩa**
Ký sử ngã dữ nhược biện hĩ, nhược thắng ngã, ngã bất nhược thắng, nhược quả thị dã, ngã quả phi dã da?	Giả sử ta với ngươi tranh luận, ngươi thắng ta, ta chẳng thắng ngươi, ngươi quả là đúng, ta quả là sai chăng?

Lý ta nói bây giờ thế này: đạo chỉ ngộ được, chẳng suy nghĩ bằng tư tưởng, chẳng suy luận bằng lô-gic, chẳng tìm bằng chữ viết, nên chỉ ngộ. Dùng chữ tư tưởng suy luận, càng xa đạo. Dù ta cùng ngươi biện luận đạo này, "nhược thắng ngã", ngươi giả thắng ta, "ngã bất nhược thắng, nhược quả thị dã, ngã quả phi dã da?" thế thì ngươi thật đúng, thắng rồi. Có chứng minh ta thật sai không?

Hán Việt	**Nghĩa**
Ngã thắng nhược, nhược bất ngô thắng, ngã quả thị dã, nhi quả phi dã da?	Ta thắng ngươi, ngươi chẳng thắng ta, ta quả đúng, ngươi quả sai chăng?
Kỳ hoặc thị dã, kỳ hoặc phi dã da?	Hoặc giả định đúng, hoặc giả định sai?
Kỳ câu thị dã, kỳ câu phi dã da?	Hoặc cả hai đều đúng, hoặc cả hai đều sai?
Ngã dữ nhược bất năng tương tri dã, tắc nhân cố thụ kỳ đạm ám. Ngô thùy sử chính chi?	Ta với ngươi chẳng thể hiểu nhau; vậy người ta vốn chịu đạm ám. Ta nhờ ai mà cho đúng?

"Ngã thắng nhược, nhược bất ngô thắng", ta giả thắng, ngươi thua chẳng thắng ta. "Ngã quả thị dã, nhi quả phi dã da?" Ta quả đúng chăng, hay chẳng đúng? "Kỳ hoặc thị dã, kỳ hoặc phi dã da?" Thực ra hoặc giả định đúng, hoặc giả định sai. "Kỳ câu thị dã, kỳ câu phi dã da?" Hoặc chủ quan khách quan đều sai. Tóm lại, trên đời cái nào đúng, cái nào sai? Thị phi thật sự trên đời chẳng kết luận được. "Ngã dữ nhược bất năng tương tri dã", dùng tư tưởng loài người phán đoán thị phi thật, chẳng kết luận được. Vì vậy có thể kết: ta với ngươi đều vô tri. "Tắc nhân cố thụ kỳ đạm ám. Ngô thùy sử chính chi?" Vậy những kẻ mà người đời cho là thật có học vấn, thật thông minh, thảy đều ở trong **"đạm ám"** (黮暗). Trang Tử đặt danh đạm ám: **"ám"** (暗) tức tối; **"đạm"** (黮) là trắng mà có đốm đen, có vết bẩn. Đạm ám là

gì? Chỉ có thể mượn Phật học: vô minh. Vì vô minh, mình tối om, bị mảng mây đen che, trí tuệ nay chẳng ngộ đạo. Khi loài người đều trong vô minh mà tự cho mình trí tuệ, "ngô thùy sử chính chi", tìm đâu một người đại trí tuệ sửa sai tư tưởng ta?

Ai là người công bình

Hán Việt	Nghĩa
Sử đồng hồ nhược giả chính chi? Ký dữ nhược đồng hĩ, ô năng chính chi!	Nhờ người cùng ý ngươi làm công bình? Đã cùng ngươi rồi, sao công bình được!
Sử đồng hồ ngã giả chính chi? Ký đồng hồ ngã hĩ, ô năng chính chi!	Nhờ người cùng ý ta làm công bình? Đã cùng ta rồi, sao công bình được!
Sử dị hồ ngã dữ nhược giả chính chi? Ký dị hồ ngã dữ nhược hĩ, ô năng chính chi!	Nhờ người khác hẳn ta với ngươi làm công bình? Đã khác hẳn ta ngươi rồi, sao công bình được!
Sử đồng hồ ngã dữ nhược giả chính chi? Ký đồng hồ ngã dữ nhược hĩ, ô năng chính chi!	Nhờ người cùng ý ta với ngươi làm công bình? Đã cùng ta ngươi rồi, sao công bình được!
Nhiên tắc ngã dữ nhược dữ nhân câu bất năng tương tri dã, nhi đãi bỉ dã da?	Vậy ta, ngươi và người ta đều chẳng hiểu nhau, chỉ trông chờ cái kia chăng?

Cả đoạn Trang Tử nói vấn đề lô-gic này: ai xác định thị phi trên đời? "Sử đồng hồ nhược giả chính chi? Ký dữ nhược đồng hĩ, ô năng chính chi!" Giả một người cùng tư tưởng ngươi làm người bình xét, sửa chữa phán định thị phi, hai người đã giống nhau, đã lệch, sao phán đúng? "Sử đồng hồ ngã giả chính chi? Ký đồng hồ ngã hĩ, ô năng chính chi!" Giả người cùng tư tưởng ta làm người phán xét, giống ta thì lệch rồi! Sao công bình? Chữ phía dưới là ví, đều ý kiến trái nhau.

"Sử dị hồ ngã dữ nhược giả chính chi?" Giả tìm người tư tưởng khác hẳn ta ngươi, hoàn toàn khác làm người công bình, "ký dị hồ ngã dữ nhược hĩ, ô năng chính chi", vốn khác đường ta ngươi, sao xác định? "Sử đồng hồ ngã dữ nhược giả chính chi? Ký đồng hồ ngã dữ nhược hĩ, ô năng chính chi!" Giả tìm người cùng tư tưởng ta ngươi làm công bình, đã giống ta ngươi, cũng chẳng công bình! Trang Tử vây bốn phía: trên đời chẳng tìm được phán quyết thật công bình. "Nhiên tắc ngã dữ nhược dữ nhân", vậy ta, ngươi và người ta, "câu bất năng tương tri dã", ai cũng chẳng có trí tuệ đạo thật, thường thức đều vậy. Ta cầu chân lý, tìm đâu? "Nhi đãi bỉ dã da?" Ta chẳng tìm được, chỉ trông cái kia; hừ! Chẳng biết, giả có cái kia, thì cái kia là gì?

Hán Việt	Nghĩa
Hà vị hòa chi dĩ thiên nghê? Viết: thị bất thị, nhiên bất nhiên.	Thế nào gọi hòa bằng thiên nghê? Rằng: đúng chẳng đúng, nên chẳng nên.
Thị nhược quả thị dã, tắc thị chi dị hồ bất thị dã diệc vô biện;	Nếu đúng quả là đúng, thì cái đúng khác cái không đúng cũng chẳng biện được;
nhiên nhược quả nhiên dã, tắc nhiên chi dị hồ bất nhiên dã diệc vô biện.	nếu nên quả là nên, thì cái nên khác cái chẳng nên cũng chẳng biện được.
Hóa thanh chi tương đãi, nhược kỳ bất tương đãi.	Tiếng biến hóa tương đối nhau; muốn chẳng tương đối.
Hòa chi dĩ thiên nghê, nhân chi dĩ mạn diễn, sở dĩ cùng niên dã.	Chỉ hòa bằng thiên nghê, theo mạn diễn, nên trọn đời cũng chẳng xong.

Hán Việt	Nghĩa
Vong niên vong nghĩa, chấn ư vô cánh, cố ngụ chư vô cánh.	Quên năm quên nghĩa, đứng trong vô cùng, nên gửi vào vô cùng.

"Hà vị hòa chi dĩ thiên nghê?" Trang Tử nêu một danh; còn cái kia là ai? Chỉ có trời. Trời này chẳng phải trời tôn giáo, chẳng phải Thiên Chúa, Thiên thần, cũng chẳng phải thiên thể khoa học; văn hóa Trung Hoa gọi trời đại diện bản thể, đạo. Ta nghiên cứu văn hóa thượng cổ Trung Hoa gặp vài đại vấn đề: chữ đạo, chữ trời, mỗi chữ bốn năm cách giải. Ví Lão Tử "đạo khả đạo, phi thường đạo"; hoặc chữ trời sách Nho, đôi khi trời là thiên thể, sao trăng thiên nhiên; đôi khi trời tôn giáo thần thoại, như Thượng đế, thần; đôi khi chẳng đại diện gì, chỉ là một danh từ thay thế. Đạo trừu tượng; Trang Tử ở đây nói trừu tượng. "Hà vị hòa chi dĩ thiên nghê?" Thị phi thật chỉ tới cảnh giới đạo mới tự nhiên hư không, thị phi lưỡng bình, có thể nói thị phi lưỡng diệt, vô thị vô phi, chẳng phải cũng chẳng phi. Thị phi tịch nhiên, đó gọi **"thiên nghê"** (天倪 - góc trời, hòa hợp với đạo).

"Viết: thị bất thị, nhiên bất nhiên." Ông bảo: giả bảo đúng hay nên, bảo chẳng đúng hay chẳng nên, đều do chủ quan hình thành. "Thị nhược quả thị dã", giả ngươi chủ quan cho cái này đúng, chắc chắn đúng, khách quan ngươi cũng chủ quan; ai bảo mình nói khách quan, vừa nói ra câu ấy đã chủ quan. "Tắc thị chi dị hồ bất thị dã diệc vô biện", nên phân biệt thị phi thiện ác giữa chừng chẳng phân rõ, vì đều tương đối. "Nhiên nhược quả nhiên dã, tắc nhiên chi dị hồ bất nhiên dã diệc vô biện", đúng sai cũng chẳng xác định được.

Nói cả buổi, văn Trang Tử chính bốn chữ Phật học sau nhập Trung Hoa "bất khả tư nghị". Chân lý cao nhất, chẳng dùng tư tưởng tri thức loài người suy đoán, chẳng dùng lô-gic tranh luận phán định, nên gọi bất khả tư nghị. Nhưng khi nói Phật học, tôi hay bảo các bạn trẻ chú ý! "Bất khả tư nghị" là cách nói phương pháp; đọc câu ấy ta lập tức có quan niệm sai, vô thức coi bất khả tư nghị thành chẳng thể tư nghị, hoàn toàn sai. Bất khả tư nghị là phương pháp; theo Phật gọi già pháp: dùng sai phương pháp, cửa lối ấy sai, nên che lại, dừng phương pháp ấy; chẳng phải quan niệm cố định, chẳng nói chẳng thể tư nghị.

Trang Tử nói tới đây, cùng lý Phật học hoàn toàn, nên "diệc vô biện", chẳng dùng tư biện suy đoán đạo hình nhi thượng. Các vị học tọa thiền, tu đạo, chú ý: tưởng ngồi thiền chẳng nghĩ gì thì đạo, phải biết đã mắc lỗi; chẳng nghĩ gì, chẳng biết gì, sao biết đó là đạo? Ngươi cho là đạo, đó do ngươi cho. Trung quán, Phật học dùng chính luận trung quán xem, ngươi đã chẳng còn chánh kiến. Ngươi cho ngồi rất không, đó do ngươi tự cho! Vi phạm chánh kiến trung quán; học Phật với nghiên cứu đạo học giống nhau. Ông bảo chẳng dùng lô-gic, nhưng lô-gic rất quan trọng; dùng lô-gic xong lập tức đạp đổ, cao minh ở chỗ ấy. Vì vậy ông nói:

> *"Hóa thanh chi tương đãi", ông bảo mọi tư tưởng văn hóa loài người đều do tư tưởng con người. Luận biện nhờ loài người nói ra lời, chữ, biểu đạt, gọi **"hóa thanh"** (化声), tiếng biến đổi phát ra. Phàm hóa thanh hiện qua lời chữ đều tương đãi, tương đãi tức tương đối. "Nhược kỳ bất tương đãi", trên đời mọi thứ tương đối, chẳng tuyệt đối; muốn bất tương đãi, tức tuyệt đối thật, phải "hòa chi dĩ thiên nghê", chỉ đắc đạo. Thiên nghê Trang Tử nói là cảnh giới đạo; người chưa tới cảnh giới đạo, chẳng được thiên nghê.*

"Nhân chi dĩ mạn diễn, sở dĩ cùng niên dã", mạn diễn, cùng niên đều danh riêng Trang Tử. Vì người chẳng hiểu lý, học vấn, tư tưởng này, mấy ngàn năm văn hóa Đông Tây càng phức tạp, tư tưởng càng rối. Ví thời ta: chiến tranh thật của loài người là gì? Chiến tranh tư tưởng. Nói nghiêm, chiến tranh tư tưởng thế kỷ hai mươi chính duy vật với duy tâm. Văn minh loài người sao vậy? Vì **"mạn diễn"** (曼衍): một thứ lan ra, càng diễn càng nhiều. **"Mạn"** (曼) ở đây

chính là chữ **"mạn"** (漫 - tràn trề), tức đầy ắp; **"diễn"** (衍) tức phô diễn trải rộng ra; càng trải càng lớn, vì không đắc đạo, ngàn năm vạn năm cả đời cũng chẳng biết chân lý ở đâu. **"Cùng niên"** (穷年) tức mãi mãi; ngày vô tận làm học vấn đi! Học vấn càng chui vào ngõ cụt, chân lý càng tìm không ra. Vậy làm sao tới cảnh giới thiên nghê đắc đạo?

Chủ tể sinh mệnh

"Vong niên vong nghĩa, chấn ư vô cánh, cố ngụ chư vô cánh" (quên năm quên nghĩa, đứng trong vô cùng, nên gửi vào vô cùng). Đầu thời Dân quốc có một đại sư Phật học tên Âu Dương Cánh Vô; tên ông cũng lấy từ quan niệm **"vô cánh"** (无竟 - vô cùng, không còn biên) này. Muốn thật đắc đạo: "vong niên", quên thời gian; "vong nghĩa", quên hết lý thuyết, đạo lý, kể cả Trang Tử, Lão Tử, Phật học, bỏ hết, bỏ sạch. Triết lý người lười này rất hay; nhất là các bạn trẻ chẳng chịu đọc sách, chẳng chịu viết bài, ngồi xuống lại chẳng muốn nghĩ, cứ viện bốn chữ: ta học Trang Tử, "vong niên vong nghĩa", tức học đạo, bỏ hết nên thi cử chẳng ra gì. "Chấn ư vô cánh": chấn tức tự đứng dậy, đứng trong cảnh giới vô lượng vô biên vô tận; cuối cùng chỉ còn một câu: vô cánh; vũ trụ muôn vật vô tận.

Lúc ấy Phật học chưa sang, vô cánh Trang Tử nêu chính là quan niệm vô lượng vô biên của Phật học sau này. Lý vô cánh cũng chính lý *Kinh Dịch*; *Kinh Dịch* dùng hai quẻ Càn Khôn, cuối cùng là Hỏa Thủy vị tế (chưa xong), mãi mãi vô cánh, vô tận. Trang Tử bảo lý trời đất vô tận. Lý ấy là gì? Chính điều Duy thức gọi lưu chú sinh, lưu chú trụ, lưu chú diệt. Nghiên cứu Duy thức: sinh mệnh vũ trụ, mọi thứ, kể cả tư tưởng văn hóa Trung Hoa, như một dòng nước chảy mãi; ta thấy dòng chảy, tưởng vô tận. **"Hoàng hà chi thủy thiên thượng lai"** (nước Hoàng Hà từ trời xuống), mãi vô tận; nước đại dương cũng vô tận.

Thực ra chẳng vậy! Khi mắt ta vừa thấy đỉnh sóng, phân tử nước ấy đã qua, chẳng quay lại, cứ qua mãi. Trong *Luận Ngữ*, Khổng Tử cũng chỉ lý này: đứng bên sông nhìn nước chảy, dạy học trò **"thệ giả như tư phù, bất xá trú dạ"** (cái đã qua cứ trôi như dòng này, ngày đêm chẳng ngừng). Ông bảo: các vị xem dòng nước này cứ trôi qua không ngừng; mọi sự cũng như dòng nước, qua rồi là qua mãi; quá khứ chẳng cần quay đầu. Tuổi trẻ nghe đừng tưởng tiêu cực; không phải vậy, mà bảo đừng níu kéo hôm nay, phải tiến mãi. Níu hôm nay, hôm nay đã qua. "Bất xá trú dạ": như dòng nước, ngày đêm cứ chảy về phía trước; cũng chính **"cẩu nhật tân, nhật nhật tân"** (ngày nào cũng mới), tiến mãi; cũng chính lý vô cánh. Vô tận, chẳng phải nản lòng; vì vô tận, vô lượng vô biên, cảnh giới tu đạo học Phật cứ tiến, cứ mở rộng, cứ vĩ đại, cứ thành tựu. Đó chính lưu chú sinh, trụ, diệt; mọi quá trình đều bốn giai đoạn: sinh, trụ, dị, diệt; dị tức biến dị.

Phật học bảo ta tồn tại ngẫu nhiên; sinh mệnh ta, ví như mộng ban ngày, chính lưu chú sinh, trụ, dị, diệt. Nhìn như sinh mệnh dừng ở đây, nhưng từ giây đầu ngồi đến giờ, tất cả đã qua hết. Ông nói lý ấy, chỉ ra chân lý sinh mệnh, một kết luận. *Tề Vật Luận* sắp kết; phải nắm mở đầu thiên này: Nam Quách Tử Kỳ ẩn kỷ (隐机) ngồi xuống. Ngồi vậy, tựa vậy, học trò Nhan Thành Tử Du hỏi: thưa thầy, hôm nay thầy chẳng ổn! Thầy khác hẳn trước! Lúc ấy thầy vào định. Học trò hỏi, thầy bảo ngươi chẳng hiểu: lúc này vô ngã. *Tề Vật Luận* mở bằng chuyện ấy, phải không? Rồi bảo trong cảnh giới vô hữu, vạn vật dấy lên là **"xuy vạn bất đồng"** (thổi ra muôn vẻ khác nhau); thật tới vô ngã thì vạn vật đều tề, chẳng chỗ nào chẳng tề; đó mới vào cảnh giới đạo. Giữa thiên bàn xuy vạn bất đồng, hiện tượng vũ trụ; thiên này dài nhất, ta kéo mấy tuần. Trang Tử mẹo thật nhiều, nói hết đủ kiểu, giờ sắp kết. Quên mở đầu thì chẳng kết được! Nhưng ông cũng chẳng nói thẳng kết luận cụ thể; giờ nêu một thứ.

Hán Việt	Nghĩa
Võng lưỡng vấn ảnh viết:	Võng lưỡng hỏi bóng rằng:
Nãng tử hành, kim tử chỉ;	Trước ngươi đi, nay ngươi dừng;

Hán Việt	Nghĩa
nãng tử tọa, kim tử khởi;	trước ngươi ngồi, nay ngươi đứng;
hà kỳ vô đặc thao dữ?	sao ngươi chẳng có nhân cách gì vậy?
Ảnh viết: ngô hữu đãi nhi nhiên giả da?	Bóng đáp: ta có phải chờ cái khác mới vậy không?
Ngô sở đãi hựu hữu đãi nhi nhiên giả da?	Cái ta chờ lại cũng chờ cái khác mới vậy?
Ngô đãi xà phụ điều dực da?	Ta chờ da bụng rắn, cánh ve sầu sao?
Ô thức sở dĩ nhiên! Ô thức sở dĩ bất nhiên!	Ai biết vì sao thế! Ai biết vì sao không thế!

"Võng lưỡng" (罔两) là gì? Chính bóng của bóng. Đứng dưới nắng có bóng; dưới trăng dễ thấy nhất. Trung thu sắp tới, trăng sáng nhìn bóng mình, nhất là ruộng lúa, ngoài đồng, chỗ có nước, bóng mình ngoài còn một vòng tròn; các vị thấy chưa? Bóng mình chưa từng thấy? Đáng tiếc! Các bạn trẻ lớn lên trong thành thị, thật tội, chẳng từng thấy bóng mình. Ta lớn ở quê! Đi đêm hai bên ruộng, nhìn bóng mình cũng hay; ngoài bóng còn một quầng sáng, gọi võng lưỡng. Bóng ta ngoài còn vòng tròn, còn bóng của bóng.

"Võng lưỡng vấn ảnh viết", bóng của bóng hỏi bóng: này! "Nãng tử hành", nãng tức vừa rồi, vừa nãy ngươi đi. "Kim tử chỉ", giờ ngươi dừng, đứng yên. "Nãng tử tọa", vừa rồi ngươi ngồi, ngồi thiền. "Kim tử khởi", giờ ngươi đứng dậy. "Hà kỳ vô đặc thao dữ?" Ngươi sao chẳng có **"đặc thao"** (特操) gì! Chẳng có nhân cách, chẳng có nhân phẩm, như trẻ con! Tâm không yên, giữa lòng chẳng có chủ trương; lúc động, lúc thế, lúc kia, như khỉ.

"Ảnh viết: ngô hữu đãi nhi nhiên giả da?" Bóng bảo ngươi nào biết nỗi khổ ta! Ta chẳng muốn ngồi, chẳng muốn đi; phía sau còn ông chủ; **"đãi"** (待 - chờ đợi, nương vào), tương đối; ông ấy đi ta phải theo! Ông ngồi ta phải ngồi; ông nằm ta phải nằm.

"Ngô sở đãi hựu hữu đãi nhi nhiên giả da?" Ta nói thêm: ông chủ ta cũng tội, cũng chẳng làm chủ; phía sau còn công ty bảo hiểm tổng, còn ông chủ nữa; ông ấy chính tư tưởng ta. Võng lưỡng nói với bóng: ngươi tội; bóng ta bảo: đừng mắng ta tội, ta có ông chủ, ông chủ chính thân thể này; đừng tưởng ông chủ ta oai! Ông ấy cũng nghe lệnh người; phía sau còn ông chủ, chính tư tưởng trong ta; ba ông chủ! Cả đời ta cứ mài thế. Kiếm tiền, làm ăn, làm quan, làm học giả, dạy học, vẽ, nhảy múa, chẳng phải ngươi làm; đều ông chủ kia lo. Bóng nói võng lưỡng: ngươi thấy ta thật tội! Ta chẳng làm chủ được.

"Ngô đãi xà phụ điều dực da?" Bóng nói võng lưỡng: ngươi tưởng ta gì oai! Ta như da bụng rắn. Rắn chẳng có chân đi, phải không? Nhưng rắn đi rất nhanh, nhờ da bụng; thứ da thô, có đàn hồi, nên nhanh; gọi **"xà phụ"** (蛇蚹). **"Điều dực"** (蜩翼) là ve sầu kêu ve ve mùa hè; cánh mỏng, nhẹ. Bóng bảo: ngươi tưởng ta oai! Ta vẫn phụ người, như xà phụ điều dực, phụ thuộc, dính trên thân này. Điều dực, xà phụ đều danh Trang Tử đặt; văn Trung Hoa mấy nghìn năm, thơ văn hay dùng; sau này thấy điều dực trong thơ hay, biết xuất từ Trang Tử.

Ta từng trích thơ Hám Sơn đại sư đời Minh: **"thân thế điều song dực, càn khôn mã nhất mao"** (thân thế như đôi cánh ve sầu, càn khôn như một sợi lông ngựa); "thiên địa nhất chỉ dã, vạn vật nhất mã dã" v.v. đều xuất từ Trang Tử. Học Phật chú ý! Cao tăng xưa, Nho Thích Đạo ba nhà đều thông, thuộc lòng; bút xuống, lời nói, đều quý. Với bạn trẻ ta thường lo các vị vốn chẳng đủ; đọc thiên Trang Tử này phải biết tư tưởng ngươi đều chẳng đáng tin! Đều "miễn đàm". Muốn đọc hiểu Phật học, hiểu học thật, nếu chưa thông cơ bản chư tử bách gia Nho Thích Đạo, chẳng vào được. Lời bóng này chưa hết.

"Ô thức sở dĩ nhiên! Ô thức sở dĩ bất nhiên!" Từ lời bóng ấy: chủ tể thật của trời đất ở đâu? Chủ tể sinh mệnh ở đâu? Trang Tử bảo ta cũng chẳng biết; "ô thức sở dĩ nhiên", ai biết! Cái ấy là gì? Ngươi thật chẳng biết sao? "Ô thức sở dĩ bất nhiên!" Chưa hẳn chẳng biết; trên đời có người biết; ngươi một ngày đại ngộ sẽ biết. Mọi thứ chẳng biết vì sao thế; biết được phía sau "vì sao thế" ấy thì ngộ đạo. Dưới đây mộng hồ điệp nổi tiếng trong *Tề Vật Luận*; Trang Tử lấy chính mình làm kết.

Mộng hồ điệp

Hán Việt	Nghĩa
Tích giả Trang Chu mộng vi hồ điệp, hủ hủ nhiên hồ điệp dã,	Ngày xưa Trang Chu nằm mộng hóa bướm, phất phơ bay lượn, quả là một con bướm thật,
tự dụ thích chí dư! Bất tri Chu dã.	tự thấy khoan khoái thỏa lòng! Chẳng còn biết mình là Chu nữa.
Nga nhiên giác, tắc cừ cừ nhiên Chu dã.	Chợt giật mình tỉnh giấc, thì rõ ràng lại là Chu.
Bất tri Chu chi mộng vi hồ điệp dư? Hồ điệp chi mộng vi Chu dư?	Chẳng biết là Chu nằm mộng hóa bướm, hay là bướm nằm mộng hóa Chu?
Chu dữ hồ điệp, tắc tất hữu phân hĩ. Thử chi vị vật hóa.	Chu với bướm hẳn phải có phân biệt; điều này gọi là vật hóa.

Ông bảo: ta quá khứ mơ một giấc, mơ đến mức chẳng biết ta nữa, tưởng mình là con bướm. Như Lương Sơn Bá, Chúc Anh Đài hóa bướm, trời ơi! Bay lượn, bay lượn! Như thơ bạch thoại các bạn trẻ hôm nay: bay ve ve! Bay vui thật, từ núi kia bay sang cây này! Thế đấy, thoải mái cực, "hủ hủ nhiên"! Tả cái bay phất phơ. "Tự dụ thích chí dư!" Lúc ấy mơ mình là bướm, thật thoải mái! "Bất tri Chu dã", Trang Tử tên Trang Chu, lúc ấy ta chẳng biết mình là Chu. "Nga nhiên giác, tắc cừ cừ nhiên Chu dã." Cừ cừ nhiên tả cái giật mình; bỗng tỉnh, trời ơi! Ta vẫn Trang Chu. "Bất tri Chu chi mộng vi hồ điệp dư, hồ điệp chi mộng vi Chu dư?" Giờ ta rối! Rốt cuộc bướm mơ hóa Chu, hay Chu mơ hóa bướm?

Ngươi nói xem! Giờ chẳng bàn Trang Tử, nghĩ ta: đời người là mộng; mấy chục cân thịt này đang mơ, mơ thành ta? Hay đợi một ngày ta tỉnh hẳn, hoặc tới ngã tư đường Dân Quyền Đông (nhà tang lễ) ấy, mới bảo ta thành thịt? Chẳng biết; Trang Tử chẳng kết luận. Trang Tử bảo: lúc ta mơ là Chu, bướm mơ Chu? Chu mơ bướm? Chưa kể; ví các bạn trẻ, nhiều người lấy chồng sinh con, thành mẹ; rốt cuộc con gái con trai hóa thành cha mẹ, hay cha mẹ hóa thành con? Nghĩ kỹ, cũng là vấn đề.

Đúng, nhân sinh như mộng; Trang Tử nói trước: đêm mơ uống rượu, ban ngày khóc; đêm mơ chết, ban ngày có thể phát tài, trúng vé số. Mộng khó nắm. Lộ trình sinh mệnh ta sống, tương lai tốt xấu, ngươi nắm chắc chưa? Cũng như mộng, chẳng nắm chắc; trong đại mộng này cái nào đúng? Dưới đây ông nêu một câu hỏi.

"Chu dữ hồ điệp, tắc tất hữu phân hĩ. Thử chi vị vật hóa." Rốt cuộc Trang Tử hóa bướm, hay bướm mơ Trang Tử? Giữa hai bên chắc chắn có phân biệt, chắc chắn có chủ tể, có lý! Ví hôm qua đêm mơ một giấc, trời, hôm qua đêm mơ, sợ chết! Thật buồn cười! Phải không? Ai cũng trải; nhất là ăn no tiêu hóa kém, mơ bị quỷ đuổi, người ta truy, trốn chẳng được; hoặc thứ gì tiêu không nổi; ấy là trong người có phong thấp, vốn chẳng có gì phải sợ; những thứ ấy gọi là bệnh mộng, cũng là vấn đề sinh lý. Viêm nhiễm mơ lửa cháy; cơ thể nhiều ẩm mơ nước lớn; loại này trong *Hoàng Đế nội kinh* thuộc bệnh mộng, liên quan sinh lý.

Ngươi bảo hôm qua đêm mơ dọa chết mình, thật hay; rốt cuộc giờ đang nói mớ, hay hôm qua đêm đang mơ? Ta tự nghĩ: đại vấn đề. Dù hôm qua đêm mơ, hay giờ nói mớ, lúc hôm qua đêm mơ, ngươi biết mình đang mơ chưa? Có bạn trẻ đáp chẳng biết. Ngươi sai! Lúc ta mơ, ta rất rõ! Phải không? Ngươi nghĩ: biết đó là thịt kho, biết gắp! Thích mỡ còn chọn mỡ; ngươi bảo đang mơ, sao chẳng rõ! Người trong mộng thích, thấy vui vô cùng; trong mộng chẳng hề mơ màng, phải không! Ta ban ngày tỉnh mới thật mơ màng. Đừng tưởng giờ chẳng như mộng; không tin, tối qua ngủ, sáng nay dậy, việc tối qua nhớ hết chưa? Đều mơ màng! Ban ngày ngươi tưởng kẻ tỉnh táo làm chủ, mới thật đại hồ đồ! Trong mộng tưởng mơ màng ấy chẳng mơ màng! Rất rõ! Sinh tử, sinh mệnh, phải tham cứu chỗ này. Trang Tử điểm đề rất rõ; từ vô ngã tới kết cuối, câu cuối "thử chi vị vật hóa", tư tưởng Đạo gia văn hóa Trung Hoa.

Đạo gia nhìn vũ trụ muôn vật đều biến hóa lẫn nhau; theo Đạo gia, vũ trụ này như một nồi hóa học lớn, ta cũng chỉ hóa chất trong nồi! Thuốc hóa học ta bây giờ thế nào? Rau, củ cải muối, thịt bò, trứng xào cà chua cho vào, còn cải bó xôi, cải thảo cho vào, lại biến thành tế bào thân, đầu óc lại nghĩ; khi ta chết, thịt mục thành phân bón, lại thành rau củ; lại hóa những thứ ấy, cứ hóa qua hóa lại, vật hóa. Vì vậy sinh với tử, Đạo gia chẳng gọi tử; người chết gọi vật hóa, khởi đầu biến hóa sinh mệnh khác. Chết chẳng gì đáng buồn, sống chẳng gì đáng mừng; trước khoa sản chẳng cần treo băng hỷ, trước nhà tang chẳng cần treo câu đối viếng! Ông bảo gần như nhau; một bên đi ngủ, một bên đến mơ, vậy thôi.

Tóm lược thiên *Tề Vật Luận*

Chú ý: thiên *Tiêu Dao Du* đầu tiên bàn sao đạt tiêu dao; thiên *Tề Vật Luận* này bàn "vật hóa". Phàm phu thật tội; chúng nhân dịch dịch, bị vật chất biến hóa, ta chỉ nhận ảnh hưởng vật chất biến ta, chẳng làm chủ. Cá côn ẩn sâu đáy biển, một bật lên trời, có thể thành chim bằng; chim bằng bay cao trời, có thể vấp một cái rồi chẳng gượng dậy nổi, hóa thành gen protein nhỏ. Người đắc đạo tự do; làm chủ biến hóa mới tiêu dao được. *Tiêu Dao Du* chính giải thoát Phật học. Chú ý! Ta hay nói đùa bạn: học Phật học giải thoát, học đạo học tiêu dao; gặp người học Phật học đạo, trời, sợ thật, vừa tới lạy gọi thầy! Ta sợ nhất bị lạy, bị lạy ta cũng phải lạy theo; bảo chẳng tiêu dao chẳng giải thoát, khổ làm gì! Chẳng học còn khá, học Phật xong rất gò bó, chẳng giải thoát. Học đạo hay bảo thế này chẳng hợp đạo, thế kia chẳng hợp đạo. Ngươi biết đạo là gì? Ngươi cũng chưa đắc đạo, sao biết cái gì hợp đạo? Ngươi bảo người khác nói, người ấy cũng chưa đắc đạo! Thấy đều bị lừa! Học Phật học đạo chẳng giải thoát chẳng tiêu dao, thật tội; chẳng học còn khá, chẳng học khá thoáng. Vậy Trang Tử bảo sao tiêu dao? Phải thật nắm chủ tể vật hóa mới tiêu dao. Thật nắm chủ tể vật hóa, mới tề vật; giữa vạn vật chẳng tề, chẳng bình đẳng mà thống nhất bình đẳng. Thống nhất bình đẳng ấy là gì? Đạo! Đạo hình nhi thượng. Xong! Hai thiên này liền nhau, chẳng tách; cả bảy thiên Nội thiên đều liền.

Vì hiểu *Tiêu Dao Du*, ngươi biết ngộ đạo; *Tiêu Dao Du* chỉ nguyên tắc ngộ đạo. Hiểu *Tề Vật Luận*, ngươi bảo đã ngộ; ngộ rồi sao lại bàn mộng? Người thật ngộ, Thiền Phật cùng lý: tỉnh mộng nhất như, ban ngày với mộng như nhau. Học Thiền: nhiều người học thiền, niệm Phật, ngồi thiền, làm công phu; ta chỉ hỏi hai câu là sụp. Niệm Phật ngồi thiền rất định, ban ngày bị mắng chẳng giận; lúc mơ thế nào? Chưa được. Mộng chẳng làm chủ, công phu vô dụng! Tu ban ngày vậy, mộng cũng ngồi thiền; nếu chỉ một lần ngẫu nhiên, mèo mù vớ được chuột chết, chưa tính! Dù mộng làm chủ cũng chưa đủ; có tỉnh mộng nhất như chưa? Ban ngày với mộng như nhau, mộng với ban ngày như nhau; chưa tới cảnh giới này đừng bàn Thiền! Chẳng chỉ lý thuyết; đây công phu thật. Tới tỉnh mộng nhất như, vẫn chưa liễu sinh tử; phải thật nắm vật hóa mới liễu sinh tử.

Vậy tỉnh mộng nhất như chỉ cảnh giới sơ bộ; thật liễu sinh tử là gì? **"Giác mộng song thanh"** (觉梦双清 - giác và mộng đều trong sáng): đại ngộ, ngộ đạo rồi làm phàm nhân, sống như kẻ phàm. Giác mộng song thanh gần tới cảnh giới đạo; công phu trước hết phải tới tỉnh mộng nhất như; thỉnh thoảng làm công phu, trông rất tu, mộng toàn dạng

phàm phu, là hai chuyện. Trang Tử còn mơ hóa **"hồ điệp"** (蝴蝶 - con bướm)! Còn ta thì mơ thành thằng em của hồ điệp, tức **"hồ đồ"** (糊涂 - mê muội), thế thì hỏng rồi. (Hỏi: giác mộng song thanh có phải liễu sinh tử chưa? Sư đáp: gần, chưa hẳn liễu hết sinh tử. Giác mộng song thanh gần cảnh giới đạo. Các bạn trẻ đừng tùy tiện Thiền! Ếch nhảy xuống nước đánh **"phốc thông"** (扑通 - tõm một tiếng) cũng là Thiền; Thiền gì? Ếch nhảy xuống nước, cái đó là **"bất thông"** (不通 - chẳng thông), chứ "phốc thông" nào!)

Thiên 3: Dưỡng Sinh Chủ (養生主)

Bào Đinh vi Văn Huệ quân giải ngưu,

Bào Đinh mổ trâu cho vua Văn Huệ,

thủ chi sở xúc, kiên chi sở ỷ,

chỗ tay chạm tới, chỗ vai tựa vào,

túc chi sở lý, tất chi sở kỷ,

chỗ chân giẫm xuống, chỗ gối tì vào,

hích nhiên, hướng nhiên, tấu đao hoạch nhiên, mặc bất trung âm.

soạt một tiếng, tiếng vang lên; vung dao "hoạch" (騞 - tiếng lưỡi dao rạch mạnh) một tiếng, chẳng tiếng nào chẳng trúng nhịp.

hợp vu tang lâm chi vũ, nãi trung kinh thủ chi hội.

phù hợp điệu múa Tang lâm, lại trúng tiết khúc Kinh thủ.

Biết ít, phiền ít

Tiếp theo là thiên *Dưỡng Sinh Chủ*. Chú ý! Tôi từng nói Khổng Tử giảng hai mươi thiên *Luận Ngữ* là một mạch liền; bảy thiên Nội thiên của Trang Tử cũng liền mạch như vậy. *Tiêu Dao Du* giải thoát xong mới bàn tề vật; tề vật xong mới dưỡng sinh: thứ tự đề mục này ta phải nắm trước. Khi thảo luận với bạn nước ngoài, tôi hay ca ngợi văn hóa mình cao hơn một chút: văn hóa phương Tây chỉ nói vệ sinh thì tiêu cực, vệ sinh mang tính phòng thủ; Trung Hoa nói dưỡng sinh thì tích cực, vượt phòng thủ, chưa bệnh đã giữ gìn trước. Muốn chẳng chết, trước hết phải dưỡng cho khỏe thì mới chẳng chết! Vì thế mới phải dưỡng! Tiếc rằng ta chỉ hiểu cái danh từ, còn sinh mệnh thì chẳng biết dưỡng, cứ tiêu hao mãi, đi về phía chết. Đó chính câu thiên *Tề Vật Luận* đã nói: **"bất vong dĩ đãi tận"** (chưa chết mà đã như chờ đến lúc tận cùng): tuy còn sống, chỉ ngồi đó chờ chết, vì mình chẳng biết dưỡng sinh. Muốn thật sự sống mà chẳng chờ chết, phải hiểu dưỡng sinh. Theo quan niệm Trang Tử, mọi người ngồi thiền, học Phật, tu đạo, dù Đại thừa hay Tiểu thừa, rốt cuộc cũng chỉ là dưỡng sinh thôi; lập trường khác, cách giải khác.

Ngô sinh dã hữu nhai, nhi tri dã vô nhai.

Đời ta có giới hạn, còn tri thức thì không giới hạn.

Dĩ hữu nhai tùy vô nhai, đãi dĩ.

Lấy cái hữu hạn theo cái vô hạn, nguy hiểm lắm rồi.

Dĩ nhi vi tri giả, đãi nhi dĩ hĩ.

Đã làm kẻ biết rồi, lại càng nguy hiểm hơn nữa.

Hai câu ấy, **"ngô sinh dã hữu nhai, nhi tri dã vô nhai. Dĩ hữu nhai tùy vô nhai, đãi dĩ"** (đời ta có giới hạn, tri thức thì vô hạn; lấy hữu hạn theo vô hạn, nguy hiểm lắm rồi), các bạn trẻ chép lại có căn cứ khỏi đọc sách, khỏi thi tuyển sinh! Ông bảo sinh mệnh ta có giới hạn, tri thức học vấn vô tận; lấy sinh mệnh hữu hạn theo tri thức vô hạn, nguy hiểm biết bao! Nghe hay thật! Khỏi thi, khỏi đọc sách. Có bạn viết nhật ký, viết thư cũng nhắc: Trang Tử bảo sinh có giới hạn, thầy cứ bắt ta nghiên cứu học vấn, còn tri thì vô hạn! Hai câu dưới thầy quên rồi. Tôi chẳng quên chút

nào (mọi người cười), **"dĩ hữu nhai tùy vô nhai"** (lấy sinh mệnh hữu hạn theo tri thức vô hạn)! **"Đãi dĩ"** (nguy hiểm quá)!

Lời ấy là lý dưỡng sinh. Thời kháng chiến, ở hậu phương, gặp bạn già hỏi sức khỏe thế nào, tôi bảo: tốt! Tôi rất giữ vệ sinh; vệ sinh thứ nhất là chẳng đọc báo, đọc báo lại tức, lại buồn, lại phiền. Đó cũng lý dưỡng sinh của Trang Tử. Vậy chẳng tri thức mới hạnh phúc. Nhưng đừng để Trang Tử lừa. Trang Tử nói vậy, sao lại viết nhiều thế? Phải không? Rõ ràng lời ông dối ta! Cũng như Bạch Cư Dị viết thơ về Lão Tử: **"ngôn giả bất như trí giả mặc, thử ngữ ngã văn ư Lão quân"** (kẻ nói chẳng bằng kẻ trí im lặng, câu này tôi nghe Lão quân nói); như ta hàng ngày ồn ào lên lớp khoe mình, mọi người viết bài cũng vậy. Ngôn giả bất như trí giả mặc: chẳng trí tuệ mới nói, thật trí tuệ thì chẳng nói. Bạch Cư Dị bảo câu này Lão Tử nói: **"nhược thuyết Lão quân thị trí giả"** (nếu nói Lão quân là kẻ trí), nếu Lão quân là đại trí, **"như hà tự trước ngũ thiên ngôn"** (sao lại tự viết năm nghìn lời *Đạo Đức Kinh*)? Tôi thấy Lão Tử gặp Bạch Cư Dị, chắc chẳng trả lời nổi một câu. Vừa bảo im lặng mới đại trí, sao lại viết cả *Đạo Đức Kinh* năm nghìn lời? Giờ xem thiên *Dưỡng Sinh Chủ* của Trang Tử: tri thức vô tận, đừng theo; vậy sao lại viết Trang Tử? Đừng mắc bẫy ông!

"Dĩ nhi vi tri giả, đãi nhi dĩ hĩ" (đã làm kẻ biết rồi, lại càng nguy hiểm hơn nữa). Lấy sinh mệnh hữu hạn theo tri thức vô hạn, rất nguy hiểm. Tri thức vô tận! Ta được chút tri thức, tự cho mình học vấn cao, **"dĩ nhi vi tri giả"** (tự cho mình trí tuệ lớn), có học vấn phi thường, đó là kẻ tự chuốc họa nguy hiểm, **"đãi nhi dĩ hĩ"** (lại càng nguy hiểm hơn nữa). Lời này thật có lý; lý là gì? Học vấn tới cực điểm, đạo lý đã thông, phải "nhập hồ kỳ nội, xuất hồ kỳ ngoại". Vào được, nhảy ra được, rồi bỏ hết sách vở trong đầu, thành tờ giấy trắng; tới cảnh giới ấy mới dưỡng sinh, mới bàn đạo, mới học thiền. Nên hay có người nói thiền, đứng dậy nói: thưa thầy, đừng bảo chúng con đọc sách! Tôi bảo: không được, học thức chưa đủ. Họ bảo Lục Tổ thì sao? Một chữ cũng chẳng biết! Tôi bảo: ngươi chắc chẳng phải Thất Tổ? Trước Lục Tổ chẳng có Lục Tổ, sau Lục Tổ cũng chẳng thấy Thất Tổ! Lục Tổ là Lục Tổ, ngươi là ngươi! Lục Tổ chẳng lẽ vượt Thích Ca Mâu Ni? Thích Ca từ nhỏ đến lớn học khắp học vấn thế gian; sao chẳng học Thích Ca mà cứ học Lục Tổ? Vậy Trang Tử nói đúng: học vấn tới chỗ cao nhất, rồi bỏ hết học vấn, mới cao minh. Mình chẳng học vấn, vốn là tờ giấy đen, giả làm tờ giấy trắng thì sai.

Nói tới dưỡng sinh, dân gian có hai câu, hơi xấu, hơi tiêu cực, nhưng vẫn phải nói. Lúc nhỏ năm sáu tuổi đọc sách đã thuộc trước, thuộc mấy chục năm, lắc lư đầu mà thuộc, đó là công phu đồng tử; giờ lắc ra! **"Tri sự thiểu thì phiền não thiểu"** (biết việc ít thì phiền ít). **"Thức nhân đa xứ thị phi đa"** (quen nhiều người thì thị phi nhiều)! Nhưng hai câu này, ta biết trong bụng mấy chục năm, miệng chẳng dám nói, hơi tiêu cực. Song nói lại, vì dưỡng sinh, hai câu thật danh ngôn, cũng lý trong Trang Tử: tri thức càng cao, khổ càng sâu; học vấn càng sâu, phiền não càng lớn. Ta trải nghiệm thật sâu; đôi khi thấy sách, muốn đốt luôn, tức vì sách hại ta; nhưng sách chẳng hại người! Lịch sử Nam Bắc triều, Lương Nguyên Đế rất mê đọc sách giảng sách, cuối cùng mất nước; mười bốn vạn quyển sách, đốt sạch một lửa; ông bảo đọc sách mấy chục năm, rốt cuộc mất nước, đều do sách hại. Ông có ngu không! Vậy học vấn chẳng hại người; phải hiểu lý này.

"Sinh dã hữu nhai, tri dã vô nhai, dĩ hữu nhai tùy vô nhai, đãi hĩ!" (sinh mệnh hữu hạn, tri thức vô hạn, theo vô hạn bằng hữu hạn, nguy hiểm!) Lý ấy bảo người làm sao ít phiền não: biết càng nhiều, phiền càng sâu. Nay có một cổ thư rất thịnh hành: *Thái Căn Đàm*, do một vị Nho gia đời Minh, Hồng Tự Thành tiên sinh viết; sau trong nước mất, người Nhật giữ lại. Đầu thời Dân quốc, người đi du học Nhật phát hiện, đồng thời mua về nhiều cổ thư Trung Hoa thất truyền, *Thái Căn Đàm* mới lưu hành. Trong *Thái Căn Đàm* có mấy câu: **"thiệp thế thiển, điểm nhiễm diệc thiển, lịch sự thâm, cơ giới diệc thâm, cố quân tử dữ kỳ luyện đạt, bất nhược phác lỗ, dữ kỳ khúc cẩn, bất nhược sơ cuồng"** (vào đời nông thì nhiễm ít, trải việc sâu thì mưu kế sâu; nên quân tử thà chất phác quê mùa còn hơn lão luyện thông đạt, thà phóng khoáng ngông nghênh còn hơn câu nệ cẩn thận). "Thiệp thế thiển": thanh niên mới ra đời, vào đời

chưa sâu, nhiễm trược cũng nông; "lịch sự thâm": trải qua việc đời nhiều, cơ giới cũng sâu. Cơ giới ở đây chỉ toan tính, mưu kế dùng hết, phiền não càng nhiều. Nên dưới ông nói: **"cố quân tử dữ kỳ luyện đạt, bất nhược phác lỗ, dữ kỳ khúc cẩn, bất nhược sơ cuồng"** (thà chất phác quê mùa còn hơn lão luyện thông đạt, thà phóng khoáng ngông nghênh còn hơn câu nệ cẩn thận): ta hay bảo làm người, kinh nghiệm đời phải thông đạt, nhưng ngược lại, đôi chỗ xuê xoa một chút lại hay hơn.

Chữ **"luyện đạt"** (练达 - thông thạo nhân tình thế sự), *Hồng Lâu Mộng* cũng có. Hồi tiểu học ta đã lén đọc *Hồng Lâu Mộng*, câu hay thuộc hết; lúc ấy tưởng *Hồng Lâu Mộng* dâm tục ghê lắm, giờ nhìn thấy trong sạch tuyệt đối, sách bây giờ còn dâm tục hơn nhiều. Nhân vật chính Giả Bảo Ngọc, cái của nợ ấy, chẳng chịu đọc sách; cha treo một đôi câu đối trong thư phòng: **"thế sự động minh giai học vấn, nhân tình luyện đạt tức văn chương"** (thế sự thông suốt là học vấn, nhân tình luyện đạt là văn chương). Thực ra hai câu này, một đời tu dưỡng làm được thì thành công lớn. Thế sự đều thông suốt, nhìn thấu, đó mới học vấn thật; luyện đạt tức đã rèn luyện, kinh nghiệm nhiều, nên thông nhân tình thế sự, đó mới văn chương lớn. Đôi câu đối này vốn danh ngôn triết học nhân sinh cao nhất, nhưng cậu cả Giả Bảo Ngọc ghét nhất, cũng chính tư tưởng Trang Tử Đạo gia. Thật động minh, thật luyện đạt, sẽ từ cực cao minh về tới bình phàm. Tư tưởng loại này trong triết học Trung Hoa rất đặc biệt. Văn hóa phương Tây cũng có tư tưởng hành vi ấy, nhưng hiếm khi kết thành hệ thống chữ nghĩa. Hệ thống chữ nghĩa loại này ảnh hưởng mỗi người rất lớn. Ví dụ tới đời Thanh sau, mấy danh sĩ nổi tiếng như Viên Tử Tài và Trịnh Ban Kiều, đều chịu tư tưởng này.

Viên Tử Tài và Trịnh Ban Kiều

Viên Tử Tài trẻ đỗ tiến sĩ, thời Khang Hy, Ung Chính, Càn Long thiên hạ tuyệt đối thái bình, đỗ xong được cử ra làm huyện trưởng. Thầy ông, quan chủ khảo, là Doãn Văn Đoan, danh thần thời Càn Long. Lúc từ biệt, thầy hỏi: ngươi trẻ tuổi, ra làm quan địa phương, có chủ ý gì? Tương đương hôm nay hỏi chính sách thế nào? Học trò bảo: thưa thầy, tới đó rồi nói! Chẳng có chính sách gì; nhưng trong túi chuẩn bị một trăm chiếc mũ cao. Thầy nghe, rất không vui. Thầy giảng Lý học, quở: trẻ tuổi sao nói thế! Học trò bảo: thưa thầy, xã hội toàn người như thầy thì chẳng cần chuẩn bị. Doãn Văn Đoan nghe, vuốt râu, ừ! Bảo: cũng có lý, nhưng chẳng được làm vậy! Ra ngoài, bạn hỏi thế nào? Bảo mũ cao đã tặng một chiếc; đó chuyện nổi tiếng của Viên Tử Tài.

Thái bình làm quan rất thoải mái; **"nhất nhiệm thanh tri phủ, thập vạn mã đề ngân"** (một nhiệm kỳ tri phủ thanh liêm, thu nhập tới mười vạn lượng bạc): chẳng cần tham, một đồng cũng chẳng tham, thu nhập đã nhiều thế, không như ta bây giờ khổ cực. Viên Tử Tài làm hai nhiệm huyện trưởng rồi không làm nữa, về làm danh sĩ, mua vườn Đại Quan Viên trong *Hồng Lâu Mộng*, đổi tên Tiểu Thương Sơn Phòng. Hai ba trăm năm trước, nhà ông đã dùng kính đỏ trong suốt, hàng nhập đắt! Tiểu Thương Sơn Phòng ở giữa núi, cây cối, vườn rừng đẹp tuyệt; triết học nhân sinh họ theo con đường ấy.

Một vị khác rất khổ, trái ngược ông, là Trịnh Ban Kiều nổi tiếng; chưa đỗ công danh thì nghèo khổ, đi dạy học. Nói dạy học! Giống ta, xưa nay trong ngoài đều khổ, giáo sư nước ngoài cũng khổ. Trịnh Ban Kiều dạy học, cơm cũng ăn không nổi; nhất là việc dạy học thời xưa, mời về nhà dạy, chủ nhà keo kiệt, sáng ăn cháo, có người miêu tả **"tị phong xuy động lãng do do"** (hơi thở mũi thổi qua, cháo gợn sóng dập dờn), nên có câu **"mệnh bạc bất như sấn tảo tử, gia bần vô nại tác tiên sinh"** (mệnh mỏng chẳng bằng chết sớm, nhà nghèo bất đắc dĩ làm thầy). Ông người Giang Tô; tết nhà người ta đến đòi nợ, trả không nổi, phải trốn sang tỉnh khác dạy ở Hàng Châu. Sau đỗ công danh mới làm quan.

Người này rất thú, rất cao nhã, như Viên Tử Tài, làm một nhiệm huyện trưởng rồi không làm, về đọc sách. Ông có vài câu danh ngôn; thanh niên đừng học, học không hay, vẽ hổ không thành lại hóa ra chó. **"Thông minh nan, hồ đồ**

diệc nan, do thông minh nhi chuyển nhập hồ đồ cánh nan. Phóng nhất trước, thoái nhất bộ, đương hạ tâm an, phi đồ hậu lai phúc báo dã." (Thông minh khó, hồ đồ cũng khó; từ thông minh chuyển vào hồ đồ càng khó. Nhường một nước, lùi một bước, lòng liền an; chẳng cầu phúc đời sau.) Người thật thông minh, cuối cùng thông suốt, rồi học tới hồ đồ tuyệt đối, mới thật khó. Ông bảo làm người xử thế, mọi việc nhường người một bước, lùi một bước, lòng liền an; chẳng như các nhà tôn giáo, cầu đời sau được phúc báo tốt, thế thì sai rồi. Tư tưởng loại này tràn ngập trong văn hóa; nhà văn học Trung Hoa cũng tức là triết gia, cùng nhiều văn nhân các đời, cả đời theo con đường này rất nhiều. Vì thế Trịnh Ban Kiều, Viên Tử Tài (Mai) ở nhà lại chú trọng ăn, mặc, chơi. Trong ba đời Khang Hy, Ung Chính, Càn Long, hơn trăm năm, trí thức văn nhân đầy tình trạng ấy. Thái bình quá yên ổn, yên đến mức sống chẳng biết giết thời gian sao.

Giờ ta chốt lại: chính lời Trang Tử nói, ít tri thức thì ít phiền não; tri thức học vấn càng cao, khổ phiền càng lớn. Nhất là sinh ra thời loạn, người tri thức học vấn càng cao, lòng lúc nào cũng lo âu khổ đau.

Chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành

Vi thiện vô cận danh, vi ác vô cận hình.
Làm việc thiện chẳng cầu danh, làm việc ác chẳng tới hình phạt.

Duyên đốc dĩ vi kinh,
Theo Đốc Mạch làm chuẩn,

khả dĩ bảo thân, khả dĩ toàn sinh,
có thể giữ thân, có thể trọn sinh,

khả dĩ dưỡng thân, khả dĩ tận niên.
có thể nuôi dưỡng cha mẹ, có thể hưởng trọn tuổi thọ.

"Vi thiện vô cận danh, vi ác vô cận hình" (làm việc thiện chẳng cầu danh, làm việc ác chẳng tới hình phạt): đọc hai câu Trang Tử này, nếu coi là giáo dục, các nhà giáo dục các đời ta chẳng áp dụng, vì quá tiêu cực, tiêu cực tới gần như khéo lách. Xử thế đời người tuy khéo tránh, song vẫn có lý. Ví dụ câu đầu: **"vi thiện vô cận danh"** (làm việc thiện chẳng cần danh), gần như câu châm ngôn của ông: làm việc thiện phải tới mức chẳng còn danh, người ta chẳng biết ngươi đang làm việc thiện. **"Vi ác vô cận hình"** (làm việc ác chẳng tới hình phạt): làm việc xấu, đôi khi người cũng khó tránh; trên đời chẳng có người thật sự thiện, ai cũng có chút tư tâm trong lòng, hay chỗ nào đó trong đời sống chẳng ổn, nhưng chẳng tới mép phạm pháp, chẳng tới mép bị đả kích, đau khổ, thất bại cực điểm. Nói cách khác, giữa thiện ác vừa đủ. Người này tốt chứ? cũng chẳng tốt lắm; xấu chứ? cũng chẳng xấu, cũng chẳng quá tốt; nhìn bề ngoài vẫn đúng hai câu ấy.

Vì thế có người nghiên cứu Trang Tử, cho rằng Đạo gia đều trốn tránh, tiêu cực; thực ra chẳng vậy. "Vi thiện vô cận danh": văn hóa Trung Hoa chẳng riêng Trang Tử, chư tử bách gia đều vậy. Xưa nói làm việc tốt có bốn chữ **"âm công tích đức"** (阴功积德 - âm thầm làm việc tốt tích đức); các bạn trẻ nghe chưa? Lúc nhỏ ta được giáo dục rất kỹ: cả đời làm người phải âm công tích đức. Âm là tối, âm thầm làm việc tốt mà người khác chẳng biết, đó là âm công. Âm công thật mới là tích đức thật. Làm người tốt, làm việc tốt mà để được khen, để người ta bảo ta là người tốt, cái đó chẳng tính là việc thiện.

Ta hay nhắc tiểu thuyết *Liêu Trai chí dị*; gần đây trong lớp có nhiều bạn trẻ mới, có thể chưa đọc cuốn nói quỷ này; nhiều bạn vẫn thích, ta hay hỏi: chương đầu là gì? Nhiều người trả lời không ra. *Liêu Trai* nói quỷ, nói hồ ly, ý chỉ ở

đâu mà chẳng hiểu! Giờ ta cho đáp án: chương đầu là *Khảo thành hoàng* (考城隍). Ở Đài Bắc, đến đường Thành Đô, chẳng phải có miếu Thành hoàng? Thành hoàng tức quan địa phương âm phủ. Chương này rất hay: một sĩ tử mơ thấy nhận thông báo đi thi. Ông chẳng hiểu, nghĩ thầm: chưa tới mùa thi đại học, cũng chẳng phải thi công chức, sao bắt đi thi ngay? Vừa tới thấy chủ khảo ngồi trên là Quan Công; đáng sợ biết bao! Người Trung Hoa vốn kính Quan Công vô cùng, uy hơn cả Bao Công.

Đề phát xuống, ông viết một bài; giữa bài có mấy câu rất quan trọng: **"hữu tâm vi thiện, tuy thiện bất thưởng; vô tâm vi ác, tuy ác bất phạt"** (có lòng làm việc thiện, dù thiện cũng chẳng thưởng; vô tâm làm việc ác, dù ác cũng chẳng phạt). Người cố ý có lòng làm việc thiện, cố làm người tốt, Quan Công bảo dù làm việc tốt cũng chẳng thưởng, vì có mục đích cầu danh. Vô tâm vi ác: người vô ý làm việc xấu; ví dụ trong nhà có mảnh đồng sắt vụn, ném ra cửa sổ, trúng người, vô ý, vô tâm vi ác, dù làm việc xấu cũng chẳng phạt. Quan Công chấm bài tại chỗ, vỗ án khen hay, chấm cho ông đỗ, bảo lập tức đi làm thành hoàng. Nghe làm thành hoàng, ông lo: phải chết rồi mới làm được! Bảo: ta chưa thể chết! Cuối cùng van Quan Công: mẹ già, chỉ một con, bảo ta đi làm quan âm phủ ngay, ta chết rồi ai hiếu dưỡng mẹ? Quan Công bảo: có lòng ấy thật tốt, cho xem mẹ còn mấy năm thọ. Phán quan (thư ký) mở sổ tra, còn chín năm. Quan Công bảo: được, đợi ngươi chín năm! Chức vị ấy tạm giao cho phán quan quyền nhiếp.

Truyện này nói lý "vi thiện vô cận danh": bề ngoài tưởng trốn tránh, song cũng dạy việc thiện phải thiện thật, chẳng cầu thần biết, chẳng vì danh lợi, chẳng vì nhân quả báo ứng. Ta hay gặp bạn học tôn giáo: làm nhiều việc tốt, lạy nhiều, bái Phật nhiều, niệm kinh nhiều, cũng như hàng ngày đi lễ nhà thờ, sao cha mẹ vẫn chết? Ta trả lời không nổi, chỉ nhìn họ, há miệng, bất lực. Tâm ấy chính là ngụy thiện. Lấy sử chứng, cách làm của nhiều trung thần hiếu tử, "vi thiện vô cận danh" quá nhiều; tạm dừng ở đây, chẳng bổ sung nữa.

"Vi ác vô cận hình" chẳng phải khuyên ta làm việc xấu. Phải hiểu chữ này; cũng như tư tưởng Khổng Tử trong *Luận Ngữ*, Tử Hạ nói: **"đại đức bất du nhàn, tiểu đức xuất nhập khả dã"** (đức lớn chẳng vượt ranh giới, đức nhỏ ra vào cũng được). Người ta hay giải: làm người, đạo đức ở nguyên tắc lớn tuyệt đối chẳng vượt phạm vi, chỗ nhỏ đôi khi qua loa cũng được. Theo ta, giải vậy cũng đúng, nhưng hai câu còn nghĩa khác: nguyên tắc đạo đức lớn tuyệt đối chẳng được vi phạm; chỗ nhỏ chẳng phải bảo được vi phạm, "xuất nhập khả dã" nghĩa là lúc lưỡng nan phải cân nhắc kỹ, tốt nhất cả tiểu đức cũng chẳng vi phạm. Đôi khi chú giải cổ vẫn đáng bàn, chớ tưởng cổ nhân lúc nào cũng cao minh. "Vi thiện vô cận danh, vi ác vô cận hình" cũng chính "đại đức bất du nhàn, tiểu đức xuất nhập khả dã".

Chốt lại, hai câu Trang Tử này nói đời người phải dừng ở chỗ thiện nhất; nghĩa cơ bản chia hai đoạn, có ba điểm. Thứ nhất dưỡng sinh: tu thân tâm tới mức chẳng phiền chẳng khổ, an tĩnh bình thường, sống vui một đời. Có học vấn, tư tưởng, tri thức, kinh nghiệm, phải chẳng bị trói, phải giải thoát được; nói cách khác, cầm lên được thì cũng buông xuống được. Thứ hai, giữa thiện ác, trong hành vi đời người, tuyệt đối đi con đường thiện. Song khí văn chương của ông, "vi thiện vô cận danh, vi ác vô cận hình" nói hai mặt, ta hay bị khí thế bài văn của ông làm mê mờ rồi hiểu sai đi.

Thông Đốc Mạch

Điểm thứ ba: **"duyên đốc dĩ vi kinh"** (theo Đốc Mạch làm chuẩn); chuyện rắc rối tới đây, câu này nặng lắm. Trang Tử nói dưỡng sinh, sau này Đạo gia tu tiên, luyện đan, trường sinh bất lão, trừ bệnh kéo dài tuổi thọ, thành học thuật đặc hữu Trung Hoa, gọi chung là học thuật dưỡng sinh. Tu đạo đều theo con đường dưỡng sinh. Quan niệm dưỡng sinh Đạo gia lấy từ thiên này; trước hết phải hiểu. Hiểu rồi, ta đặc biệt nhấn: dưỡng sinh đặc hữu văn hóa Trung Hoa, văn hóa phương Tây chẳng có. Phương Tây cũng nói sinh mệnh con người trường sinh; ví dụ sau này thành tôn giáo phương Tây, lên thiên đàng được vĩnh sinh, nói sau khi thân xác chết, sinh mệnh tinh thần được vĩnh sinh, trường sinh.

Chỉ văn hóa Trung Hoa cho rằng thân xác ta, qua một học thuật, một phương pháp, tu dưỡng tới tồn tại vĩnh cửu; đó là học trường sinh bất tử. Người tu được thành tiên, tức chân nhân Trang Tử nói. Nghiên cứu văn hóa toàn thế giới, có thể nói chẳng dân tộc nào dám giả định táo bạo: sinh mệnh tu luyện có thể sống mãi; chỉ Trung Hoa mới có.

Phương pháp tu luyện? Các bạn trẻ đọc kiếm hiệp biết trên người có kỳ kinh bát mạch (奇经八脉). Chữ 奇 trong "kỳ kinh bát mạch" đây phải đọc là **"cơ"** (số lẻ, đơn chiếc, như 奇偶 đọc "cơ ngẫu"), chẳng phải "kỳ" nghĩa kỳ dị kỳ quái; tên gọi quen thuộc thì vẫn là "kỳ kinh bát mạch" thường dùng; bát mạch gồm **"âm kiều"** (陰蹻), **"dương kiều"** (陽蹻), âm duy, dương duy, xung mạch, đới mạch, Nhâm Mạch, Đốc Mạch. Kỳ kinh bát mạch riêng thống khí huyết toàn thân; Đạo gia, Mật tông hay nói khí mạch, đặc biệt chú trọng khí Nhâm Đốc nhị mạch. Y học Trung Hoa chia mười hai kinh mạch thành sáu âm mạch, sáu dương mạch, trên dưới trái phải, mặt đầu tay chân giao thông, thống tim gan tỳ vị phổi thận đại tiểu tràng bàng quang theo Tây y, cùng cơ bắp thần kinh. Học Trung y phải chú ý: Tây y nay cũng nói mười hai đôi thần kinh não giao chéo trái phải. Ta hay nói: thấy người tay trái vai đau, hoặc mỏi, bệnh gốc có thể ở bên phải; cũng có thể dương minh kinh mạch chẳng thông. Dạ dày khó chịu chưa hẳn ung thư dạ dày, mà khí chạy chẳng thông. Chân đôi khi khó chịu, đi đứng không vững, mềm yếu, cũng có thể do dạ dày; dạ dày xấu có nhiều nguyên nhân.

Chủ mạch kỳ kinh bát mạch chính là Đốc Mạch; ở đây "duyên đốc dĩ vi kinh", Đốc Mạch là gì? Chính cột sống lưng ta. Thân người lấy xương sống làm trung tâm; tim gan tỳ phổi thận ngũ tạng lục phủ đều treo trên xương sống. Người đứng thẳng, đội trời đạp đất; đó là ưu điểm loài người. Muông thú khác: xương sống nằm ngang, ngũ tạng treo ngang; Phật học gọi bàng sinh, hoành sinh, súc sinh. Người đứng thẳng, lấy Đốc Mạch làm chính; thần kinh dọc xương sống lên tới đầu, tức hệ thần kinh trung ương, chỗ dựa quan trọng để sống khỏe.

Phía trước, từ dưới lưỡi trở xuống, phổi, tim, gan, dạ dày, hoành cách mô, đại tràng, tiểu tràng, tới dưới cùng; hệ thống này, dịch thuật y học cũ gọi hệ thống thần kinh tự chủ. Có người trúng phong, miệng méo, nói chẳng làm chủ được, hệ thần kinh trung ương vẫn ổn, chỉ thần kinh tự chủ hỏng. Đều dính y học, nói dài dòng. Vậy Đốc Mạch chính thần kinh cột sống. Thân ta như xây nhà: một khung xương, phía trước hai nhánh là tay, trên thêm cái đầu, dưới hai chân; nhưng chính là Đốc Mạch, Đốc Mạch là hệ trung ương. Đốc Mạch có phải trung tâm xương sống không? Từ xưa tới nay Đạo gia, Mật tông tranh luận gay gắt, tới nay vẫn tranh. Tây y trước chẳng mấy thừa nhận; nay bắt đầu thừa nhận dần; khoa học rồi cũng phải tiến bộ dần dần thôi.

Nhiều người bàn: Đốc Mạch là gì? Xương sống nối từng đốt, giữa rỗng; đôi khi bệnh vào bệnh viện, bác sĩ chọc hút tủy sống đem xét nghiệm, kim rỗng đâm khe giữa các đốt xương sống, rút chút tủy sống xét. Trong xương heo cũng có dải trắng mềm, tức tủy sống. Nối từng đốt lên tới đỉnh đầu; giữa tủy sống có dịch, trong đó một đường rất mảnh lên não sau, đó là Đốc Mạch; Ấn Độ Du già và một số Đạo gia cho vậy.

Một số Đạo gia, Mật tông khác cho cách nói ấy chưa đúng, quá thô; cho rằng Đốc Mạch là giữa mỗi đốt xương sống, tủy sống trắng ấy, trung tâm của tủy sống, mảnh hơn tóc, một đường rỗng lên não. Cái này **"hữu tướng"** (有相 - có hình tướng), có hiện tượng ấy; **"nhi vô hình"** (而无形 - nhưng vô hình), giữa tủy sống rỗng. Cũng ví như cây chuối hột, cây chuối tiêu: thấy ống, giữa chẳng có lõi. Tuổi lớn, lưng cong, tức sinh lực Đốc Mạch chẳng đủ, đầu cúi xuống, Đốc Mạch bế tắc, thậm chí hỏng. Tu đạo nói tọa thiền, việc đầu tiên quan trọng nhất là thông Đốc Mạch.

Nói phương pháp tu Đốc Mạch, các phái tên khác nhau, lý giống nhau. Song người học Phật, tu Mật, học đạo đáng thương: học vấn chẳng thông suốt, bị thuật ngữ các tông làm rối, cứ giải thuật ngữ, bám vào danh tướng (khái niệm), lý thuyết kinh nghiệm các phái, sờ soạng ở ngoài rìa, sờ mãi lại càng rối. Thực ra bất kể xưa nay phái nào, đạo vẫn đạo

ấy, thân vẫn thân ấy; chẳng thể nói thân Đạo gia khác thân Phật gia, càng chẳng thể nói thân người hiện đại khác cổ đại nhiều. Với ta? Vì Đạo gia dùng thuật ngữ, nói cho tiện; nhưng chớ bị danh từ trói là đủ.

Ba cửa ải của Đốc Mạch

Đạo gia thường nói tới hậu tam quan, tiền tam quan; Đốc Mạch có ba chỗ quan trọng nhất. Chỗ ngang eo lưng gọi là **"Vĩ Lư quan"** (尾闾关 - ải cuối xương cụt), từ dưới đi lên, vĩ lư chính là chỗ eo lưng ấy. Ví như có phụ nữ hay đau eo mỏi lưng, do sinh nở hay nguyên nhân khác, khí mạch tổn hao suy yếu, thậm chí bế tắc chẳng phục hồi, nên eo lưng chẳng còn sức. Eo lưng phụ nữ vốn yếu hơn; tôi vẫn hay nói: đàn ông đi đứng khác đàn bà. Đàn ông đi thì hai đầu gối co lại mà bước; đàn ông có tuổi, đầu gối co chẳng còn linh hoạt, thật phiền; càng trẻ đầu gối càng linh hoạt. Đàn bà đi thì mông lắc, vì eo vặn; đó là chuyện khí mạch sinh lý, chẳng phải chuyện xương cốt. Trọng tâm sinh mệnh của phụ nữ nằm ở vòng giữa ấy, gọi là đới mạch; khí đới mạch đầy hay thiếu rất quan trọng. Đoạn Đốc Mạch này chẳng thông, nam nữ như nhau, ngồi đều khom lưng gù lưng; bảo họ ngồi thẳng lưng lên một chút, ôi chao, khó chịu chết đi được, chỗ này đều suy yếu cả. Vậy còn hai bên thì sao?

Hai bên xương sống ngang eo lưng, theo Trung y chính là chỗ **"mệnh môn hỏa"** (命门火 - lửa nơi cửa mệnh) trú ngụ, là gốc rễ của sinh mệnh, cũng là huyệt châm cứu trọng yếu. Vì thế người già đau eo mỏi lưng phải đấm lưng đấm eo; nếu thật sự đau lắm thì đành nhờ người xoa bóp, để người ta đấm cho mới dễ chịu. Cho nên đau eo chính là do Vĩ Lư quan của Đốc Mạch chưa thông; chỗ khó thông nhất trên Đốc Mạch chính là ải Vĩ Lư này. Nhất là người trẻ ngồi thiền luyện khí công, nói tu dưỡng công phu, thường tới ải này thì trong trăm người đã sập tới năm chục đôi. Nam nữ như nhau đều gặp vấn đề: vừa ngồi thiền có chút tinh thần, ải này chưa qua được, thân thể liền sinh bệnh, thậm chí xảy ra mộng tinh! Đủ loại bệnh tật, theo chỗ tôi biết là rất phổ biến. Thật đáng tiếc! Dân tộc Trung Hoa, vì lễ giáo truyền thống, ai cũng mắc bệnh này mà chẳng ai dám nói, thân thể chẳng được điều chỉnh. Nhiều người tu đạo hay luyện công phu, ải đầu tiên là Vĩ Lư, gồm cả phần trên eo lưng, đều chẳng thông được, nên ảnh hưởng tới ruột và dạ dày, thận, bàng quang, trăm bệnh sinh ra. Nếu qua được ải này thì khỏe mạnh hơn nhiều; phần nội tạng từ dạ dày trở xuống trong cơ thể coi như hết bệnh, mà bất kể nam nữ, sinh lý đều giữ được trẻ trung như thân thể trẻ nhỏ.

Ải này thông rồi, đi lên trên chính là **"Giáp Tích quan"** (夹脊关 - ải giữa hai bả vai); Đạo gia gọi là giáp tích, giáp tức là hai xương bả vai ép sát vào cột sống, chỗ ấy có một vùng lõm xuống, liên quan mật thiết tới tim, phổi, hệ hô hấp, gan mật, tỳ vị. Người tu công phu thông được ải lưng này thì khác hẳn: ngồi bình thường tự nhiên ưỡn thẳng lưng lên, bảo họ khom lưng lại thấy khó chịu ngay. Còn nhìn người có tuổi, luôn thích khom lưng, vừa ngồi xuống đã thích vắt hai chân lên; nay mới hai mươi mấy tuổi đã vắt chân rồi. Người già ngồi văn phòng thích nhất là tựa vào ghế, hai chân đều muốn gác lên bàn làm việc, hễ có dịp là nhất định phải gác chân lên cao. Theo Trung y, đó là hạ nguyên hao tổn, Giáp Tích quan chưa qua được. Cái gọi là khí dạ dày ở trung cung phía trước cũng chẳng đủ, nên sinh bệnh hô hấp, ăn uống kém ngon, đủ loại bệnh nhiều lắm; đây là ải thứ hai trong hậu tam quan.

Lên cao hơn nữa thì lại càng khó qua, gọi là **"Ngọc Chẩm quan"** (玉枕关 - ải sau gáy). Ngọc chẩm chính là phần sau đầu, nên rất nhiều người ngồi thiền, tu đạo làm công phu, dù tu Tịnh độ, hay Cơ Đốc giáo, Thiên Chúa giáo tĩnh tọa tĩnh tâm, hay Đạo gia luyện tu, theo kinh nghiệm của tôi, rất ít người tới được ải này, nhất là qua thông được ải này lại càng hiếm hơn. Nếu ai ngồi thiền tu đạo mà tới phần não bộ này sẽ đau đớn vô cùng, trừ khi là kẻ nhập đạo từ lúc còn thân đồng tử, đồng chân. Thân đồng tử tức là nữ giới chưa có kinh nguyệt lần đầu, nam giới hoàn toàn chưa khai mở hiểu biết về giới tính; người như vậy tu đạo mới chẳng gặp nỗi đau ấy. Nhưng thân đồng tử lại chẳng có trí tuệ ấy, trừ phi là bậc thiên tài trong thiên tài.

Muốn thông được khí cơ phần não bộ này rất chẳng dễ, vì não người qua tuổi mười mấy, vượt khỏi tuổi đồng tử rồi, phần lớn thần kinh não đã suy thoái, khí mạch hoặc bế tắc, hoặc đã chết. Ví như mắc cận thị, viễn thị tuổi già, đó chính là suy lão, thoái hóa; những cái ấy đều thuộc khí mạch phần Ngọc Chẩm quan mà Đạo gia nói tới, khí mạch tới đây chẳng thông được, nên người thường hay người tu đạo, lúc khí mạch sắp thông qua, thường đau đầu chẳng chịu nổi, hoặc đau mắt, đau răng, tai mũi sinh bệnh, đủ loại bệnh kéo tới. Lại xem kiến thức y học trên báo, hơi có bệnh gì đã nghi ngờ thế này thế nọ, thêm sợ mình bị ung thư, rốt cuộc lại tìm bác sĩ lại uống thuốc, chẳng có can đảm đem sinh mệnh mình ra thử nghiệm. Dĩ nhiên, tôi cũng chẳng chủ trương ai thử nghiệm kiểu ấy, kết quả công phu lùi lại hết, coi như vô ích.

Hoặc có người học Phật tới đây, có được nhãn thông, thấy được cái này cái kia; thực ra đều do Ngọc Chẩm quan chưa thông, luồng khí ấy kích thích thần kinh thị giác hay thính giác, sinh ra đủ thứ hiện tượng quái lạ trong lúc gần thông mà chưa thông hẳn. Rồi tự cho là mình có thần thông, lại thêm tâm lý gán ghép gượng ép; khá hơn thì thần kinh lớn biến thành thần thông nhỏ, việc nhỏ còn thấy khá linh nghiệm; nặng hơn thì thần kinh lớn, thần thông nhỏ đều mất sạch, hoàn toàn thành ra thần kinh (điên loạn). Vì thế nhiều người ngồi thiền tu đạo mà hóa điên, tiểu thuyết võ hiệp gọi là tẩu hỏa nhập ma, chính vì nguyên nhân ấy. Thực ra chẳng có hỏa, cũng chẳng có ma, chỉ là **"duyên đốc dĩ vi kinh"** (theo Đốc Mạch làm chuẩn) chưa làm được, khí trong kinh mạch chưa thông, chưa thật sự khôi phục sức khỏe. Nếu ải Ngọc Chẩm này, khí mạch phần não bộ thông được rồi, thì bất kể tuổi tác thế nào, tư tưởng chẳng mệt mỏi, thân thể chẳng uể oải, trí nhớ chẳng suy giảm, tai cũng chẳng điếc, mắt cũng chẳng cận thị viễn thị tuổi già, phải nói còn hơn cả người trẻ; đó chính là nói về phần Đốc Mạch này. Nếu muốn tham khảo thêm, có thể xem cuốn *Tĩnh tọa tu đạo dữ trường sinh bất lão* (Ngồi tĩnh tu đạo và trường sinh bất lão) tôi từng giảng, sách này đã có bản dịch tám thứ tiếng khác nhau, lưu hành khắp thế giới.

Dĩ nhiên hôm nay ta đang giảng Trang Tử, chẳng phải giảng học vấn khí mạch; sở dĩ nói tới hệ thống Đốc Mạch trong thân thể là để giải thích "duyên đốc dĩ vi kinh". Vậy chữ **"duyên"** (缘) nghĩa là gì? Phật học có tên gọi **"phan duyên"** (攀缘 - leo bám, tâm bám lấy ngoại cảnh nối tiếp nhau), tựa như người leo cầu thang từng bậc, nối tiếp nhau chầm chậm leo lên, vòng này nối vòng kia, vòng này lại móc vào vòng nọ, gọi là phan; như leo núi, hai tay từng bước nắm lấy dây leo, nắm lấy đá mà chầm chậm leo lên, gọi là phan. Duyên chính là men theo con đường ấy, từng đốt từng đốt chầm chậm nối tiếp nhau đi lên. Nên "duyên đốc" lấy Đốc Mạch làm gốc mà giữ gìn sức khỏe, đó là đạo dưỡng sinh của ta, dùng khí hóa sinh mệnh khiến sức khỏe từng đốt từng đốt leo lên. "Dĩ vi kinh" chẳng phải chữ kinh trong kỳ kinh bát mạch, phải hiểu theo nghĩa chữ **"thường"** (常); muốn thật sự giữ được sức khỏe trung tâm toàn thân thì "duyên đốc dĩ vi kinh": phải khiến Đốc Mạch giữ được sức khỏe tuyệt đối.

Vừa muốn danh lợi, vừa muốn thành tiên

Tiếp theo, trong cái gọi là kỳ kinh bát mạch, phía trước Đốc Mạch là Nhâm Mạch; vừa rồi ta nói hệ thống thần kinh tự chủ đều gọi là Nhâm Mạch. Vòng quanh eo lưng là đới mạch. Giữa thân có tướng mà vô hình là xung mạch, cũng chính là trung mạch mà Mật tông, Đạo gia về sau cho là vậy. Nhưng có người tranh luận, bảo xung mạch chẳng phải trung mạch; ai nấy đều vì danh từ, vì tác dụng ấy mà tranh luận, ta tạm chẳng bàn tới. Dù sao bốn mạch này trong thân người, cộng thêm hai chân hai tay trên dưới tới đầu, tám mạch ấy vô cùng vô cùng quan trọng. Cái gọi là thông được khí mạch tức là chẳng khiếm khuyết, chẳng bệnh đau, chẳng bế tắc, đó mới là sức khỏe tuyệt đối.

Trang Tử giảng tới đây chỉ nhắc tới tầm quan trọng của Đốc Mạch, sao chẳng giảng tiếp Nhâm Mạch, đới mạch? Vì ông đã có câu "duyên đốc dĩ vi kinh"; Nhâm Mạch cũng vậy, đới mạch cũng vậy, nói tóm lại, đường xương sống này thông tới hệ thần kinh trung ương trên não bộ, tức Đốc Mạch, mới là quan trọng nhất, đây là mạch chủ. Còn như

thuyết tu đạo, tu Mật tông cho rằng trung mạch mới là quan trọng nhất, đó là chuyện về sau; vì nếu Đốc Mạch, Nhâm Mạch đều chẳng thông thì trung mạch chẳng có cách nào thông được. Trung mạch thật sự thông rồi thì kỳ kinh bát mạch dĩ nhiên cũng thông. Nên phải lấy Đốc Mạch làm gốc trước, thông được rồi, phía sau mới theo kịp lên. Nếu lấy Đốc Mạch làm nền tảng, những tác dụng khác đi theo Đốc Mạch mà thông được, thân thể khôi phục sức khỏe, thì theo tưởng tượng của tôi, chẳng dám nói là kinh nghiệm của tôi, trường sinh bất lão, già chậm lại, chẳng hẳn hoàn toàn chẳng già, tuyệt đối làm được. Nhưng phải chuyên tu mới được. Chẳng thể như phần đông chúng ta học Phật tu đạo mà đất đai cũng muốn đầu cơ, nhà cửa cũng phải có, xe hơi, vàng bạc, đô la, ít nhiều gì cũng phải có một chút! Trên danh thiếp cũng phải in một chức quan gì đó chứ! Chủ tịch hội đồng quản trị chẳng hạn (NDLR: tiếng Hán gọi chức ấy là **"đổng sự trưởng"** (董事长), có sẵn chữ "trưởng" mà bản dịch không giữ được), đó là chữ "trưởng"; chẳng thì cũng phải một chữ "viên" gì đó. Nếu những thứ ấy đều muốn có, rồi lại muốn làm được "duyên đốc dĩ vi kinh", tu tới trường sinh bất lão, thông cả kỳ kinh bát mạch, theo chỗ tôi biết là chẳng thể nào. Đó thật đúng như Trang Tử đã nói ở trước, thuộc về giấc mộng lớn của đời người, cũng như Tần Thủy Hoàng và Hán Vũ Đế trong lịch sử Trung Hoa, vừa muốn danh lợi, lại vừa muốn thành tiên.

Có một điểm các bạn trẻ cần chú ý! Dục vọng con người theo tuổi tác, tri thức, kinh nghiệm mà tăng cao, thật đáng sợ. Giả sử dục vọng người ấy chẳng theo những cái đó mà tăng lên, thì gần như có thể tu đạo được rồi, thậm chí càng giảm càng tốt. Thực ra rất nhiều người học Phật tu đạo trong chúng ta, nói ra thì bảo là nhìn thấu cái không, nhưng tôi thấy đấy, chỉ hơn tôi cái không ấy một chút thôi! Chẳng dễ gì thật sự nhìn thấu cái không, kể cả tất cả chúng ta đều nằm trong đó. Như vậy thì chẳng thể chuyên tu, muốn "duyên đốc dĩ vi kinh", muốn trường sinh là tuyệt đối chẳng thể được. Nên theo dục vọng tăng cao, những kẻ làm hoàng đế, Tần Thủy Hoàng muốn làm thần tiên, Hán Vũ Đế muốn làm thần tiên, mấy vị hoàng đế đời Đường, đời Minh cũng muốn làm thần tiên, nhiều lắm. Người ta tới chỗ quyền vị cao nhất rồi, còn muốn vượt lên một tầng khác nữa, vừa vượt lên là tự giết chết mình.

Hán Vũ Đế có một vị đại thần tên Cấp Ảm, một người khác là thần tiên Đạo gia Đông Phương Sóc, lời nói của cả hai đều có ảnh hưởng tới ông. Đông Phương Sóc vốn rất hài hước, thường khiến Hán Vũ Đế dở khóc dở cười, hoàng đế chẳng còn cách nào. Cấp Ảm là bậc trung thần, đối diện phê bình thẳng Hán Vũ Đế: **"nội đa dục, nhi ngoại thị nhân nghĩa"** (trong lòng nhiều dục vọng mà bên ngoài phô trương nhân nghĩa). Dục vọng bên trong lớn như thế, bên ngoài lại nói toàn nhân nghĩa lớn lao, lại còn muốn tu đạo thành thần tiên bay lên trời. Cái trời ấy ông còn leo lên nổi sao? Trong sử sách, Cấp Ảm là người rất ngờ nghệch, đầu óc có phần khờ khạo, nhưng là bậc trung thần, ông thẳng mặt phê bình hoàng đế mà Hán Vũ Đế cũng chẳng nói tiếng nào! Vì biết ông trung thành hết mực, lời nói toàn là thật thà. Kỳ thực trong lịch sử đâu chỉ riêng Hán Vũ Đế, có lẽ tất cả chúng ta học Phật tu đạo đều là học trò của Hán Vũ Đế cả, đều mắc phải cái bệnh ấy: trong lòng nhiều dục vọng mà bên ngoài phô trương nhân nghĩa. Nên muốn tu đạo thành công, "kỳ khả đắc hồ?", làm sao mà được đây? Vậy nên thật sự làm được vô ưu vô lự vô cầu thì câu "duyên đốc dĩ vi kinh" ấy mới thành công.

Nhưng Trang Tử vẫn chưa nói hết, vừa rồi ông chỉ mới giảng một Đốc Mạch. Lúc Đốc Mạch thông rồi, xem tiếp mấy câu sau: **"khả dĩ bảo thân"** (có thể giữ thân), sức khỏe trường thọ của thân thể là tuyệt đối, có thể trừ bệnh kéo dài tuổi thọ. **"Khả dĩ toàn sinh"** (có thể trọn sinh), thế nào gọi là "toàn sinh"? Chính là suốt cả đời này sống hạnh phúc, vui vẻ, trọn đầu trọn cuối. **"Khả dĩ dưỡng thân"** (có thể nuôi dưỡng cha mẹ), chẳng chết trước cha mẹ mình, dĩ nhiên có thể hiếu dưỡng cha mẹ, chăm lo gia đình. Chữ **"thân"** (亲) ở đây chẳng chỉ nói chăm lo cha mẹ, mà còn chăm lo cả gia đình con cái mình nữa. Vậy ba điều kiện: "duyên đốc dĩ vi kinh, khả dĩ bảo thân, khả dĩ toàn sinh, khả dĩ dưỡng thân", câu thứ tư **"khả dĩ tận niên"** (có thể hưởng trọn tuổi thọ), tức là có thể sống tới lúc thật sự đáng chết

mới chết, trọn hết tuổi trời của mình. Rất nhiều người trong chúng ta chết đi mà chẳng trọn tuổi trời, trong Phật học đều gọi là hoạnh tử.

Theo cách nói của Đạo gia Trung Hoa, người sống một vạn năm là chuyện rất bình thường; Đạo gia có một cuốn sách tính sổ chuyện này rất hay, mệnh ngắn nhất cũng sống một nghìn năm. Người thường chúng ta coi sống tới trăm tuổi là thọ cao, nhưng theo Đạo gia thì đó chẳng thấm vào đâu. Con người vốn có tuổi thọ một vạn năm, sao lại ngắn đi? Có một cách tính kiểu kế toán: cười ha hả một trận vui vẻ thì mất nửa năm, nổi giận một trận thì mất năm tới mười năm, khóc một trận lại trừ đi bao nhiêu năm nữa. Cuốn sổ ấy thú vị lắm, hôm nào tôi tìm được cuốn đạo thư này, giao cho kế toán thống kê vẽ thành một bảng, xem trừ hết rồi còn lại bao nhiêu. Nay người ta sống bảy mươi tuổi đã coi là hiếm có xưa nay, cái đó chẳng tính là tận niên; nên tận niên thật sự là sống đàng hoàng tới hàng nghìn hàng vạn năm, rồi sau đó thì chẳng gọi là chết nữa, Đạo gia có một tên gọi là **"đăng hà"** (登遐 - lên chốn xa xôi). Đăng tức là bay lên, hà tức là đi tới một thế giới khác rất cao xa, cũng như nhà Phật nói vãng sinh về cõi Phật khác vậy.

Đoạn Trang Tử sắp giảng dưới đây nêu ra ba câu chuyện; ba câu chuyện này cần đặc biệt lưu ý! Nội dung câu chuyện rất đơn giản, nhưng qua ngòi bút Trang Tử viết ra thì rất đẹp. Văn học Trung Hoa cùng nhiều lĩnh vực khác, hơn hai nghìn năm nay, dẫn dùng những câu chuyện này của Trang Tử để làm đủ loại minh chứng, chỗ nào cũng thấy. Nếu người nay dùng bạch thoại, bút pháp văn học cao siêu, viết lại từng câu chuyện một, chắc sẽ còn hay hơn.

Kỹ nghệ mổ trâu

"Bào Đinh vi Văn Huệ quân giải ngưu, thủ chi sở xúc, kiên chi sở ỷ, túc chi sở lý, tất chi sở kỷ, hích nhiên hướng nhiên, tấu đao hoạch nhiên, mặc bất trung âm, hợp vu tang lâm chi vũ, nãi trung kinh thủ chi hội" (Bào Đinh mổ trâu cho vua Văn Huệ: chỗ tay chạm tới, chỗ vai tựa vào, chỗ chân giẫm xuống, chỗ gối tì vào, soạt một tiếng, tiếng vang lên; vung dao **"hoạch"** (騞 - tiếng lưỡi dao rạch mạnh) một tiếng, chẳng tiếng nào chẳng trúng nhịp; phù hợp điệu múa Tang lâm, lại trúng tiết khúc Kinh thủ).

"Bào Đinh vi Văn Huệ quân giải ngưu" (Bào Đinh mổ trâu cho vua Văn Huệ), đây là câu đầu tiên, cũng là đề mục. Bào Đinh là người coi bếp cho vua, **"bào"** (庖 - chức bếp núc) là chức vụ; **"đinh"** (丁 - trai tráng) chỉ người đàn ông ấy, nên gọi là Bào Đinh: đàn ông thời cổ gọi là đinh, đàn bà gọi là khẩu (口). Người này là đầu bếp của vị vua nào? Vua Văn Huệ, chính là vị Huệ Vương mà Mạnh Tử từng yết kiến, tức Lương Huệ Vương. Bào Đinh mổ trâu cho vua Văn Huệ, tức là giết trâu cho ông ta. Đương nhiên bây giờ đã có máy giết trâu tối tân hơn nhiều, nhưng ông ấy làm bằng tay nghề! Đó là một kỹ nghệ thời bấy giờ.

"Thủ chi sở xúc" (chỗ tay chạm tới): Trang Tử chắc chắn từng học cách giết trâu, ít nhất cũng từng đứng đó quan sát rất lâu. Con trâu vừa bị dắt tới, sợi dây thừng xoay một cái, giết trâu ở thôn quê các vị có từng xem chưa? Tôi từng xem giết heo, giết trâu, vì tôi lớn lên ở thôn quê, hễ nghe giết heo giết trâu là chạy vội đến xem, náo nhiệt lắm, còn hay hơn cả xem hát. Người giết trâu xoay sợi dây thừng đến cạnh mũi trâu, tay vỗ lên lưng trâu một cái; vỗ bình thường thì tỏ ý yêu chiều lắm, nhưng gặp cái vỗ của người giết trâu thì đã xui tận mạng rồi.

"Kiên chi sở ỷ" (chỗ vai tựa vào): sợi dây thừng vừa kéo trâu, cái mũi trâu bị kéo lệch đi, rồi ông ấy đem vai tựa vào một cái, có công phu thật đấy! Chẳng khác gì đòn vật judo, con trâu liền bị ông ấy tựa đổ xuống đất, quỳ gối xuống. **"Túc chi sở lý"** (chỗ chân giẫm xuống), rồi chân phải nhấc lên, đè lên mình trâu. **"Tất chi sở kỷ"** (chỗ gối tì vào), đầu gối chạm đúng một huyệt đạo; về sau tôi nghiên cứu mới biết huyệt đạo trên mình trâu cũng giống hệt cơ thể người, trâu bị đầu gối chạm trúng huyệt hẳn phải tê dại đi. **"Hích nhiên hướng nhiên, tấu đao hoạch nhiên, mặc bất trung âm"** (soạt một tiếng, tiếng vang lên; vung dao một tiếng, chẳng tiếng nào chẳng trúng nhịp), chính là lưỡi dao

ấy! Nhẹ nhàng lướt qua cổ trâu một cái là nó đổ xuống ngay. Mấy câu này miêu tả kỹ nghệ của ông ta, động tác dứt khoát gọn gàng đến mức nào: dao rút ra khỏi bao, một nhát xuống, trâu chẳng kịp rên lấy một tiếng, một sinh mạng đã về chầu tổ tiên. **"Hợp vu tang lâm chi vũ"** (phù hợp điệu múa Tang lâm), xem ra ông ấy chẳng phải đang giết trâu, mà hệt như đang múa: tay kéo một cái, vỗ một cái, vai tựa vào, đầu gối chạm tới, rút dao khỏi thắt lưng, xoẹt… là xong. Chẳng như bác sĩ mổ xẻ, còn phải mặc áo trắng, đội mũ xanh, mấy người xúm vào gây mê, loay hoay mấy tiếng đồng hồ. Còn Bào Đinh thì nhanh vô cùng, vài phút là xong, mà động tác ấy lại "hợp vu tang lâm chi vũ"; Tang lâm là điệu múa nhạc nổi tiếng thời vua Thang nhà Thương.

"Nãi trung kinh thủ chi hội" (lại trúng tiết khúc Kinh thủ), dao ông ấy vừa xuống, mười hai kinh mạch trên mình trâu liền tách rời ra, đầu trâu chỉ khẽ kéo một cái, cả tấm da đã tuột ra hết. Kỹ nghệ mổ trâu của ông ấy thuần thục, cao siêu đến mức độ như thế! Chúng ta chẳng biết gọi là gì nữa, đành gọi đó là nghệ thuật giết chóc. Giết chóc mà đã đạt tới cảnh giới nghệ thuật rồi. Trên thực tế cũng khiến con trâu bị giết đỡ đau đớn hơn; tôi nghĩ lúc hồn trâu lìa khỏi xác, hẳn cũng phải quay đầu lại nói với ông: tay nghề ngài quả cao siêu, tôi chẳng đau mấy! Vì thời xưa cảnh chém đầu nhìn thật đáng sợ, tù nhân lên pháp trường thường xin đao phủ: xin ngài! Kiếp sau xin làm bạn với nhau, cho tôi được nhẹ nhàng một chút, tức là nhanh gọn một chút. Đao phủ chém người cũng chỉ nhắm vào cái đầu ấy, bộp một cái là xong, cũng giống hệt cách giết trâu, chứ chẳng phải như trong tranh vẽ, cầm dao chặt như chặt dưa chuột, đủ thấy người vẽ tranh ấy chưa từng xem chém đầu bao giờ. Đao phủ túm lấy tóc tù nhân, tựa vào một cái là xong ngay! Nhanh lắm! Hồi trẻ chúng tôi đều từng xem qua cảnh ấy.

Trang Tử đang giảng chuyện dưỡng sinh cho tốt, dạy người ta sống lâu, sống thoải mái, vậy sao lại đem một đoạn giết trâu ra kể? Nói xem có kỳ lạ không! Đành rằng đoạn miêu tả kỹ nghệ giết trâu ấy đẹp thật đấy, nhưng dù sao cũng chẳng hay ho gì. Đọc sách phải để ý những chỗ như vậy.

Vua Văn Huệ nói: **"Hi, thiện tai! Kỹ cái chí thử hồ?"** (Ôi, hay lắm! Kỹ nghệ sao lại đạt tới mức này?)

Đoạn này là văn cổ, nếu đưa cho người giỏi viết tiểu thuyết bạch thoại chuyển thành kịch bản, chắc chắn sẽ rất đẹp. Lương Huệ Vương đứng đó xem ông ấy giết trâu, xem xong, miệng buột lên tiếng kinh ngạc: **""hi"** (譆 - tiếng than thán phục)!" chính là tiếng thốt lên như vậy, **"thiện tai!"** (hay lắm!) tốt quá! Có lẽ còn đang vỗ tay tán thưởng nữa, tiếc là sách chẳng miêu tả thêm. **"Kỹ cái chí thử hồ?"** (kỹ nghệ sao lại đạt tới mức này?): ngươi giết trâu sao mà tài giỏi đến thế! Ngươi giết trâu thật gọn gàng, giết thật đẹp; nhà vua đứng trước mặt Bào Đinh mà tán thưởng chuyện giết chóc. Nếu Mạnh Tử mà nhìn thấy cảnh ấy, chắc chắn phải mắng cho một trận.

Bào Đinh thuyết pháp

Bào Đinh thích đao đối viết: thần chi sở hiếu giả đạo dã, tiến hồ kỹ hĩ.

Bào Đinh đặt dao xuống, đáp rằng: điều thần ưa thích là đạo, đã vượt lên trên kỹ thuật rồi.

Thủy thần chi giải ngưu chi thời, sở kiến vô phi toàn ngưu giả.

Lúc thần mới bắt đầu mổ trâu, những gì nhìn thấy chẳng gì khác ngoài cả con trâu nguyên vẹn.

Tam niên chi hậu, vị thường kiến toàn ngưu dã.

Sau ba năm, chưa từng còn thấy cả con trâu nguyên vẹn nữa.

Phương kim chi thời, thần dĩ thần ngộ nhi bất dĩ mục thị, quan tri chỉ nhi thần dục hành.

Đến nay, thần dùng tinh thần mà gặp gỡ, chẳng dùng mắt mà nhìn nữa; giác quan muốn dừng lại, mà tinh thần vẫn muốn vận hành.

Y hồ thiên lý, phê đại khích, đạo đại khoản, nhân kỳ cố nhiên.

Nương theo lẽ trời tự nhiên của thân trâu, tách vào những khe lớn, dẫn dao qua những chỗ rỗng lớn, thuận theo kết cấu vốn có của nó.

Kỹ kinh khẳng khể chi vị thường, nhi huống đại cô hồ!

Đến cả chỗ gân thịt bó chặt vào xương, dao thần cũng chưa từng chạm phải, huống hồ là khúc xương lớn!

Lương bào tuế canh đao, cát dã; tộc bào nguyệt canh đao, chiết dã.

Người đầu bếp giỏi mỗi năm đổi một con dao, vì họ cắt thịt; đầu bếp tầm thường mỗi tháng đổi một con dao, vì họ chặt xương.

Kim thần chi đao thập cửu niên hĩ. Sở giải sổ thiên ngưu hĩ, nhi đao nhận nhược tân phát ư hình.

Con dao của thần nay đã dùng mười chín năm rồi. Đã mổ đến mấy nghìn con trâu, mà lưỡi dao vẫn như vừa mới mài trên đá.

Bỉ tiết giả hữu gian, nhi đao nhận giả vô hậu; dĩ vô hậu nhập hữu gian, khôi khôi hồ kỳ ư du nhận tất hữu dư địa hĩ, thị dĩ thập cửu niên nhi đao nhận nhược tân phát ư hình.

Những đốt xương kia đều có khe hở, mà lưỡi dao lại mỏng không đáng kể; đem cái mỏng không đáng kể ấy len vào chỗ có khe hở, thì rộng rãi thênh thang, đưa dao đi lại ắt còn dư chỗ trống; vì vậy mười chín năm rồi mà lưỡi dao vẫn như vừa mới mài trên đá.

Nghe vua Văn Huệ nói vậy, **"Bào Đinh thích đao đối viết: thần chi sở hiếu giả đạo dã, tiến hồ kỹ hĩ"** (Bào Đinh đặt dao xuống, đáp rằng: điều thần ưa thích là đạo, đã vượt lên trên kỹ thuật rồi). **"Thích đao"** (释刀 - đặt dao xuống): người giết trâu đặt con dao sang một bên, dáng điệu ấy đẹp làm sao! Rồi thưa: bẩm điện hạ, điều thần thật sự yêu thích là tu đạo, chính vì học đạo nên thần mới biết giết trâu. Các bạn trẻ đừng học đạo theo kiểu ấy nhé! Ngồi thiền mà ngồi chết luôn thì còn tệ hơn cả giết heo giết trâu! (mọi người cười) Vừa rồi chỉ là câu nói đùa thôi! Bào Đinh muốn nói: chính vì ham học đạo, nên lấy cái tinh thần của đạo mà làm bất cứ việc gì, kỹ xảo cũng đều cao siêu, vượt lên trên cả, chẳng còn là hình nhi hạ nữa, mà đã là hình nhi thượng rồi. Cũng như vị đại nghệ thuật gia giáo sư họ Trần của chúng ta, cùng là đất sét thạch cao, đến tay ông nắn một cái là khác hẳn, còn chúng ta nắn thì đất sét vẫn cứ là đất sét! **"Sở hiếu giả đạo dã, tiến hồ kỹ hĩ"** (điều ưa thích là đạo, đã vượt lên trên kỹ thuật): ông nói đây chính là đạo lý dưỡng sinh, cũng tức là bảo chúng ta rằng đời người dù buôn bán, làm quan, hay thi cử đọc sách, đều nên như Bào Đinh giết trâu vậy thì mới tốt! Bước vào phòng thi cũng chẳng bận tâm, đề bài lấy ra, cứ thế mà viết; thi xong ném bút xuống, bước ra, đầy tự tin, rồi làm thêm ly kem lạnh, đó chính là Bào Đinh giải ngưu rồi! Phải có tu dưỡng đến mức ấy mới được! Phải tu dưỡng tới cảnh giới của đạo, thì bất cứ kỹ thuật nào cũng có thể đạt tới chỗ siêu thần nhập hóa, chính là bốn chữ **"tiến hồ kỹ hĩ"** (đã vượt lên trên kỹ thuật). Buôn bán mà đạt tới mức độ ấy thì còn bận tâm gì chuyện phát tài, cứ để nó tự nhiên, muốn phát thì phát, chẳng phát cũng thôi, là dáng vẻ như vậy. Đây là nói về nguyên tắc.

Xem đấy, người giết trâu này lại đang truyền đạo cho Lương Huệ Vương! Trang Tử mượn chuyện giết trâu mà thuyết pháp. Nói theo nhà Phật thì: **"ưng dĩ hà thân đắc độ giả, tức hiện hà thân nhi vi thuyết pháp"** (đáng dùng thân nào để độ được thì liền hiện thân ấy mà thuyết pháp). Ông ấy lấy thân giết trâu mà thuyết pháp, bởi ông là kẻ giết trâu, còn Lương Huệ Vương là kẻ giết người; làm vua cũng thích giết người, cho rằng giết trâu với giết người thì cũng na ná như nhau thôi! Nên ông mới đang truyền đạo đấy! Ông nói: **"thủy thần chi giải ngưu chi thời, sở kiến vô phi ngưu giả"** (lúc thần mới bắt đầu mổ trâu, những gì nhìn thấy chẳng gì khác ngoài trâu). Ông nói lúc mới học giết trâu, nhìn thấy cái gì cũng là trâu, cái gì cũng muốn giết, giết như giết trâu vậy.

Ở đây kể trước một chuyện cười. Người trẻ tuổi tập võ, học quyền, bây giờ nào là taekwondo, judo... học chừng hai ba tuần là tay đã ngứa ngáy, thấy người khác ở đâu cũng muốn ra tay thử vài chiêu, thấy cả cột nhà cũng muốn đấm hai cái. Cũng như trẻ nhỏ, chó con lúc mọc răng, thấy cả đôi giày hôi cũng muốn cắn hai cái, không thì chân răng ngứa ngáy khó chịu. Học kỹ thuật lúc mới bắt đầu cũng vậy, cái gì cũng muốn động tay, giống hệt Bào Đinh lúc đầu nhìn thấy cái gì cũng là trâu. Hồi nhỏ, tôi từng nghe chuyện người nhà quê học cạo tóc: ông chủ tiệm cắt tóc dạy học trò cách cầm dao, cách cạo, tuyệt đối không được lấy đầu người thật ra làm thí nghiệm, phải lấy quả dưa chuột tập cạo vỏ trước. Ngày xưa học trò còn phải làm việc nhà, bà chủ cũng chính là sư nương; lúc nấu cơm, bảo cậu học trò đi lấy chút nước; cậu học cạo tóc liền cắm phập con dao xuống quả dưa chuột một cái "cộc", rồi chạy đi lấy nước. Xong lại quay ra, lại cầm dao lên cạo tiếp, cạo từ từ! Cạo mãi thành quen tay. Về sau khi sư phụ sai cậu ta cạo đầu cho khách, đúng lúc bà sư nương lại gọi trong nhà bảo lấy nước, cậu ta liền cắm phập con dao cạo lên đầu người khách một cái "cộc", thế là người ấy đi đời luôn. Đây là một câu chuyện cười lớn: người xưa học cạo tóc, thói quen ăn sâu đến mức "quên" mất, bất cứ lúc nào cũng làm y như vậy.

Nói tới chuyện cạo tóc, hồi nhỏ tôi thích được một người gánh gánh hàng rong cạo đầu cho, ngồi trên cái ghế đẩu thấp; người cạo tóc ấy biết làm thơ, vừa cạo vừa nói chuyện thơ phú, nên tôi rất thích ông ta cạo cho. Nhất là mùa hè, bảo ông cạo cho nhẵn thín, rồi dội nước nóng lên, cái cảm giác mát lạnh ấy còn dễ chịu hơn cả ngồi dưới máy lạnh quạt điện. Tôi hỏi ông mấy hôm nay làm bài thơ đùa nào chưa, đọc cho chúng tôi nghe; sau này rất nhiều câu đối tiệm cắt tóc tôi biết đều do ông đọc cho nghe, có một câu là **"hào mạt sinh ý, đỉnh thượng công phu"** (chuyện làm ăn từ sợi tóc nhỏ nhoi, mà công phu lại nằm trên đỉnh đầu). Tôi vẫn còn nhớ tới giờ, đây đều là công phu học từ nhỏ, vừa để ông cạo đầu vừa nghe câu thơ nào hay là ghi nhớ luôn. Còn có một câu nữa, sau này mới biết là của Tả Tông Đường: **"vấn thiên hạ đầu lô kỷ hứa, khán lão phu thủ đoạn như hà"** (hỏi thiên hạ có bao nhiêu cái đầu, xem tay nghề lão phu ra sao), từng cái đầu một đều chặt xuống hết. Đó là khí phách của Tả Tông Đường thời trẻ! Về sau trở thành một câu đối nổi tiếng của các tiệm cắt tóc.

Người thợ cạo ấy tôi thường hay để ông cạo đầu, vừa cạo vừa nói chuyện thơ phú với ông, nhưng về sau nghĩ lại có phần sợ: ông vừa nói thơ với tôi, vừa cạo loạn xạ trên đầu tôi, lỡ đâu ông mải nói chuyện mà quên mất, cũng bổ một dao "cộc" lên đầu tôi thì nguy to! Sau này lớn lên rời quê, nhớ lại cảnh cạo đầu trọc dưới gốc liễu, mùa hè dùng chậu nước nóng gội cho mát mẻ, giờ nghĩ lại cảnh giới ấy còn khoái hơn cả ngồi dưới máy lạnh uống ly cà phê, nhưng **"khởi khả đắc hồ"** (sao có thể có lại được)! Vĩnh viễn chẳng thể có lại nữa. Nhớ lại lúc ông cạo đầu, đã đạt tới cảnh giới Bào Đinh giải ngưu rồi: chẳng còn coi đầu chúng tôi là đầu người nữa, mắt cũng chẳng thèm nhìn, tùy tiện cạo vài nhát là xong, nhẵn thín. Rất nhiều bạn sinh viên trường Sư phạm vào năm sắp tốt nghiệp đi thực tập giảng dạy, bước lên bục hai chân run lẩy bẩy, phải không nào? Các bạn học Sư phạm hẳn đều có kinh nghiệm ấy; dần dà dạy lâu rồi, bước lên bục giảng, bên dưới chẳng còn thấy một ai nữa, mắt chẳng còn thấy học trò, cũng như **"mục vô toàn ngưu"** (目无全牛 - mắt chẳng còn thấy cả con trâu) vậy.

Cho nên ba năm đầu, Bào Đinh nói mình nhìn thấy cái gì cũng là trâu; **"tam niên chi hậu, vị thường kiến toàn ngưu dã"** (sau ba năm, chưa từng còn thấy cả con trâu nguyên vẹn nữa), sau ba năm nhìn trâu chẳng còn là trâu nữa! Trong mắt chẳng còn trâu, kỹ thuật và kinh nghiệm đã đạt tới cảnh giới cao đến thế. Cũng như những người mới học ngồi thiền, chỉ biết hai chân mình đau, nên có thể nói: **"thủy thần chi học đả tọa dã, sở kiến vô phi thối dã"** (lúc thần mới học ngồi thiền, những gì nhìn thấy chẳng gì khác ngoài cái chân đau)! Ba năm sau, **"vị thường tri tọa dã"** (chưa từng còn biết mình đang ngồi nữa). Ngồi đến mức mê man, ngủ quên mất luôn cả đôi chân, chẳng còn cảm giác đau chân nữa, ngồi đó mà ngủ khì luôn, cho nên rốt cuộc cũng chẳng học được cách ngồi thiền cho đàng hoàng.

"Phương kim chi thời" (đến nay): Bào Đinh nói, từ ba năm sau ấy cho tới giờ, tính theo hiện tại thì đã là mấy chục năm kinh nghiệm. **"Thần dĩ thần ngộ nhi bất dĩ mục thị"** (thần dùng tinh thần mà gặp gỡ, chẳng dùng mắt mà nhìn nữa), đây chính là điều tôi từng kể với các vị: hồi nhỏ ông thợ cạo của tôi, vừa nói chuyện với tôi, mắt vẫn còn nhìn vào sách, tay cầm dao cạo lia lịa trên đầu tôi, cạo còn xanh hơn cả vỏ dưa hấu, đó chính là **"dĩ thần ngộ"** (lấy tinh thần mà gặp gỡ). Con dao ấy của ông, cùng ý thức của ông với da đầu tôi đã hợp làm một, gọi là tam thân hợp nhất, cạo đến mức tiến vào cảnh giới tinh thần rồi. **"Nhi bất dĩ mục thị"** (chẳng dùng mắt mà nhìn nữa): chẳng cần mắt nhìn mà vẫn đạt tới cảnh giới ấy. Chú ý nhé! Bất cứ nghệ sĩ, văn nhân nào viết được một bài văn hay, một bài thơ hay, cũng đều như vậy cả. Chính mình về sau nhìn lại còn tự hỏi: đây là mình viết đấy ư? Tôi cũng từng có vài lần kinh nghiệm như thế, thấy bài viết này khá hay, hỏi học trò ai viết đây, học trò đáp: thưa thầy, đây là thầy viết mà! Họ còn tưởng tôi giả vờ, kỳ thực tôi đã quên sạch từ lâu rồi; trong lòng tự cười một cái, lúc ấy mình viết ra bằng cách nào thật chẳng rõ nữa, đó chính là **"dĩ thần ngộ nhi bất dĩ mục thị"** (lấy tinh thần mà gặp gỡ, chẳng dùng mắt mà nhìn).

"Quan tri chỉ nhi thần dục hành" (giác quan muốn dừng lại, mà tinh thần vẫn muốn vận hành): **"quan"** (官 - năm giác quan) đây tức nhãn, nhĩ, ty, thiệt, thân; mắt nhìn thấy lông trên mình trâu đã cạo khá sạch rồi, khi kỹ thuật đã thuần thục, cảm thấy tấm da heo da trâu ấy chẳng cần cạo thêm nữa, nhưng dao đã thuận tay rồi thì lại đưa thêm một nhát nữa, nhát dao ấy là nhát dao "thần ngộ", đưa xuống là sạch sẽ triệt để. Cho nên **"quan tri chỉ"** (giác quan muốn dừng): năm giác quan, cơ năng sinh lý có ý muốn dừng lại, nhưng lại chẳng dừng được; **"nhi thần dục hành"** (mà tinh thần vẫn muốn vận hành): cảnh giới tinh thần ấy tự nhiên còn muốn tiến thêm một bước nữa, đẹp đẽ vô cùng.

Mấu chốt và nhánh phụ của đời người

Chuyện Bào Đinh mổ trâu kể rồi, đạo lý vẫn chưa hết. Điểm quan trọng nhất: ông nói cái kỹ thuật giết trâu ấy đã đạt tới cảnh giới của đạo. Bất cứ một tay nghề chuyên môn nào, khi tiến hóa đến chỗ thần hóa, thì chẳng còn dùng đầu óc, chẳng còn dùng cơ năng của thân thể, hoàn toàn là thần hành, là tinh thần hợp nhất tự nhiên mà đến. Chẳng hạn nghệ thuật gia lớn, văn hào lớn, cho đến danh y ngoại khoa cao minh: y đạo của ông ta đến chỗ cao minh nhất, khi đưa dao xuống chẳng nhất thiết phải dán mắt mà nhìn, dao đã vào sâu bao nhiêu, ý thức của ông ta cảm nhận được cả. Ông nói **"phương kim chi thời, thần dĩ thần ngộ nhi bất dĩ mục thị"** (đến nay, thần dùng tinh thần mà gặp gỡ, chẳng dùng mắt mà nhìn nữa): chỉ dùng thần, chẳng dùng mắt nữa. Cái thần này không phải cái thần trong ánh mắt, mà là thần của tinh thần, thứ vượt lên trên cơ năng vật chất. Đó chính là **"quan tri chỉ nhi thần dục hành"** (giác quan muốn dừng lại, mà tinh thần vẫn muốn vận hành): kỹ thuật đến chỗ cao gần với đạo, bước vào lĩnh vực của tinh thần, tứ chi và cơ năng muốn dừng lại, mà cảnh giới của thần ấy "dục hành", nối liền không dứt.

"Y hồ thiên lý, phê đại khích, đạo đại khoản, nhân kỳ cố nhiên. Kỹ kinh khẳng khể chi vị thường, nhi huống đại cô hồ!" (Nương theo lẽ trời tự nhiên của thân trâu, tách vào những khe lớn, dẫn dao qua những chỗ rỗng lớn, thuận theo kết cấu vốn có của nó. Đến cả chỗ gân thịt bó chặt vào xương, dao thần cũng chưa từng chạm phải, huống hồ là khúc xương lớn!) **"Cô"** (軱 - khúc xương lớn, khớp to nơi thân trâu) là chữ hiếm chỉ chỗ xương to nhất. Bào Đinh lấy kỹ thuật giết trâu mà nói lên một đạo lý lớn. Ông nói khi kỹ thuật của ta đến lúc "quan tri chỉ nhi thần dục hành", con dao xuống đến thân trâu chẳng hề cứng nhắc, chẳng cần thứ suy nghĩ đầu óc thường tình; con dao theo đúng cấu tạo thân trâu, y hồ thiên lý mà vận hành, rất tự nhiên liền trượt xuống. **"Y hồ thiên lý"** (nương theo lẽ trời tự nhiên): chữ **"thiên lý"** (天理) đây chính là chữ thiên lý trong thành ngữ "lẽ trời lương tâm" mà người đời vẫn nói. Kỳ thực cái gọi là thiên lý chính là lẽ của tự nhiên; đường vân trời sinh của một vật liệu đều thuận theo tự nhiên mà có. **"Phê đại khích, đạo đại khoản"** (tách vào những khe lớn, dẫn dao qua những chỗ rỗng lớn), tức những chỗ mấu chốt lớn trên

thân trâu. Chẳng hạn chỗ vai, chỗ bụng, chỗ chân! Ở những khe khớp lớn ấy, theo dòng chảy của kinh mạch, một dao xuống là cởi mở ra.

Tóm lại cũng vậy, gộp lại cũng vậy, một câu **"nhân kỳ cố nhiên"** (thuận theo kết cấu vốn có của nó): sinh lý của nó vốn có những chỗ mấu chốt tất nhiên, tự nhiên cởi mở ra. Mấu chốt lớn cởi ra rồi, chi tiết tự nhiên cũng cởi theo; nên ông kết luận một câu: **"kỹ kinh khẳng khể chi vị thường"** (đến cả chỗ gân thịt bó chặt vào xương, dao thần cũng chưa từng chạm phải), nơi con dao đi qua chính là những chỗ nhánh nhỏ ấy. Chữ **"kỹ"** (技) đây vừa chỉ kỹ thuật, vừa dùng thay cho chữ **"chi"** (枝 - nhánh) mà chỉ chỗ nhánh nhỏ, tức cái ta nay gọi là đám rối thần kinh, chỗ mấu chốt của một khớp lớn; **"khẳng khể"** (肯綮) là chỗ then chốt. Ông nói khi kỹ thuật đã đến cảnh giới ấy, thì dây thần kinh nào, miếng thịt nào, **"chi vị thường"** (cũng chưa từng chạm phải), trong đầu ta chẳng còn để ý nữa, cứ theo thế dao mà trôi xuống. Cũng như một nhà điêu khắc, theo vân của đá, vân của gỗ, tự nhiên khắc được ngay. **"Nhi huống đại cô hồ!"** (huống hồ là khúc xương lớn!) Những khúc xương lớn, chỗ cản trở lớn, con dao hất nhẹ một cái bên cạnh là vuột qua, cởi mở rồi. Giờ giải thích qua mấy câu văn ấy; điểm cần chú ý là đạo lý Bào Đinh nói về giết trâu, kỳ thực cùng một đạo lý với làm người làm việc.

Vậy nên đạo lý nơi người đời, khi đạt tới cảnh giới siêu vượt, bất kể ngươi làm việc thế nào, làm người cầm đầu hay chịu người cầm đầu sai khiến, muốn giải quyết một vấn đề, cũng là y hồ thiên lý, dùng tự nhiên mà trị thế. **"Phê đại khích, đạo đại khoản"** (tách vào những khe lớn, dẫn dao qua những chỗ rỗng lớn): chỗ mấu chốt, điểm yếu giải mở rồi, toàn bộ việc liền xong. Nhưng chẳng phải gắng gượng làm đâu, mà từ **"nhân kỳ cố nhiên"** (thuận theo kết cấu vốn có của nó) mà đến, nên những chỗ nhánh nhỏ căn bản chẳng cần để ý. Chẳng phải chẳng để ý, mà thuận theo tự nhiên: chỗ nhánh nhỏ theo chỗ mấu chốt mà giải mở luôn, căn bản chẳng còn gì cản trở.

"Lương bào tuế canh đao, cát dã; tộc bào nguyệt canh đao, chiết dã" (người đầu bếp giỏi mỗi năm đổi một con dao, vì họ cắt thịt; đầu bếp tầm thường mỗi tháng đổi một con dao, vì họ chặt xương). Ông phê bình những người giết trâu: "lương bào", người kỹ thuật rất giỏi, "tuế canh đao", một năm phải đổi một con dao, dao dùng một năm tất phải đổi. Cũng như bác sĩ mổ ở bệnh viện bây giờ, sau ca mổ con dao ấy phải đổi, sợ có vấn đề. Ông nói người bếp cao minh nhất, mỗi năm phải đổi một con dao. Dưới đó một câu chú giải: **"cát dã"** (vì họ cắt thịt): họ chẳng phải giết trâu mà là cắt thịt trâu, từ từ mà cắt, trâu bị giết cũng đau, chính họ cũng khổ. **"Tộc bào"** (đầu bếp tầm thường): những ông giết trâu khá lắm ở địa phương, "nguyệt canh đao", mỗi tháng đổi một dao mới, ấy là **"chiết dã"** (vì họ chặt xương): chặt thẳng! Như thế chẳng phải giết trâu, mà là phách chặt con trâu ấy.

"Kim thần chi đao thập cửu niên hĩ, sở giải sổ thiên ngưu hĩ, nhi đao nhận nhược tân phát ư hình" (con dao của thần nay đã dùng mười chín năm rồi. Đã mổ đến mấy nghìn con trâu, mà lưỡi dao vẫn như vừa mới mài trên đá). Bào Đinh thưa với Lương Huệ Vương: con dao này của thần dùng mười chín năm, chưa từng đổi, đã mổ mấy nghìn con trâu rồi. Ông nói ngài xem lưỡi dao của thần, mặt bén như dao mới, chẳng khuyết một chỗ, bén hết sức. Đạo lý này nói thật sâu sắc, tựa như hồi nhỏ ta học viết chữ bút lông: người chẳng biết viết cứ trách bút xấu, chẳng chịu nghe lời, đổi một cây bút tốt nhất, mua đồ nhập khẩu mấy nghìn đồng, viết được mấy chữ đã thấy ghét: ta muốn kéo về bên này, nó cứ nghiêng về bên kia. Cùng một đạo lý: chuyện Bào Đinh mổ trâu, kẻ chẳng biết giết trâu lại bảo dao chẳng bén; bằng kỹ thuật đã tới điểm cao nhất, tu dưỡng đã tới điểm cao nhất, cây bút xấu nhất vẫn viết được nét chữ đẹp nhất. Nhà thư pháp thật sự còn thích dùng bút hỏng mà viết, thần vận viết ra còn vượt cả bút mới; ấy đã chẳng còn là viết chữ nữa, chính là điều Trang Tử nói: **"quan tri chỉ nhi thần dục hành"** (giác quan muốn dừng lại, mà tinh thần vẫn muốn vận hành), đã đến cảnh giới thần hóa.

Giờ ông nói đến con dao giết trâu ấy, cũng cùng một đạo lý; đồng thời nói rõ thêm: kẻ biết viết văn, viết thế nào cũng hay; kẻ viết chẳng nên, bóp óc suy nghĩ cũng chẳng viết nên. Người tài hoa cao, xử lý việc lớn nước nhà cũng được, xử lý việc riêng cũng được, đến nấu ăn cũng giỏi. Người biết nấu ăn, miễn một quả trứng, chút dầu, chút muối, xào lên cũng ngon; còn như chúng tôi chẳng biết nấu, đậu phộng còn xào cháy. Ý nghĩa đây sâu lắm, tự ta phải thể hội. Cho nên nói, hệ tại trình độ ý cảnh của chính mình cao hay không, chẳng trông vào tốt xấu của công cụ; làm người xử thế hệ tại trí huệ của ngươi cao hay không, tu dưỡng cao hay không, chẳng trông vào hoàn cảnh điều kiện giúp sức. Dưới đây ông phát huy thêm.

"Bỉ tiết giả hữu gian, nhi đao nhận giả vô hậu; dĩ vô hậu nhập hữu gian, khôi khôi hồ kỳ ư du nhận tất hữu dư địa hĩ" (những đốt xương kia đều có khe hở, mà lưỡi dao lại mỏng không đáng kể; đem cái mỏng không đáng kể ấy len vào chỗ có khe hở, thì rộng rãi thênh thang, đưa dao đi lại ắt còn dư chỗ trống). Văn chương Trang Tử ảnh hưởng sâu đậm nhất đến văn hóa Trung Hoa; cái gọi là văn học, thơ từ, đến viết đại văn chương, như câu thành ngữ **"đao nhận nhược tân phát ư hình"** (lưỡi dao vẫn như vừa mới mài trên đá), bốn chữ **"du nhận hữu dư"** (lướt dao còn dư chỗ), đều xuất từ Trang Tử cả. **"Bỉ tiết giả hữu gian"** (những đốt xương kia đều có khe hở): ông nói khớp xương trên mình trâu, dù kín đến đâu cũng có khe hở. Chữ **"nhàn"** (闲 - rảnh rỗi) trong sách cổ dùng thông với chữ **"gian"** (间 - khe hở), nên nguyên văn viết 闲 mà ở đây phải đọc là "gian". **"Nhi đao nhận giả vô hậu"** (mà lưỡi dao lại mỏng không đáng kể): cái bén của con dao này, trong tay ta đã hóa thành chẳng còn độ dày. Chẳng hạn hai ngón tay ta ép thật chặt, tưởng chẳng có khe; ngươi nói có khe không? Vẫn có! Vật dày chẳng lọt qua được khe ngón tay ấy, nhưng cái rất rất mỏng, đưa vào đó một phát là xuyên qua, chính là đạo lý ấy. Vậy nên việc gì kín mấy cũng có khuyết điểm, có khe hở, như khớp xương trên thân người, trên thân sinh vật vậy. Còn con dao ta dùng thì sao? Trong tay ta hóa thành chẳng còn dao, hư không linh động thế, chỗ không khe cũng vào được, huống chi còn có một chút khe mà vào! Nên ông nói: **"dĩ vô hậu nhập hữu gian"** (đem cái mỏng không đáng kể ấy len vào chỗ có khe hở), **"khôi khôi hồ kỳ ư du nhận tất hữu dư địa hĩ"** (rộng rãi thênh thang, đưa dao đi lại ắt còn dư chỗ trống).

"Khôi khôi hồ" (恢恢乎 - khoan thai, thênh thang) là tính từ: ấy là dễ chịu, tiêu sái, ung dung. Ông nói con dao này của ta, tùy tiện ở khớp xương nào chẳng có khe hở, **"du nhận"** (đưa dao lướt đi): con dao như bơi lội trên vật thể vậy, nhẹ nhàng tự tại là xuyên qua. **"Thị dĩ thập cửu niên nhi đao nhận nhược tân phát ư hình"** (vì vậy mười chín năm rồi mà lưỡi dao vẫn như vừa mới mài trên đá): bởi vậy con dao này ta dùng mười chín năm, vẫn như con dao mới vừa ra lò.

Câu này chính là điểm mấu: ta làm người xử thế, mãi mãi giữ lấy cái tâm tình thuở mới bước ra đời. Chẳng hạn các bạn là người trẻ; chúng tôi già cả cũng đều từng trẻ cả. Người trẻ vừa ra khỏi cổng trường, đầy hoài bão, đầy hy vọng; nhưng nhập thế lâu ngày, thất bại gánh nhiều, gian nan khổ cực nếm đủ, hoặc tâm địa nhiễm bẩn mà hóa xấu, hoặc vốn thẳng thắn bỗng chẳng dám nói, hoặc vốn thật thà bỗng hóa lòng quanh co, vốn có hoài bão rốt cuộc hóa ra nhút nhát ti tiện. Người đời thường cho rằng môi trường xã hội ảnh hưởng đến một con người; kỳ thực hiểu đạo lý chuyện Bào Đinh của Trang Tử rồi thì biết: môi trường xã hội chẳng đủ ảnh hưởng ta; nếu tự mình có trình độ tu dưỡng độc lập, khiến tinh thần siêu thần nhập hóa, thì ở bất cứ thế giới phức tạp nào, thời đại hoàn cảnh phức tạp nào, cũng rộng rãi thênh thang mà đưa dao đi lại còn dư chỗ trống, cũng mãi mãi giữ được cái tâm tình thuở ban đầu mới ra đời: ấy là tu dưỡng cao nhất.

Nho, Thích, Đạo ba nhà của Trung Hoa có một danh xưng: mãi mãi giữ **"sơ tâm"** (初心 - tấm lòng ban đầu), tức trạng thái tâm lý thuở ban đầu mới bắt đầu. Con người giữ được mãi sơ tâm, trong sạch chẳng nhiễm bẩn bởi ngoại cảnh, mãi mãi giữ cái quang minh lỗi lạc, thật thà trong sạch, như lời Lão Tử: **"như anh nhi hồ"** (như đứa trẻ sơ sinh

vậy)! Ấy chính là con dao Trang Tử nói, mãi chẳng hỏng, mãi mãi mới. Ông nói rõ điểm ấy; đồng thời ta phải hiểu nguyên tắc này, áp vào việc tu dưỡng sinh mệnh của chính mình cũng vậy.

Sao con người ta dễ mau già? Vì chịu ảnh hưởng của mọi thứ bên ngoài, sinh ra biến hóa cảm xúc, chầm chậm từ tuổi trẻ đến trung niên, đến già cả. Vậy nên tu đạo xử thế chính là đạo lý Bào Đinh mổ trâu của Trang Tử: dù ở giữa thế gian phức tạp, phê đại khích (tách vào những khe lớn), xử lý mấu chốt lớn phải nhìn điểm lớn; tự mình luôn giữ đầu óc tỉnh táo, như con dao vừa ra lò ấy, chẳng chặt mạnh, chẳng phách mạnh, chẳng gượng ép, mãi mãi giữ sức khỏe của sinh mệnh, mãi mãi giữ tuổi xuân của mình. Dưới đây nối tiếp mượn lời Bào Đinh.

Người cẩn trọng

Tuy nhiên, mỗi chí ư tộc, ngô kiến kỳ nan vi,

Dẫu vậy, mỗi khi đến chỗ hạng đầu bếp tầm thường, ta thấy họ làm thật khó nhọc,

truật nhiên vi giới, thị vi chỉ, hành vi trì.

kinh sợ mà tự dặn lòng, mắt ngừng lại, bước đi chậm lại.

Động đao thậm vi, hoạch nhiên dĩ giải, như thổ ủy địa.

Dao đưa xuống rất nhẹ, một tiếng vang lên là trâu đã tan, như đất đổ xuống.

Đề đao nhi lập, vi chi tứ cố,

Cầm dao đứng dậy, đưa mắt nhìn bốn phía,

vi chi trù trừ mãn chí, thiện đao nhi tàng chi.

lòng mãn nguyện tự đắc; lau dao sạch sẽ mà cất đi.

Ở trên Trang Tử mượn Bào Đinh giết trâu, nói trình độ tu dưỡng, cảnh giới tu dưỡng, và phương pháp nguyên tắc xử thế của ông. Đoạn dưới càng quan trọng hơn. Nhưng "mỗi chí ư tộc": khi ta đến chỗ những người giết trâu bình thường, "ngô kiến kỳ nan vi": ta thấy kẻ giết trâu ấy, trâu vừa được dắt đến, cái chăm chú ấy thay! Mài dao thật bén, chuẩn bị cực kỳ cẩn trọng; ta nhìn cảnh tượng ấy, **"truật nhiên vi giới"** (kinh sợ mà tự dặn lòng), chính mình chẳng khỏi tỉnh giác; "thị vi chỉ": đem cái mình trông thấy làm gương cho mình. Ở trên ông nói kỹ thuật mình cao minh thế nào, giết trâu chẳng cần nhìn, dao vung lên một phát là xong; vậy mà thấy kẻ kỹ thuật kém, ông chẳng hề khinh rẻ; vì thấy người ta cẩn trọng như thế, ông trái lại càng quý trọng. Nhân đó với chính mình, càng thêm cảnh giác: ông ta chính là một bậc thầy của ta. Vậy chớ tưởng học vấn mình giỏi, bản lĩnh mình cao, kỹ thuật mình tinh; làm người xử thế ở đời, bất cứ lúc nào bất cứ đâu cũng phải chăm chú cẩn trọng như thế. "Thị vi chỉ": ta lấy ông ta làm gương cho mình.

Mấy câu này một mặt tả người giết trâu bình thường: trâu tới, **"thị vi chỉ"** (mắt ngừng lại), mắt trân trân nhìn con trâu; **"hành vi trì"** (bước đi chậm lại), đi cũng thong thả, chẳng dám áp sát vào mình trâu ngay. Nhưng mà! Một mặt cũng tả chính Bào Đinh cao minh ấy: ông nói ta thấy vậy, trái lại lấy ông ta làm gương, hành vi trì; bởi vậy vốn mình rất nhàn nhã, nhưng thấy cảnh ấy, ông nói, ta đi cũng chẳng dám đi bừa, từ từ bước tới trước.

"Động đao thậm vi, hoạch nhiên dĩ giải, như thổ ủy địa, đề đao nhi lập, vi chi tứ cố, vi chi trù trừ mãn chí, thiện đao nhi tàng chi" (dao đưa xuống rất nhẹ, **"hoạch"** (謋 - tiếng vang khi vật tách rời) một tiếng vang lên là trâu đã tan, như đất đổ xuống; cầm dao đứng dậy, đưa mắt nhìn bốn phía, lòng mãn nguyện tự đắc; lau dao sạch sẽ mà cất đi). **"Động đao thậm vi"** (dao đưa xuống rất nhẹ): kỹ thuật ông vốn cao minh rồi, ông nói nhưng nay ta cũng học theo

lối họ, xem họ đem con dao từ từ, rất cẩn trọng, rất kỹ lưỡng mà rạch xuống; **"hoạch nhiên dĩ giải"** (một tiếng vang lên là trâu đã tan): tiếng rắc một cái, bốn chi con trâu tách ra hết. Lúc ấy bọn giết trâu bình thường, **"như thổ ủy địa"** (như đất đổ xuống): thân con trâu bè ra, như cục bùn đổ trên đất; còn chính họ thì sao? Cũng mệt nhoài, quăng dao xuống ngồi bệt dưới đất, như một cục bùn, nghỉ ngơi một hồi; rồi oai phong lại tới: **"đề đao nhi lập"** (cầm dao đứng dậy), cầm dao lên, đứng ngạo nghễ ở đó; **"vi chi tứ cố"** (đưa mắt nhìn bốn phía), như đại anh hùng thắng trận, đứng trên cao đài nhìn tứ phía những người khác, tự thấy mình là anh hùng; **"vi chi trù trừ mãn chí"** (lòng mãn nguyện tự đắc), tự thấy mình đệ nhất thiên hạ, thắng lợi rồi. **"Thiện đao nhi tàng chi"** (lau dao sạch sẽ mà cất đi): lau dao sạch bong, thoa dầu chống rỉ, lại lấy vải bọc con dao lại, cất cẩn thận. Đoạn này tả thật thú vị.

Ở trước ông nói kỹ thuật mình cao minh đến mức trong mắt chẳng còn thấy trâu, dao cứ thế mà vung, một con trâu giải quyết ngay; cái cao minh ấy đã chẳng còn là kỹ thuật, mà đến cảnh giới thần hóa. Ngươi xem văn ông có một chỗ kỳ lạ: học vấn tu dưỡng đến cảnh giới cao nhất, lại lấy người bình thường nhất, tầng dưới cùng nhất, cạn cợt nhất làm thầy của mình, làm gương của mình, thế là ngươi thành đại công. Bằng kỹ thuật học vấn của ngươi đã đến tuyệt đỉnh mà tự nhận đệ nhất thiên hạ, ắt thất bại chắc rồi. Vậy phải cẩn trọng rồi lại cẩn trọng. Vì vậy ông nói: dẫu thế, tôi thường đến nhà những người giết trâu thường mà xem, thấy sự khó khăn trong việc giết trâu của họ. Một mặt tả thái độ khó khăn của họ, một mặt tả chính mình: thấy khó thế, trái lại học theo họ, cũng học cái cẩn trọng ấy, từ cao minh nhất mà trở về bình thường nhất. Văn chương có câu tả một đời người: từ rực rỡ nhất mà về bình dị nhất, từ cao minh nhất mà về bình thường nhất, như thế mới là thành tựu. Thành tựu ấy chính là chủ của dưỡng sinh. Như tượng điêu khắc của giáo sư họ Trần, đại nghệ thuật gia nhà ta: kỹ thuật cao minh thế, mà ông cẩn trọng lắm đấy, cứ như đồ đệ mới học vậy; ấy là bậc cao minh nhất, nên ông có thành tựu.

Nói cách khác, điều này bảo cho ta một đạo lý của đời người, Nho gia với Đạo gia cùng một đạo lý, lời Tử Tư trong sách *Trung Dung*: **"cực cao minh nhi đạo trung dung"** (cực kỳ cao minh mà lại trở về trung dung). Đời người từ rực rỡ mà về bình dị, từ vĩ đại sùng cao mà về bình thường, thế là đúng. Trang Tử nói rồi, còn treo thêm mấy câu đuôi, tả đời người: cẩn trọng thế mà hoàn thành chuyện giết trâu, con trâu như cục bùn trải trên đất, chính mình cũng như cục bùn ngồi bệt xuống đất. Ối chao, việc cũng xong rồi! Nghỉ ngơi một hồi, con người lại khác hẳn. Ai cũng có kinh nghiệm này: khi việc làm thành, hoặc buôn bán phát tài, trước hết thấy khó khăn sợ hãi; ngủ một giấc dậy, **"đề đao nhi lập"** (cầm dao đứng dậy), ta vẫn là anh hùng; đứng trên cao đài ấy, **"vi chi tứ cố"** (đưa mắt nhìn bốn phía), **"trù trừ mãn chí"** (lòng mãn nguyện tự đắc), ngươi xem, ta oai dũng biết bao! Đó chính là tả người, tả đời người, rất hóm hỉnh; người ta đều thế cả: việc qua rồi càng nghĩ càng thấy mình oai dũng, còn trong lúc ấy, lại khổ sở lắm.

Thế nhưng Trang Tử cuối cùng còn thêm một câu, rất giống lời Thiền tông, phải tham qua ngoài văn chương mới được. Ông nói: dẫu là thế, **"thiện đao nhi tàng chi"** (lau dao sạch sẽ mà cất đi): đây là điểm then chốt. Phải bọc dao lại mà cất, như kẻ có nhiều tiền, đô Mỹ với vàng nhất định bọc cho kỹ, cất đi, còn làm bộ như chẳng có tiền. Ông kể đoạn chuyện ấy, nội dung gồm mấy tầng bậc, ấy cũng là đạo lý đời người của ta.

Văn Huệ quân viết: Thiện tai!

Vua Văn Huệ nói: Hay thay!

Ngô văn Bào Đinh chi ngôn, đắc dưỡng sinh yên.

Ta nghe lời Bào Đinh, hiểu được phép dưỡng sinh rồi.

Lương Huệ Vương nghe Bào Đinh nói xong, bèn nói: ta nghe đạo lý ngươi, ta hiểu được đời người rồi. Trang Tử lấy tư tưởng Đạo gia, văn chương ưu mỹ, mượn một câu chuyện như vậy mà viết ra đạo lý của đời người. Nếu bảo

theo Nho gia mà nói, vẫn là câu ta thường nói: **"Gia Cát nhất sinh duy cẩn thận"** (cả đời Gia Cát chỉ có chữ cẩn thận), chẳng cậy tài, chẳng khinh người. Chớ có học vấn, thông minh, bản lĩnh rồi lại đem mà cậy tài. Trang Tử dùng phương pháp khác để nói rõ đạo lý ấy. Sự cẩn trọng này chẳng phải tự ti, chẳng phải nhát gan, chẳng phải tự làm mình suy sụp, mà chỉ là cẩn trọng chú tâm: ấy là đạo lý dưỡng sinh. Tiếp theo là câu chuyện thứ hai.

Sinh mệnh độc lập tự chủ

Công Văn Hiên kiến Hữu Sư nhi kinh viết:

Công Văn Hiên thấy Hữu Sư mà giật mình kêu lên:

Thị hà nhân dã? Ô hồ giới dã?

Đây là người thế nào? Sao lại chỉ còn một chân?

Thiên dư, kỳ nhân dư?

Trời khiến vậy chăng, hay người làm ra thế?

Viết: thiên dã, phi nhân dã.

Đáp: là trời, chẳng phải người.

Thiên chi sinh thị sử độc dã, nhân chi mạo hữu dữ dã.

Trời sinh ra vốn khiến chỉ có một chân, còn hình mạo con người thì mỗi người mỗi khác, có so sánh mới thành.

Dĩ thị tri kỳ thiên dã, phi nhân dã.

Do đó biết đó là trời, chẳng phải người.

"Công Văn Hiên kiến Hữu Sư nhi kinh viết" (Công Văn Hiên thấy Hữu Sư mà giật mình kêu lên): Công Văn Hiên là tên một người. Những cái tên Trang Tử dẫn ra ở đây, theo khảo cứu của người đời sau, đều xuất từ những chuyện nước Tống thời Chiến Quốc. Hữu Sư cũng là tên một người, chỉ có điều đây vốn là tên chức quan của ông ta, đó là một cách nói khác. Công Văn Hiên nhìn thấy Hữu Sư, giật mình kêu lên: **"thị hà nhân dã?"** (đây là người thế nào?), ông muốn hỏi đây là hạng người gì. **"Ô hồ giới dã?"** (sao lại chỉ còn một chân?): sao lại chỉ có một chân mà đứng đó! **"Thiên dư"** (trời khiến vậy chăng): người này sinh ra trời đã cho chỉ một chân? **"Kỳ nhân dư?"** (hay người làm ra thế?): hay là vì bệnh tật mà thành tàn phế mất một chân? Người mà như một gốc cây, lạ thật! Sao lại ra nông nỗi này! Đứng bằng một chân. Cảnh này chẳng khác nào một vở kịch, một màn kịch, tả Công Văn Hiên bước đến, thấy Hữu Sư đứng đó với hình dạng dị thường; vì thân thể người này có khiếm khuyết, nên Công Văn Hiên vừa trông thấy liền giật mình kêu lên.

"Viết: thiên dã, phi nhân dã. Thiên chi sinh thị sử độc dã" (đáp: là trời, chẳng phải người. Trời sinh ra vốn khiến chỉ có một chân): Hữu Sư nghe vậy, đáp lại rằng đây là chuyện tự nhiên trời định; nói cách khác, dù là do người gây ra như vậy, hay bị xe đụng thành ra vậy, hay do sốt cao mà tê liệt, hay do bệnh mà phải cắt bỏ chân, thảy đều là thiên mệnh, đều là tự nhiên cả; **"phi nhân dã"** (chẳng phải người): chẳng thể quy về do người làm ra. Là thiên mệnh bắt ta phải sống với một chân, thì ta cứ một chân mà sống. Ông nói: trời muốn ta như vậy, ta cứ thế mà sống. Cái "trời" này chẳng phải mang tính tôn giáo, mà là tự nhiên.

"Nhân chi mạo hữu dữ dã" (hình mạo con người thì mỗi người mỗi khác, có so sánh mới thành): ông muốn nói, ngươi chớ nhìn ta đứng đây với một chân mà lấy làm lạ, thân hình dáng vẻ mỗi người vốn chẳng giống nhau, nhưng ai cũng có tinh thần độc lập của riêng mình. Câu này rất thâm sâu: hết thảy đều là tương đối cả. Ngươi cho rằng một chân của ta chẳng đẹp, ta lại thấy hai chân của ngươi kỳ quặc lắm! Mỗi người có sinh mệnh tự nhiên của riêng mình; ngươi

cho rằng mũi ta lệch, ta lại thấy mũi ngươi thẳng quá, chẳng đẹp; mỗi người một cách nhìn khác nhau. Nhưng điều này cho ta biết một nguyên tắc: sinh mệnh con người sống ở đời, cứ thuận theo tự nhiên, có hình thái và giá trị riêng của sinh mệnh mình, chẳng cần chịu ảnh hưởng của bất cứ điều gì bên ngoài. Ta là ta: bảo ta gù lưng, gù lưng thì có gì xấu! Ngươi cười ta gù lưng, xin lỗi, ngươi còn chưa gù được đâu! Không tin thì ngươi cứ thử gù xem. Ngươi cười ta miệng méo, xin lỗi, ngươi còn chẳng méo nổi đâu! Trừ phi ngươi đi mổ xẻ mới méo được, mà méo rồi thì sao nào? Cái trời sinh ra này, chẳng có gì đáng bận tâm cả. Đây chỉ là hình hài bên ngoài, chẳng thể cản trở nhân cách độc lập của sinh mệnh tinh thần ta. Cho nên, "nhân chi mạo hữu dữ dã" mang tính tương đối: nhân cách độc lập của tinh thần, giá trị của sinh mệnh, chẳng nằm ở hình hài bên ngoài. Vì vậy ta bảo ngươi, ta đã hiểu rõ nguyên tắc này, nên ta đáp lại ngươi rằng: **"dĩ thị tri kỳ thiên dã, phi nhân dã"** (do đó biết đó là trời, chẳng phải người). Là thiên mệnh, chẳng phải do người, tự nhiên đến thế, thì có gì mà ầm ĩ!

Trạch trĩ thập bộ nhất trác, bách bộ nhất ẩm,
Con trĩ đầm nước đi mười bước lại mổ ăn một lần, đi trăm bước lại uống nước một lần,

bất kỳ súc hồ phàn trung.
chẳng mong bị nuôi nhốt trong lồng.

Thần tuy vượng, bất thiện dã.
Tinh thần dù có vượng lên, cũng chẳng phải điều tốt.

Mấy câu này của Trang Tử, trong văn học Trung Hoa được dẫn rất nhiều, nhất là trong *Cao Sĩ Truyện* lại càng dẫn nhiều. **"Trạch trĩ"** (泽雉 - con trĩ nơi đầm nước) chính là loài gà rừng sống ven sông ngòi, nơi đồng hoang; **"thập bộ nhất trác"** (đi mười bước mổ ăn một lần) là nó đi mười bước liền cúi xuống đất kiếm ăn, bắt sâu bọ mà ăn. **"Bách bộ nhất ẩm"** (trăm bước uống một lần) tả cái cách con gà rừng ấy kiếm ăn là thế; chẳng biết mọi người đã từng thấy gà rừng, trĩ rừng chưa! Đi vài bước lại vươn cổ ra, cúi xuống đất mổ một cái, chẳng rõ mổ trúng sâu bọ hay cục đá gì đó, rồi lại đi thêm vài bước, đi xa thêm chút nữa, nó lại tìm chỗ uống nước. **"Bất kỳ súc hồ phàn trung"** (chẳng mong bị nuôi nhốt trong lồng): **"kỳ"** (蕲) đây chính là kỳ cầu, mong cầu, nhưng nó tuyệt chẳng hề mong cầu được nhốt trong lồng. Ngươi xem nó cũng đáng thương lắm, vì tìm miếng ăn, vì cho no bụng, suốt ngày chạy khắp nơi, tìm sâu bọ mà ăn, tìm nước mà uống. Dẫu vậy, nó sống rất tự nhiên, sống rất vui vẻ, sống rất hớn hở. "Bất kỳ súc hồ phàn trung", nó chẳng muốn bị nhốt trong lồng; nhốt trong lồng thì ngày ngày có thóc gạo ăn, có đủ loại thức ăn phối chế đầy vitamin, lại có nước uống. Nhưng suốt ngày bị giam trong lồng thì khó chịu lắm, nó thà chịu đói bụng ra ngoài tìm sâu bọ mà ăn, tìm nước mà uống, thế mới là tự do! Thế mới thoải mái làm sao! Đây chính là sinh mệnh của nó, nên nó chẳng hề mong được nhốt trong lồng, vì sao vậy?

"Thần tuy vượng, bất thiện dã" (tinh thần dù vượng lên, cũng chẳng phải điều tốt): chữ **"vượng"** (王 - đọc thông với chữ 旺, nghĩa là thịnh vượng) ở đây chẳng phải đọc là "vương" như chữ vua thường gặp. Ngươi xem con gà rừng, con thú bị nhốt trong lồng, còn cả con công kia nữa, nó vươn cổ ra, ngoẹo cổ một cái, ôi chao, đây là vua loài công, oai phong biết bao. Nhưng có oai phong đến mấy thì vẫn bị nhốt trong lồng thôi! Ông nói **"thần tuy vượng"** (tinh thần dù thịnh vượng lên), cái tinh thần ấy, tuy trông có vẻ như một bậc vương giả, **"bất thiện dã"** (cũng chẳng phải tốt): thật ra chẳng tốt đẹp gì. Đoạn này Trang Tử giảng, kỳ thực tất cả chúng ta đều đang bị nhốt trong lồng cả, cái vũ trụ này chính là một cái lồng lớn.

Ngươi xem những tòa nhà hiện nay của chúng ta, chúng ta ngồi ở đây cũng ra vẻ oai lắm. Ví như ta ngồi trên bục này giảng Trang Tử cho chư vị, ai cũng mong mình trông có vẻ ghê gớm, nhưng có gì mà ghê gớm chứ? Nhìn từ ngoài

vào, cái nhà này chẳng khác nào cái hộp diêm, bên trong nhốt cả đám chúng ta đây. Dẫu cả đám ta ngồi đây, còn vênh mặt ngẩng đầu, tự cho là mình đang xưng vương, **"bất thiện dã"** (cũng chẳng phải điều tốt), điều ấy chẳng hay ho gì, đạo lý của sinh mệnh chính là thế. Con người ta đôi khi tự thấy mình đội trời đạp đất, công thành danh toại, hoặc phát tài lớn; ông chủ lớn nào bước ra bụng cũng ưỡn to đặc biệt, vì để tỏ ra lắm tiền, nhưng vẫn y nguyên là đang bị nhốt trong lồng thôi. Nên Trang Tử mới nói "bất thiện dã". Đó là câu chuyện thứ hai.

Thiên *Dưỡng Sinh Chủ* chỉ có ba câu chuyện. Câu chuyện thứ nhất, Bào Đinh mổ trâu, cho ta hay: tâm tình lập thân xử thế, phương pháp sống ở đời, phải biết giải thoát, chẳng để ngoại cảnh trói buộc, công phu tu dưỡng của bản thân phải đạt đến chỗ siêu phàm nhập thánh; tuy sống trong thế giới vật chất, nhưng tinh thần phải siêu thoát. Câu chuyện thứ hai cho ta hay: sinh mệnh sống ở đời, mỗi người đều có giá trị sinh mệnh độc lập của riêng mình, chẳng cần chịu ảnh hưởng của người khác, của ngoại cảnh. Còn giá trị sinh mệnh thật sự thì phải noi theo tự nhiên, vượt ra ngoài cái lồng giam ấy, phải phá vỡ cái hoàn cảnh này, tự mình phải có năng lực phá vỡ hoàn cảnh, tạo ra sinh mệnh tự nhiên. Câu chuyện thứ ba bàn đến vấn đề sinh tử.

Cao quý ắt có lúc sa xuống

Lão Đam tử, Tần Dật điếu chi, tam hào nhi xuất.

Lão Đam chết, Tần Dật đến viếng, hét lên ba tiếng rồi ra về.

Đệ tử viết: phi phu tử chi hữu da?

Học trò hỏi: chẳng phải là bạn của thầy sao?

Viết: nhiên.

Đáp: phải.

Nhiên tắc điếu yên nhược thử, khả hồ?

Vậy mà viếng như thế, được sao?

"Lão Đam tử, Tần Dật điếu chi, tam hào nhi xuất" (Lão Đam chết, Tần Dật đến viếng, hét lên ba tiếng rồi ra về): ông kể chuyện Lão Tử qua đời, đây là câu chuyện do Trang Tử kể; còn Lão Tử chết lúc nào, thậm chí có thật đã chết hay không, xưa nay vẫn là một nghi án trong lịch sử văn hóa Trung Hoa, tương truyền Lão Tử vĩnh viễn chẳng chết. Ở đây kể rằng một hôm Lão Tử giả như đã chết, người bạn của ông là Tần Dật đến viếng tang. Theo lẽ thường, thấy bạn mình chết thì phải rơi lệ chứ! Ít ra cũng nhỏ vài giọt, hừ! Nhưng ông ta không, nhìn thấy thi thể Lão Tử, **"tam hào nhi xuất"** (hét lên ba tiếng rồi ra về): hét lớn ba tiếng, chẳng phải khóc, cũng chẳng phải cười, ha ha, hét ba tiếng rồi bỏ đi, ấy đã là một lễ kính trọng lớn lắm rồi. **"Đệ tử viết"** (học trò hỏi): học trò của Lão Tử hỏi, vị này là ai vậy? **"Phi phu tử chi hữu da?"** (chẳng phải là bạn của thầy sao?): chẳng phải là bạn thân của thầy chúng ta đó sao? Nửa khóc nửa không, nửa cười nửa không, cứ như đến để châm biếm vậy! **"Viết: nhiên"** (đáp: phải): Tần Dật vừa nghe học trò Lão Tử hỏi vậy, liền đáp lại rằng đúng vậy, ta chính là bạn thân của thầy các ngươi đấy! **"Nhiên tắc điếu yên nhược thử, khả hồ?"** (vậy mà viếng như thế, được sao?): học trò Lão Tử hỏi tiếp, thầy chúng tôi mất, ông đến viếng mà chẳng hành lễ, cũng chẳng rơi lệ, chỉ hét vài tiếng thật to, thế mà cũng được sao?

Viết: nhiên.

Đáp: phải.

Thủy dã ngô dĩ vi kỳ nhân dã, nhi kim phi dã.

Lúc đầu ta tưởng ông ấy quả là bậc phi thường, nay mới hay chẳng phải.

Hướng ngô nhập nhi điếu yên, hữu lão giả khốc chi, như khốc kỳ tử; thiếu giả khốc chi, như khốc kỳ mẫu.

Vừa rồi khi ta vào viếng, thấy có người già khóc ông như khóc con mình; có người trẻ khóc ông như khóc mẹ mình.

Bỉ kỳ sở dĩ hội chi, tất hữu bất kỳ ngôn nhi ngôn, bất kỳ khốc nhi khốc giả,

Sở dĩ họ tụ lại như thế, ắt có điều chẳng định nói mà buột thành lời, chẳng định khóc mà buột thành tiếng khóc,

thị độn thiên bội tình, vong kỳ sở thụ, cổ giả vị chi độn thiên chi hình.

ấy là trốn tránh lẽ trời, làm trái chân tình, quên mất gốc mình đã bẩm thụ; người xưa gọi đó là hình phạt của kẻ trốn lẽ trời.

"Viết: nhiên" (đáp: phải): Tần Dật đáp, đương nhiên được chứ! Đây chính là lễ kính cao nhất rồi. Rồi ông lại nói tiếp, **"thủy dã ngô dĩ vi kỳ nhân dã, nhi kim phi dã"** (lúc đầu ta tưởng ông ấy quả là bậc phi thường, nay mới hay chẳng phải): ý ông là, nghe tin thầy các ngươi mất, ta đến viếng, vốn tưởng ông ấy là bậc phi thường; nay đến đây nhìn thấy đám học trò các ngươi, những kẻ theo ông học đạo, mà kết quả học thành ra thế này, ta cho rằng ông ấy chẳng đáng gọi là người, chẳng đủ tư cách làm người, chẳng phải đã đắc đạo.

"Hướng ngô nhập nhi điếu yên, hữu lão giả khốc chi, như khốc kỳ tử; thiếu giả khốc chi, như khốc kỳ mẫu" (vừa rồi khi ta vào viếng, thấy có người già khóc ông như khóc con mình; có người trẻ khóc ông như khóc mẹ mình): ông nói, trước đây ta rất kính phục thầy các ngươi, cho rằng ông ấy xứng đáng là một con người; nhưng đến khi ta lặn lội từ xa tới viếng tang, thấy tình cảnh này, ta mới cho rằng ông ấy chưa phải là đạo hữu, chưa xứng đáng làm người. Vì sao vậy? Ông nói, lúc vừa vào viếng, ta thấy có những bậc cao niên đến viếng, khóc thảm thiết vô cùng, đau xót như thể mất chính con ruột mình; nhiều người trẻ tuổi đến viếng, khóc như thể mất mẹ ruột mình. Vì sao thấy Lão Tử chết mà họ lại khóc thương đến vậy? Người lớn tuổi hơn ông cũng thương tiếc ông, người nhỏ tuổi hơn ông cũng thương tiếc ông. Khóc là sự lộ ra của chân tình thật; **"bỉ kỳ sở dĩ hội chi"** (sở dĩ họ tụ lại như thế): vì cảm xúc của họ dấy động mà chẳng nói nên lời, ắt phải bật ra tiếng khóc; **"tất hữu bất kỳ ngôn nhi ngôn, bất kỳ khốc nhi khốc giả"** (ắt có điều chẳng định nói mà buột thành lời, chẳng định khóc mà buột thành tiếng khóc): vì chẳng có lời nào diễn tả được tình cảm của họ nên đành bật khóc. Nhưng đó chỉ là tình cảm của người thường; còn thầy các ngươi, Lão Tử, lẽ ra chẳng phải người thường, ông là bậc dạy người ta vượt lên trên nhân tình và hoàn cảnh vật lý mà đạt tới cảnh giới siêu thần nhập hóa, đến mức **"ai lạc bất tồn ư hung trung"** (buồn vui chẳng còn tồn tại trong lòng), thậm chí bảy tình sáu dục cũng đã chẳng còn động tâm nữa.

Nói cách khác, người đắc đạo thì sinh tử cũng chẳng còn vướng vào lòng, sinh và tử vốn là một thể; sống là mở mắt mà nằm mộng, chết là nhắm mắt mà nằm mộng, dù sao cũng chỉ là đang rong chơi trong giấc mộng. Vậy mà kết quả ra sao! Các ngươi theo ông học đạo mà lại động lòng thật sự, ông chết rồi các ngươi khóc lóc gào thét ầm ĩ đến thế, đủ thấy các ngươi chưa đắc đạo; nói cách khác, Lão Tử đã chẳng dạy dỗ các ngươi cho ra hồn. Vì thế ông cho rằng Lão Tử chẳng đáng gọi là người, đã trái nghịch lẽ tự nhiên, **"thị độn thiên bội tình"** (ấy là trốn tránh lẽ trời, làm trái chân tình); chữ **"thiên"** (天 - trời) ở đây chẳng phải trời theo nghĩa trời đất thông thường, mà chỉ việc trái nghịch với đạo hình nhi thượng.

Con người ta vốn có tình cảm hỷ nộ ai lạc, đúng vậy! Rất tự nhiên mà có; nhưng chẳng lẽ cứ phải khóc to như hát, khóc đến khản cả cổ họng mới gọi là đau lòng sao? Ông bảo tình cảm ấy đã trở thành giả tạo, chẳng còn là chân tình thật; **"vong kỳ sở thụ"** (quên mất gốc mình đã bẩm thụ): quên mất cái căn bản của sinh mệnh. Cái căn bản của sinh mệnh là gì? **"Tích tụ giai tiêu tán, sùng cao tất đọa lạc, hợp hội chung biệt ly, hữu mệnh hàm quy tử"** (gom góp rồi cũng tan rã; cao quý ắt có lúc sa xuống; hợp rồi cuối cùng cũng chia lìa; có sinh mệnh ắt thảy đều quay về cái chết).

Đã tích tụ được thì ắt sẽ có lúc tan rã; đã lên đến chỗ cao nhất thì ắt phải rơi xuống; đã có hội ngộ thì ắt có biệt ly; đã có sinh mệnh sống thì tự nhiên sẽ có ngày trở về nơi an nghỉ, đó là lẽ tất nhiên. Cho nên nói **"sinh giả ký dã, tử giả quy dã"** (sống là ở trọ khách sạn, chết là về nhà nghỉ ngơi). Bản tính của sinh mệnh hễ động thì tự nhiên có lúc tĩnh, đó cũng là lẽ thường. **"Cổ giả vị chi độn thiên chi hình"** (người xưa gọi đó là hình phạt của kẻ trốn lẽ trời): ông bảo, con người ta nếu chẳng nhìn thấu được lẽ sinh tử, trái nghịch tự nhiên, thì theo quan niệm của Trang Tử đó chính là trốn tránh mà phải chịu hình phạt của trời. Người có sinh ắt có tử, có hội ngộ ắt cuối cùng có biệt ly, chính là đạo lý ấy.

Thích lai, phu tử thời dã;
Đúng lúc mà đến, ấy là hợp thời của bậc thầy;

thích khứ, phu tử thuận dã.
đúng lúc mà đi, ấy là thuận theo lẽ tự nhiên của bậc thầy.

An thời nhi xử thuận, ai lạc bất năng nhập dã,
An nơi hợp thời, ở theo lẽ thuận, thì buồn vui chẳng thể xâm nhập vào lòng,

cổ giả vị thị đế chi huyền giải.
người xưa gọi đó là mối ràng buộc của đấng chủ tể được cởi ra.

Chỉ cùng ư vi tân, hỏa truyền dã, bất tri kỳ tận dã.
Từng thanh củi cháy hết dần, nhưng ngọn lửa cứ truyền tiếp mãi, chẳng biết bao giờ mới dứt.

Ông bảo, một người sinh ra sống ở đời này, là thuận theo cái thế tự nhiên của sinh mệnh mà đến; đến tuổi phải chết, cũng là thuận theo quy luật tự nhiên mà đi. Vì vậy, Lão Tử cũng từng nói **"vật tráng tắc lão"** (vật thịnh đến cực điểm ắt sẽ già suy): một vật hễ thịnh vượng đến cực điểm thì tự nhiên phải suy già; **"lão tắc bất đạo"** (già thì trái đạo): người già rồi, sinh mệnh ấy kết thúc, một sinh mệnh mới khác lại bắt đầu. Nói cách khác, sinh mệnh thật sự chẳng nằm ở cái hiện trạng này; hiện trạng ta thấy có sinh có tử, nhưng cái gì có thể sinh có thể tử ấy lại chẳng nằm ở chỗ sinh tử của xác thân, nên ta cần phải nhìn thấu lẽ sinh tử.

"An thời nhi xử thuận, ai lạc bất năng nhập dã" (an nơi hợp thời, ở theo lẽ thuận, thì buồn vui chẳng thể xâm nhập vào lòng): đây mới chính là công phu tu dưỡng cao nhất. Kết luận cuối cùng của thiên *Dưỡng Sinh Chủ*, trọng tâm nằm ở câu này: hiểu thấu đạo lý của sinh mệnh rồi. **"An thời"** (an nơi hợp thời): bất cứ lúc nào, ở đâu cũng tâm an lý đắc. **"Nhi xử thuận"** (mà ở theo lẽ thuận): dù đời người chẳng có việc gì lớn hơn cái chết, vẫn nhìn thấu vấn đề sinh tử, coi nó là chuyện tự nhiên; "an thời nhi xử thuận, ai lạc bất năng nhập dã", tự mình chẳng còn bị tình cảm hậu thiên quấy nhiễu nữa. Buồn vui chẳng lọt vào **"trung"** (衷 - lòng dạ, tâm can): chữ "trung" đây chính là nội tâm; nội tâm chẳng bị buồn vui làm cho khốn đốn.

"Cổ giả vị thị đế chi huyền giải" (người xưa gọi đó là mối ràng buộc của đấng chủ tể được cởi ra): trong văn hóa cổ đại Trung Hoa, chữ đạo (道), chữ thiên (天), chữ đế (帝), mỗi chữ đều có nhiều cách giải thích khác nhau. **"Đế"** (帝) đại diện cho đấng chủ tể của trời mang tính tôn giáo, đồng thời cũng đại diện cho một bản thể, một cái gốc nguyên sơ mang tính triết học hình nhi thượng. Chữ đế này chớ nên hiểu là thực có một "Thượng Đế" hữu hình nào đó, dù hiểu theo cách ấy cũng được, tức là có một đấng chủ tể của sinh mệnh. Còn chữ **"huyền"** (县 - đọc thông với chữ 悬, nghĩa là treo) trong huyền giải (县解): Đấng chủ tể sinh mệnh mang tính hình nhi thượng này, chẳng thể dùng học vấn thế gian, văn tự ngôn ngữ thế gian mà giải thích được, phải dùng trí tuệ cao nhất mới lý giải nổi; hiểu thấu được đạo lý này rồi, thì coi như đã thấu suốt lẽ sinh tử.

Ngọn lửa truyền vô tận

Đã thấu suốt lẽ sinh tử rồi, **"chỉ cùng ư vi tân, hỏa truyền dã, bất tri kỳ tận dã"** (từng thanh củi cháy hết dần, nhưng ngọn lửa cứ truyền tiếp mãi, chẳng biết bao giờ mới dứt). Chữ chỉ (指) mà Trang Tử dùng ở đây khiến người đời tranh luận rất dữ, vì sao lại dùng chữ chỉ vốn nghĩa là ngón tay? Chữ chỉ này đại diện cho thân xác; nhưng cũng có người giải chữ **"chỉ"** (指 - ngón tay) ấy kỳ thực chính là chữ chỉ (旨 - tôn chỉ, ý chỉ). Nói cách khác, sinh mệnh chân thật của ta cũng như que diêm vậy: đốt nó lên, ngọn lửa liền truyền sang cây nến. Que diêm cháy hết, hình dạng que diêm chẳng còn nữa, nhưng cây nến đã nối lấy ánh sáng ấy, ngọn lửa cứ truyền đi mãi, nên gọi là **"tân tận hỏa truyền"** (củi hết mà lửa vẫn truyền). Que diêm cháy hết, nhưng ánh sáng vẫn nối tiếp không dứt; **"bất tri kỳ tận dã"** (chẳng biết bao giờ mới dứt): sinh mệnh tinh thần mãi mãi sáng tỏ, lại vô cùng vô tận.

Trang Tử dùng cách nói này để diễn đạt tư tưởng Đạo gia, cũng tương đồng với tư tưởng Phật gia, Nho gia. Sinh tử của xác thân con người ta chỉ là hiện tượng, sinh diệt sinh tử đều là hiện tượng ở hai đầu. Cái gốc của sinh mệnh ta chẳng nằm ở hiện tượng sinh tử này; cái ánh sáng của sinh mệnh có thể sinh có thể tử ấy mới là cái mãi mãi bất sinh bất diệt, vô cùng vô tận. Hiểu thấu đạo lý này rồi, ta sẽ nhìn cái chết của xác thân, cũng như khoảng giữa sinh và tử, hết sức giải thoát, hết sức nhẹ nhàng, hết sức tự tại. Vì thế, buồn vui cũng chẳng còn lọt vào trong lòng nữa.

Giờ đây cả ba câu chuyện đã giảng xong, ta hãy quay lại nhìn tổng quát. Câu chuyện thứ nhất của thiên *Dưỡng Sinh Chủ*, nêu ra chuyện Bào Đinh mổ trâu, dạy ta rằng đối với cuộc sống nhân sinh, phải biết siêu thần nhập hóa, phải đạt đến chỗ giải thoát khỏi hiện tượng, như cách Bào Đinh mổ trâu vậy; tuy vậy, làm người làm việc vẫn phải cẩn trọng từng li từng tí. Tiếp đến câu chuyện thứ hai, nói rõ con người sống ở đời có một nhân cách siêu nhiên, chẳng thể lay chuyển, độc lập tự chủ, chẳng chịu ảnh hưởng bởi dung mạo, hình hài, hay ngoại cảnh. Kẻ tàn tật chẳng cần tự ti; mượn chuyện Hữu Sư một chân để nói rằng dù chỉ còn một chân, vẫn có thể đội trời đạp đất mà sống, **"thiên thượng thiên hạ, duy ngã độc tôn"** (trên trời dưới đất, chỉ ta là tôn quý nhất), quyết chẳng chịu ảnh hưởng của ngoại cảnh.

Mỗi người trong chúng ta đều có mặc cảm tự ti, bất kỳ bậc anh hùng nào cũng có mặc cảm tự ti; chẳng chịu nổi kích thích của hoàn cảnh, va chạm của hoàn cảnh, mặc cảm tự ti tự nhiên nảy sinh. Vì thế, một người thường tỏ ra hết sức kiêu ngạo, chính là vì mặc cảm tự ti trong lòng anh ta quá nặng. Mặc cảm tự ti càng nặng thì tự nhiên càng kiêu ngạo, bởi sự kiêu ngạo ấy chính là cách phòng vệ cho nỗi tự ti, sợ người khác coi thường mình, nên phải tự dựng lên cái dáng vẻ bề ngoài ấy. Nếu chẳng có mặc cảm tự ti, thì mọi sự sẽ rất tự nhiên: ngươi coi trọng ta, ta vẫn là ta; ngươi coi thường ta, ta vẫn là ta; ta chính là ta, ta vẫn là dáng vẻ ấy thôi. Ngươi coi trọng ta cũng được, coi thường ta cũng được, ông bảo tất cả đều rất tự nhiên, chính là đạo lý này.

Đạt đến cảnh giới ấy, thực sự nhận ra được bản ngã của mình, đội trời đạp đất, xưa nay chỉ có một cái ta ấy mà thôi. Vì thế lúc còn sống mà đã nhìn thấu được lẽ sinh tử, thì đến khi già yếu bệnh khổ, lúc sinh tử đến đi, sẽ chẳng còn chút sợ hãi nào, tự nhiên mà đón nhận hết thảy. Nói cách khác, đối với sinh tử cũng chẳng còn tự ti nữa. Vì sao ta sợ chết? Vì tự ti, cảm thấy chết rồi chẳng biết sẽ đi về đâu. Ông bảo cho ta hay, chết rồi chẳng đi đâu cả; cái sinh mệnh có thể sinh có thể tử của ta vẫn tồn tại vĩnh hằng, củi hết mà lửa vẫn truyền, sinh mệnh tinh thần mãi mãi sáng tỏ, mãi mãi rực rỡ, **"bất tri kỳ tận dã"** (chẳng biết bao giờ mới dứt), là vô cùng vô tận.

Thiên 4: Nhân Gian Thế (人間世)

Phù tra lê quất dữu, quả lỏa chi thuộc,

Chay, lê, quýt, bưởi, các loài cây kết quả,

thực thục tắc bác, bác tắc nhục;

quả vừa chín thì bị vò bẻ, bị vò bẻ tức chịu nhục;

đại chi chiết, tiểu chi tiết.

cành lớn bị gãy, cành nhỏ bị lay rụng.

Thử dĩ kỳ năng khổ kỳ sinh giả dã.

Cái ấy là vì tài năng của chúng làm khổ đời sống của chúng vậy.

Cố bất chung kỳ thiên niên nhi trung đạo yểu,

nên chẳng được trọn tuổi trời mà yểu mệnh giữa đường,

tự phủ kích ư thế tục giả dã.

tự đem mình ra cho đời thường đập phá vậy.

Vật bất mạc nhược thị.

Muôn vật chẳng có cái nào chẳng như thế.

Đã xong thiên *Dưỡng Sinh Chủ*, tiếp theo chính là thiên *Nhân Gian Thế*. Danh từ nhân gian thế cũng do Trang Tử nêu ra, ta thường hay dùng trong văn chương. Phải chú ý! *Tiêu Dao Du* qua rồi đến *Tề Vật Luận*, điều này mỗi lần tôi đều nhắc lại, mong mọi người nối các thiên với nhau thành một mạch. Vì *Tiêu Dao Du* là giải thoát; thật sự được giải thoát rồi mới đạt đến đạo hình nhi thượng; chứng được đạo rồi mới có thể bình đẳng, tự tại, tề vật; thật sự tề vật được rồi mới hiểu được dưỡng sinh chân chính; hiểu được dưỡng sinh chân chính rồi mới biết cách làm người, sống nổi giữa cõi nhân gian này. Nhân gian thế mà Trang Tử nói, tức là biết đem đạo xuất thế chuyển sang sống một cách tiêu dao tự tại giữa cõi người.

Nhan Hồi muốn làm thầy của bậc vua

Nhan Hồi kiến Trọng Ni, thỉnh hành.

Nhan Hồi yết kiến Khổng Tử, xin phép lên đường.

Viết: hề chi?

Hỏi: đi đâu vậy?

Viết: tương chi Vệ.

Đáp: định đi nước Vệ.

Viết: hề vi yên?

Hỏi: đi làm chi đó?

Viết: Hồi văn Vệ quân, kỳ niên tráng, kỳ hành độc,

Đáp: con nghe vua nước Vệ, tuổi đang tráng kiện, hành xử độc đoán,

khinh dụng kỳ quốc, nhi bất kiến kỳ quá.

coi nhẹ việc dùng nước, lại chẳng bao giờ thấy lỗi mình.

Khinh dụng dân tử, tử giả dĩ quốc lượng hồ,

Khinh suất khiến dân bỏ mạng, kẻ chết nhiều đến nỗi phải lấy cả nước ra mà đo,

trạch nhược tiêu.

ao đầm như bị thiêu cháy.

Dân kỳ vô như hĩ.

Dân chúng chẳng còn lối thoát rồi.

Câu chuyện này là ngụ ngôn mượn chuyện; Trang Tử đặc biệt mượn Khổng Tử để nói đạo lý nhập thế làm người xử sự. Vì học thuyết chủ trương của Khổng Tử nghiêng về đạo làm người, nghiêng về nhập thế, nên Trang Tử mượn giọng tha thiết khuyên nhủ như người thân trong nhà, mà nói ra bằng những lời nghe êm ái tốt lành như lời chúc Tết. Chuyện đó là châm biếm chăng? Hay là **"chánh ngôn nhược phản"** (lời ngay thẳng mà nghe như nói ngược)? Còn phải nhờ độc giả tự mình tham cứu. Trong số học trò của Khổng Tử, người phi thường bậc nhất là Nhan Hồi, nên ông mượn đối thoại giữa Nhan Hồi và Khổng Tử mà diễn đạt.

Nhan Hồi một hôm xin phép Khổng Tử, ông nói, con muốn rời đây ra nước ngoài, không học nữa. Khổng Tử hỏi, ngươi đi đâu? Ông đáp con định sang nước Vệ. Khổng Tử quen thân với các bậc thượng đại phu nước Vệ. **"Viết: hề vi yên?"** (đi làm chi đó?) Khổng Tử hỏi Nhan Hồi, ngươi sang nước Vệ để làm gì? Nhan Hồi trình bày một đạo lý, ông nói con nghe người ta kể, vua nước Vệ người ấy **"kỳ niên tráng"** (tuổi đang tráng niên): đang độ tráng niên rất đáng quý, có thể làm nên nhiều việc lớn. **"Kỳ hành độc"** (hành xử độc đoán): nhưng nghe kể vua nước Vệ trị nước, làm người, cách cư xử hết sức độc đoán, tự cho mình phải. **"Khinh dụng kỳ quốc"** (coi nhẹ việc dùng nước): ông ta quá thông minh, lại đúng tuổi tráng niên, đối với chính sự quốc gia rất tùy tiện, muốn sao thì làm, chẳng cân nhắc; **"nhi bất kiến kỳ quá"** (mà chẳng thấy lỗi mình): tự mình chẳng từng xét lỗi mình. Đây là Trang Tử mượn miệng Nhan Hồi bàn vua nước Vệ, nêu lên đạo lý làm người làm việc. Ta áp dụng câu "khinh dụng kỳ quốc" mà nói: có người ngay trong nhà mình, khinh dụng cái **"gia"** (ngôi nhà) ấy, mà chẳng thấy lỗi; làm sự nghiệp, hoặc mở công ty, khinh dụng cái **"thương"** (cơ nghiệp) ấy, mà chẳng thấy lỗi. Ý câu này là, phạm vi lớn nhỏ thế nào đi nữa, đạo lý vẫn như nhau.

"Khinh dụng dân tử" (coi nhẹ sinh mạng dân chúng): vì vua nước Vệ đang tuổi tráng niên; kẻ tráng niên có can đảm, có khí thế xung kích, nhưng trí tuệ chưa đủ, kinh nghiệm chưa đủ, vì thế chính sự nước Vệ rối loạn thảm hại. Làm lãnh tụ quốc gia, tuổi tráng niên lại độc đoán, cứ ý chí riêng mà quyết đoán tất cả, khinh dụng kỳ quốc, đến nỗi **"dân tử"** (dân bỏ mạng), dân chúng chịu tai họa chịu tội ách biết bao nhiêu! **"Tử giả dĩ quốc lượng hồ"** (kẻ chết phải lấy cả nước ra mà đo): người chết nhiều quá, nhiều đến mức có thể đem quốc gia ra cân đo. **"Trạch nhược tiêu"** (ao đầm như thiêu cháy): cứ làm thế mãi, ví như một dòng sông lớn bị lửa đốt, đốt cho nước cạn sạch, quốc gia này nguy hiểm lắm rồi. Chữ **"tiêu"** (蕉 - cây chuối) ở đây mượn dùng thông với chữ **"tiêu"** (焦 - cháy rụi). **"Dân kỳ vô như hĩ"** (dân chẳng còn lối thoát): Nhan Hồi nói con thương xót dân đen nước Vệ, nên con phải đi cứu họ.

Hồi thường văn chi phu tử viết:

Con thường nghe thầy dạy rằng:

trị quốc khứ chi, loạn quốc tựu chi.

Nước đã trị thì tránh khỏi, nước đang loạn thì tiến tới.

Y môn đa tật.

Cửa nhà thuốc thầy giỏi đông kẻ đau bệnh.

Nguyện dĩ sở văn tư kỳ tắc,

Con mong đem điều đã học mà suy nghĩ lấy phép tắc của nó,

thứ cơ kỳ quốc hữu sưu hồ!

may chăng nước ấy được khỏi bệnh!

Ông nói, thưa thầy, con theo thầy học bấy lâu nay, chịu nền giáo dục của thầy; ngày thường thầy dạy chúng con "trị quốc khứ chi". Nhan Hồi kể lại nền giáo dục của Khổng Tử, nghĩa là nước đã trị ổn rồi thì đừng đến; nước tốt đẹp rồi đi đó làm gì? Chỉ ăn cơm sẵn, làm công chức lãnh lương cao, chẳng có ý nghĩa gì. "Loạn quốc tựu chi": ông nói thầy dạy chúng con, nước có nguy nan nhất định phải đến, phải cứu thế cứu người; nay nước Vệ rất loạn, nên con phải đi cứu họ. "Y môn đa tật": cửa một thầy thuốc giỏi thì bệnh nhân rất đông; sang nước Vệ sẽ gặp không ít bệnh nhân mắc chứng bệnh tâm lý về chính trị, nên con muốn tới cái nước mắc bệnh chính trị ấy xem xét.

Nhan Hồi nói, đồng thời con còn muốn hoằng dương đạo lý nguyên tắc đã học nơi thầy. Nếu dùng lời Phật giáo mà diễn đạt, chính là đi độ chúng sinh, đi truyền đạo; theo Nho gia mà nói, là đến đó cứu thế cứu dân. "Thứ cơ kỳ quốc hữu sưu hồ!": ông nói nước của vua Vệ tật bệnh nhiều quá, con đến rồi biết đâu cứu được cái nước này, chữa lành căn bệnh của nó. Mọi người chú ý à, Trang Tử mượn tư tưởng của Nhan Hồi, thực chất chính là tư tưởng của người trẻ; chúng ta cũng từng trải qua tuổi trẻ, hồi trẻ nhìn ai cũng chẳng vừa mắt tí nào, cứ tưởng chỉ cần mình đứng ra là chắc chắn có cách. Tiếc thay bản thân không đứng ra; nếu dùng mình rồi, sớm có cách rồi. Các bạn nam nữ trẻ tuổi đều có tâm lý này, phải không? Nhan Hồi đại diện cho tâm lý tuổi trẻ, hố thế hệ giữa ông và Khổng Tử liền hiện ra; đây là thí dụ minh họa rõ nhất cho hố thế hệ giữa thầy và học trò trẻ.

Trọng Ni viết: hi, nhược đãi vãng nhi hình nhĩ.

Trọng Ni bảo: hừ, ngươi cứ đi thế thì e chỉ chịu hình phạt thôi.

Phù đạo bất dục tạp, tạp tắc đa, đa tắc nhiễu, nhiễu tắc ưu, ưu nhi bất cứu.

Đạo chẳng muốn tạp loạn: tạp thì sinh nhiều, nhiều thì quấy nhiễu, quấy nhiễu thì ưu não, ưu não thì chẳng cứu được ai.

"Trọng Ni viết: hi, nhược đãi vãng nhi hình nhĩ" (Trọng Ni bảo: hừ, ngươi cứ đi thế thì e chỉ chịu hình phạt thôi), chữ **"hi"** (譆 - thán từ) này à, ngày nay chúng ta đọc là **"tây"** (âm Quan Thoại hiện đại); thực ra chẳng phải đọc như thế. Khổng Tử vừa nghe liền hài hước chọc cái ý định sang Vệ của Nhan Hồi, nói **"nhược đãi vãng nhi hình nhĩ"** (ngươi cứ đi thì e chỉ chịu hình phạt): này! Ngươi đi đi! Đi đến nơi là mất đầu đấy. Khổng Tử tiếp đó trình bày một đạo lý, **"phù đạo bất dục tạp"** (đạo chẳng muốn tạp loạn): đạo Khổng Tử nói ở đây chẳng phải đạo để tu, nhưng cũng có thể tính là đạo của một nguyên tắc khác; nguyên tắc lớn đạo lý lớn của nhân sinh đều như nhau chẳng thể tạp, phải chuyên nhất. Câu này rất quan trọng; các bạn tu đạo ngồi thiền, muốn chứng quả vị, phải một môn sâu nhập, phương pháp chớ học nhiều. Phương pháp nhiều rồi, thiếu trí tuệ chẳng thể dung hội quán thông, kết quả chẳng thành gì cả. Đạo làm người làm việc, cái đạo của phép tắc này cũng vậy. **"Tạp tắc đa"** (tạp thì nhiều): đạo tạp rồi tư tưởng liền nhiều; **"đa tắc nhiễu"** (nhiều thì quấy nhiễu): tư tưởng nhiều rồi tự quấy nhiễu mình; **"nhiễu tắc ưu"** (quấy nhiễu thì ưu não): tự quấy nhiễu mình liền ưu não phiền muộn; **"ưu nhi bất cứu"** (ưu não thì chẳng cứu được): người có ưu não phiền muộn trong lòng, cứu mình còn chẳng xong, sao cứu nổi người khác? Sao cứu nổi thiên hạ quốc gia? Khổng Tử bắt đầu mắng Nhan Hồi từ chỗ ấy.

Cổ chi chí nhân, tiên tồn chư kỷ, nhi hậu tồn chư nhân,

Người xưa bậc chí nhân, trước hết lập thân cho mình, rồi mới lưu tâm đến người,

sở tồn ư kỷ giả vị định,

cái mình lưu tâm cho mình còn chưa vững,

hà hạ chí ư bạo nhân chi sở hành!

nào còn rảnh mà xét đến việc làm của kẻ bạo!

Đoạn này hoàn toàn là triết lý nhân sinh nói với người trẻ, là triết lý tu dưỡng tuổi trẻ mà Khổng Tử trình bày. Ông nói ta nói cho ngươi nghe, nền văn hóa truyền thống Trung Hoa, từ thượng cổ đến trung cổ đều đề cao **"tiên tồn chư kỷ"** (trước hết lập thân cho mình): trước phải cứu lấy mình, cái gọi là **"kỷ lập nhi lập nhân"** (mình đứng vững rồi mới giúp người đứng vững); đối với người học Phật, trước cầu tự độ, sau mới độ người. **"Sở tồn ư kỷ giả vị định"** (cái mình lưu tâm cho mình còn chưa vững): tự mình còn chẳng độ nổi, cứu mình còn chẳng xong, sao cứu nổi người! **"Hà hạ chí ư bạo nhân chi sở hành"** (nào còn rảnh mà xét đến việc làm của kẻ bạo): bệnh của mình còn chưa chữa khỏi, đâu có rảnh đi chỉ trích người ta, phơi bày khuyết điểm của người ta! Cho nên tư tưởng Đạo gia cùng Phật gia Nho gia đều như nhau; giá trị quan tu dưỡng nhân sinh của văn hóa truyền thống Trung Hoa, ở đây trong Trang Tử đã nói ra.

Nhan Hồi như phật đất qua sông

Thả nhược diệc tri phù đức chi sở đãng, nhi tri chi sở vi xuất hồ tai?

Há ngươi có biết chăng cái chỗ đức bị làm loãng, và trí xuất ra từ đâu chăng?

Đức đãng hồ danh, tri xuất hồ tranh.

Đức bị làm loãng vì danh, trí xuất ra vì tranh.

Danh dã giả, tương trát dã;

Danh, là cái để chèn ép nhau;

tri dã giả, tranh chi khí dã.

trí, là thứ khí giới để tranh đấu.

Nhị giả hung khí, phi sở dĩ tận hành dã.

Hai thứ ấy đều là hung khí, chẳng phải thứ để đi trọn đường đời.

Khổng Tử nói: hơn nữa, ngươi có biết **"đức chi sở đãng"** (chỗ đức bị làm loãng) chăng? Nghĩa là đạo đức bị tô vẽ quá mức thì chẳng còn là đạo đức nữa. Ví như một chiếc chén đựng nước, đổ đầy quá mức nước tràn ra, mặt bàn cũng ướt cả; nên đạo đức có giới hạn của nó, vượt quá phạm vi đạo đức ấy, gọi là đãng đức (đức bị làm loãng). **"Nhi tri chi sở vi xuất hồ tai?"** (còn trí xuất ra từ đâu?): ngươi tự cho mình có học vấn, có trí tuệ; nhưng, khôn ngoan quá mức chính là dốt, khôn ngoan thật sẽ chẳng bao giờ quá mức. Chỉ hiểu được tí chút đã đi dạy đời, ngươi dốt quá đấy!

Nói ngược lại, đạo đức tu dưỡng của người thường, vì sao không giữ được phận sự của mình, lại vượt quá phận sự ấy? Vì chịu ảnh hưởng của tâm lý. Tâm lý gì? Tâm danh, lòng ham danh hão! Nói theo thời nay là, vì chạy theo danh tiếng một cách vô duyên vô cớ, nên làm bằng mọi giá, vượt qua phạm vi đạo đức, ấy chính là **"đức đãng hồ danh"** (đức bị làm loãng vì danh). Vì tâm cầu danh, tiêu chuẩn hành vi của đời người đều bị phá vỡ. **"Tri xuất hồ tranh"** (trí xuất ra vì tranh): cái mình biết càng nhiều, tranh giành ý kiến càng lớn, học vấn chân chính cũng mất theo. Vì sao thế?

Vì cố chấp cái biết cái thấy cá nhân, ganh đua hơn thua; tranh chính là hiếu thắng. Chúng ta thấy người thật có học vấn trong lịch sử, họ chẳng phải vì thi cử công danh, họ chẳng cần công danh, họ đọc sách cho mình, cầu đạo cho mình, nên cả đời thành tựu, danh lưu thiên cổ.

Kể một chuyện tiếu lâm: từ đời Đường trở đi, chế độ khoa cử thịnh hành, bảy tám trăm năm đời Minh Thanh, người ta chỉ biết làm văn bát cổ đi thi, chẳng còn biết học vấn thật là gì. Đến cuối nhà Thanh, có chuyện có thật, chẳng phải chuyện cười: một cử nhân đậu đạt công danh, bỗng một hôm hỏi bạn, ôi! Khổng Tử năm xưa thi đậu cử nhân khoa nào? Lại có một người, đã đậu cử nhân, đến nhà một người cùng đậu một khoa, thấy trên tủ sách của bạn kia bày một bộ *Sử Ký*, anh ta nói: *Sử Ký* à, ối giời, bộ sách này tôi chưa đọc bao giờ, ai viết thế nhỉ? Tư Mã Thiên chứ ai! Vậy Tư Mã Thiên đậu tiến sĩ khoa nào? Thời đó đã có hạng người như vậy.

"Danh dã giả, tương trát dã; tri dã giả, tranh chi khí dã" (danh là cái để chèn ép nhau; trí là thứ khí giới để tranh đấu): ông nói người ta vì cầu danh mà làm bậy bằng mọi giá, tự mình bị danh tiếng vây khốn; vì hiếu thắng, vì bảng vàng có tên mà đọc sách, chẳng phải vì học vấn mà đọc sách. **"Tranh chi khí"** (khí giới của tranh đấu): đây là khởi đầu tâm lý tranh đấu; chẳng phải nói danh và tri thức là điều xấu, mà là nói vì cầu danh, vì hiếu thắng mà cầu tri thức, thì hai thứ ấy đều chẳng phải điều tốt. **"Nhị giả hung khí, phi sở dĩ tận hành dã"** (hai thứ đều hung khí, chẳng phải thứ để đi trọn đường đời): hai thứ ấy đều là vũ khí sát sinh, hủy hoại sinh mệnh của mình; đó chẳng phải hành vi đạo đức, chẳng phải thật hiểu nhân sinh sinh mệnh.

Thiên *Nhân Gian Thế* có một trọng điểm: từ *Tiêu Dao Du* nói cách giải thoát; nhờ giải thoát mà thành siêu nhân; tu đến đạo hình nhi thượng, vạn vật tề nhất mà biết bình đẳng; rồi mới hiểu được làm người thế nào, dưỡng sinh thế nào, làm sao để sinh mệnh này sống có giá trị; sau đó mới có thể nhập thế. Lần trước nhắc đến đoạn nhập thế, mới mở đầu được chút ít, chính là chuyện Khổng Tử với Nhan Hồi. Xét trên lịch sử ta biết, cả đời Khổng Tử quan hệ với nước Vệ và các đại thần của Vệ Linh công rất tốt, rất sâu, và phần lớn cuộc đời Khổng Tử sống ở nước Vệ.

Lịch sử chúng ta tinh vi lắm; nét đặc biệt của lịch sử Trung Hoa có một tên gọi là **"thụy pháp"** (谥法 - phép đặt thụy hiệu), một tinh thần đặc hữu của lịch sử Trung Hoa. Dù vua chúa đại thần danh nhân, việc làm cả đời đúng hay sai, chết rồi đều có một tước hiệu, gọi là thụy pháp. Người xưa coi trọng cái tước hiệu này lắm, tiếc thụy pháp nay không còn giữ nữa. Như vài vị hoàng đế, ta nói đại khái một vị: Hán Ai Đế nhà Hán, nghe cái tên đã thấy bi ai. Nhà Hán cuối cùng bị Tào Tháo thao túng, người kết thúc là Hán Hiến Đế; chữ hiến ấy dĩ nhiên chẳng thể giải nghĩa theo hướng đó, nhưng cũng có thể nói là đã dâng cả giang san cho người ta rồi. Lại như Hán Văn Đế, Hán Tuyên Đế, Chu Văn Vương; các đời được thụy được một chữ Văn, một chữ Tuyên, rất khó khăn. Trong hàng đại thần như Tăng Quốc Phiên nhà Thanh, tước hiệu sau khi chết là Tăng Văn Chính, đó là thứ khó có được nhất. Lại như Vương Dương Minh đời Minh, thụy phong Vương Văn Thành, còn chưa dám gọi Văn Chính. Người đọc sách xưa chỉ sợ cái thụy hiệu sau khi chết này, vì nó mãi mãi chẳng thể đổi được.

Lại như Hán Linh Đế nhà Hán, hay Vệ Linh công nước Vệ thời Chiến Quốc, có một chữ linh thì chẳng mấy linh, có phần thần kinh khùng khùng. Nhà Tống có một hoàng đế gọi là Tống Thần Tông, tức có chút dáng vẻ thần thần bí bí. Nên kẻ làm vua làm tôi Trung Hoa, cách làm người, nhất là cách làm việc, phải có tinh thần chịu trách nhiệm trước lịch sử; ai cũng chẳng thoát khỏi phán xét công bình của lịch sử, phải thì là phải, trái thì là trái.

Nay ta đã hiểu Vệ Linh công; vị chư hầu này trong lịch sử, nói theo lời hậu thế mà gượng thì, vị "hoàng đế" nước Vệ này khá lắm, chẳng đến nỗi xấu, chỉ là hạng người hơi xuề xòa lãng đãng. Nhưng quan lại đại thần ông dùng đều hạng nhất lưu, như Cừ Bá Ngọc nổi danh bậc nhất, là tể tướng của Vệ Linh công, đến Khổng Tử cũng hết sức phục.

Nên Khổng Tử cả đời bôn ba lưu lạc, vậy mà ở nước Vệ lại ở rất lâu, vì có Cừ Bá Ngọc và những người như thế chăm lo cho ông.

Lại ví như Yến Tử (Yến Anh), người lùn nổi danh trong lịch sử, hiền tướng nước Tề, cũng là bạn thân của Khổng Tử. Nhưng Khổng Tử không thể ở được nước Tề; Yến Tử cũng chẳng mong ông ở lại Tề, nghĩ cách đuổi ông đi, đây là một bí mật trong lịch sử. Vì Yến Tử muốn bảo toàn Khổng Tử, sợ ông ở Tề lâu rồi sinh biến, sẽ có người ám hại. Yến Tử dù là tể tướng một nước cũng chẳng bảo vệ nổi, nên Khổng Tử đành phần nhiều thời gian ở nước Vệ. Còn nước Vệ thì sao? Trên ngai đã là hậu nhân của Vệ Linh công, cũng khó chơi lắm. Nhan Hồi có xin Khổng Tử cho sang Vệ chăng? Tra lịch sử có được chăng? Không biết. Nhưng chuyện này giờ xuất hiện trong sách Trang Tử.

Phải chú ý đặc biệt: tự đề của thiên này gọi là *Nhân Gian Thế*. Một trí thức, nhất là chúng ta người trẻ, ai cũng có nhiệt huyết vì nước vì thiên hạ; đó chính là điều bài thơ nổi danh của Lục Phóng Ông tả:

Tảo tuế na tri thế sự gian, Trung nguyên bắc vọng khí như sơn. (lúc nhỏ nào hay đời gian nan; nhìn về phương bắc Trung nguyên, khí thế như núi)

Lâu thuyền dạ tuyết Qua Châu độ, thiết mã thu phong Đại Tán quan. (thuyền lầu đêm tuyết qua bến Qua Châu; ngựa sắt gió thu nơi ải Đại Tán)

Bây giờ bậc trung học có còn dạy những câu thơ văn ấy chăng, chẳng rõ! Vì tôi ít để mắt đến sách giáo khoa rồi; ngày xưa chúng tôi mới bảy tám tuổi đã học những thơ này trước, bây giờ dường như đến trung học phổ thông mới đọc, e mai này phải lên nghiên cứu sinh mới đọc loại sách ấy. Bài thơ nói về người trẻ: **"tảo tuế na tri thế sự gian"** (lúc nhỏ nào hay đời gian nan), với gian nan khốn khổ của nhân gian chẳng hiểu chút nào, nên cái khí vũ ấy cứ tưởng thiên hạ quốc gia chỉ cần mình ra tay là có cách. **"Trung nguyên bắc vọng khí như sơn"** (nhìn về phương bắc Trung nguyên, khí thế như núi): xem tâm lý người trẻ, gần như thời đại nào cũng vậy. Thuở ấy Nam Tống đang giao chiến với nước Kim, quốc gia trong chiến hỏa, Lục Phóng Ông lúc nào cũng mang tư tưởng khôi phục giang san. **"Lâu thuyền dạ tuyết Qua Châu độ"** (thuyền lầu đêm tuyết qua bến Qua Châu): lâu thuyền thời cổ, tức thứ mà ngày nay gọi là hải quân, làm thủy quân ở hạ lưu Trường Giang. **"Thiết mã thu phong Đại Tán quan"** (ngựa sắt gió thu nơi ải Đại Tán): lại muốn ra cao nguyên tây bắc, làm lục quân tác chiến. Tâm trạng ấy của Lục Phóng Ông, phàm con cái thời loạn thế, nhất là người trẻ có học, có chí khí có hoài bão, đều có cái khí phách ấy, có thể nói xưa nay trong ngoài đều như một.

Nay Trang Tử tả Nhan Hồi, cũng là tâm lý ấy. Thấy thiên hạ quốc gia chẳng ổn định, rất muốn đứng ra làm nên chuyện lớn; tâm lý này đại diện cho tâm lý của tất cả mọi người. *Nhân Gian Thế* bây giờ chính là giảng đạo lý này. Trang Tử tuy đứng trên lập trường Đạo gia, thực tế thời điểm này là thời Nho Đạo chẳng chia nhà; chẳng giống đời sau phân chia Đạo gia Nho gia gay gắt. Khi ấy cái gọi là Đạo gia bao gồm cả Nho gia và Đạo gia; nên Nhan Hồi ôm sẵn khí phách ấy, muốn đi kiến vua Vệ, muốn giáo hóa vua Vệ, khiến ông thành lãnh tụ hiền minh. Khổng Tử nghe rồi liền huấn thị dạy dỗ Nhan Hồi; đoạn này cũng là dạy dỗ tất cả người đời, trọng điểm phía trước đã nói tới. Khổng Tử nói, ngươi mà đi thì chẳng những chẳng giáo hóa nổi vua Vệ, ngược lại còn gửi luôn cái mạng này; vì đạo lý nhân gian chẳng thể tạp loạn, phải chuyên nhất, tinh thần chuyên nhất, có đầu có cuối có bền. Dục vọng nhiều, biết nhiều thì chẳng thể chuyên, ngược lại quấy nhiễu mình, cũng quấy nhiễu người. Tư tưởng nhiều rồi, phức tạp rồi, phiền não thống khổ cũng lớn; phiền não thống khổ quá nhiều, cứu mình còn chẳng nổi, còn cứu nổi người khác chăng? Đó chính là đại nguyên tắc nhân sinh.

Đại khái người thường chúng ta, từ trẻ đến già, đều mắc cái tật này, đó là kinh nghiệm của chính mình; nên đợi tuổi già mới tỉnh, thì đã muộn. Tôi thường có một cảm nghĩ: nếu dũng khí của người trẻ cộng thêm trí tuệ của kẻ già, hai thứ kết hợp, việc thiên hạ sẽ dễ dàng biết mấy. Kết quả là người già rồi, trí tuệ tuy thành tựu, nhưng chẳng những không còn dũng khí, nằm xuống ngủ còn chẳng đủ sức, nên chẳng làm nổi việc; người trẻ dù có dũng khí, cái liều lĩnh thiếu hiểu biết ấy, chẳng có cách gì. Nên nếu nói có hố thế hệ, cái hố thế hệ này chẳng thể vá nổi. Giả sử một người hội đủ dũng khí của tuổi trẻ và trí tuệ trưởng thành của tuổi già, thì việc thiên hạ thật chẳng đáng sợ. Kết quả chúng ta chẳng làm được, đó là lời cảnh cáo cho tất cả.

Nên Khổng Tử bảo Nhan Hồi, lặp đi lặp lại truyền thống văn hóa Trung Hoa: **"tiên tồn chư kỷ, nhi hậu tồn chư nhân"** (trước lập cho mình xong, rồi mới lưu tâm đến người). Trước hết phải tự đứng dậy nổi, rồi mới phụ người khác đứng dậy. Nhưng hồi trẻ chúng ta luôn có một cái tật: leo còn chưa vững đã thích đỡ người khác đứng dậy, tự thấy mình cực kỳ cao minh và đầy chủ ý. Bao nhiêu năm nay tôi hay ở cạnh các bạn học trò trẻ, vì tôi rất sợ mình già rồi mê muội, sẽ lạc hậu. Nhưng mấy chục năm kinh nghiệm học theo người trẻ, tôi thấy người trẻ mãi mãi không theo kịp chúng ta. Vấn đề là gì? Vì đợi chúng ta học hết cái của họ, thì họ chẳng hề học lấy kinh nghiệm của chúng ta. Nên người trẻ có thể tồn chư kỷ mà tự đứng dậy nổi, rất ít; nếu có cũng là người phi thường đặc biệt, nhất định là kẻ trí tuệ năng lực đều cường mạnh. Học đạo cũng thế. Xem lời Trang Tử nói, **"cổ chi chí nhân, tiên tồn chư kỷ, nhi hậu tồn chư nhân"** (người xưa bậc chí nhân, trước lập thân cho mình, rồi mới lưu tâm đến người); Nho gia nói **"kỷ lập nhi lập nhân"** (mình đứng vững rồi mới giúp người đứng vững); Phật gia nói trước cầu tự độ rồi mới độ người, đều như nhau. Nên triết lý của bậc thánh hiền xưa nay trong ngoài đều một đường lối, chẳng hai khác. Đây là lặp lại điều đã nói phía trước; phía trước nói quá vội, nên nay nhắc lại.

Nghề nghiệp và sự nghiệp

Tôi thường trò chuyện với bạn bè, bảo họ có một vấn đề lớn: dù sống mấy chục năm, quan niệm nhân sinh của mình chẳng có phương hướng, cứ xoay theo hoàn cảnh; ấy là mắc phải điều Trang Tử nói **"sở tồn ư kỷ giả vị định"** (cái mình lưu tâm cho mình còn chưa vững). Ví như nói, cả đời ta chỉ muốn làm một người chuyên ngủ, cứ có giấc ngủ là được, việc gì cũng chẳng quản; quan niệm nhân sinh của anh ta là ngủ, vậy cũng coi như đã xác định; ngủ đến mức sắp chết đói, chẳng có cơm ăn cũng chẳng quản, vì **"cầu nhân đắc nhân"** (cầu điều mình muốn mà được đúng điều ấy) mà thôi! Vậy cũng được, chết rồi cho anh ta một thụy hiệu, gọi anh ta là Linh công cũng được! Hoặc gọi là Thần công cũng được! Chỉ sợ đến một quan niệm nhân sinh kiểu thần kinh ấy còn chưa xác định nổi, cứ xoay theo hoàn cảnh loạn xạ; đó là chuyện đáng buồn lắm, phải chú ý gấp mười!

Ví như nghề nghiệp của người, đều để cầu sinh tồn; làm hoàng đế cũng là nghề, đi ăn mày cũng là nghề; là khác nhau về nghề nghiệp, chẳng phải khác nhau về sự nghiệp. Vậy sự nghiệp trong văn hóa Trung Hoa là gì? Khổng Tử cũng từng nói trong *Hệ từ truyện* của *Kinh Dịch*: **"cử nhi thố chi thiên hạ chi dân, vị chi sự nghiệp"** (đem ra thực thi cho dân thiên hạ, gọi là sự nghiệp). Một người bất luận làm hoàng đế hay đi ăn mày, hay đi làm thuê, việc làm cả đời của ngươi, **"cử"** (đem ra), tức hành động của ngươi; **"thố chi thiên hạ chi dân"** (thực thi cho dân thiên hạ), khiến xã hội hưởng được phúc lợi của ngươi, nhận ân huệ của ngươi, mà được một phần an định; thành tựu như thế gọi là sự nghiệp. Ta xem một bộ Nhị thập ngũ sử, bao nhiêu hoàng đế, bao nhiêu tể tướng, bao nhiêu trạng nguyên; bây giờ bộ óc ta đọc ra được bao nhiêu? Hai mươi cũng chẳng đọc nổi! Vì sao? Vì họ chẳng có sự nghiệp giữa trần gian; mấy chục năm ở nhân gian qua loa cho xong, chỉ là một nghề nghiệp mà thôi. Nhất là các thái tử thuở xưa lên ngôi hoàng đế, hạng người ấy trong lịch sử, ta đặt cho họ một tên gọi là hoàng đế nghề nghiệp: anh ta sinh ra để làm vua, chẳng có cách nào, ai kêu chữ **"thất"** (七 - bảy) của hắn viết chẳng đẹp mà **"bát tự"** (八字 - số mệnh) lại đẹp đấy!

Thuở nhà Thanh có một chuyện tiếu lâm: có người đi nhận chức huyện trưởng, chữ còn chẳng nhận hết; một hai ba bốn năm sáu bảy, viết tới chữ **"thất"** (七 - bảy), đáng lẽ phải cong sang phải, anh lại viết cong sang trái. Viên binh vệ đứng cạnh nói: đại lão gia, chữ thất của ngài viết sai rồi; chữ thất phải cong về phía này, sao ngài lại cong về phía kia? Viên huyện trưởng chịu không nổi, quăng bút nói: cha ông đây thất tự viết xấu nhưng bát tự đẹp; mi vẫn làm lính, cha ông đây vẫn làm quan, mi quản cha ông đây viết sai chữ hay không! Những hoàng đế nghề nghiệp ấy, anh ta đúng là bát tự đẹp, nhưng chẳng có sự nghiệp, chẳng có đóng góp gì trong lịch sử. Vì sao chẳng có đóng góp? Vì **"sở tồn ư kỷ giả vị định"** (cái mình lưu tâm cho mình còn chưa vững), quan niệm nhân sinh của mình chưa xác định; hai chữ **"vị định"** (chưa vững) phải chú ý đặc biệt. Người đã xác định được quan niệm nhân sinh rồi, giàu sang nghèo hèn chẳng còn là chuyện, có địa vị hay không, có cơm ăn hay không, có tiền hay không, đều như nhau; nhân sinh tự nhiên có giá trị hiện hữu của ta. Nên Khổng Tử bảo Nhan Hồi, ngươi **"sở tồn ư kỷ giả vị định"** (cái mình lưu tâm cho mình còn chưa vững), quan niệm nhân sinh, tu dưỡng đạo đức học vấn của ngươi đều chưa xác định; **"hà hạ chí ư bạo nhân chi sở hành"** (nào còn rảnh mà xét đến việc làm của kẻ bạo), ngươi đâu có rảnh mà phơi bày lỗi lầm của người ta!

Đạo là đạo, đức là đức

"Thả nhược diệc tri phù đức chi sở đãng" (há ngươi có biết cái chỗ đức bị làm loãng chăng): hai chữ "đạo đức" vốn xưa nay tách rời, chẳng phải ghép lại dùng chung; đạo là đạo, đức là đức. Ví như *Đạo Đức Kinh* của Lão Tử chia làm hai quyển: quyển trên giảng đạo, quyển dưới giảng đức; ông chẳng ghép lại dùng; đạo là thể, đức là dụng. Vậy chữ đức (德) mà người xưa nói, với quan niệm ghép hai chữ "đạo đức" của đời sau, về nội hàm, về lô-gic có khác biệt; ta phải chú ý đặc biệt.

Người nay vừa nhắc tới đạo đức là chẳng khác gì cam chịu nhục nhã; nên người giảng đạo đức, tựa như ngươi tát má trái, ta còn đưa má phải cho ngươi tát, như vậy mới hợp đạo đức; chuyện này khó nói lắm. Đạo với đức mà người xưa nói, chẳng phải quan niệm kiểu đời sau; nó có phân lượng, có phạm vi rất rõ. Chữ đức (德) này, với chữ **"đắc"** (得 - được) là một; nếu theo sách cổ Trung Hoa giải thích, tức là **"đức giả đắc dã"** (đức tức là được). Ta xem chú giải nửa ngày, chẳng chú giải thì còn đỡ, càng chú giải càng rối; "đức giả" làm sao lại là "đắc dã" được? Đây lại phải động não suy nghĩ. Chữ đức nghĩa là thành quả; một việc làm xong phải có thành quả. Ví như có người miệng nhắc mãi nhân nghĩa đạo đức, nhưng phải có thành quả của nhân nghĩa đạo đức đưa ra, bằng không chỉ là lời suông, chẳng có ích gì. Nay trời mưa, ta định chạy ra đường; ngươi đừng chỉ đứng trong phòng bảo ta đừng đi, chẳng cần bàn lý luận; ngươi có cách khiến ta không ra đường, mục đích của ngươi có một thành quả, khi ấy ngươi mới **"đắc"** (được). Lấy một câu thơ cổ mà nói: **"sự đáo hữu công phương xưng đức"** (việc đến chỗ có công mới xưng là đức), nên mới gọi là công đức. Một việc làm tới nơi tới chốn, từ gian lao cực nhọc nhất mà được thành quả, ấy chính là đức. Nên có người muốn làm người tốt; ngươi làm người tốt thì đừng nói, hãy làm ra. Nay ta về chữ đức, trước hết hiểu như vậy đã.

Khổng Tử bảo Nhan Hồi: **"thả nhược diệc tri"** (há ngươi cũng biết chăng), nhìn bốn chữ này, dường như chẳng liên quan gì, tựa như cổ văn lộn xộn bừa bãi. **"Thả"** (且 - hơn nữa) là hơn nữa; **"nhược"** (若 - ngươi) là ngươi. Nói gọn thì bạch thoại của ta là: ngươi có biết chăng? Chữ phù (夫) thì hóa thành dấu hỏi. **"Đức chi sở đãng"** (chỗ đức bị làm loãng): giảng đạo đức là phải, nhưng chớ vượt quá phạm vi của đạo đức.

Tôi thường kể một chuyện: có một bạn học, đêm đêm chạy taxi; một hôm đang chạy trên đường, thấy một người bị đánh thương; vì anh ăn chay học Phật, giảng đạo đức, lúc đầu định cho xe chạy qua, chợt nghĩ thế chẳng phải tâm người học Phật, liền lùi xe lại ngay, đưa người ấy lên xe, chở tới đồn cảnh sát. Vì tôi quy định các bạn học trò đều phải viết nhật ký, xem tới đoạn nhật ký ấy, tôi cầm bút đỏ viết ngay: cách làm đạo đức của ngươi chẳng khéo, sẽ sinh chuyện. Đoạn nhật ký sau, quả nhiên sinh chuyện: người nhà nạn nhân tìm tới, bảo chính anh đánh thương người ta, về

sau phiền phức không kể hết. Nên nói, làm việc tốt có cách làm của việc tốt; nhất là xã hội ngày nay, làm việc tốt đương nhiên nên, nhưng phải xử lý bằng trí tuệ; xử lý chẳng khéo, làm việc tốt ngược lại chuốc lấy phiền phức. "Đức chi sở đãng" chính là ý ấy; đạo đức có chuẩn mực của đạo đức, cũng có cách làm của nó; ngươi chẳng biết dùng trí tuệ, là vượt quá phạm vi, đạo đức ngược lại hóa thành bất đạo đức. Hoặc nên nói phi đạo đức, vì nói bất đạo đức thì quá nặng; phi đạo đức là chẳng thể nhận rõ; nếu nói bất đạo đức thì quá khẳng định, phi đạo đức còn có chỗ thương lượng; đây cũng là vấn đề lô-gic.

Bạn học ấy sau khi bị tôi mắng mấy lần, làm việc tốt cẩn thận hơn chút. Anh làm việc tốt rất nhiệt tâm, kết quả nhiệt tâm đến mức bản thân phiền não cùng cực; ấy chính là **"đức chi sở đãng, nhi tri chi sở vi xuất hồ tai?"** (đức bị làm loãng, mà trí xuất ra từ đâu?), cũng là danh ngôn của nhân sinh.

Đạo đức tràn lan

Xem sử của loài người khắp thế giới, nhất là lịch sử Trung Hoa: mấy nghìn năm, mỗi triều đại, phe phái tranh giành ý kiến trước mặt hoàng đế, đều mắc cái tật này: **"đức đãng hồ danh"** (đức bị làm loãng vì danh). Người đọc sách muốn lập đại công dựng đại nghiệp, nhưng tâm danh bỏ không được, vì ham danh mà vượt quá phạm vi đạo đức. Chuyện như thế trong lịch sử nhiều lắm, đều do tâm danh sai khiến; trí thức dễ mắc cái tật này nhất, phải chú ý gấp mười.

"Tri xuất hồ tranh" (trí xuất ra vì tranh): người trí tuệ tri thức càng cao, ý kiến càng nhiều, tranh chấp càng dữ dội; đừng coi thường người đọc sách, giáo dục càng cao, học vấn càng tốt, càng khó xử, ý kiến càng nhiều. Nên người xưa nói: người thường chưa được giáo dục cũng hay cãi nhau, ấy rất đơn giản, cãi vì dục vọng, dục vọng thỏa mãn thì thôi cãi. Trí thức dục vọng thỏa mãn rồi vẫn cãi, vì sao? Vì tranh giành ý kiến. Vì ý kiến khác nhau, hai bên cãi nhau tới mức không dứt nổi. Nên đảng họa các triều đại, đời Tống đời Minh, nhìn vào thương tâm biết bao, đều phạm giới luật mấy chữ này: "đức đãng hồ danh, tri xuất hồ tranh". Nên ta sâu đọc lịch sử, rồi đọc lại đoạn này của Trang Tử, nhìn rất rõ. Càng là trí thức, tranh danh tranh ý kiến càng dữ; cuộc đấu tranh ấy đáng sợ hơn hết thảy, vì trong đó dính tới vấn đề tâm danh. Tâm danh này chẳng phải cầu cái danh tiếng, chữ danh bao gồm cả danh lý học; danh lý học thời Chiến Quốc chính là lô-gic, bao gồm khác biệt về quan niệm lô-gic, sẽ cố chấp đến mức sinh ra tranh giành.

Nên Trang Tử mượn miệng Khổng Tử bảo Nhan Hồi: **"danh dã giả tương trát dã"** (danh là cái để chèn ép nhau); đạo đức cao nhất của người, nếu thật mài phẳng được tâm danh, thì chẳng còn gọi là danh nữa; chuyện này rất khó; nên Trang Tử phía sau sẽ nhắc: kêu trâu cũng được kêu ngựa cũng được, người ta kêu sao nghe vậy. Người bỏ được tâm danh hão, mặc kệ người kêu, tới cảnh giới ấy mới chẳng còn tâm danh. Ta thấy người học Phật tu đạo coi nhẹ danh, tên mình chẳng cần, lấy một cái tên gọi thay gọi là pháp danh, làm thay làm tạm. Kết quả tên mình chẳng tranh, vì pháp danh tranh dữ dội, tranh đến chết đi sống lại; ấy cũng là tâm danh, đủ thấy tâm danh khó bỏ thế nào. Nên, với thành kiến cố chấp trên tri thức của mình, **"tranh chi khí dã"** (là khí giới của tranh đấu), tức công cụ đấu tranh của nhân sinh. **"Nhị giả hung khí"** (hai thứ đều hung khí): "tâm danh" và "thành kiến", hai thứ ấy đều là hung khí của thiên hạ. **"Phi sở dĩ tận hành dã"** (chẳng phải thứ để đi trọn đường đời): đó chẳng phải hành vi đạo đức, cũng chẳng phải thật hiểu nhân sinh. Phía trước giảng tới đây, nay xin bổ sung thêm lời Khổng Tử dạy Nhan Hồi, còn chưa giảng hết.

Thả đức hậu tín cang, vị đạt nhân khí,

Vả chăng, đức dày, lòng tin vững, mà chưa thấu tình người,

danh văn bất tranh, vị đạt nhân tâm.

tiếng tăm chẳng tranh, mà chưa thấu lòng người.

Nhi cưỡng dĩ nhân nghĩa thằng mặc chi ngôn thuật bạo nhân chi tiền giả,

Lại cứ gắng đem lời lẽ nhân nghĩa, khuôn thước thằng mặc mà trình bày trước mặt kẻ bạo,

thị dĩ nhân ố hữu kỳ mỹ dã,

nên người ta ghét cái hay đẹp của mình,

mệnh chi viết tai nhân.

gọi mình là kẻ rước tai họa.

Tai nhân giả, nhân tất phản tai chi,

Kẻ rước tai họa cho người, người ắt đem tai họa phản lại,

nhược đãi vi nhân tai phù!

e rằng ngươi sắp thành kẻ chuốc lấy tai họa vì người!

Ông nói, vả chăng chúng ta người này, rất dễ mắc bốn chữ **"đức hậu tín cang"** (đức dày, lòng tin vững). Trí thức tự mình chịu chút giáo dục, có chút tri thức, coi quy phạm đạo đức rất nghiêm trọng, nền tảng rất dày. Trong Phật học có năm thứ "kiến", kiến tức quan niệm. Có một thứ kiến gọi là **"giới cấm thủ kiến"** (chấp chặt giới cấm): tự lập ra một điều giáo điều, nắm chặt không buông, trái điều ấy cho là chẳng hợp giáo hóa đạo đức. Ví như nói tà đạo trứng vịt ấy vậy! Chẳng ăn trứng gà chỉ ăn trứng vịt, hoặc chẳng ăn trứng vịt chỉ ăn trứng gà, tôi cũng chẳng rõ lắm! Họ cho ăn thứ khác là phạm giới, ăn thứ này mới đúng; đó là sự cố chấp đạo đức, cho mình mới là đạo đức. Thực tế là sai, gọi là tà kiến, cũng gọi là giới cấm thủ kiến; nhưng họ nắm rất chặt. **"Tín cang"** (lòng tin vững): lòng tin tự thân quá mạnh. **"Vị đạt nhân khí"** (chưa thấu tình người): nhiều người tu thành học vấn đạo đức, tự cho cái của mình chính là đạo đức; hạng ấy là người phương cương, nên rất ngay thẳng, rất cứng cỏi, rất đạo đức. Chuẩn mực đạo đức của anh ta chớ có đụng vào! Vuông là vuông, tròn là tròn, đạo lý trình bày rất phải, nhưng kỳ thực anh ta chẳng hề hiểu; nên là "đức hậu tín cang, vị đạt nhân khí".

Kẻ chẳng thông nhân tình thế sự

Ông nói, ngươi đối với ý vị của nhân sinh chẳng hiểu, hơi thở của sinh mệnh chẳng thấu; tự mình tuy cũng là một con người, mà chẳng hiểu đạo lý làm người. **"Danh văn bất tranh, vị đạt nhân tâm"** (tiếng tăm chẳng tranh, chưa thấu lòng người): đây là ông nói về Nhan Hồi. Nhan Hồi là đệ tử của Khổng Tử xếp thứ nhất về đạo đức; **"nhất đan thực, nhất biều ẩm, tại lậu hạng"** (một giỏ cơm, một gáo nước, ở trong ngõ hẹp); anh ta nghèo thảm thiết, chỉ có một chén nước lạnh, nửa hộp cơm, ở trong hẻm xấu, tiền vé xe buýt còn chẳng mua nổi, vậy mà vẫn tự vui với niềm vui của mình ở đó; đương nhiên đạo đức rất tốt. Nhưng Khổng Tử bảo Nhan Hồi **"đức hậu tín cang, vị đạt nhân khí"** (đức dày, lòng tin vững, mà chưa thấu tình người), chẳng thông nhân tình. Kỳ thực Khổng Tử chưa từng nói Nhan Hồi thế; những lời ấy đều là Trang Tử mượn miệng Khổng Tử mà nói; biết đâu Khổng Tử từng nói, chỉ mình Trang Tử nghe được, chúng ta chẳng nghe được, các học trò khác cũng chẳng nghe được; thế thì mặc! Dù sao Trang Tử cũng là mượn đề mà phát huy, đạo lý chẳng sai. "Danh văn bất tranh": nói theo người nay, tức anh chưa lên truyền hình bao giờ, chẳng có độ nổi danh, báo chí cũng ít thấy in tên anh, nên mọi người chẳng biết anh. "Vị đạt nhân tâm": ai biết anh có gì phi thường đâu? Lòng người khác chẳng phục anh.

Nói cách khác, Khổng Tử nói về anh: mi ngươi này, cá tính mạnh thế, tự cho học vấn của mình tốt, vuông đến mức hơn cả khối gỗ, lạnh hơn cả cục nước đá trong kho lạnh; rồi lại tự tin dữ dội, tính khí cứng cỏi gay gắt; ngươi chẳng

thông nhân tình thế sự; ngươi Nhan Hồi mới hai mươi mấy tuổi, anh là ai mà dám? Tiếng tăm chẳng tranh, chưa thấu lòng người, xã hội chẳng ai biết ngươi là ai, vậy mà định đi kiến vua Vệ à! **"Cưỡng dĩ nhân nghĩa thằng mặc chi ngôn thuật bạo nhân chi tiền giả"** (cứ gắng đem lời lẽ nhân nghĩa, khuôn thước thằng mặc mà trình bày trước mặt kẻ bạo): ngươi bỗng chạy tới nói với ông ta bộ học vấn của ta đây, nhân nghĩa đạo đức. Thằng mặc tức khuôn phép, thợ mộc ngày xưa dùng.

Khổng Tử nói, ngươi này! Tuổi trẻ đầu đời, muốn đi giáo hóa vua Vệ, lại cứ gắng đem lời lẽ nhân nghĩa khuôn thước thằng mặc, cả bộ lý luận ấy, ra phô bày phương pháp của ta; **"bạo nhân chi tiền giả"** (trước mặt kẻ bạo): ngươi chẳng phải khiến người ta mất mặt ngay tại chỗ, lại còn phơi bày lỗi lầm của người ta nữa à? **"Thị dĩ nhân ố hữu kỳ mỹ dã"** (nên người ta ghét cái hay đẹp của mình): ngươi nghĩ xem, người kia còn thích ngươi nữa chăng? Quyết chẳng cho ngươi là đúng; chuyện này quá chẳng đẹp, quá tồi; ngươi làm thế nào thế?

Nói thật, hạng người khó hiểu như thế quả không hiếm! Tôi cũng thường gặp. Chưa nói gì khác, bản thân tôi nhiều khi bị học trò dạy bảo. Ngày trước thời đại học có, dạo gần đây tôi gặp mấy vị nữa; một vị là bạn đồng môn thời tôi dạy đại học, tức tối chạy tới đứng sừng sững trước mặt tôi, nói: người như thầy vậy nên trốn tránh, bất kể ai tới xin gặp đều chẳng nên tiếp, rồi phải thế này thế kia… một đống lý luận. Tôi bảo anh nói đều đúng cả, để tôi suy nghĩ đã! Vài ngày nữa trả lời anh! Anh cứ tới nghe tôi giảng bài rồi hãy nói. Mấy hôm sau xuống lớp, anh chẳng nói nữa, tôi cũng chẳng hỏi, anh từ từ hiểu ra. Vài năm sau, tôi bảo anh thuở ấy chạy tới đứng trước mặt tôi nói với tôi, nói rất phải rất phải. Đúng có hạng người như thế, giờ đây vẫn còn nguyên hiện trường.

Dạo gần đây còn có một học trò chạy tới khuyên tôi: thầy ơi! Chỗ thầy, thính giả đông thế, cần quản lý khoa học mới được. Tôi bảo phải phải phải, anh coi quản lý thế nào? Anh thiết kế giúp tôi một thể được chăng? Anh bảo: được, tôi thiết kế cho thầy. Vài hôm sau tôi nhờ một bạn học tới hỏi ý anh, chỗ tôi đây có người lớn tuổi, người trẻ tuổi v.v., anh lập giúp phương án quản lý khoa học xem sao. Cuối cùng anh bảo bạn ấy: nơi này hình như chẳng có cách nào, chẳng phải nơi quản lý nổi. Tôi kể hết đều là chuyện thật, là gương cho người trẻ. Nên Khổng Tử mới bảo Nhan Hồi: ngươi làm thế chẳng những chẳng được lòng người, **"ố hữu kỳ mỹ dã!"** (ghét cái hay đẹp của ngươi!) mọi người đều ghét ngươi chẳng đẹp chẳng sáng.

"Mệnh chi viết tai nhân" (gọi mình là kẻ rước tai họa). Con người ngươi còn sẽ gặp tai họa; "tai nhân" chính là kẻ xúi quẩy, ngươi nhất định đen đủi. Ông nói, ngươi đi kiến vua Vệ nói điều sai trái của ông ta, nói theo tiếng Thượng Hải gọi là **"xúc mai đầu"** (rước lấy vận xui). Ngươi đem hết những lời xúi quẩy ấy lôi ra, rước lấy vận xui của người ta, ngươi hóa thành kẻ xúi quẩy rồi. **"Tai nhân giả, nhân tất phản tai chi"** (kẻ rước tai họa cho người, người ắt đem tai họa phản lại), đảo lại, đen đủi là ngươi, chứ chẳng phải vua nước Vệ đen đủi. **"Nhược đãi vi nhân tai phù!"** (e rằng ngươi sắp thành kẻ chuốc lấy tai họa vì người!) Ngươi cam lòng làm một kẻ xúi quẩy hay sao?

Thả cẩu vi duyệt hiền nhi ố bất tiếu,
Hơn nữa, nếu chỉ ham khen người hiền mà ghét kẻ bất tài,

ô dụng nhi cầu hữu dĩ dị?
thì há còn tìm cái khác biệt làm gì?

Nhược duy vô chiếu,
Nếu chẳng có chiếu triệu,

vương công tất tương thừa nhân nhi đấu kỳ tiệp.
bọn vương công tất thừa ngươi mà đấu bằng sự lẹo léo của chúng.

Nhi mục tương huỳnh chi, nhi sắc tương bình chi,

Mắt chúng sẽ lia lả nhìn ngươi, sắc mặt chúng sẽ tỏ ra hòa nhã,

khẩu tương doanh chi, dung tương hình chi, tâm thả thành chi.

miệng chúng sẽ quanh co nói cho ngươi nghe dễ tai, dung mạo sẽ lộ rõ dáng vẻ, lòng sẽ thành ra định kiến.

Thị dĩ hỏa cứu hỏa, dĩ thủy cứu thủy,

Vậy như đem lửa cứu lửa, đem nước cứu nước,

danh chi viết ích đa, thuận thủy vô cùng.

gọi là càng thêm nhiều, mà thuận theo khởi đầu thì vô cùng.

Nhược đãi dĩ bất tín hậu ngôn,

Nếu e rằng ngươi chẳng tin lời dặn sâu nặng,

tất tử ư bạo nhân chi tiền hĩ!

tất chết trước mặt kẻ bạo!

"Thả cẩu vi duyệt hiền nhi ố bất tiếu" (hơn nữa, nếu chỉ ham khen người hiền mà ghét kẻ bất tài): hơn nữa ngươi đi thì ắt rất khoái nói phía trung thần, ai phải ai có đạo đức; còn phía gian ác trong chính trị, ngươi nhất định đánh rất nặng. Làm thế, **"ô dụng nhi cầu hữu dĩ dị?"** (há còn tìm cái khác biệt làm gì?) Ta nói cho ngươi: cách làm ấy chẳng khác gì người thường chút nào. Người thường đều thích phía tốt, ghét phía xấu. Hỏi thử bất cứ ai: thích kết bạn với người tốt hay thích kết bạn với kẻ xấu? Trẻ con cũng trả lời được: nguyện kết bạn với người tốt. Trong lịch sử, mấy tên gian thần trước mặt hoàng đế, nhìn vào hồi ấy đều chẳng giống gian thần; gian thần mà dễ nhận ra thế, sao còn gọi là gian thần? Tất cả gian thần, hồi ấy làm việc còn hơn cả trung thần, đáng yêu hơn cả trung thần; gian thần đâu phải chuyên làm việc ác! Họ cũng làm được việc thiện chứ.

Gian thần trong lịch sử bản lĩnh to lắm! Lấy nhà Đường mà nói: thuở trước dùng tể tướng đều nhân vật hạng nhất lưu; sau Đường Minh Hoàng dùng một tên tể tướng xấu là Lý Lâm Phủ, dùng hơn mười năm, nhà Đường sụp đổ; An Lộc Sơn tạo phản, Dương Quý Phi cũng bị thắt chết. Dương Quý Phi coi như bị Lý Lâm Phủ hại chết; Đường Minh Hoàng còn bị ép lưu lạc. Hoàng đế chạy nạn, như Thái hậu Từ Hy, thương tâm lắm: đói bụng, dân thường đưa ít khoai lang khô, ôi! cái gì thế này, sao ngon vậy? Đường Minh Hoàng cũng trải qua chuyện ấy. Khi ấy chỉ còn một tên hoạn quan nửa lớn nửa nhỏ Cao Lực Sĩ theo hầu; hai người nằm bên đường; Cao Lực Sĩ hỏi: Bệ hạ à, ngài làm vua mấy chục năm, tể tướng nào là người tốt? Đường Minh Hoàng đáp người nọ tốt, người kia tốt. Cao Lực Sĩ nghe rồi nói: Bệ hạ à, ngài chẳng mê muội tí nào, rõ cả đấy! Vậy Lý Lâm Phủ có phải người tốt chẳng? Đường Minh Hoàng bảo: Lý Lâm Phủ là thằng cha xấu tận xương. Cao Lực Sĩ nói: Bệ hạ cũng biết đấy thôi! Đường Minh Hoàng bảo: đương nhiên ta biết. Vậy sao ngài dùng hắn hơn mười năm? Dùng hắn mà nước sụp luôn. Đường Minh Hoàng đáp: ngươi chẳng hiểu; chẳng dùng hắn thì ta dùng ai? Câu ấy chắc chắn mọi người chẳng hiểu; người chưa từng làm hoàng đế chẳng hiểu, làm thủ lãnh rồi thì hiểu. Biết rõ anh ta xấu nhưng anh ta biết làm việc! Dùng người tốt? Người tốt chẳng biết làm việc thì sao! Tìm một người vừa tốt vừa biết việc, thiên hạ chẳng tìm đâu ra. Hoàng đế nghĩ: xấu thì xấu một chút, thay ta làm vài việc, cũng khá chứ! Kết quả vẫn chịu lừa. Hoàng đế cũng biết đấy! Chẳng phải chẳng biết. Nên đọc sử phải hiểu.

Xem lại Càn Long dùng Hòa Thân: ông biết rõ Hòa Thân là kẻ xấu, ai cũng khuyên: Bệ hạ chẳng nên dùng người này. Càn Long quả thật phi thường: chỉ cần một kẻ xấu bên cạnh, để hầu chơi cùng. Làm vua muốn ăn trái chuối, chuyện ấy khó xử đấy! Viết giấy mua chuối, e kế toán còn phải thanh toán tới năm trăm nghìn! Bảo Hòa Thân một câu,

ngươi lén ra ngoài mua giúp ta một trái chuối, vài xu là mua được; vua lén ăn, cũng chẳng ai hay. Bằng chẳng vậy thì vua chẳng thể tùy tiện ăn; làm hoàng đế cực lắm đấy! Nên mọi người trách Hòa Thân chẳng phải, Càn Long liền nói: ôi! các ngươi thật chẳng hiểu; anh biết không? Trẫm (vua tự xưng) cực lắm! Làm vua chẳng dễ dàng; các ngươi người tốt ta đều dùng hết rồi, phải giữ lại một người hầu chơi với ta chứ! Lời của bậc làm vua nói ra, nói tới tận gốc rễ. Con người mà! Luôn phải có một người hầu chơi cùng; suốt ngày bắt ta làm vua, ngồi đó làm Bồ Tát, ngày tháng chẳng dễ chịu chút nào.

Có người chê người trẻ chẳng ra gì; người trẻ đâu hẳn đã sai: nhiều ý kiến tốt lắm, song chẳng dùng được, vì ý kiến tốt chỉ từng điểm ấy thôi, chẳng thể gọi là toàn thể. Như bài văn ta viết: có câu hay mà chẳng có bài hay; được mấy câu thôi, cả bài đều hay rất khó, trừ khi học lý tu dưỡng tới nhà. Trong óc mỗi chúng ta đều có linh cảm, dù từng chịu giáo dục hay chưa, thường thường cũng nhảy ra vài câu rất đẹp; song bắt viết nguyên một bài thơ, một bài văn hay, thì chẳng nổi, vì học vấn tu dưỡng chưa đủ. Nên người trẻ có ý kiến tốt nên đóng góp cho bậc trên, hoặc cho xã hội, như thế mới tốt. Nhan Hồi cũng là người trẻ; người xưa cho rằng lời nói rất trọng đại của người trẻ, vì tuổi trẻ mà hóa ra chẳng có phân lượng; điều này phải biết. Đương nhiên học kiểu ấy sẽ học thành lươn lẹo; nên chớ bao giờ học làm lươn lẹo, mà phải biết phương pháp xử thế.

Đoạn này Trang Tử nói cho ta phương pháp làm người xử việc giữa nhân gian: nếu chẳng nghiên cứu theo hướng xấu, ngươi được lợi; ấy chính là nghệ thuật nhân sinh. Nay Trang Tử nói cho ta nghệ thuật nhân sinh, làm người làm việc phải làm thế nào, dưới đây Khổng Tử lại huấn thị tiếp.

Những kẻ ghen ghét chung quanh

"Nhược duy vô chiếu" (nếu chẳng có chiếu triệu): câu này rắc rối lắm, phải đọc nhiều sử mới hiểu nổi. Khổng Tử nói: tự ngươi chạy đi kiến vua Vệ, viết thư, trình tấu, mang danh thiếp, gặp được hay không còn chưa biết, còn phải đăng ký nơi cửa phòng. Trừ phi hoàng đế có chiếu thư, có mệnh lệnh gọi ngươi tới kiến; vua chẳng có lệnh ban cho ngươi, cũng chẳng triệu kiến ngươi, ngươi cứ chạy đi kiến; **"vương công tất tương thừa nhân nhi đấu kỳ tiệp"** (bọn vương công tất thừa ngươi mà đấu bằng sự lẹo léo của chúng): mấy đại quan đại viên tạo thành lực lượng trước mặt vua, nay chẳng chức "trưởng" này thì "viên" nọ, ngày xưa là Thượng thư, Đại phu v.v. Ông nói quần thần tả hữu thấy thanh niên ngươi, nhất là lại biết là đồ đệ của Khổng lão nhị ta, một trận khí sinh, lòng ghen tị nổi dậy, tất thừa cơ đấu với ngươi, trị ngươi.

Ví như Khổng Tử chu du liệt quốc, chính vì bị người ta đẩy đi; cũng chính là chuyện "vương công tất tương thừa nhân nhi đấu kỳ tiệp". Mạnh Tử đi kiến Lương Huệ Vương, cũng bị đẩy chạy; đó là lẽ tất nhiên, là danh ngôn của người xưa. Tôi thường nói với các bạn học trò trẻ đạo lý làm người: **"sĩ vô hiền ngu, nhập triều kiến tật"** (kẻ sĩ chẳng kể hiền ngu, vào triều ắt gặp ghen): trí thức đọc sách, bất luận tốt xấu, hiền hay ác, chỉ cần bước vào một đoàn thể là mọi người ghen tị. Như ngươi trẻ vừa tốt nghiệp đại học, vừa vào công ty, mấy đồng sự cũ nhìn tiểu nhân viên mới là ngươi, nhất định nghiêng mắt nhìn, mắt lệch liếc, luôn phải trị ngươi đôi phen, cân xem phân lượng của ngươi. Nên "sĩ vô hiền ngu, nhập triều kiến tật". **"Nữ vô mỹ xú, nhập cung kiến tật"** (con gái chẳng kể đẹp xấu, vào cung ắt gặp ghen): con gái tới trước mặt hoàng đế, vua một khi trọng dụng nàng, mấy cung nữ khác sinh ghen liền; cái đó nguy hiểm mạng lắm, vua bị nàng cướp mất rồi. Đó là lẽ đương nhiên, lịch sử nhiều vô kể.

Nhà Tống có một tể tướng Lữ Mông Chính; ai cũng biết ông là tuấn tài tuổi trẻ, xuất thân nhà nghèo. Thuở chưa đắc chí, hai vợ chồng nghèo thảm thiết, Tết mua cả kẹo thờ Táo quân cũng chẳng nổi; ông làm một bài thơ rằng:

Nhất trụ thanh hương nhất lũ yên, Táo quân kim nhật thướng thanh thiên. (một nén hương sạch, một làn khói; Táo quân hôm nay lên trời xanh)

Ngọc Hoàng nhược vấn nhân gian sự, vi thuyết văn chương bất trực tiền. (Ngọc Hoàng nếu hỏi chuyện nhân gian, xin nói văn chương chẳng đáng tiền)

Ông nói, văn chương bây giờ chẳng đáng tiền, tôi cũng chẳng có tiền lễ ngài, chỉ có một nén hương sạch tiễn ngài; nên Táo quân ngài cứ lên trời, cứ việc lên!

Hồi ấy ông đi đốn củi, mang theo hộp cơm; gặp trời mưa, hộp cơm trộn nước mưa ăn tạm. Sau làm tể tướng; tể tướng nhà Tống xuất hành, thư ký, phó quan bên cạnh phải che dù; dù che chẳng kỹ, hạt mưa nhỏ xuống rơi vào tay, tay liền tím xanh. Ông mắng thư ký phó quan sao bất cẩn thế; về nhà còn nổi nóng mắng nữa. Phu nhân nói: phu quân à, hồi chàng trên núi đốn củi, mưa giội xuống trộn hộp cơm ăn, tay chẳng hề xanh; nay sao một hạt mưa tay đã xanh thế? Phu nhân nói thế, anh ngớ người ra. Đó là thấy rằng người chẳng nên phú quý; phú quý rồi tự mình sa đọa.

Lữ Mông Chính đậu đạt công danh, sau làm tể tướng; ngày đầu tiên lên triều, văn võ bá quan xếp hàng đứng hai bên; tể tướng ông vừa tới, có viên Thượng thư (bộ trưởng) bên cạnh lén mắng: thằng cha nhà nghèo gì mà cũng làm nổi tể tướng. Lữ Mông Chính nghe chẳng đoái hoài, cứ tiến thẳng về phía vua. Sau theo một phó quan nghe được; Lữ Mông Chính bảo đừng ngoảnh đầu lại nhìn. Hạ triều rồi, phó quan hỏi: người ta mắng chàng, sao chàng bảo tôi đừng ngoảnh nhìn? Lữ Mông Chính nói: lần đầu lên triều mà; ngoảnh nhìn một cái, biết ngay người nào mắng, tu dưỡng của ta chẳng cao, lòng sẽ ghi hận, mai này chung việc sẽ khó xử. Mặc kệ ai mắng, chớ để bụng! Lữ Mông Chính có tu dưỡng đạo đức thế đấy; người trẻ nhớ lấy; nên ông ở nhà Tống mãi mãi là tể tướng thái bình, việc quốc gia trị lý ổn thỏa.

Nên nói, một người tới một giai đoạn nào đó, chưa nói làm quan, cứ như ngươi vào công ty làm tiểu nhân viên, mấy lão nhân viên cũ còn phải soi ngươi. "Vương công tất tương thừa nhân nhi đấu kỳ tiệp": chữ **"tiệp"** (捷 - nhanh nhẹn) tức lẹo léo chẳng lẹo léo; mấy lão nhân viên ấy sẽ đấu ngươi đôi phen, coi ngươi có sáng láng chẳng.

Khổng Tử nói, ngươi vừa tới đó, tả hữu nhất định tìm cơ hội đấu ngươi đôi phen; giữa người với người, tả tới tận đỉnh, tả hay hơn cả kịch bản. **"Nhi mục tương huỳnh chi"** (mắt chúng sẽ lia lả nhìn ngươi): thấy người mới tới, mắt liếc ngươi một cái. **"Nhi sắc tương bình chi"** (sắc mặt chúng sẽ tỏ ra hòa nhã): mắt nhìn ngươi rồi lướt qua, hừ, thằng cha này! Miệng hô huynh đệ, dáng vẻ còn khá đấy. **"Khẩu tương doanh chi"** (miệng chúng sẽ quanh co nói cho ngươi nghe dễ tai): miệng thì nói với ngươi rất dễ nghe, quay sang nói với người khác: lão Vương ơi, coi thằng cha ấy kìa! Nhất định là **"dung tương hình chi"** (dung mạo lộ rõ dáng vẻ). Rồi sau đó mọi người bàn tán: hôm nay tới đứa mới điểm danh, thằng trẻ mới này nhìn ngu ngơ ngố ngố, chẳng biết nó sẽ giở trò gì! **"Tâm thả thành chi"** (lòng sẽ thành ra định kiến): trong lòng thành kiến nổi lên liền. Hoàn cảnh xử xã hội, Trang Tử một nét tả, lột trần lớp da ngoài của nhân thế gian; nội dung ấy xấu xí biết bao! Đây chính là nhân tình.

"Thị dĩ hỏa cứu hỏa, dĩ thủy cứu thủy, danh chi viết ích đa" (vậy như đem lửa cứu lửa, đem nước cứu nước, gọi là càng thêm nhiều). Khổng Tử nói, ngươi đi làm gì! Đừng đi; ngươi tới trước mặt vua Vệ, kết quả ra sao? Khổng Tử tựa hồ có thần thông: ta sớm đã thấy rồi, nhất định như đem lửa cứu lửa, lửa càng cháy càng dữ; đem nước cứu nước, nước càng trào càng dữ. Câu "danh chi viết ích đa" này, nói hiện nay tức ngươi quá nhiều chuyện. Ông nói, ta nói cho ngươi: mọi người thái độ với ngươi chẳng tốt, lại có thành kiến; **"thuận thủy"** (顺始 - thuận theo khởi đầu) tức là cứ thuận mà kéo dài; phát triển kiểu ấy ngươi khổ rồi, trở thành tiền đồ hữu hạn, hậu họa vô cùng.

"Nhược đãi dĩ bất tín hậu ngôn" (nếu e rằng ngươi chẳng tin lời dặn sâu nặng): Khổng Tử nói, ngươi nếu chẳng tin lời khuyên tốt của ta làm thầy, **"tất tử ư bạo nhân chi tiền hĩ!"** (tất chết trước mặt kẻ bạo!) Tất chết trước mặt vị quân chủ bạo ngược ấy. Cứ đi đi! Đi là chết, chết ngay trước mặt vua Vệ.

Lời Trang Tử chưa hẳn phải nghe hết; song Trang Tử là Đạo gia: lời Nho gia Khổng Mạnh nói về phía trước màn, Đạo gia chú ý phía sau màn. Ví như hôm nay họp hành, hay diễn kịch, hay dựng diễn đàn thuyết trình; phía trước màn tất chỉnh tề trang nghiêm; Nho gia cho rằng trường hợp ấy ảnh hưởng tâm lý, phải trang nghiêm. Đạo gia khác: chẳng quản trước màn, chuyên kéo màn sau cho ngươi xem; màn sau kéo ra thì chẳng nhìn nổi đâu: rác rưởi, thùng xô, gì cũng có, chất đống đằng sau. Song trước màn sau màn ngươi phải hiểu cả hai; chẳng hiểu, học theo Đạo gia mà hỏng; hiểu rồi mới rõ đạo lý Đạo gia nói là đúng. Vì hiểu được sau màn, mới biết đứng trước màn nên đứng thế nào. Nên Nho Đạo hai nhà phải thấu triệt, mới hiểu nổi nhân sinh. Giờ hãy nói rõ khúc mắc này trước đã; dưới đây ông dẫn chuyện lịch sử.

Người tốt khờ dại, kẻ xấu thông minh

Thả tích giả Kiệt sát Quan Long Phùng,
Thuở trước vua Kiệt giết Quan Long Phùng,

Trụ sát Vương Tử Tỷ Can,
vua Trụ giết Vương Tử Tỷ Can,

thị giai tu kỳ thân dĩ hạ u phủ nhân chi dân,
cả hai đều tu dưỡng bản thân mà ở địa vị bề dưới lại vỗ về dân của vua,

dĩ hạ phất kỳ thượng giả dã,
từ phía dưới trái lại nghịch ý bậc trên,

cố kỳ quân nhân kỳ tu dĩ tế chi,
nên vua của họ nhân chỗ tu dưỡng ấy mà dìm họ đi,

thị hảo danh giả dã.
ấy là hạng ham tiếng tăm.

Ông kể kinh nghiệm lịch sử: thuở trước bạo vua Kiệt nhà Hạ giết trung thần Quan Long Phùng, bởi vị tôi này quá trung thành, bạo chúa Hạ Kiệt chịu không nổi, nên đem giết đi. Bạo vua Trụ nhà Ân giết Vương Tử Tỷ Can, mà Tỷ Can còn là chú ruột của ông ta! Hai người ấy là trung thần nổi tiếng thời thượng cổ, sử sách xưng tụng là bậc trung thần lớn, là thánh nhân. Vì sao họ bị giết? Trung thần ngược lại giữ không nổi tính mạng! Chính vì họ **"tu kỳ thân dĩ hạ u phủ nhân chi dân, dĩ hạ phất kỳ thượng giả dã"** (tu dưỡng bản thân mà ở địa vị bề dưới lại vỗ về dân của vua, từ phía dưới trái lại nghịch ý bậc trên). Ông nói, học vấn đạo đức của hai người đều rất tốt, đối với bộ hạ thì yêu thương, với trăm họ thì nhân hậu; nhưng chiều theo dưới thì nghịch ý trên, kết quả một mạng sống ấy cũng mất. Đây là vì chẳng thấu suốt nhân tình thế sự, chỉ biết làm phần hay đẹp, bỏ quên cách nghĩ của phương diện khác.

"Cố kỳ quân", Hạ Kiệt cùng Thương Trụ hai bạo chúa ấy, **"nhân kỳ tu dĩ tế chi"** (nhân chỗ tu dưỡng ấy mà dìm ngươi): ngươi đã tự cho mình là chuộng đạo đức, ta liền lấy đạo đức trị cho khuất. Hạng người này **"thị hảo danh giả dã"** (là hạng ham danh): ham cái danh gì? Cam lòng chết vì đạo đức. Xưa kia không ít trung thần mang tư tưởng ấy: chết chẳng đáng ngại, phải lưu danh cho hậu thế; thế thì chính là ham danh, chẳng phải đạo đức thật. Ví như Trụ Vương giết chú ruột Tỷ Can, Trụ Vương đương nhiên ác lắm, nhưng cũng là người thông minh lắm chứ! Đông Tây

đều vậy: hễ lãnh đạo xấu đều là người thông minh hạng nhất. Sử chép võ công Trụ Vương phi thường: chín con trâu ông ta có thể một tay đẩy mở, lại thêm thông minh, văn võ song toàn, việc gì cũng hiểu.

Ngươi phải hiểu, hạng xấu nhất lưu chính nhờ thông minh quá mức mà thiếu tu dưỡng đạo đức, rốt cuộc mới hóa thành kẻ xấu. Nên nhân tính trên đời thật lạ: thông minh với gian xảo, thông minh với láo lẻo, chẳng cách nhau một tờ giấy; thật thà với khờ dại cũng vậy. Thật thà mà chẳng khờ, thông minh mà chẳng láo lẻo, đó mới là thánh nhân. Vương Tử Tỷ Can là trung thần, cứ nói với Trụ Vương: làm thế chẳng được, làm thế kia cũng chẳng tốt; Trụ Vương nghe đến phát chán, bèn bảo: bác à, ông thế này e là bậc thánh đấy; ta nghe nói lòng người thường chỉ có bảy khiếu, người xưa nói lòng bậc thánh có tới chín khiếu; ông đã là thánh nhân, xin móc lòng ra cho ta xem thử! Thế là Tỷ Can bị giết. Đó chính là **"nhân kỳ tu"** (nhân chỗ tu dưỡng): ngươi cho rằng mình chuộng đạo đức, ông ta liền lấy đạo đức đánh ngươi. Kiểu ví dụ ấy trong lịch sử cổ nhiều vô kể, thường có vua nổi giận quát: ngươi muốn làm trung thần à! Được, ta thành toàn cho, rồi đem giết đi. Trang Tử chỉ rõ nguyên nhân "thị hảo danh giả dã": vẫn chưa hiểu đời, chưa hiểu người trên đời thường vì quan niệm **"danh nghĩa"** (名义 - danh với nghĩa) này; chữ **"danh"** (名 - tiếng tăm) ở đây chưa hẳn chỉ tiếng thơm tốt đẹp; còn bao hàm luôn một quan niệm về **"nghĩa"** (义 - điều phải): cho rằng làm thế là chính, làm thế kia là bất chính, bất chính tức gian tà; những con người ấy đều chết vì quan niệm danh nghĩa.

Tích giả Nghiêu công Tùng Chi, Tư, Ngao,
Thuở trước Nghiêu đánh Tùng Chi, Tư, Ngao,

Vũ công Hữu Hộ,
Vũ đánh Hữu Hộ,

quốc vi hư lệ, thân vi hình lục,
nước hóa hoang tàn, dân chịu tai ách hình phạt,

kỳ dụng binh bất chỉ, kỳ cầu thực vô dĩ,
việc dụng binh chẳng dứt, việc cầu thực hiện lý tưởng chẳng thôi,

thị giai cầu danh thực giả dã.
ấy đều là hạng cầu danh và thực.

Nhi độc bất văn chi hồ?
Chẳng lẽ ngươi chưa từng nghe chuyện ấy hay sao?

Danh thực giả, thánh nhân chi sở bất năng thắng dã, nhi huống nhược hồ!
Danh với thực, thánh nhân còn chẳng thắng nổi, huống chi là ngươi!

Tuy nhiên, nhược tất hữu dĩ dã, thường dĩ ngữ ngã lai!
Dẫu vậy, ngươi nhất định có lý lẽ riêng, hãy thử nói cho ta nghe!

"Tích giả Nghiêu công Tùng Chi, Tư, Ngao" (thuở trước Nghiêu đánh Tùng Chi, Tư, Ngao): đây là mấy dân tộc nhỏ, quốc gia nhỏ, truyền rằng Nghiêu từng xuất binh đánh họ. **"Vũ công Hữu Hộ"** (Vũ đánh Hữu Hộ): Hữu Hộ cũng là quốc gia nhỏ, dân tộc nhỏ; Hạ Vũ thì thuộc nước lớn. Ông kể kinh nghiệm lịch sử: hoàng đế thánh nhân Nghiêu cùng Vũ, hai người hẳn là người tốt rồi chứ! Nhưng hoàng đế thánh nhân cũng từng dụng binh; nói cách khác, cũng từng đánh người khác, cũng từng xâm lấn dân tộc nhỏ khác. Phát động chiến tranh được lợi gì? **"Quốc vi hư lệ"** (nước hóa hoang tàn): nước bị đánh cho nghèo kiết; **"thân vi hình lục"** (thân chịu hình phạt): người thường chết rất nhiều, dù bản thân hoàng đế chẳng nguy hiểm gì. **"Kỳ dụng binh bất chỉ"** (việc dụng binh chẳng dừng): kết quả quốc gia

xuất binh chiến tranh chẳng ngừng; vì điều gì? **"Kỳ cầu thực vô dĩ"** (việc cầu thực hiện chẳng dứt): bởi ông muốn thực hiện một quan niệm, muốn đạt tới cái lý tưởng thiên hạ quy về một. **"Thị giai cầu danh thực giả dã"** (ấy đều là hạng cầu danh thực): đây đều là bị quan niệm che mờ, bị tư tưởng che mờ. **"Nhi độc bất văn chi hồ?"** (chẳng lẽ chẳng nghe chuyện ấy hay sao?): Khổng Tử nói với Nhan Hồi rằng, những kinh nghiệm lịch sử ấy, chẳng lẽ ngươi chẳng hiểu sao?

"Danh thực giả" (danh với thực): đạo lý giữa trời đất, một quan niệm, phải trái thiện ác, ấy là danh; danh tức danh lý, danh lý tức lô-gic. "Thực" là thành quả thực tế. Nên **"danh thực giả, thánh nhân chi sở bất năng thắng dã"** (danh với thực, thánh nhân còn chẳng thắng nổi): các bậc thánh quân hiền tướng trong lịch sử chẳng ai làm cho hoàn toàn hợp chuẩn mực đạo đức, **"nhi huống nhược hồ"** (huống chi ngươi)! Ông nói: Nhan Hồi à, huống chi là ngươi! Đây là đoạn Khổng Tử dạy bảo Nhan Hồi, mắng cho ông choáng váng cả đầu óc. Song mà nào! Khổng Tử thạo nghề làm thầy, mắng xong còn phải vỗ về. **"Tuy nhiên, nhược tất hữu dĩ dã"** (dẫu vậy, ngươi nhất định có lý lẽ riêng): nhưng, ngươi đã có can đảm muốn chỉnh đốn người khác, ắt có đạo lý của riêng ngươi. **"Thường dĩ ngữ ngã lai"** (hãy thử nói cho ta nghe): đem ý kiến của ngươi trình bày cho ta nghe, rốt cuộc ngươi nghĩ thế nào? Toàn bộ đạo lý Khổng Tử mắng Nhan Hồi trong đoạn này đều là lẽ thường của nhân sinh, cũng là đạo làm người. Bây giờ ông nói với Nhan Hồi: ngươi đã có can đảm làm thế, ắt có lý tưởng rồi! Đem kế hoạch báo cáo lên đây, ta nghe thử coi.

Tu dưỡng của Nhan Hồi

Nhan Hồi viết: Đoan nhi hư, miễn nhi nhất, tắc khả hồ?

Nhan Hồi thưa: chỉnh tề mà khiêm hư, gắng sức mà chuyên nhất, vậy có được chưa?

"Đoan nhi hư, miễn nhi nhất" (chỉnh tề mà khiêm hư, gắng sức mà chuyên nhất): sáu chữ này khó đạt lắm. Nhan Hồi nói về tu dưỡng của mình: **"đoan nhi hư"** (chỉnh tề mà khiêm hư), tức đã ngồi thiền nhập định. Ông thưa: con đây học vấn đạo đức rất ngay chính, ngồi cũng ngay ngắn, cùng chư vị ai nấy xếp bằng ngồi thiền; **"hư"** (khiêm hư): trong lòng chẳng còn tư tưởng gì, trống rỗng, đạt tới cảnh giới không. **"Miễn nhi nhất"** (gắng sức mà chuyên nhất): tâm niệm chỉ còn chính niệm tồn tại; khởi đầu trong lòng loạn tưởng đủ thứ, rồi từ từ gắng sức dẹp dần loạn tưởng, dẹp hết, trống rỗng; trống rỗng xong thì chuyên nhất, chính niệm chuyên một.

Ví như chư vị học Phật ở đây, trong tâm chỉ còn một câu A Di Đà Phật; tin Chúa thì chỉ còn Chúa ơi! Thiên Chúa ơi! Thần linh ơi! Ngài phù hộ con, chỉ còn niệm ấy. Miễn nhi nhất (gắng sức mà chuyên nhất), ông nói ta đã tu đến mức chuyên nhất rồi; sáu chữ tu dưỡng ấy cao lắm. Thân thể ngày ngày ngay chính chẳng xiêu vẹo, chẳng có tà khí; tư tưởng trong lòng trống rỗng; chính niệm mãi mãi chuyên nhất; đạt tới công phu tu dưỡng như thế, ghê gớm lắm, cao lắm. **"Tắc khả hồ?"** (vậy có được chưa?): Ông thưa, thưa thầy! Thầy biết con vốn sẵn tu dưỡng ấy, con dựa vào đạo đức tu dưỡng này mà cảm hóa người, chắc ổn chứ! Nhan Hồi vừa bị thầy mắng một trận, trong lòng chưa phục lắm; trình độ con thế này đã khá rồi còn gì! Thưa thầy, thầy vẫn chẳng yên tâm, chẳng cho con ra cửa; con đã tới mức này rồi, được chưa ạ?

Viết: Ô! Ô khả!

Ông đáp: Chẳng! Sao có thể được!

Phù dĩ dương vi sung khổng dương, thải sắc bất định,

Lấy khí dương làm đầy tràn, cao ngời rạng rỡ, khí sắc thần thái chẳng ổn định,

thường nhân chi sở bất vi,

kẻ thường tình chẳng dám trái ý,

nhân án nhân chi sở cảm, dĩ cầu dung dữ kỳ tâm.

lại muốn theo đuổi sự cảm thông nơi lòng người, để cầu tâm tâm tương ấn.

Danh chi viết nhật tiệm chi đức bất thành, nhi huống đại đức hồ!

Gọi là công đức tích tụ từng ngày ấy còn chẳng thành, huống chi đại đức!

Tương chấp nhi bất hóa, ngoại hợp nhi nội bất tư,

Sẽ cố chấp mà chẳng biến hóa, ngoài thì hòa hợp mà trong chẳng tự xét,

kỳ dung cự khả hồ!

vậy thì sao có thể được!

"Viết: Ô! Ô khả!" (ông đáp: chẳng! sao có thể!): Khổng Tử nói: không đâu! Cái này làm sao được! Nhờ chút tu dưỡng ấy mà dám ra cửa làm việc sao? Còn mơ sang Nhà Trắng nước Mỹ mà dạo quanh dạo quẩn nữa à! Ông nói: chẳng được!

"Phù dĩ dương vi sung khổng dương" (lấy khí dương làm đầy tràn, cao ngời rạng rỡ): câu này hoàn toàn bàn công phu tu tập nội tại lúc ngồi thiền đấy nhé! Một người đạt tới đoan nhi hư (chỉnh tề mà khiêm hư), tay chân thân tâm ngay ngắn chỉnh tề; nói cách khác, khí đã đầy tràn, luyện tinh hóa khí, luyện khí hóa thần (luyện tinh thành khí, luyện khí thành thần); trong lòng người ấy chẳng còn một niệm nào. Miễn nhi nhất (gắng sức mà chuyên nhất), chỉ còn một chính niệm tồn tại; chính niệm này là vô niệm, là không. Khổng Tử nói, cảnh giới ấy là cảnh giới cực dương. Dùng âm dương mà biểu tượng thì đây đúng là khí dương; nên cơ khí mạch khắp thân đều dâng trào lên, đều đang lưu thông. Nhưng chính niệm của ngươi chẳng thể nhu hòa xuống được, khí dương cương chẳng chuyển hóa nổi thành âm nhu, thân thể chưa chịu mềm hóa; tức là ngươi chưa quên được thân, chưa quên được tâm; chẳng quên thân, chẳng quên tâm, khí dương lại càng đầy tràn thêm. Cái sung khổng dương càng lúc càng lớn, quá dương cương; quá cương ắt gãy, toi đời! Đây chẳng phải đạo, chỉ là một quá trình; đừng lấy nó làm cứu cánh.

"Thải sắc bất định" (khí sắc thần thái chẳng ổn định): ông nói, cảnh giới ngươi đạt tới này chẳng phải cứu cánh của tu đạo; tu dưỡng của ngươi chưa tới nơi cao nhất; khí sắc thần thái bên ngoài lúc tốt lúc xấu, chẳng ổn định; chỉ có dương cương mà chẳng có âm dương hòa hợp, chưa chạm cảnh giới nhu hòa. **"Thường nhân sở bất vi"** (kẻ thường tình chẳng dám trái ý): tình trạng của ngươi so với người thường tựa hồ có đạo hơn, một mặt đầy chính khí. Nói theo cách bây giờ: nhìn người ngồi thiền mặt đỏ lửa ánh, kỳ thực là huyết áp cao; cứ ngồi tiếp như thế sẽ hóa ra xung huyết não, sau cùng chẳng bệnh mà mất. Mặt đỏ lửa ánh chưa chắc đã là đạo! Cái đó chính là **"vi sung khổng dương"** (lấy khí dương làm đầy tràn, cao ngời rạng rỡ), chẳng đúng, quá dương cương, nên thải sắc bất định (khí sắc thần thái chẳng ổn định). So với người thường, ngươi còn được cộng một hai điểm. **"Nhân án nhân chi sở cảm"** (nương vào sự cảm thông của người): ngươi nhờ chút bản lĩnh tu dưỡng này, tưởng như có đạo, có cảm thông; muốn tìm cầu sự cảm thông trên phương diện tâm niệm với người, **"dĩ cầu dung dữ kỳ tâm"** (để cầu tâm tâm tương ấn), muốn cảm hóa người khác; chẳng được đâu!

"Danh chi viết nhật tiệm chi đức bất thành, nhi huống đại đức hồ!" (gọi là công đức tích tụ từng ngày ấy còn chẳng thành, huống chi đại đức!): công phu này, lấy cách nói của hậu thế mà ví, coi như công phu tiệm tu, tức tu tập dần từng bước, chẳng phải đốn ngộ của Thiền tông (giác ngộ đột ngột); chút tiểu công tiểu phu tiểu đạo đức tu dần kiểu ấy mà đã muốn đi cảm hóa thiên hạ, làm sao nổi! Huống chi công phu tiệm tu ngươi còn chưa hoàn thành trọn vẹn, huống nữa mới đến đại đạo đốn ngộ! Để ý nhé! Người có tu dưỡng như Nhan Hồi trên đời chẳng hiếm; dù tu Du-

già, tu đạo hay tu Phật, nhiều kẻ đều thải sắc bất định (khí sắc thần thái chẳng ổn định), nhắm mắt cau mày vẻ trang trọng gì gì đó, tựa hồ có đạo lắm; kế đó đều muốn giáo hóa thiên hạ; toàn một lối ấy, cũng chính là con đường Khổng Tử mắng Nhan Hồi. Ông nói, ngươi đến bước này là **"tương chấp nhi bất hóa"** (sẽ cố chấp mà chẳng biến hóa), mãi mãi chẳng tiến bộ được nữa, bởi ngươi cố chấp rằng đó là đạo, ôm chặt mà chẳng chịu biến hóa. **"Ngoại hợp nhi nội bất tư"** (ngoài thì hòa hợp mà trong chẳng tự xét): bề ngoài nhìn vào tựa hồ bậc có đạo, bên trong thì chẳng phải thế; như vậy vẫn là ngoại đạo. **"Kỳ dung cự khả hồ!"** (vậy thì sao có thể được!): Ông nói, nhờ chút bản lĩnh ấy mà ứng phó đế vương, làm thầy bậc vương chúa, không thể nào. Công phu, tu dưỡng, học vấn đều chưa tới nơi tới chốn mà! Ông nói, ngươi chẳng được, chẳng thể làm thầy của người. Nhan Hồi nghe tới đây bị Khổng Tử mắng, tựa hồ lại tiến thêm một bước.

Ngoài tròn trong vuông

Nhiên tắc ngã nội trực nhi ngoại khúc, thành nhi thượng tỷ.
Vậy thì con xin bên trong ngay thẳng mà bên ngoài mềm uốn, việc thành rồi hướng lên mà ví bậc trên.

Nội trực giả, dữ thiên vi đồ.
Bên trong ngay thẳng, tức là làm bạn với trời.

Dữ thiên vi đồ giả, tri thiên tử chi dữ kỷ giai thiên chi sở tử,
Làm bạn với trời, là biết thiên tử cùng mình đều là con của trời,

nhi độc dĩ kỷ ngôn kỳ hồ nhi nhân thiện chi, kỳ hồ nhi nhân bất thiện chi da?
sao còn đem lời lẽ của riêng mình mà mong người khen phải, mong người chê sai?

Nhược nhiên giả, nhân vị chi đồng tử, thị chi vị dữ thiên vi đồ.
Nếu vậy, người ta sẽ gọi mình là đứa trẻ con; ấy gọi là làm bạn với trời.

"Nhiên tắc ngã nội trực nhi ngoại khúc, thành nhi thượng tỷ" (vậy thì con xin bên trong ngay thẳng mà bên ngoài mềm uốn, việc thành rồi hướng lên ví bậc trên): Nhan Hồi bị mắng tại chỗ, hơi ngộ ra đôi phần, bèn thưa: vậy thì, thưa thầy, công phu đạo bên trong con chẳng bộc lộ, bên ngoài con tròn trịa hơn chút, hòa nhã tiếp xúc với họ; bên trong con vẫn tu đạo của con, bên ngoài vòng vo từ từ dẫn họ hướng về đạo hình nhi thượng; chắc được rồi chứ? Đây chính là điều Nho gia nói: ngoài tròn trong vuông. Nhan Hồi tiến bộ hơn trước lúc bị mắng; Nhan Hồi đưa ra phương án ấy, Khổng Tử lại bác bỏ ngay.

"Nội trực giả, dữ thiên vi đồ" (bên trong ngay thẳng, tức là làm bạn với trời): Khổng Tử nói, ngươi tưởng thế là đúng, vẫn chưa đúng đâu. Kỳ thực Nhan Hồi khá tiến bộ lắm! Khổng Tử dạy Nhan Hồi, cũng chính Trang Tử nói với hậu nhân: tu đạo, làm người phải tiến bộ; **"nội trực"** (bên trong ngay thẳng) là đúng đắn, trong đầu ngày đêm trống rỗng, chẳng có tạp niệm, chẳng có vọng tưởng. Nên Nho gia nói bốn chữ **"thanh minh tại cung"** (trong thân lúc nào cũng thanh sáng); theo nhà Phật, trong lòng là không, thanh tịnh sạch sẽ; đó chính là nội trực, **"trực tâm thị đạo tràng"** (tâm thẳng là chốn tu hành). Tu Phật cơ mà! Bước đầu tiên phải trực tâm, như thế mới xứng danh tu đạo.

Khổng Tử nói: đây là công phu bước đầu. **"Nội trực giả dữ thiên vi đồ"** (bên trong ngay thẳng tức làm bạn với trời), như thế mới có thể thiên nhân hợp nhất (trời và người hợp làm một), tức hiệu pháp trời, cũng chính Lão Tử nói **"nhân pháp địa, địa pháp thiên"** (người nương theo đất, đất nương theo trời). **"Tri thiên tử chi dữ kỷ giai thiên chi sở tử"** (biết thiên tử cùng mình đều là con của trời): vua thời cổ gọi là thiên tử, tức là đem vua với dân thường coi như bình đẳng, coi muôn sự trần thế đều bình đẳng; địa vị, danh vọng, giàu nghèo, chức cao chức thấp, chẳng ăn nhằm gì;

ngươi cũng là người, ta cũng là người; dữ thiên vi đồ (làm bạn với trời), đều là người giữa thiên hạ. Đã đạt tới cảnh giới bình đẳng của con người, bên trong đã tu tới muôn duyên đều không, tương đương ba chữ **"nhân vô ngã"** (chẳng có cái ngã của người) nhà Phật nói; đã làm được vô ngã vô nhân, tu tới cảnh giới không ấy rồi. Vậy Khổng Tử nói: **"nhi độc dĩ kỷ ngôn kỳ hồ nhi nhân thiện chi, kỳ hồ nhi nhân bất thiện chi da?"** (sao còn đem lời riêng mà mong người khen, mong người chê?): lòng ngươi đã thường trực trống rỗng, còn há cần mong người nghe lời ngươi, tin ý kiến ngươi? Ngươi là mong người cho mình phải, hay mong người cho mình trái? Phải với trái, cả hai bên đều sa vào thiên kiến. Đã có thiên kiến thì tu dưỡng bên trong đã chẳng còn không nữa rồi! Đã chẳng còn trực nữa rồi! Cái không ấy chỉ là chân chính nhân minh lô-gic mà thôi; ngoài ra biện luận hai bên, lô-gic vừa phân biệt, cảnh giới ấy lập tức sai.

Chúng ta thường thấy các bạn sinh viên, vừa được chút cảnh giới thanh tịnh, tuy trước mặt thầy chẳng dám nói nhiều, nhưng tôi nhìn cái thần sắc thải sắc bất định (khí sắc thần thái chẳng ổn định) của nó, dáng vẻ ngời ngời tự đắc như đã thu được điều gì; rồi trước mặt tôi đóng vai bậc đàn anh, rất muốn ra ngoài giáo hóa thiên hạ, muốn đem chút không ấy truyền cho người khác; thế là phạm lỗi. Ngươi đã còn chút của cải muốn truyền cho người, tức đã chẳng còn không nữa rồi! Chẳng còn không tức là đã lệch, sa vào một bên, đương nhiên là sai. Coi cuộc biện luận của Khổng Tử, hai bên đảo một vòng, khuyết điểm lộ ra liền. Để ý nhé! Kẻ tự thấy mình có thu hoạch, chớ nuôi cái nghĩ ấy. Bây giờ chẳng phải tôi nói, là Trang Tử nói.

"Nhược nhiên giả, nhân vị chi đồng tử, thị chi vị dữ thiên vi đồ" (nếu vậy, người ta sẽ gọi mình là đứa trẻ con; ấy gọi là làm bạn với trời): nếu như thế, người cao minh nhìn vào một cái liền biết ngươi chẳng qua là thằng nhỏ, **"đắc thiểu vi túc"** (được ít mà mãn nguyện), đúng là lời Thiền tông tổ sư mắng người: được chút xíu liền tự cho là ghê gớm. Như kẻ nghèo nhặt được báu vật liền phát cuồng; người nghèo trúng số xổ số yêu nước, lập tức vào viện thần kinh, cái kiểu ấy đấy. Ông nói, kết quả người ta nhìn ngươi chẳng qua là đứa trẻ; cái này gọi là dữ thiên vi đồ (làm bạn với trời). Câu này chính là kiểu mắng vòng của hôm nay: lão đệ à! Ngươi cũng hơi ngây thơ đấy! Nghe thì dễ tai đấy! Song mặt trái của ngây thơ là non nớt! Có khi ngại gọi ai non nớt, đành phải bảo: ngươi ngây thơ quá ha! Người nghe còn vui vẻ nữa là khác; nên mắng vòng kiểu ấy là một nghệ thuật đấy. Ngây thơ với non nớt là một đấy nhé! Ông nói, ngươi quá ngây thơ; đây là mặt Khổng Tử chê Nhan Hồi ngây thơ.

Ngoại khúc giả, dữ nhân chi vi đồ dã.
Bên ngoài mềm uốn, tức là làm bạn với người.

Kình kỵ khúc quyền, nhân thần chi lễ dã,
Chắp tay quỳ gối, khom khuỷu chắp quyền, là lễ của bầy tôi;

nhân giai vi chi, ngô cảm bất vi da!
ai nấy đều làm thế, ta há dám chẳng làm sao!

vi nhân chi sở vi giả, nhân diệc vô tì yên,
làm điều người ta làm, người ta cũng chẳng bắt bẻ được,

thị chi vị dữ nhân vi đồ.
ấy gọi là làm bạn với người.

"Ngoại khúc giả, dữ nhân chi vi đồ dã" (bên ngoài mềm uốn tức là làm bạn với người): ngoài mềm uốn nghĩa là thế nào? Dù tu dưỡng cao đến mấy, nhưng xa ngàn dặm đi làm quan chỉ vì của cải, biết làm thế nào! Chỉ đành theo đường ngoại khúc. Ngoại khúc tức dữ nhân vi đồ, hành xử cũng phải giống người thường. **"Kình kỵ"** (chắp tay quỳ

lạy): tức thấy vua lên triều thì hành lễ cúi mình. **"Khúc quyền"** (khom khuỷu chắp quyền): hai tay chắp lại, hoặc kiểu vấn tấn (chắp tay cúi chào) của người học Phật, học phép tắc của Ấn Độ. Hoặc quỳ xuống hành lễ bầy tôi: **"nhân giai vi chi, ngô cảm bất vi da"** (ai nấy đều làm thế, ta há dám chẳng làm sao!): ngươi thấy người khác giữ lễ phép ấy, mình chẳng thể chẳng làm theo, kẻo bị người bắt bẻ; cái này gọi là ngoại khúc; cũng như câu nói dân dã: lên dốc nào hát bài ấy. Đến môi trường nào phải học theo môi trường ấy. Sang Mỹ thì gặp ai cũng đành bắt tay; về Trung Quốc thấy người mặc trường bào thì đành chắp tay chúc thăm; có nơi lễ phép là lè lưỡi, ngươi đành lè lưỡi dài ra. Lễ nghi mỗi nơi mỗi khác. Dù trong lòng chẳng muốn, hoàn cảnh đã thế, phải theo khuôn phép ấy. Ông nói, cái này gọi là ngoại khúc. Vậy còn điểm thứ ba thì sao!

Học người xưa có được không?

Thành nhi thượng tỷ giả, dữ cổ vi đồ.

Việc thành rồi hướng lên mà ví bậc trên, tức là làm bạn với cổ nhân.

Kỳ ngôn tuy giáo, trích chi thực dã.

Lời ấy tuy là dạy bảo, thực chất lại là quở trách.

Cổ chi hữu dã, phi ngô hữu dã.

Cái cổ nhân có, chẳng phải cái ta có.

Nhược nhiên giả, tuy trực bất vi bệnh, thị chi vị dữ cổ vi đồ.

Nếu vậy, dù thẳng thắn cũng khỏi mang tật; ấy gọi là làm bạn với cổ nhân.

Nhược thị tắc khả hồ?

Làm thế thì được chưa?

Ông nói: thế nào gọi là **"thành nhi thượng tỷ giả"** (việc thành rồi hướng lên ví bậc trên)? Tức là khiến cho nhau cùng thăng hoa; **"dữ cổ vi đồ"** (làm bạn với cổ nhân) nghĩa là chuyên noi đạo xưa mà đi. Ví lấy văn hóa Trung Hoa làm chuẩn mực mà nói: bây giờ thường nghe người ta rao khẩu hiệu văn hóa Trung Hoa, tôi cứ tự hỏi, văn hóa Trung Hoa là cái gì? Mọi người thử đưa một câu trả lời xem nào. Văn hóa Trung Hoa là rau cải xào củ cải chăng? Hay là những bức tranh ở Viện bảo vật Cố cung? Nếu bảo văn hóa Trung Hoa là Khổng Tử, câu trả lời ấy lại sai. Chư tử bách gia của Trung Hoa nhiều quá, Khổng Tử chỉ là một nhà trong đó thôi chứ! Bây giờ chúng ta ai nấy đều ráng sức nói về văn hóa Trung Hoa, kỳ thật kẻ nói cũng như Nhan Hồi, đang gọi bừa chẳng rõ vì sao, y như điều thiên thứ hai của Trang Tử gọi là **"xuy vạn bất đồng"** (thổi ra muôn vẻ chẳng giống nhau): gió lọt vào hang ấy, ù à ù ụ mà kêu, kêu chẳng chút ý nghĩa. Vậy ai nổi định nghĩa giúp cho văn hóa Trung Hoa? Tôi thấy khó lắm; đó là vấn đề đáng để thanh niên hôm nay suy ngẫm sâu xa.

Có kẻ chỉ muốn "thành nhi thượng tỷ, dữ cổ vi đồ", chỉ khăng khăng phục cổ; **"kỳ ngôn tuy giáo, trích chi thực dã"** (lời tuy dạy bảo mà thực chất quở trách): giáo hóa về mặt lý luận thì đúng, nhưng đây là lời của ai? **"Cổ chi hữu dã, phi ngô hữu dã"** (cái cổ nhân có, chẳng phải cái ta có): là lời cổ nhân nói, nhưng lịch sử mãi mãi tiến về phía trước, cái người xưa sở hữu chẳng phải cái chúng ta hôm nay sở hữu; hoàn cảnh khác, thời đại khác; cái hôm nay có cũng chẳng phải cái người xưa có. Cho nên Tử Tư, cháu nội Khổng Tử, trong bộ *Trung Dung* do ông soạn cũng nói: **"sinh hồ kim chi thế, phản cổ chi đạo, như thử giả, tai cập kỳ thân giả dã"** (sống giữa đời nay mà quay về đạo ngày xưa, kẻ như thế ắt tai họa ập tới thân). Người hiện đại mà gắng ép mình phục cổ, bước theo lối mòn người xưa, thì sẽ hỏng việc gặp tai ương; chẳng điên cũng phải đưa vào viện thần kinh.

Tư tưởng Khổng-Mạnh đâu có lỗi thời phục cổ đến thế! Ai nhắc tới tư tưởng Khổng-Mạnh là tưởng ngay chuyện phục cổ, chứng tỏ chưa đọc thông sách của hai ông! Mở *Mạnh Tử* ra xem: Khổng Tử là **"thánh chi thời giả"** (bậc thánh hợp thời), ông chủ trương bước theo thời thế. Khổng Tử trong *Kinh Dịch* nói **"dữ thời giai hành"** (đi cùng thời thế), phải nắm bắt thời đại, tức phải bước theo bước chân của thời thế mới được. Nên Trang Tử chỗ này cũng nói: **"cổ chi hữu dã, phi ngô hữu dã. Nhược nhiên giả, tuy trực bất vi bệnh"** (cái người xưa có chẳng phải cái ta có; nếu vậy dù thẳng thắn cũng khỏi mang tật). Nước sông đổ về đông là đi luôn chẳng quay đầu; lịch sử chẳng biết quay đầu. Như ta bước đường: bước bước chân phía trước, chứ chẳng ngoái lại mà đi ngược. Đặt vào thời cổ thì phong cách thẳng thắn ấy chấp nhận được, nên nói "thị chi vị dữ cổ vi đồ". **"Nhược thị tắc khả hồ?"** (làm thế thì được chưa?): con học cách làm của người xưa, được chưa ạ?

Đoạn này là Khổng Tử nói, chớ lầm là Nhan Hồi nói. Có nhiều bản chú giải ghi đoạn ấy là lời Nhan Hồi; có người chú giải lại cho là Khổng Tử nói. Chỉ riêng câu cuối "nhược thị tắc khả hồ" mới là lời Nhan Hồi.

Trang Tử từ *Tiêu Dao Du*, *Tề Vật Luận*, *Dưỡng Sinh Chủ*, nay tới *Nhân Gian Thế*. Thiên này bàn đạo xử thế làm người: người có đạo ứng xử với đời thế nào. Bữa trước cuộc đối thoại giữa Khổng Tử với Nhan Hồi còn chưa dứt, đã nói tới dữ nhân vi đồ (làm bạn với người), tức nhân đạo, lối đi của người thường ngoài xã hội, một đạo nhân thừa rất tốt đẹp. Đây là chỗ Nhan Hồi muốn ra đời, muốn làm thầy bậc vương chúa, tức muốn làm Trương Lương, Gia Cát Lượng hay Khương Thái Công trong lịch sử, thay đổi phong tư tưởng của người lãnh đạo. Khổng Tử dạy bảo Nhan Hồi một hồi, kết luận ông ta chưa đúng. Nay Khổng Tử lại nói: "thành nhi thượng tỷ giả, dữ cổ vi đồ, kỳ ngôn tuy giáo, trích chi thực dã". Xem lịch sử, bao kẻ thành nhi thượng tỷ đem đủ chuyện sẵn có ra phê bình, khó lắm; nên phải đọc tấu nghị, can sớ của các danh thần trong lịch sử.

Nói tới đây, xin tạm rẽ sang việc khác: muốn hiểu văn hóa Trung Hoa, chẳng thể lấy vài điều học Khổng-Mạnh, *Tứ thư Ngũ kinh* mang ra giảng miệng mà coi là đại diện văn hóa Trung Hoa; vấn đề này lớn lắm. Huống chi muốn hiểu lịch sử Trung Hoa, dù đọc hết nhị thập ngũ sử vẫn chẳng hiểu hết lịch sử; bắt buộc phải đọc những văn liệu mặt trái của lịch sử, tức tấu nghị và can sớ của các danh thần. Những tấu nghị can sớ ấy ngang với xã luận của báo lớn bây giờ, như báo Times nước Anh thời đầu và giữa thế kỷ XIX, những xã luận ấy đủ sức ảnh hưởng chính trị và xã hội cả thế giới.

Cho nên qua các triều, nhiều vị đại thần dâng tấu nghị gay gắt lên vua, trình quan điểm phản đối, vừa viết báo cáo vừa viết sẵn di chúc, thậm chí mua cả quan tài để sẵn coi như chuẩn bị chết; bởi hôm sau bản tấu dâng lên, biết đâu đầu đã mất. Đó là tinh thần trí thức Trung Hoa: vì nước, vì dân, vì trả lời được với lịch sử, dùng sinh mệnh đánh đổi ngàn thu, chịu trách nhiệm với thiên hạ. Đây là điều giáo dưỡng mà văn hóa Trung Hoa dành cho tầng lớp trí thức, cũng là điểm đặc biệt riêng có. Kể từ nhà Minh, người đọc sách chịu ảnh hưởng lý học Nho gia đời Tống, tới lúc nước mất nhà tan, xã hội loạn lạc, kẻ dùng sinh mệnh đánh đổi ngàn thu càng đặc biệt đông. Nhưng có một chuyện rất thú vị: nhà Minh kể từ khi hòa thượng họ Chu là Chu Nguyên Chương lên ngôi hoàng đế, con cháu ông không ai đủ tư cách làm vua. Tôi thường đọc sử Minh, nghĩ tới các hoàng đế nhà Minh, chỉ đủ sức làm bồi rượu trong quán trên đường Trung Sơn Bắc, chạy vội chạy vãng thì được, đừng nói làm vua, cả tư cách làm ông chủ cũng không có. Song nhiều Nho gia cùng trí thức nhà Minh mang khí tiết trung trinh lại đặc biệt đông. Vậy nên hai trăm bảy mươi năm nhà Minh xác đáng đại diện cho nhận thức của trí thức Trung Hoa về sinh mệnh, cho sự cống hiến của họ với sinh mệnh, biểu lộ một thứ tinh thần trung trinh.

Bây giờ trở lại văn bản Trang Tử. "Thành nhi thượng tỷ giả, dữ cổ vi đồ": thuở xưa người ta dâng tấu nghị, khi phải bàn việc gấp thì xử lý thế nào? Các bạn trẻ viết xã luận, viết bài phê bình cũng phải để ý: thành nhi thượng tỷ là dẫn

chuyện xưa soi xét chuyện nay, tức lấy sự thật lịch sử làm ví dụ để minh giải. Nên Trang Tử mượn lời Khổng Tử dạy trò Nhan Hồi: nếu ngươi ra ngoài, làm thầy bậc vương chúa, thành nhi thượng tỷ dữ cổ vi đồ, làm thế có khá chăng? Cách làm này chính là đạo nhân thừa.

Đạo vua, đạo tôi, đạo thầy

Chỗ này lại phải rẽ ngang sang chuyện khác, bàn đạo làm tôi, gồm tất cả ba đạo: đạo vua, đạo tôi, đạo thầy. Ví như Khổng Tử, rồi các giáo chủ đời sau, như Thích Ca Mâu Ni bên Ấn Độ, Chúa Giê-su phương Tây, đều đi lối đạo thầy, không đi lối đạo vua. Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang đi lối đạo vua; các danh thần qua các triều đi lối đạo tôi. Ba đạo ấy là mục tiêu giáo dục thành nhân của văn hóa Trung Hoa.

Lấy hiện nay mà nói: một người trắng tay dựng nghiệp, thành đại ông chủ một công ty, phải học đạo vua, tức biết cách lãnh đạo người, bao dung người, dụng người; người tốt kẻ xấu đều dùng nổi, người có tài kẻ vô tài cũng khiến họ chuyển động được; đó là học vấn tu dưỡng của đạo vua. Đạo tôi là làm thuê, làm cán bộ, phải biết tự xử theo đạo tôi. Vậy nay Khổng Tử bảo Nhan Hồi: con đi lối đạo thầy, thành nhi thượng tỷ, dữ cổ vi đồ, dẫn chuyện xưa soi xét nay. **"Kỳ ngôn tuy giáo"** (lời tuy là dạy bảo), ông nói đạo lý ngươi kiến nghị tuy phát sinh hiệu lực, "trích chi thực dã" nhưng làm được không? Không được, bởi trong đó chứa ý châm biếm, người ta chịu không nổi.

Ví như bây giờ rất nhiều bạn trẻ, thú thật, mấy chục năm nay ở Đài Loan nhiều người thích đọc *Trinh Quan chính yếu*. Quyển này chép chuyện Đường Thái Tông làm hoàng đế ra sao, nên ai nấy đọc say sưa. Nhưng mọi người lại quên rằng sách này dạy hoàng đế cách làm hoàng đế, cách làm thủ lĩnh! Ngụy Trưng, đại thần của Đường Thái Tông, là vị tôi nổi tiếng sử sách chuyên sửa lỗi cho vua; tinh minh như Đường Thái Tông có lúc cũng chịu không nổi. *Trinh Quan chính yếu* chép Đường Thái Tông đối với tấu nghị của Ngụy Trưng cùng các người, bất luận ý kiến thuận hay nghịch, đều nghe lời theo kế; chép sự vĩ đại của Đường Thái Tông, nổi tiếng trong lịch sử.

Đường Thái Tông thích chơi chim cắt, thích nuôi chim nghịch; bậc anh hùng lớn khi thiên hạ vô sự, tinh thần không chỗ gửi gắm, nuôi vài con chim chơi, cũng như dân chúng ta nuôi mấy cánh bồ câu cho vui, chẳng có gì đâu! Có lần, ông đang nghịch chim, thấy Ngụy Trưng tới, biết chắc Ngụy Trưng sẽ nói: làm thiên tử mà sao như đứa trẻ con, nghịch thứ ấy! Không còn cách nào, nhét con chim vào ngực áo, rồi tiếp chuyện với Ngụy Trưng. Ngụy Trưng đã thấy rõ nhưng cũng chẳng nói gì; vốn dĩ báo cáo vài câu là xong việc, đáng lẽ phải đi, ông cố tình không đi, còn cố tìm mấy chuyện để nói luyên thuyên nửa buổi; sau khi Ngụy Trưng đi rồi, Đường Thái Tông móc con chim ra xem, đã nghẹt thở chết rồi. Ông tức đến phát điên! Chỉ tay sau lưng mắng: rồi có ngày tao giết chết thằng nhà quê ấy! Thời cổ không gọi nhà quê, gọi điền xá ông (ông nhà nông). *Tùy Đường gia ngữ* chép có đoạn này.

Ngụy Trưng thường làm Đường Thái Tông bị vấp; lần này làm chim nghẹt chết, về hậu cung ông mắng to. Hoàng hậu nghe tiếng, hỏi: hôm nay ở ngoài lại ăn khí của vị đại thần nào nữa rồi? Ông đáp: còn ai nữa! Chính thằng điền xá ông ấy chứ. Một lần khác, hoàng hậu thấy Đường Thái Tông nổi giận vì Ngụy Trưng, liền vào thay lễ phục rồi bước ra. Đường Thái Tông trông thấy, hỏi: bà nghiêm trọng thế làm gì? Đây là triều phục mà! Hoàng hậu đáp: Thiếp xin chúc mừng nhà vua có một vị tôi tốt như vậy; chỉ nhờ cái bụng bao dung của nhà vua mới nuôi nổi một cán bộ quốc gia tốt đẹp như thế. Vài lời êm tai vừa nói xong, cơn lửa trong lòng Đường Thái Tông cũng tắt. Nhưng sau khi Ngụy Trưng mất, Đường Thái Tông vẫn đập bỏ bia mộ ông ta, bởi văn bia khiến ông nhớ đủ thứ chuyện, nên viện một cớ lấy đi, lật ngược tất cả chuyện cũ.

Nói như vậy, người làm thủ lĩnh mà tu dưỡng thật sự đạt tới lượng bao dung người, trừ phi là bậc đắc đạo, đạt tới cái không; chẳng không thì làm không nổi. Vì vậy Khổng Tử bảo Nhan Hồi "kỳ ngôn tuy giáo, trích chi thực dã":

ngươi dẫn chuyện xưa soi xét nay, nói chuyện với bề trên, lời ngươi tuy thấy hiệu lực, nhưng trong lòng người ta cảm thấy ngươi vẫn đang châm biếm mình; huống chi đem kinh nghiệm lịch sử ra giải thích sự thật hôm nay, "cổ chi hữu dã, phi ngô hữu dã, nhược nhiên giả, tuy trực bất vi bệnh, thị chi vị dữ cổ vi đồ". Nhan Hồi thưa: con lấy kinh nghiệm lịch sử mà nói, đâu có sai! Ngày xưa có mà! Sử sách bao nhiêu đại thần nói chuyện, chúng ta phải học tập chứ! Ông nói: phi ngô hữu dã! Không đại diện cho ý kiến của con, là ý kiến của người xưa, con đem ra nói đâu có sai! Nhược nhiên giả, nếu con dùng cách này xử chuyện này, tuy trực bất vi bệnh, lời nói thẳng một chút, chắc chẳng sa vào tội lỗi đâu! Cách này là đi đạo làm tôi, nên dữ cổ vi đồ; làm như thế, được chưa?

Trọng Ni viết: Ô! Ô khả!

Trọng Ni đáp: Chẳng! Sao có thể được!

Đại (thái) đa chính pháp nhi bất điệp,

Phép tắc chính sự nhiều quá thì chẳng thể chu toàn,

tuy cố diệc vô tội.

dù cứng nhắc theo phép cũng khỏi mang tội.

Tuy nhiên, chỉ thị nhĩ hĩ, phù hồ khả dĩ cập hóa!

Dẫu vậy, chỉ tới thế là cùng thôi, há làm sao chạm tới cảm hóa!

Do sư tâm giả dã.

Ấy là kẻ lấy lòng mình làm thầy đấy.

Khổng Tử nói "ô! ô khả!": chữ "ô" phía trên là chữ hình thanh, tiếng thở dài! Nói theo bạch thoại là: ôi chao! "Ô khả" là tục ngữ, tức kiểu làm ấy của ngươi không được, cũng chẳng thông nổi. "Đại đa chính pháp nhi bất điệp": đây là Khổng Tử dạy Nhan Hồi cách đi đạo làm tôi, cách hành đạo thầy. Đạo trị quốc này, tức thời đại công thương nghiệp bây giờ, lãnh đạo một công ty, dựng một sự nghiệp, cách thức không thể quá nhiều, việc phải giản lược. Lão Tử từng nói câu này: **"pháp lệnh tư chương, đạo tặc đa hữu"** (pháp lệnh càng rành rẽ, đạo tặc càng nhiều); luật lệ quy chế càng nhiều, pháp luật càng gắt gao, kẽ hở càng rộng, cơ hội phạm pháp của người càng lớn. Đạo lý này chính là "đại đa chính pháp nhi bất điệp"; xử lý chuyện pháp lệnh, không cách nào chu toàn được. Chữ **"điệp"** (谍) này không mang nghĩa tình báo gián điệp, mà nghĩa là lời nói chẳng thể giải thích chu toàn đến mức ấy.

"Tuy cố diệc vô tội" (dù cứng nhắc theo phép cũng khỏi mang tội): dù rằng ta cứ theo luật mà làm, đâu có sai gì! Tôi thường có cảm tưởng: nhiều sinh viên cao đẳng đại học làm công chức, xử sự quả thật rất nghiêm chỉnh, hoặc ráng sức căn cứ điều khoản luật lệ mà làm, hoặc không có căn cứ pháp lệnh thì bó tay không làm; cả hai đều là cách làm không chịu trách nhiệm. Chính là câu "tuy cố diệc vô tội" ấy: làm sai rồi, kìa! Tôi có làm theo điều khoản mấy mấy ấy cơ mà! Việc chẳng thành, tựa hồ mình không hề phạm lỗi, song đó không phải cách hết lòng với nước. **"Tuy nhiên, chỉ thị nhĩ hĩ"** (dẫu vậy chỉ tới thế là cùng): ông nói, dù vậy, tối đa cũng chỉ làm một công chức gạo ăn mà thôi! Bản thân chưa làm nổi bổn phận con người phải làm. Nếu lấy giáo hóa mà kể, "phù hồ khả dĩ cập hóa"! Chỉ biết theo phép mà làm, không phải việc nhà chính trị gia lớn nên làm, bởi trái nguyên tắc giáo hóa thiên hạ. Nhà chính trị gia lớn, tức nhà giáo dục lớn trong đạo thầy, ảnh hưởng một thời đại, ảnh hưởng cả một trang lịch sử, bởi giáo dục có tác dụng giáo hóa. Nên nói, nếu cho rằng cứ theo phép mà làm là ổn rồi, "do sư tâm giả dã", ấy là sư tâm.

Sư tâm tức chủ quan của mình, tự cho mình cao siêu lắm; nên Khổng Tử phê phán Nhan Hồi là sư tâm, cũng không tốt.

Nhan Hồi viết: Ngô vô dĩ tiến hĩ, cảm vấn kỳ phương.

Nhan Hồi thưa: Con không còn cách nào tiến thêm được nữa, xin thầy chỉ cho phương hướng.

Nhan Hồi vốn định ra đời giáo hóa vua Vệ, bị thầy mắng một trận như thế, ông nói: "ngô vô dĩ tiến hĩ, cảm vấn kỳ phương". Chỉ đành thưa: thưa thầy, thầy nói thế này, cả bụng học vấn con theo thầy học đều thành vô dụng, tiến thêm một bước con không hiểu nữa rồi. Nhan Hồi xin thầy chỉ điểm phương hướng, rốt cuộc phải đi thế nào?

Ta hãy để ý thiên *Nhân Gian Thế*: đối thoại giữa Khổng Tử với Nhan Hồi, từ học vấn ngoại dụng nói tới học nội dưỡng, tức từ đạo ngoại vương nói tới nội thánh; bây giờ Khổng Tử nêu ra tu dưỡng nội thánh.

Trong đoạn này, người nay với người xưa có tranh luận rất thú vị: mấy câu nào là Khổng Tử nói, mấy câu nào là Nhan Hồi nói? Chúng ta đều đã giảng qua. Rốt cuộc là ai nói? Là Trang Tử. Không tin, chết rồi xuống hỏi Trang Tử cho rõ (mọi người cười). Nhân tiện, trong *Hồng Lâu Mộng* có bài thơ Lâm Đại Ngọc chê Giả Bảo Ngọc đọc Trang Tử, rất thú vị, nói rất thấu đáo:

Vô đoan lộng bút thị hà nhân, tác tiễn Nam Hoa Trang Tử nhân. (không đầu không cuối kẻ nào nghịch bút, làm nhục cả *Nam Hoa Kinh* lẫn ý Trang Tử)

Bất hối tự gia vô kiến thức, khước tương xú ngữ để tha nhân. (chẳng hối nhà mình thiếu hiểu biết, lại đem lời bẩn mà gièm pha người khác)

Đọc xong, lại có thể cười một tiếng rồi cho qua thôi.

Trai tâm là gì

Trọng Ni viết: Trai, ngô tương ngữ nhược!

Trọng Ni đáp: Hãy trai đi, ta sẽ nói với ngươi!

Hữu nhi vi chi, kỳ dị da?

Đem tâm hữu vi mà cầu, há có dễ dàng chăng?

Dị chi giả, hạo thiên bất nghi.

Kẻ coi việc ấy là dễ dàng, trời cao chẳng dung chấp.

Khổng Tử nói chữ "trai": ai cũng biết ăn chay còn gọi là ăn trai. Khổng Tử bảo Nhan Hồi phải học tiến thêm một bước: trước tiên ngươi hãy đi trai; đó là lễ nghi thời cổ, **"trai giới mộc dục"** (giữ trai tắm gội): phải tắm rửa sạch sẽ, thay quần áo sạch sẽ, còn phải xông hương; bề ngoài phải thanh khiết, gồm cả ăn chay, trước hết làm trong sạch tâm. "Ngô tương ngữ nhược", ta sẽ nói thêm cho ngươi. Ví như có người đến hỏi Phật pháp, vội vàng chạy tới rồi nói: thưa thầy! Con có vấn đề muốn hỏi. Tôi bảo: tôi không rảnh. Người ấy nói: không được đâu! Con từ Mỹ bay tới, hai giờ chiều máy bay lại phải bay đi liền! Tựa hồ tôi nợ hắn điều gì. Trong lòng tôi thầm nghĩ: ông đi việc của ông, liên quan gì tới tôi? Bây giờ hạng người ấy nhiều lắm! Chúng tôi cũng quen rồi; giả như hồi tôi trẻ, chắc tôi chẳng buồn thèm nhìn, nhắm mắt lại, mặc kệ ông, tôi đâu có nợ gì ông. Nay thì không được nữa! Những thứ ấy đều là **"hữu nhi vi chi"** (có mà làm): trong lòng đem tâm hữu vi ra cầu đạo, đem chủ nghĩa công lợi ra hỏi đạo, "kỳ dị da"? Có dễ dàng thế không? Nên Khổng Tử bắt Nhan Hồi trai giới mộc dục trước đã. "Dị chi giả, hạo thiên bất nghi": dễ dàng truyền cho ngươi quá thì trời cao chẳng dung chấp. Cái gọi là trời cao chẳng cho phép, là chỉ trái nghịch thiên đạo; đó là quy luật tự nhiên không dung chịu.

Nhan Hồi viết: Hồi chi gia bần, duy bất ẩm tửu bất như huân giả số nguyệt hĩ.

Nhan Hồi thưa: Nhà con nghèo, mấy tháng nay chẳng rượu chè chẳng món huân nồng.

Nhược thử, tắc khả dĩ vi trai hồ?

Như thế, có thể gọi là trai chăng?

Viết: Thị tế tự chi trai, phi tâm trai dã.

Ông đáp: Đấy là trai của lễ tế, chứ chưa phải trai tâm.

Hồi viết: Cảm vấn tâm trai.

Nhan Hồi thưa: Xin thầy cho biết trai tâm.

Nhan Hồi nghe xong! Cũng đúng quan niệm của chúng ta. Ông thưa: thưa thầy! Thầy biết không, nhà con nghèo không đâu, rượu cũng không nổi tiền mua, thịt cũng chẳng mua nổi, mấy tháng nay không ăn món huân nồng. Chữ "huân" này không đại diện cho thịt đâu nhé! Không ăn huân và không ăn thịt là hai chuyện khác nhau. Chữ huân này mang bộ thảo; ngũ huân là hành, tỏi, hẹ (cửu thái), kiệu (giới bạch), hưng cừ, cũng gọi ngũ tân. Phật gia cấm ăn năm thứ huân ấy, bởi loại này kích thích sinh trưởng hoóc-môn, đặc biệt kích thích tiết xuất hoóc-môn tính, rất trở ngại cho tu tập. Văn hóa cổ Trung Hoa và văn hóa cổ Ấn Độ cùng một đạo lý: giữ ngũ tân, không ăn đồ huân, chứ không phải nói không ăn thịt; tuy nhiên nếu thật sự giữ trai, đương nhiên bao gồm không sát sinh, không ăn thịt. Trong *Luận Ngữ*, bản thân Khổng Tử cũng có trải nghiệm ấy, **"tam nguyệt nhi bất tri nhục vị"** (ba tháng chẳng biết vị thịt)! Nên Nhan Hồi nói: "nhược thử, tắc khả dĩ vi trai hồ?" Con như thế chẳng phải ngày ngày giữ trai hay sao? Rất nhiều bạn học Phật ăn trai ngồi đây để ý nhé! Ăn trai ăn chay đích thực là thế nào? Dưới này Khổng Tử có một đạo lý.

Khổng Tử nói: "thị tế tự chi trai, phi tâm trai dã". Cái kia của ngươi gọi gì là ăn trai? Đó là trai để lễ bái, làm vẻ ngoài, là hình thức tôn giáo, mà lại dùng với quỷ thần lúc tế tự; ấy là trai bên ngoài. Trai thật sự gọi trai tâm, điều này chúng ta phải để ý! Bây giờ tôi nói thay Trang Tử: quan niệm trai tâm trong văn hóa Trung Hoa mà Trang Tử đại diện, chính là trì giới, tu định, tu tuệ của Phật gia, thậm chí nói đạt được cửu thứ đệ định, chứng được bồ đề, cũng chỉ là thành tựu của trai tâm mà thôi.

Nhan Hồi nói: "cảm vấn tâm trai". Vậy thưa thầy truyền cho con đi! Thế nào gọi là trai tâm? Chữ trì là giữ gìn; trong lòng thật sự giữ trai, không phải ăn chay; giữ trai chính là niệm Phật.

Trọng Ni viết: Nhược nhất chí,

Trọng Ni đáp: Ngươi hãy chuyên nhất chí niệm,

vô thính chi dĩ nhĩ nhi thính chi dĩ tâm,

dừng nghe bằng tai mà hãy nghe bằng tâm,

vô thính chi dĩ tâm nhi thính chi dĩ khí.

dừng nghe bằng tâm mà hãy nghe bằng khí.

Thính chỉ ư nhĩ, tâm chỉ ư phù.

Tai nghe dừng lại nơi tai, tâm dừng lại nơi sự hợp nhau.

Khí dã giả, hư nhi đãi vật giả dã.

Cái khí là cái hư không mà đợi vật.

Duy đạo tập hư.

Chỉ có đạo hội tụ cái hư không.

Hư giả, tâm trai dã.

Cái hư không ấy, chính là trai tâm.

Đoạn này ngang với lộ trình tu xá-ma-tha (chỉ), tỳ-bà-xá-na (quán) mà Tông Khách Ba hoàng giáo Mật tông đề xướng, cũng chính là lục diệu môn trong đại chỉ quán và tiểu chỉ quán của Trí Giả đại sư Thiên Thai tông Phật giáo. Nếu nghiên cứu sâu thì thấy rất lạ: thời Trang Tử, Phật giáo tuyệt đối chưa vào Trung Hoa; đây chính là lời Khổng Tử mà Liệt Tử nhắc tới: **"tây phương hữu thánh nhân, đông phương hữu thánh nhân, thử tâm đồng, thử lý đồng"** (phương Tây có thánh nhân, phương Đông có thánh nhân; tâm ấy một, lý ấy một); phương hướng của mọi người hoàn toàn giống nhau.

Bây giờ Khổng Tử truyền pháp môn chỉ quán. Chữ "nhược" là ngươi; "nhất chí", trước hết chuyên nhất tâm niệm, tư tưởng chuyên nhất; "vô thính chi dĩ nhĩ, nhi thính chi dĩ tâm", không dùng tai để nghe, đem tâm nghe thanh âm. Hai câu này chính là điều kinh *Lăng Nghiêm* nói: **"phản văn văn tự tính, tính thành vô thượng đạo"** (đảo nghe nghe tự tính, tính thành vô thượng đạo). Đây là danh từ Phật học, đại diện cho Quan Âm pháp môn. "Phản văn văn tự tính": không dùng tai nghe thanh âm bên ngoài, xoay cái tác dụng quen nghe ngoài của đôi tai lại, nghe tiếng nói nội tại của mình. Điều đó chưa chắc là nghe tiếng máu chảy trong tim.

Ngươi phải hiểu, khi ta lặng xuống, ví như người ngồi thiền, ngươi tưởng hắn đang ngồi thiền à? Kỳ thực trong lòng đang nói chuyện, mở họp thảo luận; chẳng biết vậy có đúng không? Vậy có lặng chưa? Rất giống! Than ôi! Tiếc thay, động niệm rồi; ồ! Gần rồi đấy! Đã thành Phật rồi. Bên trong tự nó cứ nói mãi. Cho nên phải quay ngược lại: "vô thính chi dĩ nhĩ, nhi thính chi dĩ tâm". Vậy tâm làm sao lặng nổi? Khổng Tử nói: "vô thính chi dĩ tâm, nhi thính chi dĩ khí". Cái khí này chính là tức mà đời sau nói, pháp xuất nhập tức trong thiền quán Phật giáo. "Tức" là gì? Khoảng giữa một hô một hấp gọi là tức. Kỳ thật giữa lúc ta hô và hấp có một khúc không hô không hấp; khúc ấy rất ngắn ngủi, khó nắm bắt lắm, ấy gọi là tức. Trang Tử chỗ này không dùng danh từ tức.

"Thính chỉ ư nhĩ, tâm chỉ ư phù": tai nghe ngưng hẳn tác dụng, thoát ly quan hệ với ngoại giới; chẳng như thường ngày tai ta nghe đông nghe tây; nên bảo nó cũng đừng nghe nữa, nhập định đi. "Tâm chỉ ư phù": trong lòng chẳng một niệm nào lay động, tự nhiên khớp với cái đạo này. Dùng danh từ Trung Hoa cổ, tức là khớp với thiên tâm, hòa hợp với thiên tâm. "Khí dã giả, hư nhi đãi vật giả dã": lúc này khoảng giữa hơi thở là không linh, ngang với chẳng còn hơi thở nữa; trong ngoài thân tâm là một mảnh hư linh. "Hư nhi đãi vật giả dã": "đãi vật" nghĩa là sao? Vẫn còn đối đãi với ngoại vật; như hôm qua chúng ta vừa học lớp duy thức, là thanh sạch trên ý thức, trông có vẻ không rồi. Ngươi phải biết, đó chỉ là cái không của thiên địa ý thức ngươi thôi; bên ngoài chưa hề không, ta vẫn đứng trước mặt ngươi, mặt trời vẫn mọc đông lặn tây đều đặn, chẳng có gì không cả. Tuy nội tâm hư linh, nhưng vẫn đối đãi với thế giới vật lý bên ngoài. Đây là bước tu dưỡng thứ nhất; ngươi trước hết đạt được hư linh nội tâm là ổn rồi.

"Duy đạo tập hư": chữ **"tập"** (集) trong "tập hư" phải khoanh đen đặc biệt; tập tức tích lũy; ngươi luyện cảnh giới hư linh, không linh của nội tâm ý thức lâu dài, tích lũy mãi rồi, thì gần tới đạo hình nhi thượng nhanh lắm; nên để ý chữ này. "Duy đạo tập hư": ngươi làm nổi nội tâm ý thức chẳng lay động, lòng rất tĩnh lặng, nhĩ căn cũng chẳng nghe ra ngoài, là hoàn toàn quy về bên trong rồi.

"Hư giả, tâm trai dã". Lúc này nội tâm thật sự đang giữ trai. Rất nhiều người học Phật thụ bát quan trai giới; cái trai trong bát quan trai ấy chính là cái này. Đạt tới dạng ấy, gọi là thành tựu bát quan trai; không phải bảo quá ngọ bất thực là giữ trai đâu. Vì sao bát quan trai có điều "quá ngọ bất thực"? Bởi quá ngọ bất thực khiến hơi thở của ngươi dễ thông

suốt, hư linh, dễ đạt tới cảnh giới trai tâm. Cho nên dung hội quán thông rồi, thông một cái trăm cái thông, đều cùng một đạo lý, chỉ khác cách nói mà thôi. Ông nói, dạng như thế mới gọi là giữ trai đích thực.

Đoạn lời của Trang Tử là mượn miệng Khổng Tử mà nói; bất luận Nho gia, Đạo gia, hiển giáo, Mật tông, Thiên Thai, Hoa Nghiêm, tông phái nào cũng vậy, thậm chí chỗ tĩnh tâm của Thiên Chúa giáo, Kitô giáo, đều cùng một đạo lý; cái này gọi trai tâm, gọi tĩnh lặng. Đạt cảnh giới này, bế quan sơ cấp được rồi; không tới cảnh giới này thì không được bế quan! Bế quan sẽ phát điên. Bước công phu sơ khởi của tu dưỡng nội thánh, đạo lý trai tâm giữ trai này, Khổng Tử truyền cho Nhan Hồi.

Nhưng chúng ta phải đặc biệt để ý! Thiên này gọi *Nhân Gian Thế*, là thiên thứ tư trong thất thiên Nội thiên. Vì sao không đặt đoạn Khổng Tử truyền đạo cho Nhan Hồi này vào thiên thứ nhất *Tiêu Dao Du*, cũng chẳng đặt vào thiên thứ hai *Tề Vật Luận*, cũng chẳng đặt vào thiên thứ ba *Dưỡng Sinh Chủ*, mà cứ nhất quyết đặt vào thiên thứ tư *Nhân Gian Thế*? Lý do là gì? Lại là một thoại đầu nữa! Nhiều bạn muốn học Thiền tông, tham thoại đầu; đây chính là Thiền tông, chính là thoại đầu. Vì sao lại truyền đạo nội thánh này ngay trong thiên *Nhân Gian Thế*? Ai thích lung tung vọng tưởng, đào sâu suy nghĩ, cứ việc dụng công thử xem. Tham thoại đầu là bắt ngươi vọng tưởng, dụng tâm tư, đi nghiên cứu tư duy. Được rồi! Ta đặt câu đề này ở đây.

Tám cơn gió thổi chẳng lay động

Nhan Hồi viết: Hồi chi vị thủy đắc sử, thực tự Hồi dã;

Nhan Hồi thưa: Thuở con chưa được sai khiến, thật còn là Hồi;

đắc sử chi dã, vị thủy hữu Hồi dã;

khi đã được sai khiến rồi, thì chưa từng còn có Hồi nữa;

khả vị hư hồ?

vậy có gọi là hư không được chăng?

Nhan Hồi nghe những lời ấy, giữa chừng đã đi làm công phu, chỉ là bài văn không ghi lại. Nhan Hồi nghe Khổng Tử truyền phương pháp xong, liền đi ngồi thiền làm công phu. Ngồi một lát, đứng dậy báo cáo với Khổng Tử: "Hồi chi vị thủy đắc sử, thực tự Hồi dã". Ông nói: thưa thầy! Thầy dạy con phương pháp ấy, con liền lên tòa. Cũng như các ngươi ngồi thiền vậy, mới lên đây, **"vị thủy đắc sử"** (chưa từng được sai khiến), chưa quen, thân với tâm phối không khớp; bảo tai đừng nghe nó cứ nghe; nghe nhạc thịnh hành càng tệ, dù tự bảo giờ đang ngồi thiền, chẳng muốn nghe, nhưng cái lòng đã nhảy múa sẵn rồi, bờ vai đã lắc lư sẵn rồi. Khi ấy con chưa nhập đạo, "thực tự Hồi dã", con vẫn là con. **"Đắc sử chi dã"** (khi đã được sai khiến), từ từ con lên đường, tâm với khí hai cái hợp làm một; **"vị thủy hữu Hồi dã"** (chưa từng còn có Hồi), quên mất mình rồi, chẳng còn mình nữa. Các bạn trẻ bình thường của chúng ta còn chưa học nổi bước này của Nhan Hồi đấy nhé! Ông nói lúc ấy tâm cũng không, hơi thở cũng không, quên luôn cái tôi; mình có phải Nhan Hồi nữa cũng quên mất. "Khả vị hư hồ?" Ông hỏi: thưa thầy! Vậy có đạt cảnh giới không linh chưa?

Phu tử viết: Tận hĩ. Ngô ngữ nhược!

Thầy đáp: Đủ lắm rồi. Ta sẽ nói thêm cho ngươi!

Nhược năng nhập du kỳ phàn nhi vô cảm kỳ danh,

Nếu ngươi bước vào du trong khuôn viên ấy mà chẳng còn rung động vì danh,

nhập tắc ô, bất nhập tắc chỉ.

thì vào thì vang tiếng, không vào thì dừng lại.

Khổng Tử nghe báo cáo của Nhan Hồi xong nói: "tân hĩ. Ngô ngữ nhược!" Được rồi, đúng rồi! Bước thứ nhất tới rồi, ta nói thêm cho ngươi bước kế tiếp. "Nhược năng nhập du kỳ phàn nhi vô cảm kỳ danh": "nhập du kỳ phàn" là lọt qua cửa rào, bước vào trong khuôn viên rào chắn. Ông nói, công phu ngươi làm tới bước này, đạt tới cảnh giới vô ngã, nhưng chỉ mới nhập môn mà thôi. "Nhi vô cảm kỳ danh", nhưng ta nói cho ngươi, còn chưa tới nơi tới chốn đâu! Sự cảm ứng nội tâm vẫn còn. Tuy ngươi rất không linh, nếu có ai chạm vào, ngươi vẫn động niệm; cái thanh sạch cái không hiện nay của ngươi còn dựa chẳng đáng tin.

Như chúng ta mọi người ngồi đây, ngồi thiền, học Phật, tu đạo, tu Mật, tựa như anh hùng đủ lối, thần tiên đủ đường đều có; lúc bình thường mèo mù sờ được chuột chết, những kinh nghiệm nhỏ bé ấy thỉnh thoảng ai cũng từng trải qua, nhưng chẳng giữ bền nổi; gặp được thì có, buông hai chân ra là mất; ấy là tu đôi chân chứ chẳng phải tu đạo. Có khi nó tự đến đụng ngươi, ngươi liền có đạo; muốn đi tìm nó, tìm chẳng thấy, có phải thế không? Đuổi chẳng kịp cái đạo ấy, còn đau đớn hơn chạy theo tình nam nữ, đúng không? Lúc thân khỏe mạnh, có cảnh giới ấy; sinh bệnh ra là chẳng giữ nổi, chỉ biết đau, chẳng thể an tĩnh, tất nhiên cũng chẳng thể không linh. Đây chính gọi là "nhược năng nhập du kỳ phàn nhi vô cảm kỳ danh": ngươi vẫn bị ngoại giới kéo lôi; chữ "danh" này đại diện cho sự lý bên ngoài; mọi việc, mọi lý, mọi ngoại vật đều còn kéo ngươi đi được.

"Nhập tắc minh" chính là một câu trong kinh Phật: **"cảnh phong xuy thức lãng"** (gió cảnh thổi gợn sóng thức): gió ngoại cảnh thổi tới, sóng lòng lập tức lay động. Viên Hàn Vân, con trai Viên Thế Khải, có bài thơ nổi tiếng, trong đó hai câu hay hơn cả: **"ba phi thái dịch tâm vô trú, vân khởi ma nhai mộng dục đằng"** (sóng cuộn hồ Thái Dịch lòng chẳng trụ, mây nổi vách ma mộng muốn bay). Đây nói cha ông là Viên Thế Khải, muốn làm hoàng đế là chẳng đúng rồi! "Thái Dịch" là lời Đạo gia, ao nước tiên trên trời, chỉ cái ao tâm này. Ba phi thái dịch chính là cảnh phong xuy thức lãng: gió ngoại cảnh vừa thổi tới, gợn sóng trong lòng dâng lên chẳng ngừng, nên nói "ba phi thái dịch tâm vô trú". Khi vọng niệm tới, tựa "vân khởi ma nhai": vọng niệm tự thân nó đã là ma, nào có ma gì ở ngoài! "Mộng dục đằng": cái mộng của ngươi tựa sắp bay lên, kiểm soát không nổi. Nên Viên Thế Khải đọc thơ con trai, tức đến mức gần chết, mắng thầy dạy học của con là Hứa Địa Sơn, đều tại thằng Hứa Địa Sơn dạy hỏng cả. Các bạn học viện nên thuộc lòng hai câu thơ này; đây là vô thượng chú, khi trong lòng động niệm, đọc lên hai câu ấy, e rằng trấn ma nổi. Nên nói vô cảm kỳ danh cũng là đạo lý ấy: gió ngoại cảnh vừa thổi, cảnh định, cảnh thanh sạch trong lòng ngươi lập tức bị thổi tan.

"Nhập tắc minh": ngoại cảnh vừa lọt vào, trong lòng lập tức cộng hưởng. Kinh Phật kể, đại A-la-hán tập khí chưa dứt cũng chưa được. Ví như Ca Diếp tôn giả đầu bảng hạnh đầu đà, tổ sư thứ nhất Thiền tông, đa sinh lũy kiếp yêu âm nhạc; nên khi Ca Diếp tôn giả vào diệt tận định, thiên nhân đang tấu nhạc, ngài một bên ngồi thiền, một bên lắc lư theo nhạc. Có các bạn ngồi thiền, khí mạch động cũng lắc lư, biết đâu cũng tại nghe nhạc quen! Người bên cạnh thấy Ca Diếp tôn giả lắc lư, hỏi Phật rằng: Ca Diếp tôn giả làm sao vậy? Tôn giả còn trong định không? Phật nói: vẫn còn định! Ông ấy nghe nhịp nhạc liền lắc lư theo, bởi đa sinh lũy kiếp yêu âm nhạc, tập khí chưa đổi; nghiệp lực tập khí ấy trong chủng tử thức thứ tám A-lại-da chưa đổi được; từ đó biết tu hành khó cỡ nào.

Cho nên *Duy Ma Cật Kinh* kể, hoa trời rơi xuống thân đại A-la-hán vẫn dính lấy; tuy thấy sắc mà chẳng yêu sắc! Nhưng gốc rễ tập khí chưa nhổ sạch. Người bình thường giữ giới "trai tâm" chẳng dám động, mắt chẳng lia chỗ khác, tựa hồ đã không và đã về tới nhà; kỳ thực cái gốc rễ ấy một khi bùng phát thì phiền phức lớn. Song hoa trời rơi xuống thân đại bồ tát thì không dính, tự rơi xuống ngay, bởi tập khí đã dứt rồi, đương nhiên chẳng còn "nhập tắc minh, bất nhập tắc chỉ". Như có kẻ ở trên đỉnh núi cao, đừng nói chẳng thấy người, quỷ cũng chẳng thấy! Tự thấy bây giờ thật là

không quá! Rồi nhìn người đời, ngu si quá! Chúng sinh lăng xăng bận rộn, như ta đây thanh sạch biết bao! Đó là lời suông, lời tự lừa dối mình lừa dối người; xuống núi rồi, hắn sẽ ngu si hơn người thường, còn xấu hơn nữa!

Vô môn vô độc, nhất trạch nhi ngụ ư bất đắc dĩ, tắc cơ hĩ.
Chẳng cần cửa, chẳng cần phép đối trị; gom tâm về một ngôi nhà, mà ngụ tạm như việc bất đắc dĩ; vậy là gần rồi.

Ông nói công phu tu dưỡng nội thánh phải làm tới mức nào? "Vô môn". Chữ "môn" trong vô môn tức phương pháp; nghĩa là những người tu dưỡng thật tới nơi tới chốn đắc đạo, chẳng hề dùng phương pháp nào làm cửa vào. Cái luyện khí gì, nhìn quang gì, quán tưởng gì, chỉ quán gì! Đều không có. Nên Thiền tông sau này đề xướng "vô môn vi pháp môn", cũng chính là Phật nói trong *Lăng Già kinh*: cảnh giới tối cao của chánh pháp thật sự là vô môn; đã có pháp môn thì đã chẳng phải nữa rồi. Vậy Trang Tử mượn lời Khổng Tử nói tới vô môn; có phải lời Khổng Tử hay không thì chẳng biết, ít ra trong sách khác chưa từng thấy. Trang Tử chỗ này ghi rằng Khổng Tử nói, lúc ấy không cần dùng một pháp môn nào, ngang với Phật học nói lục căn đại định: mắt tai mũi lưỡi thân ý đều không còn, tức đại định. "Vô độc", tức vô trị; chữ trị của chính trị, là cách vay mượn thời cổ: **"độc"** (毒) ở đây đọc thông với chữ **"trị"** (治 - đối trị), nghĩa là chẳng cần phương pháp nào đối trị vọng tưởng, đối trị phiền não, phương pháp nào cũng chẳng cần. "Nhất trạch nhi ngụ ư bất đắc dĩ": tâm ta ở trong thân thể này, tựa như ở trong một căn nhà vỏ rỗng; mà sự tồn tại của sinh mệnh chỉ là nhờ tạm trú trong thân thể này, bất đắc dĩ mà sống thôi. Trong lòng chẳng còn việc gì, "tắc cơ hĩ", ông nói kiến giải đạt tới bước ấy thì công phu tu dưỡng gần được rồi; thế vẫn chưa hẳn đã tới nhà, nhưng gần gần rồi!

Tự lừa mình, lừa người, bị người lừa

Tuyệt tích dị, vô hành địa nan.
Làm cho dấu vết tuyệt mất là dễ, mà bước đi chẳng in dấu trên đất mới khó.

Vi nhân sử dị dĩ ngụy,
Làm việc cho người sai khiến thì dễ giả dối,

vi thiên sử nan dĩ ngụy.
làm việc cho trời sai khiến thì khó lòng giả dối.

Văn dĩ hữu dực phi giả hĩ,
Đã từng nghe có cánh mà bay,

vị văn dĩ vô dực phi giả dã;
chưa từng nghe không cánh mà bay nổi;

văn dĩ hữu tri tri giả hĩ,
đã từng nghe nhờ hiểu biết mà biết,

vị văn dĩ vô tri tri giả dã.
chưa từng nghe chẳng biết mà biết nổi.

Tiến thêm một bước nữa, tu dưỡng nội thánh tới chỗ **"tuyệt tích dị, vô hành địa nan"** (dấu vết tuyệt mất dễ, đi mà chẳng chạm đất khó). Ra đời làm người làm việc, buôn bán cũng được, bán rau cũng được, lái xe chở rác cũng được, làm hoàng đế cũng được; phải nội thánh rồi mới xuất ra ngoại vương. Xuất gia cũng vậy; xuất gia vẫn là ngoại vương, vẫn là một cách ngoại dụng thôi! Bất kể ngươi nhập thế thế nào, cũng chỉ vài chữ ấy: "tuyệt tích dị, vô hành địa nan".

Như ta bước đường, đất nhất định còn in dấu chân. Kẻ trộm muốn không để lại dấu tay dấu chân, có thể đi tất đội găng; công phu cao hơn nữa như tiểu thuyết võ hiệp, phi hành tuyệt tích, đạp tuyết vô ngân, giẫm xuống đất chẳng để vết. Ông nói những đó vẫn coi là dễ, luyện được hết.

Song "vô hành địa nan": hai chân không chạm đất mà bay giữa không trung, cái này khó rồi! Đi đứng bao giờ cũng phải đặt chân xuống đất; dù bay trong không trung thì vẫn đang hành động chứ! Ngươi vẫn phải bay chứ! Như trong *Tiêu Dao Du*, Liệt Tử ngự phong nhi hành, Trang Tử bảo có gì ghê gớm đâu! Người có thể lưng trời giá mây bay giữa không trung, nhưng vẫn phải bay; không phải bay mới tốt, đúng không? Ngồi máy bay nhanh nhất, vài chục giờ, vòng quanh thế giới được; ngồi tàu vũ trụ còn nhanh hơn; song vẫn phải lên tàu vũ trụ mới nổi; chẳng bằng ngươi ngồi ngay đây, trong một niệm có thể chu du mười phương thế giới, vậy chẳng phải cao siêu hơn sao!

Vậy bảy chữ "tuyệt tích dị, vô hành địa nan": chúng ta xử sự làm người, làm tới mức chẳng để dấu vết, tức điều Phật gia gọi bất trứ tướng (chẳng chấp vào dáng tướng). Bất trứ tướng còn dễ, song vẫn chưa phải cao siêu nhất; tuy nói vô hành địa nan, ngươi vẫn đang làm, đang hành; phải hoàn toàn làm mà như không làm, cái này thật khó. Nói khác, ngươi có muốn nhập thế không? Thiên này là *Nhân Gian Thế*; vừa nãy ta nêu một câu hỏi, nay đã có lời đáp: người muốn thành tựu đại đạo, chỉ có nhập thế mà tu; xuất thế là pháp tiểu thừa, chẳng nhập thế rèn luyện thì không xong. Nhập thế rèn luyện tu ra, mới thành tựu đại thừa đạo; đại thừa đạo thành tựu rồi vẫn chưa phải tột đỉnh, cũng chẳng qua là tuyệt tích dị, vô hành địa nan. Nên lời Thiền tông: thành Phật dễ, thành ma mới khó. Bắt ngươi thật sự biến thành ma! Thật chẳng dễ chút nào; song phải chẳng trụ cả hai bên ma với Phật, thỉnh thoảng chơi chơi thì được; vậy bắt buộc phải tới nhân gian mà rèn luyện. Cho nên Khổng Tử lại nói:

> ***"Vi nhân sử dị dĩ ngụy"*** *(làm việc cho người sai khiến thì dễ giả dối): "vi nhân sử" là làm việc thay người; nên làm việc phải nghe theo người; làm đại thần thì phải nghe thủ lĩnh, dưới một người, trên vạn người, vẫn là "vi nhân sử" cả! Khi nghe người chỉ huy, nghe mệnh lệnh mà làm việc, "dị dĩ ngụy", còn dễ làm giả, dễ đẩy trách nhiệm, còn dùng được thủ đoạn.* ***"Vi thiên sử nan dĩ ngụy"*** *(làm việc cho trời sai khiến thì khó lòng giả dối): làm việc cho đạo! Chúng ta không cách nào tự lừa mình; nói cách khác, vi nhân sử thì có thể lừa người. Nên tôi thường nói, cuối nhà Minh có một người đọc sách, tên gì tôi quên mất, nói cảnh giới nhân sinh có ba việc, nói thật tinh tế vô cùng. Ông bảo người đời ai cũng trọn đời chỉ làm ba việc: chẳng tự lừa mình thì lừa người, chẳng thì bị người lừa.*

Ngươi xem người trên đời, thoát nổi ba chuyện ấy không? Thoát nổi ba chuyện ấy là nhảy ra ngoài tam giới rồi. Ngươi bảo tôi chẳng cầu gì cả, chỉ cần có rau cải củ cải ăn, ngồi thiền trên núi, hết sức vô cầu; ngươi tưởng thế là đúng à? Chính là tự lừa mình đấy. Sau đó như chúng ta, ngồi đây vừa giảng Trang Tử vừa giảng Phật pháp, biết đâu đang lừa người. Chẳng thì hai việc đều chẳng làm, ta ngay chính ăn cơm của người, nhận lương ăn cơm, vẫn bị người lừa. Ngoài ba thứ ấy còn gì nữa? Nên nói vi nhân sử dị dĩ ngụy; dị dĩ ngụy chính là tự lừa mình lừa người, và cũng bị người lừa. Song "vi thiên sử nan dĩ ngụy", là phải tự mình chịu trách nhiệm với chính mình; người tu đạo không thể tự lừa mình, không thể lừa người, càng không thể để bị người lừa; dù là lời thánh hiền nói ra, cũng còn phải cầu chứng một hồi, chẳng thể nhẹ dạ tin ngay. Chưa cầu chứng tới nơi tới chốn, cứ để đó nghi vấn cũng được.

Nên như lời Nho gia đời Tống: **"lục kinh giai ngã chú giải"** (sáu kinh đều là chú giải của ta). Ý câu này: thuộc làu *Tứ thư Ngũ kinh* rồi, tất cả cũng chỉ là chú giải của mình mà thôi. Nói khác, người học Phật chân chính, tam tạng thập nhị bộ, hiển giáo Mật tông, đều cũng chỉ là chú giải của họ mà thôi. Song điều này phải tự mình cầu chứng được mới

là thật; bằng không vẫn còn trong mối nghi ngờ bị người lừa. Vậy người tu đạo "vi thiên sử nan dĩ ngụy", không thể làm giả.

"Văn dĩ hữu dực phi giả hĩ, vị văn dĩ vô dực phi giả dã, văn dĩ hữu tri tri giả hĩ, vị văn dĩ vô tri tri giả dã" (đã nghe có cánh mà bay, chưa nghe không cánh mà bay; đã nghe nhờ hiểu biết mà biết, chưa nghe chẳng biết mà biết): cảnh giới tới lúc cao nhất, Khổng Tử lấy ví dụ rằng ngươi hẳn từng nghe vật có cánh thì bay được, song chưa từng nghe không cánh mà vẫn bay nổi. Không cánh mà bay, đó chính là bí mật, chính là Mật tông đấy! Chớ lấy làm lạ! Ai nấy đều không cánh mà bay được cả, tức là bay trong lòng, y như thơ Viên Hàn Vân: **"vân khởi ma nhai mộng dục đằng"** (mây nổi vách ma mộng muốn bay). Có khi vọng niệm trong lòng ta, vọng tưởng lên trời, niệm bay dữ dội làm sao; đó là không cánh mà bay nổi. Giàu sang trong mộng, hoa không trong mộng, muốn nghĩ sao nghĩ sao! Điều này rất đáng sợ. Nên Khổng Tử nói "văn": ngươi hẳn từng nghe "hữu tri tri giả", qua kiến thức học vấn mà biết đạo lý; song chưa từng nghe "vô tri" mới là "tri giả"; đạt tới hết thảy chẳng biết, cái đó mới là thành tựu của trí huệ lớn, là "vô tri tri giả dã". Ta tạm dừng ở đoạn này.

Xem đoạn Trang Tử này, bạn sẽ thấy do ảnh hưởng của Trang Tử, văn hóa Trung Hoa sinh ra hai thứ: một là ảnh hưởng tới tư tưởng ẩn sĩ của Đạo gia. Tôi thường nói, đọc xuống từ nhị thập ngũ sử, cái thực sự phát huy tác dụng với xã hội là ẩn sĩ, là nhân vật Đạo gia. Lịch sử tới lúc dẹp loạn về chính, đều là loại nhân vật Đạo gia ẩn sĩ xuất hiện; lịch sử rất nhiều người như thế, tự Tam Đại tới tận Tần-Hán, Đường-Tống-Nguyên-Minh-Thanh, không triều nào chẳng xuất hiện hạng người này. Lúc lập nghiệp, hay thiên hạ đại loạn, đều là họ ra giúp; việc xong họ ẩn tàng đổi tên, biến mất khỏi lịch sử; những người ấy thực sự làm nổi chữ vô hành địa.

Ảnh hưởng thứ hai của tư tưởng Trang Tử là sản sinh tầng lớp danh sĩ giữa chính trị và ẩn sĩ; qua các triều có rất nhiều danh sĩ, như Lục Phóng Ông đời Tống còn ra làm việc, lại có thi nhân danh sĩ Chu Đôn Nho, bài từ *Chỉ Cô Thiên* của ông:

Ngã thị thanh đô sơn thủy lang, thiên giáo lãn mạn đới sơ cuồng. (ta là quan coi non nước ở Thanh Đô, trời dạy lười biếng mang nét phóng khoáng)

Tằng phê cấp lộ chi phong sắc, lụy tấu lưu vân tá nguyệt chương. (đã phê chiếu ban sương, phát lệnh vay gió; dâng mãi đơn xin giữ mây, mượn ánh trăng)

Thi vạn thủ, tửu thiên thương, kỷ tằng trứ nhãn khan hầu vương? (vạn bài thơ, nghìn chén rượu, mấy khi chịu nhìn thẳng mặt hầu vương?)

Ngọc lâu kim khuyết dung quy khứ, thả sáp mai hoa túy Lạc Dương. (lầu ngọc cung vàng lười trở về, tạm cài hoa mai say ở Lạc Dương)

Chu Đôn Nho có cá tính, có học vấn, có tu dưỡng, ông suốt đời chẳng chịu ra làm quan. "Thiên giáo lãn mạn đới sơ cuồng", đây là câu từ tôi yêu thích nhất. Ông nói "thi vạn thủ", đương nhiên không có vạn bài, khoác lác thôi! Những người này là đúng nghĩa danh sĩ phái, chịu ảnh hưởng của Trang Tử nhiều nhất. Danh sĩ đều yêu tư tưởng Lão-Trang, tự nhiên có phía siêu thoát; đó là đặc tính văn hóa của dân tộc Trung Hoa.

Chúng ta thường thấy ngoài xã hội, bất luận nghề nghiệp hay giai cấp, đều có hạng người như thế. Ví như khi Hiển Minh pháp sư giảng kinh, có mấy ông cụ già đến, mấy chục năm tôi thấy họ, mãi mãi mặc đúng một bộ áo ấy, đầy đầu tóc bạc trắng, kỳ quái lạ lùng; tôi rất chú ý những người ấy, họ có chút hương vị danh sĩ. Cặp mắt như chẳng có ánh sáng gì, ai cũng chẳng thấy, ai cũng chẳng nằm trong mắt, chính là **"kỷ tằng trứ nhãn khan hầu vương"** (mấy khi

chịu nhìn thẳng mặt hầu vương)! Tôi ráng sức nịnh bợ những người ấy, vì sợ họ coi thường tôi (mọi người cười). Song văn hóa Trung Hoa hạng người này rất nhiều, là đặc tính của dân tộc; nên nghiên cứu dân tộc Trung Hoa rất khó, cách nhìn không thể đơn giản vậy được. Dẫu xã hội có phía xấu xa, nhưng tuyệt đối có phía cực cao; "tuyệt tích dị, vô hành địa nan", có rất nhiều người làm nổi.

Dưới này, ta tiếp tục giảng Khổng Tử dạy Nhan Hồi; người thầy truyền bát cho đồ đệ, gần truyền xong rồi, nên mọi người chú ý. Dựa vào vô tri mà biết, cái đó mới là đại tri, tức công phu tu dưỡng nội tại; các bạn học ngồi thiền, phải trước hết học tới bước này, mới tiến thêm một bước được.

Tu dưỡng nội thánh

Chiêm bỉ khuyết giả, hư thất sinh bạch, cát tường chỉ chỉ.

Hãy nhìn cái khoảng trống ấy: nhà rỗng sinh ra ánh sáng, cát tường dừng lại nơi dừng.

Phù thả bất chỉ, thị chi vị tọa trì.

Còn nếu chẳng dừng được, ấy gọi là thân ngồi mà tâm chạy.

Phù tuẫn nhĩ mục nội thông nhi ngoại ư tâm tri,

Khiến mắt tai thông suốt vào bên trong mà đặt ra ngoài tâm thức,

quỷ thần tương lai xá, nhi huống nhân hồ!

quỷ thần sẽ đến ngụ lại, huống chi là người!

"Chiêm bỉ khuyết giả, hư thất sinh bạch, cát tường chỉ chỉ." Ba câu này chính là đại Mật tông, cũng là đại Thiền tông rồi. Làm nổi thì tu dưỡng đã tới nơi tới chốn. **"Chiêm"** (瞻) giống như ta nhìn đồ vật, nhìn từ xa tới. **"Khuyết"** (阙) chính là cái vòng tròn tròn trịa, hình dung chỗ viên mãn thanh tịnh ấy. "Hư thất sinh bạch", hư thất ở đây chỉ nội tâm; nhắm mắt lại nhưng lại ở trong một mảnh ánh sáng sáng tỏ, cái gọi là quang minh của tự tính phát hiện. Có người trải nghiệm ngồi thiền, đêm ngồi trong phòng không đèn, ánh sáng chợt hiện, mở mắt ra, mọi vật nhìn rõ mồn một; loại ấy cũng gọi hư thất sinh bạch; song vẫn chưa cứu cánh, phải bên trong đạt tới hư thất sinh quang, tự tính phát quang, bên trong thân thể ngũ tạng lục phủ, từng tế bào một, tự mình nhìn rõ mồn một, cái đó mới thật sự gần hư thất sinh bạch.

Như người tu bạch cốt quán tới nơi tới chốn, "chiêm bỉ khuyết giả, hư thất sinh bạch", không linh đến cực điểm, quang minh tự tính phát sinh, lúc đó mới đúng! Rồi "cát tường chỉ chỉ", cái đó mới là đại chỉ, đắc đại định; chỉ mới tính là định, chưa phải quán đâu! Nên các bạn tu *Ma ha chỉ quán*, tu Mật tu Thiền tu đạo, để ý nhé! Chưa đạt tới cảnh giới này, vọng niệm của ngươi ngừng không nổi. "Cát tường" là đại cát đại lợi, nên đời sau mới có những lời kiểu "hoàng thượng cát tường". "Chỉ chỉ", chữ chỉ trước là động từ, chữ sau là danh từ. Tu chỉ tu tới đây, mới thực sự đắc chỉ, cũng thực sự đắc định.

"Phù thả bất chỉ, thị chi vị tọa trì" (còn chẳng dừng được, gọi là thân ngồi mà tâm chạy): mọi người ngồi thiền, thân ngồi đấy, mà trong lòng đang chạy: ôi! Niệm này lại tới rồi, sao ta lại nghĩ tới tiền! Ai kia còn nợ ta mười đồng! Ngồi thiền mà nhớ ra hết, trong lòng đang mở hội vận động; tọa trì! Để ý nhé! Mọi người ngồi thiền đều mắc chứng này.

"Phù tuẫn nhĩ mục nội thông nhi ngoại ư tâm tri, quỷ thần tương lai xá, nhi huống nhân hồ!" Ông nói, ngươi phải hiểu phương pháp tu dưỡng; ngày thường mắt ta thích nhìn ra ngoài, tai thích nghe ra ngoài; tu dưỡng thật làm nổi,

mắt đối với bên ngoài thấy mà như chẳng thấy, thấy gì cũng chẳng dính dáng tới mình. Theo lời Phật học, ý thức nội tâm chẳng khởi phân biệt; dù giữa phố xá ồn ào, ồn thế nào cũng chẳng nghe thấy. Kinh Phật chép, có lần Đức Phật bên bờ sông Hằng, ăn cơm xong, tiện tay ngồi xuống một lát. Lúc ấy một đoàn thương buôn qua sông, xe ngựa rất đông, tiếng bánh xe tiếng ngựa hí ồn ào mãi; kết quả ông xuất định dậy, thấy dưới đất toàn nước tung tóe lộn xộn, bèn hỏi các đệ tử: chỗ này làm sao vậy? Đệ tử đáp: vừa nãy nhiều xe ngựa đi qua. Đức Phật bảo bản thân chẳng hề hay biết gì cả. Lúc ấy Thích Ca Mâu Ni không phải hôn trầm, không phải ngủ, mà là "tuấn nhĩ mục nội thông": mắt chẳng nhìn ra ngoài, nội quán; tai chẳng nghe ra ngoài, nội thông. Chính là kinh *Lăng Nghiêm* nói Quan Âm pháp môn, "phản văn văn tự tính", dùng nhĩ căn tu **"nhập lưu vong sở"** (nhập dòng quên chỗ).

Các bạn để ý nhé! Đặc biệt người tuổi tác lớn hơn một chút, tốt nhất dùng Quan Âm pháp môn, đem tai quay lại nghe chính mình, có thể trường thọ. Vì sao trường thọ? Bởi tai thông khí hải, tai cũng thông thận hải; dùng Quan Âm pháp môn tu trì, phản văn văn tự tính, tính thành vô thượng đạo, đạt tới nhập lưu vong sở; tai, mắt quay lại, nhập vào dòng pháp tính ấy, dòng pháp của tự tính. Vong sở là quên bỏ cảnh giới của cái đang nghe và cái được nghe, cũng chính là "cát tường chỉ chỉ" mà Trang Tử nói. Lúc này tai mắt thông suốt nội tại, "ngoại ư tâm tri", ngoại ư tâm tri nghĩa là sao? Là chẳng khởi động niệm, một niệm cũng chẳng lay, vọng niệm chẳng động, ý thức thứ sáu chẳng dùng, mà vẫn biết hết thảy trên trời dưới đời; đem cái trí năng biết hết thảy cùng cảnh giới được biết đều buông cho không hết, cái ra đời sau gọi bát-nhã, Phật học gọi đại trí huệ, đại trí huệ thông đạt hết thảy pháp. Lấy đạo lý Phật học mà nói, là thức thứ tám A-lại-da chuyển thành đại viên cảnh trí, soi trời soi đất. Ông nói đạt tới cảnh giới ấy, "quỷ thần tương lai xá, nhi huống nhân hồ!" Quỷ thần còn đứng trước mặt nghe theo sai khiến, huống chi là người! **"Xá"** (舍) là tới đây dừng lại, dừng ngay trước mặt ngươi.

Thị vạn vật chi hóa dã,
Đây là sự chuyển hóa của muôn vật,

Vũ Thuấn chi sở nữu dã,
là mối then chốt của Vũ với Thuấn,

Phục Hy Cơ Cừ chi sở hành chung,
là con đường Phục Hy, Cơ Cừ đã đi tới cùng,

nhi huống tản yên giả hồ!
huống chi bậc tầm thường phân tán như chúng ta!

Vạn vật chi hóa này chính là đạo. Lấy Đạo gia mà nói, gồm cả Nho gia, Đạo gia, đạo thống. Chính là điều Khổng Tử nói trong *Kinh Dịch*: đạt cảnh giới ấy là **"tham tán thiên địa chi hóa dục"** (giúp trời đất nuôi dưỡng sự hóa sinh), giá trị công năng sinh mệnh của người đạt tới chỗ cao nhất, vá được khiếm khuyết của trời đất vũ trụ. Thế giới ta-bà chúng ta sống này vốn có khiếm khuyết; người tu đạo tu dưỡng đạt tới cảnh giới ấy, khiếm khuyết của trời đất có thể vá được. Đây chính là đạo thống truyền thống của Trung Hoa, pháp yếu truyền tâm của ba đời Nghiêu, Thuấn, Vũ, "vũ thuấn chi sở nữu dã". Cái gọi là nội thánh ngoại vương mà Nho-Đạo hai nhà đề xướng: thánh vương thượng cổ ba đời Nghiêu Thuấn Vũ, tu dưỡng nội thánh của họ, then chốt nằm ở đây.

"Phục Hy" tức Phục Hy, tổ tiên vẽ tám quẻ của người Trung Hoa. "Cơ Cừ" là thánh vương thượng cổ, minh chủ. "Chi sở hành chung": vì sao họ thiên nhân hợp nhất nổi? Họ là đế vương nhân gian, ngang với chuyển luân thánh vương trị thế mà kinh Phật nói. Chính bởi tu dưỡng nội thánh của họ đạt tới cảnh giới hóa dục vạn vật, nên thiên nhân hợp nhất nổi. Đây là đạo thống văn hóa truyền thống, đạo thống nội thánh. "Nhi huống tản yên giả hồ!" Các tổ tiên

khác của người Trung Hoa như Hoàng Đế, Phục Hy, Thần Nông v.v., đều nhận được đạo thống này, nội thánh rồi mới ngoại vương; danh thần danh tướng qua các đời, để lại công nghiệp trong lịch sử, đều bởi nội thánh làm nổi rồi, sau đó mới xuất ra ngoại vương.

Phật gia nói độ người độ thế; ý "độ người" chính là ngoại vương. Chớ có nói bừa: người ta quy y ngươi, đưa phong bao, nghe ngươi niệm một câu A Di Đà Phật, ngươi lại độ thêm được một người. Nếu vậy ngươi phải cẩn thận! **"Bổn dục độ chúng sinh, phản bị chúng sinh độ"** (vốn định độ chúng sinh, ngược bị chúng sinh độ), đây là kết luận của tôi với chính mình mấy chục năm, kể từ lúc xuống núi Nga My ở Tứ Xuyên. Ta vốn định độ chúng sinh! Đến giờ mới cảm thấy, ngược bị chúng sinh độ mất rồi. Vậy phải cẩn thận, chớ vội nói độ người; trừ phi nội thánh làm nổi rồi, mới ngoại vương nổi. Được rồi, chuyện thứ nhất của thiên *Nhân Gian Thế*, tới đây là hết.

Chuyện Khổng Tử dạy Nhan Hồi này, ta hãy xét lại: đầu tiên nói thời Xuân Thu chư hầu mọc lên khắp nơi, khi ấy thế lực thiên tử trung ương đã suy yếu. Nhan Hồi nghe nói vua Vệ chẳng phải bậc lãnh đạo tốt, muốn giáo dục ông, khiến ông thành minh chủ, nên muốn làm thầy bậc vương chúa, vì thế xin phép Khổng Tử, nói mình sẽ sang nước Vệ dạy vua Vệ. Khổng Tử nói: ngươi đi đi! Đi rồi cái cơm của ngươi mất liền, tức cái đầu này bị người chém mất; chút bản lĩnh ấy của ngươi làm sao đủ!

Chuyện này nói lên lỗi thường trực của người đi học, người tu đạo: đắc thiểu vi túc, thu được chút ít đã mãn nguyện. Cũng phạm lỗi Mạnh Tử nói: **"nhân chi hoạn tại hảo vi nhân sư"** (tật bệnh của người là thích làm thầy người khác). Như chúng ta thế là tiêu, được người gọi một tiếng thầy, lập tức gặp vận đen, bị chúng sinh độ lại, tức bị học trò độ rồi; nên tuyệt đối đừng làm thầy người. Đó là đạo lý đoạn đầu. Sau đó Khổng Tử huấn thị Nhan Hồi, chính là dạy chúng ta thái độ nên có khi ra đời làm người làm việc; người làm lãnh đạo phải thái độ thế nào, giúp người thì phải ra sao.

Nhan Hồi nghe xong chưa thỏa mãn, Khổng Tử lại bảo ông: tiến thêm một bước, ngươi thật muốn ra ngoài độ người, lấy lời Phật gia, đóng góp cho thế giới cho xã hội, bắt buộc phải đầy đủ tu dưỡng nội thánh, làm tới cảnh giới thánh nhân rồi, sau đó xuất ra ngoại dụng, mới khởi nổi tác dụng. Không vậy, trước mắt nhìn rất rực rỡ, là cuộc sống tươi sáng lộng lẫy, chết rồi thì sao? Bốn chữ cộng thêm một chữ: "dữ thảo mộc đồng hủ", chôn dưới đất mục rữa mà thôi! Nên tôi thường bảo các bạn trẻ: xem lịch sử, bao nhiêu hoàng đế, tể tướng, trạng nguyên, nhớ nổi mấy cái tên? Thuở ấy họ ghê gớm lắm, sau bị lịch sử lãng quên sạch, bởi chẳng có công đức lưu lại nhân gian, chính vì nội thánh chưa làm nổi mà đã xuất ra ngoại dụng. Những người ấy tranh nổi một lúc, chẳng tranh nổi ngàn thu. Vậy sự nghiệp phải chia làm hai phương diện mà xem; những bậc thánh nhân ấy, các giáo chủ ấy, nói thật cũng đang tranh đấy! Song tranh cái ngàn thu, chẳng phải một lúc.

Nỗi khổ của sứ thần

Diệp công tử Cao tương sử ư Tề, vấn ư Trọng Ni viết:
Diệp công tử Cao sắp đi sứ nước Tề, hỏi Trọng Ni rằng:

Vương sử Chư Lương dã thậm trọng,
Nhà vua sai Chư Lương đi, nhiệm vụ này quá nặng,

Tề chi đãi sử giả, cái tương thậm kính nhi bất cấp.
nước Tề đối với sứ thần ắt rất cung kính mà chẳng gấp gáp.

Thất phu do vị khả động dã, nhi huống chư hầu hồ!

Ý chí người thường còn chẳng lay chuyển nổi, huống chi là chư hầu!

Ngô thậm lệ chi.

Vì vậy trong lòng con rất sợ hãi.

Trang Tử lại viết chuyện Khổng Tử dưới ngòi bút mình. Nước Diệp thời cổ chính là huyện Diệp tỉnh Hà Nam kể từ thời Dân quốc trở đi. "Diệp công tử Cao", tên "Chư Lương", là huyền tôn của Sở Trang Vương. Diệp công tử Cao là cách gọi thông thường; Chư Lương là tên thật; xưa kia tên người có tên quan chức, có tên nhỏ; cha mẹ thầy cô được gọi tên nhỏ, gặp thầy phải xưng tên thật. Diệp công tử Cao "tương sử ư Tề", sắp bị cử sang nước Tề làm đại sứ. Thiên này là học vấn của nhà ngoại giao; sau này giả sử chúng ta viết một bộ "tu dưỡng của nhà ngoại giao", hay "triết học ngoại giao", phải tìm tư liệu các ngoại giao quan thời Xuân Thu-Chiến Quốc ra tham khảo. Đoạn này là Khổng Tử dạy phương pháp làm ngoại giao. Diệp công tử Cao sợ hãi lắm khi nhận chức đại sứ, bèn đến hỏi Khổng Tử: "vương sử Chư Lương dã", nhà vua sai con sang nước Tề làm đại sứ, nhiệm vụ ấy "thậm trọng", nặng nề quá.

Nhìn các ngoại giao quan trong lịch sử, nhiều người phải coi cái đầu của mình như quả táo để chơi mới dám nhận chức, có khi đi thì có mà về thì không. Chuyện Tô Vũ chăn dê vẫn còn là chuyện nhỏ; có khi bị giết ngay tại chỗ, Trung Hoa cổ như vậy, nước ngoài cũng như vậy. Xem Phùng Đạo mà sử Ngũ Đại mắng: ông mấy phen ra làm sứ thần đều run rẩy lo âu, có sống sót về được hay không chẳng ai biết; nên thơ ông nói **"kỷ nhân lộ tử yểm phong sa"** (mấy người chết dọc đường, phong sa lấp kín): người đi theo chết giữa đường, chôn vùi nơi hoang sơn dã địa; đó chính là nỗi khổ làm đại sứ thuở ấy. Đại sứ trong lịch sử Trung Hoa cổ gọi hành nhân chi quan, tức ngoại giao quan như bây giờ gọi. Các bạn nếu đọc qua *Lý Lăng đáp Tô Vũ thư*: Tô Vũ chăn dê mười chín năm trở về, cũng chưa phải bộ trưởng ngoại giao, chỉ là một viên quan trong bộ ngoại giao thôi.

Diệp công tử Cao lại nói: **"Tề chi đãi sử giả, cái tương thậm kính nhi bất cấp"** (nước Tề đối với sứ thần ắt rất cung kính mà chẳng gấp gáp): sang tới nước Tề, họ đối với đại sứ như tôi chắc rất lễ độ; vậy còn dễ xử; nếu sang nước thù thì chẳng còn lễ độ nữa. "Thậm kính nhi bất cấp": tuy rất lễ phép song chẳng được coi trọng. Nước Tề thuở ấy là cường quốc; nỗi khổ của ngoại giao quan là "nước yếu không có ngoại giao": tuy là đại sứ, ở đó chỉ tính là có thêm một phần tử vậy thôi, chẳng được coi trọng gì. Ông nói, muốn tôi hoàn thành nhiệm vụ ngoại giao, thuyết phục người đứng đầu nước Tề là Tề vương: "thất phu do vị khả động dã, nhi huống chư hầu hồ!" Ý chí một người thường còn khó thay đổi, huống chi lãnh tụ một quốc gia! "Ngô thậm lệ chi", cho nên lòng con rất sợ hãi; đó là lời ông nói với Khổng Tử.

Tử thường ngữ Chư Lương dã viết:

Ông từng nói với Chư Lương rằng:

Phàm sự nhược tiểu nhược đại, quả bất đạo dĩ hoan thành.

Việc đời dù nhỏ dù lớn, hiếm khi theo lẽ đạo mà vui vẻ trọn vẹn.

Sự nhược bất thành, tắc tất hữu nhân đạo chi hoạn;

Việc nếu không thành, tất có tai họa từ phương diện nhân tình;

sự nhược thành, tắc tất hữu âm dương chi hoạn.

việc nếu thành, tất có tai họa âm dương.

Nhược thành nhược bất thành, nhi hậu vô hoạn giả, duy hữu đức giả năng chi.

Dù thành hay không thành mà sau đó chẳng có hậu họa, chỉ người có đức mới làm nổi.

Mấy câu này đều là triết học cao nhất của nhân sinh, cũng là cảnh giới cao nhất của làm việc. Ông nói với Khổng Tử: thưa thầy! Lời thầy bình thường dặn con: phàm làm người làm việc, dù việc lớn việc nhỏ, **"quả bất đạo dĩ hoan thành"** (hiếm khi theo lẽ đạo mà vui vẻ trọn vẹn). Hiếm có việc nào hoàn toàn thành công, hay vui vẻ viên mãn. Đây chính là đạo lý Phật học: thế giới ta-bà, muôn việc đều có khiếm khuyết, chẳng có con người nào viên mãn, chẳng có việc gì viên mãn. Nay Khổng Tử nói cũng là ý ấy: tức việc đời hiếm khi hợp với một khuôn phép; khuôn phép gì? "Hoan thành": mãi mãi kết quả vui tươi hớn hở, mới xứng gọi là "hoan thành".

Cho nên trên đời, cái khó của làm người làm việc: "sự nhược bất thành", nhất là nhiệm vụ chính trị hay ngoại giao, việc nếu không thành, ai cũng khốn đốn, "tất hữu nhân đạo chi hoạn": hoặc bị vua giết, hoặc bị địch giết, hoặc vào tù, hoặc họa khác nảy sinh, hoặc dọc đường có kẻ ám sát! Ví như tổng thống Mỹ bị bắn một phát súng. "Sự nhược thành, tắc tất hữu âm dương chi hoạn": có khi đại sự quốc gia thành công, ngươi thấy thuở ấy rực rỡ lắm, nhưng trong lịch sử có thể lại là chuyện rất tệ; có âm dương chi hoạn, trong bóng tối thiên đạo sẽ chịu quả báo xấu xa, hoặc gặp sự ghen ghét của người chung quanh. "Nhược thành nhược bất thành", dù thành công hay thất bại, "nhi hậu vô hoạn giả, duy hữu đức giả năng chi": nếu làm nổi không còn hậu họa, chỉ bậc đạo đức tối cao đắc đạo mới làm nổi, người thường làm không nổi.

Thiên *Nhân Gian Thế* này, đoạn đầu kể Khổng Tử bảo Nhan Hồi muốn chỉnh đốn một bậc nhân chủ là điều không thể; với nhập thế làm thầy đế vương, chẳng bằng lui về tự tu. Đó là chuyện thứ nhất, nói nhập thế khó, gần như còn khó hơn xuất thế tu đạo. Cho nên bảo Nhan Hồi coi trọng tu dưỡng của mình; từ phương pháp tự tu làm công phu, nêu ra đoạn trai tâm.

Chuyện thứ hai, Trang Tử lại dẫn người nhập thế tích cực, chuyện Diệp công tử Cao đi sứ nước Tề, nói rõ thời loạn lạc làm đại sứ nhập thế khó thế nào. Kể cả thời cổ, hai nước thù địch lẫn nhau, người làm đại sứ ra đi thường chẳng chuẩn bị quay về. Thời Chiến Quốc loạn chiến, ngoại giao quan đại biểu quốc gia là chiến sĩ tuyến đầu, lúc nào cũng nguy hiểm. Đoạn này lấy chuyện lịch sử nói rõ đạo lý nhập thế của nhân sinh, tức lời Khổng Tử bình ngày giáo huấn: phàm việc lớn nhỏ, giữa bạn bè, giữa làm người làm việc, hiếm khi viên mãn thành công, hoặc là thành công đầy đau đớn: "quả bất đạo dĩ hoan thành", đó là câu thứ nhất. Câu hai "sự nhược bất thành tắc tất hữu nhân đạo chi hoạn", câu ba "sự nhược thành tắc tất hữu âm dương chi hoạn"; đây là danh ngôn nhập thế, đây chính là nhân gian thế.

Tống Chân Tông và Khấu Chuẩn

Phàm là người Trung Hoa nên hiểu lịch sử Trung Hoa; đặc biệt giai đoạn Tống Chân Tông có vị tể tướng nổi tiếng nhất là Khấu Chuẩn. Khi ấy nhà Tống ngang với thời Nam-Bắc triều, đang trong trạng thái ngoại giao chiến tranh với nước Kim; kết quả Khấu Chuẩn chủ trương hoàng đế ngự giá thân chinh. Vậy ai hộ giá? Khấu Chuẩn nói tôi đi. Nói thật, Tống Chân Tông rất chẳng muốn thân chinh. Nhà Tống tự Triệu Khuông Dận khởi đầu, tới con cháu ông, phương Bắc vẫn chưa thống nhất, mà thực ra cũng sợ thống nhất, chẳng muốn thống nhất; đó là chuyện thú vị nhất trong sử Tống.

Bậc lãnh tụ nếu xuất thân tuyệt đối quân nhân thì dễ xử! Tuyệt đối văn nhân cũng dễ xử; từ quân nhân biến thành văn nhân, như hai anh em họ Triệu là Triệu Khuông Dận! Thì khó xử. Nên nhà Tống, nói nghiêm khắc ra chẳng đáng gọi là một triều đại, bởi ba trăm năm nhà Tống mãi mãi nam bắc chống nhau. Nước phương Bắc là Liêu, Kim, Nguyên, phía tây bắc còn có nước Hạ, phương nam cố gắng duy trì gọi là nhà Tống. Kể từ Tống Thái Tổ **"hoàng bào gia thân"** (được khoác áo bào vàng tôn lên) lên ngôi hoàng đế, bởi bản thân là quân nhân, sâu biết đau khổ của chiến tranh, sự tàn khốc và mạo hiểm của chiến tranh, nên đem mười sáu châu Yên-Vân khoanh một nét trên bản đồ rồi thôi.

Nên Liêu-Kim mãi mãi xưng bá phương Bắc; đồng thời đất đai nhà Tống rất nhỏ, chỗ gọi là Vân Nam Đại Lý là chính quyền khác. Ngang với phương nam chẳng có, phương bắc chẳng có, duy trì vậy suốt ba trăm năm. Song nhà Tống trên phương diện phát triển văn hóa, ngược lại rực rỡ đầy đủ.

Tống Chân Tông, sử sách sau này ban thụy hiệu chữ "chân" này rất thú vị. Bởi ông chẳng muốn đánh trận nữa, nhưng trí thức cả nước vẫn mong thống nhất quốc gia, nên Tống Chân Tông ráng sức đề xướng tôn giáo, lại tin Đạo giáo, tự cho là trời định bắt mình chăm chỉ tu đạo, đừng đánh nữa. Khi ấy tể tướng Vương Đản không đồng ý ý nghĩ của hoàng đế; Tống Chân Tông liền mời tể tướng ăn cơm. Làm hoàng đế rất chẳng dễ dàng đâu; hoàng đế thời cổ dân chủ ghê lắm nhé! Ăn xong, hoàng đế nói: ta xem phủ đệ tể tướng của ngươi cũng thanh liêm lắm, chẳng có gì đồ dùng trong nhà, đây có chút quà nhỏ tặng ngươi mang về. Hoàng đế mời tể tướng ăn cơm, còn tặng quà; đứng trên lập trường tể tướng, vật vua ban, chữ "tình" chỉ có nhận. Kết quả về mở ra xem, mấy hũ lớn, chắc là đồ sứ tốt nhất Giang Tây của chúng ta, bên trong đựng toàn vàng. Hoàng đế đưa phong bao là bảo ông đừng phản đối nữa! Vậy Vương Đản suy nghĩ một đêm, mất ngủ thật sự, làm sao đây? Ông đành câm miệng, sau tuyên bố: ta già rồi nên nghỉ hưu.

Sau đó Khấu Chuẩn xin Chân Tông ngự giá thân chinh; tới tiền tuyến, cách dòng Hoàng Hà, thấy quân tinh nhuệ nước Kim cũng bày hai bên, trong lòng Tống Chân Tông vẫn hoảng sợ. Ông ở tiền tuyến nhất, sai người dò xem tể tướng Khấu Chuẩn đang làm gì! Khấu Chuẩn là người rất thú vị: thái giám đi dò phát hiện tể tướng đang đánh mạt chược trong hành doanh, vừa đánh còn vừa uống rượu, hô to gọi nhỏ, chơi rất vui. Chân Tông nghe xong yên tâm hơn phần nào: Khấu Chuẩn vẫn đang chơi à! Chắc chẳng nguy hiểm; nếu nói Khấu Chuẩn vẫn đang làm công, hoặc đang nghe tin báo, chắc tim Chân Tông phát bệnh mất. Khấu Chuẩn cũng hiểu tâm lý hoàng đế này, nên cố tỏ ra thư thả.

Khấu Chuẩn là đại trung thần nhà Tống, đại thần hết sức vì nước vì thiên hạ. Song cách làm của Khấu Chuẩn: "sự nhược bất thành, tắc tất hữu nhân đạo chi hoạn", chuyện kiểu này mà hỏng, chẳng phải bắn một người là xong, là diệt cửu tộc! Cả nhà bị giết sạch; việc mà thành công rồi thì sao! "Tất hữu âm dương chi hoạn". Xem sử Tống: Khấu Chuẩn sau này công lao rất lớn, phong Lai Quốc công; hội minh Thiền Uyên, ông một tay bao biện cả quân sự lẫn ngoại giao, có thắng lợi ngoại giao rất vẻ vang. Song thắng lợi là thắng lợi, hai bên ký vẫn là hòa ước. Kết quả trở về phương nam, Khấu Chuẩn mãi mãi bị đại thần triều đình ghen ghét; đó chính là âm dương chi hoạn.

Lịch sử còn một chuyện nổi tiếng nữa: nhà Tống có một văn nhân danh thần phi thường, người Tứ Xuyên là Trương Vịnh, là trưởng quan địa phương, chức vị cũng rất cao. Việc của Khấu Chuẩn sau này thành công rồi thì sắp xuống đài; có lần đúng lúc ở Thiểm Tây gặp đúng lúc Trương Vịnh vào trung ương thuật chức; tiếng tăm Khấu Chuẩn khi ấy rất cao, biết Trương Vịnh học vấn giỏi lắm, bèn hỏi: "ngươi xem ta đây, có điềm báo gì không?" Trương Vịnh nói: "tướng công ơi! Ông khiêm tốn quá, cái gì cũng tốt, há cần hỏi tôi? Nhưng này, có một bài văn vẫn phải đọc lại, chính là *Hoắc Quang truyện* trong *Hán thư*." Khấu Chuẩn nghĩ, lạ thật, *Hán thư* thì ta chẳng đọc sao, sao ông nói thế? Biết đâu đọc không kỹ, liền quay về đọc ngay *Hoắc Quang truyện*.

Hoắc Quang đời Hán công lao rất lớn, giang sơn họ Lưu là nhờ một tay ông cứu vớt; liệt truyện kể đủ công lao cả đời ông. Người viết *Hán thư* là nhà Ban Cố cha con trai gái, ba người cùng hoàn thành; cuối cùng về Hoắc Quang có một lời phê: nói ông cái gì cũng tốt, duy sách đọc ít; bốn chữ kết luận "bất học vô thuật". Khấu Chuẩn cuối cùng đọc tới bất học vô thuật, ha ha cười một tiếng, biết Trương Vịnh đang mắng mình, nói mình bất học vô thuật.

Cảnh giới của Quách Tử Nghi

Vậy chữ "học" trong "bất học vô thuật" nghĩa là gì? Như chúng ta xem "nhược thành nhược bất thành, nhi hậu vô hoạn giả, duy hữu đức giả năng chi": bất kể việc thành hay bại mà không còn hậu họa, chỉ người có đại đức làm nổi.

Xét từ lịch sử, chỉ có Quách Tử Nghi đời Đường một người làm nổi. Nghiên cứu cả đời Quách Tử Nghi, quả đẹp đẽ cực kỳ; cách ông xử lý nhân sự cao minh tới cực điểm, e rằng nhị thập ngũ sử tìm không ra người thứ hai. Sử chép người này xuất tướng nhập tướng, mấy lần làm đại nguyên soái, mà Đường Đức Tông còn gọi ông Thượng phụ. Danh xưng Thượng phụ chỉ có Chu Vũ Vương từng gọi Khương Thái Công, ngang với cha nuôi; chẳng những cha nuôi, còn mang nghĩa thầy dạy; danh xưng ấy quý giá cực kỳ. Quách Tử Nghi từ Đường Minh Hoàng, tới con Đường Minh Hoàng là Đường Túc Tông, cháu là Đường Đại Tông, cho tới chắt là Đường Đức Tông; bốn triều hoàng đế đều nhờ Quách Tử Nghi một tay hộ giá. Nhà Đường về sau, mọi văn võ bá quan đều là thuộc hạ của ông, địa vị đều cao. Nhưng mỗi lần vua xuống lệnh bảo ông thôi, ông ngay chính bàn giao rõ ràng về nhà, sắc mặt chẳng đổi lấy một cái; nước có loạn, giặc biên cương kéo tới, một tiếng lệnh gọi ra dẫn quân, ông lại ra đánh giặc.

Có lần tới thời Đường Đại Tông, lại như thời Đường Minh Hoàng, thiên hạ đại loạn; quân phản loạn sắp đánh tới Trường An, vua xuống lệnh gọi ông ra, ông lập tức ra ngay; một đội quân cũng không có, chỉ có bốn năm mươi lão nhược tàn binh bên cạnh, mà quân phản loạn tới mười vạn. Cái này đánh thế nào? Ráng sức gom binh dự bị chưa huấn luyện, góp được năm nghìn, đi kháng cự đại quân mười vạn của địch. Tới tiền tuyến nhìn một cái, ông nói với con trai: cái này không đánh được. Vậy làm sao? Ông nói ta một mình đi! Liền leo lên ngựa; đứa con thứ ba cũng làm tư lệnh, nói bố không được đi, nguy hiểm lắm, giữ chặt cương ngựa. Ông vung roi quật bay tay con, nghĩa là: cút đi, ta nói cho ngươi, đánh cũng bại, không đánh cũng bại, chỉ có ta một mình đi, chết thì cũng chỉ chết mình ta, các ngươi còn có cách; nếu cứ đánh, hết thảy không cách nào, chúng cha con ta tiêu hết. Kết quả một mình ông phi ngựa tới tiền tuyến, vừa chạy vừa hô: Quách Lệnh công tới đây! Giặc bảo lão đại nguyên soái Quách chết lâu rồi chứ. Ông cởi mũ quân, đầy đầu tóc bạc trắng, mở áo trên thân ra, quăng vũ khí tay xuống; mọi người nhìn ra quả là ông, giặc đều hướng về ông hành lễ. Lệnh công à! Mọi người nói ông chết rồi nên chúng tôi mới phản; giờ ngượng quá! Phía sau còn có quân tiếp ứng không? Quách Tử Nghi nói chẳng có quân, chỉ một mình tôi tới. Lúc đó con ông cũng dẫn vài trăm người tới; ông ngoảnh lại thấy, phẩy tay: các ngươi cút về! Một mình ông nắm lấy tay tướng giặc, vài câu nói qua, thế là thôi không đánh nữa.

Song này, ngươi xem ông chẳng chỉ một lần; trải qua bao lần nguy cấp, có công lao lớn đến thế, đợi thiên hạ vô sự, vua lại gọi về, ông liền hạ đài cúi chào một cái, lập tức về nhà, tuyệt không oán trách. Sau sống tới tám mươi tuổi, tám con trai bảy con rể, mấy chục đứa cháu tới thăm hỏi; kể luôn người hầu trong nhà tổng cộng hơn ba nghìn khẩu; nên gọi "đại phú quý, hữu thọ khảo".

Ta hiểu làm người làm việc, việc lớn việc nhỏ như nhau, Khổng Tử nói "nhược thành nhược bất thành, nhi hậu vô hoạn giả, duy hữu đức giả năng chi". Chỉ có Quách Tử Nghi làm nổi; công lao của ông cao hơn hoàng đế nhiều. **"Công cái thiên hạ nhi chủ bất nghi"** (công lừng thiên hạ mà vua chẳng nghi ngờ): trên chẳng hoài nghi ông có dã tâm; xuất tướng nhập tướng mấy chục năm, cán bộ cao cấp cả nước đều là môn sinh bộ hạ của ông, mà bản thân chẳng kiêu ngạo; hai điểm ấy người khác làm không nổi. Điểm thứ ba càng khó: cuộc sống riêng của ông rất xa hoa; nói khác, sống hơi lêu lổng, chẳng thèm bận tâm! Song xã hội, trên là chính quyền, dưới là dân gian, không một ai chê ông sai. Ba điểm này đều là điều người khác không làm nổi, mà ông làm nổi. Nên lịch sử cũng coi ông là người thứ nhất từ xưa tới nay.

Vì vậy tôi thường bảo các học trò: học quân sự, học chính trị, nên lấy ông làm gương. Điểm ưu việt nhất của ông là lượng rộng. Khi ấy trước mặt vua có tên thái giám quyền lực rất lớn được sủng ái là Ngư Triều Ân, từng dùng đủ trò để hãm hại ông, nhưng ông không ghi hận, mà bao dung người ta. Cuối cùng Ngư Triều Ân hết cách, đào luôn mộ tổ tiên của ông. Dĩ nhiên ông biết Ngư Triều Ân làm, vua cũng biết, nhưng ông chẳng động sắc. Đây là điều người bình thường không làm nổi; kết quả có lần vua hỏi tới, muốn xét cho rõ. Ông nói với vua: ta dẫn quân mấy chục năm, quân

đội của ta ở ngoài đó, chuyện đào mộ người khác chắc cũng nhiều, ta cũng quản nổi đâu hết! Xem kìa, ông có cái lượng lớn đến thế; cái gọi là lượng lớn phúc lớn. Vậy Trang Tử đâu chỉ nói tư tưởng xuất thế, mà là nói cho chúng ta đạo lý xử thế làm người.

Hai việc lớn của thiên hạ

Ngô thực dã chấp thô nhi bất tang,

Ăn uống của ta chỉ thô giản chẳng chu tất,

Thoán vô dục thanh chi nhân.

trong nhà chẳng dùng nổi kẻ hầu việc bếp núc.

Kim ngô triêu thụ mệnh nhi tịch ẩm băng,

Nay sáng nhận lệnh, chiều đã phải uống nước đá,

ngã kỳ nội nhiệt dữ!

chẳng lẽ lòng ta chẳng nóng bỏng sao!

"Ngô thực dã chấp thô nhi bất tang": "chấp thô" ngang với nói ăn đạm. Diệp công tử Cao nay nhận lệnh lúc nguy cấp, bản thân cũng rất khó chịu. Ông nói thường ngày sống rất giản dị, chẳng muốn cầu danh, chẳng muốn cầu lợi, ăn uống đơn sơ. "Thoán vô dục thanh chi nhân", theo cách giải của người xưa, thoán là lửa nấu cơm trong bếp; thời cổ đun củi, phải chấp thoán (tự lo việc bếp núc). "Vô dục thanh", chẳng mong mát mẻ; lửa bùng lên mà chẳng muốn mát mẻ, nghĩa là gì? Người xưa giải câu Trang Tử này là: ông chỉ muốn sống đời thanh đạm, chẳng muốn lửa nóng bỏng thế; bếp lạnh cũng chẳng ngại, thậm chí cả ngày chẳng ai đến thăm, ta vẫn vui vẻ; chỉ muốn thanh tĩnh, chẳng cầu danh, chẳng cầu lợi.

Cách giải ấy của người xưa, tôi không đồng ý! Mỗi người mỗi ý; theo tôi, "ngã thực dã chấp thô nhi bất tang", là ông nói cuộc sống của mình rất giản dị, có cơm ăn là đủ, cơm bạc rau đạm là vừa. "Thoán vô dục thanh chi nhân": trong nhà cũng chẳng dùng nổi người hầu; tuy làm quan, cơm nước trong nhà đều do vợ chồng tự tay; vợ ra chợ mua rau, chồng vào bếp bật lửa nấu cơm, chẳng nghĩ tới việc tìm người giúp dọn dẹp, việc gì cũng tự làm. Chỉ đơn giản vậy một câu, họ giải đông giải tây, càng giải càng rối. "Thoán" là nấu ăn; "vô dục thanh chi nhân" là chẳng cần người đến giúp dọn sạch sẽ, mọi việc tự tay. Bây giờ nhiều công chức, nhất là lối sống kiểu Mỹ hóa, chẳng tự tay không được đâu! Thuê người thì không thuê nổi. Ông nói với Khổng Tử: vốn dĩ cuộc sống con rất giản dị.

"Kim ngô triêu thụ mệnh nhi tịch ẩm băng, ngã kỳ nội nhiệt dữ!" Nay nhà vua xuống lệnh, bắt con đảm nhiệm vị ngoại giao quan khó khăn này. "Triêu thụ mệnh": buổi sáng công bố lệnh ấy, con nóng ruột nổi can hỏa, mắt đỏ hoe, vội đi khám mắt; tim đập căng thẳng, vội phải uống thuốc an thần. Không còn cách nào, trong lòng lo phiền nóng bừng lại rét run, như thể nuốt phải cục nước đá. Lương Khải Siêu viết bộ *Ẩm Băng thất văn tập*, chính xuất từ đoạn này. Sáng sớm nhận được tin ấy, lòng nóng như lửa đốt chẳng biết làm sao, "ngã kỳ nội nhiệt dữ"! Con há lại là hạng say mê công danh phú quý hay sao! Địa vị này cao, quyền lực cũng lớn, nhưng nhiệm vụ này nguy hiểm dường nào!

Ngô vị chí hồ sự chi tình, nhi ký hữu âm dương chi hoạn hĩ;

Việc chưa tới nơi tới chốn mà âm dương chi hoạn đã có sẵn rồi;

sự nhược bất thành, tất hữu nhân đạo chi hoạn, thị lưỡng dã.

việc nếu không thành, tất có nhân đạo chi hoạn; ấy là hai nỗi.

Vi nhân thần giả bất túc dĩ nhậm chi,

Kẻ làm tôi chẳng đủ sức vác lấy,

tử kỳ hữu dĩ ngữ ngã lai!

xin ông chớ giấu gì mà nói cho tôi!

"Ngô vị chí hồ sự chi tình": nhiệm vụ chưa hoàn thành, bản thân con đã sinh bệnh trước, "ký hữu âm dương chi hoạn hĩ", âm dương chi hoạn đã có sẵn; "sự nhược bất thành", e rằng lần này nhiệm vụ không hoàn thành nổi, "tất hữu nhân đạo chi hoạn", trong nước sẽ có người xử lý con. "Vi nhân thần giả bất túc dĩ nhậm chi", cái này gọi tiến thoái lưỡng nan; tuy con dưới một người, trên vạn người, nhưng con thấy chẳng vác nổi gánh nặng này, sức lực chịu không nổi, cảm xúc cũng chịu không nổi, nhiệm vụ nặng quá. "Tử kỳ hữu dĩ ngữ ngã lai": thưa thầy! van thầy chỉ cho con phải làm sao! Cũng như các bạn làm việc, chút chuyện nhỏ đã chạy về hỏi thầy. Tôi thì ngược lại, cứ hay muốn **"ẩm băng"** (飲冰) thật: uống nước đá, ăn kem (NDLR: Nam tiên sinh đùa, mượn lại hai chữ "ẩm băng" vừa dẫn ở câu Trang Tử bên trên: ở đó chúng chỉ nỗi lo đốt cháy ruột gan, còn ở đây ông hiểu theo nghĩa đen là ăn uống đồ lạnh cho mát), chuyện cỏn con cũng đem ra hỏi; người ta Diệp công tử Cao là có chuyện lớn mới hỏi Khổng Tử; ông nói: thưa thầy! Thầy bảo sao? Dạy con thế nào? Được rồi, để ý nhé! Xem Khổng Tử nói thế nào.

Trọng Ni viết: Thiên hạ hữu đại giới nhị:

Trọng Ni đáp: Giữa thiên hạ có hai điều đại giới:

kỳ nhất mệnh dã; kỳ nhất nghĩa dã.

một là mệnh; hai là nghĩa.

Tử chi ái thân, mệnh dã, bất khả giải ư tâm;

Con yêu cha mẹ, là mệnh, chẳng gỡ ra khỏi lòng được;

thần chi sự quân, nghĩa dã, vô thích nhi phi quân dã;

tôi thờ vua, là nghĩa, đi đâu cũng chẳng thiếu được vua;

vô sở đào ư thiên địa chi gian, thị chi vị đại giới.

chẳng nơi nào trốn khỏi giữa trời đất; ấy gọi là đại giới.

"Trọng Ni viết: thiên hạ hữu đại giới nhị", Khổng Tử nói ta bảo cho ngươi: giữa trời đất có hai điều đại giới luật, dù xuất gia hay tại gia đều phải tuân giữ. "Kỳ nhất mệnh dã; kỳ nhất nghĩa dã." Điều đại giới thứ nhất: nhận mệnh, hiểu thiên mệnh. Chữ "mệnh" giải thích rất phiền; chẳng phải cái mệnh xem bát tự, mà cũng gồm luôn cái mệnh xem bát tự; thiên mệnh này còn gồm cả giá trị nhân sinh. Điều giới thứ hai là nghĩa, cái gọi nghĩa sở đương vi, gồm hai loại nghĩa: một là hợp chân lý, dù cái đầu rơi xuống cũng chẳng ngoảnh đầu nhìn lại, chỉ cần hợp lý là phải làm. Nên Văn Thiên Tường à! Nhạc Phi à! Đầu đáng rơi lúc nào thì rơi lúc đó, không chút do dự. Loại nghĩa thứ hai là đạo nghĩa giữa bạn bè chúng ta, nghĩa giữa người với người. Chữ nghĩa (義) của Trung Hoa viết thế nào? Mọi người để ý! Trên là chữ dương (羊), dưới là chữ ngã (我); chữ dương tượng trưng cát tường, đại cát đại lợi; nên nghĩa chính là đại biểu cho cát tường của ta. Chữ **"nhân"** (仁) trong nhân nghĩa, là người bên cạnh số hai; giữa hai người gọi là nhân. Rộng lòng từ mình tới người, nghĩ tới cát tường của mình cũng nghĩ tới cát tường của người; ta cần gì, người cũng cần gì; đó chính là nhân nghĩa.

"Tử chi ái thân, mệnh dã, bất khả giải ư tâm", Khổng Tử nói ngươi phải hiểu đạo làm người: làm con phải yêu cha mẹ; yêu cha mẹ chính là hiếu. Ngươi bảo muốn làm người hiếu thảo; hiếu thảo làm gì? Yêu thương cha mẹ đấy. Giải

thích chữ yêu rất giản dị: ta sinh ra, mẹ cha thế nào mà tả tơi uế tạp nuôi ta khôn lớn. Như tôi là người ưa sạch nhất, khi ôm đứa nhỏ, chơi với nó, bế nó lên, phân đái một phát tung tóe tuôn ra. Cả nhà cười: coi anh ưa sạch kiểu gì! Chẳng kén chọn nữa, chẳng mắng nữa. Kinh nghiệm riêng của tôi vậy, kinh nghiệm mọi người cũng vậy; đó chính là tấm lòng cha mẹ thương con. Đảo lại, cha mẹ già yếu, con cái quay về yêu thương cha mẹ, đó là hiếu. Chữ hiếu là danh từ; nội hàm của hiếu chính là yêu. Nhiều bạn bảo hiếu không nổi; nói khác, ngươi cũng yêu không nổi; đó là triết học của chữ yêu.

Nên người Trung Hoa nói **"cầu trung thần ư hiếu tử chi môn"** (tìm trung thần ở cửa nhà người hiếu); đây chính là văn hóa Trung Hoa! Phàm đại trung thần ắt là đại hiếu tử. Nói khác, trung là gì? Là mở rộng tấm lòng yêu cha mẹ ra mà yêu nước, yêu thiên hạ, yêu người khác. Phật cũng giảng đạo hiếu, nên Phật gia có *Phụ mẫu ân trọng nan báo kinh*; đừng tưởng người học Phật chẳng giảng hiếu đạo nhé! "Tử chi ái thân dã, mệnh dã", con yêu cha mẹ là thiên tính; giả sử đứa con này chẳng yêu cha mẹ, còn thấy ghét bỏ, cũng là mệnh; có những tố chất thiên tính là căn khí xấu, liệt căn tính, đúng là chẳng cứu vãn nổi. "Bất khả giải ư tâm" nghĩa là chẳng có lý nào để bàn.

Có một học trò kể với tôi bao nhiêu đau khổ từ lúc sinh ra. Nay anh ta không ở đây, tôi có thể kể; thuở ấy tôi vừa nghe vừa thay anh ta rơm rớm nước mắt, nhưng chẳng dám để lệ rơi ra, chỉ trong lòng có một lời kết luận: đôi cha mẹ này chẳng phải cha mẹ tốt. Nhưng trước mặt học trò, tôi chẳng dám nói câu ấy. Các bạn để ý, đây là có chừng mực; cha mẹ anh ta có xấu mấy vẫn là cha mẹ anh ta! Tuy anh ta là học trò tôi, tôi không thể ngay trước mặt anh ta mắng cha mẹ anh ta; đó là chừng mực nên có giữa người với người. Nên tôi đành than hai tiếng làm kết luận. Học trò này còn kể, có khi bố anh ta còn xin tiền anh ta; bố tới là anh ta bực bội lắm. Cũng khó trách! Tôi chỉ nói với anh ta một câu: tôi thấy bố anh cũng là người đáng thương. Chữ đáng thương của tôi bao gồm nhiều lắm; đó là chuyện một hai năm trước. Dạo gần đây nhớ ra, tôi hỏi anh ta: dạo này bố anh còn tìm anh không? Có chứ! Vẫn xin tiền. Tôi hỏi: vậy dạo này anh với bố anh thế nào? Anh ta đáp: lần ấy trò chuyện với thầy xong, một câu của thầy ảnh hưởng tôi: bố tôi cũng là người đáng thương. Vậy nên! Giờ nhìn bố, tôi cũng thấy ông khá đáng thương, tôi vẫn đối xử tốt với ông thôi! Dù sao vẫn là bố tôi. Đúng rồi! Đây chính là nhân tính; đây là chuyện tôi trải qua tận tay.

Cho nên con cái yêu thương cha mẹ! Là mệnh! Chẳng gỡ khỏi lòng được! Chẳng có lý do gì cả, đó là điều thứ nhất. "Thần chi sự quân, nghĩa dã", thời cổ là thời quân chủ; trong cái gọi ngũ luân của Trung Hoa, quân chủ đại diện cho quốc gia; đó là lý do người xưa phải tận trung với đế vương; chẳng phải tận trung với cá nhân đế vương, mà với quân chủ, bởi quân chủ là đại biểu của một quốc gia dân tộc. Nên yêu quân tận trung, cũng là yêu quốc gia dân tộc. "Thần chi sự quân, nghĩa dã", đó là kết luận của nhân sinh. "Vô thích nhi phi quân dã": ta sinh ra ở thế giới này, sinh trên đất nước này, cả quốc gia chính là ta; nơi nào cũng là quốc gia của ta. "Vô sở đào ư thiên địa chi gian": ngươi trốn không thoát; dù ra nước ngoài, bảo tôi chẳng yêu nước tôi, tôi chịu không nổi, nên trốn sang nước khác. Nói thật, trong lòng ngươi cuối cùng vẫn là người Trung Hoa; người của mỗi quốc gia đều như vậy cả.

Trong bạn bè của tôi cũng có nhiều bạn Mông Cổ; sa mạc Mông Cổ có gì đáng yêu đâu? Đương nhiên chẳng đáng yêu bằng Giang Nam của chúng ta. Giang Nam non xanh nước biếc, xứ lúa gạo tôm cá, núi xanh nước lục. Ở Đài Loan chưa từng thấy thật sự mặt nước xanh lục đấy nhé! Giang Nam chúng ta, núi màu lam, nước màu ngọc biếc, trong veo tận đáy, vài con cá bơi bên dưới, nhìn rõ mồn một, đẹp làm sao! Sa mạc Mông Cổ ghê tởm biết bao; song bạn từ sa mạc tới, nói chuyện nửa ngày, thịt nướng ngoài sa mạc ấy, cưỡi trên lưng ngựa, đầy mặt dầu mỡ, bụi cát bám đầy, hỏi ông ta món đó ngon không? Thật tuyệt! Thật thèm! Vẫn yêu quê hương mình; đó chính là nhân tính. Vậy sinh lớn lên ở đâu vẫn yêu nơi đó, đó là tất nhiên. Nghĩa là chỉ đưa được thân xác trốn nơi khác, song cảm giác quê hương vẫn còn, vẫn chẳng cách nào vứt bỏ. "Thị chi vị đại giới", Khổng Tử huấn thị, bảo Diệp công tử Cao hai điều ấy là đại giới.

Trung với hiếu

Thị dĩ phù sự kỳ thân giả, bất trạch địa nhi an chi, hiếu chi chí dã;

Vì vậy kẻ phụng sự cha mẹ, chẳng chọn đất mà làm cho yên, là hiếu cùng cực;

phù sự kỳ quân giả, bất trạch sự nhi an chi, trung chi thịnh dã.

kẻ phụng sự vua, chẳng chọn việc mà làm cho yên, là trung rực rỡ nhất.

Tự sự kỳ tâm giả, ai lạc bất dịch thi hồ tiền,

Người tự lo liệu cái tâm mình, buồn vui chẳng dễ đổi thay trước mắt,

tri kỳ bất khả nại hà nhi an chi nhược mệnh, đức chi chí dã.

biết rằng chẳng làm sao được mà an nhiên coi như mệnh, là đức cùng cực.

"Thị dĩ phù sự kỳ thân giả": nên một người con hiếu thảo yêu thương cha mẹ, "bất trạch địa nhi an chi", chẳng phải bảo: ba mẹ ơi, giờ con chẳng lo cho ba mẹ nữa! Ba mẹ tự lo đi, đợi con sang Đài Bắc kiếm được tiền, con xây lầu ba mươi tầng rồi mới kính dưỡng. Đợi không nổi đâu, ông bà đã xuống đất rồi. Cho nên con hiếu thảo phụng dưỡng cha mẹ, chẳng đợi thời gian, chẳng đợi không gian, chẳng đợi hoàn cảnh, chỉ hết sức mình mà làm. Hôm nay ở chòi lá, thì phụng dưỡng cha mẹ ngay trong chòi lá; chỉ đủ sức mua một cây quẩy, mình không ăn, mua trước cho ba mẹ ăn: "hiếu chi chí dã", đó mới là hiếu thảo.

"Phù sự kỳ quân giả, bất trạch sự nhi an chi, trung chi thịnh dã." Thế nào là tận trung vì nước? Trên giao cho ngươi một nhiệm vụ, bất kể nhiệm vụ gì, chẳng có đất lựa chọn. Ngang với nói: ngươi làm thuê cho người, làm nhân viên cho người, ông chủ giao nhiệm vụ thì phải nghe lệnh. Nếu chẳng nghe lệnh nổi, lại chẳng chỉ huy nổi; lý tưởng của mình thì cao, chẳng làm nổi ông chủ để sai khiến người, mà lại chẳng chịu ai sai khiến, thế là người vô dụng! Nên "thần chi sự quân, bất trạch sự nhi an chi", bất kể nhiệm vụ gì giao cho ngươi, ngươi đều phải làm nổi, "trung chi thịnh dã", đó là tận trung với bổn phận. Ngươi phải hiểu rõ nhân sinh là thế, nhân sinh chỉ có vậy thôi.

"Tự sự kỳ tâm giả, ai lạc bất dịch thi hồ tiền": ông nói, nên ngươi phải minh tâm kiến tính; đây là minh tâm kiến tính của việc làm, của nhập thế làm người. Hiểu được giá trị nhân sinh, thông đạt đạo tâm tính của mình, thì "ai lạc bất dịch thi hồ tiền", chẳng còn gì gọi là bi ai, chẳng còn gì gọi là đau khổ, cũng chẳng còn gì gọi là vui sướng; việc đời nên làm thì cứ làm, chẳng để yếu tố hoàn cảnh lay động tâm trạng; đó chính là chân lý.

"Tri kỳ bất khả nại hà nhi an chi nhược mệnh, đức chi chí dã." Biết rõ chẳng làm sao được, biết đâu đi là mất mạng, song an nhiên coi như mệnh; bỏ cái đầu vào va-li, lên máy bay luôn; "minh tri kỳ bất khả nại hà", mà vẫn bắt buộc phải làm vậy. Bản thân Khổng Tử cũng như thế: một lòng một dạ cứu đời cứu người; biết rõ chẳng cứu nổi, vẫn cố gắng trọn đời. Thích Ca Mâu Ni cũng vậy, muốn độ hết muôn loài chúng sinh; ngài biết rõ chúng sinh chẳng độ cùng, vẫn nhất định phải độ. Đều là câu Trang Tử "tri kỳ bất khả nại hà nhi an chi nhược mệnh"; đó chính là đạo đức; nói khác, nay giao cho ngươi nhiệm vụ này, chẳng có gì để nói, trả lời bằng một chữ duy nhất: đi! Chẳng có lý do gì cả, ngươi đi là được rồi.

Vi nhân thần tử giả, cố hữu sở bất đắc dĩ.

Kẻ làm tôi làm con, vốn có chỗ chẳng thể khác.

Hành sự chi tình nhi vong kỳ thân,

Làm trọn tình thật của việc mà quên cả thân mình,

hà hạ chí ư duyệt sinh nhi ố tử!

còn đâu thì giờ tham sống sợ chết!

Phu tử kỳ hành khả hĩ!

Thưa ông, cứ lên đường là được rồi!

"Vi nhân thần tử giả", ông nói kẻ đảm nhiệm công vụ vì thiên hạ, vì quốc gia, có khi nhiệm vụ thật sự "hữu sở bất đắc dĩ". Bởi bất đắc dĩ, chẳng làm không được, "nhi vong kỳ thân", đem sinh mạng thân thể mình dâng hiến hết. Đó là thái độ nên có của người đảm nhiệm công vụ quốc gia. "Hà hạ chí ư duyệt sinh nhi ố tử! Phu tử kỳ hành khả hĩ!" Dưới nguyên tắc chân lý này, còn đâu thì giờ cho ngươi tham sống sợ chết! Chết thì chết; sinh tử phải coi nhẹ; đó là liễu sinh tử trên hành động, chẳng phải thứ liễu sinh tử bằng ngồi thiền. Như có người mong lúc chết không đau đớn, chỉ cần xếp bằng hai chân, A Di Đà Phật! Ta đi đây; đó vẫn là liễu sinh tử tiểu thừa; chết vì dâng hiến cho công việc là liễu sinh tử đại thừa, hiện rõ trên hành động.

Nên mọi người học Thiền sẽ hiểu: Tổ Đạt Ma nói hai cửa nhập, một cửa là lý nhập, tức tham cứu, ngồi thiền dụng công; một cửa là hành nhập; Trang Tử mượn lời Khổng Tử nói những điều này, chính là nhập từ cửa hành. Làm thật nổi, đó cũng là bất kế sinh tử. Bởi sinh tử đã chẳng còn ngại, cái mạng này dâng bố thí ra rồi, y như chữ dâng hiến mà các tôn giáo khác nói; lời Khổng Tử cũng là dạy ông dâng hiến. "Phu tử kỳ hành khả hĩ!" Khổng Tử giảng xong, khách khí với học trò vài câu: ông à! mau lên đường giúp tôi! Lúc này còn suy xét gì nữa! Đây là kết luận đoạn này; tiếp đó ông lại nói với Diệp công tử Cao đạo ngoại giao.

Triết học ngoại giao chính trị

Khâu thỉnh phục dĩ sở văn:

Ta xin nói lại điều mình từng nghe:

Phàm giao cận tắc tất tương ma dĩ tín,

phàm giao thiệp, với nước gần thì phải lấy tín mà thân thiện với nhau,

viễn tắc tất trung chi dĩ ngôn,

với nước xa thì phải lấy lời nói mà giữ lòng trung tín,

ngôn tất hoặc truyền chi.

lời đã nói ắt phải có người truyền đi.

Phù truyền lưỡng hỷ lưỡng nộ chi ngôn,

Việc truyền lời làm vui và lời làm giận của hai bên,

thiên hạ chi nan giả dã.

là điều khó nhất dưới trời.

Chúng ta phải chú ý: đọc đến chữ **"khâu"** (丘), nay là thời dân chủ, tôi cũng mạnh dạn đọc vậy; hồi nhỏ tôi không dám đọc thế, đọc thế là đầu chuẩn bị nổi cục như bánh trôi, ngón tay thầy quặp lại, bộp! đánh phăng xuống đầu, mặc kệ ngươi đau hay không, chuyện chấn động não bộ gì đó thì không ai tính tới. Tên thánh nhân sao có thể tùy tiện gọi? Ngươi dám gọi Khổng Khâu, trước hết bị đập cho một cái **"khâu"** (丘 - cái gò, cục u) nổi lên đầu đã rồi hãy nói. Vậy chữ khâu (丘) phải đọc thế nào? Phải đọc thành chữ **"mỗ"** (某 - "nào đó"), thay thế cho chữ Khâu. Khi viết đến chữ khâu (丘) phải thiếu đi một nét đứng bên phải (viết thành 丩), đó là điều kiêng kỵ; với tên người tiền nhân, với tên cha

mẹ cũng đều như thế. Nay thời chúng ta là thời dân chủ, Khâu cứ là Khâu! "Khâu thỉnh phục dĩ sở văn": Khổng Tử nói ta xin kể cho ngươi một đạo lý; bây giờ Khổng Tử sắp dạy cho Diệp công tử Cao triết học ngoại giao chính trị rồi.

Người làm ngoại giao phải chú ý: kinh nghiệm ngoại giao của Trung Hoa có danh ngôn **"viễn giao cận công"** (bắt tay nước xa, đánh nước gần); tuy là danh ngôn, nhưng cũng tùy thời điểm mà dùng. "Viễn giao cận công" trong thời quân chủ, khi nước với nước xảy ra đối đầu, gần như là đại nguyên tắc không thể thay đổi. Nhưng điều Khổng Tử nói bây giờ thuần túy là đại nguyên tắc trên phương diện ngoại giao: "phàm giao cận tắc tất tương ma dĩ tín", giao thiệp với nước láng giềng, chỗ nào cũng phải nói đến trung thực tín nghĩa. "Tương ma" là chỉ riêng tư ở với nhau rất tốt đẹp; trên công việc, hai bên cũng tương đối thẳng thắn thành thật; đương nhiên có lúc phải vì quốc gia mà giữ bí mật, đó không phải là không thẳng thắn với bạn bè, mà là bất đắc dĩ. Với nước xa thì sao? "Tắc tất trung chi dĩ ngôn", khuyên bảo bằng chân tình, vun đắp tình cảm mà khuyên bảo, nhưng phải giữ tín với điều mình đã nói.

Làm ngoại giao là đại diện cho quốc gia; ngoại giao quan nói chuyện rất khó, vì nhiệm vụ hết sức trọng đại. "Ngôn tất hoặc truyền chi": câu này có hai tầng nghĩa. Một là truyền đạt được ý chỉ của nguyên thủ; nhưng có lúc nguyên thủ quốc gia mình tâm trạng không được tốt, vì quốc sự mà nổi giận, tùy tiện mắng nguyên thủ nước kia là đồ khốn, thì ngoại giao quan không thể truyền câu ấy đi. Ba chữ "hoặc truyền chi" phải chú ý đặc biệt: lời ngoại giao quan nói ra đại diện cho quốc gia, phải chịu trách nhiệm trước lịch sử, hai nước hai bên đều có ghi chép, nói chuyện phải hết sức cẩn trọng, vì lập tức là truyền ra ngoài. Đại sứ cùng phu nhân không thể có một chút trò cười hay khuyết điểm, truyền ra ngoài là làm mất thể diện quốc gia. Ba chữ "hoặc truyền chi" còn có ý cân nhắc thiệt hơn; đó là tầng nghĩa thứ hai.

"Phù truyền lưỡng hỷ lưỡng nộ chi ngôn, thiên hạ chi nan giả dã": điều này chắc chỉ người từng làm ngoại giao quan, hoặc từng làm chủ nhiệm khoa ngoại giao, mới có kinh nghiệm này, mới hiểu được. Làm hòa giải việc cho hai nhà, đứng ở giữa truyền lời, khó lắm. Nhà Trương nói cha nhà Lý là đồ khốn, nhà Lý nói cha nhà Trương hạ lưu, đó là **"lưỡng nộ"** (lời làm giận hai bên); lời làm giận ấy không thể truyền. Lời làm vui hai bên cũng không thể truyền: kỳ vọng và đòi hỏi quá mức của hai bên, biết rõ không làm nổi, cũng không truyền được, vì việc định đoạt ở giữa hết sức khó. Cho nên ngoại giao quan hạng nhất, bộ óc linh hoạt cỡ nào, lời nói nghe thính tai cỡ nào, đến lúc nổi giận cũng như bản nhạc hay tai, chắc là chọn từ nơi Trời xuống! Vì thế, "truyền lưỡng hỷ lưỡng nộ chi ngôn, thiên hạ chi nan giả dã", đó là điều khó nhất, đau khổ nhất.

Phù lưỡng hỷ tất đa dật mỹ chi ngôn,
Lời làm vui cho hai bên ắt nhiều lời khen quá mức,

lưỡng nộ tất đa dật ác chi ngôn.
lời làm giận hai bên ắt nhiều lời chê quá mức.

Phàm dật chi loại vọng,
Phàm cái gì tràn quá mức đều thuộc loại dối trá,

vọng tắc kỳ tín chi dã mạc,
dối trá thì người ta tin nửa vời,

mạc tắc truyền ngôn giả ương.
nửa vời thì kẻ truyền lời trước tiên gặp họa.

Các bạn xem, Khổng Tử giỏi ngoại giao cỡ nào! Các bạn học ngoại giao và triết học ngoại giao, đem đoạn này về là đủ viết luận án tiến sĩ ngoại giao. Thêm tâm lý học, ngôn ngữ học, linh cảm thứ sáu gì đó vào nữa, là thành một bài

luận tốt, bảo đảm đỗ đầu kỳ thi ngoại giao quan. Nay viết văn chương không khó, chỉ là việc bé xé ra to: bắt được hai câu, viết ra vài trăm nghìn chữ, Socrates nói thế này, Churchill nói thế kia, như vậy là học vấn uyên bác, là xong.

Khổng Tử nói, hai bên chỉ toàn lời đẹp là quá mức rồi. Như bà mối kiểu cổ ngày xưa truyền lời làm vui cho hai bên, **"lưỡng hỷ tất đa dật mỹ chi ngôn"** (lời làm vui hai bên ắt nhiều lời khen quá mức), lời tâng bốc quá mức, mai sau không thực hiện nổi, nguy to đấy. **"Lưỡng nộ tất đa dật ác chi ngôn"** (lời làm giận hai bên ắt nhiều lời chê quá mức): tâm lý chán ghét lẫn nhau của hai bên cũng không được bày tỏ; dù chỉ bày tỏ chút ít, đối với ngoại giao cũng tuyệt đối trở ngại. Tóm lại, ngoại giao quan đứng giữa truyền lời, không được để chữ **"dật"** (溢 - tràn quá mức) ra ngoài sự thật. Dật là hơi quá một chút: lời vui mừng cũng không được nói quá; ví dụ "trưởng của chúng tôi ngưỡng mộ ông vô cùng" là lời quá mức, chỉ được nói trưởng của chúng tôi cũng rất ngưỡng mộ ông, là vừa đủ. Lời quá mức đôi khi không thu hồi lại được, phiền phức liền đến.

Tóm lại, lời quá mức là phạm giới vọng ngữ nhà Phật. Vừa nói dối là **"tắc kỳ tín chi dã mạc"** (dối trá thì người ta tin nửa vời): người ta ai cũng có linh cảm đấy nhé, ngươi nói dối chút xíu, người khác sẽ không còn tin nữa. **"Mạc"** (莫) không phải là phủ định hoàn toàn, nghĩa là dường như, có lẽ, không thật. **"Mạc tắc truyền ngôn giả ương"** (nửa vời thì kẻ truyền lời trước tiên gặp họa): nếu người khác không tin lời ngươi nữa, trước tiên gặp họa là kẻ đứng giữa làm ngoại giao truyền lời.

Cổ pháp ngôn viết:
Vậy lời răn cổ ghi:

truyền kỳ thường tình, vô truyền kỳ dật ngôn,
truyền cái tình bình thường của nó, chớ truyền những lời quá mức,

tắc cơ hồ toàn.
thì gần như được trọn vẹn.

Lão Tử cũng dùng tới **"pháp ngôn"** (法言) này; pháp ngôn hai chữ, gọi là **"kiến ngôn"** (建言). Vậy Lão Tử Trang Tử nói pháp ngôn là gì? Chính là cách ngôn của người xưa, cũng là danh ngôn của người xưa. Cách ngôn là gì? Là một chuẩn mực vĩnh viễn không thể thay đổi: lời nói đến chỗ tột cùng gọi là **"cách"** (格), lời ấy là điều không thể đổi. "Cổ pháp ngôn viết", tức cách ngôn văn hóa thượng cổ của Trung Hoa nói: **"truyền kỳ thường tình, vô truyền kỳ dật ngôn, tắc cơ hồ toàn"** (truyền cái tình bình thường của nó, chớ truyền những lời quá mức, thì gần như được trọn vẹn). Cho nên khi ngoại giao quan truyền đạt ý kiến hai bên, óc phải nhanh chóng sắp xếp lại nội dung; làm thông dịch viên cũng thế: "truyền kỳ thường tình", rất chuẩn mực, rất bình thường; "vô truyền kỳ dật ngôn", lời quá mức không nói, dù tốt hay xấu cũng không thêm bớt chút nào. "Tắc cơ hồ toàn": làm được như thế thì có thể giữ toàn được mình, cũng hoàn thành được sứ mệnh. Đây là một đoạn nói về tu dưỡng và thái độ của ngoại giao quan, cùng triết học làm ngoại giao.

Thực ra, chúng ta đừng chỉ dán mắt vào ngoại giao, như thế là lầm rồi! Làm người cũng vậy, đây là dạy chúng ta cách làm người; đừng nghĩ rằng chỉ ngoại giao quan mới dùng tới, "tôi không cần học", vậy là tự mình bỏ Trang Tử rồi. Một người bình thường vẫn là như thế: nếu nói lời quá mức, người gặp họa chính là ngươi. Dưới đây lại nói tiếp một đạo lý đời người.

Dương mưu âm mưu

Thả dĩ xảo đấu lực giả,

Hơn nữa, kẻ lấy sự khéo léo mà đấu sức:

thủy hồ dương, thường tốt hồ âm,

khởi đầu ở mặt dương, thường kết thúc ở mặt âm,

đại chí tắc đa kỳ xảo;

đến mức tột cùng thì nhiều trò quỷ quyệt khôn lường;

"Thả dĩ xảo đấu lực giả": thế nào là lấy sự khéo léo mà đấu sức? Đó là mưu lược học; binh pháp cũng đều dùng khéo léo đấu sức, lấy ít địch nhiều, lấy yếu thắng mạnh, đó là mưu lược cao nhất, cũng là binh pháp cao nhất. Lấy khéo léo đấu sức tức là dùng trí tuệ. Làm chính trị cũng được, làm quân sự cũng được; tóm lại, xử thế trong đời người đều phải dùng xảo lực, phải dùng trí tuệ; chữ "xảo" này đại biểu cho trí tuệ. Dùng trí tuệ mà đấu sức, "thủy hồ dương", khởi đầu ở mặt dương, là ý đồ chính diện; nhưng dùng trí tuệ, dùng mưu lược, ắt sẽ đi tới âm mưu. Cho nên với những người dùng mưu lược, văn hóa Trung Hoa xưa nay vẫn gọi là âm mưu gia. Ví như Trần Bình giúp Hán Cao Tổ thống nhất Trung Hoa; Hán Cao Tổ lên ngôi hoàng đế rồi, cả đời Trần Bình cũng chỉ **"lục xuất kỳ kế"** (ra sáu kế quái), kỳ kế chính là âm mưu. Nhưng trong *Sử ký* của Tư Mã Thiên, truyện Trần Bình, chép lại lời ông từng nói: **"âm mưu giả, đạo gia chi sở kỵ, ngã kỳ vô hậu hồ"** (kẻ làm âm mưu là điều người tu Đạo kiêng kỵ, chăng ta sẽ không còn hậu duệ!). Các bạn chú ý nhé, nay có rất nhiều người trẻ muốn học mưu lược học, đều muốn học theo Quỷ Cốc Tử; học thì học cái tốt chứ! Sao lại đi theo quỷ mà học! Muốn học thì học Thiên Cốc Tử (Cốc Tử của trời) chứ, đừng học bừa! Trần Bình nói người tu đạo tối kỵ dùng âm mưu, nên hậu duệ của ta sẽ không thịnh được! Ông dùng âm mưu giúp Hán Cao Tổ bình định thiên hạ, danh thơm muôn vạn đời; nhưng đến đời cháu, công danh phú quý tuyệt luôn. Cho nên "dĩ xảo đấu lực giả", khởi đầu là dương mưu, cuối cùng hóa ra âm mưu; đó là điều người tu đạo tối kỵ nhất.

Cho nên Trang Tử cũng nói, "đại chí tắc đa kỳ xảo": dùng mưu lược đấu trí, bóp cạn óc mà trù người, cố ý lừa dối, nói lời đẹp cho người nghe, cuối cùng hại người ta, mình còn đứng đó cười thầm! Người càng thông minh, quỷ kế càng nhiều, cuối cùng luôn tự hại mình. Đây mới chỉ nói trên mặt dương; theo Phật gia mà nói, cuối cùng chỉ có đường xuống địa ngục, vì cái tâm nịnh bợ uốn éo ấy không thể có được. Cho nên Khổng Tử nói không thể vậy; đây là nói triết học đời người.

Sao Khổng Tử lại nêu ra đoạn này? Mọi người chú ý nhé! Người có chút thông minh, bệnh dễ phạm nhất là chơi trò khéo léo; chuyên chú chơi thông minh, tự cho mình cao siêu. Phải biết ngươi chơi khéo, gặp phải một người chân thành là toi ngay; người ấy thẳng thắn, chân thành thật thà, khờ khạo, ngươi chơi thế nào người ấy vẫn vậy, thế là ngươi toi. Ngươi khéo qua khéo lại, như con khỉ nhảy nhót lung tung, cuối cùng một đấm bị đánh chết. Cho nên người không thể đi con đường âm nhu; vẫn phải đi con đường quang minh chính trực mới phải.

Dĩ lễ ẩm tửu giả, thủy hồ trị,

Kẻ uống rượu theo lễ nghĩa: khởi đầu có phép tắc,

thường tốt hồ loạn, đại chí tắc đa kỳ lạc,

thường kết thúc loạn liệt; đến mức tột cùng thì nhiều thứ vui quái đản,

phàm sự diệc nhiên.

phàm mọi việc cũng vậy.

"Dĩ lễ ẩm tửu giả": nhìn người uống rượu là biết ngay. Người uống rượu lúc đầu đều rất lễ phép, "ôi trời, hai anh em mình lâu lắm chưa nâng chén với nhau!" rồi "anh là anh, em là em", anh không uống là em giận đấy, cái tình đẹp

làm sao! Có tình cảm ghê! Uống đến cuối cùng, say rồi! Mạ cha mạ mẹ, mười tám đời tổ tiên cũng bê ra mắng, hóa ra thành oan gia. Cho nên Khổng Tử nói, khởi đầu uống rượu bằng lễ nghĩa, "thủy hồ trị", rất có tiết chế; "thường tốt hồ loạn", cuối cùng loạn một đống; nên bạn rượu chè không nên kết giao, là vì lẽ đó. Người uống rượu "đại chí tắc đa kỳ lạc", uống vui càng uống càng vui, đi vào trạng thái cuồng loạn. Cuồng loạn gọi là **"kỳ lạc"** (奇乐 - cái vui quái đản), cái vui ấy không phải vui bình thường, là vui kỳ quái, vì thần kinh đã bị rượu tê liệt.

Nói cách khác, cảnh giới đời người: thứ nhất không được chơi khéo, thứ hai không được chơi "kỳ lạc"; tự cho mình đắc ý vui vẻ, hừ! Vui cùng sinh buồn. Ngươi nghĩ hai ngày nay vui lắm, nhảy nhót tung tăng, chơi trò riêng của mình; vận xui của ngươi ở ngay ngày mai. Trời sớm canh chừng ngươi ở đó, Diêm Vương còn ghi sổ cho ngươi; Bồ Tát thì chẳng quản việc gì đâu, nhắm mắt ngồi thiền ở đó. **"Phàm sự diệc nhiên"** (phàm mọi việc cũng vậy): Khổng Tử bảo ngươi, điều này chẳng những ngoại giao quan phải chú ý, bình thường làm người làm việc đều theo nguyên tắc này.

Thủy hồ lượng, thường tốt hồ bĩ;
Khởi đầu là thứ tha tin tưởng, thường kết thúc là khinh bỉ;

kỳ tác thủy dã giản, kỳ tương tất dã tất cự.
việc khi khởi sự thì giản đơn, khi sắp hoàn tất ắt trở nên to tát.

"Thủy hồ lượng" (khởi đầu là thứ tha tin tưởng): người với người làm bạn, lúc đầu hay lắm! "Ôi, ông này thật tốt! Tôi thích làm bạn với ông, mình có thể tha thứ cho nhau." "Nghe nói tôi nóng tính, không sao, nhường tôi chút là được." Nhất là trai gái yêu đương: "em thích tính nóng của anh, anh quản em vừa đẹp", nghe ngọt xớt! Lời dối trá nào cũng nói được. **"Thường tốt hồ bĩ"** (thường kết thúc là khinh bỉ): về sau! Tưởng người đẹp nhất đẹp nhất mà cũng không đúng nữa, nghĩ đến là ghét. Hồi đó thấy cái dáng luồn cúi bần cùng của hắn thì tha thứ, nay quay lại bảo chịu không nổi cái dáng luồn cúi ấy. Tình cảm hỏng là như thế: khởi đầu là nhiều thứ tha thứ, cuối cùng là nhiều sự khinh bỉ. Làm việc cũng vậy: lúc đầu chẳng sao cả, chỉ cần ông anh nhận lấy việc này, làm thế nào cũng được, nghe hết lời ngươi; cuối cùng nhiệm vụ càng ngày càng gian nan, "kỳ tương tất dã tất cự", sắp xong thì càng thêm to tát khó khăn; đó là đời người.

Sao Trang Tử lại đặt đoạn này vào phương diện ngoại giao mà nói? Phàm một con người, từ ngày chui ra khỏi bụng mẹ, đã bắt đầu làm ngoại giao rồi; đó chính là triết học ngoại giao. Ngươi có biết không? Em bé muốn bú, cách đầu tiên là khóc, rồi là cười; một khóc một cười, đều là công cụ ngoại giao. Sinh ra đã làm ngoại giao, đúng không? Hỏi ngoại giao quan của chúng ta, ông ấy đồng ý đấy. Làm ngoại giao tức là dỗ dành người; ngoại giao quan cũng phải dỗ dành; giữa một cái cau mày một nụ cười đều là cách đối phó; đó là đời người. Trang Tử kéo tấm màn nội tình đời người mở ra cho ngươi xem, rồi bảo ngươi phải làm thế này thế kia.

Các bạn học Phật chú ý, đừng cho rằng đây là thế gian pháp; đây đều là Phật pháp, thuộc phẩm *Phổ Hiền hạnh nguyện* của Phật giáo. **"Chúng sinh vô tận, ngã nguyện vô cùng"** (chúng sinh vô tận thì nguyện của ta vô cùng): các bạn đọc Trang Tử rồi mới hiểu *Phổ Hiền hạnh nguyện phẩm*. Chỉ đọc suông là chưa đủ, nguyện phải khởi hạnh mới được! Muốn hành phải trước hiểu đạo lý này; những điều này đều là giới hạnh, là Trang Tử mượn miệng Khổng Tử mà nói đấy.

Họa từ miệng lưỡi mà ra

Ngôn giả, phong ba dã;
Lời nói là cơn phong ba;

hành giả, thực tang dã.

hành động là chỗ được mất thực.

Phù phong ba dị dĩ động,

Phong ba dễ dấy động,

thực tang dị dĩ nguy.

được mất thực dễ đưa đến nguy hiểm.

"Ngôn giả, phong ba dã": một người nói chuyện phải chú ý lắm, có khi một câu nói là con dao hai lưỡi, hại mình cũng hại người. **"Nhất ngôn khả dĩ hưng bang, nhất ngôn khả dĩ tang bang"** (một lời có thể làm hưng quốc gia, một lời có thể làm mất quốc gia); ngươi tưởng mình biết chơi trò mưu mẹo, biết dùng miệng lưỡi; rủi ro muôn phần đều là do chính mình chơi miệng lưỡi mà chơi ra. Cho nên Phật gia nói đến sự quan trọng của khẩu nghiệp; Trang Tử ở đây đã nói rõ cho ngươi rồi. Có người nói phạm lỗi miệng lưỡi sẽ xuống địa ngục; xuống địa ngục ai nhìn thấy? Thực ra hiện sinh đã thấy được ngay. Lời nói không đúng, phong ba nổi lên tức thì, chẳng cần đợi xuống địa ngục; Nho gia Đạo gia đều hiện thân thuyết pháp. "Hành giả", cái hành vi ấy, "thực tang dã": hành động mà sai, kết quả không đúng, lập tức phát sinh vấn đề, quả báo đến ngay.

"Phù phong ba dị dĩ động": gió thổi tới, mặt nước yên tĩnh nổi lên sóng gợn, cho nên gọi là phong ba. Một câu nói không đúng, giữa người với người phát sinh vấn đề; có khi chỉ vì một câu của người lãnh đạo mà gây ra chiến tranh thế giới. "Phong ba dị dĩ động" nói về cái động: gió vừa thổi, sóng nổi lên ngay. "Thực tang dị dĩ nguy": hành động sai là hết sức nguy hiểm; cho nên phải hiểu cảnh giới đời người mà *Kinh Dịch* nói, chỉ có bốn thứ, đó là **"cát hung hối lận, sinh hồ động giả dã"** (may rủi, hối tiếc, tiếc nuối, sinh ra từ chỗ động). Chỉ cần động: nói một câu là động, làm một việc, một hành vi là động; trong cái động ấy, ba phần tư trường hợp đều không tốt; phần tư còn lại là may, cũng chẳng nắm chắc được; cho nên cứ động vào là mắc lỗi.

Cố phẫn thiết vô do,

Vậy cơn giận dựng lên chẳng có nguồn gốc gì,

xảo ngôn thiên từ.

đều do lời khéo léo lệch lạc.

"Cố phẫn thiết vô do, xảo ngôn thiên từ": mấy chữ này giải thế nào? Chú ý lắm nhé! Đây là cách ngôn của Trang Tử. Vì sao một người lại giận dữ, nổi nóng? Tâm đất của người vốn rất yên tĩnh, chỉ vì một câu nào đó nói không đúng, "phẫn thiết vô do", không có nguồn gốc gì mà khơi động cơn giận trong tâm lý. Vì sao khơi động? "Xảo ngôn thiên từ". Người trí tuệ cao không thích nghe xảo ngôn; ngươi chơi trò gì, ông nghe một cái là biết ngay; nịnh bợ quá mức chính là lời giả, ông nghe một cái cũng biết ngay. Ngươi bảo: ông ấy chẳng thích được nịnh, vậy tôi mắng ông ấy có được không? Cũng quá đỗi rồi; ông ấy chẳng phải kẻ ngươi đáng mắng. Cho nên đừng xảo ngôn, đừng dùng mưu mẹo; các bạn trẻ phải nhớ cho kỹ! Đừng chơi thủ đoạn. Một trăm năm qua, bài học kinh nghiệm lịch sử loài người: chơi thông minh, chơi thủ đoạn, chơi trò hoa lệ, đứa cao hơn đứa; đến con nít bây giờ còn không ngu; thủ đoạn, tài năng, sự thông minh đều hơn chúng ta. Sau này toàn cầu loài người, vì quá thông minh, quá cao tay, quá giỏi chơi thủ đoạn, kẻ thành công cuối cùng chính là kẻ chân thành thật thà.

Nhất là như tôi, thích cái loại khờ khờ thật thà. Ngươi bảo người ấy khờ, tôi yêu cái khờ của người ấy đấy. Chúng ta quá thông minh, khuyết điểm là quá không thật thà; đương nhiên người thật thà là tốt rồi! Có vài học trò cũng nói: ai

cũng thích người thật thà, vậy người thật thà ắt thành công. Đây là chân lý; cho nên người đầu óc thông minh phải tự xét lại, phải tỉnh thức rồi. Chữ **"thiên"** (偏) trong "xảo ngôn thiên từ" là quá mức: nịnh bợ quá mức cũng chẳng đúng, chê bai quá mức cũng chẳng đúng; cho nên xảo ngôn thiên từ gây ra cơn giận của kẻ khác. Một người khiến người khác oán hận, giận dữ, ngươi đừng đổ lỗi cho người ta, chỉ cần tự xét lại mình, đều là do xảo ngôn thiên từ của chính mình mà ra.

Có lòng lành, chẳng khắc khổ

Thú tử bất trạch âm,
Con vật lúc chết gào rú chẳng chọn tiếng,

khí tức phất nhiên, ư thị tịnh sinh tâm lệ.
hơi thở hổn hển dữ dội, trong đó sinh ra ác tâm dữ dội.

Khắc hạch thái chí,
Ràng buộc đòi hỏi đến mức cùng cực,

tắc tất hữu bất tiếu chi tâm ứng chi,
thì ắt có cái tâm bất ra gì ứng theo,

nhi bất tri kỳ nhiên dã.
mà chẳng biết vì sao lại vậy.

Cẩu vi bất tri kỳ nhiên dã,
Nếu chẳng biết vì sao lại vậy,

thục tri kỳ sở chung!
ai biết được nó sẽ kết thúc ra sao!

"Thú tử bất trạch âm, khí tức phất nhiên, tịnh sinh tâm lệ": đây là dạy chúng ta chớ sát sinh đấy nhé! Các bạn nhìn con gà, con trâu, con heo sắp bị giết, ối giời… kêu rú lên như thế, nó chẳng quản tiếng đó có phải âm nhạc hay không. Con heo, con gà, con trâu lúc sắp chết, cái tiếng ấy, ngang với chúng ta sắp bị người ta bức chết, cái tiếng "mạ ơi mẹ ơi", thứ tiếng quái dị gì cũng kêu ra. Bất cứ loài sinh vật nào bị kẻ khác ức hiếp, sắp chết, đều rất giận dữ; vừa giận dữ, máu đổi màu; lúc đó rút máu ra xét nghiệm, trong máu có độc, rất độc; cho nên cái tâm nổi giận (tâm sân) là có độc. Nếu ngươi ngày thường oán hận người, giận dữ, đó chính là độc trong tâm ngươi, tập khí của cái độc ấy rất nặng; đó là cái độc trong ba độc tham, sân, si.

Cho nên Trang Tử nói, con vật lúc chết, bất kể tiếng gì cũng gào loạn lên; "khí tức", cái "ơ ơ" ấy **"phất nhiên"** (hổn hển dồn dập); "tịnh sinh tâm lệ", cái niệm tâm lúc lâm chung, cái niệm giận dữ ấy, hóa thành lệ quỷ, hung dữ vô cùng; đó là một hiện tượng. Vì sao nói đoạn này? Nghĩa là một người, ngươi vô lý bức ép kẻ khác, ức hiếp kẻ yếu; kẻ bị ức hiếp chẳng có cách gì kháng cự, mạng sống đã bị ngươi khống chế, lúc lâm chung sinh lên tâm sân hận, hóa thành lệ quỷ, đòi mạng ngươi.

Cùng rốt cuộc có quỷ hay không? Đọc *Xuân Thu* của Khổng Tử viết, *Tả truyện* của Tả Khâu Minh, trong đó chuyện quỷ thần nhiều vô kể! Chuyện công tử Bành Sinh, Dĩnh Khảo Thúc v.v… về sau đều được dàn diễn trên sân khấu kinh kịch; đến lúc xui rủi, bọn quỷ ấy đều kéo đến. Cho nên những kẻ đại gian đại ác như Tào Tháo, lúc lâm chung đều thấy quỷ hồn đến đòi mạng, đành phải cầu xin tha thứ; chuyện quỷ thần là như thế, đều là thật đấy! Ngươi

tưởng trộm khéo hại người, hừ! Lúc lâm chung "tịnh sinh tâm lệ". Cho nên con người sẽ không bị kẻ khác lừa mãi đâu; kẻ ngu nhất bị lừa, đến lúc đứt hơi bỗng nhiên thông minh: "tôi đã bị lừa"; trong một niệm ấy tâm sinh sân hận, hóa thành tâm báo phục; quả báo được thiết lập là như thế.

"Khắc hạch thái chí, tắc tất hữu bất tiếu chi tâm ứng chi, nhi bất tri kỳ nhiên dã" (ràng buộc đòi hỏi đến mức cùng cực, thì ắt có cái tâm bất ra gì ứng theo, mà chẳng biết vì sao lại vậy): cho nên một người đừng khắc khổ; nếu yêu cầu đạo đức của bản thân quá khắt khe, hoặc đòi hỏi kẻ khác quá khắt khe, đó là "khắc hạch thái chí". Lịch sử có mấy ông hoàng đế, ví như vị hoàng đế mất nước nhà Minh; hồi nhỏ chúng tôi nghe truyền lại từ đời trước: nhà Minh có Lý Sấm, Trương Hiến Trung nổi loạn, giang sơn bị vua Thuận Trị nhà Thanh một phen cuỗm trọn, hình thành ba trăm năm thiên hạ nhà Thanh. Vua cuối cùng nhà Minh là Sùng Trinh, treo cổ chết ở Môi Sơn; lúc chết còn nói: **"Trẫm phi vong quốc chi quân, thần nãi vong quốc chi thần"** (Trẫm chẳng phải vua mất nước, bầy tôi mới là bầy tôi làm mất nước). Vua Sùng Trinh còn tự nhận mình là vua tốt, đổ lỗi cho bầy tôi làm mất nước.

Nhưng thật lòng mà nói, Sùng Trinh chính là vua mất nước; ông khắc khổ đa nghi; một người làm lãnh tụ, làm người khắc khổ đa nghi là toi, đó chính là khắc hạch thái chí. Kẻ đa nghi khắc khổ quá mức, **"tắc tất hữu bất tiếu chi tâm ứng chi"** (thì ắt có cái tâm bất ra gì ứng theo), biến thành tâm lý biến thái, tâm trí quái đản. Cho nên các bạn học Phật tu đạo học tôn giáo thường hay phạm thế này: đòi hỏi bản thân khắt khe, học tôn giáo xong đòi hỏi kẻ khác càng khắt khe hơn, nhìn kẻ này chỗ này cũng sai, chỗ kia cũng sai; các bạn chú ý nhé, đều phạm bệnh này: khắc hạch thái chí.

"Tắc tất hữu bất tiếu chi tâm ứng chi" (thì ắt có cái tâm bất ra gì ứng theo): cái bất tiếu này thật là bất tiếu, tức là cái tâm quái dị ấy trỗi lên. Cho nên tâm lý học Tây phương phần lớn cho rằng bệnh tâm lý tôn giáo hầu như không có cách chữa. Đoạn này rất quan trọng; người nghiên cứu tâm lý học, hoặc người có lòng nghiên cứu y học tâm lý, phải chú ý đặc biệt. **"Nhi bất tri kỳ nhiên dã"** (mà chẳng biết vì sao lại vậy): ngay cả tâm lý biến thái của chính mình ngươi cũng bối rối không hiểu nổi. Ba tháng gần đây, mỗi tối tôi dành hai tiếng, đọc lại một lượt nhị thập ngũ sử (25 bộ sử, đến đời Thanh), đến cả sử Dân quốc. Nhưng với cái đầu tóc bạc phơ, kẻ sắp xuống đất như tôi, đọc sử không khỏi ngậm ngùi, vì mấy ông vua, mấy con người ấy mà sốt ruột thật sự; "đọc binh thư mà rơi lệ, lo thay người xưa" đấy! Thực ra chẳng phải lo thay người xưa, mà là lo thay người mai sau. Trong lịch sử có mấy ông vua, Tần Hán Đường Tống Nguyên Minh Thanh, có vị đế vương đúng là không ra gì. Rất nhiều lãnh tụ, "khắc hạch thái chí, tắc tất hữu bất tiếu chi tâm ứng chi". Đoạn văn này lại có thể viết thành một luận án tiến sĩ; các bạn bảo viết luận án chẳng tìm ra đề tài, thực ra nhiều lắm, từ đống rác của văn hóa Trung Hoa đều mổ ra được đề tài hay.

"Cẩu vi bất tri kỳ nhiên dã, thục tri kỳ sở chung" (nếu chẳng biết vì sao lại vậy, ai biết được nó sẽ kết thúc ra sao): do chính mình khắc hạch thái chí, bối rối không hiểu mà biến thành tâm lý bất thường; kết quả của cái tâm lý biến thái ấy khó nói lắm. Cho nên rất nhiều người học Phật tu đạo, bất kể xuất gia tại gia, đều khắc hạch thái chí. Thật đấy! Đây là hành môn (cửa hạnh tu), tôi chẳng lừa các bạn chút nào. Nay tôi là **"chân ngữ giả, thực ngữ giả, như ngữ giả, bất cuống ngữ giả, bất dị ngữ giả"** (người nói lời thật, lời thực, lời như, chẳng nói lời dối trá, chẳng nói lời khác lạ). Nhưng tôi chẳng phải Phật, chỉ nói lời thật mà thôi. Tôi thường phát hiện tâm lý các bạn đều có một thứ khắc hạch thái chí; nay nói nghiêm trọng cho các bạn: ngày thường tôi ít nói, các bạn trông có vẻ như người tu hành; nhà Tống Minh lý học cũng đều phạm bệnh này, chính là khắc hạch thái chí.

Cho nên các bạn xem lịch sử, người thành công thật sự đều có cái khí phách hào hiệp. Vị lãnh đạo Trung Đông Sa Đát, tôi thấy ông này đáng yêu lắm; chỗ đáng yêu là không khắc hạch thái chí; ông có khí phách hiệp sĩ. Các bạn nghe

ông nói chuyện khờ khờ, ợ ợ ợ… nhưng nói là làm đấy! Chính cái mùi vị ấy, không phải giả vờ; ông đáng yêu là ở chỗ này.

Cho nên các bạn chú ý: làm người phải học nguyên lý của Nho gia, không thể học cái thái độ của các nhà Tống Minh lý học, cái thái độ đó là bệnh thần kinh. Học Phật cũng vậy, phải hiểu học giới hạnh; nhưng giới hạnh là đòi hỏi bản thân, không thể khắc hạch thái chí, càng không thể đòi hỏi kẻ khác. Các bạn thường đem giới hạnh ra đòi hỏi người khác, chỗ này không đúng chỗ kia không đúng; chính các bạn đã sớm không đúng rồi, đã sớm toi rồi, đã vào trạng thái tâm lý biến thái mà chính mình chẳng hay biết. Đây là lời thật mà hôm nay tôi nói rất thẳng thắn; cái lý do các bạn tu dưỡng mãi chẳng thành tựu, chính là vì lẽ này. Điện Phật được gọi là Đại Hùng Bảo Điện, Phật là đại anh hùng, cái khí độ ấy rực rỡ lẫm liệt biết bao! Các bạn xem lại lịch sử một đời Phật, nào giống chúng ta cái phong độ nhỏ nhen **"tiểu gia bích ngọc"** (tiểu thư nhà nhỏ) thế này; tuyệt không phải vậy. Cho nên Khổng Tử nói:

Chẳng chuyển cơn giận, chẳng hai lần lỗi

Cố pháp ngôn viết:

Vậy lời răn cổ ghi:

vô thiên lệnh, vô khuyến thành, quá độ ích dã.

chớ chuyển dịch mệnh lệnh, chớ ép buộc cho thành, quá mức là thêm hoạ.

Thiên lệnh khuyến thành đãi sự,

Chuyển mệnh lệnh, ép cho thành là nguy hại việc,

mỹ thành tại cửu, ác thành bất cập cải,

việc đẹp thành phải lâu, việc ác thành rồi chẳng kịp sửa,

khả bất thận dữ!

há chẳng phải phải thận trọng sao!

Thả phù thừa vật dĩ du tâm,

Hơn nữa, cưỡi trên vạn vật mà du tâm,

thác bất đắc dĩ dĩ dưỡng trung, chí hĩ.

nương vào cái bất đắc dĩ mà dưỡng trung, tột bậc rồi.

Hà tác vi báo dã!

Sao phải làm để cầu quả báo!

Mạc nhược vi trí mệnh.

Chẳng bằng dâng mình cho thiên mệnh.

Thử kỳ nan giả.

Chỗ khó là ở đây.

"Cố pháp ngôn viết: vô thiên lệnh, vô khuyến thành, quá độ ích dã." Các bạn làm công chức, giáo viên, nhân viên, làm quan, thậm chí làm người phụ trách, làm lớp trưởng, cho đến lớp trưởng Vương ở chỗ chúng ta đây đều phải chú ý. "Vô thiên lệnh": chữ "thiên lệnh" này hiểu thế nào? Tôi nói cho các bạn: *Luận Ngữ* có một câu **"bất thiên nộ"** (chẳng chuyển cơn giận sang người khác), đúng không? Khổng Tử nói tu dưỡng tốt nhất của Nhan Hồi là bất thiên nộ.

Bất thiên nộ nghĩa là gì? Người này đang không vui, bạn đến tìm hắn nói chuyện, hắn liền trút cơn giận lên bạn, mắng bạn phiền phức, chuyển cơn giận lên người bạn; đó là thiên nộ. Con người làm được bất thiên nộ rất khó. Bất thiên nộ thì gần với bất nhị quá; phạm một lần lỗi, đã biết rồi, sẽ không phạm lại. Sở dĩ gọi là sám hối, chính là bất nhị quá, không phạm lỗi nữa. Không giống chúng ta: thưa thầy, hôm nay con sai rồi, con sám hối; ngày mai lại sai, thưa thầy con lại sám hối; mãi mãi trong cảnh sám hối, vậy còn gọi là sám hối sao?

"Vô thiên lệnh", tức là mệnh lệnh trên giao cho phải làm đúng như vậy. Tôi thường phát hiện các học trò làm việc cùng tôi, ví dụ tôi nói: Lục Kiện Linh à, xuống lầu cầm giúp cuốn sách của tôi lên; Lục Kiện Linh xuống tới lầu thì nói: Tào Lệ Thiết à, thầy bảo cậu cầm cuốn sách ấy lên. Đây đã là chữ **"hỗn"** (混) thêm quả trứng bên dưới, tức hỗn đản; gọi là thiên lệnh, là không đúng. "Vô khuyến thành", chớ ép người ta phải thành công, đòi hỏi người khác đi làm cho thành, mà không đòi hỏi mình; đó là **"quá độ ích dã"** (quá mức thêm hoạ), đều là quá mức cả. Người học tôn giáo thường hay đòi hỏi người khác quá mức, vì với mình rất từ bi, với người lại khắc hạch; khắc hạch hóa ra khắc khổ. Nói chuyện quá ngọ bất thực đấy! Như ông thầy của chúng tôi, đến vỏ cơm cháy cũng khóa lại; tôi bảo thế là không đúng rồi; người ta đói đến xuất huyết dạ dày, làm sao đây? Vậy phải nới lỏng một chút, giả vờ không nhìn thấy là được! Chính là đạo lý này. Cho nên "thiên lệnh khuyến thành đãi sự", hai điểm này là lỗi ngàn vạn lần không được phạm: làm việc không được thiên lệnh, làm chủ quản không được khuyến thành. **"Đãi"** (殆) là nguy hiểm; nếu vừa thiên lệnh vừa khuyến thành, làm việc là nguy hiểm. Chúng ta chú ý những lời này: rốt cuộc là Khổng Tử đại diện Trang Tử nói, hay Trang Tử đại diện Khổng Tử nói? Cũng chẳng thể khảo chứng được nữa.

Cuộc đối thoại giữa Diệp công tử Cao với Khổng Tử chưa kết thúc; Khổng Tử tiếp tục bảo ông: "Mỹ thành tại cửu, ác thành bất cập cải, khả bất thận dữ!" "Mỹ thành tại cửu" chính là như lời tục ngữ ta hay nói: việc đẹp chớ nóng vội; muốn thành tựu việc tốt, chẳng phải thời gian ngắn làm nổi; việc xấu dễ thành tựu, nhưng một khi đã thành rồi thì không kịp sửa nữa. Nghĩa là xử thế làm người phải cân nhắc thận trọng.

"Thả phù thừa vật dĩ du tâm": Khổng Tử tiếp tục bảo Diệp công tử Cao nguyên tắc xử thế của một con người. "Thừa vật dĩ du tâm" tức là bậc có tu dưỡng có đạo, lấy tinh thần và nguyên tắc của đạo đại thừa mà xử lý công việc thế gian; sống trong thế giới vật chất này mà giữ một quan niệm siêu thoát; đó chính là câu danh ngôn đang thịnh hành nay: **"dĩ xuất thế chi tinh thần, tao nhập thế chi sự nghiệp"** (lấy tinh thần xuất thế, làm sự nghiệp nhập thế); ôm một tâm thế du hí nhân gian mà làm việc. Chữ du hí ở đây không phải là lêu lổng tiêu điều, mà là bản thân hết sức tỉnh táo, tâm cảnh hết sức giải thoát, chớ để vật chất làm lụy; đáng làm thì làm, tức là cái giải thoát mà Phật học gọi; như thế mới là "thừa vật dĩ du tâm".

"Thác bất đắc dĩ dĩ dưỡng trung": việc đời người có hai đại giới; Khổng Tử ở trên cũng nói: một là nhận mệnh, hai là nghĩa sở đương vi. Cái nhận mệnh này là nhận thiên mệnh: làm điều nên làm, biết rõ cái mạng này phải bỏ ra, vì quốc gia vì thiên hạ, thậm chí nhà tôn giáo nói vì cứu người cứu đời, như Giê-su bị đóng đinh trên thánh giá, Văn Thiên Tường bị chém đầu v.v…; các ngài đều thản nhiên; đó là "thác bất đắc dĩ", mạng ở nơi đó, nghĩa ở nơi đó, bất đắc dĩ mà làm. Nhưng phía dưới "dĩ dưỡng trung", chữ "trung" này chỉ đạo ở trong lòng, đạo tu của chính mình. Ông nói hai đại giới giữa trời đất: một là mệnh, hai là nghĩa; giá trị và nhiệm vụ của đời người đều làm tròn, chính là đạo trong lòng mình, tức là "dưỡng trung".

"Hà tác vi báo dã! Mạc nhược vi trí mệnh. Thử kỳ nan giả." Ba câu nối lại, nói giản dị: hành vi đời người, làm được tới mức nhận thức được nguyên lý tất nhiên và tự nhiên như thế của thiên mệnh, hết sức mình mà làm điều đương làm, chẳng phải vì quả báo tốt ở hiện tại hay đời sau; chỉ là **"cùng lý tận tính dĩ chí ư mệnh"** (cùng tột lý, tận hết tính, để đến được mệnh) mà thôi. Nhưng nói thì dễ, hiểu thật, sáng thật, làm thật, thì khó lắm!

Hai câu chuyện này, một là Khổng Tử đáp Nhan Hồi, hai là Khổng Tử đáp Diệp công tử Cao, đều mượn lời Khổng Tử để nói rõ vài đạo lý. Câu chuyện thứ ba lại đến; ông lại chuyển sang một phương hướng khác.

Thầy của thái tử

Nhan Hạp tương phó Vệ Linh công đại (thái) tử,

Nhan Hạp sắp làm thầy cho thế tử của Vệ Linh công,

nhi vấn ư Cừ Bá Ngọc viết:

bèn hỏi Cừ Bá Ngọc rằng:

Hữu nhân ư thử, kỳ đức thiên sát.

Ở đây có một người, đức của hắn trời cho thích giết chóc.

Dữ chi vi vô phương, tắc nguy ngô quốc;

Ở cùng hắn mà chẳng có phép tắc, thì nguy hại cho nước ta;

dữ chi vi hữu phương, tắc nguy ngô thân.

ở cùng hắn mà có phép tắc, thì nguy hại cho thân ta.

Kỳ tri thích túc dĩ tri nhân chi quá,

Sự thông hiểu của hắn vừa đủ để thấy lỗi người khác,

nhi bất tri kỳ sở dĩ quá.

mà chẳng thấy được lỗi của chính mình.

Nhược nhiên giả, ngô nại chi hà?

Nếu vậy, ta phải làm sao đây?

Thái tử của Vệ Linh công tên Khoái Hội; trong lịch sử là một nhân vật chẳng cao siêu gì, cũng là kẻ rất bạo ngược. Nay Nhan Hạp nhận được một mệnh lệnh, đi làm thầy của thái tử. Đây chẳng phải thầy của chúng ta bây giờ; thời cổ đế vương, trách nhiệm của thầy thái tử rất lớn! Cho đến cuối đời Thanh vẫn còn những chức quan như Thái tử thái bảo, Thái tử thiếu bảo. Đương nhiên chẳng phải cái **"thái bảo"** (côn đồ) thời nay đâu; cái thái bảo ấy to lắm; làm quan làm tới Thái tử thái bảo, Thái tử thiếu bảo là tới cực điểm; công danh địa vị, có khi còn lớn hơn tể tướng, vì là người phò tá vua mới.

Nhan Hạp nhận được mệnh lệnh ấy, lòng rất sợ hãi, bèn đi hỏi bậc hiền nhân nước Vệ là Cừ Bá Ngọc, cũng là người Khổng Tử phục nhất. Khổng Tử có vài người bạn tốt: một là Yến Anh nước Tề, cái tể tướng lùn nổi danh lịch sử; người kia là Cừ Bá Ngọc nước Vệ. Thời Vệ Linh công tại vị, nước Vệ rất loạn; nhờ có Cừ Bá Ngọc cùng mấy bậc hiền nhân phụ tá mà nước Vệ chẳng đến nỗi mất nước, trên trường quốc tế vẫn đứng vững. Nay Nhan Hạp đến cầu giáo, nói với ông: "Hữu nhân ư thử, kỳ đức thiên sát". Ông nói có một người, chính là thái tử nước Vệ; "kỳ đức thiên sát", người này thích giết chóc, quyền lực trong tay, động tới là nổi giận đòi giết người. Ai bảo hắn là thái tử cơ chứ! "Dữ chi vi vô phương, tắc nguy ngô quốc": nếu giúp hắn, dạy hắn, chỉ làm quốc sư treo tên, vạn sự chẳng quản, ông hay tôi hay cả nhà hay, họp họp, đọc báo, hút thuốc, tán gẫu, rồi tan sở là xong! Thế thì về sau, nước này sẽ mất trong tay hắn.

"Dữ chi vi hữu phương, tắc nguy ngô thân": nếu giáo dục đàng hoàng, sửa chữa hắn, thì chính thân mình tôi sẽ nguy hiểm, có thể bị chém đầu, mai sau hắn có thể oán tôi. Trong lịch sử, quốc sư dạy thái tử mà cuối cùng rơi vào

cảnh nguy hiểm rất nhiều; mấy vị đại thần, danh nhân cũng gặp hoàn cảnh như thế; thực ra xưa nay đều vậy. Chúng ta làm thuê cho người, làm cán bộ cho người, phần lớn đều gặp trạng thái này. Nếu góp ý tốt mà trái với suy nghĩ của hắn, hắn không vừa lòng bạn, ghét bạn; nếu chẳng góp ý tốt gì, chỉ lãnh lương thôi, thì lương tâm mình chẳng qua nổi; cho nên làm người làm việc khó lắm.

Ông nói vị thái tử này rất thông minh, thông minh tới mức "thích túc dĩ tri nhân chi quá", nhìn khuyết điểm, tật xấu của người rất rõ; "nhi bất tri kỳ sở dĩ quá", nhưng hắn vĩnh viễn không thấy được khuyết điểm tật xấu của chính mình. Vài câu này nhìn qua rất giản dị, nhưng lục lại nhị thập ngũ sử của chúng ta, cái loại lãnh tụ, cái loại vua, cái loại hoàng thái hậu, cái loại hoàng hậu như thế nhiều muốn chết; gần như là bệnh chung của loài người. Cũng có thể nói, là bệnh chung của đám tiểu lãnh đạo ngoài xã hội. "Nhược nhiên giả, ngô nại chi hà?" Các bạn xem, nay tôi gặp phải vấn đề thế này, đụng trúng một ông sếp như thế này, các bạn xem tôi phải làm sao?

Cừ Bá Ngọc viết: Thiện tai vấn hồ!
Cừ Bá Ngọc nói: Hỏi hay lắm!

Giới chi, thận chi, chính nhữ thân tai!
Cảnh giác đi, cẩn trọng đi, cho chính thân ngươi đứng thẳng!

Hình mạc nhược tựu, tâm mạc nhược hòa.
Về hình thức, chẳng gì bằng tiếp cận; về lòng dạ, chẳng gì bằng điều hòa.

Tuy nhiên, chi nhị giả hữu hoạn,
Dù vậy, hai cái ấy đều có hoạn nạn:

tựu bất dục nhập, hòa bất dục xuất.
tiếp cận mà chớ muốn nhập vào, điều hòa mà chớ muốn phô ra.

Hình tựu nhi nhập,
Hình mà tiếp cận rồi lại nhập vào,

thả vi điên vi diệt, vi băng vi quyết.
thì sẽ điên đảo, sẽ diệt vong, sẽ sụp đổ, sẽ ngã nhào.

Tâm hòa nhi xuất,
Tâm mà điều hòa rồi lại phô ra,

thả vi thanh vi danh, vi yêu vi nghiệt.
thì sẽ chuốc tiếng, chuốc danh, sẽ thành yêu, sẽ thành nghiệt.

"Cừ Bá Ngọc viết: Thiện tai vấn hồ! Giới chi, thận chi, chính nhữ thân tai!" Đương nhiên Cừ Bá Ngọc hiểu rõ vị thái tử này. Ông là đại thần, cũng là lão thần. Ông nói ngươi hỏi hay lắm, "thiện tai vấn hồ"! Ông nói nhiệm vụ của ngươi khó lắm, phải lúc nào cũng tự cảnh giác, nói chuyện phải hết sức cẩn trọng; "giới chi, thận chi", nghĩa là ngươi phải lúc nào cũng tự cảnh giác, xử sự lúc nào cũng thận trọng. Chữ "chi" trong "giới chi thận chi" là hư tự, chẳng dính dáng gì. Nhưng làm người làm việc, hai chữ "giới thận" cả đời chẳng làm nổi; bài này là *Nhân Gian Thế*, lời nói việc làm chỗ nào cũng phải giới chi thận chi, chính là hai chữ ấy. "Chính nhữ thân tai!" Thứ nhất, chính bản thân ngươi phải đứng cho thẳng, tức là như tiếng nói thường ngày của ta: tư tưởng phải trong sạch, đứng cho thẳng, làm cho thẳng, ngươi phải làm người quân tử ngay thẳng. Thế nào là ngay thẳng? Ai lại đi làm người lệch lạc đâu? Ai cũng tự

cho mình rất ngay thẳng, mà cũng chẳng ai nhận mình là lệch cả; nhất là ở trong môi trường chính trị như thế này, muốn làm người quân tử ngay thẳng, muốn làm cho việc nên, là chuyện hết sức khó.

Cảnh giới của Phùng Đạo

Trong lịch sử Trung Hoa có một người, đã nắm được bí quyết của đoạn Trang Tử này, nhưng trong lịch sử mãi mãi mang một tiếng xấu muôn đời, đó là Phùng Đạo thời Ngũ Đại. Tôi rất bất bình thay ông; nếu có bạn họ Phùng ở đây thì nên giúp ông nói lại cho phải. Phùng Đạo một đời trải qua bảy tám mươi năm biến động chính trị thời Ngũ Đại, sống tới bảy mấy tuổi. Ông là cái gọi là ngũ triều nguyên lão của thời Ngũ Đại, trải qua năm lần mất nước, mỗi lần ông đều ở địa vị cao nhất; chẳng những địa vị càng ngày càng cao, cuối cùng còn được phong vương.

Từ loạn biến cuối nhà Đường, trong bảy tám mươi năm ấy, theo ghi chép lịch sử Ngũ Đại, người này lên làm vua, người kia lên làm vua; kẻ lên mười mấy năm hay vài năm lại xuống, đổi một người chẳng bao lâu lại xuống nữa; kẻ bị chém đầu, người bị chém chân; chỉ có Phùng Đạo là bất kể ai lên làm vua cũng nhất định phải mời ông ra. Cho nên Âu Dương Tu đời Tống biên soạn lịch sử đời Đường, mắng ông tan tành, bảo ông là thứ mặt dày mày dạn bậc nhất trong giới đọc sách Trung Hoa, vô sỉ cùng cực. Vì giới đọc sách Trung Hoa trọng khí tiết nhất, mà khí tiết cao nhất của kẻ đọc sách là dâng cả cái đầu mình; cái đầu ấy cuối cùng phải chuẩn bị bị cắt ra mới gọi là khí tiết cao; nếu cái đầu còn gắn trên cổ thì không được! Đó là chỗ rất đặc biệt của văn hóa Trung Hoa, chuyên dạy người ta chịu chém đầu. Đúng hay sai, là vấn đề triết học lớn của đời người.

Phùng Đạo vì sống rất lâu mới chết, nên xưng là Trường Lạc lão nhân. Hồi nhỏ chúng tôi đọc lịch sử, chịu ảnh hưởng các bậc tiền bối, bảo Phùng Đạo mất sạch khí tiết của giới đọc sách. Sau này trải đời nhiều, ngẫm lại giữa chừng, muốn tìm lại một Phùng Đạo rất khó. Đọc lại lịch sử, phát hiện Phùng Đạo thật không phải tầm thường; về sau lại thấy Tô Đông Pha và Vương An Thạch, hai người đều dâng hương đảnh lễ Phùng Đạo. Vương An Thạch nói: Phùng Đạo thời Ngũ Đại là người trong hàng phật vị, bảo ông là Phật sống; Tô Đông Pha nói Phùng Đạo là Bồ Tát tái lai nhân (Bồ Tát tái sinh làm người)!

Cả ba người này đều là người đời Tống; Âu Dương Tu mắng ông thậm tệ, Vương An Thạch với Tô Đông Pha lại tán dương ông thấm thía. Nghiên cứu thêm, tôi bèn bỏ phiếu cho Vương An Thạch và Tô Đông Pha; chẳng những bỏ phiếu cho hai ông ấy, tôi còn làm rõ oan khuất cho Phùng Đạo. Cho nên lúc giảng *Luận Ngữ*, tôi làm lại hồ sơ cho ông, vụ án lịch sử này được minh oan triệt để. Tôi đồng thời phát hiện, oan khuất của nhiều người bị đem theo vào quan tài; chỉ có Phùng Đạo là tôi rốt cuộc cũng bào chữa minh oan được. Một đời tôi làm luật sư bào chữa ba lần: một lần cho Phùng Đạo, một lần cho Khổng Tử, tức là giảng *Luận Ngữ biệt tài*, minh oan cho hai ông ấy. Lại một lần nữa minh oan cho Quan Công, viết một bài văn trong truyện ký Quan Công.

Lại nói Phùng Đạo này thật là không thể tin nổi; người ta đòi ông tận trung, giới đọc sách cao nhất là tận trung báo quốc; nhưng mấy chục năm Ngũ Đại, phần lớn là dân tộc man di, ngoại tộc lên làm ông chủ hoàng đế, ông tận trung với ai đây? Nhưng trong tám mươi năm Ngũ Đại, văn hóa Trung Hoa giữ được, lại là công lao của ông. Mỗi lần chính quyền thay đổi, mỗi lần thiên hạ đại loạn, đều nhất định phải mời ông ra. Đương nhiên ông có điều kiện riêng của mình. Trong những biến động chính trị lúc ấy, đâu chỉ lãnh tụ bị giết, đại thần quanh vua đều phải giết sạch; nhưng lưỡi dao quyết chẳng bao giờ chạm đến bên người ông, giết không tới ông, cũng chẳng nỡ giết ông; có thể thấy phẩm tính người này phi thường.

Loạn thế công kích khuyết điểm của người, chỉ có hai chuyện: một là chuyện trai gái, hai là chuyện tiền tài. Thế giới phê bình người, chẳng bảo người ta háo sắc thì bảo người ta háo của; bất kể trên đến hoàng đế, dưới đến kẻ bán

hành bán tỏi, mắng họ đều là hai chuyện này; mà hai chuyện này cũng khó có đối chứng lắm. Ngươi bảo người ta tham ô, ngươi có nhìn thấy không? Nhìn thấy thì không gọi là tham ô. Nhưng Phùng Đạo thì sao! Chẳng có gì hết; băng thanh ngọc khiết (trong như băng, sạch như ngọc), không một khuyết điểm nào rơi vào tay người khác; bản thân ông rất ngay thẳng, làm việc công bằng, không có tật xấu, thật là người học Phật.

Có lần con trai ông mua một con cá sống về; vị tể tướng dưới một người, trên vạn người ấy, gọi con trai lại bảo: con cá này đừng giết, đem phóng sinh đi. Sáng tác một đời ông ít lưu truyền, chỉ còn vài bài thơ, trong đó có hai câu: **"đản giáo phương thốn vô chư ác, lang hổ tùng trung dã lập thân"** (chỉ cần lòng thốn chẳng có điều ác nào, giữa bầy lang hổ vẫn dựng thân được). Đứng giữa chó sói hổ báo muông dữ cũng chẳng sợ; ông chẳng coi các vua Ngũ Đại này là người, tự cho mình là đứng giữa bầy lang hổ; đây thật là tinh thần dám xuống địa ngục. Cho nên các bạn nghiên cứu Phùng Đạo: ông giữa thời loạn chẳng những chẳng loạn, ngược lại rất ngay thẳng; một người làm được như thế, khó lắm khó lắm.

Phùng Đạo còn một chuyện nữa. Giữa cơn loạn thế ấy, thanh niên có chí cứu nước, tính nóng nảy cũng nhiều. Khi ông làm tể tướng, có một thanh niên tài tuấn, vừa thi đỗ công danh dưới tay ông; thi đỗ rồi đến bái kiến; ông là tể tướng, đương nhiên mũ áo chỉnh tề tiếp khách. Phùng Đạo ngồi đó, chân vắt lên thoải mái; hành lễ xong, đại khái hỏi vài câu, rồi chẳng còn gì để nói. Vị học trò này hết chuyện nói bèn kiếm chuyện; lúc quỳ xuống hành lễ, thấy đôi giày trên chân ông tướng giống hệt đôi vừa mua; cậu hỏi: "Tướng gia ơi! Đôi giày này của ngài giá bao nhiêu vậy?" Tay chỉ vào chân Phùng Đạo; Phùng Đạo đáp: "Năm trăm." "Ơ kìa! Tệ thật, con của cháu mua một nghìn đấy! Đáng ghét thật! Bọn thương nhân bây giờ thật là chẳng có tín gì cả." Phùng Đạo đổi chân, nhấc con kia lên nói: "Con này cũng năm trăm." Các bạn xem cái hay của việc giáo dục: rèn một thanh niên hậu tiến, ngươi tưởng mình có bản lĩnh, cái thời loạn này phải gánh vác thiên hạ, vậy mà nóng nảy chẳng có định lực, chẳng có kiên nhẫn, ngươi xử sự bằng gì? Chỉ qua đôi giày, ông nhẹ nhàng giáo dục vị thanh niên ấy: chuyện thiên hạ đừng vội thế, hỏi cho rõ ràng, làm việc cũng rõ ràng; bằng không năm trăm không đủ, hóa ra **"nhị bách ngũ"** (kẻ ngu dốt) là toi. Cho nên trong lịch sử muốn tìm một nhân vật, chỉ có một Phùng Đạo, thật là nắm được bí quyết của Trang Tử.

Giáo dục bậc lãnh tụ thế nào

"Hình mạc nhược tựu, tâm mạc nhược hòa": Cừ Bá Ngọc tiếp tục nói với Nhan Hạp; làm đại sự, ở trong cục diện loạn lạc, "hình mạc nhược tựu": phương diện bề ngoài phải tỏ ra hòa nhã, ở với hắn cũng thân mật, nhường nhịn hắn; "tâm mạc nhược hòa": nhưng nội tâm bạn khác, phải ngoài tròn trong vuông, tự mình phải hết sức bình hòa, không thể tùy tiện, càng phải điều hòa; không thể hắn làm việc ác, bạn cũng tán thành, thế là sai. Muốn thay đổi một con người rất khó, nhưng trong lòng không được tùy tiện, phải dùng phương pháp bình hòa khéo léo mà dẫn dắt; cho nên phải trong vuông ngoài tròn.

"Tuy nhiên, chi nhị giả hữu hoạn": hai câu ở trên, bất cứ ai cũng khó làm nổi; mà làm nổi rồi cũng có tật. "Tựu bất dục nhập": ví dụ bề ngoài cùng hắn đồng lưu hợp ô; ngươi muốn thế nào tôi theo thế ấy. Ngươi bảo đánh mạt chược, tôi đánh với ngươi hai ván, ba ván là thôi; ngươi bảo uống rượu, một chén được, hai chén là tôi không nổi đâu! Cái "tựu bất dục nhập" này, không được đi sâu, vừa phải là dừng. "Hòa bất dục xuất": nội tâm chính mình phải quang minh lỗi lạc, phải ngay thẳng, vẫn giữ hòa bình cát tường với hắn, nhưng bề ngoài quyết không bộc lộ ra! Đạo ngay của bạn cũng không được phơi bày ra ngoài.

"Hình tựu nhi nhập": ông nói ở trong hoàn cảnh như thế, gặp phải nhân vật như thế, bề ngoài bạn thường ở cùng hắn, chính là tứ nhiếp pháp của đạo Bồ Tát: bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự. Tứ nhiếp pháp là phải từ bi với người; tục

ngữ nói **"phùng nhân thả thuyết tam phân thoại, vị khả toàn phao nhất phiến tâm"** (gặp người chỉ nói ba phần lời, chớ vứt ra cả một tấm lòng), với người luôn luôn hòa nhã chào hỏi, đó là ái ngữ; nghĩa của lợi hành là hành vi đều giúp đỡ người khác; đồng sự: người này thích đánh bài, theo Quan Âm Bồ Tát Phổ Môn phẩm mà nói, **"ưng dĩ hà thân đắc độ giả, tức hiện hà thân nhi vi thuyết pháp"** (nên dùng thân nào mà độ thì liền hiện thân ấy mà thuyết pháp); nay nên lấy thân đánh bài mà độ, liền hiện thân đánh bài mà thuyết pháp; nên lấy thân nhảy múa mà độ, liền hiện thân nhảy múa mà thuyết pháp; đó là đạo lý của "đồng sự". Cho nên "hình tựu nhi nhập" chính là đồng sự. Nhưng tuy hình thức là đồng sự, bạn chớ thật sự đồng vào luôn. Bản chất bạn là đi đánh bài cùng hắn, "thả vi điên vi diệt, vi băng vi quyết", kết quả bạn nhiễm phải tật đánh bài, tật còn lớn hơn tật của hắn. Thế thì hắn toi, bạn cũng toi luôn, hóa ra điên đảo diệt vong sụp đổ, cuối cùng "quyết", là ngã chết luôn.

"Tâm hòa nhi xuất" thì sao? Bề ngoài giống người ta, bên trong tự có chuẩn mực đạo đức, rồi biểu hiện cái bất đắc dĩ ấy. Hắn thích đánh cầu, tôi thực chẳng thích đánh cầu, cũng đành chơi cùng hắn vài đường; hắn thích đánh bài, tôi thích đánh tọa, cái đánh của tôi khác cái đánh của hắn; nhưng bây giờ chẳng có cách nào, đành ngồi bàn bài với hắn, hắn đánh bài tôi đánh tọa. Nếu tỏ bày mình với người, tuyên truyền mình một cách nặng nề, "vi thanh vi danh", như thể tỏ ra mình có học vấn có tu dưỡng, thì bạn toi, kết quả hóa thành "vi yêu vi nghiệt", hóa thành ngoại đạo, yêu quái. Bản chất bạn là chính đạo, vì chút danh lợi tâm thúc đẩy, hậu quả bạn gặp, biết đâu cái đầu bạn cũng phải rơi xuống đất.

Bỉ thả vi anh nhi,
Hắn mà làm đứa trẻ thơ,

diệc dữ chi vi anh nhi;
thì cũng cùng hắn làm đứa trẻ thơ;

bỉ thả vi vô đĩnh huề,
hắn mà chẳng có bờ ranh,

diệc dữ chi vi vô đĩnh huề;
thì cũng cùng hắn chẳng có bờ ranh;

bỉ thả vi vô nhai,
hắn mà chẳng có vách núi,

diệc dữ chi vi vô nhai.
thì cũng cùng hắn chẳng có vách núi.

Đạt chi, nhập ư vô tì.
Thông đạt đến đó, nhập vào chỗ chẳng có vết tì.

Mấy câu này tổng cộng là bốn điểm. Cừ Bá Ngọc nói: dạy ngươi làm thiếu bảo tốt mà phò tá thái tử thì thế nào? Đó là thật sự làm thiếu bảo, mai sau có thể làm Thái tử thái bảo. Ông nói: cái loại thái tử "nghề nghiệp" sinh ra đã sẵn, bát tự đẹp ắt lên làm vua; nhưng ngươi phải giáo dục hắn thành một vị vua tốt, một vị vua tốt có cống hiến cho quốc gia. Nay hắn là một đứa trẻ thơ, tức là đại biểu sự non nớt; hắn non nớt, ngươi phải theo hắn mà non nớt; "bỉ thả vi anh nhi, diệc dữ chi vi anh nhi"; ngươi dẫn dắt hắn thế nào? Nếu hắn là lớp một mẫu giáo, ngươi chỉ là lớp hai mẫu giáo, hơn hắn một chút vừa đủ; mà ngang hắn thì chẳng dẫn dắt nổi. Hắn khì khì…, ngươi thì ha ha…, nhưng ngươi cười hơn

hắn một chút là đủ. Nếu hắn khì khì, ngươi bảo đó là kiểu cười của trẻ con, cười phải cười ha ha lớn tiếng, thì toi, không được; nên hắn non nớt, ngươi cũng phải non nớt.

"Bỉ thả vi vô đĩnh huề": chữ **"đĩnh huề"** (町畦) tức là bờ ruộng ranh giới, tức là phương hướng; vô đĩnh huề là chẳng có phương hướng chẳng có đường ngay, như thửa ruộng không có bờ mé, là một thằng ngu ngơ. "Diệc dữ chi vi vô đĩnh huề": vậy ngươi cũng phải giống thằng ngu, nhưng ngu hơn nó một chút xíu, thi thoảng tỉnh táo một cái, như vậy mới dẫn dắt nổi. "Bỉ thả vi vô nhai": **"nhai"** (崖) là vách núi, có một chuẩn mực cao cao. Cái loại thái tử này chẳng có chuẩn mực gì, hoặc chuẩn mực không cao; ví dụ nhà Minh có mấy ông vua đều thế. Con cháu Chu Nguyên Chương nhà Minh, mấy ông vua đều lộn xộn, còn tệ hơn thái tử Vệ Linh công, mà vẫn cứ làm vua! Các bạn xem phim xem tiểu thuyết, vị Minh Vũ Tông Chính Đức đi đến Hồng Đồng huyện xứ Sơn Tây, chính là cái loại này. Thái tử Vệ Linh công như chẳng có chuẩn mực, ngươi cũng phải theo như chẳng có chuẩn mực. Ba điểm này làm nổi mới được, nhưng ngươi không được hồ đồ. "Đạt chi, nhập ư vô tì": ngươi làm người làm việc phải thông đạt viên thông, đừng cứng nhắc; nhưng à, người quá viên thông sẽ sinh bệnh, quá tròn hóa thành láu cá; cho nên cũng không được láu cá, phải làm tới mức chẳng có một vết tì.

Ở đây có rất nhiều người từng làm lãnh tụ, từng làm quan trên, từng làm tổng tư lệnh; bộ pháp bảo này nắm trong tay, đi đến đâu cũng thắng lợi. Phải làm nổi như thế, nhưng không phải là láu cá! Như vậy mới có thể trong thời đại loạn lạc, đoàn thể loạn lạc, cục diện loạn lạc, xã hội loạn lạc, đem kẻ lãnh đạo xấu dẫn về đường ngay, xoay chuyển cục diện, dẹp loạn trở về chính đạo. Đây là mật tông được truyền; mật tông làm người, bí quyết xử thế; mật thật đấy! Đây cũng là đại học vấn. Thật lòng mà nói, ngồi thiền thành Phật chẳng khó; ở giữa thời loạn sửa được kẻ xấu, nhất là sửa được chủ một nước dẫn về đường ngay, thật còn khó hơn thành Phật.

Cho nên trong kinh Phật, Phật tán dương mãi chuyển luân thánh vương trị thế. Ngươi chớ tưởng kinh Phật chỉ nói xuất thế pháp; Phật pháp đại thừa là chủ trương nhập thế đấy! Cho nên mới tán dương chuyển luân thánh vương mãi, công đức ngang hàng với Phật. Cái khác nhau, một là ngộ đạo, hai là chưa ngộ đạo. Chuyển luân thánh vương là nhập thế hành đạo; thành Phật là xuất thế ngộ đạo thành đạo; chẳng nhất định cách nào mới gọi là hành đạo. Thực ra nhập thế đạo còn gian nan hơn; vì lẽ đó, Phật trong *Hoa Nghiêm kinh* nói, chỉ bồ tát từ thập địa trở lên mới làm nổi chuyển luân thánh vương; đó chính là bí mật, cũng tỏ rõ cái khó của nhập thế.

Con bọ ngựa chẳng tự lượng sức

Nhữ bất tri phù đường lang hồ?
Ngươi có biết con bọ ngựa chăng?

Nộ kỳ tí dĩ đương xa triệt,
Giận dữ giơ hai cánh lên chặn vệt bánh xe,

bất tri kỳ bất thắng nhậm dã,
chẳng biết mình chẳng đủ sức đảm nhận,

thị kỳ tài chi mỹ giả dã.
là vì nó cho cái tài của mình là đẹp.

Giới chi, thận chi!
Cảnh giác đi, cẩn trọng đi!

Tích phạt nhi mỹ giả dĩ phạm chi, cơ hĩ.

Hắn vốn ngạo mạn chồng chất; cứ khen cái hay của hắn mà lựa lời đụng tới chỗ dở, thì gần được rồi.

Văn học Trung Hoa có một điển cố gọi là **"đường tí đương xa"** (cánh bọ ngựa chặn xe), chính là từ chỗ Trang Tử tả mà ra. Ông nói ngươi có biết con bọ ngựa không? Nhan Hạp đương nhiên biết; nhưng sợ là nhiều bạn trẻ ở đây không biết, lớn lên trong phố thị, đại khái chưa thấy bọ ngựa bao giờ, phải đến vườn thú nhỏ, hội côn trùng mà xem. Hồi nhỏ chúng tôi chẳng giống trẻ con bây giờ đáng thương vậy; bọ ngựa, cua nhỏ đều là món đồ chơi tốt nhất của chúng tôi, nhưng đều là bóp chết chúng nó mới thôi. Cừ Bá Ngọc nói: con bọ ngựa trên đường, nghe tiếng xe lộc cộc, con bọ ngựa nổi giận, "nộ kỳ tí dĩ đương xa triệt", hai cánh giơ lên, muốn chặn cái xe lại. Chữ **"nộ"** (怒) vừa là nổi giận, cũng là gắng sức; nó dùng hết sức, muốn chặn cái xe. "Bất tri kỳ bất thắng nhậm dã": cái này gọi là chẳng tự lượng sức, mình chẳng ước lượng mình, chỉ là một con bọ ngựa bé nhỏ thôi. "Thị kỳ tài chi mỹ giả dã": tuy vậy tự chẳng lượng sức, nhưng nó có dũng khí, cho nên người ta phải học theo bọ ngựa. Thực ra bọ ngựa chưa chắc có dũng khí ấy, có khi chỉ là phản ứng bản năng của sinh vật.

Lịch sử chúng ta có một chuyện: Việt Vương Câu Tiễn sau khi thua Ngô Vương, trở về nước Việt muốn phục quốc. **"Thập niên sinh tụ, thập niên giáo huấn"** (mười năm gom góp sức dân, mười năm rèn luyện giáo huấn), trải qua hai mươi năm đau khổ; có lần Việt Vương ra ngoài, thấy trên đường một con cóc ghẻ; khi xe Việt Vương chạy tới, con cóc ghẻ nổi giận, cái bụng phồng to phồng to, oai phong lắm. Việt Vương Câu Tiễn thấy vậy, lập tức dừng xe xuống, chắp tay chào con cóc ấy một cái; tả hữu đều hỏi Việt Vương, cái này nghĩa là gì? Việt Vương nói: chúng ta muốn phục quốc, phải học cái khí phách anh hùng của con cóc này. Chính là đạo lý này. Ngươi chớ thấy con bọ ngựa này động tác ngu ngốc, "thị kỳ tài chi mỹ giả dã", cái dũng khí ấy vẫn là thứ khó có.

Sao câu chuyện này lại chèn ở đây? Đoạn trên Cừ Bá Ngọc bảo Nhan Hạp xử thế làm người, cách nào phụ tá một ông chủ, đại nguyên tắc nói xong rồi; dưới đây nói: nếu ngươi không theo cách này mà làm, nhất định muốn sửa hắn lại, thì như bọ ngựa dùng cánh chặn xe, cuối cùng bản thân mình toi. Nhưng toi thì đã toi, lịch sử còn lưu danh.

Xưa kia đời Tống có một bà hoàng thái hậu, mời thầy dạy thái tử; một hôm thầy phạt thái tử hơi nghiêm khắc, thái tử nhất định không chịu đi học. Bọn thầy lý học đời Tống có uy quyền của họ, lập tức sai thái giám tâu hoàng thái hậu, nên mời thái tử ra lớp! Ông muốn gặp thái hậu. Thái hậu gửi lời ra rằng: con nhà chúng ta, thái tử cơ mà, dù học hành giỏi hay dở, sau này cũng phải làm vua; đợi nó làm vua rồi, chẳng phải muốn chém đầu ông là chém sao! Người làm thầy bảo thái giám đi tâu hoàng thái hậu, ngươi nói đó là ý của ta: có học vấn thì làm vua như Nghiêu Thuấn thánh hiền, không có học vấn thì làm vua mất nước như Kiệt Trụ. Thái hậu nghe, đúng đấy! Lập tức đẩy thái tử ra học, phải nghe lời thầy. Từ Hy thái hậu cũng từng làm chuyện như thế. Cho nên "đường tí đương xa" là có thật. Nhưng cách làm như thế, chỉ làm nổi một tôi trung, một liệt sĩ.

"Giới chi, thận chi! Tích phạt nhi mỹ giả dĩ phạm chi, cơ hĩ." Cừ Bá Ngọc nói, cho nên ngươi đi phải cẩn trọng thận trọng, chỉ có thể từ từ giáo dục hắn, sửa chữa hắn. Thế nào gọi là **"tích phạt"** (积伐)? Chính là **"tự phạt"** (自伐 - tự khen mình): tự cho mình không phải vừa, kiêu ngạo vì có công, gọi là tự phạt. Cái loại này lòng tự tôn rất mạnh, sự ngạo mạn tích tụ dần dần chính là tích phạt. "Nhi mỹ giả dĩ phạm chi, cơ hĩ": ngươi từ từ khen thưởng, khích lệ nhiều nhiều: ối giời, cái này hay đấy, câu này nói đúng rồi, hắn nghe đều vừa tai; thi thoảng bảo hắn, điểm này chưa được lắm, sửa lại một chút nữa, thế là ngươi thành công. **"Cơ hĩ"** (gần được rồi), điểm này ngươi làm tốt thêm một chút là đúng. Cho nên xử thế làm người khó cỡ nào! Làm một vị đại thần còn khó hơn!

Tính hổ, tính ngựa, tính người

Nhữ bất tri phù dưỡng hổ giả hồ?

Ngươi có biết kẻ nuôi hổ chăng?

Bất cảm dĩ sinh vật dữ chi,

Chẳng dám đem vật sống cho nó,

vi kỳ sát chi chi nộ dã;

vì sợ đánh thức cơn giận giết chóc của nó;

bất cảm dĩ toàn vật dữ chi,

chẳng dám đem nguyên con cho nó,

vi kỳ quyết chi chi nộ dã;

vì sợ đánh thức cơn giận xâu xé của nó;

thời kỳ cơ bão, đạt kỳ nộ tâm.

châm chước lúc đói lúc no, thấu hiểu cái tâm giận dữ của nó.

Hổ chi dữ nhân dị loại

Hổ với người khác loài

nhi mị dưỡng kỷ giả, thuận dã;

mà vẫn nũng nịu kẻ nuôi mình, vì thuận theo nó;

cố kỳ sát giả, nghịch dã.

nên nó giết người, là vì bị làm trái.

Tiếp sau hai đoạn lý luận một chính một phản ở trên, Cừ Bá Ngọc lại bảo Nhan Hạp chuyện rèn luyện tâm lý. Ông nói: ngươi có thấy kẻ nuôi hổ chưa? Khi cho hổ ăn thịt bò, thà nấu chín cho nó ăn, không dám cho nó ăn thịt sống. Nếu ném một con gà vào, nó nhất định phải giết chết sinh vật sống ấy mới ăn, "vi kỳ sát chi chi nộ dã", như vậy sẽ nuôi cho nó thói quen giết sinh, thi thoảng còn nuôi cả thói quen đấu đá. Cũng "bất cảm dĩ toàn vật dữ chi", thà chặt nhỏ trước, cho vào miệng là ăn ngay. "Vi kỳ quyết chi chi nộ dã": nếu cho nó nguyên con, nó còn phải răng cắn vuốt bấm, thi thoảng cắn không rách, nổi giận, sẽ sinh chuyện. Tính tình xấu của con người cũng như con hổ này. "Thời kỳ cơ bão, đạt kỳ nộ tâm": nuôi các loài vật này rất phiền, phải biết nó lúc nào đói, lúc nào no, càng phải hiểu nó thế nào thì nổi giận, thế nào thì không nổi giận; nuôi hổ phải chú ý những vấn đề này.

"Hổ chi dữ nhân dị loại nhi mị dưỡng kỷ giả, thuận dã; cố kỳ sát giả, nghịch dã": hổ là loài vật, loài vật tính tình đều xấu, tâm sân cũng lớn; đó chính là nguyên nhân hóa thành loài vật. Hổ với người chẳng cùng loài, nhưng nó với kẻ nuôi nó khá tốt, khá ngoan, vì người cho nó ăn cơ mà! Hơn nữa kẻ nuôi hổ thuận theo tính tình hứng thú của hổ mà nuôi; thi thoảng hổ nổi giận cũng ăn thịt luôn kẻ nuôi nó; chọc trúng tật của nó thì nuôi thế nào cũng ăn, đó là cái gọi là cầm thú. Đoạn này nếu người nghiên cứu tâm lý học triển khai thì nhiều chuyện lắm. Thực ra Trang Tử nói rất khách khí: hổ với người khác loài, chẳng hề nói người hơn hổ; trong người có thú tính, trong thú cũng có nhân tính.

Lần trước ở trung tâm trưng bày tôn giáo ấy, có một học trò hỏi: vì sao tượng Phật Mật tông phần nhiều chẳng giống người, mà giống loài vật? Tượng Phật Hiển giáo của chúng ta tạc tam thập nhị tướng, bát thập chủng trang nghiêm, thấy dáng vẻ nào đẹp thì tạc theo dáng ấy. Tượng Phật Mật tông, thi thoảng thân người, đầu thú, hoặc mặt, lại có cả vuốt. Cậu hỏi đây là đạo lý gì? Tôi bảo cái này giản dị lắm mà! Nói cho ngươi: trong nhân tính vốn có thú tính,

trong thú tính vốn có nhân tính; rốt cuộc nhân tính lành hơn hay thú tính lành hơn, chẳng ai biết được. Cái thoại đầu này ngươi đem ra tham xem thử!

Ngươi chớ tưởng dáng người thế này mới gọi là đẹp; chúng sinh các thế giới khác nhìn dáng người ta thế này, cho là rất xấu. Người khác bốn chân, chúng ta chỉ có hai chân; loài vật khác, tròn, phía sau còn có hai con mắt; loài vật chúng ta, dẹt, chỉ có hai mắt phía trước, phía sau chẳng thấy gì. Cho nên loài vật con người ngu muốn chết, chỉ nhìn phía trước, không thể nhìn toàn diện. Vì vậy nói tượng Phật Mật tông ấy là một đại thoại đầu, trong đó có đạo lý. Học trò ấy nghe xong, như thể có vẻ bỗng nhiên đại ngộ; có thật sự đại ngộ hay không, tôi cũng chẳng rõ.

Phù ái mã giả, dĩ khuông thịnh thỉ,
Kẻ yêu ngựa, lấy sọt đựng phân,

dĩ thẩn thịnh niệu.
lấy vỏ sò đựng nước tiểu.

Thích hữu văn manh bộc duyên,
Đúng lúc có muỗi ruồi bay bám vào,

nhi phủ chi bất thời,
mà vỗ đuổi chẳng đúng lúc,

tắc khuyết hàm hủy thủ toái hung.
thì nó cắn đứt hàm thiếc, hủy đầu, toái ngực.

Ý hữu sở chí nhi ái hữu sở vong,
Ý muốn tới chỗ ấy mà tình yêu lại có chỗ mất đi,

khả bất thận da!
há có thể chẳng cẩn trọng sao!

"Phù ái mã giả, dĩ khuông thịnh thỉ, dĩ thẩn thịnh niệu": thời cổ, những kẻ thích nuôi ngựa, thấy đuôi ngựa vểnh lên là biết nó sắp ỉa, lập tức đặt cái sọt sau mông ngựa để hứng. Phân ngựa cũng có công dụng, còn là thuốc nữa, lại làm chất đốt được. Ngựa sắp đái, dùng cái vỏ sò (thẩn) ở bờ biển để hứng nước tiểu. Nước tiểu ngựa cũng là thuốc, cũng có công dụng. Ôi trời! Ngươi xem người vì con ngựa: vừa tắm gội cho nó, vừa tỉa lông, vừa cho nó uống rượu, vừa cho nó ăn đậu; cái tình yêu với nó thật không thể tả, còn hơn yêu cả người tình của mình.

"Thích hữu văn manh bộc duyên, nhi phủ chi bất thời": người ta yêu con ngựa thế, chăm nom thế, ngựa cũng hiền với người, gặp ngươi nó đưa mặt cọ vào người ngươi vài cái. Người ta nói: các bạn xem con ngựa này đáng yêu cỡ nào! Nó yêu mình quá chừng! Con người vốn là thích bị người ta lừa đấy! Ngựa thân thiết với hắn vài cái như thế, hắn liền bảo đáng yêu làm sao, tốt làm sao! Đùng một cái có con ruồi trâu bay đến cắn ngựa, người này thấy vậy, "nhi phủ chi bất thời", vì thương con ngựa, cầm cái phất ruồi, bốp… đánh vào mình ngựa. Ngựa bị đánh một cái, phịch, quay đầu vung vó, một cú đá giết luôn hắn. Nịnh ngựa mà đá trúng đùi, vì hắn đánh sai chỗ rồi. "Tắc khuyết hàm hủy thủ toái hung": sau đó ngựa cắn đứt cả hàm thiếc, hai chân sau vung lên, đá vào ngực hắn, hắn bị thương, uống Bạch Dược Vân Nam cũng chẳng khỏi.

"Ý hữu sở chí nhi ái hữu sở vong, khả bất thận da": hai câu này phải chú ý, là đạo lý làm người. Bất cứ ai cũng có ý chí tự do riêng; hổ, ngựa, các loài sinh vật cũng vậy; cái tập khí của nó nổi lên, tức là cái rễ tập khí đệ bát A-lại-da thức

phát khởi, cái gì cũng chuyển không nổi. "Ý hữu sở chí", tâm ý dồn hết vào một điểm; con người lúc mê muội, ngươi khuyên người ấy **"hồi đầu thị ngạn"** (quay đầu là bờ), người ấy hỏi: bờ ở đâu? Khổ hải mang mang, quay đầu rồi bờ đi bằng nào? Cái bát-nhã gì đó! Chân như gì đó! Đều vô dụng. Cho nên "ý hữu sở chí, ái hữu sở vong": biết rõ ngươi yêu người ấy, thi thoảng vì nhu cầu của chính người ấy, cái sức mạnh ấy trỗi lên, quên luôn việc ngươi có yêu người ấy hay không.

Cho nên giữa vợ chồng, giữa cha con, giữa anh em bạn bè, giữa người với người, thật khó ở chung lắm. Người với ngựa với hổ, chẳng có gì khác nhau, luôn là "ý hữu sở chí, nhi ái hữu sở vong". Chúng ta lại xem, đại gian thần trong lịch sử, ví như Tào Tháo, Tần Cối, Hòa Thân nhà Thanh, tể tướng Minh Châu v.v…; những nhân vật nổi tiếng nhất này, vì sao thành đại gian thần? Có kẻ ở trước mặt vua nắm quyền mấy chục năm đấy! Vị hoàng đế ấy cứng đầu chẳng rời nổi hắn, vì hắn hiểu cái khéo léo này: "ý hữu sở chí, ái hữu sở vong". Trong lịch sử gian thần giết trung thần, thật ra có phải gian thần muốn giết không? Đều là ông chủ muốn giết. Kẻ muốn giết Nhạc Phi, chưa chắc là Tần Cối đâu! Là Tống Cao Tông chịu không nổi, chỉ là vua chẳng tiện nói thẳng, mà gian thần đã hiểu rồi; là ý của vua đã tới chỗ ấy, muốn làm thế, vậy ta Tần Cối làm giúp cho. Cho nên vua ngày càng thoải mái! Hê! Hắn thật là hiểu chuyện.

Gian thần khó làm lắm đấy! Đương nhiên chúng ta chẳng học gian thần đâu! Gian thần hiểu tâm lý người khác quá; cho nên đại gian thần cũng được, đại trung thần cũng được, lịch sử có một danh ngôn: phải **"sủy ma thượng ý"** (dò xét ý người trên); ý của bậc lãnh đạo trên, phải nghiên cứu dò xét cho kỹ; sủy ma chính là nghiên cứu. Chưa nói người trên, thi thoảng học trò chẳng hiểu ý tôi, tôi liền mắng, cái tính hổ tôi cũng phát luôn; nói với các bạn đi rồi đi nữa, tức là chưa chắc đã đồng ý. Thi thoảng tôi nói được được, vì tôi đang bận; cái "được được được" ấy là chẳng đồng ý lớn đấy! Anh ta nghe xong bảo: thầy nói được, thầy nhận rồi; vậy cái đầu ngựa của tôi chẳng phóng tới sao? Cái đùi ngựa ấy chẳng đá qua sao? Cho nên "sủy ma thượng ý" quan trọng cỡ nào!

Chưa nói sủy ma thượng ý; hai vợ chồng, hai người bạn thân, muốn thật hiểu ý nhau, đã chẳng dễ dàng nào! Đó là cái gọi là khó của tri kỷ; ngươi hiểu đạo lý này, có thể nhập thế làm người rồi, cũng có thể làm đại sự rồi. Có mấy bạn trẻ than phiền: tài năng của mình không phải vừa, chỉ là vận xui, mấy ông trưởng quan chẳng nhận ra tôi. Chẳng phải trưởng quan chẳng nhận ra bạn, xin lỗi, là bạn chẳng nhận ra trưởng quan, bạn chẳng hiểu trưởng quan "ý hữu sở chí, ái hữu sở vong" đấy! Hai chuyện này là trọng điểm, cũng là khó nhất.

Nhân Gian Thế chính là mật tông của Trang Tử đấy! Truyền cho ngươi là mật pháp trên đạo làm người, cho nên nói "khả bất thận da"! Ông nói ngươi phải cẩn trọng đấy! Ba đoạn chuyện kể xong rồi; cái hay của Trang Tử là ông Đông một cái Tây một cái, Thiền tông về sau học đúng bộ này của ông, đoạn chuyện đặt bên kia, đoạn chuyện đặt bên này, đều chẳng kết luận; nếu ông kết luận thì chẳng còn giá trị nữa. Ba đoạn chuyện của Trang Tử kể xuống, ngươi nhìn thế nào? Như quả cầu pha lê đặt ở đó, nhìn từ bốn phương tám hướng, góc độ khác nhau, màu sắc cũng khác, hiểu biết chẳng giống nhau; đó là cái hay của Trang Tử. Tuy là ba đoạn, nhưng mỗi đoạn chẳng độc lập, mà liền lạc với nhau; ngươi phải đọc kỹ, phải tham kỹ. Từ Nhan Hồi bắt đầu, ba đoạn nối liền xuống, từng tầng từng tầng chuyển hướng khác nhau; mỗi đoạn lại là một đơn vị chuyện khác nhau; cho nên Trang Tử là văn chương hay của ngàn cổ. Văn bạch thoại của người trẻ nay đều theo phương pháp này, tiếc là chẳng phải văn Trang Tử; lên chẳng bằng Lão Tử, xuống còn chẳng bằng Tôn Tử nữa! Vậy coi như là đứa "Con Trai" trong chư tử bách gia đi! Nên trên có Lão Tử (bố), giữa có Con Trai, dưới có Tôn Tử (cháu), ba đời đủ cả.

Cây lớn nước Tề

Tượng Thạch chi Tề, chí ư Khúc Viên,

Tượng Thạch đi nước Tề, đến Khúc Viên,

kiến Lịch xã thụ, kỳ đại tế số thiên ngưu,

thấy cây Lịch xã thụ, to lớn che được mấy nghìn con trâu,

hiệt chi bách vi,

đo bằng dây phải trăm vòng tay,

kỳ cao lâm sơn thập nhận nhi hậu hữu chi,

cao hơn núi mười nhận rồi mới có cành,

kỳ khả dĩ vi chu giả bàng thập số.

những thân có thể làm thuyền thì bên cạnh hơn chục chiếc.

Quan giả như thị, Tượng bá bất cố,

Người xem đông như chợ; ông thợ trưởng chẳng ngoảnh lại,

toại hành bất chuyết.

cứ bước đi chẳng nghỉ.

Chữ "thạch" này, thời cổ có mấy cách giải thích, nhưng điều đó chẳng quan trọng lắm. "Tượng Thạch" là tên một người, ông cũng làm nghề; cũng có người nói tượng là kỹ sư, vị kỹ sư ấy họ Thạch; nói nhiều kiểu lắm. Kệ nó! Lời Trang Tử, chín phần mười đều là ngụ ngôn, nói chung là có một người như thế, là một tay trùm công trình; ông đến nước Tề chọn gỗ, tới chỗ Khúc Viên. Về sau có người khảo chứng, Khúc Viên chính là quê Khổng Tử là Khúc Phụ, có phải không? Chẳng biết.

Ông thấy một cây, tên gọi lịch xã thụ. **"Xã"** (社 - miếu thổ địa) thời cổ là miếu giống miếu thổ địa; nói theo chúng ta hiện nay, chính là Trung Liệt từ, là miếu đại biểu xã tắc quốc gia chúng ta. "Lịch xã thụ" là một cây lớn trong miếu thần ấy; Nhật Bản gọi loại cây này là thần thụ, thần mộc. Tôi ở Nhật từng thấy họ gìn giữ văn hóa thượng cổ Trung Hoa, như hòn đá tròn trịa đục bốn lỗ, đèn thần trước đàn Xã Tắc v.v…

Cái cây này à! To lớn **"tế số thiên ngưu"** (che được mấy nghìn con trâu); mùa hạ nóng nực, bầy thủy trâu đứng dưới gốc, cả đàn bị che khuất hết. Còn có người đứng bên cạnh hưởng mát, tay ôm lại đo thử, thân cây to bằng trăm vòng tay. Cao thì cao mười nhận; bảy thước làm một nhận, tức vài trượng cao. Phía sau còn có cành loe ra, gốc những cành ấy bị chặt cụt, có thể khoét thành một chiếc thuyền độc mộc. Khi chúng tôi đến Kinh Đô Nhật Bản, có một nơi tôi quên mất tên, ở đó có một thần xã, vài cây chính là dạng này; người đến lễ bái cây thần đông lắm!

Đệ tử yếm quan chi, tẩu cập Tượng Thạch, viết:

Các đệ tử xem chán mắt, chạy kịp Tượng Thạch, nói:

Tự ngô chấp phủ cân dĩ tùy phu tử,

Từ khi chúng con cầm búa theo thầy,

vị thường kiến tài như thử kỳ mỹ dã.

chưa từng thấy gỗ nào đẹp như thế.

Tiên sinh bất khẳng thị, hành bất chuyết, hà da?

Thầy chẳng thèm nhìn, bước đi chẳng nghỉ, vì sao vậy?

Lại nói ông thợ mua gỗ Tượng Thạch, đến Khúc Viên, đi ngang qua cây lớn ấy, mắt chẳng liếc, nhìn chẳng ngó mà đi qua luôn. "Đệ tử yếm quan chi, tẩu cập Tượng Thạch": nhưng các đệ tử theo thầy thấy cây ấy đều bu lại, xem cho đã mắt. "Yếm quan chi", xem đủ, xem no. Ngược lại nhìn thầy thì thầy chẳng dừng lại xem, bỏ chạy mất, ở phía trước. Bọn đệ tử vắt chân lên cổ chạy đuổi, đuổi kịp thầy, liền nói: "Tự ngô chấp phủ cân dĩ tùy phu tử, vị thường kiến tài như thử kỳ mỹ dã, tiên sinh bất khẳng thị, hành bất chuyết, hà da?" Đồ đệ nói: từ khi chúng con cầm búa theo học nghề với thầy, bao năm nay, đi khắp sông hồ các nơi, chưa từng thấy gỗ nào tốt thế, một cây lớn đẹp thế; thầy ơi, lúc đi ngang qua gốc cây, thầy chẳng thèm liếc một cái, "hành bất chuyết", một bước cũng chẳng dừng, chỉ việc tiến về phía trước, đây là đạo lý gì vậy?

Viết: Dĩ hĩ, vật ngôn chi hĩ!

Ông đáp: Thôi đi, chớ nói nữa!

Tản mộc dã,

Đây là gỗ vô dụng,

dĩ vi chu tắc trầm,

làm thuyền thì chìm,

dĩ vi quan quách tắc tốc hủ,

đóng áo quan thì mau mục,

dĩ vi khí tắc tốc hủy,

làm đồ dùng thì mau hỏng,

dĩ vi môn hộ tắc dịch man,

làm cửa thì nhựa chảy,

dĩ vi trụ tắc đố.

làm cột thì mối mọt.

Thị bất tài chi mộc dã, vô sở khả dụng,

Đây là gỗ chẳng thành tài, chẳng có gì dùng nổi,

cố năng nhược thị chi thọ.

nên mới sống thọ được như thế.

Người thầy nói: ôi trời, lũ các ngươi ngu quá, chẳng hiểu. "Dĩ hĩ", thôi đi! Các ngươi đừng lải nhải nữa! Đây là **"tản mộc dã"** (gỗ vô dụng); lấy gỗ này đóng thuyền, thả xuống nước sẽ chìm; đem đóng quan tài, chôn xuống đất, quan tài nhanh mục; làm đồ gia dụng, mau hỏng; vừa làm cửa sổ cánh cửa, gỗ hút nước nhiều, khó khô; làm trụ cột, mối mọt sinh nhanh hỏng ngay. Cây gỗ này à! Giống hệt giới đọc sách: **"bách vô nhất dụng thị thư sinh"** (trăm việc chẳng dùng nổi là kẻ đọc sách), chẳng có ích gì; nó là **"bất tài chi mộc"** (gỗ bất tài), chẳng thành tài, chẳng có dùng. Vì nó vô dụng, "cố năng nhược thị chi thọ" nên nó sống tới già lớn thế; hiểu chưa? Vị Tượng Thạch này cho học trò một bài học; học trò tin hay không chẳng biết, người trẻ thiếu kinh nghiệm, thường nghe thôi mà.

Thần cây thuyết pháp

Tượng Thạch quy, Lịch xã kiến mộng viết:

Tượng Thạch về, cây Lịch xã hiện vào mộng nói:

Nhữ tương ô hồ tỷ dư tai?

Ngươi định đem ta so với thế nào đây?

Nhược tương tỷ dư ư văn mộc da?

Ngươi muốn đem ta so với những gỗ văn ấy à?

Tượng Thạch đêm ngủ làm một giấc mộng, mộng thấy một ông già râu trắng đến; ông ấy chẳng nói, tôi thêm vào đấy đấy nhé, chớ hiểu lầm. Ông mộng thấy cây lịch xã mắng rằng: ngươi này, ngươi là thứ gì? Ban ngày ngươi với học trò nói những lời nhảm nhí gì vậy, ngươi lấy gì để so với ta? Đòi ta phải thế nào? Ngươi muốn đem ta so với nam mộc, hồng mộc, văn mộc, thứ gỗ thượng hạng ấy à? Ngươi lầm rồi! Ông già thần cây ấy dạy cho Tượng Thạch một trận.

Ông nói: **"Phù tra lê quất dữu, quả lỏa chi thuộc, thực thục tắc bác, bác tắc nhục; đại chi chiết, tiểu chi tiết. Thử dĩ kỳ năng khổ kỳ sinh giả dã. Cố bất chung kỳ thiên niên nhi trung đạo yểu, tự phủ kích ư thế tục giả dã. Vật mạc bất nhược thị"** (chay, lê, quýt, bưởi, các loài cây kết quả; quả vừa chín thì bị vò bẻ, bị vò bẻ tức chịu nhục; cành lớn bị gãy, cành nhỏ bị lay rụng; cái ấy là vì tài năng của chúng làm khổ đời sống của chúng vậy; nên chẳng được trọn tuổi trời mà yểu mệnh giữa đường, tự đem mình ra cho đời thường đập phá vậy; muôn vật chẳng có cái nào chẳng như thế).

Ông nói các bạn xem mấy cây ăn quả: quýt, lê, bưởi v.v…, cùng mấy thứ cây dưa quả; đều thuộc hàng gỗ cả. Các bạn xem mấy cây ăn quả, cây táo, cây đào mật, mấy cây này tốt làm sao! Trổ hoa kết quả; chính vì trổ hoa kết quả, nên không cho nó mọc cao; mọc cao thì mai sau khó hái; mọc cao một chút là cắt ngay, chỉ cho mọc ngang, không cho mọc lên; mọc ngang lá nhiều hơn một chút, như thể mọc tóc, lại cạo cho trọc luốc; các bạn nói người ta đối xử với mấy cây này khắc khổ cỡ nào! Ông nói vì mấy cây ăn quả này hữu dụng, trổ hoa kết quả, nên cành lớn bị bẻ, cành nhỏ thì xì hơi héo úa, tự làm cho đời sống mình đau khổ.

Mấy cây tốt này chuyên sinh trái cho người ăn, càng sinh nhiều càng khổ, nên sống chẳng được mấy năm, cây già héo; héo xong còn bị chặt làm củi đốt. "Cố bất chung kỳ thiên niên nhi trung đạo yểu", tuổi thọ vốn dài của cây, mấy cây này sống chẳng nổi mấy năm là xong, yểu mệnh mà chết giữa đường. "Tự phủ kích ư thế tục giả dã": đều là bị người đời thường hại cả. "Vật mạc bất nhược thị", mọi thứ hữu dụng đều vì hữu dụng mà chết; ngươi giỏi làm gì, người ta sẽ khiến ngươi mệt chết vì cái giỏi ấy. Cho nên các bạn nữ đồng học sau này làm vợ à, lười một chút cũng khá đấy! Chính là đạo lý này; chẳng lười thì rất đáng thương. (Mọi người cười)

Thả dư cầu vô sở khả dụng cửu hĩ,

Ta kiếm cái chẳng có gì dùng nổi đã lâu,

cơ tử, nãi kim đắc chi.

gần chết, nay mới đạt được.

Vi dư đại dụng.

Đó chính là đại dụng của ta.

Sử dư dã nhi hữu dụng,

Nếu mà ta hữu dụng,

thả đắc hữu thử đại dã da?

há còn lớn được như thế này sao?

Ông nói, thần cây trong mộng bảo Tượng Thạch: ta tu đạo tu tới mức chẳng có gì dùng nổi; đạo này của ta đã chứng quả rồi. Chứng quả là đắc đạo, cũng nghĩa là chẳng có chút đạo nào; tu tới mức bách vô nhất dụng, tu mấy chục năm công phu mới làm nổi! Giữa chừng người ta suýt chém ta, may ta tỏ ra vô dụng, nên chẳng bị chém. "Nãi kim đắc chi", cho nên bây giờ, làm nổi rồi, người ta đến thắp hương lễ bái, ha! Mỗi ngày quỳ lạy đốt hương, chẳng biết bao nhiêu. "Vi dư đại dụng", ngươi bảo ta vô dụng phải không? Hừ! Đây chính là đại dụng của Lão Tử đấy! Ông già ấy lại nói, "Sử dư dã nhi hữu dụng": giả sử ta cũng như mấy cây đào, cây lê kia, hữu dụng như thế, "thả đắc hữu thử đại dã da?" Ta còn lớn được vĩ đại như thế này sao? Còn sống mấy nghìn năm, còn sống tới hôm nay được không?

Thả dã, nhược dữ dư dã giai vật dã,

Hơn nữa, ngươi với ta đều là vật,

nại hà tai kỳ tương vật dã?

sao lại đem nhau ra mà coi là vật thế?

Nhi cơ tử chi tản nhân,

Còn kẻ tản nhân sắp chết,

hựu ô tri tản mộc!

há hiểu được gỗ vô dụng!

Ông nói huynh đệ à! Ta với ngươi hai đứa, ngươi chớ tưởng mình không phải vừa, tưởng mình là người; người với gỗ chẳng khác mấy, đều chỉ là vật giữa trời đất. Ta là một thứ giữa trời đất, ngươi cũng là một thứ giữa trời đất, ai cũng là một thứ cả. Ngươi, chuyên đi xem gỗ, sao chẳng xem lại chính mình! Ngươi bảo ta là "tản mộc" câu này, suýt nữa đã bóc trần bí mật của ta trước mặt đồ đệ ngươi. Bóc trần rồi thì chẳng còn là bí mật, là Hiển giáo, thế là toi. Ngươi mắng ta là tản mộc, ngươi chính là tản nhân; ngươi chẳng qua là một tản nhân sắp chết, ta là gỗ vô dụng, tản nhân ngươi sao hiểu nổi tản mộc ta? Tượng Thạch bị thần cây mắng xong, giấc mộng ấy cũng tỉnh.

Tượng Thạch giác nhi chẩn kỳ mộng.

Tượng Thạch tỉnh rồi xét kỹ giấc mộng ấy.

Hê! Ông ta tỉnh mộng xong sợ chết khiếp, bèn đi viên mộng, giải mộng. Ngang với chúng ta các bạn làm mộng, sáng dậy liền hỏi thầy, thưa thầy, đêm qua con nằm mộng thế này, rồi kể mộng cho thầy nghe, các bạn nói đau khổ hay không đau khổ! Ta là người tỉnh táo, phải ngồi nghe cả đám kể chuyện mộng, đây là chuyện đau khổ cỡ nào! Nhưng vị thầy Tượng Thạch này, mộng tỉnh rồi, gọi đệ tử lại kể mộng, gọi cả lớp đệ tử tới họp. Ông nói: hôm qua à! Nói sai lời, đắc tội vị thần cây thiêng ấy rồi; thần cây báo cho ta một giấc mộng.

Đệ tử viết: Thú thủ vô dụng,

Đệ tử nói: Chủ ý chỉ cầu vô dụng,

tắc vi xã hà da?

vậy tại sao lại làm thần miếu xã?

Đệ tử nói thầy ơi, lạ thật, hôm qua thầy chẳng bảo sao? Đây là gốc gỗ vô dụng mà! Hê! Đã là gỗ vô dụng, hắn còn thành tinh, tu đạo mấy nghìn năm hóa thành yêu quái, hóa thành thần cây nữa, còn báo mộng cho thầy, lạ ghê chưa, các bạn bảo hắn vô dụng à?

Viết: Mật! Nhược vô ngôn!

Ông đáp: Suỵt! Chớ nói gì hết!

Bỉ diệc trực ký yên,

Hắn cũng chỉ gửi gắm tạm vậy thôi,

dĩ vi bất tri kỷ giả cấu lệ dã.

coi như nhờ kẻ chẳng hiểu mình mà mắng chửi vậy.

Bất vi xã giả, thả cơ hữu tiễn hồ!

Chẳng làm thần miếu xã, thì gần bị chặt mất rồi!

Thả dã bỉ kỳ sở bảo dữ chúng dị,

Hơn nữa, cái hắn giữ được khác với thiên hạ,

nhi dĩ nghĩa dự chi, bất diệc viễn hồ!

mà lấy lẽ thường mà khen hắn, chẳng phải lệch xa sao!

Tượng Thạch nói, đây là bí mật, mật tông mật tông, chớ nói, chớ nói, nhỏ tiếng chút, mật mật mật! Chớ để thần cây nghe được. Ha ha! Vị thầy này cười ha ha. Ông nói ta nói cho các ngươi: "Bỉ diệc trực ký yên", hắn đã thành thần rồi, vì sao báo mộng cho ta? Là sai ta đưa lời nhắn, truyền tin cho người đời; giúp hắn tuyên truyền, bắt ta phát thanh trên truyền hình giúp hắn, đăng báo giúp hắn ấy chứ! Vì hắn cũng rất cô độc, chẳng có tri kỷ. "Dĩ vi bất tri kỷ giả cấu lệ dã", tuy ta mắng hắn một trận, mắng cũng phải tri kỷ mới mắng! Trong mộng hắn nói với ta một phen như thế, ngoài mặt tưởng ta chẳng hiểu hắn, thực ra hắn rõ ta hiểu hắn rất kỹ; hắn mắng người đời đều là đồ ngu, chẳng hiểu hắn, chỉ có mình ta hiểu hắn, nên mới nhờ ta thay hắn nói rõ thêm chút nữa. Ngươi tưởng hắn báo mộng kêu ta mua con gà đi lễ bái hắn à? Chẳng phải nghĩa ấy đâu.

"Bất vi xã giả, thả cơ hữu tiễn hồ!" Tượng Thạch lại nói, các ngươi vừa hỏi đúng rồi: đã là gỗ vô dụng, sao lại ở sau miếu cho người ta lễ bái? Đây cũng là đạo lý cây lịch xã sống mấy nghìn năm. Các ngươi phải biết: gỗ hữu dụng thì người ta muốn chặt, thứ vô dụng, người ta chặt còn nhanh hơn; đã vô dụng, giữ làm gì! Nhưng cây lớn này, người ta chẳng chặt là vì sao? Vì nó ở sau miếu, mọi người nói, cây này là thần đấy! Thất gia Bát gia (hai vị thần) ở ngay trên này đấy! Biết đâu Thành Hoàng cũng ở trên này! Động không được, chỉ có thể lễ bái thôi! Vì thế mà được giữ lại.

Đạo lý này các ngươi hiểu chưa? Đời người à, hữu dụng cũng vận rủi, vô dụng càng vận rủi; phải làm cho như có dùng, lại như chẳng có dùng, mới là cái đại dụng của cái vô dụng. Nếu một khúc gỗ, làm thành cái bồn cầu, oan gia cỡ nào! Nay khúc gỗ vô dụng này, tạc thành Bồ Tát, đặt lên trên, chúng ta ngày đêm lạy nó. Cho nên phải làm được thế mới tốt, ngươi hiểu chưa? Vì nó vô dụng, mà thành thần miếu xã; nếu chẳng thành thần miếu xã, "bất vi xã giả, thả cơ hữu tiễn hồ", nó mọc được nửa đường đã bị người ta chặt mất rồi.

"Thả dã bỉ kỳ sở bảo dữ chúng dị, nhi dĩ nghĩa dự chi, bất diệc viễn hồ!" Cho nên hắn giữ được mạng sống mình, có một bộ cách riêng; trong xã hội này, chỉ có thứ vô dụng mới giữ được mạng mà sống tiếp. Đương nhiên rồi! Đã vô dụng thì phải giả bộ như đang tu đạo, người nhìn vào thấy là bậc hữu đạo, thế là ổn; rồi lại nói thêm, ta truyền đạo cho ngươi, ta nói ngươi chẳng hiểu, là mật tông; thế là xong. Người hỏi mật tông là gì? ừm! Tạng văn Tạng văn, không thì nói Phạn văn, ngươi chẳng hiểu; hoặc bảo ta biết chứ! Đó là Phạn văn thượng cổ. Cứ nói vòng vo là được, giữ được bản thân mình, cũng truyền mãi mãi được rồi.

Cho nên học Trang Tử sẽ học hư đấy, nhưng thật sự có đạo lý chân thật của đời người. "Bỉ kỳ sở bảo dữ chúng dị", cách hắn giữ mình khác với các ngươi, cũng khác với người đời; nên hắn trường thọ, đứng vững mãi mãi. "Nhi dĩ

nghĩa dự chi", rồi ngươi còn hô vạn tuế, thần thánh, Bồ Tát với hắn, còn lễ bái hắn. "Bất diệc viễn hồ!" Cao xa sâu rộng cỡ nào! Đây chính là cái mật của mật tông! Ông nói các ngươi sao hiểu nổi! Đây là Trang Tử nói đời người, uyên thâm lắm.

Câu chuyện Hàn Phi Tử kể

Trang Tử kể mấy câu chuyện, đều liên quan đến đạo lý và quan niệm sống giữa nhân gian của chúng ta. Nước Trung Hoa có chư tử bách gia: có Lão Tử, Trang Tử, có con trai với cháu nội, còn có một vị Hàn Phi Tử nữa. Hàn Phi Tử thuộc pháp gia, chuyên bàn chính trị; sách của ông cũng kể lại hai câu chuyện, đạo lý giống hệt Trang Tử, cũng là nói cho người làm thủ lãnh nghe. Một chuyện kể về một vị thái tử tiếng hiền lừng lẫy trên trường quốc tế. Khi vị thái tử sắp chu du liệt quốc, bỗng đến một ông già tồ tàn, mặc chiếc áo bông rách nát, đeo sau lưng một cây dù trắng, mặt mũi chẳng làm ai kinh ngạc, lời ăn tiếng nói chẳng đủ áp đảo ai. Thái tử hỏi: cụ già! Cụ đến tìm tôi có việc gì? Ông đáp: tôi bảo cho ông biết, trước hết ông hãy gây danh tiếng trên trường quốc tế; đợi khi ông lên ngôi, mọi người sẽ biết thuở còn làm thái tử ông đã có thanh vọng rất cao; đến lúc làm quân vương, ngoại giao chính trị sẽ việc gì cũng thuận buồm, nên ông nhất định phải cầu tôi giúp đỡ mới được. Thái tử nghe xong liền hỏi ông có bản lĩnh gì. Ông đáp: tôi chẳng có tí bản lĩnh nào cả, đúng là cái dạng này đây, nói chuyện còn líu ríu như chim sâu.

Thái tử hỏi: vậy con xin bái cụ làm thầy thì được lợi lộc gì? Ông già đáp: chu du liệt quốc ấy chứ! Anh cứ đem tôi theo; mỗi khi đến một nước, như tổng thống Mỹ Reagan ấy hay gốc cây ấy ra đón, anh cứ để tôi đứng phía trước, để họ trước hết hành lễ với tôi; khi mở tiệc quốc yến, anh phải bảo mình chẳng đáng kể, nhường thầy của tôi ngồi ghế trên, chỗ nào cũng đề cao tôi. Còn tôi, chỉ biết ăn, chỉ biết ngủ; ai hỏi đến tôi, hỏi một chẳng biết nổi điều nào. Mọi người sẽ đồn: vị thái tử này vốn đã nổi danh quốc tế mà vẫn kính nhường thầy giáo, đúng là thái tử trọng người hiền hạ mình với kẻ sĩ, vừa khiêm cung vừa tôn sư trọng đạo, tương lai ắt chẳng tầm thường. Huống hồ thầy của anh có cái dáng vẻ ấy, ắt là mật tông, chẳng biết sau này có pháp bảo lớn bao nhiêu, biết đâu tay vừa giơ lên, bom hạt nhân khắp thế giới đều mất tác dụng; thế chẳng phải thành danh rồi còn gì? Thái tử nghe xong, **"viết: Thiện"** (nói: hay lắm!), đúng thế, cứ theo kế ấy mà làm. Về sau vị thái tử ấy quả nhiên thành công.

Trong Hàn Phi Tử nhiều chuyện lắm! Đều là nghệ thuật chính trị bậc cao nhất. Chuyện thứ hai kể về một con rắn to muốn băng qua phố. Sau cơn mưa lớn, có một con trăn khổng lồ định luồn qua đường Tín Nghĩa sang phía đối diện; có một con rắn trúc diệp thanh bé tí cũng muốn qua phố bên kia. Con rắn lớn nói: cậu em, đi chậm thôi, thời dân chủ, ta họp bàn một thể. Cậu luồn qua thế này, dân chúng đánh chết; tôi luồn qua thế này, cũng bị dân chúng đánh chết. Để giữ mình khỏi bị đánh chết, còn bắt dân chúng ở Đài Bắc xây giúp chúng ta một ngôi miếu Long Vương, so kè với Ân Chủ cung ở đường Dân Quyền; rồi mình ngang nhiên khoan thai băng qua phố, dân chúng sẽ bày án hương, quỳ xuống lễ bái chúng ta nữa; cậu chịu không? Con rắn nhỏ đáp: được lợi an toàn như thế, tôi nghe theo anh vậy! Trăn lớn bảo đơn giản lắm: cậu bò lên đầu tôi, đuôi dựng trên đỉnh đầu tôi như thế; còn tôi, nửa thân trên cũng nhô lên đứng thẳng, cao hơn cả tòa nhà Phục Thanh một chút, từ từ luồn qua phố như vậy. Dân chúng nhìn thấy, ôi chao! Long Vương hiện ra rồi, phi thường lắm! Phải lễ bái mới được! Đưa vào Ân Chủ cung thì chật hẹp quá, đưa lên Viên Sơn xây một ngôi miếu Long Vương to, rồi rước chúng ta vào ở; ngày mùng một ngày rằm, gà vịt hương nến trái cây, đều dâng lên cúng lễ chúng ta.

Cho nên các bạn muốn làm người phi thường thì trên đỉnh đầu phải đội một con rắn nhỏ. Các vị ở đây là những con rắn lớn, giờ đây tôi chính là con rắn nhỏ kia; tuy các vị gọi tôi là thầy, thực chất tôi chỉ là con rắn nhỏ ấy thôi. Câu chuyện này với thần thụ xã Lịch mà Trang Tử kể là một đạo lý. Có người bảo sách cổ Trung Hoa, chư tử bách gia, không nên học, học sẽ hư. Thuở nhỏ chúng tôi, lớp người đi trước chẳng cho đọc sách chư tử, đến *Tam Quốc diễn*

nghĩa cũng cấm xem, e học hư. Nhưng muốn sở hữu cuộc đời làm nên nghiệp lớn, muốn tạo dựng sự nghiệp to lớn thì những đạo lý ấy phải hiểu hết; muốn làm chính trị gia lớn, ngoại giao quan lớn, đại nguyên soái, nhà giáo dục lớn, cho đến muốn làm hòa thượng lớn; nói tóm lại muốn thành tựu sự nghiệp, bất luận quân sự, chính trị, xã hội, kinh tế, thậm chí giáo dục, đều phải thông suốt; hòa thượng lớn chính là cái cây ấy, phải biết báo mộng cho người ta thì mới làm tốt nổi. Điều này là thật! Và cũng là đạo lý của *Nhân Gian Thế* vậy!

Chúng ta vẫn đang nghiên cứu *Nhân Gian Thế*, chưa nhảy ra khỏi phạm vi nhân thế. Theo quan điểm Trang Tử, là nói cho chúng ta biết xử thế làm người thế nào. Phương pháp xử thế làm người của Lão Tử chỉ gọn trong ba chữ **"khúc tắc toàn"** (cong thì được toàn vẹn); lấy quan niệm hôm nay mà nói, cũng có thể xem là một môn nghệ thuật ứng xử đời người. Lần trước kể chuyện một cây: cây ấy là thứ gỗ tạp trong đàn Xã, miếu thần, ngang với giống đa quê Đài Loan; cây đa chẳng có ích dụng gì mấy nhưng cho người hưởng mát được, thậm chí làm vật chỉ điểm trước cửa miếu. Giờ đây nối tiếp có một câu chuyện cùng loại.

Kỳ tài dị năng

Nam Bá Tử Kỳ du hồ Thương chi Khâu,
Nam Bá Tử Kỳ du ngoạn nơi Thương Khâu,

kiến đại mộc yên hữu dị,
thấy một cây lớn khác thường,

kết tứ thiên thừa,
xe bốn ngựa nối nhau thành nghìn cỗ,

ẩn tương tỳ kỳ sở lại.
cả thảy đều nấp trong bóng mát của nó.

Thương Khâu là tên đất. Nam Bá Tử Kỳ ở đây chính là Nam Quách Tử Kỳ mà thiên *Tề Vật Luận* trước kia nói tới; ông thấy một cây lớn, cây ấy lớn đến mức độ nào? Khác hẳn thứ gỗ bình thường. "Kết tứ": **"tứ"** (驷 - bốn ngựa kéo song song một cỗ xe) theo cách gọi người xưa; bốn ngựa chung sức kéo một xe gọi là một **"thừa"** (乘 - cỗ xe). Thiên thừa là hình dung có nghìn cỗ xe, cộng lại bốn nghìn con ngựa, đứng dưới gốc cây ấy, bóng cây che khuất tất cả. Bóng cây rộng đến cỡ nào? Chúng ta đều biết, bất cứ loài thảo mộc, loài cây nào, lá mọc tới đâu thì rễ dưới đất vươn tới đó; rễ to nhỏ ra sao, chỉ cần nhìn cành lá xòe rộng thế nào là biết.

Tử Kỳ viết: thử hà mộc dã tai?
Tử Kỳ nói: đây là cây gì vậy?

Thử tất hữu dị tài phù!
Chắc hẳn phải có vật liệu khác thường chăng!

Nay Nam Quách Tử Kỳ thấy cây lớn như thế, hỏi: đây là cây gì vậy? Chúng ta từng có một câu từng lưu hành, bốn chữ **"kỳ tài dị năng"** (奇才异能 - tài lạ lùng, năng khác thường), nhưng nay cũng chẳng dùng mấy nữa. Nói một người có chỗ đặc biệt, tức là kẻ sĩ kỳ tài dị năng; câu này cũng phát triển từ chữ dị tài (vật liệu khác thường) của Trang Tử, tức một loại vật liệu đặc biệt.

Ngưỡng nhi thị kỳ tế chi,
Ngước nhìn lên những cành non của nó,

tắc quyền khúc nhi bất khả dĩ vi đống lương.

thì cong queo chẳng thể làm nổi gỗ xà lớn cột chính.

Cây này à, ngửa cổ nhìn lên, những cành nhỏ cong queo rối rắm; cây thì quả thật to lớn thế, nhưng chẳng cách nào làm nổi vật liệu xà lớn cột chính. Kiến trúc nhà cửa thời cổ chẳng giống xi măng sắt thép ngày nay, toàn bộ dùng gỗ. Nhất là dựng nhà lớn, hoặc tu tạo cung điện đế vương, chọn lựa gỗ làm xà cột vô cùng khó khăn. Cứ mỗi lần triều đình khởi công xây cất lại là tai họa lớn của dân chúng. Vì gỗ to phải vào núi sâu tìm riêng; tìm thấy rồi đốn xuống, kinh đô ở Trường An thì gỗ vận về Trường An, ở Bắc Kinh thì vận về Bắc Kinh, đó thực là chuyện đau đớn.

Nhiều thứ gỗ quý đều nằm ở Tây Khang, ở Kiến Xương. Người Trung Hoa có câu tục ngữ: "trẻ chẳng nhập Quảng, già chẳng nhập Thục". Tuổi trẻ chẳng nên đến Quảng Đông, ý ở trong đó là phong khí Quảng Đông tương đối cởi mở, phong lưu; trẻ mà vào Quảng thì lưu luyến quên đường về. "Già chẳng nhập Thục", vì đạo Thục gian nan hiểm trở, nên tuổi già chẳng đến Tứ Xuyên. Nhưng người già đến Tứ Xuyên lại có một cái lợi: có quan tài tốt. Vì sao vậy? Vùng Tứ Xuyên, Tây Khang ấy có những thứ gỗ trầm mộc, tức trầm hương mộc ta gọi bây giờ; có thứ thơm, có thứ chẳng thơm. Một cây trầm hương đốn xuống, nước sông Trường Giang mênh mông thế, thứ gỗ ấy vừa chạm nước là chìm ngay. Nhưng đế vương thời cổ muốn sửa sang cung điện đẹp đẽ thì nhất định phải dùng thứ gỗ ấy. Một thân gỗ đốn xuống, đi qua bao nhiêu tỉnh, vượt vạn dặm đường mới tới kinh thành; vì thú xây dựng hưởng lạc của đế vương, chẳng biết đã phải chết bao nhiêu sinh mạng. Còn thiệt hại về kinh tế càng khỏi phải nói. Chính vì kiến trúc thời cổ ta toàn dùng gỗ nên coi trọng gỗ đến thế. Nay Nam Bá Tử Kỳ thấy cây lớn này, ngửa đầu nhìn một cái: cành nhánh đều cong, thân cành chẳng ngay thẳng, chẳng thể làm nổi vật liệu xà cột.

Phủ nhi thị kỳ đại căn,

Cúi nhìn xuống bộ rễ to lớn của nó,

tắc trục giải nhi bất khả dĩ vi quan quách.

thì gỗ xoắn nứt chẳng thể đóng nổi quan tài quách.

Nhìn tiếp cái gốc của cây lớn: nếu cưa ra làm ván quan tài cũng chẳng được. Gỗ tạp đóng quan tài rất dễ mục nát, dễ sinh sâu mọt. Huống hồ ván quan tài tốt thời cổ phải là nguyên một tấm, không thể ghép hai tấm lại với nhau, không được có khe hở; có khe hở thì thi thể sẽ mục ruỗng, nên nó chẳng thể dùng làm quan tài.

Hoại kỳ diệp, tắc khẩu lạn nhi vi thương;

Liếm lá của nó, thì miệng lở loét bị thương;

xú chi, tắc sử nhân cuồng trình tam nhật nhi bất dĩ.

ngửi nó, thì khiến người say cuồng ba ngày chẳng dứt.

Giả sử lấy lá cây ấy liếm thử một chút, miệng lập tức lở loét, lưỡi bị thương. Ngửi mùi của nó, người ta sẽ nôn thổ như kẻ say rượu, nôn suốt ba ngày chẳng dứt. Cây lớn này là một thứ vật liệu như thế: lớn thì lớn kinh khủng, mà chẳng có tí ích dụng nào. Thứ gỗ này tuy chẳng tốt ở điểm nào, nhưng nó có một cái lợi lớn: che được bóng râm, **"kết tứ thiên thừa"** (xe bốn ngựa nối nhau nghìn cỗ). Nói theo bây giờ, như một bãi đỗ xe có mái che, vài nghìn chiếc xe hơi đều có thể đậu dưới gốc cây ấy; nó có cái lợi lớn như thế, nên mới là dị tài.

Tử Kỳ viết: thử quả bất tài chi mộc dã,

Tử Kỳ nói: quả thật đây là cây chẳng có tài dụng,

dĩ chí ư thử kỳ đại dã.

mà lại lớn được đến mức này.

Ta hồ, thần nhân dĩ thử bất tài!

Than ôi, thần nhân nhờ cái bất tài ấy!

Nam Quách Tử Kỳ nói, cây lớn chẳng thành tài này, chẳng lấy gì gọi nổi, chỉ có thể gọi là kỳ tài dị năng. Vì nó rất đặc biệt, trời sinh đã đặc biệt, có thể chiếu cố được bao nhiêu người; nhưng hỏi nó có ưu điểm gì, thì chẳng có một ưu điểm nào, chẳng có tí ích dụng, nên cây này mới lớn được đến thế. "Ta hồ" là tiếng than cảm khái: than ôi! **"Thần nhân dĩ thử bất tài"** (thần nhân nhờ cái bất tài ấy): trời sinh ra cây này, gỗ của cây này chẳng có ích dụng gì, nhưng lại có ích dụng lớn đấy thôi!

Nhìn bề ngoài, câu chuyện này giống hệt chuyện trước. Chuyện trước, một cây lớn gỗ chẳng có ích dụng gì, cuối cùng có thể làm thần mộc; nay cây lớn này cũng chẳng có ích dụng, nhưng che được ánh mặt trời, phủ rợp được thiên hạ, ai cũng hưởng mát dưới gốc, ai cũng được lợi của nó. Đây là cây gì vậy? Cây vĩ đại nhất thế giới cũng thế, cây vô dụng nhất thế giới cũng thế. Cây ấy là người nào trong loài người? Chính là cô gia quả nhân (kẻ cô độc không bầu bạn), là kẻ làm hoàng đế. Người làm hoàng đế lớn chẳng có ích dụng gì: bảo ông ta khuân gạch xây nhà cũng chẳng xong, việc gì cũng chẳng làm nổi; ông ta chỉ có một bản lĩnh duy nhất: ai cũng có thể trốn dưới gốc hưởng mát. Bản thân tuy chẳng có ích dụng, nhưng lại có ích dụng lớn đến thế.

Câu chuyện này chớ coi là một cây vô dụng; nó có đại dụng. Vì có đại dụng ấy nên nó bất tài, mới chính là chuyên tài. Ví dụ Hán Cao Tổ nổi tiếng nhất trong lịch sử, đúng thật là khối gỗ này; ông có ba anh em, mình ông là con út, chẳng say rượu thì lêu lổng nhác nhớn; chỉ có một bản lĩnh là biết làm hoàng đế, mà làm cũng khá lắm. Bây giờ nhiều người trẻ muốn làm thủ lãnh; bạn thử xem mình có làm nổi khối gỗ như thế này chăng? Nếu vừa tinh minh vừa tài giỏi, đến ngón út cũng đầy tinh minh, thì bạn đừng mơ làm khối gỗ này nữa; chỉ có thể làm học giả, hoặc làm kỹ sư điện máy! Không thì làm nghiên cứu sinh sau tiến sĩ, cũng đã là phi thường; nhưng muốn làm khối gỗ kỳ tài dị năng này, thì phải đặc biệt khác thường mới được.

Nay tầng đạo lý thứ hai: ông chẳng nói cây lớn này dùng để làm gì, nhưng bạn vừa nhìn đã biết ngay, ông đang điểm đề; đề bài báo trước cho bạn: nó có thể **"kết tứ thiên thừa"** (xe bốn ngựa nối nhau nghìn cỗ). Nước nghìn thừa là bang của thiên tử, nên nói người quý làm thiên tử mới có bản lĩnh này; con mắt của đề bài nằm ngay chỗ ấy. Dưới đây giải thích một đạo lý.

Tốt chính là chẳng tốt

Tống hữu Kinh thị giả, nghi thu bách tang.

Nước Tống có gia tộc họ Kinh, đất hợp trồng thu, bách, tang.

Kỳ củng bả nhi thượng giả, cầu thư hầu chi dặc giả trảm chi;

Thân cây vừa to bằng hai bàn tay chụm lại trở lên đã bị chặt, vì kẻ săn khỉ tìm gỗ làm cọc bẫy khỉ;

tam vi tứ vi, cầu cao danh chi lệ giả trảm chi;

cây to ba bốn vòng tay lại bị chặt, vì nhà danh giá dựng đại trạch tìm gỗ đẹp mà lấy;

Nước Tống có một gia tộc họ Kinh, nhà ấy có một khu đất rất tốt, nói theo ngày nay là giá trị kinh tế rất cao. Cây cối họ trồng đều là gỗ dùng được hết: thu, bách, tang v.v… Vì thứ gỗ này hữu dụng quá nên **"kỳ củng bả nhi thượng**

giả" (thân cây vừa to bằng hai bàn tay chụm lại trở lên) đã bị chặt mất. Sao vậy? **"Cầu thư hầu chi dặc giả trảm chi"** (kẻ săn khỉ tìm gỗ làm cọc bẫy khỉ thì chặt đi): người ta lấy nó làm tấm ván nhảy trong máy bẫy khỉ, tức là chữ **"dặc"** (杙 - cọc gỗ) đây. Ngày xưa đi săn đặt một tấm ván nhảy, khép lại cái roẹt là khỉ bị tóm gọn. Nên thứ gỗ này rất có ích.

Lớn thêm chút nữa, tới cỡ ba bốn vòng tay thì lại hữu dụng và lại bị chặt. Tương truyền xoay hai bàn tay chúng ta một vòng gọi là một **"vi"** (围 - vòng tay ôm), bốn vòng là bốn lần xoay tay. Đọc sách cổ phải chú ý lắm: sách kể Quan Công eo to tám vòng tay; nếu mỗi vòng là trọn vẹn hai bàn tay ôm thì căn phòng này chắc ba bốn người như ông ngồi vào là kín ngót. Cho nên câu ấy chỉ nói eo ông rất lớn, hơn eo chúng ta nhiều lắm thôi. **"Cầu cao danh chi lệ giả trảm chi"** (kẻ cầu gỗ đẹp cho nhà cửa danh giá chặt mang đi): người có tiếng tăm lớn, kẻ phát tài, muốn dựng đại trạch; thuở ấy chưa có cao ốc mấy chục tầng, chỉ xây sân sâu từng hồi một, phủ đệ hun hút hồi nọ nối hồi kia, cần gỗ thật đẹp làm cổng chính; thân cây to ba bốn vòng tay vừa đúng thứ gỗ ấy dùng.

Thất vi bát vi, quý nhân phú thương chi gia cầu thiện bàng giả trảm chi.
Cây bảy tám vòng tay, nhà quý nhân phú thương tìm gỗ làm ván quan tài liền chặt mang về.

Cố vị chung kỳ thiên niên, nhi trung đạo chi yểu ư phủ cân, thử tài chi hoạn dã.
Vì thế chưa tròn tuổi thọ tự nhiên đã giữa đường yểu mệnh dưới rìu búa; ấy chính là cái họa của gỗ có tài.

"Thiện bàng" (椯傍) là gì? Chớ tưởng rằng thời Trang Tử đã có thiền; thuở ấy chưa có đâu. Thiện bàng (椯傍) đời xưa tức là gỗ đóng hai bên hông quan tài; các vương hầu quan lại quyền quý chọn quan tài thượng hạng bằng gỗ tốt, cây cỡ bảy tám vòng tay là hợp nhất, nên họ liền chặt mang về. Loại gỗ này cũng dùng được làm tấm biển đề chữ treo nơi cửa các danh môn đại trạch.

"Cố vị chung kỳ thiên niên, nhi trung đạo chi yểu ư phủ cân, thử tài chi hoạn dã" (vì thế chưa tròn tuổi thọ tự nhiên đã giữa đường yểu mệnh dưới rìu búa; ấy chính là cái họa của gỗ có tài). Nói theo ngũ hành của văn hóa Trung Hoa: phương đông thuộc Mộc, phương tây thuộc Kim; Mộc tiêu biểu cho sức sống sinh sôi không bao giờ dứt; cỏ cây thọ rất dài, lại chẳng dễ chết bao nhiêu, dầu bị chặt đứt vẫn đâm chồi mọc tiếp. Nhưng vài loài cây vì quá hữu dụng, lẽ ra phải sống rất lâu, kết quả lại **"vị chung kỳ thiên niên"** (chưa hết tuổi thọ tự nhiên): mới cao lên chút ít đã bị chặt mất; sinh mệnh sống nửa chừng, có khi chưa tới nửa, rìu đã bổ xuống, hóa ra yểu mệnh. Một nhân tài tốt cũng y như vậy.

Đạo lý của Trang Tử ở chỗ này chứa hai tầng ý. Chuyện vừa kể trước nói cây lớn vô dụng ấy lại là thứ hữu dụng nhất thiên hạ; nó tiêu biểu cho tài năng của một thủ lãnh; làm thủ lãnh thật sự, thực chất chẳng có một năng lực gì riêng, tuyệt nhiên chẳng làm nổi việc gì. Song sở trường của thủ lãnh là bao dung nổi tất cả; chẳng thể bao dung thì cũng hỏng, khi ấy chỉ còn là khối gỗ thối, đành đứng trước miếu nhờ Phật Bồ Tát che chở mới sống lâu được. Chuyện con rắn lớn với con rắn nhỏ ta kể trước kia chính là nói ý này.

Cây mà Nam Bá Tử Kỳ nhìn thấy thì chẳng nhờ Phật chẳng nhờ thần, vì nó bao dung được tất cả, che mát cho người thiên hạ. Người ta cũng thế: kẻ có tài bị dùng đến kiệt sức mà chết sớm; kẻ vô dụng thì cứ sống dai, sống rất lâu. Ví như Tô Đông Pha lừng danh lịch sử, hiển nhiên thuộc một trong hai khối gỗ ấy; thực ra còn gồm cả Vương An Thạch nữa: tuy hai người đối nghịch quan điểm, cuối cùng chịu thiệt vẫn là Tô Đông Pha, song cả hai đều là gỗ hữu dụng. Vì thế tuổi già, Tô Đông Pha làm một bài thơ rất hay, mong người chớ hóa thành kẻ hữu dụng; đó cũng là tiếng nói ngược đời của ông. Ông rằng:

Nhân nhân đô thuyết thông minh hảo, ngã bị thông minh ngộ nhất sinh. (ai cũng bảo thông minh là hay; ta bị thông minh lỡ trọn một đời)

Đãn nguyện sinh nhi ngu thả lỗ, vô tai vô nạn đáo công khanh. (chỉ mong sinh được thằng con ngu và vụng, vô tai vô nạn mà bước tới hàng công khanh)

Trên đời ai cũng chuộng thông minh, mà trọn đời mình lại bị thông minh lỡ mất. Ông mong Phật Bồ Tát phù hộ, sinh được đứa con ngu, ngu đến tận cùng, cả đời ngu ngơ, miễn sao còn được phong vương, đạt tới công danh phú quý hàng đầu. Bài thơ ấy là tiếng than của Tô Đông Pha trước cuộc đời.

Cho nên cả đời người, hễ thông minh giỏi giang, thì đúng như Trang Tử nói: **"vị chung kỳ thiên niên nhi trung đạo yểu"** (chưa hết tuổi thọ tự nhiên đã yểu mệnh giữa đường). Tô Đông Pha cuối đời đại triệt đại ngộ, bạn thử bảo xem ông đã đúng chưa? Sau này tôi đọc lại bài thơ ấy chỉ biết cười, vì Tô Đông Pha lại một phen bị thông minh lỡ nữa, đúng không? Chiếc bàn tính toại nguyện của thiên hạ bị ông bấm cho hết cả: sinh một đứa con vừa ngu vừa dở, nhưng vận may tốt, **"vô tai vô nạn đáo công khanh"** (vô tai vô nạn mà bước tới hàng công khanh), leo lên chức bộ trưởng, quân hàm thượng tướng, oai phong lắm chứ! Đó chẳng phải ông đang đánh chiếc bàn tính toại nguyện ấy sao? Tư tưởng này lại là một phen bị thông minh lỡ nữa. Ta mượn chuyện Tô Đông Pha cùng những truân chuyên một đời ông để nói rằng: kẻ giỏi giang trên thế gian đều tự tay phá hoại sinh mệnh mình. Bởi vậy hết thảy mọi người, càng có năng lực càng đa tài, càng tự chuốc lấy cái chết sớm cho mình. Trang Tử bên dưới có một kết luận.

Chẳng lành chính là đại lành

Cố giải chi dĩ ngưu chi bạch tảng giả, dĩ đồn chi khảng tị giả, dĩ nhân hữu trĩ bệnh giả, bất khả dĩ thích hà.
Vì thế khi làm lễ giải dâng sông: bò có vệt lông trắng trên trán, heo mũi hếch cao, người mang bệnh trĩ, đều chẳng thể đem đi dâng sông.

Thử giai vu chúc dĩ tri chi hĩ, sở dĩ vi bất tường dã.
Những chuyện ấy thầy pháp vu chúc nào cũng biết, vì người ta coi đó là chẳng lành.

Thử nãi thần nhân chi sở dĩ vi đại tường dã.
Mà đó lại chính là chỗ thần nhân coi là đại lành.

Người xưa mê tín, cho rằng trâu ngựa mà trên đầu có vệt lông trắng là chẳng lành. Ai cũng từng đọc *Tam Quốc diễn nghĩa*: con ngựa đầu có vệt lông trắng là ngựa đeo tang, gọi là **"Đích Lư táng chủ"** (ngựa Đích Lư hại chết chủ mình). **"Ngưu chi bạch thưởng"** (bò trán có vệt lông trắng) nghĩa là con bò đen sẫm cả mình lại có mảng trắng trên đầu; heo con mũi hếch cao khác thường như mũi tê giác cũng chẳng lành, lễ bái cũng không dùng được. Người mắc bệnh trĩ thì không được đem tế sông, vì thần sông chẳng chịu nhận. Chẳng khác ngày trước chúng ta đi Phổ Đà Sơn ở Chiết Giang, đạo tràng của Quan Thế Âm Bồ Tát: người đàn bà gặp đúng kỳ kinh thì không cho lên thuyền đi lễ Quan Âm, bằng không sẽ gặp bão. Thuyền mà gặp bão, người ta lập tức hỏi xem trên thuyền có đàn bà không? Có thì ném xuống nước, bảo chắc thân nàng không sạch sẽ nên chọc giận Bồ Tát, gây nên cơn bão; đó là thứ mê tín của người xưa.

"Thử giai vu chúc dĩ tri chi hĩ" (những chuyện ấy thầy pháp vu chúc nào cũng biết): Trang Tử giờ đây dẫn lại thứ mê tín, tập quán của người xưa, ông nói những chuyện này thuộc về **"vu chúc"** (巫祝 - thầy pháp vẽ phù niệm chú), tiếng Tứ Xuyên gọi là "đoan công", tiếng Đài Loan gọi là "sư công"; đám thầy pháp vẽ phù niệm chú đều biết, các đạo ông đạo bà giữ trai cũng đều biết. **"Sở dĩ vi bất tường dã"** (vì người ta coi đó là chẳng lành): ai cũng rõ đó là điều chẳng lành. Nhưng Trang Tử lại nói **"thử nãi thần nhân chi sở dĩ vi đại tường dã"** (đó lại chính là chỗ thần nhân coi

là đại lành): bảo rằng chẳng lành, vậy là tốt hết chỗ chê; nếu tôi là con ngựa, thà mang đeo tang trên đầu, kẻ khác chẳng dám bắt nạt, chẳng dám cưỡi, cả đời không ai cưỡi. Nếu tôi hóa thành heo, thà cho mũi hếch cao như sừng tê giác, người ta sẽ chẳng giết tôi đi lễ, tôi có thể yên ổn sống tới già. Ông nói: điều người đời coi là chẳng lành, dưới mắt trời trên lại là điều đại cát đại lợi, tốt đẹp hết chỗ chê.

Đoạn này các bạn thấy cái hài hước của Trang Tử; đời người tới mức ấy, ông đã nhìn xuyên thấu cả rồi! Đời người cầu danh, cầu lợi, cầu tài giỏi; những kẻ cầu công danh cầu phú quý cho đủ đầy, đều là những kẻ chẳng muốn sống cho đàng hoàng, cả đời bận bịu rối ren, đánh đổi sinh mệnh lấy công danh phú quý, cuối cùng danh to công thành thì bản thân cũng biến mất, rơi xuống như quả táo vậy. Cho nên theo quan niệm của Trang Tử, giá trị của chính mình chẳng được phát huy, chẳng sống đàng hoàng trên đời này, đều là tự mình kiếm lấy phiền phức.

Chi Ly Sơ giả, di ẩn ư tề, kiên cao ư đỉnh, hội toát chỉ thiên, ngũ quản tại thượng, lưỡng bễ vi hiếp.
Kẻ gọi là Chi Ly Sơ: hai má chôn sâu gần tới rốn, vai nhô cao quá đỉnh đầu, búi gáy ngược chỉ lên trời, năm cửa quan mặt mũi hướng lên trên, hai đùi dính chặt như thành hai bên sườn.

Tỏa châm trị giải, túc dĩ hồ khẩu; cổ sách bá tinh, túc dĩ thực thập nhân.
Uốn kim làm chỉ may vá, đủ nuôi nổi miệng mình; gõ que gieo quẻ tính số, đủ nuôi mười miệng ăn.

Thượng chinh võ sĩ, tắc Chi Ly nhương tí ư kỳ gian;
Khi triều đình trưng lính, Chi Ly Sơ còn xắn tay áo chen lách giữa đám đông;

"Chi Ly Sơ" là một biệt danh, một cái tên gán tạm cho một người; vì người này vốn chẳng có tên gì, dáng vẻ bên ngoài méo mó chẳng ra làm sao. **"Di ẩn ư tề"** (hai má chôn sâu gần tới rốn): mặt mũi quái dị, hai bên má gần chạm tới bụng. **"Kiên cao ư đỉnh"** (vai cao quá đỉnh đầu): hai bờ vai nhấc lên còn cao hơn cả đầu. **"Hội xát chỉ thiên, ngũ quản tại thượng"** (búi gáy chỉ trời, năm cửa quan hướng lên): đầu ngửa ra sau, cổ cuộn lại như thể chẳng có cổ, mũi mắt năm quan đều ngửa lên trời; xương sống cong vẹo, hai đùi dính liền như thành hai bên sườn; người vừa lùn vừa xấu. Chắc thuở nhỏ bị thương, hoặc sinh ra đã vậy. Ngày ấy chúng tôi từng tận mắt thấy những người dị dạng như thế.

Ngày nay nếu có người như vậy, nhất định số phận người ấy rất tốt, vì người ấy là "chất liệu" quý của truyền hình, chắc được mời làm diễn viên nổi tiếng; chỉ tiếc bây giờ kiểu người này ngược lại khó kiếm. Ông nói người này hai cánh tay cùng phần lưng trên đều cong vẹo, hông đùi dính liền một khối. Tuy chẳng giống hình người, ông ta lại sống rất vui tươi. Ông ta làm gì? **"Tỏa châm trị giải, túc dĩ hồ khẩu"** (uốn kim làm chỉ, đủ nuôi miệng). Ông ta có nghề riêng: uốn những cây kim may quần áo chúng ta, ngồi làm bằng tay thủ công; cái dáng người ấy vừa đúng khớp với công việc này. "Trị giải" là làm chỉ, ông ta làm kim chỉ đem bán, miệng ăn cũng đủ no.

Xã hội Trung Hoa ngày xưa có tập quán: kiếm người mù bẩm sinh mà xem bói hay gieo quẻ thì đặc biệt linh nghiệm. Lại có cả một bộ phương pháp riêng dạy người mù học bói toán, chỉ cần thuộc lòng là được. Cái gọi là Thiết Bản Số (phép bấm số xem bói) gì đó, đều là dạy cho đám người ấy. **"Cổ sách bá tinh"** (gõ que gieo quẻ) là thứ dùng để bói; nếu mỗi ngày khách đến gieo quẻ đông, tiền kiếm được nuôi nổi gia đình mười miệng ăn. Người này tuy dáng vẻ chẳng giống người, nghề mưu sinh lại hơn hẳn mọi người. **"Thượng chinh võ sĩ, tắc Chi Ly nhương tí ư kỳ gian"** (triều đình trưng lính, Chi Ly Sơ xắn tay áo chen giữa đám): khi nhà nước bắt lính, tuy sổ ở khu công sở vẫn có tên ông ta, ông ta được miễn quân dịch, làm dân binh cũng khỏi; chẳng những thế, nhà nước e còn phải cứu tế, nếu ông ta hết cơm ăn, cứ việc tới thị công sở lãnh tiền là xong.

Thượng hữu đại dịch, tắc Chi Ly dĩ hữu thường tật bất thụ công;
Khi trên bắt phu dịch lớn, Chi Ly Sơ nhờ tật nguyền thường trực nên chẳng phải nhận việc;

Thượng dữ bệnh giả túc, tắc thụ tam chung dữ thập thúc tân.

khi trên phát thóc cho người ốm, ông được lãnh ba hộc thóc cùng mười bó củi.

Phù chi ly kỳ hình giả, do túc dĩ dưỡng kỳ thân, chung kỳ thiên niên, hựu huống chi ly kỳ đức giả hồ!

Kẻ làm cho hình hài mình tàn khuyết, còn đủ nuôi thân, sống trọn tuổi trời, huống chi kẻ làm cho đạo đức mình tàn khuyết!

Khi nhà nước phu dịch, vì hoàn cảnh của ông ta ghi rõ trong sổ hộ tịch nên chẳng bị điều đi. Nhà nước mà phát tiền cứu tế phúc lợi xã hội thì ông ta đều lãnh được. Các bạn nhìn kiểu người ấy, nhìn thì thật xấu xí, nhưng trên hành trình nhân sinh ông ta chiếm được chỗ lợi to lớn. **"Phù chi ly kỳ hình giả"** (kẻ làm cho hình hài mình tàn khuyết): một người dáng vẻ quái dị kỳ cục như thế, lại **"túc dĩ dưỡng kỳ thân, chung kỳ thiên niên"** (đủ nuôi thân mình, sống trọn tuổi trời): ông ta tự nuôi nổi bản thân, sống khá giả mà lại trường thọ. Còn ai đối với học vấn, tu dưỡng, đạo đức của mình có chút quái dị kỳ cục, thì đó chính là cái gọi là **"chi ly kỳ đức giả"** (kẻ làm cho đạo đức mình tàn khuyết).

Cái quái dị kỳ cục ấy chẳng phải chuyện gì khác: như chúng ta bây giờ chẳng phải đang quái dị kỳ cục ấy sao; một người lành lặn vậy mà đi học Thiền, học Đạo, học ngồi thiền, lại ăn chay lễ bái khua chiêng gõ trống, lại tin tôn giáo đi nhà thờ, đều là **"chi ly kỳ đức giả"** (kẻ tàn khuyết cái đức) cả; chẳng chính quy, nhìn vào thấy chẳng bình thường lắm. Người ta chê người này mê tín, cũng chẳng sao; hai chữ mê tín đội lên đầu là một chiếc mũ rất tốt, che được biết bao tai họa; vì kẻ mê tín chẳng có gì dùng tới, người ta không tìm tới nữa, thế là người ấy có thể yên ổn sống tiếp. Dẫu sao người này tin đạo ăn chay, có thể tha thứ cho người ấy, đó chính là kẻ tàn khuyết cái đức ấy. Còn trong lòng người ấy có thật ăn chay hay không, lại là chuyện khác.

Cho nên Trang Tử bảo chúng ta: xã hội này thật kỳ diệu; người quá chuẩn mực sống lắm lúc rất khó khăn, hơi mang chút quái dị, miễn chớ quái quá lố, lại sống rất sướng rơn, chỉ xem bạn có khéo tận dụng không, học được cái trò chi ly kỳ đức (làm cho đạo đức tàn khuyết), chiếm trọn mọi chỗ tốt. Nhà nước gọi lính, ông ta tới điểm danh, quan y khám một lượt: anh về đi! Chẳng phải làm lính nữa đâu! Nhà nước phát tiền cứu tế, ông ta cứ việc tới lãnh; làm nổi tới mức ấy, tức đã tàn khuyết cái đức của mình rồi.

Nhưng muốn quái thì cũng phải quái ra dáng ra hình; nhiều thanh niên tài năng chẳng có, tính khí thì cực kỳ kỳ quái, kiểu ấy chẳng được đâu, sẽ hóa thành con heo trán trắng, dân đàn tế chẳng dùng được, đành đem ngươi muối làm thịt khô giăm bông, ướp ngươi vào muối luôn. Cho nên như Chi Ly Sơ thế kia mới là người hữu dụng. Vị quái nhân của thiên *Nhân Gian Thế* này, lật khắp *Khổng Tử truyện* chẳng tìm ra đâu. Nhìn bề ngoài Trang Tử dường như mắng Khổng Tử không thương tiếc, thực chất Trang Tử lúc nào chỗ nào cũng đang tâng bốc Khổng Tử.

Hành trình nước Sở của Khổng Tử

Khổng Tử thích Sở, Sở Cuồng Tiếp Dư du kỳ môn viết:

Khổng Tử sang nước Sở, Sở Cuồng Tiếp Dư ghé qua cửa ông mà rằng:

Phượng hề phượng hề, hà như đức chi suy dã!

Chim phượng ơi chim phượng ơi, sao đức của ngươi lại suy tàn thế!

Lai thế bất khả đãi, vãng thế bất khả truy dã.

Thời lai chẳng thể đợi, thời đã qua chẳng thể đuổi theo.

Thiên hạ hữu đạo, thánh nhân thành yên; thiên hạ vô đạo, thánh nhân sinh yên.

Thiên hạ có đạo, thánh nhân nên nghiệp; thiên hạ vô đạo, thánh nhân mới sinh.

Phương kim chi thời, cận miễn hình yên.

Giữa thời nay, chỉ cần khỏi chịu hình phạt là may rồi.

Phúc khinh hồ vũ, mạc chi tri tải; họa trọng hồ địa, mạc chi tri tị.

Phúc nhẹ hơn lông chim, chẳng ai biết mang vác; họa nặng hơn đất, chẳng ai biết tránh né.

Chuyện này rất nổi tiếng trong lịch sử văn hóa, chính là chuyện Khổng Tử sang Sở. Trang Tử chép Khổng Tử từng đến nước Sở, nhưng theo sử sách thường ghi lại, thời Chu du liệt quốc Khổng Tử chưa từng đặt chân tới Sở. Vì thế bạn bè Hồ Nam, Hồ Bắc hay nói đùa rằng Khổng Tử chẳng dám sang nước Sở của họ, vì khi Chu du liệt quốc tới biên giới Sở, sắp qua sông thì bánh xe hỏng, bèn sai học trò đi mượn đồ nghề về sửa. Gã liều lĩnh gan nhất, mạo muội nhất chính là Tử Lộ! Gã nói: để con đi.

Bấy giờ ven sông có người đàn bà đang giặt áo, Tử Lộ rất lễ phép chắp tay cung chào; học trò Khổng Tử mà, đương nhiên lễ nghĩa đầy đủ. Người đàn bà nhìn biết ông là người nước Lỗ, người ngoại quốc. Tử Lộ nói: chị ơi! Tôi xin mượn chị một món đồ. Người đàn bà đáp: được, tôi đi lấy cho. Tử Lộ ngơ ngác, chưa kịp nói mượn gì, người đàn bà đã đi mất. Chút sau trở lại, cầm theo một cái búa, vài chiếc đinh sắt cùng một khúc gỗ; ngày xưa bánh xe làm bằng gỗ cả mà! Bà bảo: mang đi. Tử Lộ lấy làm lạ, mới nói mượn một món, bà ta lại đem đủ cả tới. Tử Lộ hỏi: chị ơi, làm sao chị biết được? Bà đáp: ngươi chẳng phải học trò Khổng Khâu đó sao? Nhìn bộ dạng ăn mặc đạo mạo nghiêm trang kỳ cục thế kia là biết ngay. Bà rằng ngươi muốn mượn đồ, **"Đông phương Giáp Ất Mộc"** (thiên can phương đông thuộc Mộc) nên ngươi cần gỗ; **"Tây phương Canh Tân Kim"** (thiên can phương tây thuộc Kim) nên ngươi cần đinh sắt, cần búa, đúng không? Tử Lộ chết trân, chẳng sai một li.

Tử Lộ về báo cáo thầy: thưa thầy, con thấy sửa xong xe ta cứ thế mà về, đừng sang Sở nữa. Khổng Tử hỏi vì sao? Nước Sở đàn bà con gái còn trên thông thiên văn dưới tường địa lý, đều hiểu *Kinh Dịch* bát quái; con vừa mới nói mượn đồ, bà ta đã biết ngay Đông phương Giáp Ất Mộc, Tây phương Canh Tân Kim; thưa thầy, bộ môn của chúng ta sang Sở chắc chắn chẳng ăn thua. Khổng Tử nghe xong bèn nói: sửa xong bánh xe, mau đi thôi! Vì thế Khổng Tử không tới Sở. Ngày ấy tôi tới Hồ Bắc, người đầu tiên kể cho tôi chuyện này chính là một người bạn Hồ Bắc, ông ấy nói: người ta đều mắng chúng tôi người Hồ Bắc, cả nước đều ghen tị với nước Sở của chúng tôi, vì Sở là chỗ đến tận Khổng Tử còn chẳng dám sang.

Trang Tử nói, lúc Khổng Tử cùng khổ nhất cũng là ở nước Sở. Nước Sở có một gã điên, kiểu người như Chi Ly Sơ, chính là vị cuồng nhân nước Sở thời ấy Lục Tiếp Dư. Về sau nhiều người có đạo đều bị người thường gọi là điên hay cuồng. Ông Lục Tiếp Dư này là thần tiên Đạo gia; vì là thần tiên nên cố tình giả điên giả khùng, nên mọi người gọi ông là Sở Cuồng.

Khổng Tử tới nước Sở, ông Sở Cuồng Lục Tiếp Dư nghe tin lão Khổng tới, bèn ra xem. Ông chẳng thèm bấm chuông cửa, đứng ngay trước cửa nói một câu: **"phượng hề phượng hề, hà như đức chi suy dã"** (chim phượng ơi chim phượng ơi, sao đức của ngươi lại suy tàn thế!). Chim phượng ấy, phượng là phượng, hoàng là hoàng. Chúng ta đọc *Sở Từ*, vốn quen đọc chữ **"hề"** (兮) thành "tây". Ngày xưa một cụ ông Hồ Bắc học vấn uyên thâm kể cho tôi nghe: cụ là người đất Sở, mọi người đọc chữ hề trong *Sở Từ* thành "tây" cả là sai. Chữ này âm cổ đọc là "a", tức là "phượng a phượng a", kéo dài âm thanh ra thế ấy. Về sau đời Tống Chu Hy chú *Thi Kinh* làm sai, hề a hóa ra tây a. Thôi! Sai đã bao năm rồi, sai rồi đành cứ theo sai vậy! Tôi cho là cụ nói rất có lý: đó là âm đuôi kéo dài của người ta, ngang với những a, ni, ma, ya trong văn nói của chúng ta. Cho nên Sở Cuồng nghĩa là nói: phượng a! phượng a! ngươi này, vận

ngươi chẳng tốt, **"đức chi suy dã"** (đức ngươi suy tàn thế), sao mà xui rủi đến thế! Sinh đúng vào thời thế như thế này.

"Lai thế bất khả đãi, vãng thế bất khả truy dã" (thời lai chẳng thể đợi, thời đã qua chẳng thể đuổi theo). Đây là triết học lịch sử của tư tưởng Đạo gia trong văn hóa Trung Hoa. Sở Cuồng nói: cái xã hội đạo đức nhân loại mà ngươi Khổng Tử hy vọng, có đấy! Chỉ có hai thời đại là có: một là mấy vạn năm trước, **"vãng thế bất khả truy"** (thời đã qua chẳng đuổi kịp), quá khứ rồi thì đã qua; hai là tương lai, **"lai thế bất khả đãi"** (thời lai chẳng thể đợi), biết đâu mấy chục triệu năm sau, đã không đợi nổi nữa. Đây cũng điều tôi thường nói: trên đời chỉ có hai người tốt, một người chưa sinh ra, một người đã chết rồi; nên bây giờ chúng ta đều là những người lệch lạc cả. Tiếp Dư mắng Khổng Tử cũng thế: cái thế giới ngươi hy vọng, một đã qua, một chưa tới; thời thế chúng ta gặp phải, văn hóa Trung Hoa đều gọi là suy thế.

Tứ thư Ngũ kinh chúng ta học, trong đó một bộ kinh chính là *Xuân Thu*; *Xuân Thu* bàn triết học lịch sử, không chỉ là lịch sử, mà là phê phán mang tính triết học lịch sử, cũng là một bộ sách lớn của văn hóa Trung Hoa. *Xuân Thu Công Dương truyện* nói tam thế: một là suy thế, tốt hơn thế loạn một chút; thế giới này mãi mãi là suy thế; tốt hơn một chút gọi là thăng bình chi thế, lẽ ra phải là thời Nghiêu Thuấn Vũ, thường nói như nhà Chu nhà Thương, tức là thăng bình chi thế; thế giới đại đồng thiên hạ thái bình là thái bình thịnh thế, nên gọi là tam thế. Nhìn như vậy, bất cứ thời đại lịch sử nào của Trung Hoa cũng phần nhiều là suy thế, đạo đức suy tàn, văn hóa suy tàn. Hơi tốt hơn chỉ là cảnh tiểu khang (no ấm vừa đủ), chưa tính thái bình. Còn cái thái bình của tề gia, trị quốc, bình thiên hạ là thế giới đại đồng, ngang với quốc gia lý tưởng của triết gia phương Tây Bách Lạp Đồ (Plato), thậm chí thiên đường của Thượng Đế, cực lạc thế giới của nhà Phật v.v., từ từ mà theo đuổi, đó là **"lai thế bất khả đãi"** (thời lai chẳng thể đợi).

Số phận chúng ta khổ lắm! Đều sống trong cái suy thế tốt hơn thế loạn một chút, văn hóa đạo đức đều suy tàn. Lục Tiếp Dư nói với Khổng Tử: ngươi này, số chẳng tốt, khổ nạn sinh vào đời. Ngươi xui rủi, tuy là chim phượng hoàng mà sinh nhầm thời, còn chẳng bằng con gà rừng, có ích gì đâu! Người ta là Khổng Tử từ ngoại quốc tới, gã điên Lục Tiếp Dư đứng ngay trước cửa mắng cho một trận.

"Thiên hạ hữu đạo, thánh nhân thành yên" (thiên hạ có đạo, thánh nhân nên nghiệp): khi thật sự đạt tới thiên hạ có đạo, tức là thái bình thịnh thế, ấy là thời đại của thánh nhân, thế giới của thánh nhân. Cùng một quan niệm ấy, trong Phật học là thời đại của chuyển luân thánh vương, cũng đều là thái bình thịnh thế, là lúc thánh nhân thành công. Nhưng lấy Phật học mà giải thích: hóa thân của Đức Phật, của thánh nhân, khi nào mới đến? Triết gia, tôn giáo gia khi nào mới đầu thai? Đến lúc thiên hạ loạn lạc, vì cứu thế mà đến, **"thiên hạ vô đạo, thánh nhân sinh yên"** (thiên hạ vô đạo, thánh nhân mới sinh). Nên những bậc thánh hiền ấy, đều mang lòng cứu người cứu thế mà đến, số phận định sẵn là đến chịu khổ chịu nạn.

"Phương kim chi thời, cận miễn hình yên" (giữa thời nay, chỉ cần khỏi chịu hình phạt là may). Lục Tiếp Dư nói tiếp với Khổng Tử: lão huynh này sao lại đầu thai đúng lúc này vậy! Đến thời thế này, cả đời ngươi giữ nổi cái đầu trên vai để còn cơm ăn, **"cận miễn hình yên"** (chỉ cần không bị người ta chém đầu), đã là phúc khí hạng nhất rồi. Đứng trước cửa Khổng Tử, ông mắng cho một mớ dài dằng dặc. Các bạn nói ông là mắng Khổng Tử, hay là yêu quý Khổng Tử? Cái ông tu đạo kiểu ấy, người cỡ Lục Tiếp Dư, ăn nói điên điên khùng khùng lắm mùi.

Đây là cái **"Phượng hề chi thán"** (tiếng than chim phượng) nổi tiếng lịch sử của Khổng Tử! Lấy chim phượng hoàng sinh nhầm thời để ví Khổng Tử. Lý thuyết của Lục Tiếp Dư: một người sinh vào thời suy loạn, mà sống được đàng hoàng tới cùng, giữa đường không gặp hình lục mà chết, đã là chuyện rất khó. Kẻ trí thức trong thời loạn như thế

mà ôm tư tưởng cứu người cứu đời, lịch sử cho thấy biết bao nhiêu. Ví như Nam Bắc triều, Ngũ Đại, nhà Nguyên, cũng như lúc nhà Thanh vượt cửa ải vào Trung nguyên, thậm chí gặp bất cứ biến động chính trị xã hội nào, thứ người khó sống nhất chính là trí thức. Như thời "Cách mạng văn hóa" ở đại lục hiện đại, trí thức khốn cùng lắm. Lục Tiếp Dư nói Khổng Tử: **"phương kim chi thời cận miễn hình yên"** (thời nay chỉ cần khỏi hình phạt), không chịu hình phạt, không bị chém đầu, sống nổi đã là phi thường rồi; ngươi còn chu du liệt quốc, còn khắp nơi truyền bá văn hóa, còn muốn cứu thế cứu người, ngươi đúng là chẳng muốn sống nữa.

"Phúc khinh hồ vũ, mạc chi tri tải" (phúc nhẹ hơn lông chim, chẳng ai biết mang vác): đời người đều cầu hạnh phúc, đây là danh ngôn triết học lịch sử; hạnh phúc ơi, khó lắm! Cái hạnh phúc này còn nhẹ hơn lông vũ; nói cách khác, lấy văn chương mới mà viết, hạnh phúc trước mặt chúng ta nhẹ tênh trượt qua, mãi mãi là thứ không nắm giữ nổi. Ông viết bằng văn cổ, tức là "phúc khinh hồ vũ, mạc chi tri tải", chẳng có cách nào gói nó lại. **"Họa trọng hồ địa, mạc chi tri tị"** (họa nặng hơn đất, chẳng ai biết tránh né): nỗi đau, cái họa ấy nặng như đất, lúc nào cũng dính chặt lấy gót chân ta. Nói theo văn nói ngày nay: người sống trên đời, hạnh phúc khó nắm giữ đến thế, vì nó quá nhẹ tênh, cái là trượt mất. Cho nên làm người trọn đời, lúc nào cũng ở giữa tai họa. Trang Tử nói vậy có quá đáng lắm không? Đây chính là đời người, chẳng những trí thức như thế, ai cũng như thế cả.

Dĩ hồ dĩ hồ, lâm nhân dĩ đức!
Thôi thôi, thôi thôi, lấy đức mà lâm trên đầu người!

Đãi hồ đãi hồ, họa địa nhi xu!
Nguy hiểm thay, nguy hiểm thay, tự vẽ phạm vi mà bước đi!

Mê dương mê dương, vô thương ngô hành!
Mê dương ơi mê dương, chớ làm tổn hại đường đi của ta!

Ngô hành khích khúc, vô thương ngô túc!
Đường ta quanh co chậm chạp, chớ làm tổn hại đôi chân của ta!

"Dĩ hồ dĩ hồ, lâm nhân dĩ đức!" (thôi thôi, lấy đức mà lâm trên đầu người!) Thôi đi! Thôi đi! Lão huynh này, sang nước Sở của tôi làm gì nữa! Nước Sở hiền nhân đông lắm! Ông muốn đuổi Khổng Tử đi cho khuất mắt. Ngươi khắp nơi truyền đạo **"lâm nhân dĩ đức"** (lấy đức mà lâm trên người), tựa như đế vương lâm thiên hạ, rải khắp nơi tư tưởng đạo đức, quan niệm văn hóa. **"Đãi hồ đãi hồ"** (nguy hiểm thay, nguy hiểm thay), ông nói ngươi nguy hiểm lắm, huống chi sang nước Sở chúng ta, Sở cao siêu lắm! **"Họa địa nhi xu!"** (tự vẽ phạm vi mà bước đi!) Bốn chữ này rất quan trọng; người đời bình thường ai cũng phạm lỗi của bốn chữ này: tự vẽ lấy một phạm vi rồi bước theo. Nên kẻ trí thức, người đọc sách, cứ cái dáng thư sinh khờ ấy, tự vẽ phạm vi mà bước, rúc mãi trong khuôn sáo của mình, cho rằng thiên hạ chỉ có thế thôi.

Nhìn bốn chữ ấy, ta thấy đó là một cái cơ phong rất lớn cho chính mình; đời người, ai cũng tự vẽ phạm vi mà bước, nên nhà Phật nói hai chữ rất đáng nể, chính là "giải thoát". Làm sao giải thoát nổi? Là chẳng vẽ phạm vi mà bước, chẳng tự định khuôn khổ, mà siêu vượt trên tất cả, đó mới là cuộc đời thật tốt đẹp. Sau đó ông dẫn tiếng thổ âm của nước Sở thuở ấy; thuở nước Sở hùng mạnh nhất là vùng Hồ Nam Hồ Bắc, kéo dài tới biên cương An Huy, Quảng Tây, Quý Châu.

Tóm lược *Nhân Gian Thế*

"Mê dương mê dương, vô thương ngô hành! Ngô hành khích khúc, vô thương ngô túc!" (Mê dương ơi mê dương, chớ làm tổn hại đường đi của ta! Đường ta quanh co chậm chạp, chớ làm tổn hại đôi chân của ta!) Đây là câu tục ngữ lưu hành ở nước Sở thuở ấy. "Mê dương" nghĩa là gì? Nhìn bây giờ tưởng là văn chương cao siêu, hàm chứa nhiều cảnh giới văn nghệ, ngày xưa chỉ là tiếng thổ âm. Mê dương chính là những bụi gai trên đường, những cỏ cây có gai, cắt vào tay chân người đi. Thật ra mê dương mê dương, ta cũng có thể nói vậy, về vùng Hồ Nam Hồ Bắc người ta thích ăn ớt, chính là cái vị tê cay cay ấy. **"Vô thương ngô hành"** (chớ làm tổn hại đường đi của ta): vừa đi vừa niệm; mấy chữ này là câu chú người thôn quê đọc, trước khi ra đường đọc chú trước đã, người xưa mê tín lắm đấy! Nghĩa là ta bây giờ ra đường đây, đám gai góc xấu xa trên đường chớ có làm hại chân ta. **"Ngô hành khích khúc"** (đường ta quanh co chậm chạp): ta đi rất chậm rất cẩn thận, những thứ cản trở ấy chớ có làm đau chân ta. Hiểu trước bốn câu tục ngữ này, cả bài đều nằm gọn trong bốn câu ấy. Dưới đây là một kết luận, ta hiểu trước đã.

Sơn mộc tự khấu dã, cao hỏa tự tiên dã.
Cây trên núi tự chuốc lấy rìu búa, mỡ lửa tự đốt cháy lấy mình.

Quế khả thực, cố phạt chi; tất khả dụng, cố cát chi.
Quế ăn được nên bị chặt; nhựa sơn dùng được nên bị cắt.

Nhân giai tri hữu dụng chi dụng, nhi mạc tri vô dụng chi dụng dã.
Ai cũng biết cái dùng của cái hữu dụng, mà chẳng ai biết cái dùng của cái vô dụng.

Ông nói, cây lớn trên núi tự nhiên sống ở đó rất tốt, sao chẳng hóa hết thành thần mộc sống mãi mãi? **"Tự khấu dã"** (tự chuốc lấy rìu búa): bản thân nó mọc quá đẹp, quá tốt, nên mời gọi người ta đến chặt phá. Cây quá hữu dụng ắt có người chặt đi, nên sơn mộc tự khấu. **"Cao hỏa tự tiễn dã"** (mỡ lửa tự đốt cháy mình): những thứ dầu mỡ cháy được, ngày xưa gọi là cao, như mỡ heo, dầu cá voi v.v.; sử sách chép, đào mộ đế vương cổ ra, ngọn đèn trong nồi đồng bên trong cháy nghìn năm không tắt. Ngọn đèn ấy thắp dầu cá voi, cháy rất chậm, thắp nổi mười triệu năm. Sao loài vật lại có thứ mỡ mà chuốc họa sát thân? Vì nó có giá trị lợi dụng. "Quế khả thực": nhục quế là bổ phẩm ăn được, làm thuốc được, **"cố phạt chi"** (nên bị chặt); **"tất khả dụng"** (nhựa sơn dùng được): sơn ngày nay là hóa chất, ngày xưa là cây sơn, thứ nhựa chảy ra từ cây ấy sơn được đồ vật, có giá trị lợi dụng, **"cố cát chi"** (nên bị cắt).

Cho nên người thường ai cũng biết, sống là phải có ích, phải có giá trị. Thật ra, giá trị đời người: cái mình thấy vô dụng nhất lại hữu dụng nhất; ngay ngắn chất phác sống trọn một đời là được rồi, đó là kết luận của Trang Tử. Nhìn thì dường như rất tiêu cực, tựa như lời châm biếm nhắm vào xã hội, thế giới, đời người; thực ra ông chẳng châm biếm chút nào, chỉ bảo chúng ta bốn chữ: **"thế lộ nan hành"** (đường đời khó đi). Tông chỉ thiên *Nhân Gian Thế* là: con đường thế gian này rất khó đi; sinh mệnh phải thật có giá trị, tự xử lý sinh mệnh phải thật có nghệ thuật; phải biết trong hoàn cảnh nào thì nên làm thế nào. Nếu chẳng biết tự xử, sẽ chuốc lấy sỉ nhục, chuốc lấy tổn hại.

Ta lại xem thiên *Nhân Gian Thế*: mở đầu bằng Nhan Hồi, đệ tử Khổng Tử đức cao học rộng nhất, muốn ra cứu thế, muốn làm thầy của bậc vua, bị Khổng Tử mắng cho một trận, bảo ngươi đâu có tư cách làm thầy của bậc vua! Cái mạng này phải chơi mất thôi, tự cứu mình còn chẳng nổi, còn muốn cứu thế cứu người, thà tự cứu đã. Nên dạy ông cách tu đạo, tu trai tâm, đạo lý tự lợi rồi mới lợi người. Kế đó kể nhiều chuyện, cuối cùng mới đến chính thân Khổng Tử. Khổng Tử khéo dạy người, chẳng khéo dạy mình, nên bản thân u uất khổ sở cả đời, cuối cùng gặp ông Lục Tiếp Dư giả điên giả khùng mắng cho một trận, thực ra cũng là tâng bốc cho một trận.

Khổng Tử một đời nên thánh, thấy ở đâu? Chẳng thấy ở *Tứ thư Ngũ kinh*, mà thấy trong Trang Tử. Tấm lòng của thánh nhân: **"minh tri bất khả vi nhi vi chi"** (biết rõ chẳng làm nổi mà vẫn làm), đó là quan niệm của thánh nhân cứu

thế. Nên tông chỉ cả thiên *Nhân Gian Thế*, nhìn thì như chế giễu Khổng Tử, thực ra đang tâng bốc Khổng Tử vô cùng. Nên Nho gia đời sau, môn đồ Khổng Tử, nhất là phái lý học Tống Minh, đều lấy lời Trang Tử nói để tâng bốc Khổng Tử. Họ nhìn ra Trang Tử đang tâng bốc Khổng Tử, nhưng trên bề mặt, vì tâm lý bài xích mang tính tôn giáo, vẫn mắng dữ dội hai nhà Phật Đạo; đó là chuyện rất bất công trong lịch sử, cũng rất phi lý trong lịch sử văn hóa. Nên ta phải nhìn rõ tông chỉ *Nhân Gian Thế*: trong đó bảo ta thế lộ nan hành, chẳng phải thế lộ bất khả hành; đường đời vẫn đi được, miễn tự mình khéo xử lý mới được.

Tóm lại, thiên này bảo chúng ta điều gì? Ba chữ: **"thủ bản phận"** (giữ bản phận mình). Người phải giữ bản phận, đứng ở địa vị nào thì làm việc ấy, giữ thái độ ấy; mọi người vào phòng hát thì bạn hát; tới vũ trường bạn phải nhảy theo; mọi người say, bạn cũng phải giả say; mọi người tỉnh, bạn cũng phải tỉnh dậy. Nếu mọi người tỉnh táo đều đang làm việc mà bạn vẫn nằm đó ngủ, thế thì thành chuyện gì? Đó chẳng phải điên nữa, đó là ngu tới cực điểm rồi.

Còn một đại đạo nữa: bảy thiên nội của Trang Tử là một chuỗi liền mạch. Người thật sự khéo xử thế, đường đời dù khó đi, thì người khéo đi đường đời là người nào? Là người đã đắc đạo. Biết *Tiêu Dao Du*, biết *Tề Vật Luận*, rồi biết *Dưỡng Sinh Chủ*, ba nội dung ấy làm trọn được, tức là người đắc đạo, cũng chính là bồ tát đạo nhà Phật nói, rồi sau đó mới nhập thế. Đã nhập thế rồi, mặc vị ấy chơi thế nào cũng đều là du hí tam muội (dạo chơi tự tại) của vị ấy cả. Bốn thiên nối liền, là một tông chỉ xuyên suốt, chính là đề tài lớn phương hướng lớn.

Thiên 5: Đức Sung Phù (德充符)

Trang Tử viết:

Trang Tử nói:

Đạo dữ chi mạo, thiên dữ chi hình,

Đạo ban cho nó gương mặt, trời ban cho nó hình hài,

vô dĩ hiếu ố nội thương kỳ thân.

chớ để yêu ghét từ bên trong làm tổn thương thân mình.

Kim tử ngoại hồ tử chi thần, lao hồ tử chi tinh,

Bây giờ ngươi đem thần chí của ngươi phóng ra ngoài, hao mòn tinh lực của ngươi,

ỷ thụ nhi ngâm, cứ cảo ngô nhi minh.

dựa cội cây mà ngâm vịnh, tựa cây ngô già mà nhắm mắt.

Thiên tuyển tử chi hình, tử dĩ kiên bạch minh.

Trời chọn cho ngươi cái hình ấy, ngươi lại đem kiên bạch ra làm tiếng.

Ta đã giảng ở trước: văn hóa thời Xuân Thu Chiến Quốc, hai chữ đạo đức là tách rời nhau. Bây giờ từ *Tiêu Dao Du*, *Tề Vật Luận*, *Dưỡng Sinh Chủ*, giảng sang thiên thứ tư *Nhân Gian Thế*, nói về sự sung mãn của đạo. Đạo là thể, tức là nội hàm, là nội hàm học vấn tu dưỡng của mỗi người; đức là dụng, đắc đạo rồi mới khởi dụng được, là đạo dùng vào đời. Đường đời vốn khó đi, trọng điểm thiên *Nhân Gian Thế* giảng là: giữa chỗ khó đi ấy, phải lấy trí tuệ tối cao, nghệ thuật tối cao mà bước; thế thì tất phải có sự sung thực của đức hạnh, sự sung mãn của đức tính. Vậy đức tính làm sao cho sung mãn? Trang Tử ngay trong thiên *Đức Sung Phù* này, dùng ngụ ngôn, dùng thứ bút pháp văn chương thật cao, bằng thủ pháp nghệ thuật của mình, vẽ nên một bức tranh về nhân sinh.

Vương Đài là người thế nào

Lỗ hữu ngột giả Vương Đài, tòng chi du giả dữ Trọng Ni tương nhược.

Nước Lỗ có một kẻ cụt chân tên Vương Đài; kẻ theo ông du học đông ngang với Trọng Ni.

Ông kể, nước Lỗ có một kẻ **"ngột giả"** (兀者 - người cụt hai chân), không rõ là bẩm sinh hay vì bị thương về sau mà mất; người ấy tên Vương Đài. Theo ông học rất đông, còn hơn cả Khổng Tử; tiếng tăm ông cũng lớn như Khổng Tử.

Thường Quý vấn ư Trọng Ni viết:

Thường Quý hỏi Khổng Tử rằng:

Vương Đài, ngột giả dã,

Vương Đài là kẻ cụt chân,

tòng chi du giả dữ Phu tử trung phân Lỗ.

kẻ theo ông học chia đôi danh tiếng nước Lỗ với thầy.

Lập bất giáo, tọa bất nghị,

Đứng chẳng dạy, ngồi chẳng bàn,

hư nhi vãng, thực nhi quy.

đến thì lòng trống rỗng, về thì lòng đầy ắp.

Cố hữu bất ngôn chi giáo, vô hình nhi tâm thành giả da!

Phải chăng đời thật có lối dạy chẳng cần lời, thành tựu ngay trong tâm mà chẳng qua hình dạng!

Thị hà nhân dã?

Ông ấy là người thế nào?

Thường Quý là học trò Khổng Tử, cũng là bạn, ở vào cái quan hệ vừa thầy vừa bạn với Khổng Tử. Câu "vấn ư Trọng Ni viết" tức là hỏi Khổng Tử. Ông ta nói: Vương Đài này quái thật, hai chân mất rồi, coi như người tàn tật, vậy mà học trò đông vô kể, danh tiếng lớn ngang với ông. **"Trung phân Lỗ"** (chia đôi nước Lỗ): nước Lỗ chia làm hai nửa danh tiếng, nửa của ông, nửa của Vương Đài.

Nếu soi dưới góc độ hài hước, nước Lỗ quả nhiều nhân tài, ít ra cũng phải đếm được ba người: một là Vương Đài như Trang Tử kể, hai là Khổng Tử, còn ba là kẻ giành cơm của Khổng Tử, kẻ Khổng Tử vừa lên nhậm đã giết ngay, tức Thiếu Chính Mão; cả ba đều là hạng phi thường. Nhưng Thiếu Chính Mão là người ra sao? Học thuật của ông ta chẳng truyền lại; nếu có truyền lại, chắc chắn mê hoặc người vô cùng, bởi tư tưởng của ông ta hết sức quái lạ.

Giờ nói về Vương Đài: "lập bất giáo, tọa bất nghị, hư nhi vãng, thực nhi quy". Chao ôi, con người này thật đáng nể! Ngươi cứ xin quy y làm môn đồ ông ta đi, ông ta chưa từng mở lớp một buổi nào; cũng chẳng có gì chỉ trích ngươi, mắng ngươi, khuyên bảo ngươi, đều không. "Lập bất giáo, tọa bất nghị": ngồi trước mặt ông ta nửa ngày, ông ta chẳng buông nổi một câu. Chữ nghị nghĩa là thảo luận; ông ta chưa từng bàn bạc vấn đề nào với ngươi. Vậy mà lạ thay, hễ gặp ông ta rồi, kẻ vốn chẳng hiểu gì, sau khi nhập môn theo học, "thực nhi quy", đều trở về đầy ắp; bụng chất đầy kinh luân, hiểu hết mọi điều.

Theo lời tả ấy, người này còn hơn Khổng Tử một bậc; vậy chúng ta tình nguyện làm học trò của ông ta, tốt biết mấy! Chẳng phải đi lớp, chẳng phải thi cử, lại chẳng cần xem truyền hình, chẳng cần nghe máy ghi âm; ông ta ngồi đấy, ngươi tự nhiên như hiểu hết mọi điều, đủ cả mọi học vấn. "Cố hữu bất ngôn chi giáo": nền giáo dục chẳng cần nói năng, e rằng khoa học tiến bộ đến mấy cũng chưa với tới; ít nhất còn phải giáo dục bằng mắt bằng tai, cầm lấy cái máy ghi âm gì đó; ông ta chẳng cần, đó là thân giáo của bất ngôn chi giáo. Mà nếu là thân giáo, cứ đi theo ông ta, há chẳng phải hai chân lại gãy thêm sao! Nên chúng ta đành theo ông ta học ngồi thiền thôi, chẳng tốn đến chân mà! "Vô hình nhi tâm thành giả da!" Hình ngoài chẳng hề lưu dấu vết, tâm bên trong tự ngộ đạo. Thường Quý hỏi Khổng Tử: đời có thật bậc khéo dạy học, khéo truyền đạo như thế chăng? "Thị hà nhân dã?" Gã Vương Đài kia rốt cuộc là người gì? Thường Quý nói thật chẳng tài nào hiểu nổi.

Trọng Ni viết:

Khổng Tử đáp:

Phu tử, thánh nhân dã,

Vị thầy kia là bậc thánh nhân;

Khâu dã trực hậu nhi vị vãng nhĩ.

ta Khâu chỉ chậm bước mà chưa kịp đến học thôi.

Khâu tương dĩ vi sư, nhi huống bất nhược Khâu giả hồ!

Ta còn định lấy ông làm thầy, huống nữa những kẻ chẳng bằng ta!

Hề giả Lỗ quốc, Khâu tương dẫn thiên hạ nhi dữ tòng chi.

Há chỉ riêng nước Lỗ; ta định dắt cả thiên hạ cùng theo ông.

Khổng Tử nói: ngươi hỏi ông ấy à? Ông ấy là bậc thánh nhân đích thực, người đã đắc đạo. "Khâu dã trực hậu nhi vị vãng nhĩ", ông bảo ta Khổng Khâu trong lòng sớm muốn đến ghi danh làm học trò, chỉ chưa kịp đi thôi; xe buýt chưa bắt được, bên đó đông quá, ta chậm một bước. "Khâu tương dĩ vi sư, nhi huống bất nhược Khâu giả hồ!" Ta còn chuẩn bị bái ông ấy làm thầy, huống nữa người thường kém hơn ta, càng phải lấy ông ấy làm thầy. "Hề giả Lỗ quốc, Khâu tương dẫn thiên hạ nhi dữ tòng chi." Há riêng gì người nước Lỗ mới nên bái ông ấy làm thầy; ta định hô hào cả thiên hạ, cả thế giới cùng theo học ông ấy. Càng nói càng thần; Vương Đài là một con người như thế đấy.

Thường Quý viết:

Thường Quý nói:

Bỉ ngột giả dã, nhi vượng tiên sinh,

Ông ấy là kẻ cụt chân, mà lại vượng trên thầy ngươi,

kỳ dữ dung diệc viễn hĩ.

cái tác dụng của ông ấy thì cao xa sâu rộng hơn hẳn.

Nhược nhiên giả, kỳ dụng tâm dã độc nhược chi hà?

Nếu thật như lời thầy, thì cái cách ông ấy vận dụng tâm ấy độc đáo ra sao?

Thường Quý nghe thế càng lấy làm lạ: "Bỉ ngột giả dã", một kẻ chẳng còn đôi chân; "nhi vượng tiên sinh": chữ vượng (王) nghĩa là vượt trên mọi người, đứng đầu thiên hạ, vượng tiên sinh tức vượt trên cả thầy ngươi. "Kỳ dữ dung diệc viễn hĩ": chữ dung (庸) đây chính là dùng; theo lời thầy nói, tác dụng của ông ấy cao xa sâu rộng. "Nhược nhiên giả", giả sử ông ấy thật phi thường như thầy vừa tả, thì đạo của người ấy ở đâu? "Kỳ dụng tâm dã độc nhược chi hà?" Tâm pháp truyền tâm của ông ấy nằm chỗ nào? Trung tâm học vấn của ông là gì? Khổng Tử trả lời vấn đề này.

Trọng Ni viết:

Trọng Ni đáp:

Tử sinh diệc đại hĩ, nhi bất đắc dữ chi biến.

Chết sống cũng là việc lớn, mà ông ấy chẳng bị nó lay chuyển.

Tuy thiên địa phúc trụy, diệc tương bất dữ chi di.

Dù trời đất sập đổ, ông ấy cũng chẳng cùng nó tan biến.

Thẩm hồ vô giả nhi bất dữ vật thiên,

Ông ấy sáng tỏ nơi chỗ chẳng mượn nhờ, chẳng theo muôn vật trôi dạt,

mệnh vật chi hóa nhi thủ kỳ tông dã.

nắm lấy sự hóa của muôn vật mà giữ vững cái tông gốc.

Khổng Tử nói, trên đời có một vấn đề lớn, chính là vấn đề sinh tử của con người. Sinh mệnh loài người từ đâu mà có? Trước có gà hay trước có trứng? Nhà triết học phương Tây hỏi: trước có đàn ông hay trước có đàn bà? Hôm nay chẳng phải giáo sư Lưu lên lớp giảng tôn giáo so sánh đấy thôi? Lời phương Tây thì Thượng Đế tạo người đàn ông xong, không có việc gì làm, bèn khoét lấy một khung xương sườn của người đàn ông, tạo nên người đàn bà. Giáo sư

Lưu giảng rất vui, thấy rõ Thượng Đế đối với chúng tôi phụ nữ chẳng dính dáng gì. Vậy sinh tử rốt cuộc từ đâu mà ra? Đàn ông đàn bà rốt cuộc từ đâu mà ra?

Cho nên Thiền tông đề xướng phải liễu sinh tử: trước lúc cha mẹ chưa sinh ta, sinh mệnh này của ta ở đâu? Sau khi chết rốt cuộc có linh hồn hay chẳng có? Đi về đâu? Nên **"tử sinh diệc đại hĩ"** (chết sống cũng là việc lớn); vấn đề ấy trong văn hóa Trung Hoa, người đầu tiên rõ ràng nêu lên chính là Trang Tử. Khái niệm liễu sinh tử của Thiền tông, Trang Tử nêu ra trước; thuở ấy Phật học còn chưa vào Trung Quốc. Ông nói vị tiên sinh này đã liễu sinh tử rồi, đã đắc đạo. "Nhi bất đắc dữ chi biến", sinh tử với ông ấy chẳng còn dính dáng gì nữa. Liễu sinh tử, đắc đạo rồi, là đạt tới cảnh giới ấy, đạo đức đạt tới thành tựu tối cao.

Ông nói người liễu xong sinh tử, sự biến hóa của sinh tử chẳng còn liên quan gì đến người ấy, bởi người ấy đã đắc đạo. Suy rộng thêm: chẳng những liễu sinh tử, "tuy thiên địa phúc trụy", thế giới này hủy hoại, trái đất tan nát, vẫn chẳng dính gì đến người ấy; "diệc tương bất dữ chi di", người ấy có thể siêu thoát độc lập ngoài cõi vật chất. Thế giới trời đất chúng ta đang sống là vật chất cấu thành; trái đất hủy diệt là biến hóa của vật chất; tới khi trái đất sắp hủy diệt, e rằng người ấy chẳng cần động đến hai chân đã siêu thoát mất rồi, nên chuyện trái đất hủy diệt chẳng dính gì đến người ấy.

"Thẩm hồ vô giả", bốn chữ này khó nói lắm, nói kỹ ra: nghĩa của "thẩm" và "vô giả" là xuyên qua hai mặt vật lý và tinh thần, tham cứu đạt tới trí tuệ hiểu thấu vạn sự, chẳng cần vay mượn bất cứ thứ gì khác. Con người đều nương vào vật chất mà sống; xác thịt chúng ta cũng là vật chất, là thứ mượn tạm; bởi sinh mệnh này dựa vào thể xác, thể xác cho ta vay mượn vài chục năm, dùng hết, thể xác cũng hóa đi. Vương Đài này đã vượt khỏi chỗ ấy, chẳng cần bất cứ chỗ nương tựa nào, chẳng cần bất cứ sự vay mượn nào. "Nhi bất dữ vật thiên", nếu ông ấy chẳng động, thì chẳng theo sự biến hóa của vật chất mà trôi chảy; chúng ta mượn tạm một danh từ Phật học: ông ấy đã đạt tới cảnh giới **"bất động địa"** (địa vị chẳng còn lay chuyển). Mật tông có một vị Phật gọi là Bất Động Minh Vương; ông nói người này đã tới cảnh giới Bất Động Minh Vương rồi. Bất Động Minh Vương có thể vượng thiên hạ; điều mà vị Phật này đại diện, chính là "nhi bất dữ vật thiên": mặc vật chất thế gian hóa biến thế nào, ngài cứ đứng đấy nhìn như người ngoài cuộc.

"Mệnh vật chi hóa", bất luận chúng ta ai, hết thảy muôn vật, hết thảy chúng sinh, sinh mệnh đều chịu ảnh hưởng của sự biến hóa vật chất; mà vị tiên sinh Vương Đài này, bất dữ vật thiên, chẳng chịu ảnh hưởng, bởi "thủ kỳ tông dã". Chúng ta gọi nó là đạo; tôn giáo phương Tây có thể gọi là Thượng Đế, là thần; Phật giáo thì gọi là Như Lai, niết bàn, bồ đề; dù sao vẫn có cái ấy, vạn biến chẳng lìa tông gốc. Khổng Tử khen người này tới mức ấy, tôn vinh ông ấy vô cùng. Thường Quý nghe xong, đầu óc càng thêm rối mù.

Núi chẳng phải núi, nước chẳng phải nước

Thường Quý viết: Hà vị dã?

Thường Quý hỏi: Nghĩa là sao vậy?

Trọng Ni viết:

Trọng Ni đáp:

Tự kỳ dị giả thị chi, can đảm Sở Việt dã;

Nhìn theo mặt khác biệt, gan với mật cũng khác nào nước Sở với nước Việt;

tự kỳ đồng giả thị chi, vạn vật giai nhất dã.

nhìn theo mặt giống nhau, muôn vật đều là một.

Ông ta thưa: Thầy ơi, chắc hôm nay thầy bị cảm rồi, thầy nói cái chuyện gì vậy! Khổng Tử đáp bằng hai câu: **"tự kỳ dị giả thị chi, can đảm Sở Việt dã; tự kỳ đồng giả thị chi, vạn vật giai nhất dã"** (nhìn từ phía khác biệt thì gan mật cũng như Sở với Việt; nhìn từ phía giống nhau thì muôn vật đều là một). Tư tưởng văn hóa Trung Hoa, cả văn chương, chính trị, mà nhất là triết học Trung Hoa, đều được Trang Tử đem cảnh giới văn chương ra mà miêu tả. Hai câu này nghe rườm rà thật! Nhưng nó đại biểu cho kiến giải, tầm nhìn của con người, cái gọi là học vấn trí tuệ; giờ này ta chẳng bàn đạo đâu, chỉ bàn đệ nhị nghĩa nằm dưới đạo thôi.

Ông nói, việc gì cũng vậy, vật gì cũng vậy, người nào cũng vậy, "tự kỳ dị giả thị chi": nếu đeo cặp kính màu sắc để nhìn, hoặc đứng từ những góc độ khác nhau mà xét, quan niệm quan điểm của ngươi sẽ khác hẳn nhau. Trong cơ thể ta, gan với mật nối liền nhau; nhưng đứng từ góc độ khác mà nhìn thì gan với mật, tựa như nước Sở với nước Việt. Lấy cục thế Xuân Thu Chiến Quốc mà ví: Sở với Việt tranh cường đoạt bá, hai vùng đất khác nhau, quốc thế hai nước cũng khác. Đem ra ngày nay nói, tựa như Liên Xô với Mỹ: tuy đều là người da trắng, giữa họ có nhiều mâu thuẫn, nhiều quan hệ lợi hại. "Tự kỳ đồng giả thị chi": đứng trên một quan niệm thống nhất mà xem, đổi một góc độ khác mà nhìn, thì "vạn vật giai nhất dã", muôn vật là một thể, chỉ là một thôi.

Nói cách khác, dù là nhân sinh hay là đạo, mỗi người chỉ nắm được một điểm, che mờ trí tuệ của mình; nếu đem cách nhìn ấy mà soi đạo hình nhi thượng, soi muôn vật hình nhi hạ, thì tiêu đời; bởi ai có kiến giải nấy, càng nhìn càng sinh nóng giận. Nếu người đắc đạo, từ một lập trường siêu thoát, từ con mắt trí tuệ khác mà nhìn, thì muôn vật thiên hạ đều là một thể, đều đáng yêu, đều giống chính ta, chẳng có gì phân biệt. Thế nào gọi là đắc đạo? Chính là điều Phật học nói: trí tuệ của người đắc đạo gọi là vô phân biệt trí (trí tuệ chẳng phân biệt). Còn nếu dùng quan niệm có phân biệt mà nhìn thì gan mật chính là Sở Việt, ta coi chúng như oan gia; giả sử dùng vô phân biệt trí mà nhìn thì những thứ mâu thuẫn đều chẳng mâu thuẫn, đều là một. Bởi Khổng Tử thấy Thường Quý chưa hiểu, nên tiến thêm một bước giảng rõ đạo lý.

Phù nhược nhiên giả,
Vậy nếu đạt tới mức ấy,

thả bất tri nhĩ mục chi sở nghi,
thì quên luôn điều thích của tai mắt,

nhi du tâm hồ đức chi hòa;
mà để tâm du dật trong sự hòa hợp của đức;

"Phù nhược nhiên giả", cho nên, ngươi hiểu được đạo lý ấy là hiểu được tu đạo, hiểu được đạo đức. Trang Tử đang truyền đạo, lại mượn miệng Khổng Tử mà truyền đạo, nói cái tu dưỡng thật sự, cũng tức là công phu tu đạo của Khổng Tử. **"Bất tri nhĩ mục chi sở nghi"** (quên điều thích của tai mắt): ngươi có thể ngày ngày quên tai, quên mắt, chẳng bị thanh sắc xoay chuyển, chẳng bị ngoại cảnh cám dỗ; ví như trong đây nhiều bạn học Phật ngồi thiền, nói thật, dẫu ngươi cứ ngồi thiền đấy, thì vẫn bị hai thứ âm thanh và sắc tướng kéo lôi. Tai nghe tiếng động, chẳng phải chỉ cái tai, mà là thói quen thích nghe; nên khi trì chú, đủ thứ âm thanh hiện ra, vì tập quán thích nghe tiếng. Thứ nữa là tham sắc: nhắm mắt ngồi thiền, tuy chẳng nhìn ra ngoài, vẫn cứ nhìn chằm chằm vào khoảng tối đen hoặc trắng mờ mờ phía trước; thói quen nhìn vẫn còn nguyên đó.

Ngươi có thể quên được hai ngoại cảnh thanh sắc, quên công dụng của tai mắt, rồi chẳng cần xếp bằng ngồi thiền, bước ra xã hội này mở mắt mở tai, quên điều mắt nhìn, thấy núi chẳng phải núi, thấy nước chẳng phải nước; nghe tiếng

động, chẳng phải nghe chẳng phải nhìn, nhưng đều biết hết. Vẫn thấy cả, vẫn nghe cả, nhưng chẳng dính dáng gì tới tâm ngươi; đó chính là "bất tri nhĩ mục chi sở nghi", quên sạch thanh sắc tai mắt.

Vậy tâm ngươi ở đâu? **"Du tâm hồ đức chi hòa"** (để tâm du dật trong sự hòa hợp của đức): cảnh giới tâm luôn luôn bình tịnh, an lành, chẳng vì thanh sắc bên ngoài mà làm loạn tâm ngươi. Nếu thấy người này thì giận, thấy người kia thì mừng, đều chẳng đúng, đó là bị con mắt lừa; nghe khen thì vui sướng, nghe mắng thì giận dữ, đó là bị đôi tai lừa, là chẳng được cái hòa. "Du tâm hồ đức chi hòa": cảnh giới tâm ngươi lúc nào cũng vui vẻ an lành, du hí giữa thế gian này, đó chính là dụng của đạo. Đến mức ấy thì ngươi chẳng cần xếp bằng nữa, hai chân đứng dậy chẳng sao, thế giới này ngươi đi được rồi; bằng không thì y như Vương Đài, hai chân bị cưa bỏ, ngồi một chỗ.

Vật thị kỳ sở nhất nhi bất kiến kỳ sở tang,
Xem muôn vật chỉ thấy cái một của nó mà chẳng thấy cái mất của nó,

thị tang kỳ túc do di thổ dã.
nhìn chiếc chân đã mất tựa như chút đất rơi vãi.

Cho nên tu dưỡng tới mức ông Vương Đài ấy: ông ấy nhìn hết thảy sự vật trên đời, vô phân biệt, đẹp với xấu đều hay cả, chẳng có đẹp, cũng chẳng có xấu. Hỏi ông ấy có thấy không? Thấy chứ, nhưng trong lòng vô phân biệt, an hòa tự tại, bình hòa lắm. Hơn nữa nhìn muôn vật, **"thị kỳ sở nhất"** (chỉ thấy cái một của muôn vật): ông ấy chỉ thấy một thứ ấy thôi, chẳng có phân biệt mỹ xấu, thiện ác, phải trái, tất cả là một thể. **"Bất kiến kỳ sở tang"** (chẳng thấy cái mất của nó): ông ấy chẳng thấy bất cứ khuyết điểm nào, cũng chẳng thấy ưu điểm nào. Ngươi tưởng ông ấy là người tàn tật không chân, nhưng ông ấy quên luôn mình có chân hay không; ông ấy vẫn đi lại được dù chẳng có chân, tức là có thần túc thông (thần thông tự tại về chân) rồi. Các bạn thấy Trang Tử dẫn chuyện lạ lùng thay! Thực ra người ngồi thiền xếp bằng, chẳng khác nào chẳng có hai chân; rồi công phu tới mức quên cả chân; cảnh giới tâm tu dưỡng nổi tới công phu ấy thì không chân cũng đi lại được, chính là thần túc thông nhà Phật nói.

Thường Quý viết:
Thường Quý nói:

Bỉ vi kỷ, dĩ kỳ tri đắc kỳ tâm,
Ông ấy là vì chính mình; nhờ trí mà tìm được cái tâm của mình,

dĩ kỳ tâm, đắc kỳ thường tâm,
nhờ cái tâm ấy mà đạt được cái thường tâm,

vật hà vi tối chi tai?
vậy muôn vật đối với ông ấy còn can hệ gì nữa?

Người học trò này của Khổng Tử khó dạy ghê; lời bàn tầng trên ông ta chẳng hiểu, Khổng Tử dùng lời lẽ tầng dưới, đệ nhị nghĩa, rốt cuộc dạy cho ông ta ngộ, Thường Quý cuối cùng cũng hiểu. **"Bỉ vi kỷ, dĩ kỳ tri đắc kỳ tâm"** (ông ấy là vì chính mình; nhờ trí mà tìm được cái tâm của mình): Thường Quý bảo, tôi hiểu rồi; ông ấy khai ngộ, đắc đạo rồi, ông ấy thấy được bản lai diện mục của chính mình, nhận ra được mình. Chúng ta sống trọn một đời, chẳng biết mình là gì! Tuy nghĩ được, dùng được, nhưng cái có thể nghĩ ấy là gì? Khi ngủ, cái ta của ta là gì? Cái thân xác thịt này chẳng phải ta đâu! Đây chỉ mượn tạm mà dùng. Ông nói, thưa thầy, giờ tôi hiểu rồi: ông ấy đã ngộ đạo, nhờ đó có thành tựu trí tuệ. "Bỉ vi kỷ, dĩ kỳ tri đắc kỳ tâm": ông ấy minh tâm kiến tính rồi, tìm ra được cái tâm của chính mình, do đó ông ấy khéo dùng tâm mình; **"dĩ kỳ tâm, đắc kỳ thường tâm"** (nhờ cái tâm ấy đạt được cái thường tâm): đạt

được cái thường tâm thật sự của mình. Cái tâm này vĩnh viễn chẳng đổi; nó vừa hiện diện khắp mọi nơi, vừa chẳng cố định ở đâu cả; cái tâm ấy ông ấy nắm chắc rồi. **"Vật hà vi tối chi tai?"** (muôn vật còn can hệ gì nữa?) Vì thế muôn vật đối với ông ấy chẳng còn can hệ, chẳng lay chuyển nổi tâm ông ấy. Tựa hồ Thường Quý cũng ngộ lời Khổng Tử; Khổng Tử cũng đang dạy ông ta: người tu dưỡng nổi tới mức chẳng bị mắt lừa, chẳng bị tai lừa, tâm này luôn an lành, giữa chốn thế lộ nan hành mà vẫn hạnh phúc bước đi. Đó chính là dụng của đạo, là đức; tu dưỡng tới cảnh giới ấy mới đáng gọi là người có đạo đức.

Biết dừng rồi mới định

Trọng Ni viết:

Trọng Ni nói:

Nhân mạc giám ư lưu thủy nhi giám ư chỉ thủy,

Người chẳng lấy nước chảy làm gương, mà lấy nước lặng làm gương;

duy chỉ năng chỉ chúng chỉ.

chỉ có sự lặng mới làm cho muôn sự lặng được.

Phật học giảng tu chỉ tu quán, mà Trang Tử với Khổng Tử sớm truyền chỉ quán rồi. Khổng Tử nói, chỉ ngộ đạo mà chẳng có công phu thì chưa đủ, còn phải tu chỉ tu quán. Ông nói "nhân mạc giám ư lưu thủy nhi giám ư chỉ thủy": nước đang chảy thì chẳng thể làm gương được; đợi nước ngừng chảy, lắng trong rồi, mới làm gương được, soi phản lại gương mặt chính mình.

Các bậc thánh giáo chủ đều khéo lấy nước làm phép ví: Lão Tử nói **"thượng thiện nhược thủy"** (đức tốt nhất tựa như nước); Khổng Tử cũng khen nước, **"thệ giả như tư phù"** (cái đã qua cứ thế mà trôi vậy); Trang Tử ở đây lại lấy nước làm ví; Thích Ca Mâu Ni Phật cũng từng lấy nước biển làm ví; đến học thuyết Duy thức nói **"nhất thiết chủng tử như bạo lưu"** (hết thảy hạt giống như dòng thác cuộn), cũng lấy nước làm phép ví. Nên về phép ví nước này, phải đi sâu mà thể nghiệm. Tình trạng tâm lý con người mãi mãi như một dòng nước chảy; sóng lòng chẳng bao giờ ngừng được, cho nên mãi mãi chẳng ngộ đạo, mãi mãi chẳng đắc đạo.

Trang Tử mượn miệng Khổng Tử nói ra: "nhân mạc giám ư lưu thủy", nước chảy chẳng làm gương được; tạp niệm vọng tưởng trong lòng ngươi như nước chảy chẳng thể lặng, thì mãi mãi chẳng thấy đạo; "nhi giám ư chỉ thủy": phải làm sóng thức trong tâm ngừng hẳn, lặng hẳn, mới minh tâm kiến tính được. Ông nói, "duy chỉ năng chỉ chúng chỉ": Chỉ có đạt tới cảnh giới chỉ, cảnh giới định, mới làm ngừng được hết thảy động tướng. Nếu niệm tâm chẳng trong trẻo như nước lặng, thì mãi mãi chẳng có trí tuệ, mãi mãi chẳng ngộ đạo; mà dòng chảy sinh mệnh cũng mãi chẳng tự làm chủ được, mãi chẳng liễu thoát sinh tử. Nên chúng ta tu đạo phải liễu sinh tử, phải xếp bằng phải tu hành, đến lúc chết, cười một tiếng là đi! Đến kiếp sau tái sinh cũng phải có phần chắc chắn. Rất nhiều tổ sư Thiền tông cùng mấy vị Nho gia đời Minh đều đạt tới mức ấy. La Cận Khê đời Minh cũng vậy: đã nói từ biệt, ngồi trên ghế đi luôn; môn đồ quỳ xuống khóc: thầy ơi, thầy ở lại thêm chút nữa! Được rồi, được rồi, các cậu phiền thật, ta ở lại chút vậy! Sống thêm một ngày, rồi nói thôi, chẳng làm nữa, lại ra đi lần nữa. Chính là bản lĩnh ấy: công phu chỉ định.

Thiên này mở đầu nêu chuyện Vương Đài là người tàn tật, nhưng môn sinh đệ tử theo học đông hơn Khổng Tử, bắt đầu từ câu chuyện ấy. Nên có người hoài nghi hỏi Khổng Tử: người ấy vì sao có thành tựu lớn thế! Khổng Tử liền nói: ông ấy đã là người liễu sinh tử rồi, rồi lấy thành tựu xuất thế, nhập thế xử lý việc thế gian. Trọng điểm phía trước giảng tới: "nhân mạc giám ư lưu thủy nhi giám ư chỉ thủy, duy chỉ năng chỉ chúng chỉ." Giảng chữ chỉ, cùng tầm quan trọng

của tu chỉ quán. Từ điểm này ta hiểu được: chẳng riêng Đạo gia, Phật gia, phàm ai giảng tu dưỡng đều trước tiên nêu một chữ "chỉ", Nho gia càng chú trọng. Như *Đại học* chúng ta đọc, trong ấy có **"chỉ ư chí thiện"** (dừng nơi chỗ thiện cùng cực), **"tri chỉ nhi hậu hữu định"** (biết dừng rồi mới có định), đều trước tiên nêu chữ chỉ này. Chỉ tức niệm tâm chuyên nhất, chỉ vào một; đó là công phu tu dưỡng lớn nhất.

Tư tưởng ta rối loạn, đau khổ, phiền não, chính bởi niệm tâm chẳng thể dừng lại được; niệm tâm được chỉ là tu dưỡng nội tại căn bản, rồi hành vi bên ngoài cũng phải làm nổi chữ chỉ. Chữ chỉ, là đời người quyết một mục tiêu, một con đường, dừng nơi một điểm: muốn làm một người thế nào! Chẳng phải tán loạn, chẳng phải tùy tiện, chẳng phải làm ra một sự nghiệp gì, mà là muốn làm một kiểu người thế nào. Nếu muốn làm người có đạo đức phi thường, thì hướng về mục tiêu đạo đức mà đi; nếu muốn làm kẻ xấu, người ấy cho rằng làm vậy mới phải, đó là dừng nơi cái xấu. Muốn làm người dừng nơi cái thiện, còn khó hơn làm người dừng nơi cái xấu nữa; đạo lý là: dùng hành vi thiện, khiến hành vi ác chẳng phát sinh tác dụng, chuyên chú vào chí thiện; chuyện này trong *Đại học* Tăng Tử soạn bàn rất nhiều rồi. Nay Trang Tử lại dẫn lời Khổng Tử nêu chữ chỉ. Phía trước ta giảng đại ý, giờ giảng tiếp nguyên lý và tu dưỡng của chữ chỉ.

Thụ mệnh ư địa, duy tùng bách độc dã tại, đông hạ thanh thanh;
Chịu mệnh từ đất, chỉ riêng tùng bách tồn tại vững vàng, hè đông đều xanh tươi;

Thực vật là thứ mọc lên trên đất; hết thảy cỏ cây, duy có cây tùng cây bách, cái gọi là **"ôn bất tăng hoa, hàn bất cải diệp"** (mùa ấm chẳng thêm hoa, mùa lạnh chẳng đổi lá). Mùa hè oi bức, chẳng thấy nó xanh hơn đặc biệt; tới đông rét, cũng chẳng tàn phai; nó mãi mãi xanh tươi. Đạo lý này nói điều gì? Chữ chỉ. Tính tùng bách mãi mãi thường tân chẳng đổi; cảnh giới nhân sinh, chính mình cũng phải tìm cho được một cái thường đạo; muốn làm người hiền, làm người tốt, chọn pháp thiện nào thì theo đúng con đường ấy mà làm; cũng tức điều Phật gia giảng, trước tiên phải có định lực. Nên đoạn kinh dẫn tùng bách mà chứng minh: "thụ mệnh ư địa, duy tùng bách độc dã tại, đông hạ thanh thanh", dù đông hay hạ, nó mãi mãi thường xanh.

Thụ mệnh ư thiên, duy Thuấn độc dã chính,
Chịu mệnh từ trời, chỉ riêng Thuấn là ngay thẳng,

hạnh năng chính sinh, dĩ chính chúng sinh.
may nhờ chính được cái sống của mình, mới chính nổi được muôn người.

Từ thực vật nói sang người: người xưa gọi thụ mệnh ư thiên địa, thực vật khoáng vật nhiều thứ thụ mệnh ư thiên, hoặc thụ mệnh ư địa; duy có người là thụ mệnh ư chính khí trời đất. **"Thụ mệnh ư thiên, duy Thuấn độc dã chính"** (chịu mệnh từ trời, chỉ riêng Thuấn là ngay thẳng): Trang Tử chỗ này chẳng nhắc Nghiêu, cũng chẳng nhắc Vũ; ba thánh nhân Nghiêu Thuấn Vũ, ông chỉ nhắc Thuấn; trong đó là một vấn đề đấy. Thánh đức của Nghiêu quả phi thường, nhưng thân thế riêng của Nghiêu chẳng gian khổ bằng Đại Thuấn; xuất thân của Đại Thuấn đau khổ, gia đình chẳng trọn vẹn, cha mẹ đều chẳng ra gì, anh em cũng chẳng ra gì; trong hoàn cảnh gia đình bất hạnh ấy, Thuấn vẫn luôn giữ nổi chữ chỉ, sự an định, quyết đi một đường chính của nhân sinh; rốt cuộc quân lâm thiên hạ, dắt trời đất theo đường ngay. Nên Trang Tử đặc biệt nêu Thuấn ra nói, ông cho rằng làm người phải lấy Thuấn làm gương.

"Hạnh năng chính sinh, dĩ chính chúng sinh": trọng điểm nằm ngay câu này; từ trên giảng xuống tới đây, đây là một mấu chốt quan trọng. Một người, phải tự chính nổi mình, mới chính nổi được chúng sinh. Câu ấy tức là: một người tự mình chính được, mới chính nổi người; cũng chính là Nho gia nói kỷ lập lập nhân (lập mình rồi lập người); Phật gia thì tự độ độ tha; nên ba nhà Nho, Thích, Đạo, con đường đều một.

Vậy làm sao người trở nên chính nhân quân tử được? Trước hết phải chỉ, tâm cảnh mới định được, kiến giải cũng định; tức kiến giải tầm nhìn phải ngay thẳng. Nói theo lời ngày nay: quan niệm phải xác định, phải chẳng đổi, chẳng bị hoàn cảnh lay chuyển, một quan niệm quyết tiến về trước chẳng lùi bước. Giờ ông nêu ra một lý do.

Có đầu có cuối

Phù bảo thủy chi chinh, bất cụ chi thực.

Giữ trọn mối khởi đầu, ấy là dấu chứng; chẳng sợ hãi, ấy là thực chất.

Dũng sĩ nhất nhân, hùng nhập ư cửu quân.

Một kẻ dũng sĩ một mình, hùng khí xông vào chín đạo quân.

Tương cầu danh nhi năng tự yếu giả, nhi do nhược thị,

kẻ cầu danh mà tự chủ nổi mình, còn đạt tới cái thế ấy,

"Bảo thủy" chính là mối khởi tâm động niệm lúc bắt đầu, động cơ ban đầu, cũng tức là điểm bắt đầu của quan niệm nhân sinh: muốn làm một người thế nào. "Chi chinh" là hậu quả. Người phải có đầu có cuối, chính là điều Khổng Tử từng nói: **"cửu yếu bất vong bình sinh chi ngôn"** (trải qua thời gian lâu dài vẫn chẳng quên lời nói của cả đời). Đôi khi chúng ta rộng lượng hứa hẹn một việc, nói một câu rất dễ, nhưng chẳng thể qua vài ngày lại quên mất động cơ đã khiến mình nói câu ấy. Nên Khổng Tử nói, một người trải qua thời gian lâu dài mà chẳng quên lời hứa của đời mình, lời đã nói ắt làm tới nơi tới chốn, có đầu có cuối; làm nổi như thế là người phi thường rồi. Bình thường đọc đến câu này ta chẳng thấy gì quan trọng; nhưng nếu trải nghiệm nhân sinh nhiều rồi, mới biết "cửu yếu bất vong bình sinh chi ngôn" là điều cực kỳ khó làm nổi.

Ví như kết bạn, hay trai gái vì tình yêu nên vợ chồng, chẳng quá bao lâu đều phát sinh vấn đề, quyết chẳng còn là bộ dạng yêu thương ban đầu; đó chính là lâu ngày quên mất lời hứa của đời mình. Lúc đầu có thể vì ngươi mà chết, vì ngươi mà sống, làm được hết mọi thứ; cuối cùng muốn vì ngươi mà nửa chết nửa sống cũng chẳng nổi. Con người vốn vậy, rồi sẽ quên mất lời nguyền ban đầu ấy; nên khi nói một câu, chớ nhẹ dạ mở miệng, càng chớ nhẹ dạ khởi một động cơ; bởi **"bảo thủy chi chinh"** (giữ trọn mối khởi đầu) rất khó, tức là có đầu có cuối rất khó.

"Bất cụ chi thực": trên đường đời, chẳng sợ hãi điều gì, dũng cảm tiến về trước. Một người chẳng sợ gì, chẳng sợ chết chẳng sợ ma, đều dễ; nhưng rất sợ nhân sinh. Cuộc sống ép buộc, áp lực hoàn cảnh, lâu dần khiến người ta đối với xã hội, đối với sinh mệnh sinh ra một thứ sợ hãi; người ta tự nhiên rơi tới mức ấy; gần như chẳng có ai là không sinh ra sợ hãi trước đường đời. Thơ cổ có câu **"thế sự mang mang nan tự lương"** (chuyện đời mịt mờ khó tự đo lường); ai cũng có cảm giác ấy: tiền đồ ra sao, hậu vận thế nào, chẳng ai biết, nên nhân sinh đầy những sợ hãi.

Chúng ta muốn làm nổi "bất cụ chi thực" trong nhân sinh, tức là thực tế phải làm nổi sự chẳng sợ. "Bảo thủy chi chinh, bất cụ chi thực", hai câu này rất quan trọng: muốn cầu kết quả tốt, phải để ý có khởi đầu tốt, đó chính là **"bảo thủy chi chinh"** (giữ trọn mối khởi đầu). Một người xác định con đường đạo đức rồi, phải chẳng sợ tất cả, không khiếp, không kinh sợ, đó chính là **"bất cụ chi thực"** (chẳng sợ hãi, ấy là thực chất); dù chịu trắc trở gì vẫn ngay thẳng đi tiếp trên con đường ấy. Dưới đây ông lấy dũng sĩ làm phép ví.

"Dũng sĩ nhất nhân, hùng nhập ư cửu quân" (một kẻ dũng sĩ một mình, hùng khí xông vào chín đạo quân): lúc tác chiến trên chiến trường, một đại dũng sĩ phát chí xông lên, nghìn quân vạn mã chẳng ngại, một người một ngựa lao thẳng vào; cái gọi là "hùng nhập ư cửu quân", trong lịch sử quân sự Trung Hoa lẫn nước ngoài rất nhiều. Vậy những người ấy vì cái gì? **"Tương cầu danh nhi năng tự yếu giả, nhi do nhược thị"** (kẻ cầu danh mà tự chủ nổi mình, còn

đạt tới cái thế ấy): vì thành công, vì thắng lợi, một cỗ can đảm dâng lên lúc ấy, sinh tử chẳng màng. Cuối cùng thì sao? Như binh pháp nói **"trí chi tử địa nhi hậu sinh"** (đặt mình vào chỗ chết rồi mới được sống): người ấy thành công, thành danh; đó là cỗ can đảm rộng lượng, chuyên nhất, coi cái chết như về nhà.

Một người giữa chiến trường nghìn quân vạn mã, quên sinh tử ra sức đánh, giành được thành công thành danh, thế thì còn dễ. Nhưng trên hành trình nhân sinh, bị cắt nhỏ gọt tỉa từ từ mà bước đi, có lúc thật chịu không nổi, sinh ra cảm giác sợ hãi. Lúc ấy còn giữ nổi chẳng sợ, chẳng lo, chẳng phiền não, có đầu có cuối, mới là người phi thường.

Đoạn này nói tu chỉ thế nào, làm sao đắc được cái chính của trời đất, tức là điều *Đại học* giảng: chính tâm, thành ý. Đắc chính thế nào? Phải có can đảm, có quyết tâm, đối mặt nhân sinh, đối mặt mục tiêu mình xác định, cứ thế tiến lên phía trước; người ấy chẳng có cái nào là chẳng thành công. Phía trên nói người thường, dưới đây nói tiến thêm một tầng nữa.

Người có đạo sống thế nào

Nhi huống quan thiên địa, phủ vạn vật,

Huống nữa coi quản trời đất, bao chứa muôn vật,

trực ngụ lục hài, tượng nhĩ mục,

thẳng thắn tạm trú trong lục hài, tai mắt chỉ dùng theo kiểu biểu tượng,

nhất tri chi sở tri, nhi tâm vị thường tử giả hồ!

bằng một cái biết mà biết hết các cái biết, mà tâm chưa từng chết!

Đây lại tiến thêm một tầng: phía trước nói một người có can đảm đã là phi thường, nhưng phải có định lực mới làm nổi, giữa nghìn quân vạn mã chẳng ngại ngần gì. Phàm kẻ muốn thành công đều phải có quyết tâm ấy, cũng phải có định lực ấy. Nhưng người còn vĩ đại hơn những kẻ thành công ở nhân gian chính là người tu đạo; bởi thành quả tu đạo là "quan thiên địa": chữ **"quan"** (官 - quản, coi giữ) tức là quản; trời đất vũ trụ nằm trong tay người ấy, chịu người ấy chế ngự, mà người ấy chẳng chịu quy luật vật lý của vũ trụ chi phối. "Phủ vạn vật": chữ **"phủ"** (府 - phủ đệ, nơi chứa đựng) nghĩa là bao la ôm chứa, là một tòa phủ đệ, thứ gì cũng nhét vừa; như ngôi nhà lớn, cái gì cũng dung nạp nổi. "Phủ vạn vật" tức là chứa được muôn vật. Chúng ta người thường chỉ bị muôn vật chi phối, bị quy luật trời đất trói buộc; còn người tu đạo đạt tới cảnh giới ấy, liễu xong sinh tử, đảo lại coi quản trời đất, chứa đựng muôn vật.

"Trực ngụ lục hài" (thẳng thắn tạm trú trong lục hài): lục hài là danh từ Trang Tử nêu, ngang với lục căn mà Phật pháp nói: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, tức toàn bộ thân thể. Còn lục hài Trang Tử nói là đầu với đuôi, cùng hai tay hai chân bốn chi. Ông nói, người đạt tới cảnh giới "trực ngụ lục hài" thì chẳng còn coi thân thể này là thân thể nữa. Chữ **"ngụ"** (寓 - chỗ tạm trú) cần đặc biệt để ý: chúng ta người thường, mỗi ngày vui hay buồn, tinh thần tốt hay kém, đều bị cái thân này chi phối. Người có đạo chẳng bị thân thể chi phối; thân thể ấy ngang với cái vỏ rỗng, là ngôi nhà thuê mượn, là chỗ tạm trú, chẳng phải thứ thật sự cần; nên người ấy xem thân thể thật nhẹ nhõm.

"Tượng nhĩ mục" (tai mắt chỉ dùng theo kiểu biểu tượng): mắt tai nhìn vật nghe tiếng, chỉ dùng theo kiểu biểu tượng, chẳng bị mắt hay tai lừa. Chúng ta người thường chưa đạt tới tu dưỡng ấy, nên bị mắt lừa, bị tai lừa; ví như thấy người này thái độ với mình chẳng tốt, trong lòng liền sinh giận. Với bậc hữu đạo, dù thái độ người khác có xấu đến mấy, người ấy cũng chỉ thấy mình đang xem truyền hình: gã này diễn sao ra cái bộ dạng ấy thế! Ghét thật, xấu thật, xem xong cười ha ha một tiếng; tai mắt chẳng bị thanh sắc xoay chuyển. Nên "tượng nhĩ mục" là hình dung hình ngoài của người có đạo.

"Nhất tri chi sở tri, nhi tâm vị thường tử giả hồ!" (bằng một cái biết mà biết hết các cái biết, mà tâm chưa từng chết!): người đắc đạo trí tuệ đương nhiên cao lắm, chẳng có chút nào là chẳng biết, học vấn tự nhiên uyên bác, tự nhiên cao. Nhưng vì sao người ấy có trí tuệ cao thế, học vấn cao thế? Câu trả lời: người ấy chỉ có một thứ, chính là điều Trang Tử nêu ra bây giờ: chỉ có **"nhất tri"** (一知 - cái biết duy nhất). Cái nhất tri này chính là giác ngộ, người thường gọi là ngộ đạo; cái nhất tri này là thứ trí tuệ vốn có sẵn trong sinh mệnh, Phật học gọi là căn bản trí (trí tuệ gốc rễ). Một người đạt được thứ trí tuệ căn bản này rồi, thì hết thảy học vấn của vũ trụ muôn hữu, hết thảy sự việc lẽ phải, đều hiểu rõ.

Nên người tu đạo **"nhất tri chi sở tri"** (bằng một cái biết mà biết hết các cái biết): người ấy đạt được căn bản trí rồi, thì "chi sở tri" là nói sai biệt trí; căn bản trí đạt được rồi, hết thảy học vấn của vũ trụ muôn hữu đều hiểu, sai biệt trí (trí biết các khác biệt) cũng có đủ; sai biệt trí còn gọi là nhất thiết trí (trí biết hết thảy). Nên **"nhi tâm vị thường tử giả hồ"** (tâm chưa từng chết!)! Trong lòng người ấy liễu xong sinh tử, mãi mãi chẳng chết, chẳng sinh chẳng diệt, vĩnh viễn thường tại, mãi mãi là sống; dù thể xác này chết đi, người ấy cũng chẳng chết. Ông nói, một người tu dưỡng tới mức ấy, liễu xong sinh tử, chính là bậc hữu đạo.

Bỉ thả trạch nhật nhi đăng giả,
Ông ấy sẽ chọn một ngày mà đăng hà,

nhân tắc tòng thị dã.
người ta chỉ thấy ông ấy ra đi như thế.

Bỉ thả hà khẳng dĩ vật vi sự hồ!
Ông ấy há còn chịu đem ngoại vật làm chuyện của mình chăng!

Người có đạo sống ở thế gian là du hí tam muội, là đang chơi; đợi đến một ngày người ấy chọn sẵn ngày rồi, thì đăng hà (登遐 - lên đường xa vời mà đi). Chữ **"giả"** (假) đây chính là chữ **"hà"** (遐 - xa xôi trống rỗng), nghĩa là hướng lên mà siêu thoát; nên bậc hữu đạo tới lúc chết gọi là đăng hà. Trong văn hóa cổ, khi đế vương lãnh tụ chết, hoặc cha mẹ qua đời, con cháu chẳng nhẫn tâm nói họ chết, chỉ nói đăng hà. Điển này xuất từ *Khúc Lễ*, Trang Tử chỗ này dẫn lại. Chữ giả dùng thông với chữ hà, đời sau dùng chữ hà; đăng hà tức là thăng tiên, thành tiên rồi. Loại người có đạo ấy sống trên thế gian, đợi đến một ngày chẳng muốn chơi nữa, thì đăng hà thăng hoa mà đi. "Nhân tắc tòng thị dã": người thường nhìn thấy chỉ là người ấy ra đi, chẳng còn ở nhân gian này nữa thôi.

"Bỉ thả hà khẳng dĩ vật vi sự hồ!" (Ông ấy há còn chịu đem ngoại vật làm chuyện của mình chăng!) Loại người này, há đem những cảnh giới nhân sinh, thế giới vật lý này bỏ vào lòng! Họ chẳng thèm đoái hoài, chẳng thèm nhìn. Đoạn này Khổng Tử nói rõ về Vương Đài: hai chân không còn, vậy mà ảnh hưởng ở nước Lỗ lớn đến thế; kẻ theo ông ấy, kẻ sùng bái ông ấy còn đông hơn cả kẻ ngưỡng mộ Khổng Tử. Nên có người hỏi Khổng Tử: người này có bản lĩnh gì? Khổng Tử nói: ông ấy chẳng có tí bản lĩnh nào cả, chỉ là đắc đạo, liễu sinh tử; Khổng Tử nói: đến ta còn sắp phải đến cửa xin làm môn đồ, huống chi các người! Trang Tử mượn miệng Khổng Tử kể đoạn ấy, dưới đây lại kể một câu chuyện khác cũng về người chẳng có chân, bằng cách diễn đạt khác.

Có tự cho mình là đúng chăng?

Thân Đồ Gia, ngột giả dã,
Thân Đồ Gia cũng là người cụt chân,

nhi dữ Trịnh Tử Sản đồng sư ư Bá Hôn Vô Nhân.

mà lại cùng với Tử Sản nước Trịnh thầy học một nơi là Bá Hôn Vô Nhân.

Thân Đồ Gia là một con người: Thân Đồ là họ, Gia là tên; ông cũng là người chẳng có chân. "Trịnh" là tên đất chư hầu được nhà Chu phân phong; thừa tướng nước Trịnh gọi là Tử Sản; anh chàng tàn tật Thân Đồ Gia này lại là bạn đồng môn với thừa tướng đương triều Trịnh Tử Sản. Thầy của họ tên là Bá Hôn Vô Nhân, kiểu đặt tên của người xưa đấy. Tên người thượng cổ Trung Hoa có bốn chữ, thậm chí sáu chữ, về sau mới dần dần thành họ tên cố định.

Tử Sản vị Thân Đồ Gia viết: Ngã tiên xuất tắc tử chỉ,
Tử Sản nói với Thân Đồ Gia: Tôi ra trước thì cậu dừng lại,

tử tiên xuất tắc ngã chỉ.
cậu ra trước thì tôi dừng lại.

Kỳ minh nhật, hựu dữ hợp đường đồng tịch nhi tọa.
Sang hôm sau, hai người lại ngồi chung trên một chiếu trong cùng lớp học.

Vì có người bạn đồng môn như thế, Trịnh Tử Sản thấy rất mất thể diện; ông ta là thừa tướng nước Trịnh, ngoài vua Trịnh ra, ông ta là kẻ dưới một người, trên vạn người. Giờ đây phải ra vào chung với anh chàng cụt chân này, thật mất mặt thay. Ông ta bèn bàn với Thân Đồ Gia: tôi ra thì cậu chớ ra; nếu cậu muốn đi, trước cứ báo tôi biết, tôi sẽ không ra, hai đứa mỗi đứa một ngả. Đến hôm sau vào lớp, vị thừa tướng đến, Thân Đồ Gia cũng đến, **"hợp đường đồng tịch nhi tọa"** (ngồi chung một chiếu trong cùng lớp học), lại ngồi cạnh nhau. Người xưa chưa có ghế; chính người Nhật học theo người Trung Hoa, ngồi trên nền chiếu tatami đấy.

Tử Sản vị Thân Đồ Gia viết: Ngã tiên xuất tắc tử chỉ, tử tiên xuất tắc ngã chỉ.
Tử Sản nói với Thân Đồ Gia: Tôi ra trước thì cậu dừng lại, cậu ra trước thì tôi dừng lại.

Kim ngã tương xuất, tử khả dĩ chỉ hồ, kỳ vị da?
Nay tôi sắp ra, cậu có thể dừng lại chăng, hay chưa?

Thả tử kiến chấp chính nhi bất vi, tử tề chấp chính hồ?
Huống chi thấy ta chức chấp chính mà chẳng né tránh, há cậu tự ngang hàng với chức chấp chính chăng?

Tử Sản nói với Thân Đồ Gia rằng: này, hai đứa mình hẹn trước, đừng ra cửa cùng lúc; tôi ra thì cậu đừng ra, cậu đi thì tôi chẳng đi. Bây giờ học xong, tôi ra trước, cậu ơi, chậm một bước được không? **"Tử khả dĩ chỉ hồ, kỳ vị da?"** (nay tôi sắp ra, cậu có thể dừng lại chăng, hay chưa?) cách nói xem ra khá lịch sự. "Thả tử kiến chấp chính nhi bất vi": thật tình mà nói, cậu nhìn ta này, ta là kẻ chấp chính của một quốc gia đấy, thủ tướng nước Trịnh! Nên Tử Sản nói, theo lẽ cậu là thứ dân, thấy ta kẻ chấp chính mà ngồi ngang vai với ta, chẳng có chút cung kính lễ phép, **"tử tề chấp chính hồ?"** (há cậu dám ngang hàng với chức chấp chính chăng?). Tử Sản nói với người bạn học ấy như vậy. Bạn học này chắc ăn mặc rách rưới, vừa tàn tật vừa nghèo, nhìn cũng khá đỗi đáng thương.

Thân Đồ Gia viết: Tiên sinh chi môn, cố hữu chấp chính yên như thử tai?
Thân Đồ Gia đáp: Trong môn hạ thầy mình, há từng có kẻ chấp chính mà ngạo mạn như thế chăng?

Tử nhi duyệt tử chi chấp chính nhi hậu nhân giả dã?
Ông ham thích chức chấp chính của mình mà coi kẻ khác là hạng dưới sao?

Thân Đồ Gia nói: thật xin lỗi, dưới mái nhà thầy chúng ta, lại nở có một người bạn học làm đến thủ tướng, mà kém cỏi đến thế sao! Câu này là mắng ngay trước mặt, ngang với làm cho thủ tướng khó xử tại chỗ. **"Tử nhi duyệt tử chi chấp chính nhi hậu nhân giả dã?"** (ông ham thích chức chấp chính của mình mà coi kẻ khác là hạng dưới sao?) Ông cho rằng làm tới tể tướng một nước thì có quyền khinh rẻ bất cứ ai hay sao?

Văn chi viết: Giám minh tắc trần cấu bất chỉ,
Tôi từng nghe câu này: Gương sáng thì bụi bặm chẳng dám đọng lại,

chỉ tắc bất minh dã.
bụi đọng được là vì gương đã tối.

Cửu dữ hiền nhân xử tắc vô quá.
Ở lâu với bậc hiền nhân thì ít phạm lỗi.

Kim tử chi sở thủ đại giả, tiên sinh dã, nhi do xuất ngôn nhược thị, bất diệc quá hồ!
Nay cái ông coi là lớn ở đây chính là thầy chúng tôi, vậy mà ông vẫn nói năng như thế, há chẳng phải lỗi lớn sao!

"Văn chi viết", tôi nói cho ông nghe, theo điều tôi được biết. Để ý nhé, đây là một kinh nghiệm làm người rất quan trọng. "Giám minh tắc trần cấu bất chỉ": chữ **"giám"** (鑒 - gương soi); khi cái gương lau bóng lên rồi, tí bụi bặm sa xuống là thấy ngay; "chỉ tắc bất minh", nếu gương không sáng, bụi chất đầy cũng chẳng thấy. Nói cách khác, một người có đạo, đầu óc sáng suốt, học vấn tốt, đạo đức cao, lòng trong như gương sáng, chỉ tí bụi, tí sai sót là soi thấy rõ ngay. Thân Đồ Gia mắng Trịnh Tử Sản: quan to như ông mà đầu óc chẳng sáng, học vấn chưa tới! Tức là mắng bộ óc Tử Sản mờ tối chẳng hiểu gì.

Người sáng suốt thì bụi không thể ở lại; vừa có tí bụi là biết ngay nơi ấy bẩn, lập tức lau sạch. "Chỉ tắc bất minh dã": bụi rơi lên gương mà chẳng hay, đủ thấy gương này đục rồi, không nhìn ra bụi nữa, mờ tối cả rồi. Ông nói cậu này, cậu chẳng sáng suốt, cậu chưa đắc đạo. Thứ hai nữa, **"cửu dữ hiền nhân xử tắc vô quá"** (ở lâu với bậc hiền nhân thì ít phạm lỗi): một người thường xuyên kết bạn với người tốt, ở cạnh nhau thì sẽ chẳng mắc lỗi, tự nhiên hóa nên tốt. "Kim tử chi sở thủ đại giả, tiên sinh dã": nay tôi hỏi cậu, cậu đến đây để làm gì? Theo thầy chúng ta học phải không? Người xưa gọi thầy là tiên sinh, mấy nghìn năm qua vẫn gọi như thế. Thân Đồ Gia nói, nay điều cậu coi trọng nhất ở đây là thầy chúng ta đúng không? Kết quả chịu sự giáo dục của thầy, **"nhi do xuất ngôn nhược thị"** (vậy mà vẫn nói năng như thế), **"bất diệc quá hồ"** (há chẳng phải lỗi lớn sao)! Mắng cho một trận như vậy.

Tử Sản viết: Tử ký nhược thị hĩ,
Tử Sản nói: Ông đã đến mức ấy rồi,

do dữ Nghiêu tranh thiện,
còn tranh hơn với cả Nghiêu nữa,

kế tử chi đức, bất túc dĩ tự phản da!
tự ước lượng đức độ mình đi, chẳng đủ để tự xét lại mình sao!

Tử Sản nói: Hừ! Còn ngạo mạn thế cơ đấy, ông cho mình lắm điều lắm! Tôi tuy chỉ là thừa tướng, nhưng nhìn cỡ độ ấy của ông, thì cả hoàng đế ông còn chướng mắt, **"do dữ Nghiêu tranh thiện"** (còn tranh hơn với cả Nghiêu), cứ như Nghiêu Thuấn mấy bậc đế vương đều không bằng ông. **"Kế tử chi đức"** (tự ước lượng đức độ mình đi), **"bất túc dĩ tự phản da"** (chẳng đủ để tự xét lại mình sao)! Tôi thấy ông đây, tí tâm trí tự xét cũng không có.

Thân Đồ Gia viết: Tự trạng kỳ quá, dĩ bất đương vong giả chúng;

Thân Đồ Gia nói: Kẻ tô son cho lỗi mình, cứ cho mình đáng lẽ chẳng phải chết, thì nhiều;

bất trạng kỳ quá, dĩ bất đương tồn giả quả.

kẻ chẳng tô son cho lỗi mình, nhận mình đáng lẽ chẳng đáng sống, thì ít.

Văn chương Trang Tử viết hay tuyệt vời; cùng một ý, qua ngòi bút ông đẹp lạ thường. Lẽ lý nằm ở chỗ nào? Người đời khi tự xét mình đều cho mình là chẳng đáng chết; đáng chết là ngươi chứ chẳng phải ta; người thế gian đều như thế: **"tự trạng kỳ quá, dĩ bất đương vong giả chúng"** (kẻ tô son cho lỗi mình, cứ cho mình đáng lẽ chẳng phải chết thì nhiều). Ta chẳng nên chết, sự thất bại của ta là điều chẳng nên có. Hạng Vũ lúc thua trận cuối than **"thiên vong ngã dã"** (trời diệt ta), đâu phải ta đánh thua! Là trời bất công đó. Ai cũng đổ lỗi cho kẻ khác, xã hội loại người này nhiều; còn **"bất trạng kỳ quá, dĩ bất đương tồn giả quả"** (kẻ chẳng tô son cho lỗi mình, nhận mình đáng lẽ chẳng đáng sống thì ít): tự cho mình sống trên đời là thừa thãi, chẳng nên có, kiểu tự xét ấy thì hiếm.

Hai câu này mắng rất cay, nhưng người trong xã hội đại khái đều như vậy. Kẻ chẳng có học vấn, chẳng có tu dưỡng, nghĩ cách nào cũng một kiểu: mình đáng sống, người khác đáng chết, lỗi lầm đều tại người khác. Hai đứa cãi nhau, hoặc vợ chồng, hoặc bạn bè, đáng chết là hắn! Còn mình chỉ oán số, gặp phải cái loại người ấy, ôi thôi! "thiên vong ngã dã", hệt như Hạng Vũ.

Kẻ an nhiên nhận lấy mệnh

Tri bất khả nại hà nhi an chi nhược mệnh,

Biết chẳng thể làm sao, bèn an lòng nhận như mệnh,

duy hữu đức giả năng chi.

chỉ bậc có đức mới làm nổi.

Du ư Nghệ chi cấu trung, trung ương giả, trung địa dã;

Lênh đênh trong vòng tiêu của Hậu Nghệ, chính giữa là chỗ đích trúng;

nhiên nhi bất trung giả, mệnh dã.

song có kẻ chẳng bị trúng, ấy là mệnh.

Giữa thế giới mâu thuẫn này chỉ có hai hạng người: hạng đông đảo cho mình chẳng hề sai, đáng được sống; hạng thiểu số tự xét mình, cho mình chẳng đáng sống trên đời. Ta sống kẹp giữa hai hạng người ấy, thật chẳng biết làm sao; **"tri bất khả nại hà nhi an chi nhược mệnh"** (biết chẳng thể làm sao, bèn an lòng nhận như mệnh). Nhưng thế giới mâu thuẫn thì đành sống mâu thuẫn mà trôi, chẳng thấy ngươi cao siêu, chẳng thấy ta vô dụng, sống bình thản mà qua, **"an chi nhược mệnh"** (an lòng nhận như mệnh).

Cuộc đời như vậy, **"duy hữu đức giả năng chi"** (chỉ bậc có đức mới làm nổi). Chẳng hạn Khổng Tử, biết rõ thế gian này cứu không nổi, vẫn cứ phải cứu; chẳng hạn Phật, biết rõ chúng sinh độ không hết, vẫn nguyện độ hết chúng sinh; chẳng hạn Giê-su, máu chảy trên cây thập tự giá còn chẳng đáng hai xu, ngài vẫn cứ đành chịu đóng đinh. Tất cả đều là "tri bất khả nại hà nhi an chi nhược mệnh, duy hữu đức giả năng chi". Ngoài những bậc ấy ra thì sao?

"Du ư Nghệ chi cấu trung, trung ương giả, trung địa dã; nhiên nhi bất trung giả, mệnh dã." Hậu Nghệ là nhân vật thần thoại thợ bắn cung chuẩn nhất thượng cổ. Tên Nghệ xuất hiện suốt mấy đời; nếu lấy thần thoại làm chuẩn, ông sống mấy trăm năm. Bà cô của dòng họ Trung Hoa, người đầu tiên đáp lên cung trăng, Hằng Nga, chính là vợ Hậu

Nghệ. Thời Nghiêu, Nghệ làm đại tướng, bắn cung tài giỏi, trăm phát trúng cả; nhưng ông muốn đi tu đạo, lên núi Côn Lôn tìm Tây Vương Mẫu. Văn hóa thượng cổ của dân tộc Trung Hoa đều tụ ở cao nguyên Tây Bắc. Nghệ lên tới Côn Lôn, gặp được Tây Vương Mẫu, xin được một viên thuốc trường sinh bất tử; mang về chưa kịp uống, đã bị vợ là Hằng Nga lén nuốt mất. Thế là Hằng Nga bỗng dưng bay bổng lên không, chồng lập tức đuổi theo phía sau; Hằng Nga bay lên tận tầng cao, bay thẳng lên cung trăng.

Nhiều năm trước, khi người Mỹ Armstrong lần đầu đáp lên mặt trăng, có một vị trung tướng Mỹ đang ngồi ở nhà tôi. Xem xong truyền hình trực tiếp, ông cười ha ha, hỏi tôi: ông thấy thế nào? Tôi bảo có gì đâu đáng nể! Chủ quyền mặt trăng vốn là của chúng tôi. Ông hỏi nghĩa là sao? Tôi bảo, bà cô nhà chúng tôi là Hằng Nga, ba nghìn năm trước đã đáp trăng rồi, còn đem quốc kỳ lên nữa; không tin ông leo lên xem! Mọi người cười ồ một trận. Nên người Đường có thơ: **"Hằng Nga ưng hối trộm linh dược, bích hải thanh thiên dạ dạ tâm"** (Hằng Nga hẳn hối hận đã trộm thuốc linh, biển xanh trời thẳm đêm đêm cô quạnh). Chính là kể chuyện này đấy.

Nay Trang Tử hình dung, "du ư Nghệ chi cấu trung": **"cấu"** (彀 - vòng ngắm giữa bia tên) là gì? Là vòng tròn đích ngắm trên cái bia, mũi tên lúc nào cũng hướng về tâm mà bắn. Đời người chúng ta đều ở giữa cái bia tên, đều là ngươi bắn ta, ta bắn ngươi, từng mũi từng mũi bắn sang; ngươi không bắn chết ta, ta cũng phải bắn chết ngươi, ai nấy đều chưa thoát khỏi tâm vòng tiêu của Nghệ. Có người bạn viết thư cho tôi: **"ngã hành niên thất thập hữu cửu, do du ư Nghệ chi cấu trung"** (ta đi đời đã bảy mươi chín, vẫn còn lênh đênh trong vòng tiêu của Nghệ). Để kiếm sống vẫn phải làm việc; bảy chín rồi, dù chỉ giữ chức cố vấn, vẫn phải lĩnh lương mà nuôi thân; chưa siêu thoát ngoài vật, vẫn đứng giữa vòng bia của Nghệ.

Cho nên, mỗi người chúng ta ngồi ở đây, chẳng ai chẳng ở trong vòng tiêu của Nghệ! Đều sẽ ăn một mũi tên. **"Trung ương giả, trung địa dã"** (chính giữa là chỗ đích trúng): đời người ở thế gian, lúc nào cũng có thể ăn một mũi tên, lúc nào cũng có thể bị trúng; bị hoàn cảnh, bị cảnh ngộ, bị biến chuyển vui buồn giận dữ bắn trúng; bởi chúng ta chính là cái bia. Muốn thoát khỏi cái bia, thoát khỏi vòng tiêu của Nghệ, trừ phi người đắc đạo, chẳng còn cần ăn uống nam nữ, chẳng cần gì hết, vượt ra ngoài thế giới vật lý. **"Nhiên nhi bất trung giả, mệnh dã"** (song có kẻ chẳng bị trúng, ấy là mệnh). Song cũng có kẻ mãi mãi không bị tên bắn trúng, đó là mệnh tốt. Đoạn này là Thân Đồ Gia răn dạy Trịnh Tử Sản.

Vẻ đẹp chú giải của Quách Tượng

Bộ sách chúng ta dùng là bản chú của Quách Tượng; ông là danh sĩ cuối thời Tam Quốc, đầu đời Tấn. Bản Trang Tử chú của Quách Tượng hay lắm nhé! Chẳng những văn chương đẹp, triết lý còn cao siêu lắm. Nếu ở đây có ai nghiên cứu lịch sử triết học Trung Hoa, lịch sử, có thể xem chuyện thanh đàm hai đời Tấn, từ cuối Tam Quốc sang Đông Tấn; sử sách gọi là "thanh đàm hại nước". Tôi cực lực phản đối cái nói ấy: thanh đàm chẳng hề hại nước, trái lại chính lịch sử hai đời Tấn đã hại thanh đàm; quả quyết lắm, tôi có thể nêu ra trăm lý do nghìn lý do. Thời đại không có tội, văn hóa phát triển không có tội, là tội của nhân vật hai đời Tấn, hại nền văn hóa Trung Hoa. Nhìn vẻ đẹp văn chương của Quách Tượng, bài chú này ngang một cuốn Trang Tử thứ hai; nhất là đoạn này, văn chương đẹp lắm! Bây giờ ta đọc chú giải của Quách Tượng.

Nghệ, cổ chi thiện xạ giả, cung thỉ sở cập vi cấu trung.

Hậu Nghệ là tay bắn cung giỏi bậc nhất thuở xưa; nơi cung tên với tới là vòng tiêu.

Phù lợi hại tương công tắc thiên hạ giai Nghệ dã.

Lợi hại công kích lẫn nhau thì khắp thiên hạ đều là Hậu Nghệ cả.

Tự bất di thân vong tri, dữ vật đồng ba giả, giai du ư Nghệ chi cấu trung nhĩ.

Ai còn chẳng bỏ được thân, quên được trí, chưa hòa cùng sóng vạn vật, thì đều lênh đênh trong vòng tiêu của Nghệ cả.

Tuy Trương Nghị chi xuất, Thiện Báo chi xử, do vị miễn ư trung địa, tắc trung dữ bất trung, duy tại mệnh nhĩ.

Dù Trương Nghị ra phô diễn ngoài đời, Thiện Báo ẩn mình nơi ở, vẫn không khỏi trúng đích; trúng hay chẳng trúng, chỉ ở mệnh mà thôi.

Nhi khu khu giả các hữu kỳ sở ngộ, nhi bất tri mệnh chi tự nhĩ.

Còn những kẻ nhỏ nhoi mỗi người mỗi cảnh ngộ, mà chẳng hay mệnh vốn tự nhiên như thế.

Cố miễn hồ cung thỉ chi hại giả tự dĩ vi xảo, hân nhiên đa kỷ;

Nên kẻ thoát được tai họa cung tên tự cho mình khéo léo, vui mừng khoe mình;

cập chí bất miễn, tắc tự hận kỳ mậu, nhi chí thương thần nhục.

tới lúc chẳng thoát nổi, lại tự hận mình lầm lạc, chí tổn thương, thần bị nhục.

Tư vị năng đạt mệnh chi tình giả dã.

Đó là bậc chưa thông đạt được tình thật của mệnh.

Phù ngã chi sinh dã, phi ngã chi sở sinh dã.

Cái sống của ta, chẳng phải do "ta" mà sinh ra.

Tắc nhất sinh chi nội, bách niên chi trung, kỳ tọa khởi hành chỉ, động tĩnh thú xá, tính tình tri năng, phàm sở hữu giả, phàm sở vô giả, phàm sở vi giả, phàm sở ngộ giả, giai phi ngã dã.

Vậy trong một kiếp sống, giữa trăm năm, ngồi dậy đi đứng, động tĩnh tiến lui, tính tình tài năng, phàm cái có, cái không, cái làm, cái gặp, đều chẳng phải ta cả.

Lý tự nhĩ nhĩ, nhi hoành sinh hưu thích hồ kỳ trung, tư hựu nghịch tự nhiên nhi thất giả dã.

Lẽ tự nhiên vốn thế, thế mà ta vô cớ sinh ra vui buồn trong đó; ấy lại là trái nghịch tự nhiên mà lạc mất mình.

"Hậu Nghệ là tay bắn cung giỏi bậc nhất thuở xưa; nơi cung tên với tới là vòng tiêu. Lợi hại công kích lẫn nhau thì khắp thiên hạ đều là Hậu Nghệ cả." Người sống ở thế gian, lúc nào cũng gặp lợi hại công kích, khắp nơi đều hóa thành Hậu Nghệ cả. Chiều nay ăn cơm, một học trò cho tôi hay: thầy ơi, con xin nghỉ ba tháng. Một học trò khác hỏi tôi: thầy ơi sao bạn ấy xin nghỉ? Tôi bảo nhà bạn ấy chia gia sản, trên có bà nội mẹ ruột, dưới có anh chị em ruột, cãi vã việc gia đình; đời người ở giữa cha anh, con cái, anh em ruột thịt, làm người khó nhất là chỗ ấy. Nên tối nay tôi nói một chuyện cười: tôi bảo hồi đầu thai tôi có chọn trước đấy, chọn làm con một mình, chẳng có anh chị em. Giờ nhìn đời lâu rồi, kiếp sau đầu thai tôi vẫn phải chọn cha mẹ chỉ sinh một mình tôi; nhưng nghĩ lại vẫn chưa đúng, tốt nhất chọn cái nhà bác chú không có con cái, rồi gia sản cũng giao cho tôi luôn.

Vậy đây nói điều gì? Giữa cha con, anh chị em ruột thịt là chỗ đau khổ nhất, khó xử lý nhất, chẳng có chỗ nào không lợi hại. Dù một mình đơn độc, chỉ cần nam nữ lập ra gia đình, giữa vợ chồng, vừa là đạo nghĩa, vừa là tình cảm, vừa là tình yêu; có lúc cũng lợi hại công kích nhau đấy! **"Tắc thiên hạ giai Nghệ dã"** (khắp thiên hạ đều là Hậu Nghệ cả), mũi tên nào cũng hướng về mình bắn tới!

"Ai còn chẳng bỏ được thân, quên được trí, chưa hòa cùng sóng vạn vật, thì đều lênh đênh trong vòng tiêu của Nghệ cả." Những câu văn như thế bây giờ ta đọc thế này thì chẳng có tí vị nào; nếu lắc lư đầu, kéo dài giọng mà đọc từng chữ một, ôi chao! Hay hơn thơ mới biết bao! Thơ mới, cái gì "gió ơi từ từ trôi qua", đọc chẳng có ý vị gì.

"Dù Trương Nghị ra phô diễn ngoài đời, Thiện Báo ẩn mình nơi ở, vẫn không khỏi trúng đích; trúng hay chẳng trúng, chỉ ở mệnh. Còn những kẻ nhỏ nhoi mỗi người mỗi cảnh ngộ, mà chẳng hay mệnh vốn tự nhiên như thế." Cảnh giới nhân sinh, đều mờ mịt chẳng rõ, tiền đồ mờ mịt, không biết tiền đồ tính sao! Đến già nhìn lại, mình cũng sống mấy chục năm rồi, tiền đồ cứ thế mà liệu! Sống tới già còn hỏi tiền đồ tính sao? Vì sang bên kia, cứ đường Tùng Giang mà đi thẳng, tới khúc quẹo bên phải thì không biết tính sao! Nhưng ông đừng hỏi tính sao! Văn chương cứ nói thế đó: "khu khu giả các hữu kỳ sở ngộ", mỗi người một cảnh gặp; "bất tri mệnh chi tự nhĩ", đều là mệnh cả, mệnh sắp đặt, tự nhiên lắm.

"Nên kẻ thoát được tai họa cung tên tự cho mình khéo léo, vui mừng khoe mình": người thế gian à, tự thấy mình như Hậu Nghệ, không bị tên bắn trúng, cho mình có bản lĩnh, tự bảo sắp đặt cho mình khá tốt. "Hân nhiên đa kỷ", cho các ngươi đáng thương, ta sống tốt nhất, vì ta có cách. "Cập chí bất miễn, tắc tự hận kỳ mậu", đừng khoe, bất kể kẻ thông minh nào cũng không thoát nổi mũi tên ấy, đến cuối chẳng tránh nổi vẫn trúng tên, mới biết mình lầm. "Nhi chí thương thần nhục", sau cùng hiểu ra rồi, chí tổn thương, tinh thần suy sụp, thấy đời thật đau khổ. "Tư vị năng đạt mệnh chi tình giả dã". Đó là chẳng hiểu đời, chẳng hiểu ý nghĩa của sinh mệnh.

"Cái sống của ta, chẳng phải do 'ta' mà sinh ra..." Ông nên biết, bây giờ ta đang sống, há phải "ta" đang sống! Cái ta ở đâu? Thân thể chẳng phải ta, ông thử nói bộ phận nào của thân thể là ta? Não bộ cũng chẳng phải ta, rốt cuộc ta ở đâu? "Phi ngã chi sở sinh", tất cả đều vô ngã, ta sống ở thế gian này, phàm tất cả chẳng có gì thuộc về ta, vốn dĩ vô ngã. "Lý tự nhĩ nhĩ", đó là lẽ tự nhiên. "Nhi hoành sinh hưu thích hồ kỳ trung", mà chúng ta người bình thường chưa ngộ đạo, chẳng hay vốn dĩ vô ngã, gắng sức níu một cái ta, ta muốn thế này, ta muốn thế kia; bởi muốn níu lấy một cái ta, nên ở thế gian sinh ra vô vàn phiền não. "Tư hựu nghịch tự nhiên nhi thất giả dã", đó là chẳng hiểu sinh mệnh, chẳng hiểu tự nhiên.

Những câu văn này hay lắm đấy! Nhưng cho tôi đọc thế này thì đọc chẳng ra làm sao. Phải đọc từ từ, thuốc lá hút đã cháy, trà uống đã no, một mình dưới ánh đèn, ngoài kia trời lại đổ mưa, mưa lạnh lùng, ma còn chẳng muốn gõ cửa, non sâu khe vắng, lắc lư đầu đưa vai mà ngâm, ôi... bỗng chốc con người đắc đạo liền.

Người đạo đức sung mãn

Quay lại nhìn lời Thân Đồ Gia răn dạy Trịnh Tử Sản mà Trang Tử viết, là chuyện đời người lênh đênh trong vòng tiêu của Nghệ. Điển "Nghệ chi cấu trung" này, trong văn học Trung Hoa, thường hay được dùng tới.

Nhân dĩ kỳ toàn túc tiếu ngô bất toàn túc giả chúng hĩ,
Kẻ nhờ đôi chân lành lặn mà cười cợt ta kẻ cụt chân thì nhiều lắm,

ngã phất nhiên nhi nộ;
mỗi phen ấy ta sôi lên cơn giận;

nhi thích tiên sinh chi sở, tắc phế nhiên nhi phản.
song khi đến nơi thầy, thì cơn giận tan thành không.

Ông nói với Trịnh Tử Sản: cậu có biết không? Mọi người nhìn tôi đều lấy làm lạ; người khác hai chân lành lặn, "nhờ đôi chân lành lặn mà cười cợt kẻ cụt chân thì nhiều lắm", cho tôi là phế nhân, thiếu mất hai chân. Mỗi khi bị người coi thường, "sôi lên cơn giận", tôi hận lắm, giận lắm. Điều đó cũng đương nhiên: người sinh lý chẳng toàn vẹn, tự nhiên hình thành thái độ thù ghét, phản ứng lại xã hội; thực ra hoàn toàn chẳng cần thế, nhất là đoạn này là tài liệu tham khảo tốt nhất cho chúng ta; dù tay chân chẳng tiện! Dù mắt thiếu một con! Đều chẳng có gì là ghê gớm. Ông nói,

thuở đầu tôi cũng chịu không nổi, "song khi đến nơi thầy", từ lúc theo thầy chúng ta học rồi, "thì cơn giận tan thành không". Thấy hồi đó mình nổi giận thật là điều thừa, chẳng có gì đáng kể.

Bất tri tiên sinh chi tẩy ngã dĩ thiện da!
Chẳng hay thầy đã lấy điều thiện mà gột rửa cho tôi chăng!

Ngô dữ phu tử du thập cửu niên,
Tôi cùng thầy du chơi đã mười chín năm,

nhi vị thường tri ngô ngột giả dã.
mà thầy chưa từng thấy tôi là người cụt chân.

Sau khi theo thầy Bá Hôn Vô Nhân học, tôi không còn oán trách ai, cũng không thấy mình xấu xí, không thấy mình tàn tật nữa. Vậy thầy đã dạy tôi điều gì? Thầy cũng chẳng dạy gì cả; tôi theo thầy lâu, thầy tựa như tắm gội cho tôi, rửa cái lòng tôi sạch sẽ tinh tươm; đó chính là học vấn, tự nhiên như thế, thầy chẳng dạy gì, tôi tự nhiên nhận lấy phép rửa ấy, tự nhiên hóa nên hiền lành. "Tôi cùng thầy du chơi đã mười chín năm, mà thầy chưa từng thấy tôi là người cụt chân." Theo thầy mười chín năm, trong mắt thầy, chưa bao giờ thấy tôi là phế nhân, chưa từng thấy tôi đứng vững bằng một chân. Thầy cũng là thầy của cậu nữa đấy, Tử Sản! Cậu biết chưa? Cậu tuy là thừa tướng, nhưng thầy nhìn tôi như nhìn cậu, nhìn cậu cũng như nhìn tôi.

Kim tử dữ ngã du ư hình hài chi nội,
Nay ông cùng tôi kết bạn trong nội tâm hình hài,

nhi tử tố ngã ư hình hài chi ngoại,
vậy mà ông tìm kiếm tôi ở ngoài da thịt,

bất diệc quá hồ!
há chẳng phải lắm lỗi sao!

Cậu này! Cậu với tôi là bạn đồng môn, ai nấy đều có một hình hài; sinh mệnh chúng ta đang sống, không nằm ở cái hình hài ấy. Hình hài đẹp đẽ hay xấu xí thì liên quan gì? Hình hài chẳng qua là một công cụ; bình điện của cậu làm bằng ngọc, bình điện của tôi làm bằng bùn, cái của cậu hơn cái của tôi chút ít, nhưng đều chỉ để trữ điện thôi mà. "Nay ông cùng tôi kết bạn trong nội tâm hình hài": cậu với tôi như nhau, sinh mệnh đều sa vào trong cái thân xác này, như Tôn Ngộ Không bị đè dưới núi Ngũ Hành. "Vậy mà ông tìm kiếm tôi ở ngoài da thịt": cậu quên mất luôn bản năng của sinh mệnh, bị cái thân xác này trói buộc. Thế đã rất đáng buồn rồi, cậu còn phân biệt trên ngoại hình tôi xấu không, thừa hai chân hay thiếu hai chân, "há chẳng phải lắm lỗi sao"! Cậu này, cậu sai lầm to đùng, vậy còn đến đây học đạo chi nữa? Mắng cho một trận như vậy.

Trịnh Tử Sản này là người thời Xuân Thu, Khổng Tử cũng từng nhắc tới; ông là thừa tướng nổi tiếng nước Trịnh, là bậc hiền nhân rất đáng kính; thế mà bị người bạn tàn tật mắng cho một trận, ông đại triệt đại ngộ.

Tử Sản xúc nhiên cải dung canh mạo viết:
Tử Sản giật mình đứng bật dậy, đổi hẳn nét mặt thái độ, thưa:

Tử vô nãi xưng.
Xin ông thôi đừng nói nữa.

Bị mắng cho một trận, Tử Sản mồ hôi đầm đìa lưng áo; **"xúc nhiên"** (蹴然 - giật mình), vội vàng đứng dậy, hướng về Thân Đồ Gia hành lễ. "Cải dung canh mạo": sắc mặt đổi hẳn, vô cùng cung kính. "Tử vô nãi xưng", Tử Sản nói: cậu ơi, chớ nói nữa, đủ rồi đủ rồi, mắng tôi cũng đã đủ, tôi hiểu rồi. Đây là hai chuyện, đều tuyệt vời cả.

Thiên này gọi là *Đức Sung Phù*, nói cái gì mới là cảnh giới đạo đức sung mãn của đời người; nhưng thứ Trang Tử dùng, toàn là những người ngoài hình tàn tật, những người tàn tật ấy đều có đạo. Nên nói, đạo đức của một người sung mãn hay không, không nằm ở ngoại hình đẹp hay xấu. Có người ngoại hình khỏe mạnh, thân hình vạm vỡ, như Hạng Vũ, cũng như vị võ sĩ quyền Anh da đen kia, đấm vào người cứ bịch bịch bịch, tưởng chừng mấy chục cân thịt ấy; nhưng rất ngu, đạo đức linh hồn bên trong không sung mãn, thì có ích gì! Nên thiên này là *Đức Sung Phù*. Chuyện thứ ba phía sau, lại là một người tàn tật.

Kẻ thuyết giáo với Khổng Tử

Lỗ hữu ngột giả Thúc Sơn Vô Chỉ, chủng kiến Trọng Ni.
Nước Lỗ có người cụt chân họ Thúc Sơn tên Vô Chỉ, dùng gót quỳ đi lại gặp Trọng Ni.

Trọng Ni viết: Tử bất cẩn, tiền ký phạm hoạn nhược thị hĩ.
Trọng Ni nói: Ông chẳng cẩn thận, trước đây đã mắc họa đến mức ấy rồi.

Tuy kim lai, hà cập hĩ!
Dù nay có đến, còn kịp gì nữa!

Nước Lỗ có một người, cũng tàn tật, thiếu hai chân, tên là Thúc Sơn Vô Chỉ; "Vô Chỉ" là biệt hiệu, nghĩa là chẳng có ngón chân. "Chúng kiến Trọng Ni": vì chẳng còn bàn chân, ông chỉ còn dùng hai cái gối quỳ xuống mà bò đi, chắc kẹp theo hai cái nạng, để lên gặp Khổng Tử. Khổng Tử nói: cậu này! **"Tử bất cẩn"** (ông chẳng cẩn thận), tự mình bất cẩn chịu thương, hóa ra cái dạng này. **"Tiền ký phạm hoạn nhược thị hĩ"** (trước đây đã mắc họa đến mức ấy rồi): ông hẳn thuở đầu vẫn có hai chân, vì tự cho mình lắm gan dạ, lung tung mà ra nông nỗi! Khổng Tử nói ông xem ông hóa ra cái bộ dạng này, giờ còn đến gặp tôi, **"hà cập hĩ"** (còn kịp gì nữa)! Không kịp nữa đâu, đã bị thương rồi, muộn lắm rồi.

Vô Chỉ viết: Ngô duy bất tri vụ nhi khinh dụng ngô thân, ngô thị dĩ vong túc.
Vô Chỉ đáp: Vì tôi trẻ tuổi chẳng hiểu việc, coi nhẹ mà phung phí thân mình, nên mất đôi chân.

Để ý câu này, ông là người đã ngộ đạo. Vô Chỉ nói: vì tôi trẻ tuổi chẳng hiểu việc! "coi nhẹ mà phung phí thân mình", tự mình không quý trọng cái thân, cho rằng chẳng sợ gì hết, người ta làm hại mình cũng chẳng sao; nhiều người đều như thế. Đặc biệt có những người, xe đụng vào thì chẳng lạ gì, bị người ta đụng mới là lạ. Đấy là tuổi trẻ! Hai hôm nay ăn no rỗi hơi, già trẻ ngồi lại bàn tán: lấy vợ lấy chồng tốt, hay không lấy chẳng tốt, chia hai phe, mỗi phe một lý. Có một ông bạn học cũ, tôi thấy hai hôm nay gia đình ông ấy đau khổ tận cùng, kết quả ông ấy bảo: hay nhất vẫn là có gia đình. Nghe những lý lẽ ấy, tôi thấy đều là "coi nhẹ mà phung phí thân mình"; bị xe đâm thì dễ giải quyết, hai người cưới nhau ở chung, người với người đâm nhau, bị thương còn nặng hơn xe đâm, ông nói có đúng không? Vô Chỉ nói, mình đều là chẳng hiểu việc mà phung phí thân mình. Trẻ tuổi chẳng hiểu chuyện, đối với thân thể rất tùy tiện, "nên mất đôi chân", hai cái chân chơi mất cả.

Kim ngô lai dã, do hữu tôn túc giả tồn, ngô thị dĩ vụ toàn chi dã.
Nay tôi đến đây, vẫn còn thấy có kẻ giữ trọn đôi chân quý giá, nên tôi lo làm cho nó được toàn vẹn.

Dù tôi không còn chân, hôm nay tôi đến, vẫn còn thấy có người giữ được đôi chân. Câu này là nói về Khổng Tử; ý là, ông mắng tôi, đúng đấy! Tôi trẻ tuổi chẳng hiểu việc, nên chơi mất hai cái chân. Song, bây giờ tôi đến gặp một người, người ấy là kẻ hai chân chưa chơi mất đấy! Cú đánh này trúng Khổng Tử rất đau. "nên tôi lo làm cho nó được toàn vẹn": vì tôi thấy ông này, hai chân chưa chơi mất, nên tôi đến vì muốn giữ gìn cho ông này, mong hai chân ấy đừng chơi mất nữa. Vô Chỉ nói với Khổng Tử rất hay, vì Khổng Tử chu du liệt quốc, cũng sắp chơi mất đôi chân ấy lắm rồi. Vô Chỉ nói tôi đến vì muốn giữ gìn đôi chân của ông, đừng chơi mất như tôi.

Phù thiên vô bất phúc, địa vô bất tải,

Trời chẳng có gì mà không che phủ, đất chẳng có gì mà không đội nâng,

ngô dĩ phu tử vi thiên địa, an tri phu tử chi do nhược thị dã!

tôi cứ lấy thầy mà ví như trời đất, nào hay thầy cũng vẫn như thế thôi!

Trời đất sinh ra muôn vật, sinh ra con người, rất nhân từ vĩ đại, lúc nào cũng mong người với muôn vật đều sống yên ổn, hạnh phúc mà trôi qua. Nên "trời chẳng có gì mà không che phủ", tốt xấu gì cũng dưới trời cả. "Đất chẳng có gì mà không đội nâng": đất cũng rất nhân từ, tốt xấu gì nó cũng gánh chịu. "Tôi cứ lấy thầy mà ví như trời đất": người ta đều nói thầy đạo đức học vấn giỏi, tôi tưởng cái độ lượng tu dưỡng của thầy cũng nhân từ như trời đất. "Nào hay thầy cũng vẫn như thế thôi": kết quả thầy thấy tôi, vẫn nói những lời ấy, tôi thất vọng rồi. Vô Chỉ nói về Khổng Tử, hóa ra ông cũng chỉ đến thế, tức là điều ta thường nói: "lâu nghe tiếng lớn, như sấm rền qua tai; hôm nay gặp mặt, hóa ra chỉ bấy nhiêu".

Khổng Tử viết: Khâu tắc lậu hĩ.

Khổng Tử đáp: Tôi thật hèn kém.

Phu tử hồ bất nhập hồ, thỉnh giảng dĩ sở văn!

Thầy sao không vào, xin thầy giảng điều thầy biết cho tôi nghe!

Vô Chỉ xuất.

Vô Chỉ ra về.

Bị mắng xong, Khổng Tử nói: xin lỗi, rất lấy làm tiếc, tôi quá thấp kém, quá nông cạn. "Thầy sao không vào, xin thầy giảng điều thầy biết cho tôi nghe!" Khổng Tử chẳng dám gọi tên Vô Chỉ, mà gọi là thầy, mời ông vào, giảng chút đạo lý ông biết cho tôi nghe. Vô Chỉ bước vào phòng, ông với Khổng Tử đã nói chuyện gì, không ai biết, hẳn là truyền đạo cho nhau thôi! Nói chuyện xong, Vô Chỉ ra về.

Khổng Tử viết: Đệ tử miễn chi!

Khổng Tử bảo học trò: Các con hãy gắng lên!

Phù Vô Chỉ, ngột giả dã, do vụ học dĩ phục bổ tiền hành chi ác,

Cái Vô Chỉ ấy là người cụt chân, vẫn còn chăm học để chuộc lại lỗi lầm ngày trước,

nhi huống toàn đức chi nhân hồ!

huống nữa là người đức toàn vẹn!

Khổng Tử bảo học trò: "Các con hãy gắng lên!" Các con phải chăm chỉ mới được đấy! Các con xem, Vô Chỉ là một người tàn tật; ngoài hình tuy tàn tật, tâm lý tinh thần vẫn toàn vẹn. "vẫn còn chăm học để chuộc lại lỗi lầm ngày trước": ông biết tu dưỡng trên học vấn đạo đức, để bù đắp sai lầm trước kia. Người khuyết tật ấy còn hiểu được như

thế, "huống nữa là người đức toàn vẹn", huống nữa chúng ta là người chẳng tàn tật! Nếu chẳng biết gắng sức học hỏi tu dưỡng mình thì thảm lắm. Còn nếu bảo chúng ta là "người đức toàn vẹn", ấy chỉ là thân thể hoàn toàn. Trên đời người đức toàn vẹn rất hiếm; hình hài toàn vẹn chưa tính là một con người hoàn chỉnh; còn phải tu dưỡng tinh thần, thành tựu đạo đức học vấn trong lòng, mới tính là người đức toàn vẹn. Đó là lời Khổng Tử nói sau khi chịu bài học của Vô Chỉ.

Lão Đam nói thế nào

Vô Chỉ ngữ Lão Đam viết: Khổng Khưu chi ư chí nhân, kỳ vị da?
Vô Chỉ kể với Lão Đam rằng: Khổng Khưu so với bậc chí nhân, chắc còn chưa tới?

Bỉ hà tân tân dĩ học tử vi?
Ông ấy hà tất khép nép giữ lễ mà theo học ông chăng?

Ông Vô Chỉ lại chạy đi gặp Lão Tử. Lão Tử tức là Lão Đam, cũng tính là thầy của Khổng Tử. Ông kể với Lão Tử: thầy ơi! Tôi xem ông Khổng Khưu ấy, gọi thẳng tên Khổng Tử, "Khổng Khưu so với bậc chí nhân, chắc còn chưa tới?" Ông ấy e rằng chưa đắc đạo, e rằng cách đắc đạo còn thiếu một bậc, e rằng chưa tới nơi. "Ông ấy hà tất khép nép giữ lễ mà theo học ông chăng?" **"Tân tân"** (宾宾 - tức bân bân 彬彬, nhã nhặn lễ nghĩa) là chữ tả cảnh; ông ấy đâu đâu cũng khiêm nhường có lễ, đầy cái giọng sách vở cổ kinh, từ đầu đến chân, tỏ rõ bộ dạng rất có đạo. Cái ấy chẳng đúng, ông ấy còn muốn theo ông học, tôi xem ông ấy chẳng giống lắm.

Bỉ thả kỳ dĩ thúc quỷ huyễn quái chi danh văn,
Ông ấy cứ mong lấy danh tiếng kỳ quái lạ lùng mà cho mình nổi tiếng,

bất tri chí nhân chi dĩ thị vi kỷ chất cốc da?
chẳng hay bậc chí nhân coi những thứ ấy là gông cùm của chính mình chăng?

"Bỉ" là nói về Khổng Tử; "kỳ" là mong cầu; **"thúc"** (諔 - lời ăn tiếng nói khéo léo, cách nói hay viết hay) là cái tu từ khéo léo của lời nói, nói sao cho hay, viết sao cho đẹp. **"Quỷ"** (诡 - tư tưởng xuất kỳ) là tư tưởng phải khác thường; "huyễn quái" là nói những đạo lý người ta chẳng hiểu, cổ quái khó lường. Vô Chỉ nói: này! Tôi xem Khổng Tử dù phô trương là thánh nhân. "Ông ấy cứ mong lấy danh tiếng kỳ quái lạ lùng mà cho mình nổi tiếng", ấy chẳng phải đạo chân chính! Người thật sự có đạo, nói năng rất bình dân, chẳng cần thêm tu từ văn chương. "Chẳng hay bậc chí nhân coi những thứ ấy là gông cùm của chính mình chăng?" Vô Chỉ nói, tôi xem ông ấy chẳng hiểu, người thật sự đắc đạo, coi những học vấn tri thức ấy là gông cùm của chính mình, đều là hình cụ của đời người, đều là gông chân cùm tay, tự trói mình lại. Làm người nhất định phải nói lễ nghĩa; nói lễ nghĩa là tự trói mình chặt chẽ, chẳng tự nhiên nữa.

Lão Đam viết: Hồ bất trực sử bỉ dĩ tử sinh vi nhất điều,
Lão Đam nói: Sao không thẳng thắn khiến ông ấy coi chết sống là một mạch,

dĩ khả bất khả vi nhất quán giả,
coi được với chẳng được là một mạch thông suốt,

giải kỳ chất cốc, kỳ khả hồ?
gỡ gông cùm ấy cho ông ấy, được chăng?

Lão Tử nghe xong, à, học trò này không tệ, hóa ra ngươi đã đi gặp Khổng Tử rồi. Đã gặp ông ấy rồi, sao không tiếp dẫn ông ấy? Khiến ông ấy hiểu thêm một bước "chết sống là một mạch", giải thoát sinh tử, sống cũng tức là chết, chết

cũng tức là sống, sinh tử chỉ là một quá trình mà thôi; sinh mệnh chẳng nằm ở một cái sinh tử hữu hình.

Chẳng hạn lúc chúng ta chết, đau đớn lắm, "ối dào ối dào" kêu lên; ấy là sinh tử của hình thể; cái kêu được ối dào, cái cảm nhận được đau ấy, không chịu ảnh hưởng của sinh tử. Nên người giải thoát sinh tử, nhìn sinh ra chết đi đều như nhau, như vậy gọi là liễu sinh tử. Chớ có nhầm lẫn, cho rằng ngồi thiền thành công rồi, sau khi chết thế giới này tôi không đến nữa; không đến thì cậu trốn đi đâu? Trốn lên cung trăng nương nhờ bà cô ấy cũng chẳng ích gì! Bà cô còn bắt cậu đi làm đấy!

Nên "chết sống là một mạch", sinh tử chẳng có gì ghê gớm. Sống giữa cõi nhân gian này, "coi được với chẳng được là một mạch thông suốt", tốt xấu đều ngang nhau. Người đắc đạo, nhìn sinh tử thành một mạch rồi, tốt hay chẳng tốt, sống sung sướng hay chẳng, làm người được lòng hay chẳng, đều như nhau, là một mạch thông suốt. Nếu ông đi gặp Khổng Tử, kéo được ông ấy tiến thêm một bước, khiến ông ấy giải thoát sinh tử, rồi ở đời vô khả vô bất khả (chẳng chấp nhất được hay chẳng được), thế thì học vấn của Khổng Tử vân vân, mọi hình cụ bên ngoài ấy chẳng được giải thoát rồi còn gì!

Vô Chỉ viết: Thiên hình chi, an khả giải!
Vô Chỉ đáp: Hình phạt của trời đấy, sao giải nổi!

Nghe Lão Tử nói những lời như mắng mình, Vô Chỉ liền thưa: thầy ơi, thôi đi! Ông Khổng Tử thích làm cái trò ấy, đáng đời. "Hình phạt của trời đấy", trời phạt ông ấy; cái khổ hình ấy của ông ấy chưa chịu hết, cứ để ông ấy chu du liệt quốc, thích giảng *Tứ thư* thì giảng *Tứ thư*, *Ngũ kinh* thì *Ngũ kinh*, mặc ông ấy giảng! Ông ấy muốn chịu tội, ngồi đó tự cho mình đang hoằng pháp truyền đạo, tự làm khổ mình. "Sao giải nổi": hạn tù chưa đầy, cứu không nổi. Đây chính là Thiền; nên nói cả thiên Trang Tử là Thiền, những câu như Khổng Tử hạn tù chưa đầy, ông ấy đáng đời chịu hình ấy. Dưới đây là chú giải của Quách Tượng:

Kim Trọng Ni phi bất minh dã, cố tự nhiên chi lý, hành tắc ảnh tùng, ngôn tắc hưởng tùy.
Bây giờ Trọng Ni đâu phải tối tăm; xét theo lẽ tự nhiên, đi thì bóng theo, nói thì tiếng vang theo.

Phù thuận vật tắc danh tích tư lập, nhi thuận vật giả phi vi danh dã,
Thuận theo vạn vật thì dấu danh lập nên; mà kẻ thuận theo vạn vật chẳng phải vì danh,

phi vi danh tắc chí hĩ, nhi chung bất miễn hồ danh.
chẳng vì danh thì đạt tới chỗ tận cùng, song rốt cuộc vẫn không thoát khỏi danh.

Tắc thục năng giải chi tai? Cố danh giả ảnh hưởng dã.
Thế ai giải nổi cho ông ấy? Vì vậy, cái danh chỉ là bóng với vang.

Ảnh hưởng giả hình thanh chi chất cốc dã.
Bóng với vang chính là gông cùm của hình và tiếng.

Minh tư lý, tắc danh tích khả di,
Hiểu được lẽ ấy thì có thể bỏ qua dấu danh,

danh tích khả di, tắc thượng bỉ khả tuyệt, thượng bỉ khả tuyệt, tắc tính mệnh khả toàn hĩ.
bỏ được dấu danh thì lòng ham muốn cái khác dứt được, lòng ham muốn dứt được thì tính mệnh được toàn vẹn.

"Bây giờ Trọng Ni đâu phải tối tăm": Quách Tượng nói Khổng Tử đâu phải dần độn tối tăm, Khổng Tử cũng đã đắc đạo, chẳng phải chẳng hiểu. "Xét theo lẽ tự nhiên": cái tâm cứu đời của Khổng Tử, với cái đạo xuất thế của Lão Tử, chẳng có gì khác nhau, đều hợp với tự nhiên. "Đi thì bóng theo": một người đi bộ, có mặt trời chiếu, cái bóng liền hiện ra; "nói thì tiếng vang theo": vừa nói là có tiếng phát ra; hai câu này đều là triết học thâm sâu, cũng là khoa học.

"Thuận theo vạn vật thì dấu danh lập nên; mà kẻ thuận theo vạn vật chẳng phải vì danh": "thuận theo vạn vật" là để cứu đời cứu dân, chẳng phải vì cầu danh. Quách Tượng nói Khổng Tử chẳng phải vì cầu danh, mà vì một lòng nhân từ. Chẳng cầu danh, ngược lại lại lưu danh muôn thuở; ấy chẳng phải điều ông ấy thuở đầu mong muốn; cũng như Thích Ca Mâu Ni, mỗi vị thánh nhân, mỗi vị giáo chủ đều như thế: thuở đầu chỉ là một tấm lòng cứu đời, về sau giáo hóa của họ biến thành tôn giáo, là người đời sau mượn cái biển hiệu của họ đấy.

"Thế ai giải nổi cho ông ấy? Vì vậy, cái danh chỉ là bóng với vang." Cho nên cái hư danh đời người, đều là bóng với vang, chớ để mình bị chính hư danh của mình làm cho lay chuyển; tiếng tăm cao lên, tức là cái gọi là độ nổi tiếng ngày nay, ngươi sẽ bị cái độ nổi tiếng ấy lừa chết. Tiếng tăm ngươi có to mấy, nếu chẳng nhắc đến thì ngươi vẫn là ngươi, chẳng ai thèm để ý. Thực ra cái danh ấy với chính mình, có can hệ gì đâu! Chẳng liên quan chút nào. Nên "cái danh chỉ là bóng với vang. Bóng với vang chính là gông cùm của hình và tiếng". Bị hư danh của chính mình trói buộc, kết quả là tự mình chịu tội, gọi là chết vì thể diện mà sống chịu khổ. Khổ làm gì!

"Hiểu được lẽ ấy thì có thể bỏ qua dấu danh, bỏ được dấu danh thì lòng ham muốn cái khác dứt được, lòng ham muốn dứt được thì tính mệnh được toàn vẹn." Hiểu được đạo lý này, có thể quẳng cái hư danh đi không cần nữa. Hư danh chẳng cần, mình có đạo lý an thân lập mệnh của mình, cũng chẳng bị hư danh bên ngoài vây khốn, ấy là giải thoát được gông cùm.

Cho nên Trang Tử mượn lời Vô Chỉ, nói về Khổng Tử "hình phạt của trời đấy, sao giải nổi", trời bắt ông ấy chịu tội, tội của ông ấy chưa chịu đủ. Thầy ơi (gọi Lão Tử), ta chớ khiến ông ấy được giải thoát, để ông ấy chịu tội đi. Vài đoạn này đều là chuyện người tàn tật, cuối cùng lại có một chuyện còn lớn hơn nữa.

Lỗ Ai Công bị mê hoặc

Lỗ Ai Công vấn ư Trọng Ni viết: Vệ hữu ác nhân yên, viết Ai Đài Tha.
Lỗ Ai Công hỏi Trọng Ni rằng: Nước Vệ có một gã xấu xí, tên là Ai Đài Tha.

Lỗ Ai Công là chư hầu nước Lỗ, Khổng Tử là người nước Lỗ, nên Lỗ Ai Công hỏi Khổng Tử: "Vệ hữu ác nhân yên, viết Ai Đài Tha", nước Vệ có một gã xấu xí có tiếng, tên là Ai Đài Tha. Ai Đài Tha (哀骀它) là biệt hiệu, chữ **"ai"** (哀) nghĩa là buồn thương, nên cái tên ấy nghĩa là đáng thương cảm; dẫu sao cũng xấu muốn chết.

Trượng phu dữ chi xử giả, tư nhi bất năng khứ dã.
Đàn ông kết giao với ông ấy, nhớ nhung chẳng nỡ rời.

Phụ nhân kiến chi, thỉnh ư phụ mẫu viết: Dữ nhân vi thê, ninh vi phu tử thiếp giả, số thập nhi vị chỉ dã.
Đàn bà gặp ông ấy, về thưa với cha mẹ: Thà làm thiếp của người này còn hơn làm vợ người khác; như thế mấy chục người mà chẳng dứt.

Nhưng đàn ông một khi kết giao với ông ấy là chẳng nỡ rời, ai nấy đều yêu quý ông ấy. Đàn bà trông thấy ông ấy, ồ, về nhà thưa với cha mẹ: nếu bắt con gả cho ai, con thà làm thiếp của người này. Trang Tử kể như thế đã có mấy chục người đàn bà, về sau đăng ký càng lúc càng đông; chẳng những đàn ông bị ông ấy "lừa", đàn bà cũng bị ông ấy

lừa. Đàn bà không những muốn lấy ông ấy làm vợ cả, còn tình nguyện làm lẽ thứ hai thứ ba thứ tư, còn xếp hàng đăng ký.

Vị thường hữu văn kỳ xướng giả dã, thường hòa nhân nhi dĩ hĩ.
Chưa từng nghe ông ấy khởi xướng điều gì, chỉ thường hòa với người mà thôi.

Nhưng người này lợi hại thế, mà ông ấy lại chưa hề làm công tác tuyên truyền, chẳng hề lên truyền hình, chẳng hề đăng quảng cáo, cũng chẳng tự in tờ truyền đơn, gõ cửa từng nhà mời người ta bỏ phiếu cho ông ấy; chưa từng có chuyện ấy. Ông ấy chẳng qua đối với ai cũng tốt, người ta đối với ông ấy cũng tốt.

Vô quân nhân chi vị dĩ tế hồ nhân chi tử, vô tụ lộc dĩ vọng nhân chi phúc.
Ông ấy chẳng có địa vị vua chúa để cứu người khỏi chỗ chết, chẳng có của lộc để no lòng người.

Hựu dĩ ác hãi thiên hạ, hòa nhi bất xướng,
Mặt mũi lại xấu xí kinh sợ thiên hạ; hòa với người mà chẳng hề khởi xướng,

tri bất xuất hồ tứ vực, thả nhi thư hùng hợp hồ tiền.
cái biết chẳng vượt khỏi bốn bề, mà nam nữ đều vâng theo trước mặt ông ấy.

Thị tất hữu dị hồ nhân giả dã.
Vậy hẳn ông ấy có chỗ khác thường hơn người.

"Chẳng có địa vị vua chúa để cứu người khỏi chỗ chết": "quân nhân chi vị" là địa vị bậc lãnh tụ, như người làm vua, có thể "tế nhân chi tử"; một người phạm tội sắp bị xử chết, vua xuống lệnh xá, người ấy được sống, đó là cứu người khỏi chỗ chết. Người này đâu có quyền lực ấy! "Chẳng có của lộc để no lòng người": kẻ nghèo, bụng đói, đều tìm kết bạn với người giàu, mong xoay xở vài đồng mà sống qua ngày; "vô tụ lộc" mà ông ấy lại chẳng có tiền, chẳng cách nào cho người ta ăn no, sống yên ổn. "Lại lấy cái xấu mà kinh sợ thiên hạ": gương mặt dáng vóc của ông ấy lại xấu xí tận cùng, ai trông thấy cũng khiếp. "Hòa với người mà chẳng hề khởi xướng": lạ thật, ông nói người ấy xấu thế cơ mà! Vừa gặp ông ấy là chẳng nỡ rời, mà ông ấy cũng chẳng hề làm tuyên truyền! Trí tuệ học vấn của ông ấy cao đến đâu? Ngang ngửa chúng ta thôi! Đều là học vấn trong bốn bể trời đất; "tri bất xuất hồ tứ vực": cái chúng ta biết ông ấy cũng biết, cái ông ấy biết chúng ta cũng biết, tiếng tăm của ông ấy chỉ trong bốn bề. "Mà nam nữ đều vâng theo trước mặt ông ấy": thư hùng tức là nam nữ, bất luận trai gái già trẻ, đều tình nguyện theo ông ấy, đều nghe lời ông ấy. "Vậy hẳn ông ấy có chỗ khác thường hơn người": tôi nghĩ người này hẳn có cái đặc biệt, vượt hẳn người thường.

Quả nhân triệu nhi quan chi, quả dĩ ác hãi thiên hạ.
Ta triệu ông ấy đến xem, quả nhiên xấu xí kinh sợ thiên hạ.

Dữ quả nhân xử, bất chí dĩ nguyệt số, nhi quả nhân hữu ý hồ kỳ vi nhân dã;
Ở với ta chưa đầy mấy tháng, ta đã có ý quý cái cách làm người của ông ấy;

bất chí hồ kỳ niên, nhi quả nhân tín chi.
chưa đầy một năm, ta đã tin ông ấy.

Lỗ Ai Công kể mình đã nghĩ cách mời Ai Đài Tha đến, "quả nhiên xấu xí kinh sợ thiên hạ": người ấy đến nước Lỗ gặp mặt, quả nhiên xấu, xấu xí không tả nổi, thật khó nhìn! "Ở với ta chưa đầy mấy tháng": thế mà người khó nhìn ấy, mới ở được một tháng, "ta đã có ý quý cái cách làm người của ông ấy": đã khiến tôi thấy ông ấy đáng yêu lạ lùng, ông

ấy làm người tựa như chẳng có chút khuyết điểm, việc gì cũng được, cũng ổn. "Chưa đầy một năm, ta đã tin ông ấy": ở được một năm, đến tôi cũng mê tín ông ấy mất rồi.

Quốc vô tể, quả nhân truyền quốc yên.
Nước không có tể tướng, ta truyền quốc sự cho ông ấy.

Muộn nhiên nhi hậu ứng, phiếm nhi nhược từ.
Ông ấy lặng lẽ hồi lâu mới đáp, lơ đãng như muốn từ chối.

Quả nhân xú hồ, tốt thụ chi quốc.
Ta lấy làm hổ thẹn, cuối cùng trao hẳn quốc gia cho ông ấy.

Vô kỷ hà dã, khứ quả nhân nhi hành.
Chẳng bao lâu, ông ấy rời ta ra đi.

Trong lòng tôi chẳng còn chủ tể nữa, tôi muốn mời ông ấy làm vua nước Lỗ, nguyện nhường ngôi cho ông ấy, nhường cả nước Lỗ cho ông ấy; nên tôi bàn với ông ấy. "Muộn nhiên nhi hậu ứng": khi tôi bảo tôi thoái vị, mời ông ấy làm chư hầu nước Lỗ, ông ấy im lặng chẳng nói, cũng chẳng mừng rỡ, ngơ ngác như kẻ đần, nửa ngày mới ừ lên một tiếng, chẳng nói được hay chẳng được. "Phiếm nhi nhược từ": sau ông ấy thốt một câu: không được, tôi không có tư cách làm... "Quả nhân xú hồ": đến tôi mời ông ấy làm vua mà ông ấy cũng chẳng nhận, tôi thấy nhục nhã! Trong lòng cũng hổ thẹn lắm. "Tốt thụ chi quốc": cuối cùng, tôi đành ép trao quyền quốc gia cho ông ấy. "Vô kỷ hà dã, khứ quả nhân nhi hành": chẳng quá vài ngày, ông ấy lén lút chuồn mất, bỏ tôi ra đi, vốn chẳng thèm làm vua.

Quả nhân tuất yên nhược hữu vong dã,
Ta sầu muộn như mất mát điều gì,

nhược vô dữ lạc thị quốc dã.
như chẳng còn vui gì với nước này nữa.

Thị hà nhân giả dã?
Đó là người thế nào?

Ông ấy bỏ tôi đi rồi, lòng tôi như rơi mất một mảnh, bất an vô cùng, buồn bã tận cùng. Từ ngày ông ấy đi, tôi chẳng có một ngày vui; tuy làm chư hầu, giàu có cả nước, nhưng tôi chẳng vui. "Đó là người thế nào?" Ông xem, đây là người kiểu gì? Trên đời, đâu có người như thế! Lỗ Ai Công hỏi Khổng Tử đây là người gì, chắc Khổng Tử ông cũng chưa gặp. Nếu Khổng Tử gặp ông ấy, chắc cũng phải xin làm môn đồ. Đây chính là Thiền tông, đây chính là một thoại đầu.

Trên đời có người làm được như thế không? Có! Tất nhiên chưa đến mức ai nấy cũng phải theo. Nhưng quả có người như thế: tuy rất xấu mà rất đáng yêu; ngoài xã hội hiếm thấy, trong giới tu đạo thì có. Tôi thường nói, hồi đó ở đại lục tôi khắp nơi cầu đạo, trẻ tuổi rong ruổi khắp nơi, từng thấy người có đạo, đáng yêu làm sao, chẳng tắm chẳng rửa mặt, dù dơ mà cứ chẳng thấy dơ, ngược lại thấy mọi điều đều tốt; bởi đạo đức sung mãn, quả thực có người như thế. Tôi nêu đề trước, rồi xem câu đáp của Khổng Tử, sẽ thấy rất có lý.

Điều gì làm người ta mê?

Trọng Ni viết: Khâu dã thường sử ư Sở hĩ, thích kiến đồn tử thực ư kỳ tử mẫu giả,

Trọng Ni đáp: Tôi từng sứ điệp nước Sở, gặp lứa heo con còn bú mẹ heo đã chết,

thiểu yên thuấn nhược, giai khí chi nhi tẩu.

chốc lát ngẩn ngơ, đều bỏ xác mẹ mà chạy.

Bất kiến kỷ yên nhĩ, bất đắc loại yên nhĩ.

Vì chẳng thấy lại mình trong mẹ nữa, vì mẹ chẳng còn cùng loài với mình nữa.

Khổng Tử nói: Tôi từng sứ điệp nước Sở, gặp lứa heo con còn bú mẹ heo. Lúc ấy mẹ heo đã chết rồi, lũ heo con chẳng hay, vẫn kéo đến bú. "Chốc lát ngẩn ngơ": heo con bú một lúc lâu, rồi quay quanh mẹ heo một vòng, thấy mẹ heo khác thường, mắt chẳng mở, dáng vẻ đã chết, "bỏ chạy hết": lũ heo con ầm ầm... bỏ chạy sạch. "Vì chẳng thấy lại mình trong mẹ nữa, vì mẹ chẳng còn cùng loài với mình nữa": sao heo con chạy? Vì thấy dáng mẹ đổi khác, là dáng của kẻ chết, chẳng giống mẹ thuở nào, mà khác loài với mình, thấy chẳng ổn, nên bỏ chạy hết. Khổng Tử kể chuyện ấy.

Sở ái kỳ mẫu giả, phi ái kỳ hình dã, ái sử kỳ hình giả dã.

Cái yêu ở mẹ heo, chẳng phải yêu cái hình hài, mà yêu cái khiến cho hình hài ấy sống.

Heo cũng thế, người cũng thế, chúng ta yêu cha mẹ mình, chẳng phải yêu cái hình hài của cha mẹ; yêu cái gì? "Yêu cái khiến cho hình hài ấy sống": là thứ khiến nó thành hình hài, tức thứ đằng sau cái hình thể; thứ ấy mà bỏ đi thì hóa ra người chết, hóa ra con heo chết; chẳng cùng loài với kẻ sống nữa, đương nhiên khiếp sợ. Như chúng ta người thường, cha mẹ ngươi đáng yêu mấy, người yêu ngươi đáng yêu mấy, khi họ chết rồi, thì chẳng đáng yêu nữa. Nên điều ngươi yêu chẳng phải ngoại hình, mà là cái tài đức trong ngoại hình ấy.

Chiến nhi tử giả, kỳ nhân chi táng dã bất dĩ sáp tư;

Kẻ chết vì trận mạc, đưa tang chẳng bày đồ nghi tự;

nguyệt giả chi cú, vô vi ái chi, giai vô kỳ bản hĩ.

kẻ bị chặt chân thì giày dép chẳng còn để mà thương; vì gốc rễ chẳng còn.

Ông nói phép tắc cổ: người quân nhân chết vì trận mạc, đưa tang chẳng dùng đồ nghi tự, vì quân nhân là biểu tượng dũng cảm; nói theo nay là thua trận đáng nhục, huân chương cũng chẳng gắn cho. Văn hóa Đông Tây xưa nay tôn trọng anh hùng, tôn trọng dũng sĩ; người chết vì thua trận mà đưa táng, đến chiếu biểu dương cũng chẳng dám lấy ra, chỉ chôn cất sơ sài mà thôi. "Kẻ bị chặt chân thì giày dép chẳng còn để mà thương": người tàn tật đứt chân, hoặc kẻ bị cắt mất năm ngón chân, chân chẳng còn, còn giày làm gì? "Chẳng còn để mà thương", nên chẳng còn yêu giày nữa. "Vì gốc rễ chẳng còn": bởi vô bản, chẳng còn chủ thể, nên huân chương giày dép đều vô nghĩa. Đó là văn hóa cổ.

Vi thiên tử chi chư ngự, bất trảo tiễn, bất xuyên nhĩ,

Người hầu cận thiên tử, chẳng cắt móng, chẳng đục lỗ tai,

thủ thê giả chỉ ư ngoại, bất đắc phục sử.

người đã lấy vợ chỉ đứng ở ngoài, chẳng được lại sai khiến.

Con gái thời cổ vào cung hầu thiên tử, chẳng cho đục lỗ tai, móng tay cũng chẳng cho cắt; nên đàn bà cổ để móng rất dài. Truyền thuyết Ma Cô móng tay dài lắm, lưng ngựa còn dùng móng mà gãi được. Có khi móng phải ngâm nước sôi, từ từ uốn lại thành như quả cầu mới ngủ được. "Chẳng cắt móng, chẳng đục lỗ tai" là ý muốn hình hài toàn vẹn.

"Người đã lấy vợ chỉ đứng ở ngoài, chẳng được lại sai khiến": ông nói đạo vợ chồng người cổ, đã kết hôn rồi, "chỉ ở ngoài" tức là bỏ phế ra ngoài, hoàn cảnh như thế chẳng thể coi là trọn vẹn, vì chẳng còn toàn đẹp nữa.

Hình toàn do túc dĩ vi nhĩ, nhi huống toàn đức chi nhân hồ!
Hình hài còn toàn vẹn đã đủ để như thế, huống nữa là người đức toàn vẹn!

Vì sao thời cổ có nếp văn hóa như thế? Tức là nói, tất cả đều cầu toàn đẹp. Chẳng những cầu đẹp trong lòng, ngoại hình cũng phải toàn đẹp. Nếu đạo đức bên trong chẳng đẹp, ngoại hình đẹp mấy cũng xấu xí; nếu đạo đức bên trong sung mãn, ngoại hình dù xấu xí, cũng là đẹp nhất trần đời. Đó là lời Khổng Tử đáp Lỗ Ai Công, cho rằng Ai Đài Tha là người đức toàn vẹn, đạo đức tu dưỡng thật tới nhà, tức là chân thiện mỹ tận cùng. Cái tên đức toàn vẹn là Trang Tử nêu ra trong thiên này. Nên thiên này gọi là *Đức Sung Phù*: tu dưỡng của một người là đạo đức sung thực, tinh thần thăng hoa, ấy mới là cái đẹp thật sự.

Kim Ai Đài Tha vị ngôn nhi tín, vô công nhi thân,
Nay Ai Đài Tha chưa nói mà người ta tin, chẳng có công mà người ta quý,

sử nhân thụ kỷ quốc, duy khủng kỳ bất thụ dã,
khiến người ta trao hẳn quốc gia, chỉ e ông ấy chẳng chịu nhận,

thị tất tài toàn nhi đức bất hình giả dã.
vậy hẳn là người tài toàn mà đức chẳng lộ hình.

Khổng Tử nói người Ai Đài Tha, chẳng cần nói năng, mà là **"vô ngôn chi giáo"** (dạy bằng chẳng nói), người ta tự nhiên chịu ảnh hưởng của ông ấy; theo nhà Phật nói, người này đã đạt **"bất khả tư nghị tam muội"** (cảnh giới chẳng thể tư nghị), phàm kẻ tiếp xúc với ông ấy, ngồi trong phạm vi công đức ông ấy tán phát, lòng liền định, liền thanh tịnh, liền được cứu, nên ông ấy "chưa nói mà người ta tin". "Chẳng có công mà người ta quý": ông ấy chẳng cần biểu hiện gì đặc biệt, tự nhiên khiến người ta thấy tin được, gần gũi được. "Khiến người ta trao hẳn quốc gia, chỉ e ông ấy chẳng chịu nhận": nên ông ấy khiến người ta tình nguyện giao quốc gia cho, người ta còn sợ ông ấy chẳng thèm nhận.

Ông nói người này "hẳn là "tài toàn"", nhất định là toàn tài, tài năng học vấn đủ cả. Tài là trời phú; chẳng hạn một người có thiên phú hội họa; làm người tốt hay không, cũng là thiên phú đấy! Có kẻ dạy mãi cũng chẳng dạy nổi; người có thiên phú, chạm một cái là thấu, nghe một biết mười. Tài là tài, học là học; Khổng Tử nói người này nhất định tài năng đủ cả, đạo đức cũng đầy. Nhưng tài với đức tuy đều đầy, "mà "đức bất hình"": nội hàm đạo đức của ông ấy luôn luôn chẳng lộ ngoài, nên càng đẹp. Có tài có đức mà để người ta thấy ra, cái tài đức ấy tuy tốt, vẫn còn thiếu một tầng. Có tài lại có đức, mà ngươi chẳng nhìn ra, hướng đi ở đâu cũng mò chẳng ra, thì còn cao hơn nữa.

Ai Công viết: Hà vị tài toàn.
Ai Công hỏi: Thế nào gọi là tài toàn?

Lỗ Ai Công nghe Khổng Tử nói thế, bèn hỏi: thế nào mới gọi là "tài toàn"? Để ý nhé, "tài" đã bao gồm trí tuệ, học vấn.

Lại nói về tu dưỡng

Trọng Ni viết: tử sinh tồn vong, cùng đạt bần phú,
Khổng Tử nói: chết sống, tồn vong, cùng bế hay hanh thông, nghèo hèn hay giàu sang,

hiền dữ bất tiếu hủy dự, cơ khát hàn thử, thị sự chi biến.

kẻ hiền người bất tiếu, lời rủa mắng lời tâng bốc, đói khát rét nắng, hết thảy đều là sự biến dịch của việc đời.

Mệnh chi hành dã.

Đều là dòng vận hành của mệnh vậy.

Mấy câu này của Khổng Tử toàn dựng trên những cặp tương đối: chết đối với sống; tồn vong tức là được mất, thành công hay thất bại; **"cùng"** (穷) là bế tắc, xui rủi, thiếu tiền đương nhiên thuộc loại xui rủi rồi! **"Đạt"** (达) là hanh thông, mọi mặt đều vừa ý; bần phú là giàu có với nghèo khó; hiền dữ bất tiếu là người tốt kẻ xấu; hủy dự là những lời chê bai và những lời tâng bốc; rồi đói khát rét nắng vân vân, hết thảy ảnh hưởng từ ngoại cảnh ấy đều thuộc về sự biến dịch của việc đời; mà những hiện tượng biến chuyển này cũng chính là những điều con người trên đường đời sẽ gặp phải! Những cái ấy gọi là nhân thế. Trên đường đi của cuộc sống, các hiện tượng biến đổi ấy sẽ hiện tới bất cứ lúc nào. Vậy những biến cố nhân thế ấy có chủ tể không? Có phải Thượng Đế sắp đặt cho ngươi chăng? Hay Bồ Tát xếp đặt? Hay Diêm Vương xếp đặt? Chẳng phải ai cả, mà là vô chủ tể, chẳng có kẻ chủ tể nào hết. Vậy ngươi bảo chúng tự nhiên mà đến ư? Cũng chẳng phải. Đó là **"mệnh chi hành dã"** (dòng vận hành của mệnh): tất cả đều do một sức mạnh trong sinh mệnh mình khiến cho ta gặp lấy. Ai đã nghiên cứu Phật học thì biết chữ mệnh này chính là nghiệp trong Phật học; lành mang nghiệp lành, dữ mang nghiệp dữ. Chữ "hành" ấy chính là chữ **"hành"** (行 - vận động) trong ngũ ấm sắc-thọ-tưởng-hành-thức của Phật học; hành tức là động, sức mạnh ấy luôn luôn chạy xoay chẳng ngừng. Sức mạnh này chẳng có chủ tể, cũng chẳng phải tự nhiên, mà tất cả duy tâm, do chính tâm mình tạo tác. Vậy nên sinh mệnh do chính mình tạo ra; sức mạnh ấy mãi mãi xoay chuyển, trên hành trình hiện hữu của sinh mệnh khiến ngươi tự nhiên gặp đủ thứ biến hóa.

Nhật dạ tương đại hồ tiền, nhi tri bất năng quy hồ kỳ thủy giả dã.

Ngày đêm thay phiên nhau hiện ra trước mắt, mà trí tuệ chẳng thể nào dò tới được khởi điểm của nó vậy.

Ông nói những hiện tượng ấy: ngày qua rồi tới đêm, đêm qua lại tới ngày, nên mới nói **"nhật dạ tương đại hồ tiền"** (ngày đêm thay phiên nhau hiện ra trước mắt); còn **"tri bất năng quy hồ kỳ thủy giả dã"** (mà trí tuệ chẳng thể dò tới khởi điểm của nó) nghĩa là chúng ta chẳng tìm ra nổi điểm bắt đầu của sức mạnh sinh mệnh cùng muôn vật vũ trụ khi biến chuyển. Ngày với đêm từ đâu mà ra vậy? Thượng Đế dựng nên sao? Không, chẳng phải Thượng Đế dựng nên. Rồi Thượng Đế lại do ai dựng nên? Ông nói: "tri bất năng quy hồ kỳ thủy giả dã", trí tuệ của ngươi chẳng cách nào thấu suốt nổi động lực ban sơ ấy từ đâu mà đến! Nếu thấu suốt được nguồn gốc này rồi, thì gọi là đắc đạo.

Những chuyện Trang Tử kể trong thiên này, người thường dựa theo thiên *Ngụ ngôn* nằm phía sau mà cho rằng tất cả chỉ là giả thác (mượn danh người thật để ký chuyện); có thật là giả thác chăng? Đến khi giảng tới *Ngụ ngôn* sẽ bàn tiếp. Bây giờ ta tạm coi đó là một chuyện giả thác.

Cố bất túc dĩ hoạt hòa, bất khả nhập ư linh phủ.

Cho nên những biến dịch ấy chẳng đủ lay chuyển sự êm hòa nơi lòng, cũng chẳng thể nào xâm nhập vào ngôi phủ thiêng của tâm.

Chúng ta người thường bị thời gian không gian ràng buộc, trong lòng mãi chẳng được giải thoát, chẳng được tự tại, vẫn luôn bị hoàn cảnh bên ngoài vây khốn, ngăn trở, vì thế chẳng với tới nổi cảnh giới **"hoạt hòa"** (êm hòa an ổn), cũng tức là chẳng đạt nổi một cảnh giới an hòa thong thái. Gượng mượn danh từ Phật học để giải thích, thì đó là chưa đạt nổi thân tự tại cùng tâm giải thoát; vì thế mới nói **"bất khả nhập ư linh phủ"** (chẳng thể nào nhập vào ngôi phủ thiêng). **"Linh phủ"** (灵府 - ngôi nhà thiêng của tâm) mới xuất hiện ở đây trong Trang Tử; người thường giải nó là

tâm. Song chẳng phải quả tim máu thịt của ta, mà là nói thể của tâm: cái bao trùm muôn hình muôn trạng, tất cả đều do tâm tạo ra, Trang Tử đặt tên là linh phủ. Về sau Đạo gia lẫn Đạo giáo đều dùng luôn cái tên này, gọi cảnh giới thiên nhân, cảnh giới đắc đạo là linh phủ. Sau đó lại phủ thêm màu sắc tôn giáo: trong Đạo giáo, linh phủ được tả thành thiên đường, rồi thêm thắt đủ thứ thuyết khác nữa. Thực chất, linh phủ mà Trang Tử mượn miệng Khổng Tử phán ra chỉ nghĩa là tâm linh; cái gọi là **"bất khả nhập ư linh phủ"** (chẳng thể nhập vào ngôi phủ thiêng), tức là chẳng thể nâng tâm lên tới cảnh giới giải thoát cao nhất của tâm linh.

Sử chi hòa dụ thông nhi bất thất ư đoài.
Khiến nó hòa vui lưu thông suốt mà chẳng đánh mất niềm vui thích.

Chữ **"đoài"** (兌 - thông với chữ duyệt 悅, nghĩa vui) này chính là chữ vui ấy. Giả sử tu dưỡng của một người đạt tới cảnh giới hòa nhã vui tươi lúc nào cũng vậy, trong lòng chẳng phiền não, chẳng bi thương đau khổ; **"hòa dụ thông"** (khí hòa vui lưu thông khắp suốt), thông với trời đất, nhập vào cảnh giới linh phủ. Còn **"bất thất ư đoài"** (chẳng đánh mất niềm vui thích), nghĩa là từ sáng tới tối đều sống trong hoan lạc; đó chính là danh ngôn tu thần tiên trường sinh bất lão của Đạo gia: **"thần tiên vô biệt pháp, chỉ sinh hoan hỷ bất sinh sầu"** (làm thần tiên chẳng có pháp gì khác, chỉ sinh hoan hỷ chẳng sinh sầu lo). Muốn học làm thần tiên, ngoài chuyện chỉ sinh hoan hỷ chẳng sinh sầu ra chẳng còn phương pháp nào khác. Giữ nổi tâm cảnh vui tươi bất cứ lúc nào, chẳng có sầu não qua lại trong tim, tự nhiên sẽ tới được cảnh giới thần tiên.

Đức Sung Phù giảng về đạo đức sung mãn; nay qua miệng Khổng Tử nói tới tài đức: kẻ thực có đạo đức phải hội đủ ba thứ tài, đức, học. Đạo hạnh hành vi tu tới chỗ sung mãn rồi, tài năng của người ấy cũng thành thiên phú, tức cái mà cổ nhân gọi là tiên tài. Trong tư tưởng văn hóa Trung Hoa, người ta cho rằng con người tu luyện nổi lên làm tiên, thân xác sinh mệnh tồn tại ngàn đời, trường sinh bất lão; đây là nét riêng có của văn hóa Trung Hoa. Riêng về tiên tài, văn hóa Trung Hoa cũng có một câu: **"thử thân vô hữu thần tiên cốt, tung ngộ kim tiên mạc lãng cầu"** (thân này chẳng có xương thần tiên, dẫu gặp kim tiên cũng chớ cầu bừa). Chữ **"lãng"** (浪) ở đây nghĩa là tùy tiện, bừa bãi. Nếu chẳng phải chất liệu làm thần tiên, dẫu gặp kim tiên cũng đừng ham cầu. Dĩ nhiên cầu cũng chẳng sao, song sẽ chẳng bao giờ thành công.

Câu chuyện Lý Bí

Nói tới tiên tài: từ đời Đường Minh Hoàng, qua con ông là Túc Tông, kế tới Đại Tông, cho tới Đức Tông, trải cả thảy bốn triều ấy có một vị tể tướng tiên tài tên là Lý Bí; song sử sách tầm thường ít nhắc tới ông. Lý Bí cùng tiếng với Quách Tử Nghi, một bên văn một bên võ, đều phi thường. Lý Bí là vị "thần tiên tể tướng" lừng danh, người này vừa học đạo vừa học Thiền. Các bạn nghiên cứu Thiền, mở đoạn Lãn Tàn thiền sư trong *Chỉ nguyệt lục* sẽ tìm được vài tư liệu về ông. Sử tả Lý Bí chẳng những có tiên tài mà còn có tiên cốt. Truyện ký chép về ông bốn chữ **"cốt tiết san nhiên"** (xương cốt nhẹ nhàng uyển chuyển): ông bước đi khoan thai phi thường; chữ **"san nhiên"** (珊然) ấy, cái xương mềm mại biết bao! Chẳng giống xương người thường, mang một phong vị rất đặc biệt, cũng chính là cái người đời thường gọi là **"tiên phong đạo cốt"** (dáng vẻ thanh tiêu của bậc tu tiên giữ đạo).

Lý Bí hội đủ phẩm cách của tiên tài. Ông có một đoạn chuyện với Lãn Tàn thiền sư. Vị thiền sư này thuộc loại người tái lai (hiện thân quay trở lại cõi đời); Lý Bí biết ông là bậc có đạo, đêm đến quỳ xuống cầu pháp. Lãn Tàn thiền sư lười lạ thường: nước mũi chảy đọng tới ngực cũng lười lau, lại chuyên ăn cơm canh thừa của chùa, nên mọi người gọi ông là Lãn Tàn thiền sư (thiền sư lười nhác). Thuở Lý Bí đọc sách trong chùa, trông thấy vị hòa thượng này; ban đêm nghe ông tụng kinh, tựa tiếng thiên lại (nhạc của trời đất ngân vang). Mùa đông, Lãn Tàn vốc phân trâu nhóm lửa,

đồ khoai môn trên đó. Lý Bí quỳ ngay trước mặt, thiền sư mặc kệ. Đợi khoai môn chín, nước mũi cùng củ khoai, ông ăn ngon lành; ăn được nửa củ, đưa luôn cho Lý Bí, nước mũi cứ dính theo; Lý Bí tưởng được báu vật gì, nuốt ngay tức khắc. Nên nói cầu đạo dễ lắm; chịu hay không chịu ăn nước mũi của người khác, ấy mới là vấn đề. Có nổi tinh thần ấy, mới xứng đáng cầu đạo!

Lý Bí ăn xong, Lãn Tàn dặn: ngươi nhớ cho kỹ, sau này lĩnh chức tể tướng thái bình mười năm. Chúng ta đọc sử, thương thay cho Lý Bí: lẽ ra phải ăn nguyên cả củ khoai môn, thế thì ít gì cũng mấy chục năm tể tướng thái bình! Kết quả chỉ đúng mười năm. Song ông vốn chẳng chịu thật sự ngồi ghế tể tướng, vẫn cứ giữ thân phận một người thường, giúp Đường Túc Tông, phối hợp với Quách Tử Nghi dẹp yên loạn An Lộc Sơn; những mưu lược nội bộ thời ấy phần nhiều do ông bày ra.

Tới đời Đại Tông, vua giữ ông lại, cùng ngủ chung một giường, chuyện gì hai người cũng đem ra bàn với nhau; nhưng ông nhất định không nhận chức quan, tể tướng cũng không nhận, chỉ muốn tu đạo; ông đã đạt tới cảnh tịch cốc (nhịn ăn, bỏ hẳn cơm gạo) như Trương Lương thuở trước. Cuối cùng mọi người ép ông phải ăn uống, đạo hạnh của ông liền tuột mất. Cho nên chỉ có thể ăn khoai môn, chứ ăn bừa là không được đâu. Đây là một chuyện kể trong lịch sử.

Nhưng kiểu chuyện này, chính sử phần nhiều không chép. Lịch sử của chúng ta thú vị ở chỗ: vì toàn do những người Nho gia chấp bút, hễ chuyện gì kỳ lạ hơn một chút đều bị gạt bỏ không ghi. Nên đọc lịch sử Trung Hoa, chỉ nhìn mặt trước khó lòng hiểu hết, phải nhìn cả mặt sau mới được. Vì vậy tôi thường khuyên người ta đọc tấu nghị của danh thần các triều, đọc cả những ý kiến phản đối, mới nắm nổi tình hình chân thực của thời bấy giờ.

Tài đức song toàn

Sử nhật dạ vô khích, nhi dữ vật vi xuân,

Khiến ngày đêm chẳng còn khe hở, mà cùng muôn vật cùng vào mùa xuân,

thị tiếp nhi sinh thời ư tâm giả dã.

là tiếp lấy linh khí trời đất, để hơi xuân cứ sinh ra mãi nơi lòng vậy.

Thị chi vị tài toàn.

Cái đó gọi là tài toàn.

Lại nói về toàn đức với toàn tài mà Trang Tử nêu ra. Một người có thể thành đạo, có thể nâng mình lên cao, hay muốn lập nên một đại nghiệp trên thế gian này, đều phải hội đủ hai thứ: toàn tài và toàn đức. Toàn tài đã khó rồi, thêm toàn đức nữa càng khó hơn; có tài mà chẳng có đức cũng chẳng xong, có đức mà chẳng có tài cũng chẳng được. Có đức không tài thì còn có thể tu đạo, nhưng chẳng thể nhập thế; có tài không đức mà nhập thế thì nguy hiểm lắm, chẳng những nguy hiểm cho mình mà còn nguy hiểm cho cả thế gian; vì thế phải tài đức song toàn mới nhập thế được. Phần trên mượn lời Khổng Tử, khen người ấy **"sử chi hòa dụ thông nhi bất thất ư đoài"** (khiến nó hòa vui lưu thông suốt mà chẳng đánh mất niềm vui thích).

"Sử nhật dạ vô khích": chữ **"khích"** (郤 - khe hở) trong "vô khích" đây chẳng phải chữ khước của **"thối khước"** (却 - rút lui), mà nghĩa là ngày đêm trong lòng chẳng có nổi một tạp niệm; nói theo nhà Phật là chẳng có phiền não. Vậy nên hồi trước khi giảng đạo lý Phật học, tôi có nhắc tới cảnh giới tu dưỡng của một người, cái gọi là cảnh giới đại A-la-hán: **"thân khinh như diệp, trú dạ thường minh"** (thân nhẹ như chiếc lá, ngày đêm luôn sáng tỏ), tức là chẳng còn ngủ nghỉ nữa. Trong lòng chẳng phiền não, cũng chẳng có mộng; tới cảnh giới ấy thì **"nhi dữ vật vi xuân"** (cùng

muôn vật cùng vào mùa xuân), qua lại với muôn vật, là cảnh giới thần tiên: thân tâm mãi mãi là mùa xuân, mãi mãi trẻ trung, mãi mãi vui tươi.

"Thị tiếp nhi sinh thời ư tâm giả dã": chữ "tiếp" này là tiếp lấy linh khí của trời đất, nói cách khác là trời với người giao cảm; sinh mệnh của vũ trụ qua lại tiếp xúc hòa chung với nhau. Còn "sinh thời ư tâm", là lúc nào cũng sinh hóa chẳng dứt, tâm cảnh mãi mãi như mùa xuân, mãi mãi xuân xanh chẳng phai. Trước khi nhà Nguyên bắt đầu, Thành Cát Tư Hãn từng xây cho Trường Xuân chân nhân Khưu Xử Cơ một ngôi Trường Xuân cung; đạo lý ở đây chính từ chỗ ấy mà ra. Việc việc gì cũng xuân mãi, chẳng có suy tàn, chẳng có phiền não; **"thị chi vị tài toàn"** (cái đó gọi là tài toàn). Nói cách khác, người tài toàn như thế mới đạt tới nổi đạo đức sung mãn.

Hà vị đức bất hình?

Thế nào gọi là đức bất hình?

Lỗ Ai Công lại hỏi thế nào gọi là "đức bất hình". Đạo đức sung mãn bên trong một người, nhìn bề ngoài chẳng thấy ra; chuyện này rất quan trọng. Bậc sĩ có đạo đức mà lại bày ra cái dáng vẻ đạo đức ở ngoại hình, thì đạo đức ấy chỉ là đạo đức hữu hạn thôi; có thể gọi người ấy là "công ty hữu hạn" được rồi. Người đạo đức thật sự sung mãn, ngoại hình rất bình thường, tựa như câu văn chương vẫn nói: **"học vấn thâm thời ý khí bình"** (học vấn sâu rồi, ý khí lắng hòa). Một người học vấn thành tựu sâu nặng rồi, ý khí của người ấy cũng chẳng còn nữa. Câu ấy nhìn qua tưởng bình thường, thực ra quan trọng lắm. Chúng ta biết trí thức đông tây kim cổ, chuyện tranh luận cùng trận chiến tâm lý của họ dữ dội hơn bất cứ thứ gì. Người thường sống trên đời cũng tranh, nhưng là tranh do tham tâm khởi ra, là tranh lợi hại. Cái tranh của trí thức đáng sợ hơn cái tranh của người thường, là cái mà người ta gọi là tranh tư tưởng, vượt xa hơn cả tranh lợi hại.

Cho nên làm thật nổi "học vấn thâm thời ý khí bình" thì chính là vô tranh, ấy là cảnh giới thánh nhân, gọi là người đắc đạo. Nhìn câu "học vấn thâm thời ý khí bình" tưởng rất dễ, làm ra thì khó vô cùng, bởi ý khí khó cho êm hòa lắm. Trí thức có đạt nổi chuẩn mực này hay không, xem hết vào ý khí của họ có bằng được phẳng lặng chăng. Còn "đức bất hình" mà Trang Tử đang nói là có đạo đức mà chẳng lộ ra ngoài, cảnh giới ấy còn cao hơn cả ý khí bình nữa. Ai Công hỏi: thế nào mới gọi là đức bất hình? Chỗ này có một đạo lý.

Viết: bình giả, thủy đình chi thịnh dã.

Ông đáp: Bằng, là chỗ nước dừng yên tới mức cùng cực.

Kỳ khả dĩ vi pháp dã,

Có thể lấy đó làm phép tắc,

nội bảo chi nhi ngoại bất đãng dã.

giữ gìn bên trong mà bên ngoài chẳng lay động.

Trên khoa học, trên vật lý, người ta hay dùng hai chữ **"thủy bình"** (水平 - mặt nước phẳng lặng); cụm "thủy bình" này trước tiên xuất hiện trong Trang Tử. **"Bình giả, thủy đình chi thịnh dã"** (bằng là nước dừng yên tới mức cùng cực), ông nói nước thật sự phẳng rồi thì chẳng chảy nữa, nên mới gọi là thủy bình. Nước chỉ cần nghiêng đi một chút là chảy ngay. **"Kỳ khả dĩ vi pháp dã"** (có thể lấy đó làm phép), nên khi ngồi thiền tu đạo đạt tới chỗ tâm này định xuống, chưa nhất thiết phải xếp bằng đôi chân, mà là cái tâm này tựa nước đứng yên, chẳng chảy nữa. Thế nào gọi là định? Thế nào gọi là cảnh giới đạo? Cổ nhân hình dung chỉ bằng bốn chữ **"chỉ thủy trừng ba"** (nước dừng, sóng lặng trong veo): như nước ngừng hẳn chẳng chảy, phẳng lặng như hồ lạnh thu sang. Ở xứ Đài Loan này, tôi chưa ra ngoài đi

lại bao giờ, chưa được thấy; chứ như vùng Giang Chiết nhà chúng ta, nước biếc non xanh, thơ cổ có câu **"vi ái danh sơn nhập Thiểm trung"** (vì yêu núi danh mà vào chốn Thiểm trung), chính tả cảnh sông núi vùng ấy. Loại nước trong veo thấy tận đáy ấy gọi là trừng ba. Đôi khi thấy nước chẳng chảy, màu xanh biếc, song ấy chẳng phải nước chết đâu nhé! Nước chết tuy xanh nhưng chẳng nhìn thấy đáy, thứ ấy có độc. Nước sống ánh màu xanh non, giống màu cây cối, nhìn rất đẹp mắt. Nhìn thứ nước ấy, lòng người tự nhiên mát dịu hẳn.

Cho nên nói, thủy bình chẳng chảy, như "chỉ thủy trừng ba"; người làm nổi được **"nhật dạ vô khích"** (ngày đêm chẳng còn khe hở), ngày đêm đều an trú trên cảnh giới ấy, ấy chính là tu dưỡng đạo đức. Trang Tử rõ ràng chỉ cho ngươi phương pháp: tâm này như nước, chẳng chảy nữa, tạp niệm vọng tưởng đều sạch bong; dòng nước hỷ nộ ai lạc chẳng chảy nữa, song chẳng phải chết mà là sống; tựa một tấm gương soi, soi rõ hỷ nộ ai lạc, nhưng nó "chỉ thủy trừng ba", chẳng chảy.

Kinh Phật chỉ cho chúng ta phương pháp tĩnh tọa: khởi đầu tựa một chén nước, chén nước này còn đục; từ từ tự mình cảm nhận ra rằng: chẳng ngồi thiền còn đỡ, vừa ngồi thiền xong, tư tưởng tạp niệm ngược lại đặc biệt nhiều. Có người hỏi Phật, Phật bảo tất nhiên rồi: một chén nước để đấy thì chẳng thấy cặn bã; chờ nó từ từ lắng trong mới thấy bụi bặm cặn bã; lắng trong lâu dần, bụi cặn chìm hết xuống đáy, rồi đổ bỏ hết cặn bã ấy đi, nước hoàn toàn trong veo. Đó là Thích Ca Mâu Ni Phật thuyết ở Ấn Độ; thời Trang Tử đương nhiên muộn hơn chút, nhưng thuở ấy văn hóa Trung Hoa với Ấn Độ chưa giao lưu. Trang Tử nêu phương pháp này: **"bình giả, thủy đình chi thịnh dã, kỳ khả dĩ vi pháp dã"** (bằng là nước dừng tới mức cùng cực, có thể lấy đó làm phép), bảo người ta noi gương nước bằng, "chỉ thủy trừng ba", từ từ tu dưỡng tâm cảnh, đạo đức sẽ sung mãn. Cách nói này của ông, kỳ lại đồng với điều Thích Ca Mâu Ni đã nói.

"Nội bảo chi nhi ngoại bất đãng dã" (giữ gìn bên trong mà bên ngoài chẳng lay động): tâm cảnh bên trong mãi mãi giữ vững cảnh giới ấy, chẳng chịu ảnh hưởng của ngoại cảnh. Ngoài kia dù thế nào, mắng ngươi cũng vậy, tâng bốc ngươi cũng vậy, thậm chí thấy mình được chí hay thất ý, tâm này vẫn bằng phẳng chẳng chảy. Nếu nói lúc ngồi thiền hoặc còn làm nổi, mà ra làm việc thì chẳng làm nổi nữa, thế thì chưa tính. Phải nhập thế nổi, phải làm việc nổi, hỷ nộ ai lạc đủ cả, mà cái tâm cảnh tu dưỡng của mình vẫn ngang một chén nước trong để đấy, chưa hề lay động. Có tu dưỡng như vậy thì có thể xuất thế, cũng có thể nhập thế, mà nhìn từ ngoại hình thì chẳng cách nào hiểu nổi. Huyền Trang pháp sư có tám chữ để nói rõ: **"như nhân ẩm thủy, lãnh noãn tự tri"** (như người uống nước, nóng lạnh tự biết).

Đức giả, thành hòa chi tu dã.
Đạo đức là sự tu dưỡng đạt tới hòa hợp viên thành.

Đức bất hình giả, vật bất năng ly dã.
Người đức chẳng lộ hình thì muôn vật chẳng thể nào rời xa.

Tu dưỡng đạo đức đạt tới cảnh giới **"thành hòa"** (hòa hợp viên thành) này, chính là trạng thái "trung hòa" mà *Trung Dung* nói; nói cách khác, ấy mới thật sự thành tựu được hòa bình, sự êm hài của tâm cảnh. Chữ tu (修) ở đây chẳng phải chữ tu của tu đạo, mà là con đường dài lâu ấy, là hy vọng và tiền đồ; cái đó mới gọi là tu dưỡng nội đức. Vì thế, bên trong có tu dưỡng đạo đức như thế thì **"vật bất năng ly"** (muôn vật chẳng thể rời), dù muôn vật ngoài kia quấy nhiễu ngươi ra sao, ngươi vẫn chẳng hề rời khỏi cảnh giới ngưng định an hòa ấy. Khổng Tử giảng tới đây, trả lời trọn câu hỏi của Lỗ Ai Công về Ai Đài Tha, bảo ông rằng Ai Đài Tha là bậc sĩ có đạo, giải thích rõ thế nào là tài toàn! Thế nào là đức toàn! Nói cách khác, trong trang văn của Trang Tử, Khổng Tử đang thuyết pháp cho Lỗ Ai Công nghe.

Dùng thầy thì vương, dùng bạn thì bá, dùng đệ tử thì vong

Ai Công dị nhật dĩ cáo Mẫn Tử, viết: Thủy dã, ngô dĩ nam diện nhi quân thiên hạ,

Hôm khác, Ai Công kể với Mẫn Tử rằng: Thuở trước, trẫm lấy ngôi nam diện mà làm vua thiên hạ,

chấp dân chi kỷ nhi ưu kỳ tử, ngô tự dĩ vi chí thông hĩ.

nắm kỷ cương của muôn dân mà lo lắng cho sự sống của họ, trẫm tự cho mình là thông suốt tột bậc.

"Mẫn Tử": có phải Mẫn Tử Khiên trong truyện Nhị thập tứ hiếu (hai mươi bốn tấm gương hiếu thảo) chẳng? Chẳng biết, ta tạm coi là ông ấy vậy. Một hôm, Lỗ Ai Công gặp Mẫn Tử Khiên, học trò Khổng Tử, bèn nói với ông ấy: **"Thủy dã, ngô dĩ nam diện nhi quân thiên hạ"** (thuở trước, trẫm lấy ngôi nam diện mà làm vua thiên hạ): vua chúa hay lãnh tụ tối cao Trung Quốc thời cổ đều quay mặt về nam mà ngồi; kế đó là ngồi hướng tây nhìn về đông, ấy là vị trí của đạo thầy. Trước khi Cách mạng Quốc dân lật đổ vương triều nhà Thanh, nhà ai cũng chẳng dám hướng chính nam, chỉ có nha môn, miếu thần mới được hướng nam. Nền văn hóa dân tộc mấy nghìn năm này căn cứ theo đạo lý từ trường hai cực nam bắc mà *Kinh Dịch* nói ra, ngang với chuyện người Ai Cập xây kim tự tháp vậy. Lỗ Ai Công là một ông vua hành nghề, ông nói: lúc làm vua, trẫm **"chấp dân chi kỷ nhi ưu kỳ tử"** (nắm kỷ cương của dân mà lo cho sự sống của họ), muốn có một nền chính trị tốt lành, chỉ sợ dân chúng chẳng được cuộc sống tốt; ưu nước, ưu dân, ưu thiên hạ, làm vua trẫm nghĩ như thế. **"Ngô tự dĩ vi chí thông hĩ"** (trẫm tự cho mình thông suốt tột bậc), ta tự cho mình là một ông vua giỏi.

Kim ngô văn chí nhân chi ngôn, khủng ngô vô kỳ thực, khinh dụng ngô thân, nhi vong ngô quốc.

Nay nghe lời bậc chí nhân, trẫm sợ mình chẳng có thực chất, khinh suất dùng thân mà đánh mất nước mình.

Ngô dữ Khổng Khưu, phi quân thần dã, đức hữu nhi dĩ hĩ.

Trẫm với Khổng Khưu, chẳng phải vua tôi, chỉ là bạn đức mà thôi.

Nay nghe thầy ngươi là Khổng Tử nói một hồi, mới biết còn hơn thế nữa, mà là phải hiểu nổi giá trị nhân sinh. **"Văn chí nhân chi ngôn"** (nghe lời bậc chí nhân): người đắc đạo gọi là chí nhân; cái tên chí nhân, chân nhân mà Trang Tử sáng tạo đã ảnh hưởng tới Đạo gia cùng Đạo giáo. Vì thế thần tiên thành đạo đều được gọi là chân nhân; như Lữ Thuần Dương chân nhân, Khưu Trường Xuân chân nhân vân vân. Chí nhân cũng tức là chân nhân, người đắc đạo. Song thấy cái tên này, ta có thể nghĩ rằng: bọn chúng ta này đều chẳng phải chân nhân, mà là giả nhân. Lỗ Ai Công nói nghe lời chí nhân xong, mới hay mình nam diện xưng vương, ưu tâm thiên hạ, chỉ là một lý tưởng trống rỗng, **"khủng ngô vô kỳ thực"** (e mình chẳng có thực chất). Tuy cũng có lòng ưu nước ưu dân, nhưng cũng chỉ là **"khinh dụng ngô thân, nhi vong ngô quốc"** (khinh suất dùng thân mà đánh mất nước). Sợ nhất là chẳng biết trân trọng sinh mệnh chân thật của mình, mà đối với xã hội quốc gia chẳng có đóng góp gì. Nếu cứ thế mãi, đối với quốc gia chẳng tốt chút nào. Nhờ một lời của Khổng Tử, Lỗ Ai Công hiểu thêm được một tầng đạo lý sâu hơn, biết người đắc đạo chẳng nằm ở ngoại hình. Đoạn chuyện này Lỗ Ai Công tự kết luận: người đắc đạo chẳng nằm ở uy đức trang nghiêm bề ngoài; cái gọi là trang nghiêm thật sự, nằm ở sự sung mãn bên trong.

Kết luận của Lỗ Ai Công: **"ngô dữ Khổng Khưu, phi quân thần dã"** (trẫm với Khổng Khưu chẳng phải vua tôi), giữa ông với Khổng Tử chẳng phải vua với tôi, mà là **"đức hữu nhi dĩ hĩ"** (chỉ là bạn đức mà thôi). Có thể gọi là đạo hữu, bạn của đạo đức. Lỗ Ai Công rốt cuộc vẫn là Lỗ Ai Công; đoạn chuyện Trang Tử ghi lại này cũng khá chân thực. Song nghiên cứu Khổng Tử rất khó, chỉ đọc *Tứ thư Ngũ kinh* thì chẳng thể nào hiểu nổi Khổng Tử. Có vài quyển ta cần đọc: một quyển *Khổng Tử gia ngữ*, tức tư liệu về Khổng Tử được sưu tầm ngoài *Tứ thư Ngũ kinh*; còn một quyển *Khổng Tử tập ngữ*, tác phẩm từ đời Thanh trở lại, chép lại những lời của Khổng Tử. Đọc xong hai quyển ấy, nghiên

cứu Khổng Tử mới có chút hiểu biết. Những chuyện Trang Tử chép này, có phải thời Khổng Tử thật có xảy ra chăng? Trên phương diện khảo chứng rất khó nói, nhưng đối với việc hiểu Khổng Tử thì có giúp ích.

Kế đó chúng ta thấy, khi Trang Tử nhắc tới Khổng Tử, nhiều chỗ khiến người ta khó xử, nhiều chỗ châm biếm, nhiều chỗ hóm hỉnh. Nhưng xem kỹ hết rồi, sẽ thấy nhiều chỗ ông tuyệt đối tâng bốc Khổng Tử, đây cũng là một chỗ tâng bốc. Còn một chuyện nữa: vừa nãy ta nhắc lời Lỗ Ai Công, rằng ông với Khổng Khưu **"phi quân thần dã, đức hữu nhi dĩ hĩ"** (chẳng phải vua tôi, chỉ là bạn đức), vậy nên Lỗ Ai Công là một chư hầu nhỏ mà chẳng thành nổi bậc đại nhân vật, là có nguyên nhân cả. Danh ngôn của lịch sử văn hóa Trung Hoa: "dùng thầy thì xưng vương, dùng bạn thì xưng bá, dùng đệ tử thì diệt vong". Đây là lẽ trời đất muôn đời của lịch sử Trung Hoa. Dùng đệ tử thì kết cục chẳng lành, ấy là cái loại tôi dưới **"mạt tướng thính lệnh"** (tướng nhỏ chỉ biết nghe lệnh) trong sân khấu kinh kịch, ai cũng chỉ biết vâng lệnh theo lời. Vậy Lỗ Ai Công rốt cuộc có cái khí độ đế vương lớn hay chẳng? Cuối cùng chỉ nói với Khổng Tử là bạn đức thôi, ông nào có nói thầy ta là Khổng Tử đâu!

Cho nên trên lịch sử, dùng thầy thì xưng vương: chẳng hạn Thương Thang dùng Y Doãn, Chu Văn Vương, Vũ Vương dùng Khương Thái Công, ấy đều là dùng thầy; Hán Cao Tổ dùng Trương Lương, Lưu Bị dùng Gia Cát Lượng, ấy là dùng bạn, loại bạn bè đồng liêu, chưa đủ tầm dùng theo đạo thầy. Tóm lại, từ Tần Hán về sau chẳng còn ai dùng đạo thầy nữa, đều chỉ dùng bạn mà thôi. Vừa nãy nhắc bốn đời từ Đường Huyền Tông (tức Đường Minh Hoàng) trở xuống đối với Lý Bí, cũng vẫn chỉ là dùng bạn, chẳng phải dùng thầy, đây là chuyện ta tiện thể nhắc tới. Nay Trang Tử lại nêu ra thêm hai người nữa; mỗi chuyện trong thiên này đều kể rất hay, mà mỗi người đều chẳng giống dáng người bình thường.

Bên trong và bên ngoài

Nhân Kỳ Chi Ly Vô Thần thuyết Vệ Linh công, Linh công duyệt chi;
Nhân Kỳ Chi Ly Vô Thần đến thuyết phục Vệ Linh công, Vệ Linh công rất mến;

nhi thị toàn nhân, kỳ đậu kiên kiên.
nhìn lại người hình hài toàn vẹn, cổ lại thon dài mảnh mai.

Ông Áng đại anh thuyết Tề Hoàn công, Hoàn công duyệt chi,
Ông Áng đại anh đến thuyết phục Tề Hoàn công, Hoàn công rất mến,

nhi thị toàn nhân, kỳ đậu kiên kiên.
nhìn lại người hình hài toàn vẹn, cổ lại thon dài mảnh mai.

"Nhân Kỳ", "Chi Ly", đều là biệt danh. Nhân Kỳ là người lùn cực kỳ, vóc dáng nhỏ bé, dáng vẻ chẳng giống người, đi bằng hai mũi chân nhón lên, gót chẳng chạm đất, bước bằng đầu ngón chân. Chi Ly thì thân hình kỳ dị, ngực chẳng ra ngực, lưng chẳng ra lưng, đại khái cũng là một dáng vẻ quái gở, miệng lại chẳng có môi. Nhưng Vệ Linh công gặp người này thì yêu thích vô cùng, ngược lại nhìn người thường bình thường, thấy chẳng có ai đáng yêu cả. **"Linh công duyệt chi"** (Vệ Linh công rất mến): chữ duyệt ở đây tức là vui thích, yêu mến. **"Nhi thị toàn nhân"** (nhìn lại người toàn vẹn), xem người dáng vẻ bình thường, **"kỳ đậu kiên kiên"** (cổ lại thon dài mảnh mai), ngược lại chẳng giống người nữa, đúng là một cái mặt, một cái cổ dài thế kia, khó nhìn làm sao! Vẫn thấy người kia hơn.

"Ông Áng đại anh" cũng là biệt danh: cổ ông ấy bướu giáp phồng to tựa cái thùng nước, bụng cũng rất lớn, trông như người mang bệnh. Ông ấy đến gặp Tề Hoàn công, Hoàn công mừng lắm, cho rằng người này tài giỏi đẹp đẽ, yêu

thích hắn hoi. **"Nhi thị toàn nhân"** (nhìn lại người toàn vẹn), nhìn người thường bình thường, **"kỳ đậu kiên kiên"** (cổ lại dài mảnh), khó nhìn thật, sao người ta lại có cái vai, có cái cổ! Càng nhìn càng khó chịu.

Cố đức hữu sở trường nhi hình hữu sở vong,
Vì thế đạo đức có chỗ hơn người thì hình hài bị quên đi,

nhân bất vong kỳ sở vong, nhi vong kỳ sở bất vong,
người ta chẳng quên cái đáng lẽ phải quên, lại quên cái đáng lẽ chẳng nên quên,

thử vị thành vong.
đó gọi là quên thật sự.

Trang Tử nói thẳng: một người có đạo đức thì chưa chắc lộ ở ngoại hình! Ngoại hình là chẳng nhìn ra được; nên **"đức hữu sở trường"** (đạo đức có chỗ vượt trội), thưởng thức đạo học của người ấy thì **"hình hữu sở vong"** (hình hài bị quên mất), quên luôn dáng vẻ đẹp xấu của người ấy. **"Nhân bất vong kỳ sở vong, nhi vong kỳ sở bất vong, thử vị thành vong"** (người ta chẳng quên cái đáng quên, lại quên cái chẳng đáng quên, ấy là quên thật sự). Nhưng người thường, đều như danh từ Phật học nói là "đảo điên"; tư tưởng quan niệm của người thường hay đảo điên lắm. Những điều người ta cho là chân lý, là đúng đắn, chưa hẳn là chân lý; điều ta cho là sai, chưa hẳn đã sai, có khi lại là mặt đúng. Chân lý ở đâu trên thế gian này? Khó nói lắm. Triết gia, khoa học gia, tôn giáo gia, ba nhà đều đang tìm cái chân lý ấy, tới nay vẫn chưa chốt được. Phật gia cho rằng quan niệm người thường đều đảo điên; nên người thường **"bất vong kỳ sở vong"** (chẳng quên cái đáng quên), chuyện đáng quên thì không quên; **"mà vong kỳ sở bất vong"** (lại quên cái chẳng đáng quên), chuyện chẳng nên quên lại cứ quên, **"thử vị thành vong"** (ấy là quên thật sự). Người thường đều tự cho mình ý chí minh mẫn, thực ra Trang Tử bảo, đó là hồ đồ lớn.

Chớ quên phần chú giải Trang Tử của Quách Tượng, những dòng chữ nhỏ trong trang này chú rất hay. Chúng ta biết, nhất là người nghiên cứu Phật học đều rõ: đệ tử của Cưu Ma La Thập là Tăng Triệu, bộ *Triệu luận* ông soạn, trong đó mấy bài đã ảnh hưởng sâu sắc tới tư tưởng triết học Trung Hoa; nghiên cứu lịch sử triết học, lịch sử văn hóa Trung Hoa thì chẳng thể rời *Triệu luận*. Vị hòa thượng xuất gia Tăng Triệu này, ba mươi mốt tuổi đã mất (từ năm 384 đến 414), ông quá thông minh, văn chương cũng quá hay. Chúng ta đều cho rằng văn chương *Triệu luận* học theo Trang Tử, vẻ đẹp chữ nghĩa khó ai vượt nổi. Thực ra, văn chương Tăng Triệu thực chất học Quách Tượng, chẳng phải học Trang Tử. Còn Quách Tượng thì ngược lại học Trang Tử. Vài bậc tài khí ngang trời trong lịch sử như Tô Đông Pha, cho tới Kim Thánh Thán đời Thanh, đều học văn chương Trang Tử với Quách Tượng. Văn chương Quách Tượng, chẳng những chữ nghĩa đẹp mà tư tưởng triết học cũng cao. Dưới đây dẫn chú giải của Quách Tượng:

Thiên tình nhất vãng, tắc xú giả canh hảo, nhi hảo giả canh xú dã.
Thiên lệch tình cảm một khi tràn vào, thì kẻ xấu càng thấy đẹp, kẻ đẹp càng thấy xấu.

Sinh tắc ái chi, tử tắc khí chi,
Sống thì yêu lấy, chết thì vứt bỏ;

cố đức giả thế chi sở bất vong dã, hình giả lý chi sở bất tồn dã.
vì thế đạo đức là điều đời chẳng quên, còn hình hài xét ra chẳng giữ được bao giờ.

Cố phù vong hình giả phi vong dã, hạ vong hình nhi vong đức giả, nãi thành vong dã.
Nên quên hình chẳng phải quên thật; chẳng quên hình mà lại quên đức, ấy mới là quên thật.

"Thiên tình nhất vãng" (thiên lệch tình cảm một khi tràn vào): hễ tình cảm có thiên kiến, hình thành chủ quan, "thì kẻ xấu càng thấy đẹp, kẻ đẹp càng thấy xấu". Dù ai cũng bảo người đó xấu, mình vẫn thấy đẹp, càng nhìn càng đẹp. Nếu thiên kiến tình cảm với người này nổi lên, hoặc ý kiến bất hòa, thì dẫu đẹp bao nhiêu, càng nhìn càng ghét; hầu như giữa nam nữ, vợ chồng, bạn bè, ai cũng có kinh nghiệm này. Người Trung Hoa có câu tục ngữ **"bài đả nhất chương, sắc trung nhất điểm"** (đánh bài thì trúng một quân, duyên sắc thì hợp một người), đẹp hay xấu chẳng có chuẩn nào cố định. Lúc hai người tình cảm thắm thiết thì càng nhìn càng đẹp, mắng người ấy xúc phạm người ấy, người ấy còn thấy đó là tốt cho mình! Đến khi tình cảm có thiên kiến, ngươi tốt với người ấy hết mức, người ấy còn tưởng ngươi muốn hại mình. Đạo lý chính là thế.

"Sinh tắc ái chi, tử tắc khí chi" (sống thì yêu lấy, chết thì vứt bỏ): một người lúc còn sống thì đáng yêu, lúc ốm đau hoặc sắp chết thì bị bỏ rơi. **"Cố đức giả thế chi sở bất vong dã"** (đạo đức là điều đời chẳng quên), đạo đức là điều người đời không quên; chẳng hạn thường nghe nói người nọ rất có đạo đức, người này tốt lắm, ấy là **"thế sở bất vong dã"** (đời chẳng quên). Ai cũng bảo đạo đức tốt, nhưng người ta có thật sự yêu đạo đức không? Đạo đức là thứ gì? Chưa từng thấy bao giờ, đều bị ngoại hình lừa gạt cả. Nên mới có **"hình giả lý chi sở bất tồn dã"** (hình hài xét ra chẳng giữ được). Chúng ta cũng đều biết ngoại hình là giả, tuy ai cũng biết, nhưng ai cũng bị hiện tượng bên ngoài lừa cả.

Cho nên nói, tu dưỡng thật sự của một người là quên hết mọi hiện tượng bên ngoài, nhưng vẫn xuyên qua hiện tượng mà thấy được cái chân thật đằng sau. Song người thường tuy ai cũng hiểu đạo lý này, lại chẳng làm nổi, **"cố phù vong hình giả phi vong dã"** (quên hình chẳng phải quên thật). Ngược lại, **"bất vong hình nhi vong đức giả"** (chẳng quên hình mà lại quên đức), vì người thường đều bị hiện tượng lừa rồi, đạo đức chân thật tuy quan trọng, ngược lại lại bị đánh rơi, nên mới là **"nãi thành vong dã"** (quên thật sự). Phần chú của Quách Tượng, tôi e mọi người bỏ qua nhiều điều hay trong đó; tuy chỉ một hai câu, nhưng thấu hiểu được rồi thì áp dụng vô cùng cho cuộc đời, cho cách làm người xử sự, nên đặc biệt nêu lên, xin mọi người để ý. Bây giờ quay lại nghiên cứu văn bản Trang Tử.

Phát huy bốn thứ quan niệm

Cố thánh nhân hữu sở du, nhi tri vi nghiệt, ước vi giao, đức vi tiếp, công vi thương.

Vậy nên bậc thánh có chốn du hồn riêng: với họ, trí thức là tội nghiệt, ràng buộc là keo dán, đạo đức là thói đón trước, khéo tay là buôn bán.

Đây là phát huy quan niệm của Lão Tử. Dĩ nhiên Trang Tử chẳng hẳn phát huy quan niệm Lão Tử, song tư tưởng ông liền mạch với Lão Tử; nên văn hóa Trung Hoa nhắc tới Đạo gia đều xưng Lão Trang chung đôi. **"Cố thánh nhân hữu sở du"** (bậc thánh có chốn du): cảnh giới thánh nhân, người đắc đạo, có chỗ dùng tâm riêng của mình, tức tiêu dao nhi du, tự tại mà giải thoát.

"Tri vi nghiệt" (trí là nghiệt): tri thức vốn là cái tốt, tri thức càng cao, tạo nghiệt càng nhiều. Chữ **"nghiệt"** (孽) này là chữ tội nghiệt, chẳng phải chữ **"nghiệp"** (业) của Phật gia. Nghiệp nhà Phật là nghiệp của sự nghiệp, bao gồm nghiệp lành, nghiệp dữ, cùng nghiệp vô ký (chẳng lành chẳng dữ), cả thảy ba thứ nghiệp. Chữ nghiệt Trang Tử dùng ở đây chính là nghiệp xấu, là cái Phật gia gọi là ác nghiệp. Nên tri thức càng nhiều, đôi khi ngược lại hóa ra đang tạo ác nghiệp.

"Ước vi giao" (ràng buộc thành keo): chữ "ước" nghĩa là ràng buộc, là những khuôn phép đạo đức, giới điều trên quan niệm. Người càng bảo thủ càng có phạm vi riêng của mình, kết quả thành cố chấp, tựa keo dán, tự mình chẳng thoát ra nổi, bị nó dán chặt lấy; chính là cái Phật gia gọi là chấp trước. **"Đức vi tiếp"** (đức thành thói tiếp đón): đạo

đức vốn là chuyện tốt, song người thường dùng ngược nó, đối nhân xử thế đều bày ra một bộ dáng đạo đức, nên đạo đức nhân nghĩa hóa thành công cụ lợi dụng được. **"Công vi thương"** (khéo tay thành buôn bán): đây chưa hẳn là cái công của làm thợ, mà là khéo tư tưởng, khéo kỹ năng, óc đặc biệt tốt, cái họ chế tạo ra gọi là công. Cái tốt chế tạo ra rồi thì ai cũng muốn mua, hóa thành việc buôn bán; Trang Tử giảng cả hai mặt thuận nghịch.

Thánh nhân bất mưu, ô dụng tri!
Thánh nhân chẳng mưu tính, sao cần đến trí!

Bất chước, ô dụng giao!
Chẳng đục đẽo, sao cần keo dán!

Vô tang, ô dụng đức!
Chẳng có mất mát, sao cần đến đức!

Bất hóa, ô dụng thương!
Chẳng mê của cải, sao cần buôn bán!

"Thánh nhân bất mưu" (thánh nhân chẳng mưu tính): người đắc đạo thật sự chẳng cần đặt mưu kế cho ai, chẳng cần dùng mưu lược. **"Ô dụng tri"** (sao cần trí): chẳng cần dùng tri thức; tri thức tự nó chẳng xấu, nhưng nó khiến người đảo điên, đem dùng vào mặt xấu thì hóa thành mưu kế để hại người. Thực ra mưu lược cũng chẳng phải xấu, chỉ vì biến thành âm mưu thì lén lút hại người, hại người sau lưng; nên thánh nhân chẳng dùng quyền mưu, vì thế cũng chẳng cần trí tuệ.

"Bất chước" (chẳng đục đẽo) là chẳng gọt giũa, tức chẳng làm bộ làm dạng; sống trên đời đi thẳng theo đạo, chỗ nào ra chỗ ấy, chẳng cố tình trang điểm nguỵ trang mình. **"Ô dụng giao"** (sao cần keo): nên tự mình chẳng cần vạch ra ranh giới. **"Vô tang, ô dụng đức"** (chẳng có mất mát, sao cần đức): thánh nhân xử thế, chẳng coi ra được mất, chẳng nói mọi thứ đều thuộc về ta; "vô tang" là chẳng có mất, chẳng cảm thấy mình mất cái gì. Nói tiền, ngươi cần thì lấy mà dùng! Chẳng thấy đó là mất mát, cũng chẳng khó chịu, nên chẳng có quan niệm mất mát. Còn có một danh từ đạo đức, trên lý thuyết gọi là bố thí, cho rằng bố thí có công đức, đều là cái người ta tự chế ra cả. Đem dùng thẳng theo đạo, thì nào có chuyện bố thí hay cúng dường, nên mới **"ô dụng đức"** (sao cần đức).

"Bất hóa, ô dụng thương" (chẳng mê của, sao cần buôn bán): người ấy chẳng muốn làm ăn, chẳng mê của cải. Cái "hóa" này đại diện cho hết thảy vật chất; người ai cũng mê vật chất, bị vật chất làm khốn. Đọc sử cổ, vị đế vương nào **"hảo hóa"** (mê của cải), tức là ông ấy thích đồ vật: trông chén trà đẹp là muốn thuộc về mình; trông chiếc nhẫn xinh là muốn có; mọi thứ tốt đều muốn, ấy là hảo hóa. Cảnh giới thánh nhân chẳng mê của, chẳng mê đồ vật.

Mê của ấy ghê lắm, mỗi chúng ta đều mê cả, thấy đồ tốt là muốn. Chẳng hạn học xá Quốc tế đối diện, dạo này toàn quần áo xuất khẩu gì đó, hàng bán không nổi ở ngoài, vừa rẻ vừa đẹp, có dịp tiện thế thì nhất định kéo đi mê của. Nên mê của trên đời khó tránh, ai cũng bị thứ ngoài kia lôi kéo. Nhưng thánh nhân chẳng mê của, còn cần gì buôn bán? Cho nên chẳng cần làm ăn.

Tứ giả, thiên dục dã. Thiên dục giả, thiên thực dã.
Bốn cái ấy là trời nuôi. Trời nuôi tức là trời cho ăn.

Ký thụ thực ư thiên, hựu ô dụng nhân!
Đã chịu trời cho ăn, còn sao cần đến người!

Vậy nên bốn cái ấy: chẳng cần mưu lược, chẳng cần trí tuệ, chẳng cần tự vẽ lấy phạm vi, chẳng cần nghĩ cách chuyển tiền từ túi người khác về túi mình. "Tứ giả, thiên dục dã." Chữ **"dục"** (鬻) nghĩa là nuôi: trời sinh trời nuôi, trời sinh ra một người, tất cho người ấy cơ hội sống sót, trừ phi tự mình quậy phá. **"Thiên dục giả, thiên thực dã"** (trời nuôi tức trời cho ăn): dựa trời mà ăn; nếu thuận theo tự nhiên, sinh mệnh bình thường sẽ tự sống tiếp. **"Ký thụ thực ư thiên"** (đã chịu trời cho ăn): trời đất sinh người, ngoài chuyện tự mình phá mình ra, sống đời thường đàng hoàng thì ai cũng sống tốt; **"hựu ô dụng nhân"** (còn sao cần đến người): chẳng cần ai giúp đỡ, càng chẳng cần cản trở ai mới sống nổi.

Chúng ta sống giữa trời đất, chẳng ai là chẳng làm phiền ai cả, nhất định phải làm phiền người khác mới sống nổi. Như vợ chồng con cái, anh chị em ruột, đều làm phiền lẫn nhau! Ngươi nấu cơm xong, tan tầm về ta phải ăn; nhất định phải làm phiền người khác, mình mới ăn được bữa cơm. Người chẳng thể tự lập; nếu tự lập nổi thì chẳng làm phiền ai, ấy là thiên đức, cũng là quan niệm của Trang Tử.

Tình với vô tình

Hữu nhân chi hình, vô nhân chi tình.
Có hình dáng người, chẳng có tình của người.

Hữu nhân chi hình, cố quần ư nhân,
Có hình dáng người nên hợp quần với người,

vô nhân chi tình, cố thị phi bất đắc ư thân.
chẳng có tình của người nên thị phi chẳng thể nào dính vào thân.

Đây là Trang Tử phê phán văn hóa lịch sử, xã hội loài người. Ông nói người thường **"hữu nhân chi hình"** (có hình dáng người), tuy thân xác là người, **"vô nhân chi tình"** (chẳng có tình của người), chẳng có tình cảm đích thực. Nên theo quan niệm Trang Tử, bọn chúng ta là giả nhân, chẳng phải chân nhân; chỉ người đắc đạo mới là chân nhân, chí nhân. Nhưng chí nhân sống trên đời, **"hữu nhân chi hình, cố quần ư nhân"** (có hình người nên hợp quần với người): vì ông ấy là người, ta cũng là người, hình hài ai cũng là người, nên tụ họp lại thành quần thể. Đã là đồng loại thì có quần chúng hình thành, quần chúng tức xã hội, ai cũng phải hiểu đạo sống chung với đám đông.

Xã hội học của văn hóa Tây phương, mấy chục năm trước Nghiêm Phục (tự Cơ Đạo) dịch là quần học, chữ "quần" chính từ chỗ này mà ra. Thương vụ ấn thư quán có một quyển *Quần học dị ngôn* dịch bởi Nghiêm Phục, chắc giờ vẫn mua được! Theo văn hóa cũ Trung Hoa mà nói nghiêm ngặt, quan niệm dịch của Nghiêm Phục chẳng sai. **"Vô nhân chi tình, cố thị phi bất đắc ư thân"** (chẳng có tình của người nên thị phi chẳng dính thân): cũng bởi chẳng có gì là cảm xúc tình cảm, nên chẳng dính phiền phức thị phi vào mình.

Miểu hồ tiểu tai, sở dĩ thuộc ư nhân dã!
Nhỏ nhoi thay, ấy là cái thuộc về phàm nhân!

Ông nói, chúng ta người thường chẳng hiểu giá trị nhân sinh, nên thị phi của thân mình chẳng phân rõ nổi; chính là cái Phật gia nói: hết thảy chúng sinh đều là chúng sinh đảo điên. Nên Trang Tử nhìn loài người, nhỏ nhoi quá. Lời Trang Tử dịch ra tiếng nói hôm nay: người nhỏ nhoi ơi, ngươi nhỏ nhoi quá, tạm gọi là người vậy! Trang Tử tự thân cũng là người, ông phủ nhận luôn cả mình.

Áo hồ đại tai, độc thành kỳ thiên!

Cao vời thay, độc mình thành nổi cái trời của mình!

Chữ **"áo"** (謷) nghĩa là cao lớn: thật muốn làm một con người, muốn làm người vĩ đại, trước hết phải hiểu giá trị nhân sinh; có được giá trị nhân sinh vĩ đại rồi mới có thể thành người vĩ đại. **"Độc thành kỳ thiên"** (độc mình thành cái trời): còn phải có tinh thần độc lập chẳng lay chuyển. Thành cái trời gì? Cái trời này là quan niệm Đạo gia, tức tự nhiên, cũng chính là cái mà Phật gia gọi là Như Lai, Chân Như. Phần trên toàn kỳ quái, kiếm mấy gã quái nhân ra để tả đạo lý này; dưới đây thêm chút tiếng người bình thường.

Huệ Tử vị Trang Tử viết: Nhân cố vô tình hồ?

Huệ Tử hỏi Trang Tử: Người vốn vô tình chăng?

Trang Tử viết: Nhiên.

Trang Tử đáp: Phải.

Huệ Tử viết: Nhân nhi vô tình, hà dĩ vị chi nhân?

Huệ Tử nói: Người mà chẳng có tình, sao gọi là người?

Trang Tử viết: Đạo dữ chi mạo, thiên dữ chi hình, ô đắc bất vị chi nhân?

Trang Tử đáp: Đạo ban cho nó gương mặt, trời ban cho nó hình hài, sao chẳng gọi là người?

Nói tới đạo lý tình và vô tình: Huệ Tử thuộc Danh gia, chuyên giảng lô-gic, lại là bạn thân của Trang Tử. Huệ Tử nói với Trang Tử: **"nhân cố vô tình hồ"** (người vốn vô tình chăng?), theo ngươi nói vậy, người phải vô tình mới gọi là người sao? Trang Tử đáp: Phải vậy! Huệ Tử nói: một người nếu chẳng có tình cảm, sao gọi là người? Cái tình này, chúng ta người thường coi là tình cảm đấy! Trang Tử đáp: **"đạo dữ chi mạo"** (đạo ban cho nó gương mặt), bản thể sinh mệnh **"thiên dữ chi hình"** (trời ban cho nó hình hài), **"ô đắc bất vị chi nhân"** (sao chẳng gọi là người)? Sao lại chẳng là người! Đoạn này là lời Trang Tử đáp. Xem tiếp chú Quách Tượng, rất đáng đọc.

Nhân chi sinh dã, phi tình chi sở sinh dã, sinh chi sở tri, khởi tình chi sở tri tai!

Sự sống của người chẳng phải do tình sinh ra; cái biết của sự sống, há phải cái tình biết được chăng!

Cố hữu tình ư vi, Ly Khoáng nhi phất năng dã, nhiên Ly Khoáng dĩ vô tình nhi thông minh hĩ.

Cho nên trong lòng còn tình mà muốn làm việc, thì dù là bậc mắt sáng tai thính như Ly Khoáng cũng chẳng làm nổi; vậy mà Ly Khoáng nhờ vô tình nên thông minh.

Hữu tình ư vi hiền thánh nhi phất năng dã, nhiên hiền thánh dĩ vô tình nhi hiền thánh dã.

Còn tình mà muốn làm hiền thánh thì chẳng nổi; vậy mà hiền thánh nhờ vô tình nên hiền thánh.

Khởi trực hiền thánh tuyệt viễn, nhi Ly Khoáng nan mộ tai!

Chẳng những bậc hiền thánh xa xôi khó với, mà cái cảnh rộng rãi thoáng đãng của Ly Khoáng cũng khó mong!

Tuy hạ ngu lung cổ, cập kê minh cẩu phế, khởi hữu tình ư vi chi diệc chung bất năng dã.

Kẻ ngu si điếc mù bậc dưới, cho đến loài gà gáy chó sủa, dù có tình mà muốn làm cũng rốt cuộc chẳng làm nổi.

Bất vấn viễn chi dữ cận, tuy khứ kỷ nhất phân, Nhan Khổng chi tế chung mạc chi đắc dã.

Chẳng kể xa gần, dẫu chỉ cách mình một phân thì chỗ của Nhan Hồi, Khổng Tử rốt cuộc cũng chẳng với tới.

Thị dĩ quan chi, vạn vật phản thủ chư thân, nhĩ mục bất năng dĩ dịch nhậm thành công, thủ túc bất năng dĩ đại tư trí nghiệp.

Xét như thế, muôn vật đều lấy lại nơi thân mình: tai mắt chẳng thể thay nhau làm nhiệm vụ mà thành công, chân tay chẳng thể thay phiên đảm nhiệm mà nên việc.

Cố anh nhi chi thủy sinh dã, bất dĩ mục cầu nhũ, bất dĩ nhĩ hướng minh, bất dĩ túc thao vật, bất dĩ thủ cầu hành,
Nên đứa trẻ mới sinh, chẳng dùng mắt mà tìm vú, chẳng dùng tai mà hướng về ánh sáng, chẳng dùng chân mà cầm vật, chẳng dùng tay mà học đi,

khởi bách hài vô định tư, hình mạo vô tố chủ, nhi chuyên do tình dĩ chế chi tai!
há trăm xương chẳng có chức riêng, hình mạo chẳng có chủ sẵn, mà chuyên để tình cảm chế ngự được sao!

"Nhân chi sinh dã, phi tình chi sở sinh dã, sinh chi sở tri, khởi tình chi sở tri tai" (người sống chẳng phải do tình mà sống; cái biết của sự sống, há phải tình biết được chăng): đây đều là tư tưởng triết học, luận biện lô-gic; nên Trang Tử, Quách Tượng, Tăng Triệu ba người, chẳng những văn hay mà cảnh giới văn chương cũng cao. Bây giờ ta mua một quyển sách lô-gic, dù bản dịch hay do người Trung Hoa viết, thường đọc không xuôi; sách khoa học càng chẳng đọc nổi, nguyên nhân vì sao? Cảnh giới văn chương chẳng cao. Nếu sách khoa học, sách giảng lô-gic triết học có tu dưỡng văn chương cao như thế, văn hóa quốc dân Trung Hoa đã nâng lên rồi. Từ đó biết được tầm quan trọng của văn chương. Trang Tử họ cũng giảng triết học, giảng lô-gic đấy! Nhưng ngươi bị vẻ đẹp văn chương của họ mê hoặc, bị cảnh giới văn chương mê hoặc; kỳ thực bên trong giảng, toàn là lô-gic với triết học.

Tình là gì, tính là gì

"Nhân chi sinh dã, phi tình chi sở sinh dã" (sự sống của người chẳng phải do tình sinh ra): khi con người sinh ra có sự sống ấy, đâu phải vì tình mà sinh! Câu này nêu ra một vấn đề: rốt cuộc tình là gì? Nếu bây giờ ta tranh biện rằng nam nữ vì có tình cảm mà kết hợp mới sinh ra con người, thì tại sao lại bảo chẳng phải do tình mà sinh? Còn **"sinh chi sở tri"** (cái biết của sự sống): lúc ta mới chào đời đã có sẵn một điểm linh tri chi tính (cái tính biết sáng suốt trời cho), một cái năng biết biết muôn điều; **"khởi tình chi sở tri tai"** (há phải cái tình biết được chăng)! Chỗ ấy tình làm sao với tới nổi!

Trong *Lễ ký*, người ta vẫn chia con người ra hai bộ phận để nghiên cứu: tính và tình. Tính là chữ tính của nhân tính, là bản tính, là linh tri chi tính. Ta có tư tưởng, có tri giác; thứ đó chẳng phải tác dụng của tình cảm, gọi là tính. Còn hỷ nộ ai lạc, buồn vui ly hợp, thứ đó là tình. Bản thân cái linh tri chi tính biết khắp mọi sự vốn chẳng hề có hỷ nộ ai lạc buồn vui ly hợp, nên hai thứ ấy phải tách rời. Bây giờ chữ "tính" Quách Tượng nói ở đây gắn với "sự sống của người", nên mới kết luận "há phải cái tình biết được chăng": chẳng liên quan gì đến tình.

"Cho nên trong lòng còn tình mà muốn làm việc": ông nói, một người mà còn tình, bị những tình cảm hỷ nộ ai lạc, buồn vui yêu ghét quấn lấy, tức là cái yêu ta hay nói hiện nay: ta yêu ngươi, ngươi yêu ta, yêu chết đi sống lại ấy; cái yêu đấy chính là tình. "Trong lòng còn tình mà muốn làm việc" là tác dụng của hữu vi, tức trong lòng còn việc muốn làm. "Dù là bậc mắt sáng tai thính như Ly Khoáng cũng chẳng làm nổi": kẻ bị tình cảm trói buộc, cái tác dụng quang minh vĩ đại nơi tâm bị nhốt vào một chấm nhỏ; dù muốn gỡ cho mở toang, muốn tấm lòng rộng lớn bao nhiêu, muốn tư tưởng cao vời bao nhiêu, muốn chứng không, muốn vượt ngoài tam giới, đều bất khả! Làm không nổi. Còn "vậy mà Ly Khoáng nhờ vô tình nên thông minh": nếu tu dưỡng đến nỗi tấm lòng thoát khỏi ràng buộc của tình cảm, tâm chẳng bị một chấm nhỏ hỷ nộ ai lạc yêu ghét dục vọng nào giữ lấy, mà khoáng đạt tiêu dao, lúc ấy trí tuệ mở ra; ấy mới thật xứng đáng gọi là đại thông minh.

"Còn tình mà muốn làm hiền thánh thì chẳng nổi; vậy mà hiền thánh nhờ vô tình nên hiền thánh." Người thường hễ bị tình cảm trói buộc, trong lòng còn những tình cảm thiên kiến hỷ nộ ai lạc, mà muốn tu hành đạt tới cảnh giới hiền

thánh, thì mãi mãi cũng chẳng làm nổi, đúng như câu "muốn làm hiền thánh thì chẳng nổi". Vậy theo lời ấy, kẻ gọi là hiền thánh đắc đạo rốt cuộc là kẻ vô tình sao? Phải vô tình rồi mới thành nổi hiền thánh sao?

"Chẳng những bậc hiền thánh xa xôi khó với, mà cái cảnh rộng rãi thoáng đãng của Ly Khoáng cũng khó mong!" Nhờ đó ta hiểu được: hiền thánh chân chính khó đạt lắm. Cái vô tình của hiền thánh là chẳng có những thứ tình kia thuộc về giới dục, chẳng có thứ tình nhỏ nhoi trần tục; hiền thánh có là đại tình, là tình đại từ đại bi của hiền thánh. Nên cảnh giới mở rộng khoáng đạt, bao hàm muôn hình vạn tượng trời đất, chính là cảnh giới của hiền thánh. Ông than "khó mong thay"! Dẫu trong lòng rất ngưỡng mộ, song tu dưỡng muốn với tới cảnh giới ấy thật là khó.

"Kẻ ngu si điếc mù bậc dưới, cho đến loài gà gáy chó sủa, dù có tình mà muốn làm cũng rốt cuộc chẳng làm nổi." Nghĩa là những kẻ đời thường khờ dại, ngũ quan không đủ, óc chẳng thông sáng, cho đến bọn gà gáy chó trộm: tuy cũng muốn tu đạo, nhưng tâm lý chẳng bình thường, cộng thêm ràng buộc tình cảm, lòng ngày càng hẹp lại. Song chuyện tu đạo làm tiên, vượt ngoài tam giới, họ lại hào hứng lắm, cũng muốn học đấy! Tóm lại, tình trần cũng muốn, thành đạo thành thánh thành Phật cũng muốn; đó chính là điều thơ Đạt Lai thứ sáu Thương Dương Gia Thố viết: **"thế gian na đắc song toàn pháp, bất phụ Như Lai bất phụ khanh"** (thế gian nào có cách hai đầu vẹn cả, chẳng phụ nhà Phật mà cũng chẳng phụ người thương). Thứ gì cũng muốn giữ lấy, làm sao nổi!

"Chẳng kể xa gần, dẫu chỉ cách mình một phân thì chỗ của Nhan Hồi, Khổng Tử rốt cuộc cũng chẳng với tới." Ông nói, họ chẳng chịu nghĩ suy: tu đạo muốn siêu vượt lên, hóa thành người siêu việt, thì phải phân rõ xa gần mới được; nghĩa là phải xa lánh tác dụng của tình cảm riêng tư, gần tới cảnh giới giải thoát thanh tịnh, trí tuệ cao rộng. Vì xa gần thân sơ chẳng phân nổi, nên lòng kỷ vị riêng tư chẳng vơi đi nổi một chút; dẫu ngưỡng mộ tu dưỡng của Khổng Tử với Nhan Hồi, cũng "rốt cuộc chẳng với tới", mãi mãi không thể đạt tới.

"Xét như thế, muôn vật đều lấy lại nơi thân mình": theo đạo lý này mà nhìn, tu dưỡng chân chính phải "lấy lại nơi thân mình", tự cầu nơi chính thân, tự mình đi thực nghiệm. "Tai mắt chẳng thể thay nhau làm nhiệm vụ mà thành công": chỉ dựa vào mắt tai mà kiếm chân lý thì sẽ chẳng thành công. Đọc sách nhờ mắt, nghe giảng nhờ tai đấy! Song chỉ nương vào chút ít học được qua mắt tai ấy thì tuyệt đối chưa đủ; nên mới nói "tai mắt chẳng thể thay nhau làm nhiệm vụ mà thành công". Đây là nói trên phương diện học lý.

Nói cách khác, các ngươi tuổi trẻ, mai này bước ra đời lập nghiệp, làm hiệu trưởng hay chức trưởng nào đó, tiền đồ vô lượng, hậu lộ vô cùng; chức tước quan trường chẳng qua cũng chỉ hai chữ đại diện: chẳng phải chức viên thì cũng chức trưởng, ít ra chức trưởng trong nhà ngươi chắc chắn đảm nhiệm được thôi. Dẫu làm trưởng một gia đình, làm gia trưởng cả một nước, hay làm ông chủ quản nhỏ nào đó, xin nhớ kỹ: "tai mắt chẳng thể thay nhau làm nhiệm vụ mà thành công"; chớ tùy tiện thấy được một điểm, nghe được một điểm liền phán đoán hết thảy mọi chuyện, như thế chẳng đáng tin chút nào. Tai mắt của mình còn chưa chắc tin nổi, huống hồ là báo cáo của muôn vàn người dưới quyền!

Nên khi đứng đầu làm ông chủ quản, nếu người thân tín báo với ngươi rằng lão Trương chẳng phải, lão Lý chẳng phải, thì chưa chắc đã đúng đâu! Xin nhớ kỹ điều ấy: đó chính là đạo lý bậc thánh nhân làm lãnh tụ. "Chân tay chẳng thể thay phiên đảm nhiệm mà nên việc": đừng tin tay chân của mình đấy! Ngươi tin người bên cạnh tả hữu, đến chính tay chân mình đôi khi cũng sai; có khi cầm chiếc chén trên tay còn đánh vỡ. Đạo làm người cũng thế, nhất là muốn làm người vĩ đại, lãnh tụ vĩ đại. Ngươi bảo người nọ là mắt tai của ta, nhưng chưa chắc đáng tin; bảo người kia là tay chân của ta, cũng chưa chắc đáng tin; nên lên ngôi hoàng đế rồi mới tự xưng quả nhân. Chỉ có bộ óc của mình, chỉ có một mình mình, mới phán đoán cho thật đúng; báo cáo thị phi của bất cứ ai đều có vấn đề, đều pha nước tình cảm vào,

đến rượu cũng hóa ra nước, uống vào tất có vấn đề, hóa thành độc dược. Đây là chỗ Đạo gia khác Nho gia: nhìn vật, nhìn việc trần gian, Đạo gia thấu triệt hơn hẳn.

"Nên đứa trẻ mới sinh, chẳng dùng mắt mà tìm vú, chẳng dùng tai mà hướng về ánh sáng, chẳng dùng chân mà cầm vật, chẳng dùng tay mà học đi, há trăm xương chẳng có chức riêng, hình mạo chẳng có chủ sẵn, mà chuyên để tình cảm chế ngự được sao!" Ông nêu một thí dụ: thế nào gọi là chẳng dụng tình? Đó là tâm cảnh con người tu dưỡng đạt tới trạng thái đứa trẻ sơ sinh: trẻ dưới trăm ngày, nói rộng ra thì trong vòng một tuổi, cái thóp trên đỉnh đầu còn phập phồng, còn chưa biết nói, mới gọi là trẻ nhỏ; lớn thêm chút nữa, có tí ý thức rồi thì thôi, chẳng tính vào nữa. "Chẳng dùng mắt mà tìm vú": đứa trẻ vừa lọt lòng chẳng dùng mắt nhìn vú mẹ; nhìn bằng mắt là tác dụng hậu thiên; nó dựa vào cái linh cảm trời sinh nơi nhân tính, biết vú mẹ nằm ở đâu liền nghiêng người sang bú; đó chính là linh phủ. "Chẳng dùng tai mà hướng về ánh sáng": trẻ nhỏ chẳng cần tai mà xem vật. "Chẳng dùng chân mà cầm vật": chẳng cần lấy chân làm tay mà cầm đồ. "Chẳng dùng tay mà học đi": chẳng cần lấy tay làm chân. Nói cách khác, toàn thân đứa trẻ đều là công năng.

Vậy nên người ta tu dưỡng đến nỗi trong lòng chẳng còn tạp niệm, chẳng còn vọng niệm; tình là vọng tình, Phật gia gọi là vọng tưởng; ý thức chẳng còn những tư tưởng hậu thiên thêm thắt, hoàn toàn khôi phục trạng thái thanh tịnh vô vi của trẻ nhỏ, lúc ấy công năng của sinh mệnh phát huy trọn vẹn. Kinh *Lăng Nghiêm* giảng lục căn đều hỗ dụng được: mũi có thể coi là mắt để xem, tai cũng có thể làm mắt dùng; khắp thân đủ thứ đều là công năng, cái đó gọi là thần thông. Thần thông cũng chính là thần; tinh khí thần của sinh mệnh khôi phục trạng thái nguyên thủy viên mãn, ấy là thần thông.

Đoạn văn này toàn là chú giải của Quách Tượng, danh chú nghìn năm đấy! Với đạo lý Trang Tử, ông vận dụng khai triển hay nhất, các nhà khác đều chẳng bằng. Xưa nay các nhà Đạo gia chú giải Trang Tử chẳng ít, song ngôi thứ nhất vẫn thuộc về chú Quách Tượng, quả thật có lý do riêng của nó. Bây giờ trở lại nguyên văn Trang Tử: cuộc đàm luận giữa Trang Tử với Huệ Tử.

Hữu tình, cảm tình, vọng tình, vô tình

Huệ Tử viết: Ký vị chi nhân, ô đắc vô tình?

Huệ Tử hỏi: Đã gọi là người rồi, sao có thể vô tình?

Trang Tử viết: Thị phi ngô sở vị tình dã.

Trang Tử đáp: Chẳng phải cái tình ta nói đâu.

Huệ Tử nói: đã là người rồi, sao lại vô tình được! Trang Tử liền quật lại Huệ Tử rằng: cái tình ta nói đây, chẳng phải nói chuyện người vô tri; biết là biết, tình là tình, đó là hai chuyện khác nhau. Vừa nãy nhắc chuyện trẻ nhỏ tìm vú: thứ biết sẵn trời sinh chính là tính, đó là tri; còn tình là ý thức hậu thiên cộng thêm, là cái do ý thức thứ sáu tạo thành, Phật học gọi là nhiễm ô (nghĩa là ô nhiễm); tình chính là thứ nhiễm ô hậu thiên cộng vào. Tư tưởng của ta, học vấn của ta, đều là nhiễm ô hậu thiên cả. Người hiện nay nói rất thú vị: đảo ngược danh từ Phật học mà dùng, hóa ra thành danh từ mới mẻ nhất thời đại. Nhiễm ô hậu thiên càng nhiều, thiên tính nơi sinh mệnh ta càng ít bớt. Giờ Trang Tử nói với Huệ Tử: ngươi chẳng hiểu, cái tình trong vô tình ta nói, chẳng chỉ đại biểu tình cảm thường tình, mà bao gồm luôn vọng tình hậu thiên; hết thảy quan niệm tư tưởng hậu thiên cộng thêm vào đều là vọng tình.

Ngô sở vị vô tình giả, ngôn nhân chi bất dĩ hiếu ố nội thương kỳ thân,

Cái ta gọi là vô tình, là nói người chớ để yêu ghét từ bên trong làm tổn thương thân mình,

thường nhân tự nhiên nhi bất ích sinh dã.

luôn thuận theo tự nhiên mà sống, chẳng bồi bổ thêm gì nữa.

Cái ta gọi người phải tu tới vô tình, chẳng phải vô tri đâu! Ông nói rõ với Huệ Tử: ngươi chơi lô-gic, hoàn toàn hiểu lầm danh từ của ta mất rồi. Ta nói người phải tu dưỡng tới vô tình, là chớ thiên kiến, chớ lấy yêu ghét hậu thiên cộng vào, kẻo tổn hại chính thân mình. Yêu ghét, tình cảm, vọng tình hậu thiên cộng thêm vào, là thứ hại sinh mệnh nặng nhất. Vậy người phải dụng tri, dụng tình thế nào? "Luôn thuận theo tự nhiên mà sống, chẳng bồi bổ thêm gì nữa": tức là sống rất tự nhiên. Trời sinh ta mắt biết nhìn, tai biết nghe, tay biết nắm vật, chân biết bước, tất cả đều tự nhiên trời cho, chẳng cộng thêm tí ý thức thứ sáu hay quan niệm hậu thiên nào; đó chính là điều Phật học gọi là vô phân biệt tâm. Nói cách khác, cũng là câu kinh Phật thường giảng: không tăng không giảm, tất cả đều rất tự nhiên. Huệ Tử nghe xong liền hỏi:

Huệ Tử viết: Bất ích sinh, hà dĩ hữu kỳ thân?

Huệ Tử hỏi: Chẳng bồi bổ cho sinh mệnh, sao giữ nổi thân này?

Con người lúc nào cũng muốn tự thêm vào chút gì, tức là "ích sinh": hôm nay việc nhiều mệt xác, về tới nhà vội vàng nuốt ngay vài viên vitamin, e rằng chịu không nổi. Hoặc dạo này người chẳng khỏe, ăn bổ thôi! Hầm gà đương quy, nấu gà dầu mè gì đó mà tiến bổ. Kỳ thực càng bổ càng tai hại, có khi bổ chết luôn người; nên cũng chẳng thể ích sinh. Huệ Tử nghe Trang Tử phản đối, bảo sinh mệnh với thân xác như nhau là "bất ích sinh", chỉ cần chẳng cộng vọng tình, chẳng cộng ý kiến riêng, không tăng không giảm, thuận theo tự nhiên, là có thể trường thọ. Huệ Tử nghe vậy liền hỏi lại: thân đang sống mà "không bồi bổ" sao được! Thân xác chúng ta phải bồi bổ chứ! Không cộng thêm đồ ăn, không uống thêm vitamin, "sao giữ nổi thân này"? Cái thân này dùng suốt ngày, chẳng bổ dưỡng là sẽ hỏng.

Trang Tử viết:

Trang Tử đáp:

Đạo dữ chi mạo, thiên dữ chi hình,

Đạo ban cho nó gương mặt, trời ban cho nó hình hài,

vô dĩ hiếu ố nội thương kỳ thân.

chớ để yêu ghét từ bên trong làm tổn thương thân mình.

Trang Tử nói: ngươi chẳng hiểu! Ta nói sinh mệnh sống phải thuận theo tự nhiên, không tăng không giảm, là chỉ lòng chẳng có vọng niệm, chẳng có vọng tưởng, trong veo sáng suốt; sống thế kia mới là đạo của thần tiên, mới trường thọ nổi. Phải hiểu cái đạo trời ban cho ta: cái đạo này chính là tính của ta, bản tính, tự tính. Trời đã cho ta sinh mệnh, hình hài, thế là tốt lắm rồi; người phải sống thật tự nhiên, đầu óc ngày đêm thanh minh rõ ràng, hiền hòa mà sống, đừng cộng thêm nhân tình thế sự hậu thiên. Vì hễ cộng thêm vào là có hỷ nộ ai lạc, cùng yêu ghét dục vọng hậu thiên, thế là làm tổn thương thân mình từ bên trong, thân xác này bị hại sinh bệnh, nên sống chẳng lâu.

Kim tử ngoại hồ tử chi thần, lao hồ tử chi tinh,

Bây giờ ngươi đem thần chí của ngươi phóng ra ngoài, hao mòn tinh lực của ngươi,

ỷ thụ nhi ngâm, cứ cảo ngô nhi minh.

dựa cội cây mà ngâm vịnh, tựa cây ngô già mà nhắm mắt.

Thiên tuyển tử chi hình, tử dĩ kiên bạch minh.

Trời chọn cho ngươi cái hình ấy, ngươi lại đem kiên bạch ra làm tiếng.

Trang Tử mắng Huệ Tử, cũng tức là mắng người thường: "Bây giờ ngươi đem thần chí của ngươi phóng ra ngoài", ngươi này! đem cái thần của mình phóng ra ngoài thân thể, chẳng dưỡng nuôi cái thần bên trong. "Hao mòn tinh lực của ngươi": chữ tinh đây chẳng phải tinh trùng noãn sào, mà là tinh thần của thân xác. Bận tối mặt tối mắt ngày này qua ngày nọ, đem tinh phóng ra ngoài hết, tức là đem điện năng của sinh mệnh xả tỏa ra ngoài cho cạn. Nên như ngươi thích gảy đàn, y như thầy Tôn chuyên đàn cổ ấy; "dựa cội cây mà ngâm vịnh", tựa gốc cây mà ngâm thơ; "tựa cây ngô già mà nhắm mắt"... Nói chung, làm ra thơ hay văn hay đều phải dụng tư tưởng. Đàn bảy dây trên tay, tiếng đàn vang lên, tinh thần dồn cả lên dây đàn, quên luôn mình là ai; thế chẳng phải tự làm khó với sinh mệnh của mình sao?

Huệ Tử đương nhiên chẳng chỉ gảy đàn ngâm thơ; nếu chỉ thế thì còn đỡ, tổn hại chưa đến mức nghiêm trọng. Tổn hại nghiêm trọng nhất là dụng não, nghĩ suy, chơi lô-gic, chơi triết học. "Trời chọn cho ngươi cái hình ấy, ngươi lại đem kiên bạch ra làm tiếng." Kết quả là: đời người vốn rất tự nhiên, sống là sống rồi; kẻ học lô-gic cứ nhất định phải hỏi: thế nào gọi là sống? Ngươi định nghĩa giùm "sống" là gì cái đã! Định nghĩa xong, vì sống phải ăn cơm, lại hỏi: thế nào mới gọi là ăn cơm? Có người ăn mì cũng được chứ! Cơm còn xay được thành bột gạo! Mì còn làm được thành bánh mì chứ! Kẻ học lô-gic, kẻ dụng tâm tư tưởng, lần hồi truy cho tới tận cùng; thế chẳng phải tự làm mình ngán cái sự sống của mình sao? Cố tình nói ra những thứ đá cứng chẳng phải đá, ngựa trắng chẳng phải ngựa, đem lô-gic ra nghiên cứu; ngươi cứ lô-gic đi! Lô-gic từ từ tới tận cùng, nhất định lô-gic đến chết mới dứt.

Bài *Đức Sung Phù* này, Trang Tử lấy cuộc biện luận giữa mình với Huệ Tử làm kết luận. Mở đầu thiên là chuyện người hình hài tàn tạ mà trong lòng có đạo, đúng chẳng? Ở giữa tả toàn những người tàn tật; chủ yếu ông dắt chúng ta đừng nhìn ngoại hình con người, mà nhìn sự tu dưỡng đạo đức bên trong. Nói rộng ra một chút: chớ bị cảnh giới bên ngoài, hoàn cảnh hiện thực trói buộc, phải tu dưỡng cho tinh thần mình thăng hoa. Cuối cùng ông nhắn nhủ: nhất định phải nâng tinh thần thăng hoa tới mức chẳng tự tạo ra phiền phức. Như Huệ Tử, tự cho học vấn khá, tri thức cao; học vấn càng khá, tri thức càng cao, phiền não càng nhiều, đau khổ càng sâu. Nói cách khác, ấy là làm khó với sinh mệnh mình, tự dắt mình đi vào đường chết; thế thì chẳng phải *Đức Sung Phù* nữa. Đức sung mãn thật sự là đạt tới cảnh giới đạo: thuận theo tự nhiên, tâm cảnh êm hòa, nuôi dưỡng tinh thần bên trong, đạo đức nơi sinh mệnh tự nhiên sung mãn; phần bên trong của thân xác cũng tự nhiên sung mãn theo.

Bây giờ bảy thiên Nội thiên của Trang Tử: *Đức Sung Phù* là giai đoạn thứ năm; từ *Tiêu Dao Du* mở đầu, lần lượt xuống *Tề Vật Luận*, tới *Dưỡng Sinh Chủ*, *Nhân Gian Thế*, rồi tới *Đức Sung Phù*, tức là đạo đức sung mãn. Cả bảy thiên là công phu nối nhau từng bước đấy! Đạo đức nội dưỡng sung mãn rồi, tới thiên thứ sáu *Đại Tông Sư*, bấy giờ mới xưng nổi danh đại sư. Thế giới nay đại sư nhiều quá đấy, toàn là bắt người khác phải gọi mình đại sư cả! Thế nào gọi là đại sư? Danh xưng *Đại Tông Sư* xuất phát từ Trang Tử; tu dưỡng trong ngoài tới nơi, đạo đức nội tại sung mãn rồi, mới là *Đại Tông Sư*. *Đại Tông Sư* thành công rồi, mới là thành tựu của đạo thầy, tức điều Phật gia gọi là Thiên Nhân Sư; sau đó mới có thể *Ứng Đế Vương*, mới nhập thế nổi; nhập thế mà vẫn xuất thế, làm nổi thầy của bậc vua; nên cả bảy thiên nối liền làm một.

Thiên 6: Đại Tông Sư (大宗師)

Tuyền khô, ngư tương dữ xử ư lục,
Suối cạn, cá dạt lên cạn,

tương hủ dĩ thấp, tương nhu dĩ mạt,
há hơi ướt cho nhau, lấy bọt nước nuôi nhau,

bất như tương vong ư giang hồ.
chẳng bằng quên nhau giữa sông hồ.

Dữ kỳ dự Nghiêu nhi phi Kiệt dã,
Khen Nghiêu mà chê Kiệt,

bất như lưỡng vong nhi hóa kỳ đạo.
chẳng bằng quên cả hai mà hóa vào đạo.

Thiên *Đại Tông Sư* này có thể nói chia làm hai phần. Nửa trên giảng con người nhờ tu dưỡng nơi xuất thế mà siêu phàm nhập thánh, hoàn toàn giải thoát, cũng chẳng khác gì một bài tổng luận ba thiên trước của Trang Tử. Một người chỉ khi đã thông suốt tận gốc rễ chuyện sống chết rồi, sau đó mới đủ tư cách bước vào đời mà làm người, làm việc. Cộng thêm phần triển khai, diễn giải, kết luận của *Nhân Gian Thế* và *Đức Sung Phù*, như thế mới tính là hoàn thành một con người; giá trị nhân sinh cũng chỉ đến vậy thôi. Một con người như thế mới đủ tư cách được tôn là một vị đại tông sư.

Nửa dưới của thiên *Đại Tông Sư*, tương đương với cái mà Nho gia gọi là quân tử có thành tựu, gồm cả điều *Lễ ký* bàn trong chương Nho Hành, nói rõ một kẻ sĩ, một trí thức phải làm người thế nào. Người đời thường cho rằng Trang Tử là tư tưởng Đạo gia, nhìn bề ngoài tưởng khác hẳn Nho gia, thực chất nguyên tắc vẫn là một; nhất là thiên này, chủ yếu giảng về sự nhận biết sinh mệnh. Cái mệnh ấy, trên bình diện lý thuyết triết học gọi là thiên mệnh; trên bình diện tu chứng thực tế, tức là nhận rõ nguồn gốc của sinh mệnh. Nếu nghiên cứu mệnh là gì, thì ngang với điều Phật học gọi là nghiệp; nghiệp ấy chính là một sức mạnh của sinh mệnh, gọi là nghiệp lực hay nghiệp khí. Trước hết ta hiểu đại cương thiên này, rồi mới nghiên cứu văn bản, sẽ dễ thấu đáo hơn.

Thiên mệnh với tự nhiên

Tri thiên chi sở vi, tri nhân chi sở vi giả, chí hĩ.
Biết việc trời làm, biết việc người làm: thế là tới cùng.

Tri thiên chi sở vi giả, thiên nhi sinh dã;
Biết việc trời làm: sinh ra từ trời.

Tri nhân chi sở vi giả, dĩ kỳ tri chi sở tri, dĩ dưỡng kỳ tri chi sở bất tri,
Biết việc người làm: lấy cái trí đã biết, nuôi cái trí chưa biết,

chung kỳ thiên niên nhi bất trung đạo yểu giả, thị tri chi thịnh dã.
sống hết tuổi trời, không chết giữa đường: ấy là trí đã thịnh.

Trang Tử nêu ngay việc nắm lấy sinh mệnh của chính mình. Con người có thể tự làm chủ sinh mệnh của mình; không nhất thiết phải đoản mệnh. Vì sao đoản? Đạo gia và Phật gần như cùng một lời: tự mình vứt đi, tự làm tự chịu, tự tìm đến cái chết chóng vánh. Trước hết hiểu "biết việc trời làm"; câu này thuộc phạm vi hình nhi thượng. Chữ trời ở đây nhiều nghĩa: trời tự nhiên, vòm trời ngẩng lên thấy, trời của khoa học; trời tôn giáo, đôi khi là Thượng Đế, là chủ tể vũ trụ; rồi đạo thể siêu hình, cũng gọi trời, gọi Phật, gọi chân như. Nho và Đạo lấy chữ trời làm hiệu, chỉ cái hình nhi thượng vượt lên trên, nằm ngoài sinh mệnh vũ trụ vạn hữu. **"Sở vi"** (所为 - cái được làm) là hiện tượng, tác dụng của trời; không phải **"năng vi"** (能为 - cái có thể làm), tức thể tính. Năng và sở phải tách.

Muốn hiểu ý câu **"tri thiên chi sở vi"** (biết việc trời làm), trước hết phải tham khảo bộ *Âm Phù Kinh* của Đạo gia thượng cổ; trong đó nói **"quan thiên chi đạo, chấp thiên chi hành, tận hĩ"** (nhìn rõ đạo của trời, nắm chắc việc trời mà thi hành, thế là cùng); mấy chữ ấy đã nói cạn đạo lý của vũ trụ vạn hữu cùng sinh mệnh. Thực ra pháp môn tu dưỡng mà *Kinh Dịch* cùng Đạo gia giảng đều noi theo đạo trời, tức là quy luật tự nhiên của vũ trụ. Đạo gia cho rằng sinh mệnh chúng ta đồng một lẽ với quy luật tự nhiên của vũ trụ; nên nếu hiểu được việc trời làm, rồi tới "biết việc người làm", tức hiểu muôn vẻ đạo lý nhân sự của người; gồm cả những biến chuyển sinh lý của thân, những biến chuyển tinh thần, tư tưởng nữa. Tu dưỡng học vấn của một người tới mức ấy, thì **"chí hĩ"** (tới cùng), đã về tới nhà rồi. Nên hai câu Trang Tử nêu ra cũng đồng một lối nói với *Âm Phù Kinh*. Bây giờ xem tiếp chú giải của Quách Tượng:

Tri thiên nhân chi sở vi giả, giai tự nhiên dã,
Hiểu cả việc trời lẫn việc người làm đều là tự nhiên cả,

tắc nội phóng kỳ thân, nhi ngoại minh ư vật.
thì bên trong buông tha thân mình, bên ngoài hòa tan vào muôn vật.

Dữ chúng huyền đồng, nhậm chi nhi vô bất chí dã.
Cùng muôn loài nhập huyền đồng, buông mặc theo tự nhiên thì chẳng gì không đạt tới.

Trong chú "hiểu cả việc trời lẫn việc người làm đều là tự nhiên cả, thì bên trong buông tha thân mình, bên ngoài hòa tan vào muôn vật": chữ tự nhiên mà Lão Tử thuộc Đạo gia Trung Hoa nói, chẳng phải tự nhiên của triết học Ấn Độ, cũng chẳng phải tự nhiên của triết học phương Tây. Trong học vấn phương Tây, cái gọi là tự nhiên chỉ thế giới vật lý, có chất có tượng, y như khoa học tự nhiên ta vẫn nói. Một phía khác là phái tự nhiên ngoại đạo của Ấn Độ; tự nhiên ở đó cũng chẳng phải tự nhiên của thế giới vật lý, mà nói tự nhiên của sinh mệnh: chớ đi tra xét cho cùng, cứ mặc kệ nó, như mây trôi nước chảy, tất cả hãy để tự nhiên. Phái triết học tự nhiên ấy của Ấn Độ, hóa thành một thứ tự nhiên của thế giới quan niệm có chủ tể, có sinh mệnh. Xem lại chữ tự nhiên Đạo gia Trung Hoa nói, có thể nói vừa bao quát tự nhiên của thế giới vật lý, vừa bao quát tự nhiên của triết học Ấn Độ; hiệu của nó chính là đạo, cũng chính là sức mạnh bản thể của đạo hình nhi thượng mà Khổng Tử triển khai trong *Kinh Dịch*.

Cho nên tự nhiên Đạo gia Trung Hoa nói, khác hẳn quan niệm triết học phương Tây và Ấn Độ, quyết phải phân biệt rạch ròi, chớ đem trộn lẫn làm một. Các môn khoa học đời sau ta dịch ra như vật lý, hóa học, chung quy đều gọi khoa học tự nhiên, đó chỉ là mượn danh từ tự nhiên thuở cổ; mọi người thường đảo đầu cuối lộn ngược, đem tự nhiên trong sách cổ coi như tự nhiên của khoa học tự nhiên. Chú Quách Tượng nói "hiểu cả việc trời lẫn việc người làm đều là tự nhiên cả": đạt tới cảnh giới ấy là đắc đạo. Người đắc đạo thì sao! "Bên trong buông tha thân mình": chẳng còn chướng ngại của thân xác, cũng chẳng còn quan niệm về thân xác; "bên ngoài hòa tan vào muôn vật": phía ngoài, với thế giới vật lý đạt tới tâm vật nhất nguyên, hai thứ hỗn hợp làm một.

"Cùng muôn loài nhập huyền đồng, buông mặc theo tự nhiên thì chẳng gì không đạt tới": người với muôn vật của thế giới vật chất, với cây cỏ hoa lá, mây trôi nước chảy, tất cả hỗn hợp làm một, chẳng phân bên này bên kia. "Buông mặc theo tự nhiên thì chẳng gì không đạt tới": buông mặc theo tự nhiên, chẳng dùng chút tâm cơ hậu thiên nào; thế thì công phu tu dưỡng đạo này đã tới nơi tới chốn. Cho nên đoạn chú Quách Tượng này rất trọng yếu, ý kiến của ông cũng rất đúng đắn.

"Biết việc trời làm: sinh ra từ trời." Câu này, Quách Tượng chú rằng:

Thiên giả, tự nhiên chi vị dã.
Chữ trời, nghĩa là tự nhiên vậy.

Phù vi vi giả, bất năng vi nhi vi tự vi nhĩ;
Kẻ làm ra sự làm, chẳng thể chủ động làm mà tự nó tự làm vậy thôi;

vi tri giả, bất năng tri nhi tri tự tri nhĩ.
kẻ làm ra sự biết, chẳng thể chủ động biết mà biết tự biết vậy.

Tự tri nhĩ bất tri dã, bất tri dã tắc tri xuất ư bất tri hĩ;
Tự nó biết mà chẳng biết; chẳng biết thì trí xuất phát từ chẳng biết;

tự vi nhĩ bất vi dã, bất vi dã tắc vi xuất ư bất vi hĩ.
tự nó làm mà chẳng làm; chẳng làm thì việc xuất phát từ chẳng làm.

Vi xuất ư bất vi, cố dĩ bất vi vi chủ;
Việc xuất từ chỗ chẳng làm, nên lấy chẳng làm làm chủ;

tri xuất ư bất tri, cố dĩ bất tri vi tông.
trí xuất từ chỗ chẳng biết, nên lấy chẳng biết làm tông.

Thị cố chân nhân di tri nhi tri, bất vi nhi vi,
Vì thế chân nhân bỏ trí mà biết, chẳng làm mà làm,

tự nhiên nhi sinh, tọa vong nhi đắc.
tự nhiên mà sinh, ngồi quên mà đắc.

Cố tri xưng tuyệt, nhi vi danh khứ dã.
Nên trí được xưng tuyệt đối, mà mọi danh xưng đều lìa bỏ vậy.

Trong chú "chữ trời, nghĩa là tự nhiên vậy. Kẻ làm ra sự làm, chẳng thể chủ động làm mà tự nó tự làm vậy": cụm "phù vi vi giả", chữ **"vi"** (为 - làm) đứng trên là động từ, chữ vi (为) đứng dưới là danh từ. Có người chủ trương rằng trong vũ trụ có một chủ tể, đặt tên là Thượng Đế, Ngọc Hoàng đại đế hay Phật, chỉ là đặt cho một cái hiệu; nhưng Đạo gia chẳng hề có những thứ ấy! Văn hóa Trung Hoa từ *Kinh Dịch* trở đi, lớp áo ngoài tôn giáo sớm đã cởi bỏ, ngược lại người đời sau mới khoác vào cho nó. Văn hóa Trung Hoa là khoa học nhất, chẳng khoác áo tôn giáo, cũng chẳng trát vữa triết học, mà trần trụi bày tỏ thẳng rằng có một thứ ấy. Chữ "phù vi" là năng vi, nghĩa là tác dụng khởi lên từ "kẻ làm", tức đấng làm chủ tể của vũ trụ vạn hữu. Còn "phù vi vi giả, bất năng vi": cội nguồn của sinh mệnh vũ trụ vạn hữu là vô vi, việc gì làm cũng như chẳng làm.

Lấy ví dụ: khoảng không tự nhiên của thế giới vật lý ta đang thấy, chẳng có chút tác dụng gì, chẳng làm cái gì cả; khoảng không thì có ích gì? Nhưng muôn vật vũ trụ mà rời khoảng không thì mất sinh mệnh; đạo lý chính ở chỗ ấy. Đã chẳng có chủ tể, vậy muôn loài sinh mệnh trong vũ trụ sinh ra bằng cách nào? Tự sinh tự diệt, tức "tự nó tự làm vậy": nó tự thân cấu tạo nên một quy luật sinh mệnh. Cái "tự nó tự làm" là cái làm của sở (所), chẳng phải cái làm của năng (能); đây chính là vấn đề năng sở.

Vấn đề biết với chẳng biết

"Kẻ làm ra sự biết, chẳng thể chủ động biết mà biết tự biết vậy." Trí tuệ tối cao đạt tới chỗ biết mà chẳng có gì chẳng biết; trí tuệ loài người ta cao quý đáng nể, nhưng cuối cùng vẫn là không; bởi vì không, nên mới gọi là vô tri. Như lời "kẻ làm ra sự biết, chẳng thể chủ động biết mà biết tự biết vậy": tư tưởng của chúng ta, cái tác dụng có thể biết hết muôn sự ấy, cái biết đó chẳng phải do Thượng Đế làm chủ, chẳng phải do Phật làm chủ, cũng chẳng phải do quỷ thần làm chủ, mà là công năng vốn sẵn trong sinh mệnh chúng ta. "Tự nó biết mà chẳng biết; chẳng biết thì trí xuất phát từ chẳng biết": bởi tính bản nhiên của loài người, tức công năng của sinh mệnh ta, chứa sẵn một kho tàng trí tuệ vô cùng vô tận; nhìn bề ngoài tưởng chẳng có cái biết hay chẳng biết gì, chẳng giống như bây giờ ta tự cho mình có một cái biết; bởi nó vừa biết mà chẳng biết, vừa lại chẳng có gì chẳng biết; cho nên chỗ trí tuệ thật tối cao chẳng còn gì cả. Tư tưởng này của Đạo gia chính là đạo lý **"vi, vô vi"** (为、无为) của Lão Tử, triển khai thành chính trị học tối cao, đạo lãnh đạo của bậc đế vương. Vì thế người ở địa vị trên chưa hẳn cần quá tinh minh, chưa hẳn cần quá hữu vi; dù rất tinh minh rất hữu vi, cũng phải làm ra bộ dạng vô sở vi. Bởi ông ta vô sở vi, mới khiến kẻ khác phát huy được sở trường; đó chính là tư tưởng Đạo gia.

"Tự nó làm mà chẳng làm; chẳng làm thì việc xuất phát từ chẳng làm." Đạo lý này cũng một như thế. "Việc xuất từ chỗ chẳng làm, nên lấy chẳng làm làm chủ": bởi mọi việc làm của vạn hữu đều tự thân xuất phát từ đạo thể; nói cách khác, công năng tối cao của sinh mệnh đến từ vô vi. "Trí xuất từ chỗ chẳng biết, nên lấy chẳng biết làm tông. Vì thế chân nhân bỏ trí mà biết, chẳng làm mà làm": cho nên người đắc đạo chẳng đắc được cái biết, là vô tri. Mọi tình cảm, cảm giác, tri thức, tư tưởng đều vứt bỏ, đều không sạch; cái gọi là bỏ trí (遗知) chính là vứt bỏ. Thế thì cái vô sở bất tri của trí tuệ tối cao cùng tác dụng "chẳng làm mà làm" bấy lâu nay mới phát huy ra. "Tự nhiên mà sinh, ngồi quên mà đắc": quên sạch, không sạch cả thân lẫn tâm. "Nên trí được xưng tuyệt đối, mà mọi danh xưng đều lìa bỏ vậy": bởi trí tuệ tối cao của bậc đắc đạo là tuyệt đối, chẳng phải tương đối; vậy mọi danh tướng, gọi là vô vi cũng vậy, gọi là đạo cũng vậy, đều chẳng dính chút nào.

Chú giải *Đại Tông Sư* của Quách Tượng, văn tự lại đẹp; tuy xoay đi xoay lại chỉ mấy chữ vi ơi tri ơi, nhưng mỗi một tầng lô-gic đều phân tích rõ ràng, vừa là tư biện lô-gic kiểu khoa học, vừa là biểu đạt kiểu văn chương. Đây là nghệ thuật văn học Trung Hoa chạm tới mức cao nhất, đọc lên rất khoan khoái, có lúc tự bật cười: tri ơi tri ơi, vi ơi vi ơi, rốt cuộc bày trò gì đây! Nhưng bên trong có đạo lý lớn lắm.

Bây giờ trở lại nguyên văn Trang Tử:

> *"Biết việc người làm: lấy cái trí đã biết, nuôi cái trí chưa biết." Lùi một bước mà nói, chứ chẳng phải tiến một bước: người hiểu đạo biết rằng sống gồm hai mặt sinh lý và tinh thần. Nếu ta hiểu được quy luật mặt tinh thần của người, tức "biết việc người làm", sẽ biết mệt nhọc thì nhất định phải nghỉ ngơi, phải ngủ; ngủ đủ rồi nhất định phải tỉnh. Ngang với trời đất trong tự nhiên: ngày trắng qua rồi nhất định tới đêm đen, xuân qua rồi nhất định tới thu, cứ thế. "Biết việc người làm: lấy cái trí đã biết": nói cách khác, tri thức học vấn của ta, khi có được rồi, có lúc rất đáng cười. Có tri thức học vấn để xây nhà cửa, phát minh máy móc, ý tốt muốn giúp người tiện*

> *người, kết quả lại hóa thành vũ khí giết người. Nói cách khác, tri thức học vấn của nhân loại, "lấy cái trí đã biết, nuôi cái trí chưa biết", lẽ ra phải quay lại tìm cái mà chính mình chưa biết; cái ta chưa biết chính là bổn nguyên của sinh mệnh.*

Tư tưởng, tri thức của ta là tầng chiếu bóng thứ hai của cái có thể biết trong sinh mệnh này; mà cái công dụng có thể tư tưởng, có tri thức, có học vấn ấy có một cái gốc; nếu biết được tầng thứ nhất cái gốc ấy, gọi là đắc đạo. Nên đạo cũng phải nhờ trí tuệ cao độ mà thực chứng; kết quả thực chứng là gì? Là biết mà chẳng phải biết. Còn tồn tại một cái biết, thì chẳng phải đạo.

Bạn muốn sống thọ cùng trời đất sao?

"chung kỳ thiên niên nhi bất trung đạo yểu giả, thị tri chi thịnh dã" (sống hết tuổi trời, không chết giữa đường: ấy là trí đã thịnh). Sinh mệnh hiện hữu này chẳng chết yểu giữa đường, là bởi trí tuệ đầy tràn. Người sống tới sáu mươi hay một trăm tuổi, tự cho mình sống rất thọ; nhưng trong quan niệm Đạo gia, ấy vẫn là đoản mệnh. Đạo gia cho rằng ai nấy cũng có thể sống lâu bằng trời đất, thọ bằng mặt trời mặt trăng; trời, đất, người, cả ba thọ mạng dài ngang nhau. Vậy tại sao người ta lại chẳng làm nổi? Theo tài liệu Đạo gia, nguyên do là chúng ta tự mình phá hoại mà ra. Đã từng nói ở trước: hết thảy vui giận buồn thương, những biến chuyển của tình cảm tâm lý, đều làm tuổi thọ giảm sút. Đây là tư tưởng đặc hữu của Đạo gia Trung Hoa; dù đúng hay sai, coi là ảo tưởng cũng được, coi là lý tưởng cũng được, song sự coi trọng sinh mệnh của Đạo gia thì văn hóa nhân loại chưa từng có; đó là nét riêng của Đạo gia.

Phật gia có cách nói khá gần giống: sinh mệnh người vốn thọ tám mươi bốn nghìn tuổi; bởi lòng người hư hỏng, tư tưởng cảm xúc quá rắc rối, đạo đức bèn hư theo; cứ mỗi trăm năm giảm một tuổi, người cũng thấp đi một tấc, từ từ thấp dần. Về sau loài người ta, tri thức trần gian đạt tới cực điểm tinh tiến; nhưng tới hồi mạt kiếp, đầu óc to lớn, tứ chi tay chân chẳng còn dùng tới, cũng teo nhỏ đi; tay bấm vào máy móc một cái là xong việc; mười hai tuổi đã làm cha, sống tới đôi mươi là chết. Tới kiếp số ấy, cỏ cây cũng giết người nổi, không khí cũng giết người nổi; rốt cuộc loài người chết sạch, Trái Đất cũng lật mình trở lại một vòng. Khi đó, loài người chỉ còn năm trăm kẻ tạm gọi là người tốt để giữ giống; rồi từ từ mọi người quay ngược trở lại mà sống, làm người tốt, chẳng lung tung; văn minh khoa học cũng bỏ hoang, người ta vẫn dựa vào lao động, ngay thẳng làm người. Rồi mỗi trăm năm lại cao thêm một tấc, thêm một tuổi, đảo ngược về mức sống tới tám mươi bốn nghìn tuổi thuở đầu; một vòng qua lại như thế gọi là một tiểu kiếp. Nên nói người tu hành phải trải tam đại kiếp; nhìn kiểu đó chắc tôi đợi chẳng nổi, dài quá! Đây là cách Phật học nói về kiếp số sinh mệnh vũ trụ, rất gần với cách nói của Đạo gia.

Vừa nãy ta giải nguyên văn Trang Tử, câu "bất trung đạo yểu giả": nghĩa là không chết yểu nửa đường. Theo cách nhìn của Đạo gia, Bành Tổ tuy tuổi cao tám trăm vẫn tính là đoản mệnh; nên Trang Tử mới nhắc tới chuyện **"bát thiên tuế vi xuân, bát thiên tuế vi thu"** (tám nghìn năm làm một mùa xuân, tám nghìn năm làm một mùa thu); ta nghe tưởng hơn mười nghìn năm, nhưng nhìn theo Đạo gia, chỉ mới sống trọn một năm thôi. Dưới đây xem chú giải của Quách Tượng:

Nhân chi sinh dã, hình tuy thất xích, nhi ngũ thường tất cụ.
Người sinh ra, thân tuy chỉ bảy xích, mà ngũ thường tất đủ.

Cố tuy khu khu chi thân, nãi cử thiên địa dĩ phụng chi.
Cho nên tuy chỉ cái thân nhỏ nhoi, lại đem cả trời đất mà phụng dưỡng nó.

Cố thiên địa vạn vật, phàm sở hữu giả, bất khả nhất nhật nhi tương vô dã.

Cho nên giữa trời đất muôn vật, hết thảy những gì đang có, chẳng thể một ngày nào thiếu nhau.

Nhất vật bất cụ, tắc sinh giả vô do đắc sinh;

Một vật chẳng đủ, thì sinh mệnh chẳng còn đường mà sinh;

nhất lý bất chí, tắc thiên niên vô duyên đắc chung.

một lẽ chẳng tới, thì thọ trời chẳng có duyên mà trọn vẹn.

Nhiên thân chi sở hữu giả, tri hoặc bất tri dã;

Nhưng những gì thân mình có, có khi biết, có khi chẳng biết;

lý chi sở tồn giả, vi hoặc bất vi dã.

những nơi lý chứa đựng, có khi làm tới, có khi chẳng làm tới.

Cố tri chi sở tri giả quả,

Nên cái trí biết được thì ít,

nhi thân chi sở hữu giả chúng;

mà những gì thân sở hữu thì nhiều;

vi chi sở vi giả thiểu,

việc làm ra được thì ít,

nhi lý chi sở tồn giả bác.

mà nơi lý chứa đựng thì mênh mông.

Tại thượng giả mạc năng khí chi,

Kẻ ở trên chẳng thể chế nó thành đồ dùng,

nhi cầu kỳ bị yên.

mà chỉ biết cầu cho nó đầy đủ.

Nhân chi sở tri bất tất đồng,

Điều người biết chẳng cần phải giống nhau,

nhi sở vi bất cảm dị,

mà việc làm thì chẳng dám khác biệt,

dị tắc ngụy thành hĩ.

khác biệt rồi thì giả dối thành hình.

Ngụy thành nhi chân bất tang giả, vị chi hữu dã.

Giả dối thành hình mà chân chất chẳng mất đi, chưa từng có chuyện ấy.

Hoặc hiếu tri bất quyện, dĩ khốn kỳ bách thể,

Có kẻ ham biết chẳng mỏi mệt, khiến bách thể khốn cùng;

sở hiếu bất quá nhất chi, nhi cử căn câu tế,

chỗ ham hiểu chẳng qua một nhánh, mà cả gốc rễ đều hư hỏng,

tư dĩ kỳ sở tri nhi hại sở bất tri dã.

ấy là đem cái biết mà hại cái chẳng biết.

Nhược phù tri chi thịnh dã, tri nhân chi sở vi giả hữu phân, cố nhiệm nhi bất cường dã!

Chỗ trí tuệ thịnh vượng: biết việc người làm có phân lượng riêng, nên buông mặc chẳng gắng ép!

Tri nhân chi sở tri giả hữu cực, cố dụng nhi bất đãng dã.

Biết cái người biết có giới hạn cùng cực, nên dùng mà chẳng phóng túng.

Cố sở tri bất dĩ vô nhai tự khốn,

Nên cái biết chẳng lấy sự vô biên tự vây lấy mình;

tắc nhất thể chi trung, tri dữ bất tri, ám tương dữ hội nhi câu toàn hĩ.

thế thì trong một thể ấy, cái biết với cái chẳng biết lặng lẽ gặp gỡ nhau mà trọn vẹn cả.

Tư dĩ kỳ sở tri dưỡng sở bất tri dã.

Ấy là đem cái biết mà nuôi cái chẳng biết vậy.

"Người sinh ra, thân tuy chỉ bảy xích, mà ngũ thường tất đủ." Ngũ thường chia làm hai thứ: thế giới vật lý là ngũ hành kim, mộc, hỏa, thủy, thổ; ngũ thường thuộc nhân luân là nhân, nghĩa, lễ, trí, tín, cũng tức ngũ luân vua tôi, cha con, vợ chồng, anh em, bạn hữu; nên nói người sinh ra ngũ thường tất đủ.

"Cho nên tuy chỉ cái thân nhỏ nhoi, lại đem cả trời đất mà phụng dưỡng nó." **"Khu khu"** (區區) tả cái nhỏ bé. Sinh mệnh này tuy chỉ cái thân bảy tám xích, mấy chục cân thịt thôi, song chớ xem thường cái thân xác tí hon ấy: "đem cả trời đất mà phụng dưỡng nó", cả vòm trời mặt đất đều đến nuôi dưỡng sinh mệnh này; nếu chẳng có không khí, chẳng có mặt trời, chẳng có nước, rau xanh, thịt trâu, củ cải, thì sống chẳng nổi; muôn vật trong vũ trụ đều phải phụng dưỡng con người.

"Cho nên giữa trời đất muôn vật, hết thảy những gì đang có, chẳng thể một ngày nào thiếu nhau." Nghĩa là sự tồn tại của trời đất muôn vật, ngày nào cũng chẳng thể thiếu bất cứ thứ gì. "Một vật chẳng đủ, thì sinh mệnh chẳng còn đường mà sinh; một lẽ chẳng tới, thì thọ trời chẳng có duyên mà trọn vẹn." Cho nên giữa muôn vật vũ trụ, thiếu một thứ đi là sinh mệnh này sống chẳng nổi; nhất là những thứ tối quan trọng: ánh sáng mặt trời, không khí, nước; thiếu một thứ, hoặc dư thêm chút, sinh mệnh lập tức trục trặc; đoạn này bàn phương diện vật lý. Cái "lẽ" trong "một lẽ chẳng tới" thuộc về thế giới tinh thần, quan trọng ngang với vật chất. Sinh mệnh tinh thần có chí lý; cái lý ấy mang tính triết học, đồng thời đại biểu cho cái pháp tắc của tinh thần; nó chỉ là một danh hiệu thay thế, tức cái lý mà tri thức có thể hiểu nổi. Thế nào gọi là nhà Nho? **"Nhất sự chi bất tri, nho giả chi sĩ"** (một việc chẳng thông suốt, là điều đáng xấu hổ của kẻ sĩ Nho): bất cứ việc gì chưa hiểu thấu đáo đều chưa đủ tư cách xưng là trí thức; đó là nền văn hóa Trung Hoa thuở cổ. Cho nên kẻ đọc sách phải thông hiểu vạn lẽ, chẳng có điều gì là chẳng biết. "Một lẽ chẳng tới, thì thọ trời chẳng có duyên mà trọn vẹn": kẻ tu đạo cần trí tuệ cao độ, thông suốt mọi bề; còn một chút chưa hiểu là chuyện sống lâu không già của sinh mệnh đã chẳng làm nổi.

"Nhưng những gì thân mình có, có khi biết, có khi chẳng biết; những nơi lý chứa đựng, có khi làm tới, có khi chẳng làm tới." Ông nói cái sở hữu trong sinh mệnh ta, cái sở hữu trên thân thể này, "có khi biết, có khi chẳng biết". Chu Văn Quang có một bài viết nhỏ tường trình về những chứng minh khoa học: toàn thể vạn hữu trong vũ trụ, tạm chưa bàn thuyết duy tâm, hãy bàn tư tưởng duy vật trước, thì vũ trụ này chỉ là một điểm nhỏ nhoi; bộ óc người phức tạp nhường nào, nhiều dây thần kinh như dây cáp điện; giờ này khoa học ngoài nước tinh tiến, não bộ cùng bên trong thân thể đều chụp ảnh bằng máy móc hiển hiện được sắc màu; hễ trong tư tưởng vừa động một niệm, trong lòng vừa khởi biến

chuyển, đều biểu hiện ra được. Tim gan tỳ phổi thận có bệnh tật gì, sắc màu lập tức chẳng đúng; mai sau khoa học càng tiến bộ nữa, chẩn đoán một bệnh nhân chỉ cần nhìn sắc màu qua hình ảnh là xong. Tuy y học Trung Hoa thời cổ chưa khoa học đến mức ấy, nhưng nguyên lý thì sớm đã có sẵn.

Vì thế ông nói, trong tư tưởng Đạo gia, cái sở hữu bên trong thân người, "có khi biết, có khi chẳng biết": thứ thì biết, thứ thì chẳng biết. Giữa trời đất vũ trụ, sinh mệnh tinh thần của ta, "những nơi lý chứa đựng, có khi làm tới, có khi chẳng làm tới": những công năng ấy, loại nào phát tác dụng, loại nào không, chúng ta vẫn chưa biết. Chỗ này phải chú ý: bản Trang Tử mà Quách Tượng chú thời Tây Tấn, sớm đã nêu lên một chữ **"lý"** (理); cái lý ấy chính là đạo thể. Tới các nhà Lý học đời Tống cũng dùng chữ lý; họ một mặt dùng đồ của người, mặt khác gắng sức mắng Đạo gia là ngoại đạo, Phật gia là dị đoan; mắng một hồi lâu, hóa ra nhà đông hàng xóm lấy chút của, nhà tây hàng xóm lại chuyển chút đồ đạc, tự mở cửa hàng bán, món hàng trong tiệm toàn là trộm của hai nhà kia, rồi lại bảo chỉ mình đúng nhất, hai nhà kia đều sai, thật đáng thương! Đó chính là các nhà Lý học.

Ai thật sự hiểu sinh mệnh?

"Nên cái trí biết được thì ít", ông lại nói với chúng ta: ta tự cho học vấn của mình hay lắm; thực ra học vấn loài người, phần chúng ta hiểu nổi ít ỏi; những gì ta biết về thân tâm, sinh mệnh cùng vũ trụ tất cả, chỉ là tí xíu thôi. "Mà những gì thân sở hữu thì nhiều", nhưng công năng trên thân thể chúng ta lại rất nhiều, rất giàu có. "Việc làm ra được thì ít, mà nơi lý chứa đựng thì mênh mông": cho nên ta vận dụng đủ thứ phương pháp, dù đạo dưỡng sinh, dù y thuốc, dù tu đạo, những gì làm nổi, đạt tới hiệu quả mục đích tối cao rất hiếm hoi. Trong chân lý của vũ trụ, nhiều điều chúng ta chưa biết, vẫn còn nằm giữ trạng thái bí mật; chẳng phải trời đất cố ý giấu giữ, mà tri thức của chính chúng ta chưa với tới nổi.

"Kẻ ở trên chẳng thể chế nó thành đồ dùng, mà chỉ biết cầu cho nó đầy đủ." Vì thế, kẻ vươn đầu lên trên người, ngồi địa vị cao chót vót, "chẳng thể chế nó thành đồ dùng": chẳng có cách nào biến chân lý trong vũ trụ thành một thứ dùng được, bởi cái lý ấy chưa thông! Chuyện này cũng như đạo lý khoa học: ví Newton thấy quả táo rơi xuống liền khám phá ra sức hút của trái đất, khoa học lại tiến thêm một tầng. Nhưng chúng ta đã ăn biết bao nhiêu quả táo, vẫn chẳng hay rơi xuống là có một cái lý ở đằng sau; cái lý ấy vốn sẵn có trong vũ trụ, may mà ông ấy tìm thấy. Những nhà khoa học ấy cứ như đồ ngố, ngố ngẫn ngơ, bỗng một tia linh quang lóe tới: ô hay, trong đây có cái gì đấy; tựa nhà văn bỗng dưng phun ra một câu tuyệt bút. Einstein phát minh thuyết tương đối cũng thế; Watt phát minh máy hơi nước cũng ngố ngây, luộc trứng luộc đến nỗi thành hòn đá, luộc lâu thế mà cũng chẳng hay; sau mới nghĩ ra: đốt cái này lên, nước có thể hóa thành sức mạnh đấy chứ! Nhưng cái lý giữa vũ trụ, "kẻ ở trên chẳng thể chế nó thành đồ dùng": nó vốn sẵn tồn tại, chỉ tại trí tuệ mình chưa đủ nên chưa tìm thấy; nếu tìm ra được đạo lý của sinh mệnh, thì có thể gìn giữ sinh mệnh mãi mãi. "Mà chỉ biết cầu cho nó đầy đủ": ta muốn cầu sự hoàn bị, mà làm chẳng nổi. Hai câu này đời sau còn vận dụng vào triết học lãnh đạo chót đỉnh của chính trị: "kẻ ở trên chẳng thể chế nó thành đồ dùng", người làm thủ lĩnh tự mình chẳng biết gì cả, như Hán Cao Tổ, thứ gì cũng không. Hán Cao Tổ biết gì đâu? Uống rượu với uống rượu, chẳng hiểu gì hết; nhưng ông khéo dùng sở trường của kẻ khác, "mà chỉ biết cầu cho nó đầy đủ", kết quả tất cả đều hóa thành thành công của ông.

"Điều người biết chẳng cần phải giống nhau, mà việc làm thì chẳng dám khác biệt", chuyện này cũng thuộc phạm vi khoa học hành vi con người. Nói nghiên cứu khoa học phương Tây, danh từ mới đặc biệt nhiều; thực ra moi lại những cái cũ, thì ứng dụng cũng vô cùng vô tận. Nguyên tắc hành vi của loài người: "điều người biết chẳng cần phải giống nhau", ví như ngươi mở một nhà máy, người dùng tới, trí tuệ tài năng chẳng cần giống nhau; nếu đều giống nhau, nhà máy đứng im luôn; nếu ai cũng thông minh như nhau, đến cái ốc vít còn chẳng lắp nổi, nên mới nói "điều

người biết chẳng cần phải giống nhau". Còn "việc làm thì chẳng dám khác biệt": trí tuệ mỗi người một kiểu, nhưng vài việc làm thì phải giống nhau; tư tưởng thông minh mỗi đứa một hướng, nhưng ăn uống tiêu tiểu nhất định giống nhau, ngủ nghỉ cũng nhất định giống nhau.

"Khác biệt rồi thì giả dối thành hình." Việc làm của người phải thống nhất như nhau, sự sinh tồn của loài người cũng mang tính chung; nhưng loài người quên mất hướng về mục tiêu chung mà nỗ lực, cộng thêm tâm lý riêng cùng muôn vàn dục vọng của tự thân, khiến xã hội xuất hiện làm giả, dối trá, đấu đá lấn át nhau. "Giả dối thành hình mà chân chất chẳng mất đi, chưa từng có chuyện ấy." Xã hội đã có đồ giả tạo rồi, cái chân của sinh mệnh bèn mất. Song các bạn phải chú ý, thứ đồ Đạo gia rất tròn trịa đấy nhé! Đoạn dưới nói cũng là học lãnh đạo chót đỉnh, đạo lý làm thủ lĩnh: chính là đạo đức thành khẩn; ai có lòng thành khẩn chót đỉnh, ấy là người thành công nhất. Cho nên tôi thường dặn học trò trẻ: đừng chơi trò chơi chiêu, đừng chơi thủ đoạn; trăm năm nay chúng ta nhìn rõ mồn một: giao lưu phát triển văn hóa thế giới, đứa nào cũng chơi thủ đoạn, chơi khôn, đứa cao hơn đứa. Nhất là lũ già chúng tôi nhìn, lớp trẻ bây giờ càng ngày càng láu lỉnh, thủ đoạn càng ngày càng cao, già hơn cả mấy ông già chúng tôi nữa, cáo già lên tới hàng Thái thượng lão quân luôn rồi. Mai sau kẻ nào thành công? Một người khờ, một người chẳng chơi thủ đoạn, đối với người với việc hết sức thành khẩn; đó là phép tắc của trời đất.

Vậy nên "giả dối thành hình mà chân chất chẳng mất đi, chưa từng có chuyện ấy". Trong xã hội, giới công thương giàu có, các ông chủ lớn, người họ dùng nhiều đứa là tiến sĩ lãnh một trăm nghìn đồng tiền lương, mà vẫn phải nghe hắn sai khiến, chịu hắn rầy la. Tôi nói, tiến sĩ trên đời đều bị gã "chẳng ra gì" thuê dùng cả đấy chứ! Hắn chẳng ra gì mọi bề, nhưng cha này có tiền, phải nghe lời cha này. Ngươi hỏi hắn có tài cán gì? Hắn có một tài cán: thành khẩn, chịu thương chịu khó, nên hắn giàu có rồi còn gì! Ngươi là tiến sĩ thì sao nào! Tiến sĩ mà đụng phải gã "chẳng ra gì", hắn vẫn cao hơn ngươi một bậc đấy! Hiệu trưởng các trường đại học trên thế giới đều phải đi gây quỹ mới đào tạo được nhiều tiến sĩ; vậy các hiệu trưởng ấy gây quỹ ở đâu? Ở đám "chẳng ra gì" đó chứ ở đâu! Rồi mới đào tạo nổi lũ tiến sĩ này. Thế giới vốn dĩ là thế đấy, hay chưa! Từ đây hiểu nổi đạo lý của lòng thành khẩn chót đỉnh, của việc chẳng làm giả.

"Có kẻ ham biết chẳng mỏi mệt, khiến bách thể khốn cùng; chỗ ham hiểu chẳng qua một nhánh, mà cả gốc rễ đều hư hỏng." Có những người "ham biết chẳng mỏi mệt", y như lũ ngu chúng ta, vừa đọc sách vừa kiếm tri thức, có chút gì chưa rõ là lao đầu nghiên cứu quyết cho kỳ được. "Khiến bách thể khốn cùng", kết quả thân thể suy nhược, kính đeo một nghìn độ, tóc bạc theo, lưng cong lên, chẳng viêm gan thì ho! Dù sao mũ đội lên đầu rồi, gọi là tiến sĩ, chỉ có thế. "Chỗ ham hiểu chẳng qua một nhánh": cái ngươi biết chỉ có chừng ấy; "mà cả gốc rễ đều hư hỏng": cả thân thể lục căn, tức sáu giác quan, của ngươi, gốc rễ thối rữa hết, chẳng còn khỏe mạnh, thế thì ích gì? Cho nên đấy! "Ấy là đem cái biết mà hại cái chẳng biết": loài người dùng tí xíu khôn ngoan tri thức, hại mất cái đại trí căn bản ấy.

"Chỗ trí tuệ thịnh vượng", trí thật, thành tựu chót đỉnh là gì? "Biết việc người làm có phân lượng riêng, nên buông mặc chẳng gắng ép!" Thật hiểu được trọng tâm của sinh mệnh, chẳng dùng những tri thức tài năng hậu thiên hữu hạn ấy, mà lĩnh nhận theo tự nhiên, chẳng gắng ép cầu. "Biết cái người biết có giới hạn cùng cực, nên dùng mà chẳng phóng túng." Mấy phần tri thức con người hiểu được trong đời, hữu hạn quá; nếu chẳng thể hiểu vũ trụ, chẳng thể hiểu sinh mệnh, thì ích lợi gì? Vì thế tự mình dùng mà chẳng phóng túng, tuy ở giữa tác dụng của cuộc đời thế gian, nhưng chẳng làm bừa; ngược lại tự thấy mình rất ngu, bởi nguồn gốc của sinh mệnh mình còn chẳng biết.

"Nên cái biết chẳng lấy sự vô biên tự vây lấy mình": học vấn tri thức ta hiện có dù hay đến mấy vẫn thuộc hữu hạn, bởi học vấn vốn vô biên; song chớ lấy cái ấy vây kín lấy mình. "Thế thì trong một thể ấy, cái biết với cái chẳng biết lặng lẽ gặp gỡ nhau": dùng tri thức hiện có để hiểu bổn nguyên của sinh mệnh, đạt tới cảnh giới đạo cao nhất là vô tri,

đưa hết tri thức hữu vi nhập vào cảnh giới vô vi. "Lặng lẽ gặp gỡ nhau": với cảnh giới của đạo, tự nhiên dung hòa mờ mịt, chẳng còn ranh giới; "mà trọn vẹn cả": đó là cảnh giới hoàn toàn viên mãn. Cũng chính là "ấy là đem cái biết mà nuôi cái chẳng biết vậy."

Quách Tượng giải mấy câu Trang Tử rất đạt; chú giải của ông tựa một bài luận văn, cũng thật là một tiến sĩ chính hiệu. Thuở xưa thi cử cầu công danh làm văn chương, trong *Tứ thư Ngũ kinh*, tùy tiện nhắc ra một câu như thế, quan chấm thi ứng khẩu ra đề; tư tưởng tài năng của ngươi bày tỏ hết trong bài văn, điều đó cũng thú vị lắm. Như bài chú này, đạo lý của khoa học, nhân sinh, chính trị, tất cả triển khai trọn trong một bài ngắn vài câu. Nếu để mấy chữ chú giải nhỏ li ti ấy trượt qua chẳng đọc, sẽ chẳng hiểu được sự biến chuyển văn hóa của từng thời đại.

Cho nên phong thanh đàm thời Lưỡng Tấn Nam Bắc triều chẳng phải ngẫu nhiên; Quách Tượng sống đời Tấn, thuở ấy người ta coi trọng tư tưởng Lão Trang; còn nguồn gốc lịch sử thật sự, tổ sư khai sáng chính là Tào Tháo cha con. Nói điều này để nhắc các học trò trẻ: mấy bộ lịch sử triết học Trung Hoa viết trong trăm năm nay đều chẳng đáng tin bao nhiêu, vẫn còn vấn đề. Bây giờ xem tiếp nguyên văn Trang Tử:

Tri thức học vấn chẳng tuyệt đối

Tuy nhiên, hữu hoạn.
Dù thế, vẫn còn chỗ hỏng.

Phù tri hữu sở đãi nhi hậu đương,
Cái biết phải có cái để dựa vào rồi sau mới vừa;

kỳ sở đãi giả đặc vị định dã.
cái mà nó dựa vào lại chẳng có gì nhất định.

Trang Tử bàn tầm quan trọng của biết và chẳng biết; cái cương lĩnh ấy phải nắm trước, nghĩa là tri thức của loài người chưa đáng gọi là học vấn; chúng ta có một môn học vấn lớn hơn, chính là cái đạo thể biết hết mọi điều, cũng chính là cội nguồn sinh mệnh của ta. Sống trọn một kiếp người mà chẳng biết gì về cội nguồn sinh mệnh của mình, uổng làm một người, nên thật đáng thương. Theo quan niệm Trang Tử, hiểu rõ bổn nguyên sinh mệnh của chính mình mới đáng kể là chân nhân. Ví như Lã Thuần Dương, Đạo gia nhận ông đắc đạo nên gọi là Lã chân nhân; tất nhiên bọn đồng học chúng ta đây, mai kia nếu ai đắc đạo thì thành Lý chân nhân, Trương chân nhân, hay chân nhân họ nào đó.

Nhưng đạo ấy phải lấy thế nào? Có hai đường: một đường là vứt bỏ cái thông minh vụn vặt của mình mà tìm cầu cái đại đạo chân chính của **"vô tri chi tri"** (biết của chẳng biết); đường kia đem học vấn tri thức trần thế nghiền suốt tới cùng cực, cuối cùng quy về **"nhất vô sở tri nhi vô sở bất tri"** (chẳng biết một chút gì mà lại chẳng có gì chẳng biết), thế cũng là đắc đạo. Chỗ này nói tầm quan trọng của cái biết. Vậy chân tri là gì? Phật học Ấn Độ gọi là bát-nhã; toàn danh của *Kinh Kim Cang* chính là *Kim Cang bát-nhã ba la mật kinh*. Trong bát-nhã có một thứ thực tướng bát-nhã, tức trí tuệ của đạo; chẳng phiên chữ ấy thành trí tuệ mà giữ âm dịch, bởi phiên thành trí tuệ thì ý nghĩa chưa trọn. "Thực tướng bát-nhã" với **"tri nhi vô tri"** (biết mà chẳng biết) kỳ thực là một; nên văn hóa Ấn Độ ghép cặp với văn hóa Trung Hoa thì dung hội trọn vẹn.

Bây giờ Trang Tử nói **"tuy nhiên, hữu hoạn"** (dù thế vẫn còn chỗ hỏng): nhưng đạo lý này vẫn còn có chỗ trục trặc. Ông nêu lý do, **"phù tri hữu đãi nhi hậu đương"** (cái biết phải có cái để dựa vào rồi sau mới vừa): trí tuệ của ta buộc phải tương đối mà biết; thấy màu đen, đem so sánh mới có một vật gọi là trắng; thấy cái dài mới nghĩ đến cái ngắn; tri thức đều đứng đối xứng với nhau, tức là hiểu nhau bằng tương đối. Duy thức học gọi tương đối là tỷ lượng,

nghĩa là so sánh mà biết. Tri thức đều là kết luận kiếm được từ tương đối, là "có cái để dựa vào rồi sau mới vừa"; sau đó mới định ra một danh từ vừa ý, làm một sự hiểu biết vừa ý, đó là tri thức bình thường. Còn **"kỳ sở đãi giả đặc vị định dã"** (cái mà nó dựa vào lại chẳng có gì nhất định): tri thức đều mang tính tương đối, tính so sánh, chẳng có tiêu chuẩn tuyệt đối nào.

Dung cự tri ngô sở vị thiên chi phi nhân hồ?

Làm sao biết cái gọi là trời của ta chẳng phải của người?

Sở vị nhân chi phi thiên hồ?

Cái gọi là người của ta chẳng phải của trời?

"Dung cự tri" là khẩu ngữ thường ngày của Trang Tử, là tiếng phương nam thuở ấy; thời Chiến Quốc, cái gọi là người Sở chẳng phải hoàn toàn là Hồ Nam Hồ Bắc như đời sau nói, mà là vùng trung nguyên đương thời; tiếng địa phương khi ấy "dung cự tri" nghĩa là "làm sao mà biết được". "Cái gọi là trời của ta chẳng phải của người?": cái mà ta gọi là hiểu thấu được đạo ấy, cho tới cái trời ấy, dù thuộc khoa học hay thuộc đạo thể hình nhi thượng, làm sao biết chắc đó chẳng phải lời giải thích do con người đặt ra! Ví như giới tôn giáo giải thích: trời trên thế này thế kia, Thượng Đế thế này thế kia, đó đều là lời giải thích của người. Tôn giáo thú vị lắm: thiên đường của người phương Tây khác hẳn thiên đường của người phương Đông; thiên đường của người Ả Rập với thiên đường người Âu cũng hai kiểu, màu sắc không giống, hình dạng thần linh cũng không giống; Phật của người Trung Hoa mặc quần áo Trung Hoa, người đời Hán tạc tượng Bồ Tát cũng cho mặc quần áo đời Hán; gì là Vương Mẫu nương nương, bà ngoại này ông nội kia, Tây Vương Mẫu, Đông Vương công, phối ghép cả một đống, mỗi nơi mỗi khác.

Xem tiếp những kẻ có thần thông; người nước ngoài cũng có người có thần thông. Ngươi đi hỏi hắn: kiếp trước ta là người xứ nào? Hắn bảo ngươi kiếp trước là người Hy Lạp, người Ấn Độ; nhưng hiếm khi nói ngươi là người Hồ Nam, bởi người phương Tây chẳng hay có xứ Hồ Nam, trong cảnh giới ý thức của họ không có chuyện đó. Người Trung Hoa hỏi ngươi đầu thai từ đâu, hoặc bảo ngươi người Cao Hùng ấy, hoặc kiếp trước ngươi là con gà, con vịt ấy; họ cũng chẳng hay bên phương Tây có khủng long! Nên họ sẽ chẳng bao giờ nói ngươi đầu thai từ người nước ngoài sang đây. Những chuyện tán dóng trời đất ấy thảy do con người đặt ra cả, chẳng có một thứ tri thức nào đáng tin nổi.

"Cái gọi là người của ta chẳng phải của trời?" Tôi thường nói tới triết học chính trị Trung Hoa, hoặc tư tưởng triết học; vậy ai mới là triết gia? Những bà cụ nhà quê ấy, trọn đời chưa từng ra khỏi phạm vi hai mươi dặm quanh làng; bê chiếc ghế đẩu ngồi trước cửa xem mưa rơi, xem trâu chăn về, nhìn nước đồng dâng; cả đời chỉ thấy có chừng ấy cảnh giới thôi; chưa từng leo núi A Lý, cũng chưa từng đặt chân lên mái vòm khách sạn Trung Ương, đều không có; nhưng ngươi hỏi bà: thưa bà cụ, cuộc sống bà thế nào? Khổ lắm! Đời tôi nó thế đấy! Đành nhận số phận thôi! Đây chính là triết gia, mọi triết gia đều không bằng bà.

Cho nên nói triết học chính trị: cổ nhân Trung Hoa nói **"phong điều vũ thuận, quốc thái dân an"** (gió mưa thuận hòa, nước nhà thái bình, dân chúng an ổn); chủ nghĩa nào, tư tưởng nào rồi cũng không lìa khỏi tám chữ ấy; dân chúng mong gì? Mong sống yên ổn, làm ăn vui vẻ; đạt tới "phong điều vũ thuận, quốc thái dân an" là tốt rồi. Tất cả đó đều là triết học, đều là lời giản dị bậc nhất của loài người; "cái gọi là người của ta chẳng phải của trời?", nó hợp với đạo tối cao cùng trời lý. Thiên đường mà giới trí thức cùng giới tôn giáo giải thích: ngươi đến chỗ ta thì hết tội, ngươi không đến chỗ ta thì có tội! Đó là trò treo đầu dê bán thịt chó, đều không tin nổi; Trang Tử sớm nói rõ cho ngươi rồi đấy. Cho nên đạo lý bình thường nhất, sự vật tầm thường nhất, lại chính là chân lý tối cao. Chân lý nằm ngay tại chỗ bình dị nhất; cái bình dị chính là chân lý tối cao.

Phong cách hành sự của chân nhân

Thả hữu chân nhân nhi hậu hữu chân tri.

Có chân nhân rồi mới có chân tri.

Hà vị chân nhân?

Chân nhân là gì?

Cổ chi chân nhân, bất nghịch quả, bất hùng thành, bất mô sĩ.

Người xưa chân nhân: chẳng nghịch cùng cái ít ỏi, chẳng hống hách giành thành, chẳng đặt mưu tính.

"Có chân nhân rồi mới có chân tri." Trang Tử nói: người đắc đạo chính là chân nhân; tới được cảnh giới chân nhân là "có chân tri", ấy là trí tuệ thật. Phần dưới lại dẫn chúng ta vào một cảnh giới thần thoại, nhưng là thật đấy, nói rõ ràng giá trị sinh mệnh con người. "Chân nhân là gì?" Thế nào là chân nhân đắc đạo? "Người xưa chân nhân: chẳng nghịch cùng cái ít ỏi, chẳng hống hách giành thành, chẳng đặt mưu tính." Chữ **"nghịch"** (逆) nghĩa là đón; chữ **"quả"** (寡) nghĩa là ít. "Chẳng nghịch cùng cái ít ỏi" tức là thuận theo tự nhiên.

Thông thường tâm lý một con người, tự thuở còn là trẻ nhỏ, chia kẹo cũng vậy, bú mớm cũng vậy, đều ham nhiều; kẻ thật sự đắc đạo thì ít thì cứ ít, đúng như chuyện tôi vừa kể: bà cụ triết gia lớn ngoài quê nói "đời tôi nó thế đấy!" Sao chia cho ngươi ít thế? Ôi! Đời tôi nó thế đấy! Ít thì ăn ít! Kệ nó, hết thảy chẳng ham cầu; đó là "chẳng nghịch cùng cái ít ỏi". Thế nào gọi là "chẳng hống hách giành thành"? Hùng là anh hùng, tự cho mình ghê gớm: nhìn này, ta hơn ngươi đấy! Ta tài ba lắm, ta thành công; đó chính là tâm cơ, lấy lòng đánh mưu tính toán. Chân nhân chẳng đánh mưu tính, mọi thành tựu rất tự nhiên, chẳng còn cảm giác thành hay bại; đời nó thế đấy! Nó như thế thôi, kệ.

"Chẳng đặt mưu tính": chữ **"mô"** (谟 - đồng một lẽ với chữ mưu 谋, nghĩa tính toán); chẳng mưu tức là chẳng đánh mưu đặt kế. Hết thảy chúng ta đều đánh mưu đặt kế: tìm cách kiếm tiền, tìm cách moi đường lối, tìm cách cái này việc nọ, cho tới tìm cách tu đạo, muốn lạy Phật thêm vài lạy để tội nghiệp giảm chút ít; đều đang đánh mưu ở đó, đều là tư tưởng làm ăn buôn bán. "Chẳng đặt mưu tính" nghĩa là chẳng cầu; cho rằng hướng lên Thượng Đế khấn nguyện rồi tội liền tiêu tan, đó là tự lừa gạt mình, đó chính là mưu tính. Chân nhân chẳng có ba điểm ấy, nhưng ba điểm ấy lại là chỗ nặng nề bậc nhất trong tình trạng tâm lý đời người. Người thì biết đánh mưu tính, chân nhân thì không; người tự cho mình ghê gớm, chân nhân thì không; người tham lam chẳng biết chán, chỗ không tốt chẳng muốn tới, tiền ít thì không chịu làm, hoặc ngươi xem thường ta thì ta nổi giận; những cái đó thảy là nghịch cùng cái ít ỏi; chân nhân chẳng nghịch cùng cái ít ỏi. Ba câu ấy đem ra triển khai bằng tâm lý học ngày nay đủ thành ba cuốn sách lớn; thời cổ giản dị lắm, chỉ ba điểm thôi.

Nhược nhiên giả, quá nhi phất hối, đương nhi bất tự đắc dã.

Nếu như thế: có lầm lỡ thì chẳng hối hận, đang ở giữa hiện tại cũng chẳng tự đắc.

Trang Tử nói chân nhân chính là như thế; làm trọn được ba điều ấy, ông cũng chẳng có lỗi; dẫu có lỗi cũng do vô tâm. "Có lầm lỡ thì chẳng hối hận": có sai, qua rồi cho qua; chuyện hôm nay qua rồi là qua, không tiếc nuối, không vương vấn. Không như người thường vì chuyện đã qua mà giận hờn ưu não: năm ấy ta đối xử với người ta ra sao, giờ người ta đối xử với ta ra sao; chuyện ấy sớm đã qua rồi, đó là năm ngoái; từ năm ngoái tới nay ba trăm sáu mươi lăm ngày, bóng hình cũng chẳng tìm ra nữa. Phiền não của người phần lớn là hối tiếc quá khứ, mơ mộng tương lai; cứ mãi ưu não ở đó, chẳng thể nắm giữ hiện tại.

Sinh mệnh chỉ có hiện tại; quá khứ đã qua rồi, tương lai chưa tới, ngươi nghĩ tới mấy chuyện ấy để làm gì! Hiện tại ra sao? Hiện tại đang ngồi đây đọc sách, đơn giản vậy thôi, trong lòng chẳng còn phiền não. "Có lầm lỡ thì chẳng hối hận" gồm hai ý: chữ quá là lỗi lầm đã phạm, cũng làm ra trong lúc vô tâm; chữ phất hối là chẳng có gì, hết thảy qua rồi cho qua. "Đang ở giữa hiện tại cũng chẳng tự đắc." Ở đời ứng xử cũng có hai ý: chữ **"đương"** (当 - ở đây nghĩa hiện tại); đang giữa hiện tại cũng chẳng thấy gì đáng khoe; đã qua thì chẳng đeo đuổi, chưa tới thì chẳng mơ tưởng. Khi đang giữa hiện tại, "chẳng tự đắc", cũng chẳng nghĩ tới việc níu giữ hiện tại. Hiện tại mà níu sao được, chốc lát đã trôi qua ngay; được như thế mới là kẻ đắc đạo, chúng ta đều chẳng làm nổi. Tình trạng tâm lý người thường, mãi xoay vần trong ba đoạn: hối tiếc hôm qua, mường tượng ngày mai, muốn nắm giữ hiện tại, sợ hãi chẳng giữ được; kết quả càng níu chặt, càng bay nhanh. Cho nên chân nhân đắc đạo chẳng như vậy; cũng chính là điều *Kinh Kim Cang* nói: **"quá khứ tâm bất khả đắc, hiện tại tâm bất khả đắc, vị lai tâm bất khả đắc"** (tâm quá khứ chẳng thể giữ, tâm hiện tại chẳng thể giữ, tâm vị lai chẳng thể giữ).

Nhược nhiên giả, đăng cao bất lật,
Nếu như thế: lên cao chẳng run sợ,

nhập thủy bất nhu, nhập hỏa bất nhiệt,
xuống nước chẳng ướt nhẹp, vào lửa chẳng nóng bỏng,

thị tri chi năng đăng hà ư đạo dã nhược thử.
đó là cái biết đủ vượt lên tiến về đạo như thế ấy.

Tu dưỡng tới cảnh giới ấy, chẳng còn quan niệm thời gian, chẳng còn quá khứ, hiện tại, tương lai. Ông leo cao chẳng run sợ; chẳng phải chẳng biết sợ, mà là khi rơi từ vách đá sâu muôn trượng xuống, ông cũng chẳng thấy là đang rơi; càng chẳng bao giờ ngồi xe mà nôn mửa, vì chẳng thấy mình đang ngồi trên xe, y như nằm trên giường, trong tâm chẳng còn tác dụng phân biệt. Xuống nước cũng chẳng chết đuối được, vì quên mất đó là nước; vào lửa cũng chẳng thấy nóng.

Trong đó có đạo lý; bàn ra lý thuyết thì khó. Kể trước một trường hợp tôi biết rõ; nói thật lòng, chẳng phải bịa đặt. Thầy tôi kể rằng thầy của thầy tôi (tức sư tổ của tôi) học Thiền, có tài "xuống nước chẳng ướt nhẹp". Ông đã tới mức cảnh giới gì cũng kệ, gặp chuyện gì cũng cười cười. Có lần, độ hơn tám mươi năm trước, một linh mục người Pháp đến bàn đạo với ông. Linh mục bưng ra một chén thuốc độc, cũng chẳng độc gì dữ lắm, ngang thứ thuốc diệt côn trùng, uống vào có khi mất mạng. Hồi ấy thuốc Tây còn ít, thấy lạ lẫm; sư tổ hỏi có độc à? Chuyện gì thế! Tôi xem ngang nước chè thôi! Chẳng tin tôi uống cho xem. Ông uống luôn một hơi, kết quả chẳng có việc gì xảy ra.

Ông vốn người Quảng Tây, sau thường trú ở Tứ Xuyên. Một hôm từ Thành Đô trở về nhà ở Tân Đô, đi ngang qua cầu Tứ Mã; chính là chỗ mà Tư Mã Tương Như năm xưa nói **"bất tọa tứ mã cao xa, thệ bất quá thử kiều"** (chẳng ngồi xe cao bốn ngựa, thề chẳng qua khỏi cây cầu này). Con sông ấy rộng lắm, nước lên rất dữ; đêm ấy ông bộ hành về nhà, tay cầm chuỗi hạt niệm Phật, chẳng biết ông có niệm Phật thật không; kết quả lạc mất đường, bước xuống lòng sông. Ông còn thắc mắc sao xa thế, mãi chưa về tới nhà, cứ từ từ mà đi! Thế là ông lội trong dòng nước nguyên một đêm. Sáng sớm, có thuyền từ thượng nguồn trôi xuống, thấy giữa sông một cái đầu lượn vòng quay quay; làm gì thế này? Người này tự tử hay sao? Lại gần xem, ông vẫn đang niệm Phật; hỏi sao ra nông nỗi, ông đáp: tôi đang về nhà! Sao ông lại dưới nước? Ai nói thế! Tôi đang đi bộ đấy. Ông đã quên mất rồi; xuống nước tới được cảnh giới ấy, hết thảy đều quên sạch.

Cho nên chân nhân tới mức ấy, lửa cũng thiêu chẳng cháy, cũng chẳng thấy nóng; công năng sinh mệnh con người tu dưỡng tới cảnh giới ấy là đắc đạo rồi. "Đó là cái biết đủ vượt lên tiến về đạo như thế ấy." Chữ đăng hà (假 thông 遐) nghĩa là leo lên rồi lùi xa, nghĩa là vượt quá vô lượng vô biên; bởi cảnh giới trong tâm ông đã đạt tới vô lượng vô biên, lớn mà chẳng có ngoài, nhỏ mà chẳng có trong, hết thảy tri giác cảm giác đều chẳng dính dấp gì tới ông; thân xác cũng quên luôn; cái đó mới gọi là chân nhân. Cảnh giới Trang Tử miêu tả, chuyển hóa từ tâm lý mà tới, là sự thật đấy; tâm lý tu dưỡng tới được cảnh giới ấy, mới đáng gọi là chân nhân đắc đạo.

Hiện tượng sinh mệnh của chân nhân

Cổ chi chân nhân, kỳ tẩm bất mộng, kỳ giác vô ưu,

Chân nhân đời xưa, lúc ngủ chẳng mộng, tỉnh dậy chẳng ưu phiền,

kỳ thực bất cam, kỳ tức thâm thâm.

ăn chẳng kể ngon lành, hơi thở sâu lắng dày.

Chân nhân chi tức dĩ chủng,

Hơi thở của chân nhân xuống tới gót chân,

chúng nhân chi tức dĩ hầu.

hơi thở của chúng nhân chỉ ngang cổ họng.

"Chân nhân đời xưa, lúc ngủ chẳng mộng": đúng như Đạo gia nói, đêm ngủ chẳng có mộng, ngủ thì ngủ, tỉnh thì tỉnh. "Lúc tỉnh chẳng ưu phiền": tỉnh dậy cũng chẳng vướng chút mộng mơ nào. Chúng ta người thường khi ngủ, đang ngủ mà tư tưởng vẫn hoạt động, mắt vì nhắm lại nên tạo thành một cảnh giới, ta gọi đó là mộng. Ban ngày thì mở mắt mà vẫn đang làm mộng; ta tưởng mắt mở là thức tỉnh, thực ra vẫn đang mộng, là mộng trắng ngày có buồn có vui có giận có mừng; mộng ban đêm cũng có buồn vui giận mừng. Nhưng chân nhân "lúc ngủ chẳng mộng", ông chẳng làm mộng; nói cách khác, lúc tỉnh cũng vô mộng, ban ngày cũng chẳng làm mộng, chỉ thanh thản như thế, nên "lúc tỉnh chẳng ưu phiền". "Ăn chẳng kể ngon lành": ăn gì cũng được, ăn chút no bụng là xong, chẳng có chuyện gì gọi là mặn ngọt đắng cay, ngon hay dở; bởi ham muốn ăn uống đã chẳng còn, đã giải thoát. Ham muốn ăn này nghiêm trọng lắm đấy! Còn tham ăn thì khí mạch quyết chẳng thể thông.

"Hơi thở sâu lắng": khoảng giữa một lần thở ra và một lần hít vào, như thể có đoạn ngừng nghỉ, gọi là tức. Người học Phật tu chỉ quán tu tới chỗ tức, chẳng phải dựa vào hơi thở của cái mũi; mũi ra vào một cái đó là hô hấp, đoạn giữa một thở ra một hít vào mới là tức. Tức của người thường rất ngắn, người đắc đạo có định lực thì dài hơn, như thể chẳng còn hô hấp, ngừng hẳn hơi thở; cái ấy mới là chân tức, là cái năng sơ khai nhất của công năng hô hấp, nên hơi thở của ông ấy sâu lắng. Mọi người chớ hiểu lầm, chẳng phải sâu xuống tới đan điền; người đời bảo ngươi giữ đan điền dưới cái bụng nhỏ, ấy là đoạn ruột chứa đại tiểu tiện, giữ nó làm gì! Giữ lâu dần, chẳng bị táo bón thì cũng băng huyết; đạo cũng chẳng nằm trên cái bụng nhỏ! Cái "hơi thở sâu lắng" này là sâu đến vô đáy, chẳng phải chuyện vọc trên thân xác; dĩ nhiên thân thể có cảm giác, đó là hơi thở tự nhiên xuống tới lòng bàn chân, tới tận các ngón chân.

"Hơi thở của chân nhân xuống tới gót chân": người đắc đạo, hơi thở ra vào này, làn tức giữ lại nguyên khí ấy, lần nào cũng xuống tới lòng bàn chân. "Hơi thở của chúng nhân chỉ ngang cổ họng": chúng ta người thường thở nhờ lá phổi, mới được một nửa thân thể. Cho nên người đắc đạo, công phu tới nơi, thở chẳng nhờ mũi mà tự nhiên vẫn thở; lần nào cũng đạt tới lòng bàn chân. Đó chính là biểu hiện bề ngoài của chân nhân, từ từ mới có tư cách làm đại tông sư. Nhưng tu dưỡng tới cảnh giới ấy vẫn chưa tới mức đại tông sư; Đạo gia Trung Hoa đời sau gọi cảnh giới ấy là thần

tiên. Thần tiên chia làm năm bậc: chết rồi tinh anh chẳng tan tán, gọi là Quỷ Tiên, bậc tiên thấp nhất; kế đến là nhân trung chi tiên, người có định lực, tâm cảnh rộng rãi; tiến thêm một bước là Địa Tiên; tiến thêm một bậc nữa là Thiên Tiên; tiến thêm một cấp nữa mới là Đại La Kim Tiên. Đại La Kim Tiên chính là đại A-la-hán; Phật gia nói đại A-la-hán chính là Phật.

Một người đạt tới cảnh giới "hơi thở sâu lắng", "hơi thở xuống gót chân", tức đã đủ phần Địa Tiên; người ấy cũng đạt tới ngày đêm thường sáng, đêm ngủ vô mộng, thân khinh như diệp (thân nhẹ như chiếc lá). Nên sách Đạo có tả, vài vị tổ tiên người Trung Hoa đắc đạo, tới tuổi tám chín mươi, thân thể nhẹ nhàng khoan thai, đi nhanh như ngựa phi; thấy ông ấy bước đi nhanh tới mức song song với con ngựa đang phi, mà như thể chưa hề nhúc nhích; đó chính là cái gọi là đủ phần Địa Tiên.

Khuất phục giả, kỳ ái ngôn nhược oa.
Kẻ bị khuất phục, lời nói nghẹn ngào nơi cổ như ọc lên.

Kỳ kỳ dục thâm giả, kỳ thiên cơ thiển.
Kẻ ham muốn càng sâu nặng, thiên cơ càng cạn hẹp.

Cái gọi là "kẻ bị khuất phục" là trong lòng có phiền não, chẳng cam lòng; chúng ta bất cứ ai cũng đều khuất phục cả, như tiếng thông thoại nói, đều sống rất thiệt thòi, rất uất ức. Vì sao vậy? Trong lòng ai cũng có một cơn phiền não đè ra đó, chẳng thể kể với ai; trong lòng ai cũng có nỗi đau khổ ưu tư. "Lời nói nghẹn ngào nơi cổ như ọc lên", nên nói chuyện cứ ấng ấng ậm ờ mãi; nhất là lúc đi vay tiền người ta, ngại ngùng, ậm ờ nửa ngày. Theo như chúng ta hiểu thì: ngươi cần bao nhiêu cứ nói mau ra đi thôi, đừng lòng vòng nữa chứ!

Cho nên người sống trên đời, ai cũng phải cầu tới người, vì thế nói chuyện chẳng thể sảng khoái. Con trai xin tiền cha mẹ, rất tự nhiên, đó là nằm ườn ra mà xin: đưa đây, con đi mua đồ! Chồng xin tiền vợ, đó là đứng thẳng mà xin; đến khi cha mẹ xin tiền con, là quỳ xuống mà xin. Khi cha mẹ mở lời với con cái xin tiền, ấy chính là "lời nói nghẹn ngào nơi cổ như ọc lên": ông còn không vậy? Đủ dùng chưa? Nếu dư dả, cho tôi xin một chút! Thấy chưa, đời người đáng thương làm sao, trong lòng đều khuất phục cả. "Kẻ ham muốn càng sâu nặng, thiên cơ càng cạn hẹp": một người, ham muốn đời thế càng nhiều thì thiên cơ càng cạn; người càng khôn ngoan, bản lĩnh càng lớn thì ham muốn cũng càng lớn; văn minh vật chất càng phát triển, ham muốn của người ta càng nhiều, thì càng ngày càng xa đạo.

Cổ chi chân nhân, bất tri duyệt sinh, bất tri ố tử;
Chân nhân đời xưa, chẳng biết vui mừng vì sống, chẳng ghét bỏ cái chết;

kỳ xuất bất hân, kỳ nhập bất cự;
ra đời chẳng mừng rỡ, vào chết chẳng khước từ;

tiêu nhiên nhi vãng, tiêu nhiên nhi lai nhi dĩ hĩ.
thong dong mà đi, thong dong mà đến, chỉ đơn giản thế thôi.

Chữ duyệt (说) thông với chữ duyệt (悦). Người đắc đạo xưa tới nay, chẳng thấy sống là khổ đau, cũng chẳng sợ chết; chết cũng chẳng sao, sống cũng chẳng sao, hai thứ ông coi là một. Trong tư tưởng người Trung Hoa, sinh tử chẳng tồn tại trong lòng, các bậc tổ tiên người Trung Hoa cũng chẳng cần ngồi thiền dụng công mà giải quyết sinh tử. Ví như Đại Vũ từng nói: **"sinh ký dã, tử quy dã"** (sống là tạm gửi, chết là về nhà). Sống là ở trọ khách sạn, ở đây chơi đùa chút ít; chết rồi thì về nhà nghỉ ngơi. Khổng Tử trong *Kinh Dịch* nói: **"minh hồ trú dạ chi đạo nhi tri"** (biết rõ đạo lý ngày đêm thì hiểu được); ngươi hiểu được đạo lý ban ngày với ban đêm, thì sẽ thấu đạo lý sinh tử. Sinh mệnh

tựa như hoa hợp hoan: đêm nở hoa, ban ngày khép lại; sinh mệnh chúng ta là ban ngày nở hoa, ban đêm thì ngủ; chết sống chỉ có thế. Cho nên chân nhân thượng cổ, chuyện chết sống đã rõ ràng dứt điểm, chẳng tồn tại trong lòng: "chẳng biết vui mừng vì sống, chẳng ghét bỏ cái chết".

"Ra đời chẳng mừng rỡ": người đắc đạo xưa tới nay, "kỳ xuất" chỉ công dụng của sinh mệnh, "bất hân" là cũng chẳng có gì đáng mừng; gì mà lưu danh muôn thuở, phong hầu bái tướng, cho tới làm đế vương, cũng chẳng có gì ghê gớm; trong lịch sử Trung Hoa, Hoàng Đế, Nghiêu, Thuấn đã đạt tới mức ấy. "Vào chết chẳng khước từ": thu mình lại cũng chẳng thấy có khoảng cách với ngoại giới, cũng chẳng tự than tiếng tăm chẳng cao nữa, người ta thấy mình mà chẳng chào hỏi, mình hết địa vị rồi, sống chẳng nổi nữa; chẳng có chuyện ấy đâu. Tâng bốc cũng thế, mắng chửi cũng thế, dù sao cũng như nhau; người khác muốn nói thì kệ họ nói, chẳng dính gì tới mình. "Thong dong mà đi, thong dong mà đến, chỉ đơn giản thế thôi." Sống mà rất thong thả dễ chịu, chỉ có vậy. Cái "tiêu nhiên" này chính là cái vị trong thơ Đào Uyên Minh: **"thải cúc đông ly hạ, du nhiên kiến Nam Sơn"** (bên rào đông hái hoa cúc, thong dong ngước thấy núi Nam).

Thuở trẻ chúng tôi đi học rất tinh nghịch, tôi còn nhớ có một ông bạn ngồi cùng, ông ấy nói: tôi kể cho nghe, "thải cúc đông ly hạ, du nhiên kiến Nam Sơn", bây giờ tôi mới phát hiện, Đào Uyên Minh này là kẻ mắt lé đấy. Tôi hỏi vì sao? Ông ấy bảo: chữ "du nhiên" ấy, nhất định là nhìn lé, hướng chẳng đúng. Nghe ông ấy nói vậy, một ông bạn khác càng tinh nghịch hơn, bảo: ngươi nhầm rồi, ông ta chẳng lé mắt đâu, ông ta vẹo cổ. Đó là lũ bạn cùng học thuở nhỏ của tôi, lũ quỷ tinh nghịch; dĩ nhiên tôi cũng là một trong bọn chúng!

Đời người cái gọi là "thong dong mà đi, thong dong mà đến", sống thì cứ sống, chết thì tự nhiên mà đi, há cần khổ sở làm gì! Lại còn cắm bình oxy, bị người ta lật qua trở lại, chẳng thèm đâu. Cho nên sống cũng chẳng có gì ghét bỏ, cũng chẳng có gì phiền não, được ngày nào hay ngày nấy. Tôi thường nói bây giờ chúng ta, sống thêm được một ngày coi như tiền lãi, là của kiếm được; biết đâu tối nay vừa cởi giày ra, sáng mai chẳng còn đi nữa, khi ấy thuộc về sạp đất, tiệm cầm đồ, hoặc chẳng may thuộc về thùng rác; chẳng ai biết, cũng chẳng có gì quan trọng.

Bất vong kỳ sở thủy, bất cầu kỳ sở chung;
Chẳng quên chỗ khởi đầu của mình, chẳng tìm cầu chỗ kết thúc;

thụ nhi hỉ chi, vong nhi phục chi,
đón nhận mà vui vẻ, quên đi rồi lại khôi phục;

thị chi vị bất dĩ tâm quyên đạo, bất dĩ nhân trợ thiên.
ấy gọi là chẳng lấy tâm mà bớt đạo, chẳng lấy nhân vi mà trợ giúp trời.

Thị chi vị chân nhân.
Ấy gọi là chân nhân.

Đây mới thật là giá trị của đời người. "Chẳng quên chỗ khởi đầu": mọi hành động, chớ quên mất động cơ ban đầu. "Chẳng tìm cầu chỗ kết thúc": cũng chớ tra hỏi kết quả là gì! Vô thuỷ vô chung, quên mất quan niệm thời gian, quên mất quan niệm không gian, chỉ đối với sinh mệnh hiện có mà thong dong đón nhận: lạnh thì thêm áo, nóng thì bớt một lớp, đói thì ăn. "Đón nhận mà vui vẻ": giả sử đau khổ tới thì sao? Vui vẻ đón nhận là được; đó là cảnh giới của ý niệm đấy! Làm thật được thì cũng gần đến nơi rồi; coi cả cuộc đời là một trò chơi, đó chính là bước vào cảnh du hí tam muội (dạo chơi tự tại). "Quên đi rồi lại khôi phục": cái đã quên, cái chẳng còn, "phục chi" là khôi phục lại nó. Quên mất sinh mệnh từ đâu mà tới; cái cảnh giới sinh mệnh vốn có ấy, chính là dáng vẻ thuở ta còn là em bé.

Bây giờ phải khôi phục lại trạng thái em bé ấy: mọi thứ đều chẳng sao cả. Em bé bế trên tay, ngươi mắng nó hai câu, nó chẳng biết đâu lại cười, tưởng ngươi dỗ nó cười. Nhưng cảnh giới em bé ấy bị tri thức ô nhiễm khi lớn lên mà mất đi, nên phải khôi phục. "Ấy gọi là chẳng lấy tâm mà bớt đạo": chẳng lấy tâm mà đi cầu đạo; chữ **"quyên"** (捐) này chính là ý ấy, quyên ở đây tức là làm cho giảm bớt. Người ngồi thiền, người tu đạo, đều bảo ngươi hãy không, hủy bỏ đi; không là một phương pháp, là bảo ngươi dùng phép trừ. Dạy ngươi mở mắt trừng trừng nhìn trời tìm ánh sáng, hoặc niệm Phật, niệm chú, đó là dùng phép cộng. Cho nên Phật pháp dạy ngươi không tăng không giảm: chớ thêm vào! cũng chớ bớt đi! Nhưng người thường, "lấy tâm mà bớt đạo", đều dùng phép trừ. Nếu cố ý đi làm cho không mới gọi là tu đạo thì đã sai; có tâm tu đạo thì chẳng phải đạo, bớt đạo thì càng chẳng đúng.

"Chẳng lấy nhân vi mà trợ giúp trời": chớ lấy phương pháp nhân vi mà giúp đỡ thiên cơ của chính mình; cứ để nó tự nhiên, đúng cái dáng tự nhiên ấy, chỉ có hiện tại. Nên về sau Thiền tông cô đọng lại, thường dùng câu **"đương hạ tức thị"** (ngay hiện tại chính là vậy): chỉ có bây giờ, sinh mệnh nằm ngay ở nhịp hiện tại này. Đương hạ tức thị, "ấy gọi là chân nhân": như thế mới là người đắc đạo.

Nhược nhiên giả, kỳ tâm chí, kỳ dung tịch, kỳ tảng quỳ;

Người đạt tới như thế, tâm chí chuyên nhất, dung mạo tĩnh lặng, trán đầy đặn rạng ngời;

thê nhiên tự thu, noãn nhiên tự xuân,

buồn thảm như mùa thu, ấm áp như mùa xuân,

hỷ nộ thông tứ thời,

hỷ nộ thông suốt bốn mùa,

dữ vật hữu nghi nhi mạc tri kỳ cực.

với muôn vật đều hợp lẽ, mà chẳng ai đo được cùng cực của ông.

"Người đạt tới như thế": một người tu dưỡng tới bước này thì "tâm chí", trong lòng ông chẳng còn vọng tưởng, chẳng còn phiền não; "tâm chí" là tinh thần chuyên nhất. "Dung mạo tĩnh lặng": từ từ sự tu dưỡng trong lòng ảnh hưởng tới bề ngoài, cũng rất thanh tịnh, chính là dáng vẻ thần tiên bồ tát ta thường nói. "Trán đầy đặn rạng ngời": trán sáng lên có ánh, rất đầy đặn. Người như thế có biến chuyển tình cảm không? Có phải như người gỗ không? Vậy chẳng phải, ông có biến chuyển tình cảm; "buồn thảm như mùa thu": khi thấy người khác đáng thương, ông sẽ rất từ bi, sẽ thương xót người; ông cũng như bốn mùa xuân hạ thu đông, phản ứng rất tự nhiên. "Ấm áp như mùa xuân": nói cách khác, thái độ của ông tuy nghiêm trang như mùa thu, nhưng như *Luận Ngữ* tả Khổng Tử: **"vọng chi nghiêm nhiên, tức chi dã ôn"** (nhìn từ xa thì nghiêm trang, lại gần thì ấm áp); gặp gỡ đàm đạo với ông một lần thì rất ấm áp, như ngồi giữa gió xuân, rất dễ chịu, rất hòa nhã.

"Hỷ nộ thông suốt bốn mùa": cùng xuân hạ thu đông một lẽ, tự nhiên hợp với tiết khí ấy; chẳng phải hỷ nộ vô thường, mà hỷ nộ có quy củ, rất gần gũi tình người. Một vị Phật, một người thành tựu hay có đạo, hành vi trong ngoài đều rất gần gũi tình người, chẳng phải chẳng gần tình người. Nếu một người tu đạo, mắt trừng trừng nhìn ra ngoài, cổ quái kỳ dị, thì đã thành thần kinh mất rồi, chẳng phải tu đạo; người tu đạo hết sức bình thường, hỷ nộ thông suốt bốn mùa. "Với muôn vật đều hợp lẽ, mà chẳng ai đo được cùng cực": ông ở trên thế giới này, với thế giới vật lý, với hết thảy muôn vật, ở chung rất vừa phải hòa hợp; nhưng ngươi nghiên cứu chẳng ra ý tứ và cách làm của ông. Hơn nữa xử người xử việc đều rất cao minh, nhìn lại sau sự việc, vừa đúng chỗ, vừa đúng phần, vừa đúng nơi. "Với muôn vật đều hợp lẽ" chính là nhân nghĩa mà Nho gia nói, cũng là cảnh giới của chân nhân.

Nguyên tắc dụng binh

Thiên *Đại Tông Sư* mà Trang Tử giảng, theo quan niệm của chúng ta, thì trước hết phải có thành tựu nơi xuất thế, tức cái gọi là đắc đạo trong quan niệm thường tình. Một người mà đạt tới đắc đạo, tức phần thánh bên trong đã thành công; Trang Tử đã nói hết công phu cùng cảnh giới của bậc đắc đạo; sau đó, từ thánh bên trong mới bước ra làm vương ngoài đời. Chẳng phải người đắc đạo chẳng dính dáng gì tới thế giới này; chỉ kẻ thật sự đắc đạo mới là thánh nhân, mới đủ tư cách làm một vị đại tông sư, rồi mới nhập thế dụng thế, tức cái gọi là đạo dụng thế.

Đến chuyện dụng thế thì liên hệ rất lớn với cả bảy thiên nội thiên lẫn ngoại thiên, tạp thiên của Trang Tử. Quyển Trang Tử này tiêu biểu cho Đạo gia; người thường hay nói Lão Trang, lại còn gọi là **"Hoàng Lão"** (黃老): chữ **"Hoàng"** (黃) chỉ Hoàng Đế, chữ **"Lão"** (老) lấy Lão Tử làm tiêu biểu, gồm cả Trang Tử. Cái gọi là đạo Hoàng Lão bao gồm Binh gia, Pháp gia, Mưu lược gia, cho tới chư tử bách gia, cội nguồn đều xuất từ Hoàng Lão. Đứng trên lập trường Hoàng Lão mà nói, họ cũng cho rằng Nho gia cùng chư tử bách gia đều khởi nguồn từ Hoàng Lão. Chữ Lão ấy chẳng phải chỉ riêng quyển *Đạo Đức Kinh* của Lão Tử; nó bao trùm cả đạo của toàn bộ văn hóa Trung Hoa.

Thực ra, những lúc quốc gia có biến cố trên đường lịch sử, việc dẹp loạn trở về nền trị bình đều nhờ vào Đạo gia; đến khi thiên hạ thái bình rồi mới dùng Nho gia. Giới học giả nghiên cứu thường cho rằng Nho gia đạo Khổng Mạnh, từ sau đời Tần Hán bị các bậc đế vương lợi dụng làm quyền thuật thống trị. Xét ngoài mặt, lời các vị học giả ấy có vẻ quá đáng; thực chất Nho gia sau Tần Hán kế sinh nhai duy nhất là làm quan; cái phong khí làm quan ấy ảnh hưởng tới giáo dục Trung Hoa ba nghìn năm, hóa thành một nền giáo dục đầy vấn đề.

Vấn đề đầu tiên nằm ở quan niệm giáo dục: thói quen lâu đời coi trọng con trai, coi khinh con gái, nên ai cũng mong sinh được con trai, lại còn mong con mình thành rồng nên người phi phàm. Phương pháp nào để cho con thành rồng? **"Vạn ban giai hạ phẩm, duy hữu độc thư cao"** (mọi nghề đều là hàng thấp kém, chỉ có đọc sách mới cao quý): vậy thì chỉ còn nước đọc sách. Đọc sách để làm quan, làm quan để phát tài; chuỗi ý niệm liền nhau như vậy truyền xuống từng đời. Các bạn ngồi đây, chúng ta cũng gồm trong số ấy: trong ý nghĩ ban đầu, dù có lý tưởng trung với vua thương nước, khẩu hiệu đội mũ to lên đầu; nhưng thực ra thuở mở sách vẫn nghĩ tới chuyện làm quan phát tài. Nho gia đúng là như thế.

Người thật sự khác biệt trên đường lịch sử lại chính là Đạo gia; kẻ Đạo gia chưa hẳn cứ ngồi thiền tu đạo, mà bao gồm toàn bộ văn hóa, thiên văn địa lý vân vân. Vậy Đạo gia lấy gì để dẹp loạn trở về nền trị bình? Ảnh hưởng lớn nhất là bộ Trang Tử; người ta ngày thường xem nhẹ nó, mà về sau cái gọi là đạo mưu quốc, tư tưởng quân sự, tư tưởng mưu lược vân vân đều xuất từ Trang Tử. Đoạn dưới đây, Trang Tử bàn học vấn ngoại dụng, trước hết lấy triết học quân sự làm nền tảng.

Cố thánh nhân chi dụng binh dã, vong quốc nhi bất thất nhân tâm;
Cho nên thánh nhân mà dùng binh, diệt nước người mà chẳng mất lòng dân;

lợi trạch thi hồ vạn thế, bất vi ái nhân.
ơn rải khắp muôn đời, chứ chẳng phải vì thương yêu một ai.

Cố lạc thông vật, phi thánh nhân dã;
Cho nên chỉ vui thông suốt muôn vật, chưa phải thánh nhân;

hữu thân, phi nhân dã;
còn vướng tình thân riêng, chưa phải nhân;

thiên thời, phi hiền dã;

kén chọn thời trời, chưa phải bậc hiền;

lợi hại bất thông, phi quân tử dã;

chẳng thông suốt đường lợi hại, chưa phải quân tử;

hành danh thất kỷ, phi sĩ dã;

chạy theo danh mà đánh mất chính mình, chưa phải kẻ sĩ;

vong thân bất chân, phi dịch nhân dã.

đánh mất bản thân mà chẳng còn chân thật, chưa phải kẻ dẫn dắt được người.

Giả sử bậc đại tông sư đắc đạo bước ra xử thế, muốn góp phần cho lịch sử, quốc gia, thiên hạ, thì điều đầu tiên nêu lên là đạo dụng binh; câu này trong văn hóa Trung Hoa là một then chốt hết sức trọng yếu. Những người thích bàn binh qua các đời đều là kẻ sĩ Đạo gia; vì thế tư tưởng triết học quân sự, môn mưu lược học đều xuất từ Đạo gia; lớp thần tiên hậu thế tôn vinh cũng chẳng ai không thích bàn binh. Như hai tác phẩm tiêu biểu của Đạo gia là *Hoài Nam Tử*, *Bão Phác Tử*, cùng phần lớn những bộ lớn của Đạo gia, đều gắn thêm binh pháp và mấy thứ gọi là quyền thuật chánh trị nữa.

Cho nên ta rút ra được một kết luận: Đạo gia thích bàn binh luận võ, nhất là lớp thần tiên lại càng thích luận binh hơn nữa; nhìn trên lịch sử văn hóa thấy thật kỳ lạ. Duy chỉ có đạo Khổng Mạnh tiêu biểu cho Nho gia là không mấy thích bàn binh, thậm chí tránh né không dám đụng tới. Vì vậy những chuyển biến lịch sử qua các đời, chuyện bàn binh dụng binh cùng những thay đổi sách lược chánh trị, đều dính dáng mật thiết với Đạo gia. Ở đây Trang Tử buột thẳng ra: **"cố thánh nhân chi dụng binh dã, vong quốc nhi bất thất nhân tâm"** (cho nên thánh nhân mà dùng binh, diệt nước người mà chẳng mất lòng dân). Đừng đọc nhầm câu này: chẳng phải làm mất nước mình đâu, mà là khiến cho nước người ta mất. Dù ngươi xâm lăng đi nữa, hay lấy cớ "cứu dân diệt bọn có tội" đi nữa, diệt rồi nước người ấy vẫn còn cảm tạ; chuyện ấy khó lắm. Bất kể người đời sau hoài nghi thế nào, việc Thang truất Kiệt, Vũ phạt Trụ quả thật khiến nước người mất, nhưng cuối cùng muôn dân vẫn tung hô, vẫn được dân nước bị diệt yêu mến, làm tròn được câu **"vong quốc nhi bất thất nhân tâm"** (diệt nước người mà chẳng mất lòng dân).

Ông nói bậc đắc đạo dùng binh, vì sao lại đạt được kết quả như vậy? Bởi **"lợi trạch thi hồ vạn thế, bất vi ái nhân"** (ơn rải khắp muôn đời, chứ chẳng phải vì thương yêu một ai). Văn tự đọc lên xuôi tai đấy, nhưng ý lô-gic thì ngược hẳn: tức là thánh nhân đắc đạo dùng binh, diệt nước người khác, mà nước bị diệt lại từng người yêu mến, từng người ủng hộ. Nguyên nhân là bậc đắc đạo dùng binh chẳng phải vì tư dục riêng mình, chẳng phải để xâm lăng người, mà vì lợi ích của muôn dân. Nói theo kiểu bây giờ tức tạo phúc lợi cho nhân dân; thứ phúc lợi ấy chẳng phải quan niệm phúc lợi hiện nay của ta, mà là **"lợi trạch thi hồ vạn thế"** (ơn rải khắp muôn đời); điểm này các bạn trẻ chúng ta càng phải chú ý.

Bàn văn hóa Trung Hoa, vừa nãy ta phê bình chuyện đọc sách để làm quan; từ nhỏ người Trung Hoa đã phải thuộc *Chu Tử trị gia cách ngôn*, gần như bắt buộc với mọi người dân. Trong đó có hai câu **"độc thư chí tại thánh hiền, vi quan tâm tồn quân quốc"** (đọc sách chí đặt nơi thánh hiền, làm quan lòng hướng về vua nước); bởi ý niệm ăn sâu quá, cả đời chịu nó chi phối. Trí thức xưa làm quan, mọi chính sách mọi cử chỉ đều mang một ý niệm nghiêm túc lắm: xem chính sách ấy có hiệu lực trên trăm năm hay không; cái gọi là mưu kế trăm năm cho quốc gia, chứ chẳng phải chỉ lo trước mắt. Ý niệm trọng yếu thứ hai thuộc về cá nhân: không được để lưu vết nhơ trên lịch sử, làm cho con cháu muôn đời không ngẩng nổi đầu. Quan niệm thường tình, Nhạc Phi là tôi trung, Tần Cối là bầy tôi gian; đời Thanh có

một thi sĩ họ Tần ghé ngôi mộ Nhạc Phi bên Hồ Tây Hàng Châu, trong thơ có câu **"ngã đáo phần tiền quý tính Tần"** (tôi đến trước mộ phần, hổ thẹn mang họ Tần), bởi Tần Cối trong lịch sử thực quá xấu hổ. Ý niệm ấy từ đâu mà có? Chính từ thói quen mấy nghìn năm của nền giáo dục Trung Hoa: **"vi quan tâm tồn quân quốc"** (làm quan lòng hướng về vua nước). Hai thứ ý niệm ấy, trong tư tưởng văn hóa Trung Hoa ngày nay hình như rất nhạt phai; đó là nỗi bi thương của văn hóa Trung Hoa, hoặc là nỗi nhục, hoặc là một vấn đề, phải xem xét lại từ đầu. Cho nên nói phục hưng văn hóa, vậy rốt cuộc văn hóa Trung Hoa bàn cái gì? Đây chính là vấn đề.

Xem Trang Tử bàn: diệt nước người mà chẳng mất lòng dân, bởi ơn của ông **"lợi trạch thi hồ vạn thế"** (ơn rải khắp muôn đời), là điều ngàn thu muôn kiếp ngưỡng mộ. **"Bất vi ái nhân"** (chẳng phải vì thương yêu một ai) chẳng phải chỉ vì chút khẩu hiệu yêu thương hay nhân từ nào, cũng chẳng phải thương riêng vùng người nào đó; nói cách khác, điều thánh nhân làm chẳng phải vì thương người, mà là ơn rải khắp muôn đời, không bị không gian thời gian giới hạn. Đó là kết luận chung cho câu **"thánh nhân chi dụng binh, vong quốc nhi bất thất nhân tâm"** (thánh nhân dùng binh, diệt nước người mà chẳng mất lòng dân). Vị thánh nhân đắc đạo mà *Đại Tông Sư* nói tới là lấy tinh thần xuất thế mà làm sự nghiệp nhập thế.

Thành tựu nội thánh ngoại vương

Dưới đây phân tích từng điều một thành tựu của **"nội thánh ngoại vương"** (内圣外王 - thánh ở trong, vương ở ngoài). Nội thánh ngoại vương là danh từ các nhà lý học đời Tống quen dùng; thực ra tấm bảng hiệu ấy là của Trang Tử. Mượn xong rồi quay sang mắng Lão Trang, thái độ học thuật kiểu đó thiếu nghiêm khắc, rất không nên.

"Cố lạc thông vật, phi thánh nhân dã" (cho nên chỉ vui thông suốt muôn vật, chưa phải thánh nhân). Vấn đề nảy ra ngay: tu dưỡng của thánh nhân nếu chỉ dừng ở mức thông suốt tình người lẽ vật thì chưa đủ tư cách thánh nhân; vậy thánh nhân chẳng những hiểu tình người lẽ vật, còn có tầng thông suốt cao hơn tiến sâu hơn nữa.

"Hữu thân, phi nhân dã" (còn vướng tình thân riêng, chưa phải nhân). Chữ nhân (仁) này chẳng hề trái với chữ nhân trong nhân nghĩa đạo đức mà Nho gia giải thích, mà là một lời chú giải mở rộng hơn tư tưởng Khổng Mạnh nữa. Còn tình thân riêng là tình riêng thương người thân; cái gọi là nhân từ đích thực, nếu còn dính chút tình riêng thương người thân, đã chẳng đủ tầm với của nhân nữa. Bàn tới thân và nhân: cái nhân Nho gia nói, cùng từ bi của Phật giáo, bác ái của đạo Thiên Chúa, đều có chỗ gặp gỡ; chỉ là phạm vi giải thích mỗi bên nói mỗi khác thôi.

Trên lịch sử, các nhà lý học Tống Minh thường tranh luận với tư tưởng Phật gia. Nhà lý học bảo: các ông Phật gia nói từ bi, được lắm! Từ bi chẳng phải chính là chữ nhân Nho gia chúng tôi nói đấy sao? Song các ông nói từ bi chỉ là khẩu hiệu rỗng tuếch khó hiểu, chẳng chạm tới thực tế. Từ bi của Phật gia là bình đẳng yêu người; nhân của Nho gia cũng ngang với từ bi, nhưng ấy là tình thương có phạm vi có bậc thang: **"ấu ngô ấu dĩ cập nhân chi ấu"** (nuôi cho tốt con trẻ nhà mình, có sức mới mở rộng thương các đứa trẻ khác trong xã hội); **"lão ngô lão dĩ cập nhân chi lão"** (kính dưỡng cha mẹ người già nhà mình, có sức mới dưỡng cha mẹ của ngươi, dưỡng cha mẹ của mọi người trong xã hội). Này! Thế các ông Phật gia thì sao? Không thế! Từ bi là bình đẳng yêu hết thảy chúng sinh; chúng sinh đông thế, yêu kiểu nào cho hết?

Nhà lý học giả sử Phật Thích Ca Mâu Ni cùng Khổng Tử đứng bên bờ sông, thấy mẹ của cả hai cùng rơi xuống nước, xin hỏi Phật Thích Ca sẽ xử thế nào? Cứu mẹ mình trước, hay cứu mẹ Khổng Tử trước? Nếu cứ mẹ mình trước thì chưa đủ từ bi, vì chúng sinh bình đẳng, hai bà mẹ đều phải cứu chứ! Nho gia thì khác: lúc ấy Khổng Tử sẽ chẳng khách khí, lao xuống cứu mẹ mình trước, rồi lại lao xuống cứu mẹ của ông kia; có trình tự rõ ràng như vậy. Cái gọi là **"thân thân"** (亲亲 - thân yêu người thân của mình trước tiên): sắp xếp ổn thỏa người thân mình đã, rồi mới mở rộng

tấm lòng ra; thế mới gọi là công. **"Nhân dân"** (仁民 - mở lòng nhân ra thương người): thương người, thương xã hội; thương trọn giống người rồi, mới tới **"ái vật"** (爱物 - yêu muôn loài vật). Con đường ấy có trình tự từng bậc của nó. Đạo lý này chúng ta phải nắm cho rõ.

Ở đây Trang Tử ngang với việc chẳng phê phán Nho gia, song hạ một lời chú: **"hữu thân, phi nhân dã"** (còn vướng tình thân riêng, chưa phải nhân). Nhân từ nghĩa là thương trọn thiên hạ, không có lòng riêng; giữa lòng còn kẻ thân người ghét, còn chỗ ưu ái riêng, thì đã lạc mất mục đích tối cao của nhân. Nếu là một vị đại tông sư, đạo của thánh nhân, tình thương là phổ quát: tựa cơn mưa xuống, chẳng phải gặp rau cải củ cải hay nhân sâm đương quy thì tưới thêm một chút, gặp thuốc độc ớt cay thuốc mê thì tưới bớt vài giọt; chẳng phải vậy, mà tốt xấu đều bình đẳng như nhau. Cho nên nói: **"hữu thân, phi nhân dã"** (còn vướng tình thân riêng, chưa phải nhân).

"Thiên thời, phi hiền dã" (kén chọn thời trời, chưa phải bậc hiền). Đây cũng là lời phê phán Nho gia của thời Xuân Thu Chiến Quốc. Khi giảng bộ *Mạnh Tử* thì nhất định tôi bênh vực Mạnh Tử; giờ xin lỗi, tôi đã hết bổn phận bênh Mạnh Tử rồi; bây giờ tôi giảng Trang Tử, nhận tiền của ông rồi thì phải đứng về phía ông mà nói. Khổng Tử trong *Luận Ngữ* có nhắc: **"hiền giả tị thế, kỳ thứ tị địa"** (người hiền tránh đời, kế đó tránh đất); đạo thánh hiền Nho gia nói: chưa tới thời thì chẳng ra, hoàn cảnh xã hội chẳng thuận thì chẳng ra. Nhưng Trang Tử cho rằng thánh hiền đích thực không có lòng vì mình, nên mặc thời trời hợp hay không vẫn phải ra, càng gian nan khốn khổ càng phải ra; thế mới là đạo thánh hiền thật sự. Nhưng rồi ông quay lại: **"lợi hại bất thông, phi quân tử dã"** (chẳng thông suốt đường lợi hại, chưa phải quân tử). Câu này cũng hơi có mùi mắng người Nho gia, bác bỏ chỗ Nho gia đôi khi chẳng thông suốt được mất. Trên lịch sử thấy nhiều người Nho gia đọc sách chết chữ đều mang cái dáng ấy; Trang Tử sống thời ấy trước sau cũng chứng kiến nhiều; nên ông cho rằng lớp trí thức này chưa đắc đạo, chẳng hiểu then chốt của được mất.

Cái gọi là thông suốt được mất của Đạo gia thông kiểu nào? Trên lịch sử văn hóa thường có cuộc cãi vã. Lý thuyết Nho gia chủ trương cái gọi là "nhận mệnh giữa lúc nguy nan": thời đại càng gian khổ càng phải đứng ra, cứu xã hội, cứu quốc gia, cứu thiên hạ. Nhưng nhân vật Nho gia trên lịch sử Trung Hoa, người thật sự làm được chuyện nhận mệnh lúc nguy nan chẳng nhiều, kẻ bất đắc dĩ thì nhiều lắm. Đạo gia nhìn bề ngoài dường như không theo lối nhận mệnh lúc nguy nan; đa số cho rằng dòng cuồng lan của thời thế không vớt ngược nổi, nên chọn lối ẩn sĩ. Nho gia trên lịch sử thường tôn vinh cái **"trung lưu để trụ"** (cột đá chống giữ giữa dòng lớn), hay **"đảo vãn cuồng lan"** (vớt ngược dòng nước dữ), khí phách đều lớn lắm. Trung lưu để trụ, ví như cơn bão vừa qua, nước lũ từ hồ Thạch Môn đổ xuống, một người đứng giữa dòng mà chặn nước, e rằng sớm bị nước cuốn đi mất, chẳng giữ nổi cái trụ đâu. Cho nên Đạo gia không làm chuyện ngu ngốc ấy; cột đá giữa dòng nhìn thì vĩ đại, nhưng giữa dòng chảy của thời thế, ngoài chuyện một mạng người bỏ mạng, một cái tên ghi lại lịch sử, thì chẳng góp gì cho xã hội, chẳng bù đắp gì cho quốc gia.

Đạo gia cho rằng phải thuận theo thế tự nhiên, tức cái gọi là đạo ứng dụng; biết rõ dòng lũ đổ xuống thì đê ngăn chẳng nổi, nên phải tính lượng mưa to nhỏ, dòng chảy xa gần, đợi nước tới điểm then chốt, đào mở một con mương, thuận thế dìu nhẹ dòng nước đi. Chánh trị cũng vậy: vận dụng cái gọi là **"tứ lạng bát thiên cân"** (bốn lạng dời nghìn cân), chỉ vài đường nhẹ nhàng mà xoay ngược được cả thời đại. Cho nên đạo cứu thế phải thông suốt được mất; chẳng thông suốt được mất thì chưa phải quân tử.

Đứng trên lập trường Đạo gia nhìn lại, Nho gia sao mà nhút nhát vô dụng đến thế! Song lời ấy lại chẳng thể nói thế được. Quay lại xem tư tưởng Khổng Tử trong *Kinh Dịch*: thật sự nghiên cứu Khổng Tử, không thể chỉ lấy *Tứ thư Ngũ kinh* làm đại diện; trong *Tứ thư*, bộ *Luận Ngữ* có hai phần mười nói về học trò, chỉ một phần nhỏ nói về Khổng Tử.

Muốn nghiên cứu tư tưởng thật sự của Khổng Tử, *Kinh Dịch* mới là nơi chứa đựng tư tưởng của ông nhiều hơn; ngoài ra, phải thông suốt tận sâu bộ *Xuân Thu* mới hiểu được Khổng Tử.

Bàn về *Xuân Thu*, nói về *Sử ký*

Chính Khổng Tử cũng từng nói: **"tri ngã giả Xuân Thu, tội ngã giả Xuân Thu"** (hiểu ta nhờ cuốn *Xuân Thu*, trách ta cũng nhờ cuốn *Xuân Thu*). Về sau Tư Mã Thiên soạn *Sử ký*, noi theo tư tưởng của Khổng Tử mà thốt ra hai câu: **"tàng chi danh sơn, truyền chi kỳ nhân"** (giấu vào núi danh, truyền cho người xứng). Lời ấy ngạo mạn thay! Mắng cho sạch bọn người đương thời: các ngươi chẳng hiểu nổi, bản sách cũng chẳng buồn mở ra, thì ta đành giấu vào núi danh, mai hậu tất có một kẻ thông minh đời sau sẽ hiểu được. Vì thế người ta bảo *Sử ký* là một bộ sách báng trách thời thế của nhà Hán. Song Tư Mã Thiên thật vĩ đại, Hán Vũ Đế cũng thật vĩ đại, đến con cháu các đời sau nữa cũng đều vĩ đại, đã chẳng hề tiêu hủy *Sử ký*.

Tư Mã Thiên viết về hai con người Lưu Bang với Hạng Vũ: truyện Hạng Vũ xếp vào bản kỷ, truyện Lưu Bang cũng xếp vào bản kỷ; tuy một người thành công, một người thất bại, nhưng xét trên một phương diện, hai người là như nhau. Cách nhìn ấy có thể nói là chỗ phi thường của Tư Mã Thiên, và ông cũng nhìn rõ đương thời sẽ chẳng ai hiểu nổi, bởi *Sử ký* rất khó đọc thấu. Ví như ông viết một thiên truyện, phần kể về người đó toàn điều tốt; còn mặt xấu chỉ có trong truyện của những ai có liên hệ tới người ấy. Cho nên muốn nghiên cứu một con người, bắt buộc phải đọc hết mọi tư liệu liên quan trong cả cái thời đại ấy; việc đó quả không dễ.

Khổng Tử soạn *Xuân Thu*, cuối cùng lại tuyên bố: **"tri ngã giả Xuân Thu"** (muốn hiểu ta phải qua *Xuân Thu*). *Xuân Thu* là một quyển sách, làm sao hiểu được Khổng Tử? Ý Khổng Tử là: tương lai các ngươi muốn thật sự hiểu ta, trừ phi thật sự thông *Xuân Thu*. Chữ **"tội ngã giả Xuân Thu"** (muốn trách ta cũng phải qua *Xuân Thu*), nghĩa là tương lai các ngươi muốn đủ tư cách mắng ta, cũng phải nghiên cứu cho thông *Xuân Thu* đã. Nên thuở nhỏ chúng tôi, những sách như *Xuân Thu*, *Chiến Quốc sách*, cùng tiểu thuyết *Tam Quốc diễn nghĩa*, đều bị cấm đọc; nền giáo dục cũ cho rằng đọc vào sẽ học hư. Bởi *Xuân Thu* chính là mưu lược lớn, chính là binh pháp lớn, nên Khổng Tử mới có lời "tội ngã giả Xuân Thu".

Vì sao dẫn tới những chuyện này? Trong *Kinh Dịch*, Khổng Tử nói: **"tri tiến thoái tồn vong, nhi bất thất kỳ chính giả, kỳ duy thánh nhân hồ"** (biết điều tiến thoái, tồn vong mà chẳng đánh mất cái chính, chỉ có bậc thánh nhân chăng!). Chỉ thánh nhân mới thật sự hiểu then chốt của lợi hại, đạo tiến thoái tồn vong mà vẫn chẳng đánh mất cái chính. Giả sử chẳng biết đạo tiến thoái tồn vong, thì chẳng phải thánh nhân; cách nhìn này đồng hẳn một lẽ với Đạo gia. Cho nên Trang Tử nói: **"lợi hại bất thông, phi quân tử dã"** (lợi hại chưa thông suốt, chẳng phải quân tử). Đây chẳng phải nói quân tử kém thánh nhân một chút; nếu lấy bằng cấp để ví von thì thánh nhân ngang tiến sĩ, quân tử ngang thạc sĩ, tốt nghiệp đại học còn kém hơn nữa; chúng tôi đây chỉ ví von đại khái thôi!

"Hành danh thất kỷ, phi sĩ dã" (theo danh mà đánh mất mình, chẳng phải kẻ sĩ): trong lịch sử nhiều người vì chuộng danh, cầu danh, cái gọi là để lại danh muôn đời, "thất kỷ", tức đánh mất luôn chính mình; "phi sĩ dã", tức chẳng đủ tư cách làm trí thức. Cho nên tôi thường nói với các bạn trẻ, chuyện hai quan niệm danh và lợi thì không thể không nhắc tới một người Nhật: đại thần thời Duy tân Minh Trị Y Đằng Bác Văn. Trong thời Trung hưng cuối nhà Thanh, ông là đối thủ ngoại giao của Lý Hồng Chương; Y Đằng Bác Văn thuộc lớp du học sinh sang Anh đầu tiên của nước Nhật, đem khí sắc Tây phương về giới thiệu cho nước mình, khiến Nhật Bản đổi khác. Ông có hai câu danh ngôn: **"kế lợi ứng kế thiên hạ lợi, cầu danh đương cầu vạn thế danh"** (tính lợi hãy tính lợi cho thiên hạ, cầu danh hãy cầu danh muôn thế). Đó là trọn vẹn tư tưởng văn hóa Trung Hoa, càng diễn đạt đầy đủ hơn nữa tư tưởng Nho gia.

Cho nên nói, nếu chỉ vì danh riêng một thân mình, theo danh mà đánh mất mình, thì phi sĩ dã, chẳng đủ tư cách gọi là trí thức.

Nói tới đây lại phải dẫn thêm tư tưởng của Tư Mã Thiên. Tôi thường nói *Sử ký* chẳng phải một bộ lịch sử, mà là một bộ triết học lịch sử; nhất là trọng điểm học vấn của *Sử ký* chẳng phải ở mấy thiên truyện như Hán Cao Tổ, Hạng Vũ, mà ở tám chuyên luận bên trong, gọi là bát thư. Đó là *Thiên quan thư* bàn về thiên văn, *Bình chuẩn thư* bàn tư tưởng kinh tế, rồi *Lễ*, *Nhạc*, *Luật*, *Lịch*, *Phong Thiền*, *Hà Cừ*. Ngoài ra còn một thiên *Bá Di liệt truyện*, trong đó có ba câu **"liệt sĩ tuẫn danh, khoa giả tử quyền, chúng thứ phùng sinh"** (bậc liệt sĩ đem mạng vì danh, kẻ kiêu cuồng bỏ mạng vì quyền, chúng dân níu giữ sự sống), bao hàm rất nhiều tư tưởng, nói về triết học nhân sinh. Riêng cụm "liệt sĩ tuẫn danh": thấy chữ liệt sĩ, chớ vội nghĩ ngay tới thất nhị liệt sĩ Hoàng Hoa Cương; cứ nghĩ vậy thì khỏi cần nghiên cứu văn hóa Trung Hoa nữa. Danh xưng liệt sĩ trong *Sử ký* là mượn theo văn cổ; thời văn cổ, liệt sĩ nghĩa là anh hùng như ngày nay ta nói; thời đại khác thì quan niệm cũng đổi khác.

Cái gọi là anh hùng trên đời này: **"tuẫn danh"** (đem mạng vì danh), vì muốn thành danh nên sinh mạng chẳng tiếc gì; đem mạng mình đặt ra như đặt cược tiền bạc, như thế mới đủ gọi anh hùng. Chữ **"tuân"** (徇 - đem thân mạng ra hiến) này ngang với trò đánh bài, đem mạng mình đặt xuống làm tiền cược cuối cùng. **"Khoa giả"** (夸者 - kẻ kiêu cuồng khoe khoang) là kẻ cuồng điên, người mang trạng thái tinh thần thần kinh thất thường, như đám gã được gọi là anh hùng chủ trương độc tài cận đại, Hitler với Mussolini, hạng ưa khống chế người, ưa giành quyền. **"Tử quyền"** (chết vì quyền): vì ham muốn quyền lực, sẵn sàng đem mạng mình ra đánh cuộc; nói cách khác, các ngươi có muốn thành danh không? Muốn thành danh thì phải đem mạng ra liều, đem mạng ra đánh cuộc. Các ngươi có muốn quyền lực không? Muốn có quyền, ngồi im thì nó chẳng tự đến, cũng phải đem mạng ra liều; **"khoa giả tử quyền"** (kẻ kiêu cuồng bỏ mạng vì quyền), biết đâu cuối cùng lại làm anh hùng, làm đế vương.

Còn **"chúng thứ"** (quần chúng), tức thứ dân bá tánh bình thường thì sao? Những người dân thường như chúng ta, chính là **"phùng sinh"** (níu giữ sự sống): đừng tìm đến phiền ta, chỉ cần cho ta ăn no, mặc ấm, đêm có chỗ tử tế để ngủ, sống qua ngày kiểu ấy là được rồi. Ba câu ấy chính là triết học nhân sinh. Dẫu ông Trương nào đó đến hay ông Lý nào đó đến, ai đến cũng chẳng sao; miễn đừng làm phiền ta, đừng đòi hỏi ta đóng tiền, đừng bấm chuông cửa nhà ta, đừng kiểm soát ta, là ổn. Cho nên "liệt sĩ tuẫn danh" chính là "hành danh thất kỷ"; Trang Tử phê bình thêm một tầng: như thế là "phi sĩ dã", chưa đủ tư cách trí thức.

"Vong thân bất chân, phi dịch nhân dã" (thân đã mất mà chẳng chân thật, chẳng phải kẻ sai khiến người). Thế nào gọi là **"dịch nhân"** (役人 - kẻ sai khiến người)? Phục vụ giúp người gọi là dịch; dịch nhân là kẻ lãnh đạo người khác; giữa thêm một chữ **"vu"** (于), thành **"dịch ư nhân"** (役于人 - kẻ bị người sai khiến). Con người phân loại, đại khái chỉ có hai thứ: hoặc ta nghe ngươi, kể cả vợ chồng bạn bè; hoặc ngươi nghe ta, dù là vợ chồng bạn bè hay người ngoài xã hội; nếu ngươi chẳng chịu nghe ta, ta cũng chẳng nghe ngươi, thì chịu thua. Cho nên người xưa có câu: một kẻ vừa chẳng chịu nhận mệnh lệnh của ai, vừa chẳng thể phát lệnh cho ai, kẻ ấy là phế nhân, chẳng dùng được.

Theo cách nhìn này, chẳng phải ta nghe ngươi, thì là ngươi nghe ta; chẳng có đường lối giữa, ai cũng phải nghe một người. Vậy người phải làm sao mới sai khiến được người? Làm sao trở thành một vị lãnh đạo đích thực? Kết luận của ông là phải "vong thân", tức vô ngã: chẳng còn cả bản thân mình, đến mạng này cũng chẳng cần nữa. Nếu "vong thân bất chân", chưa làm được tới chân vô thân, chân vô ngã, thì chẳng thể làm người lãnh đạo. Câu này là lời kết luận. Vậy phải làm sao mới vô ngã được? Như thiên *Đại Tông Sư* giảng, chỉ người đắc đạo mới thật sự làm được vô ngã; vì thế phía dưới nêu lên một số người để làm gương.

Cao sĩ dưới mắt Trang Tử

Nhược Hồ Bất Giai, Vụ Quang, Bá Di, Thúc Tề,
Như Hồ Bất Giai, Vụ Quang, Bá Di, Thúc Tề,

Cơ Tử Tư Dư, Kỷ Tha, Thân Đồ Địch,
Cơ Tử Tư Dư, Kỷ Tha, Thân Đồ Địch,

thị dịch nhân chi dịch, thích nhân chi thích,
đều làm việc người khác sai khiến, đạt cái thú của người khác,

nhi bất tự thích kỳ thích giả dã.
mà chẳng tự đạt lấy cái thú của chính mình vậy.

Mấy người ấy đều là nhân vật trong *Cao Sĩ truyện*. Như "Hồ Bất Giai, Vụ Quang" là ẩn sĩ thời Hoàng Đế, bậc cao nhân tối cao trước thời tổ tiên người Trung Hoa. "Bá Di, Thúc Tề" là cao sĩ đời Chu. Cơ Tử tên là Tư Dư. Cả đám người này, lịch sử đều tôn vinh là ẩn sĩ.

Nhân tiện nói tới cái gọi là ẩn sĩ: người nghiên cứu lịch sử triết học, lịch sử văn hóa Trung Hoa phải chú ý đặc biệt; tôi xem tác phẩm của gần trăm năm qua, hình như phần ẩn sĩ chưa được làm sáng tỏ. Văn hóa Trung Hoa mấy nghìn năm qua, thứ ảnh hưởng sâu rộng nhất chẳng phải Khổng Mạnh, cũng chẳng phải Lão Trang, mà là ẩn sĩ. Có một học viên theo đúng quan niệm ấy viết luận án tiến sĩ, viết sáu năm vẫn chưa xong, vì tư liệu tìm chẳng đầy đủ, khổ sở lắm.

Bằng chứng gì cho thấy tư tưởng ẩn sĩ ảnh hưởng quan trọng đến thế đối với lịch sử văn hóa? Từ đời Tam Đại trở lại đây, qua chuyện lịch sử Đường Nghiêu muốn thiện nhượng ngôi cho Hứa Do, lần giở xem suốt dòng lịch sử, đâu đâu cũng kiếm được tư liệu.

Như Hán Cao Tổ Lưu Bang lên ngôi hoàng đế rồi, vì người phi tần được yêu thương là Thích Cơ, nên muốn đổi ngôi thái tử của con Lữ Hậu sang cho con Thích Cơ là Như Ý; kết quả Lữ Hậu tìm đến Trương Lương xin kế. Trương Lương nói: chẳng có cách nào, trừ phi mời được Thương Sơn tứ hạo hạ sơn làm thầy thái tử thì mới được. Hán Cao Tổ nhìn thấy, kinh ngạc: Thương Sơn tứ hạo là bậc cao nhân đấy! Ta mời còn chẳng động, thế mà thái tử lại mời được! Thái tử không thể đổi nữa, sau này ngôi hoàng đế ngồi vững chắc rồi. Một bậc anh hùng như Hán Cao Tổ mà vẫn bị mấy lão ông này xoay chuyển. Vì sao? Chẳng lẽ với cái tính lưu manh của mình, Hán Cao Tổ lại thật sợ võ công cao cường của mấy lão già này sao! Chẳng phải lý do ấy; đó là nhờ sức mạnh lớn nhất của tư tưởng ẩn sĩ. Xét theo triết học chính trị phương Tây, đó là chủ nghĩa bất đồng ý kiến; tư tưởng ẩn sĩ chẳng phải phản đối, song cũng chẳng phải tán thành, chỉ đứng bên lề mà nhìn; theo lối nói của chính trị dân chủ, là giữ lá phiếu mà không bỏ.

Tư tưởng ẩn sĩ Trung Hoa các đời nào cũng phát tác dụng ấy, nên hoàng đế các đời đều e dè mặt này; đến khi quân Thanh tràn vào cửa ải, Khang Hy vẫn nghĩ hết mọi cách thu nạp những người thuộc phái bất đồng ý kiến; trong một trăm năm ba đời Khang Hy, Ung Chính, Càn Long, triều đình mở mấy khoa Bác học hồng từ, không cần thi cử mà mời thẳng những nhân vật ấy vào. Vài ẩn sĩ bất mãn chính quyền nhà Thanh, cuối cùng cũng bị Khang Hy, Càn Long moi ra hết. Có người đề thơ châm biếm rất cay độc rằng:

Nhất đội Di Tề hạ Thủ Dương, kỷ niên quan vọng hảo thê lương. (cả một đoàn Di Tề xuống núi Thủ Dương; mấy năm trông ngóng, cảnh thật thảm đạm hiu quạnh)

Tảo tri vi quyết chung nan bảo, hối sát vô đoan gián Vũ Vương. (sớm biết rau vi rau quyết rốt cuộc khó lòng no bụng; hận tận xương vì vô cớ can ngăn Vũ Vương)

Đám di lão nhà Minh vốn đều muốn làm Bá Di, Thúc Tề, quyết chẳng hàng phục; cuối cùng đều bị nhà Thanh mời ra hết. Họ tựa như Bá Di, Thúc Tề trên núi Thủ Dương, ăn rễ cỏ chẳng no bụng, nên cả đoàn Bá Di, Thúc Tề lần lượt xuống núi Thủ Dương, quy thuận triều đình nhà Thanh.

Loại ẩn sĩ ấy đại diện cho tư tưởng Đạo gia, đóng vai trò rất trọng yếu trên vũ đài lịch sử, mãi đến đời Thanh vẫn thế. Hồi Viên Thế Khải muốn xưng hoàng đế, cũng chịu đòn đánh nặng nề từ tư tưởng này; khi ấy Trương Kiển, vị trạng nguyên xứ Nam Thông, từng là thầy của Viên Thế Khải, cũng đứng về phe bất đồng ý kiến. Cho nên tư tưởng ẩn sĩ, trên các chính quyền các đời Trung Hoa, bao giờ cũng giữ trong tay một lá phiếu phủ quyết; sức mạnh ấy chính là tinh thần văn hóa.

Phía trên nói tới thời Khang Hy nhà Thanh chiếu tập một lớp học giả danh nhân vốn muốn làm cao sĩ kiểu Bá Di, Thúc Tề; trong số ấy có thi nhân Ngô Mai Thôn, nổi danh lắm trên văn đàn; ông nhiều phen khước từ lệnh chiếu của nhà Thanh, cuối cùng triều Thanh nắm mẹ ông làm con tin mà đe dọa, ông đành bước ra. Dĩ nhiên Ngô Mai Thôn có đạo lý riêng: giả sử mẹ không còn, ông có thể làm trung thần; trung thần là món vốn lỗ nặng, có khi phải trả giá bằng một mạng. Ông vốn định làm trung thần, nay mẹ vẫn còn, chẳng làm nổi trung thần, nên thơ ông có hai câu: **"phù sinh sở khiếm duy nhất tử, nhân thế vô do thức cửu hoàn"** (kiếp phù sinh thiếu nợ duy nhất một cái chết, giữa nhân thế chẳng còn đường chuộc lại), cả đời khiếm khuyết duy nhất là hồi ấy chưa chết đi, muốn cứu nước cứu dân trở lại nữa cũng hết cách.

Ngô Mai Thôn bất đắc dĩ ra đầu hàng, sắp nhận chiếu vào diện kiến hoàng đế; việc ấy còn đau đớn hơn đeo xiềng còng. Khi ấy nhà Thanh huy động các danh sĩ học giả vùng Giang Chiết đến tiễn đưa, đồn nhau là đại hội tiễn biệt hơn nghìn người. Đúng lúc hội nghìn người đang nhóm, có một người trẻ tuổi, chừng cũng tinh nghịch như các bạn bây giờ, đưa đến một lá thư; Ngô Mai Thôn mở ra xem, đến nghìn người kia mặt cũng xanh lét, trong thư là một bài thơ:

Thiên nhân thạch thượng thiên nhân tọa, nhất bán Thanh triều nhất bán Minh. (trên đá Thiên Nhân nghìn người ngồi; một nửa người nhà Thanh, một nửa còn nhà Minh)

Ký ngữ Lâu Đông Ngô học sĩ, nhất triều thiên tử lưỡng triều thần. (nhắn gửi học sĩ họ Ngô xứ Lâu Đông: một triều thiên tử mà kẻ thần hai triều)

Quê Ngô Mai Thôn ở Lâu Đông, tỉnh Giang Tô, nơi có một tảng đá tên là đá Thiên Nhân; đại hội chào mừng mở ngay tại đó. Một lá thư như vậy mắng cho tan nát, từng người một lén lút rút đi hết. Việc ấy đại biểu cho tinh thần văn hóa Trung Hoa: tư tưởng phái ẩn sĩ với cái gọi là quyền bất đồng ý kiến, bao giờ cũng phát tác dụng rất lớn trong dân tộc này. Cho nên kẻ làm chính trị lớn phải hiểu đạo lý này; quyền bất đồng ý kiến của văn hóa phương Tây cũng giống tư tưởng phái ẩn sĩ.

"Thị dịch nhân chi dịch, thích nhân chi thích, nhi bất tự thích kỳ thích giả dã" (đều làm việc người khác sai khiến, đạt cái thú của người khác, mà chẳng tự đạt lấy cái thú của chính mình vậy): những kẻ lịch sử gọi là cao sĩ, nhìn dưới ánh mắt Đạo gia chính thống, vẫn thuộc loại chẳng nên trò trống gì; bỏ một mạng vào đó, vừa chẳng cứu nổi nước cứu nổi thiên hạ, vừa chẳng thành nổi đạo nghiệp của mình, thật chẳng ra làm sao. Ví như nhà người ta cháy, ngươi chẳng chịu chủ động đi chữa cháy, nhưng lại đứng bên đám lửa gào lên hết sức; gào lên thì được tích sự gì? **"Dịch nhân chi dịch, thích nhân chi thích"** (làm việc người khác sai khiến, đạt cái thú của người khác): người ta

đang bận, hắn cũng đứng bên cạnh mà bận; bảo hắn vào cùng làm, hắn lại từ chối, làm thành dở dáng chẳng ra gì. Còn **"nhi bất tự thích kỳ thích giả dã"** (chẳng tự đạt lấy cái thú của chính mình): cuộc đời nên an bài thế nào, hắn cũng chẳng hiểu. Trang Tử chê đám cao sĩ này rẻ rúng chẳng đáng xu nào. Chúng ta đặc biệt nhấn mạnh một điểm: ở đây Trang Tử đang giảng tư tưởng nhập thế của *Đại Tông Sư*; để giải tỏ đạo lý mấy câu ấy, bây giờ xin nêu thêm một người.

Nghiêm Tử Lăng và Hán Quang Vũ

Thời Đông Hán, Nghiêm Tử Lăng là bạn cùng học với Quang Vũ đế. Thực ra ông vốn họ Trang; vì muốn trốn danh ẩn danh để làm cao sĩ nên đổi sang họ Nghiêm, về sau sử sách quen gọi là Nghiêm Tử Lăng. Khi Hán Quang Vũ Lưu Tú lên làm hoàng đế, ông chẳng tán thành, cũng chẳng phản đối, bèn lánh đi ở ẩn; việc ấy có lý do riêng của ông, tra sử sách vẫn tìm được tư liệu. Thuở ấy Hán Quang Vũ cai trị Trung Quốc mà còn hai miền Tây chưa thống nhất: một là Lũng Tây ở tây bắc, hai là Tây Thục ở Tứ Xuyên. Vùng tây bắc bấy giờ lấy Ngỗi Hiêu làm tướng phe đối lập. Có lần Ngỗi Hiêu phái thuộc hạ là Mã Viện thay mặt phía tây bắc đi thăm Hán Quang Vũ đế. Mã Viện và Quang Vũ đế nói chuyện rất tâm đầu ý hợp; trở về tây bắc, Ngỗi Hiêu hỏi ông: Lưu Tú nhà Quang Vũ so với tổ tiên nhà ấy là Lưu Bang thì thế nào! Mã Viện đáp: theo tôi thấy thì ngang tài ngang sức.

Các bạn hãy chú ý đấy! Mã Viện là thuộc hạ của Ngỗi Hiêu; Ngỗi Hiêu mới là thủ lĩnh, là ông chủ; phái Mã Viện làm đại biểu hiệp thương chính trị đi thăm Hán Quang Vũ. Kết quả ông chủ hỏi rằng Lưu Tú so với Lưu Bang thì thế nào, tuy Mã Viện bảo ngang nhau, nhưng rồi ông nói có mấy điểm khác với ông tổ nhà ấy: thứ nhất, Lưu Bang khoáng đạt đại lượng, khí phách đủ đầy, người rất hào sảng; điểm này Hán Quang Vũ cũng như vậy. Điểm thứ hai! Lưu Bang chẳng ham đọc sách, lại thích mắng người; Lưu Tú ham đọc sách, học vấn lại tốt, biện tài cũng tốt, mà chẳng mắng ai cả. Mã Viện thân làm kẻ dưới, chẳng tiện nói chủ công còn hơn cả, đành phải đem tổ tiên nhà họ ra mà so. Còn một điểm rất khác nữa: ông ta chẳng thích rượu chè. Ngỗi Hiêu nghe xong liền nói: nhìn vậy thì còn hơn cả Hán Cao Tổ. Sự thực vốn đã hơn cả Hán Cao Tổ! Nhưng chẳng tiện nói thẳng, chỉ có thể nói vòng thế ấy; đó chính là cái làm nên Mã Viện là Mã Viện, biết ăn nói đến nhường nào!

Hán Quang Vũ có nhiều ưu điểm như thế, cuối cùng thành công trên thiên hạ, chẳng giết hại một công thần nào; đáng nể biết bao! Chẳng giống các bậc đế vương các đời, chẳng giống Hán Cao Tổ hay giết hại công thần. Vậy sao với Nghiêm Tử Lăng vẫn còn chỗ không tán thành? Dĩ nhiên có lý do riêng của ông. Chúng ta nghiên cứu lịch sử phải chú tâm đúng những chỗ như thế này; đọc thông lịch sử rồi, lịch sử chính là nhân sinh, ta mới hiểu đạo lý làm người. Về sau khi thành cao sĩ, Nghiêm Tử Lăng lánh ẩn nơi huyện Đồng Lư, tỉnh Chiết Giang, buông câu bên sông Phú Xuân. Bấy giờ để tìm người bạn này, Hán Quang Vũ xuống lệnh lục tung khắp thiên hạ; sau đó có kẻ thấy ở huyện Đồng Lư một người mặc ngược áo lông đang ngồi câu cá, mới tìm ra được Nghiêm Tử Lăng. Ngày nay trên phố, mốt nhất là mặc áo lông ngược lông ra ngoài; nhưng thời Hán, áo lông phải mặc ở trong lớp áo ngoài.

Hôm qua có một học trò ở Hồng Kông mua giúp tôi một chiếc áo lông cũ. Tôi bảo chẳng biết nó từng theo xác người chết nào nữa, mặc thì cứ mặc! Mặc vào rồi, chúng tôi phỏng đoán đây áo của dân thường, chẳng phải của quan lại. Vì thuở cổ quan lại mặc áo lông chẳng dám lộ ra ngoài: trong áo lông phải thêm một lớp lót che kín phần lông da, ngoài khoác thêm chiếc áo phủ, tỏ ra khiêm nhường. Tuy là làm ra vẻ, nhưng đằng sau cái làm ra vẻ ấy có văn hóa Trung Hoa: ghét cay ghét đắng sự xa hoa lãng phí, lấy phú quý ra kiêu người. Áo lông của quan lại, mép áo hé ra một chút lông; dân thường chẳng dám thế, nên lông chẳng lộ ra, mà áo lại cắt rất ngắn, chẳng phải trường bào. Thuở cổ phải có công danh địa vị mới được mặc trường bào; nên người đọc sách có công danh trở về quê được gọi là sĩ thân.

Chữ **"thân"** (绅 - dải lưng lớn) tức là dải đai rộng, áo phải thật dài; dân thường chẳng dám mặc dài như thế. Toàn những chuyện văn hóa thế này; chẳng kể ra, mai sau chúng tôi khuất bóng rồi, các bạn làm gì hay biết.

Trên đài câu, Nghiêm Tử Lăng bị tìm ra chính nhờ tấm áo lông mặc ngược. Hán Quang Vũ mời ông ra làm quan, nói thế nào ông cũng không chịu. Nhà vua bảo: đêm nay hai đứa ta ngủ chung một giường, coi như vẫn là bạn học. Thế là ngủ tới nửa đêm, Nghiêm Tử Lăng cố ý đưa chân đặt lên bụng hoàng đế, đè lên đó mà ngủ. Hán Quang Vũ chẳng dám nhúc nhích, tỏ thái độ ta tuyệt chẳng bày bộ dạng hoàng đế, hai đứa ta vẫn là bạn học, rốt cuộc ngươi phải tới giúp ta chứ; hôm sau ông vẫn cứ từ chối mà ra đi.

Đó là chuyện Nghiêm Tử Lăng; sử sách đều khen ông thanh cao, tới đời Thanh mới có người bảo ông chẳng thanh cao. Một người đọc sách lên đường thi lấy công danh, ngang qua đài câu của Nghiêm Tử Lăng, đề ngay một bài thơ:

Quân vi danh lợi ẩn, ngô vi danh lợi lai. (ông ẩn dật vì danh lợi, tôi đến đây cũng vì danh lợi)

Tu kiến tiên sinh diện, dạ bán quá điếu đài. (thẹn chẳng còn mặt nhìn tiên sinh, nửa đêm lén lút đi ngang đài câu)

Ông kia ẩn mình trốn danh, tôi đến đây vì khoa cử công danh; bởi vậy tôi chẳng còn mặt mũi nhìn mặt ông, đành nửa đêm lẻn qua đài câu của ông. Viên Tử Tài (Viên Mai) trong *Tùy Viên thi thoại* đã hết lời ngợi ca bài thơ này hay. Song lại có người nêu ý kiến trái ngược, cho rằng Nghiêm Tử Lăng chẳng đáng giá đồng nào, vị ẩn sĩ ấy là giả; có bài thơ rằng:

Nhất tập dương cừu tiện hữu tâm, hư danh truyền tụng đáo như kim. (một chiếc áo lông dương đã bày sẵn chủ tâm, cái danh hư truyền tụng cho đến tận nay)

Đương thời nhược trước toa y khứ, yên thủy mang mang hà xứ tầm. (nếu thuở ấy khoác chiếc áo tơi mà ra đi, khói nước mờ mịt, biết tìm ở phương trời nào)

Ý rằng ông mặc áo lông ngược ra ngoài, rõ ràng muốn báo cho thiên hạ biết ông đang ở đấy. Trên lịch sử, mọi người đều khen ông thanh cao, là ẩn sĩ; nhưng tôi thấy ông chỉ mượn danh chuộc tiếng, cố tình phô trương. Nếu ông thật lòng muốn làm ẩn sĩ, ngày ấy cứ đàng hoàng khoác chiếc áo tơi mà ra đi, giữa khói nước mênh mông, biết tìm ông nơi đâu?

Lại có người dẫn thơ Lục Phóng Ông bàn triết học ẩn sĩ; đối với tư tưởng ẩn sĩ, ông ta đề cao vô cùng.

Chí sĩ thê sơn hận bất thâm, nhân tri dĩ thị phụ sơ tâm. (bậc chí sĩ ẩn nơi núi chỉ hận chưa đủ sâu; một khi người đời đã biết đến là đã phụ mất lòng ban đầu)

Bất tu canh thuyết Nghiêm Quang bối, trực tự Sào Do thác đáo kim. (chẳng cần nói gì tới hàng Nghiêm Quang, ngay từ Sào Phủ và Hứa Do đã sai rồi cho tới nay)

Thực có chí làm bậc cao nhân ẩn sĩ, chẳng cầu công danh phú quý, thì lẽ ra vào núi chỉ lo chưa đủ sâu, sẽ chẳng còn lăn lộn giữa chốn tục lụy này; mà vẫn còn ngồi tầng mười một này giảng Trang Tử, thì rốt cuộc cũng vì kiếm tiền, chẳng phải cao sĩ! Như Nghiêm Tử Lăng để cho thiên hạ đều biết là ẩn sĩ, thì đã lệch khỏi động cơ ban đầu, phụ mất tấm lòng thành thuở sơ khởi. Ai nấy cần gì phải chê trách Nghiêm Tử Lăng? Từ hai ẩn sĩ thượng cổ Sào Phủ và Hứa Do, sự sai ấy đã kéo dài mãi cho tới bây giờ.

Dẫn chứng nhiều thứ như vậy là để hiểu văn hóa Trung Hoa tôn vinh tư tưởng ẩn sĩ hết sức cao xa. Đây là tấm bảng hiệu tiêu biểu cho tinh thần văn hóa; đến những bậc cao sĩ, ẩn sĩ đã nổi danh từ trước trong lịch sử còn bị tư tưởng văn hóa soi xét phê bình, cái tư tưởng dân tộc này quả thực đặc biệt lạ thường. Cho nên chúng ta cần hiểu rằng tư tưởng Đạo gia hình thành nên học phái ẩn sĩ; ba nghìn năm nay, trải suốt lịch sử hai mươi sáu đời, học phái ấy chiếm một địa vị vô cùng trọng yếu. Và họ xuất hiện đúng lúc quốc gia thời thế lâm nguy, dẹp loạn trở về nền trị bình, cứu đời cứu người. Đợi thiên hạ thái bình rồi, nhiều người ra đi chẳng lưu lại nổi cả cái tên; tức điều Lão Tử nói: **"công toại thân thoái, thiên chi đạo dã"** (việc xong thì lui thân, ấy là đạo trời); đó là một mặt khác của văn hóa Trung Hoa. Các bạn trẻ nghiên cứu văn hóa Trung Hoa cần đặc biệt lưu tâm vấn đề này. Hơn trăm năm qua, hình như toàn bộ trước tác đều chẳng nhắc tới phương diện này, thậm chí bỏ quên, hoặc nói chẳng hiểu. Đoạn Trang Tử dẫn ra ấy, lý do của ẩn sĩ nằm ở đâu, chúng tôi thêm nhiều chuyện phiếm thế này, cũng chỉ để làm một lời minh giải.

Cảnh giới của chân nhân

Cổ chi chân nhân, kỳ trạng nghĩa nhi bất bằng.

Người thật của thuở cổ, dáng vẻ đầy cái nghĩa mà chẳng kết bè phái.

Nhược bất túc nhi bất thừa.

Tựa như đời đời thấy thiếu, mà chẳng nhận lấy gì cho mình.

Thuở thượng cổ, kẻ đủ tư cách tôn là đại tông sư: nhờ tu dưỡng nơi xuất thế mà thành tựu, làm nghiệp lớn nơi nhập thế, cứu đời cứu người được; những người ấy mới thật sự đắc đạo, gọi là chân nhân. Trang Tử nói những người này **"kỳ trạng nghĩa nhi bất bằng"** (dáng vẻ đầy cái nghĩa mà chẳng kết bè phái): hành vi nhập thế của họ biểu hiện hết sức nặng về nghĩa. Ở đây chẳng nêu chữ nhân (仁), chỉ nêu một chữ nghĩa (义): đó là tác dụng phát huy của lòng thương người. Nho gia giải chữ nghĩa theo lời Mạnh Tử: **"nghĩa giả nghi dã"** (nghĩa là hợp lẽ phải), là trung dung đạo làm người, vừa đúng phần vừa đúng chỗ.

Chữ nghĩa mà Mặc Tử giải lại mang chút khí hiệp khách: đi đường gặp chuyện bất công là rút đao trợ giúp, ấy chính là nghĩa. Thiên hạ có nạn, sẵn sàng từ đỉnh đầu đến gót chân hy sinh mà lợi thiên hạ, bỏ mạng mình cũng chẳng tiếc; đó là quan niệm của Mặc gia về nghĩa, gần với Đạo gia. Nghĩa Trang Tử nêu ở đây gần tư tưởng Mặc gia, chẳng phải chữ nghi (宜 - hợp lẽ) của Nho gia; ví như lửa bùng lên thì phải lao đi cứu, vội vã gánh nước, gánh chưa đủ lại đi gánh tiếp, lỡ gánh mệt quá thì thôi, mặc trời an bài, dù sao tôi cũng đã tận lực. Cho nên "cổ chi chân nhân, kỳ trạng nghĩa": hành vi biểu hiện ra có thể hy sinh cái tôi, lợi đời lợi người, làm vì nhân nghĩa; "nhi bất bằng": song ông chẳng kết đảng, chẳng có phái nhóm, chẳng mưu tư lợi, chẳng có tình cảm riêng tư, mà làm vì thiên hạ; chẳng mong ngươi đến nịnh hót ta, cũng chẳng mong có ông Trương ông Lý nào khen ta tốt. Nói như vậy là hữu vi mà vô vi: làm rồi thì làm rồi; cái gọi là cứu người cứu đời, hy sinh cái tôi, là nghĩa lẽ đương nhiên; việc đáng làm làm xong rồi cũng chẳng cần ngươi hay biết.

"Nhược bất túc nhi bất thừa" (tựa như đời đời thấy thiếu, mà chẳng nhận lấy gì cho mình): người đắc đạo của Đạo gia xử người xử thế đời đời chẳng bao giờ tự mãn, mãi mãi khiêm nhường. "Nhược bất túc": như thể đời đời chưa đủ, tự mình luôn thấy mình thiếu. "Nhi bất thừa": mà chẳng nhận tiếp điều gì, chẳng nghĩ cái gì thuộc về mình, chỉ có đem mình ra mà dâng. Thiên hạ quốc gia là của ngươi, ta giúp ngươi chỉnh đắp ổn thỏa rồi, ngươi cứ yên tâm mà trị vì, ta chẳng cần; công thành danh toại, lui thân ẩn dật. Trên lịch sử Đạo gia có nhiều người như thế: họ bảo đức thánh của mình còn kém, ngươi cứ làm là xong; mãi mãi giữ nết khiêm nhường.

Dữ hồ kỳ cô nhi bất kiên dã,

Hòa đồng với người mà vẫn giữ góc cạnh riêng, song chẳng cứng cỏi;

trương hồ kỳ hư nhi bất hoa dã.

mở rộng mà trong rỗng rang, song chẳng hoa mỹ.

Ông nói thái độ làm người nhìn bề ngoài rất có cạnh góc; thực ra người đắc đạo vuông trong tròn ngoài. Tuy với ai cũng hòa nhã, cái gì cũng thông, chẳng có điều gì bất khả; nhưng tự mình vẫn có cạnh góc của mình, song chẳng mang định kiến, chẳng cứng nhắc giữ ý riêng; thiên hạ cho thế ấy có lợi thì ông chịu tạm thuận theo. Cho nên **"trương hồ kỳ hư nhi bất hoa dã"** (mở rộng mà trong rỗng rang, song chẳng hoa mỹ): như Lão Tử nói, mãi mãi hư hoài nhược cốc (lòng rộng như thung lũng); như đóa hoa đã nở bung ra, mà nội tâm trống không chẳng có gì: vô chủ quan, vô định kiến, càng chẳng có chút hoa mỹ giả trân, chẳng quảng bá, chẳng phô trương.

Bính bính hồ kỳ tự hỷ hồ!

Rạng rỡ tươi vui, như thể niềm vui hiện rõ trên mặt!

Thôi hồ kỳ bất đắc dĩ hồ!

Đứng cao lộng lẫy, mà tất cả đều vì bất đắc dĩ!

"Bính bính hồ kỳ tự hỷ hồ!" (rạng rỡ tươi vui, như thể niềm vui hiện rõ trên mặt!) Đối diện nhân sinh là lạc quan. **"Thôi hồ"** (崔乎) cũng tức ý cao vòi vọi, to lớn. "Kỳ bất đắc dĩ hồ": tuy đứng chốn tối cao, có thành tựu tối cao, nhưng chẳng phải bị dục vọng thúc đẩy mà nổi lên, mà vì gian nan thống khổ của thiên hạ, bất đắc dĩ mới ra làm.

Xúc hồ tiến ngã sắc dã,

Sung mãn tích chứa mà đem dâng hiến ra ngoài, coi đó là lẽ đương nhiên;

dữ hồ chỉ ngã đức dã;

cùng người chung việc, tới lúc phải dừng thì dừng, ấy là đức;

lệ hồ kỳ tự thế hồ!

nghiêm trang cẩn trọng, bề ngoài thuận theo lối đời thường!

áo hồ kỳ vị khả chế dã;

kiêu ngạo cao ngút tới mức chẳng ai chế ngự nổi;

liên hồ kỳ tự hảo bế dã,

liền lạc khép kín, tự có giới hạn như người ưa đóng cửa;

môn hồ vong kỳ ngôn dã.

ôn hòa thấm vào lòng người, khiến ai nấy quên luôn những lời ông dạy.

"Xúc hồ tiến ngã sắc dã" (sung mãn tích chứa mà đem dâng hiến ra ngoài, coi đó là lẽ đương nhiên): tức là cống hiến cho xã hội. Chữ **"xúc"** (溻 - đọng lại đầy đặn) là chữ hình dung: hiến cho xã hội tất cả những gì mình có. **"Tiến"** (进 - góp phần) tức có cái mà dâng ra. "Sắc dã": thái độ coi việc ấy là đương nhiên, chẳng hề có chút tâm niệm mong ai cảm tạ. **"Dữ hồ chỉ ngã đức dã"** (cùng người chung việc, tới lúc phải dừng thì dừng, ấy là đức): nếu cứ giúp mãi, lịch sử có một câu nói rất đáng nể, gọi là **"công cao chấn chủ"** (công lao lớn quá làm chúa nơm nớp); biết bao người vì chẳng thông đạo lý ấy, cuối cùng bị chém đầu, tịch gia. Vốn dĩ chuyện rất tốt đẹp: công lao quá lớn, đạo đức quá cao, học vấn quá giỏi, tới một lúc phải nhanh chân rút lui, bằng không công cao chấn chủ, kết cục chẳng đẹp. Người

Đạo gia tới một giai đoạn biết ngay mình phải rút; đó chính là vừa đúng phần vừa đúng lúc. Việc thiên hạ chẳng thể tròn tuyệt đối, quá viên mãn thì vỡ tung; nên công cao nhất định phải lui.

"Lệ hồ kỳ tự thế hồ!" (nghiêm trang cẩn trọng, bề ngoài thuận theo lối đời thường!) Thái độ xử thế rất nghiêm trang, rất cẩn trọng, cách làm đều rất nghiêm khắc; ông chẳng làm vì mình, mà vì nhu cầu của đời thường. Đạo gia có người tu dưỡng đắc đạo như thế ra xử thế, thì mọi điều kiện đều đủ cả. **"Áo hồ kỳ vị khả chế dã"** (kiêu ngạo cao ngút tới mức chẳng ai chế ngự nổi): chữ áo (警), kiêu ngạo thật sự; nhưng kiêu ngạo tới mức nào? Tới mức nhìn chẳng ra, như thể khiêm tốn tuyệt đối. Giữa khiêm tốn và kiêu ngạo đạt tới cảnh **"thiên tử bất năng thần, chư hầu bất năng hữu"** (vua không thể bắt làm tôi, chư hầu không thể kết làm bạn); nên đời đời chẳng chịu ra, đời đời chẳng nhận chức danh nào; ông chẳng thuộc về phạm vi nào cả. **"Liên hồ kỳ tự hảo bế dã"** (liền lạc khép kín, tự có giới hạn như người ưa đóng cửa): làm người làm việc, chỗ nào cũng tự có giới hạn của mình; nhìn ngoài tưởng rất cố chấp, thực chất chẳng phải cố chấp, mà là phép làm người xử thế. Một người xử thế mà tự mình chẳng có giới hạn, kết quả tất nhiên chẳng tốt. Bởi vậy người đắc đạo tự nhiên hiểu đạo nhân sinh, hiểu phép xử thế.

"Môn hồ vong kỳ ngôn dã" (ôn hòa thấm vào lòng người, khiến ai nấy quên luôn những lời ông dạy). Chữ **"môn"** (悗 - êm dịu hòa nhã) hình dung ông khiến mọi người đều phục và kính, đến nỗi quên luôn lý thuyết ông giảng; bởi đạo lý đã thấm sâu vào nhân sinh, ai nấy đều làm được. Vì lẽ đó, người Đạo gia chẳng viết sách, cũng chẳng lập thuyết. Nhưng mà nào! Trang Tử cũng viết cả đống, Lão Tử cũng năm nghìn lời. Nên người hậu thế từng cười: cái gọi là đạo quên lời, bản thân vốn chẳng cần nói, ngang với điều Phật nói **"bất khả thuyết, bất khả thuyết"** (chẳng thể nói, chẳng thể nói); nhìn vẻ như chỉ có Phật Thích Ca Mâu Ni là cao minh hơn chút: tự tay chẳng hề viết một chữ, cái để viết đều do học trò đồ đệ viết hộ; còn Lão Tử với Trang Tử đều chẳng thoát nổi trách nhiệm. Bạch Cư Dị có một bài thơ cười Lão Tử:

Ngôn giả bất trí trí giả mặc, thử ngữ ngã văn ư Lão quân. (kẻ nói là kẻ chẳng có trí, kẻ có trí thì im lặng; câu này tôi nghe Lão quân nói)

Nhược thuyết Lão quân thị trí giả, như hà tự trước ngũ thiên ngôn. (nếu nói Lão quân là bậc trí, sao lại tự tay viết ra năm nghìn lời)

Kẻ chịu nói năng viết lách là kẻ ngu: nói là chẳng trí, chẳng có trí tuệ; người đại trí tuệ thật sự chẳng nói. Câu ấy là Lão Tử nói; giả sử Lão Tử thật sự đại trí tuệ, tại sao còn phải viết năm nghìn lời *Đạo Đức Kinh*?

Hán Tuyên Đế với Bính Cát

Đoạn dưới đây hết sức quan trọng; trước hết xin nêu ra một kinh nghiệm lịch sử cùng lý luận của nó. Những thời đại rực rỡ trong lịch sử Trung Hoa: nhà Hán có thời Văn Cảnh, cha con Hán Văn Đế với Hán Cảnh Đế hai đời nối nhau, chính trị phi thường bậc nhất; đời Đường có thời Trinh Quan của Đường Thái Tông. Các triều Tống, Nguyên, Minh chẳng có gì đặc biệt đáng nhắc. Tới nhà Thanh, điều đáng kể là cái gọi là thịnh thế Khang-Ung-Càn (Khang Hy, Ung Chính, Càn Long). Từ Khang Hy tới Càn Long, ba đời cha truyền con nối, văn trị võ công đều phi thường trên lịch sử, đáng kính phục. Song những thời đại ấy, tư tưởng thực sự dẫn dắt đều là Đạo gia, nhất là Lão Trang. Cái gọi là thời Văn Cảnh chuộng dùng Hoàng Lão; chính trị đời Văn Cảnh là chính trị do tư tưởng Hoàng Lão dẫn dắt.

Kinh nghiệm lịch sử thì nội dung quá nhiều; ở đây chúng tôi chỉ nêu đại cương, nhưng từ đại cương ấy lại rút ra một vấn đề lớn khác. Qua năm nghìn năm lịch sử Trung Hoa, rốt cuộc học phái nào với tư tưởng dẫn dắt đã làm cho thiên hạ được thái bình, làm cho lịch sử rạng rỡ? Đây chẳng phải nhằm nghiên cứu lịch sử quá khứ, mà nhằm mở ra

trang lịch sử thế kỷ hai mươi mốt; đó là một vấn đề kế trước mở sau. Các bạn trẻ phải đặc biệt lưu ý: đọc Trang Tử chẳng phải để nghiên cứu sách cổ; sách cổ thì tại sao phải nghiên cứu? Điều ta gọi là **"ôn cố nhi tri tân"** (học lại cái cũ mà biết ra điều mới) là muốn khơi mở tư tưởng tương lai; cái ấy mới là quan trọng.

Kế đến xin nêu một điểm then chốt trong lịch sử, cũng rất thú vị. Nói trước về thời Văn Cảnh nổi danh của nhà Hán: trong văn hóa lịch sử, ai cũng cho rằng chủ đề tư tưởng chính trị là Hoàng Lão; thực tế chẳng phải vậy, mà là tám chữ: **"nội dụng Hoàng Lão, ngoại thị Nho thuật"** (bên trong dùng Hoàng Lão, bên ngoài phô bày Nho thuật). Hoàng Lão cất trong túi mà dùng; tấm biển treo bên ngoài là tư tưởng Nho gia Khổng Mạnh. Tám chữ ấy chính là lịch sử tư tưởng chính trị Trung Hoa, là bí mật lớn của lịch sử. Trọng điểm nằm ở đâu? Như đã nói trước, chính ở lời định phán cuối cùng bằng thụy hiệu. Trong lịch sử, vua tốt mang thụy hiệu Tuyên, như Chu Tuyên Vương, Hán Tuyên Đế, Đường Tuyên Tông, Minh Tuyên Tông..., đếm trên đầu ngón tay! Chết rồi được tôn Tuyên Đế, Văn Đế, đều phi thường cả. Dĩ nhiên chẳng mong về sau lại xuất hiện Hiến Đế nữa, đem hẳn non nước dâng cho người khác. Còn Ai Đế thì quá bi thương, đều là chuyện đáng khóc; có ông chết non, thụy là Thương Đế. Vậy nhìn thụy hiệu đế vương là hiểu ngay thời đại ấy; đọc lịch sử phải nắm được điều này.

Hán Tuyên Đế là một nhân vật phi thường: ông sinh ngay trong ngục tù, sinh ra giữa chừng gian nan khốn khổ. Người nuôi dưỡng ông nên thân đế vương là một con người phi thường trong lịch sử, tức Bính Cát, về sau làm tể tướng dưới tay ông. Vị tể tướng này nhìn qua rất kém cỏi vô dụng: trâu thở dốc thì ông đi quản, việc khác ông hầu như chẳng quản; nếu đọc lịch sử chẳng kỹ, sẽ tưởng Bính Cát chẳng có gì ghê gớm. Cả đời Bính Cát chưa từng quản việc lớn, dường như chẳng có tác dụng gì, nhưng ông mới là người phi thường nhất. Tôi thường nói: một Bính Cát nhà Hán, một Phùng Đạo đời Ngũ Đại, đều thuộc hàng Bồ Tát; theo cách nói của Vương An Thạch, đều là hóa thân của Phật.

Khi Bính Cát giữ chức Đình Úy (ngang với chánh án tòa án ngày nay), ông phát hiện Lưu Tuân, tằng tôn của Hán Vũ Đế (chính là Hán Tuyên Đế về sau): vì rắc rối phức tạp nơi cung điện, ông của Tuyên Đế là thái tử Lưu Cứ bị Hán Vũ Đế ép chết, mẹ ruột cũng ngồi tù rồi tự vẫn; hồi ấy cậu còn chưa đầy một tuổi. Hán Vũ Đế từng hạ lệnh dứt điểm sạch mọi phạm nhân trong ngục, già trẻ gì cũng thế; Bính Cát đứng ra phản đối: ông tâu rằng trong ngục có một đứa nhỏ, là tằng tôn của hoàng đế đấy! Dẫu có người phạm tội, cũng chẳng nên giết như thế! Hán Vũ Đế nhận lời không giết; Bính Cát bèn thuê vú nuôi đem Hán Tuyên Đế nuôi lớn. Về sau cậu lang thang giang hồ, hoàn cảnh đáng thương, nên hiểu rất rõ nỗi khổ của dân; bởi cậu là người từ chốn ăn khổ mà ra.

Sau đó Hán Tuyên Đế làm vua mười một năm, chỉ biết mình sinh ra cực khổ, còn nhờ sao mà sống được thì không hay; Bính Cát tuy làm quan trong triều lại chẳng hé nửa lời. Các bạn trẻ chúng ta nên học điều này nhé! Ban ân chớ ôm nhớ: mình có ơn lớn nhường ấy với người, vua gần như do tay mình nuôi nên, song ông chưa từng tỏ bày bao giờ. Đến về sau, chuyện mụ vú lọt tới tai Tuyên Đế, vua hạ lệnh tra hỏi, mới dò ra thuở nhỏ mình do Bính Cát sắp đặt chăm sóc.

Năm năm sau, Hán Tuyên Đế chẳng nén nổi nữa: người tốt như thế, bèn đề bạt lên làm tể tướng. Lúc ấy Bính Cát đã rất già, nghĩ thầm: đã tìm ta làm tể tướng thì cứ tể tướng vậy. Có một vị phó tể tướng khác chẳng ưng Bính Cát mấy, nên dọc đường Bính Cát ít buồn tâm tới chính sự; phó tướng muốn ôm quyền thì mặc ông ta ôm! Còn ông chỉ ngắm trâu sao lại thở dốc, thời tiết nắng mưa ra sao; ông chỉ lo mỗi chuyện ấy. Nhưng Bính Cát đâu có hồ đồ; ông cao minh bậc nhất. Làm người tới mức ấy giữa thời thịnh trị thái bình, mới thật là Đạo gia như Trang Tử nói. Vậy kể đoạn lịch sử Bính Cát, chớ chỉ nghe như nghe chuyện; là để ta học cách làm người; ấy chính là lời minh giải cho hai câu **"xúc hồ tiến ngã sắc dã"** (sung mãn tích chứa mà đem dâng hiến ra ngoài, coi đó là lẽ đương nhiên), **"dữ hồ chỉ ngã đức dã"** (cùng người chung việc, tới lúc phải dừng thì dừng, ấy là đức).

Thiên *Đại Tông Sư* nêu lên cái học về nội thánh: người đắc đạo mới là cái gọi là chân nhân. Mọi cảnh giới tu dưỡng cùng thành tựu của chân nhân, phần trước đã miêu tả; tiếp sau là chuyện người chân nhân đắc đạo: đã nội thánh rồi, có bước vào đời mà khởi dụng chăng? Nói cách khác, đắc đạo rồi còn phải tu đạo chăng? Tu thì tu thế nào? Tu đạo chính là tác dụng của đạo, cũng chính là chuyện nhập thế.

Là Trang Tử chứ chẳng phải Lão Tử

Dĩ hình vi thể, dĩ lễ vi dực,

lấy phép hình làm nền tảng, lấy lễ nghĩa làm đôi cánh,

dĩ tri vi thời, dĩ đức vi tuần.

lấy trí tuệ mà biết đúng thời, lấy đức mà tuần theo.

Bốn điểm Trang Tử nêu ra, trước hết ta hiểu từ phương diện tu đạo sau khi đắc đạo. Cái gọi là "dĩ hình vi thể": chữ **"hình"** (刑) này chính là cái **"trị"** (治) trong chính trị, tức là quản lý. Vì thế Đạo gia đời sau bàn tới tu đạo, như Phật gia viện dẫn: muốn trường sinh trước hết phải học chết; cái chết ấy chính là tác dụng của sự giết. Vì sao muốn trường sinh lại phải học chết trước? Là bởi phải giết sạch hết phiền não, tạp niệm, mộng mị lung tung trong lòng; giết sạch rồi, bản năng của sinh mệnh mới khôi phục nổi trường sinh bất tử vốn sẵn.

Riêng những phiền não trong lòng, giết nó bằng cách nào? Phải tự mình trị quản; hễ một tư tưởng, một quan niệm, một phiền não dấy lên, mình phải tỉnh giác rằng đều chẳng phải điều lành, phải quét nó đi. Đạo gia về sau có hai câu tục ngữ: **"vị tử tiên học tử, hữu sanh tức sát sinh"** (chưa chết hãy học chết; hễ có dấy sinh là giết ngay cái dấy sinh ấy). Người muốn trường sinh, "chưa chết hãy học chết" chẳng phải tự uống thuốc ngủ mà chết, mà là tâm niệm vừa dấy lên liền giết ngay tâm niệm ấy; thế thì bản thể tâm tính của sinh mệnh mình mới được thanh sáng.

Cho nên pháp tu giết sạch tâm niệm của chính mình gọi là hình; chữ **"hình"** (刑 - hình phạt, trừng trị) đây nghĩa là giết. Vì thế kẻ tu đạo tự quản mình hết sức nghiêm khắc, như hình sát trong pháp luật: bỏ ác giữ thiện, trừ nghiệp dữ, chỉ giữ nghiệp lành. Đó là "dĩ hình vi thể", nói về tác dụng tu đạo. Nhưng chuyên chú giết sạch ý niệm của mình mới chỉ mặt tiêu cực, chưa đủ; nên phải "dĩ lễ vi dực". Chữ lễ chính là chữ lễ trong *Lễ ký* mà văn hóa Trung Hoa nói.

Đạo lý về lễ nay khó giải thích lắm, ý nghĩa bao hàm rất nhiều. Ví như bộ *Lễ ký* trong *Tứ thư Ngũ kinh* của Trung Hoa, thực gồm cả ba bộ *Chu Lễ*, *Nghi Lễ*, *Lễ ký*. *Chu Lễ* ngang với bộ pháp điển triết học chính trị mấy nghìn năm của Trung Hoa: tới tận bản hiến pháp lớn thời Dân quốc cùng nhiều biện pháp chính trị, đều từng lấy *Chu Lễ* làm căn cứ. *Nghi Lễ* theo cách nói hôm nay là trật tự xã hội, nghệ thuật sống, lễ tiết đời sống..., bao hàm cũng nhiều. Còn *Lễ ký* thì sao! Nội dung chứa đựng nhiều vô kể; có thể nói mọi tư tưởng học thuyết của chư tử bách gia Trung Hoa đều xuất từ *Lễ ký*. Ví như *Đại học*, *Trung Dung*, cho tới thiên *Đại Đồng* mà hôm nay ta quen thuộc nhất, đều nằm trong *Lễ ký*; người sau rút riêng ra, biên soạn thành một cuốn chuyên thư.

Muốn giải nghĩa **"lễ"** (礼) là gì, nói cho cùng: đó là tinh thần văn hóa. Lời ấy có đúng chăng? Chưa chắc đúng, nhưng chẳng còn cách khác, đành mượn danh từ hiện nay khá thông dụng và xuôi tai mà nói. Thật ra lễ là gì? Người xưa giải: lễ chính là đạo lý; nói cách khác, nó bao hàm mọi nguyên tắc của văn hóa. Theo quan niệm mới thì đó là triết học; cái triết học ấy chẳng phải triết học phương Tây, chữ triết học cũng là danh từ mượn. Vậy lễ bàn điều gì? Là nguyên tắc tối cao của triết học chính trị các đời Trung Hoa, chủ trương lễ trị, chẳng dùng pháp trị. Lễ trị chú trọng giáo dục văn hóa, giáo dục toàn dân. Lễ mà chẳng đủ thì giáo dục đạo đức chẳng đủ, lúc đó đành phải dùng pháp, tức là "dĩ hình vi thể".

"Dĩ lễ vi dực": tinh thần thật của lễ là đạo đức tự nhiên. Một mình quản mình cho thật nghiêm, lấy hình phạt làm thể mà tu dưỡng tâm tính, vẫn chưa đủ; bắt buộc phải lấy lễ làm cánh, hiểu được tinh thần thật của lễ. Ta dẫn một câu ở thiên mở đầu của *Lễ ký*: **"vô bất kính, nghiêm nhược tư"** (chẳng gì chẳng kính cẩn, trang nghiêm như đang suy tư), để nói rõ tinh thần của lễ. Sáu chữ ấy khó lòng xử lý nổi; đây là gốc rễ văn hóa Trung Hoa, tả mức tu dưỡng của một người: tới chỗ đứng ngồi lúc nào cũng chẳng tạp niệm, chẳng vọng niệm, chẳng mộng tưởng lung tung, cũng chẳng ác niệm; lúc nào với thân tâm mình cũng nghiêm chỉnh; dáng vẻ ấy gọi là nghiêm nhược tư. Nhìn qua tưởng người ấy đang nghĩ một việc gì, mà thật ra chẳng nghĩ, bởi người ấy đang ở trạng thái tĩnh lặng; sáu chữ ấy chính là điều đời sau gọi: luôn luôn trong trạng thái nhập định. Con người tới khi tâm cảnh mãi mãi ở trên cảnh định, trong cảnh giới thanh tịnh vô vi, thì căn bản chẳng cần tự quản mình nữa, chẳng cần như hình phạt pháp luật mà đi trông giữ ý niệm nữa.

Vậy chỉ "dĩ hình vi thể" thôi chưa đủ; bắt buộc phải "dĩ lễ vi dực", lấy tinh thần định tuệ thật sự phụ trợ cho mình; rồi mới ra đời xử thế. "Dĩ tri vi thời": chữ tri đây là thành tựu của trí tuệ. Cái gọi là tri, có thể dẫn lời Khổng Tử trong *Kinh Dịch*: **"tri tiến thoái tồn vong nhi bất thất kỳ chính giả, kỳ duy thánh nhân hồ!"** (biết tiến thoái, tồn vong mà chẳng đánh mất điều chính, há chẳng phải chỉ bậc thánh nhân hay sao!). Đạo của thánh nhân là biết tiến thoái tồn vong; cái tri ấy là trí tuệ. Người đắc đạo phải đủ "dĩ tri vi thời": đứng ngồi lúc nào cũng rõ đạo tự xử của mình, khi nào nên tiến thêm một bước, khi nào nên lùi lại một bước. "Dĩ đức vi tuần": luôn luôn trên nếp hành vi đạo đức, biết phương hướng cuộc đời, tự mình đi trên một con đường chính trực. Bốn điểm ấy, ta nói kỹ thêm một chút.

Vì sao phải nói kỹ? Trong đó có một điểm then chốt. Ai cũng biết, trong lịch sử văn hóa Trung Hoa, những thời đại vĩ đại rực rỡ nhất, tư tưởng chính trị của đế vương đều thuộc học Hoàng Lão của Đạo gia, đặc biệt coi trọng Lão Tử. Thực chất lấy Lão Tử làm tấm biển hiệu, thật sự dùng lại là Trang Tử; bởi Trang Tử là tác phẩm tiêu biểu của Đạo gia. Trang Tử ngang với *Mạnh Tử* của Nho gia, còn Lão Tử ngang với Khổng Tử của Nho gia. Hai đời Hán, Đường, chính trị cái gọi là Hoàng Lão, thực chất chủ yếu dựa vào Trang Tử.

Nhưng nhìn cách nói của người đời sau, nhất là một trăm năm trở lại đây, nhiều người bàn tư tưởng chính trị Trung Hoa, cái gọi là trị thế Hoàng Lão đều lấy Lão Tử làm gốc. Lão Tử chủ trương vô vi, nên cho rằng đế vương các triều đại rực rỡ ấy trị đời bằng vô vi. Vậy vô vi là gì? Làm vua mà chẳng quản gì cả, vậy ông ta quản cái gì? Chắc chỉ quản mỗi việc ăn cơm. Cho nên giải vô vi là chẳng quản gì cả, thật là lời nói chẳng thể hiểu nổi.

Bây giờ ta có thể hiểu: cách dùng của cái trị thế Hoàng Lão đời Hán Đường, chính là tinh hoa đoạn này của Trang Tử. Nên nói trị thế Hoàng Lão là chính trị của đạo đức; điều này trước hết phải hiểu. Lão Tử nói ta có tam bảo; Phật gia nói quy y tam bảo Phật Pháp Tăng; danh từ cùng quan niệm tam bảo, Lão Tử nêu trước. Tam bảo nào? **"Viết từ, viết kiệm, viết bất cảm vi thiên hạ tiên"** (có lòng từ, có sự tiết kiệm, chẳng dám đi trước thiên hạ). Làm người làm việc, nhỏ đến một cá nhân, lớn đến quốc gia thiên hạ, đều như thế cả. "Viết từ" chính là điều Nho gia gọi nhân ái; dễ hiểu lắm. "Viết kiệm": kiệm đây chẳng phải nói bớt tiêu tiền, mà gồm cả tiết kiệm tiền bạc, tiết kiệm tinh thần; đơn giản hóa một việc, giản dị sáng rõ mà làm tròn việc, ấy là đạo lý của chữ giản. "Viết bất cảm vi thiên hạ tiên" chẳng phải nói mãi mãi bám theo người khác, mà là muôn việc đừng vươn đầu nhô cổ, phải thuận theo tình thế mà dẫn dắt. Chẳng biết thuận theo tình thế mà dẫn dắt thì mãi mãi làm chẳng nên việc.

Ví như nước lớn dâng tới, chẳng có cách nào ngăn nổi; cố sức chặn dòng ấy chỉ sinh ra chuyện lớn hơn; tất phải khai thông dòng chảy, rồi thuận theo thế nước xoay nhẹ một cái, họa lũ lụt tự giải; đó chính là thuận theo tình thế mà dẫn dắt. Trong đó vận dụng ra, cách thức đương nhiên nhiều lắm; vận dụng được khéo léo thì chính là nguyên lý Thái cực quyền: **"tứ lạng bát thiên cân"** (bốn lạng chuyển nghìn cân); cũng chính là điều binh pháp nói: lấy yếu đánh mạnh, lấy ít thắng nhiều. Đó hết thảy là vô vi mà Lão Tử nói, đạo lý dẫn ra từ câu "bất cảm vi thiên hạ tiên".

Như thời Văn Cảnh, thật ra dùng điều gì? Dùng chính bốn câu "dĩ hình vi thể, dĩ lễ vi dực, dĩ tri vi thời, dĩ đức vi tuần". Cái gọi là đạo vô vi là nói sự vô vi của kẻ ở trên người, của bậc lãnh tụ; còn việc lớn nước nhà, giao phó tất cả cho pháp trị, tức là "dĩ hình vi thể". Đây là tinh thần pháp trị, chưa chắc là nói pháp luật! Cũng chính là quan niệm thể chế hóa mà ngày nay ta gọi, đem tất cả quy về chế độ. Cho nên bậc lãnh đạo ở trên, ngồi vào địa vị ấy ngang với một đầu ngón tay: chỉ cần ấn trúng một nút điện, cả chế độ lập tức chuyển động theo; cái gọi là tốn sức ít, thành việc nhiều, ấy là đạo lý vô vi.

Pháp gia với pháp trị

Nhưng ta chớ thấy chữ hình (刑) mà cho rằng mọi sự hoàn toàn quy về pháp trị. Trước hết phải hiểu lịch sử; trên kinh nghiệm lịch sử Trung Hoa đã nhiều lần chứng kiến: tin tưởng hoàn toàn vào pháp trị thì thiên hạ đại loạn; không coi trọng pháp trị, thiên hạ cũng đại loạn; đây chính là chỗ diệu dụng khi vận dụng, nên phải phối hợp với bốn câu nêu ở trên. Trong lịch sử, những thời kỳ thịnh trị nhất như đời Hán, đời Đường, cái được vận dụng thực sự chính là đoạn văn này của Trang Tử, gồm cả toàn bộ nội dung Ngoại thiên và Tạp thiên phía sau của Trang Tử nữa.

Trong lịch sử văn hóa Trung Hoa còn có một thứ cần tìm hiểu, đó là học vấn Pháp gia; học vấn Pháp gia cũng xuất phát từ Đạo gia. Pháp gia vô cùng hà khắc; sử sách chép rằng pháp trị với hình phạt quá nghiêm khắc sẽ biến thành một thời kỳ tàn bạo. Vì vậy trong lịch sử Trung Hoa, bắt đầu từ Tư Mã Thiên, những người thuần túy nói pháp trị được xếp vào một loại riêng, đưa vào loại truyện khốc lại; khốc lại là hạng quan lại chuyên dùng pháp trị, họ tàn nhẫn vô cùng.

Nhìn cái pháp trị tàn nhẫn của đám Pháp gia này, một câu hỏi nảy ra ngay: sao Pháp gia lại sinh ra từ Đạo gia được? Đạo gia nói đến đạo đức, thanh tĩnh vô vi, nói đến từ bi, vì sao lại lệch lạc nghiêm trọng đến thế? Ta phải biết, kẻ giảng thanh tĩnh vô vi mà tu đạo nhất định chú trọng đạo đức vô cùng; bởi chú trọng đạo đức nên yêu cầu với người với mình hết sức nghiêm ngặt. Kết quả của sự nghiêm ngặt chính là tinh thần pháp trị. Ví như giới luật của nhà Phật: ta học Phật vốn để cầu giải thoát; một người học Phật, tính mạng cũng chẳng buồn tới, tóc cũng cạo sạch, y phục cũng thay đổi, buông bỏ tất cả chẳng giữ lại gì; vốn là một con người tự tại, kết quả xuất gia rồi lại thấy chẳng tự tại chút nào; vì sao? Vì bắt buộc phải giữ giới luật.

Giới luật là một khuôn phép đạo đức, yêu cầu bản thân nghiêm ngặt, quản lý nghiêm ngặt, từ đó sinh ra tinh thần Pháp gia. Cho nên nói, Pháp gia, xét trên toàn thể tư tưởng văn hóa, chính là giới luật; mà lại là giới luật áp đặt toàn diện cho cả xã hội; dùng thái quá thì hóa ra tàn bạo; dùng đúng mức thì Pháp gia chính là khuôn phép quan trọng nhất của việc trị thế. Vì vậy Trang Tử nêu ra tại đây: chỉ có **"dĩ hình vi thể"** (lấy phép hình làm nền tảng) thôi thì chưa đủ, còn phải có **"dĩ lễ vi dực"** (lấy lễ nghĩa làm đôi cánh).

Từ đó ta xem tiếp hai câu Nho gia; Mạnh Tử nói rất triệt để: **"đồ thiện bất túc dĩ vi chính, đồ pháp bất năng dĩ tự hành"** (chỉ có lòng nhân ái thôi thì chưa đủ để trị chính, chỉ có pháp lệnh thôi thì chẳng thể tự chạy được). Giảng đạo đức suông, khuyên người hướng thiện, thì đem dùng cho tôn giáo được, không thể đem dùng cho chính trị; tôn giáo là thế đấy, từ bi mà! Nhà tôn giáo cho rằng tôn giáo phổ biến khắp rồi thì thiên hạ thái bình, chuyện ấy làm không nổi. Chỉ khuyên người làm lành mà chẳng có một khuôn phép, thuộc hàng lý tưởng cao xa, thi hành vào thì chẳng những không xong, còn gây ra một mớ bòng bong. Nên bắt buộc phải dùng pháp trị làm chỗ dựa hỗ trợ. Còn nếu chỉ tin tưởng pháp trị, thì đúng là "đồ pháp bất năng dĩ tự hành", tự mình đã chẳng bước nổi đường nào, ngược lại giam lỏng lấy mình. Hiểu hai câu ấy của Nho gia rồi, nhìn lại "dĩ hình vi thể, dĩ lễ vi dực" trong Trang Tử thì tỏ rõ. Nho gia với Pháp gia vốn thông nhau đấy; dưới đây Trang Tử triển khai thêm bốn điểm ấy.

Dĩ hình vi thể giả, xước hồ kỳ sát dã;

Lấy phép hình làm nền tảng: nghĩa là giết đi một cách thong dong;

dĩ lễ vi dực giả, sở dĩ hành ư thế dã;

lấy lễ nghĩa làm đôi cánh: đó là điều để hành xử giữa đời;

dĩ tri vi thời giả, bất đắc dĩ ư sự dã;

lấy trí tuệ mà biết đúng thời: là vì chẳng còn cách nào khác trước sự việc;

dĩ đức vi tuần giả, ngôn kỳ dữ hữu túc giả chí ư khâu dã;

lấy đức mà tuần theo: nói rằng cùng người có đủ đôi chân cùng bước lên gò cao;

nhi nhân chân dĩ vi cần hành giả dã.

mà người đời lại thật sự tưởng rằng ấy là chăm chú tu hành.

Dù nói tới tự tu riêng của cá nhân hay chính trị quốc gia, vì sao lại lấy hình phạt làm chủ? Lý do vừa nói rồi, nay bàn đến cách làm. "Dĩ hình vi thể" không được quá mức; quá mức thì thành ra cái lối làm của khốc lại: **"xước hồ kỳ sát dã"** (giết đi một cách thong dong). Hãy để ý chữ **"xước"** (绰): cái gọi là "xước hồ", là thong dong tự tại, chứ chẳng phải hình phạt nghiêm khắc. Hình phạt quá nặng, pháp lệnh quá gắt gao, ấy mới là hình phạt nghiêm khắc; trong lịch sử văn hóa Trung Hoa, xưa nay vẫn cho đó là sai lầm. Hình phạt nghiêm khắc cũng chẳng phải tinh thần thật sự của Pháp gia. "Dĩ lễ vi dực giả" là lấy tinh thần văn hóa làm cánh đỡ; "sở dĩ hành ư thế dã", đủ để lưu truyền muôn đời sau.

Đủ xuất thế, đủ nhập thế

"Dĩ tri vi thời giả": như đã nói ở trước, dĩ tri vi thời tức phải biết cơ, phải biết thời cơ tiến lui, tồn vong. "Bất đắc dĩ ư sự dã": sự việc đến một giai đoạn, tới lúc nên dừng thì phải dừng; là vì chẳng còn cách nào đành phải làm thế, cũng là không thể nào chẳng làm thế. Chữ bất đắc dĩ có hai ý niệm. Một ý niệm, theo Nho gia: Khổng Tử muốn cứu thế, biết rõ thời ấy chẳng cứu nổi, ông vẫn ra sức cứu, nên dốc trọn đời để cứu; các nhà tôn giáo đều như thế, ấy là "bất đắc dĩ ư sự dã", không thể nào chẳng làm thế. Ý niệm kia là biết việc chẳng còn đường làm nổi, chỉ có thể vừa chừng mực là dừng, vừa đúng lúc vừa tới nơi tới chốn, ấy cũng là "bất đắc dĩ ư sự dã". Chữ tri vậy là ứng dụng cả hai phương diện.

"Dĩ đức vi tuần giả, ngôn kỳ dữ hữu túc giả chí ư khâu dã": chữ khâu (丘) ở đây đâu phải chỉ Khổng Khâu, mà là nói chỗ đất đống cao lên như gò núi. Lấy đạo đức làm chuẩn mực, theo đúng khuôn phép đạo đức, thì **"hữu túc giả"** (người có đủ đôi chân) ngang với điều nhà Phật gọi là viên mãn, đạt tới một chuẩn mực viên mãn. Còn "chí ư khâu dã" là dựng lên một chuẩn mực cao vút như gò núi.

Ở trên ta mất nhiều thời gian diễn giải, hình như vẫn chưa khiến các bạn sáng rõ; trọng điểm là phải hiểu câu sau: cái gọi là vô vi, cảnh giới tu đạo. Thế nào gọi là tu đạo? "Nhi nhân chân dĩ vi cần hành giả dã". Ví như chúng ta người học Phật, vừa phải giữ giới, lại phải tu định, lại phải tu tuệ, lại phải ăn chay, lại phải lễ Phật; tín đồ các tôn giáo khác, Chủ nhật lại phải đi lễ, còn phải ra phố, thổi kèn loa mà truyền đạo, trông bận rộn không kể xiết. Thực ra người tu đạo nhìn ngoài thì bận rộn lắm, "dĩ hình vi thể, dĩ lễ vi dực"; nhưng trong lòng người ấy chẳng có chuyện gì cả, tiêu dao lắm, tự tại lắm, cả ngày cứ bận, mà như thể chẳng có việc gì. Người thường không nhận rõ, "chân dĩ vi cần hành giả dã", tưởng người này tu đạo siêng năng ghê! Kiểu ấy mới gọi là tu đạo, đó là chỉ nhìn bề ngoài. Câu này chính là chỗ nêu chủ đề của Trang Tử trong đoạn này của thiên: một người thật sự tu đạo, nhập thế xử thế, tới mức ngồi ngôi hoàng

đế, mỗi ngày vạn cơ việc bận rộn, mà lòng vô sự, ấy mới gọi là đạo vô vi. Bởi mọi thứ người ấy đều có một chế độ, có một khuôn phép, đã sắp sẵn rồi. Vì vậy dưới đây nối liền mà nói:

Cố kỳ hiếu chi dã nhất, kỳ phất hiếu chi dã nhất.
Cho nên cái nó ưa cũng là một, cái nó chẳng ưa cũng vẫn là một.

Kỳ nhất dã nhất, kỳ bất nhất dã nhất.
Cho nó là một thì là một, cho nó là chẳng một vẫn là một.

Kỳ nhất dữ thiên vi đồ, kỳ bất nhất dữ nhân vi đồ.
Cái một ấy thì lấy trời làm bạn; cái chẳng một ấy thì lấy người làm bạn.

Thiên dữ nhân bất tương thắng dã, thị chi vị chân nhân.
Trời và người chẳng bên nào át được bên nào: gọi thế là chân nhân.

"Cố kỳ hiếu chi dã nhất, kỳ phất hiếu chi dã nhất" (nên cái họ ưa cũng là một, cái họ chẳng ưa cũng là một). Hai câu này, bằng nét văn đẹp của Trang Tử, muốn nói điều gì? Việc đời chỉ có hai mặt chính phản; có mặt được ưa thích thì có mặt bị ghét bỏ, không thể nào toàn điều tốt được. **"Kỳ nhất dã nhất, kỳ bất nhất dã nhất"** (cái một của họ là một, cái chẳng một của họ cũng là một). Đã có cái ưa, có cái chẳng ưa, hai mặt mỗi bên mang một thiên kiến; thiên kiến sinh ra rồi, cái nọ cái kia cứ thêm mãi. Trang Tử nay nêu ra: cái một đích thực, hai mặt chính phản, chỉ còn hai trạng thái dưới này.

"Kỳ nhất dữ thiên vi đồ, kỳ bất nhất dữ nhân vi đồ": quy nạp lại, hai trạng thái ấy phần trước đã giảng trong thiên *Nhân Gian Thế*. "Kỳ nhất dữ thiên vi đồ": chữ trời Trang Tử nói ở đây là thiên đạo. Chữ trời này chẳng phải trời mang tính tôn giáo, cũng chẳng phải trời của khoa học tự nhiên, mà là lấy thiên đạo làm bạn. Chữ đồ đâu phải làm đệ tử, mà là bạn bè, hợp chung lại, hòa hợp với thiên đạo. "Kỳ bất nhất dữ nhân vi đồ": phía kia là lối làm thuận theo nhân đạo.

"Thiên dữ nhân bất tương thắng dã, thị chi vị chân nhân" (trời với người chẳng bên nào lấn át bên nào, thế mới gọi là chân nhân). Hai thứ chẳng thể có cả đôi; chỉ khi thật sự đắc đạo thì nhân đạo tự nhiên được kèm theo, chứ đâu phải làm cho nhân đạo tốt đẹp rồi mới tiến gần thiên đạo. Loại người đắc đạo ấy, trọng điểm nằm ở liễu sinh tử, tức chẳng còn sinh tử. Vấn đề lớn nhất mà cũng là cuối cùng của đời người chính là sinh tử. Mọi tôn giáo, triết học, cho tới khoa học, sở dĩ phát triển đều là để tìm câu trả lời cho vấn đề này; nhưng đến nay vẫn chưa tìm thấy. Nay Trang Tử nêu ra: một vị chân nhân đắc đạo, vấn đề sinh tử của người ấy đã chẳng còn tồn tại.

Tử sinh, mệnh dã, kỳ hữu dạ đán chi thường, thiên dã.
Chết sống là mệnh; mà đêm tối với bình minh luôn luôn thường còn, là trời.

Nhân chi hữu sở bất đắc dữ, giai vật chi tình dã.
Phần người chẳng can dự nổi, đều là tình thế của muôn vật.

Chuyện này ta giảng qua nhiều lần rồi: vấn đề sinh tử là vấn đề căn bản của loài người, chẳng ai chẳng hoài nghi nó, chẳng ai chẳng sợ nó, nhất là càng già càng sợ vấn đề ấy; ngày sau đã chẳng còn bao nhiêu, chẳng biết chết rồi sẽ về đâu. Nếu có khách sạn đặt được thì cũng có thể đặt trước một phòng, nhưng chẳng biết nó nằm ở đâu! Thật là chuyện phiền phức. Nên văn hóa Đông Tây của nhân loại đều đi tìm câu trả lời cho vấn đề ấy; chỉ có tổ tiên xa xưa của Trung Hoa, cách đây mấy nghìn năm, đã bác bỏ vấn đề này rồi. Song người rất khó hiểu, khó tin; nếu tin nổi thì đã đắc đạo, đã liễu sinh tử.

Nghĩa là, "tử sinh" là "mệnh dã". Mọi người chớ lẫn lộn: chữ mệnh này đâu phải chữ mệnh trong bói toán. Sinh với chết là hai đầu hiện tượng vốn sẵn có của bổn nguồn sinh mệnh; nhìn thì tưởng có sinh có chết, thực ra sinh mệnh vốn có của chúng ta chưa từng chết đi, cũng chưa từng sinh ra. **"Kỳ hữu dạ đán chi thường, thiên dã"** (có cái thường hằng của đêm và ngày, ấy là trời). Ví như ta ngắm khoảng không này, bầu trời của giới tự nhiên dưới con mắt khoa học trên đầu ta: ban đêm trời đen thẫm, trời sáng rồi vẫn là bầu trời ấy, nên đêm tối và bình minh chẳng cản trở gì khoảng không, mà chỉ là hiện tượng tự nhiên. "Nhân chi hữu sở bất đắc dĩ, giai vật chi tình dã": người chẳng tự chủ nổi chuyện sinh tử, cũng chẳng kiểm soát được sinh tử, đây đâu phải vấn đề của bổn mệnh. "Giai vật chi tình dã": cái thân này cũng chính là vật chất; bị vật chất bên ngoài quấy nhiễu, liền dấy lên chuyển biến cảm xúc trong tâm lý ta, cho nên thấy sinh tử đáng sợ vô cùng, thực ra chẳng có gì đáng sợ.

Bỉ đặc dĩ thiên vi phụ, nhi thân do ái chi, nhi huống kỳ trác hồ!
Người ấy chỉ coi trời làm cha, mà thân vẫn còn yêu quý trời, huống nữa cái tột bậc của người ấy chứ!

Cho nên người đắc đạo liễu sinh tử rồi, chẳng bị vật tình ràng buộc; hoàn cảnh của thế giới vật lý cùng tác dụng sinh lý đều chẳng lay chuyển nổi cảm xúc của người ấy, lúc nào cũng ở trong thanh tịnh; nên người ấy **"dĩ thiên vi phụ"** (coi trời làm cha), người ấy vẫn mãi ở trong cảnh giới thiên đạo. **"Nhi thân do ái chi, nhi huống kỳ trác hồ!"** (mà thân còn yêu quý nó, huống chi cái cao vượt kia!) Bởi tâm lý người ấy luôn luôn đứng trên cảnh giới đắc đạo, còn cái thân thì sao? "Do ái chi" đâu phải là đem yêu cái thân, mà là thân theo đạo nghiệp ấy mà trở nên tốt lành. "Huống kỳ trác hồ!" Vì thế, người đắc đạo giữa cõi đời này có tinh thần trác nhiên độc lập, vượt ngoài thường tình và vật lý.

Nhân đặc dĩ hữu quân vi dũ hồ kỷ, nhi thân do tử chi, nhi huống kỳ chân hồ!
Người đời chỉ cho rằng có một ông chủ trên mình là hơn hẳn mình, mà thân vẫn chịu chết vì ông ấy, huống nữa cái chân thực chứ!

Song người thường chẳng biết, chẳng nhận ra gốc rễ của sinh mệnh mình. "Nhân đặc dĩ hữu quân vi dũ hồ kỷ": "hữu quân" là có một chủ tể. Người đời đều cho rằng ngoài sinh mệnh này ra còn có một chủ tể khác, "vi dũ hồ kỷ", cao minh hơn loài người. Nên nhà tôn giáo gọi cái cao minh ấy là Thượng Đế, là Thiên Đế, hoặc là Phật, hoặc là thần, như thể có một sức mạnh siêu nhân tồn tại. "Thân do tử chi, huống kỳ chân hồ!" Nhưng à, dù ông cho có hay cho không có một thứ gì tồn tại, thì thân vẫn chết, và chuyện ấy chẳng can hệ gì tới nó; bởi vì còn có một sinh mệnh khác tồn tại. Hai câu ấy có thể xem là lời kết dành cho tín ngưỡng tôn giáo thông thường.

Chúng tôi thường kể chuyện cười, nhưng cũng là chân lý: hãy nhìn tôn giáo từ một phía khác. Mọi tôn giáo đều mang một dáng vẻ chung, hình như đều khuyên người chớ sợ chết: nơi kia tôi mở nhà nghỉ, mở khách sạn du lịch, giờ ngươi mua vé trước đi, mai chết rồi hãy tới chỗ tôi, tôi chiêu đãi chu đáo. Ví như Cực Lạc thế giới kia kìa! Thiên đường kia kìa! Mỗi bên một nơi, mà mỗi nơi đều đăng quảng cáo to lớn, đều đang kéo khách. Nghĩa là: ngươi đừng sợ chết, chết mau vào, chết cho đàng hoàng, chết rồi hãy tới chỗ tôi. Đó là tôn giáo; mọi tôn giáo đều lo phần chết, duy văn hóa Trung Hoa chẳng nói chuyện ấy, nhất là từ Tam Đại trở về trước, chưa hề có hình thức tôn giáo như hậu thế bây giờ. Văn hóa Trung Hoa chẳng đứng bên phía chết mà nhìn; đứng bên phía chết nhìn thì là mặt trời lặn về tây, gió mưa hiu hắt, khách sạn chẳng tìm ra, ô dù lại rách, áo mưa chẳng chống nổi nước, lúc ấy người chẳng còn một xu dính túi, bánh màn thầu cũng chẳng mua nổi, thật thảm đạm vô cùng. Cho nên nhìn trời đất chỉ thấy màu xám, nhìn nhân sinh chỉ thấy bi thương tận độ. *Sử ký* quyển *Ngũ Tử Tư truyện* có một câu: **"ngô nhật mộ đồ viễn, ngô cố đảo hành nhi nghịch thi chi"** (ta ngày đã chiều, đường còn xa, nên ta cứ đi ngược mà làm trái). Tới lúc ấy, quả thật chẳng còn chút hy vọng nào. Nên tôn giáo bao giờ cũng đứng trước cửa nhà tang lễ mà nhìn, ngày nào cũng thấy khiêng người ra

khiêng người vào. Văn hóa Trung Hoa xưa nay chẳng đứng đó nhìn, mà đứng trước cửa phòng khoa sản, mãi mãi thấy sự sống mới: vừa ọe một đứa, lại ọe thêm một đứa nữa, sinh sinh chẳng dứt.

Cho nên văn hóa Trung Hoa chẳng bàn tới tôn giáo; dù Đạo gia hay Nho gia, nhất là *Kinh Dịch*, đều quay mặt về hướng mặt trời buổi sớm mà nhìn mặt trời mọc, ánh sáng soi khắp đất, mừng vui lắm. Ngươi bảo chết đau đớn chăng? Mặt trời xuống núi buồn thảm thay; ngài đáp, chẳng sao, ngủ một giấc ngày mai lại mọc. Nên theo cái nhìn ấy, chết chẳng là việc gì, về ngủ thôi mà! Rốt cuộc ngươi cũng phải ngủ chứ. Sống giống như hát tuồng, ngươi hát đã mấy chục năm rồi, cũng phải xuống sân khấu cúi chào một cái chứ! Sân khấu ấy còn phải nhường người khác lên hát chứ! Đó là chỗ khác biệt của văn hóa Trung Hoa.

Song người thường chưa nhìn thông đạo lý, chỉ bị hai đầu hiện tượng của sinh mệnh kéo đi, luôn cho rằng ngoài sinh tử còn có một cái làm chủ; đó chính là cái mà người có tín ngưỡng tôn giáo muốn tìm. Trang Tử nói **"nhi thân do tử chi"** (mà thân còn chết vì nó), vậy cái làm chủ ấy có ích gì! Bản thân cái chủ tể ấy, liệu có chết chăng? Cứ khỏi hỏi bản thân chủ tể có chết không, chỉ cần hỏi Thượng Đế từ đâu mà ra; nếu Thượng Đế do mẹ sinh ra, thì bà ngoại của Thượng Đế lại là ai? Nên ông nói **"nhi thân do tử chi, nhi huống kỳ chân hồ!"** (mà thân còn chết vì nó, huống chi cái chân thật kia!) Ngươi nghiên cứu giữa sinh tử, muốn moi ra cái gì mới là chân thực, thì khó lắm; phải đạt được cái đạo chân thực ấy mới được, cũng chính là thành tựu của chân nhân.

Kẻ trung kẻ gian cùng sống chung

Phía trước đã kể chuyện Bính Cát với Hán Tuyên Đế trong lịch sử; chuyện Bính Cát hỏi trâu ai cũng biết, cũng là một câu chuyện khá dài. Mấy hôm nay truyền hình đang chiếu bộ *Đại Hán Thiên Uy*; chịu ảnh hưởng ấy, bữa cơm vừa rồi có một học trò nhắc tới Hán Vũ Đế, bàn về nhân cách của ông. Bên cạnh Hán Vũ Đế có một vị đại thần nổi tiếng lẫy lừng trong lịch sử, đó là Cấp Ảm chất phác thật thà. Học trò ấy hỏi tôi: Cấp Ảm thuộc Đạo gia hay Nho gia? Cấp Ảm dĩ nhiên thuộc Đạo gia. Người đời sau thường cho rằng kẻ theo Đạo gia trơn tru khéo léo, qua loa đại khái; đó là quan niệm sai lầm, thực tế chẳng phải vậy; nhiều người theo Đạo gia đời Hán nghiêm khắc lắm, chính là đạo lý của câu **"dĩ hình vi thể"** (lấy phép hình làm nền tảng) vừa giảng lúc nãy.

Về con người Hán Vũ Đế, đương nhiên có nhiều chuyện thú vị; hay hay dở dở, tạm thời ta chưa phê bình. Ông cũng rất thông minh, nhưng về sau mắc phải một căn bệnh; đại khái những kẻ làm vua trong lịch sử, theo nghiên cứu riêng của tôi, ngoài các thánh vương Tam Đại ra, cái ngôi ấy dường như có sức lây bệnh điên: thiếu sự nội dưỡng đạo đức theo đạo của Lão Tử, Trang Tử, Khổng Tử, Mạnh Tử, ngồi trên ngôi ấy lâu ngày sẽ hoa mắt chóng mặt, sinh ra muôn vàn rắc rối; cái ngôi ấy khó ngồi lắm!

Kể một chuyện thời hiện đại. Chúng ta đều biết cung điện hoàng gia thuở ấy ở Bắc Bình bên đại lục. Thuở nhỏ tôi nghe một bậc trưởng bối kể: kể từ khi Dân quốc ra đời, lật đổ nhà Thanh, viên cử nhân tiền Thanh ấy vào tới Bắc Kinh, đúng lúc cung điện mở cửa cho khách tham quan. Thấy chiếc ngai vàng, ông nhất định trèo lên ngồi thử cho đã ghiền! Kết quả vừa ngồi xuống, lạ thay, đầu quay cuồng lên; cho nên nói, ngôi vua thật khó ngồi. Bây giờ nghĩ lại, ngôi vua đâu có khiến ai chóng mặt; cái chóng mặt là vấn đề của tự mình. Xét các bậc đế vương trong lịch sử, hễ thời nào chính trị trong sáng thì người lãnh đạo đều xuất thân dân gian, đều từ tầng lớp thấp hèn leo lên, nên khi đã làm vua đều am hiểu lẽ phải lắm. Thái bình lâu ngày, con cháu nhà vua nối ngôi; kiểu vua ấy, tôi có một cái tên đặc biệt tự chế, gọi là **"hoàng đế nghề nghiệp"** (职业皇帝 - ngôi vua thành một cái nghề). Hình như các sử gia thường chưa ai dùng qua; tôi vốn định xin đăng ký sáng chế, nhưng Cục Tiêu chuẩn lại không chấp thuận (mọi người cười)!

Những kẻ trời sinh để làm vua này đều sinh ra nơi cung điện sâu thẳm, lớn lên trong vòng tay đàn bà; vừa lọt lòng đã sống trong cung, đến hình dạng cỏ cây ngoài kia thế nào còn chẳng rõ! Bánh bắp hấp, cháo kê là gì thì chắc cũng từng thấy. Chúng lớn lên trong tay đàn bà, ngoài được cung nữ chăm sóc, chỉ lớn lên giữa lũ thái giám nửa nam nửa nữ ấy. Vì thế, trong ba nghìn năm lịch sử, những hoàng đế nghề nghiệp này chẳng chọn nổi ba người phi thường, toàn là lũ hoa mắt chóng mặt; may mà chúng chẳng sống được lâu, nhiều lắm là ba mươi mấy tuổi, làm vài năm là xuống ngay. Cho nên Trời vốn có đức hiếu sinh, sai chúng đi ngủ sớm hơn chút. Còn Hán Vũ Đế thì nửa vời: một nửa hoàng đế nghề nghiệp, một nửa dân gian. Bản thân Hán Vũ Đế từng chịu khổ nơi dân gian, vậy mà khi đã làm vua vẫn bị kẻ gian gièm xúi; người tinh minh như Hán Vũ Đế, sao còn để kẻ gian gièm xúi được?

Vì thế thỉnh thoảng tôi lại kể với học trò chuyện vui, bảo các anh phải biết rằng kẻ gian thần trong lịch sử đều đáng yêu lắm; giả như tôi lên làm vua, biết đâu cũng dính phải thứ thuốc ấy. Nhìn kẻ gian thần trên sân kinh kịch, như Tào Tháo, Tần Cối, mặt vuông vức, đôi vai hếch cao thế kia. Kinh kịch Trung Hoa có một bộ học vấn riêng, dùng lối tượng trưng: mặt Tào Tháo tô trắng, tỏ bậc thư sinh mặt trắng, thanh tú đẹp đẽ vô cùng. Trong kinh kịch có hai hạng mặt trắng: một là chư tiên trên trời, mặt trắng như ngọc; hai là mặt gian thần cũng trắng, tỏ kẻ sĩ thông minh tuyệt đỉnh. Vì sao Tào Tháo, Tần Cối những gian thần ấy vừa xuất hiện, đôi vai đều hếch lên thế? Để tỏ người này chuyên cần dùng óc, suốt ngày cắm mặt vào bàn giấy suy nghĩ, nghĩ đến mức cổ rụt vào, vai tự nhiên hếch lên.

Gian thần đáng yêu lắm; gian thần đâu có ăn nói vụng về đến thế. Ông ta muốn hại một người thì nhất định tâng bốc người ấy trước đã, tâng bốc hết sức tốt đẹp. Ông ta sẽ nói trước mặt vua: người này tốt quá đấy, tốt không sao tả nổi, thỉnh thoảng vài lỗi nhỏ không sao cả; rồi từ từ đông một phát, tây một phát, sẽ hại được người ấy. Hán Vũ Đế đã trúng phải mũi tên ấy: ép đến mức thái tử tưởng như làm loạn, kỳ thực chỉ là tự vệ; kết quả lũ thái giám gian thần lại tâu, quả nhiên thái tử phản rồi; khi ấy Hán Vũ Đế đang đau ốm, giận dữ bắt người giết; thái tử đành dẫn phi tần bỏ trốn, sau bị ép tự vẫn, mấy người phi tần cũng lần lượt tự vẫn. Vụ án về sau được xử xuôi, những kẻ dính líu đến thái tử, cho đến con cái của thái tử đều bị bắt bỏ ngục. Hán Tuyên Đế là chắt của Hán Vũ Đế; mẹ ông sinh ông xong tự vẫn, ông mới một tuổi đã nằm trong nhà tù.

Sử sách chép rằng, khi ấy bên ngoài có tin đồn tâu lên Hán Vũ Đế, nói trong ngục Trường An có khí của bậc thiên tử; người xưa gọi môn học ấy là **"vọng khí"** (望气 - nhìn khí đoán vận), tựa xem phong thủy, xem khí của con người là đoán ra được. Hán Vũ Đế thuở ấy tuổi đã già, trong lòng hơi hiểu mình đã bị lừa gạt, nhưng cơn giận không tài nào xả ra nổi, nên tính tình rất cáu bẳn. Ông bèn hạ lệnh giết sạch tù nhân trong ngục Trường An; may nhờ Bính Cát liều mạng cãi lại, Hán Vũ Đế mới thôi không giết, còn ban đại xá cho hết thảy tội phạm thiên hạ. Chắt của mình đang ở trong tù, sao chẳng vội đem về ẵm cho mau? Chắc vì con cháu nhà vua nhiều lắm rồi, đứa chắt nhỏ ấy chẳng thèm ngó; huống hồ Vũ Đế tuổi đã cao, nên việc ấy từ đó không được hỏi đến nữa.

Lại nói về Hán Tuyên Đế

Giai đoạn cái gọi là trị thế Văn Cảnh trở đi, học thuyết Đạo gia Lão-Trang thịnh hành mãi. Bính Cát vốn là người đạo đức rất cao; người tu đạo rất nhân từ, thấy đứa chắt của Hán Vũ Đế đáng thương, chẳng ai chăm nom, một đứa trẻ mồ côi cô độc đang cần người cho bú. Ông tự bỏ tiền túi mời mụ vú nuôi đứa bé, cuối cùng cũng đưa nó lớn lên từng chút. Hoàng đế tuy từng có chiếu bảo nó nhận tổ quy tông, về sau do Trương Hạ, viên chủ quản khu nhà cạnh cung, nhận nuôi dưỡng, nhưng cũng chẳng ai ngó ngàng; vẫn là Bính Cát trao cho ông ta đặc biệt chăm sóc đứa trẻ; tiền ăn học sinh hoạt đều do Bính Cát chu cấp; đó chính là tấm lòng nhân từ của ông.

Trương Hạ nhìn đứa trẻ này: rốt cuộc là giống rồng, dung mạo khác thường; mai này biết đâu chẳng làm vua thì cũng được phong vương. Đến ngày ấy, các anh em cậu ta nhớ lại đó là huyết thống của mình, theo chế độ gia đình cổ, sẽ tìm đưa đứa trẻ về phong vương! Phong vương cũng phi thường lắm, hơn chức chủ tịch tỉnh bây giờ nhiều; vua gọi là vạn tuế (muôn tuổi), được phong vương tuy chưa tới cửu thiên tuế (chín nghìn tuổi) cũng cỡ bát thiên tuế (tám nghìn tuổi), vẫn là chuyện phi thường. Trương Hạ bèn nói với một người tên Hứa Quảng Hán: ta thấy ngươi cứ chịu khó đầu tư trước vào kẻ chưa phát đạt này, đem con gái gả cho cậu ta, ta sẵn sàng bỏ tiền ra làm sính lễ. Hứa Quảng Hán là người từng phạm tội chịu cung hình, ở tù rất ngoan, thành tích tốt, về sau làm tiểu chủ quản trong nhà tù.

Hứa Quảng Hán về nhà bàn với vợ; vợ không bằng lòng, bảo nhà chúng ta đã đủ xui xẻo rồi, dù thế nào cậu ta cũng vẫn là kẻ phạm tội. Hứa Quảng Hán nói: người phạm tội ấy khác nhà chúng ta chứ, người ta là giống rồng, hậu duệ của hoàng đế; cuối cùng cũng thuyết phục được vợ, bèn đem con gái gả cho cậu ta. Khi ấy Hán Tuyên Đế mới mười mấy tuổi, vợ chồng cũng chật vật lắm. Về sau cậu ta lang thang khắp nơi nơi dân gian, trong cái gọi là tầng lớp thấp hèn ấy; ra dao ra giáo gì cậu ta cũng từng mắt thấy tai nghe; chuyện tham nhũng của quan địa phương, xấu tốt ra sao, cậu ta cũng nhìn rất rõ; song cậu ta cũng rất tự trọng, chẳng làm bậy điều gì. Riêng thân thế của mình thì đã chẳng rõ đầu đuôi; hai vợ chồng thương yêu nhau đằm thắm; vợ cậu ta về sau là Hứa hoàng hậu nổi tiếng; con trai họ, tức Hán Nguyên Đế về sau, cũng sinh ra giữa cảnh gian nan khốn khổ.

Đến về sau triều đình xảy ra biến cố, phải cân nhắc trong hậu duệ Lưu Bang ai lên làm vua là hợp hơn. Khi ấy quyền lực cả nước nằm trong tay Hoắc Quang; Bính Cát đề nghị với Hoắc Quang: hậu duệ họ Lưu chỉ có Hán Tuyên Đế này là hiểu chuyện, từng chịu gian khó nơi ngoài; nên rước Tuyên Đế về lập làm vua. Ông lên ngôi khi tuổi còn trẻ, luôn lo sợ thận trọng; chính trị trong sáng, đầu óc tỉnh táo, bởi nỗi gian khổ dân gian ông đều thấu hiểu.

Sau khi đỡ vị vua này lên, quyền thế của Hoắc Quang càng lớn; bản thân ông rất đàng hoàng, nhưng vợ ông lại là người đàn bà chua ngoa nổi tiếng, mà Hoắc Quang lại là người sợ vợ bậc nhất. Bà ấy nói: vua là ông đỡ lên đấy, đem con gái chúng ta gả cho nhà vua làm hoàng hậu đi; Hoắc Quang bảo không được, hồi nhà vua còn trẻ phiêu bạt nơi ngoài đã có hoàng hậu rồi. Nên văn học có một điển tích **"cố kiếm nan cầu"** (kiếm cũ khó tìm), chính là chuyện Hán Tuyên Đế. Khi ấy Hán Tuyên Đế đã lên làm vua mà hoàng hậu chưa rước vào; các đại thần ai nấy cho rằng hoàng hậu chưa chọn, nhà nào cũng có con gái, nhà nào cũng nuôi hy vọng được làm cha vợ vua, ai nấy mưu tính cả, nhất là nhà Hoắc Quang.

Lúc ấy quần thần dò ý Hán Tuyên Đế; Hán Tuyên Đế nói với người bên cạnh: ai tìm giúp ta thanh kiếm cũ ngày trước, ta biết ơn lắm rồi. Vì sao Hán Tuyên Đế nói vậy? Nói thẳng ra thì: tìm vợ cũ của ta về làm hoàng hậu là xong! Đọc lịch sử phải hiểu: vị vua vừa nối ngôi, quanh mình những thế lực quyền thần đều mạnh lắm, hoàn cảnh chính trị chưa sáng sủa, không dám nói thẳng; đây chính là chỗ cao minh của ông. Khác hẳn bọn người bây giờ, học tới tiến sĩ hai bảy tám tuổi vẫn chẳng hiểu chuyện. Anh xem người ta, hai chục tuổi đầu đã biết cách nói chuyện: không đáp đích danh vấn đề ấy, chỉ nói ta có thanh kiếm cũ, ai giúp ta tìm lại thanh kiếm thuở sa cơ ấy mới là tốt. Hoắc Quang nghe một câu đã hiểu: nhà vua vẫn muốn người vợ cũ. Thông minh là thông minh thật; đổi lại là bọn chúng ta, chắc thật sự mua tặng ông thanh kiếm một nghìn năm trăm đồng, thì chỉ còn nước bị ông chém chết bằng chính thanh kiếm ấy. Người ta chỉ nhắc một lời cầu kiếm cũ, Hoắc Quang hiểu ngay; nên bọn đại thần vội rước vợ ông vào lập làm hoàng hậu.

Vợ Hoắc Quang nghe tin liền bảo: không được, đương nhiên phải để con gái chúng ta làm hoàng hậu; hơn nữa nhà họ Hứa là con gái một kẻ từng ngồi tù, để nó làm hoàng hậu nước ta, chúng ta còn phải quỳ xuống lạy nó, thế là cái gì! Nhất định phải gả con gái chúng ta cho nhà vua. Vì thế vợ Hoắc Quang tìm kế đầu độc Hứa hoàng hậu; lúc hấp hối

nàng đau đớn vô cùng, nhà vua cũng ngờ hoàng hậu bị hạ độc. Mấy năm sau, Hán Tuyên Đế vẫn thương nhớ không nguôi; đó chính là điều quý báu của vợ chồng từng cùng nhau vượt gian nguy. Về sau phát hiện thủ phạm là vợ Hoắc Quang; khi ấy Hoắc Quang đã mất, Tuyên Đế giận điên lên, giết sạch hậu duệ họ Hoắc.

Lại nói về Bính Cát

Nói tiếp chuyện Tuyên Đế lên làm vua rồi, Bính Cát cũng chẳng đắc chí gì cho lắm, nhưng vẫn luôn làm việc trong chính phủ trung ương. Cả đời Bính Cát, đúng như câu **"vô hách hách chi công"** (chẳng có công lao nào chói lọi): chẳng có thành tích đặc biệt, cũng chẳng có điều gì hỏng; dưới sự lãnh đạo cao minh như thế, thiên hạ thái bình, chẳng cần biểu hiện đặc biệt, cũng chẳng cần đến trung thần đặc biệt nữa. Nên ông cũng bình thường giản dị, cứ theo cấp bậc mà thăng tiến, cuối cùng cũng thăng lên sát cạnh nhà vua! Hán Tuyên Đế đối xử với ông đặc biệt tốt; nhưng thuở ban đầu vua chẳng hề biết mạng sống này của mình là Bính Cát cứu lại, cũng chẳng biết từ bé mình được Bính Cát bỏ tiền mời vú nuôi lớn lên; vua chỉ biết mình khổ sở lắm, còn Bính Cát chưa từng nhắc đến.

Sử sách nói về Bính Cát là **"nhất sinh bất niệm ân"** (trọn đời chẳng nhớ ơn mình làm): giúp đỡ người, có ơn lớn với người, cả đời mình chẳng nói. Ông không phải nhịn mà chẳng nói, mà tu dưỡng đạo đức khiến lòng ông chẳng vướng víu điều chi; đó mới là Bính Cát. Lại xét chuyện đời Bính Cát qua sử sách: bởi lãnh đạo Hán Tuyên Đế quá cao minh, nên cả đời Bính Cát nhìn vào đều tầm thường. Song Hán Tuyên Đế với đứa con sinh thời gian khó của mình lại không hài lòng, thấy thằng con quá thật thà; đạo đức tuy không tệ nhưng khí phách chưa đủ, nên mấy phen cũng toan phế thái tử ấy. Chỉ vì nhìn thái tử là nhớ tới Hứa hoàng hậu: vợ chồng gian nguy, lại chết oan uổng chẳng rõ trắng đen, trong lòng đau đớn, nên không chịu thay; về sau chính là Hán Nguyên Đế.

Nói tiếp: hồi Tuyên Đế còn thơ bé, Bính Cát từng mời mấy mụ vú cho ông; có một mụ vú, chồng chắc là loại lưu manh nông thôn, ép mụ vú lên kinh đô làm ầm ĩ chuyện ra; kết quả bị bắt, bảo mụ đưa chứng cứ ra, mụ mới khai mọi việc đều do Bính Cát sắp đặt. Bính Cát trông thấy người đàn bà ấy liền mắng: mày còn mặt mũi nào tới gặp ta! Người thật sự có công là hai mụ vú trước, tiếc rằng cả hai đều đã khuất. Đến lúc ấy Bính Cát mới nói ra; Hán Tuyên Đế hay tin, sai người đưa mụ vú ấy vào cung, riêng gặp nàng hỏi chuyện; mụ vú thú thật: lời Bính Cát chẳng sai, thuở đầu từng mời mấy người, về sau mời tới tôi, tôi là kẻ từng bị ông ta đuổi đi, nói hết lời thật. Hán Tuyên Đế xử lý rất khéo: chẳng ban quan, cũng chẳng phong hầu, chức vị của nước không thể đem làm tình riêng; nên thưởng cho nàng nhiều tiền của, nhiều lễ vật. Còn với Bính Cát, vua chẳng tỏ vẻ gì, Bính Cát cũng chẳng nhắc việc ấy nữa; đó chính là phong phạm làm người của Bính Cát mà chúng ta nên noi theo.

Chừng năm năm sau, thực ra Hán Tuyên Đế vẫn dõi xem Bính Cát rốt cuộc là người thế nào. Bính Cát hơn Hán Tuyên Đế hàng chục tuổi, đã là lão thần, nhưng gặp vua vẫn phải quỳ xuống; nên về sau Hán Tuyên Đế mời ông làm tể tướng. Thời ấy tể tướng gần như là phó vương; khi ấy có chính phó hai tể tướng, vị phó tể tướng kia là Tiêu Vọng Chi, tài trí hơn người, khá tinh minh; ông ta nhìn lão ông Bính Cát thật thà chất phác, cũng chẳng buồn quản, việc gì tự mình quyết cả. Còn Bính Cát, biết vị phó tể tướng này thích làm chủ lắm, hễ chính trị nước nhà vẫn tử tế, vua vẫn tử tế, thì ông vui vẻ buông xuôi, chỉ lưu tâm chuyện lớn.

Chuyện sử gọi là Bính Cát hỏi trâu là thế này: có hôm ông đi họp ở trung ương, xe đi tới giữa phố, thấy có người đánh nhau, chết người nằm giữa đường, ông chẳng ngó, bảo xe cứ đi tiếp. Gặp một người dân dắt một con trâu; mùa hè oi ả, con trâu bước đi thở hồng hộc, nước bọt bọt mép chảy đầy miệng. Bính Cát hỏi người dắt trâu: bao lâu nay chưa có mưa? Vì mưa không xuống, trời quá nóng, con trâu nước chẳng thể lăn mình trong nước, chịu không nổi mới thở hồng hộc. Bính Cát liền đoán vụ mùa năm ấy thu hoạch chắc có trục trặc; đó là việc lớn của nước, lương thực hàng

đầu, nhất là trong xã hội nông nghiệp; nên sử sách gọi là Bính Cát hỏi trâu. Thực tế, ông từ tình trạng con trâu suy ra chuyện khí tượng, từ khí tượng liên tưởng tới nơi nào trong nước đã mưa, nơi nào chưa mưa; mùa màng thu hoạch khắp nơi đều can hệ tới vận mệnh dân chúng đất nước.

Có người hỏi ông, sao thấy người chết giữa đường lại không hỏi? Ông đáp: chuyện đánh nhau chết người ấy có huyện trưởng lo, đó là việc của họ; nhiệm vụ của ta là chính sự lớn của quốc gia. Hỏi trâu là vì muốn điều hòa âm dương; chữ âm dương này nghĩa nhiều lắm, đó là việc lớn của nước, sao ta lại chẳng hỏi! Chuyện Bính Cát hỏi trâu chính là cái lý ấy. Một phía, có thể nói Bính Cát hiểu thấu đại thể: tể tướng coi việc đại chính của nước, chuyện nhỏ mỗi việc có người chuyên trách lo; phía hai, phó tể tướng của ông lại rất thích xen việc, há cần hai người tranh quyền? Đó là chỗ cao minh của Bính Cát hỏi trâu. Tuổi ông cũng đã cao, ngồi ngôi vị ấy cũng khá ổn; chỉ cần canh giữ kỹ ngôi vua do mình nuôi lớn, đừng cho lệch đi, đừng để kẻ khác ngồi mất, là đủ rồi. Đây là nói sở trường của Bính Cát trọn một đời; nhất là với vị vua do mình đào tạo, trọn đời chẳng nhớ ơn: đó là điều khó nhất trong làm người.

Nhà Tống có một vị tể tướng là Lữ Đoan, có chỗ giống Bính Cát. Có một câu đối rằng: **"Chư Cát nhất sinh duy cẩn thận, Lữ Đoan đại sự bất hồ đồ"** (Gia Cát cả đời chỉ biết thận trọng, Lữ Đoan việc lớn chẳng bao giờ hồ đồ). Gia Cát Lượng cả đời chẳng có sở trường nào khác, chỉ là cẩn trọng thận trọng; một người nếu thông minh tuyệt đỉnh mà với chuyện nhỏ có thể qua loa giả vờ hồ đồ, mới là người thông minh hạng nhất. Như Lữ Đoan nhà Tống làm tể tướng, đâu có hồ đồ thật! Việc lớn tuyệt đối chẳng hồ đồ, chuyện nhỏ thì qua loa cho xong. Thuở ấy thiên hạ thái bình, ông vui vẻ thế thôi, làm một vị tể tướng thời thái bình.

Cách làm của Bính Cát cũng như thế, nên đạo đức riêng của ông cùng sở trường của ông hẳn phải nhiều lắm. Song nghiên cứu sâu thêm, trong lịch sử điều tốt của Bính Cát được chép lại chẳng bao nhiêu; đủ thấy đạo đức người này càng cao hơn: chẳng nhìn ra đạo đức tốt của ông, ấn tượng để lại bao giờ cũng chỉ là một con người bình thường giản dị. Không như lũ tô vẽ đạo đức ngoài xã hội: kể người này cũng do họ giúp đỡ, báo chí ngày nào cũng đăng họ quyên góp bao nhiêu tiền, nơi nào làm được bao nhiêu việc tốt v.v.; kiểu người ấy, phải lấy lời ấy mà chiết khấu mấy lần mới được. Bính Cát chẳng hề thế; trọn đời chỉ thấy ông bình thường giản dị, chỉ thấy ông hỏi trâu nói vài câu, ngoài ra chẳng có chuyện gì; nên đạo đức cao của ông thật đáng để chúng ta lớp trẻ noi theo.

Pháp gia và Đạo gia cùng trị

Phía trước đã kể chuyện qua lại giữa Hán Tuyên Đế với Bính Cát, vậy vì sao ở đoạn này lại nhắc tới nữa? Bởi câu chuyện ấy còn một khúc đuôi chưa kể hết: thái tử của Hán Tuyên Đế, tức Hán Nguyên Đế về sau, vốn thích nghiên cứu tư tưởng học vấn Nho gia, nên đối với cách làm chính trị của cha mình có ý kiến. Thái tử tỏ bày với cha rằng: cho rằng nước nhà bị quản trị nghiêm khắc quá chừng, liệu có thể nới lỏng chút được không, nên dùng nhiều hơn những kẻ sĩ Nho gia giảng nhân nghĩa đạo đức, thế thì mọi việc sẽ khá hơn. Nghe xong, Hán Tuyên Đế nổi cơn thịnh nộ; song cơn giận này có thể nói đã vạch trần hết bí mật của lối làm chính trị đế vương có tiếng trong lịch sử. Ông đáp lời con trai rằng: nhà Hán vốn có chương phép riêng của nhà, vương đạo với bá đạo dùng lẫn vào nhau; nghĩa là Pháp gia và Đạo gia dùng xen kẽ, giúp sức cho nhau, quyết chẳng được thiên lệch về tư tưởng nhà nào, bằng không việc thiên hạ sẽ chẳng thông nổi. Ngươi dại dột thế này, mai sau làm sao trị được nước!

Trong chế độ đế vương thời cổ, trên lập trường gia tộc thì là cha con, trên lập trường công vụ thì là vua tôi; cha con cũng là vua tôi, vợ chồng cũng là vua tôi, chuyện ấy nghiêm ngặt lắm. Cho nên Hán Tuyên Đế cực kỳ không vui, cứ thấy con trai là cau mày nói: cơ nghiệp nhà Hán mai này đến tay nó rồi sẽ sụp xuống thôi. Lời ấy há chẳng phải cũng đúng thật! Tư tưởng văn hóa Trung Hoa mà người đời thường gọi, Nho gia ra sức giảng vương đạo, chính là điều bộ

Mạnh Tử ta từng dẫn: **"đồ thiện bất túc dĩ vi chính, đồ pháp bất năng dĩ tự hành"** (chỉ có lòng nhân thì chẳng đủ để trị nước, pháp lệnh chẳng thể tự đi nổi). Nghiêng hẳn về một phía nào cũng đều bế tắc cả. Thực chất, bí quyết mà các đời đế vương dùng, đại nguyên tắc của đại chính trị, chính là đoạn ấy trong Trang Tử: **"dĩ hình vi thể, dĩ lễ vi dực, dĩ tri vi thời, dĩ đức vi tuần"** (lấy phép hình làm nền tảng, lấy lễ nghĩa làm đôi cánh, lấy trí tuệ mà biết đúng thời, lấy đức mà tuần theo).

Cho nên người bàn triết học tư tưởng Trung Hoa, bàn tư tưởng chính trị, đây chính là then chốt; những bí mật ấy các bậc đế vương cứ mặc lòng dùng, nhưng dùng thì được mà kể thì không, kể ra rồi thì chẳng còn làm nổi bậc đế vương, chỉ còn đáng cái nghề dạy học mướn mà thôi. Nếu các bạn học được bí quyết này, muốn làm người phi thường hay muốn làm một ông chủ, cũng vẫn là dùng được mà chẳng thể nói; điểm này xin nhắc riêng một lời.

Bây giờ trong *Đại Tông Sư*, Trang Tử lại công khai nêu ra tiết ấy; lần trước chúng ta từng nhắc tới hai mặt công dụng: tu dưỡng đạo đức nơi cá nhân cũng như xử người xử việc, đều theo đúng nguyên tắc này. Cái gọi là đại tông sư, có thể xuất thế, cũng có thể nhập thế; chẳng bó hẹp ở xuất thế, cũng chẳng bó hẹp ở nhập thế; duy chỉ kẻ đắc đạo mới làm nổi được như thế. Ngang với lúc nãy chúng ta cùng vị bạn này thảo luận câu **"du ư Nghệ chi cấu trung"** (du chơi giữa tầm bắn của Hậu Nghệ) trong Trang Tử: duy chỉ người như thế mới đủ tư cách nhập thế, vì thân thì nhập thế mà tâm đã giải thoát, tâm đã ở chốn xuất thế.

Từ đạo lý ấy mà nói tới sinh mệnh của người: nếu chẳng đắc đạo, tự mình chẳng làm chủ nổi bản thân, bị hoàn cảnh bên ngoài, thế giới vật lý cùng chính thân xác mình chi phối, thì hiển nhiên chẳng thể chủ động sinh mệnh của mình; duy chỉ người đắc đạo mới chủ động được sinh mệnh của mình, cũng mới đủ tư cách nhập thế, lập đại công, thành đại nghiệp. Song thành công rồi, cũng đều theo đường lối của Lão Tử: **"công toại thân thoái, thiên chi đạo dã"** (công thành rồi lui thân, ấy là đạo trời). Bởi vậy mọi thành công chẳng nhất thiết phải thuộc về ta; giúp người khác thành công xong, tự mình lén lút rút đi khỏi; ấy chính là nguyên tắc của Lão Tử, cũng là quy luật tự nhiên.

Nói chuyện một đời người

"Tuyền khô, ngư tương dữ xử ư lục, tương hủ dĩ thấp, tương nhu dĩ mạt, bất như tương vong ư giang hồ." (Suối cạn, cá dạt lên cạn, há hơi ướt cho nhau, lấy bọt nước nuôi nhau, chẳng bằng quên nhau giữa sông hồ.)

Vài câu ấy của Trang Tử, hàng nghìn năm nay văn chương vẫn thường dùng; về sau cứ nhắc tới cảnh tượng ấy là biết ngay nó xuất từ Trang Tử. "Tuyền khô": nước suối trong ao đã cạn, cá hết nước bèn nhảy lên đất khô, kết quả cả đống cá đổ dồn vào một chỗ, **"tương hủ dĩ thấp, tương nhu dĩ mạt"** (há hơi ướt cho nhau, lấy bọt nước nuôi nhau), miệng ai cũng nhả ra bọt nước trắng, dựa vào bọt nước của nhau mà níu giữ chút sinh mệnh mong manh; chẳng vậy thì hết nước, cá chết mất. Bạn hỏi cá có cam chịu thế này chăng? Cá tuyệt đối không cam chịu!

Ví như ta nuôi cá trong hồ kính; nay nuôi cá cảnh rất thịnh hành, lại còn có thiết bị điện phun cho nước xoay vần; nhưng nếu ta chính là con cá, thì thà sống nơi sông ngòi, quyết chẳng chịu nằm trong hồ kính làm cảnh; nên câu dưới mới nói: chẳng bằng **"tương vong ư giang hồ"** (quên nhau giữa sông hồ). Cá thà tự do tự tại trong sông biển, bởi đó mới là trời đất của chính sinh mệnh nó; nhờ người khác nuôi dưỡng thì mãi mãi chẳng đáng tin. Câu "tương vong ư giang hồ" này, đời sau chúng ta thường dẫn: quên nhau trong sông hồ là quên thế nào? Là quên rằng có sông có hồ, quên mất sức ràng buộc từ bên ngoài, không chịu sự quấy nhiễu của bất cứ ai. Đời người cũng vậy: tất cả đều là cá đã rời nước, đều nhờ chút nước dãi mà nuôi dưỡng sinh mệnh; chỉ kẻ thật đắc đạo mới là cá giữa sông hồ, mới thật sự "tương vong ư giang hồ". Kế đó, Trang Tử lại nói tới chuyện nhân sinh trong xã hội.

"Dữ kỳ dự Nghiêu nhi phi Kiệt dã, bất như lưỡng vong nhi hóa kỳ đạo." (Khen Nghiêu mà chê Kiệt, chẳng bằng quên cả hai mà hóa vào đạo.)

Giữa nhân gian, ai cũng tâng bốc kẻ thiện, ghét kẻ ác. Trong lịch sử, Nghiêu Thuấn đương nhiên là minh quân hiền thánh, là người thiện; Kiệt Trụ đương nhiên là những vua xấu của lịch sử. Thói quen ngày trước, như thành ngữ thời chúng ta còn nhỏ là **"trợ Kiệt vi ngược"** (giúp Kiệt làm điều bạo ngược), mấy chục năm nay đổi thành **"trợ Trụ vi ngược"** (giúp Trụ làm điều bạo ngược), tôi vẫn chưa bao giờ quen; thôi kệ! Kiệt cũng được, Trụ cũng được; chúng ta nghiên cứu Trang Tử, phải biết quên nhau giữa sông hồ, chẳng sao cả, miễn hiểu cái ý ấy là được rồi.

Trang Tử nói, thay vì tâng bốc Nghiêu Thuấn rồi phê phán Hạ Kiệt, chẳng bằng hóa tan thị phi thiện ác. Thị phi quá tỏ tường chưa hẳn là chuyện tốt; thiện ác quá rạch ròi, học vấn quá giỏi, tri thức quá uyên bác, đều là tự chuốc lấy phiền phức, đời người vì thế khổ lắm; **"bất như lưỡng vong nhi hóa kỳ đạo"** (chẳng bằng quên cả hai mà hóa vào đạo): thiện cũng chẳng làm, ác cũng chẳng làm. Dĩ nhiên bạn sẽ hỏi thiện mà chẳng làm thì làm ác à? Thiện đã chẳng làm, ác đương nhiên càng chẳng làm; mà là quên cả thiện lẫn ác để hóa vào đạo. Đời người nếu hóa tan nổi thị phi, thiện ác, khen chê, thì tự mình quên nhau giữa sông hồ, quên nhau giữa trời đất, đến sống chết cũng quên được nữa.

Phù đại khối tải ngã dĩ hình,
Khối lớn đội ta bằng hình,

lao ngã dĩ sinh, dật ngã dĩ lão, tức ngã dĩ tử.
làm ta nhọc vì sống, cho ta nhàn vì già, cho ta nghỉ vì chết.

Cố thiện ngô sinh giả, nãi sở dĩ thiện ngô tử dã.
Cho nên khéo sống ta, ấy là khéo chết ta.

Câu ấy chính là đạo lý sống chết mà Trang Tử đã tham thấu. Ở đây có một vấn đề lớn: mấy lần chúng ta nói tới tư tưởng Phật gia, Đạo gia, vấn đề quan trọng nhất đe dọa con người chính là vấn đề sống chết. Các tôn giáo khác nghĩ đủ mọi cách để giải quyết vấn đề sống chết, duy chỉ Nho gia với Đạo gia trong văn hóa Trung Hoa không giải quyết vấn đề sống chết; họ lấy việc không giải quyết làm chỗ giải quyết, ngang với điều Thiền tông nói **"vô môn vi pháp môn"** (chẳng có cửa nào cả, ấy chính là pháp môn). Nói cách khác, tại sao phải ghét bỏ việc sống? Có kẻ tại sao lại đi tự sát? Chết rồi rốt cuộc tốt hay chưa tốt? Chết rồi mà thấy phiền phức hơn bây giờ, lúc ấy hối hận cũng đã muộn. Ngược lại cũng có thể nói: cần gì phải sợ chết? Thật tới lúc chết thì rất tự nhiên mà đi thôi! Chúng ta bây giờ sợ chết, vì sợ lúc chết rồi kém hơn hiện tại; giả sử may mà hơn hiện tại, há chẳng phải hối hận vì sự ngu ngốc ngày nay hay sao? Hai vấn đề ấy, Trang Tử nói thấu cả hai phía.

Bây giờ nói câu **"phù đại khối tải ngã dĩ hình"** (khối lớn đội ta bằng hình): đại khối là danh từ Trang Tử đặt ra; đại khối chính là vũ trụ, nói rõ hơn nữa, chính là trái đất này, trời đất này; trời đất cho ta một hình thể, cho ta hình hài con người. Nhưng trời đất rất công bằng: cho ngươi một sinh mệnh, **"lao ngã dĩ sinh"** (làm ta nhọc vì sống), chữ này dùng hay lắm, cho ngươi sinh mệnh thì bắt ngươi bận rộn quanh năm; chẳng bận rộn thì không gọi là sinh mệnh. Chẳng riêng gì loài người, bất kể kiến muỗi ruồi nhặng nào cũng phải bận rộn suốt một kiếp; nên trong văn học Trung Hoa có một danh từ chuyên dụng gọi là **"lao sinh"** (劳生 - sống là nhọc), xuất phát từ đây.

Câu "đại khối tải ngã dĩ hình": ân huệ mà đất đai ban cho chúng ta lớn lao, muốn báo đáp cũng chẳng có cách nào, nên Lão Tử dạy ta noi gương đất: **"nhân pháp địa, địa pháp thiên, thiên pháp đạo, đạo pháp tự nhiên"** (người nương theo đất, đất nương theo trời, trời nương theo đạo, đạo nương theo tự nhiên). Chữ "pháp" nghĩa là noi theo. Vì

sao người phải noi theo trời đất? Bạn xem đất lớn sinh dưỡng muôn vật, nó chỉ biết cho đi, chút báo đáp cũng không cầu; còn ta trả lại cho nó được gì? Thứ bẩn thỉu nhất đều trả hết cho nó, nó cũng chẳng giận; cuối cùng người ta chết rồi, một đống nước thối xương thối, còn chôn xuống lòng đất nữa, nó vẫn cứ nhận lại như thường. Cho nên tu dưỡng đạo đức của người phải vĩ đại như trời đất, chỉ có cho đi, không có thu về, ấy chính là đạo.

Câu "đại khối tải ngã dĩ hình" là tả đất đai này: xe cộ, máy bay, đường cao tốc, cây cầu thép xi măng, tất cả mọi thứ, đất đai đều gánh vác y nguyên, chút oán trách cũng không. Song trời đất rất công bằng: **"lao ngã dĩ sinh"** (làm ta nhọc vì sống), khiến ta một đời lam lũ gian nan; **"dật ngã dĩ lão"** (cho ta nhàn vì già), già là lẽ phải, người có sinh ắt có già, già là để cho người nghỉ ngơi chứ! Người không già thì chẳng chịu nghỉ ngơi. Có điều vài kẻ giống chúng ta, già rồi vẫn chẳng chịu nghỉ, thế là trái với nguyên tắc này! **"Tức ngã dĩ tử"** (cho ta nghỉ vì chết), tức cho ngươi một kỳ nghỉ dài, hoàn toàn hưu trí. Sinh lão bệnh tử là các chặng đường của sinh mệnh; theo Đạo gia Lão Trang thì thuận theo tự nhiên; còn Đạo gia tu tiên thời hậu thế thì khác, họ muốn nhảy ra khỏi vòng sinh lão bệnh tử ấy. Đạo gia Lão Trang thuận theo tự nhiên, sinh mệnh sống tới một chặng, rất tự nhiên chết đi mà trở về nghỉ; nên thôi, ôxy gì cũng đừng phiền lòng, muốn chết thì sớm một chút đi nghỉ, chẳng có gì đâu.

Dưới đây là kết luận trọng yếu. **"Cố thiện ngô sinh giả, nãi sở dĩ thiện ngô tử dã"** (cho nên khéo sống ta, ấy là khéo chết ta): một người chỉ khi thật rõ giá trị của sinh mệnh mình, rõ ý nghĩa, phương hướng, lối sống của sinh mệnh, mới biết nên sống thế nào; đây là một đại học vấn. Cho nên nói, khéo sống mới khéo chết, mới biết đối diện với cái chết thế nào.

Tư tưởng Đạo gia Lão Trang chẳng đại diện cho Đạo gia sau thời Lão Trang, cũng chẳng đại diện cho tư tưởng Khổng Mạnh. Thời Xuân Thu Chiến Quốc, Nho và Đạo vốn một nhà, chưa chia; từ Tần Hán trở đi, Nho gia, Đạo gia, Pháp gia v.v. mới lần lượt phân nhà. Văn hóa Trung Hoa ngày xưa bản chất là một hệ thống, nên ta thấy Khổng Tử cũng bàn tới vấn đề sống chết. Khi Tử Lộ nêu vấn đề sống chết, Khổng Tử đáp: **"vị tri sinh, yên tri tử"** (sống còn chưa hiểu ra, lại hỏi gì chuyện chết). Ông nói: ngươi sống mà còn chẳng hiểu sống thế nào, còn hỏi sau khi chết đi về đâu! Khổng Tử chẳng phải không hiểu, chỉ là không trả lời Tử Lộ. Đạo lý ấy cũng chính là đạo lý "khéo sống ta, ấy là khéo chết ta".

Nói cách khác, câu này nhìn qua tưởng đơn giản, mà ông đã mắng trúng cả loài người: chẳng một ai khi còn sống hiểu rõ cuộc đời chính mình; cũng có thể nói, chúng ta sống mà chẳng hiểu vì sao mình sống. Chỉ giống lời Phật gia giải thích: nương theo nhân duyên, dạt tới đâu sống tới đó, tự mình chẳng làm chủ nổi. Thật sự làm nổi chữ "khéo sống ta", chỉ là người đắc đạo; tự mình làm chủ được rồi, cũng làm nổi chữ "khéo chết ta".

Vì thế ông lại nêu ra một thí dụ nữa; Trang Tử gọi thí dụ là ngụ ngôn. Trong *Tạp thiên* cũng có một thiên mang tên *Ngụ ngôn*. Trước hết nhắc qua ngụ ngôn mà Trang Tử nói, tức là cái mà Nhân minh Ấn Độ gọi là dụ (喻). Thí dụ có ý nghĩa, chẳng phải vô nghĩa; nên chữ ngụ (寓) trong ngụ ngôn là tên gọi Trang Tử nêu đầu tiên, cách đây đã hơn hai nghìn năm. Chờ văn hóa ngoại quốc tràn vào, những tiểu thuyết thần quái huyễn hoặc được dịch sang, mới có một bộ *Ngụ ngôn Aesop*; các bạn trẻ đời sau thuở nhỏ đọc những tiểu thuyết ngụ ngôn ấy, nên vừa nghe chữ ngụ ngôn là cho toàn chuyện dối trá, cho rằng phải ba hoa chích chòe mới gọi là ngụ ngôn. Đọc tới lời Trang Tử, Trang Tử tự nhận cả mà, sách ông toàn ngụ ngôn, bèn cho Trang Tử toàn nói nhảm, bậy bạ; đây là sai lầm về quan niệm. Bởi hồi dịch xưa chỉ mượn tạm cái tên ngụ ngôn mà thôi.

Ngụ ngôn chính là thí dụ. Cái gọi là tông, nhân, dụ của Nhân minh (lô-gic), là xuất phát từ một tiền đề, một chủ trương, dẫn triển ra lý lẽ; cuối cùng nói chẳng rõ, đành dùng một thí dụ mà minh giải; nên trong Trang Tử khắp nơi

đều là thí dụ, dùng thí dụ để nói rõ một đạo lý. Phía dưới là thứ hay mà văn chương chúng ta vẫn quen dùng, thường dùng.

Thí dụ của Trang Tử

Phù tàng chu ư hộc, tàng sơn ư trạch, vị chi cố hĩ.

Giấu chiếc thuyền trong khe núi, giấu quả núi trong đầm lầy, bảo là chắc chắn lắm rồi.

Nhiên nhi dạ bán hữu lực giả phụ chi nhi tẩu,

Thế nhưng nửa đêm có kẻ sức lực phi thường cõng chúng mà đi,

muội giả bất tri dã.

kẻ u mê chẳng hay biết gì.

Chữ **"tàng"** (藏 - giấu giữ) này nghĩa là gì? Mượn một tên gọi mà nói, chính là tham dục, tham tâm; cũng tức điều Phật học gọi là chấp trước, nắm chặt lấy; trong sinh mệnh con người, mọi thứ đều muốn nắm cho thật chặt, kỳ thực vĩnh viễn chẳng thể nào. Bởi người muốn giữ cho chắc: **"tàng chu ư hộc"** (giấu chiếc thuyền trong khe núi), sợ thuyền bị gió bão thổi hư, bèn nhấc chiếc thuyền lên giấu vào thung lũng. **"Tàng sơn ư trạch"** (giấu quả núi trong đầm lầy): giấu núi ở đâu đây? Đành phải giấu trong biển cả! Trạch đại biểu cho đại dương, **"vị chi cố hĩ"** (bảo là chắc chắn lắm); theo quan niệm của chúng ta mà nhìn, thì vững chắc vô cùng, như thế là đáng tin quá rồi. Giấu thuyền vào trong núi, đem núi bỏ vào Thái Bình Dương, còn vấn đề gì nữa! Ông nói, tự cho mình giấu rất kỹ, song nào hay biết **"nhiên nhi dạ bán hữu lực giả, phụ chi nhi tẩu"** (thế nhưng nửa đêm có kẻ sức lực phi thường cõng chúng mà đi): canh khuya nửa đêm, có một người sức lực rất lớn, bê luôn Thái Bình Dương cùng quả núi này mà đi mất.

Nên có kẻ nói Trang Tử sớm hiểu trái đất đang chuyển động. Nay chúng ta đều biết trái đất là khối tròn đang quay, người xưa cũng đều biết cả. Đầu thời Dân Quốc, văn hóa Tây phương tràn vào, nhiều kẻ mắng chửi văn hóa Trung Hoa của mình, bảo "trời tròn đất vuông" căn bản là sai; vậy mà Tăng Tử, vị đệ tử Khổng Tử soạn bộ *Đại học*, lại có một quyển sách mang tên *Tăng Tử*, nay còn lưu truyền, trong đó đề cập trời là tròn. Mãi về sau mới nói "trời tròn đất vuông", chẳng phải nói trái đất là khối vuông đâu, mà là nói đất có phương vị. Cho nên lúc đọc sách cũ, chớ để hiểu lầm văn hóa Trung Hoa.

Từ đó hiểu được điều Trang Tử nói: canh khuya còn kẻ bưng non bể mà đi, thực ra đó là sự chuyển động! **"Muội giả bất tri dã"** (kẻ u mê chẳng hay biết), nhưng người thường nào hay, cứ tưởng mình ngồi trên trái đất rất vững vàng, chẳng hề lay động. Chúng ta giờ ngồi đây cũng thấy vững vàng lắm, thực tế trái đất đang quay; nếu am hiểu vật lý địa cầu, biết đâu kiểu ngồi ấy lại đang ngồi ngược đầu đấy. Vì sao chẳng rơi xuống? Vì có lực hút của lòng đất. Song người xưa không biết đạo lý ấy; riêng Trang Tử biết, chính là câu **"dạ bán hữu lực giả phụ chi nhi tẩu, muội giả bất tri dã"** (nửa đêm có kẻ sức lực phi thường cõng nó mà đi, kẻ u mê chẳng hay biết).

Tàng tiểu đại hữu nghi, do hữu sở độn.

Giấu nhỏ giấu lớn đều có chỗ phải đáng, song vẫn còn chỗ thoát đi.

Nhược phù tàng thiên hạ ư thiên hạ nhi bất đắc sở độn,

Còn nếu giấu thiên hạ trong thiên hạ thì chẳng còn chỗ nào thoát nổi,

thị hằng vật chi đại tình dã.

ấy là lẽ thật lớn lao, thường hằng của muôn vật.

Ta giấu đồ lớn đồ nhỏ, đều muốn tìm được chỗ vừa đáng để giấu cho kỹ, **"do hữu sở độn"** (vẫn còn chỗ thoát đi); chữ **"độn"** (遯) chính là chữ độn trong chạy thoát (遁). Việc thiên hạ có thật giấu cho tốt được không? Có thật nắm cho chặt được không? Không thể nào! Càng giấu giỏi, càng nắm chắc, càng chẳng đáng tin. Nên các bạn già của chúng ta đây, hôm qua tôi vừa kể với một người bạn: đứa con của ông được ông yêu chết đi được, càng yêu càng hỏng; giáo dục kiểu thương yêu phải có phương pháp, yêu quá mức thì hại đứa trẻ. Càng muốn yêu cho chặt, nó chạy càng nhanh, việc thiên hạ đều như vậy cả; **"tàng tiểu đại hữu nghi, do hữu sở độn"** (giấu nhỏ giấu lớn đều có chỗ phải đáng, song vẫn còn chỗ thoát đi), lại thoát mất rồi. Vậy giấu thế nào cho phải? Thật muốn giấu cho tốt, xem dưới đây Trang Tử nói ra sao.

"Nhược phù tàng thiên hạ ư thiên hạ nhi bất đắc sở độn" (còn nếu giấu thiên hạ trong thiên hạ thì chẳng còn chỗ nào thoát nổi): giấu ở đâu là tốt nhất? Giấu ngay trên bổn vị; đem thiên hạ giấu trong thiên hạ, thế thì chẳng còn chút vấn đề gì. Một chén nước giấu ở đâu? Tốt nhất là đổ vào nước; giấu kiểu ấy mới là tốt nhất, chính là giấu thiên hạ trong thiên hạ. **"Bất đắc sở độn"** (chẳng còn chỗ nào thoát), thế thì vĩnh viễn chạy không nổi. **"Thị hằng vật chi đại tình dã"** (ấy là lẽ thật lớn lao, thường hằng của muôn vật), cũng tức đạo lý tự nhiên vật lý; nên người ta khuyên nhau đem tất cả quy về tự nhiên, hoàn về bổn vị, phải thế thì làm thế. Nếu định mượn tâm tư riêng, mượn quan niệm nhỏ bé của cá nhân mà túm lấy nó, kết quả càng túm càng chẳng nắm nổi.

Những bài văn kiểu ấy của Trang Tử, một hai nghìn năm qua thơ từ phú văn chương vẫn thường dùng tới. Tuy nhiên người xưa viết văn, chẳng bao giờ đem nguyên câu chép trọn vào, làm vậy thì thành kẻ ăn cắp văn người khác rồi. Song văn chương nghìn cổ phần lớn là chép, ai cũng chép cả, miễn kỹ thuật chép cao siêu thì hay. Như đoạn này, có người viết văn chỉ cần nhắc vài chữ tàng sơn, sở tàng, là lộ ngay tinh thần đoạn Trang Tử. Cho nên xem văn chương, thơ từ phú v.v. đời sau, nhiều cái hay đẹp đều xuất từ Trang Tử.

Quách Tượng giải thích biến hóa nhân sinh

Dưới đây chúng ta lại xem chú giải của Quách Tượng đối với hai đoạn **"nhiên nhi dạ bán hữu lực giả phụ chi nhi tẩu, muội giả bất tri dã"** (thế nhưng nửa đêm có kẻ sức lực phi thường cõng chúng mà đi, kẻ u mê chẳng hay biết gì):

Phù vô lực chi lực, mạc đại ư biến hóa giả dã.

Sức mạnh của cái tưởng như chẳng có sức mạnh, chẳng gì lớn bằng sự biến hóa.

Cố nãi yết thiên địa dĩ thú tân, phụ sơn nhạc dĩ xả cố.

Cho nên mới nhấc cả trời đất mà đuổi theo cái mới, cõng cả núi non mà từ bỏ cái cũ.

Cố bất tạm đình, hốt dĩ thiệp tân, tắc thiên địa vạn vật, vô thời nhi bất di dã.

Vì thế chưa từng tạm dừng một chốc; chớp mắt đã lấn sang cái mới, thì giữa trời đất muôn vật, không lúc nào chẳng dịch chuyển.

Thế giai tân hĩ, nhi mục dĩ vi cổ;

Cõi đời đều là cái mới cả, vậy mà mắt ta vẫn coi đó là cái cũ;

Châu nhật dịch hĩ, nhi thị chi nhược cựu;

Thuyền ngày một đổi khác, vậy mà nhìn vào vẫn ngỡ như thuở trước;

Sơn nhật canh hĩ, nhi thị chi nhược tiền.

Núi ngày một đổi thay, vậy mà nhìn vào vẫn ngỡ như trước kia.

Kim giao nhất tí nhi thất chi, giai tại minh trung khứ hĩ.

Giờ đây vừa chạm phải cánh tay nhau một cái đã mất nhau rồi, tất cả đều trôi qua trong cõi mờ mịt.

Cố hướng giả chi ngã, phi phục kim ngã dã, ngã dữ kim câu vãng, khởi thường thủ cố tai!

Cho nên cái ta của phút trước đây chẳng còn là cái ta hôm nay nữa; ta cùng giây khắc hiện tại cùng trôi đi cả, há thể mãi mãi giữ lấy cái cũ được đâu!

Nhi thế mạc chi giác, hoành vị kim chi sở ngộ khả hệ nhi tại, khởi bất muội tai!

Mà người đời chẳng ai thức tỉnh, cứ ngang ngạnh cho rằng những gì gặp gỡ hôm nay có thể trói buộc lại mà giữ được, há chẳng mờ tối sao!

Câu mở **"phù vô lực chi lực, mạc đại ư biến hóa giả dã"** (sức mạnh của cái tưởng như chẳng có sức mạnh, chẳng gì lớn bằng sự biến hóa): giữa trời đất vũ trụ này, thứ gì mạnh nhất? Nhà tôn giáo nói là Thượng Đế, là thần linh, hoặc là Phật; văn hóa Trung Hoa chẳng bàn mấy chuyện ấy, mà đem những tên gọi ấy gọi là **"tạo hóa"** (造化 - tạo thành, hóa dục muôn vật), mang tính vật lý, không khoác áo choàng tôn giáo. Cái tạo hóa này cũng gọi là biến hóa; về sau thầy bói xem tuổi phê bát tự cũng gọi là tạo hóa. Số mạng ta chẳng tốt, tạo hóa chẳng tốt, cũng là cái này đấy. Tạo hóa nghĩa là đấng chủ tể của sinh mệnh; trong đó có sự biến hóa, là **"vô lực chi lực"** (sức mạnh của cái tưởng như chẳng có sức mạnh). Nhìn nó ngỡ như chẳng có chút sức mạnh nào, nhưng lại nắm quyền chủ tể muôn vật, chủ tể hết thảy chúng sinh; **"mạc đại ư biến hóa"** (chẳng gì lớn bằng sự biến hóa), đây chính là công năng của vũ trụ, công năng tạo hóa này.

Tạo hóa là cái thứ ấy, là sinh mệnh của vũ trụ. Câu **"yết thiên địa dĩ thú tân"** (nhấc cả trời đất mà đuổi theo cái mới): muôn vật giữa vũ trụ, mỗi ngày đều có biến hóa, nên **"cẩu nhật tân, nhật nhật tân"** (hôm nay làm mình mới lên, thì ngày ngày đều làm mình mới), mỗi ngày một khác, khác nhau chính gọi là mới. Ai chủ tể vậy? Chính là cái công năng ấy. Câu **"phụ sơn nhạc dĩ xả cố"** (cõng cả núi non mà từ bỏ cái cũ): vũ trụ ví như đang cõng trái đất này, mà trái đất lại ngày ngày xoay chuyển; hôm qua như mũi tên vụt qua mất rồi, mãi mãi chẳng ngừng tiến về phía trước, chẳng ngừng trôi qua. Câu **"cố bất tạm đình"** (cho nên chẳng tạm dừng), không một giây nào ngừng nghỉ.

Câu **"hốt dĩ thiệp tân, tắc thiên địa vạn vật vô thời nhi bất di dã"** (chớp mắt đã lấn sang cái mới, thì giữa trời đất muôn vật không lúc nào chẳng dịch chuyển): chữ "hốt dĩ" nghĩa là chợt một thoáng, giữa lúc chẳng hay chẳng biết; chữ "thiệp tân" nghĩa là trời đất muôn vật, nơi đâu lúc nào cũng có biến hóa mới. Đạo gia gọi tình cảnh ấy là biến hóa, Phật gia có tên gọi là vô thường: chẳng vĩnh hằng, không ngừng biến đổi. Câu **"thế giai tân hĩ, nhi mục dĩ vi cổ"** (cõi đời đều là cái mới cả, vậy mà mắt ta vẫn coi là cái cũ): trên đời này, thời gian cùng thế giới vật lý lúc nào cũng tiến về phía cái mới; chỉ tại tri thức của chúng ta chưa đủ, nhận thức chưa đủ, nên "mắt vẫn coi là cái cũ": mắt nhìn Đài Bắc hôm nay vẫn ngỡ là Đài Bắc hôm qua. Thực ra Đài Bắc hôm nay chẳng còn là Đài Bắc hôm qua, Đài Bắc ngày mai lại chẳng phải Đài Bắc hôm nay, tất cả đều biến đổi theo từng lúc.

Câu **"châu nhật dịch hĩ, nhi thị chi nhược cựu"** (thuyền ngày một đổi khác, nhìn vào vẫn ngỡ như thuở trước): Trang Tử trước đó có nhắc tới con thuyền, phép so sánh này rất hay, Quách Tượng cũng mượn nó làm ví dụ. Sinh mệnh chúng ta sống trên trái đất này, ngang với ngồi trong một con thuyền. Thuyền mỗi ngày một cũ đi, nhìn vào vẫn ngỡ chẳng khác ngày trước. Câu **"sơn nhật canh hĩ, nhi thị chi nhược tiền"** (núi ngày một đổi thay, nhìn vào vẫn ngỡ như trước kia): chúng ta nhìn ngọn núi phía trước, ngày nào cũng tưởng là ngọn núi ấy. Thơ người đời Đường: **"tương khan lưỡng bất yếm, duy hữu Kính Đình sơn"** (nhìn nhau mà chẳng biết chán, chỉ có núi Kính Đình). Thực ra, núi Kính Đình hôm nay chẳng còn là núi Kính Đình hôm qua; núi ngày ngày đều đang biến, "nhìn vào vẫn ngỡ như trước kia"; nhưng chúng ta chưa đắc đạo, chẳng hay biết, nên nhìn vào vẫn cứ như ngọn núi ngày xưa ấy.

Câu **"kim giao nhất tí nhi thất chi, giai tại minh trung khứ hĩ"** (giờ đây vừa chạm cánh tay nhau một cái đã mất nhau rồi, tất cả đều trôi đi trong cõi mờ mịt). Chữ giao nhất tí trước đây đã giải thích rồi: Khổng Tử bảo Nhan Hồi chuyện giao tí thất chi (vừa chạm cánh tay đã lỡ mất nhau); hai người đi ngược chiều gặp đúng chỗ gặp nhau, hai cánh tay quệt phải nhau một cái, ngươi đi tới, ta đi lui, thế là vụt qua luôn. Mọi việc đã qua là đã qua rồi, đã qua thì mãi mãi chẳng trở lại, vĩnh viễn chỉ còn là chuyện đã qua. Còn "giai tại minh trung khứ hĩ": tất cả đều trôi đi nơi âm thầm mờ mịt, giữa lúc chẳng hay chẳng biết, sinh mệnh cứ thế mà biến qua mất.

Câu **"cố hướng giả chi ngã, phi phục kim ngã dã"** (cho nên cái ta của phút trước chẳng còn là cái ta hôm nay). Cho nên ta phải hiểu: sinh mệnh này của chúng ta, cái ta hôm qua chẳng phải cái ta hôm nay; vốn dĩ thân thể đã có việc mới cũ thay nhau trao đổi, lúc nào cũng đổi thay. Câu **"ngã dữ kim câu vãng, khởi thường thủ cố tai!"** (ta cùng giây khắc hiện tại cùng trôi đi cả, há thể mãi giữ lấy cái cũ!): sinh mệnh của ta hôm nay, cùng thời gian hôm nay, vừa qua thêm một giây là tất cả đều đã qua rồi, đúng là "cùng trôi đi cả"! Còn "khởi thường thủ cố tai": há nào có thể vĩnh viễn đứng giữ ở đây chẳng động! Chẳng thể nào được.

Câu **"nhi thế mạc chi giác, hoành vị kim chi sở ngộ khả hệ nhi tại, khởi bất muội tai!"** (người đời chẳng ai thức tỉnh, cứ ngang ngạnh cho rằng những gì gặp gỡ hôm nay có thể trói giữ lại được, há chẳng mờ tối sao!): người đời vĩnh viễn chẳng hiểu thông, chẳng nhìn thấu lẽ này; cứ nhất định níu thành tựu hôm nay thật chặt, mong có kết quả, rồi lại muốn ôm chặt lấy kết quả ấy; thực tế làm sao nổi đây! "Khởi bất muội tai", mờ tối biết bao, mờ tối biết bao!

Đây là chú giải của Quách Tượng, ngàn xưa tới nay xếp đầu bảng về việc chú Trang Tử; văn chương đẹp lắm, mà lại dễ hiểu hơn cả Trang Tử, vì gần với thời đại sau hơn chút ít. Còn đoạn **"tàng tiểu đại hữu nghi, do hữu sở độn"** (giấu nhỏ giấu lớn đều có chỗ phải đáng, song vẫn còn chỗ thoát đi), Quách Tượng chú giải rằng:

Bất tri dữ hóa vi thể, nhi tư tàng chi sử bất hóa, tắc tuy chí thâm chí cố, các đắc kỳ sở nghi, nhi vô dĩ cấm kỳ nhật biến dã.

Chẳng hiểu rằng mình cùng sự biến hóa vốn là một thể, lại nghĩ cách giấu đi cho khỏi biến; thế thì dù giấu sâu đến đâu, vững chắc đến đâu, mỗi thứ được chỗ phù hợp của nó đi nữa, cũng chẳng có cách nào ngăn nổi nó biến từng ngày.

Cố phù tàng nhi hữu chi giả, bất năng chỉ kỳ độn dã, vô tàng nhi nhậm hóa giả, biến bất năng biến dã.

Cho nên kẻ giấu mà còn giữ được, chẳng thể ngăn nổi sự thoát đi của nó; kẻ chẳng giấu gì mà mặc kệ biến hóa, thì chính biến hóa cũng chẳng thể làm nó biến nữa.

Câu **"bất tri dữ hóa vi thể, nhi tư tàng chi sử bất hóa"** (chẳng hiểu mình cùng biến hóa là một thể, lại nghĩ cách giấu cho khỏi biến): vì chúng ta chẳng biết tạo hóa lúc nào cũng biến, mà muốn nắm giữ tất cả thật chặt mãi mãi, chẳng cho nó biến đi; nên mới muốn trẻ mãi không già, muốn giữ mãi đồng tiền đã kiếm được.

Tư tưởng kinh tế của tôi thì khác. Tôi thường bảo các bạn trẻ: anh chị có kiếm được tiền chưa? Làm ăn phát tài, tháng này lời năm trăm nghìn. Tôi hỏi: tiền đang ở trong túi à? Ở ngân hàng. Tôi bảo thế thì chưa tính là kiếm được. Theo tôi, tiền để trong túi cũng chưa phải là của tôi; biết đâu tuột ra đánh mất, hoặc bị kẻ móc túi móc mất. Tôi nói, tôi kiếm được bao nhiêu là tùy bấy nhiêu tôi tiêu; đem tiền xài hết mới tính là tôi kiếm được, để ở ngân hàng đều chẳng đáng tin. Vì tôi từng có kinh nghiệm: hồi trẻ tôi đúng lúc gặp cuộc Bắc phạt, tiền nhà tôi để ở ngân hàng, chính phủ Bắc Dương bị đánh sụp, ngân hàng cũng đổi thay, tiền cũng mất sạch; vậy nên nói ngân hàng chẳng đáng tin. Tủ sắt cũng chẳng đáng tin, sẽ bị kẻ trộm cuốn đi; để trong túi thì bị kẻ móc túi móc mất; dẫu sao cũng phiền phức, ra đường còn phải sờ soạng túi áo, chẳng khác gì báo trước cho kẻ móc túi biết: chỗ này tôi có tiền đấy! Phiền phức thật! Nên

nguyên tắc của tôi là đem tiền mà xài; tiêu bao nhiêu, mới thật là kiếm được bấy nhiêu. Nghĩa là ta phải sử dụng nó, ta có quyền năng sử dụng nó; nếu tiền nằm im trong túi, hoặc gói kín mãi mãi, thì quyền sử dụng của ta chẳng còn nữa! Đó là chuyện ngu xuẩn bậc nhất thiên hạ, tôi quyết chẳng chịu làm; nên tôi tự thấy mình cũng khá thông minh đấy (mọi người cười).

Câu **"tắc tuy chí thâm chí cố, các đắc kỳ sở nghi, nhi vô dĩ cấm kỳ nhật biến dã"** (dù giấu sâu vững chắc đến cùng cực, mỗi thứ được chỗ phù hợp của nó, cũng chẳng gì cấm nổi nó biến từng ngày): nên anh giấu giỏi đến mấy, giấu sâu chắc nịch đến mấy, "mỗi thứ được chỗ phù hợp của nó", lần này giấu cẩn thận xếp đặt ngay ngắn rồi, song "chẳng cách nào cấm được nó biến mỗi ngày", nó mãi mãi vẫn phải biến thế thôi. Câu **"cổ phù tàng nhi hữu chi giả bất năng chỉ kỳ độn dã, vô tàng nhi nhậm hóa giả biến bất năng biến dã"** (kẻ giấu mà còn giữ được chẳng ngăn nổi sự thoát đi; kẻ chẳng giấu gì mà mặc cho biến hóa, thì biến hóa cũng chẳng làm nó biến nổi nữa): đúng nguyên tắc của tôi đây, tiêu hết một triệu, mới tính là kiếm được một triệu; đó chính là **"biến bất năng biến dã"** (biến hóa cũng chẳng thể biến nữa): anh chẳng còn cách nào để nó biến nữa, bởi tôi vốn đã rỗng rồi còn gì! Rỗng rồi thì còn cái gì nữa mà biến!

Đối với câu Trang Tử nói **"nhược phù tàng thiên hạ ư thiên hạ nhi bất đắc sở độn, thị hằng vật chi đại tình dã"** (còn nếu giấu thiên hạ trong thiên hạ thì chẳng còn chỗ nào thoát nổi; ấy là lẽ thật lớn lao, thường hằng của muôn vật), chú giải của Quách Tượng như sau:

Vô sở tàng nhi đô nhậm chi, tắc dữ vật vô bất minh, dữ hóa vô bất nhất.

Chẳng giấu gì cả mà buông mặc tất cả, thì với muôn vật chẳng gì chẳng hòa hiệp thầm lặng, với biến hóa chẳng gì chẳng là một.

Cố vô ngoại vô nội, vô tử vô sinh.

Cho nên chẳng có ngoài chẳng có trong, chẳng có chết chẳng có sinh.

Thể thiên địa nhi hợp biến hóa, sách sở độn nhi bất đắc hĩ.

Lấy trời đất làm thể mà hiệp cùng biến hóa, tìm chỗ lọt thoát mà chẳng thể tìm ra được nữa.

Thử nãi thường tồn chi đại tình, phi nhất khúc chi tiểu ý.

Đó là chân tình lớn của sự thường tồn, chẳng phải ý niệm nhỏ nhoi quanh co.

Câu **"vô sở tàng nhi đô nhậm chi"** (chẳng giấu gì cả mà buông mặc tất cả): vốn dĩ chẳng cần giấu, cứ mặc cho mỗi thứ trở về vị trí của nó, thì "với muôn vật chẳng gì chẳng hòa hiệp thầm lặng, với biến hóa chẳng gì chẳng là một". Như thế là hợp làm một với tạo hóa của vũ trụ này. Câu **"cố vô ngoại vô nội, vô tử vô sinh, thể thiên địa nhi hợp biến hóa, sách sở độn nhi bất đắc hĩ"** (chẳng ngoài chẳng trong, chẳng chết chẳng sinh; lấy trời đất làm thể hiệp cùng biến hóa, tìm chỗ lọt thoát mà chẳng được): đây là hợp làm một với trời đất, chuyện sinh tử đã rõ ràng xong xuôi, muốn chạy cũng chẳng chạy thoát được nữa. Còn **"thử nãi thường tồn chi đại tình, phi nhất khúc chi tiểu ý"** (đó là chân tình lớn của sự thường tồn, chẳng phải ý niệm nhỏ nhoi quanh co): Quách Tượng giải chữ "đại tình" của Trang Tử là đem đạo lý trường sinh bất tử quy về cái không. Cái không là chẳng thể chết nổi, bởi cái không đã chẳng sinh ra, đương nhiên cũng chẳng chết; "chân tình lớn của sự thường tồn", như thế gọi là sống mãi mãi, chẳng sinh chẳng chết. "Phi nhất khúc chi tiểu ý": đạo lý này sâu xa quá, chẳng phải chút kiến giải quanh co uốn éo của anh có thể hiểu nổi. Anh tự nhận thông minh hiểu thấu đạo lý này, thực ra chẳng dễ hiểu chút nào; đạo lý ấy chính là giấu vào trong cái không; bởi cái không chẳng có gì để giấu, nên chẳng sinh cũng chẳng chết.

Bây giờ quay lại xem văn bản gốc của Trang Tử.

Đặc phạm nhân chi hình nhi do hỷ chi.

Vừa mới lọt vào hình người mà đã mừng rỡ như thế.

Nhược nhân chi hình giả, vạn hóa nhi vị thủy hữu cực dã,

Cái gọi là hình người ấy, trong muôn hóa chẳng bao giờ có bến cùng,

kỳ vi lạc khả thắng kế da!

niềm vui ấy sao kể xiết cho hết!

Cố thánh nhân tương du ư vật chi sở bất đắc độn nhi giai tồn.

Cho nên thánh nhân sẽ du chơi nơi chốn muôn vật chẳng thể thoát đi, mà đều tồn tại vĩnh viễn.

Chỗ này là một vấn đề lớn, chính là tư tưởng Đạo gia. Chúng ta làm người, vui nhất là có được cái sinh mệnh này; cái gọi là sinh mệnh, tức là có được cái thân xác thịt này; đó là chỗ nhận thức sai lầm của loài người. Sinh mệnh chẳng phải thân xác; thân xác chỉ là một chiếc máy, sinh mệnh mượn nó mà dùng qua một thời gian, ngang với chiếc đèn điện vậy. Về chân sinh mệnh, tức cái đạo ấy, thì chẳng ai hiểu; nên cái gọi là **"phạm nhân chi hình"** (lọt vào hình người): **"phạm"** (犯 - phạm phải, mắc lỗi) ở đây nghĩa là chúng ta phạm lỗi mới được trao một hình người, kết quả là bận bịu đến chết, ngày đêm vì nó mà tất bật, **"nhi do hỷ chi"** (mà vẫn còn mừng rỡ), vẫn nâng niu bảo vệ, yêu quý cái thân xác này hết mức.

"Nhược nhân chi hình giả, vạn hóa nhi vị thủy hữu cực dã" (cái gọi là hình người ấy, trong muôn hóa chẳng bao giờ có bến cùng): kỳ thực một sinh mệnh như thân người này chỉ là muôn hóa trong tạo hóa của vũ trụ, một trong nghìn vạn ức thứ biến hóa mà thôi, chẳng có gì quá đáng quý. Xinh đẹp chẳng bằng hoa hồng, hương thơm chẳng bằng hoa lan, ngu dốt chẳng bằng con heo, khôn ngoan lại chẳng bằng con khỉ, chẳng có điểm nào đáng lấy làm quý, thân xác này thật ra chẳng có gì ghê gớm. Khỉ, heo, hoa, chim v.v. đều là một thứ trong muôn hóa cả. Nhưng gốc rễ của sinh mệnh này, cái đạo của vũ trụ, sinh sôi không ngừng, vạn hữu biến hóa vô cùng vô tận, đời đời chẳng bao giờ biến hết. Vậy mà chúng ta lại giữ gìn cái hình dạng con người này kỹ càng đến thế, mong nó mãi mãi không đổi thay. Nếu chúng ta nhận thức được chân sinh mệnh ấy, biết rằng chân sinh mệnh chẳng phải cái thân xác này, thì mới thật sự đắc đạo, **"kỳ vi lạc khả thắng kế da"** (niềm vui ấy sao kể xiết cho hết), niềm vui sướng đó chẳng có cách nào đo lường nổi.

"Cố thánh nhân tương du ư vật chi sở bất đắc độn nhi giai tồn" (cho nên thánh nhân sẽ du chơi nơi chốn muôn vật chẳng thể thoát đi, mà đều tồn tại vĩnh viễn): vậy nên người thật sự đắc đạo chẳng nhất thiết nhận lấy cái thân xác này; ông phải đạt lấy chân lý thật sự của sinh mệnh, mà chân lý đã đạt rồi thì **"du ư vật chi sở bất đắc độn nhi giai tồn"** (du chơi nơi chốn muôn vật chẳng thể thoát đi, mà tồn tại vĩnh viễn). Ông cùng muôn hóa đồng tồn tại, như thế muốn thoát cũng chẳng thoát nổi nữa, tồn tại mãi mãi; đó cũng chính là đắc đạo. Sau đây xem tiếp chú giải của Quách Tượng:

Phù thánh nhân du ư biến hóa chi đồ, phóng ư nhật tân chi lưu.

Thánh nhân du chơi trên đường biến hóa, buông mình theo dòng mỗi ngày một mới.

Vạn vật vạn hóa diệc dữ chi vạn hóa,

muôn vật muôn hóa cũng theo nó mà muôn hóa,

hóa giả vô cực diệc dữ chi vô cực,

cái hóa không bến cùng cũng theo nó mà không bến cùng,

thùy đắc độn chi tai!
thì ai còn thoát đi nổi đâu!

Phù ư sinh vi vong, nhi ư tử vi tồn,
với sự sống coi như mất, mà với cái chết coi như còn,

ư tử vi tồn, tắc hà thời nhi phi tồn tai?
với cái chết coi như còn, thì lúc nào chẳng là còn?

"Phù thánh nhân du ư biến hóa chi đồ" (thánh nhân du chơi trên đường biến hóa): người đắc đạo du chơi giữa nhân gian, du chơi trên con đường biến hóa này, và cái biến hóa ấy chính là tạo hóa đấy! **"Phóng ư nhật tân chi lưu"** (buông mình theo dòng mỗi ngày một mới): buông mặc cho tự nhiên, ngày nào cũng chỉ biết có ngày mai, chẳng bận tâm tới hôm nay, sinh mệnh này đời đời muôn thuở thường mới. **"Vạn vật vạn hóa diệc dữ chi vạn hóa, hóa giả vô cực diệc dữ chi vô cực, thùy đắc độn chi tai!"** (muôn vật muôn hóa cũng theo nó mà muôn hóa, cái hóa không bến cùng cũng theo nó mà không bến cùng, thì ai còn thoát đi nổi đâu!) Vậy nên cứ thuận theo quy luật tự nhiên của trời đất, biến hóa theo sự biến hóa tự nhiên của đạo, chẳng gồng ép, chẳng chống đối; mọi chuyện đã qua chẳng nghĩ tới việc tìm lại, chuyện tương lai cũng chẳng ngăn cản, tự nhiên mà đến, tự nhiên mà đi. Cái tự nhiên ấy chẳng có chốn nào thoát khỏi, cái đó chính là đạo.

"Phù ư sinh vi vong, nhi ư tử vi tồn, ư tử vi tồn, tắc hà thời nhi phi tồn tai!" (với sự sống coi như mất, mà với cái chết coi như còn; với cái chết coi như còn, thì lúc nào chẳng là còn?) Vậy nên bậc đắc đạo nhìn sinh mệnh hiện tại của chúng ta thấy đáng thương, thấy là thất bại; nên đoạn này Trang Tử nói "đặc phạm nhân chi hình", nghĩa là phải phạm tội mới có được hình dạng con người này. **"Ư sinh vi vong"** (với sự sống coi như mất): sống chính là đang tiến về phía cái chết; **"ư tử vi tồn"** (với cái chết coi như còn): cái chết ấy ngược lại là sự tồn tại; nhận thức được sự tồn tại của cái chết ấy, **"tắc hà thời nhi phi tồn tai"** (thì lúc nào chẳng là còn?), vậy chúng ta đời đời là trường sinh. Dĩ nhiên ông không hề khuyến khích ai đi tự sát; đây chẳng phải cái chết tầm thường, đây là thấu suốt xong chuyện sống chết, là bậc đắc đạo. Sau đây trở lại văn bản Trang Tử:

Thiện yêu thiện lão, thiện thủy thiện chung,
Khéo cả chết non lẫn sống già, khéo cả khởi đầu lẫn kết thúc,

nhân do hiệu chi,
người đời vẫn còn noi gương học theo,

hựu huống vạn vật chi sở hệ,
huống chi đạo ấy là điều muôn vật gắn bó nương tựa,

nhi nhất hóa chi sở đãi hồ!
mà cả vạn hóa cùng đợi chờ chứ!

Vậy nên chỉ bậc đắc đạo mới hiểu nổi sinh mệnh của mình. Trong sách này chữ **"yêu"** (妖 - chữ yêu trong yêu quái, có bộ Nữ) ở "thiện yêu" là chữ ấy; sách cổ viết là chữ **"yểu"** (夭 - yểu mệnh, không có bộ Nữ). Yểu nghĩa là đoản mệnh; câu nói nghĩa là người đắc đạo, dù thọ dài hay thọ ngắn, sinh thế nào, chết thế nào, đều không thành vấn đề; ấy là lẽ tự nhiên của trời đất, ngang với sự thay đổi sớm tối. **"Nhân do hiệu chi"** (người đời vẫn còn noi gương học theo), nên con người phải noi theo. Loại người đắc đạo ấy, **"hựu huống vạn vật chi sở hệ"** (huống chi đạo ấy là

điều muôn vật gắn bó nương tựa): cái đó chính là đạo thể, gốc rễ của đạo hình nhi thượng. Muôn vật đều nương vào cái đạo này, nhờ công năng biến hóa này mà sinh ra. **"Nhi nhất hóa chi sở đãi hồ!"** (mà cả vạn hóa cùng đợi chờ chứ!): muôn vẻ biến hóa của muôn vật chính là "nhất hóa"; công năng sau cùng chỉ có một, cái một ấy chính là đạo; nói cách khác bản thể chỉ có duy nhất một. Vậy đạo ấy tu bằng cách nào? Tiếp theo ông liền nói.

Phù đạo, hữu tình hữu tín, vô vi vô hình;
Này cái đạo, có tình có tín, vô vi vô hình;

khả truyền nhi bất khả thụ, khả đắc nhi bất khả kiến;
có thể truyền mà chẳng thể lãnh nhận, có thể đạt được mà chẳng thể nhìn thấy;

tự bản tự căn, vị hữu thiên địa, tự cổ dĩ cố tồn;
gốc ở tự mình, rễ ở tự mình, khi trời đất chưa có, từ thuở xưa đã vững vàng tồn tại;

thần quỷ thần đế, sinh thiên sinh địa.
khiến quỷ nên linh, khiến đế nên thiêng, sinh ra trời, đẻ ra đất.

"Phù đạo hữu tình hữu tín, vô vi vô hình" (này cái đạo, có tình có tín, vô vi vô hình): đạo này đem nói ra thì phiền phức lắm, nên ai cũng muốn tìm minh sư truyền đạo, mà tìm đâu có được! Nay Trang Tử truyền đạo đấy. Ông nói đạo là **"hữu tình"** (có tình): chữ tình (情) ở đây chẳng phải tình của tình cảm riêng tư, mà là tình có cảnh giới; **"hữu tín"** (có tín): có điềm triệu, có cảnh giới riêng của nó; tu công phu thêm một bước, hiểu sâu thêm một bước, là có thêm một biểu tượng xuất hiện. Nhưng "vô vi": ngươi càng cố làm công phu, càng xa rời đạo; tâm cảnh càng thanh tịnh, càng trống rỗng linh động, thì càng gần vô vi. Tuy vô vi, lại là "vô hình": nếu bảo vô vi vô hình là hư không, chẳng nhìn thấy gì, nhưng nếu ngươi thật sự tu dưỡng tâm tính tới mức nhìn chẳng thấy được, này nhé! Cái không thì có cảnh giới từng bước của cái không, điềm triệu từng bước, công phu từng bước. Về công phu này, Trang Tử phía trước bàn tới "trai tâm" đã nói kỹ rồi.

Khổng Tử cũng đã hé lộ qua rồi; ông chỉ nói nguyên tắc, tức nói công phu việc đọc sách: Khổng Tử nói **"ngô thập hữu ngũ nhi chí ư học, tam thập nhi lập"** (mười lăm tuổi ta quyết chí học, ba mươi đứng vững). Thuở nhỏ tụi tôi còn đồn Khổng Tử hai chân chẳng được khoẻ, tới ba mươi tuổi mới đứng dậy nổi. "Tam thập nhi lập" nghĩa là tới ba mươi tuổi mới xác định được cái đạo này, dấu hiệu tin cậy mới đến. Từ mười lăm tuổi cầu học, ba mươi xây dựng được niềm tin ấy, cộng thêm mười năm công phu nữa, **"tứ thập nhi bất hoặc"** (bốn mươi chẳng còn hoài nghi); chẳng hoài nghi nữa, trước bốn mươi vẫn còn lay động. Cộng thêm mười năm nữa, **"ngũ thập nhi tri thiên mệnh"** (năm mươi biết mệnh trời), mới có chút động tĩnh. **"Lục thập nhi nhĩ thuận"** (sáu mươi tai thông suốt): ai đâu tai chẳng thong thả? Tai ai chẳng thông, bên này nghe vào, bên kia thoát ra. Chữ **"nhĩ"** (耳 - tai) trong văn cổ dùng làm trợ từ cuối câu, tức chữ "hĩ", chữ "ba" ấy. "Lục thập nhi nhĩ thuận": phải trái thiện ác hợp làm một. Cộng thêm mười năm công phu nữa, **"thất thập nhi tùng tâm sở dục, bất du củ"** (bảy mươi theo lòng mình muốn gì cũng chẳng vượt khuôn phép), lúc ấy mới có thể nói là đắc đạo.

Còn Mạnh Tử thì nói bốn mươi tâm chẳng lay động, cũng gần với điều Khổng Tử nói bốn mươi chẳng hoang mang. Nhưng khi Mạnh Tử truyền đạo, nói tới công phu tu hành là **"dưỡng ngô hạo nhiên chi khí"** (nuôi dưỡng khí hạo nhiên của ta), hạo thế nào thì ông lại chẳng nói; lại nói **"sung tắc ư thiên địa chi gian"** (đầy kín giữa trời đất), sung tắc thế nào? Một quả bom nguyên tử ném xuống cũng chẳng làm nổi chuyện đầy kín giữa trời đất đâu! Nhưng công phu tu dưỡng thật sự của Mạnh Tử nằm ở thiên *Tận Tâm* trong *Mạnh Tử*, các bạn về mà xem, mấy bước công phu ông nói đủ cả. Ông nói **"khả dục chi vị thiện"** (điều đáng mong mỏi gọi là thiện): ví như chúng ta ngồi đây đông

đảo người học Phật học Đạo, tin các tôn giáo, ráng sức thích thú đi tìm chùa khắp nơi, tìm thầy khắp nơi, điều đó chỉ chứng minh bạn là người thiện, bạn đối với đạo có chút mong cầu, cái đó gọi là thiện. Nhưng bạn chưa gặp đạo. **"Hữu chư kỷ chi vị tín"** (có nơi chính mình gọi là tín): chính là **"hữu tình hữu tín"** (có tình có tín) mà Trang Tử nói, đạo đã đến trên thân, có động tĩnh rồi. Đến trên thân vẫn chưa đủ, thân tâm phải no đủ, **"sung thực chi vị mỹ"** (no đủ gọi là đẹp), ấy là điều Mạnh Tử nói nuôi khí là **"toái diện áng bối"** (mặt đầy đặn rạng ngời, lưng ấm áp no đủ), cái đẹp của sự no đủ. Tiến thêm một bước nữa, **"sung thực nhi hữu quang huy chi vị đại, đại nhi hóa chi chi vị thánh, thánh nhi bất khả tri chi vị thần"** (no đủ mà có ánh sáng rực rỡ gọi là lớn; lớn mà hóa được gọi là thánh; thánh mà chẳng thể biết gọi là thần). Những câu ấy đem ra chú giải cho "phù đạo hữu tình hữu tín, vô vi vô hình", đều là đạo lý có điểm triệu tiến bộ cả. Kỳ thực đạo lý mấy nhà này đều là một, chỉ khác cách nói của mỗi nhà mà thôi.

"Khả truyền nhi bất khả thụ, khả đắc nhi bất khả kiến" (có thể truyền mà chẳng thể lãnh nhận, có thể đạt được mà chẳng thể nhìn thấy): hai câu này phiền lắm rồi, nghe như bảo tìm minh sư truyền đạo chẳng ích gì. **"Khả truyền nhi bất khả thụ"** (có thể truyền mà chẳng thể lãnh nhận): câu này hay lắm, đã có thể truyền, vì sao lại chẳng thể lãnh nhận? Chớ bao giờ để văn chữ của Trang Tử làm mình lơ mơ; đạo dĩ nhiên là truyền được! Sự thừa nối đời đời là có thật, nhưng chớ có một quan niệm là đắc đạo; đã có quan niệm về đạo, thế là đã lầm rồi. Cái gọi là chẳng thể lãnh nhận, lý do là niệm "có thầy truyền đạo cho ta" đã trái với quan niệm vô vi, trái với quan niệm vô hình, nên gọi là "khả truyền nhi bất khả thụ". Còn "khả đắc nhi bất khả kiến" nghĩa thế nào? Đạt được đạo rồi, bởi đạo vô hình vô vi mà, dĩ nhiên là chẳng nhìn thấy.

Cho nên xưa kia người ta nói ai đó là **"nghiêm nhiên hữu đạo chi sĩ"** (người sĩ đứng đắn trang nghiêm đầy đặn đạo vị), thực là hình dung rất tuyệt; chữ **"nghiêm nhiên"** (俨然 - đứng đắn trang trọng) này, ngang với chữ như (如) trong **"như như bất động"** (an nhiên chẳng lay chuyển) của nhà Phật. Như lai, Phật dịch hai chữ này rất cao minh: hình như đã đến, mà chưa hề đến; dịch thành "như khứ" cũng được đấy, nhưng thế thì chẳng còn ý vị gì. Người ta chẳng dùng như khứ mà dùng như lai, cái vị ấy vô cùng; đến mà chẳng đến, đi mà chẳng đi, đạo lý chính là vậy. Cái gọi là "nghiêm nhiên hữu đạo chi sĩ", nhìn bề ngoài tưởng như có đạo, nhưng đạo chẳng nằm trên hình tượng. Nên hai chữ nghiêm nhiên dùng thế này thật cao minh; đôi lúc thật thấy người xưa thông minh quá chừng, chúng ta không có sự thông minh của người xưa. Vậy ông nói đạo này, vì sao truyền được mà lãnh nhận chẳng được, đạt được mà nhìn chẳng thấy?

Bởi **"tự bản tự căn, vị hữu thiên địa, tự cổ dĩ cố tồn"** (gốc ở tự mình, rễ ở tự mình, khi trời đất chưa có, từ thuở xưa đã vững vàng tồn tại): ông nói rõ ràng cho bạn biết, đạo chẳng ở nơi thầy, cũng chẳng ở nơi Bồ tát, mà ngay tại nơi chính bạn, cái rễ vốn có sẵn của bạn. Minh sư truyền đạo, chẳng qua chỉ đem kinh nghiệm của ông kể cho bạn nghe thôi! Bạn nắm lấy kinh nghiệm ấy, theo đó mà làm, cái đạo bạn đạt được là cái đạo vốn có sẵn của chính bạn, chẳng phải ông ban cho. Đây chẳng phải tờ tiền giấy; tiền giấy thì tiêu hết, còn đạt được đạo thì không mất nổi; đạo tự bản tự căn này, trước khi trời đất vạn hữu chưa có, vẫn trường tồn mãi mãi, **"tự cổ dĩ cố tồn"** (từ thuở xưa đã vững vàng tồn tại). Cái đó mới đúng là chủ nghĩa hiện sinh, tồn tại mãi mãi: chưa có trời đất đã tồn tại rồi, trời đất vũ trụ tan vỡ rồi vẫn còn tồn tại, bởi nó tự bản tự căn mà vững tồn vậy.

"Thần quỷ thần đế, sinh thiên sinh địa" (khiến quỷ nên linh, khiến đế nên thiêng, sinh ra trời, đẻ ra đất): quỷ sẽ đến mê hoặc người, quỷ dựa vào gì mà mê hoặc người? Chỉ nhờ một tia linh quang này, là linh quang của đạo biến ra. Chữ **"thần"** (神 - linh thiêng) ở đây là tính từ, chẳng phải danh từ; "thần quỷ" nghĩa là quỷ được chút linh quang thì hóa linh, thành quỷ linh; bằng không thì là quỷ ngu, quỷ chẳng đắc đạo là quỷ ngu. Thần đế: vị Thượng Đế này phải đắc đạo mới làm nổi Thượng Đế, bằng không chỉ thành Hạ Đế; ngài nhất định phải có cái đạo này, nên cái đạo này "sinh thiên sinh địa".

Tại thái cực chi tiên nhi bất vi cao,

Trước thái cực mà chẳng cho mình là cao,

tại lục cực chi hạ nhi bất vi thâm,

dưới lục cực mà chẳng cho mình là sâu,

tiên thiên địa sinh nhi bất vi cửu,

sinh trước trời đất mà chẳng cho mình là lâu,

trưởng ư thượng cổ nhi bất vi lão.

già hơn thượng cổ mà chẳng cho mình là già.

Câu này phát huy quan niệm của Lão Tử; Lão Tử từng nói đạo đức, cái gọi là **"hoảng hề, hốt hề, kỳ trung hữu vật"** (mơ hồ mờ ảo, trong đó có vật), đạo lý chính là thế. Thái cực là danh từ thời thượng cổ; chúng ta đọc xong Trang Tử, lại xem phần *Hệ từ truyện* do Khổng Tử soạn trong *Kinh Dịch*, mới thấy danh từ thái cực cũng chẳng phải Khổng Tử đặt ra, cũng chẳng phải Trang Tử đặt ra, mà là danh từ thượng cổ lưu lại. Nó đại diện cho cái cực điểm khi vũ trụ mới sinh, có một thứ như thế, tên gọi là thái cực. Còn vô cực thì sao? Đó là người đời sau trong văn hóa Trung Hoa chế ra, trên thái cực lại gắn thêm một vô cực. Nghe đồn Liệt Tử là học trò của học trò Lão Tử, trong cuốn Liệt Tử của ông có Thái Dịch, Thái Sơ, Thái Thủy, Thái Tố, cùng đặt ra bốn danh từ. Nguyên thủy cái thái cực chính là thứ ban sơ nhất, nên đạo này gọi là thái cực, ngang với cái gọi là động năng trong vật lý học hiện nay, cú động ban đầu ấy.

"Tại thái cực chi tiên nhi bất vi cao" (trước thái cực mà chẳng cho mình là cao): tự mình chẳng từng cho mình là cao. **"Lục cực chi hạ nhi bất vi thâm"** (dưới lục cực mà chẳng cho mình là sâu): lục cực chính là lục hợp, chỉ không gian đông nam tây bắc trên dưới. Trung Hoa ngày xưa hình dung vũ trụ chỉ bằng lục hợp; sau Tần Hán thêm hai phương nữa, thành bát phương; cái gọi là **"bát phương phong vũ hội trung châu"** (gió mưa tám phương họp về chốn trung châu), là câu đối rất nổi tiếng của Khang Hữu Vi. Tới khi Phật học vào Trung Hoa, lại thêm thành thập phương thế giới. Thập phương nghĩa là đông nam tây bắc cộng bốn góc, cộng thêm trên dưới, là thập phương. Vậy nên Trang Tử nói dưới lục cực, dưới cái vũ trụ có hình dạng ấy, mà chẳng cho mình là sâu; **"tiên thiên địa sinh nhi bất vi cửu"** (sinh trước trời đất mà chẳng cho mình là lâu): khi trời đất chưa ra đời, đạo đã trường tồn mãi mãi rồi; **"trưởng ư thượng cổ nhi bất vi lão"** (già hơn thượng cổ mà chẳng cho mình là già): thượng cổ ở đây nghĩa là từ vô thỉ tới nay, cổ xưa lắm lắm. Nhưng đạo thì chẳng có chuyện già; bốn câu ấy hình dung cái cao, cái sâu, cái lâu, cái già của đạo. Đoạn này của thiên *Đại Tông Sư*, coi như đã tới gần nơi kết luận tinh túy nhất.

Thành tựu của cổ nhân có đạo

Hy Vi thị đắc chi, dĩ khiết thiên địa.

Hy Vi thị đắc đạo, nhờ đó mà nắm giữ cả trời đất.

Đây là chuyện sử thượng cổ Trung Hoa. Hy Vi thị là Nhân Hoàng; muốn hiểu đôi chút thì phải nghiên cứu lịch sử viễn cổ Trung Hoa, song nay các nhà sử học đều đã cắt bỏ phần ấy. Thuở chúng ta còn nhỏ đi học, theo quan niệm cũ đều biết văn hóa dân tộc Trung Hoa đã trên mấy triệu năm: Thiên Hoàng, Địa Hoàng, rồi Nhân Hoàng; sau đó Phục Hy mới xuất hiện vẽ bát quái. Trước thuở ấy chưa có văn tự, mà những bậc kia đều là người có đạo. Thuở ấy thế giới của chúng ta còn lui tới với thiên nhân, với trời; mặt trời mặt trăng là chiếc đèn điện của chúng ta, treo ngay trước cửa nhà. Về sau người đời càng ngày càng hư hỏng, đất với trời càng cách xa nhau, nên bây giờ đành phải dùng tàu con thoi, từ từ mà quay về lại. Thuở ấy người đều biết bay, giống hệt cách nói của nhà Phật. Chúng ta từ đâu mà ra? Chẳng phải

hóa từ con khỉ, mà là sa xuống từ trời; thân có ánh sáng, bay lượn đây đó; thủy tổ người Trung Hoa đáp xuống địa cầu, về sau ăn phải thứ **"địa vị"** (地味 - vị đất, tức muối), xương cốt nên nặng trịch, chẳng còn bay nổi, đành ở lại thế gian này. Rồi từ từ cũng xảy ra chuyện ăn trái táo nữa, cách kể của văn hóa Đông phương và Tây phương cũng na ná nhau.

Chuyện cũ ngàn xưa của Trung Hoa, kể ra xa xôi biết bao nhiêu, nay ai cũng coi đó là thần thoại; nhưng có thật là thần thoại hay chăng? Cũng là một vấn đề đấy. Tôi đã kể trước, sinh viên bên Mỹ ráo riết tìm bộ *Sơn Hải Kinh*, bởi đã có người Mỹ nghiên cứu ra rằng thuở Đại Vũ trị thủy từng đặt chân sang nước Mỹ; nay chuyện ấy đã thành điều có sách có chứng. Truyền thuyết đồn đại đủ mọi chiều, há chỉ riêng đời Tống đời Đường; từ lâu lắm rồi chúng ta đã từng có người tới được Mỹ. Song chốn ấy chúng ta vẫn xem là hoang vu lạnh lẽo, chẳng bằng non nước Trung Hoa tươi đẹp. Hy Vi thị nhờ có đạo, mới có thể tung hoành giữa trời đất, nên được gọi là Nhân Hoàng.

Phục Hy thị đắc chi, dĩ tập khí mẫu.
Phục Hy đắc đạo, nhờ đó hợp với mẹ của nguyên khí.

Đến thuở đế Phục Hy xuất hiện, khi chưa có văn tự, bắt đầu vẽ bát quái. Phục Hy là bậc đắc đạo; đạo thì vô hình vô tượng, còn pháp môn công phu thì mỗi người mỗi khác. Phục Hy đắc đạo xong, "dĩ tập khí mẫu": chữ **"tập"** (袭 - hợp) nghĩa là hợp, "khí mẫu" là mẹ của nguyên khí; Phục Hy luyện khí mà thành công, đạt tới trường sinh bất tử.

Duy đẩu đắc chi, chung cổ bất thắc.
Sao Duy Đẩu đắc đạo, muôn thuở chẳng hề lệch lạc.

"Duy đẩu" là sao Bắc Đẩu thất tinh trên trời. Bắc Đẩu thất tinh nhờ đắc đạo nên chỉ huy cả thiên thể. Thiên thể này của chúng ta, đêm xem tinh tú đều lấy Bắc Đẩu làm chuẩn. Bắc Đẩu có bảy ngôi sao, thực ra chẳng phải chỉ bảy ngôi; bảy ngôi ấy là trung khu, nối liền lại vẽ thành một nét thì tựa chiếc muôi gáo canh, ngày xưa gọi là cái đẩu, cũng giống cái bàn ủi đồ thời cổ. Nay là bàn ủi điện, còn bàn ủi xưa là một cái hộp, phía trước mở một miệng, trên đầu gắn một cán, bên trong đốt than hồng nóng hổi, chính là cái đấu ấy đấy. Sao Bắc Đẩu là bốn ngôi phía sau, ba ngôi phía trước, đầu mút còn hai ngôi sáng thêm, một ngôi gọi là Dao Quang tinh, người hậu thế lại gọi là Chiêu Diêu tinh, sáng như con mắt vậy. Hai chữ **"chiêu diêu"** (招摇) trong thành ngữ ngày nay chỉ kẻ phô trương mà lừa bịp, nguồn gốc chính là hai chữ ấy. Xuân hạ thu đông, cán sao Bắc Đẩu chỉ hướng trên địa cầu mỗi mùa mỗi khác: mùa xuân chỉ phương đông, mùa hạ chỉ phương nam, mùa thu sang tới phương tây, mùa đông sang tới phương bắc. Thiên văn học thuở nhỏ chúng tôi học, là mùa hè đêm đêm sách cũng chẳng đọc nữa, được ra hóng mát, nằm dài trên chiếc giường mát, tay phe phẩy cái quạt lớn đuổi muỗi, vừa ngước nhìn sao trời, **"ngoạ khan khiên ngưu chức nữ tinh"** (nằm ngắm sao Ngưu, sao Chức Nữ), ngay giữa cảnh giới ấy mà học được mấy môn tiểu thiên văn.

Nhật nguyệt đắc chi, chung cổ bất tức;
Mặt trời mặt trăng đắc đạo, muôn đời chẳng nghỉ;

Kham Phôi đắc chi, dĩ tập Côn Lôn;
Kham Phôi đắc đạo, nhờ đó hợp nên Côn Lôn;

Phùng Di đắc chi, dĩ du đại xuyên;
Phùng Di đắc đạo, nhờ đó rong chơi sông lớn;

Kiên Ngô đắc chi, dĩ xử đại sơn;
Kiên Ngô đắc đạo, nhờ đó ngụ núi lớn;

Hoàng Đế đắc chi, dĩ đăng vân thiên.

Hoàng Đế đắc đạo, nhờ đó leo tận trời mây.

"Nhật nguyệt đắc đạo, muôn đời chẳng nghỉ": mặt trời mặt trăng nhờ đắc đạo mà có công năng ấy, nên muôn đời treo vững trên thiên thể. "Kham Phôi đắc đạo, nhờ đó hợp nên Côn Lôn": **"Kham Phôi"** (堪坏 - một nắm đất nhỏ) là đúng một nắm đất, tay hứng lên một lần; Kham Phôi tức là một nắm, một nắm đất nhỏ mà đắc đạo, tích tụ dần dần, hóa thành dãy núi Côn Lôn cao vút; người hậu thế gọi là thần Côn Lôn mặt người thân thú. "Phùng Di đắc đạo, nhờ đó rong chơi sông lớn": Phùng Di trong thần thoại Trung Hoa chính là thần nước; Thái Bình Dương, Đại Tây Dương, hết thảy nước thiên hạ đều quy về Phùng Di quản. Phùng Di đắc đạo, có thể rong chơi giữa sông lớn, là vị thần tiên trên mặt nước, đến Long Vương biển cũng quy ông ấy coi. "Kiên Ngô đắc đạo, nhờ đó ngụ núi lớn": Kiên Ngô đắc đạo, sống nơi núi cao, muôn đời chẳng chết.

Từ lịch sử thượng cổ lần theo xuống tới thủy tổ người Trung Hoa là Hoàng Đế: "Hoàng Đế đắc đạo, nhờ đó leo tận trời mây". Nên trong lịch sử cũ Trung Hoa chép rằng Hoàng Đế là bậc đắc đạo; đắc đạo rồi mới "rồng cất cánh khỏi hồ Đỉnh". Hồ Đỉnh ấy ở trên núi Hoàng Sơn tỉnh An Huy. Hoàng Đế cuối cùng đắc đạo, chẳng chịu làm hoàng đế nữa mà muốn lên trời; từ trời một con rồng bay xuống, ông cưỡi lên lưng rồng, ban ngày bay thẳng lên trời. Khi ấy cả lớp tể tướng đại thần vội vàng níu lấy đuôi rồng, chộp lấy đầu rồng, cũng theo mà lên luôn. Kẻ địa vị kém hơn chút, phẩm cấp thấp hơn chút, thì níu lấy râu rồng; cuối cùng râu đứt, rơi xuống, ở lại thế gian đều hóa thành thần tiên, lâu dài chẳng chết; tích "bám rồng níu phượng" là từ đó mà ra. Nên người sau nói, ai kia sự nghiệp dựng lên rồi thì đi nịnh hót người ấy, hoặc bám víu vào quyền quý, đều gọi là bám rồng níu phượng; gốc tích cũ ấy chính từ đây.

Chuyên Húc đắc chi, dĩ xử huyền cung;

Chuyên Húc đắc đạo, nhờ đó ngụ cung huyền tối;

Ngu Cường đắc chi, lập hồ Bắc cực;

Ngu Cường đắc đạo, nhờ đó đứng vững nơi Bắc cực;

Tây Vương Mẫu đắc chi, tọa hồ Thiếu Quảng.

Tây Vương Mẫu đắc đạo, nhờ đó ngồi nơi trời Thiếu Quảng.

"Chuyên Húc đắc đạo, nhờ đó ngụ cung huyền tối": Chuyên Húc là một vị đế vương thượng cổ đắc đạo; vị vua ấy sau khi mất, ở tại chốn Huyền Cung. "Ngu Cường đắc đạo, nhờ đó đứng nơi cực bắc": Ngu Cường là thần biển bắc, thần thoại nói ông là thần coi vùng cực bắc sâu thẳm. Được kể là người Trung Hoa, nên chủ quyền Bắc Cực lẽ ra thuộc về người Trung Hoa; mai này các bạn đi thám hiểm Bắc Cực, cứ tìm thử xem, thủy tổ của người Trung Hoa đang đứng ra lo việc ở đấy đấy. "Tây Vương Mẫu đắc đạo, nhờ đó ngồi trời Thiếu Quảng": Thiếu Quảng là tên của một tầng trời, trong ba cõi thiên nhân của kinh Phật cũng có tên ấy. Tây Vương Mẫu là người nữ, đồn rằng là mẹ đẻ của Ngọc Hoàng đại đế, tức mẹ của Thượng Đế. Tây Vương Mẫu muôn đời vẫn giữ dáng vẻ đôi mươi mấy tuổi, ở trên trời Thiếu Quảng nơi núi Côn Lôn, chồng nàng là Đông Vương Công ở phương đông, chín năm mới gặp nhau một lần.

Hai người ấy đều đắc đạo, sinh được đứa con trai chính là Ngọc Hoàng đại đế, làm chủ tể nơi trung ương; ấy là thần thoại của Trung Hoa. Các bạn nghiên cứu tôn giáo so sánh, đem thần thoại các nơi gom góp lại, sẽ thấy bầu trời ấy náo nhiệt lắm: người phương Tây có khu vực của người phương Tây, người Trung Hoa có khu vực của người Trung Hoa. Vì những người ấy đều đắc đạo, nên mới có thể trở thành thần.

Mạc tri kỳ thủy, mạc tri kỳ chung.

Chẳng ai biết khởi đầu của họ, chẳng ai biết điểm cuối của họ.

Bành Tổ đắc chi, thượng cập Hữu Ngu, hạ cập Ngũ Bá;

Bành Tổ đắc đạo, trên kéo tới đời Hữu Ngu, dưới trải xuống thời Ngũ Bá;

Phó Duyệt đắc chi, dĩ tướng Vũ Đinh, yểm hữu thiên hạ,

Phó Duyệt đắc đạo, nhờ đó làm tể tướng cho Vũ Đinh, nắm gọn cả thiên hạ,

thừa Đông Duy, kỵ Cơ Vĩ, nhi tỉ ư liệt tinh.

cưỡi chòm Đông Duy, ngồi lên sao Cơ Vĩ, mà sánh vai cùng các vì sao.

"Chẳng ai biết khởi đầu của họ, chẳng ai biết điểm cuối của họ." Lời truyền lại từ thượng cổ: lớp thủy tổ của người Trung Hoa quả thật đã đắc đạo; chẳng rõ họ sống bao lâu, cũng chẳng rõ họ có sinh tử hay không. "Bành Tổ đắc đạo, trên kéo tới đời Hữu Ngu, dưới trải xuống thời Ngũ Bá": còn Bành Tổ gần với chúng ta hơn, thì đã tra chứng được trong lịch sử; người đời Đường Nghiêu, đồn rằng sống tám trăm tuổi, theo *Thần tiên truyện* thì cho tới nay Bành Tổ vẫn còn ở thế gian. Bành Tổ là người nước Sở phương nam, thủy tổ của vùng Hồ Nam Hồ Bắc. Ngũ Bá thì kéo dài mãi tới thời Xuân Thu Chiến Quốc. Trên đây đều là bậc xuất thế đắc đạo. Các bạn thấy Trang Tử nói lung tung một trận, nhìn qua tưởng nói bậy, đem thần thoại thủy tổ ra kể lể; những người ấy làm trọn công đức ngoài xã hội, việc thiện đã xong, nước nhà đã trị yên, rồi sau cùng mới ra đi, đắc đạo, chẳng sinh chẳng tử; ấy là người thượng cổ. Hậu thế kém hơn một bậc, đắc đạo rồi, thì đi làm tể tướng.

"Phó Duyệt đắc đạo, nhờ đó phụ tá Vũ Đinh": Phó Duyệt là danh tể tướng của Cao Tông, vị vua nhà Ân thượng cổ, cũng là bậc đắc đạo; "yểm hữu thiên hạ", nhờ vậy mà nắm gọn thiên hạ. "Cưỡi chòm Đông Duy, ngồi lên sao Cơ Vĩ, mà sánh vai cùng các vì sao": đồn rằng Phó Duyệt công thành danh toại, lui về khi sự nghiệp viên mãn, chết rồi lên trời, được phong làm thần các chòm sao. Đoạn này là Trang Tử dẫn chứng, nói những người ấy đều là bậc đắc đạo. Trang Tử dốc hết tâm sức truyền bá giáo lý, tựa như có kẻ khoác lên mình một bộ áo trắng, tay cầm cuốn *Kinh Thánh* đứng giữa phố rao giảng vậy; ông đứng đó truyền đạo của mình, rao xong xuôi, ông dẫn ra một người.

Nữ tiên truyền đạo

Nam Bá Tử Quỳ vấn hồ Nữ Vũ viết:

Nam Bá Tử Quỳ hỏi bà Nữ Vũ rằng:

Tử chi niên trưởng hĩ, nhi sắc nhược nhũ tử, hà dã?

Tuổi của bà đã cao rồi, mà sắc diện vẫn như đứa trẻ thơ, vì cớ gì?

Viết: ngô văn đạo hĩ.

Bà đáp: Tôi đã nghe đạo rồi.

Nam Bá Tử Quỳ viết: đạo khả đắc học da?

Nam Bá Tử Quỳ hỏi: Đạo há có học mà được chăng?

Nữ Vũ là một nữ tiên. Nam Bá Tử Quỳ hỏi vị nữ tiên ấy: tuổi bà đã rất cao, mà sắc diện dung mạo vẫn như đứa trẻ thơ, vì cớ gì? Nữ tiên bảo ông ấy: vì tôi đã nghe đạo rồi. Nam Bá Tử Quỳ hỏi tiếp: Đạo há có thể học mà được chăng? Vị Nam Bá Tử Quỳ này tất nhiên là đồng tông, cùng họ với tôi rồi; có phải là họ kép hay không thì chưa rõ; ông ấy muốn học đạo, y như chúng ta bây giờ. Ai muốn học đạo chú ý nhé! Nữ tiên ấy bảo ông ấy:

Viết: ô! ô khả! Tử phi kỳ nhân dã.

Bà đáp: Ôi! Chẳng thể đâu! Ông chẳng phải là người ấy.

Phù Bốc Lương Ỷ hữu thánh nhân chi tài, nhi vô thánh nhân chi đạo,

Bốc Lương Ỷ có tài của bậc thánh nhân mà chẳng có đạo của bậc thánh nhân;

ngã hữu thánh nhân chi đạo, nhi vô thánh nhân chi tài,

tôi có đạo của bậc thánh nhân mà chẳng có tài của bậc thánh nhân;

ngô dục dĩ giáo chi, thứ kỷ kỳ quả vi thánh nhân hồ!

tôi muốn đem dạy ông ta, biết đâu ông ta quả thật sẽ thành bậc thánh nhân!

Bất nhiên, dĩ thánh nhân chi đạo cáo thánh nhân chi tài, diệc dị hĩ.

Nếu chẳng thế, đem đạo của thánh nhân mà bảo cho kẻ có tài thánh nhân, thì dễ dàng lắm.

"Ô!" là "than ôi!" "Ô khả!" là: chẳng được đâu! Đạo sao có thể học được! "Ông chẳng phải là người ấy": các bạn muốn học đạo, chưa có tư cách ấy, ông đâu phải là kẻ học đạo. Bốc Lương Ỷ là người thượng cổ, cũng là thần tiên; ông ta có tài năng của bậc thánh nhân, có thông minh của bậc thánh nhân, có thể làm triết gia, có thể bàn luận lý lẽ; "có tài thánh nhân mà chẳng có đạo thánh nhân", song lại chẳng có tư cách đạo đức. Nữ tiên ấy nói: "Ta có đạo thánh nhân mà chẳng có tài thánh nhân"; vậy muốn hợp nhất hai đường xuất thế với nhập thế, nhà Phật nói ngoài những đại Bồ tát chứng trên mười địa, Đạo gia nói ngoài những kẻ đã đắc đại đạo, bằng không chỉ đi được một bên, chẳng thể kiêm được cả hai.

Nói cách khác, Khổng Tử có tài thánh nhân, e rằng vẫn chưa có đạo thánh nhân; Trang Tử có đạo thánh nhân, cũng chẳng có tài thánh nhân, nên trọn đời chỉ trong công ty nông lâm trông coi vườn cây, làm viên quản lý suốt kiếp. Chưa bàn đến đạo: một người có học vấn chưa chắc đã có tài năng ấy; có kẻ học vấn rất khá, đạo đức cũng khá, nhưng giao việc cho họ làm, ôi thôi, đó là hạng **"oa nang"** (窝囊 - hèn kém chẳng làm nổi việc) ngay. Lại có kẻ làm việc xử sự thật giỏi giang, song chẳng có học hành, đến cả chữ ký còn ký chẳng ra hình.

Cho nên đế vương thuở xưa dùng người, chỉ dùng tài năng của người ấy, chẳng dùng đạo đức của ông ta; dù ông ta tham ô cũng được, lộn xộn cũng được, vua nhất quyết không hỏi. Vì ông ta tham ô nhiều rồi, cuối cùng phạm pháp, tru di cả nhà, gia sản sung công, coi như nhờ ông ta cầm tay một phen, cuối cùng của cải vẫn hoàn về tay vua. Nên vua cao minh rất hay buông lỏng, cứ để ông ta làm; ông ta tham ô, vua giả vờ như chẳng thấy; ông ta xoay xở mãi một trận, chẳng hóa ra vẫn là cất giấu giúp vua thôi sao! Tức là: có kẻ có tài mà chẳng có đạo, có kẻ có đạo có đức mà chẳng có tài. Tài năng, đạo đức, học vấn, ba thứ đủ cả thì gần như chẳng tồn tại; nếu quả có, thì chuyện đó chẳng nhỏ đâu! Người ấy chính là bậc đắc đạo.

Đoạn này nhắc mọi người chú ý: kẻ có tài thánh nhân, Đạo gia, Phật gia, triết học phương Tây, Cựu Ước Tân Ước *Kinh Thánh*, cái gì cũng giảng thông, học vấn lại tốt, song tu đạo chưa chắc thành công; đó là có tài thánh nhân mà chẳng có đạo thánh nhân. Có kẻ đắc đạo rồi, bảo họ hoằng dương chính pháp truyền đạo cho người, một câu họ cũng chẳng nói nổi, đó là có đạo thánh nhân mà chẳng có tài thánh nhân, hai thứ chẳng thể kiêm đủ cả. Đây đều là lời nói thật của Trang Tử. Nữ Vũ nói: "Ta muốn đem dạy ông ta, biết đâu ông ta quả thật sẽ thành bậc thánh nhân!" Giống trường hợp Bốc Lương Ỷ, có tài thánh nhân mà chẳng có đạo thánh nhân; còn ta đây thì có đạo thánh nhân, chẳng có tài thánh nhân. Ta đến dạy dạy ông ta, cắt chỗ thừa vá chỗ thiếu, bản sự hai người gộp chung một chỗ, biết đâu ông ta có thể đắc đạo. Nếu chẳng thế, "đem đạo thánh nhân mà bảo cho kẻ có tài thánh nhân, thì cũng dễ dàng lắm". Cho nên kẻ có đạo thánh nhân, kiếm một học trò đủ tài thánh nhân, truyền đạo cho người ấy, thế thì người ấy sẽ học thành; bằng chẳng thế thì khó lắm.

Ngô do thủ nhi cáo chi, tam nhật nhi hậu năng ngoại thiên hạ;

Ta còn phải chăm chút dạy bảo, ba ngày sau mới quên hết được thiên hạ;

Cũng như Bốc Lương Ỷ, thông minh tài trí, có tài năng bậc thánh nhân, là khối nguyên liệu tốt, song chẳng có đạo thánh nhân. "Ta còn phải chăm chút dạy bảo": nữ tiên nói ta có đạo thánh nhân, chẳng phải tài thánh nhân, kết quả đành phải đến dạy ông ta, biết đâu miễn cưỡng cũng thành, nhưng dạy cực kỳ vất vả. Mới dạy có ba ngày; người xưa dạy ba ngày đã chán muốn chết rồi, chứ chúng ta dạy bao nhiêu năm nay vẫn còn dạy, các bạn xem khổ thay. Bà nói dạy xong ba ngày, Bốc Lương Ỷ "mới quên hết được thiên hạ", cảnh giới trống rỗng ấy, cảnh giới thanh linh, hư linh, vượt trên cả vũ trụ, cả vũ trụ đều gói trong đạo tâm của ông ta.

Dĩ ngoại thiên hạ hĩ, ngô hựu thủ chi,

Quên xong thiên hạ rồi, ta lại giữ gìn dạy bảo,

thất nhật nhi hậu năng ngoại vật;

bảy ngày sau mới quên hết được muôn vật;

dĩ ngoại vật hĩ, ngô hựu thủ chi,

quên xong muôn vật rồi, ta lại giữ gìn dạy bảo,

cửu nhật nhi hậu năng ngoại sinh;

chín ngày sau mới quên hết được sự sống;

dĩ ngoại sinh hĩ, nhi hậu năng triêu triệt;

quên xong sự sống rồi, sau đó mới sáng tỏ như buổi bình minh;

triêu triệt, nhi hậu năng kiến độc;

sáng tỏ như buổi bình minh rồi, mới thấy được cái độc nhất vô nhị;

kiến độc, nhi hậu năng vô cổ kim;

thấy cái độc nhất rồi, mới vượt qua khỏi cổ kim;

vô cổ kim, nhi hậu năng nhập ư bất tử bất sinh.

vượt qua cổ kim rồi, mới nhập được vào cảnh giới chẳng sống chẳng chết.

Bỏ quên thân xác, quên không gian, quên thời gian; "quên xong thiên hạ": nghe kể lại, oai phong ghê gớm biết bao! Nhưng nữ tiên Nữ Vũ bảo vẫn chưa đủ; ba ngày sau, "ta lại phải giữ gìn dạy bảo", tôi lại dạy ông ta thêm "bảy ngày", khổ chết đi được thôi; bảy ngày sau "mới quên hết được muôn vật", chẳng còn bị thế giới vật lý trói buộc nữa. Vì đắc đạo rồi mà vẫn chưa thoát khỏi môi trường vật chất; gió độc, rét buốt, nóng bức, ẩm thấp, vi trùng cảm cúm, vẫn có thể xâm hại mình. Cho nên phải tới lúc quên xong muôn vật, mới gọi là bước ra khỏi ba cõi; bà nói miễn cưỡng coi như tạm được, song vẫn còn nằm trong ngũ hành.

"Quên xong muôn vật rồi, ta lại giữ gìn dạy bảo thêm chín ngày": tôi lại dạy ông ta, từ từ thôi nhé, lại dạy thêm chín ngày, cộng với bảy ngày tính sơ sơ đã mười mấy ngày, "mới quên hết được sự sống", bấy giờ mới giải quyết xong chuyện sinh tử. Xong chuyện sinh tử rồi, "sau đó mới sáng tỏ như buổi bình minh", lúc này mới đại triệt đại ngộ. **"Triêu triệt"** (朝彻 - sáng tỏ như lúc trời sáng) nghĩa là sáng sớm ngủ dậy, mặt trời vừa lên núi, cả không gian tràn ngập ánh sáng, chính cảnh giới đại triệt đại ngộ ấy. "Sáng tỏ như buổi bình minh rồi, mới thấy được cái độc nhất": đại triệt đại ngộ rồi còn phải tu nữa chăng? Vẫn còn phải tu! Tu rồi mới "thấy được cái độc nhất", "thiên thượng thiên hạ,

duy ngã độc tôn" (trên trời dưới đất, chỉ ta là tôn quý nhất), cô độc lẻ loi một mình, tìm thấy được cái đạo này rồi. "Thấy cái độc nhất rồi, mới vượt qua khỏi cổ kim": vượt qua khỏi cổ kim là đạt tới cảnh giới bất sinh bất diệt.

"Vượt qua cổ kim rồi, mới nhập được vào chẳng sống chẳng chết": các bạn xem đạo khó nhọc cỡ nào, từng bước từng bước vị nữ tiên này đều chỉ cho chúng ta, có cảnh giới có dấu hiệu. Từ miệng vị nữ tiên này, vị nữ Bồ tát này, đạo được truyền ra như thế. Cho nên Trang Tử trong *Đại Tông Sư* nói rõ ràng: nếu các bạn muốn làm đại sư, thì tài thánh nhân và đức thánh nhân phải kiêm đủ. Song bây giờ đại sư chẳng đáng giá nữa, đâu đâu cũng ra đại sư; tương lai tôi thấy các bạn cứ làm thái sư đi, muốn làm thái sư thì trước hết hãy tự phản tỉnh đoạn này đã. Song phải thêm một câu: thời nay thời thế khác rồi, còn cần có đức thánh nhân, phẩm hạnh cũng phải tốt, sau đó mới đủ tư cách tu đạo thánh nhân. Cuối cùng đắc đạo, thành đạo rồi, thì "nhập vào chẳng sống chẳng chết".

Là ngụ ngôn, là tu đạo

Sát sinh giả bất tử, sinh sinh giả bất sinh.
Giết cái sinh thì chẳng chết; sinh ra sự sinh thì chẳng sinh.

Kỳ vi vật, vô bất tương dã, vô bất nghinh dã;
Cái vật ấy, chẳng có gì chẳng tiễn đưa, chẳng có gì chẳng đón nhận;

vô bất hủy dã, vô bất thành dã.
chẳng có gì chẳng hủy hoại, chẳng có gì chẳng thành tựu.

Kỳ danh vi Anh Ninh.
Tên gọi của nó là Anh Ninh.

Thế nào mới gọi là **"sát sinh giả bất tử"** (giết cái sinh thì chẳng chết)? Xét theo Phật pháp thì chuyện này nặng nề lắm. Thực ra đâu phải bảo ngươi thật sự đi sát sinh; nếu giết người rồi, thì ngươi nhất định phải chết. Chữ sinh ở đây chẳng phải sinh của sinh mệnh, mà là niệm khởi lên: tư tưởng niệm đầu vừa động, phải cho nó lắng xuống ngay, phải đem nó hóa không. Về sau Đạo gia tu đạo thần tiên có hai câu **"vị tử tiên học tử, hữu sinh tức sát sinh"** (chưa chết hãy học chết trước, có sinh tức là sát sinh), chính noi theo hai câu này của Trang Tử mà ra. Vậy chúng ta ngồi thiền để làm gì? Trước hết phải học chết: niệm vừa động, vừa mới sinh lên, lập tức đem nó hóa cho trống, đó gọi là sát sinh; rồi ở trong cảnh giới trống rỗng thanh linh mà định xuống mãi mãi, đó chính là học chết; chết như thế thì người chẳng bao giờ chết. Chẳng bao giờ chết nghĩa là gì? Cái gọi là bất tử tức là trường sinh vậy! Sinh sinh chẳng dứt, mãi mãi tiến về phía trước.

Cho nên **"sinh sinh giả bất sinh"** (sinh ra sự sinh thì chẳng sinh): ngươi muốn trường sinh bất tử thì tốt nhất là chẳng sinh; chẳng sinh nghĩa là tư tưởng, vọng niệm, cảm xúc động cũng chẳng động, chứ chẳng phải ép nén xuống. Mạnh Tử nói bốn mươi tuổi tâm chẳng động; Mạnh Tử là cứng rắn nén xuống, chuyện đó chẳng phải chuyện nhỏ, phải đạt tới mức trống rỗng thanh linh mới được, đó chính là sinh sinh giả bất sinh. Các bạn học Phật chú ý nhé! Phật gia nói phải lên tới bậc bát địa Bồ Tát mới đắc được vô sinh pháp nhẫn (chấp chứng cảnh giới chẳng sinh); điều Trang Tử nói chính là vô sinh pháp nhẫn. "Sát sinh giả bất tử, sinh sinh giả bất sinh." Sinh mà chẳng sinh, chẳng sinh mà sinh, đây chính là vô sinh pháp nhẫn. Đạt tới chỗ một niệm chẳng sinh, tức vô sinh pháp nhẫn, thì **"kỳ vi vật, vô bất tương dã"** (chẳng có gì chẳng tiễn đưa), lúc đó tâm chuyển nổi vật rồi: hết thảy muôn vật theo ngươi mà xoay chuyển, ngươi chẳng bị vật xoay chuyển, muốn thay đổi muôn vật là có thể thay đổi ngay. Còn chúng ta hạng người thường chưa đắc

đạo, chịu ảnh hưởng của hoàn cảnh vật chất, để nó đổi thay chính mình. Tu dưỡng tới cảnh giới tâm có thể biến chuyển muôn vật rồi, muốn hủy diệt nó cũng được, muốn thành tựu nó cũng được. "Vô bất nghinh dã" là kẻ đến chẳng từ chối.

Hai chữ tương (将), nghinh (迎) của Trang Tử, đời sau bị Nho gia đời Tống đem dùng mất. Nho gia đời Tống, tôi rất khâm phục, đâu phải nói đùa: các nhà lý học Tống Minh tựa như Luật tông của Phật gia, cái nghiêm khắc trong phẩm cách xử thế làm người khỏi phải bàn, hay lắm. Chỉ có một điểm: chủ quan về học vấn quá mạnh, khắp nơi gom đồ của Phật gia, Đạo gia về rồi, lại cố sức mắng họ là dị đoan, thật rất không nên. Dị đoan nghĩa là ngoại đạo; tên chuyên môn của Nho gia gọi là dị đoan, mượn của Khổng Tử. Ví như Trình Minh Đạo (tên là Hạo) là đại nho nổi danh, viết cuốn *Định tính thư* bàn thế nào gọi là ngồi thiền nhập định, trong đó câu thứ tư, câu thứ năm rất nổi danh: **"vô tương nghinh, vô nội ngoại"** (chẳng đón đưa, chẳng trong ngoài); ngươi thử nói xem hai chữ tương nghinh lấy ở đâu? Trộm của Trang Tử đấy thôi! Cố sức trộm đồ Đạo gia, danh từ cũng trộm nốt, ví như nhà mình chẳng có phong bao đỏ, sang nhà người ta lấy một cái về, rồi lại mắng nhà người ta chẳng có phong bao đỏ, bởi đã bị mình trộm mất rồi còn gì! Nho gia đời Tống chuyên làm kiểu chuyện ấy.

Trong *Định tính thư* bàn chuyện ngồi thiền dụng công, câu "vô tương nghinh, vô nội ngoại" nói tận đáy vấn đề. Nói ngồi thiền vô tương nghinh, tức đừng cố tình đem niệm làm cho trống không. "Vô tương nghinh" nghĩa là đừng mang niệm theo: niệm đến chẳng hoan nghênh, tự nhiên nó chạy đi; chạy mất cũng chẳng tiễn, cứ ngồi như thế là định. "Vô nội ngoại": đừng giữ trong thân xác, cũng đừng giữ ngoài thân. Ông nói hoàn toàn đúng, tinh hoa dụng công của Đạo gia, Phật gia ông nắm được cả, nhưng viết xong sách, ông lại mắng Đạo gia, Phật gia là dị đoan, duy chỉ mình ông chẳng biết thuộc về bên nào. Lượng hẹp quá; đó là có tài năng của thánh nhân mà chẳng có đức của thánh nhân, thái độ ấy cũng chẳng hậu hĩnh. Đã lấy của người thì lẽ ra phải nói rằng cái đó xuất phát từ nơi người chứ! Còn cái gọi là nội thánh ngoại vương nữa, cũng là lời Trang Tử nói, chẳng phải Nho gia nói.

Trang Tử nói người đắc đạo, **"vô bất tương dã, vô bất nghinh dã, vô bất hủy dã, vô bất thành dã"** (chẳng có gì chẳng tiễn đưa, chẳng có gì chẳng đón nhận, chẳng có gì chẳng hủy hoại, chẳng có gì chẳng thành tựu); đó chính là tâm chuyển nổi vật. Cảnh giới ấy, Trang Tử đặt cho nó một tên gọi là "Anh Ninh". Lấy Phật gia làm phép ví, "Anh Ninh" chính là tự tại, gọi là Quan Tự Tại. Nhưng tự tại là nói về nguyên tắc, là tự do tự tại; còn Anh Ninh là nói cái êm ái của hiện tượng! Cho nên cảnh giới đạo ấy gọi là Anh Ninh.

Anh Ninh dã giả, anh nhi hậu thành giả dã.
Cái gọi là Anh Ninh, trải qua quấy nhiễu rồi sau mới thành tựu vậy.

Thế nào gọi là Anh Ninh? Một người đắc đạo thành tựu rồi vẫn ở trên thế giới này, chẳng rời khỏi thế giới này; nhưng khi người ấy chạm tới muôn vật, ngang với đứa trẻ nhỏ chạm tới một món đồ. Trẻ sơ sinh, mới lọt lòng chưa đầy trăm ngày, cầm một vật, tưởng như nắm rất chắc, mà thực chẳng hề dùng sức; nên trẻ sơ sinh nhất định ngón cái úp vào trong, nắm lại thành quả đấm, gọi là **"ốc cố"** (握固 - nắm giữ vững chắc). Bên trong chuyện này học vấn lớn lắm, lý do gì? Rất nhiều lý do! Nếu bàn theo Mật tông, hỏi vì sao thủ ấn lại kết thành dáng ấy? Vì sao trẻ sơ sinh lại nắm quả đấm như vậy? Con người sinh ra đã biết nắm lấy, thứ gì cũng muốn nắm; trẻ sơ sinh ngày đêm đều muốn nắm, lúc bú mẹ hai bàn tay cũng muốn nắm. Đến khi nào thì chẳng nắm nữa? Đến lúc được khiêng vào nhà tang lễ trên đường Dân Quyền Đông lộ, thì chẳng nắm nổi nữa; điều đó nói cho ngươi biết: đó chính là nhân sinh, chính là đạo. Anh Ninh là đạo lý ấy. Trẻ sơ sinh tuy nắm giữ thành dáng ấy, nhưng ở giữa như có như không, an nhiên tĩnh tại, mà nắm giữ cũng rất chắc; nên đó là tự tại, **"anh ninh dã giả, anh nhi hậu thành giả dã"** (cái gọi là Anh Ninh, trải qua quấy nhiễu rồi sau mới thành tựu vậy). Trang Tử phía trước đã nói, đạo có thể truyền mà chẳng thể lãnh nhận! Nay ông mượn lời vị nữ tiên này, truyền đạo cho người cùng tông với tôi là Nam Bá Tử Quỳ, truyền đủ cả cho ông ấy rồi.

Nam Bá Tử Quỳ viết: Tử độc ô hồ văn chi?

Nam Bá Tử Quỳ hỏi: riêng Ngài nghe được chuyện ấy từ nơi nào?

Nam Bá Tử Quỳ sau khi đắc đạo vẫn còn vài hoài nghi, bèn hỏi nữ tiên: **"tử độc ô hồ văn chi"** (riêng Ngài nghe được chuyện ấy từ nơi nào)? Bộ môn ấy của ngươi từ đâu ra vậy? Người nào truyền cho ngươi?

Viết: văn chư Phó Mặc chi tử,

Nói: tôi nghe từ cậu con trai Phó Mặc,

Phó Mặc chi tử văn chư Lạc Tụng chi tôn,

con trai Phó Mặc nghe từ đứa cháu Lạc Tụng,

Lạc Tụng chi tôn văn chi Chiêm Minh,

cháu Lạc Tụng nghe từ Chiêm Minh,

Chiêm Minh văn chi Nhiếp Hứa,

Chiêm Minh nghe từ Nhiếp Hứa,

Nhiếp Hứa văn chi Tu Dịch,

Nhiếp Hứa nghe từ Tu Dịch,

Tu Dịch văn chi Ô Âu,

Tu Dịch nghe từ Ô Âu,

Ô Âu văn chi Huyền Minh,

Ô Âu nghe từ Huyền Minh,

Huyền Minh văn chi Tham Liêu,

Huyền Minh nghe từ Tham Liêu,

Tham Liêu văn chi Nghi Thủy.

Tham Liêu nghe từ Nghi Thủy.

Chuyện này một đời truyền một đời, giống như ta nghe chuyện ma vậy: con ma ngươi kể sợ chết đi được, có thật không? Có nhìn thấy chưa? Chưa, tôi nghe từ anh em biểu của tôi; đi hỏi anh biểu, anh bảo là bà ngoại tôi kể; bà ngoại bảo là cụ bà thuở trước nhà ngoại kể lại; tìm nửa ngày, đến giờ vẫn còn tìm đấy.

"Viết: văn chư Phó Mặc chi tử" (nói: tôi nghe từ cậu con trai Phó Mặc): nữ tiên nói tôi nghe từ con trai Phó Mặc kể lại. Những tên gọi này nay khó khảo chứng nổi; về sau Đạo gia đều quy các tên ấy về lối nói dân gian, cũng là phép so sánh, coi như ngụ ngôn của Trang Tử. Vậy Phó Mặc nghĩa là gì? Phía dưới Quách Tượng có một bộ chú giải, nhưng tôi chẳng đồng ý lắm với bộ chú ấy, bởi ông đem tất cả mọi thứ đều quy về ngụ ngôn của Trang Tử. Thực tế ngụ ngôn này nói về công phu tu đạo từng bước từng bước một, từng tầng cảnh giới; Trang Tử chỉ cố tình treo một màn bí mật ở chỗ ấy mà thôi.

Con trai Phó Mặc chính là cái thùng sơn đen: mới bước đầu tu đạo, nhắm mắt lại đen thẫm chẳng thấy gì, nên gọi là con trai Phó Mặc. **"Phó Mặc chi tử văn chư Lạc Tụng chi tôn"** (con trai Phó Mặc nghe từ đứa cháu Lạc Tụng): dần dần an tịnh lâu rồi, tai căn thanh tịnh, công phu từng bước tu tiếp xuống. An tịnh lâu dần rồi thì "Chiêm Minh", tức là điều Trang Tử nói phía trước, **"chiêm bỉ quyết giả, hư thất sinh bạch"** (hãy nhìn cái khoảng trống ấy: nhà rỗng

sinh ra ánh sáng), một chút ánh sáng xuất hiện. **"Chiêm Minh văn chi Nhiếp Hứa"** (Chiêm Minh nghe từ Nhiếp Hứa): Nhiếp Hứa là giữa ánh sáng có một thứ gì đó. **"Nhiếp Hứa văn chi Tu Dịch"** (Nhiếp Hứa nghe từ Tu Dịch): thứ ấy biết chuyển động. **"Tu Dịch văn chi Ô Âu"** (Tu Dịch nghe từ Ô Âu): Ô Âu, ta lấy Phật gia làm phép ví, chính là nhĩ căn viên thông (tai căn viên mãn thông suốt). Đợi nhĩ căn viên thông rồi thì **"văn chi Huyền Minh"** (nghe từ Huyền Minh): hoàn toàn là cảnh giới không, không đến tận cùng, song vẫn chưa phải chỗ cùng cực của đạo. **"Huyền Minh văn chi Tham Liêu"** (Huyền Minh nghe từ Tham Liêu): Tham Liêu là thứ rộng lớn, xa vời vô cùng, nên đời sau có một học giả tự xưng là Tham Liêu tử, coi như thần tiên Đạo gia, tác phẩm của ông rất nhiều; Tham Liêu tử là đạo hiệu của người ấy, chính lấy từ chỗ này của Trang Tử.

"Tham Liêu văn chi Nghi Thủy" (Tham Liêu nghe từ Nghi Thủy): tới đây chấm dứt, cũng ngang với Phật gia vậy. Ngươi thử nghĩ, nếu nghiên cứu thì gạt mấy thứ kia sang một bên chẳng bàn, chỉ nghiên cứu so sánh văn hóa Đông Tây: thời Trang Tử sớm hơn Phật giáo du nhập vào Trung Hoa rất nhiều, đến Tần Thủy Hoàng còn chưa ra đời nữa là! Thế mà Trang Tử đã nói tới **"vô thủy chi thủy"** (khởi điểm của cái chẳng có khởi điểm), ngang với vấn đề vũ trụ bắt đầu từ đâu mà Phật gia nói, tức là vấn đề trước có gà hay trước có trứng.

Vũ trụ này là một vòng tròn, nên Phật gia đặt tên gọi là vô thủy chi thủy; tra hỏi xem có một điểm khởi đầu hay không, Phật gia có một tên gọi là **"vô thủy"** (无始 - chẳng có khởi điểm). Vô thủy, tức là đại diện cho vô thủy chi thủy. Ở đây Trang Tử có một tên gọi là Nghi Thủy, cũng cùng một đạo lý ấy. Chúng ta nghiên cứu so sánh văn hóa Đông Tây, chính là điều người xưa nói: **"đông phương hữu thánh nhân, tây phương hữu thánh nhân, thử tâm đồng, thử lý đồng"** (phương Đông có thánh nhân, phương Tây có thánh nhân, tâm này một như nhau, lý này một như nhau). Phàm người đắc đạo, tên gọi ngôn ngữ tuy khác, việc hoằng dương đạo ấy tuy vì vùng miền mà khác, nhưng đạo lý ý nghĩa thì một như nhau; chân lý chỉ một, khác ở lối diễn đạt mà thôi. Trong *Đại Tông Sư*, Trang Tử đã truyền đạo rồi, cách thức tu đạo cũng truyền rồi, phía dưới lại từ một góc độ khác mà giải minh tiếp.

Sinh mệnh bị thân xác trói buộc chăng?

Tử Tự, Tử Dư, Tử Lê, Tử Lai tứ nhân tương dữ ngữ,
Tử Tự, Tử Dư, Tử Lê, Tử Lai bốn người nói chuyện với nhau rằng:

viết: Thục năng dĩ vô vi thủ, dĩ sinh vi tích, dĩ tử vi khao,
Ai có thể lấy không làm đầu, lấy sống làm xương sống, lấy chết làm mông,

thục tri tử sinh tồn vong chi nhất thể giả, ngô dữ chi hữu hĩ.
ai biết sống chết tồn vong là một khối, thì ta kết bạn với người ấy.

Bốn người Tử Tự, Tử Dư, Tử Lê, Tử Lai là bạn tốt của nhau, vừa đồng môn vừa đạo hữu; họ bàn xem trên đời có ai nổi "lấy không làm đầu", tức coi khoảng không làm cái đầu. Lấy thân người ví: không là cái đầu của ta, không là thể của đạo. "Lấy sống làm xương sống": sinh mệnh đang sống lấy xương sống làm đại biểu. "Lấy chết làm mông": chết thì như cái mông, là phần cuối cùng. Nói cách khác, người ấy lúc nào cũng trong cảnh không linh; sống cũng mặc kệ, cứ thế mà sống; chết thì bỏ cái xác này xuống, chẳng buồn nữa. Nói một câu rất thấu đáo rất thô: ngang với ỉa một cục giữa đời rồi chuồn mất. Một người nếu làm nổi được thế, quẳng cái xác thịt này ra như đã bài tiết xong rồi đi luôn, thì như câu "thục tri tử sinh tồn vong chi nhất thể giả, ngô dữ chi hữu hĩ": ai biết sống chết là một khối, là quá trình của đạo, là một hiện tượng, thì ta kết bạn với người ấy. Đó chính là pháp tướng mà Phật gia Duy thức gọi, một hiện tượng; cái bản năng đạo thể chưa từng động cả. Giả sử trên đời có ai hiểu được đạo lý ấy, ta có thể kết bạn với họ, mời họ

nhập hội luôn; bằng không thì chẳng đủ tư cách vào hội. Các bạn thấy bốn người này ghê gớm chứ! Nhìn khinh thiên hạ, tưởng như chẳng ai đủ tư cách làm bạn. Bốn người đứng bốn phương, cứ nhìn thiên hạ thế đó.

Tứ nhân tương thị nhi tiếu, mạc nghịch ư tâm, toại tương dữ vi hữu.
Bốn người nhìn nhau mà cười, lòng chẳng gì trở ngại nhau, bèn cùng kết làm bạn.

Nga nhi Tử Dư hữu bệnh. Tử Tự vãng vấn chi.
Chẳng bao lâu Tử Dư đau ốm. Tử Tự đến thăm hỏi.

Viết: Vĩ tai! Phù tạo vật giả, tương dĩ dư vi thử câu câu dã!
Ông khen: Hay thay! Đấng tạo vật lại sẽ biến ta thành cái co quắp ấy chăng!

Bốn người ấy nhìn quanh, chẳng thấy ai hiểu đạo, bèn anh nhìn tôi, tôi nhìn anh, cả bọn nhìn nhau mà cười, "mạc nghịch ư tâm". Nghịch là phản đối, mạc nghịch là chẳng có gì phản đối, lòng ý hoàn toàn hợp nhau. Cho nên văn chương Trung Hoa về sau gọi tình bạn chí thiết là "mạc nghịch chi giao", điển tích xuất từ đây. "Toại tương dữ vi hữu": bốn người làm bạn với nhau. "Nga nhi Tử Dư hữu bệnh": về sau Tử Dư đau ốm. "Tử Tự vãng vấn chi": Tử Tự đến thăm bệnh. Chúng ta đi thăm bệnh ắt mang một giỏ trái cây, hay tặng một bó hoa, đi thăm bệnh đều thế; nhưng Tử Tự tới nơi liền reo: "Vĩ tai!" Hay thay, vĩ đại quá! Người ta đau ốm, ông lại khen hay vĩ đại.

"Phù tạo vật giả, tương dĩ dư vi thử câu câu dã": ông bảo, ngươi sắp vĩ đại lắm đây, sắp được thăng chức rồi, oách lắm! Tôi tới chúc mừng ngươi. "Tạo vật giả" chính là tạo hóa, chủ tể của sinh mệnh. Ông nói thật đáng ghét, đấng tạo vật bày ra thứ này gò bó chúng ta, "vi thử câu câu"; tôi xem ngươi bây giờ hết hạn tù rồi, sắp được giải thoát, sắp nhảy khỏi ngục tù rồi, ha!

Khúc lâu phát bối, thượng hữu ngũ quản,
Lưng cong gù lên, phía trên có đủ năm giác quan,

di ẩn ư tề, kiên cao ư hàn, cú chuế chỉ thiên.
cằm ẩn xuống gần tới rốn, hai vai cao hơn đỉnh đầu, cái gáy chỉ lên trời.

Âm dương chi khí hữu lệ, kỳ tâm nhàn nhi vô sự,
Khí âm dương lệ lạc hỗn loạn, nhưng lòng ông vẫn nhàn rỗi vô chuyện,

biền tiên nhi kiến ư tỉnh,
lom khom xiêu vẹo soi bóng mình xuống giếng,

viết: Ta hồ! Phù tạo vật giả hựu tương dĩ dư vi thử câu câu dã!
rằng: Ôi! Đấng tạo vật lại sẽ biến ta thành cái co quắp ấy nữa!

Các bạn xem đấng tạo vật chế tạo con người đáng ghét cỡ nào: chỉ mấy chục cân thịt này, một bộ khung xương, đã khiêng chúng ta đứng yên. "Khúc lâu": thân người ta vốn chẳng thẳng tắp, xương sống cong thế kia. "Phát bối": lưng gù lên, phía trên đặt thêm cái đầu có đủ ngũ quan. "Di ẩn ư tề, kiên cao ư hàn, cú chuế chỉ thiên": cằm sắp sát tới rốn, hai vai lại cao hơn cả đỉnh đầu, mặt hướng lên trời. "Âm dương chi khí hữu lệ, kỳ tâm nhàn nhi vô sự": tuy âm dương thất hòa, đau ốm, nhưng lòng Tử Dư vẫn thoáng mát, chẳng bận tâm chút nào. Tôi xem ngươi sắp lên trời rồi, vĩ đại thay vĩ đại. Đau ốm rồi mà, hạn tù sắp mãn, tôi tới chúc mừng ngươi.

"Biền tiên" (跰鮮 - lom khom xiêu vẹo): là dáng hình chẳng ngay ngắn, chân khập khiễng bước loạng choạng. "Nhi kiến ư tỉnh": ông đối chiếu bóng mình xuống nước giếng, cảm thán rằng đấng tạo vật muốn dùng một cái thân thể như thế này trói buộc ta! Danh từ riêng "tạo vật" trong học thuật tư tưởng Đạo gia đại biểu công năng trời đất chế tạo muôn vật; giới tôn giáo gọi là chủ tể; triết học gọi là đệ nhất nhân. Văn hóa Trung Hoa chẳng có bộ máy ấy, những vấn đề tôn giáo triết học đều nhổ sạch, đặt tên khác gọi là tạo vật giả, cái có thể sáng tạo ra muôn vật.

Tử Tự viết: Nữ ố chi hồ?
Tử Tự hỏi: Ngươi ghét nó chăng?

Viết: Vong, dư hà ố!
Đáp: Nói đâu, ta ghét gì!

Tẩm giả nhi hóa dư chi tả tí dĩ vi kê, dư nhân dĩ cầu thời dạ;
Giả dụ hóa cánh tay trái ta thành con gà, ta nhờ đó mà canh giữ giờ sáng;

tẩm giả nhi hóa dư chi hữu tí dĩ vi đạn, dư nhân dĩ cầu hào chích;
giả dụ hóa cánh tay phải ta thành nỏ đá, ta nhờ đó mà kiếm chim nướng;

tẩm giả nhi hóa dư chi khao dĩ vi luân, dĩ thần vi mã, dư nhân dĩ thừa chi,
giả dụ hóa cái mông ta thành bánh xe, lấy tinh thần làm ngựa, ta nhờ đó mà cưỡi đi,

khởi cánh giá chiến!
há còn cần thắng cưỡi xe khác nữa!

Tử Tự hỏi Tử Dư: ngươi có ghét cái thân xác này của mình không? Tử Dư đáp: ngươi nghĩ xa đâu quá! "Vong, dư hà ố?" Nếu biết chẳng có cái ta, thì mọi sự biến hóa này, đẹp đẽ xấu xí ra sao, sống chết thế nào, đều chẳng còn là chuyện gì nữa. **"Tẩm giả"** (浸假 - giả dụ): lại là thứ chữ Trang Tử dùng; hai chữ này là danh từ đặc biệt trên văn đàn, cùng loại với dung cự, đều là hư tự, trợ từ; ngang với khi ta nói chuyện ngày nay: cái này… chỗ kia…, có khi câu hỏi trả lời chẳng xuôi, ừ ừ cái này cái này, cái này mãi nửa ngày, hoặc là chỗ kia chỗ kia, ý chỉ có vậy. Tẩm giả tức là nghĩa giả dụ.

Giả sử ngươi thấy ghét thân xác mình, chịu cảnh bị nó trói buộc, ông nói bậc đắc đạo sẽ hiểu rằng đâu có gì trói buộc; giả dụ trời đất biến cánh tay trái ta thành con gà, thế thì tốt quá! Ta khỏi mua đồng hồ! Gà gáy là biết giờ. Người xưa chưa có đồng hồ, dựa vào gà báo canh, đêm gáy hai ba lần, ngày gáy hai ba lần. Một tiếng gà gáy, một sự biến đổi mắt mèo, người xưa nhờ hai chiếc đồng hồ trời ấy mà biết giờ. Giả dụ lại biến cánh tay phải thành nỏ đá, "để kiếm chim nướng" thì tốt rồi, đi bắn chim, chim bắn được rồi đem nướng ăn, chẳng phải rất hay sao? Biến hóa thế nào cũng chịu. Giả dụ biến xương sống ta từ trên xuống tận xương cụt thành bánh xe, thế thì hay quá, miễn tinh thần ta còn, ta lấy tinh thần làm ngựa, kéo cái bánh xe ấy, xe chạy luôn, mình ngồi trên xe, khỏi phải gọi xe nữa!

Đoạn này của Trang Tử, nhìn qua tưởng nói chẳng ra gì, toàn chuyện khó hiểu; nhưng giữa đó có một đạo lý: hết thảy vạn hữu sinh mệnh đều là biến hóa tự nhiên; muôn vật với sinh mệnh, thân xác tâm lý con người, đều tự nhiên trong dòng biến hóa. Cái gọi là "tạo vật" còn có tên khác là tạo hóa, cũng do Trang Tử nêu. "Tạo vật" là nói trong vũ trụ có một công năng, một sức mạnh có thể sáng tạo muôn vật, chẳng phải thứ nhân cách hóa mà giới tôn giáo nói, hay một thứ toàn năng cố định hình hài. Công năng này chẳng bàn được năng hay bất năng, nên định tên gọi "tạo vật": nó sáng tạo muôn vật, mà muôn vật tự nhiên nằm trong biến hóa.

Ví như thân người ta có thực vật, khoáng vật, động vật, đủ thứ cả, tích lũy lại mới thành hình hài này. Nên thuốc ta uống chữa bệnh, ví như thuốc Tây trong đó khoáng vật thực vật gì cũng có, thuốc Nam nghiêng về thực vật. Thuốc uống vào bệnh liền khỏi, đó cũng là tác dụng hóa học; nên tất cả đều trong biến hóa. Sự biến hóa ấy hết sức tự nhiên, bên này làm sinh mệnh cho bên kia, bên này làm sinh tử cho bên kia. Ta ăn rau, rau cũng có thể gọi là cỏ. Nên vị giáo sư họ Trần lúc ăn chay cứ bảo là ăn cỏ, cũng chẳng sai, rau với cỏ vốn chẳng khác mấy. Ăn thịt thì gọi là ăn người, ăn thịt của người khác, đều là đổi thay lẫn nhau. Mọi biến hóa rất tự nhiên, nên gọi là tạo hóa, tạo tác muôn vật, đổi thay cho nhau. Vì thế sinh ra cũng là một hiện tượng biến hóa, chết đi cũng là một hiện tượng biến hóa. Có cái sinh mệnh này cũng chẳng coi là trói buộc, mất cái hình hài này cũng chẳng coi là bi thương; đó chính là tự nhiên mà Đạo gia Trung Hoa nói. Cái tự nhiên ấy chẳng phải một chủ tể, cũng chẳng phải tự nhiên mà triết học Ấn Độ hay phương Tây nói, mà là sự biến hóa rất tự nhiên.

Ông nói, sao ngươi này chẳng thông suốt thế! Muôn vật đều tự nhiên biến hóa, người từ trẻ biến già; già rồi thì già, già thì phải già cho đẹp. Ngươi bảo tôi già thật đáng thương, người trẻ muốn có cái đáng thương ấy còn chẳng được nữa thì sao! Tôi có một người bạn, hôm kia đến ăn cơm, bảo giờ chúng ta tuổi già rồi, gặp toàn bạn cũ; bạn già gặp nhau, y như thơ Đường nói **"phỏng cựu bán vi quỷ"** (thăm bạn cũ, nửa số đã thành ma), **"tương bi các vấn niên"** (gặp nhau buồn bã hỏi nhau tuổi tác): hỏi thăm bạn cũ thì một nửa đã sang thế giới bên kia, gặp mặt thì hỏi nhau bao nhiêu tuổi! Ồ! Bảy mươi chín rồi à, ồ! Tôi tám mươi hai rồi, tương bi các vấn niên.

Ông bảo, các người sao phiền phức thế! Gặp nhau nói chuyện khác chứ! Vừa gặp đã hỏi huyết áp cao không? Tim mạch tốt không? Dạo này đi khám chưa? Phiền phức làm sao! Mấy bạn già ấy bảo: già rồi khổ sở lắm, nên chạy phòng khám bệnh viện bảo hiểm công chức, thật là ngu. Ông nói, tôi thấy mình hạnh phúc lắm: Thượng Đế chẳng ban cho tôi cái sinh mệnh này thì tôi còn chẳng có cơ hội chết; đã ban cho tôi sinh mệnh này rồi, một ngày nào đó sẽ kêu tôi chết, tôi thấy rất vinh quang, cơ hội chết hiếm biết mấy! Đời người chỉ có một lần, các người sợ hãi cái chết làm gì?

Dù người bạn này chẳng hề tu đạo, cũng chẳng nghiên cứu Trang Tử, nhưng nói chuyện vốn rất khoái trá. Ông nói giả dụ mắc ung thư, bảo tôi mổ cũng được, chẳng mổ cũng được, đều là cơ hội khó có; cơ hội lớn cuối cùng chính là cái chết, phải nhìn thông được chứ! Trước khi tôi chưa chết, thứ gì ăn vào sẽ ung thư, tôi vẫn cứ ăn, biết đâu lại là một cơ hội! Nên ông kể, dạo này sang ngoại quốc chơi một vòng, thăm con gái con trai; các bạn tưởng tôi có muốn đi không! Chính vì China Airlines dạo này máy bay gặp nạn, tôi suy nghĩ thế là mua vé đi ngay. Tôi hỏi ý nghĩa gì vậy? Ông bảo: tôi muốn tìm một cơ hội rơi xuống như thế, chẳng phải giản dị rõ ràng còn gì? Mai này nếu phải thở oxy thì mới phiền làm sao. Kết quả vận xui, chẳng rơi được, ở ngoại quốc nửa tháng, chẳng biết tiếng Tây, lên máy bay xong bị người ta dắt đi suốt đường.

Ở nước mình ông ấy cũng khá có địa vị, đương nhiên chẳng biết tiếng Tây; ông bảo suýt thì phải treo tấm bảng, tôi là người đâu, đi tới đâu; nên tiếp viên hàng không thấy tôi thật sự chẳng hiểu tiếng Tây, dặn dò từng người một. Đến nơi, máy bay vừa đáp, liền muốn xuống. Người bên cạnh được nhờ trông coi liền nói NO, NO; ông bảo đã NO thì tôi càng không xuống máy bay. Sau này tôi hỏi trên máy bay ăn uống thế nào? Ôi đúng là phiền, ông bảo món Tây ấy khó ăn quá, tôi đổ cả tiêu với tương ớt vào luôn. Người ta hỏi uống gì? Tôi chỉ biết nói cà phê, nửa tháng uống đầy bụng cà phê. Người bạn già này mỗi khi tới là có chuyện cười, toàn chuyện tại trận. Nên bây giờ tôi khuyên các bạn: đừng ra nước ngoài y như ông ấy, uống đầy bụng cà phê, ít nhất cũng phải nhận mặt được thực đơn chứ! Con người ấy tuy chẳng học đạo, chẳng học gì cả, nhưng tư tưởng rất thông đạt.

Trang Tử nói chẳng thắng nổi trời

Thả phù đắc giả, thời dã, thất giả, thuận dã;

Hơn nữa, được, là nhờ thời cơ; mất, là thuận theo lẽ vậy;

an thời nhi xử thuận, ai lạc bất năng nhập dã,

an nơi hợp thời, ở theo lẽ thuận, thì buồn vui chẳng thể xâm nhập vào lòng,

thử cổ chi sở vị huyền giải dã,

ấy là điều người xưa gọi là mối ràng buộc được cởi ra,

nhi bất năng tự giải giả, vật hữu kết chi.

còn kẻ chẳng tự gỡ nổi, là vì muôn vật đã trói buộc lấy mình.

Thả phù vật bất thắng thiên cửu hĩ, ngô hựu hà ố yên!

Hơn nữa, muôn vật chẳng thắng nổi trời đã lâu rồi, ta còn gì mà chán ghét nữa!

Trang Tử nói, chúng ta có được chiếc thân xác này, sống trên thế giới này, chữ "thời dã" này đại diện cho một dịp may, một quãng thời gian; có được dịp may ấy, có được quãng thời gian ấy, mới bảo chúng ta sống vài chục tuổi. Vạn nhất sinh ra rồi chết ngay! Thời gian ngắn hơn một chút, đi sớm cũng được, chẳng có gì phải lưu luyến; nên **"đắc giả, thời dã"** (được, là nhờ thời cơ), đây là một dịp may. **"Thất giả, thuận dã"** (mất, là thuận theo lẽ vậy): sinh mệnh chấm dứt, trở về là điều phải lẽ. Bản vốn trên thế giới này đâu có ta; bỗng nhiên nhảy ra một cái ta, chơi ở thế gian vài chục năm, đã quá hời rồi. Ngày đầu trống trơn chẳng mang theo gì, vừa ăn vừa ở, vừa chơi vừa mắng người, vừa cãi vã, chơi mấy chục năm, thú vị thật đấy. Về thì về, đáng lẽ phải vậy còn gì, chẳng có gì to tát.

Vì thế văn hóa Trung Hoa về sau có một danh ngôn, **"an thời xử thuận"** (an nơi hợp thời, ở theo lẽ thuận); bốn chữ này là điển cố, là nguyên tắc thường hay dùng, bắt nguồn từ thiên *Đại Tông Sư* này. Nên ông nói "an thời nhi xử thuận": lúc còn sống, nắm chắc hiện tại, hiện tại mới là giá trị; tới lúc phải về, cứ rất tự nhiên mà trở về; nên mọi biến chuyển hoàn cảnh, mọi biến chuyển thân tâm đều chẳng sao cả, đó là biến chuyển tự nhiên vốn sẵn. Thường có nhiều bạn bè kể lể, muốn cái này muốn cái nọ, nhất là khi tới tuổi già; Khổng Tử cũng từng nói, người tới tuổi già có một điều đại giới, tức **"giới chi tại đắc"** (phải phòng cái bệnh ôm giữ chẳng buông). Người già tay càng nắm càng chặt, tư tưởng cũng càng nắm càng chặt, bởi ngày trước mắt chẳng còn bao nhiêu, mặt trời sắp xuống núi mà đường phía trước vẫn dài xa mịt mờ, nên sợ hãi rằng mình chẳng nắm giữ nổi. Bọn thường ngày chẳng màng tiền, già rồi đặc biệt màng tiền; bọn thường ngày hào phóng rộng rãi, già rồi con trai cũng là của tôi, con gái cũng là của tôi, đứa cháu nội cũng là của tôi, bởi họ chẳng còn gì để nắm nữa! Cứ mãi muốn nắm, thế là chẳng hiểu cái sinh mệnh này, nên chẳng biết xử thuận.

Người vừa tới tuổi già, thế giới này cho ngươi chơi bây lâu như thế, đã quá hời rồi, phải thuận theo tự nhiên; nếu hiểu được đạo lý này thì **"ai lạc bất năng nhập dã"** (buồn vui chẳng thể xâm nhập vào lòng). Mọi hỷ nộ ai lạc chẳng có gì đáng kể, cảm xúc đều chẳng động; cảm xúc chẳng động chẳng phải là chán nản đâu; tự nhiên nó trống rỗng. Còn gì đáng mừng nữa! Dĩ nhiên chẳng phải bảo ngươi đừng mừng; vui thì cười một trận, cười xong cũng xong luôn; muốn khóc thì khóc một trận, khóc xong cũng xong luôn, **"ai lạc bất nhập ư tâm"** (buồn vui chẳng lọt vào lòng). Ông nói đạo lý này khó hiểu nhất, đây chính là đạo. Phật gia Thiền tông giảng giác ngộ, chính là để giác ngộ đạo lý này, là phải nhìn cho thông suốt nhân sinh.

"Thử cổ chi sở vị huyền giải dã" (điều người xưa gọi là mối ràng buộc được cởi ra): chữ huyện (县) của người xưa chính là chữ huyền (悬). Thế nào gọi là huyền giải? Chính là kiến giải cao minh tuyệt đỉnh; gắng diễn giải thêm chút nữa, theo đạo lý triết học hình nhi thượng thì chính là huyền giải. Nếu nói nghiêm khắc, các đề mục như huyền

giải, tạo hóa chứa đựng ý nghĩa đều rất nhiều; nói giản dị, là đã lý giải tới nơi tới chốn; hiểu được cái này chính là đạo. Vì thế về sau có người viết thành chữ huyền (悬): mỗi người nên có thứ trí tuệ ấy, hiểu rõ nhân sinh này, mà đắc đạo. **"Nhi bất năng tự giải giả"** (còn kẻ chẳng tự gỡ nổi): nhưng đời người tự mình chẳng đạt được giải thoát, chẳng với tới cảnh giới giải thoát của huyền giải; **"vật hữu kết chi"** (muôn vật đã trói buộc lấy mình), bởi bị môi trường vật lý làm cho vướng bận, bị nó xiết chặt lấy.

Các bạn ngồi đây nghiên cứu Phật học hẳn nhìn ra ngay: rất nhiều danh từ dịch trong kinh Phật, gì mà "giải thoát", phiền não vọng tưởng trong lòng gọi là **"kết sử"** (sợi dây trói buộc tâm), đều mượn dùng của Trang Tử rất nhiều. Cho nên có kiến giải cao minh, người ngộ đạo rồi tự mình đạt được giải thoát; kẻ nếu chẳng đạt được giải thoát, tự mình khổ sở lắm.

"Thả phù vật bất thắng thiên cửu hĩ, ngô hựu hà ố yên!" (Muôn vật chẳng thắng nổi trời đã lâu rồi, ta còn gì mà chán ghét!) Đây là kết luận cuối cùng. Ông nói vũ trụ vạn vật chẳng thắng nổi trời; chữ thiên (天) ở đây đại diện cho đạo, chẳng phải trời của thiên thể, cũng chẳng phải trời của khoa học tự nhiên nào; vạn vật chẳng lìa khỏi cảnh giới của đạo, tức muôn vật cũng chẳng thể lay chuyển nổi tâm, tâm chính là đạo. Nhưng nhắc tới chữ tâm (心), chúng ta dễ hạ thấp nó xuống, tưởng rằng đem tư tưởng của mình coi là tâm; cái tâm này bao gồm tư tưởng, tinh thần, vật lý (sinh lý), ba phần hợp làm một thể. Mà người xưa, nhất là Trang Tử, chẳng dùng kiểu chữ ấy; ông dùng chữ thiên (天), hoặc loại chữ như đạo (道), tức đại diện cho tâm vật là một thể; nên mới có "vật bất thắng thiên". Ông nói chúng ta há cần vì ngoại vật mà làm khổ chính mình sao! Đem muôn vật nhìn cho trống rỗng, nhìn cho thông suốt, chẳng bị vướng bận, thì chẳng bị trói buộc. Cho nên chúng ta há cần chán ghét chiếc thân xác này, huống hồ những thứ của thế giới vật lý! Phía dưới mở sang một câu chuyện khác.

Bạn có sợ chết không?

Nga nhi Tử Lai hữu bệnh, xuyễn xuyễn nhiên tương tử,
Chẳng bao lâu Tử Lai mang bệnh, thở hổn hển sắp chết,

kỳ thê tử hoàn nhi khấp chi.
vợ con ông vây quanh mà khóc.

Tử Lê vãng vấn chi, viết:
Tử Lê đến thăm hỏi, nói:

Sất! Tị! Vô đát hóa.
Biến đi! Tránh ra! Chớ kinh hoàng trước sự biến hóa.

Bốn người bạn tốt Tử Tự, Tử Dư, Tử Lê, Tử Lai; qua một thời gian, Tử Lai mang bệnh, đại khái nước trong phổi, hoặc viêm khí quản mà sinh chứng suyễn; **"xuyễn xuyễn nhiên tương tử"** (thở hổn hển sắp chết): hơi thở đẩy ra chẳng nổi, sắp chết đến nơi. Vợ con Tử Lai vây quanh mà khóc. Tử Lê **"vãng vấn chi"** (đến thăm hỏi), tức đi thăm bệnh của Tử Lai; thấy người nhà ông ấy vây quanh, bi ai đến thế, Tử Lê liền mắng người: **"Sất! Tị!"** (Biến đi! Tránh ra!) các ngươi toàn bộ tránh hết đi, đuổi người nhà ông ấy ra xa. **"Vô đát hóa"** (chớ kinh hoàng trước sự biến hóa): mang bệnh cũng vậy, chết cũng vậy, tất cả đều là biến hóa tự nhiên vật lý của trời đất; lúc mang bệnh thì cứ mặc nó mang bệnh; dĩ nhiên chẳng phải bảo ngươi bỏ thuốc, thuốc vẫn phải uống, há cần khiếp đảm trong lòng làm chi!

Trước hết bàn điểm này: về chuyện Tử Lai mang bệnh, Trang Tử chỉ nói ba chữ, "vô đát hóa". **"Đát"** (怛 - sợ hãi), sợ sự biến hóa; đó chính là triết học của việc mang bệnh. Phía trên trình bày đạo lý biến hóa sinh lý; khi ta mang bệnh,

dù đông y hay tây y, trong y lý có một nguyên tắc lớn nhất, các bạn học y càng phải chú ý: bất cứ bệnh gì cũng chỉ có ba phần, nhưng nỗi đau đớn tâm lý cộng thêm vào thì hóa thành bảy phần, đau lắm! đau quá! Người mang bệnh lại thích được người khác chăm sóc, ngang với trẻ con: con thấy mẹ, chẳng có chuyện gì cũng khóc ba trận, chẳng có việc gì cũng phải khóc một chút. Người khi mang bệnh thích nhất có người tới thăm, chăm sóc: có đau không? Đau lắm chứ! Nhiều người đúng là tính trẻ con, thực ra chẳng đau đến mức ấy; la đau đều là tác dụng tâm lý của chính mình.

Chẳng hạn một người cảm mạo khổ sở lắm, nhưng chính tâm lý mình làm nó nặng thêm, vì khiếp sợ bệnh tật, tác dụng tâm lý tiềm thức; thứ ấy cộng vào rồi khiến việc dập tắt bệnh thêm nhiều khó khăn. Vì vậy trong y học thấy được rất nhiều sự thật: thường có người uống nhầm thuốc, vậy mà bệnh lại khỏi nhờ đó, bởi tín nhiệm thầy thuốc, tin rằng thuốc uống xuống là mình sẽ được cứu; nên có nhiều hồ sơ y án ghi lại thứ đưa cho bệnh nhân uống căn bản chẳng phải thuốc. Bây giờ ở Mỹ, gia đình nào cũng bày những lọ thuốc, tin tưởng thuốc mê ly; dĩ nhiên nghề thầy thuốc nhờ vậy mà phát đạt, nhất là đủ thứ vitamin, nhiều vô kể.

Nhưng theo tư liệu tôi được biết, mà đều là những tư liệu cao minh nhất trong y học, nhiều bệnh chẳng chữa nổi, thầy thuốc cho uống chỉ là đường trắng, gói lại như một viên thuốc; ông nói đa số là để trấn an tâm lý người bệnh; kết quả người bệnh vẫn sống khỏe mạnh, bởi chứng bệnh tâm lý rất nặng. Văn minh khoa học càng phát triển, chứng bệnh tâm lý của người thường càng nặng nề. Muốn gỡ vấn đề tâm lý của chính mình, chính là ba chữ của Trang Tử, "vô đát hóa": chẳng có gì khiếp sợ đến thế, nhìn cuộc sống thoáng một chút, lúc mang bệnh sẽ chẳng còn khiếp sợ đến thế, cũng chẳng còn sợ chết đến thế. Vì vậy Tử Lê dùng hai câu ấy mắng người nhà Tử Lai, bảo họ tránh đi: các ngươi sợ điều gì? Đây là biến hóa tự nhiên.

Ỷ kỳ hộ dữ chi ngữ viết,

Tử Lê dựa vào cửa mà nói với Tử Lai:

Vĩ tai tạo hóa! Hựu tương hề dĩ nhữ vi, tương hề dĩ nhữ thích!

Vĩ đại thay tạo hóa! Chẳng biết sẽ biến ngươi thành cái gì, chẳng biết sẽ đưa ngươi đi đâu!

Dĩ nhữ vi thử can hồ? Dĩ nhữ vi trùng tí hồ?

Biến ngươi thành gan chuột chăng? Biến ngươi thành cánh côn trùng chăng?

Tử Lê liền dựa bên cạnh cái cửa sổ; cái cửa sổ gọi là hộ. **"Hộ"** (戶 - cửa trong nhà): môn là môn, hộ là hộ; hộ thuộc bên trong nhà, cửa nằm trong ngôi nhà gọi là hộ, cửa ngoài cổng lớn gọi là môn, ví như nói cửa kính lớn chạm đất ngày nay gọi là hộ. Tử Lê dựa nơi cửa mà nói chuyện với Tử Lai. **"Vĩ tai tạo hóa! Hựu tương hề dĩ nhữ vi, tương hề dĩ nhữ thích!"** (Vĩ đại thay tạo hóa! Chẳng biết sẽ biến ngươi thành cái gì, chẳng biết sẽ đưa ngươi đi đâu!) Ông nói: uy vũ thay tạo hóa, chẳng biết sẽ biến ngươi thành bộ dạng gì nữa! Càng chẳng biết sẽ đưa ngươi đi nơi nào! Vì Tử Lai đang mang bệnh, bước kế tiếp của bệnh là chết; **"dĩ nhữ vi thử can hồ? dĩ nhữ vi trùng tí hồ?"** (biến ngươi thành gan chuột chăng? biến ngươi thành cánh côn trùng chăng?) Sau khi chết sẽ hóa thành gan chuột sao? Hay cánh tay của một con sâu? Chỗ nói này tựa như luân hồi của sinh mệnh, thực chất gan chuột cánh côn trùng đều là những thứ chẳng hề tồn tại.

Tử Lai viết: Phụ mẫu ư tử,

Tử Lai nói: cha mẹ đối với con,

đông tây nam bắc, duy mệnh chi tòng.

đông tây nam bắc, chỉ biết vâng theo mệnh.

Âm dương ư nhân, bất xí ư phụ mẫu;

Âm dương đối với người, chẳng cần cánh mà vẫn hơn cả cha mẹ;

bỉ cận ngô tử nhi ngã bất thính, ngã tắc hãn hĩ, bỉ hà tội yên!

nó đem cái chết tới gần ta mà ta chẳng nghe theo, thế là ta ngang bướng rồi, nó đâu có tội tình gì!

Tử Lai nói, vũ trụ trời đất ngang với cha mẹ chúng ta, là một vị cha mẹ lớn; muôn hữu trong vũ trụ đều do âm dương biến hóa ra. Nó **"bất xí"** (不翅): không có cánh, tức chẳng có hình dạng mà vẫn bay rất nhanh, tốc độ vạn vật chẳng theo kịp. Nó biến hóa vô cùng vô tận, mau lẹ khủng khiếp; Trang Tử nói đây chính là cha mẹ lớn của chúng ta. Cho nên sinh mệnh của muôn hữu, gồm cả loài người, đều do cha mẹ lớn âm dương này sinh ra, **"bất xí ư phụ mẫu"** (không cánh mà vẫn hơn cha mẹ).

"Bỉ cận ngô tử nhi ngã bất thính, ngã tắc hãn hĩ, bỉ hà tội yên!" (Nó đem cái chết tới gần ta mà ta chẳng nghe theo, thế là ta ngang bướng rồi, nó đâu có tội!) Cha mẹ lớn này chính là đấng chủ tể vũ trụ, là tác dụng tạo hóa của âm dương; nếu nó cho rằng ta phải chết, ta cũng chẳng tài nào kháng cự nổi, đành nghe theo nó thôi. Giả sử ta chẳng vâng mệnh lệnh, chẳng thuận theo tự nhiên mà chết, thế là phản kháng, **"ngã tắc hãn hĩ"** (thế là ta ngang bướng). Há cần gì phản kháng mệnh lệnh của cha mẹ, phản kháng mệnh lệnh của âm dương? Nó bắt ngươi chết cũng chẳng phải tội lỗi, cho ngươi sống cũng chẳng phải ân huệ; rất tự nhiên, quy luật chỉ đơn giản vậy thôi. Hơn nữa sinh mệnh của chúng ta là do nó biến ra, chúng ta phải trả về cho nó, phải vâng theo mệnh lệnh của nó mới được.

"Phù đại khối tải ngã dĩ hình, lao ngã dĩ sinh, dật ngã dĩ lão, tức ngã dĩ tử. Cố thiện ngô sinh giả, nãi sở dĩ thiện ngô tử dã" (Khối lớn đội ta bằng hình, làm ta nhọc vì sống, cho ta nhàn vì già, cho ta nghỉ vì chết. Cho nên khéo sống ta, ấy là khéo chết ta).

Trong triết học Trung Hoa thường dùng các danh từ tạo vật, tạo hóa, âm dương, đại khối v.v.; phía trước đã nói đại khối chính là trời đất này của chúng ta, trời đất **"tải ngã dĩ hình, lao ngã dĩ sinh, dật ngã dĩ lão, tức ngã dĩ tử"** (đội ta bằng hình, làm ta nhọc vì sống, cho ta nhàn vì già, cho ta nghỉ vì chết). Đó là sinh lão bệnh tử. Ở đây có một phép so sánh: triết học Phật gia thời trước coi trọng vô cùng bốn chặng đường sinh lão bệnh tử của đời người, toàn bộ triết học Ấn Độ cũng xem trọng. Bốn chặng đường triết học Ấn Độ nêu ra rất rõ ràng; Trung Hoa vốn dĩ đã có. Triết học Ấn Độ là muốn nhảy ra khỏi bốn vấn đề ấy, muốn thoát ly, muốn tìm cách cho người giải thoát khỏi sinh lão bệnh tử, nên lập nên hệ thống triết học Phật học, cũng chính là triết học tôn giáo nền tảng của Phật giáo.

Nếu cởi bỏ lớp áo ngoài tôn giáo, chỉ đem tinh thần văn hóa ra so sánh, cách nói của Trang Tử ở đây đại diện cho quan niệm của văn hóa thượng cổ Trung Hoa về sinh lão bệnh tử: khoan thai nhẹ nhõm lắm! Chẳng nghiêm trọng như cách nhìn của các tôn giáo khác. Trang Tử nói, đại khối trời đất này **"tải ngã dĩ hình"** (đội ta bằng hình); chú ý chữ **"tải"** (載 - chở trên xe), lần trước ta cũng đã nhắc qua: nghĩa là chiếc thân xác này tựa như một cỗ xe, nhét cái "ta" vào bên trong, ấy là ý câu "tải ngã dĩ hình". Vì thế nói, thân xác chẳng phải ta, ta cũng chẳng phải thân xác; song thân xác hiện giờ thuộc quyền ta sử dụng, ngang với một cỗ xe của ta. Có được hình hài rồi, sống còn thì **"lao ngã dĩ sinh"** (làm ta nhọc vì sống): sống bận rộn quanh năm; **"dật ngã dĩ lão"** (cho ta nhàn vì già): già rồi ban cho ta một sự nghỉ hưu êm ả; **"tức ngã dĩ tử"** (cho ta nghỉ vì chết): chết là để cho ta nghỉ ngơi. Nên **"cố thiện ngô sinh giả, nãi thiện ngô tử dã"** (cho nên khéo sống ta, ấy là khéo chết ta): người thật hiểu sinh mệnh mới thật hiểu nổi cái chết; sống chưa đáng để mừng, chết cũng chưa đáng để sợ, đây là một chặng đường rất tự nhiên.

Song đấy! Tất cả các thứ triết học, cùng triết học tôn giáo, đều chỉ nói tới đây mà dừng: sau khi chết còn nữa hay không? Vậy thì chuyện ấy lại quy về Phật học. Câu trả lời là còn. Đạo gia chẳng nói rõ ràng đến thế, song thừa nhận

còn, còn quay trở lại, ấy chính là luân hồi. Luân hồi nghĩa là xoay trở lại từ đầu, lại trải sinh lão bệnh tử; nên sinh mệnh này mãi mãi nối tiếp chẳng dứt, đó là hiện tượng của sinh mệnh. Phía sau hiện tượng ấy còn có một thứ, một công năng vô đối, ấy chính là nguyên nhân thứ nhất mà triết học tôn giáo ấn định. Nguyên nhân thứ nhất lại có muôn vàn tên gọi khác nhau; gọi nó là đạo cũng được, gọi nó là cái gì cũng được; Trang Tử kế tiếp lại có một cách hình dung khác.

Thuận tự nhiên nghịch tự nhiên

Kim đại dã chú kim,
Giờ đây thợ rèn lớn đem vàng ra đúc,

kim dũng duyệt viết: ngã thả tất vi Mạc Da,
thỏi vàng reo vui rằng: tôi sắp nhất định thành thanh bảo kiếm Mạc Da,

đại dã tất dĩ vi bất tường chi kim.
thợ rèn lớn ắt coi đó là thứ vàng mang điềm gở.

Phép ví này thật hay. Trang Tử đặt ra một thí dụ: **"đại dã"** (大冶 - ông thợ rèn lớn), có một vị kỹ sư nấu vàng, trong lò rèn tôi luyện thỏi vàng, định đem đúc thành một vật khác. Nào ngờ vàng vừa đổ vào lò, thỏi vàng đã mừng rỡ nhảy nhót mà nói: tốt lắm! Đến lượt tôi rồi, sắp tới tôi lập tức hóa thành thanh bảo kiếm Mạc Da! Thuở cổ muốn rèn nên một thanh kiếm danh tiếng nào cũng phải hòa luyện cả năm thứ kim loại; vậy mà thỏi vàng vừa vào lò đã nhảy lên kêu toang, thì vị kỹ sư ấy nhất định cho nó là thỏi vàng yêu quái, nhất định tìm cách vứt bỏ thỏi vàng ấy đi.

Kim nhất phạm nhân chi hình, nhi viết nhân nhĩ nhân nhĩ,
Vừa mới đúc vào khuôn hình người, liền kêu người ấy người ấy,

phù tạo hóa giả tất dĩ vi bất tường chi nhân.
thì đấng tạo hóa ắt coi đó là người mang điềm gở.

Sinh mệnh của chúng ta bây giờ, **"phạm nhân chi hình"** (vừa đúc vào khuôn hình người): chữ phạm (犯) này chính là chữ phạm (范 - cái khuôn đúc), giờ ta đã biến thành hình dạng con người rồi; **"nhi viết nhân nhĩ nhân nhĩ"** (liền kêu người ấy, người ấy), tự mình còn reo lên: ta là người… ta là người! Bởi thế chủ tể của sinh mệnh nhìn chúng ta chỉ thấy toàn yêu quái, toàn người mang điềm gở, y như thỏi vàng kia vậy. Người thì vốn là người sẵn rồi, việc gì phải tự mình quảng cáo? Quả là tự mình sinh chuyện đấy.

Kim nhất dĩ thiên địa vi đại lư, dĩ tạo hóa vi đại dã,
Giờ đây cứ lấy trời đất làm chiếc lò lớn, lấy tạo hóa làm ông thợ rèn lớn,

ô hồ vãng nhi bất khả tai!
thì đi đến đâu mà chẳng được!

Thành nhiên mị, cừ nhiên giác.
Xong việc thì ngủ say một giấc, chợt tỉnh giấc nhẹ nhàng.

Trong đoạn này Trang Tử đặc biệt nêu lên cho chúng ta nhận rõ: cả vũ trụ là một chiếc nồi hóa học lớn. "Giờ đây cứ lấy trời đất làm chiếc lò lớn", tức bây giờ trời đất là chiếc lò hóa học lớn; giữa trời đất có một công năng sáng tạo muôn vật, công năng ấy gọi là tạo hóa; tạo hóa chính là vị kỹ sư ấy, ông ta muốn biến chúng ta thành gì thì ta thành

nấy. "Thì đi đến đâu mà chẳng được!" Chẳng thể bàn chấp nhận hay không chấp nhận, phải thuận theo tự nhiên. Bản thân đã biết vũ trụ là một cuộc đại biến hóa, thì cứ để nó biến, hóa thành thế nào cũng được, việc gì phải gào lên! Chớ tự mình đứng đó gượng gạo, mâu thuẫn với sinh mệnh.

Đạo lý này tỏ rõ: bởi chúng ta hiểu chẳng rõ sinh mệnh, nên tự mình oán trách sinh mệnh, bất mãn với nhân sinh. Thực ra hoàn cảnh nào người cũng sống nổi, nhưng đời nào lại cứ bất mãn với mọi hoàn cảnh, cứ oán trách hoài, giống như thỏi vàng kia nhảy vào lò rèn rồi tự mình kêu lên, thế là hóa ra yêu quái. Cho nên người phải nhận rõ: sinh mệnh mình biến hóa đúng như thế đấy, chẳng cần oán trách, cũng chẳng có buồn vui thương hận, tất cả rất tự nhiên.

"Xong việc thì ngủ say một giấc, chợt tỉnh giấc nhẹ nhàng." Tạo hóa trong lò rèn chế tạo ra một thành phẩm, chính là chúng ta, là người đấy; thành phẩm làm ra xong, sinh mệnh con người cũng được nhét vào thân xác này. "Ngủ say một giấc": vừa biến thành cái gọi là người liền ngủ, ngủ một cách mơ màng hồ đồ; chính là cảnh đêm trường mênh mông mà kinh Phật nói. Cái đêm ấy dài lắm, giấc ngủ này nằm xuống, chưa chừng sống được sáu mươi tuổi, tức là đã ngủ sáu mươi năm. "Chợt tỉnh giấc nhẹ nhàng": đến một ngày thân xác ta hỏng rồi, công cụ dùng hết rồi, tinh thần của ta rời khỏi công cụ thân xác ấy, trở về với đại tự nhiên, ấy chính là lúc tỉnh mộng; khoan khoái biết bao.

Hai câu cuối đoạn chuyện này tỏ rõ: khi sống, sinh mệnh nhét trong thân xác, đó là lúc gặp vận đen, là lúc ta say ngủ lớn; đợi tới một ngày tỉnh khỏi giấc mộng, thân xác này không còn giam hãm được ta nữa.

Trong đạo lý cùng những thí dụ ngụ ngôn về sinh mệnh mà Trang Tử trình bày, có một điểm trung tâm hết sức quan trọng, xin chớ xem nhẹ: đó là người nếu hiểu được đạo này, thì dù đứng giữa vòng biến hóa tự nhiên, vẫn có thể tự mình làm chủ tể vũ trụ, chủ tể lấy sinh mệnh của mình; đó chính là sự thăng hoa của sinh mệnh, hạng người như thế gọi là chân nhân. Chân nhân có thể nói đem mặt trời mặt trăng trên trời cao cầm trong tay, như nắm mấy viên bánh trôi mà chơi; chân nhân ấy còn vĩ đại hơn cả vũ trụ, có công năng sinh mệnh không gì so sánh nổi.

Trong nội thất thiên của Trang Tử, bề ngoài đều nói cách giải thoát, thuận theo tự nhiên; nhưng bên trong có một thứ trái nghịch với quy luật tự nhiên, có thể chẳng đi theo vòng biến hóa ấy mà siêu vượt lên trên vòng biến hóa ấy; chỉ kẻ hiểu được đạo mới làm nổi, mà đó mới là trọng tâm chủ yếu. Khi đọc Trang Tử, ta thường bị văn chương vừa đẹp vừa hài hước thú vị về vòng biến hóa tự nhiên ấy làm cho hoa mắt, quên mất giữa đó có một cái có thể làm chủ. Đại để những kẻ nghiên cứu Trang Tử, cho tới chúng ta những kẻ yêu thích Trang Tử, theo kinh nghiệm của tôi mà xem, đều thấy các bộ chú giải từ xưa tới nay phần nhiều chỉ để ý mặt tiêu dao giải thoát thuận theo tự nhiên, mà xem nhẹ mặt nghịch hành tu đạo, chủ tể sinh mệnh.

Ngày trước tôi ở vùng Tây Nam gặp một người bạn già, nhà thiên văn có tiếng, tên nhớ nhất thời không ra, người Tứ Xuyên. Nếu còn sống tới giờ hẳn đã hơi hơn một trăm tuổi. Ông là lưu học sinh Anh quốc đời trước, học thiên văn, văn chương Trung Hoa cũng khá. Từ khi văn hóa Trung Hoa tiếp xúc với khoa học, tròn trăm năm nay người thực sự học khoa thiên văn chẳng được mấy ai, phần nhiều học khoa ứng dụng là hơn. Nên nghe ai học thiên văn, ta đã thấy phi thường đáng nể; huống chi thiên văn ông học chẳng những thông thiên văn phương Tây, mà với thiên văn truyền thống Trung Hoa cũng nghiên cứu rất kỹ. Bởi thế bọn tôi hay trêu ông: tối qua lại thức trắng đêm nữa hả? Ông thường xuyên không ngủ về đêm, đêm nào cũng nghiên cứu thiên văn; thuở đó chưa có đài thiên văn, chưa có thiết bị khoa học như bây giờ, mấy chục năm trước, ông khoác áo lông dày, đội mũ dày quấn khăn choàng, đứng trên nóc nhà cao, ngẩng đầu quan sát tượng trời. Hỏi ông quốc gia sẽ có biến chuyển gì? Ông nói rất chuẩn, chuẩn hơn cả lời tiên tri, đó là khoa học: chòm sao nào đổi dời thì thiên hạ sẽ biến loạn thế nào. Thời kháng chiến chúng tôi hỏi ông, trận đánh này

còn đánh thêm bao lâu? Ông bảo đâu phải chuyện ba năm năm năm, búng tay tính thử, đâu phải tính gì Tý Sửu Mão Dậu! Ông tính bằng toán học, bảo tổng khoảng chục năm trở lại! Tám chín năm là khó tránh khỏi.

Nhìn thì kỳ cục lạ lẫm, nhưng vì chúng tôi quen ông khá kỹ rồi, nhìn lại thấy ông rất tự nhiên; đúng kiểu người Tử Tang, Tử Dư mà Trang Tử nói tới. Đi đường mắt ông cứ ngắm lên trời, chẳng ai vào mắt, tưởng chừng rất ngạo mạn. Ông bảo tôi rất tôn trọng mỗi một người, nhưng nhìn trời nhìn quen rồi, nhìn lại con người thấy nhỏ nhoi quá đỗi. Ngồi quán trà hay ăn cơm chung với mọi người, ông vẫn cứ ngước nhìn lên như thế. Vì học thiên văn, trong mắt ông thế giới này, địa cầu này chỉ như một viên bánh trôi; huống chi bọn người chúng ta sống trên địa cầu, chẳng khác đàn kiến bò trên viên bánh trôi, ông bảo chẳng có chút ý nghĩa gì; nên lười nhìn người, chỉ nhìn trời.

Những năm cuối đời, ông quý thích Trang Tử nhất, dường như hương vị đạo Trang Tử đã truyền sang cho ông. Kiểu người ấy làm bạn rất thú vị, nhưng giao việc gì cũng rối tung cả lên, nhân tình thế sự chẳng hiểu tí nào. Nhà lại có tiền, áo mặc thế nào cũng chẳng quản, cúc áo cài lung tung, bạn thấy cài nhầm thì mở ra cài lại giùm, ông coi những chuyện đó chẳng đáng kể, còn hỏi sao các anh không đọc Trang Tử! Cái cúc này, cái cúc kia, cài vừa vào là được rồi còn gì! Người này thật tự nhiên. Một người bạn như thế, về mặt giải thoát tiêu dao của Trang Tử, thuận theo tự nhiên, ông nghiên cứu rất thấu đáo. Cuộc sống của ông ở ngay trong cảnh giới thiên văn, cảnh giới vũ trụ, ta có thể gọi ông là sống trong cảnh giới của Trang Tử. Nhưng ông chỉ hiểu giải thoát, mà quên mất một thứ, thứ khiến sinh mệnh có thể làm chủ được ngay từ trong giải thoát; nên hôm nay đặc biệt nêu ra nói rõ.

Chúng ta nghiên cứu Trang Tử, đây là đạo của Đạo gia Trung Hoa; đạo Đạo gia chủ yếu có một tinh thần: tự mình có thể làm chủ. Bạn thử xem trong Trang Tử, mỗi thiên đều xen vào vài câu như thế, ngang với Mật tông của Đạo gia, phần bí mật; ông giảng đôi câu rồi lại ngừng, tạc dựng một người đắc đạo dáng vẻ ra sao! Chân nhân lại dáng vẻ ra sao! Rồi thôi không giảng nữa; kế tiếp lại nói những chuyện tầm thường. Điểm này phải đặc biệt chú ý. Giờ xin nói tiếp.

Kẻ thách thức vô cực

Tử Tang Hộ, Mạnh Tử Phản, Tử Cầm Trương tam nhân tương dữ vi hữu,
Tử Tang Hộ, Mạnh Tử Phản, Tử Cầm Trương ba người kết bạn với nhau,

viết: thục năng tương dữ ư vô tương dữ, tương vi ư vô tương vi?
nói: ai có thể đồng hành với nhau trong chỗ chẳng còn dáng tướng để đồng hành, tác thành cho nhau trong chỗ chẳng còn việc chi để tác thành?

Thục năng đăng thiên du vụ, nạo điệu vô cực;
ai có thể trèo lên trời, du ngoạn giữa mây khói, xoay chuyển cả vô cực;

tương vong dĩ sinh, vô sở chung cùng.
quên nhau trong đời sống, chẳng có điểm cùng tận?

"Tử Tang Hộ, Mạnh Tử Phản, Tử Cầm Trương" là ba cái tên người. Đây chính là bút pháp của Trang Tử. Cái gọi là "tương dữ" nghĩa là cùng chung một lẽ; ai làm nổi được bốn việc? Việc thứ nhất là **"tương dữ ư vô tương dữ"** (đồng hành với nhau trong chỗ chẳng còn dáng tướng để đồng hành): cùng nhau ở trong vô tướng. Các bạn học Phật chú ý nhé: cái vô tướng hữu tướng này Trang Tử đã nêu ra từ trước, chẳng đợi Phật học truyền sang. Ông hỏi ai làm nổi chuyện sống với nhau cùng một kiểu giữa vô tướng? Đó là chẳng vướng tướng: sống cái sinh mệnh này, mọi thứ chẳng vướng tướng; không bị hiện trạng mê hoặc. Câu đầu tiên là làm được việc chẳng vướng tướng; chẳng vướng tướng thì

giải thoát. Giải thoát rồi thì mặc kệ muôn sự luôn luôn sao? Đúng dáng vẻ người bạn già học thiên văn tôi vừa thuật: kỳ cục lạ lẫm. Tôi nay nghĩ lại, những bậc cao nhân bạn quái của tiền bối, mấy chục năm nay kiểu người ấy tìm chẳng ra nữa. Nên càng nghĩ tới họ càng thấy đáng yêu; tiếc thay **"phỏng cựu bán vi quỷ"** (đi thăm bạn cũ, phân nửa đã thành ma), biết đâu họ lên tiên rồi, chẳng thèm làm ma nữa.

Còn việc thứ hai! **"Tương vi ư vô tương vi"** (tác thành cho nhau trong chỗ chẳng còn việc chi để tác thành): chỉ giải thoát thôi vẫn chưa đủ! Phải bước vào đời nổi, làm nên việc nổi. Tuy vào đời, tuy vẫn làm một người bình thường, mà mọi việc làm ra đều chẳng vướng tướng; bởi thế có thể nói Đạo gia bao giờ cũng đứng giữa xuất thế và nhập thế. Nho gia thì nghiêng về nhập thế, chẳng hạn Khổng Mạnh, tuyệt đối hiểu đạo này, ngộ đạo này, nhưng vẫn nghiêng về nhập thế: mang tấm lòng nhân ái từ bi, biết rõ thế giới này chẳng cứu nổi mà vẫn cứ quyết cứu đời cứu người; chẳng phải họ dại, mà là **"minh tri kỳ bất khả vi nhi vi chi"** (biết rõ chẳng thể làm mà vẫn cứ ra làm), ấy là hạnh của bậc thánh nhân.

Còn Phật gia! Thật lòng mà nói, bất luận tu tới thừa nào lớn bao nhiêu, sau cùng vẫn nghiêng về xuất thế. Đạo gia thì đứng giữa: ra được vào được, ra nổi vào nổi, muốn ra muốn vào đều tùy. Đạo gia mãi mãi đứng ngay giữa cánh cửa; bạn mời vào, ông rút chân bước ra ngay; bạn mời ra, ông phóng bước quay vào ngay; luôn luôn đứng giữa chỗ ấy, đó là chỗ diệu dụng của Đạo gia. Người nghiên cứu Thiền tông thường nói Thiền tông chịu ảnh hưởng Lão Trang, điều đó cũng chưa hẳn; song Thiền tông với Lão Trang rất hợp nhau, nhất là nhiều danh từ của Thiền và Phật học mượn từ Lão Trang quá nhiều; chẳng hạn khái niệm tướng vừa nhắc tới ở trên, Trang Tử sớm đã nêu ra rồi. Hai câu này gồm hai ý niệm trọng điểm. "Thục năng": thục tức là ai, ai làm nổi việc chơi đùa giữa vô tướng? Đó là du hí tam muội, du ngoạn giữa cõi đời. Nhưng trong đó có những điều chẳng chuyên cầu giải thoát mà hướng về nhập thế: **"tương vi ư vô tương vi"** (tác thành cho nhau trong chỗ chẳng còn việc chi để tác thành), tức tác phong nhập thế; ấy là hai ý niệm. Dưới đây lại nêu vấn đề.

Việc thứ ba, **"thục năng đăng thiên du vụ, nạo điệu vô cực"** (ai có thể trèo lên trời, du ngoạn giữa mây khói, xoay chuyển cả vô cực), ông hỏi ai có thể lên được trời? "Đăng thiên" chỉ cái trời có hình; "du vụ" là chơi đùa trong mây sương trên trời: nhảy xuống hồ bơi thì chẳng vui, phải vào chơi giữa mây khói của không gian mới vui. Chưa hết, còn cưỡi mây đạp gió trong khoảng không ấy, "nạo điệu vô cực". Vô cực lại là một danh từ khác, đại diện cho đại vũ trụ vô lượng vô biên: dùng đầu ngón tay mà nhấc cả khoảng không trống rỗng mênh mông ấy, cả vũ trụ vô lượng vô biên ấy lên; tựa như ta chơi mấy đồng xu, tiện tay lật qua lật lại trong lòng bàn tay, ai làm nổi? Đến đây đã là ba ý niệm rồi, kế tiếp là ý niệm thứ tư.

"Quên nhau trong đời sống, chẳng có điểm cùng tận." Quên được sinh mệnh của giới hiện tượng này: "quên nhau trong đời sống", ba người ấy giờ đây thân hình vẫn là người đấy! Tức Tử Tang Hộ, Mạnh Tử Phản, Tử Cầm Trương quên mất sinh mệnh của giới hiện tượng, "chẳng có điểm cùng tận": nắm chắc được một chủ tể thật sự của sinh mệnh, vô lượng vô biên, chẳng cùng chẳng tận. Nhưng ông không nói vĩnh viễn thường tồn đâu! Mà là chẳng có điểm cùng tận: chưa kết thúc, mãi mãi chưa kết thúc. Vài đại nguyên tắc lớn của sinh mệnh ấy, ai làm nổi? Bởi thế nhiều người bạn tu đạo học Phật, thấy tính tình ai gần gũi, tôi chỉ khuyên người ấy đọc Trang Tử là đủ; đọc Trang Tử hơn học Phật: đọc Phật học thì quá tôn giáo quá nghiêm trang, lập tức phải bắt đầu ăn cỏ, chẳng thì phải lạy Phật! Đây là chuyện tiếu lâm của giáo sư Trần: bọn tôi vừa ăn chay là ông bảo chúng tôi ăn cỏ, nghiêm trang quá đấy. Còn đọc Trang Tử thì chẳng nghiêm trang thế, rất giải thoát: một tay gõ mộc ngư, một tay tụng Trang Tử, mọi phiền não quên sạch.

Trang Tử là kinh điển của Đạo giáo; Đạo giáo tụng kinh là tụng Trang Tử, tức *Nam Hoa Kinh*. Trong các miếu lớn của Đạo gia hiếm khi thấy đạo sĩ đạo cô gõ mộc ngư tụng mấy kinh ấy; song nếu bạn gõ mộc ngư mà tụng vài câu

Nam Hoa Kinh, cũng có một hương vị riêng, giải thoát lắm, nhẹ nhõm lắm. Nhưng khi tụng mà quá nhẹ nhõm giải thoát, lại vướng tướng, bị văn tự lừa gạt, chấp giữ phía giải thoát nhẹ nhõm, ngược lại bỏ quên phía giữa nghiêm túc nhất, tức đạo lý sinh mệnh có thể tự mình làm chủ. Trang Tử đâu có nói thẳng! Ông nói ngầm, nói bí mật: "quên nhau trong đời sống, chẳng có điểm cùng tận". Kiểu câu ấy rất nhiều, trong nội thất thiên đâu đâu cũng nêu những ý niệm này.

Tam nhân tương thị nhi tiếu, mạc nghịch ư tâm, toại tương vi hữu.
Ba người nhìn nhau mà cười, lòng chẳng chút trái nghịch, bèn kết làm bạn hữu.

Sau khi ba người ấy nêu ra những lời ấy, đúng như chuyện tôi vừa thuật với quý vị lúc nãy: y như người bạn già của tôi, cả ngày mắt chỉ ngắm lên trên, chẳng ai vào mắt. Nên "ba người nhìn nhau mà cười", người nhìn tôi, tôi nhìn người, mỉm cười với nhau; "lòng chẳng chút trái nghịch", ai trong bụng cũng hiểu; cả ba tự nhiên hiểu lòng nhau, nên ba người làm bạn tốt với nhau.

Người ngoài khuôn phép, người trong khuôn phép

Mặc nhiên hữu nhàn, nhi Tử Tang Hộ tử,
Mặc nhiên một chốc sau, Tử Tang Hộ chết,

vị táng, Khổng Tử văn chi,
chưa kịp an táng; Khổng Tử nghe tin,

sử Tử Cống vãng đãi sự yên.
sai Tử Cống đi xem có việc gì cần lo liệu.

Hai chữ "mặc nhiên" ngang với chữ "hốt nhiên" ngày nay ta dùng: bỗng dưng giữa một khoảnh khắc. Còn "hữu nhàn": chữ **"nhàn"** (闲 - rảnh rỗi) đây dùng thông với chữ **"gian"** (间 - khoảng, kẽ hở), nên "hữu nhàn" nghĩa là sau khi một quãng thời gian đã trôi qua. Kết quả là Tử Tang Hộ chết: trong ba người bạn ấy, một người đã mất. "Vị táng": chưa kịp chôn cất, chưa đưa tới nhà tang lễ. Khổng Tử cũng nhiệt tình ghê, nghe tin Tử Tang Hộ chết, liền sai học trò giàu có nhất mà cũng đắc lực nhất trong môn hạ là Tử Cống: ngươi đi xem cho ta! "Đãi sự yên": cứ tới đó xem thử có việc gì cần lo; cần tiền thì xuất tiền, cần sức thì ra sức, mấy việc ấy Tử Cống làm được cả.

Hoặc biên khúc, hoặc cổ cầm,
Kẻ thì soạn khúc hát, kẻ thì gảy đàn,

tương hòa nhi ca viết:
cùng hòa nhau mà ca rằng:

Ta lai Tang Hộ hồ! Ta lai Tang Hộ hồ!
Than ôi, Tang Hộ ơi! Than ôi, Tang Hộ ơi!

Nhi dĩ phản kỳ chân,
Ông nay đã trở về với chỗ chân thật,

nhi ngã do vi nhân y!
còn chúng tôi vẫn còn phải làm người ơi!

Kết quả Tử Cống vâng lệnh thầy, bước vào mà xem thì trời đất ơi! Hai người bạn ấy ngồi bên cạnh, chẳng rơi một giọt nước mắt, chẳng lấy gì làm đau buồn, lại đang hát nữa đấy! Kẻ thì soạn khúc hát, y như đám đưa tang của người Trung Hoa ngày nay. Nên nói người Trung Hoa ai cũng học đạo cả: lúc đưa tang có kèn Tây có chuông trống, đủ thứ hết, âm nhạc cổ kim trong ngoài đầy ắp. Hòa thượng, đạo sĩ, thầy pháp, bà đồng, tất tật kéo tới, cả một con phố chật kín. Người ta cười chê người Trung Hoa, tôi bảo đây chính là văn hóa Trung Hoa, gọi là làm ồn tới chết người: kẻ chết nằm trong quan tài nhất định bị nó ồn ào mà thức dậy.

Hai người bạn của Tử Tang Hộ cứ thế mà chơi, kẻ soạn khúc, người gảy đàn, hát bài gì vậy? "Ta lai Tang Hộ hồ!" Đó là văn cổ, tức cái "ai da da" ngày nay thôi, cứ hát đại như thế. Hai ông rằng: Tang Hộ này, ai da da, cuối cùng ngươi đã về rồi; thương chúng tôi hai kẻ, **"do vi nhân y"** (vẫn còn phải làm người)! Chúng tôi khổ thay, còn vướng kiếp làm người này; làm người phiền toái biết bao; ngươi thì xong rồi, thuở cuối đã trở về nơi ấy, còn giờ đây chúng ta vẫn còn là một kẻ giả. Cái thứ giả ấy gọi tên là gì? Gọi là người. Thương thay chúng ta vẫn còn là người!

Tử Cống thú nhi tiến viết:
Tử Cống rảo bước tiến tới, hỏi:

Cảm vấn lâm thi nhi ca, lễ hồ?
Xin hỏi đứng trước thi thể mà hát, hợp với lễ chăng?

Nhị nhân tương thị nhi tiếu viết:
Hai người nhìn nhau cười, đáp:

Thị ô tri lễ ý!
Chuyện ấy làm sao hiểu được ý của lễ!

Tử Cống là học trò Khổng Tử, nghiêm chỉnh biết bao! Há! Thấy cảnh tượng ấy, vội vàng chạy thêm mấy bước, chạy tới trước mặt hai vị tiên sinh. "Cảm vấn" nghĩa là xin hỏi; vì hai người ấy đều là bậc trưởng bối của Tử Cống, nên trên phép lịch sự phải mở lời bằng cảm vấn. "Lâm thi nhi ca, lễ hồ?" anh ta nói: người chết rồi, các ngươi chẳng rơi nước mắt nước mũi, còn vừa hát nữa, vậy hợp lễ hay không hợp? Màn này nếu dựng thành phim truyền hình chắc chắn rất có duyên. "Nhị nhân tương thị tiếu": hai người ấy, chừng như một ông Hàn Sơn một ông Thập Đắc, nhìn thấy gã Tử Cống lại nói ra lời ấy, he he! Ngươi nói cái giống gì thế! Hai ông nhìn nhau bật cười. "Thị ô tri lễ ý!" đồ thanh niên này, ngươi cũng hiểu gì về lễ! Lễ nghĩa là gì? Ngươi có hiểu chăng? Trận mắng cho một hồi y như thế. Tử Cống nghẹn họng, thua thiệt, coi như ăn trọn một cây gậy.

Tử Cống phản, dĩ cáo Khổng Tử, viết:
Tử Cống quay về, đem chuyện bẩm với Khổng Tử, rằng:

Bỉ hà nhân giả da?
Những người ấy là người giống gì vậy?

Tu hành vô hữu, nhi ngoại kỳ hình hài,
Tu hành mà chẳng giữ dấu vết, coi nhẹ luôn thân xác hình hài,

lâm thi nhi ca, nhan sắc bất biến,
đứng trước thi thể mà hát, nét mặt chẳng đổi thay,

vô dĩ mệnh chi.

khiến ta chẳng thể nào đặt tên gọi cho nổi.

Bỉ hà nhân giả da?

Những người ấy là người giống gì vậy?

Tử Cống ăn mắng rồi chạy về bẩm báo thầy, chức ban tang sự chưa kịp nhận, trước đã ăn một trận quát, bèn hỏi Khổng Tử: hai người ấy là người giống gì vậy? "Tu hành vô hữu": nhìn hai ông ngày thường nhân phẩm đều tốt, tựa bậc sĩ phu đắc đạo, hết sức chăm chú tu hành. Các bạn theo học Phật chú ý nhé! Hai chữ **"tu hành"** (修行) lại chính do Trang Tử nêu ra; đời sau Phật học phiên dịch kinh điển, hễ nói tu hành là mượn của Trang Tử. "Tu hành vô hữu, nhi ngoại kỳ hình hài": ông nói "vô hữu", tu tới mức trống không; hai người ấy tu tới độ như thể chẳng thèm bận lòng gì, vạn pháp giai không, thậm chí ném luôn cả sinh mệnh, hình dạng, thân xác con người, ngày ngày buông lơi lêu lổng. "Lâm thi nhi ca": đứng trước người chết mà hát, nét mặt chẳng đổi, còn vui vẻ nữa là. "Vô dĩ mệnh chi": ông nói thế thì tôi chịu, thầy ạ! "Bỉ hà nhân giả da?" họ là người giống gì vậy?

Khổng Tử viết: Bỉ, du phương chi ngoại giả dã;

Khổng Tử nói: Họ ấy, là kẻ du ngoài khuôn phép;

nhi Khâu, du phương chi nội giả dã.

còn Khâu này, là kẻ du trong khuôn phép.

Khổng Tử nói: ngươi chẳng hiểu đâu, họ là bậc nhân sĩ phương ngoại. Chữ **"phương"** (方 - phạm vi) tức khuôn phép; họ đã vượt khỏi tất cả mọi khuôn phép, nhảy ra ngoài tam giới, chẳng còn nằm trong ngũ hành; họ du ngoài phương, bước qua hết thảy phạm vi của thế giới vật lý, chẳng gì trói buộc nổi, nên mới gọi là phương ngoại. Đời sau Phật học mượn danh từ ấy, người xuất gia được gọi là phương ngoại nhân. Khổng Tử nói "Khâu du phương chi nội giả dã": như ta đây, vẫn còn trong khuôn phép ấy. Du ngoài phương, du trong phương: danh từ cùng quan niệm này cũng do Trang Tử nêu ra, nên văn hóa hậu thế Trung Hoa, dù đạo sĩ Đạo gia hay hòa thượng xuất gia Phật giáo, đều tự xưng là phương ngoại nhân; điển tích ấy chính bắt nguồn từ chỗ đây. Đoạn chú giải của Quách Tượng dưới đây cao minh lắm.

Phù lý hữu chí cực, ngoại nội tương minh,

Lý có chỗ cùng tận của nó, ngoài trong thông hợp làm một,

vị hữu cực du ngoại chi trí nhi bất minh ư nội giả dã,

chưa từng ai tột bậc du ngoạn bên ngoài mà chẳng thông hợp bên trong,

vị hữu năng minh ư nội nhi bất du ư ngoại giả dã.

cũng chưa từng ai thông hợp bên trong mà chẳng du ngoạn bên ngoài.

Cố thánh nhân thường du ngoại dĩ hoằng nội,

Vì thế thánh nhân thường du ngoại để mở rộng nội,

vô tâm dĩ thuận hữu.

vô tâm mà thuận theo cái hữu.

Cố tuy chung nhật huy hình nhi thần khí vô biến,

Cho nên tuy cả ngày thân hình vận động mà thần khí chẳng đổi thay,

phủ ngưỡng vạn cơ nhi đạm nhiên tự nhược.

gồng gánh muôn vàn việc mà thản nhiên tự tại.

Phù kiến hình nhi bất cập thần giả, thiên hạ chi thường lụy dã.

Kẻ chỉ thấy hình mà không với tới được thần, là cái trói buộc thường tình của thiên hạ.

Thị cố đổ kỳ dữ quần vật tịnh hành, tắc mạc năng vị chi di vật nhi ly nhân hĩ;

Bởi vậy thấy họ sống đồng hành cùng quần vật, thì chẳng thể bảo là lìa bỏ vật mà xa rời người;

đổ kỳ thể hóa nhi ứng vụ, tắc mạc năng vị chi tọa vong nhi tự đắc hĩ.

thấy họ thể theo hóa dục mà ứng phó công việc, thì chẳng thể bảo là ngồi quên mà tự đắc.

Khởi trực vị thánh nhân bất nhiên tai?

Há phải nói thánh nhân chẳng phải thế?

Nãi tất vị chí lý chi vô thử thị,

Mà nhất định bảo chí lý chẳng có chuyện ấy,

cố Trang Tử tương minh lưu thống chi sở tông,

nên Trang Tử muốn sáng tỏ tôn chỉ dòng mạch,

dĩ thích thiên hạ chi khả ngộ.

để giải bày điều thiên hạ có thể ngộ.

Nhược trực tựu xưng Trọng Ni chi như thử,

Nếu nói thẳng Trọng Ni cũng như thế,

hoặc giả tương cứ sở kiến dĩ bài chi,

e sẽ có kẻ dựa vào điều mắt thấy mà bài xích,

cố siêu thánh nhân chi nội tích nhi ký phương ngoại ư số tử.

nên vượt hẳn dấu tích bên trong của thánh nhân, gửi ý phương ngoại vào vài người kia.

Nghi vong kỳ sở ký,

Nên hãy quên đi chỗ gửi gắm ấy,

dĩ tầm thuật tác chi đại ý,

để tìm lấy đại ý của người sáng tác,

tắc phù du ngoại hoằng nội chi đạo thản nhiên tự minh,

thì đạo du ngoại hoằng nội hiện rõ ngay tắp lự,

nhi Trang Tử chi thư cố thị siêu tục cái thế chi đàm hĩ.

mà sách Trang Tử quả thật là lời nói siêu tục che phủ cả đời vậy.

"Phù lý hữu chí cực, ngoại nội tương minh": văn chương Quách Tượng học Trang Tử, có thể nói thời đại muộn hơn về sau; so đo lại, nét văn thông suốt, sáng tỏ, xuôi mái, thấu đạt, đọc còn sướng khoái hơn cả đọc Trang Tử. "Lý hữu chí cực": chữ lý (理) đây tức triết học, chân lý; có một chân lý tối cao. "Ngoại nội tương minh": chẳng ở trong, cũng chẳng ở ngoài, đương nhiên cũng chẳng ở giữa; trong ngoài hòa lẫn làm một.

"Vị hữu cực du ngoại chi trí bất minh ư nội giả dã" (chưa từng ai tột bậc du ngoạn bên ngoài mà chẳng thông hợp bên trong). Chữ cực ở đây hóa thành động từ; nghĩa là tu dưỡng của một người nếu thật làm nổi chuyện lòng du ngoài phương, giải thoát mà tiêu dao, đạt tới cảnh giới ngoài phương, thì tự nhiên thông thực với cái bên trong. **"Vị hữu năng minh ư nội bất du ư ngoại giả dã"** (chưa từng ai thông hợp bên trong mà chẳng du ngoạn bên ngoài). Ngược lại, nếu bên trong thật ngộ đạo, bên trong thật thông suốt rồi, thì tự nhiên nhảy ra ngoài tam giới, du ngoài phương.

Cho nên thánh nhân đắc đạo thường **"du ngoại dĩ hoằng nội"** (du ngoại để mở rộng nội): cái tâm, tức tinh thần, này nhảy ra khỏi thế giới vật chất, ở ngoài trời đất, song bên trong vẫn dấy dựng sự nghiệp đạo ấy. **"Vô tâm dĩ thuận hữu"** (vô tâm mà thuận theo cái hữu): tuy vô tâm, trống không, nhưng vẫn ung dung du chơi giữa thế giới hiện hữu. Lấy danh từ đẹp đẽ của chúng ta bây giờ mà nói, người thật đắc đạo lấy tinh thần xuất thế làm sự nghiệp nhập thế. Tuy trên hình thể làm chuyện nhập thế, tinh thần của người ấy mãi mãi nhảy ra ngoài, thanh không linh hoạt, chẳng chịu gò ép.

"Cố tuy chung nhật huy hình nhi thần khí vô biến, phủ ngưỡng vạn cơ nhi đạm nhiên tự nhược" (cho nên tuy cả ngày thân hình vận động mà thần khí chẳng đổi thay, gồng gánh muôn vàn việc mà thản nhiên tự tại). Đây là đạo của những bậc thánh vương Nghiêu Thuấn mà Nho gia tôn vinh: thánh quân hiền tướng đắc đạo, tức đạo lý nội thánh ngoại vương. Vì thế duy kẻ đắc đạo mới đủ sức nhập thế. "Chung nhật huy hình": từ sáng tới tối việc nhiều không kể xiết, bận tối mắt; "thần khí vô biến": thực ra tu dưỡng bên trong của người ấy, thần với khí, chẳng chịu ngoại giới lay chuyển; bận rộn đến thế mà lòng chẳng đổi thay. Con người tu tới mức ấy, có thể làm đế vương, có thể làm thầy đế vương, có thể đứng ra lãnh đạo. "Phủ ngưỡng vạn cơ": một ngày bận rộn biết bao, vạn điều trăm hình trăm vẻ, đều là trói buộc; song lòng người ấy trống rỗng hoang vắng, "đạm nhiên tự nhược".

"Phù kiến hình nhi bất cập thần giả, thiên hạ chi thường lụy dã" (kẻ chỉ thấy hình mà không với tới được thần, là cái trói buộc thường tình của thiên hạ). Người thường chỉ níu giữ ngoại hình của mình, níu giữ mọi chuyện của ngoại giới, mà chẳng chịu quay lại tìm cái chân đế trong sinh mệnh mình, nên ngẫm ra sinh mệnh thống khổ, trói buộc, mâu thuẫn. **"Thị cố đổ kỳ dữ quần vật tịnh hành"** (bởi vậy thấy họ sống đồng hành cùng quần vật): những người ấy chẳng hiểu đạo, tự mình chẳng đắc đạo nổi; giữa cõi nhân gian này, dù có thân xác, có linh hồn, mà chẳng tìm được chân đế của linh hồn, tự mình hóa thành người máy; **"mạc năng vị chi di vật nhi ly nhân hĩ"** (chẳng thể bảo là lìa bỏ vật mà xa rời người): không nhảy nổi khỏi vòng trói buộc của thế giới vật chất, mà thật sự hiểu được một đời người.

"Đổ kỳ thể hóa nhi ứng vụ, tắc mạc năng vị chi tọa vong nhi tự đắc hĩ" (thấy họ thể theo hóa dục mà ứng phó công việc, thì chẳng thể bảo là ngồi quên mà tự đắc). Nếu hiểu thấu đạo, đắc được đạo, nếm được cái tự nhiên biến dịch của muôn vật vũ trụ, thì ngươi buôn bán làm ăn cũng thế, dù giữa chừng bận tối tăm mặt mũi, trên bàn làm việc tám mười cái điện thoại cùng reo, cũng chẳng thèm bận lòng. Nhưng chuyện này phải rèn luyện đấy! Mười cái điện thoại cùng lúc reo lên, ngươi định nghe máy cái nào trước? Trong lòng có căng thẳng chăng? Các bạn trẻ biết đâu mai sau sẽ tới cảnh giới ấy, tới lúc đó ngươi tính sao? Phải nghiên cứu cho kỹ: lúc ấy chẳng biết cái điện thoại nào quan trọng nhất, nhất định là căng thẳng; nếu nếm được đạo biến dịch, thì tự nhiên ứng phó nổi. **"Tắc mạc năng vị tọa vong tự đắc hĩ"** (thì chẳng thể bảo là ngồi quên mà tự đắc): vậy là có thể nhập đạo rồi. **"Tọa vong"** (坐忘 - ngồi quên) chính do Trang Tử nêu ra, tức cái nhập định mà nhà Phật nói; đó là câu thơ Đỗ Phủ tả Gia Cát Lượng: **"chỉ huy nhược định thất Tiêu Tào"** (chỉ huy thong dong như thể cục diện đã an bài, làm lu mờ cả Tiêu Hà với Tào Tham); đạo lý ấy đấy: chỉ huy nhàn nhã như đã định sẵn, chẳng khác nào nhập định, tự nhiên lắm.

Vừa nãy mượn câu thơ ấy để giải nghĩa: khi va phải cảnh muôn ngựa cùng tung vó, xem ngươi làm nổi chuyện chỉ huy nhược định, đạt tới cảnh giới tọa vong chăng. **"Khởi trực vị thánh nhân bất nhiên tai?"** (há phải nói thánh nhân chẳng phải thế?). Vì thế ngươi làm nổi đến mức ấy, mới hiểu thánh nhân là nhập thế, chưa hẳn xuất thế; chưa hẳn nhảy khỏi hồng trần mới gọi là người đắc đạo; nói cách khác, người thật đắc đạo chưa chắc đã thoát khỏi hồng trần. **"Nãi tất vị chí lý chi vô thử thị"** (mà nhất định bảo chí lý chẳng có chuyện ấy): bởi chẳng hiểu đạo lý ấy, người ta mới tưởng tu đạo dường như đứt hẳn quan hệ với đời sống hiện thực; hoàn toàn sai lầm. Tu đạo học Phật đích thực, hiểu rồi càng nhập thế tích cực hơn, càng tích cực đối diện hiện thực; Phật học Đại thừa cũng thế, đạo lý Đạo gia cũng thế, đạo lý Trang Tử ở đây cũng thế. **"Cố Trang Tử tương minh lưu thống chi sở tông"** (nên Trang Tử muốn sáng tỏ tôn chỉ dòng mạch): Trang Tử quy đạo lý minh bạch ngộ đạo về một tôn chỉ, gọi là đạo. Cái đạo ấy cần trí huệ của ngươi lĩnh hội, thể nghiệm; **"dĩ thích thiên hạ chi khả ngộ"** (để giải bày điều thiên hạ có thể ngộ): bảo chúng ta rằng đạo sờ nắm được.

"Nhược trực tựu xưng Trọng Ni chi như thử, hoặc giả tương cứ sở kiến dĩ bài chi" (nếu nói thẳng Trọng Ni cũng như thế, e sẽ có kẻ dựa vào điều mắt thấy mà bài xích): trong sách Trang Tử thường gặp những lời châm biếm Khổng Tử, thực tế chẳng phải vậy. Hiệu của Khổng Tử là Trọng Ni; người thượng cổ lại chẳng tránh huý, gọi thẳng tên thánh nhân, thậm chí với cha mình cũng xưng gọi hiệu tên được. Người hậu thế lạ lùng, tên cha chẳng dám mở miệng gọi, bây giờ thì chẳng còn liên quan gì. Nhưng khi Tử Tư soạn *Trung Dung*, ông chẳng xưng phu tử hay tổ phụ của ta, mà gọi thẳng tên tổ mình; ấy là cổ lễ, song vẫn chẳng được gọi tên, chỉ gọi hiệu mà thôi. Trọng Ni chính là hiệu của Khổng Tử. Vì thế Quách Tượng nói, Trang Tử kỳ thực chẳng hề châm biếm Khổng Tử, mà hết sức tâng bốc Khổng Tử; nâng kiểu gì? "Nhược trực tựu xưng Trọng Ni chi như thử": ông nói thẳng tắp Khổng Tử cũng là cái đạo này; chẳng vòng vo, cũng chẳng cố tình trêu đùa vài câu; "hoặc giả tương cứ sở kiến dĩ bài chi": chẳng như người thường mượn cớ bài bác; chứng tỏ Trang Tử tâng bốc Khổng Tử đấy.

"Cố siêu thánh nhân chi nội tích nhi ký phương ngoại ư số tử" (nên vượt hẳn dấu tích bên trong của thánh nhân, gửi ý phương ngoại vào vài người kia): thực ra trong lòng Khổng Tử sớm đã du ngoài phương, chỉ cố khiêm nhường nói vậy bằng miệng thôi. **"Nghi vong kỳ sở ký, dĩ tầm thuật tác chi đại ý"** (nên hãy quên đi chỗ gửi gắm ấy, để tìm lấy đại ý của người sáng tác): nên chúng ta hậu thế nghiên cứu học vấn, đọc văn chương, chẳng phải chỉ nhìn từng câu từng chữ, càng phải hiểu đạo lý gửi gắm trong bài; phải vượt qua ngoài văn tự, thật sự hiểu được ý nghĩa bên trong. **"Tắc phù du ngoại hoằng nội chi đạo thản nhiên tự minh"** (thì đạo du ngoại hoằng nội hiện rõ ngay tắp lự): tâm nhảy ra ngoài tam giới, hành vi vẫn ở giữa hiện thực; đây chính là giữa đời sống hiện thực mà nhảy ra ngoài tam giới; hiểu được đạo lý ấy mới hiểu được đạo, mới **"thản nhiên tự minh"** (hiện rõ ngay tắp lự).

"Nhi Trang Tử chi thư cố thị siêu tục cái thế chi đàm hĩ" (mà sách Trang Tử quả thật là lời nói siêu tục che phủ cả đời vậy). Ở đây Quách Tượng tâng bốc Trang Tử cách riêng: ông bảo cuốn sách Trang Tử này trước chưa từng có người, sau chẳng còn ai; tâng bốc đến mức không thể tâng bốc hơn. "Siêu tục": vượt khỏi tầm với của người đời thường; còn "cái thế chi đàm" thì đương nhiên chẳng phải tổ chức Gestapo đâu; chữ cái ấy trong tiếng Hoa ngày nay lại mang nghĩa ba hoa khoác lác, thành cái từ mới mấy năm nay ta hay nói: đừng có ba hoa nữa. Xét sử cũ, chuyện "đừng ba hoa" xuất hiện nhiều lắm, nên cái nghĩa ba hoa ấy cũng là lời cũ rồi!

Bây giờ đoạn văn tuyệt bút ấy của Quách Tượng ta cũng đã xem xong; có một trọng điểm: Khổng Tử bảo Tử Cống rằng họ là kẻ du ngoài phương; còn như ta đây! vẫn ở trong phương; nói cách khác, vẫn nằm trong tầm bắn của Nghệ, vẫn ngay chính điểm trung tâm ấy, chưa nhảy ra ngoài vòng luân hồi. Dưới đây trở lại nguyên văn Trang Tử.

Thánh nhân nhìn sinh tử

Ngoại nội bất tương cập,

Trong ngoài vốn chẳng can dự vào nhau,

nhi Khâu sử nữ vãng điếu chi,

thế mà Khâu này lại sai ngươi đi phúng điếu,

Khâu tắc lậu hĩ.

Khâu thật là thiển lậu vậy.

Khổng Tử nói: chao ôi! Ta vừa rồi quên mất, chỉ nghe tin bạn chết đã động lòng lo lắng. Kỳ thực, kẻ trong khuôn phép và kẻ ngoài khuôn phép vốn khác nẻo; người xuất gia với kẻ tại gia thì **"ngoại nội bất tương cập"** (trong ngoài chẳng can dự vào nhau), họ đã là người đắc đạo rồi. Kết quả ta vừa rồi quên bẵng, lại đem quan niệm thế tục mà sai ngươi chạy đi lo đám tang, phúng điếu cho người ta; thật mất mặt! Thẹn thay, thẹn thay!

Bỉ phương thả dữ tạo vật giả vi nhân,

Kẻ kia thì tạm cùng Đấng tạo hoá làm người,

nhi du hồ thiên địa chi nhất khí.

mà ngao du trong một khí của trời đất.

Bỉ dĩ sinh vi phụ chuế huyền vưu,

Kẻ kia coi sống là nốt thừa mụn treo,

dĩ tử vi quyết vưu hội ung,

coi chết là mổ mụn vỡ nhọt;

phù nhược nhiên giả, hựu ô tri tử sinh tiên hậu chi sở tại!

kẻ đã như thế, còn biết đâu trước sau của sống chết ở chỗ nào!

Khổng Tử nói, họ là người đắc đạo. "Bỉ phương thả dữ tạo vật giả vi nhân": ông bảo trời đất phú cho một sinh mệnh để làm nên một con người, cái thân hình phụ thêm ấy vốn là gánh nặng; nay người này chết rồi, gánh nặng đã được cởi bỏ, **"du hồ thiên địa chi nhất khí"** (ngao du trong một khí của trời đất), trở về với cái **"khí"** (炁 - khí tiên thiên, không phải khí của không khí) ấy, vốn đồng một gốc với trời đất, vạn vật đồng một thể. Cái "khí" ấy chẳng phải không khí để thở, ngang với điều ngày nay ta gọi là bản năng, là năng lượng, trở về trong ấy. Vì thế, họ xem sinh mệnh hình hài hiện có này như cái bướu mọc trên thân, đáng lẽ phải cắt bỏ. Họ cho rằng chết chính là cắt phăng cái bướu ung thư ấy đi, sảng khoái biết bao! Nên họ là hạng người như vậy. "Phù nhược nhiên giả, hựu ô tri tử sinh tiên hậu chi sở tại!": họ đã giải thoát khỏi sống chết, chẳng còn trước, chẳng còn sau, chẳng còn phân biệt tiên hậu; hết thảy đều rất tự nhiên.

Giả ư dị vật, thác ư đồng thể;

Mượn nơi vật khác, gửi vào thân thể chung;

vong kỳ can đảm, di kỳ nhĩ mục;

quên cả gan mật, bỏ cả tai mắt;

phản phục chung thủy, bất tri đoan nghê;

qua lại đầu cuối, chẳng biết manh mối;

mang nhiên bàng hoàng hồ trần cấu chi ngoại,

mờ mịt bàng hoàng ngoài cõi bụi bặm,

tiêu dao hồ vô vi chi nghiệp.

tiêu dao trong sự nghiệp vô vi.

Bỉ hựu ô năng hội hội nhiên vi thế tục chi lễ,

Kẻ kia lại há có thể rối rít làm lễ thế tục,

dĩ quan chúng nhân chi nhĩ mục tai!

để phô trương tai mắt cho mọi người xem ư!

Những người đắc đạo ấy, chúng ta nhìn thấy nhục thể của họ chết rồi, kỳ thực chết hay sống đều chẳng liên can gì tới họ. Ở đây cần truyền cho chúng ta bí quyết làm người: "giả ư dị vật, thác ư đồng thể" chính là nói cái nhục thể này của chúng ta vậy. Nó có phải là ta chăng? Chẳng phải ta! Ngươi thử phân tích mà xem: tế bào, thần kinh, xương cốt, tóc tai, chẳng có thứ nào là cái ta chân thật, đều là vay mượn mà dùng tạm vài chục năm. Cái khác với ta gọi là "dị vật", gom những dị vật ấy lại thành đồng thể, gượng gọi đó là ta, là thân thể của ta, cùng một thể với ta. Vậy nên ngươi mượn thì cứ dùng, chớ xem nó nghiêm trọng quá.

Thân thể cũng là một cỗ máy. Ngày nay khoa học phát minh ra người máy, do con người chỉ huy người máy. Có lẽ sau này sẽ bị người máy chỉ huy lại, thì rất đáng sợ! Đương nhiên chưa hẳn đã tất nhiên. Nhưng ngoại quốc có vài nhà khoa học cuồng dại đang phát triển theo hướng ấy, Trung Hoa thì còn chưa bàn tới, nên cũng có người viết bài lo lắng chuyện ấy. Nhưng những nhà khoa học cuồng dại kia chẳng hiểu, chúng ta vốn đã là người máy; hiểu được Trang Tử rồi mới biết tổ tiên người Trung Hoa vốn đã là người máy. "Giả ư dị vật thác ư đồng thể": tay ta giơ lên chào, bắt tay, đều là động tác máy móc; sinh mệnh của chúng ta chẳng ở nơi cái nhục thể này, thân xác chỉ là cỗ máy của chúng ta. Còn khi vận dụng cỗ máy ấy thì "vong kỳ can đảm, di kỳ nhĩ mục": quên hết nội tạng, quên luôn cả tai mắt. "Phản phục chung thủy, bất tri đoan nghê": quên thân, quên cả ta, ở giữa đời này thấy dễ chịu biết bao, đã chẳng vui mừng cũng chẳng bi thương, có gì ghê gớm đâu! Ông nói "phản phục chung thủy", tức như một vòng tròn; nhà Phật hình dung vòng tròn ấy gọi là luân hồi, như bánh xe mãi mãi chuyển động. "Phản phục chung thủy, bất tri đoan nghê": một vật hình tròn, ngươi bảo đâu là đầu, đâu là cuối? Nó mãi là một vòng tròn, không đầu không cuối.

"Mang nhiên bàng hoàng hồ trần cấu chi ngoại": những người ấy sớm đã được giải thoát khỏi việc đời hồng trần; được chân giải thoát mới là chân tiêu dao, "tiêu dao hồ vô vi chi nghiệp". Các bạn học Phật chú ý nhé! Vô vi là do Lão Tử nêu ra, Trang Tử cũng dùng; nhà Phật dịch "niết bàn" dịch cho đúng phải là "vô vi", nên sau này pháp sư Huyền Trang nghiên cứu rất lâu, cuối cùng vẫn chọn hai chữ vô vi. Trong triết học Ấn Độ, hai chữ "niết bàn" bao gồm sáu thứ vô vi; nếu miễn cưỡng so sánh, quan niệm chung bao trùm chính là vô vi. Vô vi chẳng phải là chẳng làm gì cả, cũng như khi ta nói không, không chẳng phải là không có. Ví như trong hư không này có của cải vô lượng, sấm từ đâu tới? Điện từ đâu tới? Đều từ hư không mà tới; điện là của cải lớn nhất, đó chẳng qua chỉ là một thứ chứa sẵn trong hư không mà thôi. Những thứ chưa phát hiện còn nhiều lắm! Trong vô vi lại có đại hữu vi. Cho nên "bỉ hựu ô năng hội hội nhiên vi thế tục chi lễ": ngươi đem lễ mạo thế tục ra nói với họ, bắt họ ồn ào quấy rầy người chết, họ sao chịu nhận! "Dĩ quan chúng nhân chi nhĩ mục tai!": lễ mạo thế tục là để cho người thường xem, mọi người đều ở trong dối trá đãi bôi; những bậc ấy chẳng làm việc dối trá ấy, không có thời giờ để đãi bôi hư ngụy.

Tông chỉ chính của thiên *Đại Tông Sư* này tức là đạo nội thánh ngoại vương sẽ nêu ở phía sau, nghĩa là tự mình làm sao trước hết nuôi dưỡng cho đắc đạo. Hình dáng của kẻ đắc đạo có một mẫu mực, ở phần trước của thiên này

cũng như mấy thiên trước đều đã giảng qua. Thiên này có một điểm trọng yếu nhất: có tài thánh nhân mà không có đạo thánh nhân, hoặc có đạo thánh nhân mà không có tài thánh nhân, đều không thể gọi là toàn tài. Vì thế đoạn này nhắc tới vấn đề sinh tử cùng đạo thánh nhân, và đạo lý của kẻ không có tài thánh nhân. Đoạn này nói chuyện Khổng Tử sai Tử Cống đi phúng điếu Tử Tang Hộ, nay đưa ra kết luận.

Tử Cống, Khổng Tử đều mệnh khổ

Tử Cống viết: Nhiên tắc phu tử hà phương chi y?

Tử Cống hỏi: vậy thầy thì nương vào phương nào?

Viết: Khâu, thiên chi lục dân dã.

Đáp: Khâu này, là kẻ bị trời trừng phạt vậy.

Tuy nhiên, ngô dữ nhữ cộng chi.

Tuy vậy, ta cùng ngươi đều chung số ấy.

Tử Cống viết: Cảm vấn kỳ phương.

Tử Cống thưa: xin hỏi phương ấy là gì.

Tử Cống hỏi Khổng Tử: vậy thầy thì nương vào phương nào? Khổng Tử đáp: ta đây, trời phạt ta phải chịu tội, gọi là **"lục dân"** (戮民 - kẻ bị trời giết, người chịu hình phạt của trời), ngang như bị trời giết mà sống chịu tội. Chúng ta có thể nói, đại đa số con người đều như vậy; có câu tục ngữ rằng "chết vì giữ thể diện mà sống chịu tội", con người đều thế cả. Vậy mà làm thánh nhân, như Khổng Tử vậy, thật là "thiên chi lục dân"! Tự mình chịu tội rất nhiều, bởi phải cứu đời cứu người vậy. Trọng điểm này phản ánh trung tâm của cả thiên: đạo thánh nhân và tài thánh nhân, hai đàng chẳng thể kiêm được. Nên từ đây cho chúng ta một nhân sinh quan, như nhà thơ đời Đường Lý Thương Ẩn từng nói:

> ***"Trung lộ nhân tuần ngã sở trường, do lai tài mệnh lưỡng tương phương"*** *(giữa đường cứ lần lữa buông trôi cái sở trường của ta, xưa nay tài với mệnh hai đàng vẫn kìm nhau);* ***"Khuyến quân mạc cánh thiêm xà túc, nhất trản thuần lao bất đắc thường"*** *(Khuyên người chớ vẽ thêm chân rắn, một chén rượu nồng chẳng được nếm).*

Xưa nay, kẻ có tài năng bản lĩnh thì mệnh chẳng tốt; "do lai tài mệnh lưỡng tương phương", hai thứ cứ kìm hãm lẫn nhau. Bài thơ này chính là nói rõ tài với mệnh kìm nhau; có người có tài mà không có vận, cả đời chẳng có vận mệnh tốt. Cho nên ta thường nói, triết học văn hoá Trung Hoa đều ở trong văn chương, nhất là trong thi ca, tràn đầy triết học. Những câu văn như thế đã bao hàm quan niệm lớn của triết học nhân sinh, nên khi nhìn thấu rồi, đời người chẳng có gì phiền não lớn. "Do lai tài mệnh thị lưỡng tương phương": có tài ắt vô mệnh, bản lĩnh tài giỏi lắm, kết quả bắt ngươi khổ cả một đời, ngồi đó, chết vì giữ thể diện mà sống chịu tội, đúng như Khổng Tử nói: "Khâu, thiên chi lục dân dã".

Có những người mệnh tốt, không làm mà được, **"thất tự"** (七字 - chữ bảy) viết chẳng ra gì mà **"bát tự"** (八字 - lá số mệnh) lại tốt, ấy là người có cái mệnh ấy, ngươi chẳng có cách nào mà ghen tị, cũng đừng hâm mộ người ta. Lấy đạo lý nhà Phật mà nói, quan niệm nhân sinh là **"dục trừ phiền não tu vô ngã"** (muốn trừ phiền não phải không có ta): một người muốn gạt bỏ phiền não, ắt phải tu dưỡng tới cảnh giới vô ngã, mới thật không phiền não; **"các hữu tiền nhân mạc tiện nhân"** (mỗi người đều có tiền nhân của mình, chớ hâm mộ người khác), mỗi người đều có tiền nhân hậu quả của mình; dù tài với mệnh kìm nhau, cũng chẳng cần phiền não, cũng đừng ghen tị. Vì Khổng Tử nêu ra "Khâu, thiên chi lục dân dã", nên mới bàn tới những vấn đề triết học nhân sinh ấy. Dưới đây là lời của Khổng Tử.

"Tuy nhiên, ngô dữ nhữ cộng chi": Khổng Tử nói, nhưng không chỉ một mình ta mệnh khổ, đã làm học trò của ta, chí đồng đạo hợp, ngươi cùng ta đều sinh ra đã mệnh khổ; sinh trong một thời đại biến loạn, vì cứu đời cứu người, ắt là mệnh khổ. Nói tới đây Tử Cống liền hỏi: **"Cảm vấn kỳ phương"** (xin hỏi phương ấy là gì). Ông nói thầy giảng nãy giờ, cái đạo lý ở giữa ấy, con chưa sờ thấy, xin thầy chỉ cho con một phương hướng! Khổng Tử thấy Tử Cống vẫn chưa hiểu, đành phải dùng thí dụ mà giảng.

Cá quên nước, người quên đạo

Khổng Tử viết: Ngư tương tạo hồ thủy,
Khổng Tử nói: Cá nương nhờ nơi nước,

nhân tương tạo hồ đạo.
người nương nhờ nơi đạo.

Khổng Tử đưa ra một thí dụ: "ngư tương tạo hồ thủy", chữ **"tạo"** (造) này, theo lối dạy cũ của chúng ta, phải đọc như chữ **"thao"** (操 - chữ thao trong Tào Tháo), âm giống nhau mà nghĩa hơi khác. Ông nói cá ở trong nước mà chẳng biết có nước, hệt như chúng ta ngày ngày sống trong không khí mà chẳng biết có không khí; tức là người thì tương tạo hồ khí, cá thì tương tạo hồ thủy. "Nhân tương tạo hồ đạo": chúng ta ai nấy đều muốn tu đạo cầu đạo, đạo chẳng cần đi tìm, con người vốn đã sống ngay trong đạo. Nên trong *Trung Dung* cũng nói đạo chưa hề rời người, chỉ là người tự mình rời đạo. *Trung Dung* nói: **"Đạo dã giả, bất khả tu du ly dã"** (đạo ấy, chẳng thể rời xa dù một chốc lát), chẳng có một sát na nào rời bỏ chúng ta; **"khả ly phi đạo dã"** (cái có thể rời thì chẳng phải đạo), cái vì tu đạo mới tới được thì chẳng phải đạo. Đạo là tự nhiên, bản thân vốn đã sẵn đủ, nên người vốn đã ở trong đạo mà tự mình chẳng biết.

Tương tạo hồ thủy giả, xuyên trì nhi dưỡng cấp;
Kẻ nương nhờ nơi nước thì đào ao mà nuôi cho đủ;

tương tạo hồ đạo giả, vô sự nhi sinh định.
kẻ nương nhờ nơi đạo thì vô sự mà sinh định.

Khổng Tử nêu hai nguyên tắc: con người sống trong đạo mà chẳng biết có đạo, cũng như cá sống trong nước mà chẳng biết có nước. Lại suy rộng ra, cá cần nước, nên khi nuôi cá, **"xuyên trì nhi dưỡng cấp"** (đào ao mà nuôi cho đủ): cố ý đào một ao chứa nước mới nuôi được cá. Còn người thì vốn đã có đạo, đạo vốn ở ngay nơi người, nhưng người tự mình tìm chẳng thấy, hệt như cá trong nước mà chẳng thấy nước, thì làm thế nào? **"Vô sự nhi sinh định"** (không có việc mà sinh định): tu ngồi thực sự để sinh định, tức là trong lòng ngươi suốt ngày thấy không có việc gì, trong lòng vô sự thì mới thực sự được định. Muốn đạt tới cảnh giới trong lòng vô sự, ngồi thiền chỉ là phương pháp huấn luyện ban đầu, chớ cho rằng ngồi thiền tức là định, tức là tu đạo; nếu ngồi xuống mà trong lòng vẫn bận rộn, lại niệm chú, lại làm khí mạch này nọ, giữ khiếu này khiếu kia, chỗ này giữ chỗ kia giữ, sợ trên thân mình rớt mất một khúc xương như thế! Ấy chẳng phải tu đạo, mà là ngồi đó trong lòng mở đại hội thể thao, ngồi mà rong ruổi! Vậy thì chẳng phải đạo. Nên một câu này của Khổng Tử cũng đã bảo cho ngươi phương pháp tu đạo: "vô sự nhi sinh định".

Định chân chính, gọi là làm được vô sự, là ư sự vô tâm, ư tâm vô sự; ấy mới thật đạt được định. Định ấy chẳng phải nói ngươi buông hết muôn việc, xếp bằng ngồi trên núi, trong lòng vô sự thì gọi là đạo; cái ấy là đạo nửa vời, nửa đạo; phải ư sự vô tâm, có thể nhập thế làm việc mà trong lòng không có việc, ấy mới là công phu. Suốt ngày bận rộn, nhưng trong lòng không có việc, ư sự vô tâm, hỷ nộ ai lạc, phát ra đều trúng tiết, qua rồi thì không còn nữa; ư sự vô tâm, ư tâm vô sự, trong lòng chẳng lưu việc, như thế mới thực làm được vô sự. Vô sự tức là định. Tử Cống chẳng phải đã dám

hỏi kỳ phương đó sao? Khổng Tử liền bảo anh ta: vậy phải có định, có tĩnh định, mà nhận ra đạo vốn có của mình. Vì thế Khổng Tử đưa ra kết luận.

Cố viết, ngư tương vong hồ giang hồ,
Cho nên nói, cá quên nhau giữa sông hồ,

nhân tương vong hồ đạo thuật.
người quên nhau trong đạo thuật.

Lại tiến thêm một bước: ban đầu nói nuôi cá thì phải đào ao chứa nước, cho cá bơi lội thong dong trong ấy. Tu đạo thì phải làm cho trong lòng vô sự mới sinh định. Tiến thêm nữa, cũng như cá ở trong nước mà chẳng biết có nước, nước cũng chẳng thấy có cá nữa. Giống như chúng ta sống trong không khí, sống cả một đời mà chẳng biết hình dáng của không khí, đều chưa từng thấy qua; trừ khi trời lạnh, mũi thở ra chút khói trắng, cái ấy còn chưa phải là khí chân thật. Nên người thật đắc đạo thì chẳng thấy mình có đạo; nếu nói người đắc đạo mà tự mình còn có dáng vẻ đạo mạo, hoặc ra vẻ nghiễm nhiên có đạo, miệng đầy lời đạo, một thân đầy khí đạo, thì có vấn đề rồi.

Cho nên người thì **"tương vong hồ đạo thuật"** (quên nhau trong đạo thuật): kẻ đắc đạo rồi thì quên mình có đạo, cũng như người nghèo trúng vé số, hoặc được chia hai triệu, bảy ngày bảy đêm đều không ngủ được, thuốc an thần cũng vô dụng. Nhưng kẻ quen có tiền thì trên người chẳng bao giờ mang tiền, nghe nói hôm nay lại kiếm được hai tỉ, chỉ nghe vậy thôi, nào có thấy vui mừng. Tiếc là mọi người dường như chưa có kinh nghiệm ấy, đợi ngươi từ từ phát tài rồi sẽ có kinh nghiệm ấy. Thực tới lúc ấy, thấy tiền lại ùa vào nhiều như thế, có lẽ hơi chán ghét; ngươi nói thật đem nó vứt đi ư! Cũng không nỡ; nhưng sau khi nó tới rồi, cũng như cá tương vong hồ thủy vậy. Trong chúng ta cũng có người làm ăn lớn, nhà tư bản lớn; ông nghe vậy liền cười, đủ thấy ta rất hiểu tâm lý của ông, chính là cái mùi vị ấy.

Thiên chi quân tử Nhân chi quân tử

Tử Cống viết: Cảm vấn kỳ nhân.
Tử Cống thưa: Dám hỏi thế nào là người kỳ?

Tử Cống lại hỏi tiếp: **"Cảm vấn kỳ nhân"** (dám hỏi thế nào là người kỳ). Chữ **"kỳ"** (畸 - lệch, lẻ loi, đơn chiếc) này thông với chữ **"kỳ"** (奇 - lẻ, lạ), chữ kỳ ấy chính là lẻ, là đơn. Cho nên học *Kinh Dịch* phải biết: số lẻ thường viết là số kỳ, chữ này đọc là **"cơ"** (âm Hán Việt là kỳ, tiếng Hoa đọc là "jī"). "Kỳ nhân" chính là kẻ quái lạ; theo cách nói ngày nay, người tu đạo trông như kẻ quái dị, kỳ kỳ quái quái. "Kỳ nhân" là kẻ đơn lẻ, vượt ngoài tình thường.

Viết: Kỳ nhân giả, kỳ ư nhân nhi mưu ư thiên.
Đáp rằng: Kẻ kỳ thì lệch với người mà sánh ngang với trời.

Cố viết, thiên chi tiểu nhân, nhân chi quân tử;
Cho nên nói, kẻ tiểu nhân ở trời, người quân tử ở đời;

nhân chi quân tử, thiên chi tiểu nhân dã.
người quân tử ở đời, kẻ tiểu nhân ở trời vậy.

Chữ kỳ ấy chính là số lẻ, số dương gọi là kỳ, cho nên hành vi của người đắc đạo khác hẳn với mọi người, mới gọi là kỳ nhân. Khổng Tử nói, người đắc đạo là kỳ nhân, dương số dồi dào, là thân thể thuần dương. Hạng người này trông đều quái quái lạ lạ, đặc biệt không giống người thường. **"Kỳ ư nhân nhi mưu ư thiên"** (lệch với người mà sánh với

trời): ông ta là người không hợp với yêu cầu của thế gian, nhưng lại hợp với thiên đạo. Dưới đây Khổng Tử có một kết luận, điều này chẳng những nói về tu đạo, mà còn nói về đạo làm người, về triết học nhân sinh.

"Cố viết, thiên chi tiểu nhân, nhân chi quân tử; nhân chi quân tử, thiên chi tiểu nhân dã" (cho nên nói, kẻ tiểu nhân ở trời, người quân tử ở đời; người quân tử ở đời, kẻ tiểu nhân ở trời vậy). Có điều bốn câu này phải nói trước: người trẻ chớ tùy tiện đem ra dùng, có lúc bị người ta mắng, bị người ta ghét, bèn bảo mình là quân tử của trời nên mới bị người đời xem thường. Những kẻ tự cho mình là quân tử, là ghê gớm, nhìn từ trời mà xem thì lại là tiểu nhân; làm người khéo léo như viên bánh trôi nước, lăn đâu cũng tròn trịa, gặp ai cũng cười, kỳ thực chẳng phải như thế. Ấy là "nhân chi quân tử", người thường gọi là quân tử, nhưng lại là "thiên chi tiểu nhân", không hợp với đạo, lòng dạ chẳng ngay thẳng.

Bốn câu này, ta xem bao nhiêu nhân vật trong lịch sử, xưa nay trong ngoài, quả thật có rất nhiều người đạo đức vô cùng cao minh, nhưng làm người thì chỗ nào cũng không hợp; hơn nữa vận mệnh cũng chẳng tốt, chỗ nào cũng không đắc chí. Khổng Tử năm xưa chính là như thế, chu du liệt quốc mà một hộp cơm cũng chẳng kiếm nổi; nào ngờ sau khi chết, khắp nơi đều là thịt bò, đầu heo nguội, bái tế ông chất thành đống. Cho nên ta nói chết rồi cho ông đầu heo nguội ăn, còn chẳng bằng lúc sinh thời cho ông một hộp cơm nóng thì hơn, xúc xích nóng cũng được. Thế mà lúc ấy rất đáng thương, ông là tiểu nhân trong loài người, quân tử của trời. Lúc trẻ chúng ta cũng từng mượn câu ấy, có lúc bị người ta làm cho bực, giữa bạn học với nhau, ngươi chớ xem ta là tiểu nhân của người đời bị các ngươi xem thường, hừ! Tiểu nhân của người đời, chính là quân tử của trời.

Kỳ thực một người tu đạo chân chính, thường không hợp với pháp thế gian, bị người đời xem là rất đáng ghét. Nhưng ngươi phải biết, người không phải toàn tài thì chưa đủ tư cách làm đại tông sư; bốn câu mà Trang Tử dẫn ở đây, chẳng phải chỉ đại tông sư; nếu là đại tông sư thì vừa là quân tử của trời, cũng là quân tử của người đời, ấy là vừa có tài thánh nhân, lại vừa có đạo thánh nhân. Ở đây nói tới hạng người có đạo thánh nhân mà không có tài thánh nhân, cho nên xử thế đều không cao minh.

Đoạn chuyện vừa rồi là do Khổng Tử sai Tử Cống đi phúng điếu Tử Tang Hộ, thấy mấy người bạn tốt của ông chẳng những không khóc, còn ở bên cạnh vui vẻ ca hát; Tử Cống trở về báo lại, Khổng Tử bèn giải thích những người này là bậc đắc đạo, chớ đem lễ pháp thế tục ra mà đòi hỏi họ, họ đã liễu được sinh tử, nên sống chết họ xem rất tự nhiên, chết chẳng qua là ngủ một giấc dài mà thôi, chẳng có gì ghê gớm. Do đó dẫn tới Khổng Tử nói về chính mình, và nói về phương hướng tu đạo. Nay lại mở riêng một đoạn, hơi khác một chút.

Tang sự Tang lễ

Nhan Hồi vấn Trọng Ni viết: Mạnh Tôn Tài, kỳ mẫu tử,

Nhan Hồi hỏi Trọng Ni rằng: Mạnh Tôn Tài, mẹ mất,

khốc khấp vô thế, trung tâm bất thích, cư tang bất ai.

khóc lóc mà không có nước mắt nước mũi, trong lòng chẳng buồn, ở tang chẳng sầu.

Vô thị tam giả, dĩ thiện tang cái Lỗ quốc.

Không có ba điều ấy, mà tiếng khéo tang trùm khắp nước Lỗ.

Cố hữu vô kỳ thực nhi đắc kỳ danh giả hồ? Hồi nhất quái chi.

Há có kẻ không có thực mà được danh ấy ư? Hồi lấy làm lạ lắm.

Có một hôm Nhan Hồi hỏi Khổng Tử: nước Lỗ có người tên Mạnh Tôn Tài, mẹ chết, ông cũng khóc, nhưng "khốc khấp vô thế", chẳng có nước mắt nước mũi, chỉ ròng rã khóc bằng miệng, có thể thấy chẳng đau lòng; **"trung tâm bất thích"** (trong lòng chẳng buồn), trong lòng dường như chẳng thực cảm thấy mẹ đã chết; **"cư tang bất ai"** (ở tang chẳng sầu), người lo việc tang chẳng có chút dáng vẻ bi ai nào. Nếu nói khóc mà không có nước mắt, cười một cái nước mắt lại trào ra, ấy là hiện tượng của người già, là sự điên đảo của người già, người già có mấy thứ điên đảo, đây là một đại điên đảo trong số đó. Lại như ngồi thì muốn ngủ, nằm xuống lại không ngủ được; việc bây giờ vừa nói vừa quên, việc mấy chục năm trước lại nhớ hết, những thứ ấy đều là điên đảo của người già.

Nhưng Mạnh Tôn Tài chẳng phải người già, thế mà khóc lại không có nước mắt; trong lòng cũng chẳng thê lương, chẳng khó chịu, lại "cư tang bất ai". **"Vô thị tam giả"** (không có ba điều ấy), ba việc không hợp tình thường này đều trái với đạo lý làm người; kết quả **"dĩ thiện tang cái Lỗ quốc"** (mà tiếng khéo tang trùm khắp nước Lỗ), cả nước Lỗ ngược lại bảo ông đối với mẹ chí hiếu, lo tang rất khéo. Nhan Hồi nói: **"Cố hữu vô kỳ thực nhi đắc kỳ danh giả hồ?"** (Há có kẻ không có thực mà được danh ấy ư?): ngoài kia đồn thổi rất lớn, kỳ thực chẳng phải như vậy, há có đạo lý ấy ư? **"Hồi nhất quái chi"** (Hồi lấy làm lạ lắm), Nhan Hồi nói thưa thầy, con thực thấy lạ.

Trọng Ni viết: Phù Mạnh Tôn thị tận chi hĩ, tiến ư tri hĩ.
Trọng Ni nói: Kìa họ Mạnh Tôn đã làm hết mức rồi, đã tiến tới chỗ biết rồi.

Duy giản chi nhi bất đắc, phù dĩ hữu sở giản hĩ.
Chỉ muốn giản lược mà chẳng được, vì đã có chỗ giản rồi.

Mạnh Tôn thị bất tri sở dĩ sinh, bất tri sở dĩ tử;
Họ Mạnh Tôn chẳng biết vì sao sinh, chẳng biết vì sao chết;

bất tri tựu tiên, bất tri tựu hậu.
chẳng biết cái đến trước, chẳng biết cái đến sau.

Khổng Tử nói, ngươi chớ hiểu lầm, lời tán tụng của xã hội dành cho ông chẳng phải ngẫu nhiên, Mạnh Tôn Tài làm người đã làm tới mức chóp, tuy sống ở đời, nhưng ông là người có đạo. **"Tiến ư tri hĩ"** (đã tiến tới chỗ biết rồi): cái biết này chính là thành tựu của trí tuệ, đã đắc đạo rồi; **"duy giản chi nhi bất đắc"** (chỉ muốn giản mà chẳng được), việc tang tuy đủ đơn giản, nhưng ông đã vi phạm nguyên tắc của chữ giản này rồi; ngươi xem ông cũng chẳng khóc ra tiếng, cũng chẳng chảy nước mũi nước mắt, kỳ thực ông đã vượt quá rồi.

Trong ấy có đạo lý gì vậy? Trong ấy có một đạo lý lớn! Văn hóa Trung Hoa từ sau ba đời tới giai đoạn Chu Tần, điều quan trọng nhất là chăm lo người sống, tiễn đưa người chết mà chẳng có gì phải hối hận; việc dạy dỗ trẻ nhỏ, việc chăm sóc người già, cùng việc tang sau khi chết, hai đầu này nhất định phải làm cho tốt, đó là tinh thần của văn hóa Trung Hoa, vô cùng quan trọng. Kỳ thực bất kể chính trị xã hội nước nào, một người nếu không làm được những điều này, ít nhất trong văn hóa Trung Hoa sẽ cho rằng người ấy chẳng phải là người. Nhưng lại nảy sinh một vấn đề, chính là từ ba đời tới Chu Tần, tang sự lo cho cha mẹ làm quá ư nghiêm trọng. Ngoài quan tài còn phải có quách, gọi là áo liệm quan quách, người chết có mấy con gái con rể thì phải đắp mấy lớp chăn; xưa lại theo chế độ đa thê, nếu có hai mươi chàng rể, trên mình người chết liền đắp hai mươi lớp chăn. Mấy người con trai mặc mấy cái quần, cho nên trong quan tài, y phục bốn mùa xuân hạ thu đông đều đủ cả, nay còn thêm áo dài mã quái, người làm quân nhân lại phải thêm quân phục, lại phải thêm tây trang, nhiều hết mức, trong quan tài chứa không xuể. Đồ ngoài quan tài lại càng nhiều, nào lá trà, nào vôi nào than củi, các thứ, các ngươi đều chưa từng thấy qua, ngoài ra còn có thứ ngậm trong miệng, thứ cầm trong tay, cái nhiều ấy gọi là bát nháo lung tung, vô cùng phức tạp.

Cho nên tới thời Xuân Thu Chiến Quốc, người phản đối tang sự quá mức nhất là Mặc Tử, ông gần như tán thành cách táng của Hồi giáo. Quan tài của người Hồi giáo, một cái có thể dùng mấy trăm năm! Đáy quan tài là một tấm ván có thể rút ra, người chết rồi dùng vải trắng bọc lại đặt vào quan tài, mộ đào một cái hố, khiêng quan tài tới miệng hố, rồi rút tấm ván, thi thể liền xuống đất. Thi thể nhất định phải tiếp với đất, điều này có lý do của nó, con người là động vật trên mặt đất, trời đất sinh ta, chết rồi trở về với đất, cũng rất có đạo lý triết học. Thi thể xuống đất, lấp đất kín, khiêng quan tài về, lần thứ hai còn có thể dùng nữa.

Đương nhiên tang lễ của Hồi giáo, về phương diện quan quách thì đơn giản, những phương diện khác cũng chẳng đơn giản. Tang lễ quá mức, ta cũng phản đối, ấy gọi là làm ồn người chết, người chết ở trong quan tài vốn yên ổn, lại bị làm cho ồn chết. Cho nên ở đây ngươi liền thấy, Khổng Tử cũng phản đối tang lễ quá rườm rà; Khổng Tử trong *Hệ Từ* của *Kinh Dịch* cũng nói: **"Cổ chi táng giả… bất phong bất thụ"** (người xưa chôn cất… chẳng đắp mồ chẳng trồng cây), tổ tiên xưa nhất của người Trung Hoa, sau khi chết cũng như tín đồ Hồi giáo, cứ chôn xuống đất, không có phần mộ, cũng chẳng làm dấu hiệu; người đời sau vì gọi là xã hội văn minh tiến bộ, mới dựng nên bao nhiêu trò hoa dạng cho việc nuôi người sống đưa người chết, đó là một vấn đề lớn trên mặt tang lễ của văn hóa Trung Hoa.

Đương nhiên tới nay chúng ta rất đáng thương, một lễ cưới một lễ tang, hôm nay chẳng có thứ nào là văn hóa của chính mình; cho nên người Trung Hoa tự nhận là nước lễ nghĩa, tới nay vừa không có lễ, cũng chẳng có nghĩa. Lễ cưới thì bảy biến tám đổi, nay là cha dắt con gái đưa vào lễ đường, rồi giao cho chàng rể, tặng cho ngươi rồi. Ngươi để ý, chỉ cánh tay kẹp như thế, dắt vào; đi rất chậm, nếu để ta dắt thì rất muốn đi nhanh một chút, chuyện này có nhiều điều không hợp lý lắm!

Về tang lễ, điều Khổng Tử nói ở đây, có thể thấy cũng phản đối lễ rườm rà. Cho nên vì câu **"duy giản chi nhi bất đắc"** (chỉ muốn giản mà chẳng được) này, chúng ta đã dẫn ra rất nhiều đạo lý lịch sử, Khổng Tử cho rằng họ Mạnh Tôn đã làm đủ tốt rồi. **"Sinh giả ký dã, tử giả quy dã"** (người sống là khách trọ, người chết là trở về), người ta sống ở đời là ở trọ, chết là trở về, cho nên tang lễ nên đơn giản. **"Phù dĩ hữu sở giản hĩ"** (vì đã có chỗ giản rồi), ông nói mẹ của họ Mạnh Tôn chết, ông có thể lo tang như thế, đã rất hợp lý rồi, ngươi chớ đòi hỏi quá mức.

Người xưa Trung Hoa gọi là hợp lý, nếu trên tám mươi tuổi mà mất, ấy gọi là thượng thọ, phúc thọ vẹn toàn; ngươi cứ việc gửi câu đối phúng màu đỏ, ấy hợp với lễ xưa, đó chẳng gọi là chết, mà gọi là đăng tiên, thành tiên rồi. Giả như cha mẹ sống tới trăm tuổi, hoặc hơn trăm tuổi, người xưa thường có người sống lâu như thế, khi con trai đã bảy tám mươi tuổi rồi, nước mắt kia khóc chẳng ra, hà tất cứ phải có nước mắt mới được! Cho nên việc tang, Khổng Tử nói, chỉ cần tận lực là được, đó là lý do thứ nhất. Lý do thứ hai, Khổng Tử nói: **"Mạnh Tôn thị bất tri sở dĩ sinh, bất tri sở dĩ tử"** (họ Mạnh Tôn chẳng biết vì sao sinh, chẳng biết vì sao chết), bản thân ông đã đắc đạo, đã liễu được sinh tử, cho nên sinh tử chẳng còn là vấn đề gì với ông nữa.

"Bất tri tựu tiên, bất tri tựu hậu" (chẳng biết cái đến trước, chẳng biết cái đến sau), hạng người này cũng chẳng có quan niệm thời gian, không có quá khứ, không có tương lai. Người ta sở dĩ không thể đắc đạo, nỗi khổ lớn nhất chính là bị hai thứ hạn chế, một là quan niệm không gian, hai là quan niệm thời gian. Cho nên các ngươi ngồi thiền thường bị quan niệm của chính mình trói chặt, có người nói, chao ôi, thưa thầy, con chỉ ngồi nửa tiếng, thêm một phút cũng không thêm nổi; bởi trong tư tưởng người ấy bị quan niệm thời gian trói, cho nên tới đúng giờ ấy liền muốn mở mắt xem, chao ôi, vẫn là nửa tiếng! Người ấy chẳng thể **"ngư tương vong hồ giang hồ, nhân tương vong hồ đạo thuật"** (cá quên nhau giữa sông hồ, người quên nhau trong đạo thuật); nếu ngươi quên bẵng quan niệm thời gian đi, thì đã khác rồi.

Người ta chẳng biết mình tự chuốc khổ biết bao, có những người tu đạo, cứ phải đối mặt phương đông mới ngồi thiền được, phương bắc thì không ngồi được sao? Phương nào chẳng có người ở? Phương nào chẳng sinh người chẳng chết người? Vì sao nhất định phương đông mới là phương sinh khởi? Phương bắc còn gọi là Bất Không Như Lai nữa! Đối diện phương bắc chẳng phải càng tốt sao? Ấy là trí tuệ của con người không đủ, rất đáng thương, bị thời gian không gian trói chặt. Cho nên Khổng Tử nói họ Mạnh Tôn, thứ nhất đã liễu được sinh tử, thứ hai đã quên bẵng quá khứ tương lai, "bất tri tựu tiên, bất tri tựu hậu", chẳng biết cái nào ở trước, cái nào ở sau.

Sinh mệnh là biến cũng là mộng

Nhược hóa vi vật, dĩ đãi kỳ sở bất tri chi hóa dĩ hồ!

Nếu đã hóa thành vật, thì hãy đợi sự hóa mà mình còn chưa biết đó vậy thôi!

Cho nên quan niệm của Đạo gia là sống chết chẳng có gì ghê gớm! Trời đất này là một phòng thí nghiệm hóa học lớn, hết thảy sinh mệnh đều là vật biến hóa trong lò hóa học lớn ấy; nhục thể sau khi chết lại biến thành thứ khác. Thân thể chúng ta cũng do thứ khác biến mà thành; dĩ nhiên bao nhiêu rau cỏ, đậu phụ thịt bò, muối trắng đường trắng, đủ thứ dinh dưỡng ăn vào mới biến ra cái thân này, sau khi chết lại qua một trình tự phức tạp mà biến trở về mà thôi.

Vì vậy, văn hóa Trung Hoa gọi sống chết là **"vật hóa"** (物化 - hóa thành vật), hết thảy đều đang biến đổi; người học Phật thì gọi là **"vô thường"** (无常 - chẳng thường hằng), vô thường cũng tức là biến đổi. Chẳng có thứ gì cố định không biến. Cho nên người chết chính là **"hóa vi vật"** (hóa thành vật), hình ngoài đã biến đổi, bởi tinh thần của sinh mệnh thì mãi mãi chẳng sinh chẳng diệt, nên mới nói **"dĩ đãi kỳ sở bất tri chi hóa"** (để đợi sự hóa mà mình còn chưa biết); kiếp sống tiếp theo sẽ biến thành gì, ấy là điều chúng ta chẳng thể biết, người đắc đạo thì biết. Chữ **"dĩ hồ"** (已乎 - vậy thôi) chính là như thế.

Thả phương tương hóa, ô tri bất hóa tai?

Vả lại sắp hóa, sao biết là chẳng hóa ư?

Phương tương bất hóa, ô tri dĩ hóa tai?

Sắp chẳng hóa, sao biết là đã hóa rồi ư?

Đoạn này bảo chúng ta, bây giờ mọi người đều còn sống chưa chết, **"thả phương tương hóa, ô tri bất hóa tai"** (vả lại sắp hóa, sao biết là chẳng hóa ư)? Sinh mệnh mới, hay chính những người đang sống như chúng ta đây, sao biết là mình chẳng biến đổi? Bởi không có đạo, tự mình chẳng cảm thấy mình đang biến, kỳ thực thân thể mình lúc nào cũng trong sinh tử, lúc nào cũng biến đổi; chuyện của giây trước đã chết rồi, trong đầu bây giờ là chuyện của giây sau; cái ta hôm qua đã chết rồi, cái ta hôm nay chẳng phải cái ta hôm qua; cái ta của giây trước cũng chẳng phải cái ta bây giờ, lúc nào cũng ở trong biến đổi. **"Phương tương bất hóa, ô tri dĩ hóa tai"** (sắp chẳng hóa, sao biết là đã hóa rồi ư)? Lúc vừa mới sinh ra, ngươi há chẳng biết mình đang biến về phía cái chết đó sao? Ngươi cứ ngỡ mình đang sống còn đó, lại chẳng hay có một phần đã chết đi rồi ư? Nhưng cũng có một phần khác lại sinh trở lại. Bởi người ta chẳng hiểu điều này, chẳng ngộ ra đạo lý này, nên chẳng thể đắc đạo.

Ngô đặc dữ nhữ, kỳ mộng vị thủy giác giả da!

Ta chỉ cùng ngươi, đại khái là kẻ mộng còn chưa từng tỉnh đó chăng!

Khổng Tử bảo Nhan Hồi, ta với ngươi đều đang nằm mộng đấy! Mở trừng mắt mà làm mộng giữa ban ngày, chưa tỉnh; nếu tỉnh rồi tức là khai ngộ. Chẳng mộng nữa thì tỉnh, tỉnh rồi thì khai ngộ, đắc đạo. Ta với ngươi hai người, đều

còn đang mộng, chưa ngộ đạo, chưa tỉnh táo.

Thả bỉ hữu hãi hình nhi vô tổn tâm, hữu đán trạch nhi vô tình tử.

Vả lại kẻ kia có cái kinh hãi nơi hình hài mà chẳng tổn hại tới tâm, có chuyện sớm tối đổi nhà mà chẳng thật sự chết.

Vả lại nói về hạng người đắc đạo như Mạnh Tôn Thị, cái chết mà ông thấy chỉ là ngoại hình. Chúng ta thấy người kia mắt chẳng mở ra, không còn hô hấp, bèn gọi là chết, rồi khóc òa lên. Cái ấy là cái vỏ thôi! Ngoại hình ấy ngang với bóng đèn điện vậy, sinh mệnh chẳng phải cái ngoại hình ấy; bóng đèn hỏng, năng lượng điện và nguồn điện vẫn chẳng hỏng; thay một bóng đèn khác lại sáng lên. Cho nên người thường chỉ nhìn ngoại hình, cho rằng thân xác là căn bản của sinh mệnh; người đắc đạo thấy cái chết chỉ là hình hài, **"nhi vô tổn tâm"** (mà chẳng tổn hại tâm), cái bản tâm của sinh mệnh ấy chẳng chết, cũng chẳng vì ngoại hình chết mà chết, nó mãi mãi thường còn. Hơn nữa ông thấy **"hữu đán trạch nhi vô tình tử"** (có đán trạch mà chẳng có cái chết vì tình); chữ **"đán"** (旦 - buổi sớm) và chữ **"trạch"** (宅 - nhà ở) ở đây thực ra là đán mộ (旦暮 - sớm tối), tối đến thì về nhà nghỉ ngơi. Ông nói, sinh ra với chết đi ngang như buổi sớm với buổi tối, cái thường còn đang tác dụng thật sự của sinh mệnh ấy, cái chân thường chân sinh mệnh ấy, chẳng hề chết. Cho nên ông bảo ngươi nhìn Mạnh Tôn Thị đã nhìn sai rồi.

Mạnh Tôn Thị đặc giác, nhân khốc diệc khốc, thị tự kỳ sở dĩ nãi.

Mạnh Tôn Thị chỉ tỉnh ngộ, người khóc cũng khóc, ấy là tự nơi cái lẽ khiến ông phải thế.

Bây giờ ngươi đi phúng điếu, Mạnh Tôn Thị đã làm rất khá rồi, người đắc đạo chẳng có bi ai, cũng chẳng có hoan lạc, nhưng dẫu sao ông vẫn thấy mình còn ở nhân gian, còn đang làm người mà! Nhân gian cho rằng có người chết thì phải khóc, nên ông cũng há miệng kêu oa oa một tiếng, ông đã đủ tốt rồi, kể như còn chịu giao tế đôi chút với người khác một chút. **"Nhân khốc diệc khốc, thị tự kỳ sở dĩ nãi"** (người khóc cũng khóc, ấy là tự nơi cái lẽ khiến ông phải thế), vì thế ông đành vậy, bởi mọi người đều làm thế, nên ông bất đắc dĩ mà làm vậy.

Thả dã tương dĩ ngô chi nhĩ hĩ, dung cự tri ngô sở vị ngô chi hồ?

Vả lại cũng là cùng với cái ta của ngươi đó thôi, há lại biết được cái mà ta gọi là ta ư?

"Thả dã tương dĩ ngô chi nhĩ hĩ" (vả lại cũng là cùng với cái ta của ngươi đó thôi), ông nói các ngươi đều làm như vậy, ông cũng đành theo mọi người mà làm như vậy; các ngươi nói trời đã sáng, ông cũng theo mà nói trời đã sáng; gặp một đám người điên ở cùng nhau, người ta bắt ông nhảy múa, ông liền nhảy, không nhảy thì đám điên ấy sẽ đánh chết ông, ngược lại còn bảo ông điên; nên ông đành như thế. **"Dung cự tri ngô sở vị ngô chi hồ"** (há lại biết được cái mà ta gọi là ta ư)? Chữ **"dung cự"** (庸詎 - há đâu biết) nghĩa là ngươi làm sao biết được, nói cách khác, ngươi chẳng biết **"ngô sở vị ngô chi hồ"** (cái mà ta gọi là ta ư)? Bởi ông đã đắc đạo, vô ngã rồi, nên ông chẳng có cái ta của riêng mình, hết thảy đều là đại ngã, ngươi cho rằng cái ta của ngươi phải thế này, ông liền theo cái ta của ngươi mà làm vậy; ngươi muốn khóc thì cùng ngươi khóc, ngươi muốn cười thì cùng ngươi cười, chỉ có thế thôi, ông đã đạt tới cảnh giới vô ngã.

Nếu là văn tự khác, như nhà Phật chẳng hạn, nói thẳng một chữ vô ngã là xong! Trang Tử thì không, ông dùng mấy chữ **"dung cự tri ngô sở vị ngô chi hồ"** (há lại biết được cái mà ta gọi là ta ư), một chữ ngô này chữ ngô kia, làm chúng ta hồ đồ cả lên. Kỳ thực chỉ là nói, ông đã tới chỗ vô ngã, chẳng còn ngã, chẳng có cái gì gọi là ta, chỉ một câu ấy thôi; để ông viết thành văn thì thành ra như vậy. Nói thêm về cảnh giới vô ngã, ngươi xem đời người tìm đâu ra một cái ta? Từ sợi tóc cho tới nội tạng, chỗ nào là ta? Chẳng chỗ nào là ta cả. Từ cảnh giới vô ngã liền nói tới nhân sinh chính là mộng, không phải nhân sinh như mộng, cái ấy chỉ là từ hình dung của văn học, nhân sinh chính là mộng! Gì

mà như mộng! Mộng còn như nhân sinh ấy chứ! Chẳng phải như đâu! Chữ như ấy chẳng dùng được, bởi nhân sinh chính là mộng. Dưới đây liền nói về cái mộng ấy.

Thả nhữ mộng vi điểu nhi lệ hồ thiên, mộng vi ngư nhi một ư uyên.
Vả lại ngươi mộng làm chim mà vút lên trời, mộng làm cá mà lặn xuống vực sâu.

Bất thức kim chi ngôn giả, kỳ giác giả hồ, kỳ mộng giả hồ?
Chẳng biết kẻ đang nói bây giờ, là kẻ tỉnh đó chăng, hay là kẻ mộng đó chăng?

"Thả nhữ mộng vi điểu nhi lệ hồ thiên" (vả lại ngươi mộng làm chim mà vút lên trời), khi chúng ta nằm mộng, mộng thấy mình biến thành chim, bay rất cao, bay vút lên trời; **"mộng vi ngư nhi một ư uyên"** (mộng làm cá mà lặn xuống vực sâu), khi chúng ta mộng thấy mình là một con cá, liền trốn vào nước sâu, lúc ấy cũng chẳng thấy nước đáng sợ, cũng chẳng sặc nước; bay lên trời cũng chẳng cần thêm áo bông, cũng chẳng cần mặc áo len, tự mình liền bay lên; trong mộng rất dễ chịu, ấy là nói mộng ban đêm. **"Bất thức kim chi ngôn giả, kỳ giác giả hồ, kỳ mộng giả hồ"** (chẳng biết kẻ đang nói bây giờ, là kẻ tỉnh đó chăng, hay là kẻ mộng đó chăng)? Bây giờ chúng ta mở mắt ra, cho rằng những cái kia là mộng, cho rằng bây giờ là tỉnh táo, nhưng chúng ta thử nghĩ xem! Bây giờ biết suy nghĩ biết nói năng, ngươi cho rằng mình thật là tỉnh táo ư? Đó là một dấu hỏi, **"kỳ mộng giả hồ"** (há chẳng phải kẻ mộng đó sao)? Há bây giờ chẳng phải đang mở mắt mà nằm mộng đó sao? Ấy là điều Thiền tông gọi là tham thoại đầu, vấn đề chẳng đưa đáp án cho ngươi, tự ngươi đi tìm đáp án; tự ngươi nghĩ xem, ngươi cho rằng bây giờ là tỉnh ư? Hay cho rằng bây giờ là đang mộng?

Cho nên, đời người rốt cuộc bây giờ là tỉnh, hay là đang mộng? Đó là một vấn đề lớn. Ví như chúng ta, hôm qua ban ngày, mọi người đã làm bao nhiêu việc, ngươi bây giờ hồi tưởng lại chuyện hôm qua, đó chẳng phải giấc mộng sẵn có đó sao? Là đang mở mắt mà làm đấy! Nhưng mọi người chẳng hiểu, cứ coi hoạt động tinh thần tư tưởng lúc nhắm mắt là mộng, cho rằng mình rất ngốc, bị mộng lừa; kỳ thực bây giờ càng ngốc hơn, hoạt động bây giờ là đang mở mắt mà nằm mộng. Bây giờ bị cái gì lừa? Bị con mắt lừa; không tin ngươi nhắm mắt lại xem, lập tức giấc mộng trước mặt liền không còn nữa. Rốt cuộc dáng vẻ kia là tỉnh, hay dáng vẻ bây giờ là tỉnh? Ta cũng chẳng biết, Trang Tử cũng chẳng rõ, Khổng Tử cũng không hay, gọi là hòa thượng chẳng ăn mặn, trong bụng có chay, tức trong lòng đã có tính toán. Dưới đây nói một đạo lý.

Tạo thích bất cập tiếu, hiến tiếu bất cập bài, an bài nhi khứ hóa, nãi nhập ư liêu thiên nhất.
Đến lúc thoải mái nhất còn chẳng kịp cười, bật cười ra còn chẳng kịp sắp đặt, cứ yên thuận theo lẽ tự nhiên mà đi cùng biến hóa, bèn vào nơi liêu thiên nhất.

"Tạo thích bất cập tiếu" (đến lúc thoải mái nhất còn chẳng kịp cười), tình cảm tự nhiên của con người, tới lúc thoải mái đắc ý nhất, cười cũng chẳng kịp cười, dĩ nhiên cũng chẳng khóc, chính là thoải mái tới cực điểm, cười cũng lười mà cười, ấy mới thật thoải mái. Khi đáng cười, phải cười ha hả, gặp một chuyện buồn cười, **"hiến tiếu bất cập bài"** (bật cười ra còn chẳng kịp sắp đặt), có những lúc chúng ta nghe người ta kể chuyện cười, bụng cười đau cả lên, vừa bảo người ta kể chậm lại, vừa ôm bụng mà cười, chính là **"hiến tiếu bất cập bài"** (bật cười ra còn chẳng kịp sắp đặt), cái ấy mới gọi là cười thật. Nếu nói kể một câu chuyện cười cho ta cười, rồi trước hết ha một tiếng mà cười, ấy là nụ cười đã sắp đặt, chẳng phải cười thật. **"An bài nhi khứ hóa"** (an bài mà đi theo hóa), chữ an bài này chớ coi như quan niệm bây giờ, an bài bây giờ nói là dự tính trước mà sắp đặt cho ổn; ví như chúng ta lên lớp, đem chỗ ngồi bày sẵn, ấy là an bài của người bây giờ. Chữ **"an"** (安 - yên ổn) ở chỗ Trang Tử đây là bình an, chữ **"bài"** (排 - xếp bày)

là tự nhiên, sự xếp bày tự nhiên, pháp tắc tự nhiên, buông cho tự nhiên, yên nơi trời đất, tự nhiên mà xếp bày rồi đi theo hóa.

Biến hóa rồi tiến vào cảnh giới gì đây? **"Nãi nhập ư liêu thiên nhất"** (bèn vào nơi liêu thiên nhất), ấy lại là danh từ Trang Tử đặt ra gọi là **"liêu thiên nhất"** (寥天一 - trời liêu nhất), ngang với niết bàn, bồ đề, đắc đạo của nhà Phật. "Liêu thiên" chính là trên trời này chẳng có gì cả, mà là trống rỗng mênh mông, vô lượng vô biên, trống đến vô lượng vô biên, vô tận vô cùng. Nhưng phải trống tới đâu đây? Vẫn là ở ngay đây, trời đất với ta hợp làm một, muôn vật với ta thành một thể, cảnh giới ấy; **"an bài nhi khứ hóa, nhập ư liêu thiên nhất"** (an bài mà đi theo hóa, vào nơi liêu thiên nhất), chính là điều nhà Phật gọi là niết bàn. Đoạn này lại là vấn đề sống chết của con người, Nhan Hồi tới hỏi Khổng Tử, Khổng Tử từ vấn đề tử vong, nói tới vấn đề đang sống, bảo chúng ta, đêm nằm mộng là mộng, ban ngày cũng đang ở trong đại mộng; phải tham phá được cái đại mộng này, thì đắc đạo. Thật sự tỉnh táo rồi, thì sống chết đều ở trong mộng. Kế đó lại là một vấn đề khác tới.

Đàm nhân nghĩa luận thị phi

Ý Nhi Tử kiến Hứa Do.

Ý Nhi Tử đến gặp Hứa Do.

Hứa Do viết: Nghiêu hà dĩ tư nhữ?

Hứa Do hỏi: Nghiêu đã cấp cho ông những gì?

Ý Nhi Tử và Hứa Do đều là ẩn sĩ cao nhã thời thượng cổ. Hứa Do chính là người đời Đường Nghiêu từng muốn nhường ngôi mà ông nhất mực từ chối, cam phận ẩn dật; chuyện này sách đã kể ở trước. Câu "Nghiêu hà dĩ tư nhữ", Hứa Do hỏi Ý Nhi Tử rằng: ông Nghiêu kia rốt cuộc đã nói với ông những gì? Chữ **"tư"** (资 - cấp cho, ban cho, bổ sung cho) ở đây là cấp thêm, ban cho, như người ta tặng thêm cho nhau một thứ gì. Ông ta muốn biết Nghiêu đã rót vào đầu Ý Nhi Tử những lời gì, bởi sử chép Nghiêu từng tìm đến Hứa Do mời ra làm vua, nay Hứa Do lại quay sang hỏi Ý Nhi Tử xem Nghiêu đã bảo ông ta điều gì.

Ý Nhi Tử viết: Nghiêu vị ngã: Nhữ tất cung phục nhân nghĩa nhi minh ngôn thị phi.

Ý Nhi Tử thưa: Nghiêu bảo tôi: Ngươi ắt phải tự mình vâng giữ nhân nghĩa mà nói cho rành rẽ phải trái.

Điều này rất trọng yếu, bởi văn hóa Nho gia đời sau, nhất là Nho gia từ Đường Tống trở về sau, hết sức coi trọng chuyện thị phi nhân nghĩa. Ý Nhi Tử nói, Nghiêu dạy tôi nhất định phải thực hành đạo nhân nghĩa, chữ **"cung phục"** (躬服 - tự mình mặc lấy, tự mình vâng giữ) nghĩa là tự thân mà mặc vào mình, tự mình mà thi hành, còn **"nhi minh ngôn thị phi"** (mà nói cho sáng tỏ phải trái) là con người nhất định phải phân minh điều phải lẽ trái, chuyện phải quấy ở đời nhất định phải làm cho rõ.

Hứa Do viết: Nhi hề lai vi chỉ?

Hứa Do nói: Thế thì ông đến đây để làm gì, há chẳng phải tự đưa mình vào vết bánh xe hay sao?

Phù Nghiêu ký dĩ kình nhữ dĩ nhân nghĩa, nhi nghị nhữ dĩ thị phi hĩ,

Nghiêu đã xăm mặt ông bằng nhân nghĩa, lại cắt mũi ông bằng thị phi rồi,

nhữ tương hà dĩ du phù diêu đãng tứ tuy chuyển tỉ chi đồ hồ?

ông còn lấy gì mà ngao du trên con đường xa vời lay động, phóng túng đổi dời?

Hứa Do kêu lên: hỏng rồi! "Nhi hề lai vi chỉ?" Sao ông ta lại đặt cho ông một cái bẫy, đặt cho ông một đường ray để ông đi vào? Chữ **"chỉ"** (軹 - đầu trục xe, vết bánh xe hằn trên đất) ở đây chỉ cái rãnh, cái khuôn đã định sẵn. Câu **"Phù Nghiêu ký dĩ kình nhữ dĩ nhân nghĩa"** (Nghiêu đã lấy nhân nghĩa mà xăm mặt ông), đời người vốn như đứa trẻ sơ sinh, sạch sẽ tinh khôi, nào nhân nghĩa, nào thị phi, nào triết học, tôn giáo, nghệ thuật, hết thảy đều là màu vẽ thêm lên tờ giấy trắng; con người sinh ra vốn rất sạch. Chữ **"kình"** (黥 - xăm mặt) là hình phạt cổ, kẻ có tội bị xăm chữ lên mặt. Ông nói, Nghiêu đã làm hỏng tướng mạo vốn sạch của ông, khuôn mặt vốn tinh khôi nay bị xăm chữ lên; **"nhi nghị nhữ dĩ thị phi hĩ"** (lại lấy thị phi mà cắt mũi ông), người xưa có phép **"nghị"** (劓 - cắt mũi), kẻ phạm tội bị cắt mũi thì suốt đời mang dấu là người có tội. Nghiêu bảo ông phải minh ngôn thị phi, chẳng khác gì cắt mũi ông đi.

Khi đã có quan niệm nhân nghĩa thiện ác thị phi, tức là vấn đề giá trị nảy sinh. Cho nên vấn đề này, tôi cũng thường nói, các bậc già cả ngồi lại với nhau, nhìn lớp trẻ càng nhìn càng chướng mắt. Người già vốn hay khó tính, dĩ nhiên tôi cũng là một ông già, nhìn người trẻ cái gì cũng thấy không phải; chẳng phải mũi lệch thì cũng tai to, tóm lại không có thứ gì vừa mắt. Kỳ thực ai cũng cho rằng, nhất là lớp trẻ bây giờ không nói đến đạo đức, xã hội này hỏng hết, thật ra mọi người đều đang nói mê. Cho nên quan niệm đạo đức, bất kể xưa nay trong ngoài nước đều có, chỉ là cách nói khác nhau mà thôi.

Đạo đức của người xưa bên Trung Hoa mang tính tôn giáo, nếu không có đạo đức thì sợ mang lấy nhân quả; ôi chao, ghê gớm lắm, sau khi chết Diêm Vương sẽ tra xét, hoặc Bồ Tát sẽ trừng phạt, sẽ đọa địa ngục, có báo ứng nhân quả. Bộ ấy nay người trẻ không còn tin nữa. Nhưng người trẻ có quan niệm giá trị đạo đức hay không? Nếu nói việc gì có giá trị mới làm, ấy là quan niệm lợi hại, cũng là một tiêu chuẩn đạo đức, không thể nói là không có tiêu chuẩn. Hễ là người nhất định có một tiêu chuẩn, dù là một con vật cũng đều có tiêu chuẩn của nó, chỉ là hình thái khác nhau, tư tưởng ngôn ngữ quan niệm khác nhau mà thôi. Đừng thấy nó biến ra hình dáng gì, dù biến đi biến lại, con người ta đều biết há miệng ra mà ăn cơm, lạnh thì biết mặc áo; trừ phi đổi cả hai thứ ấy đi. Cho nên nói, đó chẳng qua là khác biệt ý thức hệ văn hóa mà thôi. Ông ta bảo thiên tính bẩm sinh thực sự của con người như tờ giấy trắng, sạch sẽ tinh khôi lắm, Nghiêu Thuấn đem đạo đức, thị phi, nhân nghĩa dạy cho ông, thế là ông hỏng rồi.

"Nhữ tương hà dĩ du phù diêu đãng tứ tuy chuyển tỉ chi đồ hồ?" (ông còn lấy gì mà ngao du trên con đường xa vời lay động, phóng túng đổi dời?), ông hỏng rồi, ông chẳng còn được tự do, chẳng còn được tự tại, chẳng còn được giải thoát, chẳng thể đắc đạo, chẳng được tiêu dao nữa! Ông đã bị nhiễm ô hậu thiên trói buộc rồi. Hứa Do phê phán Ý Nhi Tử như thế, nhưng quan niệm của Ý Nhi Tử lại khác.

Ý Nhi Tử viết: Tuy nhiên, ngô nguyện du ư kỳ phiên.
Ý Nhi Tử thưa: Tuy vậy, tôi nguyện dạo chơi ở bờ giậu của nó.

Hứa Do viết: Bất nhiên.
Hứa Do nói: Không phải thế.

Phù manh giả vô dĩ dữ hồ mi mục nhan sắc chi hảo,
Kẻ mù lòa chẳng thể cùng bàn cái đẹp của mày mắt nhan sắc,

cổ giả vô dĩ dữ hồ thanh hoàng phủ phất chi quan.
kẻ lòa mắt chẳng thể cùng xem cái vẻ của sắc xanh vàng thêu phủ.

Ý Nhi Tử nói, chà! Đạo lý ấy tôi cũng hiểu rồi! Nhưng mà, **"ngô nguyện du ư kỳ phiên"** (tôi nguyện dạo chơi ở bờ giậu của nó). Tôi chỉ xin mua một vé đứng ở cổng, chữ **"phiên"** (藩 - bờ giậu, hàng rào, phên dậu) là phên giậu,

đứng ở mép cửa, không đi sâu vào. Hứa Do nghe câu ấy thì cảm thán: "bất nhiên", ông nói không phải như thế, nếu ông nhất định làm như vậy thì tôi lấy làm tiếc cho ông. **"Phù manh giả vô dĩ dữ hồ mi mục nhan sắc chi hảo"** (kẻ mù chẳng thể cùng bàn cái đẹp của mày mắt nhan sắc), ông nói, một người mù mắt vĩnh viễn không thể thấy được nhan sắc diện mạo của con người, cũng không thấy được mày mắt người ta đẹp hay xấu ra sao. **"Cổ giả vô dĩ dữ hồ thanh hoàng phủ phất chi quan"** (kẻ lòa chẳng thể cùng xem cái vẻ của sắc xanh vàng thêu phủ), chữ **"cổ"** (瞽 - lòa mắt) khác với **"manh"** (盲 - mù hẳn); manh (盲) là mù hẳn, hoàn toàn không thấy; cổ (瞽) là mắt hỏng, chỉ thấy lờ mờ một chút ánh sáng, không phân rõ màu sắc, như có bệnh nhân mắt hỏng chỉ thấy chút le lói, không phân biệt được màu. Hứa Do khéo nói, chúng ta muốn học cách nói năng thì phải học những người như thế này, ông ấy đang mắng người mà mắng không hề văng tục. Ông bảo: kẻ mù thì đành chịu, đã bảo cho ông rồi, cái đầu óc này của ông không sáng.

Ý Nhi Tử viết: Phù Vô Trang chi thất kỳ mỹ, Cứ Lương chi thất kỳ lực, Hoàng Đế chi vong kỳ tri, giai tại lư chùy chi gian nhĩ.

Ý Nhi Tử thưa: Như Vô Trang mất vẻ đẹp của mình, Cứ Lương mất sức mạnh của mình, Hoàng Đế mất cái biết của mình, đều ở trong khoảng lò búa mà thôi.

"Vô Trang" là mỹ nhân tuyệt sắc thời xưa, về sau tuổi già, vẻ đẹp mất đi; "Cứ Lương" là dũng sĩ thời xưa, tới một tuổi nào đó, thể năng đến giới hạn, ngôi vô địch quyền anh liền sụp đổ; Hoàng Đế là vị lão tổ chung của chúng ta, trí tuệ cao nhất, **"Hoàng Đế chi vong kỳ tri"** (Hoàng Đế mất cái biết của mình), tuổi già sức yếu, trí tuệ cũng không còn. Ba con người ấy, kẻ đẹp thì cái đẹp không còn; kẻ mạnh thì sức mạnh không còn; kẻ trí thì trí tuệ không còn, ba thứ ấy đều là những thứ trọng yếu nhất của đời người. Người đẹp có thể làm người ta chết mê chết mệt; kẻ có sức có thể khống chế người; cái đẹp khiến người ta yêu, sức mạnh khiến người ta sợ, trí tuệ khiến người ta mê muội, ba thứ ấy cũng là những thứ không thể thiếu để anh hùng lập nghiệp.

Nhưng một người có sở trường, cuối cùng lại đánh mất, ấy mới đáng thương làm sao! Vì sao lại mất? **"Giai tại lư chùy chi gian"** (đều ở trong khoảng lò búa), như một khối sắt, nung trong lò rồi gắp ra lấy búa sắt mà đập, ấy là **"lư chùy"** (炉捶 - lò và búa). Hai chữ lư chùy này tiêu biểu cho việc đời rèn giũa nhiều quá thì làm hỏng cái thuần khiết của thiên tính; cho nên tuổi càng lớn, càng xa đạo, bởi mảnh đất lòng vốn sạch nay không còn sạch nữa; học vấn càng giỏi, tri thức càng nhiều, lại càng không thể đắc đạo, bởi trong lòng không sạch, thứ tạp nhạp quá nhiều. Hai chữ lư chùy người đời sau thường dùng, về sau các vị đọc sách xưa, hễ thấy nhắc đến đạo lý lư chùy thì biết là xuất từ Trang Tử. Nó tiêu biểu cho việc đời mài giũa quá nhiều, trí tuệ ngây thơ ban đầu tự nhiên hao mòn, còn lại chỉ là cặn bã hậu thiên, cho nên học đạo càng lúc càng khó, càng lúc càng xa.

Dung cự tri phù tạo vật giả chi bất tức ngã kình nhi bổ ngã nghị, sử ngã thừa thành dĩ tùy tiên sinh da?

Há lại biết đâu kẻ tạo vật chẳng xóa vết xăm của tôi mà vá lại mũi cho tôi, khiến tôi thừa cái nên mà theo tiên sinh chăng?

Cho nên trời đất rất công bằng, cho chúng ta một sinh mệnh, cho chúng ta một cái đầu óc thuần khiết, một mảnh đất lòng sạch sẽ, nhưng lại còn tạo thêm cho chúng ta biết bao hoàn cảnh ngoài sinh mệnh để mài giũa chúng ta. Khác nào một khối sắt cứng, phải qua nhiều lần búa rèn; kết quả, như trên mặt chúng ta bị xăm chữ, mũi cũng bị cắt, khiến chính mình rất bi ai.

Đạo lý này là thế nào? Như đời người chúng ta, các bạn trẻ không làm sao hiểu nổi, bởi tôi cũng từng như các bạn, cũng từng trẻ mà đi tới. Hồi tôi mười bảy mười tám tuổi, người ta hỏi bao nhiêu tuổi, tôi nói hai mươi chín. Hai mươi

mốt tuổi đã ra đời làm việc, ai hỏi tôi cũng nói mình đã bốn mươi lăm rồi; lại còn để râu nữa. Bây giờ thì ngày nào cũng cạo, hận không thể một ngày cạo bảy tám lần mới vừa lòng! Càng trẻ càng muốn giả làm già, thích xem tướng đoán mệnh; người xem tướng đoán mệnh cho tôi rất nhiều, hồi ấy tôi cũng tự thấy mình tiền đồ vô lượng, hậu đồ vô cùng. Có người bạn nói, tương lai ông đến vận mắt thế nào, đến trung niên bốn mươi mấy đi vận mũi lại thế nào; chà, tôi nói thôi thì thế này, tôi đem cái mũi cầm cho ông, cầm ít tiền thôi, đến vận mũi tôi không cần nữa, cho ông hết.

Xem tướng đoán mệnh không đáng tin đâu! Đại trượng phu có thể tạo mệnh, đừng nghe bộ ấy! Người trẻ có nhiều người bày những trò ấy, tôi một đời chơi những thứ ấy, tự mình cũng học, học xong rồi thì không xem nữa, nào tướng nào mệnh, người không thể trông mặt mà bắt hình dong, các vị đừng tin, không có chuyện ấy đâu. Nhất là các cô gái tìm chồng, ngàn vạn lần đừng tin bộ ấy, tin bộ ấy không biết bao nhiêu người đã mắc lừa. Bây giờ nói đến đạo lý này, kể chuyện con người lúc trẻ thấy tiền đồ vô lượng, hậu đồ vô cùng, đến trung niên lòng dần dần nguội đi, đến tuổi già càng nghĩ càng buồn.

Thật ra ấy là chưa nhìn thấu, ấy chính là lời của Trang Tử ở đây, trời cao, Thượng Đế, Bồ Tát tùy các vị gọi là gì, đằng nào cũng cho ông tuổi già, tinh lực không đủ, từ xinh đẹp biến thành già nua xấu xí, xấu xí lại vừa hay để nghỉ ngơi! Để cho mắt người khác cũng được nghỉ ngơi thêm, mình cũng được ngủ thêm, có phải không? Già rồi, người ta coi thường, ta lại đang lười phải tiếp đãi giao tế với họ! Người này tới thăm, người kia tới thăm, người nước ngoài cũng tới, nào là danh đầy thiên hạ! Tôi nói cái thiên hạ của tôi chỉ lớn ngần ấy, tôi cũng chưa từng ra khỏi thiên hạ ấy! Những thứ ấy đừng nghe.

Trời khiến ông già, là để ông nghỉ đấy! Để mắt ông hoa lên không thấy, cũng chẳng cần đeo kính, vừa hay nằm xuống ngủ, sách cũng không đọc, ông chỉ cần nghĩ như thế, con người liền hợp với đạo rồi! Đã cho ông đẹp đẽ rồi, cũng đã nổi danh rồi, bây giờ cũng nên để người khác đẹp đẽ với; mãi để ông đẹp, người khác thì làm sao? Chỉ cần nghĩ như vậy, ông liền đắc đạo, liền thông rồi. **"Sử ngã thừa thành dĩ tùy tiên sinh da?"** (khiến tôi thừa cái nên mà theo tiên sinh chăng?), hình phạt tôi chịu có lẽ chính là cơ hội tạo vật cho tôi học đạo, mới được gặp tiên sinh đây.

Hứa Do viết: Y! Vị khả tri dã.
Hứa Do nói: Chà! Chưa thể biết được.

Ngã vị nhữ ngôn kỳ đại lược.
Ta vì ông mà nói đại lược của nó.

Ngô sư hồ! Ngô sư hồ!
Thầy ta ôi! Thầy ta ôi!

Tê vạn vật nhi bất vi nghĩa,
Nhào nặn vạn vật mà chẳng cho là nghĩa,

trạch cập vạn thế nhi bất vi nhân,
ơn thấm đến muôn đời mà chẳng cho là nhân,

trưởng ư thượng cổ nhi bất vi lão,
lớn hơn thượng cổ mà chẳng cho là già,

phúc tải thiên địa khắc điêu chúng hình nhi bất vi xảo.
che chở cõng mang trời đất, chạm khắc muôn hình mà chẳng cho là khéo.

Thử sở du dĩ.

Ấy là chỗ ngao du vậy.

Hứa Do nói, ta chưa chắc ý nghĩ của ông có đúng hay không, nhưng bây giờ ta giảng cho ông một chút đại lược của đạo. "Ngô sư hồ! Ngô sư hồ!" Chữ thầy này không phải chỉ một người, mà là nói cái đạo, **"sư pháp ư đạo"** (lấy đạo làm thầy mà noi theo) là đạo, nhưng cũng có thể đại diện cho một người. Ví như nhà Phật gọi là Như Lai, Đạo gia gọi là Thái Thượng, nếu không thì lại là Quảng Thành Tử; có người tên Quảng Thành Tử ấy hay không thì không biết, nhưng trong *Thần Tiên truyện* có, là thầy của Hoàng Đế, truyền đạo cho Hoàng Đế. Thực có người ấy hay không, đừng bận tâm nữa. Trong *Phong thần bảng* có vị thần tiên ấy, nói ông biết đánh **"phiên thiên ấn"** (ấn lật trời), trong tay có một cái ấn, đánh ra một cái là vũ trụ trời đất đều mất, thành trời long đất lở, đạo lý ấy thì đúng, chính là tâm ấn.

Quảng Thành Tử, xem tên ông thì hiểu, muốn đắc đạo cuối cùng là không cần học vấn, không cần tri thức, có tri thức thì có nhiễm ô. Nhưng khi ông chưa đắc đạo, cái gì cũng phải biết, phải **"quảng thành"** (广成 - thành tựu rộng khắp) rồi sau, biến thành không hay không biết gì nữa, bấy giờ mới đắc đạo. Cái thầy mà Hứa Do nói là chỉ Quảng Thành Tử, hay là nói Thái Thượng, thì cũng không cần câu nệ. Ông nói cái thầy của ta ấy, "tê vạn vật nhi bất vi nghĩa", chữ **"tê"** (蘮 - ướp, dầm, nhào trộn) chính là **"tí"** (渍 - ướp), đem hết thảy vo tròn lại với nhau, như món kim chi của Hàn Quốc gọi là tí thái (rau ướp), **"tê vạn vật nhi bất vi nghĩa"** (nhào nặn vạn vật mà chẳng cho là nghĩa), vạn vật đều do thầy ấy tạo ra, tạo rồi thì thôi, cũng chẳng tự cho mình là nhân nghĩa ghê gớm, hay là nghệ thuật, mà coi là việc nên làm.

"Trạch cập vạn thế nhi bất vi nhân" (ơn thấm đến muôn đời mà chẳng cho là nhân), cái thầy ấy, cái đạo ấy, ngàn thu muôn đời đều nhờ nó, muôn vật mới được sinh mệnh, mà thầy chẳng tự thấy mình có nhân hay không, có từ bi hay không! Những thứ ấy đều do các ông gọi, thầy chỉ thấy là nên cho ra; đã tạo ra trời đất muôn vật, tạo rồi thì thôi, cho nên **"trưởng ư thượng cổ nhi bất vi lão"** (lớn hơn thượng cổ mà chẳng cho là già), cái trời đất này chưa mở ra trước, cái đạo này đã tồn tại rồi, thầy cũng chẳng già, cũng chẳng trẻ, vĩnh viễn là như thế. **"Phúc tải thiên địa"** (che chở cõng mang trời đất), cái trời đất này đều do thầy tạo nên, **"khắc điêu chúng hình nhi bất vi xảo"** (chạm khắc muôn hình mà chẳng cho là khéo), muôn vật đều do thầy tạo, cỏ xanh như thế, cây biếc như thế. Tạo ra con người chúng ta, có nam có nữ, có da trắng da đỏ da đen, đủ các màu da, đều có mũi có mắt, lại mỗi người mỗi khác. Bản lĩnh lớn nhường ấy, thầy chưa hề tự thấy mình kỹ thuật cao minh, hay là một nghệ sĩ, đến ngày nào mở triển lãm, mời các vị tới xem. **"Thử sở du dĩ"** (ấy là chỗ ngao du vậy), ông nói ông muốn hiểu đạo thì phải vượt lên cảnh giới ấy, cái đạo chính là thứ ấy.

Cho nên về sau đến thời Nam Bắc triều, có một vị đại sư Thiền tông là Phó Đại Sĩ, ông bèn đem cái đạo này, tóm gọn bằng ý nghĩa của Lão Tử, Trang Tử, làm thành một bài thơ:

Hữu vật tiên thiên địa, vô hình bản tịch liêu. (Có vật trước trời đất, không hình vốn lặng không.)

Năng vi vạn tượng chủ, bất trục tứ thời điêu. (Hay làm chủ muôn tượng, chẳng theo bốn mùa tàn.)

"Hữu vật tiên thiên địa" (có vật trước trời đất), có một thứ, ấy là đạo, trời đất vũ trụ chưa mở ra trước đã tồn tại. **"Vô hình bản tịch liêu"** (không hình vốn lặng không), nó không hình không tướng, vốn trống không lặng lẽ. **"Năng vi vạn tượng chủ"** (hay làm chủ muôn tượng), tạo tác muôn vật, làm chủ tể của muôn loài. **"Bất trục tứ thời điêu"** (chẳng theo bốn mùa tàn), nó không theo khí hậu mà có sinh tử tồn vong. Đó là tổng hợp ý nghĩa Trang Tử vừa nói. Nói đến đây, đã giảng cái đạo lớn nhường ấy, vậy làm sao đắc đạo? Khổng Tử và Nhan Hồi lại có cuộc đối thoại.

Thành tựu tu hành của Nhan Hồi

Nhan Hồi viết: Hồi ích hĩ.

Nhan Hồi thưa: Con đã tiến rồi.

Trọng Ni viết: Hà vị dã?

Trọng Ni hỏi: Nghĩa là sao?

Viết: Hồi vong nhân nghĩa hĩ.

Thưa: Con đã quên nhân nghĩa.

Viết: Khả hĩ, do vị dã.

Ngài nói: Khá rồi, nhưng vẫn chưa trọn.

Nhan Hồi nghe đến đây thì thưa: "Hồi ích hĩ", thưa thầy con đã hiểu đạo, đã biết cách tu rồi, con đã tiến bộ. Khổng Tử nói: ồ, con đã hiểu đạo, đã tiến bộ sao? "Hà vị dã?" Con hãy trình bày chỗ đắc của mình xem. Nhan Hồi thưa: "Hồi vong nhân nghĩa hĩ", nay trong lòng con đã buông xuống, nào văn hóa, nào nghệ thuật, nào học vấn, nào văn chương, nào nhân nghĩa đạo đức, thảy đều buông, trong lòng chẳng còn gì, đã vào đạo. Khổng Tử nghe xong nói: "Khả hĩ, do vị dã", con mới buông được một phần, mới buông được nhân nghĩa đạo đức, vẫn chưa trọn, mới vừa vào cửa. Cũng như các vị tu đạo, có lúc mèo mù vớ phải chuột chết, trong lòng bỗng trống không một lát, tưởng mình đã ngộ; chữ ngộ ấy là lỡ dịp, chữ ngộ của chậm trễ, chẳng phải ngộ chân thật. So với Nhan Hồi, còn kém một bậc, bởi Nhan Hồi là thật sự buông được nhân nghĩa. Khổng Tử bảo: được rồi, vẫn chưa trọn. Nhan Hồi nghe thầy chê chưa trọn, lại đi dụng công ngồi thiền.

Tha nhật, phục kiến, viết: Hồi ích hĩ.

Hôm khác, lại đến gặp, thưa: Con lại tiến rồi.

Viết: Hà vị dã?

Hỏi: Nghĩa là sao?

Viết: Hồi vong lễ nhạc hĩ.

Thưa: Con đã quên lễ nhạc.

Viết: Khả hĩ, do vị dã.

Nói: Khá rồi, nhưng vẫn chưa trọn.

Chẳng biết qua mấy ngày, Nhan Hồi lại đến gặp Khổng Tử, thưa: "Hồi ích hĩ", thưa thầy con thật đã hiểu đạo, đã tiến bộ. Khổng Tử bảo: con hãy nói xem, trình lại một chút. Nhan Hồi thưa: "Hồi vong lễ nhạc hĩ", con lại buông thêm một tầng, trong đầu bao nhiêu tinh thần văn hóa, quan niệm truyền thống của văn hóa Trung Hoa, cả mớ lôm côm ấy đều quẳng sạch, chẳng còn gì, đã buông, buông chính là đạo. Khổng Tử nói: "Khả hĩ", được rồi, "do vị dã", vẫn chưa trọn.

Tha nhật, phục kiến, viết: Hồi ích hĩ.

Hôm khác, lại đến gặp, thưa: Con lại tiến rồi.

Viết: Hà vị dã?

Hỏi: Nghĩa là sao?

Viết: Hồi tọa vong hĩ.

Thưa: Con đã ngồi mà quên.

Trọng Ni xúc nhiên viết: Hà vị tọa vong?

Trọng Ni giật mình hỏi: Thế nào gọi là ngồi mà quên?

Nhan Hồi nghe thầy nói vậy lại về nhà ngồi thiền, có phải thật về ngồi thiền hay không thì không biết, ấy là tôi thêm vào. Có một hôm lại đến gặp Khổng Tử. Lần này, các vị để ý, đã qua ba cửa, giống như Thiền tông nói qua ba ải. "Hồi ích hĩ", con đã ngộ đạo, lần này không phải chữ ngộ của lỡ dịp. Khổng Tử hỏi: nói thế nào? Nhan Hồi thưa: "Hồi tọa vong hĩ", cái gì cũng buông xuống. Các vị ngồi thiền phải làm cho được như thế, **"tọa vong"** (坐忘 - ngồi mà quên), cũng chẳng biết mình đang ngồi đây, cũng không có ta, không có thân, không có người, không có thời gian, không có không gian, cái gì cũng không, trời đất thảy đều buông; ngay cả cái buông ấy cũng phải buông! Chứ không phải ngồi trơ ra một đống như thi chạy đường trường mà gồng mình chịu đựng.

Xem các vị ngồi thiền ở đây, có người hai tay khoanh lại, chẳng biết để làm gì, trông như thi đấu vật, bảo là kết thủ ấn; kết thủ ấn rồi thì không sợ ma, không sợ quỷ. Chẳng biết làm những trò gì, đều không phải đạo! Đạo chân thật phải là tọa vong, phải buông thật sự, thời gian, không gian, thân thể đều không, càng phải quên bẵng hai cái chân. Khổng Tử nghe Nhan Hồi nói "tọa vong", bèn "xúc nhiên", người xưa thời Khổng Tử ngồi trên chiếu, quỳ trên hai chân, Khổng Tử nghe vậy vốn đang ngồi trên hai chân, bỗng nhổm đầu gối đứng bật dậy hỏi Nhan Hồi: ông nói gì? "Hà vị tọa vong?" Ông nói xem, thế nào gọi là ngồi mà quên?

Nhan Hồi viết: Đọa chi thể,

Nhan Hồi thưa: Rụng bỏ thân thể,

truất thông minh,

gạt bỏ lanh lợi,

ly hình khứ tri,

lìa hình bỏ trí,

đồng ư đại thông,

đồng với chỗ thông lớn,

thử vị tọa vong.

ấy gọi là ngồi mà quên.

Các vị học Thiền tông cũng được, học tông nào cũng được, học cả cái "tông" của bánh ú tết Đoan Ngọ (粽, đồng âm với 宗) cũng được, phải nhớ công phu phải làm cho được như thế mới xong. "Đọa chi thể", thân thể không còn, không còn cảm giác; có người ngồi thiền ngồi khá, thưa thầy hôm nay khí đã thông, hai tay kết ấn dường như không tách ra được. Ông đã biết là không tách được thì đủ thấy vẫn còn cảm giác về thân, cần gì phải đến báo cáo! Ông nói, nay con hình như hai chân tê rồi, cũng không đau, nhưng vẫn biết mình còn hai chân, đủ thấy chưa "đọa chi thể". "Truất thông minh", không còn tư tưởng, không còn vọng niệm, không còn tạp niệm; nhưng không phải là không biết, cái gì cũng biết; biết rằng không có tư tưởng, không có vọng niệm. "Ly hình", không còn hình thể, "khứ tri", cũng không còn trí khôn, nếu còn gọi là trí tuệ thì đã sai rồi. Có người phía trước còn thấy một quầng sáng, cần gì phải thấy sáng ấy? Dùng một bóng đèn là đã sáng rồi, quầng sáng ấy có gì lạ! Ấy là khí huyết bên trong thông qua dây thần kinh sau óc, chỗ sắp thông mà chưa thông nên sinh ma sát mà hiện ra, đó không phải đạo! Phải làm cho rõ! Thành thật nói

với các vị, có lúc dỗ các vị, hay lắm hay lắm! Sáng rồi sáng rồi! Ông cứ đi mà sáng, có ích gì! Những thứ ấy đều không phải, cho nên phải "ly hình khứ tri".

"Đồng ư đại thông", cùng trời đất hợp làm một, thế nào là đại thông? Hư không là đại thông, bốn bề thông suốt; ông đến chỗ không còn thân, không còn trí, nhưng mọi sự đều rõ, còn rõ hơn lúc bình thường tỉnh táo, ấy mới là đại thông. Nay chúng ta chỉ rõ được quanh tầng lầu này, hoặc đêm khuya yên tĩnh, chỉ biết chừng quanh khu Đông Môn này, đó không phải "đồng ư đại thông". Phải ngồi cho thật đến mức tọa vong, việc của cả Đài Bắc, cả Đài Loan ông đều biết, mới là đại thông đến thế, mới gọi là "tọa vong".

Có điều lời này của tôi là ví dụ thôi! Ông đừng sau khi tọa vong rồi lại nói việc Đài Loan con còn chưa biết! Thế thì đã không còn "truất thông minh", phải gạt bỏ những thứ lanh lợi ấy, ấy là ví cho ông nghe. Cho nên nói "đồng ư đại thông, thử vị tọa vong". Xem Trang Tử viết văn hay biết bao! Lời lẽ như thế quyết không thốt ra từ miệng Khổng Tử, Khổng Tử nói thì không còn giá trị, Khổng Tử dùng cách dồn ép để dạy học trò; phép dạy của ông là cứ dồn, cứ dồn, quyết không nói toạc ra, dồn đến như thế, Nhan Hồi tự mình xông cửa, Nhan Hồi tự miệng báo cáo, Khổng Tử ấn chứng cho.

Trọng Ni viết: Đồng tắc vô hảo dã,
Trọng Ni nói: Đã đồng thì không còn ưa ghét,

hóa tắc vô thường dã.
đã hóa thì không còn thường trụ.

Nhi quả kỳ hiền hồ!
Quả thật ông đã là bậc hiền rồi!

Khâu dã thỉnh tòng nhi hậu dã.
Ta xin theo sau ông vậy.

Xem Khổng Tử vĩ đại nhường nào! Ông nói ông đến cảnh giới ấy, "đồng tắc vô hảo dã", nếu đã đồng với hư không làm một, cùng vũ trụ hợp làm một thì không còn phải trái thiện ác, cũng không còn tốt xấu, đã đại thông rồi! Đến cảnh giới ấy gọi là "tọa vong", cũng có thể gọi là "tọa hóa".

Cho nên về sau phép **"tọa hóa"** (坐化 - ngồi mà hóa) của nhà Phật có hai cách nói. Một là bậc A la hán đắc đạo, khi sắp đi, tự mình tuyên bố đã chết, hẹn ngày ra đi, chào từ biệt, rồi ngồi ngay đó, chẳng cần nhà đòn giúp, tự mình nhập định, sức nóng tam muội chân hỏa vừa động, cũng chẳng cần củi, thân thể hóa thành một làn sáng rồi không còn; chẳng để lại cho ông xá lợi, xá lợi con cũng không lưu; vui thì để lại vài cái móng tay làm kỷ niệm, ngoài ra chẳng có gì, ấy gọi là tọa hóa. Thứ nữa gọi là tọa hóa, là ngồi ngay đó, nhục thân vẫn còn, cũng gọi là tọa hóa. Lại một thứ tọa hóa nữa chính là ngồi thiền đạt đến tọa vong, thân thể không còn, "đọa chi thể, truất thông minh, ly hình khứ tri, đồng ư đại thông" cũng tức là "tọa hóa". Ấy là ba thứ tọa hóa.

"Hóa tắc vô thường dã", chữ **"vô thường"** (无常 - không thường trụ) mà Phật học dịch cũng là mượn của Trang Tử, Phật môn chúng ta thật nợ Trang Tử rất nhiều. Cho nên người họ Trang đến chùa ăn cơm quyết không phải trả tiền, bởi trong Phật học mượn của ông quá nhiều danh từ (mọi người cười). Câu "hóa tắc vô thường dã", nghĩa là biết biến hóa, muôn biến đều vô thường. "Nhi quả kỳ hiền hồ!" Khổng Tử nói: Nhan Hồi ạ, con đã đắc đạo rồi! Nói thật, con còn cao hơn ta! "Khâu dã thỉnh tòng nhi hậu dã", sau này ta phải theo con thôi! Khổng Tử khiêm nhường biết bao! Cú đánh khiêm nhường này giáng xuống, rất đau đấy! Cho nên Nhan Hồi đắc đạo rồi không dám kiêu ngạo. Ấy chính là

phép dạy của Khổng Tử, ông nói ta còn không bằng con! "Thỉnh tòng nhi hậu dã", sau này con ngồi trên, ta đứng bên, theo sau con.

Đến đây chúng ta đã thấy rồi đó! Thiên *Đại Tông Sư* đến chỗ này, những điểm then chốt, nào bậc thánh có tài gì, nào đạo của bậc thánh là gì, tu đến cảnh giới nào mới là đạo của bậc thánh, thảy đều nói cho ông; ông đừng đi tu thêm Mật tông nào khác, Mật tông ở đây đã nói hết cho ông rồi. Còn như làm thế nào cho đạt được? Ta không có cách, Trang Tử cũng không có cách, phải tự ông đi thể nghiệm. Sao gọi là đọa chi thể? Tuyệt đối đừng cầm dao cắt bỏ chi thể! Phải do công phu mà đạt; nói cách khác cho các vị rõ, vì sao các vị không làm được? Người thường ngồi thiền tu đạo không làm được, phạm một lỗi là dùng lanh lợi! Thảy đều ở đó mà dùng lanh lợi, cho nên không đắc đạo; lanh lợi là thứ xấu nhất để tu đạo. Nay Khổng Tử và Nhan Hồi hai người diễn một màn kịch, bộ phim truyền hình này xuất hiện, đắc đạo, cảnh giới cuối cùng là như thế, đến cảnh giới tu dưỡng ấy mới đủ gọi là Đại Tông Sư, ấy là một kết luận như vậy. Dưới đó còn một cái đuôi nữa, làm Đại Tông Sư rồi thì càng phải liễu sinh tử, trọng điểm đều ở chỗ liễu sinh tử.

Ai là Đại Tông Sư

Tử Dư dữ Tử Tang hữu,
Tử Dư và Tử Tang là bạn bè,

nhi lâm vũ thập nhật.
trời mưa dầm mười ngày.

Tử Dư viết: Tử Tang đãi bệnh hĩ!
Tử Dư nói: Tử Tang sắp bệnh mất!

Quả phạn nhi vãng thực chi.
Bèn gói cơm mang đến cho ăn.

Tử Dư và Tử Tang, hai người là bạn. "Nhi lâm vũ thập nhật", mùa hạ mưa lớn, nước dâng rất cao, như trận mưa lớn mùa hè ở Đài Bắc, nước dâng lên là đường cũng không qua được. Mưa liên tục mười ngày. Tử Dư chợt nghĩ, hỏng rồi, người bạn thân của ta xong rồi, trong nhà không có gì ăn, bị nước vây khốn, biết làm sao? Mau mang một hộp cơm, trước hết cứu mạng ông bạn.

Chí Tử Tang chi môn, tắc nhược ca nhược khốc,
Đến cửa nhà Tử Tang, thì như ca như khóc,

cổ cầm viết: Phụ da! Mẫu da! Thiên hồ! Nhân hồ!
gảy đàn mà rằng: Cha ư! Mẹ ư! Trời ư! Người ư!

Hữu bất nhậm kỳ thanh nhi xu cử kỳ thi yên.
Có tiếng chẳng kham nổi mà vẫn gượng cất lời thơ.

Đến cửa nhà Tử Tang, Tử Dư thấy ông bạn Tử Tang ở bên trong, đại khái đói đến không còn sức, tuy đang ca mà nghe rất khó nghe, lại như khóc. Bảo ông khóc thì lại như đang ca; một mặt vẫn đang gảy đàn! Ông nói: là lỗi của mẹ chăng? Là lỗi của cha chăng? Vì sao sinh ra ta? Hay là lỗi của trời sinh ra ta? Hay là lỗi của người? "Hữu bất nhậm kỳ thanh", tiếng ấy thốt không ra, không thành điệu, tuy đang hát mà hát lên còn khó nghe hơn khóc. "Nhi xu cử kỳ thi yên", nhưng miệng vẫn không ngừng ngâm bài thơ ấy.

Tử Dư nhập, viết: Tử chi ca thi, hà cố nhược thị?

Tử Dư vào, nói: Tiếng ca thơ của ông, vì sao đến nỗi như thế?

Thế nên Tử Dư vội đi vào, tay cầm một hộp cơm, kịch bản truyền hình chính là diễn như thế. Ông nói: này ông bạn, ông còn sức ca hát làm thơ nữa sao! Nhưng sao tiếng của ông lại đến nỗi này? Ông đã không còn tiếng, không còn hơi nữa.

Viết: Ngô tư phù sử ngã chí thử cực giả, nhi phất đắc dã.

Đáp: Ta nghĩ kẻ khiến ta đến cùng cực này, mà không tìm ra.

Phụ mẫu khởi dục ngô bần tai?

Cha mẹ há muốn ta nghèo sao?

Thiên vô tư phúc, địa vô tư tải,

Trời không riêng che, đất không riêng chở,

thiên địa khởi tư bần ngã tai?

trời đất há riêng làm ta nghèo sao?

Cầu kỳ vi chi giả nhi bất đắc dã.

Tìm kẻ làm ra nó mà không được.

Nhiên nhi chí thử cực giả, mệnh dã phù!

Thế mà đến nỗi cùng cực này, ấy là mệnh vậy!

Mấy câu này là vấn đề của mọi người. Tử Tang nói: này ông bạn ông đến rồi, ta đã nghĩ mười ngày, ta tham không thấu, vì sao ta lại phải đói? Sinh mệnh cho ta thông minh, cho ta bản lĩnh, cho ta học vấn, cho ta năng lực, nhưng ta đi đâu cũng đụng tường, đâu đâu cũng là tấm bảng ghi đường này không thông; vận may không tốt, khiến mình đói ăn, khiến mình hơi tàn sức kiệt, sắp chết đến nơi. "Ngô tư phù sử ngã chí thử cực giả", ta suy nghĩ rất lâu, có phải Thượng Đế làm chủ chăng? Có Thượng Đế chăng? Thật có vận mệnh chăng? Hay là cha mẹ? Ai cho ta sinh mệnh này? Ai cũng có sinh mệnh, ông cũng có mệnh, ta cũng có mệnh, vì sao gặp gỡ mỗi người lại khác nhau như thế? Ông nói, ta tìm không ra đáp án.

"Phụ mẫu khởi dục ngô bần tai!" Cha mẹ nào lại muốn con cái mình nghèo cả một đời? Đều mong con cái mình được tốt, nhưng lại không làm được. Ông nói Thượng Đế, trời đất muốn người ta như thế sao? "Thiên vô tư phúc, địa vô tư tải", trời không riêng che, đất không riêng chở, trời đất vốn vô tư, rất công bằng! Ông bảo ta không nỗ lực sao? Ta cũng khá nỗ lực, vừa định ra khỏi cửa thì lại gặp mưa dầm, đường không thông, biết làm sao? Trời đất vốn vô tư! Sống trên đời này, vận mệnh con người biết nói thế nào! Cho nên bài văn chúng ta viết "vị thần vận mệnh", vận mệnh không có thần, chính ông là thần, chỉ là tìm không ra.

"Thiên địa khởi tư bần ngã tai? Cầu kỳ vi chi giả nhi bất đắc dã", ai có thể tạo ra vận mệnh ấy? Vận mệnh mỗi người khác nhau, ai đang làm chủ? Ông nói có Thượng Đế chăng? Vận mệnh của Thượng Đế lại do ai cho? Muốn tìm kẻ làm chủ vận mệnh của ta, nhưng tìm không được! "Nhiên nhi chí thử cực giả", hôm nay rốt cuộc đã đói đến cùng cực, "mệnh dã phù", tìm không ra đáp án, chỉ có một đáp án thay thế gọi là mệnh. Mệnh là một danh từ thay thế, ông đừng nghe chữ mệnh liền vội đi xem bát tự, không phải cái mệnh ấy! Đây là đại mệnh của vũ trụ, là một quy luật tự nhiên. Chúng ta xem thiên *Đại Tông Sư* lấy mệnh cuối cùng làm kết luận, trước hết phải quay lại xem lời mở đầu của

thiên. Mở đầu nói: **"Tri thiên chi sở vi, tri nhân chi sở vi giả, chí hĩ. Tri thiên chi sở vi giả, thiên nhi sinh dã; tri nhân chi sở vi giả, dĩ kỳ tri chi sở tri, dĩ dưỡng kỳ tri chi sở bất tri, chung kỳ thiên niên nhi bất trung đạo yểu giả, thị tri chi thịnh dã."** (Biết việc trời làm, biết việc người làm, ấy là đạt đến tột cùng. Biết việc trời làm là thuận trời mà sống; biết việc người làm là lấy cái biết của mình đã biết để nuôi cái biết của mình chưa biết, trọn hết tuổi trời mà không chết yểu giữa đường, ấy là cái thịnh của tri thức.)

Vận mệnh không phải không thể biết, mệnh này là căn bản của sinh mệnh, cũng như nhà Phật nói, vũ trụ có gà trước hay trứng trước? Cái căn bản của sinh mệnh ấy, không phải không thể biết. Làm sao mà biết? Chỉ người đắc đạo, người được gọi là Đại Tông Sư mới biết. Một người tự xưng là đại sư, hoặc tự xưng là tông sư, nếu ngay cả đạo lý này cũng không biết thì đó cũng là mệnh! Đành coi như số mệnh của ông ta là phải tự xưng là đại sư, cứ để ông ta lớn lối đi! Muốn làm bậc đại sư, bậc tông sư, nào pháp sư, nào lão sư, thì phải thấu mấy câu mở đầu của *Đại Tông Sư*; cho nên ông đối chiếu trước sau thì sẽ rõ. Câu "mệnh dã phù" này rất hóm hỉnh, là một danh từ thay thế hóm hỉnh; *Đại Tông Sư* đến đây vừa khéo kết thúc, dưới đó chính là *Ứng Đế Vương*, Đại Tông Sư sắp bước vào đời.

Thiên 7: Ứng Đế Vương (應帝王)

Tận kỳ sở thụ hồ thiên,

Hãy sống trọn vẹn những gì trời trao,

nhi vô kiến đắc, diệc hư nhi dĩ,

mà chẳng thấy mình được gì, cũng chỉ là hư không thôi;

chí nhân chi dụng tâm nhược kính,

bậc chí nhân dùng tâm như gương,

bất tương bất nghinh, ứng nhi bất tàng,

chẳng tiễn chẳng đón, ứng mà chẳng chứa,

cố năng thắng vật nhi bất thương.

cho nên thắng được muôn vật mà chẳng làm tổn thương.

Ứng Đế Vương là thiên cuối cùng trong nội thiên của Trang Tử. Bảy thiên nội thiên ấy là một chuỗi liền mạch, có tính liên quán: từ thiên thứ nhất *Tiêu Dao Du* bàn chuyện giải thoát thế nào, đến chuyện làm sao ngộ đạo, tu đạo, rồi tới *Đại Tông Sư*; từ chỗ đắc đạo đã hoàn thành, vừa có thể xuất thế, lại vừa có thể nhập thế. Đương nhiên trọng điểm nghiêng về xuất thế, nghiêng về đạo hình nhi thượng; nhưng cái dụng của nó lại nghiêng về nhập thế, đó chính là chỗ khác nhau giữa Đạo gia và Nho gia. Thiên này giảng *Ứng Đế Vương*; chữ ứng ở đây chẳng phải nghĩa ứng đối. Đế vương tiêu biểu cho bậc thánh nhân trị đời; đây là văn hóa cũ của Trung Hoa, là quan niệm cổ xưa nhất thời thượng cổ, cho rằng người đủ sức lãnh đạo quốc gia thiên hạ thì phải là kẻ sĩ có đạo mới được. Chỉ kẻ sĩ có đạo mới có thể nhập thế ứng thế, trở thành bậc đế vương tề gia trị quốc bình thiên hạ; điều này có một tư tưởng giống với nhà Phật.

Chúng ta thường cho rằng học Phật ắt phải nghiêng về xuất thế; nhưng trọng điểm của Phật pháp đại thừa chân chính lại là chú trọng nhập thế, cho nên mới chú trọng chuyển luân thánh vương. Chuyển luân thánh vương nghĩa là bậc minh vương trị đời có thể xoay chuyển càn khôn, cũng ngang với Phật vậy. Chuyển luân thánh vương là bậc hiếm có trên đời, mấy nghìn năm mấy trăm năm mới **"nhi hậu vương giả hưng"** (rồi sau bậc vương giả mới dấy lên), chẳng phải lúc nào cũng có. Cho nên Phật nói, phải là bồ tát thập địa mới làm nổi chuyển luân thánh vương, tức là người đã thành Phật chuyển sinh nhập thế mới làm được bậc minh vương trị đời. Cũng có một câu tương tự: đại ma vương cũng phải từ bồ tát thập địa trở lên mới hóa thân làm đại ma vương được; đó là lối giáo hóa nghịch, còn chuyển luân thánh vương là lối giáo dục thuận. Quan niệm này trong Phật học thường bị người ta xem nhẹ, vì thế cứ tưởng Phật học hoàn toàn là xuất thế, đó là quan niệm sai lầm. Cũng vậy, tư tưởng Đạo gia cũng có đạo lý tương thông; nhất là bảy thiên nội thiên của Trang Tử, từ thiên thứ nhất *Tiêu Dao Du* đến thiên thứ bảy *Ứng Đế Vương*, là một quan niệm liền mạch.

Đoạn mở đầu thiên *Ứng Đế Vương* này là nói về sự diễn biến của lịch sử văn hóa loài người; quan niệm ấy cũng chính là chỗ chúng ta phải đặc biệt lưu ý khi nghiên cứu lịch sử văn hóa nhân loại, lịch sử tiến hóa xã hội, cùng triết học lịch sử.

Trước thời Nghiêu Thuấn

Niết Khuyết vấn ư Vương Nghê, tứ vấn nhi tứ bất tri.

Niết Khuyết hỏi Vương Nghê, bốn lần hỏi mà bốn lần đều không đáp được.

Văn chương của Trang Tử thường khiến người ta bất ngờ, vượt ngoài dự liệu của mọi người; thiên này lại càng như thế, đột nhiên mở ra bằng chuyện Niết Khuyết hỏi Vương Nghê. Vương Nghê là thầy, Niết Khuyết là học trò, đều là những bậc chân nhân đắc đạo mà người xưa tôn xưng. Về hai người này, trong thiên *Tề Vật Luận* đã từng xuất hiện, nay lại được nhắc tới. Niết Khuyết hỏi những gì? Thật là khéo, trong sách Trang Tử không hề nói, chỉ ghi lại kết quả: bốn lần hỏi mà bốn lần đều không biết.

Điều ấy rất đáng suy ngẫm: vì sao chẳng phải ba lần hỏi ba lần không biết, mà lại là bốn lần hỏi bốn lần không biết? Cái gọi là bốn lần hỏi tượng trưng cho bốn phương, cho cặp đối lập chính phản. Đó chính là một vấn đề logic. Bất cứ sự vật nào, nêu ra một thì đã có hai mặt chính phản, hai mà có chính phản thì thành bốn. Nếu đem lý của *Kinh Dịch* mà nói, Thái Cực sinh Âm Dương, Âm Dương sinh Tứ Tượng, Tứ Tượng sinh Bát Quái, cũng cùng một lẽ. Câu trả lời cho bốn lần hỏi bốn lần không biết ấy, chỗ hay hơn lại nằm ở đoạn sau:

Niết Khuyết nhân dược nhi đại hỉ, hành dĩ cáo Bồ Y Tử.
Niết Khuyết nhân đó nhảy cẫng lên mừng rỡ, chạy đi báo cho Bồ Y Tử.

Vị học trò này thấy thầy chẳng đáp một lời, ngược lại vui mừng khôn xiết, nhảy cẫng lên, vội chạy đi báo cho một bậc đắc đạo tên là Bồ Y Tử. Bồ Y Tử là ai? Là thầy của thầy mình, tức là thầy của Vương Nghê.

Sử sách thượng cổ có ghi, Bồ Y Tử khi mới tám tuổi, vua Thuấn đã chuẩn bị nhường ngôi cho ông, mời ông ra làm hoàng đế. Dĩ nhiên đó đều là bậc anh tài trẻ tuổi! Lịch sử Trung Hoa có mấy vị như thế, như Cam La mười hai tuổi đã làm tướng quốc nước Tần, Bồ Y Tử tám tuổi đã có thể ra làm hoàng đế. Cho nên người trẻ chúng ta rất nên tự hào đôi chút, tiếc rằng nơi đây chưa có ai tám tuổi mà đã nghe hiểu được Trang Tử.

Bồ Y Tử viết: Nhi nãi kim tri chi hồ! Hữu Ngu thị bất cập Thái thị.
Bồ Y Tử nói: Ngươi đến nay mới biết sao! Hữu Ngu thị chẳng bằng Thái thị.

Niết Khuyết chạy tới báo cho Bồ Y Tử, vị sư tổ này vừa nghe liền nói: Ngươi đến nay mới biết sao! Chữ **"nhi"** (而 - ngươi, bạn) ấy chính là chỉ ngươi, Bồ Y Tử nói ngươi đến bây giờ mới hiểu à! Đường Nghiêu, Ngu Thuấn chính là đại diện cho ba đời Hạ Thương Chu, mà chúng ta còn có tư liệu lịch sử để tra cứu. Trước hết, ngay từ thời Khổng Tử, người ta đã không dám động đến sử thượng cổ, bởi theo truyền thuyết xa xưa, văn hóa truyền thống Trung Hoa đã có hơn hai trăm vạn năm. Lịch sử dân tộc Trung Hoa về thời thượng cổ có rất nhiều thuyết, nhiều thần thoại, chẳng dám xác định, vì không có chữ viết ghi chép làm căn cứ; cho nên Khổng Tử tạm cắt đứt lịch sử, việc nghiên cứu thượng cổ là bắt đầu từ Đường Nghiêu.

Đến thời cận đại, văn hóa phương Tây tràn vào, người nước ngoài cố ý hủy hoại văn hóa Trung Hoa, thậm chí ngay học giả Trung Hoa cũng cắt đứt cả ba đời Hạ Thương Chu, cho rằng đều không đáng tin. Cứ như thể lịch sử dân tộc mình càng ngắn càng tiến bộ, tốt nhất chỉ còn hơn một trăm năm mới vẻ vang, thật là chuyện nực cười. Trang Tử ở đây nêu lên, trước ba đời thì Hữu Ngu thị chẳng bằng Thái thị, Thái thị là ai? Chữ **"thái"** (泰) thời xưa viết là **"thái"** (太 - lớn, khởi đầu) như trong Thái Sơ. Như lịch sử Trung Hoa, bất cứ sách cổ nào mở ra, khởi đầu đã chẳng biết là ai, trời đất người gọi là Tam Hoàng, sau Tam Hoàng là Ngũ Đế, sau Tam Hoàng Ngũ Đế, từ Hoàng Đế mới dần có văn hóa, rồi mới đến ba đời.

Vậy một câu Hữu Ngu thị bất cập Thái thị ấy, đại biểu cho tư tưởng gì? Ngày nay chúng ta hay nói thời đại là tiến bộ, đó là lời của người hiện đại, lại là quan niệm từ văn hóa phương Tây đưa sang. Nhưng đứng trên lập trường văn

hóa truyền thống Trung Hoa mà nói, thời đại là thoái bộ, nhân loại là sa đọa, văn minh đời sau chẳng bằng đời trước. Chúng ta làm sao thống nhất hai quan niệm tiến bộ và thoái bộ này? Mâu thuẫn của chúng nằm ở chỗ nào?

Cái gọi là thời đại tiến bộ, là đứng trên lập trường văn minh vật chất mà nói, hình thái xã hội mỗi ngày một tiến, người đời sau tiến hơn người thời nay, hưởng thụ vật chất cũng nhiều hơn. Còn cho rằng thời đại thoái bộ, là đứng trên phương diện văn minh tinh thần mà nói; chẳng riêng Trung Hoa như thế, phương Tây cũng vậy. Muốn nghiên cứu văn hóa phương Tây, ắt phải suy về phương diện tôn giáo. Bất cứ tôn giáo nào cũng cho rằng nhân loại đang sa đọa, dĩ nhiên chẳng phải chỉ từ lúc ăn trái táo mới sa đọa. Ở đây nêu lên Hữu Ngu thị bất cập Thái thị, vì đến thời Đường Nghiêu Ngu Thuấn, xã hội đã suy bại, không còn ra gì nữa.

Từ điểm này có thể thấy, lý tưởng quốc gia thiên hạ quan trọng nhất trong văn hóa dân tộc Trung Hoa là tư tưởng Đại Đồng. Tư tưởng Đại Đồng nằm trong một đoạn của thiên *Lễ Vận* trong *Lễ ký*, là lời Khổng Tử nói. Phải nghiên cứu trọn thiên *Lễ Vận* mới biết Đại Đồng cho rằng nhân loại đang sa đọa, phải quay về xã hội của tổ tiên nguyên sơ thuở trước, xã hội ấy mới là thiên hạ Đại Đồng. Thiên ấy chẳng nói Đại Đồng là mục tiêu để chúng ta nỗ lực vươn tới, mà nói văn hóa Trung Hoa vốn đã từng là một xã hội như thế, một thiên hạ vô cùng ổn định; về sau chính nhân loại tự mình phá hoại xã hội ấy. Cho nên thiên *Lễ Vận* mở đầu kể, Khổng Tử ăn cơm xong, đứng nơi một góc hành lang mà thở dài; một học trò trông thấy liền hỏi, thưa thầy vì sao thở dài? Khổng Tử than, nhân loại đã sa đọa, không còn cách nào quay lại cảnh giới ấy nữa! Thiên *Lễ Vận* nói như thế. Chúng ta đọc đến đây cũng thấy nỗi cảm thán của Khổng Tử thật nhiều, tựa như hương vị trong thơ của từ nhân đời Tống là Tân Giá Hiên miêu tả.

Bão phạn nhàn du nhiễu tiểu khê, khước tương vãng sự tế tầm tư. (ăn no rồi nhàn dạo quanh khe suối nhỏ, lại đem chuyện cũ ra mà tỉ mỉ suy ngẫm)

Hữu thì tư đáo nan tư xứ, phách toái lan can nhân bất tri. (có lúc nghĩ tới chỗ khó nghĩ, vỗ nát cả lan can mà người chẳng hay)

Bài thơ nổi tiếng ấy của ông tiêu biểu cho tâm lý chung của mọi người xưa nay trong và ngoài nước. Người ta có lúc suy nghĩ một vấn đề, nghĩ mãi không thông, vỗ nát lan can mà người ngoài chẳng hay. Vì Bồ Y Tử nhắc tới Thái thị tức Thái Sơ, mới nói đến thế giới Đại Đồng của thiên *Lễ Vận*, Trang Tử trong thiên *Ứng Đế Vương* này trước hết nêu lên vấn đề Hữu Ngu thị bất cập Thái thị.

Vì sao đề xướng nhân nghĩa hiếu từ

Hữu Ngu thị, kỳ do tàng nhân dĩ yêu nhân; diệc đắc nhân hĩ, nhi vị thủy xuất ư phi nhân.
Hữu Ngu thị còn giấu điều nhân để ràng buộc người; cũng đã được lòng người vậy, mà chưa từng rơi vào chỗ chẳng phải người.

Thời thái bình tốt đẹp nhất mà văn hóa Trung Hoa, chư tử bách gia tôn vinh là thời Đường Nghiêu Ngu Thuấn. Nhưng trong quan niệm Đạo gia, thời ấy đã là suy đồi; tuy đã suy, vẫn còn giữ được tinh thần đạo đức của văn hóa truyền thống. Con người thời ấy, nhất là hai vị thánh đế Đường Nghiêu Ngu Thuấn, còn ở trạng thái kỳ do tàng nhân dĩ yêu nhân. Chữ **"yêu"** (要 - ràng buộc, cốt để) ở đây chẳng phải là yêu cầu đòi hỏi, mà có nghĩa là chẳng cần phô trương điều nhân điều nghĩa, chẳng cần thứ giáo hóa ấy. Tâm nhân từ yêu người vốn sẵn có trong bản tính, chẳng cần dạy người ta phát huy lòng nhân ái, vì ai ai cũng nhân ái. Cho nên lúc ấy, tâm nhân từ yêu người còn tự nhiên ẩn chứa trong chỗ thiên nhiên của tính người, đại thể mọi người đều như vậy. Diệc đắc nhân hĩ, lòng người, văn hóa xã hội thời ấy đều lương thiện. Nhi vị thủy xuất ư phi nhân, thời Đường Nghiêu Ngu Thuấn ấy, tuy trong mắt Đạo gia đã kể là suy

đời, nhưng chưa thể nói là rơi vào chỗ chẳng phải người; nghĩa là chưa có kẻ xấu, thiện ác thị phi chưa phân biệt rạch ròi; trong xã hội cũng rất ít người không phải, đại thể đều là phải.

Nói đến đạo lý này, người nghiên cứu triết học, nghiên cứu lịch sử càng phải đặc biệt lưu ý; tôi thường nói, tính dân tộc này của người Trung Hoa đã là một vấn đề, mà nhân tính của toàn thể nhân loại nói chung cũng vô cùng đáng sợ. Vì nhân tính vốn rất xấu, cho nên mọi tôn giáo, mọi nền văn hóa, mọi triết học đều dạy người ta làm điều tốt. Chính vì nhân tính thiếu nhân nghĩa hiếu từ, cho nên bậc thánh nhân từ ngàn xưa đều bắt người ta học nhân nghĩa đạo đức, phải hiếu phải từ.

Bất cứ một tư tưởng văn hóa nào cũng phải tìm hiểu thời đại lúc ấy, ví như chúng ta hay nói dân tộc phải đoàn kết, đủ thấy dân tộc này không đoàn kết; nhất là khi ở nước ngoài mới thấy, hai người Trung Hoa ở cùng nhau đã có ba phe ý kiến. Một người sống một mình, chính mình còn tự oán trách mình, tự cãi nhau với mình; hoặc soi gương đập chén trà cho hả giận. Cho nên nói, vấn đề nhân tính rất nghiêm trọng. Một thời đại đạo đức, nhân tính không hiểu giáo hóa, cho nên mới nói phải giáo hóa; có quốc gia đề cao nhân đạo, đủ thấy rất bất nhân đạo, cho nên mới cần nhân đạo. Phàm một tư tưởng, một chủ nghĩa đều là thang thuốc, bệnh nào thuốc nấy. Khổng Tử kê toa là nhân nghĩa, Lão Tử kê toa là đạo đức, chư tử bách gia đều kê toa; nhưng lịch sử này mãi bệnh tật đầy mình, các thứ thuốc hầu như đều chữa không khỏi, đó là nỗi bi ai của nhân loại.

Ở đây, Bồ Y Tử đại diện cho tư tưởng Đạo gia nói, trước ba đời còn kể là tốt, chưa kể là xấu. Trước ba đời, Thái thị mà tổ tiên thượng cổ của người Trung Hoa nói tới, Thái thị ấy là ai? Là Thiên Hoàng, Địa Hoàng hay Nhân Hoàng? Rất khó nói. Kỳ thực Thái thị nói ở đây ngang với tiên vương chi đạo mà Nho gia Khổng Mạnh hay nhắc. Tiên vương ấy là vua nào? Tiên vương chính là tổ tiên người Trung Hoa, tiên vương chi đạo của tổ tiên chính là vương đạo.

Đời sống và đạo hạnh của người thượng cổ

Thái thị, kỳ ngọa từ từ, kỳ giác vu vu; nhất dĩ kỷ vi mã, nhất dĩ kỷ vi ngưu;

Thái thị, lúc ngủ thì thong thả khoan thai, lúc thức thì ung dung thư thái; một coi mình là ngựa, một coi mình là trâu;

Bồ Y Tử nói tiếp, tổ tiên thượng cổ của người Trung Hoa khi ấy, văn hóa chính trị là cảnh giới của đạo, chứ chưa phải đức! Theo tư tưởng Đạo gia, đạo suy rồi mới có đức, đức suy rồi mới có lễ, lễ suy rồi mới có nhân, nhân lại không thông rồi mới có nghĩa, cứ thế mà đi xuống. Thượng cổ, con người tự nhiên chẳng cần tu đạo, ai nấy đều ở trong cảnh giới đạo. Khi ngủ thì kỳ ngọa từ từ, hình dung ông ta vô cùng dễ chịu! Ngủ một cách từ từ, chầm chậm. Từ từ là ngủ thế nào? Không biết, kỳ thụy từ từ, dường như ngủ rất thong dong! Người thời nay ngủ chẳng thong dong, nhất là dưới nếp sống văn hóa nước ngoài, mỗi phút mỗi giây đều căng thẳng, cho nên người thời nay rất đáng thương, ngay cả giấc ngủ cũng không ngon. Người thượng cổ ngủ thì từ từ, cũng chẳng hạn định thời gian, người trẻ tuổi thích nhất, có thể ngủ say bảy tám ngày chẳng sao, cũng chẳng có chuyện tám giờ đi làm đi học, càng chẳng có chuyện giảng Trang Tử, vì Trang Tử thời ấy còn chưa ra đời! Kỳ giác vu vu, chữ **"vu vu"** (于于 - ung dung thư thái) hình dung dáng vẻ rất an nhàn, uể oải mà thong thả.

Hai câu ấy đại biểu cho điều gì? Đại biểu cho mộng giác như một, tức là điều Phật học Thiền tông hay nói tỉnh mộng như một. Con người chưa từng hôn mê, nên chẳng có cái gọi là ngủ, ngủ cũng là tỉnh; tỉnh dậy rồi cũng chẳng hôn mê, cảnh giới của đạo chính là tỉnh mộng như một. Cho nên người thời ấy, thiện ác thị phi chẳng có gì ghê gớm, cũng như nhà Phật muốn người học Phật chúng ta tu tới vô ngã, thời ấy chẳng bàn có ngã hay vô ngã, vì ai nấy đều vô ngã.

Vô ngã đến mức nào? Nhất dĩ kỷ vi mã, nhất dĩ kỷ vi ngưu, ngươi gọi ta là chó thì là chó, ngươi gọi ta là ngựa thì là ngựa, cái anh chàng ngươi ngu như trâu, được, trâu thì trâu! Ngươi khờ như chó, phải, chó thì chó! Chẳng sao cả. Nghĩa là con người không còn những danh tướng ấy, không còn quan niệm thị phi thiện ác, không còn phân biệt. Cho nên nhiều câu chữ văn chương của người xưa, hay thơ từ thường nói, hồ ngưu hồ mã, nhất nhiệm nhân hô. Chữ nhiệm nhân nghĩa là mặc cho ngươi thích. Bởi những danh xưng như Trương Tam Lý Tứ, thầy lớn ông lớn, ngươi anh ngươi em, đều là những ký hiệu chẳng can hệ gì. Cho nên dân tộc thượng cổ hồ ngưu hồ mã, nhất nhiệm nhân hô. Thời đại ấy không có thiện ác thị phi, là cảnh giới tâm cảnh như một.

Kỳ tri tình tín, kỳ đức thậm chân, nhi vị thủy nhập ư phi nhân.

Trí của họ, tình của họ đáng tin cậy, đức của họ rất chân thật, mà chưa từng rơi vào chỗ chẳng phải người.

Ba câu ấy, chữ tri chính là chữ trí của trí tuệ. Trí tuệ, tình cảm của người thượng cổ thuần chân không hư ngụy, nói cách khác, mắng người cũng mắng một cách thuần chân. Khen người cũng khen rất tự nhiên, cho nên trí tuệ, cái tình tín ấy của họ đều rất đáng tin, tự nhiên mọi người hồ ngưu hồ mã đều được! Người chẳng có gì không tin người khác, cũng chẳng có gì không tin chính mình, cho nên kỳ tri tình tín. Khi ấy chẳng có quan niệm đạo đức gì, nhưng đạo đức của họ rất chân thực, kỳ đức thậm chân. Khi ấy, nhi vị thủy nhập ư phi nhân, cũng chưa thấy người khác là sai, mình là phải. Thời đại văn hóa càng về sau, học vấn tri thức càng cao, ngã kiến càng mạnh; ngoài cái của mình ra, ai nấy đều là sai, đều ở chỗ phi nhân, nhìn ai cũng thấy không phải. Ông nói thời thượng cổ, người khác chẳng có gì không phải, ai nấy đều phải, xã hội tự nhiên ổn định, nhân loại không có thị phi.

Dân chủ tự do có phải là đạo đức chăng

Kiên Ngô kiến cuồng Tiếp Dư. Cuồng Tiếp Dư viết: Nhật trung thủy hà dĩ ngữ nhữ?

Kiên Ngô đi thăm cuồng Tiếp Dư. Cuồng Tiếp Dư hỏi: Bọn hiểu Âm Dương bát quái ban nãy đã nói gì với ngươi?

Kiên Ngô là một vị thần tiên thời cổ, bậc hữu đạo. Trong các thiên *Tiêu Dao Du*, *Đại Tông Sư* đều đã gặp ông, nay ông đi thăm kẻ cuồng ở nước Sở là Tiếp Dư. Chữ cuồng ấy là ngoại hiệu, ông ta hệt như Tế Điên hòa thượng trong tiểu thuyết của ta, là kẻ giả điên. Tên ông là Lục Tiếp Dư, từng mắng Khổng Tử, từng dạy dỗ Khổng Tử; trong *Luận Ngữ* cũng nhắc tới con người này, chỉ biết ông là Sở cuồng Tiếp Dư. Cuồng nghĩa là coi trời bằng vung, đạo đức rất cao, chẳng coi ai ra gì. Đạo gia cũng coi vị Sở cuồng Tiếp Dư này là bậc thần tiên đắc đạo. Cuồng Tiếp Dư hỏi: **"Nhật trung thủy hà dĩ ngữ nhữ?"** (Bọn hiểu Âm Dương bát quái mới rồi đã nói gì với ngươi?).

Kiên Ngô viết: Cáo ngã quân nhân giả, dĩ kỷ xuất kinh thức nghĩa độ nhân, thục cảm bất thính nhi hóa chư!

Kiên Ngô đáp: Họ bảo kẻ làm vua người thì lấy mình suy ra khuôn phép nghĩa lý mà quy phạm cho người, ai dám chẳng nghe mà chẳng chịu cảm hóa!

Kiên Ngô nói, ông ta giảng với tôi: "Quân nhân giả, dĩ kỷ xuất kinh thức nghĩa độ nhân", bậc làm lãnh tụ phải lấy mình mà suy tới người, tức là điều Nho gia gọi là suy mình ra người. Chữ **"kinh"** (經 - đường thẳng) ở đây là một con đường thẳng: suy mình ra người, cũng chính là đạo trung thứ. Còn "thức nghĩa độ nhân" là lấy một khuôn phép, vạch ra một quy phạm để mọi người tuân theo. Chữ **"nghĩa"** (義) chính là nghĩa lý, nghĩa lý ấy là vấn đề tư tưởng; cái gọi là nhân nghĩa, đạo đức đều nằm trong đó. Chữ **"độ"** (度 - mức mực, quy phạm) ở đây không phải chữ độ trong độ người của nhà Phật, mà là mức mực để quy phạm người ta; nói cách khác, ông ta bảo tôi rằng kẻ lãnh đạo thiên hạ quốc gia phải suy mình ra người. Điều mình cần, người khác cũng cần, đặt ra một biện pháp mà thẳng đường tiến

hành, lập một quy phạm ai nấy đều dùng được, để quản trị mọi người, đi trên quỹ đạo của đạo mà làm. Được như thế thì **"thục cảm bất thính nhi hóa chư!"** (ai mà chẳng nghe theo, chẳng chịu cảm hóa!).

Câu chuyện này rốt cuộc có thật hay chăng, rất khó khảo chứng, song Trang Tử nêu ra trọng điểm của thiên *Ứng Đế Vương* chính là bảo cho chúng ta biết làm thế nào để làm người lãnh đạo, làm một vị hoàng đế tốt; quân nhân là người lãnh đạo, cho nên mới gọi là Ứng Đế Vương. Nhưng mọi người phải chú ý! Nếu nói đây là dạy chúng ta môn lãnh đạo học, dạy làm một hoàng đế tốt, thì mỗi người chúng ta đều là hoàng đế của chính mình; phải làm sao lãnh đạo được tư tưởng của mình, tức là sửa đổi tư tưởng của mình, mới có thể thành một người lãnh đạo.

Trong quan niệm người xưa, **"quân"** (君 - vua, người đứng đầu) là bậc tuổi cao đức trọng, cho nên mới gọi là quân tử. Cách viết chữ quân theo lối triện, phía trên là chữ **"doãn"** (尹 - cây gậy), người già đi đường nhờ gậy; chiếc gậy tay ngày nay là kiểu phương Tây, chỉ cao nửa người, còn gậy của người già thời xưa thì cao lêu nghêu, rất dài. Phía dưới là chữ **"khẩu"** (口 - miệng), tượng trưng cho một con người, chính là cái miệng ấy; ông già tay cầm cây gậy, ấy là quân. Cho nên bậc tuổi cao đức trọng, đủ làm gương mẫu cho mọi người, ấy là quân. Ngoài quan niệm làm người lãnh đạo, quân nhân chân chính là làm sao kiến lập nhân cách của mình, để làm gương cho xã hội.

Ông ta nói, một người có thể suy mình ra người, ta muốn ăn thì người khác cũng muốn ăn, ta muốn mặc thì người khác cũng muốn mặc, ta muốn phát tài thì người khác cũng muốn phát tài; giữa người với người, mục đích đều như nhau, đều bình đẳng. Cho nên "dĩ kỷ xuất kinh thức nghĩa độ nhân", từ điều chính mình cần mà nghĩ tới đại chúng cũng cần; cũng như làm bậc cha mẹ muốn dạy con, thì chớ quên mình khi còn làm con trẻ, như thế mới dễ hiểu được con trẻ. Tiếc thay khi đã làm cha mẹ rồi, ta lại quên mất lúc mình còn là trẻ con; cho nên đạo lý ấy chính là nói về lãnh đạo học. Lục Tiếp Dư vừa nghe, đã bảo đó là lời gì!

Cuồng Tiếp Dư viết: Thị khi đức dã; kỳ ư trị thiên hạ dã, do thiệp hải tạc hà nhi sử văn phụ sơn dã.
Cuồng Tiếp Dư nói: Ấy là dối trá đạo đức vậy; đem nó mà trị thiên hạ thì khác nào lội biển đào sông mà bắt muỗi cõng núi vậy.

Bạn xem kẻ cuồng kẻ điên này, lập tức bảo đó là lừa dối đạo đức, chẳng phải đạo đức chân chính. Ông ta nói, học vấn của bậc lãnh đạo chân chính ra sao? **"Kỳ ư trị thiên hạ dã, do thiệp hải tạc hà nhi sử văn phụ sơn dã."** (đem nó mà trị thiên hạ thì khác nào lội biển đào sông mà bắt muỗi cõng núi). Ông ta bảo dùng lối suy mình ra người, đạo trung thứ mà trị đời, nghĩ rằng điều ta cần thì ngươi cũng cần, ấy chính là tự do bình đẳng; còn chuyện độc tài chuyên chế thì khỏi phải bàn. Nếu ai cũng nói tới dân chủ tự do, liệu đó có thật sự là triết học lãnh đạo cao nhất chăng? Theo cái nhìn của Lục Tiếp Dư, cái gọi là dân chủ tự do ấy là tư tưởng lừa dối đạo đức. Ông ta nói lối lãnh đạo như thế sẽ không thành công. **"Kỳ ư trị thiên hạ dã"** (đem nó mà mong thiên hạ đại đồng, thiên hạ thái bình), thì **"do thiệp hải tạc hà"** (khác nào ở Côn Lôn hay Hy Mã Lạp Sơn mà chậm rãi đào một con sông cho tới Đông Hải), biết đến năm nào mới xong? Vĩnh viễn chẳng làm nổi.

Biển lớn vốn đã có sẵn, dĩ nhiên người miền biển nhìn biển chẳng thấy gì lạ, nhưng nếu chạy tới vùng cao nguyên Tây Bắc mà bảo họ rằng biển lớn nhường ấy, vui thú nhường ấy, họ sẽ không tin. Năm xưa chúng tôi tới vùng Khang Tạng, tôi nói quê tôi ở miền biển, biển là thế này thế nọ, nói hồi lâu họ vẫn không tin; nước biển múc lên đem phơi một nắng đã thành muối, họ bảo làm gì có chuyện ấy! Ở chỗ họ kiếm được miếng muối thật khó nhọc! Tặng họ một miếng muối nhỏ xíu, họ coi như báu vật. Cho nên nói, muốn vào biển chơi mà còn chậm rãi đào một con sông ra biển, thì không được! Lại bảo một con muỗi đi cõng cả ngọn Thái Sơn, nó cõng nổi chăng? Tư tưởng như thế mà muốn lãnh đạo thiên hạ thì không làm nổi. Cũng như nói suy mình ra người là lấy dân chủ tự do, lấy tự ngã làm trung tâm, lấy

nhân văn làm điểm xuất phát, như thế còn chưa hay sao? Nhưng trong quan niệm Đạo gia, đó lại là thiên hạ đại loạn, khác nào bắt muỗi cõng núi, từ núi cao đào sông thông ra biển lớn, đều là chuyện không thể.

Thiên hạ trị thế nào

Phù thánh nhân chi trị dã, trị ngoại hồ?

Ôi việc trị của bậc thánh nhân, há trị ở ngoài ư?

Ông ta nói bậc thánh nhân trị quốc trị thiên hạ, đó là đại diện cho văn hóa Trung Hoa, là đạo của tiên vương. Tổ tiên truyền thống của người Trung Hoa, ít nhất theo sách xưa thì ai nấy đều là thánh nhân, cho nên chúng ta đều là con cháu thánh nhân. Tổ tiên chúng ta là thánh hiền, song chúng ta cũng là thặng nhân, chữ thặng trong còn thừa lại, còn thừa lại mà vô dụng; lại cũng là nhàn nhân, chẳng còn dùng được nữa! Vốn chúng ta chính là hạng thặng nhàn. Tổ tiên chúng ta mới là thánh nhân chân chính. Vậy việc trị của thánh nhân là thế nào? Chẳng phải đòi hỏi ở hình thức bên ngoài, cho nên muốn thiên hạ thái bình thật sự, mỗi người hãy tự động tự phát, yêu cầu mình thành thánh nhân, chứ không phải yêu cầu người khác.

Chính nhi hậu hành, xác hồ năng kỳ sự giả nhi dĩ hĩ.

Ngay thẳng rồi hãy làm, thật vững mà làm nổi việc ấy mà thôi.

Ông ta nói đạo của tiên vương chân chính, là thánh đế minh vương trị thiên hạ, không phải yêu cầu người khác, mà là yêu cầu chính mình. Mọi người tự trị, tự trị chân chính, mỗi người đều thành chân thánh nhân. **"Chính nhi hậu hành"** (ngay thẳng rồi hãy làm), mỗi người đều rất chính, chính mình rồi sau mới chính người, như thế mới có tác dụng. **"Xác hồ năng kỳ sự giả nhi dĩ hĩ."** (thật vững mà làm nổi việc ấy mà thôi) chính là một câu rất thiết thực, đích đích xác xác, làm nổi một việc thì thôi. Ăn cơm thì cứ quy củ mà ăn cơm; mặc áo thì cứ quy củ mà mặc áo; nói cách khác, chẳng có nhiều trò hoa dạng. Trí tuệ thông minh học thức của nhân loại càng cao, trò hoa dạng càng nhiều, con người cũng càng không đáng tin. Dưới đây là lời của Lục Tiếp Dư.

Thả điểu cao phi dĩ tỵ tăng dặc chi hại; hê thử thâm huyệt hồ thần khâu chi hạ dĩ tỵ huân tạc chi hoạn, nhi tằng nhị trùng chi vô tri!

Vả chăng chim bay cao để tránh hại cung tên; chuột nhắt khoét sâu hang dưới gò thần để tránh nạn hun đào, thế mà bảo hai loài kia là vô tri!

Ông ta nói chim ắt phải bay thật cao, bay cao nhường ấy là sợ người săn dùng lưới bắt nó. Những con hê thử, con chuột đồng ấy, thì **"thâm huyệt hồ thần khâu chi hạ"** (khoét sâu hang dưới gò thần), không phải đào hang ở gò núi thường, mà là ở dưới gò thần mà đào. Chuột rất tinh khôn, đào hang dưới sườn núi nơi có miếu thần, có nhà thờ, người thường chẳng tới phá, cũng chẳng ai tới hun hang ấy. Người săn rất cao tay, thỏ hay thú nhỏ nấp trong hang không chịu ra, bèn dùng khói hun, nó chịu không nổi liền chạy ra và bị bắt, cho nên lũ chuột nhỏ, chuột đồng hiểu được đạo lý ấy, hang đào thật sâu lại nằm dưới đất miếu.

"Nhi tằng nhị trùng chi vô tri" (thế mà bảo hai loài kia là vô tri), bạn thử nghĩ xem, trời sinh vạn vật, loài nào cũng có cái khôn riêng của mình, không thể nói chim với chuột chẳng có chút thông minh nào, chúng thông minh tuyệt đỉnh, đều biết tránh họa. Nhưng dù đã đủ khôn để tránh họa, điều duy nhất không tránh nổi là kẻ tệ hại nhất trên đời: con người. Bất kể hang đào sâu đến mấy, bay cao đến mấy, con người đều có cách bắt được. Cho nên tôi thường nói, con người tự xưng là loài linh thiêng nhất trong vạn vật, nhưng trong mắt vạn vật thì con người thật đáng ghét. Con trâu còn thật thà hơn chúng ta, con heo cũng thật thà hơn chúng ta. Cho nên khi nói tới lịch sử Trung Hoa, tới triết học,

vào cuối đời Minh đã có người viết nhiều áng văn hài hước, có một vị Trạng nguyên là Dương Thăng Am viết *Nhị Thập Ngũ Sử Đạn Từ*, chính là áng văn hài hước phản diện về triết học lịch sử.

Lại có một cuốn *Mộc Bì Tán Khách Cổ Từ* cũng là một bài phản bác lịch sử. Ông ta kể từ loài người mà nói, ông bảo cá bơi trong sông đã phạm tội gì! Cạo vảy rồi còn rắc thêm hành hoa. Có món còn rưới thêm ớt, gừng, xì dầu, đem hun mà ăn. Bạn xem loài người đáng ghét biết bao! Con người là tệ nhất. Hai loài chim với chuột ấy, bạn bảo chúng vô tri ư? Chúng có trí khôn cao minh nhất, nhưng lại có một kẻ trí tuệ cao hơn, ngược lại hại mạng chúng. Đó là đoạn thứ hai, Trang Tử trong thiên *Ứng Đế Vương* lại nêu hai vấn nạn ở đó, chẳng cho chúng ta lời kết luận, ông ta nói được một nửa lại bỏ lửng, rồi lại kể tiếp chuyện khác.

Thiên Căn du ư Ân Dương, chí Liễu thủy chi thượng, thích tao Vô Danh nhân nhi vấn yên, viết: Thỉnh vấn vi thiên hạ.
Thiên Căn ngao du ở Ân Dương, tới bến Liễu Thủy, chợt gặp Vô Danh nhân bèn hỏi rằng: Xin hỏi cách làm cho thiên hạ.

Thiên Căn là người nào thì khỏi cần nghiên cứu, dù sao cũng có một người như thế. Trang Tử đặt cái tên ấy, gốc của trời, đất chính nhờ ông mà có, **"Thiên Căn du ư Ân Dương"** (Thiên Căn ngao du ở Ân Dương), Ân Dương ở đâu thì cũng chẳng cần khảo chứng. Dương là phía nam, mặt sáng gọi là dương. Thiên Căn tới chốn Ân Dương ấy mà chơi, tới **"Liễu thủy chi thượng"** (trên bến Liễu Thủy), bến nước ấy ở đâu thì cũng không cố định. Đó đều là những điều ông giả thác, là bốn cái giả thác. Ông ta gặp một người không có tên, gọi là Vô Danh nhân, bèn thỉnh giáo. Thỉnh giáo điều gì? **"Thỉnh vấn vi thiên hạ."** (xin hỏi cách làm cho thiên hạ) thế nào trị thiên hạ? Lấy quan niệm ngày nay mà nói, tức là làm sao cho xã hội yên ổn, thật sự thành một xã hội tốt nhất.

Vô Danh nhân viết: Khứ! Nhữ bỉ nhân dã. Hà vấn chi bất dự dã!
Vô Danh nhân nói: Cút đi! Ngươi là kẻ bỉ lậu vậy. Sao hỏi điều chẳng vui vẻ gì!

Vô Danh nhân nói, cút đi! Chính là bảo cút xéo. **"Nhữ bỉ nhân dã"** (ngươi là kẻ bỉ lậu vậy), ngươi là kẻ dơ bẩn lắm. **"Hà vấn chi bất dự dã"** (sao hỏi điều chẳng vui vẻ gì), ngươi hỏi thì nên hỏi điều gì hay hơn, sao lại hỏi một vấn đề dơ bẩn như thế, một vấn đề đáng ghét nhường ấy! Nếu là bây giờ ta nghe có người trẻ tuổi thỉnh giáo làm sao làm lãnh tụ, làm sao gây dựng sự nghiệp, ta ắt sẽ rất khen ngợi người trẻ ấy, cho rằng cậu ta rất có bản lĩnh, rất có tiền đồ, tiền đồ vô lượng, hậu đồ vô cùng. Nếu gặp vị Vô Danh nhân này, hừ, ngươi cút đi! Ngươi thật dơ bẩn lắm, có hỏi cũng nên hỏi điều hay, sao lại hỏi chuyện trị thiên hạ chán ngấy như thế!

Làm sao thành người lãnh đạo

Thiên Căn hỏi làm sao trị thiên hạ, đáp lại chỉ là một trận quở mắng. Đoạn dưới đây mới đưa ra lý lẽ:

Dư phương tương dữ tạo vật giả vi nhân, yếm, tắc hựu thừa phù mãng diểu chi điểu, dĩ xuất lục cực chi ngoại, nhi du vô hà hữu chi hương, dĩ xử khoáng lãng chi dã.
Ta đang cùng Đấng tạo vật hòa làm một, khi chán thì lại cưỡi con chim mịt mù mênh mang, vượt ra ngoài sáu cực, rong chơi nơi xứ sở chẳng có gì cả, trú nơi đồng hoang khoáng đãng.

Đó là lời của ông ta. Ông nói: ta đây! Hiện đang ở trạng thái **"dữ tạo vật giả vi nhân"** (cùng Đấng tạo vật hòa làm một), tức là cùng trời đất hợp nhất. Chữ tạo vật ở đây chỉ là một danh xưng thay thế, chỉ chức năng có thể sáng tạo ra vũ trụ vạn vật. Ông nói ta hiện đang cùng chức năng có thể tạo ra muôn vật ấy hợp làm một! Nói cách khác, ta đang khôi phục bản năng của sinh mệnh. Chữ **"yếm"** (厭) là có lúc cũng sinh chán, chán rồi thì làm sao? **"Tắc hựu thừa phù mãng diểu chi điểu"** (lại cưỡi con chim mịt mù mênh mang). Con chim này là giả thiết, chính là nói tới không

gian trời đất, khoảng không vũ trụ. Chữ **"mãng"** (莽 - mênh mang, mờ mịt) là dáng thương mang bát ngát, chữ **"diểu"** (眇 - nhỏ mờ, không trông thấy) là không thể trông thấy, hợp lại thành con chim như thế. Con chim này chẳng phải chim thật, đời sau Đạo gia và Phật gia gộp lại mà nói là ngao du trên thái hư, rong chơi giữa hư không. **"Dĩ xuất lục cực chi ngoại"** (vượt ra ngoài sáu cực), sáu cực chính là quan niệm thời không của người xưa, quan niệm vũ trụ. Đông tây nam bắc trên dưới gọi là lục cực, vượt ra ngoài thời không ấy thì đi đâu mà chơi? **"Nhi du vô hà hữu chi hương"** (mà rong chơi nơi xứ sở chẳng có gì cả), tới một nơi đến cái không cũng không còn, **"dĩ xử khoáng lãng chi dã"** (mà trú nơi đồng hoang khoáng đãng), chữ **"khoáng lãng"** (圹埌 - mênh mông trống trải) cũng là giả thác, chỉ một nơi chẳng có gì cả, tới cánh đồng hoang vô lượng vô biên ấy mà chơi.

Chỗ này có hai tầng ý. Thứ nhất nói ta đang cùng đạo thể hình nhi thượng, cùng chức năng siêu vượt vạn vật ấy hợp nhất, đang ở trong cảnh giới ấy, nên lười đáp chuyện nhân thế. Người đắc đạo lúc nào cũng thoải mái chăng? Có lúc cũng rất đáng ghét. Ghét điều gì? Ghét chính mình! Khi chúng ta chán ghét chính mình thì đi đâu mà chơi? Ông ta nói tới một cảnh giới trống không rỗng tuếch, nhìn quanh chẳng thấy một người, tới đó mà chơi.

Thứ hai là nói về phương pháp tu đạo, mãi mãi đạt tới cảnh giới không. Ông hình dung phương pháp tu đạo ấy như thế, là muốn nói về điều gì? Chính là điều tâm. Bất cứ ai ngộ đạo đắc đạo, có còn phiền não chăng? Vẫn có phiền não, đó là phiền não của thánh nhân. Cho nên sau khi ngộ đạo ắt phải tu đạo. Tu cái gì? Chỉ là điều tâm mà thôi; bởi vậy mọi pháp môn, bất kể là Phật gia, Đạo gia, Nho gia, dù pháp nào cao minh đến đâu, tóm lại chỉ một chữ: điều tâm. Điều chỉnh tâm cảnh của chính mình. Trang Tử kể hai đoạn chuyện ấy.

Nhữ hựu hà nghệ dĩ trị thiên hạ cảm dư chi tâm vi? Hựu phục vấn.
Ngươi lại lấy lẽ gì trị thiên hạ mà lay động lòng ta? Rồi lại hỏi nữa.

Chữ **"nghệ"** (帠) nghĩa là nói lẽ phải. Ông ta nói, ngươi tới hỏi ta chuyện **"dĩ trị thiên hạ"** (lấy gì trị thiên hạ), đạo lý trị thiên hạ làm sao, ngươi muốn dùng quan niệm nhân từ ấy để làm lay động đạo tâm của ta ư! Thế là mắng cho một trận. Người này bị mắng mà vẫn chưa chịu thôi, **"hựu phục vấn"** (lại hỏi nữa), lại hỏi Vô Danh nhân, còn ông ta hỏi điều gì thì sách không nói. Nói cách khác, ông ta hỏi cách tu đạo, Vô Danh nhân bèn giảng một đạo lý.

Vô Danh nhân viết: Nhữ du tâm ư đạm, hợp khí ư mạc, thuận vật tự nhiên nhi vô dung tư yên, nhi thiên hạ trị hĩ.
Vô Danh nhân nói: Ngươi hãy để tâm rong chơi nơi đạm bạc, hợp khí nơi mịt mờ, thuận theo tự nhiên của muôn vật mà không để chút riêng tư xen vào, thì thiên hạ sẽ trị.

Trước hết hãy tìm hiểu nguyên văn. Mọi tôn giáo, triết học trên đời, mọi học vấn, mọi tri thức, mọi phương pháp tu dưỡng, thảy đều quy về một chữ: điều tâm; tác dụng của nó chính là điều chỉnh tâm cảnh của ta khiến nó mãi được bình an. Đạo lý điều tâm, từ mà Trang Tử dùng là du tâm.

Tính tình, tâm cảnh của con người vốn thích thong dong tự tại, nhưng nhân loại lại tự làm cho tư tưởng tình cảm của mình căng thẳng, ngược lại chẳng thể thong dong tự tại, cho nên chẳng thể tiêu dao, chẳng được tự do. **"Nhữ du tâm ư đạm"** (ngươi hãy để tâm rong chơi nơi đạm bạc), ngươi phải tu dưỡng, điều chỉnh tâm cảnh của mình, khiến tâm cảnh mãi giữ mức đạm bạc. Chữ **"đạm"** (淡 - nhạt, đạm bạc) tức là không có mùi vị, mặn ngọt đắng cay chua đều không có, cũng chính là tâm trong như nước. Người đời sau hình dung bậc đắc đạo là nước lặng trong veo, như một mặt nước đứng lặng an nhiên tịch tĩnh, đó chính là cảnh giới của đạm. Một câu này, đời sau có một danh ngôn do Gia Cát Lượng nói: **"đạm bạc dĩ minh chí, ninh tĩnh dĩ trí viễn"** (đạm bạc để sáng chí, tĩnh lặng để vươn xa).

Hai câu ấy của Gia Cát Lượng ảnh hưởng rất mạnh tới công phu tu dưỡng của kẻ sĩ đời sau. Nhưng cội nguồn tư tưởng của hai câu này lại xuất từ Đạo gia, chứ không phải Nho gia; suốt đời Gia Cát Lượng, cách làm người, tác phong chính trị đều là Nho gia, song tư tưởng tu dưỡng của ông lại là Đạo gia. Bởi vậy đời sau khi diễn tuồng kinh kịch, người đóng Gia Cát Lượng đều mặc áo Đạo gia, một chiếc áo bát quái, tay cầm quạt lông; tục ngữ nói cầm lông gà làm lệnh tiễn, cũng bắt đầu từ Gia Cát Lượng mà ra. Câu đạm bạc dĩ minh chí ấy chính là căn cứ vào chỗ này của Trang Tử, tức là cái gọi là du tâm ư đạm.

Thời Chiến Quốc, tư tưởng Đạo gia hưng thịnh, cái gọi là dưỡng khí mà Mạnh Tử nêu ra, cùng loại với điều Trang Tử nói là **"hợp khí ư mạc"** (hợp khí nơi mịt mờ). Cái hạo nhiên chi khí mà Mạnh Tử nói, tràn đầy giữa trời đất, là thứ hữu hình; còn "hợp khí ư mạc" mà Trang Tử nói thì lại tiến thêm một tầng so với hữu hình, đạt tới vô hình. Chữ **"mạc"** (漠 - mịt mờ, trống trải mênh mang) là cánh đồng hoang vô lượng vô biên. Chữ mạc này trong thiên *Tiêu Dao Du* đã từng nhắc tới. Nhưng còn chữ **"khí"** (气) này, đời sau cứ nhắc tới chữ khí của Đạo gia là sa vào một quan niệm sai lầm, ra sức luyện khí công; dựa vào khí hít thở bằng mũi, hì hà hì hục mà luyện. Đó chỉ là hơi thở hữu hình, không phải khí, đó là khí của không khí. Vậy dưỡng khí của Mạnh Tử với hợp khí của Trang Tử là khí gì? Là ý khí; chữ ý trong ý chí, tức là tâm niệm; nói cách khác chính là chức năng của sinh mệnh, không thể trông thấy. Hơi thở chỉ là hình tướng bên ngoài của nó, không phải chân hình của khí, chân hình là không thể trông thấy. Vào lúc chẳng hít cũng chẳng thở, giai đoạn lặng yên ngưng định ấy, chính là chức năng của khí.

Nếu mọi người muốn luyện khí thì trước hết phải thể hội từ chỗ này. Nhưng tự mình chưa thể thể hội, trừ phi là người đã đắc định, bằng không chỉ có thể lấy người khác mà thể hội. Thể hội thế nào? Bạn hãy nhìn người khác ngủ, lúc ngủ say nhất, hơi thở ra vào thường như kéo ống bễ, người trẻ bây giờ chưa từng thấy! Lại cũng như thổi sáo, thổi vào thổi ra, cái mũi cứ hít vào thở ra! Nhưng có một quãng rất ngắn ngủi, hoàn toàn không còn hơi thở, lúc ấy mới là thật sự ngủ say, một chút hô hấp cũng không có. Trong một sát na lại hít vào một hơi, đó là lúc hít vào, khi hít vào thì thần kinh não gần như đã tỉnh, nhưng lập tức quên ngay, vẫn tưởng mình còn đang ngủ. Cho nên giấc ngủ chân chính của một người, chỉ cần ba tới năm phút hoàn toàn ngủ say, hơi thở đạt tới mức hoàn toàn tĩnh lặng, còn tốt hơn mấy tiếng đồng hồ ngủ của bạn. Chúng ta tuy nằm trên giường năm sáu tiếng, mà thời gian thật sự ngủ say nghỉ ngơi chỉ vỏn vẹn mấy phút; những lúc còn lại chỉ có thể kể là lãng phí trong giấc ngủ. Hơn nữa, đó là trạng thái đại hôn trầm, song chúng ta đã quen với đại hôn trầm, vẫn thấy rất dễ chịu.

Do ảnh hưởng của văn hóa Trung Hoa, Nhật Bản và Hàn Quốc có một môn khí công gọi là Hợp Khí Đạo. Hợp Khí Đạo là gì? Hợp khí chân chính là chẳng hít chẳng thở, chính là chữ **"tức"** (息 - hơi nghỉ, dừng thở) mà nhà Phật nói tới trong chỉ quán. Chẳng hít cũng chẳng thở, coi như hơi thở tạm dừng, đó mới là hợp khí.

Ông ta nói phương pháp tu dưỡng du tâm ư đạm là hợp khí ư mạc, là nơi đồng hoang mênh mang, chẳng có gì cả, tu dưỡng tới lúc ấy thì **"thuận vật tự nhiên nhi vô dung tư yên"** (thuận theo tự nhiên của muôn vật mà chẳng dung chút riêng tư), con người cứ thuận theo lẽ tự nhiên của trời đất mà sống, không có một chút tư tâm, không có tướng ngã, không có tư tâm tự nhiên là đại công! Ông ta chẳng hề bảo chúng ta phải đại công. Chỉ cần con người tu dưỡng tới mức vô tư thì **"nhi thiên hạ trị hĩ"** (thì thiên hạ tự trị). Thiên hạ tự nhiên thái bình, cần gì phải có phương pháp nào để lãnh đạo trị thiên hạ! Cho nên chúng ta làm một người lãnh đạo kẻ khác, cho dù chỉ làm một lớp trưởng, làm một bậc cha mẹ, nói chung trên người mang chữ trưởng hay chữ viên làm đầu, đều phải lưu ý điều này.

Muốn lãnh đạo cho giỏi thì làm sao? Chỉ cần làm được ba điểm này. Điểm thứ nhất, đạm bạc dĩ minh chí, du tâm ư đạm, tự mình không có đòi hỏi, điểm này chúng ta đã không làm nổi; con người nhất định sẽ đòi hỏi người khác, phải làm được mọi sự đều du tâm ư đạm mới được. Điểm thứ hai, hợp khí ư mạc, tu dưỡng bản năng sinh mệnh tới cảnh

giới không và định, rồi sau mới khởi dụng. Điểm thứ ba, thuận theo tự nhiên mà vô tư, chỉ cần ai nấy đều vô tư, thiên hạ này tự nhiên đại trị.

Thiên này của Trang Tử rất lạ! Ba đoạn cứ như treo củ cải khô, chỗ này treo một miếng, chỗ kia treo một miếng, bạn làm sao gom chúng lại thành một đĩa thức ăn, đó chính là việc của chúng ta. Dưới đây lại kể thêm một chuyện nữa.

Thông minh nỗ lực chưa chắc đã được

Dương Tử Cư kiến Lão Đam, viết: Hữu nhân ư thử, hướng tật cường lương, vật triệt sơ minh, học đạo bất quyện. Như thị giả, khả tỷ minh vương hồ?

Dương Tử Cư yết kiến Lão Đam, nói: Giả như có một người, phản ứng mau lẹ, thân thể cường tráng, mọi việc đều thấu triệt, lòng dạ khoáng đạt sáng suốt, học đạo không hề biết chán. Người như thế có thể sánh với bậc minh vương chăng?

Dương Tử là họ, Cư là tên, Dương Tử Cư tới thăm Lão Tử, ông ta là học trò của Lão Tử. **"Hữu nhân ư thử, hướng tật cường lương"** (có người ở đây, mau lẹ cường tráng), ông ta miêu tả có một người, là ai thì không cần hỏi, Trương Tam Lý Tứ gì cũng mặc, có một người như thế, "hướng tật cường lương" ấy, chữ **"tật"** (疾 - mau lẹ, nhạy bén) ở đây không phải là bệnh tật, mà là đầu óc phản ứng nhanh, thông minh bậc nhất, một nơi vừa vang động, ông ta nghe một biết mười, lập tức phản ứng ngay. Bạn vẽ một vòng tròn, ông ta bảo đó là số không trong toán học, cái gì cũng hiểu ngay tức khắc. Chữ **"cường lương"** (强梁) là thân thể tinh thần vô cùng khỏe mạnh cường tráng. Người như thế rất khó tìm, phản ứng nhanh là người thông minh, phản ứng chậm là người chậm chạp; kỳ thực sự thông minh của người trong thiên hạ là ngang nhau, chẳng ai ngu hơn ai. Chỉ là có người bạn vừa nói thì họ đã hiểu ngay; có người đến lúc chết mới hiểu, khoảng cách chỉ bấy nhiêu! Người thông minh nhất, tiếng vừa vang đã hiểu. Như trong lịch sử Hán Cao Tổ, Trương Lương chỉ khẽ đá chân dưới gầm bàn, ông đã hiểu ngay.

"Vật triệt" (vật gì cũng thấu triệt), bất cứ thứ gì, chỉ cần mắt vừa nhìn đã hiểu, thấu triệt vô cùng; **"sơ minh"** (khoáng đạt sáng suốt), tấm lòng rất khoáng đạt, muôn việc đều minh bạch. Một người như thế rất đáng mến, nếu chúng ta gặp được người như vậy, nhất định sẽ theo họ. Hơn nữa, ông ta chẳng những thông minh, thân thể khỏe mạnh, lòng dạ khoáng đạt, khí độ cao nhã, lại còn học đạo không biết chán. Dĩ nhiên chẳng phải ngồi thiền mà học đạo không biết chán, ngồi đó vốn là nghỉ ngơi, có gì mà mỏi! Cái đạo này là đạo sống, là đạo chân chính của người trị đời, không phải ngồi một chỗ như chết, mà là đứng dậy có thể làm việc; trong lúc làm việc, tâm cảnh lại du tâm ư đạm, hợp khí ư mạc, thuận vật tự nhiên, đó mới là đạo.

Hơn nữa người này lại học đạo không hề biết chán, không hề miễn cưỡng bản thân, lúc nào cũng tự nhắc mình đang tu đạo, không phải bị động, mà là chủ động. Một người như thế có tốt chăng? Đương nhiên là tốt. **"Như thị giả, khả tỷ minh vương hồ!"** (người như thế có thể sánh với minh vương chăng!), như thế có thể làm một bậc thánh nhân trị đời, một đế vương trị đời chăng! Những nhân vật lịch sử miêu tả như Đường Nghiêu Ngu Thuấn, hoặc Thương Thang, hoặc Chu Văn Vương, Chu Vũ Vương, đại khái có thể đạt tới. Hạ xuống một bậc như Tần Thủy Hoàng, Hán Cao Tổ, Đường Thái Tông v.v., điều kiện còn chưa đủ; bởi bậc minh vương trị đời phải có duệ trí trời sinh, là bậc sĩ rèn bằng sắt, như thế mới kể là chất liệu của một đế vương trị đời.

Lão Đam viết: Thị ư thánh nhân dã, tư dị kỹ hệ, lao hình truất tâm giả dã.

Lão Đam nói: So với thánh nhân thì kẻ ấy đã biến đổi, kỹ xảo rời rạc ràng buộc, thân thể nhọc nhằn, lòng dạ thắng thốt mà thôi.

Lão Tử nói, kẻ ấy qua loa thì cũng kể là một con người, nếu bảo đã sánh được với đạo của thánh nhân thì còn sớm lắm! **"Tư dị kỹ hệ"** (đã đổi khác, kỹ xảo rời rạc ràng buộc), ông ta nói hạng người này! Cái tình vốn chẳng phải thánh tình chân thật trong nhân tính ấy, hạng người ấy đã dùng nó quá độ, khiến nó biến đổi; trông ra rất khác với người thường; kỹ xảo của người ấy đã tản mát, không còn là chỉnh thể; **"lao hình"** (nhọc thân), tuy thông minh mà sinh mệnh này không trọn vẹn, tự mình rất lao khổ; Trang Tử cũng có danh ngôn **"xảo giả lao, trí giả ưu, vô năng giả vô sở cầu"** (kẻ khéo thì nhọc, kẻ trí thì lo, kẻ vô năng thì không cầu gì). Kẻ xảo là người tháo vát, thông minh có học vấn, họ vừa lao khổ lại nhiều phiền não. Kẻ ngốc nghếch chẳng làm được gì, người ấy lại thoải mái nhất, cũng chẳng cầu gì. **"Sơ thực nhi yêu du"** (ăn rau mà nhởn nhơ dạo chơi), ăn no cơm rau, suốt ngày thong dong nhàn nhã, ngủ nghê, ngồi thiền, việc gì cũng có thể không làm. **"Phiếm nhược bất hệ chi chu"** (trôi nổi như thuyền không buộc), thong dong nhàn tản, lêu lổng vô tư, như trên chiếc thuyền không người mà trôi dạt. Trên đời có không ít người như thế, chẳng cần tu đạo, bản thân họ đã là đạo rồi. Các bạn học lười biếng rất có thể chép mấy câu này lại, nếu thầy bảo nộp báo cáo thì cứ viết đó là học từ Trang Tử. Cho nên Lão Tử mới nói, hạng người như thế vẫn chỉ là **"lao hình truất tâm"** (thân nhọc lòng lo), trong lòng ôm mối ưu hoạn, lúc nào cũng thấy không ổn.

Cái trị chân chính của bậc minh vương

Thả dã hổ báo chi văn lai điền, viên thư chi tiện, chấp ly chi cẩu lai tá. Như thị giả, khả tỷ minh vương hồ? Dương Tử Cư xúc nhiên viết: Cảm vấn minh vương chi trị.

Vả lại, hổ báo vì hoa văn trên da mà chuốc lấy săn bắn, khỉ vượn vì lanh lẹ mà bị bắt, chó săn giỏi bắt được trâu ly cũng bị trói buộc mà phải phục dịch. Kẻ như thế, có thể sánh với bậc minh vương chăng? Dương Tử Cư giật mình thưa: Dám hỏi cái trị của bậc minh vương là thế nào?

Đó chính là đạo của Lão Trang, là tư tưởng của Đạo gia. Ở đây Trang Tử mượn lời Lão Tử, còn Lão Tử có từng nói như thế hay không thì không rõ, nhưng trong sách Trang Tử thì ghi như vậy. Vừa rồi Lão Tử đã nói, hạng người như thế, nếu xem là minh vương thì chưa thể nói được là không được, Lão Tử không hề đưa ra lời phán quyết dứt khoát; nói cách khác, hạng người ấy đã chẳng còn là sự tự nhiên của nhân tính, họ đã đem nhân tính mà chạm trổ, lại chồng thêm cái giả tạo của hậu thiên, khiến nhân tính rã rời tan nát.

Nói thêm một bước, chữ **"thả dã"** (且也 - vả lại) ở đây là lời nối tiếp. Còn câu "hổ báo chi văn lai điền", hổ báo mang trên mình hoa văn, bộ lông vừa đẹp vừa mượt; chữ **"điền"** (田 - đi săn) thời cổ gọi là điền lạp, ra đồng nội săn bắn. Vì sao thợ săn nhất định phải giết hổ báo cho được? Vì da chúng tốt, may áo da mặc vừa ấm lại vừa sang, hoa văn lại rất cao quý, cho nên cái mạng của hổ báo chính vì bộ da ấy mà chuốc lấy giết chóc.

Câu "viên thư chi tiện", "viên thư" (猨狙 - khỉ vượn) là một loài trong các loài khỉ, khỉ có nhiều loại, loài viên thư thân thể rất lanh lẹ, chuyền nhảy trên cây không ngừng. Khỉ vì lanh lẹ nên bị người ta bắt về nuôi, dạy làm trò, hoặc nhốt trong vườn thú. Câu "chấp ly chi cẩu lai tá", chữ **"ly"** (犛 - trâu ly) là trâu ly, một loài trâu to lớn mà vụng dại, còn chó săn thì rất tinh khôn, mũi chỉ cần đánh hơi là tìm ra mồi. Chó vì mũi thính nên được người ta nuôi thành chó săn. Hổ báo toàn thân đều hữu dụng, từ xương hổ, răng hổ, tủy xương cho tới da hổ, không thứ gì là không thể dùng để bồi bổ cho người; cũng như trâu, từ sữa trâu đến da trâu, lông trâu, thứ gì cũng hữu dụng, chính vì hữu dụng nên mới chuốc lấy tai họa. Khỉ vì quá thông minh mà bị bắt, chó nhỏ thông minh vì khứu giác tốt nên bị huấn luyện để đi săn, chữ **"tá"** (藉) ở đây nghĩa là bị người ta lấy dây trói lại mà sai khiến.

Câu "như thị giả, khả tỷ minh vương hồ?", Lão Tử nói, hạng người như thế mà bảo là bậc vua sáng, là thánh đế minh vương đó sao. Lẽ này của Lão Tử chỉ có thể tự ngộ, chẳng thể đem nói toạc ra, nói ra thì rất khó nghe. Biến con người thành chó, biến con người thành thứ này thứ khác, biến việc thiên hạ thành con mồi, đó đều là tư tưởng của Đạo

gia. Cho nên chuyện đuổi hươu nơi trung nguyên, là đem quốc gia thiên hạ biến thành con mồi, biến thành hổ báo, ai có bản lĩnh săn được thì miếng thịt ấy thuộc về kẻ ấy; còn những kẻ thông minh thì biến thành chó săn để giữ cửa, kẻ tháo vát thì thành khỉ nuôi để làm trò. Cái gọi là thánh đế minh vương theo nghĩa ấy, chẳng qua là người giữ vườn thú, nuôi một bầy vật cao minh mà thôi. Đại ý là như vậy, tôi chưa nói hết, vì thật sự không nói tiếp nổi, tấm màn trong ấy không thể xé toang; một khi xé toang thì đối với triết học lịch sử nhìn cho thấu, sẽ thấy hết sức vô vị. Ấy thế mà gọi là minh vương đó sao! Tôi xin nói rõ với chư vị, tôi đã giữ lại một chiêu.

Câu "Dương Tử Cư xúc nhiên viết: Cảm vấn minh vương chi trị", Dương Tử Cư nghe tới đây thì rất kinh ngạc, chau cả mày lại, bèn hỏi Lão Tử, bậc minh vương trị thiên hạ thì trị thế nào? Trang Tử miêu tả rằng càng là người cao minh thì cách dùng người của ông ta lại càng như thế. Lão Tử nói thế nào gọi là minh vương, bậc lãnh đạo cao minh chính là như vậy; cho nên Dương Tử Cư nghe rất chướng tai, bèn thỉnh hỏi rốt cuộc đạo trị đời của minh vương ra sao.

Lão Đam viết: Minh vương chi trị: công cái thiên hạ, nhi tự bất tự kỷ, hóa thải vạn vật nhi dân phất thị; hữu mạc cử danh, sử vật tự hỉ; lập hồ bất trắc, nhi du ư vô hữu giả dã.

Lão Đam nói: Cái trị của bậc minh vương là: công trùm thiên hạ mà dường như chẳng phải của mình, cảm hóa và cho mượn đến vạn vật mà dân chẳng nương cậy, có mà chẳng nêu danh, khiến muôn vật tự vui, đứng nơi không lường được mà dạo nơi không có gì.

Đó đều là học vấn về lãnh đạo vậy! Học vấn lãnh đạo cao nhất có mặt tốt lẫn mặt xấu, nhưng đây vẫn mới là bậc trên, chưa phải bậc cao tột; bậc cao tột thì Trang Tử đã giảng ở phía trước rồi. Những bậc minh vương trị đời ấy, kể từ Tần Thủy Hoàng trở đi, nếu đem lịch sử Trung Hoa mà nói, Tần Hán Đường Tống Nguyên Minh Thanh đều chưa đáng gọi là minh vương; ví như đem trình độ học vấn ra mà nói, những minh vương ấy mới chỉ là sinh viên năm thứ nhất của viện nghiên cứu chính trị, còn những minh vương thời thượng cổ như Hữu Ngu thị, Thái thị, thì là sinh viên đã tốt nghiệp viện nghiên cứu ấy; còn như Tần Thủy Hoàng, Hán Cao Tổ, Đường Thái Tông, Chu Nguyên Chương và những kẻ cùng hạng, thì là sinh viên bị đuổi học của viện nghiên cứu ấy, ví dụ là như vậy. Cho nên cái trị của bậc minh vương mà Lão Tử đang nói đây, dù chỉ là sinh viên năm thứ nhất, đã cao minh đến thế rồi.

Về "minh vương chi trị", ta bảo cho ngươi hay, "công cái thiên hạ, nhi tự bất tự kỷ"; ví như Chu Văn Vương, Chu Vũ Vương, cộng thêm Khương Thái Công giúp sức, mấy anh em Chu Công, mà khiến nhà Chu được tám trăm năm thiên hạ thái bình. Nói về công lao, lo việc cho bách tính thì công lao thứ nhất là vô công, thứ hai là làm việc cho bách tính, yêu người yêu thiên hạ, cho nên mới bảo là công trùm thiên hạ. Còn chữ **"tự"** (似 - dường như) thì phải chú ý, cái hay chính ở chữ dường như này, dường như chẳng chiếm lấy cho mình, ấy là điều Lão Tử nói **"dĩ thân vi thiên hạ tiên, thân tiên thiên hạ"** (lấy thân mình đi trước thiên hạ). "Công cái thiên hạ nhi tự bất tự kỷ" cũng chính là tư tưởng dân chủ ngày nay gọi là phục vụ nhân dân. Tư tưởng dân chủ từ phương Tây đến, phục vụ nhân dân, mọi người cũng phục vụ cho ta, lẽ là như nhau. Cho nên ngươi chịu hy sinh bản thân thì thiên hạ tự nhiên quy về; không chịu hy sinh bản thân thì một mình ngươi cũng chẳng sống nổi. Vì vậy người ta có thể sống vì mọi người thì chính mình mới có đời sống, ấy là công trùm thiên hạ mà dường như chẳng phải của mình.

Câu "hóa thải vạn vật", chữ **"thải"** (贷 - cho mượn, giả thác) ở đây là giả thác, cho mượn. Ông ta nói, bậc minh vương mượn sự cảm hóa của đạo đức, lòng yêu thương nhân từ thấm đến vạn vật, **"nhi dân phất thị"** (mà dân chẳng nương cậy), dân chúng trong lòng chẳng thấy sợ hãi gì, cảm thấy vị lãnh đạo này thật là vì chúng ta, là yêu thương chúng ta. Câu "hữu mạc cử danh, sử vật tự hỉ", ông ta cũng chẳng cần đề cao công đức và thanh danh của mình, mà thiên hạ ai nấy đều yêu mến ông.

Câu kế tiếp là quan trọng nhất, bốn chữ mà các đế vương đời sau lấy làm bí quyết: **"lập hồ bất trắc"** (đứng nơi không lường được), rốt cuộc cao bao nhiêu, sâu bao nhiêu, vĩ đại bao nhiêu, là điều ngươi không thể tưởng tượng, không thể ước lượng. Ấy là nói cái tâm của bậc thánh đế minh vương, ngươi không có cách nào dò đoán được, bởi ông ta đứng ở nơi bất trắc, chỉ bậc đắc đạo mới làm được chuyện đứng nơi bất trắc. Còn câu "nhi du ư vô hữu giả dã", đó mới là đạo chân chính, thật sự làm được đến mức ấy thì có thể học đạo được rồi, ấy là dạo tâm nơi cõi vô hữu, cuối cùng dạo tâm trong cảnh giới không linh rỗng suốt.

Đối với thiên *Ứng Đế Vương*, Trang Tử treo ở bốn đoạn bốn vấn đề, ông không nối chúng lại cho ngươi. Kỳ thực mỗi đoạn ông đều đã nối lại cho ngươi rồi, ở giữa phải dùng tư tưởng mà nối, chớ để văn chương của Trang Tử đánh lừa. Thiên *Ứng Đế Vương* này, xét như mật tông thì là mật tông hay nhất của ông, bí mật hết sức! Nhưng ông bày ra ngay trước mắt mà ngươi vẫn không hiểu, nếu ngươi nối mấy đoạn ấy lại thì sẽ đại triệt đại ngộ. Chẳng phải đại triệt đại ngộ của Thiền tông, mà là đối với một đạo *Ứng Đế Vương* này mà đại triệt đại ngộ, vậy thì đạo nhập thế, triết học lịch sử đều thông suốt cả.

Thần vu xem tướng cho Hồ Tử

Trịnh hữu thần vu viết Quý Hàm, tri nhân chi tử sinh tồn vong, họa phúc thọ yêu, kỳ dĩ tuế nguyệt tuần nhật, nhược thần. Trịnh nhân kiến chi, giai khí nhi tẩu.

Nước Trịnh có thầy vu thần tên là Quý Hàm, biết được sống chết, còn mất của người ta, họa phúc, thọ yểu, hẹn đến năm tháng tuần ngày, như thần. Người nước Trịnh thấy ông ta, đều bỏ mà chạy.

Nước Trịnh có một vị vu sư ghê gớm nhất, vị vu sư này thần hóa quá mức, hơn bất cứ giáo chủ, pháp sư, hoạt Phật, đại sư nào, nói chung hơn mọi thứ thầy. Thần vu tên là Quý Hàm, biết được quá khứ vị lai. Mấy vấn đề con người ta cần hỏi nhất, thần vu đều biết: **"tri nhân chi tử sinh tồn vong"** (biết được sống chết còn mất của người), biết khi nào ngươi sẽ chết, đời sau ngươi đầu thai đi đâu, đời trước ngươi từ đâu biến đến. Ông ta có thể biết việc còn mất, thành công với thất bại, quốc gia có vấn đề gì chăng, chính quyền có vấn đề gì chăng, việc tồn tại và diệt vong, ông đều biết trước. Còn "họa phúc", có gặp tai họa chăng, mua cổ phiếu có lời chăng, tiền lãi có sụt chăng, những họa phúc ấy ông đều rõ mồn một. Lại còn **"thọ yêu"** (sống lâu hay chết yểu), sống đến bao nhiêu tuổi, có phải sống đến chín mươi chín hay một trăm lẻ một, ngày nào sẽ chết, mấy thứ ấy đều là vấn đề lớn của đời người, ông đều biết cả.

Những chuyện con người ta ngày ngày lo lắng là sống chết còn mất, họa phúc thọ yểu, vị thần vu này đều biết hết. Câu **"kỳ dĩ tuế nguyệt tuần nhật, nhược thần"** (hẹn bằng năm tháng tuần ngày, như thần), ông chỉ cần bảo ngươi mười hôm nữa sẽ chết, thì dù có chụp dưỡng khí cũng không kịp, truyền nước biển xô chậu cũng vô dụng, không cứu nổi, ông nói ngươi khi nào chết là sẽ chết đúng như thế, đoán chuẩn xác **"nhược thần"** (như thần). Vì vậy người nước Trịnh hễ thấy ông là bỏ chạy, sợ ông buột miệng nói một lời xấu, hay phán khi nào phải chết, nên đều sợ chết khiếp, thấy ông là trốn.

Liệt Tử kiến chi nhi tâm túy, quy, dĩ cáo Hồ Tử, viết: Thủy ngô dĩ phu tử chi đạo vi chí hĩ, tắc hựu hữu chí yên giả hĩ.

Liệt Tử thấy ông ta thì lòng say mê, trở về thưa với Hồ Tử rằng: Trước đây con cho đạo của phu tử là tột bậc rồi, nay lại còn có bậc tột hơn nữa.

Theo truyền thống Đạo gia, Liệt Tử là học trò của Trang Tử, câu **"kiến chi nhi tâm túy"** (thấy ông ta mà lòng say đắm), trong lòng liền mê mẩn; tin một người đến mức nhập mê, như uống rượu say, gọi là **"tâm túy"** (心醉 - lòng say). Về sau trong văn chương có thành ngữ say mê ai đó, chính là mê đến như uống rượu say, hồ đồ lú lẫn, lại như

uống phải thuốc mê, cho nên Liệt Tử gặp người này thì như uống phải thuốc mê vậy. Câu **"dĩ cáo Hồ Tử"** (đem về thưa với Hồ Tử), trở về thưa với thầy là Hồ Tử, thưa rằng người này có thần thông.

Câu "thủy ngô dĩ phu tử chi đạo vi chí hĩ, tắc hựu hữu chí yên giả hĩ", ông ta cũng rất thật thà thưa với Hồ Tử: Thưa thầy, con tìm được một vị thầy giỏi, trước đây con tưởng đạo của người là cao nhất, trên đời chỉ có người là bậc nhất! Nay con lại tìm được một bậc nhất khác, người thành bậc nhì rồi; có một người còn cao hơn người, người ấy chính là Quý Hàm, thần vu. Người học trò Liệt Tử này rất thật thà, không như một số học trò ngại ngùng không dám nói; ông nói thẳng, vì như thế mới là học trò tốt. Còn vị thầy Hồ Tử này cũng rất thẳng thắn.

Hồ Tử viết: Ngô dữ nhữ ký kỳ văn, vị ký kỳ thực, nhi cố đắc đạo dư? Chúng thư nhi vô hùng, nhi hựu hề noãn yên! Nhi dĩ đạo dữ thế kháng, tất tín, phù cố sử nhân đắc nhi tương nhữ. Thường thí dữ lai, dĩ dư thị chi.

Hồ Tử nói: Ta cho ngươi mới chỉ cái hoa văn bề ngoài, chưa cho cái thực chất, mà ngươi đã cho là đắc đạo ư? Toàn mái mà không có trống, thì làm sao có trứng được! Ngươi lấy chút đạo mà đối kháng với đời, ắt đã hiện rõ ra ngoài, cho nên người ta mới có thể xem tướng ngươi. Hãy thử dắt ông ta lại đây, cho ta hiện cho ông ta xem.

Hồ Tử nói: Thế à! Vốn ngươi cho ta là bậc nhất, nay ta thành bậc nhì rồi. Nhưng Hồ Tử bảo: Này chú em, ta đã sớm biết cái gã nhà ngươi không đáng tin, nên ta đã giữ lại một chiêu. Ta bảo cho ngươi hay cái đạo ấy, câu **"ngô dữ nhữ ký kỳ văn, vị ký kỳ thực"** (ta cho ngươi mới chỉ cái văn, chưa cho cái thực), cái đạo bề ngoài thì truyền cho ngươi một chút, còn chân đạo thì ta vẫn cất trong túi; biết ngươi không đáng tin nên chưa truyền. Câu **"nhi cố đắc đạo dư?"** (mà đã cho là đắc đạo ư?), ngươi tưởng ta đã truyền đạo cho ngươi rồi sao? Chân đạo ta chưa hề truyền cho ngươi đâu! Câu **"chúng thư nhi vô hùng, nhi hựu hề noãn yên"** (toàn mái mà không có trống, thì sao có trứng), ta truyền đạo cho ngươi cũng như đưa cho ngươi mấy con gà mái mà không đưa gà trống, thì vĩnh viễn chẳng đẻ được gà con, chẳng có kết quả, tu không thành, ngươi tưởng mình đã đắc đạo ư!

Câu "nhi dĩ đạo dữ thế kháng, tất tín, phù cố sử nhân đắc nhi tương nhữ", chao ôi, đứa nhỏ này, cho nên ta không thể truyền đạo cho ngươi, ngươi có biết chăng? Ta đã sớm thấy ngươi không ổn, nên mới giữ lại một chiêu. Ngươi cho rằng học được chút đạo, "dữ thế kháng", chữ **"kháng"** (亢 - cao ngạo mà đối kháng) chính là ngạo mạn, người tu đạo thường mắc tật này, cho rằng học thành bậc nhất thiên hạ rồi, vượt lên trên thế gian, như thế thì không thể tu đạo; dù Phật hay Đạo, càng học càng khiêm tốn càng bình phàm mới học được. Ngươi học được chút đạo mà "dữ thế kháng", như vậy có được chăng? Câu **"tất tín, phù cố sử nhân đắc nhi tương nhữ"** (ắt đã hiện rõ, cho nên người ta mới xem tướng được ngươi), bởi ngươi tự thấy mình có đạo có pháp, chỗ nào cũng giữ vẻ đạo mạo, miệng đầy lời đạo, ừ à ậm ừ, cho nên người ta vừa nhìn đã biết ngươi là kẻ tu đạo. Cũng như ở đây nhìn qua, kẻ học Phật thì một thân mùi Phật xộc lên, cái ấy thật khó chịu. Ngươi chính là như thế, cho nên người ta vừa nhìn đã biết. Chà, vốn ta là bậc nhất, ngươi đã tìm được một bậc nhất khác thì hãy dắt bậc nhất ấy lại cho lão nhị này xem một chút. Câu **"thường thí dữ lai, dĩ dư thị chi"** (hãy thử dắt lại đây, cho ta hiện cho xem), ngươi bảo ông ta đến xem ta.

Minh nhật, Liệt Tử dữ chi kiến Hồ Tử. Xuất nhi vị Liệt Tử viết: Hi! Tử chi tiên sinh tử hĩ! Phất hoạt hĩ! Bất dĩ tuần số hĩ! Ngô kiến quái yên, kiến thấp hôi yên.

Hôm sau, Liệt Tử dắt ông ta đến gặp Hồ Tử. Ra ngoài bảo Liệt Tử rằng: Than ôi! Thầy của ngươi chết mất rồi! Không sống nổi nữa! Chẳng tính bằng tuần nữa đâu! Ta thấy quái lạ, thấy như tro ướt.

Hôm sau, câu "Liệt Tử dữ chi kiến Hồ Tử", Liệt Tử bèn dắt vị đệ nhất lão sư ấy đến xem Hồ Tử, mới liếc một cái mà gã kia đã chạy ra ngoài. Câu "xuất nhi vị Liệt Tử viết", ra ngoài bảo Liệt Tử rằng: "Hi! Tử chi tiên sinh tử hĩ! Phất hoạt hĩ! Bất dĩ tuần số hĩ! Ngô kiến quái yên, kiến thấp hôi yên." Than ôi, nguy to rồi, thầy của ngươi sắp chết rồi! Không sống nổi, dù thuốc Tàu thuốc Tây hay phương thuốc dân gian nào cũng chẳng trị nổi. "Bất dĩ tuần số hĩ", chẳng

đến mười hôm, chắc chắn chết, không nghi ngờ gì! "Ngô kiến quái yên", ta nhìn còn chẳng dám nhìn lâu, người sắp chết hình dung rất quái lạ, toàn một vẻ chết. Câu "kiến thấp hôi yên", như tro chết còn bị dội nước, tro đã ướt mà còn hóa thành nền xi măng, thì còn sống sao được!

Liệt Tử nhập, khấp thế triêm khâm dĩ cáo Hồ Tử. Hồ Tử viết: Hương ngô thị chi dĩ địa văn, manh hồ bất chấn bất chính.

Liệt Tử vào, nước mắt nước mũi thấm ướt vạt áo mà thưa với Hồ Tử. Hồ Tử nói: Vừa rồi ta hiện cho ông ta xem bằng địa văn, mới nhú mà chẳng động chẳng ngay.

Câu "Liệt Tử nhập, khấp thế triêm khâm dĩ cáo Hồ Tử", Liệt Tử quả còn có lương tâm, bất kể thầy bậc nhất hay bậc nhì, chung quy đã từng gọi là thầy, nên trở về rất đau lòng, nước mắt nước mũi ròng ròng, thưa thầy hỏng rồi, phải lo đám tang thôi. Hồ Tử bảo, ngươi khóc cái gì, đừng sợ. Câu "hương ngô thị chi dĩ địa văn, manh hồ bất chấn bất chính", ngươi hiểu gì chứ! Đừng sợ, vừa rồi ông ta đến, ta thử ông ta một chút, hiện cho ông ta xem một bộ mặt khác, cho ông ta xem một thứ công phu, chính là đem khí dừng lại, hô hấp cũng bế lại, ánh sáng trên người đều thu vào, mặt liền biến thành bộ dạng như tro chết; cho nên trông ra không có đạo, lưng cũng còng xuống, một vẻ quái dị. Ta hiện một thứ thần thông công phu cho ông ta xem, ông ta liền xem không hiểu. Ngươi chẳng bảo ông ta biết được quá khứ vị lai sao? Lần này ông ta liền không biết đó thôi! Ta vừa rồi hiển thị chính là đạo **"địa văn"** (地文 - văn của đất). Chữ **"manh"** (萌) là mới ló ra chút ít cho ông ta xem, "bất chấn bất chính" là không lay động, chết cứng; cái tà thì bất chính, cái chính thì là sống, cái chấn thì vĩnh viễn vận động. Phải chú ý, xem mặt trái thì sẽ hiểu, đây là mật tông của Trang Tử đấy! Bất chấn, cho nên các ngươi ngồi thiền tu đạo, chớ tưởng thân thể run rẩy là chấn, không phải nghĩa ấy, chữ **"chấn"** (震 - rung động, quẻ Chấn, chủ về sống động) ở đây tượng trưng cho cái sống.

Lại xem lời chú của Quách Tượng cho đoạn này: **"Manh nhiên bất động, diệc bất tự chính, dữ khô mộc đồng kỳ bất hoa, thấp hôi quân ư tịch phách, thử nãi chí nhân vô cảm chi thời dã. Phù chí nhân kỳ động dã thiên, kỳ tĩnh dã địa, kỳ hành dã thủy lưu, kỳ chỉ dã uyên mặc. Uyên mặc chi dữ thủy lưu, thiên hành chi dữ địa chỉ, kỳ ư bất vi nhi tự nhĩ, nhất dã. Kim Quý Hàm kiến kỳ thi cư nhi tọa vong, tức vị chi tương tử, đổ kỳ thần động nhi thiên tùy nhân vị chi hữu sinh, thành ứng bất dĩ tâm nhi lý tự huyền, phù dữ biến hóa thăng giáng nhi dĩ thế vi lượng, nhiên hậu túc vi vật chủ, nhi thuận thời vô cực, cố phi tướng giả sở trắc nhĩ. Thử ứng đế vương chi đại ý dã."** (Mới nhú mà bất động, cũng chẳng tự ngay, cùng cây khô đồng vẻ không hoa, cùng tro ướt đều cảnh tịch mịch, đó là lúc bậc chí nhân vô cảm vậy. Chí nhân động thì như trời, tĩnh thì như đất, đi thì như nước chảy, dừng thì như vực sâu lặng. Vực lặng với nước chảy, trời hành với đất dừng, ở chỗ không làm mà tự nhiên như thế, là một vậy. Nay Quý Hàm thấy ông ta thây ngồi mà ngồi quên, liền bảo sắp chết, thấy thần ông động mà trời theo liền bảo có sống, quả thật ứng chẳng bởi tâm mà lý tự huyền diệu, hợp với biến hóa lên xuống mà lấy đời làm mức, sau mới đủ làm chủ muôn vật mà thuận thời vô cùng, cho nên chẳng phải kẻ xem tướng đo lường nổi. Đó là đại ý của thiên Ứng Đế Vương.)

Câu "manh nhiên bất động, diệc bất tự chính, dữ khô mộc đồng kỳ bất hoa, thấp hôi quân ư tịch phách, thử nãi chí nhân vô cảm chi thời dã", cho nên công phu chính là nhập định, đến cảnh giới ấy thì cùng ngoại giới, gọi là trong ngoài ngăn cách, là lúc vô cảm vậy. Câu "phù chí nhân kỳ động dã thiên, kỳ tĩnh dã địa, kỳ hành dã thủy lưu", lúc làm việc thì như mây trôi nước chảy. Câu **"kỳ chỉ dã uyên mặc, uyên mặc chi dữ thủy lưu, thiên hành chi dữ địa chỉ, kỳ ư bất vi nhi tự nhĩ, nhất dã"** (lúc dừng thì như vực sâu lặng lẽ; vực lặng ấy với nước chảy kia, trời hành với đất dừng, đều ở chỗ chẳng làm mà tự nhiên như thế, vốn là một).

Câu "kim Quý Hàm kiến kỳ thi cư nhi tọa vong, tức vị chi tương tử, đổ kỳ thần động nhi thiên tùy nhân vị chi hữu sinh, thành ứng bất dĩ tâm nhi lý tự huyền, phù dữ biến hóa thăng giáng nhi dĩ thế vi lượng, nhiên hậu túc vi vật chủ

nhi thuận thời vô cực, cố phi tướng giả sở trắc nhĩ. Thử ứng đế vương chi đại ý dã", người nhập định thì như cái thây ngồi ở đó mà **"tọa vong"** (ngồi mà quên), ông ta đã rỗng không. "Thi cư" cũng là một thứ định đấy, không phải mọi thứ định đều như vậy, loại này trong Đạo gia gọi là nhập định địa văn (地文), định của địa tiên. Ông ta nói nay Quý Hàm thấy Hồ Tử thây ngồi, người ấy như cái thây ngồi ở đó, tọa vong, dường như dương thần đã xuất khiếu, rời khỏi thân thể. Vì vậy xem tướng là không xem ra được.

Nói theo lời lẽ thông thường, đoạn *Ứng Đế Vương* này, thầy của Liệt Tử là Hồ Tử đang cùng thần vu đấu pháp đó! Nói theo giọng tiểu thuyết, Hồ Tử biểu thị một cảnh giới tu đạo cho vị thần vu xem, thần vu liền bảo ông sắp chết. Dưới đây trở lại văn gốc của Trang Tử, Hồ Tử bảo Liệt Tử.

Cảnh giới của Hồ Tử

Thị đãi kiến ngô đỗ đức cơ dã. Thường hựu dữ lai.

Ấy là ông ta chỉ mới thấy chỗ then chốt của đức nơi ta đã đóng lại mà thôi. Hãy thử dắt ông ta lại đây lần nữa.

Chữ **"đỗ đức cơ"** (杜德机 - đóng then chốt của đức) là thuật ngữ do Trang Tử tự đặt ra, trước Trang Tử chưa từng thấy trong sách vở nào của Trung Hoa. Gọi là **"đỗ"** (杜), nghĩa là khép cửa lại. **"Đức"** (德) ở đây chỉ mọi tác dụng hoạt động của sinh mệnh, nếu đem then chốt ấy khép lại thì tất cả đều đóng sập. Đạo lý của sự đóng kín này, nếu đem công phu tu dưỡng thiết thực mà nói, chính là mức mà một người học đạo thông thường đạt tới khi **"khí trụ mạch đình"** (气住脉停), tức là khí đã trụ, mạch đã ngừng. Nhưng đỗ đức cơ không chỉ là khí trụ mạch đình mà thôi. Ví như đem khí hít thở dừng lại, máu không còn lưu hành, mạch không còn đập, đó là công phu trên mặt sinh lý. Loại công phu sinh lý này, chẳng riêng người đắc được thiền định mới làm nổi, nhiều người luyện khí công, luyện võ công hay luyện thuật du già cũng có thể làm được; nhưng vẫn chưa thể kể là cảnh giới cao nhất của khí trụ mạch đình, cũng chưa thể kể là cảnh giới của thiền định.

Cái gọi là cảnh giới thiền định, khí trụ mạch đình còn kể là dễ, mà tư tưởng niệm lự thảy đều đóng kín lại thì mới thật khó; còn khó hơn cả khí trụ mạch đình. Tư tưởng hoàn toàn khép kín, hô hấp hầu như ngừng hẳn, huyết mạch cũng không còn lưu hành, toàn thân mạch đập đều dừng. Sự phối hợp thân tâm như thế chính là cảnh giới của đỗ đức cơ. Nay ta đem tình trạng thực tại của đỗ đức cơ này giảng rõ cùng chư vị. Tên gọi đỗ đức cơ trong văn chương Trung Hoa thường xuất hiện, rất nhiều thơ từ và văn chương người xưa vẫn hay trích dẫn. Nay Hồ Tử bảo Liệt Tử, vị thần vu kia trông thấy ông rồi bỏ chạy, bởi lúc ấy ta cho ông ta xem là cảnh giới địa văn. Lấy ba phù hiệu trời, đất, người làm chuẩn, lần này công phu tu dưỡng ta hiện cho ông ta xem là địa văn. Cái gọi là địa thì thuộc âm, thuần âm, chẳng phải dương, vì thế ông dặn Liệt Tử: hãy thử dắt lại đây.

Minh nhật, hựu dữ chi kiến Hồ Tử. Xuất nhi vị Liệt Tử viết: Hạnh hĩ, tử chi tiên sinh ngộ ngã dã! Hữu sưu hĩ, toàn nhiên hữu sinh hĩ! Ngô kiến kỳ đỗ quyền hĩ.

Hôm sau, lại dắt ông ta đến gặp Hồ Tử. Ra ngoài bảo Liệt Tử rằng: May thay, thầy của ngươi gặp được ta! Đã đỡ rồi, hoàn toàn có sinh khí rồi! Ta thấy ông ta đã đỗ quyền rồi.

Hôm sau Liệt Tử lại dắt ông ta đến gặp Hồ Tử. Trong đó câu "xuất nhi vị Liệt Tử viết: Hạnh hĩ, tử chi tiên sinh ngộ ngã dã! Hữu sưu hĩ", thần vu ra ngoài nói với Liệt Tử hôm nay thì tốt rồi, thật may mắn, thầy của ngươi rốt cuộc gặp được ta, cái mạng này cứu được rồi; "toàn nhiên hữu sinh hĩ"! Hôm nay trông qua đã có sinh cơ, sẽ không chết, đều là công lao của ta, vì ông ta đã được ta xem qua một cái. Đó cũng là cách nói thường thấy của người đời nay, nào là nhờ ta gia bị, nhờ cảm ứng của ta, hay ta niệm một câu chú là đã cứu được ông ta; đều là kiểu quy hết công về mình. Thần vu còn nói nay ta thấy ông ta "kiến kỳ đỗ quyền hĩ", chữ **"đỗ quyền"** (杜权 - tạm đóng quyền biến) khác với đỗ đức

cơ. Chữ đỗ (杜) thì là đóng kín, cho nên khi đọc sách xưa ta thường gặp câu **"đỗ môn tạ khách"** (đóng cửa từ khách, khép cửa không tiếp khách). Ông ta nói lần trước thấy ông ta sắp chết, hoàn toàn đóng kín, hôm nay tạm thời còn một tia sinh cơ, cứu được rồi.

Liệt Tử nhập, dĩ cáo Hồ Tử. Hồ Tử viết: Hương ngô thị chi dĩ thiên nhưỡng, danh thực bất nhập, nhi cơ phát ư chủng. Thị đãi kiến ngô thiện giả cơ dã. Thường hựu dữ lai.

Liệt Tử vào, đem lời ấy thưa với Hồ Tử. Hồ Tử nói: Vừa rồi ta hiện cho ông ta xem bằng thiên nhưỡng, danh và thực chẳng lọt vào, mà máy động phát ra nơi gót chân. Ấy là ông ta chỉ mới thấy được cái máy động phần thiện của ta mà thôi. Hãy thử dắt lại đây lần nữa.

Liệt Tử nghe lời ấy thì rất mừng, trở về thưa lại với thầy. Hồ Tử nói: "Hương ngô thị chi dĩ thiên nhưỡng", trong rất nhiều sách cổ của văn hóa Trung Hoa, chữ **"hương"** (乡) này thông với chữ **"hướng"** (向), nhiều chỗ dùng lẫn, nghĩa là vừa rồi. Ông nói vừa rồi ta hiện cho ông ta xem là "thiên nhưỡng", tức là hướng lên cao, dương khí bốc lên đi về khoảng không trên cao, là cảnh giới của trời.

Câu "danh thực bất nhập, nhi cơ phát ư chủng. Thị đãi kiến ngô thiện giả cơ dã." Ta phải chú ý! Đây chính là công phu ba bước trong tu dưỡng, đỗ đức cơ là học vấn của địa văn, hoàn toàn đi vào cảnh giới âm, chìm lắng xuống đến mức chẳng còn gì. Như Trang Tử nói rành rọt đến thế, đối với người học Phật tu thiền định chúng ta rất có ích; nói cách khác, người thường tu dưỡng rất ngưỡng vọng nhập định. Kỳ thực nhập định chân chính, đem đạo lý văn hóa Trung Hoa mà nói, chính là cảnh giới âm, chính là đóng kín. Cái gọi là tu đạo thành tựu, đem quan niệm Đạo gia mà nói, là phải được cái thân thuần dương, là cảnh giới thuần dương; cảnh giới thuần dương không phải là đóng kín, mà là khai phát, ngang với cái mà nhà Phật gọi là **"Đại viên kính trí"** (大圆镜智 - trí như gương tròn lớn) hay **"Phật quang phổ chiếu"** (ánh Phật chiếu khắp).

Nhưng muốn dương khí chân chính phát khởi, ắt phải đi qua cảnh giới âm mới được. Bởi **"âm cực tắc dương sinh"** (âm đến tột cùng thì dương sinh), cho nên tĩnh đến tột điểm mới có thể chân chính phát khởi cái động; cái động ấy không phải là đại động, mà là tĩnh trung tự động, chính là cảnh giới thăng hoa. Trang Tử viết đến chỗ này cũng coi như đã tiết lộ hết tình trạng thực tế của những cảnh giới ấy cho chúng ta. Ông nói đến cảnh giới này là "danh thực bất nhập", chữ **"danh"** (名) đại biểu mọi hiện tượng bên ngoài; chữ **"thực"** (实) đại biểu mọi hoàn cảnh bên ngoài mà ta cho là chân thực. Nói cách khác, đến cảnh giới này, cái gọi là danh thực bất nhập, không phải là trong ngoài ngăn cách, mà là mọi cảnh giới bên ngoài dẫu có tác động ập tới, tâm này vẫn bất động, là tự nhiên bất động niệm, chứ không phải cố ý khống chế.

Người thường muốn tu dưỡng đến mức bất động tâm, đem niệm lự hoàn toàn khống chế cho bất động, đã vô cùng khó; dù làm được cũng mới chỉ là cảnh giới địa văn, là cảnh giới âm. Dù đạt đến điểm cao nhất của cảnh giới âm, đối với sự tu dưỡng của đạo vẫn còn chưa thấy bóng dáng gì! Chỉ mới sờ được bước đầu mà thôi! Đợi đến cảnh giới "thiên văn", cái gọi là cảnh giới "thiên nhưỡng", khi âm cực dương sinh thì mới là danh thực bất nhập. Nếu thêm hai chữ nữa thì là "danh thực bất nhập ư trung"; chữ **"trung"** (中) này không phải là tim hay não, mà là cái trung trừu tượng, ngang với bản thể tự tính.

Danh thực chẳng lọt vào trung, **"nhi cơ phát ư chủng"** (mà máy động phát ra nơi gót chân). Chữ **"cơ"** (机 - máy động, then chốt) lúc này cũng bao hàm cả khí. Có điều khí chưa hoàn toàn là cơ, trong câu này chữ cơ chính là cái mà nay ta gọi là tu khí mạch. Người tu đạo học Phật ngày nay rất chuộng tu khí mạch; khí thì là khí, nhưng phải chú ý, không phải là tu cái khí hít thở nơi mũi; khí hít thở nơi mũi chỉ là bước đầu sơ đẳng nhất của khí. Bởi cái khí này chẳng có gì đáng tu, mọi người dốc sức luyện khí công phải đặc biệt lưu ý, vì cái khí này là thứ qua lại, có sinh có diệt,

hít vào một cái rồi thở ra một cái. Hít vào cố sức khống chế không cho thở ra, thở ra rồi lại dừng không cho hít vào, như thế cũng chỉ kéo dài thêm chút thời gian mà thôi! Công phu có cao, thời gian dừng có lâu, nó vẫn là một vào một ra.

Cho nên cho rằng khí hít thở chính là khí của sinh mệnh thì hoàn toàn sai. Bởi cái khí này có sinh có diệt, có đến có đi, cho nên tu tức tu khí, tức là một sinh một diệt. Trong khoảng ấy, bản năng sinh diệt, tác dụng ấy mới gọi là khí. Trên nguyên lý là như thế, cũng là sự thực, mọi người hãy tự mình thể nghiệm. Cho nên chỗ chỉ của "cơ phát ư chủng" này, chính là cái khí mà ta nói tới khi bàn khí mạch.

Còn nói tới mạch thì lại tiến thêm một tầng so với khí. Mạch không phải là huyết quản, cũng không rời từng vi huyết quản và thần kinh, đó chỉ là bước đầu của nó. Mạch chân chính còn chẳng phải là vi huyết quản hay thần kinh, mà là sự giao lưu, giao thông giữa sinh mệnh ta với vũ trụ, mắt không trông thấy, vô hình vô tượng, nhưng lại có tác dụng ấy; chỉ có đem chính thân mình ra thí nghiệm, khi công phu tu dưỡng đạt tới thì tự nhiên sẽ biết. Cho nên tu khí tu mạch, tu cho thành tựu thì chính là cái cơ (机 - máy động, then chốt) mà Trang Tử nói tới, chữ cơ của cơ quan này, là đã nắm được then chốt vậy. Câu **"nhi cơ phát ư chủng"** (mà máy động phát ra nơi gót chân), khí mạch đều phát động từ gan bàn chân; điểm này ta vẫn thường nhấn mạnh, vô cùng quan trọng. Cho nên trong bảy thiên Nội thiên của Trang Tử, ở *Tề Vật Luận*, *Tiêu Dao Du* cũng đều từng nói; người thường hít thở chỉ tới phổi hay nơi cổ họng, chính là sự qua lại của hô hấp vừa nói, cho nên người thường sống đến một quãng thời gian nhất định ắt phải chết.

Nhưng bậc chí nhân, người đắc đạo thì mỗi hơi thở đều tới gót chân, đó chính là cơ phát ư chủng. Cho nên gót chân này, gan bàn chân này vô cùng quan trọng. Nhất là gan bàn chân, người xưa có câu chí lý **"tinh tòng túc để sinh"** (tinh sinh từ gan bàn chân), chữ **"tinh"** (精) này không chỉ tinh trùng hay trứng, mà là tinh của tinh thần, tức là cái gốc của sinh mệnh. Tinh tòng túc để sinh, là sinh mệnh của tinh thần, cho nên mới nói cơ phát ư chủng.

Thầy của Liệt Tử là Hồ Tử nói: **"Thị đãi kiến ngô thiện giả cơ dã"** (ấy là ông ta chỉ mới thấy được cái máy động phần thiện của ta mà thôi), ông bảo người này rốt cuộc cũng đã thấy được chút ít, cũng hiểu được đôi chút, xem tướng mà! Người này rốt cuộc cũng biết xem rồi; đã thấy được mặt thiện, mặt tốt của ta. Chữ **"thiện"** (善) là đại biểu cho dương, người Trung Hoa bàn chuyện tu dưỡng thường nói **"vi thiện tối lạc"** (làm điều thiện vui nhất), đó không phải là lý thuyết suông, mà là chuyện thiết thực; người chân chính làm việc thiện sẽ vô cùng an vui. An vui không phải là cao hứng đâu! Cao hứng còn chưa kể là an vui. Bởi tư tưởng thiện đại biểu cho dương, dương cơ liền sung mãn, sinh cơ liền sung mãn. Làm việc xấu, lo sầu khổ lự, là đại biểu cho âm, hoặc việc ác càng làm càng nhiều thì âm khí càng nặng. Người xem tướng thông thường cũng trông ra được. Cho nên ông nói người này rốt cuộc đã thấy được mặt thiện của ta, đã thấy dương cơ phát động. Vì thế ông lại bảo Liệt Tử: hãy thử dắt lại đây, đây là lần thứ hai.

Minh nhật, hựu dữ chi kiến Hồ Tử. Xuất nhi vị Liệt Tử viết: Tử chi tiên sinh bất tề, ngô vô đắc nhi tướng yên. Thí tề, thả phục tướng chi.

Hôm sau, lại dắt ông ta đến gặp Hồ Tử. Ra ngoài bảo Liệt Tử rằng: Thầy của ngươi không đều, ta không sao xem tướng được. Hãy thử cho đều lại, rồi sẽ xem lại.

Hôm sau Liệt Tử lại dắt ông ta đến gặp Hồ Tử. Xem Hồ Tử xong, ông ta ra ngoài nói: Thầy của ngươi thật khó hiểu, người này không bình thường, lúc thế này lúc thế khác, không chỉnh tề, không nhất quán, điên đảo lộn xộn. Câu **"ngô vô đắc nhi tướng yên"** (ta không sao xem tướng được), ta nhìn không thấu, ta không có cách nào xem tướng ông ta. Câu **"thí tề, thả phục tướng chi"** (hãy thử cho đều lại, rồi sẽ xem lại), cứ từ từ, đợi ông ta hết điên đảo, trở lại bình thường thì ta sẽ lại xem.

Liệt Tử nhập, dĩ cáo Hồ Tử. Hồ Tử viết: Ngô hương thị chi dĩ thái xung mạc thắng, thị đãi kiến ngô hành khí cơ dã.

Liệt Tử vào, đem lời ấy thưa với Hồ Tử. Hồ Tử nói: Vừa rồi ta hiện cho ông ta xem bằng thái xung mạc thắng, ấy là ông ta chỉ mới thấy được cái máy động hành khí nơi ta mà thôi.

Liệt Tử vào thưa lại với Hồ Tử. Hồ Tử nói đã ba lần rồi, một lần là đỗ đức cơ, một lần là thiện giả cơ, nay nói một lần hành khí cơ. Ông nói vừa rồi ta hiện cho ông ta xem là **"thái xung"** (太冲 - xung lớn). Người học y học Trung Hoa đọc *Hoàng Đế Nội Kinh* có nói tới **"xung mạch"** (冲脉 - mạch xung), cũng có thể đại biểu cho **"trung mạch"** (中脉 - mạch giữa) mà Mật tông nói tới. "Thái xung" chính là trên dưới quán thông, thiên nhân nhất quán, ông nói vừa rồi ta cho ông ta xem là đứng trên đạo lý trung đạo. Nếu rời vấn đề khí mạch thân thể, đem quan niệm triết học của trung đạo mà nói, thì chẳng phải không, cũng chẳng phải có; cho nên ông ta nhìn không ra cảnh giới hình nhi thượng của đạo. Câu **"thái xung mạc thắng"** (thái xung chẳng gì thắng nổi), là không có gì vượt qua được nó; đó chính là không vậy! Là chân không. Trên đời mọi thứ đều có thể so sánh, chỉ riêng không thì không có cách nào so, không thì là không, chẳng còn so sánh gì nữa, cho nên mới nói thái xung mạc thắng. Câu **"thị đãi kiến ngô hành khí cơ dã"** (ấy là ông ta chỉ mới thấy được cái máy động hành khí nơi ta mà thôi), chữ **"hành"** (衡) này mang nghĩa cân bằng, tức là bình đẳng, bình đẳng viên mãn. Ông nói vừa rồi rốt cuộc ông ta đã thấy ta ở cảnh giới như nhà Phật nói là vạn pháp bình đẳng, vạn niệm đều không.

Trang Tử lại kể một câu chuyện, thiên *Ứng Đế Vương* này rất hay, từng đoạn từng đoạn đều là chuyện kể, không có chỗ nào làm lời kết trọn vẹn. Kỳ thực lời kết nằm ngay trong nhan đề Ứng Đế Vương; nói cách khác, lời kết nằm ngay trong tâm chúng ta, hãy tự mình dùng trí tuệ mà kết luận vậy! Ứng Đế Vương cũng chính là đạo nhập thế vậy.

Hồ Tử nói về tu đạo

Nghê hoàn chi thẩm vi uyên, chỉ thủy chi thẩm vi uyên, lưu thủy chi thẩm vi uyên. Uyên hữu cửu danh, thử xứ tam yên. Thường hựu dữ lai.

Chỗ con nghê hoàn lượn mãi thành vực sâu, chỗ nước đứng lặng mãi thành vực sâu, chỗ nước chảy mãi thành vực sâu. Vực sâu có chín tên, ở đây mới kể ba. Hãy thử dắt ông ta lại đây nữa.

Đoạn này Hồ Tử lấy nước làm dụ, đem ra giảng về tu đạo; những ai đang học Duy thức càng nên lấy đây làm tham chiếu. Duy thức nói căn bản của sinh mệnh là thức thứ tám A lại da, gọi là **"nhất thiết chủng tử như bộc lưu"** (hết thảy hạt giống như thác đổ), như một dòng nước tuôn chảy không dứt. Ta hãy tạm dừng mạch chuyện Hồ Tử mà chen vào xét vấn đề này, bởi lấy nước làm dụ chẳng riêng Nho Thích Đạo, mà rất nhiều bậc giáo chủ các tôn giáo khi bàn về nhân tính, về hiện trạng tâm lý cho đến vấn đề sinh mệnh đều mượn hình ảnh dòng nước để giải thích, đây lại là một vấn đề vừa thú vị vừa cao sâu.

Nay hãy xem lại văn gốc, Hồ Tử dặn Liệt Tử rằng "nghê hoàn chi thẩm vi uyên". Chữ **"nghê hoàn"** (鯢桓 - một loài cá lớn) là con cá lớn đang bơi lượn, chữ **"thẩm"** (审 - chín chắn, bền bỉ, lâu dài) nghĩa là rất chuẩn xác, rất lâu bền, lượn mãi ở một chỗ thuần thục, lâu dần chỗ ấy khoét thành vực sâu; bởi cá bơi thì nước gợn, mỗi giây mỗi động, nhờ sức lay động ấy mà chỗ ấy dần bị khoét rỗng, khoét rất sâu. Chỗ nước rất sâu như thế chính là một thứ **"uyên"** (渊 - vực sâu).

Lại có **"chỉ thủy chi thẩm vi uyên"** (chỗ nước đứng lặng mãi thành vực sâu), là thứ nước từ thượng nguồn đổ xuống rất mạnh, dồn đến chỗ sâu nhất cuối cùng, nhờ nước xô mãi mà thành một đầm sâu. Hai thứ vừa kể, một là thứ động, hai là thứ tĩnh, có thể coi như ngây đờ.

"Lưu thủy chi thẩm vi uyên" (chỗ nước chảy mãi thành vực sâu) lại là trường hợp dòng nước lưu động đi qua, chỗ nước xoáy tròn cũng thành vực. Ví như ta đến Tân Điếm, tôi nhớ hình như có một nơi đặt máy phát điện, nước ở đó chính là vực sâu. Nhiều người trẻ bơi lội, gặp phải dòng nước ấy liền bị hút chìm, bởi nước đang xoay tròn, bên dưới chính là một vực sâu. Ông hình dung ba thứ vực sâu: một là chỗ nước động, hai là chỗ nước đứng, ba là chỗ nước xoáy. Ông bảo thực ra vực sâu do nước chảy hợp thành thì **"uyên hữu cửu danh"** (vực sâu có chín tên), phân biệt kỹ có chín loại, **"thử xứ tam yên"** (ở đây mới kể ba), ông bảo chỉ mới kể cho ngươi ba chỗ, ba hiện tượng. Rồi ông lại không kết luận, để ngươi tự tham, tự mình nghiên cứu mà nghĩ.

Hồ Tử đem nước nói thành ba trạng huống, chính là biểu thị ba thứ công phu, ba cảnh giới tu dưỡng; ông dặn Liệt Tử phải lưu ý, nước hóa thành vực sâu tuy có chín, nhưng đại nguyên tắc chỉ nêu ba. Cho nên ta nghiên cứu thuật tu dưỡng tâm tính, cũng là triết học cao nhất, nếu không thật làm công phu mà chỉ làm nghiên cứu học thuật, những thứ này vẫn vô cùng thú vị.

Ví như *Kinh Dịch* của Trung Hoa chỉ bàn tám quẻ, lại có một quẻ không thể quẻ ra được, đó là quẻ thứ chín chẳng có quẻ; người đời sau gọi là Thái Cực, gọi là chân không, ấy là nói về hiện tượng của tám quẻ. Cũng vậy, đức Thích Ca Mâu Ni bàn đạo tâm tính, bàn tám thức của Duy thức, thực ra có chín thức, thức thứ chín gọi là A ma la thức, tức Bạch tịnh thức. Đó là chuyện bảy bảy tám tám, bảy tám chín đều rất nhiệm màu. Gần đây mọi người chẳng phải đang nghiên cứu Duy thức đó sao, chỗ trọng yếu nhất của Duy thức cũng là ba vực, tương thông với ba vực mà Trang Tử nói: "lưu thủy chi thẩm vi uyên" tương đương với ý thức thứ sáu; "chỉ thủy chi thẩm vi uyên" tương đương với A lại da thức thứ tám; "nghê hoàn chi thẩm vi uyên" là thức thứ bảy mạt na. Bởi vậy ta càng cảm nhận sâu sắc rằng Đông phương có thánh nhân, Tây phương có thánh nhân, thử tâm đồng, thử lý đồng.

Trên đời bất cứ ai, học vấn tu dưỡng đạt tới cảnh giới cao nhất, đến chỗ chân lý của hình nhi thượng thì chỉ còn khác biệt về ngôn ngữ văn tự diễn đạt, còn chỗ sở đắc về đạo thì là một. Chân lý chỉ có một, không có hai, có hai thì chẳng gọi là chân lý, chân lý mang tính tuyệt đối. Có vị bạn viết luận văn cho rằng câu Đông phương có thánh nhân, Tây phương có thánh nhân là lời của Nho Tống, kỳ thực là Nho Tống trích lời người xưa. Mấy câu này của Liệt Tử, trong *Hoài Nam Tử* cũng từng nhắc tới, có điều lúc ấy cái gọi là Đông Tây lấy Trung Hoa làm trung tâm, nay không gian ấy đã mở rộng hơn nhiều. Tiếp sau còn một màn nữa, ông lại dặn **"thường hựu dữ lai"** (hãy thử dắt lại đây nữa).

Minh nhật, hựu dữ chi kiến Hồ Tử. Lập vị định, tự thất nhi tẩu. Hồ Tử viết: Truy chi! Liệt Tử truy chi bất cập, phản, dĩ báo Hồ Tử viết: Dĩ diệt hĩ, dĩ thất hĩ, ngô phất cập dĩ.

Hôm sau, lại dắt ông ta đến gặp Hồ Tử. Vừa đứng chưa yên đã tự mất vía mà bỏ chạy. Hồ Tử bảo: Đuổi theo! Liệt Tử đuổi không kịp, trở về thưa với Hồ Tử rằng: Mất rồi, lạc mất rồi, con chẳng đuổi kịp.

Hôm sau Liệt Tử lại dắt vị thần vu có thần thông ấy đến. Câu **"lập vị định, tự thất nhi tẩu"** (vừa đứng chưa yên đã tự mất vía mà bỏ chạy), vừa trông thấy Hồ Tử đã đứng không vững, hoảng hốt quay đầu bỏ chạy; Hồ Tử bảo học trò là Liệt Tử, ngươi đuổi theo gọi lại. Liệt Tử chạy theo người có thần thông ấy mà đuổi không kịp, quay lại thưa với thầy rằng đáng tiếc, đuổi không kịp, chạy mất rồi. Trong văn tự này rất nhiệm màu, chữ **"dĩ diệt hĩ"** (đã diệt mất rồi) nghĩa là người này đuổi không kịp, đã đi mất chẳng còn bóng, **"dĩ thất hĩ"** (đã lạc mất rồi) là đã mất hút, đã tuột mất. Vì sao nói như vậy? Câu "dĩ diệt hĩ, dĩ thất hĩ, ngô phất cập dĩ", Trang Tử dường như chuyên đùa với chữ nghĩa, xét kỹ thì đây không phải đùa chữ mà là ba giai đoạn. Nói cách khác, đời người cái gì cũng như vị thần vu này, đuổi không kịp, dĩ diệt hĩ, chẳng còn bóng hình; lời ta nói ra cũng vậy, dĩ thất hĩ, vĩnh viễn chẳng quay lại; làm sao nắm cũng chẳng nắm lại được, nắm không được. Ba giai đoạn ấy chính là không trông thấy, đã mất, vĩnh viễn nắm không lại, cũng tượng trưng cho một hiện thực, bất cứ thứ gì, thần thông ngươi cũng đuổi không kịp, thần vu cũng đuổi không

kịp. Cho nên văn chương Trang Tử lần này nói như vậy, có khi lần sau lại đổi cách nói khác, như hạt châu lăn trên mâm, vô cùng nhiệm màu. Ba giai đoạn này cũng ngang với tam chi pháp mà triết học thường dùng là quá khứ, hiện tại, vị lai.

Hồ Tử viết: Hương ngô thị chi dĩ vị thủy xuất ngô tông. Ngô dữ chi hư nhi ủy xà, bất tri kỳ thùy hà, nhân dĩ vi đệ mị, nhân dĩ vi ba lưu, cố đào dã.

Hồ Tử nói: Vừa rồi ta hiện cho ông ta thấy bằng cái chưa từng ra khỏi tông của ta. Ta cùng ông ta hư mà uyển chuyển quanh co, chẳng biết là ai, do đó xem là đệ mị, do đó xem là sóng trôi, nên mới bỏ chạy.

Hồ Tử bèn bảo Liệt Tử: **"Hương ngô thị chi dĩ vị thủy xuất ngô tông"** (vừa rồi ta hiện cho ông ta thấy bằng cái chưa từng ra khỏi tông của ta), vừa rồi ta cho ông ta thấy cái trước muôn vật của vũ trụ, chữ **"vị thủy"** (未始 - chưa từng bắt đầu) chính là cái trước vô thủy, là đạo của hình nhi thượng, chữ **"ngô tông"** (吾宗 - tông của ta) chính là cảnh giới của đạo, là đạo tối cao vô thượng. Câu "ngô dữ chi hư nhi ủy xà", trong văn chương ta vẫn hay mượn bốn chữ **"hư nhi ủy xà"** (虚而委蛇 - hư mà uyển chuyển quanh co) để nói lời giả dối ứng thù cho qua, hư mà quanh co ấy chính là tựa như thật tựa như huyễn. Giải thật ra thì đó chính là danh tướng nhà Phật như mộng như huyễn, như chân như thực, chẳng thật chẳng hư. Ông nói ta cho ông ta thấy chỉ là một cái bóng, điều ấy cũng cho thấy thế giới hiện thực của ta, sinh mệnh hiện thực của ta cùng thân tâm ta đang sống đây đều là hư mà ủy xà, đều là một cái bóng. Ông ta dĩ nhiên xem không hiểu, câu **"bất tri kỳ thùy hà"** (chẳng biết là ai) chính là tham không thấu.

Vì thế bạn bè phương Tây hay Nhật Bản cho rằng Thiền tông là khoác áo ngoài của Phật giáo mà thực chất là thứ từ Lão Trang mà ra, họ cũng có những trước tác nêu xuất xứ, có cứ liệu rõ ràng. Đạo lý gì vậy? Bởi những thuật ngữ của Lão Trang, các vị đại sư Thiền tông quá thuộc, cảnh giới văn chương lại hay, cho nên khi hoằng dương đạo lý Phật pháp đã đổi thuật ngữ ấy thành lời lẽ của Lão Trang mà nói. Ví như từ đời Minh về sau, suốt một hai trăm năm đời Thanh, thoại đầu Thiền tông thịnh hành là "niệm Phật là ai" thì liên quan đến câu "bất tri kỳ thùy hà" này của Trang Tử.

Tác dụng biết nói năng, biết nghe tiếng, biết ăn cơm đi đường cùng biết suy nghĩ này của con người là thứ gì, rốt cuộc là ai? Hay ta là ai? Thực sự không tìm ra ta là ai! Thân thể không phải là ta, nhưng thuộc quyền sử dụng của ta, dùng mấy chục năm, hai trăm năm, năm trăm năm đều được, rốt cuộc là mượn về cho ta dùng, nhưng chẳng có chủ quyền chiếm hữu vĩnh viễn. Vậy cái ta ấy rốt cuộc là ai đây?

Tôi từng đọc một tiểu thuyết võ hiệp, có một người chỉ vì bị câu này hỏi đến phát điên, phát điên mãi, đi đường hai chân như bay bổng, đầu chúc xuống, gặp ai cũng hỏi ta là ai, ta là ai, công phu chẳng thi triển được, tham thiền đến phát điên. Câu **"bất tri kỳ thùy hà"** (chẳng biết là ai), ngươi mà thực sự tìm ra được thì mọi vấn đề trong thiên hạ đều tìm ra được, vấn đề này rất khó giải quyết. Như ở Nhật Bản, Hoa Kỳ, nhiều học giả nghiên cứu Thiền Trung Hoa, gặp chỗ này đều cho là từ trong Trang Tử mà ra. Loại lý luận này xuất hiện sớm nhất ở phía Nhật Bản, bởi một số bậc lão thành Nhật Bản đối với Lão Tử, Trang Tử còn thuộc khá nhiều người.

Hơn mười năm trước khi tôi ở Nhật Bản, gặp mấy vị giáo sư già, tuy tôi chẳng biết tiếng Nhật, họ cũng chẳng biết tiếng Hoa, mọi người ngồi lại nói chuyện rất vui, có điều trong tay đều cầm bút và giấy trắng, viết cổ văn ra đưa qua, nhìn qua là hiểu ngay; họ cũng đưa thơ Trung Hoa cho xem, đều làm rất hay, chẳng thấy chút khó khăn. Vì họ thuộc Lão Trang rất kỹ nên cho rằng Thiền chịu ảnh hưởng Lão Trang quá lớn, không thể nói hoàn toàn không có đạo lý. Tiếp đó Hồ Tử lại nói một đạo lý.

Câu **"nhân dĩ vi đệ mị, nhân dĩ vi ba lưu, cố đào dã"** (do đó xem là đệ mị, do đó xem là sóng trôi, nên mới bỏ chạy) lại càng nhiệm màu, ông trước hết nói vừa rồi ta cho ông ta thấy là đạo của hình nhi thượng từ vô thủy đến nay. Đạo thì nhìn không thấy, ông ta thấy ta biến thành cái bóng, thấy hết thảy cảnh giới đều là bóng, đều là cảnh giới như mộng như huyễn. Một người thấy như mộng như huyễn, bỗng thấy tách rời hiện thực quá xa thì sợ hãi mà bỏ chạy; ông ta nói đến chính mình cũng quên mất, nên đều sợ chết khiếp. Kỳ thực câu Liệt Tử đuổi không kịp thưa rằng **"dĩ diệt hĩ, dĩ thất hĩ, ngô phất cập dĩ"** (mất rồi, lạc mất rồi, con chẳng đuổi kịp) ý chính là vị thần vu ấy đã bị Hồ Tử dọa chết khiếp, đuổi không kịp nữa.

Thế nào gọi là **"đệ mị"** (弟靡)? Đây là thứ chỉ riêng có trong Trang Tử, các văn chương khác chưa từng thấy. Đệ mị nói giản minh chính là một danh tướng nhà Phật là **"du hý tam muội"** (游戏三昧 - chánh định rong chơi). Ông bảo người đã hiểu đạo thì ở đời này như mộng như huyễn, hết thảy đều ở trong trò chơi, ngay cả sống chết cũng là trò chơi, việc hiện thực lại càng là trò chơi, chẳng có điểm nào không phải là trò chơi, chẳng cần phải quá nghiêm túc; nói cách khác, ngươi nghiêm túc cũng không sao, nghiêm túc cũng là trò chơi, không nghiêm túc cũng là trò chơi. Ngươi ở thế gian này dạo chơi một phen, đây là một dòng **"ba lưu"** (波流 - sóng trôi) chung, cùng chung của mọi người.

Trên địa cầu tròn như viên thang viên này, may mà sinh ra những sinh vật như chúng ta, trong những sinh vật ấy lại có những sinh vật biết mặc áo như chúng ta, những sinh vật ấy cứ ở đây mà quấy đảo một cách khó hiểu mấy chục triệu năm, kỳ thực chính là chơi đùa trong vườn trẻ em này, đều đang dạo chơi, chẳng có ai là cứu cánh, cho nên **"nhân dĩ vi đệ mị"** (do đó xem là đệ mị). Còn **"nhân dĩ vi ba lưu"** (do đó xem là sóng trôi), sinh mệnh đã hiểu hư mà ủy xà, đã hiểu đạo rồi thì chẳng hề bi quan, như dòng nước trôi thật ưu mỹ, vĩnh viễn trôi qua, không ngừng lại có dòng nước mới chảy tới.

Đừng nghe đến nước trôi đã vội bi quan, nước này trôi đi chẳng đuổi lại được, nhưng nguồn nước ấy vĩnh viễn còn, nước sông Hoàng Hà từ trời mà đến. Kỳ thực giọt nước ban đầu ấy từ đâu đến? Cũng cùng một lẽ, **"bất tri kỳ thùy hà"** (chẳng biết là ai), vẫn tìm không ra; đốm lửa ban đầu ấy từ đâu đến cũng tìm không ra! Nếu đốm lửa ban đầu ấy từ mặt trời mà đến thì mặt trời ban đầu ấy lại từ đâu đến? Trong hư không này mặt trời nhiều lắm, cái ban đầu nhất ấy từ đâu đến? Cái ban đầu của ban đầu, ngươi chớ sợ nguồn cội hết mất, chung quy vẫn có đến, cũng chung quy không ngừng ra đi. Cho nên hết thảy đều là trò chơi, như huyễn tam muội. Vì thế **"cố đào dã"** (nên mới bỏ chạy), do đó ông ta bỏ chạy, ông ta xem không hiểu cảnh giới của đạo, xem không hiểu tác dụng của đạo; ngay cả người có thần thông cũng xem không hiểu.

Liệt Tử đóng cửa tu hành

Nhiên hậu Liệt Tử tự dĩ vi vị thủy học nhi quy, tam niên bất xuất. Vị kỳ thê thoán, thực thỉ như thực nhân. Ư sự vô dữ thân, điêu trác phục phác, khối nhiên độc dĩ kỳ hình lập. Phân nhi phong tai, nhất dĩ thị chung.

Rồi Liệt Tử tự cho mình chưa từng học được gì mà trở về, ba năm không bước ra khỏi cửa. Nhóm bếp cho vợ, ăn thịt heo cũng như ăn thịt người. Đối với việc đời chẳng thân chẳng sơ, gọt giũa trở về chất phác, trơ như khối đất mà chỉ đứng bằng hình hài. Rối rắm rồi tự trói mình, cứ một mực như thế đến cùng.

Vốn Liệt Tử vẫn còn đôi chút ngờ vực với thầy mình là Hồ Tử, cho rằng ba lạy kia đã lạy uổng, phong bao cũng đã đưa uổng, rất muốn bỏ thầy mà đi tìm thầy khác để nương tựa. Nay Hồ Tử phô ra ba cửa ải ấy, cũng ngang với ba cửa ải của Thiền tông, ba cảnh giới kia vừa hiện, đạo lý vừa nói ra, trong lòng Liệt Tử bỗng giật mình: hỏng rồi, thì ra những gì của thầy mình chưa học được chút nào! Vì thế trong lòng rất khó chịu. Đó không phải là nản chí, mà nỗi hổ thẹn đã chồng chất không kể xiết, cảm thấy mình thật vô dụng, theo thầy bao nhiêu năm mà bằng như không. Thôi vậy, chẳng giở khôn nữa, về nhà đóng cửa ba năm, xuống bếp nấu cơm cho vợ, tức là việc gì cũng nghe theo vợ. Bởi thế

mới nói người sợ vợ hạng nhất trong thiên hạ chính là bắt đầu từ Liệt Tử. Trở về nấu cơm cho vợ, dĩ nhiên bấy giờ chưa có nồi cơm điện, chẳng có gì cả, rất vất vả, ông cứ thành thực ở nhà mà làm việc nhà.

Như thế là tượng trưng cho việc làm một con người một cách quy củ, việc đáng làm thì làm, đó chính là đạo. Nếu bảo tôi không biết nấu cơm thì phải tìm cách học cho biết nấu; không biết may áo thì phải tìm cách học cho biết. Con người ta sống đến già cũng chỉ là những việc ấy, thành thực, quy củ. Ba năm ấy Liệt Tử đã làm được gì? Câu **"thực thỉ như thực nhân"** (ăn thịt heo cũng như ăn thịt người), bất kể ăn thịt, ăn đậu phụ, ăn rau, đều như nhau, mùi vị không còn phân biệt nữa, ông ăn miếng thịt heo mà cứ ngỡ như ăn thịt người, trong lòng rất khó chịu, đương nhiên từ đó ông ăn chay. Bằng không, học ba năm mà ăn thịt heo đã thấy như ăn thịt người, lẽ nào thêm một năm nữa lại đi ăn thịt người thật, há chẳng tệ hơn trước sao. Cho nên mặn chay đã không còn phân biệt. Trong việc học đạo, khó nhất là hai chuyện trai gái và ăn uống, Liệt Tử đã không còn phân biệt trong chuyện ăn uống thì dĩ nhiên cũng không còn phân biệt trong chuyện nam nữ, có phải làm kẻ hầu hạ cho vợ cũng chẳng sao, mọi người thảy đều bình đẳng, bằng không tự cho mình là bậc đại trượng phu, cái oai phong kia cũng chẳng còn.

Đạo Ứng Đế Vương chính là ở đây, đạo nhập thế chính là ở chỗ này; trong ấy là Ứng Đế Vương. Ở trên nói đến hoa trời rơi rụng muôn màu, nhưng có rất nhiều đạo lý hay, đạo của hình nhi thượng, đạo của tu dưỡng, đều có cả. Ngươi hỏi Ứng Đế Vương ở đâu? Ông không đưa ra lời kết cho ta; kỳ thực lời kết đã nằm ngay ở đây. Điều Trang Tử muốn diễn đạt là muốn có cảnh giới đắc đạo thì phải bắt đầu từ *Tiêu Dao Du*, ông hình dung cái đạo ấy lớn đến mức trời cũng chẳng chứa nổi, hư không cũng chẳng chứa nổi. Trang Tử khoác lác lớn đến mức da trâu vàng trâu cũng chẳng bọc nổi; nói đến cái nhỏ thì nhỏ đến mức ngay cả cái bóng cũng tìm không ra. Đạo ông cũng đã giảng, phép tu dưỡng ông cũng đã giảng, cuối cùng là *Đại Tông Sư*, nhưng phải khi đạo đã thành mới thực là đại tông sư! Ngươi làm đại sư cũng được, làm đại pháp sư cũng được, đều phải cứu đời cứu người, thành Phật rồi cũng phải độ chúng sinh, muốn độ chúng sinh thì phải nhập thế. Nhập thế thì độ người bằng cách nào? Chính là điều Trang Tử nói ở đây: làm một con người một cách quy củ. Dưới đây ông sẽ nói cho ngươi đạo lý nhập thế, cũng chính là Ứng Đế Vương.

Liệt Tử về nhà nấu cơm cho vợ, câu **"ư sự vô dữ thân"** (đối với việc đời chẳng thân chẳng sơ) chính là bí quyết thứ nhất của Ứng Đế Vương, là bí quyết nhập thế. Người có đạo ở đời này làm người làm việc, làm bất cứ việc gì cũng đều "vô dữ thân", chẳng thân. Chẳng thân là gì? Chính là điều nhà Phật gọi là chẳng chấp trước, chẳng nắm giữ thật chặt. Việc đáng buôn bán thì cứ buôn bán, việc đáng làm trong đời người thì cứ làm, làm xong thì như mây trôi nước chảy, dạo chơi giữa cõi người; mọi việc thiện đều làm, làm xong chẳng chấp, chẳng nắm chặt. Đối với sinh mệnh của chính mình lại càng chớ nắm chặt; tuổi đã cao, sớm muộn rồi cũng có ngày giã biệt, giã biệt thì cứ giã biệt, chẳng có gì hệ trọng, hết thảy cứ thuận theo tự nhiên, muôn việc chẳng chấp trước, như thế mới có thể nhập thế.

Câu **"điêu trác phục phác, khối nhiên độc dĩ kỳ hình lập"** (gọt giũa trở về chất phác, trơ như khối đất mà chỉ đứng bằng hình hài), nhà Phật nói chẳng chấp trước, nói vô ngã, Trang Tử nói **"vô dữ thân"** (chẳng thân chẳng sơ), Khổng Tử cũng như vậy. Lời Khổng Tử và lời Phật nói như nhau; ông nói **"vô ý"** (毋意 - chớ chủ quan), tức là đừng lấy chủ quan làm chủ. **"Vô tất"** (毋必 - chớ nhất định), đừng cho là ắt phải thế. **"Vô cố"** (毋固 - chớ cố chấp), đừng cố giữ thành kiến của mình. **"Vô ngã"** (毋我 - chớ chỉ có mình), đừng chỉ thấy có mình. Vô ý, vô tất, vô cố, vô ngã là bốn pháp môn lớn của Khổng Tử, ngang với bốn câu trong *Kim Cang kinh* là **"vô nhân tướng, vô ngã tướng, vô chúng sinh tướng, vô thọ giả tướng"** (chẳng có tướng người, chẳng có tướng ta, chẳng có tướng chúng sinh, chẳng có tướng thọ giả). Bởi vậy theo thiển kiến của tôi, ba vị thầy ấy đều là tổ tiên người Trung Hoa, bởi đều gần như nhau. Giả sử cạo trọc đầu Khổng phu tử rồi đặt ngồi lên tòa của đức Thích Ca Mâu Ni mà nói những lời Khổng Tử đã nói, há chẳng như nhau sao? Lời hai vị ấy nói giống nhau biết bao.

Lại nói **"điêu trác phục phác"** (雕琢复朴 - gọt giũa trở về chất phác), đời người chúng ta đều nằm trong hai chữ **"điêu trác"** (雕琢 - chạm trổ, gọt giũa) ấy, đời người nói chung đều đang điêu trác. Người ta sinh ra vốn rất mộc mạc tự nhiên, ảnh hưởng của hoàn cảnh giáo dục đời sau cùng đủ thứ đã chạm trổ lên mình, khắc bao nhiêu hoa văn, muốn biến thành thế này thế nọ. Đứng trên lập trường tu đạo mà nhìn, nhiều tri thức hậu thiên thảy đều vô dụng, đó là nói trên lập trường của đạo hình nhi thượng. Cho nên sinh mệnh con người vốn rất dài, kết quả lại thành đoản mệnh, sống được trăm năm đã cho là giỏi lắm; nguyên nhân sống không thọ chính là tự mình đã điêu trác đến hỏng. Điêu trác tức là bày vẽ. Tri thức học vấn của chúng ta, hôm nay giảng Trang Tử, nghe Trang Tử, đều là sự bày vẽ của chúng ta. Người ta bày vẽ quá nhiều, nào Trang Tử, nào Lão Tử, nào lại Duy thức Duy tâm, đều là điêu trác, đều không đúng; phải gột bỏ điêu trác mà khôi phục cái vốn sẵn khi cha mẹ vừa sinh ra mới đúng. Lão Trang chỉ nói đến sau khi cha mẹ đã sinh, chứ không như Thiền tông nhà Phật còn truy đến trước khi cha mẹ chưa sinh; nếu truy đến trước khi chưa sinh thì sẽ khiến ngươi tìm đến chết, tìm đến phát điên.

Lão Trang không muốn chạm khắc ngươi thêm nữa, chỉ nói đến sau khi cha mẹ đã sinh, vừa lọt lòng thì đứa bé ở trạng thái mờ mịt dường như không biết gì. Trẻ sơ sinh là không biết sao? Nó là toàn tri toàn năng! Đó chính là cảnh giới chất phác; cho nên Lão Trang muốn gột bỏ điêu trác mà khôi phục cảnh giới chất phác. Câu **"khối nhiên độc dĩ kỳ hình lập"** (trơ như khối đất mà chỉ đứng bằng hình hài), chữ **"khối nhiên"** (块然 - trơ như khối) là hình dung, thân thể này của chúng ta chính là một khối thịt, trên bộ xương treo bao nhiêu là thịt, lại còn treo thêm bao nhiêu là sự bày vẽ gọi là tim gan tỳ phổi thận, trên mặt cũng chạm trổ, khắc thêm mắt tai, nói chung đều đã bị điêu trác. Ta phải khôi phục lại thành một con người nguyên sơ. Khối nhiên tức là một khối ấy, **"độc dĩ kỳ hình lập"** (chỉ đứng bằng hình hài), sống là cứ sống.

Cho nên bao nhiêu vấn đề triết học đến chỗ Trang Tử đều thành vô dụng, đối với học vấn, đối với nào là nhân sinh quan, vốn chẳng có cái gì gọi là quan, nhân sinh thì cứ gọi là nhân sinh. Có lần ở trường giảng triết học, bạn học ra cho tôi một đề tài là nhân sinh lấy gì làm mục đích, mời tôi đến giảng. Tôi thường làm những việc liều lĩnh, đều không chuẩn bị, bởi chuẩn bị rất khổ, tự mình phải điêu trác; đợi khi bước lên bục giảng tôi bèn nói đề tài này đã ra sai rồi, nhân sinh lấy gì làm mục đích? Cái gì gọi là mục đích? Hôm nay chúng ta đến đây, mục đích của chư vị là đến ủng hộ, góp vui, nghe Trang Tử, mục đích của tôi là thổi phồng Trang Tử này, nói cho hay thì gọi là giảng Trang Tử, đó là một mục đích. Nếu hỏi ngươi lúc đầu đi đầu thai thì lấy mục đích gì mà đến? Ai cũng chẳng có mục đích gì cả! Cho nên đề tài này đã sai. Tôi nói ngay bản thân đề tài đã là đáp án, nhân sinh lấy gì làm mục đích? Nhân sinh lấy nhân sinh làm mục đích, như thế đã rất hay rồi! Thế là cũng đã giảng xong, vốn dĩ là như vậy, đó chính là đạo lý Trang Tử nói "khối nhiên độc dĩ kỳ hình lập". Nhân sinh là lấy nhân sinh làm mục đích. Nếu ngươi bảo nhân sinh phải thế này thế nọ, ôi, ngươi lại điêu trác nữa rồi! Đừng điêu trác nữa, nhân sinh cứ lấy nhân sinh làm mục đích, rất vui sướng! Đã không hoan hỷ cũng không bi lụy, thế là tốt rồi.

Câu **"phân nhi phong tai"** (rối rắm rồi tự trói mình thay), ông nói người ta không hiểu đạo lý này, không biết nhân sinh chính là nhân sinh, không biết **"khối nhiên độc dĩ kỳ hình lập"** (trơ như khối đất mà chỉ đứng bằng hình hài). Người ta mắng ngươi ngu lắm, ngu với khôn vốn cũng gần như nhau, chẳng có gì hệ trọng, ngươi khôn cũng chỉ là ăn cơm, ta ngốc một chút cũng là ăn cơm. Vả lại kẻ ngốc còn hơn người khôn một chút, khỏi sinh bệnh dạ dày, cũng chẳng mắc bệnh thần kinh, cho nên hà tất phải rối rắm lôi thôi. Đều là tự mình chuốc lấy phiền não rối rắm. Một khi đã rối rắm thì lại tìm thêm đồ điêu trác, câu **"phân nhi phong tai"** (rối rắm rồi tự trói mình) là tự mình đóng mình lại, nhốt vào một phạm vi, đã bị phong bế. Câu **"nhất dĩ thị chung"** (cứ một mực như thế đến cùng), cho nên chớ chồng thêm phiền não, chớ điêu trác rối rắm, chớ tự phong tỏa mình trong một hình thái cố định. Ta gọi hình thái cố định ấy là nhân cách, chớ tự mình vẽ cho mình một ô vuông rồi quy mình vào một phạm vi.

Nếu bảo không có nhân cách thì tha hồ làm càn sao? Lại càng không thể làm càn! Làm càn thì càng thêm rối, càng thêm hỗn loạn. Cho nên việc thiện còn chẳng nên cố làm, việc ác lại càng không làm, bởi cái ác càng thêm rối. Cái ác gây phiền não tổn hại cho chính mình còn lợi hại hơn việc thiện; sự điêu trác cũng càng lợi hại hơn. Hiểu được đạo lý này thì việc thiện chẳng thể cố chấp mà làm, nghiệp ác lại càng không thể làm. Cho nên không thể **"phân nhi phong"** (rối rắm rồi tự trói), phải **"nhất dĩ thị chung"** (cứ một mực như thế đến cùng), tức là **"nhất dĩ quán chi"** (một mực quán suốt), khởi đầu đã như vậy thì nay vẫn như vậy, cũng chính là điều vừa rồi ta nói nhân sinh lấy nhân sinh làm mục đích, là như vậy, khởi đầu như thế, trước sau vẫn không đầu không cuối.

Vô vi danh thi, vô vi mưu phủ; vô vi sự nhiệm, vô vi tri chủ. Thể tận vô cùng, nhi du vô trẫm.

Chớ vì danh mà làm thây ma, chớ vì mưu mà làm kho phủ; chớ vì việc mà ôm lấy trách nhiệm, chớ vì trí mà làm chủ tể. Thể nghiệm đến cùng cái vô cùng, mà dạo chơi ở chỗ không có dấu vết.

Câu **"vô vi danh thi"** (chớ vì danh mà làm thây ma), chữ **"thi"** (尸) chính là thây ma, người chết không còn linh hồn thì gọi là thây. Trong văn hóa Trung Hoa khi mắng người, nếu lĩnh lương mà chẳng làm việc gì, ta hình dung kẻ ấy là **"thi vị tố xan"** (尸位素餐 - ngồi không ăn bám), tức là thây ma chiếm chỗ ấy mà chỉ biết ăn, một kẻ ăn hại. Nếu nói khó nghe hơn, như người nhà quê mắng, bảo gã này chiếm lấy hố xí mà không đi ngoài, mọi người bên ngoài muốn vào mà ngươi cứ đóng cửa ngồi lì trong buồng xí, đó gọi là "thi vị tố xan". "Vô vi danh thi" nghĩa là chớ vì cầu danh, vì danh lợi mà thành nô lệ của hư danh. Những ngôi sao trong xã hội ngày nay hay những người chạy theo độ nổi tiếng, một khi đã nổi danh thì liền biến thành thây ma, khắp nơi mời ngươi ra mắt, ngày ngày chĩa ống kính vào, chiếu đến hỏng cả mắt, đó chính là bị danh trói chặt; muôn lần chớ **"vi danh thi"** (vì danh mà làm thây ma), chớ để danh trói chặt.

Câu **"vô vi mưu phủ"** (chớ vì mưu mà làm kho phủ), chữ **"mưu"** (谋) tức là mưu tính, muôn lần chớ tính toán, đừng động não. Động não chính là điêu trác, ngươi sẽ phải đoản mệnh, cho nên đừng tính toán mà hãm hại người ta. Chữ **"phủ"** (府 - kho phủ) nghĩa là rất lớn rất sâu, muôn lần chớ tính toán mưu hại người khác, đời người phải sống một cách rất tự nhiên. Câu **"vô vi sự nhiệm"** (chớ vì việc mà ôm lấy trách nhiệm), chớ vì bất cứ việc gì mà miễn cưỡng gánh lấy; bảo ngươi đừng gánh trách nhiệm, ấy là bảo ngươi đừng chấp trước; việc đáng làm vẫn phải làm, nếu việc gì cũng không gánh trách nhiệm thì ngươi còn làm gì nữa? Liệt Tử còn chạy đi nấu cơm cho vợ kia mà, nấu cơm cũng là trách nhiệm! Chữ **"nhiệm"** (任 - gánh vác) tức là việc đáng làm thì cứ làm, nhưng là không chấp trước. Câu **"vô vi tri chủ"** (chớ vì trí mà làm chủ tể), chữ **"tri"** (知) ở đây tức là trí, đừng tự cho mình học vấn cao lại thông minh. Câu **"thể tận vô cùng"** (thể nghiệm đến cùng cái vô cùng), phải thể nghiệm cái sinh mệnh kia là vô cùng vô tận; bất kể có tri thức hay không có tri thức, sinh mệnh của mỗi người đều rất quý báu, đều vô lượng vô biên, vô cùng vô tận. Có thể biết được cái sinh mệnh chân thực kia của mình là vô lượng vô biên, vô cùng vô tận thì khi ấy ngươi nhập thế có thể làm bậc Ứng Đế Vương được rồi.

Câu **"nhi du vô trẫm"** (mà dạo chơi ở chỗ không có dấu vết). Người xưa, bậc hoàng đế đều tự xưng là **"trẫm"** (朕), trẫm chính là ta, chữ **"ngô"** (吾), **"dư"** (余), **"ngã"** (我), **"trẫm"** (朕) của người xưa đều là một chữ. Cho nên có người rất ghét chữ Hán, bởi ngôn ngữ văn tự không thống nhất, có những lời đến nay ta cũng chẳng hiểu, như tiếng Hồ Bắc, tiếng Hồ Nam, tiếng Quảng Đông, tiếng phương Bắc, ngôn ngữ chưa từng thống nhất; nhưng mỗi nơi đều có chữ ta của riêng mình, ngang như người Sơn Đông gọi là **"yêm"** (俺), nào là **"táp"** (咱), đều đại diện cho ta. Chữ trẫm cổ xưa cũng đại diện cho ta, là âm của vùng Trung Nguyên, vùng cao nguyên Tây Bắc, nay đọc thành trẫm, **"nhi du vô trẫm"** (mà dạo chơi ở chỗ không có dấu vết) tức là vô ngã, làm việc xử sự đều phải vô ngã.

Nhập thế: Ứng Đế Vương

Tận kỳ sở thụ hồ thiên, nhi vô kiến đắc, diệc hư nhi dĩ, chí nhân chi dụng tâm nhược kính, bất tương bất nghinh, ứng nhi bất tàng, cố năng thắng vật nhi bất thương.

Hãy sống trọn vẹn những gì trời trao, mà chẳng thấy mình được gì, cũng chỉ là hư không thôi; bậc chí nhân dùng tâm như gương, chẳng tiễn chẳng đón, ứng mà chẳng chứa, cho nên thắng được muôn vật mà chẳng làm tổn thương.

Như thế thì đời người còn có ý nghĩa gì chăng? Rất có ý nghĩa! Bởi chỉ người như vậy mới thật sự nhận rõ đời mình, mới biết trân trọng sinh mệnh của chính mình. Câu **"tận kỳ sở thụ hồ thiên"** (sống trọn những gì trời trao), trời ban cho ta một sinh mệnh, quý báu biết bao! Ta phải khéo để sinh mệnh ấy được sống một cách tự nhiên, thoải mái và trân trọng, sống cho tới khi đến lúc phải lên đường thì mau mau mà đi, chớ chiếm chỗ không rời. Chữ "tận" chính là sống trọn vẹn, an nhiên cái phần trời trao ấy. Còn **"nhi vô kiến đắc"** (mà chẳng thấy mình được gì), là sống thì cứ sống, ta trần truồng mà đến, lúc đi cũng trần truồng mà đi, đến đi đều không vướng bận, chẳng có gì là của ta, hết thảy đều quy về tự nhiên. Chẳng riêng ngoại vật do trời đất sinh ra rồi cuối cùng trở về trời đất, mà ngay cả sinh mệnh này, thân xác này cũng do trời đất sinh ra, cuối cùng cũng phải trả về trời đất, đó là lẽ tự nhiên. Câu **"diệc hư nhi dĩ"** (cũng chỉ là hư không thôi) chính là sống giữa đời này một cách rất không linh, rất tự tại.

Nội thiên đến đây là một kết luận lớn, nhưng chớ thấy dễ mà tưởng mình đã hiểu, thấy đạo lý này rất hay mà thật ra vẫn chưa làm nổi! Đời người, tôi vẫn thường nói có mười hai chữ: trông thì thấu, chịu không nổi, nghĩ thì tới, làm không xong. Đó chính là con người chúng ta. Mười hai chữ ấy là câu thần chú của tôi, là vô thượng chú, là vô đẳng đẳng chú, hay trừ hết thảy khổ, chân thực không dối. Những đạo lý của Trang Tử này, ta vừa nghe đã thấy rất phải, chỉ là không làm nổi. Muốn làm cho nổi thì phải làm sao? Xin lỗi, bắt đầu từ thiên thứ nhất *Tiêu Dao Du* đã phải có tu dưỡng của đạo; có tu dưỡng ấy rồi mới thật sự làm được như vậy, cho nên nói rất khó. Ngược lại, nếu về mặt đạo lý đã thông suốt, một người tuy chưa có tu dưỡng của đạo mà vẫn làm được dáng vẻ như thế thì đạo của bậc chí nhân cũng đã nắm được rồi, tự nhiên sẽ thành tựu. Cho nên thuận hay nghịch cũng cùng một lẽ. Nay Trang Tử làm lời kết.

Câu **"chí nhân chi dụng tâm nhược kính, bất tương bất nghinh, ứng nhi bất tàng, cố năng thắng vật nhi bất thương"** (bậc chí nhân dùng tâm như gương, chẳng tiễn chẳng đón, ứng mà chẳng chứa, cho nên thắng được muôn vật mà không làm tổn thương) chính là cảnh giới cao nhất của đạo. Chí nhân là người đắc đạo, **"dụng tâm nhược kính"** (dùng tâm như gương), tâm như đài gương sáng, vốn không một vật, chỗ nào vương bụi trần, chính là như vậy. Mọi sự vật đến trước gương, ắt hiện bóng, nhưng như mộng như huyễn. Gương soi người, ngươi lập tức thể nghiệm được cảnh giới ấy. Tự mình nhìn cái ta trong gương, lập tức sẽ quên đi thân xác này; có điều phải chú ý, chớ nhìn mãi, nếu ngày đêm soi gương, chỉ bảy ngày bảy đêm, người ấy rất có thể lập tức rời khỏi thân xác này. Đó không phải là tuyệt đối, mà là rất có thể, đây là một pháp môn của Đạo gia. Pháp môn này chớ dùng cẩu thả, một người trong gương nhìn chính mình, chỉ cần nhìn cái bóng trong gương, sẽ thể nghiệm được rằng sinh mệnh hiện nay của chúng ta quả đúng là sinh ra trong mộng.

Nay bí quyết ấy đã lộ ra, vốn chẳng định lộ, bị một người bạn hỏi mãi mới nói ra, ông ta thử một lần cũng đã thể nghiệm được. Cho nên lấy gương mà xử thế, đạo lý ấy là gì? Chính là bảo chúng ta xử thế làm người có tám chữ: vật đến thì ứng, qua rồi chẳng lưu. Soi gương là như vậy, hết thảy sự vật qua rồi, gương chẳng lưu dấu, đó chính là điều nhà Phật gọi là đại viên kính trí, cũng là lẽ "minh kính cũng chẳng phải đài". Bốn chữ **"bất tương bất nghinh"** (chẳng tiễn chẳng đón) ấy, Nho gia Trình Minh Đạo trong *Định Tính Thư* cũng từng dùng, người đắc đạo ở giữa đời này, chẳng tiễn chẳng đón. Đã chẳng chấp trước, cũng chẳng mong chờ, chẳng khước từ. Ngươi bảo hôm nay ta xui xẻo, gặp một chuyện rất không vui, kỳ thực cũng chẳng có gì là xui, ngươi ngày nào cũng rất dễ chịu, chẳng thiếu một chuyện không vui, bằng không đời sống quá đơn điệu. Chuyện không vui ấy đến cũng chẳng khước từ, bởi con người

cần một chút không vui để điểm xuyết, không vui rồi lại đến vui, ngươi sẽ thấy vui biết bao! Cho nên nhất định phải điều hòa như thế.

Câu **"ứng nhi bất tàng"** (ứng mà chẳng chứa) chính là như gương soi vật, vật đến thì ứng, qua rồi chẳng lưu, trong lòng chẳng chứa. Vì vậy mọi ân oán thị phi, qua rồi chẳng lưu; không phải không có thị phi thiện ác, mà là qua rồi chẳng lưu, tâm này rất bình lặng. Câu **"cố năng thắng vật nhi bất thương"** (cho nên thắng được muôn vật mà chẳng làm tổn thương) chính là phải tu dưỡng đến mức ấy mới có thể nhập thế. Đoạn này rất quan trọng, nhất là trong xã hội công thương nghiệp ngày nay, mọi người đời sống bận rộn, chính mình đã chẳng còn là chân nhân nữa. Những người sống trong thời đại công thương nghiệp, người của thế kỷ hai mươi mốt, đứa bé mà cha mẹ sinh ra ban đầu, khi lớn lên, con người ban đầu ấy đã chạy mất, kẻ còn đang sống là giả nhân, chẳng phải chí nhân; đều bị hoàn cảnh vật chất bận rộn làm cho hôn mê. Muốn thật sự nắm được mình vẫn là một con người, ứng phó với thời đại thế kỷ hai mươi mốt, ắt phải hiểu đoạn *Ứng Đế Vương* này, nhập thế mà có thể "thắng vật", không bị vật chất đánh gục, không bị hoàn cảnh vật chất dụ dỗ. **"Thắng vật nhi bất thương"** (thắng vật mà chẳng tổn thương), không làm hại đến chính mình, ta vẫn là ta.

Đoạn này chính là phần tinh túy của Trang Tử, bình thường ta nghiên cứu Trang Tử, vừa mở ra đã thấy một con cá hóa thành chim bằng lớn, trông rất ngoạn mục, kỳ thực chỗ ấy chẳng ngoạn mục chút nào! Đó chỉ là quảng cáo phim, là màn mở đầu, phần tinh túy thật sự nằm ở đoạn *Ứng Đế Vương* này, đem đạo xuất thế, đạo nhập thế đều giảng trọn rồi. Dưới đây theo thói quen của Trang Tử, còn treo một lời thoại ở phía dưới để ngươi tham.

Hỗn Độn ôi Hỗn Độn

Nam hải chi đế vi Thúc, Bắc hải chi đế vi Hốt, trung ương chi đế vi Hỗn Độn.
Đế ở biển Nam tên là Thúc, đế ở biển Bắc tên là Hốt, đế ở trung ương tên là Hỗn Độn.

Nay người ta thường nói, việc này ngươi sơ hốt quá, nay viết thành chữ sơ của xa lánh, theo cổ văn mà viết, phải viết chữ **"Thúc"** (倏 - chớp nhoáng) này mới đúng, quá sơ hốt rồi. Hai chữ **"Thúc Hốt"** (倏忽 - chớp nhoáng) là một câu tục ngữ, nguồn gốc là nói **"Nam hải chi đế"** (đế ở biển Nam), Trang Tử rất ít nhắc tới "đông tây", cho nên đông tây là do chúng ta đặt ra, Nam Hoài Cẩn đặt ra hiệp hội tinh hoa đông tây, như nói đông tây; còn Trang Tử chỉ nói nam bắc, **"Nam hải chi đế"** (đế ở biển Nam) thì biển Nam có một vị hoàng đế. Đế chính là đại diện cho chủ tể, tên ông là **"Thúc"** (倏), còn biển Bắc thì vị chủ tể tên là **"Hốt"** (忽), hai vị này đều là chủ tể của vũ trụ, chỉ là phân ra nam bắc hai cực mà cai trị, họ chẳng cần tranh cử, trời sinh đã như thế.

Câu **"trung ương chi đế vi Hỗn Độn"** (đế ở trung ương tên là Hỗn Độn), ở trung ương có một vị hoàng đế, vị chủ tể này tên là **"Hỗn Độn"** (浑沌), không phải món hoành thánh ta vẫn ăn, đây là Hỗn Độn mà Đạo gia nói tới. Hỗn Độn này chính là âm dương trộn lẫn với nhau. Kỳ thực món hoành thánh ta ăn, nguyên thủy cũng từ quan niệm này mà ra. Cho nên thịt, rau, bột mì gói lại với nhau, chính là ý nghĩa của Hỗn Độn, hình dáng như thế gọi là Hỗn Độn.

Thúc dữ Hốt thời tương dữ ngộ ư Hỗn Độn chi địa, Hỗn Độn đãi chi thậm thiện.
Thúc và Hốt thỉnh thoảng gặp nhau nơi đất của Hỗn Độn, Hỗn Độn đãi họ rất hậu.

Hai vị Thúc Hốt phương Nam phương Bắc này, nghe tên đã thấy hai người rất chớp nhoáng, rất mạo muội; nói cách khác, ta đặt biệt hiệu cho Thúc là **"mạo"** (冒 - xông bừa), cho Hốt là **"muội"** (昧 - mờ mịt), hai người hợp lại chính là mạo muội, mạo muội ấy gọi là Thúc Hốt. Hai gã mạo muội ấy thường chạm mặt nhau ở chỗ ông chủ trung

ương là Hỗn Độn. Câu **"Hỗn Độn đãi chi thậm thiện"** (Hỗn Độn đãi họ rất hậu), họ tới thì Hỗn Độn dĩ nhiên mời ăn hoành thánh, tình cảm rất tốt. Hai người bèn cảm thấy Hỗn Độn này tốt quá, Thúc và Hốt bèn bàn nhau:

Thúc dữ Hốt mưu báo Hỗn Độn chi đức, viết: Nhân giai hữu thất khiếu dĩ thị thính thực tức, thử độc vô hữu, thường thí tạc chi. Nhật tạc nhất khiếu, thất nhật nhi Hỗn Độn tử.

Thúc và Hốt bàn nhau báo đáp ơn của Hỗn Độn, nói: Người ta ai cũng có bảy khiếu để nhìn, nghe, ăn, thở, riêng ông này lại không có, hãy thử dùi cho ông. Mỗi ngày dùi một khiếu, bảy ngày thì Hỗn Độn chết.

Hai người bảo Hỗn Độn ngày nào cũng đãi ta hậu hĩnh như vậy, ăn bao nhiêu rồi, ta cũng phải báo đáp ông ta, nghĩ mãi, bèn nghĩ ra: **"nhân giai hữu thất khiếu dĩ thị thính thực tức"** (người ta ai cũng có bảy khiếu để nhìn, nghe, ăn, thở). Người đời thông minh biết bao! Vì sao đầu óc người thông minh, bởi trên đầu có bảy cái lỗ, có óc để suy nghĩ, mắt trên mặt có thể nhìn, tai có thể nghe, mũi có thể thở, miệng có thể ăn, mấy thứ ấy quan trọng biết mấy! Hỗn Độn này trông như viên bánh trôi tròn vo, ông ta chưa khai khiếu, chúng ta chỉ có một cách báo đáp ông, là làm cho ông khai khiếu. Câu **"thử độc vô hữu"** (riêng ông này lại không có), đáng tiếc thay, vị huynh đệ Hỗn Độn của chúng ta chính là quá Hỗn Độn, cũng chính là ý **"hỗn đản"** (混蛋 - đồ hồ đồ, đồ khốn). Câu **"thường thí tạc chi"** (hãy thử dùi cho ông), Thúc Hốt bèn đến tiệm mua hộp đồ nghề, bắt đầu làm việc. **"Nhật tạc nhất khiếu"** (mỗi ngày dùi một khiếu), mỗi ngày khoét cho ông một khiếu, **"thất nhật"** (bảy ngày) thì mắt tai mũi miệng thân đều khai khiếu, bảy cái lỗ đều mở ra, **"nhi Hỗn Độn tử"** (thì Hỗn Độn chết). Hỗn Độn chết rồi thì biến thành bánh mì. Thế là xong! Trang Tử thật hóm hỉnh vô cùng; cho nên đọc Trang Tử, có lúc ta sẽ bật cười, văn chương của ông chính là như vậy. Ngươi muốn viết văn phong hóm hỉnh thì phải học Trang Tử.

Đoạn này cũng là một câu chuyện rất nổi tiếng. Cho nên những người ngồi thiền các ngươi, có lúc tĩnh đến mức khí mạch hồn nhiên nhập định, bước đầu tiên chính là phải đạt được cảnh giới Hỗn Độn, đó là thuật ngữ của Đạo gia. Khi thật sự đạt tới cảnh giới Hỗn Độn thì đó mới thật là định, không phải định hôn trầm, sáu căn chẳng động, trong ngoài ngăn cách, khí mạch bên trong tự thân cũng chẳng động, khí mạch đã thông suốt rồi thì không thể mở thêm nữa. Nếu ngươi còn muốn đem khí mạch ra xoay chuyển hà xa, đả thông nhâm đốc hai mạch, thì ở giữa Hỗn Độn ấy liền chết mất. Tu đạo nhập định, ắt phải vào cảnh giới Hỗn Độn mới là nền tảng tu đạo, rồi từ từ mới có thể dương thần xuất khiếu. Cho nên người thường tu khí, chuyển hà xa, tu ba mạch bảy luân, là vì cái gì? Là để trở về nhà của kẻ bán "Hỗn Độn" ấy; như vậy, nền tảng đắc đạo đã có rồi.

Mục lục

Bìa	1
Lời giới thiệu	2
Mục lục	3
Lời biên tập	8
Lời nhà xuất bản	11
Khai trường bạch	15
Thiên 1: Tiêu Dao Du	20
Thiên 2: Tề Vật Luận	71
Thiên 3: Dưỡng Sinh Chủ	164
Thiên 4: Nhân Gian Thế	189
Thiên 5: Đức Sung Phù	271
Thiên 6: Đại Tông Sư	316
Thiên 7: Ứng Đế Vương	420